Lời nhà xuất bản

Năm nay Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân ta vui mừng tổ chức chúc thọ sinh nhật lần thứ 95 (25-8-1911 - 25-8-2006) của Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, người lính vâng mệnh Đảng và Bác Hồ lãnh trách nhiệm cầm quân từ lúc sinh thành "Đội quân thơ ấu", qua Cách mạng Tháng Tám, đến cuộc trường chinh đánh bại 10 đại tướng của hai đế quốc to là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Tài năng cầm quân và đạo đức cách mạng "dĩ công vi thượng", trong sáng, thuỷ chung của ông qua thời gian càng chói sáng, chiếm trọn niềm tin yêu của Đảng, của quân đội, của nhân dân và bạn bè quốc tế. Ông là một trong số ít các nhân vật trở thành huyền thoại ngay khi còn đang tại thế.

Sinh thời, Thượng tướng Trần Văn Trà, người cán bộ quân sự ưu tú nhiều năm lăn lộn ở chiến trường Nam Bộ, đã nói về Đại tướng Võ Nguyên Giáp: "Nhiều ý kiến có tầm nhìn xa trông rộng, sắc sảo và độc đáo của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ về chiến lược quân sự và về chiến thuật quân sự cần được giới sử học nghiên cứu thật công khai, thật công phu, thật công bằng và thật công tâm. Về phần mình, suốt hai cuộc kháng chiến, tôi chưa hề thấy Bí thư Quân uỷ Trung ương kiêm Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp mắc một sai lầm nào về chiến lược và chiến thuật quân sự; tôi chỉ thấy anh Văn đi những nước cờ bậc thầy vây hãm và tiến công quân địch".

Ở nước ngoài, giới sử học và cả các tướng lĩnh từng là đối thủ của ông trên chiến trường đã công bố nhiều công trình đánh giá rất cao tài thao lược của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhưng họ chưa giải đáp thoả đáng vấn đề vì sao cụ Hồ đã sớm "chọn mặt gửi vàng", đặt trọn niềm tin khi trao sứ mạng cầm quân cho một giáo sư sử học chưa từng qua một lớp đào tạo về quân sự, và vì sao Võ Nguyên Giáp đã thành công trong việc xây dựng và chỉ huy quân đội, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc trong từng giai đoạn chiến lược của cách mạng Việt Nam, từ khởi nghĩa toàn dân đến chiến tranh cách mạng, từ cuộc kháng chiến chống Pháp đến cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Đầu năm 2005, Đại tá Trần Trọng Trung từng công tác ở Tổng hành dinh ngay từ ngày đầu thành lập cơ quan tham mưu chiến lược, sau này trở thành nhà nghiên cứu có uy tín của Viện Khoa học quân sự - Bộ Quốc phòng trên cương vị Chủ nhiệm bộ môn Lịch sử chiến tranh, gửi đến Nhà xuất bản Chính trị quốc gia bản thảo ***Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh***, đồng thời gửi đến Văn phòng Đại tướng một bản thảo để báo cáo. Nhiều lần chúng tôi xin ý kiến để công bố công trình của Đại tá Trần Trọng Trung nhưng Đại tướng chưa đồng ý. Đầu năm 2006, lãnh đạo Nhà xuất bản lên thăm và chúc sức khoẻ Đại tướng nhân dịp đầu Xuân và một lần nữa xin ý kiến xuất bản cuốn sách để mừng thọ Đại tướng ở tuổi 95. Ông đồng ý với yêu cầu phải biên tập, sửa chữa kỹ theo hướng Đảng, Bác Hồ, quân đội và nhân dân ta mới thực sự vĩ đại, bởi vì chiến công là chiến công chung của dân tộc, mỗi người trên cương vị của mình có đóng góp một phần trong đó.

Quá trình biên tập của Nhà xuất bản đã tuân thủ ý kiến chỉ đạo của Đại tướng và thống nhất với tác giả khi công bố cuốn sách mang tiêu đề: ***Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp,*** vừa giản dị vừa đúng với cương vị của ông.

Với tư cách là một nhà nghiên cứu am tường lịch sử chiến tranh cách mạng và là người trong cuộc, bằng những tư liệu lịch sử chân thực của cả phía ta và phía đối phương, từ thực tế xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất, tác giả trình bày quá trình Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, chỉ huy toàn quân đánh thắng đội quân xâm lược nhà nghề của thực dân Pháp.

Xuất bản cuốn sách này vào đúng dịp sinh nhật lần thứ 95 của Đại tướng, chúng tôi xem đây như món quà mừng thọ Đại tướng và chúc ông mạnh khoẻ, sống lâu, chứng kiến những sự đổi thay vĩ đại của đất nước trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 8 năm 2006

Nhà xuất bản chính trị quốc gia

Chương mở đầu

Cuộc trường chinh đánh bại mười đại Tướng

Thủ đô Hà Nội - 26 năm sau ngày miền Nam giải phóng.

Chưa bao giờ báo chí lại rộ lên hàng loạt bài viết về Võ Nguyên Giáp như mấy tháng cuối năm 2001. Đó là dịp mừng thượng thọ Đại tướng, người anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam, vị Tổng Tư lệnh giành được lòng tin yêu trọn vẹn của quân và dân cả nước, lòng mến mộ của bạn bè quốc tế. Tháng 8-2001 này, ông tròn tuổi 90.

Tác giả các bài báo thật đa dạng, từ giới học giả, các tướng lĩnh, bạn học thuở thiếu thời, bạn chiến đấu trong suốt *trận đánh 30 năm*, đến người thân và lớp trẻ, thế hệ con cháu của ông. Dù chỉ xoay quanh một con người, nội dung các bài báo thật phong phú. Ai cũng muốn nói lên nét đặc sắc nhất về Võ Nguyên Giáp dưới góc nhìn của riêng mình, của ngành mình, địa phương mình. Bạn học và học trò cũ của ông nhớ lại bao kỷ niệm về "thầy Võ - anh Văn". Các nhà sử học viết về quan hệ giữa ông với Hồ Chí Minh, người đã chỉ dẫn từng đường đi nước bước cho Võ Nguyên Giáp, đã dạy ông về đạo đức người làm tướng. Giới quân sự viết về nhãn quan chiến lược và bản lĩnh cầm quân của ông, một thiên tài thao lược Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, đã chỉ huy toàn quân suốt cuộc trường chinh đánh bại 10 đại tướng của hai đế quốc to. Cán bộ y tế viết về Võ Nguyên Giáp với ngành y. Cán bộ an ninh kể chuyện bảo vệ Võ Nguyên Giáp trong những chuyến đi thăm bạn bè quốc tế, v.v.. Một người thân trong gia đình lục tìm và viết những mẩu chuyện xa xưa về "Võ Nguyên Giáp - quê hương - gia đình - tuổi thơ". Có nhà báo đi sâu tìm hiểu đời thường của vị tướng tuổi 90 mà vẫn minh mẫn, sáng sáng vẫn kiên trì giữ thói quen ngồi thiền, chiều đi bộ trong vườn, ngày vẫn làm việc ba, bốn tiếng, ăn năm bữa nhẹ cho dễ tiêu, thời gian còn lại đọc sách báo, xem tivi, chơi đàn dương cầm và vui với đàn cháu nhỏ...

Báo *Quân đội nhân dân* chọn ngày 25-8-2001 để đăng bài nói về không khí mừng thọ Võ Nguyên Giáp đúng vào ngày sinh nhật của ông:

"Ngay từ trước ngày sinh nhật thượng thọ, nhà Đại tướng lúc nào cũng đông khách. Đó là các nhà lãnh đạo, các tướng lĩnh, sĩ quan, các đại diện chính quyền, đoàn thể, các cụ bô lão, các cháu thiếu nhi, các gia đình cơ sở cách mạng, bà con, họ hàng thân thích... Cả khu nhà Đại tướng tràn ngập hoa. Có những bó hoa từ những người lính năm xưa từng chiến đấu bên cạnh Đại tướng, có bó hoa từ đầu nguồn Pác Bó, lại có những bó hoa từ người nước ngoài. Đó cũng là nét độc đáo, là điều hiếm quý của cuộc sống thuỷ chung, ân nghĩa dành cho vị Đại tướng đầu tiên của quân đội ta, dành cho người học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu".

Nhiều nhà nghiên cứu cũng nhân dịp này đọc lại các tác phẩm của Võ Nguyên Giáp trong kho tri thức quân sự ông để lại cho đời sau, hoặc tìm đọc cuốn sách nào đó của người nước ngoài viết về ông, dù chỉ là một tác phẩm giản đơn mang tính biên niên tiểu sử hay cuốn sách viết hoàn chỉnh về một gương mặt lớn trong lịch sử quân sự cách mạng Việt Nam hiện đại.

Trước đây đã từng có những nhà sử học hoặc chính khách nước ngoài đặt vấn đề xác minh lại tuổi đời của Võ Nguyên Giáp - ông sinh năm 1910, 1911 hay 1912? Thậm chí, trên Tạp chí *Thời sự chủ nhật* (*The Sunday Times* Magazine - 5-12-11-1972), sử gia Phốc (James Fox) còn quả quyết rằng do một sự tình cờ nào đó, ông ta đã tìm thấy giấy khai sinh của Võ Nguyên Giáp tại Pari, ghi rõ ông sinh ngày 1-9-1910. Câu chuyện bỗng đi, coi như chưa có lời giải trong giới nghiên cứu danh nhân thế giới. Thế rồi, nhân dịp mừng thượng thọ năm 2001 này, có bài báo nói

rõ, bà Đặng Bích Hà, phu nhân Đại tướng, đã dựa vào lời bà cụ thân sinh ông Giáp và kết quả tra cứu đối chiếu giữa "ngày ta" và "ngày tây" để khẳng định: đó là ngày 25-8-1911 (năm Tân Hợi). Và thế là người ta lại nhận ra có một sự trùng hợp lịch sử. Năm 1911 cũng là năm Cụ Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Vào ngày đặt chân lên hải cảng Đoongkéc[1], Hồ Chí Minh, khi đó còn là Văn Ba - Nguyễn Tất Thành, hẳn không hề biết rằng đúng vào ngày này, trên Tổ quốc mình một con người vừa chào đời và con người ấy, đúng 30 năm sau sẽ trở thành trợ thủ đắc lực của mình. Những năm sau này, có nhà nghiên cứu rất thích thú khi phát hiện sự hoán vị ngẫu nhiên của những con số: ông Giáp sinh ngày *25-8* và 37 năm sau, ông được phong quân hàm Đại tướng ngày *28-5*.

Bốn ngôi sao bạc Cụ Hồ thay mặt toàn dân ban cho năm 1948, được Võ Nguyên Giáp mang trên cầu vai suốt những năm tiếp theo của cuộc đời binh nghiệp, cho mãi đến ngày mừng thượng thọ hôm nay, khi mái tóc đã bạc trắng như mây.

Nói theo ngôn từ trong quân đội thì sự kiện ngày 28-5-1948 chỉ là "chính quy hoá" việc Cụ Hồ quyết định trước đó hơn 3 năm khi Cụ "giao cho chú Văn lập Đội Quân giải phóng" vào cuối năm 1944. Hồi đó, cùng với quyết định "chọn mặt gửi vàng", là những lời giáo huấn mang tính kim chỉ nam để Đội Quân giải phóng tồn tại, phát triển và chiến thắng: Có Đảng lãnh đạo, dựa chắc vào dân, đoàn kết kỷ luật. Nắm chắc "cẩm nang" đó trong cả cuộc đời cầm quân của mình, ông Giáp đã dẫn dắt đội quân mà hồi đó Cụ Hồ gọi là "đội quân thơ ấu" lớn lên nhanh chóng và đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trên suốt ba chặng đường đấu tranh vô cùng vẻ vang của dân tộc: chuẩn bị và thực hành vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, kháng chiến chống Pháp rồi kháng chiến chống Mỹ. Và trong cuộc trường chinh 30 năm ấy (1945-1975), đội quân cách mạng khởi đầu từ súng trường chân đất dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã buộc 10 vị đại tướng (7 Pháp + 3 Mỹ) phải thay nhau hứng chịu thất bại trên mảnh đất này.

*

* *

Hồi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngày ông Giáp vâng lệnh Cụ Hồ xuất quân từ Tân Trào về giải phóng Thái Nguyên cũng là ngày Tổng thống Đờ Gôn (Charles de Gaulle) cử viên tướng bốn sao Lơcle (Philippe Leclerc) cầm đầu quân viễn chinh Pháp sang tái chiếm Đông Dương. Từ tháng 9 năm ấy, Lơcle trở thành *đối thủ đầu tiên* của ông Giáp, khi đó là Chủ tịch Quân sự Uỷ viên hội kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ của chính quyền cách mạng vừa được thành lập.

Trong bối cảnh quân đội ta hồi đó trang bị còn rất thô sơ, kinh nghiệm chiến trận chưa có, cho nên không có gì đáng ngạc nhiên nếu quân đội nhà nghề của Pháp nhanh chóng mở rộng phạm vi chiếm đóng ở miền Nam. Cuối tháng 2-1946, Tổng Chỉ huy Lơcle vội vã tuyên bố: giai đoạn đánh chiếm đã xong, quân Pháp bắt đầu chuyển sang giai đoạn bình định và chuẩn bị tiến ra Bắc. Có một điều vô cùng quan trọng mà hồi đó cũng như suốt 30 năm sau, các tướng lĩnh Pháp và Mỹ đều không đánh giá đúng thực chất đó là, do lực lượng so sánh chênh lệch cho nên rất nhiều trường hợp quân ta có thể mất đất, nhưng mất đất mà không mất dân, mà còn dân là còn tất cả.

Ngay sau khi chiến sự bùng nổ ở Sài Gòn, Chủ tịch Quân sự Uỷ viên hội Võ Nguyên Giáp lệnh cho Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái tổ chức ngay những đoàn quân Nam tiến chi viện cho miền Nam. Ngày 26-9, tức chỉ ba ngày sau khi quân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, chuyến tàu đầu tiên đã rời ga Hàng Cỏ, hướng về Nam, cùng với những chiến sĩ ưu tú và những vũ khí tốt

nhất mà ta có lúc bấy giờ. Bài hát *Phất cờ Nam tiến* mà ông Giáp gợi ý cho ông Thái sáng tác hồi tiền khởi nghĩa, lại vang lên trong những đoàn tàu tốc hành vào Nam:

Cờ giải phóng phất cao mau thẳng tiến,

Trời phương Nam dân chúng đang mong chờ.

Tết Bính Tuất, Tết độc lập đầu tiên, Chủ tịch Quân sự ủy viên hội Võ Nguyên Giáp đi kinh lý miền Nam. Trước cục diện chiến trường đang bất lợi cả về thế và lực, ông chỉ thị cho cán bộ chỉ huy các mặt trận Tây Nguyên và Nam Trung Bộ không nên dùng binh lực lớn dàn thành tuyến ngăn chặn địch mà tổ chức ngay những đơn vị vừa và nhỏ, luồn vào vùng địch kiểm soát, dùng vũ trang tuyên truyền phục hồi cơ sở chính trị, phát động chiến tranh du kích, động viên nhân dân tham gia chiến đấu tiêu hao địch rộng rãi bằng mọi thứ vũ khí có trong tay. Nhờ thay đổi phương thức hoạt động mà những *lõm*[2] chính trị và vũ trang dần dần xuất hiện ngay trong quá trình *Hiệp định sơ bộ* 6-3 và*Tạm ước* 14-9 được ký kết, tạo nên thế mới và lực mới cho nhiều vùng ở miền Nam "khởi nghĩa lại". Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ thì thế và lực của cách mạng ở miền Nam đã khá vững vàng.

Tháng 7-1946, Tướng Lơcle bị triệu hồi không chỉ vì thất bại không thực hiện được ý đồ "chinh phục Nam Kỳ trong vòng vài ba tuần lễ" như đã từng tuyên bố khi vừa đặt chân đến Sài Gòn, mà còn vì lúc này nội các Pháp đã chuyển sang tay Biđôn - một người chủ chiến. Lơcle là Tổng Chỉ huy duy nhất ít nhiều đã thấy được tình hình thực tế, không tin rằng có thể chinh phục được Đông Dương bằng sức mạnh quân sự nên đã cùng ta thương lượng, tức là làm một việc không vừa lòng tập đoàn hiếu chiến Pháp, trong đó có Cao ủy Đácgiăngliơ và cả những người đã từng làm toàn quyền Đông Dương như Xarô (Albert Sarraut) hoặc ảnh hưởng chính trị còn rất lớn dù đã lui vào hậu trường, như Đờ Gôn. Tướng Lơcle ra đi, chức Tổng Chỉ huy chuyển sang tay Tướng Valuy (Etienne Valluy), người được Pari đánh giá là "có đủ năng lực gánh vác nhiệm vụ đặc biệt khó khăn là đánh bại ông Giáp và quân đội Việt Minh". Valuy là *đối thủ thứ hai* của ông Giáp. Khác với Lơcle, viên tướng này chủ trương dùng vũ lực, đặc biệt là chủ trương "đánh ngay", dứt điểm sớm. Khi còn là chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc Đông Dương, trung tuần tháng 4-1946, tức chỉ một tháng sau khi được phép đưa quân vào Hà Nội theo *Hiệp định sơ bộ*, Valuy đã chỉ thị cho cấp chỉ huy dưới quyền xây dựng kế hoạch tác chiến theo yêu cầu sẵn sàng biến tấn kịch chiến đấu có tính chất hoàn toàn quân sự thành một "màn đảo chính". Sau khi nhậm chức, nếu viên Tổng Chỉ huy mới này "thành công" trong việc dùng hành động quân sự để khiêu khích và lấn chiếm để rồi cuối cùng làm bùng nổ cuộc chiến tranh ra phạm vi cả nước thì Valuy đã phải chịu thất bại trong hai cuộc đấu trí, đấu lực đầu tiên với ông Giáp. Tháng 7-1946, vừa ngồi vào ghế Tổng Chỉ huy, Valuy đã cho dàn dựng một màn kịch cùng bọn tay sai làm đảo chính ngay ở Thủ đô Hà Nội, hòng nhanh chóng lật đổ chính quyền cách mạng giữa lúc Cụ Hồ đang cùng phái đoàn Việt Nam đàm phán ở bên Pháp. Được sự nhất trí của Tổng Bí thư Trường Chinh và Cụ quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng, ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Chủ tịch Quân sự Uỷ viên hội Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo các chiến sĩ an ninh và tự vệ tóm gọn bọn phản động và tay sai cùng với toàn bộ tang chứng bạo loạn, đập tan âm mưu đảo chính của Valuy và đồng bọn ngay từ trong trứng. Thất bại thứ hai có ý nghĩa chiến lược của Valuy là đã không tiêu diệt được đội quân kháng chiến nhỏ bé ngay trong thành phố Hà Nội sau ngày 19-12-1946. Bằng cách đánh du kích biến hoá trong từng căn nhà, từng đường phố, những chiến sĩ chân đất súng trường đã đứng vững trong lòng Thủ đô suốt hai tháng, vượt xa dự kiến ban đầu của lãnh đạo cả về thời gian bám trụ và về số lượng tiêu hao tiêu diệt địch, sau đó rời thành phố lui về căn cứ an toàn để rồi trở thành hạt giống đỏ của bộ đội chủ lực sau này.

Mùa hè năm 1947, Pari bắt đầu sốt ruột, vì trù liệu không thể tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh kéo dài và tốn kém. Người ta phái sang cho Valuy một phó tướng "rất am hiểu Đông Dương, nhất là vùng thượng du Bắc Kỳ", đó là Xalăng (Raoul Salan), viên sĩ quan thực dân loại cáo già đã từng là thiếu úy đồn trưởng Đình Lập (Lạng Sơn) từ những năm 1925-1930, nói được tiếng Tày, Nùng, đã từng uống rượu cần, hút thuốc phiện. Suốt mấy tháng hè -thu năm 1947, dựa vào sự hiểu biết của Xalăng, Bộ Chỉ huy Pháp dồn sức chuẩn bị đánh một đòn quyết định vào mùa khô. Cũng trong dịp này, ông Giáp cùng cơ quan Tổng hành dinh rời vùng ngoại thành Hà Nội, "thiên đô" lên Việt Bắc. Ngay trên từng chặng đường di chuyển đó, ông triệu tập mấy hội nghị quân sự, gồm cán bộ chỉ huy cấp khu, có khi tới cấp trung đoàn. Thực chất đây là những cuộc tập huấn ngắn ngày nhằm chỉ vẽ cho cán bộ quân sự ở Tổng hành dinh và cán bộ chỉ huy các đơn vị và địa phương biết cách "ứng xử" trước những vấn đề quân sự nóng hổi do chiến trường đặt ra, đôi khi rất khẩn trương. Dìu dắt cán bộ từng bước là nét nổi bật trong phong cách cầm quân của Võ Nguyên Giáp, nhất là trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, khi trình độ cán bộ quân sự nói chung còn rất hạn chế.

Mùa khô kháng chiến đầu tiên đã đến, mùa khô "đánh đòn quyết định" của Bộ Chỉ huy Pháp. Ngày 7-10-1947, gần 20.000 quân Pháp hình thành hai gọng kìm rất lớn (gọng kìm phía đông: Hà Nội - Lạng Sơn - Cao Bằng, chừng 400 km; gọng kìm phía tây: Hà Nội - Tuyên Quang - Chiêm Hoá, chừng 250 km) bao vây căn cứ địa kháng chiến, kết hợp với quân dù nhảy thẳng xuống trung tâm Việt Bắc (tức thị xã Bắc Cạn, mà phía Pháp lầm gọi là "thủ đô kháng chiến" vì cho rằng đó là nơi Cụ Hồ đóng đô) hòng "bắt gọn Chính phủ Hồ Chí Minh và tiêu diệt bộ đội chủ lực". Tình huống chiến lược đặc biệt khẩn trương này xảy ra đúng vào dịp Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đang đi kinh lý huyện Chiêm Hoá (Tuyên Quang).

Vừa trở về Tổng hành dinh, sau khi nghe báo cáo, phát hiện chỗ yếu chí tử của địch là binh lực nhiều nhưng rải ra trên một địa bàn rừng núi quá rộng, rất xa căn cứ đồng bằng, tiếp tế tăng viện khó khăn, ông Giáp báo cáo với Trung ương và Cụ Hồ, đề nghị thay đổi cách đánh. Địch dùng bộ binh cơ giới, quân dù, xe tăng và pháo binh tiến công ồ ạt, ta không thể đem chủ lực của khu và của bộ ra đối mặt với các mũi tiến công của địch như kế hoạch ngày 4-10 của bộ, mà nên dùng những đơn vị vừa và nhỏ, lấy phục kích địch trên các trục đường bộ và đường sông là chủ yếu, đồng thời đưa một số đại đội chủ lực xuống hoạt động độc lập ở các châu, huyện, với nhiệm vụ chủ yếu là chiến đấu tiêu hao địch đi đôi với dìu dắt lực lượng vũ trang địa phương phát động chiến tranh du kích đánh địch rộng rãi, động viên giúp đỡ nhân dân làm "vườn không nhà trống", cất giấu lương thực, phá hoại đường sá... Chỉ vài tuần sau khi quân ta triển khai lực lượng trên ba hướng đường số 4, đường số 3 và sông Lô - đường số 2, hàng vạn quân địch bị dồn vào tình thế ngày càng khó khăn vì thời tiết thượng du khắc nghiệt, sức khỏe giảm sút, thiếu tiếp tế tăng viện, lại luôn bất ngờ bị những đội quân biến hoá khôn lường (mà chúng gọi là "quân đội ma" - armée fantôme) lợi dụng rừng rậm núi cao tổ chức những trận phục kích tiêu hao hàng ngày, nên cuối cùng phải rút chạy khỏi Việt Bắc sau 75 ngày hành quân. Nhạy bén phát hiện phương thức tác chiến không sát đúng, kịp thời và kiên quyết thay đổi cách đánh cho phù hợp với thực tế chiến trường, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trong mùa khô đầu tiên của cuộc kháng chiến.

Đầu năm 1948, Cụ Hồ và Trung ương Đảng chủ trương phát động chiến tranh du kích rộng khắp trong cả nước nhằm động viên toàn dân tham gia chiến đấu, tiêu hao địch rộng rãi, buộc chúng phải phân tán binh lực đối phó ở nhiều nơi, hạn chế khả năng địch mở rộng phạm vi chiếm đóng và bình định vùng tạm chiếm, nhất là ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Ông Giáp đã thực hiện

chủ trương chiến lược này một cách đặc biệt sáng tạo. Với kinh nghiệm sốt dẻo chỉ đạo các đại đội được phân tán về hoạt động độc lập ở các châu, huyện trong Chiến dịch Việt Bắc vừa qua và kinh nghiệm vận động tổ chức quần chúng trong thời kỳ chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, ông đề nghị Trung ương cho phân tán một phần ba bộ đội chủ lực thành những đại đội độc lập làm chỗ dựa cho các đội vũ trang tuyên truyền, các ban xung phong công tác, tiến sâu vào vùng tạm bị chiếm, gây dựng lại cơ sở chính trị quần chúng, giúp đỡ cán bộ địa phương tổ chức lực lượng vũ trang bí mật, lập làng chiến đấu, đánh du kích, bảo vệ thôn xóm. Bằng phương thức hoạt động này, các tổ chức chính trị và vũ trang (mà địch gọi là "những chấm đỏ") dần dần xuất hiện ngày càng nhiều trên các tấm bản đồ chiến sự vùng địch hậu. Các trận chiến đấu tuy nhỏ, lẻ nhưng ngày càng phổ biến của lực lượng vũ trang tại chỗ đã thu hút một bộ phận quan trọng binh lực của địch vì chúng phải thường xuyên phân tán để đối phó, góp phần quan trọng đẩy Bộ Chỉ huy Pháp đứng trước nguy cơ khủng hoảng quân số ngày càng trầm trọng. Hai phần ba bộ đội chủ lực còn lại được duy trì ở quy mô tiểu đoàn tập trung và được rèn luyện từng bước trong các chiến dịch nhỏ quy mô 2 - 3 tiểu đoàn, vừa học tập đánh tập trung tiêu hao tiêu diệt địch, vừa rút kinh nghiệm trong thực tế chiến đấu. Hình thái chiến trường những năm 1948-1950 cho thấy, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp rất coi trọng vai trò chiến lược của chiến tranh du kích, nhưng ông không dừng lại ở "chủ nghĩa du kích" mà chủ động kết hợp từng bước chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy từ thấp lên cao[3]. Đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung là phương thức xây dựng lực lượng chưa từng thấy trong kho tàng kinh nghiệm quân sự đông tây kim cổ, mà là cách dùng binh riêng của Việt Nam, một sáng tạo của Võ Nguyên Giáp, nhằm tạo thế "kiềng ba chân" vững chắc cho lực lượng vũ trang ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Bằng biện pháp chiến lược này, ông vừa thực hiện được chủ trương của Trung ương về phát động chiến tranh du kích vừa duy trì được sự kết hợp thường xuyên chặt chẽ giữa hai phương thức tác chiến chiến lược: chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy - một loại chiến tranh chính quy Việt Nam, bắt đầu bằng các trận đánh tập trung quy mô nhỏ và vừa.

Chiếm đóng miền núi không được, làm chủ trung du và đồng bằng không xong, Tướng Valuy bị triệu hồi, Tướng Bledô (C. Blaizot) sang thay và trở thành *đối thủ thứ ba* của ông Giáp. Đúng dịp này, ở tuổi 37, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp được Cụ Hồ thay mặt Chính phủ và nhân dân phong quân hàm Đại tướng. Đây là lần phong quân hàm đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong cuộc đời binh nghiệp của ông.

Trải qua hơn 20 chiến dịch nhỏ, bộ đội chủ lực đã trưởng thành, đánh dấu bằng sự ra đời của hai đại đoàn chủ lực đầu tiên (Đại đoàn 308 - tháng 8-1949 và Đại đoàn 304 - tháng 3-1950). Trong khi đó, phía Pháp ngày càng đứng trước những khó khăn chồng chất. Chỉ mới sau 4 năm chiến tranh, Pari đã 12 lần thay đổi nội các. Trước tình thế không thể một mình theo đuổi cuộc chiến tranh kéo dài và tốn kém quá sức chịu đựng của ngân sách quốc gia, tháng 5-1949, Pari cử Tổng Tham mưu trưởng Rơve (C.Revers) sang lập kế hoạch từng bước đưa cuộc chiến tranh Đông Dương vào quỹ đạo của Mỹ, đồng thời triệu hồi Tướng Bledô, đưa Tướng Cácpăngchiê (M.Carpentier) sang làm Tổng Chỉ huy, "đứng mũi chịu sào" thực thi kế hoạch chiến lược Rơve[4]. Cácpăngchiê trở thành *đối thủ thứ tư* của ông Giáp đúng vào dịp những chuyến tàu viện trợ quân sự đầu tiên của Nhà Trắng và Lầu Năm Góc bắt đầu cập bến Sài Gòn và Hải Phòng. Chỉ một năm sau, bằng chiến dịch tiến công đầu tiên quy mô tương đối lớn (gần 2 đại đoàn) diễn ra mùa khô năm 1950 trên chiến trường Đông Bắc, tiêu diệt gần 10 tiểu đoàn Pháp và Âu - Phi, giải phóng con đường chiến lược số 4, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã buộc Tổng Chỉ huy Cácpăngchiê phải chấp nhận cái mà phía Pháp gọi là "thảm họa Cao Bằng" để rồi ngay sau đó bị triệu hồi về nước. Tháng 12 năm đó, Pari phải xuất một viên tướng tuổi đã 60, với năm sao bạc

trên cầu vai, sang cầm đầu quân viễn chinh với nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là "cứu lấy Đông Dương không để tuột khỏi Khối Liên hiệp Pháp". Viên lão tướng nổi tiếng này thuộc lớp đàn anh trong hàng tướng soái Pháp vì đã lập khá nhiều chiến tích trong Thế chiến 2, lại thuộc dòng dõi quý tộc Pháp đó là Đờlát (Jean Joseph Marie Gabriel Delattre de Tassigny). *Đối thủ thứ năm* này của ông Giáp được những người cầm đầu Nhà Trắng và Lầu Năm Góc coi là "sáng giá nhất" trong hàng ngũ tướng lĩnh Pari lúc bấy giờ, lại được cựu Toàn quyền Xarô và cựu Tổng thống Đờ Gôn hết sức ưu ái và tin cậy, căn dặn đủ điều hơn thiệt trước khi lên đường.

Đờlát có mặt ở Sài Gòn ngày 17-12-1950 cùng với một bộ máy chỉ huy hoàn toàn mới, gồm những sĩ quan cao cấp mà ông ta rất tin cậy thuộc Quân đoàn 1 do chính ông ta chỉ huy trước đây - vốn nổi danh vì thành tích cùng quân đội Đồng minh giải phóng Thủ đô Pari mùa thu năm 1944. Trong "bộ sậu" mới này, người ta lại thấy Xalăng, trên cương vị phó tướng của Đờlát. Để thể hiện quyết tâm bảo vệ bằng được cái mà bọn thực dân ở Pari gọi là "bông hoa đẹp nhất trong vườn hoa thuộc địa Pháp", đặc biệt là để thực sự làm chủ vùng châu thổ sông Hồng mà giới quân sự Pháp thường ca ngợi là vùng đồng bằng có ích, Đờlát vạch ra một kế hoạch chiến lược quan trọng với tham vọng giành lại quyền chủ động chiến lược đã rơi vào tay ông Giáp[5]. Nét nổi bật trong kế hoạch này là, trên cơ sở tranh thủ sự viện trợ ngày càng tăng của đế quốc Mỹ, xây dựng một phòng tuyến bêtông vây quanh đồng bằng Bắc Bộ và phát triển quân đội tay sai với quy mô lớn chưa từng thấy kể từ đầu chiến tranh hòng khắc phục nạn khủng hoảng binh lực ngày càng trầm trọng. Điểm mới của kế hoạch Đờlát là, lần đầu tiên xuất hiện cụm từ *Việt Nam hoá chiến tranh* (Vietnamisation), nói lên âm mưu dựa vào viện trợ của đế quốc Mỹ để xây dựng một đội quân tay sai bản xứ ngày càng lớn. Đờlát là người đi đầu trong việc tạo điều kiện cho đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Sau này, liên hệ những việc làm của Đờlát đầu thập kỷ 50 của thế kỷ XX với cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ hơn chục năm sau, trong cuốn *Đường tới Điện Biên Phủ*, ông Giáp nhận xét rằng: "Với việc mở đường cho thực dân mới vào Việt Nam, Đờlát đã mang đến cho ta một hiểm hoạ lâu dài".

Một thuận lợi rất cơ bản đối với Đờlát là, ngay từ những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, ông ta đã có mối quan hệ rất thân quen với nhiều tướng lĩnh hàng đầu của Đồng minh, như tướng Mỹ Aixenhao (Eisenhower), tướng Anh Mônggômêry (Montgomery)..., những người luôn sẵn sàng gây sức ép với chính quyền nhằm đáp ứng yêu cầu viện trợ cho Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Thực tế cho thấy, kết quả viện trợ "hết mình" của Mỹ và Anh là điều kiện cơ bản nhất giúp cho Đờlát triển khai khá thuận lợi kế hoạch chiến lược nói trên. Tuy nhiên, trong mấy tháng xuân - hè năm 1951, việc triển khai kế hoạch Đờlát gặp không ít khó khăn vì quân ta mở liền ba chiến dịch tiến công trên các chiến trường trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Trong cả ba chiến dịch đó, điểm nổi bật là Tổng Chỉ huy Pháp đã tận dụng điều kiện địa hình thuận lợi để cơ động lực lượng ứng cứu và phát huy sức mạnh tối đa của binh khí, kỹ thuật hòng dựng lại tinh thần của ba quân đã suy sụp nghiêm trọng sau thất bại ở biên giới mùa khô năm trước.

Lần đối phó quyết liệt đầu tiên là khi ông Giáp mở chiến dịch tiến công trên địa bàn Vĩnh Yên (Chiến dịch Trần Hưng Đạo - tháng 1-1951). Hằng ngày, Đờlát và Xalăng thay nhau bay đi bay về như con thoi giữa Vĩnh Yên và Hà Nội. Việc Tổng Chỉ huy trực tiếp có mặt ở nơi có tiếng súng là chuyện hiếm thấy ở các vị tổng chỉ huy trước Đờlát. Thế mà hai viên tướng này có ngày (như ngày 15-1) đi về tới ba lần. Rồi hàng chục tiểu đoàn được cấp tốc điều đến cứu viện. Tướng Baiip (Baillif, chỉ huy phó chiến trường Nam Bộ) được lệnh ra ngay miền Bắc để trực tiếp điều hành cuộc chiến ở Vĩnh Yên. Trên một vùng trung du nhỏ hẹp như vậy mà Pháp tiến hành tới 250 phi vụ oanh tạc, có ngày máy bay ném bom xuất kích tới 80 lần/chiếc, pháo binh Pháp đã bắn 50.000

viên đại bác 105 mm, 200.000 viên 75 mm. Lần đầu tiên bom cháy (napalm) được đem ra sử dụng. Nhưng rồi, như sau này Tướng Xalăng viết trong hồi ký, Đờlát đã phải thú nhận với phó tướng rằng ông ta lo lắng về số thương vong quá nhiều của quân Pháp và Âu - Phi ở Vĩnh Yên, rằng trận Vĩnh Yên để lại nhiều vấn đề quan trọng, rất đáng học tập, không thể xem nhẹ. Còn Xalăng thì đánh giá sự kiện Vĩnh Yên cho thấy "quân đội Việt Minh đại diện cho một sức mạnh mà chúng ta (Pháp) không thể coi thường. Tất cả chiến binh của họ được giáo dục tốt tới mức có một tinh thần chiến đấu kỳ lạ. Điều đó đã gây ấn tượng sâu sắc và ảnh hưởng lớn đến tinh thần lính Bắc Phi. Chính tướng quân (tức Đờlát) cũng bị kích động bởi nhiệt tình chiến đấu, lối đánh thông minh của người lính Việt Minh trong tiến công cả ban ngày và ban đêm, v.v..".

Cuộc đọ sức thứ hai diễn ra hai tháng sau, trên hướng đường 18 và vùng duyên hải Đông Bắc. Ông Giáp mở Chiến dịch Hoàng Hoa Thámđúng dịp Đờlát đang về Pháp cầu viện. Được tin "vùng mỏ bùng cháy", Đờlát vội rời Pari lật đật lên đường để có mặt ở Hà Nội tối 26-3 rồi lao xuống Hải Phòng trực tiếp điều binh khiển tướng đối phó với cuộc tiến công đang lan rộng của đối phương. Đô đốc Oóctôli (Ortoli) được cấp tốc gọi đến. Mọi phương tiện hỏa lực, kể cả pháo của hải quân và thủy đội xung kích đều được huy động để cứu nguy cho Mạo Khê, Bí Chợ, Tràng Bạch... Thêm một điều bất ngờ đối với Đờlát là chỉ hai tháng sau, ông Giáp lại mở chiến dịch mới ở hướng Hà Nam Ninh (Chiến dịch Quang Trung) và trong cuộc đọ sức thứ ba này, nỗi đau không gì hàn gắn được đối với Tướng Đờlát là đứa con duy nhất và cuối cùng của dòng họ là Bécna Đờlát (Bernard Delattre, 23 tuổi) đã bị chết trong trận đánh ở mỏm núi Thúy (Gối Hạc) ngày 30-5. Theo nhận xét của Xalăng, sau khi đưa xác con về Pháp rồi trở lại chiến trường, Tổng Chỉ huy suy sụp cả về tinh thần và thể chất, nhất là khi bệnh ung thư tái phát.

Đến cuối năm 1951, việc xây dựng cơ sở vật chất của kế hoạch chiến lược của Đờlát về cơ bản đã hoàn thành. 28 trong tổng số 45 tiểu đoàn quân đội tay sai đã được xây dựng và bước đầu được tổ chức thành 4 sư đoàn, do sĩ quan Pháp chỉ huy. Quân Pháp và Âu - Phi dần dần được tổ chức thành 7 GM[6]. và trở thành lực lượng chủ yếu được Đờlát tung ra để đối phó với các chiến dịch tiến công xuân - hè của đối phương. Phòng tuyến boongke đã hình thành về cơ bản, với trên 80 vị trí (khoảng 800 lô cốt) kéo dài từ Tiên Yên - Móng Cái lên Việt Trì - Sơn Tây rồi quặt xuống Ninh Bình - Phát Diệm. 25 tiểu đoàn Âu - Phi bị chôn chân ở đây cùng với rất nhiều trang bị kỹ thuật để bảo vệ phòng tuyến. Hàng loạt cuộc hành binh càn quét quy mô lớn thường xuyên diễn ra bên trong phòng tuyến, nhằm "quét sạch những*chấm đỏ*, ổn định hậu phương". Mọi thủ đoạn dã man tàn ác đã diễn ra trong những cuộc càn quét này: đốt phá thóc lúa, bắn giết trâu bò, phá hoại nông cụ, tàn sát nhân dân và đặc biệt là bắt lính để phát triển quân đội tay sai.

Bước sang tháng 11-1951, mặc dù kế hoạch chiến lược chưa thật mười phần hoàn tất, nhưng Pari thúc giục Tổng Chỉ huy Pháp phải ra quân để giành lại quyền chủ động chiến lược từ tay ông Giáp. Thế là Tướng Đờlát quyết định cái mà ông ta gọi là "đánh một canh bạc lớn", cụ thể là đem hơn 30 tiểu đoàn ra ngoài phòng tuyến boongke, chiếm thị xã Hoà Bình và hai trục đường số 6 và sông Đà, với ý đồ "bẻ Việt Minh ra làm đôi". Ngày 15-11, cuộc hành quân kết thúc, Tướng Đờlát họp báo tuyên bố: "Tôi đã tóm cổ được quân địch". Hôm sau ông ta thân chinh ra thị xã Hoà Bình, động viên ba quân "hãy củng cố công sự cho thật vững chắc và chờ đợi cuộc đụng độ với Việt Minh". Nói rồi, bốn ngày sau, ông ta rời Sài Gòn về Pháp chữa bệnh, quyền Tổng Chỉ huy tạm chuyển sang tay Phó tướng Xalăng.

Trong *Thư gửi các cán bộ, chiến sĩ chủ lực và dân quân, du kích trong Chiến dịch Hoà Bình,* Cụ Hồ viết: "Trước kia, ta phải lừa địch, ra mà đánh. Nay địch tự ra cho ta đánh. Đó là cơ hội rất tốt cho ta..."[7]. Sau này được biết, Tướng Đờlát hy vọng ông Giáp dồn sức đánh vào tập đoàn cứ

điểm (6 tiểu đoàn tinh nhuệ trong công sự bêtông cùng rất nhiều binh khí, kỹ thuật) mà ông ta vừa cho xây dựng trong thị xã Hoà Bình. Đó cũng chính là hy vọng đạt được ý đồ "bẻ gãy Việt Minh" (casser le Viet). Nhưng, như nhận xét của ký giả kiêm sử gia Bécna Phôn (Bernard Fall): Ông Giáp có phương pháp riêng của mình. Ông không giao chiến ngay nếu không ưu thế về lực lượng. Khi đã để cho quân Pháp tung hết sức đánh vào chỗ không người trên chiến trường rừng núi, tức là tạo cho ông một khả năng chiến thắng như ở đường số 4 năm 1950, ông Giáp mới điều gần hết quân chính quy ra mặt trận Hoà Bình với một tốc độ nhanh kinh khủng... Khi giao nhiệm vụ tác chiến chiến dịch, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp động viên tư lệnh các đại đoàn: Chúng ta phải quyết tâm biến sông Đà thành sông Lô, biến đường số 6 thành đường số 4[8].

Tướng Đờlát cứ hy vọng, trong khi Tướng Giáp có phong cách cầm quân riêng của mình, ngoài tầm suy nghĩ của tướng lĩnh Pháp. Lượng sức mình, ông Giáp tạm thời tránh chỗ mạnh của địch là tập đoàn cứ điểm Hoà Bình, tập trung đánh mạnh trên hai trục giao thông trên bộ và trên sông, đặc biệt là đánh liên tục các đoàn tàu, đoàn xe vận tải của quân Pháp trên đường số 6 (mà họ gọi là ống thực quản khô) và trên sông Đà (ống thực quản ướt). Đó là hai con đường tiếp tế huyết mạch nuôi sống toàn bộ quân Pháp trên mặt trận Hoà Bình. Cũng trong dịp này, xuất hiện thêm một nét đặc sắc trong nghệ thuật cầm quân của Võ Nguyên Giáp. Phán đoán tình hình vùng sau lưng địch sơ hở vì chúng dồn quân ra mặt trận phía trước, ông cho hai đại đoàn luồn qua phòng tuyến boongke tiến sâu vào vùng trung du và đồng bằng sông Hồng, phối hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ tiêu diệt rất nhiều đồn bốt của địch, giải phóng gần 2 triệu dân trên một diện tích 4.000 km^2 trong vùng địch hậu. Bị đánh mạnh trên cả hai mặt trận, Tướng Xalăng điều các GM 1, 3, 4, 7 như đèn cù từ trong phòng tuyến ra ngoài rồi lại từ ngoài trở vào để đối phó nhưng vẫn không cứu vãn được tình thế. Cái dạ dày Hoà Bình có nguy cơ bị teo đi vì cả hai "ống thực quản" bị khống chế gay gắt, có thể bị cắt đứt hẳn. Đúng lúc đó thì từ Pari bay sang một tin sét đánh: Tướng Đờlát đờ Tátxinhi đã về chầu Chúa ngày 11-1-1952. Lập tức Xalăng quyết định thu hẹp dần thế chiếm đóng và cuối cùng cho quân rút chạy khỏi mặt trận Hoà Bình ngày 22-2. Bécna Phôn để lộ một chi tiết: Để bảo đảm cho khối quân chừng 20.000 tên tháo chạy an toàn trong suốt ba ngày, Pháp đã phải bắn trên 30.000 viên đại bác suốt từ Hoà Bình, dọc đường số 6 về đến Xuân Mai. Sau này, trong hồi ký, Tướng Xalăng thú nhận, chỉ đến 6 giờ sáng ngày 25-2, khi đơn vị cuối cùng thoát chết chạy qua ngã tư Xuân Mai, "tôi mới thở phào nhẹ nhõm vì vừa trút được một gánh nặng".

Đó là sự thú nhận "thật thà" về thất bại của cuộc tiến công đánh chiếm Hoà Bình cũng tức là thất bại trong ý đồ giành lại quyền chủ động chiến lược. Bécna Phôn dẫn lời một sĩ quan cao cấp Pháp nói rằng: Với kết quả của "ván bài phiêu lưu" này, tôi nghĩ rằng Tướng Đờlát đã chết đúng lúc để khỏi phải chứng kiến thất bại của mình và buộc phải về vườn.

Được Pari tạm giao quyền từ tháng 1-1952 và giao chính thức từ tháng 4, Tướng Xalăng trở thành *đối thủ thứ sáu* của ông Giáp. Nỗi lo ngày đêm của Tướng Xalăng là làm sao cho vùng châu thổ sông Hồng khỏi tiếp tục bị "ruỗng nát" (pourrissement). Thế rồi chưa bao giờ những cuộc càn quét diễn ra khốc liệt như xuân - hè năm 1952, gây cho ta rất nhiều tổn thất trong vùng sau lưng địch. Dự kiến tình hình vùng địch hậu sẽ gặp khó khăn sau khi quân Pháp từ Hoà Bình rút về đồng bằng, ông Giáp đã dựa theo tinh thần chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 28-2-1952 chỉ đạo các cơ quan Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh phối hợp với các ngành hữu quan vận dụng nhiều biện pháp tích cực, kiên quyết duy trì thế và lực cách mạng trong vùng tạm bị chiếm. Do Tổng hành dinh triển khai khẩn trương Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương về tình hình, nhiệm vụ chung và về nhiệm vụ quân sự trước mắt[9] và quán triệt phương châm đấu tranh trong vùng sau lưng địch, lại do việc tổ chức hội nghị chuyên đề về chiến tranh du kích và

chủ trương cử các đoàn cán bộ vào địch hậu trực tiếp chỉ đạo các địa phương bám đất, bám dân, giữ vững cơ sở chính trị và vũ trang bí mật, duy trì phong trào chiến tranh du kích đánh địch, chống càn v.v. mà quân và dân vùng sau lưng địch đã hạn chế được nhiều khó khăn do địch càn quét bình định gây nên. Suốt 7 năm, chưa bao giờ sự chỉ đạo của Tổng Tư lệnh đối với vùng địch hậu khẩn trương và sâu sát, cụ thể như thế. "Bước chân du kích" phải tiến kịp và hỗ trợ cho "bước chân chính quy".

Mùa khô đến, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đứng trước một câu hỏi lớn: Đâu là hướng tiến công chiến lược của các binh đoàn chủ lực? Trong tay Bộ Thống soái có 6 đại đoàn dự bị chiến lược, phải chọn hướng tiến công nào có thể tạo nên một chuyển biến có tầm chiến lược, không thể trở về "đánh nhỏ" như có ý kiến khêu gợi của bạn. Từ những kết luận về khó khăn trên chiến trường trung du và đồng bằng trong xuân - hè năm 1951 và những thuận lợi trên chiến trường rừng núi Hoà Bình vừa qua, mùa khô này ông đi đến một quyết định có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng, đó là đề nghị với Trung ương cho chuyển hướng tiến công của bộ đội chủ lực lên chiến trường rừng núi miền Tây - một địa bàn có tầm chiến lược quan trọng đặc biệt về chiến lược mà ông đã quan tâm ngay từ những ngày sau Cách mạng Tháng Tám. Với sự chuyển hướng đó, Chiến dịch Tây Bắc cuối năm 1952 và chiến dịch phối hợp với quân đội Pathét Lào trên hướng Sầm Nưa (Thượng Lào) mùa hè năm 1953, là hai đòn tiến công không chỉ đem lại kết quả rất lớn về giải phóng nhân dân và giải phóng đất đai có ý nghĩa chiến lược, tạo điều kiện xây dựng một căn cứ địa rộng lớn trên miền Tây Bắc của Tổ quốc mà còn giúp cách mạng nước bạn một chỗ đứng chân vững chắc ở Bắc Lào và đặc biệt là tạo thế chiến trường thuận lợi cho việc triển khai các kế hoạch chiến lược tiếp theo, trong đó có Chiến dịch Điện Biên Phủ sau này.

Đúng vào những ngày ông Giáp đang chỉ đạo bộ đội truy kích địch trên chặng đường 270 km trong Chiến dịch Sầm Nưa (Thượng Lào) thì Pari lại quyết định thay tướng. Raun Xalăng ra đi, quyền Tổng Chỉ huy chuyển sang tay Tướng Nava (Henri Navarre), một viên tướng trẻ, trưởng thành từ nghề tình báo, có tiếng là tài ba về nhãn quan chiến lược, không những được Thống chế Gioăng (Alphonse Juin) đích thân tiến cử mà còn được Tổng thống Mỹ Aixenhao gửi điện chúc mừng. Ngày 7-5-1953, khi giao nhiệm vụ cho Nava, Thủ tướng Mayê (R. Mayer) chỉ nêu một yêu cầu rất thấp: “Hãy giúp Chính phủ tìm ra một lối thoát danh dự”. Lối thoát danh dự là gì? Và nhất là thoát như thế nào? Tự tướng quân tìm ra đáp số. Kể từ ngày 7-5 đáng ghi nhớ ấy, Đại tướng Tổng Chỉ huy H.Nava trở thành *đối thủ thứ bảy, đối thủ Pháp cuối cùng* của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp.

Tướng Nava xuất hiện trên chiến trường Đông Dương với những sự kiện và những con số thật đáng chú ý. Chỉ sau một tháng nghiên cứu, kế hoạch chiến lược 18 tháng được xây dựng xong và nhanh chóng được tập thể Hội đồng Quốc phòng thông qua[10]. Điều kiện quan trọng nhất để thực thi kế hoạch đó vẫn là viện trợ Mỹ và lần đầu tiên Oasinhtơn hào phóng đảm nhận tới 78% chiến phí của Pháp ở Đông Dương. Do đó, chỉ hơn nửa năm, binh lực của Pháp và tay sai đã phát triển lên tới 48 vạn, gồm 286 tiểu đoàn các loại, trong đó khối cơ động chiến lược (báo chí phương Tây gọi là quả đấm chiến lược) lên tới gần 50 tiểu đoàn, phần lớn tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ. Thật dễ hiểu vì sao Tướng Nava lớn tiếng tuyên bố: “Quyết chơi với ông Giáp một ván bài toàn hồng”.

Lần đầu tiên Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đứng trước một đối thủ lắm tiền, đông quân, nhiều súng như thế. Vấn đề đặt ra là phải làm sao vô hiệu hoá được khối cơ động chiến lược khổng lồ đó của Nava. Cụ Hồ chỉ thị: Mở chiến dịch trên nhiều hướng chiến lược quan trọng buộc địch phải phân tán binh lực đối phó. Bước vào mùa khô 1953-1954, sau 8 - 9 năm chiến tranh, lần đầu

tiên ông Giáp đưa các đại đoàn chủ lực ra đánh năm đòn đồng thời, liên tiếp và hỗ trợ lẫn nhau giữa năm hướng chiến lược trên các chiến trường rừng núi: Tây Bắc, Trung Lào, Hạ Lào, Tây Nguyên và Thượng Lào, đồng thời chỉ đạo quân dân vùng địch hậu trong cả nước đánh mạnh để giam chân địch, hỗ trợ cho các chiến dịch tiến công phía trước. Mỗi lần Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra đòn là một lần Bộ Chỉ huy Pháp phải tung quân đi chữa cháy, khiến "cái hầu bao cơ động chiến lược" mà Nava dày công ky cóp cứ teo dần, teo dần. Chỉ mới ra quân đấu trí, đấu lực với Tổng Chỉ huy mới trong đợt đầu của chiến cuộc đông - xuân 1953-1954, ông Giáp đã biến hơn 40 tiểu đoàn cơ động của Tướng Nava từ chỗ tập trung dày đặc trên một chiến trường trọng điểm là đồng bằng Bắc Bộ, đến chỗ bị chia năm xẻ bảy lên chôn chân trên các chiến trường rừng núi khắp Đông Dương, từ Điện Biên Phủ, Luông Prabang, Mường Sài, đến Sênô, Plâyku, An Khê, Pắcxế. Trước khi bước vào Chiến dịch Điện Biên Phủ, trong tay Tổng Chỉ huy Pháp chỉ còn ngót 20 tiểu đoàn dự bị, tuy vẫn tập trung ở đồng bằng sông Hồng nhưng không còn phát huy được chức năng cơ động nữa vì luôn bị căng mỏng đối phó với chiến tranh du kích, nhất là dọc con đường chiến lược số 5. Binh lực tăng viện cho các hướng đã rất hạn chế, kể cả khi Điện Biên Phủ trở thành trung tâm điểm của kế hoạch Nava. Trong đợt 1 của cuộc đấu trí, đấu lực mùa khô 1953-1954, Nava đã thua một bước cơ bản. Ông ta quyết dồn tâm lực vào bước tiếp theo - bước quyết định. Và những nước cờ cuối cùng phân thắng bại giữa hai đại tướng trên cánh đồng Mường Thanh cũng đồng thời là những nước cờ quyết định số phận của kế hoạch chiến lược của đối thủ Pháp cuối cùng của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp.

Khi ông Giáp mở chiến dịch giải phóng Lai Châu, Tướng Nava vội vã ném 6 tiểu đoàn xuống cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ) với lý do công khai ban đầu là để ngăn không cho chủ lực đối phương tiến quân sang Thượng Lào. Chừng nửa tháng sau, Nava đi đến một quyết tâm mới có tầm quan trọng đặc biệt - một ý đồ chiến lược không có trong kế hoạch ban đầu - đó là xây dựng trên cánh đồng Mường Thanh một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, làm cái "nhọt hút nọc độc", nhằm thu hút quân chủ lực đối phương lên, trước mắt là để đỡ đòn cho đồng bằng, sau nữa nếu đối phương dám "húc" vào đây thì chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Nava rất tin vào điều đó vì lẽ giản đơn là ông Giáp chưa có kinh nghiệm đánh tập đoàn cứ điểm, nhất là tập đoàn cứ điểm mạnh. Hồi quân Pháp đánh ra Hoà Bình, ông Giáp đã tránh tập đoàn cứ điểm lần đầu xuất hiện. Trong Chiến dịch Tây Bắc (cuối năm 1952) sau khi thử sức đánh vài cứ điểm vành ngoài tập đoàn cứ điểm Nà Sản, thấy không chắc thắng, ông không cho đánh tiếp. Mùa hè năm 1953, ông quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa, nhưng khi các đại đoàn hành quân đến còn cách mục tiêu chừng 10 km thì quân Pháp đã bỏ chạy, ông Giáp hạ lệnh truy kích suốt 7 ngày đêm đến tận sát Cánh Đồng Chum. Kết quả là gần như toàn bộ quân địch rút chạy khỏi Sầm Nưa bị tiêu diệt nhưng ý định đánh tập đoàn cứ điểm không thành.

ý đồ chiến lược của Nava nảy sinh đầu tháng 12-1953 dẫn đến quyết tâm xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, gồm 49 cứ điểm kiên cố với tất cả binh khí, kỹ thuật hiện đại có thể huy động được, cùng 1,6 vạn quân tinh nhuệ, mạnh hơn rất nhiều so với các tập đoàn cứ điểm Hoà Bình, Nà Sản và Sầm Nưa trước đây, mạnh tới mức các quan chức quân sự và dân sự Pháp và Mỹ đến thăm đều khẳng định Điện Biên Phủ quả là một "pháo đài bất khả xâm phạm", là một cái "máy nghiền" (broyeuse), sẵn sàng nghiền nát đối phương nếu họ "dám" đụng vào đây. Các chuyên gia thân tín đủ loại của Tướng Nava cũng đồng tình với nhau rằng ông Giáp làm sao đưa được pháo vượt qua những rặng núi cao và hiểm trở xung quanh Mường Thanh để vào trận địa; rằng đường xa, phương tiện vận tải thô sơ, làm sao bảo đảm tiếp tế cho mấy vạn quân đánh dài ngày, v.v..

Về phía ta, kế hoạch tác chiến ban đầu của cơ quan tham mưu là đưa một đại đoàn vào hướng tây, hai đại đoàn vào hướng đông cánh đồng Mường Thanh, tiến công đồng loạt với quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch trong tập đoàn cứ điểm trong vòng vài ba ngày đêm, theo phương châm đánh nhanh giải quyết nhanh. Kế hoạch đó đã được phổ biến tới cán bộ các cấp và mọi công tác chuẩn bị đều hướng theo phương châm đó. Thế nhưng, sau 12 ngày bám sát diễn biến của địch trên cánh đồng Mường Thanh và cân nhắc mọi nhẽ, thấy tình hình địch đã thay đổi, ông Giáp đi đến kết luận: đánh theo chiến thuật "biển người" không bảo đảm 100% chắc thắng. Nhớ lại và suy nghĩ về lời dặn của Cụ Hồ trước khi lên đường, ông Giáp đi đến "một quyết định khó khăn nhất" trong cuộc đời cầm quân của mình, đó là tạm đình chỉ cuộc tiến công và thay đổi phương châm tác chiến chiến dịch, từ đánh nhanh giải quyết nhanh sang đánh chắc tiến chắc. Sáng hôm sau, trải qua nhiều giờ trao đổi, thảo luận, thuyết phục, cuối cùng ông đã cùng tập thể Đảng ủy Mặt trận nhất trí quyết định thay đổi cách đánh. Vào thời điểm mà công tác tổ chức, kế hoạch, công tác động viên chính trị - tư tưởng đã căn bản hoàn tất để mấy vạn quân sẵn sàng xuất kích, việc hạ lệnh cho các đại đoàn rời khỏi trận địa và kéo pháo trở về vị trí tập kết rõ ràng là một quyết định không đơn giản. Trong giờ phút có ý nghĩa quyết định thành bại của chiến dịch có tính chiến lược hết sức trọng đại như vậy, phải có một tinh thần thực sự cầu thị, một ý thức trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân và trước xương máu chiến sĩ, đồng thời phải có một tinh thần dũng cảm, tự tin và quyết đoán rất cao, mới dẫn dắt được toàn quân đi đến thắng lợi.

Phải trải qua gần 50 ngày đêm khẩn trương tiếp tục chuẩn bị và đến khi đã khẳng định đầy đủ các yếu tố thắng lợi, chiều ngày 13-3-1954, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp mới hạ lệnh cho bộ đội mở màn chiến dịch. 56 ngày đêm diễn biến của Chiến dịch Điện Biên Phủ là quá trình ông Giáp cùng Đảng ủy Mặt trận chỉ đạo vận dụng mọi biện pháp tích cực và sáng tạo nhằm từng bước hạn chế chỗ mạnh về binh khí, kỹ thuật của quân Pháp, vô hiệu hoá tính vững chắc của hệ thống phòng thủ hiện đại của tập đoàn cứ điểm, hạn chế rồi triệt hẳn nguồn tiếp tế tăng viện duy nhất bằng không quân của địch và làm thất bại mọi ý đồ giải tỏa và tháo chạy của chúng. Cùng toàn quân giành thắng lợi vang dội trên chiến trường Điện Biên Phủ, niềm tự hào lớn nhất của ông là đã chấp hành nghiêm chỉnh và trọn vẹn chỉ thị của Cụ Hồ khi lên đường ra trận: Chỉ được đánh thắng.

Mấy chục năm sau, qua những lần hội thảo, qua những trang hồi ký, cán bộ cấp đại đoàn tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ mới bộc bạch những suy nghĩ của mình. Tướng Vương Thừa Vũ nói: Nếu hồi đó cứ “đánh nhanh giải quyết nhanh” thì cuộc kháng chiến chống Pháp có thể lùi lại 10 năm. Còn theo Tướng Lê Trọng Tấn, "nếu không có quyết định thay đổi phương châm thì phần lớn cán bộ chúng tôi đã không có mặt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ", nghĩa là đã ngã xuống cánh đồng Mường Thanh. 29 năm sau, ngày 8-4-1983, trên tờ báo Pháp*Người quan sát mới*, người ta thấy hai ký giả Pháp là Buđaren và Cavigliôli (G. Boudarel - F.Caviglioli) viết bài nhan đề "Tướng Giáp suýt thua trận ở Điện Biên Phủ", kể chi tiết diễn biến của việc thay đổi phương châm tác chiến của ta và kết luận: "Võ Nguyên Giáp vừa là một vị tướng vĩ đại vừa là một nhà chính trị vĩ đại vì ông dám thừa nhận và sửa chữa sai lầm mà không khư khư bám lấy một luận thuyết, đã dám khước từ “chiến thuật biển người” không phù hợp với điều kiện Việt Nam".

Một sự trùng hợp kỳ lạ và hiếm thấy. Ngày chiến thắng của ông Giáp ở Điện Biên Phủ, ngày 7-5-1954, cũng là ngày đúng một năm trước, Tướng Hăngri Nava nhận trọng trách sang Đông Dương. Thất bại của quân Pháp ở Điện Biên Phủ kéo theo sự sụp đổ hoàn toàn của kế hoạch chiến lược 18 tháng, niềm hy vọng không riêng của Pari mà của cả Oasinhtơn. Hai tháng sau, hiệp định hoà bình được ký kết, chấm dứt quá trình Đại tướng Võ Nguyên Giáp lần lượt đánh

thắng 7 đại tướng Pháp trong suốt 9 năm đấu trí, đấu lực, trong đó có 5 năm cả Pari và Sài Gòn được Oasinhtơn hết lòng tiếp sức.

Sau này, Cơri (Cecil B.Currey), tác giả cuốn *Chiến thắng bằng mọi giá*[11] đã từng hỏi ông Giáp về học vấn quân sự đã giúp ông chiến thắng quân viễn chinh Pháp. Ông trả lời ngắn gọn rằng: Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, "học viện" duy nhất ông theo học là ở trong rừng. Chính tại "học viện trong rừng" ấy mà ông và tập thể lãnh đạo kháng chiến đã ôn lại những bài học của các nhà chiến lược quân sự tiền bối của dân tộc Việt Nam, kết hợp với những quan điểm quân sự mácxít chính thống mà vận dụng vào thực tế chiến trường để giành thắng lợi.

*
* *

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tại miền Nam Việt Nam ngay từ giữa năm 1954 đã bắt đầu quá trình *Pháp chưa đi - Diệm đã về - Mỹ đã tới*, với những âm mưu thâm độc chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Người dân miền Nam không được hưởng một ngày thực sự hoà bình. *Hiệp định Giơnevơ* chưa ráo mực đã bị vi phạm và ngày càng nghiêm trọng. Các cuộc khủng bố đẫm máu trả thù những người kháng chiến cũ tiếp tục diễn ra hàng ngày. Ngô Đình Diệm công khai khước từ hiệp thương tổng tuyển cử tiến tới thống nhất đất nước, trong khi Mỹ giúp chính quyền Sài Gòn phát triển quân đội quy mô lớn. Lon lính ngụy thời Pháp được thay bằng lon kiểu quân lực Hoa Kỳ. Trước tình hình "cây muốn lặng, gió chẳng đừng", từ năm 1957, sau khi có Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng quyết định những vấn đề lớn về quân sự, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cùng tập thể Quân ủy Trung ương tập trung tinh lực xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ miền Bắc, xúc tiến khẩn trương công tác chuẩn bị về quân sự cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới. Hai năm sau, khi Mỹ - Diệm ngày càng công khai lộ rõ âm mưu xâm lược và chia cắt đất nước, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 khẳng định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ. Cùng với Nghị quyết 15, con đường chiến lược 559 cũng hình thành. Sau này, trả lời câu hỏi của một nữ văn sĩ người Anh[12], ông Giáp nói: "Chúng tôi xây dựng đường Hồ Chí Minh bởi vì người Mỹ đánh chúng tôi... Ngay từ đầu, chúng tôi đã nhận định rằng người Mỹ, với chiến lược phản ứng linh hoạt, sẽ leo thang chiến tranh và quân Mỹ sẽ vào. Bởi thế chúng tôi phải có tầm nhìn dài hạn. Tôi hiểu rằng nếu chúng tôi quyết giành lại miền Nam, nơi chiến tranh du kích đang được tiến hành, chúng tôi phải mở rộng mặt trận và đánh những chiến dịch lớn. Chính vì thế, tháng 5-1959, chúng tôi ra lệnh mở đường mòn Hồ Chí Minh".

Trước khi quân Mỹ vào trực tiếp tham chiến, nhân dân miền Nam đã trải qua 9 năm tôi luyện trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau đó, với tinh thần anh dũng và sáng tạo tuyệt vời để duy trì cuộc đấu tranh chống các chiến dịch khủng bố tàn sát dã man tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục, nhân dân miền Nam đã từ đấu tranh chính trị hợp pháp để bảo tồn lực lượng tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và đang từng bước phát triển từ khởi nghĩa vũ trang lên chiến tranh cách mạng. Đến năm 1964, khi viên tướng số 1 của Mỹ là Taylo (Maxwell Taylor) được cử sang thay Cabốt Lốt (Henri Cabot Lodge) làm đại sứ ở miền Nam và Tướng Oétmolen (Westmoreland) thay Tướng Hakin (Harkins) làm Tổng Chỉ huy, chuẩn bị chuyển sang "chiến lược chiến tranh cục bộ" thì tình hình miền Nam đã chuyển biến có lợi cho cách mạng, khác hẳn những năm đầu sau *Hiệp định Giơnevơ*.

Mùa Xuân năm 1965, Nhà Trắng thông báo chính thức quyết định của Tổng thống Giônxơn (L.B.Johnson) cho quân Mỹ vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam cũng là lúc trên trục đường vận chuyển chiến lược - đường Hồ Chí Minh, đã chuyển từ hậu phương lớn miền Bắc vào tiền tuyến lớn miền Nam (so với năm 1960) gấp 14 lần về bộ đội chủ lực, gấp 10 lần về phương tiện chiến đấu. Các chiến trường Nam Bộ, Khu 5, Tây Nguyên đã hình thành. Ba thứ quân (trong đó bộ đội chủ lực được tổ chức ở quy mô sư đoàn) đã triển khai trên các địa bàn chiến lược chủ yếu.

Thế và lực của ta trên chiến trường miền Nam phát triển và được cải thiện một phần quan trọng là vì ở ngoài Bắc, bộ máy quân sự do Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và tập thể Quân ủy điều hành đã kịp thời chuyển động nhịp nhàng trước yêu cầu của tình hình mới theo tinh thần các nghị quyết 12 và 15 của Trung ương. Toàn quân quán triệt lời Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu: "Bất kỳ hoà bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước". Trải qua 9 năm kháng chiến và 10 năm xây dựng, Quân đội nhân dân Việt Nam đã trưởng thành vượt bậc cả về tổ chức, trang bị và kinh nghiệm chiến đấu. Hình ảnh "anh Vệ túm" hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đã lùi về quá khứ. Nhiều cán bộ trung sơ cấp năm xưa đã trở thành cấp chỉ huy chiến dịch, chiến lược. Một số tướng lĩnh được tôi luyện và trưởng thành trong cuộc kháng chiến thứ nhất, như các ông Hoàng Văn Thái, Chu Huy Mân, Lê Trọng Tấn, Trần Độ, Hoàng Cầm, Nguyễn Hoà... đã lần lượt được Trung ương cử vào chiến trường cùng Bộ Tư lệnh Miền chỉ đạo cuộc kháng chiến đang trên đà phát triển. Một ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, được Cụ Hồ và Bộ Chính trị cử vào cùng Trung ương Cục trực tiếp chỉ đạo cuộc đối đầu với kẻ thù mới. Về phía chỉ huy và lãnh đạo, do sự trưởng thành của đội ngũ tướng lĩnh, sự hình thành của Trung ương Cục, bộ Tư lệnh Miền và bộ Tư lệnh các chiến dịch, cho nên sự chỉ đạo của Bộ Thống soái nói chung, của Quân ủy Trung ương và Tổng Tư lệnh nói riêng cũng khác so với cuộc kháng chiến thứ nhất. Ngoài việc cùng tập thể Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Quân ủy Trung ương bàn và chỉ đạo từng bước đi ở tầm chiến lược toàn cục, sự chỉ đạo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với chiến trường không còn trực tiếp như hồi kháng chiến 9 năm. Quá trình phát triển của cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam là quá trình ông chỉ đạo các cơ quan Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh xây dựng lực lượng, phối hợp với các bộ, các ngành tổ chức chi viện, đáp ứng yêu cầu từng bước và ngày càng nhiều về người và cơ sở vật chất cho tiền tuyến lớn miền Nam, chỉ đạo các quân chủng, binh chủng chiến đấu bảo vệ miền Bắc chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của chiến trường Trị - Thiên sau khi hình thành Mặt trận Trị - Thiên (B5) sát phía nam hậu phương lớn.

Rõ ràng là năm 1965, cơ quan Tổng hành dinh và Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cùng toàn quân và toàn dân trực tiếp đối mặt với quân viễn chinh Mỹ trong bối cảnh khác hẳn 20 năm trước khi cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu. Vấn đề đặt ra là vận dụng kinh nghiệm đánh Pháp và kiến thức mới học được ở các trường chính quy trong và ngoài nước như thế nào vào điều kiện đối tượng tác chiến đã thay đổi. Kẻ địch trong cuộc kháng chiến thứ hai này là quân đội một nước có tiềm lực quân sự rất lớn, nhất là về binh khí, kỹ thuật.

Mùa xuân năm 1965, khi quân Mỹ bắt đầu đổ bộ ồ ạt vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam, cũng là lúc kế hoạch chiến lược 1965 - 1967 của Tổng Chỉ huy Oétmolen (Westmoreland) vừa được tổng thống chính thức thông qua. Quân và tướng Mỹ cùng với quân và tướng tay sai và chư hầu lần lượt vào cuộc. Hàng chục vạn quân Mỹ và quân chư hầu cùng nửa triệu quân đội Sài Gòn được đặt dưới quyền điều hành tập trung của cái gọi là Cơ quan viện trợ quân sự Mỹ (MACV) do tướng Oétmolen cầm đầu. Nếu không kể những tướng Mỹ điều hành Phái đoàn viện trợ và cố

vấn quân sự Mỹ (MAAG) ở Nam Việt Nam những năm quân Mỹ chưa trực tiếp tham chiến (như Ô.Đanien (W.O'Daniel) và Hakin (C.Harkins) thì tướng bốn sao Oétmolen là *đối thủ thứ tám* và là *đối thủ Mỹ đầu tiên* của ông Giáp.

Bài toán chiến lược đặt ra từ mấy năm trước đối với Bộ Thống soái, với tướng lĩnh cả hai miền Nam - Bắc và riêng với Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, đến lúc này càng trở nên cấp bách cần có lời giải, đó là đánh Mỹ thế nào và thắng Mỹ bằng cách nào? Tại Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua miền Nam họp tháng 5-1965, ông Nguyễn Chí Thanh kết luận: Cứ đánh Mỹ sẽ tìm ra cách thắng Mỹ. Cũng trong dịp này, lãnh đạo Khu 5 chủ trương tiêu diệt một đơn vị Mỹ để hạ uy thế của chúng ngay từ đầu và để rút kinh nghiệm cho toàn khu. Trận Núi Thành (27-5-1965) được ghi vào lịch sử là trận đầu thắng Mỹ. Cũng từ trận này, xuất hiện khẩu hiệu "Gặp Mỹ là đánh, tìm Mỹ mà diệt". Nửa năm sau, tháng 11-1965, tướng Chu Huy Mân chỉ huy chiến dịch đánh Mỹ đầu tiên - Chiến dịch Plâyme - trong đó có trận mà *Tài liệu mật Lầu Năm Góc* gọi là "trận đánh đẫm máu ở thung lũng Ia Đrăng, trận đánh lớn đầu tiên". Ngay từ hồi đó ký giả Mỹ và phương Tây hết sức chú ý trận đánh này. Tờ *Thời báo Niu Oóc* (*New York Times*) viết: "Ia Đrăng là một trong những nơi mà người lính chiến đấu Mỹ bị ném vào cuộc thử thách gay gắt nhất..., là trận đánh mà tướng lĩnh Mỹ phải đánh theo cách đánh của tướng lĩnh Việt cộng".

Giữa năm 1966, việc thành lập Mặt trận Trị - Thiên được giới nghiên cứu coi là "một đòn hiểm" của Bộ Thống soái Việt Nam. Người ta đã biết một trong những kinh nghiệm cầm quân của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là trước khi ra quân ông thường buộc đối phương phải phân tán binh lực. Đòn lần này được coi là "hiểm" vì nó dồn tướng lĩnh Hoa Kỳ vào thế bị động về chiến lược, buộc Oétmolen phải điều hai sư đoàn lính Mỹ ra vùng chiến trường rừng núi miền Trung trước khi bước vào mùa khô thứ hai. Họ khái quát điểm nổi bật trong cuộc đấu trí, đấu lực giữa hai Bộ Thống soái đối kháng trong hai năm đầu quân Mỹ trực tiếp tham chiến, là trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 - 1966 và 1966 - 1967) của Mỹ, tướng lĩnh Việt Nam đã làm phá sản chiến lược "tìm diệt", một chiến lược được Lầu Năm Góc thận trọng nghiên cứu và phê duyệt trước khi Oétmolen ra quân. Người ta nói nhiều đến thất bại của cuộc hành quân Gianxơn Xity (Junction City từ tháng 2 đến tháng 4-1967), một chiến dịch "tìm diệt" được coi là lớn nhất của Mỹ trong toàn bộ cuộc chiến tranh Việt Nam, với quy mô 4,5 vạn quân, với ý đồ "đánh gãy xương sống của Việt cộng". Điều đó giải thích vì sao, ngày 8-12, khi kết thúc mùa khô thứ hai, Ngoại trưởng Raxcơ (Dean Rusk) đã than thở rằng: năm 1967 là năm đau khổ và khốc liệt đối với Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Thất bại liên tiếp trong hai mùa khô dẫn đến sự phân hoá và xáo trộn trong hàng ngũ quan chức Mỹ. Cabốt Lốt trở lại thay Taylo ngồi vào ghế đại sứ Mỹ ở Sài Gòn. Hơn một năm sau, đến lượt Bâncơ (W.Bunker) thay Cabốt Lốt. Tiếp đến là Bộ trưởng Quốc phòng Mắc Namara (R.McNamara) xin ra khỏi Lầu Năm Góc. Viên bộ trưởng mới chưa kịp nhận bàn giao thì đã nổ ra cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân của quân dân miền Nam. Điều trớ trêu là cuộc tiến công đồng loạt này nổ ra vào thời điểm quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam đã lên tới con số kỷ lục: trên 54 vạn. Và Oasinhtơn không hiểu vì sao sự kiện long trời nổ ra từ cuối tháng 1-1968 mà mãi nửa tháng sau Tổng Chỉ huy Oétmolen mới gửi báo cáo chính thức về nước, nói rõ rằng: 5 thành phố lớn, 34 tỉnh lỵ, 64 quận lỵ và tất cả các thị trấn bị tiến công. Sự kiện vang dội tới mức mãi đến những năm sau này trên rất nhiều trang sách, báo, tạp chí, giới học giả và tướng lĩnh Mỹ và phương Tây còn tiếp tục nói về Tết Mậu Thân. Ký giả kiêm sử gia Cơri trong cuốn *Chiến thắng bằng mọi giá* nhận xét rằng Bộ Thống soái Bắc Việt đã khéo léo thu hút sự chú ý của Oétmolen và cả hệ thống săn tin tức của CIA vào mục tiêu Khe Sanh để rồi bất ngờ mở cuộc Tổng tiến công trên toàn miền Nam. Hai nhà báo Mỹ Xtin và Lepxơn (J. Stein và M. Leepson), đồng tác

giả *Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam,* rút ra mấy kết luận về cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968 như sau: Vũ khí chủ yếu của cộng sản là *sự bất ngờ.* Cuộc tiến công vào sứ quán Mỹ ở Sài Gòn đã thực sự làm cho người Mỹ ở Sài Gòn cũng như ở Oasinhtơn choáng váng. Do sự kiện Tết Mậu Thân mà những cố vấn "thông minh nhất và thân cận nhất" của Tổng thống Mỹ đã nói thẳng với Giônxơn rằng: Chúng ta không thể nào giành được thắng lợitrong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Cũng trong dịp này, tờ *Tuần tin tức* (*News Week*) nhận định rằng, chỉ bằng một đòn đánh táo bạo trong dịp Tết, Bộ Thống soái Việt Nam và Việt cộng đã làm thay đổi đột ngột cục diện chiến tranh. Trong khi đó thì tại Hà Nội, ông Giáp nhẹ nhàng nói với Rípphô (Madeleine Riffaud - nữ phóng viên báo Pháp *Humanité)* rằng: Tướng Oétmolen có trong tay hơn 50 vạn quân, vậy mà ông ta không giúp Oasinhtơn tìm thấy một chút ánh sáng ở cuối đường hầm. Đối với Mỹ, chiến trường Việt Nam quả là một cái vực sâu thăm thẳm.

Một lần nữa bộ máy cầm đầu quân viễn chinh Mỹ lại bị xáo trộn sau đợt 1 của cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân. Cả Tổng Chỉ huy Oétmolen và Tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương Sáp (G.Sharp) đều bị cách chức. Bộ trưởng Quốc phòng Mắc Namara chính thức ra đi, trao quyền làm chủ Lầu Năm Góc cho Clípphớt (C.Clifford). Đợt 1 của cuộc Tổng tiến công này còn buộc Tổng thống Giônxơn xuống thang một bước quan trọng: Chấp nhận ngừng ném bom miền Bắc và cử phái đoàn sang Pari đàm phán với đối phương. Về phần cá nhân, trong diễn văn ngày 31-3-1968, ông ta chính thức tuyên bố: Sẽ không ra ứng cử nhiệm kỳ tổng thống sắp tới. Khi cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân bắt đầu, ít ai nghĩ rằng nó sẽ tác động đến bộ máy cầm đầu chiến tranh của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đến như thế. Ngày 4-5-1968 đúng vào ngày bắt đầu đợt 2 của cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Tổng Chỉ huy mới Abram (C.Abrams) nhậm chức và trở thành *đối thủ thứ chín* của ông Giáp. Để tạo điều kiện cho diễn viên mới triển khai kịch bản Việt Nam hoá chiến tranh được thuận lợi, Tổng thống Mỹ đã xin Quốc hội chuẩn y khẩn cấp 6,3 tỷ đôla, nhưng đề nghị bị Hạ viện bác bỏ và chỉ chấp thuận chừng 1/20, tức là 300 triệu. Trong bối cảnh không thuận lợi đó, Tướng Abram phải triển khai đồng thời hai việc: Từng bước rút quân Mỹ theo trình tự Lầu Năm Góc đã dự kiến và thử nghiệm khả năng độc lập tác chiến của quân đội Thiệu, tức là tập dần cho tướng sĩ Sài Gòn ngày càng ít phụ thuộc vào sự yểm trợ của hỏa lực Mỹ.

Ông Giáp không quan tâm lắm đến những lần tuyên bố (lần lữa) của Níchxơn (R.M.Nixon - Tổng thống Hoa Kỳ thứ 37 vừa đắc cử) và của Bộ trưởng Quốc phòng mới Leđơ (M.Laird) về vấn đề rút quân Mỹ, nhưng ông chú ý theo dõi sát các bước đi của viên tổng chỉ huy mới. Ông phán đoán Abram sẽ hướng vào Đông Bắc Campuchia và Trung - Hạ Lào hòng đánh vào đường giao thông chiến lược và chỗ đứng chân của ta trên đất bạn. Ông được cơ quan Tham mưu Tổng hành dinh báo cáo rằng, tháng 6-1969, Tổng Chỉ huy Abram tuyên bố: Nếu phá được đất thánh của Việt cộng trên đất Campuchia thì chiến tranh ở miền Nam Việt Nam có thể kết thúc trong một năm.

Theo lệnh của Quân ủy Trung ương và của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, từ mùa hè năm 1970, việc chuẩn bị chiến trường khu vực đường 9 được xúc tiến khẩn trương. Binh đoàn 70 được thành lập, sẵn sàng làm nhiệm vụ cơ động chiến lược. Về phía Mỹ, mãi đến đầu tháng 2-1971, kế hoạch chiến lược mới được Nhà Trắng và Lầu Năm Góc thông qua. Như vậy là trước khi Abram thực sự triển khai chiến lược Việt Nam hoá trên chiến trường, ông Giáp đã đi trước những nước cờ quan trọng. Theo kế hoạch, Tướng Abram và Bộ Tham mưu của Thiệu sẽ tung quân đội Sài Gòn vào ba cuộc tiến công ra đường 9 - Nam Lào (Chiến dịch Lam Sơn 719), sang hướng Đông Bắc Campuchia (Chiến dịch Toàn thắng 1/71), và vùng biên giới Tây Nguyên (Chiến dịch Quang Trung 4). Trong khi Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chỉ đạo các chiến trường khẩn trương

chuẩn bị "đón" Toàn thắng 1/71 và Quang Trung 4, thì theo kế hoạch chung của Tổng hành dinh, các tướng Lê Trọng Tấn và Lê Quang Đạo cũng nhận lệnh tổ chức và điều hành Mặt trận đường 9 - Nam Lào, nhằm đánh bại Lam Sơn 719, cuộc hành binh chủ yếu của địch nhằm vào hướng Bản Đông - Sêpôn trên đất Lào, với ý đồ cắt đứt đường vận chuyển chiến lược 559.

Ngày 8-2-1971, Mỹ và Sài Gòn ra quân. Abram báo cáo với Tổng thống Níchxơn rằng: Chậm nhất ngày 13 sẽ chiếm được Sêpôn. Nhưng rồi điều bất ngờ đã diễn ra: ông Giáp điều quân đến với tốc độ quá nhanh, ngoài dự kiến của Bộ Chỉ huy liên hợp Mỹ - Sài Gòn. Sau này, trong hồi ký *Một người lính tường trình*[13], tướng về hưu Oétmolen viết rằng khi quân Bắc Việt bắt đầu phản công, quân Mỹ và quân Việt Nam cộng hoà buộc phải làm một việc khó khăn nhất trong tất cả các hoạt động quân sự, đó là rút lui trước cuộc tiến công mãnh liệt của đối phương, đến nỗi quân đội Thiệu chỉ còn cách Sêpôn chừng 1 km mà vẫn phải vội vã vượt sông để tháo lui. Còn tác giả cuốn *Chiến thắng bằng mọi giá,* thì kể lại rằng: Người Mỹ xem tivi buổi tối đã chứng kiến cảnh những binh sĩ Việt Nam (quân đội Sài Gòn) vẻ mặt kinh hãi bám lấy càng máy bay trực thăng để thoát thân. Và ông ta kết luận: Thế là cuộc hành quân này đánh dấu chấm hết đối với chương trình Việt Nam hoá của Mỹ.

Cũng trong dịp này, trên chiến trường Tây Nguyên và Campuchia, Toàn thắng 1/71 và Quang Trung 4 cũng chịu chung số phận với Lam Sơn 719. Và từ đó đến hết năm 1972, theo phương hướng chiến lược chung của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Miền tiếp tục điều hành các chiến trường phía Nam giành thắng lợi trong mấy chiến dịch liên tiếp. Các chiến dịch Bắc Tây Nguyên và chiến dịch Trị - Thiên (tháng 3 - tháng 6-1972) kết thúc cũng là lúc Oasinhtơn thay tướng. Từ giữa năm 1972, trong khi tại Sài Gòn quyền Tổng Chỉ huy quân viễn chinh Mỹ chuyển từ tay Tướng Abram sang tay Tướng Uâyoen (F.C.Weyand - *đối thủ thứ mười* và là *đối thủ Mỹ thứ ba* của ông Giáp) thì tại Hà Nội, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đang cùng Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng chỉ đạo các cơ quan Tổng hành dinh và Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân nghiên cứu cách đánh B.52 của Mỹ. Hoạt động đối ngoại giữa những người cầm đầu Nhà Trắng với một số nước lớn trong mấy tháng xuân - hè vừa qua cho thấy khả năng B.52 ra đánh miền Bắc đã đến gần.

Việc máy bay B.52 của Mỹ ra đánh phá Hà Nội, Hải Phòng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh dự kiến rất sớm, nhưng việc đánh pháo đài bay của không lực Hoa Kỳ như thế nào, đối với quân ta còn là một ẩn số. Tháng 8-1967, khi được báo cáo một trung đoàn tên lửa đã vào Vĩnh Linh để nghiên cứu việc đánh B.52, Cụ Hồ khen: Thế là tốt, muốn bắt được cọp, phải vào tận hang. Lời khen có tính định hướng đó đã mở đường cho dòng suy nghĩ của cả cơ quan Tổng hành dinh và của lãnh đạo quân chủng. Một vấn đề trăn trở đối với tướng lĩnh ta lúc này là*cách đánh.* Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân đã được Đại tướng vừa giao nhiệm vụ và động viên: Ta đã tìm được cách đánh Mỹ trên bộ, phải tìm cho ra cách đánh Mỹ trên không, kể cả B.52. Một nhóm cán bộ của quân chủng được giao nhiệm vụ nghiên cứu biên soạn *Phương án đánh B.52*. Đầu năm 1971, Tổng Tư lệnh đồng ý cho một số phi công vừa tốt nghiệp ở Liên Xô về vào đường Trường Sơn để "nhận diện" B.52, rồi một số máy bay Mig được đưa vào ém sẵn ở mấy sân bay trên địa bàn Khu 4. Một vài biên đội lần lượt xuất kích, một số trạm rađa được triển khai dọc tả ngạn sông Mê Kông trên đất bạn để luyện tập phát hiện B.52 trong nhiễu, với những khẩu hiệu: "Vạch nhiễu tìm thù", "Quyết thắng nhiễu điện tử của Mỹ". Những lần bộ đội tên lửa bắn rơi B.52[14] đều được Tổng Tư lệnh nhắc nhở quân chủng rút kinh nghiệm kịp thời. Bám sát kinh nghiệm thực tế, dần dần *Phương án đánh B.52* đã hình thành sau nhiều lần nghiên cứu, biên soạn, thảo luận, bổ sung, cuối cùng được giới thiệu trong hội nghị cuối tháng 10-1972, một hội nghị mà Tổng Tư lệnh chỉ thị: Tập trung thảo luận để đi đến thống nhất về cách đánh B.52 của

bộ đội tên lửa. Kết luận quan trọng rút ra từ hội nghị này là: "Chúng ta có thể bắn rơi tại chỗ B.52 của Mỹ". Đó là một niềm tin có cơ sở khoa học. Sau hội nghị, một tập sách nhỏ ra đời mang tên *Cách đánh B.52 của bộ đội tên lửa* mà anh em quân chủng thường gọi là "Cẩm nang bìa đỏ". Nhờ "cẩm nang" đó mà đơn vị lập công đầu sau hội nghị tháng 10 là đoàn tên lửa H.63 ở Nghệ An. Trung đoàn đã khắc phục được nhiễu, lần đầu tiên hạ được B.52 ở bắc vĩ tuyến 17 và giữa ban ngày. Từ thực tế sáng tạo của bộ đội, khái quát thành lý luận, nguyên tắc và biện pháp, trả về cho bộ đội thực hành, đó là những bước đi chập chững mò mẫm ban đầu, cuối cùng dẫn đến chiến công vang dội được mệnh danh là *Điện Biên Phủ trên không* cuối tháng 12-1972.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất trân trọng trí thông minh và tinh thần sáng tạo của những người đã làm nên cái mà sau này ông gọi là "một sự bất ngờ mà Mỹ không hề lường trước". Ngay sau ngày chiến tháng B.52, trong hội nghị cán bộ tại hội trường quân chủng, ông giơ cao cuốn "Cẩm nang đỏ" lên và nói đại ý: Có nhiều nguyên nhân dẫn đến chiến thắng B.52 nhưng một nguyên nhân hết sức quan trọng là sự đóng góp của cuốn sách này.

Quân chủng đã phát huy một cách xứng đáng ý chí dám đánh và trí tuệ biết đánh để chiến thắng binh khí, kỹ thuật siêu hiện đại của đế quốc Mỹ.

Sau thất bại của cuộc tập kích chiến lược bằng B.52, Tướng Uâyoen nhậm chức chưa đầy 10 tháng thì ngày 29-3-1973 (tức là hai tháng sau khi *Hiệp định Pari* được ký kết), Bộ Chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Tổng Chỉ huy Uâyoen cùng 2.501 lính được coi là "những quân nhân cuối cùng" của quân lực Hoa Kỳ rời khỏi Nam Việt Nam, chấm dứt quá trình thất bại liên tiếp của ba đại tướng Tổng Chỉ huy Mỹ trong 7 năm điều hành quân viễn chinh trực tiếp tham chiến ở Việt Nam. Một điều trùng hợp kỳ lạ là, đúng hai năm sau, ngày 29-3-1975, khi chế độ Nguyễn Văn Thiệu đã đứng trước bờ vực sụp đổ, trên cương vị Phó Tham mưu trưởng lục quân Hoa Kỳ, Tướng Uâyoen lại được Oasinhtơn phái sang để làm một việc vô vọng là giúp Thiệu lật lại thế cờ!

Sau khi *Hiệp định Pari* được ký kết, theo phương hướng chiến lược của Bộ Chính trị, đi đôi với việc theo dõi và chỉ đạo cuộc đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm, nhằm giữ vững và tăng cường thế và lực của cách mạng miền Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng tập thể Quân ủy Trung ương tập trung trí tuệ suy nghĩ đề đạt phương án về các bước đi tiếp theo nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Từ những ý kiến chuẩn bị, trao đổi, thảo luận trong các cuộc họp năm 1974, nhất là Hội nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương mở rộng (gồm cả cấp lãnh đạo các chiến trường, họp từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975), ông đã cùng tập thể lãnh đạo khẳng định nhiều vấn đề quan trọng để vận dụng vào việc chỉ đạo Tổ trung tâm của Tổng hành dinh nghiên cứu và hoàn chỉnh bản kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam. Cuối cùng sau tám lần biên soạn và bổ sung, sửa chữa, bản kế hoạch đã được Bộ Chính trị thông qua, trong đó có một vấn đề cụ thể nhưng vô cùng quan trọng là chọn Buôn Ma Thuột làm mục tiêu mở màn cuộc Tiến công chiến lược mùa xuân năm 1975.

Khác với đông - xuân 1953 - 1954, trong giai đoạn chiến lược quyết định cuối cùng này của cuộc kháng chiến chống Mỹ, một cộng sự đắc lực của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là Đại tướng Văn Tiến Dũng, Uỷ viên Bộ Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng, đã được Trung ương cử vào thay mặt Bộ Thống soái tối cao trực tiếp điều hành cuộc tiến công chiến lược. Ông Giáp tiếp tục chủ trì công tác của Quân ủy Trung ương, cùng với Thứ trưởng thứ nhất Bộ Quốc phòng Hoàng Văn Thái và các Phó Tổng Tham mưu trưởng khác theo dõi và chỉ đạo từng bước đi của các binh đoàn, theo phương hướng chiến lược được tập thể Bộ Chính trị vạch ra trong từng thời điểm

quan trọng có ý nghĩa quyết định. Từ ngày 5-2-1975, ngày ông Văn Tiến Dũng lên đường vào chiến trường Tây Nguyên, việc liên lạc bằng điện đài trực tiếp giữa hai ông Võ Nguyên Giáp (lấy bí danh là Chiến) và Văn Tiến Dũng (lấy bí danh là Tuấn) được duy trì đều đặn hằng ngày.

Sau chiến thắng Tây Nguyên mở màn cuộc tiến công chiến lược, trong bốn lần hội nghị lịch sử của Bộ Thống soái tối cao tháng 3-1975, Bí thư Quân ủy Trung ương - Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã nhạy bén trước tình hình phát triển thuận lợi của các binh đoàn, nêu lên những ý kiến xác đáng được tập thể Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nhất trí cao nhằm chớp thời cơ đẩy nhanh nhịp độ tiến quân của các binh đoàn. Cuộc Tiến công chiến lược đã phát triển thành Tổng tiến công chiến lược, rút ngắn thời gian dự kiến trong kế hoạch giải phóng miền Nam từ hai năm (1975 - 1976) xuống một năm (1975), rồi từ quyết tâm giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa, đến quyết tâm giành toàn thắng trong tháng 4-1975. Có thể nói, phương châm *thần tốc - táo bạo - bất ngờ - chắc thắng* được ông luôn nhắc trong các bức điện chỉ đạo các binh đoàn tiến quân trên các hướng, đã thấm vào tâm tư tình cảm của từng cán bộ, chiến sĩ trong những ngày xuân năm 1975 sôi động. Ông đã đề xuất chủ trương thành lập Bộ Tư lệnh Chiến dịch Quảng Nam - Đà Nẵng do các tướng Lê Trọng Tấn và Chu Huy Mân phụ trách, với yêu cầu rất gắt gao là tập tan và tiêu diệt 10 vạn quân Thiệu, phá kế hoạch co cụm của chúng ở Đà Nẵng, trong thời gian kỷ lục là 3 ngày. Sau khi giải phóng Đà Nẵng, ông lại quyết định thành lập Binh đoàn hướng Đông, do các tướng Lê Trọng Tấn và Lê Quang Hoà chỉ huy, với yêu cầu "diệt địch mà đi, mở đường mà tiến", hành quân thần tốc vào áp sát Sài Gòn từ hướng đông. Đặc biệt là Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã nhạy bén, kịp thời ra lệnh cho Khu 5 và Hải quân khẩn trương chớp thời cơ giải phóng một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa, làm tắt tham vọng bành trướng của một số nước lớn.

Tháng 4-1975, để chỉ đạo kịp thời toàn quân bước vào chiến dịch giải phóng Sài Gòn, ông Giáp vào ở hẳn trong cơ quan Tổng hành dinh - khu "Nhà rồng". Việc trao đổi ý kiến chỉ đạo giữa ông Chiến với ông Tuấn và các ông Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Trần Văn Trà, Đinh Đức Thiện trong Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra thường xuyên, không phải hằng ngày mà nhiều lần trong ngày. Ngoài những buổi giao ban chính thức, mỗi khi có những vấn đề về chủ trương quan trọng và cấp thiết, ông thường trao đổi thống nhất ý kiến với ông Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Sau ngày 26-4, khi cánh quân hướng đông dưới quyền chỉ huy của các ông Lê Trọng Tấn và Chu Huy Mân đã nổ súng mở màn chiến dịch, ông thường xuyên nghe các cơ quan tác chiến và tình báo báo cáo để bám thật sát các bước tiến quân của từng hướng vào thành phố Sài Gòn, kịp thời nêu ý kiến với Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh về các bước tiếp theo, kể cả việc chuẩn bị phát huy tác dụng của sân bay Tân Sơn Nhất vào các kế hoạch sắp tới, việc chỉ đạo tiếp quản Sài Gòn - Chợ Lớn sau khi giải phóng và phương hướng dứt điểm các địa bàn còn lại trên toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long và các đảo Phú Quốc, Côn Sơn...

Gần trưa ngày 30-4, sau khi nghe báo cáo quân ta đang tiến vào dinh Tổng thống Sài Gòn, ông Giáp gửi gấp một bức điện vào Nam, nói rõ ý kiến của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương: “Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí nhưng không phải với tư cách tổng thống mà chỉ với tư cách một người đã sang hàng ngũ nhân dân”. Ngay sau đó, thể hiện niềm vui chiến thắng, bức điện tiếp theo của Bí thư Quân ủy Trung ương gửi các đồng chí lãnh đạo chỉ huy ở phía trước cho biết: 11 giờ Tổng hành dinh đã nhận được tin quân ta cắm cờ trên Dinh Độc Lập. Quân ủy "gửi các anh lời chúc mừng đại thắng lợi. Các anh Bộ Chính trị rất vui... rất vui. Ký: Văn".

Vào thời điểm lịch sử thiêng liêng của dân tộc, khi nghe tin lá cờ cách mạng đã tung bay trên dinh Tổng thống Sài Gòn, ông Giáp cùng các thành viên khác trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương hết sức phấn khởi, đồng thời xúc động nghẹn ngào đến rơi nước mắt. Ai cũng nghĩ đến Cụ Hồ. Người đã đi xa, không được chứng kiến giờ phút mà niềm mong ước độc lập, thống nhất của Người đã trở thành sự thật.

Các chiến sĩ cơ yếu thường trực ngày đêm phục vụ Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương trong suốt quá trình diễn biến của cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 không hề nghĩ rằng mình được vinh dự trực tiếp chia sẻ niềm vui chiến thắng với Tổng Tư lệnh trong giờ phút lịch sử này. Đại tướng cho gọi tổ cơ yếu và điện đài sang phòng họp của Tổng Quân ủy. Trên bàn đã bày sẵn bia Trúc Bạch, kẹo Hà Nội, thuốc lá Điện Biên. Ông rất vui khi nói những lời biểu dương anh chị em đã hoàn thành nhiệm vụ trong những ngày hết sức khẩn trương, căng thẳng, phục vụ công tác chỉ đạo chỉ huy của Tổng hành dinh. Chỉ ít phút liên hoan đơn sơ, ngắn gọn thôi nhưng thể hiện đầy đủ phong cách quần chúng của Võ Nguyên Giáp. Cuộc họp mặt kết thúc, các chiến sĩ cơ yếu bắt tay vào dịch một số bức điện của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, khen ngợi và tuyên dương công trạng cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên vừa giành thắng lợi trọn vẹn trong chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng. Các chiến sĩ cơ yếu chú ý một bức điện nội dung khá đặc biệt gửi đồng chí Lê Trọng Tấn mà Đại tướng đã dặn: Phát đi lúc 18 giờ. Điện mang tính chất nghĩa tình đồng chí hơn là quân lệnh của Tổng Tư lệnh gửi người chỉ huy hướng đột phá mở màn chiến dịch. Điện viết: "Anh Tấn ơi! Làm ăn tốt quá, phấn khởi quá. Chúc các anh rất khỏe và chuyển lời mừng chiến thắng của mình cho các tướng trong đó. Ký: Văn".

Đó cũng là bức điện cuối cùng Tổng hành dinh gửi ra tiền tuyến trong ngày 30-4-1975 lịch sử.

Tối hôm đó, dưới ánh sáng pháo hoa mừng chiến thắng, người dân Hà Nội tràn ra đường, nét mặt hân hoan như muốn gửi mọi tình cảm yêu thương, chia vui với miền Nam, với Sài Gòn đi trước về sau. Không ai biết rằng trong dòng người chật đường chật phố ấy, có chiếc xe của một con người đã vâng lệnh Cụ Hồ cầm quân đi suốt cuộc trường chinh 30 năm có lẻ, để đến hôm nay cùng đồng bào cả nước tới đích của chặng đường cuối cùng mà Cụ đã chỉ cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân: *Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*.

*

* *

Những trang sách này được hoàn tất vào một thời điểm mà tác giả cho là rất có ý nghĩa.

Đến năm thứ sáu của thế kỷ XXI này, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp tròn tuổi 95. Trận đánh 30 năm - 1944 - 1975 - tức tổng chiều dài cầm quân của ông trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đến nay cũng đã kết thúc gần một phần ba thế kỷ. Nhiều sách báo đã nói nhiều đến cuộc kháng chiến thần thánh giành độc lập thống nhất của dân tộc Việt Nam. Trong nhiều nhân tố dẫn đến thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, có một nhân tố đặc biệt rất đáng đi sâu nghiên cứu, đó là bản lĩnh cầm quân - tài thao lược của vị tướng số 1 Việt Nam, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Ông là người đã trực tiếp dẫn dắt "đội quân thơ ấu" từ hai bàn tay trắng, từ súng

trường chân đất lớn lên trong suốt cuộc trường chinh mười ngàn ngày và đã đánh bại 10 đại tướng của quân đội viễn chinh nhà nghề của hai đế quốc to.

Ông đã từ một người yêu nước ở tuổi học trò đến một người cộng sản chân chính - chân chính đến tận cuối đời; đã từ một giáo sư sử học không qua một trường lớp quân sự, trưởng thành từ thực tiễn chiến trường để trở thành một danh tướng, "một tư lệnh của các tư lệnh, một chính ủy của các chính ủy" - như cách định nghĩa của Thượng tướng Trần Văn Trà, một vị tướng được toàn quân kính trọng, toàn dân yêu mến, thế giới ngưỡng mộ. Thành công trong cuộc đời cầm quân của Võ Nguyên Giáp gắn liền với sự dìu dắt của Hồ Chí Minh ngay từ buổi ban đầu và cũng bắt nguồn từ chính sự dìu dắt đó. Ngay từ những ngày còn nằm gai nếm mật trên vùng rừng núi Cao - Lạng, Cụ Hồ đã nhẹ nhàng dạy ông bốn từ *Dĩ công vi thượng*. Lời dạy ngắn gọn đó không chỉ theo ông trong suốt cuộc đời cầm quân mà khi đã hoàn thành nhiệm vụ nhân dân giao phó, trở về với không ít thử thách trong cuộc sống đời thường, trong tư tưởng và hành động, ông luôn tâm niệm một điều: Đặt lợi ích Tổ quốc lên trên hết, lợi ích nhân dân lên trước hết. Ông là vị tướng quán triệt sâu sắc tư tưởng và phương pháp luận Hồ Chí Minh, là người cầm quân tiếp thu và thể hiện đầy đủ tư cách một người tướng gồm sáu đức tính Trí - Tín - Dũng - Nhân - Liêm - Trung mà Cụ Hồ đã dạy trong Hội nghị quân sự lần thứ 5 - tháng 8-1948. Những đức tính ấy - nhất là Trí và Dũng -bộc lộ rất sớm. Có thể nêu dẫn chứng cụ thể là cuộc đấu trí, đấu lực quy mô lớn đầu tiên giữa hai quân đội rất chênh lệch về trang bị kỹ thuật và trình độ tác chiến trong Chiến dịch Việt Bắc mùa khô năm 1947, để khẳng định rằng tài cầm quân ở tầm chiến lược của ông xuất hiện ngay từ năm đầu của kháng chiến toàn quốc.

Chỉ có trí thông minh và sự nhạy bén, sáng suốt ông mới thấy đâu là chỗ mạnh nhưng đồng thời cũng thấy đâu là chỗ yếu của địch khi xe tăng, cơ giới, pháo binh và quân dù của chúng tiến quân ồ ạt trên các ngả đường Việt Bắc; chỉ với một sự dũng cảm mới dám nhìn nhận một thực tế là kế hoạch tác chiến ban đầu không còn phù hợp, phải thay đổi. Vào một thời điểm khẩn trương khi địch đã đánh thẳng vào nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo kháng chiến, chỉ với một kiến thức sâu rộng nhưng không bảo thủ, một tinh thần quyết đoán và tự tin, ông mới dám thay đổi cả cơ cấu tổ chức của bộ đội chủ lực và thay đổi phương thức tác chiến sát hợp với thực tế chiến trường lúc đó. Chính nhờ nắm vững tình hình và chuyển hướng hành động cho đúng quy luật (phải trưởng thành từ nhỏ đến lớn, phải vừa đánh vừa học từ thấp lên cao) nên Tổng Chỉ huy đã dẫn dắt bộ đội đi đến thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trong mùa khô đầu tiên. Mặt khác, dù thắng lợi của ta trong Chiến dịch Việt Bắc là rất to lớn, có ý nghĩa chiến lược, nhưng Tổng Chỉ huy vẫn chỉ ra cho cơ quan Tổng hành dinh và toàn quân thấy vì sao thắng lợi đó còn hạn chế. Ông đã nhìn thẳng vào những điểm yếu kém của ta, vạch ra những thiếu sót trong việc nắm tình hình, trong phán đoán âm mưu và khả năng hành động của địch, trong tổ chức chiến đấu của cán bộ và thực hành chiến đấu của từng trung đoàn... Để thiết thực bồi dưỡng cho cán bộ và bộ đội qua kinh nghiệm rút ra từ cuộc thử thách đầu tiên, ông đã cho phát động một đợt học tập trong toàn quân, bắt đầu bằng hội nghị tổng kết chiến dịch. Đây là một hình thức bồi dưỡng cán bộ từ thực tế chiến đấu dần dần trở thành nền nếp cầm quân của Võ Nguyên Giáp.

Rõ ràng là bản lĩnh cầm quân của ông bộc lộ ngay từ cuộc đấu trí, đấu lực đầu tiên và ngày càng được thể hiện ở tầm cao hơn trong mỗi mùa luyện quân, mỗi mùa chiến dịch. Chỉ với tác phong thực sự cầu thị và tinh thần dũng cảm dám nhìn thẳng vào sự thật ông mới "có gan" thay đổi kế hoạch tác chiến ngay trước giờ nổ súng, đặc biệt là trong những chiến dịch có ý nghĩa bước ngoặt như Biên giới hay Điện Biên Phủ. Chỉ với tầm nhìn bao quát toàn diện và với lòng tự tin mãnh liệt ông mới không bị động đưa quân về "cứu" Thái Nguyên trong mùa khô năm 1950 khi quân ta đang chiến đấu trên đường số 4 hay "cứu" trung du khi bộ đội đang chuẩn bị bước sang

đợt 2 của Chiến dịch Tây Bắc. Chỉ với tầm nhìn xa trông rộng, dự kiến đúng quy luật phát triển của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ông mới đề nghị sớm xúc tiến con đường chiến lược 559 và ngày thông đường ông đích thân vào tận Tà Lê để kiểm tra tình hình. Và cũng chỉ với tầm nhìn xa đó, ông mới kịp thời chỉ thị cho bộ đội phòng không tìm hiểu tính năng kỹ chiến thuật của từng loại máy bay Mỹ, để chủ động triển khai lực lượng cả ba thứ quân kịp thời đánh trả không quân Mỹ. Chỉ với sự quán triệt sâu sắc quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, ông mới chú trọng việc chỉ đạo cả ba thứ quân phát huy các tầm hỏa lực để đánh trả máy bay địch, vừa coi trọng vai trò của các đơn vị tên lửa và máy bay Mig trong chiến đấu đánh trả không quân Mỹ, vừa động viên khuyến khích dân quân tự vệ lập công bắn máy bay tầm thấp của địch bằng các loại vũ khí có trong tay. Khi đại đội tự vệ cao xạ 14,5 mm của Hà Nội, chỉ bằng một điểm xạ ngắn - 19 viên đạn - bắn rơi được F.111, ông đã ra tận trận địa phòng không để khen ngợi và cùng các chiến sĩ tự vệ phân tích và rút kinh nghiệm nguyên nhân lập được chiến công đó, v.v..

Có người nghĩ rằng người nước ngoài nói và hiểu biết về tài cầm quân của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhiều hơn người trong nước. Điều đó có phần đúng và cần nói thêm rằng giới nghiên cứu ở ngoài nước hiểu về vị tướng huyền thoại Việt Nam không chỉ là các sử gia, ký giả mà còn là các tướng lĩnh Pháp và Mỹ, kể cả những người một thời đã từng đối mặt với ông trên chiến trường.

Một ví dụ về Tướng Oétmolen, đối thủ Mỹ đầu tiên của ông Giáp. Trong 7 năm quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở Nam Việt Nam thì viên tướng này giữ cương vị Tổng Chỉ huy 4 năm 2 tháng và là người được chứng kiến nhiều sự kiện quân sự quan trọng trong quá trình leo thang chiến tranh của Mỹ, kể cả về tổng số binh lực không ngừng tăng lên và quy mô các cuộc hành quân ngày càng lớn, cả các hoạt động quân sự trên bộ và trên không, trong Nam và ngoài Bắc. Những năm cuối, trên cương vị Tham mưu trưởng lục quân Hoa Kỳ, Oétmolen vẫn không rời mắt khỏi chiến trường Việt Nam. Dù trong tập hồi ký *Một người lính tường trình* ông ta có biện hộ điều này điều kia, nhưng cuối cùng cũng phải nói những điều đáng nói về đối thủ cũ của mình. Đônan (Peter Mac Donald), tác giả cuốn sách *Giáp - Một sự đánh giá*[15] cho biết, Tướng Oétmolen phải thừa nhận rằng ông Giáp có tất cả những đức tính của một thống soái quân sự lớn, đó là sự quả đoán, tính kiên quyết, sức mạnh tinh thần, khả năng tập trung suy nghĩ và hành động, trí thông minh.

Tên tuổi ông Giáp được ghi đậm nét trong các từ điển bách khoa của cả hai nước đã từng đem quân xâm lược Việt Nam, với những lời đánh giá không thiên vị. *Đại bách khoa toàn thư Pháp (*xuất bản năm 1987) viết: Là người tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam, ông Võ Nguyên Giáp đã thực hiện thành công một sự tổng hợp độc đáo các học thuyết quân sự mácxít kết hợp nhuần nhuyễn với truyền thống kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc và vận dụng khôn khéo vào những điều kiện của một quốc gia tương đối hẹp. Trong con người ông Giáp, nhà chính trị đi trước nhà quân sự. Tư tưởng và hành động của ông không chỉ thu hẹp trong phạm vi nguyên tắc thuần túy quân sự mà dựa vững chắc vào tiền đề chính trị là sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân vào nỗ lực kháng chiến, một điều không thể thiếu của chiến tranh du kích. Võ Nguyên Giáp luôn luôn là một ví dụ về cách sử dụng tư tưởng quân sự để đạt những mục đích chính trị, chứ không đơn thuần là một vị tướng chỉ có vai trò quan trọng trong chiến đấu trong một thời kỳ ngắn trong lịch sử. Ông Giáp đã chứng minh một cách rõ ràng tính thực tế và những phương thức cụ thể để cho những phong trào kháng chiến trông bề ngoài có vẻ là yếu kém mà vẫn có thể thắng các "đại cường quốc" có sức mạnh áp đảo.

Theo *Bách khoa toàn thư quân sự - quốc phòng Mỹ* (1993), tài thao lược của Đại tướng Võ Nguyên Giáp về chiến lược, chiến thuật và hậu cần được kết hợp nhuần nhuyễn và uyển chuyển với chính trị và ngoại giao... đã giúp cho những người dân châu á (Việt Nam - Đông Dương) đánh bại được các tướng lĩnh phương Tây cùng các học thuyết của họ và trở thành người chiến thắng trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai... Quyết tâm chiến đấu và sự sẵn sàng hy sinh trong quân sĩ của Tướng Giáp đã tạo điều kiện cho lực lượng xã hội chủ nghĩa của thế giới thứ ba đánh bại ý chí của các cường quốc phương Tây và đồng minh của họ... Sức mạnh hơn hẳn về kinh tế, tính ưu việt về công nghệ cùng với sức mạnh áp đảo về quân sự và hỏa lực khổng lồ của các quốc gia phương Tây cũng đã chịu khuất phục tài thao lược của một vị tướng đã một thời làm thầy giáo dạy sử... Một số nhà bình luận tìm cách làm lu mờ tài thao lược và những ý tưởng về "Chiến tranh nhân dân" của ông bằng cách nêu bật những tổn thất to lớn mà dân tộc ông đã phải chịu đựng. Song những thành tựu về quân sự và chính trị của Tướng Giáp gắn chặt với những thành tựu mà dân tộc ông đã giành được, đang và sẽ mãi mãi vô cùng vĩ đại.

Từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX đến nay, nhiều ký giả phương Tây vẫn tiếp tục tìm hiểu cuộc sống đời thường của ông Giáp mà họ coi là "nhân vật xuất chúng duy nhất còn sống của thời kỳ chiến tranh". Năm 2000, sau một lần hiếm hoi được cùng các đồng nghiệp quây quần phỏng vấn vị tướng huyền thoại của Việt Nam, phóng viên Maiơ (Greg Myre) của hãng thông tấn Mỹ *Associated Press* đã viết một bài dài về ông. Tác giả thú nhận rằng anh ta muốn tìm hiểu ông suy nghĩ gì về cuộc chiến tranh, về đối thủ hôm qua. Ông nhớ lại và nói lên một điều là, cả bạn và thù trong bao thế kỷ qua đã đánh giá thấp sức mạnh và ý chí của dân tộc Việt Nam. Giữa năm 1997, ông đã từng nói với cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Namara rằng người Mỹ đã không hiểu nhân tố quan trọng nhất dẫn đến chiến thắng, đó là tinh thần dân tộc của Việt Nam. Ông khẳng định Việt Nam sẽ không tránh khỏi thất bại nếu nghênh chiến một chọi một[16] với Mỹ và các đợt bom B.52 vô tận của họ. Ông đã từng nói với Thủ tướng Liên Xô A.Kôxưghin rằng nếu đánh theo kiểu Liên Xô thì Việt Nam không thể thắng. Trả lời câu hỏi của phóng viên Maiơ về thái độ đối với kẻ thù hôm qua thế nào, ông trả lời rằng: Người Việt Nam có thể bỏ lại đằng sau những đắng cay của quá khứ, nhưng chúng tôi không thể quên hẳn quá khứ. Khi gặp Đô đốc Mỹ Dămuân (Elmo Zumwalt), ông Giáp nói: Khi anh đến với khẩu tiểu liên Thompson, người ta đón tiếp anh một kiểu. Bây giờ anh quay lại như một người khách du lịch, người ta đón tiếp anh kiểu khác. Người Mỹ sẽ được hoan nghênh khi họ thấy nghĩa vụ phải trở lại giúp Việt Nam vượt qua hậu quả khủng khiếp của chiến tranh, góp phần vào cuộc đấu tranh gian khó chống nghèo đói và lạc hậu hiện nay.

Trong cuốn sách *Giáp - Một sự đánh giá,* mở đầu chương 26 (Chương *Tổng kết về Giáp*), tác giả ghi lại đầy đủ lời nói thiện chí của ông Giáp sau khi chiến tranh kết thúc: "Chúng tôi muốn sống hoà bình và hữu nghị với tất cả các nước trên thế giới". Cũng chính trong "chương tổng kết" này, tác giả khái quát nhận định của mình về cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập của dân tộc Việt Nam và về tài thao lược của người cầm quân trong cuộc đấu tranh đó. Tướng Mác Đônan viết: "Nhân dân Việt Nam, gái cũng như trai, là tác giả đích thực của chiến thắng. Họ là những con người kiên cường, có kỷ luật, bền bỉ, lạc quan và biết quên mình. Họ lại có những người lãnh đạo khác thường. Hồ Chí Minh là người cầm lái. Võ Nguyên Giáp là người chỉ huy lực lượng vũ trang... Từ năm 1944 đến năm 1975, cuộc đời của ông Giáp gắn liền với chiến trận và chiến thắng và đã khiến ông trở thành một trong những thống soái lớn của tất cả các thời đại... Với 30 năm làm Tổng Tư lệnh và gần 50 năm tham gia chính sự ở cấp cao nhất, ông đã tỏ ra là người có phẩm chất phi thường. Trong mọi lãnh vực chiến tranh, khó có một tướng soái nào có thể so sánh với ông trong việc kết hợp giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy ở một trình độ cao.

Sự kết hợp này xưa nay chưa từng có. Về chiến lược, ông có nhãn quan sâu rộng và biết nắm những vấn đề mấu chốt. Về chiến thuật, ông là bậc thầy của chiến tranh du kích. Trong lãnh vực chiến tranh chính quy, hơn ai hết, ông biết làm cho bộ đội hiểu được những nguyên tắc của việc nắm thời cơ, hiệu quả của yếu tố bất ngờ, ngụy trang và nghi binh lừa địch. Về lãnh vực hậu cần, ông tỏ ra rất xuất sắc trong suốt cuộc chiến tranh Đông Dương, từ tuyến tiếp tế Điện Biên Phủ đến đường mòn Hồ Chí Minh".

Hà Nội - Xuân Ất Dậu

Chú thích:

1. Dunkerque - một hải cảng miền Bắc nước Pháp.

2. Những địa bàn lớn nhỏ khác nhau mà lực lượng cách mạng xây dựng được cơ sở chính trị (hay vũ trang) hoạt động bí mật (hay công khai) ngay trong vùng địch kiểm soát.

3. Xem các huấn lệnh: *Về sự cần thiết phải chuyển sang du kích vận động chiến* (6-3-1947), *Chuyển từ tiêu hao chiến sang tiêu diệt chiến* (8-1947), *Phát động chiến tranh du kích - Nhiệm vụ quân sự căn bản trong giai đoạn này* (14-11-1947) trong *Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy*, Bộ Tổng Tham mưu xuất bản, Hà Nội, 1964, t.1, tr.141, 205, 163.

4. Kế hoạch Rơve gồm: 1- Tranh thủ viện trợ của Mỹ để tăng cường sức mạnh quân viễn chinh; 2- Vận dụng chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh - dùng người Việt đánh người Việt" (đánh bằng chiến tranh tổng hợp); 3- Đề cao vai trò chính quyền thân Pháp để thu hút các lực lượng chống kháng chiến; 4- Rút ngắn phòng tuyến biên giới Đông Bắc đến Lạng Sơn, củng cố vùng tạm chiếm ở trung du và trung châu Bắc Bộ; 5- Phát triển quân đội tay sai đi đôi với xây dựng khối cơ động Âu - Phi lớn mạnh.

5. Kế hoạch chiến lược mang tên Đờlát gồm mấy nội dung chủ yếu sau đây: 1- Việt Nam hoá, cụ thể là hết sức đề cao vai trò chính quyền Bảo Đại; tranh thủ ở mức cao nhất viện trợ của Mỹ để phát triển lực lượng quân đội tay sai thay thế nhiệm vụ chiếm đóng để quân Âu - Phi được tập trung xây dựng thành lực lượng cơ động lớn mạnh, đẩy mạnh hơn nữa chiến lược chiến tranh tổng lực đã được đề ra từ hồi Rơve sang; 2- Thiết lập vành đai bêtông vây quanh đồng bằng Bắc Bộ, đi đôi với càn quét vùng đồng bằng sông Hồng tạm chiếm, bảo đảm cho Hà Nội và Hải Phòng "vững chắc như pháo đài thép"; 3- Kịp thời mở chiến dịch tiến công giành lại quyền chủ động chiến lược, trong đó (theo sử gia Lucien Bodart, tác giả cuốn *Chiến tranh Đông Dương*) có ý đồ "chiếm lại Lạng Sơn, trả thù cho đường số 4".

6. GM: Chữ tắt của từ Groupement mobile (binh đoàn cơ động - tương đương một trung đoàn tăng cường).

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.6, tr.341.

8. Ý nói phải buộc Pháp thất bại như trên sông Lô và đường số 4 trong Chiến dịch Việt Bắc mùa khô năm 1947.

9. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.13, 43.

10. Kế hoạch Nava gồm hai bước cơ bản: Phòng ngự ở miền Nam vĩ tuyến 16 để tập trung xây dựng khối cơ động chiến lược mạnh làm công cụ chuyển sang tiến công lớn ở miền Bắc, giành một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược để kết thúc chiến tranh "trong danh dự".

11. *Victory at any cost*: Brassley's Inc, New York, 1997.

12. Virginia Louise Morris, tác giả cuốn *Đường mòn Hồ Chí Minh - con đường dẫn đến tự do*, Nxb. Orchid Press, London, 2005.

13. Westmoland: *A soldier reports*, Doubleday and Company, New York, 1976.

14. Tháng 9-1967 ở Vĩnh Linh, tháng 3-1971 trong Chiến dịch đường 9 - Nam Lào, tháng 4-1972 trong Chiến dịch Quảng Trị...

15. *Giap - An assessment* của Đại tướng Anh Peter Mac Donald được Jean Clem va Frank Straschitz dịch ra tiếng Pháp, Nxb. Perrin, Paris, 1992.

16. Head - to - head.

Chương I

Chặng đường từ chính trị đến vũ trang

1- Lần đầu gặp Nguyễn Ái Quốc

Từ cuối năm 1937 Chính phủ Pháp ngả dần sang hữu. Sau khi nội các Blum đổ, tháng 4-1938 một đảng viên cấp tiến phái hữu là Đalađiê (E. Daladier) lên cầm quyền ở Pari. Dựa vào tình hình chính trị nước Pháp ngày càng xấu đi, Toàn quyền Đông Dương Bơrêviê (G. Brévié) và bọn phản động thuộc địa thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng. Tại Hà Nội, nhiều cán bộ của Đảng bị trục xuất khỏi thành phố. Liên tiếp trong hai tháng 8 và 9-1939, hàng loạt toà báo ở Hà Nội và Sài Gòn bị khám xét, đóng cửa, trong đó có các tờ báo công khai của Đảng như *Notre voix, Tin tức, Dân chúng*. Nhiều người làm báo bị bắt. Riêng tại Hà Nội, đã diễn ra hơn 1.000 vụ khám xét, bắt bớ. Điều kiện hoạt động báo chí lúc này hết sức khó khăn. Trong khi mọi tờ báo tiến bộ bằng tiếng Việt và tiếng Pháp đều bị cấm thì chính quyền thuộc địa để cho các tờ *Tia sáng, Dân mới* và *Điện tín* của bọn trốtkít và tư sản mặc sức ca tụng đường lối phátxít hoá của Pari và chủ trương đàn áp cách mạng của bọn cầm quyền ở Đông Dương. Từ tháng 9-1939, điều kiện hoạt động bán công khai, bán hợp pháp không còn, nhất là chỉ ít ngày sau khi phátxít Đức tiến công Ba Lan mở đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, Catru (G. Catroux - Toàn quyền Đông Dương vừa nhậm chức) đã ban hành lệnh cấm Đảng Cộng sản hoạt động.

Dự kiến trước tình hình, từ đầu năm 1939, Xứ uỷ Bắc Kỳ đã ra chỉ thị khẩn trương củng cố và phát triển cơ sở đảng và cơ sở cách mạng ở nông thôn, đề phòng khi bất trắc sẽ rút vào hoạt động bí mật. Cuối năm, cuốn *Công tác bí mật* được lưu hành trong các cấp uỷ đảng, hướng dẫn phương thức chuyển vùng và chuyển vào hoạt động bí mật. Riêng tại Hà Nội, tình thế không cho phép bộ ba Trường Chinh - Phạm Văn Đồng - Võ Nguyên Giáp hoạt động báo chí công khai như trước. Các ông biết rằng từng cử chỉ và hành động trong lúc này đều bị mật thám theo dõi rất chặt. Không những các ông phải chuyển vào hoạt động bí mật mà nhiều khi còn phải rời khỏi thành phố, mỗi người một ngả tạm lánh về các cơ sở ở ngoại thành. Riêng Võ Nguyên Giáp vẫn ở lại nội thành, tiếp tục công việc công khai hợp pháp của mình là giảng dạy ở trường Thăng Long, vừa nóng lòng chờ đợi chỉ thị về chủ trương của Đảng trong tình hình mới, vừa hết sức cảnh giác đề phòng sự rình rập của bọn mật thám. Thời gian chờ đợi căng thẳng kéo dài chừng hơn nửa năm. Cho đến khoảng tháng 4-1940, mới có liên lạc bí mật của ông Hoàng Văn Thụ - Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ đến báo lên gặp ở Chèm, ngoại thành Hà Nội.

Sau khi truyền đạt nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương họp đầu tháng 11 vừa qua mà tinh thần chủ yếu là chuyển hướng từ đấu tranh dân chủ, dân sinh sang trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, không hợp pháp, chuẩn bị điều kiện trực tiếp cho việc vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, ông Thụ nhấn mạnh chủ trương của Đảng "dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc", chủ trương từng bước chuẩn bị lực lượng vũ trang, sẵn sàng phát động chiến tranh du kích khi có thời cơ. Cuối cùng, ông Hoàng Văn Thụ cho biết, theo quyết định của Đảng, hai ông Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp sang Hoa Nam gặp Nguyễn ái Quốc để nhận nhiệm vụ.

Chị Quang Thái mới sinh cháu gái. Niềm vui làm cha mới được hơn 4 tháng đã đến ngày Võ Nguyên Giáp lên đường. Hai ngày thứ năm và thứ sáu, ông cố thu xếp dạy dồn cả bài của ngày thứ bảy, nhằm tạo nên khoảng thời gian cuối tuần dài hơn bình thường để có lý do vắng mặt ở trường. Một bức thư đã viết sẵn, được người nhà bỏ từ Quảng Bình, báo với Giám đốc trường là Hoàng Minh Giám rằng ông về thăm quê bị mệt chưa ra được. Chiều hôm đó, chị Thái bế bé

Hồng Anh đứng đợi dưới một gốc cây lớn trên đường Cổ Ngư để tiễn chồng. Người qua lại tưởng như cặp vợ chồng trẻ bồng con đứng hóng mát bên hồ. Quang Thái mong chồng lên đường an toàn, giữ gìn sức khoẻ và thống nhất với ông Giáp là sẽ tìm người tin cậy gửi bé Hồng Anh để có điều kiện tiếp tục hoạt động. Không ai ngờ rằng chiều hôm ấy lại là buổi chia tay vĩnh viễn giữa hai người bạn đời, hai người đồng chí.

Đêm đó hai ông Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp nghỉ tại một quán cơm nhỏ cuối đường Yên Phụ, Hà Nội. Chỗ nghỉ đêm an toàn cũng như vé tàu hoả do thầy giáo Minh[1], người của ông Hoàng Văn Thụ lo liệu. Sáng hôm sau, hai người ra ga Đầu Cầu lên tàu đi Lào Cai. Để tránh con mắt soi mói của mật thám và để dễ bề ứng phó, lên tàu hai người ngồi hai nơi, ông giáo Minh đi chuyến tàu sau, hẹn gặp nhau ở Yên Bái để cùng đi tiếp. Trải qua những giờ phút cảnh giác, thấp thỏm, nhưng rồi chặng đường đầu tiên diễn ra an toàn. Khi đoàn tàu dừng lại cách thị xã Lào Cai một ga, cả ba người xuống tàu, xen lẫn vào đám hành khách. Nắm vững thung thổ và đã có chuẩn bị từ trước, ông Minh dẫn hai người ra một khu rừng vắng, đến ven một con sông. Dòng sông Nậm Ti chia ranh giới giữa Lào Cai và Vân Nam vốn nhỏ bé, hiền hoà, lúc này đang mùa lũ chảy cuồn cuộn. Kiếm được một chiếc mảng nhỏ, ông Minh phải chở hai chuyến mới đưa được hai người sang bờ bên kia. Thật khó tránh khỏi những cảm giác bâng khuâng mới lạ khi vừa đặt chân sang bên này bờ sông, dù chỉ là bên này bên kia bờ nhưng đã là nơi đất khách quê người. Sau này, ông Giáp nhớ lại: "Quay nhìn lại núi non trùng điệp của Tổ quốc nằm bên kia sông, tình cảm lúc này thật khó tả. Non sông kia là của mình, nhưng lại nằm trong tay quân địch. Lúc phải xa đất nước, xa quê hương, cũng lại là lúc cảm thấy vừa thoát được vòng tù hãm".

"*Non sông*" trước mặt Võ Nguyên Giáp và được ông nói đến lúc này là miền thượng du Tây Bắc của Tổ quốc. Lúc này giả dụ nếu có ai đó biết về cuộc "xuất biên" của ông trên đường đi tìm Nguyễn ái Quốc, hẳn cũng chẳng hề nghĩ rằng cũng đúng vào những ngày thượng tuần tháng 5 này, 14 năm sau, tức là năm 1954, trên cả một vùng rừng núi trùng điệp với những địa danh như Lai Châu, Pha Đin, Cò Nòi, Tuần Giáo... sẽ cùng với Điện Biên Phủ đi vào lịch sử giải phóng dân tộc Việt Nam như một trong những chiến công hiển hách nhất của thế kỷ XX. Và con người - được sự lãnh đạo của Đảng và sự dìu dắt của Cụ Hồ - đã cùng nhân dân và quân đội làm nên chiến công lừng lẫy Điện Biên - chấn động địa cầu ấy lại chính là Võ Nguyên Giáp, lúc này đang đặt chân lên đoạn đường đầu tiên của cuộc trường chinh mà ông không hề nghĩ rằng có thể dài tới một phần ba thế kỷ.

Nếu mấy hôm trước trên đường Hà Nội - Lào Cai, các ông phải cảnh giác trước con mắt của bọn mật thám tay sai Pháp, thì từ đây, suốt hai ngày trên đoàn tàu Hồ Khẩu - Côn Minh, dù đã mặc bộ quần áo kiểu Tôn Trung Sơn và sắm vai Hoa kiều sinh trưởng ở nước ngoài mới về, ba người vẫn phải tìm cách tránh mặt bọn mật thám của Tưởng và nhân viên hoả xa soát vé và kiểm tra hộ chiếu. Nhờ nhanh nhạy và khôn khéo, những giờ phút căng thẳng trong tình thế lạ nước lạ cái và ngôn ngữ bất đồng cuối cùng cũng qua đi. Tàu vừa tới ga Côn Minh - thủ phủ tỉnh Vân Nam - các ông Vũ Anh, Hoàng Văn Hoan ra đón vội dẫn cả ba người đi quá lên phía trên để tìm đường vào thành phố, tránh sự soi mói của trạm kiểm soát ở ga. Đây là lần đầu tiên ông Giáp gặp các ông Vũ Anh và Hoàng Văn Hoan. Mấy ngày sau, thêm ông Phùng Chí Kiên và một người mới từ Diên An về là Cao Hồng Lĩnh. Tuy lần đầu gặp nhau nhưng như đã thân quen từ lâu.

Các ông cho biết, công tác của hai ông Đồng và Giáp phải đợi đồng chí Vương quyết định. Tuy không ai nói, nhưng qua khẩu khí của mọi người mỗi khi nói đến đồng chí Vương, Võ Nguyên Giáp liên tưởng đến người đã từng được nghe tiếng từ hồi còn ở Quốc học Huế và luôn ước ao được gặp. Người đó là Nguyễn ái Quốc, lúc này đang đi công tác vắng.

Mấy tuần chờ đợi qua đi bằng những buổi tranh thủ học tiếng Trung Quốc bên bờ Thuý Hồ, một thắng cảnh của Côn Minh. Cho tới một ngày đầu tháng 6, Phùng Chí Kiên lại rủ Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp đi Thuý Hồ như thường lệ. Dọc đường ông Kiên cho biết đồng chí Vương đã về và hẹn hai người đến gặp. Một tình huống đã được chờ đợi từ lâu và biết trước sau thế nào cũng sẽ đến, vậy mà nghe Phùng Chí Kiên nói sắp gặp đồng chí Vương, Võ Nguyên Giáp không khỏi thoáng qua cảm giác hồi hộp. Chúng ta hãy nghe, 24 năm sau, ông kể lại giây phút khó quên đó trong cuộc đời hoạt động của mình: "Đến Thuý Hồ, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi, gày gò, có đôi mắt rất sáng, mặc một bộ quần áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt. Tôi nhận ra ngay chính là đồng chí Nguyễn ái Quốc. Nếu so với bức ảnh ngày trước tôi đã được xem thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều. Trước khi gặp Bác, tôi đoán con người Bác chắc hẳn phải có những cái gì rất đặc biệt, khác thường. Gặp Bác, tôi thấy Bác hoàn toàn không giống như những điều mình hằng tưởng tượng. Con người của Bác toát ra một cái gì rất trong sáng, giản dị. Chỉ có một điều làm tôi chú ý lúc bấy giờ là trong câu chuyện, Bác thường nói chen nhiều tiếng địa phương miền Trung. Không ngờ một người xa nước lâu năm như Bác mà vẫn giữ được tiếng nói quê hương.

Kể từ ngày còn là cậu học sinh Quốc học Huế, có trong tay *Bản án chế độ thực dân Pháp* với những cảm nghĩ đầu tiên về Nguyễn ái Quốc, đến lúc nhận ra người ngồi trên thuyền đúng là người mà mình ước ao được gặp, với Võ Nguyên Giáp đã trải qua trọn 15 năm. Đó chính là chặng đường dẫn ông đến và từ đây ông gắn bó cả cuộc đời cách mạng của mình với Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Để có được cuộc gặp gỡ ở Thuý Hồ hôm đó, Nguyễn ái Quốc đã mất bao công sức suốt hơn nửa năm qua. Các ông Phùng Chí Kiên và Vũ Anh kể lại rằng, sau khi nghe tin chiến tranh thế giới bùng nổ, Nguyễn ái Quốc nóng lòng chờ người từ trong nước ra để nắm tình hình và cho ý kiến chỉ đạo. Tháng 10 - 1939, tức một tháng sau khi Đức tiến công Ba Lan, ông Nguyễn từ Quế Lâm qua Liễu Châu - Nam Ninh đến Long Châu, nhưng vẫn không tìm được người cần gặp, ông lại quay về Quế Lâm. Tháng sau, từ Quế Lâm hai lần ông đi Quý Dương, cũng không gặp, lại tìm đường về Côn Minh. Mãi đến tháng 2 năm nay (1940), với biệt danh ông Trần, ông đến gặp Trịnh Đông Hải (tức Vũ Anh), khi đó đang đóng vai người làm thuê ở hiệu thuốc Vĩnh An Đường ở Côn Minh. Vũ Anh và Phùng Chí Kiên, hai cán bộ của Ban Hải ngoại của Đảng lúc đó đang hoạt động ở Hoa Nam, bố trí ông Nguyễn ở nhà Tống Minh Phương, một Việt kiều yêu nước tham gia cách mạng từ những năm 30. Trong một lần trao đổi ý kiến với Phùng Chí Kiên và Vũ Anh, ông Nguyễn ngỏ ý cần tìm đường về nước qua hướng Côn Minh - Khai Viễn - Lào Cai, nếu không tìm được đường nào an toàn và thuận lợi hơn. Ông chỉ thị cho Vũ Anh dùng xe của hiệu Vĩnh An Đường lên đón Đặng Văn Cáp và Hoàng Văn Lộc từ Quý Dương về, sau đó phái Bùi Thanh Bình và Hoàng Văn Lộc đi nghiên cứu tình hình tuyến đường Côn Minh - Hồ Kiều - một thị trấn thuộc tỉnh Vân Nam đối diện với thị xã Lào Cai. Đúng lúc đó thì Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp có mặt ở Côn Minh.

Ông Nguyễn hỏi hai người đồng chí trẻ của mình về tình hình trong nước, về Mặt trận dân chủ gần đây, về chuyện hai người làm báo... Ông nói với các ông về cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc, về thái độ hai mặt của Tưởng Giới Thạch trong việc hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc chống Nhật, về mưu đồ "Hoa quân nhập Việt" của bọn Tưởng và toan tính của bọn Việt Nam Quốc dân đảng[2] bám gót quân đội Tưởng để trở về Việt Nam. Ông cũng dự kiến âm mưu của phátxít Nhật đối với Đông Dương và nhận định rằng cuộc xung đột Nhật - Pháp là điều khó tránh khỏi.

Vài ngày sau, theo chỉ thị của ông Nguyễn, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp chuẩn bị lên đường đi dự khoá huấn luyện tại trường quân chính cao cấp của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Diên An. Khi giao nhiệm vụ, ông nhấn mạnh: Phải tranh thủ học tập về quân sự. Nguyễn ái Quốc đánh máy một giấy ký tên Hồ Quang, giới thiệu Phạm Văn Đồng (bí danh Lâm Bá Kiệt) và Võ Nguyên Giáp (bí danh Dương Hoài Nam) với biện sự xứ[3] của Bát lộ quân ở Quý Dương và Ban Giám hiệu ở Diên An. Chuyến đi do các đồng chí Trung Quốc tổ chức, nhờ một chiếc xe chở thuốc từ Côn Minh đi Quý Dương, xe của Tưởng nhưng lái xe lại là một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc. Ngồi trong chiếc xe chở đầy thuốc, các ông chịu đựng cảnh chật chội, nóng hè ngột ngạt, bụi đường suốt ba ngày. Tới nơi, hai ông được bố trí ở cơ quan đại diện của Bát lộ quân, đợi xe đi Diên An.

Mấy tuần lễ trôi qua, vẫn chưa có xe, nhưng với Võ Nguyên Giáp đấy không phải là quãng thời gian vô ích. Ngoài thời gian trồng rau giúp các đồng chí Trung Quốc ở biện sự xứ cải thiện sinh hoạt, ông dồn toàn bộ tâm trí vào việc trau dồi kiến thức quân sự. Trước đây, Võ Nguyên Giáp đã từng nghiên cứu Claudơuýt[4] và Napôlêông, đã từng viết cuốn *Muốn hiểu rõ tình hình quân sự ở Tàu*[5], giờ đây lần đầu tiên ông có điều kiện đọc Mao Trạch Đông, từ *Cuộc chiến đấu trên dãy núi Tĩnh Cương* (viết năm 1928) đến *Những vấn đề chiến lược trong chiến tranh chống Nhật* (1938) và đặc biệt là đọc kỹ *Chiến tranh du kích* (1937). Qua các tác phẩm trên, lần đầu tiên ông hiểu biết rõ hơn về Mao và đội quân cách mạng Trung Hoa. Ông quan tâm phân biệt cái gì giống, cái gì không giống Việt Nam và luôn đặt câu hỏi: Nếu vận dụng vào Việt Nam thì như thế nào? Có vận dụng được không? Ví dụ: ông Mao nói không thể khởi nghĩa ở thành thị có quân địch kiểm soát. Vậy Việt Nam thì sao? Vấn đề quan hệ giữa nông thôn và thành thị ở Việt Nam trong khởi nghĩa và chiến tranh có gì khác với Trung Quốc? Vấn đề khẳng định tư tưởng tiến công là tư tưởng chủ đạo trong chiến tranh du kích, v.v..

Không thể tiếp tục chờ quá lâu, sợ lộ trước mạng lưới đặc vụ của Tưởng ở Quý Dương, các đồng chí Trung Quốc quyết định thuê một chiếc xe riêng để đưa hai ông đi Diên An. Đúng vào lúc hai người chuẩn bị lên đường thì có tin ông Nguyễn nhắn hoãn đi Diên An, quay về đợi ông ở Quế Lâm. Mấy ngày sau mới biết nguyên nhân hoãn chuyến đi là do có tin quân Đức đã vào Thủ đô Pari. Thế là lần đầu tiên Võ Nguyên Giáp được cử đi dự một lớp huấn luyện quân sự, lại là một chuyến đi không thành. Từ đó cho đến suốt cuộc chiến tranh giải phóng lần thứ nhất, bước đường trưởng thành trong việc dùng binh của Võ Nguyên Giáp chỉ là những bài học thực tế rút ra từ chiến trường.

Mấy hôm sau, theo chỉ thị của ông Nguyễn, các ông Phùng Chí Kiên và Vũ Anh cũng có mặt ở Quý Dương để cùng Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp quay về Quế Lâm. Ông Kiên thông báo tình hình chiến sự đang diễn biến bên châu Âu và nhắc lại ý kiến mới đây của Nguyễn ái Quốc trong một lần trao đổi ý kiến sau khi nghe tin nước Pháp đầu hàng phátxít Đức. Ông Nguyễn nói: "Không ngờ Pari thất thủ nhanh đến thế. Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước càng sớm càng tốt để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng".

Ông Kiên và ông Anh còn cho biết thêm: Trong cuộc họp đó, có người băn khoăn vì chưa có vũ khí thì làm thế nào để cướp được chính quyền, ông Nguyễn giải thích: Khởi nghĩa thì phải có vũ khí. Đó là một vấn đề rất quan trọng của cách mạng. Nhưng nếu bây giờ có vũ khí cũng chưa có người mang. Ta không sợ thiếu súng, chỉ sợ thiếu người cầm súng thôi. Cho nên cứ tìm cách về nước đã, sau đó chúng ta sẽ vận động và tổ chức quần chúng. Khi quần chúng đã giác ngộ cao thì

ta sẽ có vũ khí. *Người trước súng sau* - một nội dung tư tưởng quân sự của Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh lần đầu "bén rễ" vào tư duy Võ Nguyên Giáp.

Cuối tháng 6, trở về tới Quế Lâm, mọi người được biết Hoàng Văn Lộc được cử đi nghiên cứu tình hình đường Côn Minh - Hồ Kiều đã quay trở về. Đường đó bị tắc, kế hoạch về nước qua hướng Lào Cai không có điều kiện thực hiện. Đồng thời các ông cũng được ông Nguyễn nhắn lại trước khi ông lên đường đi công tác, rằng phải khẩn trương nghiên cứu, tìm đường và chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng lên đường về nước được ngay.

Lúc này không khí chính trị ở Quế Lâm đã ngày càng trở nên căng thẳng, nhất là từ sau vụ quân Tưởng câu kết với quân Nhật thừa cơ đánh úp Tân tứ quân ở Giang Nam. Tình hình Quốc - Cộng "hợp tác" đang trải qua bước gay go. Do chính quyền Quốc dân đảng ở Quế Lâm cũng trở mặt khiến cán bộ Việt Nam hết sức thận trọng mỗi khi đi lại hoạt động. Chỉ cần sơ ý để lộ tung tích là cộng sản thì chắc chắn sẽ bị chúng bắt bớ, khủng bố. Đầu tháng 10, có tin quân Nhật đã vượt biên giới tràn vào Lạng Sơn. Trong lúc báo chí đưa tin bọn Pháp nhanh chóng cúi đầu khuất phục thì đồng thời lại có tin nói đồng bào ta ở vùng nào đó thuộc Lạng Sơn nhân cơ hội quân Pháp bỏ chạy đã nổi dậy cướp súng của Pháp, khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương và tổ chức lực lượng chống Pháp[6]. Hai ông Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp ngày càng thấy sốt ruột. Thời gian cứ trôi nhanh, tình hình có nhiều chuyển biến, vậy mà vẫn chưa có cách nào liên lạc được với Trung ương để chuẩn bị vượt biên giới về nước. Đúng lúc đó Nguyễn ái Quốc đi công tác cũng vừa về đến Quế Lâm. Các đồng chí Trung Quốc bố trí ông ở một ngôi nhà nhỏ, vách đất lợp lá ở vùng ngoại ô. Khi các ông đến, ông Nguyễn cùng mọi người ra một cánh đồng vắng, vừa như đi dạo mát vừa nói chuyện. Rồi một cuộc họp chớp nhoáng đã diễn ra trên bãi cỏ.

Nguyễn ái Quốc nói lại hành động phản bội của quân Tưởng vừa qua ở Giang Nam và nhắc mọi người phải đặc biệt tôn trọng nguyên tắc hoạt động bí mật, từ việc giữ gìn tài liệu sách, báo đến đi lại và đặc biệt là trong việc giao dịch với bọn Quốc dân đảng Trung Hoa trên danh nghĩa Việt Nam giải phóng đồng minh. Phải tuyệt đối không để lộ mình là cộng sản. Nghe Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp cho biết Lý Tế Thâm - một lãnh tụ của Quốc dân đảng Tàu ở Quế Lâm - vừa tiết lộ tin quân Tưởng theo lệnh của Đồng minh sắp vào Đông Dương, ông Nguyễn nhận định rằng dù quân Tưởng có vào Việt Nam để đánh Nhật, chúng cũng chỉ là đồng minh tạm thời. Nếu không thấy hết tính chất phản động của chúng thì rất nguy hiểm. Về bản chất chúng vẫn là kẻ thù, cho nên nhìn vấn đề "Hoa quân nhập Việt" không nên chỉ thấy mặt thuận lợi. Thà chúng không vào Việt Nam lại càng tốt cho ta hơn. Phân tích tình hình mọi mặt trên thế giới và riêng Đông Dương đang tiến triển thuận lợi, ông Nguyễn cho rằng không nên ở lại Quế Lâm lâu mà phải chuyển dần xuống hoạt động ở biên giới phía nam để rồi tìm cách về nước. Sau cuộc họp chớp nhoáng, trên đường về, ông gợi ý một vấn đề đặc biệt quan trọng để mọi người suy nghĩ. Ông Nguyễn nói về tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết dân tộc trong một Mặt trận thống nhất lúc này. Đảng đã từng thành lập Mặt trận qua các giai đoạn cách mạng. Trước tình hình hiện nay, cần hình thành một Mặt trận đoàn kết được các tầng lớp nhân dân hết sức rộng rãi. Nên gọi là Mặt trận gì, vừa có ý nghĩa, đồng bào dễ nhớ, lại có sức thu hút được đông đảo quần chúng. Qua đôi lần trao đổi, các ông nhất trí với ông Nguyễn, nên gọi là Việt Nam độc lập đồng minh - gọi tắt là Việt Minh. Tên đó sẽ được ông Nguyễn đề nghị với Trung ương trong hội nghị sắp tới.

2- Người trước - súng sau

Trong những ngày còn lưu lại ở Quế Lâm, hai ông Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp vẫn nhân danh Việt Nam giải phóng đồng minh để giao dịch với chính quyền Tưởng. Chính qua tiếp

xúc mà được biết Tư lệnh Đệ tứ chiến khu của Tưởng là Trương Phát Khuê đang dùng một người Việt Nam là Trương Bội Công, mang lon thiếu tướng của quân đội Tưởng, để xúc tiến việc thành lập một Đội công tác chuẩn bị cho Tưởng đem quân vào Việt Nam theo kế hoạch "Hoa quân nhập Việt". Qua đôi lần gặp gỡ Trương Bội Công do Lý Tế Thâm và Trương Phát Khuê giới thiệu, các ông khẳng định Trương là một tên đặc vụ, tay sai của Tưởng. Hắn khoác áo "cách mạng" từ thời Đông du nhưng đã sớm lộ chân tướng là một tên chống cộng. Biết Trương sẽ chuyển từ Liễu Châu về Tĩnh Tây (một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, giáp với hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn) để tiện triển khai kế hoạch đưa quân Tưởng vào Việt Nam, các ông quyết định lợi dụng hắn để có phương tiện về biên giới cho dễ dàng. Cũng qua việc tiếp xúc với Trương Bội Công mà hai ông biết y mới đón được một số thanh niên, phần lớn là dân tộc thiểu số ở Cao Bằng vừa từ trong nước chạy sang Tĩnh Tây để tránh cuộc khủng bố của Pháp đang diễn ra gay gắt ở bên kia biên giới. Sau khi nghe Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp báo cáo, ông Nguyễn nói đây là một cơ hội tốt để tổ chức đường liên lạc về nước. Ông khẳng định số thanh niên này là quần chúng tốt của ta, sang đây để tránh địch khủng bố. Giữa lúc lạ nước lạ cái, nghe Trương Bội Công đang tổ chức Đội công tác để vào Việt Nam đánh Nhật nên anh em tạm dựa vào hắn mà thôi. Phải khéo tìm cách đưa anh em ra khỏi sự kiểm soát của Trương Bội Công, tổ chức một lớp huấn luyện rồi đưa anh em trở về địa phương củng cố cơ sở hoạt động cũ và mở rộng phong trào ở Cao Bằng, tạo điều kiện khai thông đường liên lạc với miền xuôi.

Khoảng cuối tháng 11, vừa về tới Tĩnh Tây, các ông Cao Hồng Lĩnh, Vũ Anh và Võ Nguyên Giáp tổ chức cơ quan đại diện của Việt Nam giải phóng đồng minh để tiếp tục giữ mối quan hệ công khai hợp pháp với bọn Tưởng, nhưng mục đích chính là để liên lạc và tranh thủ được số hơn 40 thanh niên Cao Bằng đang ở trong vòng kiểm soát của Trương Bội Công. Hai ông Cao Hồng Lĩnh và Vũ Anh thường tìm cớ đến Sở Chỉ huy của Trương Bội Công để tìm hiểu tình hình. Vũ Anh nhận ra trong số cán bộ Cao Bằng có một người là Trần Sơn Hùng (tức Trần Văn Kỳ, tức Hoàng Sâm) đã từng quen biết hồi hoạt động ở Xiêm và ở Sơn Đầu (Quảng Đông - Trung Quốc). Qua mấy lần gặp gỡ và bí mật bàn kế hoạch với Hoàng Sâm, các ông đã đưa được toàn bộ 43 cán bộ Cao Bằng về Nậm Quang, Tĩnh Tây, một thị trấn ở phía nam Trung Quốc, sát với biên giới Cao Bằng.

Cũng khoảng thời gian này, đầu tháng 12-1940, ông Nguyễn cùng với Phạm Văn Đồng và Đặng Văn Cáp, đóng vai nhóm ký giả Trung Hoa công khai qua hướng Nam Ninh - Điền Đông đã về Tân Khu, một làng thuộc Tĩnh Tây, ở nhà một cơ sở vốn là một gia đình nghèo, người Trung Hoa. Tại đây, Nguyễn ái Quốc gặp Hoàng Văn Thụ vừa trong nước sang báo cáo tình hình và xin ý kiến về việc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương để kịp thời chỉ đạo phong trào trong tình hình mới. Hoàng Văn Thụ là người Lạng Sơn, đã từng hoạt động ở vùng Cao Bằng nên ông đề nghị ông Nguyễn về nước theo hướng này, vì dọc hành lang Tĩnh Tây - Cao Bằng cơ sở quần chúng vững vàng. Sau khi cùng Hoàng Văn Thụ nghiên cứu tình hình mọi mặt của Cao Bằng, ông Nguyễn nhất trí nhận định rằng Cao Bằng được xây dựng thành căn cứ địa sẽ mở ra triển vọng lớn cho phong trào cách mạng sắp tới. Không những Cao Bằng phong trào phát triển sớm, địa hình kín đáo lại sát kề biên giới, đường liên lạc với bên ngoài qua hướng Tĩnh Tây thuận lợi, lại tiện đường tiến về phía nam, về trung du và trung châu Bắc Kỳ qua hướng Bắc Cạn, Thái Nguyên. Ông Nguyễn giao nhiệm vụ cho Vũ Anh chuẩn bị về Cao Bằng trước để tìm địa điểm và xây dựng chỗ đứng chân, chuẩn bị đón ông cùng đoàn cán bộ từ Tĩnh Tây về hoạt động. Ông dặn Vũ Anh bàn thêm với Hoàng Văn Thụ trước khi đi.

Đầu tháng 1-1941, ông Nguyễn từ Tân Khu về Nậm Quang, cùng Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Đặng Văn Cáp bàn kế hoạch mở lớp huấn luyện chính trị cho số thanh niên Cao Bằng vừa thoát khỏi vòng kiểm soát của Trương Bội Công.

Hai làng Nậm Quang và Nậm Tấy, ở giữa một vùng dân tộc Nùng thuộc Tĩnh Tây sát biên giới Việt Nam, được chọn làm nơi mở lớp huấn luyện. Nhân dân ở đây đã ít nhiều chịu ảnh hưởng của cách mạng từ thời Hồng quân Trung Hoa còn hoạt động ở Quảng Tây. Mặc dù bà con rất quý những người cách mạng Việt Nam nhưng làng bản ở phân tán trên một vùng rừng núi hẻo lánh, kinh tế nghèo nàn, nên điều lo lắng đầu tiên đối với ông Đặng Văn Cáp là làm sao tiếp tế đủ lương thực cho chừng năm chục con người suốt khoá huấn luyện mấy tuần lễ. Mọi người, kể cả ông Nguyễn, đều góp công sức với "quản lý" Đặng Văn Cáp, từ việc đi lấy gạo, ngô do bà con địa phương ủng hộ về giã đến việc lên rừng kiếm củi. Một việc khác vô cùng quan trọng là xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu huấn luyện. Mục đích của lớp huấn luyện là bồi dưỡng cho số cán bộ Cao Bằng nắm được tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam, bồi dưỡng cho anh em phương pháp xây dựng và lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Việt Minh và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới. Dưới sự hướng dẫn kiên nhẫn, chu đáo từng bước của ông Nguyễn, các ông Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp phân công biên soạn từng nội dung đề mục huấn luyện. Chương trình huấn luyện do ông Nguyễn đề ra gồm bốn phần chính, thực chất cũng là nội dung chuẩn bị cho việc thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất sau này:

1. Tình hình thế giới và trong nước.

2. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại: đánh đuổi đế quốc phátxít Nhật - Pháp, giành độc lập tự do.

3. Cách tổ chức các đoàn thể cứu quốc của Việt Minh: Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Đội tự vệ, v.v..

4. Phương pháp công tác gồm 5 bước: điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện và đấu tranh[7].

Ông Nguyễn đề ra yêu cầu nội dung chính trị phải đúng đắn, lời lẽ phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, hợp với trình độ và suy nghĩ của quần chúng. Đã trải qua mấy năm giảng dạy ở trường Thăng Long, nhưng đối với Võ Nguyên Giáp đây là những bài học vỡ lòng về phương pháp tiến hành một khoá huấn luyện cho cán bộ về công tác giáo dục chính trị, công tác vận động quần chúng cách mạng. Đây cũng là lần đầu tiên ông tham gia xây dựng giáo án tập thể như thế này. Theo sự hướng dẫn của ông Nguyễn, sau khi từng người soạn thảo xong đề cương từng mục được phân công, tất cả họp lại, tập thể thông qua đề cương rồi mới viết. Viết xong lại họp, đọc cùng nghe và góp ý kiến bổ sung, sửa chữa. Nét độc đáo khiến Võ Nguyên Giáp đặc biệt chú ý là, trong phương pháp huấn luyện, ông Nguyễn rất coi trọng kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tiễn, học với hành. Sau mỗi mục, người dạy phải có nội dung hướng dẫn từng bước cho người học biết cách thực hành. Trong suốt khoá học, ông Nguyễn thường kiểm tra kết quả dạy và học bằng cách hỏi học viên: Học xong về địa phương phải làm gì và làm thế nào và chỉ thị kịp thời những điều người giảng cần giảng thêm, người học cần trao đổi thảo luận thêm. Trong buổi kiểm tra cuối khoá học, ông Nguyễn đóng vai người dân, làm đối tượng để học viên vận dụng những điều đã học vào công tác tuyên truyền giác ngộ. Thực tế cho thấy đây là một hình thức kiểm tra thiết thực và rất bổ ích. Bài học thứ hai mà Võ Nguyên Giáp thu hoạch được trong quá trình tham gia chỉ đạo khoá huấn luyện này là cách giáo dục của ông Nguyễn về quan hệ giữa cán bộ cách mạng với quần chúng nhân dân. Ông đề ra cho mọi người năm điều nên làm và năm điều

nên tránh trong quan hệ với dân[8]. Hôm khai giảng lớp học, ông cùng mọi người đi lấy củi giúp dân. Lớp học kết thúc đúng vào dịp Tết, ông dẫn cán bộ đến chúc Tết mọi gia đình ở hai làng Nậm Quang và Nậm Tấy.

Lớp huấn luyện bế mạc sau gần ba tuần học tập, hơn 40 anh em Cao Bằng vượt biên giới trở về cơ sở cũ, chủ yếu là hai châu Hà Quảng và Hoà An để xây dựng phong trào chính trị quần chúng. Hôm giao nhiệm vụ cho anh em về nước, ông Nguyễn căn dặn: Việc trước tiên là chúng ta phải có chỗ đứng chân. Lúc đầu là những điểm nhỏ, sau mở rộng thành nhiều điểm to rồi nối lại với nhau thành căn cứ. Chỗ đứng chân phải vững chắc. Vững chắc nhất là lòng dân. Chúng ta không sợ địch, chỉ sợ lòng dân không theo mà thôi... Thực tế năm 1941 đã chứng minh 43 cán bộ này là những hạt giống đầu tiên được ông Nguyễn gây mầm một cách bài bản lại được ông gieo xuống mảnh đất do ông lựa chọn để xây dựng căn cứ địa cách mạng. Những hạt giống này đã bén rễ và lan rộng, lan nhanh đến từng thôn bản trong vùng Cao Bằng, tạo nền tảng chính trị vững chắc cho việc khai sinh Mặt trận dân tộc thống nhất nói riêng và cho phong trào chính trị rộng lớn toàn căn cứ địa Việt Bắc nói chung trong suốt quá trình chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa. Trong số 43 thanh niên này, nhiều người như Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang... sẽ trở thành cán bộ cao cấp trong lực lượng vũ trang, đảm nhiệm nhiều trọng trách trong Quân đội nhân dân Việt Nam trong suốt quá trình khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng sau này.

Ngày 28-1-1941 (mồng 2 Tết), Nguyễn ái Quốc cùng Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, Hoàng Văn Lộc và Thế An, do Lê Quảng Ba dẫn đường[9], vượt biên giới về nước theo hướng Cao Bằng. Võ Nguyên Giáp cùng Phạm Văn Đồng và Hoàng Văn Hoan trở lại Tĩnh Tây với chỉ thị của ông Nguyễn là cố gắng đào tạo một số cán bộ quân sự rất cần thiết cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và phát động chiến tranh du kích, tiến lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ. Số cán bộ tham gia lớp huấn luyện quân sự này sẽ do Hoàng Văn Thụ chọn lọc và tổ chức đưa sang ngay sau khi về nước.

Vấn đề đặt ra với Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn Hoan là làm thế nào để tổ chức được một khoá huấn luyện quân sự trong điều kiện hoạt động đang gặp khó khăn ở nước ngoài. Các ông lại đều chưa có "vốn" quân sự, cơ sở vật chất, trường sở, giáo viên đều không có... Diên An thì quá xa và trước mắt chưa có điều kiện gửi đi. Các ông bàn và đi đến chủ trương, nhân danh Việt Nam giải phóng đồng minh hội, nhờ Quốc dân đảng Trung Hoa giúp mở một lớp huấn luyện quân sự. Có ý kiến nêu lên là có thể Quốc dân đảng nhận lời nhưng không tránh khỏi chúng đưa vào chương trình huấn luyện những nội dung chính trị phản động. Bởi vậy cần chọn những đồng chí học viên vững vàng, sẵn sàng "bỏ ngoài tai" phần chính trị phản động của chúng và tiếp thu thật tốt phần quân sự để có những hiểu biết cần thiết cho công việc huấn luyện quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang và chiến đấu sau này. Ông Giáp được giao nhiệm vụ giao thiệp với Quốc dân đảng.

Sau khi về nước, trong hai tháng 3 và 4-1941, Nguyễn ái Quốc thường cải trang thành thầy địa lý (phong thuỷ) để trở lại Tĩnh Tây kiểm tra việc chuẩn bị đào tạo cán bộ quân sự. Ông thường ở nhà ông Trương Đình Duy ở Long Lâm. Ông Nguyễn đồng ý cho giao thiệp với Quốc dân đảng để nhờ tổ chức lớp huấn luyện quân sự và cho biết Hoàng Văn Thụ sẽ cử anh em học viên là đảng viên sang ngay sau khi tập trung đủ vào khoảng giữa năm 1941. Ông Nguyễn thông báo cho các ông về tình hình tiến triển tốt của phong trào cách mạng trong nước, tình hình xây dựng căn cứ địa Cao Bằng, sự ra đời của Đội du kích Bắc Sơn sau cuộc khởi nghĩa. Cuối tháng 4 vừa qua, hai ông Hoàng Văn Thụ và Vũ Anh đã tổ chức cuộc họp cán bộ tỉnh Cao Bằng, đặc biệt là cán bộ ba châu Hoà An, Hà Quảng và Nguyên Bình - những địa phương có phong trào quần

chúng phát triển - để rút kinh nghiệm về tổ chức thí điểm Việt Minh. Hội nghị khẳng định công tác xây dựng các đoàn thể cứu quốc, mở đầu bằng lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh, đã đạt kết quả rất khả quan. Hơn 40 "hạt giống đỏ" đã thực sự đâm hoa kết trái trên mảnh đất căn cứ địa cách mạng, từ đó đã cho phép rút ra những kinh nghiệm đầu tiên về động viên tổ chức nhân dân vào các đoàn thể cứu quốc, làm cơ sở cho Hội nghị Trung ương sắp tới bàn về thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất.

Sau khi ông Nguyễn chấp nhận chủ trương nhờ Quốc dân đảng Trung Hoa mở lớp đào tạo cán bộ quân sự, tháng 4-1941, Võ Nguyên Giáp trở lại Quế Lâm gặp Lý Tế Thâm. Lý đồng ý giúp Việt Nam giải phóng đồng minh mở một lớp huấn luyện quân sự ở Điền Đông, một lớp huấn luyện về công tác phá hoại ở Tĩnh Tây và tiếp đó sẽ mở một lớp đào tạo báo vụ viên vô tuyến điện ở Liễu Châu. Lý hy vọng những lớp huấn luyện này sẽ phục vụ cho kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" của Quốc dân đảng Trung Hoa sau này. Giữa năm 1941, một số chừng hơn 10 cán bộ từ trong nước được Hoàng Văn Thụ cử ra, trong đó có các ông Hoàng Văn Thái, Nam Long, Quang Trung, Thanh Phong... Hoàng Văn Thái (tức Hoàng Văn Xiêm, tức Nông Quốc Bình), một thanh niên 26 tuổi, trên ba tuổi Đảng, đã từng dự lớp huấn luyện quân sự ngắn ngày ở Hiệp Hoà - Bắc Giang và tham gia chiến đấu ở Bắc Sơn - Võ Nhai - Tràng Xá sau khi nổ ra cuộc khởi nghĩa tháng 9 năm trước. Thời gian hoạt động trong hàng ngũ du kích Bắc Sơn tuy không lâu nhưng đã giúp ông những kiến thức cụ thể về quân sự và vận dụng vào thực tế chiến đấu du kích và nhất là chống địch càn quét. Từ Bắc Sơn, Hoàng Văn Thái được lệnh lên đường sang dự lớp huấn luyện quân sự ở Điền Đông. Ngoài việc học tập, Hoàng Văn Thái còn được Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ lãnh đạo chính trị tư tưởng anh em học viên Việt Nam ở Điền Đông và cùng Hoàng Điền và Vũ Trường Khê phân hoá và lôi kéo bằng được số thanh niên do Hoàng Lương (nhân danh "Phục quốc quân") cầm đầu, cũng đang được Đoàn huấn luyện cán bộ Đệ tứ chiến khu của Quốc dân đảng huấn luyện ở Đại Kiều, gần Liễu Châu. Mối quan hệ Võ Nguyên Giáp - Hoàng Văn Thái hình thành từ đó và người đồng chí kém 4 tuổi ấy sẽ trở thành trợ thủ đắc lực của Võ Nguyên Giáp trong suốt cuộc đời binh nghiệp sau này.

Trong những ngày ở Tĩnh Tây, các ông Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn Hoan thường thay nhau về Cao Bằng báo cáo tình hình với ông Nguyễn. Lần đầu tiên, sau khi thu xếp và ổn định lớp học quân sự do Quốc dân đảng giúp huấn luyện, Võ Nguyên Giáp theo một đồng chí giao thông dẫn đường vượt biên giới về nước. Lần ấy, chặng đường Tĩnh Tây - Cao Bằng đã để lại trong tâm khảm Võ Nguyên Giáp những cảm nghĩ khó quên. Hơn 20 năm sau, ông nhớ lại: "Thấm thoắt đã một năm trời xa Tổ quốc. Đặt chân lên dải đất quê hương, lòng chẳng khỏi bồi hồi. Mỗi bước đi thấy trong người ấm áp hơn lên. Chỉ vừa mới đi thêm mấy bước chân mà trước đó thì thấy như còn ở rất xa, lúc này lại thấy như đã ở gần nhà".

Lần đầu tiên Võ Nguyên Giáp có mặt trên mảnh đất biên giới Đông Bắc của Tổ quốc thân yêu. Trước mắt ông là quang cảnh hùng vĩ của một vùng núi non hiểm trở, địa đầu của cả một đất nước còn dưới ách thống trị của kẻ thù. Ông bỗng nhớ lại cái ngày cùng Phạm Văn Đồng vượt sông Nậm Ti tháng 5 năm trước. Lần ấy, hai người luôn phải ngó trước ngó sau mong sao nhanh chóng thoát khỏi con mắt cú vọ của bọn mật thám. Giờ đây cũng là cảnh vượt qua biên giới, nhưng là "về nhà mình", là trở về nơi căn cứ đầu nguồn của cách mạng. Người giao thông đưa anh đến chỗ ở của ông Nguyễn, bây giờ được bà con địa phương gọi là già Thu. Lần đầu tiên Võ Nguyên Giáp nghe nói ông Nguyễn còn một cái tên chính thức là Hồ Chí Minh. Anh em trong cơ quan cho biết, từ sau Hội nghị Trung ương, có người gọi ông là Bác, là ông Cụ, ông Ké. Còn Võ Nguyên Giáp, trở về nước lần này cũng với cái tên mới: *Anh Văn*, chỉ chừng vài tháng nữa, tuổi sẽ vừa tròn 30.

Tổng hành dinh của Cụ Hồ lúc này là hang Cốc Bó (tiếng địa phương là đầu nguồn) thuộc địa phận làng Pác Bó, xã Trường Hà, châu Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, sát ngay biên giới Việt - Trung. Ông Cụ giới thiệu với anh Văn con suối mà Cụ đặt tên là "suối Lênin", nơi Cụ đang ngồi trên phiến đá, một dòng nước từ khe núi chảy ra trong vắt. Cụ như có ý chờ đợi để báo cho Võ Nguyên Giáp một tin vui, rất quan trọng, đó là Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám vừa họp trung tuần tháng 5. Ông Cụ nói tóm tắt mấy nội dung lớn trong Nghị quyết Hội nghị, như nhận định về tình hình thế giới và trong nước, xác định nhiệm vụ cách mạng Việt Nam, quyết định việc thành lập Mặt trận Việt Minh và chủ trương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, chủ trương duy trì và phát triển cơ sở du kích Bắc Sơn - Võ Nhai, đồng thời củng cố và mở rộng phong trào Cao Bằng, xây dựng Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai thành hai trung tâm cách mạng ở Việt Bắc, làm chỗ đứng chân trong quá trình xây dựng và phát triển lực lượng, tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ. Võ Nguyên Giáp rất mừng khi nghe nói ông Trường Chinh cũng từ miền xuôi lên dự Hội nghị Trung ương và được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Ông Giáp thầm tiếc không được gặp ông Trường Chinh để hỏi thăm tình hình Hà Nội và tin tức gia đình một năm qua. Ông Cụ nói ông Giáp dành thời gian nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Trung ương, Chương trình Việt Minh và đặc biệt là phần nói về việc chuẩn bị tiến tới phát động chiến tranh du kích cục bộ, vũ trang khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền trong từng địa phương và Nghị quyết về tổ chức Đội Tự vệ cứu quốc.

Một lần khác về nước, ông Cụ bảo "chú Văn" không trở lại Tĩnh Tây nữa. "Phong trào trong nước đang cần sự có mặt của chú". Lúc này ông Cụ đã quyết định ra một tờ báo để động viên cổ vũ phong trào và giao cho ông Giáp giúp chăm lo việc này. Tên tờ báo hướng theo mục tiêu chính trị của Đảng, của Mặt trận: *Việt Nam độc lập* - và để đồng bào dễ nhớ, ông Cụ chỉ dùng hai từ: *Việt Lập.* Điều kiện làm báo của ông Giáp lúc này, cả về nội dung bài viết cũng như cơ sở vật chất, khác xa so với hồi nhà báo Võ Nguyên Giáp ở Huế hay Hà Nội những năm 30. Báo in trên một mặt đá vốn là một cái bia, bà con địa phương mày mò mãi mới kiếm được và cả ông Cụ và anh em trong cơ quan phải thay nhau mài mấy ngày liền mới hết chữ nho khắc trên bia. Giấy in báo nhờ đồng bào mua dần trong từng phiên chợ, tích cóp lại. Báo chỉ có hai trang, khổ báo lại quá nhỏ, thế nhưng ông Cụ lại dặn phải viết chữ to để đồng bào dễ đọc, như vậy cũng có nghĩa là không thể viết dài. Cụ "khoán" mỗi bài không quá một trăm từ, vì "viết dài hơn không có chỗ đăng đâu", và chữ nghĩa lại phải nôm na, dễ hiểu. Lần đầu tiên trong cuộc đời cầm bút, nhà báo Võ Nguyên Giáp "cảm thấy khó quá"!

Nhưng rồi, vượt qua mọi khó khăn, số đầu tiên của *Việt Lập* (đánh số từ 101) ra mắt bạn đọc ngày 1-8-1941. Lúc đầu mỗi tháng báo ra 1 kỳ, mỗi kỳ mấy chục tờ và chỉ 2 trang, sau nhanh chóng nâng lên 2 - 3 kỳ, mỗi kỳ hàng trăm tờ, cao nhất có số ra 400 tờ, với số trang cũng nâng lên cao nhất là 4 trang[10]. Dưới bút danh Kim Oanh, Bé Con, Xung Phong..., ông Cụ là người viết cho *Việt Lập* nhiều nhất, phần lớn là thể loại thơ ca. Tờ báo đã sớm phát huy tác dụng to lớn đối với công tác vận động chính trị quần chúng, đó là điều Võ Nguyên Giáp nhận thấy mỗi khi có dịp đến công tác tại các địa phương. Nó được tổ chức đọc ở các làng bản, trong mỗi cuộc họp của các hội cứu quốc. Do bài viết ngắn gọn, đơn giản, rõ ràng, nội dung chính trị đúng đắn, có tác dụng giác ngộ và dẫn dắt nhân dân, nên được mọi người thích nghe, thích đọc. Tờ báo đã làm đúng chức năng, nhiệm vụ phục vụ đông đảo quần chúng mà ông Cụ nêu lên ngay trong số đầu tiên là:

Làm cho ta mở mắt mở tai,

Cho ta biết đó biết đây,

Ở trong việc nước, ở ngoài thế gian,

Cho ta biết kết đoàn tổ chức,

Cho ta hay sức lực của ta,

Cho ta biết chuyện gần xa,

Cho ta biết nước non ta là gì...!

Ít lâu sau, Cụ Hồ giao cho Võ Nguyên Giáp nhiệm vụ đi tổ chức các lớp huấn luyện chính trị lưu động ở các địa phương, bắt đầu từ châu Hoà An (bí danh là châu Trần Phú). Lúc này phong trào cách mạng đã phát triển khá sâu rộng trong nhiều tổng, nhưng chưa đều, chưa vững chắc, mặc dù ở Hoà An đã có nhiều xã hoàn toàn[11]. Tình thế không những đòi hỏi phải không ngừng củng cố mà còn phải nhanh chóng mở rộng phong trào quần chúng trong toàn căn cứ địa Cao Bằng, tạo cơ sở chính trị vững chắc tiến tới vũ trang quần chúng, phát động chiến tranh du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền trong từng địa phương, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 5-1941.

Cải trang thành một người dân địa phương, quần áo chàm, chiếc mũ nồi và chiếc túi bằng vải chàm đeo sau lưng, anh Văn nhập vai một "thầy giáo vùng cao" đến với đồng bào các dân tộc. Cẩm nang quan trọng nhất trong chiếc túi vải đó là tập *Con đường giải phóng,* tài liệu được biên soạn cho lớp huấn luyện ở Tĩnh Tây, đã được bổ sung, chỉnh lý và đóng thành sách.

Nơi được các đồng chí địa phương chọn mở lớp huấn luyện đầu tiên là một cái hang rộng giữa một vùng núi đá rậm rạp thuộc một xã hoàn toàn. Địa phương tổ chức cho tự vệ bí mật canh gác ngày đêm chung quanh hang để bảo đảm cho lớp học an toàn. Học viên gồm chừng 10 cán bộ địa phương, cả nam và nữ được chọn đi học, mang theo lương thực - thực phẩm để tự nấu ăn hằng ngày. Nội dung huấn luyện gồm tình hình thế giới, trong nước, nhiệm vụ và mục đích đánh Pháp đuổi Nhật, cách tiến hành năm bước công tác bí mật, cách tổ chức và điều hành hoạt động của các đoàn thể cứu quốc... Điểm mới trong chương trình huấn luyện lần này là còn bao gồm cả cách tổ chức các đội tự vệ và công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Trong quá trình huấn luyện chính trị phổ thông theo chương trình trên đây, "thầy giáo vùng cao" Võ Nguyên Giáp còn chú ý tới những học viên đã tham gia phong trào từ sớm để bồi dưỡng thêm về chủ nghĩa cộng sản, chuẩn bị điều kiện kết nạp Đảng sau này.

Các lớp huấn luyện chính trị liên tiếp được tổ chức từ tổng nọ sang tổng kia suốt mấy tháng. Đến khoảng tháng 3-1942, trong một lần anh Văn về báo cáo, nhận thấy công tác huấn luyện chính trị đạt kết quả tốt, phong trào Hoà An đã được củng cố và mở rộng, Cụ Hồ chỉ thị chuyển sang châu Nguyên Bình, một châu phong trào chưa phát triển mạnh, nhất là trên các bản vùng cao. Cùng tham gia huấn luyện với Võ Nguyên Giáp lần này, có Lê Thiết Hùng, một cán bộ của Đảng đã từng hoạt động nhiều năm trong cơ quan tham mưu chiến lược của quân đội Tưởng, mới theo Cụ Hồ về nước. Khi giao nhiệm vụ, ông Cụ nhắc hai ông: "Chú Văn phải chú trọng thêm quân sự, chú Hùng chú trọng thêm chính trị".

Sau mấy lớp mở ở vùng đồng bào Tày, Nùng, theo kế hoạch đã định, anh Văn chuyển lên vùng đồng bào Mán trắng. Nỗi khó khăn của các "thầy giáo vùng cao" không chỉ là theo giao thông người địa phương, kín đáo phát cây mở đường tiến từng bước theo đường chim bay trên các triền núi đá, mà điều khó khăn hơn cả là không ít cán bộ và thanh niên được cử về dự lớp huấn luyện nhưng không biết tiếng Kinh. Giải nghĩa những danh từ chính trị phổ thông với những đối tượng

như vậy thật không giản đơn. Khả năng "phiên dịch" của một vài cán bộ địa phương (được coi là thông thạo tiếng Kinh, như Hồng Trị, Bình Dương) cũng không đáp ứng yêu cầu giải nghĩa được hết nội dung bài giảng. Không ít trường hợp "thầy giáo vùng cao" phải mang hết tài hoạ sĩ của mình ra để diễn đạt bằng hình vẽ, giúp cho học viên hiểu được bài giảng dễ dàng hơn. Từ thực tế tiếp xúc với đồng bào Mán trắng, Mán tiền, anh Văn tự đặt cho mình một yêu cầu là nhanh chóng học tiếng địa phương - học tiếng nói của bà con để mang ánh sáng của cách mạng đến với bà con.

Kết quả thật không ngờ. Suốt thời gian làm công tác vận động chính trị quần chúng và tham gia các buổi sinh hoạt với các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ, vốn tiếng Tày, tiếng Mán không những giúp Võ Nguyên Giáp trong những buổi lên lớp chính trị mà còn tạo điều kiện cho ông dịch và chuyển thành văn vần những tài liệu phổ thông của Mặt trận Việt Minh, góp phần vào công tác giáo dục chính trị cho đồng bào các dân tộc. Việc chuyển thể *Việt Minh ngũ tự kinh* thành văn vần tiếng địa phương đã làm cho tài liệu đó trở thành bài hát mang tính quần chúng, rất phổ cập của các hội viên phụ nữ và nhi đồng trong nhiều thôn bản.

Suốt thời gian dài thực sự hoà mình vào phong trào, không những Võ Nguyên Giáp đã góp phần quan trọng mở rộng và củng cố chỗ đứng chân của cách mạng trên nhiều địa bàn, từ vùng thấp đến vùng cao của các châu Hoà An và Nguyên Bình, mà điều quan trọng nữa là ông đã rút ra những kết luận rất cơ bản, chứng minh luận điểm của Nguyễn ái Quốc về vai trò quần chúng trong cách mạng nói chung, trong xây dựng căn cứ địa nói riêng. Hơn 20 năm sau, ông viết: "Qua những lớp huấn luyện tại Hoà An và Nguyên Bình, càng thấy rõ, trong khi vận động quần chúng làm cách mạng, nếu nói lên được nguyện vọng nóng bỏng của quần chúng, những điều liên hệ mật thiết đến đời sống của quần chúng, thì quần chúng rất dễ tiếp thu, công tác vận động sẽ có một sự hấp dẫn đặc biệt, sẽ thúc đẩy mạnh mẽ quần chúng tiến lên con đường đấu tranh. Một điều khác tôi đã nhận ra là, với những tâm hồn rất chất phác, trong trẻo của đồng bào miền núi, khi cách mạng đã đem đến cho họ một lòng tin, thì không có sức nào lay chuyển được lòng tin đó".

Với kết quả mở rộng cơ sở chính trị vững chắc ở Nguyên Bình, Cụ Hồ chỉ thị bước tiếp theo cho các ông Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng là tiến dần xuống phía nam, bắt đầu từ tổng Kim Mã - một địa bàn chưa có tổ chức cứu quốc vững mạnh - để xây dựng thành một bàn đạp phát triển xuống phía Bắc Cạn, tạo thành một đầu cầu, sẵn sàng thực hiện chủ trương Nam tiến.

Một điều kiện thuận lợi khá cơ bản lúc này là "vốn" tiếng địa phương của anh Văn đã khá vững vàng, kể cả tiếng Tày, Nùng và tiếng Mán. Do dùng được tiếng địa phương để giải nghĩa nên các lớp huấn luyện cũng rút ngắn được thời gian, diện hội viên cứu quốc được dự huấn luyện rộng hơn, phổ cập hơn. Nhờ vậy, phong trào phát triển khá thuận lợi ở tổng Kim Mã. Các đoàn thể cứu quốc nhanh chóng hình thành ở xã rồi nhiều xã trong tổng. Nhưng hai ông Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng sớm nhận thấy một thực tế là, Kim Mã là vùng thấp, gần đường cái, tiện đường cho địch đưa lính về khủng bố, phong trào rất dễ gặp khó khăn nếu không khẩn trương xây dựng cơ sở làm chỗ đứng chân vững chắc ở vùng cao để duy trì và hỗ trợ phong trào khi cần thiết. Xung quanh Kim Mã đều là núi, nơi sinh sống của đồng bào Mán tiền, với từng xóm nhỏ heo hút vài ba mái nhà cheo leo trên sườn núi. Việc mở rộng phong trào lên vùng đồng bào Mán tiền không những cấp thiết để hỗ trợ cho vùng thấp mà còn tạo bàn đạp để phát triển xuống hướng Bắc Cạn và sang hướng Lạng Sơn trước yêu cầu mở rộng căn cứ địa cách mạng. Một vấn đề mới được đặt ra trước hai "thầy giáo vùng cao" lúc này là vận dụng kinh nghiệm vận động

quần chúng vừa qua vào điều kiện đồng bào Mán tiền như thế nào, cho phù hợp trình độ và nhất là phong tục tập quán của đồng bào.

Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng đã dựa vào Trọng Khánh, một hội viên trung kiên, quen biết nhiều bà con trên vùng cao Cẩm Lý. Trọng Khánh đã giới thiệu để các ông "bắt rễ" một người bạn thân thiết của mình. Sau khi được tuyên truyền tôn chỉ mục đích của hội, người bạn của Trọng Khánh đồng ý xin vào hội. Có điều mới là, theo ý kiến của Trọng Khánh, dựa vào phong tục địa phương và yêu cầu của người hội viên mới, trong buổi lễ kết nạp vào hội, nên làm lễ ăn thề. Mấy nén nhang được thắp lên, một bát nước suối, người hội viên được kết nạp thề "một lòng trung thành với hội, không phản bội, không bỏ hội. Nếu làm trái lời thề, sẽ như những cây hương này" và mấy nén nhang đang cháy bị nhúng xuống bát nước.

Từ đấy, thông qua Đồng Minh - bí danh các ông đặt cho người hội viên mới - phong trào trên vùng cao thuộc tổng Kim Mã phát triển rất nhanh, từ Cẩm Lý sang Nậm Ti, Khuổi Mán, hình thành chỗ đứng chân ngày càng mở rộng làm bàn đạp tiến xuống phía nam, theo hướng Ngân Sơn, Chợ Rã.

Đúng như các ông phán đoán, giữa lúc phong trào đang phát triển, địch từ mấy hướng kéo vào bao vây tổng Kim Mã. Nhận thấy cơ sở mới được xây dựng, nhân dân chưa có kinh nghiệm chống khủng bố, nếu cán bộ rút đi thì phong trào rất dễ bị tan vỡ, nên hai ông quyết tâm bám địa phương để cùng cán bộ cơ sở chỉ đạo duy trì phong trào. Một khó khăn là đúng lúc này cả hai thường bị sốt rét, nhất là Lê Thiết Hùng. Lo cho sức khoẻ và sự an toàn của hai người, Cụ Hồ cử cán bộ đến đón các ông về, nhưng cả hai đều xin ở lại cùng cán bộ địa phương chỉ đạo đồng bào đối phó với cuộc khủng bố của địch. Các ông nhận định, đây chỉ là một đợt khủng bố nhỏ nhưng do lần đầu bị địch doạ dẫm, dụ dỗ nên cũng có một số nhỏ quần chúng ra đầu thú sau khi một số người bị địch bắt. Các ông thống nhất với cán bộ chủ chốt của địa phương là phải thường xuyên nắm chắc các hội viên trung kiên, không ngừng giáo dục động viên để ổn định tư tưởng quần chúng, đồng thời để bà con và một số hội viên tạm ngừng hoạt động, gắng chịu cho qua cơn khủng bố. Và cũng chính qua lần thử thách đầu tiên này, xuất hiện nhiều phần tử trung kiên, được hai ông kịp thời tuyên truyền giáo dục và kết nạp vào Đảng sau khi cuộc khủng bố chấm dứt. Một trong số đó là Nông Văn Lạc dưới vùng thấp tổng Kim Mã. Từ một hội viên trung kiên được tôi luyện trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống khủng bố của địch, Nông Văn Lạc được kết nạp cùng lớp đảng viên đầu tiên của tổng. Anh cùng gia đình sẽ trở thành chỗ dựa chủ yếu của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân trong trận đầu tiêu diệt địch đóng đồn ngay trong nhà anh ở làng Phay Khắt.

Nếu qua thử thách, cán bộ địa phương và các hội viên được tôi luyện và trở nên cứng rắn hơn thì riêng Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng cũng có thêm những kinh nghiệm nóng hổi bổ sung vào chương trình trong những lớp huấn luyện ngắn ngày tiếp theo. Các ông tiếp tục ở lại Kim Mã một thời gian để giúp địa phương củng cố phục hồi phong trào, cho đến khi Cụ Hồ nhắn gọi về nhận nhiệm vụ mới. Sau khi nghe báo cáo về cuộc khủng bố vừa qua của địch và tình hình khôi phục phong trào, Cụ nêu lên một hình ảnh: Phong trào cách mạng như nước thuỷ triều khi lên khi xuống. Cán bộ và những phần tử trung kiên như những hàng cọc. Cọc đóng có chắc thì mới giữ được phù sa, phòng khi nước xuống. Suy cho cùng, đó cũng là một cách ông Cụ đánh giá kết quả công tác vận động quần chúng vừa qua của hai ông đồng thời cũng là một cách chỉ ra phương hướng duy trì và phát triển phong trào lúc bình thường cũng như lúc có biến động.

Ít ngày sau, khi sức khoẻ của Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng đã phục hồi, Cụ Hồ giao các ông nhiệm vụ mới: Đánh thông đường liên lạc xuống phía nam, nối Cao Bằng với Bắc Cạn - Thái Nguyên, tạo điều kiện tiến dần về miền xuôi, nối được liên lạc với Trung ương.

3- Vững chắc nhất là lòng dân

Vấn đề liên lạc giữa căn cứ địa Cao Bằng với miền xuôi đã được Cụ Hồ đặt ra ngay sau khi Cụ về nước và đặt Tổng hành dinh ở Pác Bó. Sau Hội nghị Trung ương tháng 5-1941, Tổng Bí thư Trường Chinh và hầu hết các uỷ viên Trung ương đều trở về miền xuôi để chỉ đạo phong trào ở đồng bằng. Từ khi Mặt trận Việt Minh ra đời, phong trào cứu quốc phát triển nhanh và đặc biệt là sau khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, tình hình chuyển biến mau lẹ càng đòi hỏi phải khẩn trương đánh thông đường liên lạc giữa Cụ Hồ với bộ phận Trung ương ở miền xuôi để kịp thời nắm bắt thời cơ, chỉ đạo phong trào.

Từ tháng 3-1942, Cụ Hồ đã chỉ thị cho Tỉnh uỷ Cao Bằng phải mở rộng căn cứ địa, nối Cao Bằng với Bắc Sơn - Võ Nhai, xây dựng thành một hành lang chính trị vững chắc từ miền núi xuống miền xuôi để giữ vững liên lạc trong mọi tình huống. Đến tháng 7-1942, sau hơn một năm chỉ đạo cuộc vận động chính trị và phát triển các đoàn thể cứu quốc, trên cơ sở đánh giá chỗ đứng chân ở Cao Bằng đã mở rộng và được củng cố, Cụ Hồ quyết định phát triển phong trào ra toàn liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng và tiến dần xuống phía nam. Cụ giao nhiệm vụ cho Hoàng Văn Hoan mở đường Đông tiến từ Đông Khê về Lạng Sơn, Đình Cả, Phạm Văn Đồng mở đường Tây tiến sang hướng Hà Giang, Võ Nguyên Giáp cùng với Lê Thiết Hùng mở đường Nam tiến, từ Nguyên Bình qua Ngân Sơn, Chợ Rã đánh thông với căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và phát triển xuống Thái Nguyên.

Lúc này, ông Chu Văn Tấn cũng đang có mặt ở Cao Bằng. Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và trải qua 8 tháng du kích ở vùng Võ Nhai - Tràng Xá, theo Nghị quyết của Trung ương về duy trì và củng cố khu du kích Bắc Sơn, lực lượng Cứu quốc quân do ông Tấn chỉ huy đã trở lại Bắc Sơn hoạt động đồng thời phát triển cơ sở xuống vùng Yên Thế (Bắc Giang) và Đồng Hỷ (Thái Nguyên). Trong cuộc họp với các ông Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan, Vũ Anh và Võ Nguyên Giáp, ông Tấn đã cùng các ông trao đổi kinh nghiệm về chống địch khủng bố, kinh nghiệm dựa vào cơ sở quần chúng trung kiên để xây dựng và phát triển phong trào, đồng thời bàn việc thực hiện chủ trương của Cụ Hồ nối liền hai căn cứ cách mạng Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai. Một kế hoạch được thống nhất giữa Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng và Chu Văn Tấn về đánh thông đường Cao Bằng - Thái Nguyên: Chu Văn Tấn trở lại củng cố vùng Bắc Sơn - Võ Nhai rồi tổ chức một đội vũ trang tuyên truyền, xuất quân mở đường Bắc tiến lên phía Cao Bằng. Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng, có một số cán bộ, chiến sĩ Bắc Sơn giúp đỡ, sẽ từ Nguyên Bình phát triển theo nhiều hướng xuống Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn, đặt cơ sở bước đầu cho chủ trương nối liền miền núi với miền xuôi. Hợp điểm giữa các đội Nam tiến của Võ Nguyên Giáp với các đội Bắc tiến của Chu Văn Tấn là trên trục đường Chợ Đồn - Chợ Chu.

Khi giao nhiệm vụ cho các cán bộ tham gia công cuộc xung phong Nam tiến, ông Giáp nhấn mạnh rằng Nam tiến là một yêu cầu chiến lược, là một chủ trương có tầm quan trọng đặc biệt, nhằm mở rộng địa bàn chính trị, tạo thế tạo lực mới cho cách mạng trong quá trình phát triển từ chính trị lên vũ trang, đồng thời tạo điều kiện thống nhất chủ trương lãnh đạo trong toàn Đảng và đón thời cơ tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Do phải mở đường qua các địa bàn dân cư chưa được giác ngộ về phong trào cứu quốc cho nên phương pháp duy nhất có hiệu quả là trước hết phải tổ chức nhân dân các dân tộc vào các đoàn thể của Mặt trận Việt Minh, tạo thành

một hành lang chính trị quần chúng nối liền Cao Bằng với Bắc Cạn - Thái Nguyên, làm bàn đạp tiến dần xuống trung du và trung châu.

Phong trào Nam tiến được cán bộ và nam nữ hội viên thanh niên cứu quốc nhiệt liệt hưởng ứng. Hơn một trăm cán bộ - thanh niên tình nguyện "chuyên môn hoá" (theo cách gọi của anh chị em hồi đó) thoát ly gia đình, tự sắm lấy một thứ vũ khí và được biên chế thành gần hai chục Đội Xung phong Nam tiến. Gọi là "sắm vũ khí", nhưng thật khó mà hình dung nổi việc tìm kiếm súng đạn lúc này khó khăn biết chừng nào. Hai cán bộ lãnh đạo cuộc Nam tiến cũng trong hoàn cảnh chung như vậy. Lê Thiết Hùng có khẩu súng *sáu*, với vài ba viên đạn "bắn phát nổ phát không". Võ Nguyên Giáp mang một quả lựu đạn, biết chắc là "điếc" nhưng đi đâu cũng đeo bên người. Sau này ông giải thích: "Với những nơi chưa có phong trào, quần chúng còn e sợ sức mạnh của quân địch, một khẩu súng ngắn, một quả lựu đạn đều có tác dụng cổ vũ tinh thần quần chúng".

Vừa chỉ đạo tổ chức các Đội Xung phong Nam tiến, Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng vừa tranh thủ mở những lớp huấn luyện cấp tốc cho các đội viên về phương hướng, nhiệm vụ mở đường Nam tiến. Hai ông đặc biệt chú ý phổ biến kinh nghiệm đã tích luỹ được trong thời gian đi làm công tác vận động quần chúng ở Hoà An và Nguyên Bình, từ nội dung và phương pháp giáo dục chính trị đến những kinh nghiệm cụ thể về tôn trọng phong tục tập quán của bà con dân bản (ví như phong tục ăn thề của đồng bào Mán), thái độ đối với người già, trẻ nhỏ, phụ nữ, vấn đề tôn trọng lời hứa để giữ lòng tin đối với đồng bào, vấn đề giữ vệ sinh thường thức để bảo vệ sức khoẻ, nhất là những ngày đi đường trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, vấn đề giữ bí mật hướng đi, điểm đến và cách ứng phó khi gặp bọn lính dõng đi tuần, cách giữ bí mật trong việc duy trì liên lạc giữa các đội... Năm điều nên làm và năm điều nên tránh của Cụ Hồ trong lớp huấn luyện đầu tiên ở Tĩnh Tây trước đây nay lại trở thành cẩm nang hành động đối với từng đội viên Nam tiến trong việc quan hệ với bà con dân bản.

Mười chín Đội Xung phong Nam tiến được phân công phát triển đi nhiều hướng theo phương thức "sâu đo". Trên từng hướng, nhằm từng địa phương được phân công, các tổ Xung phong phát triển đi trước, dùng hình thức vũ trang tuyên truyền, điều tra bắt mối quần chúng, tuyên truyền Chương trình Việt Minh, gây cảm tình trong từng gia đình, từng làng bản. Các tổ Xung phong củng cố đến sau "tiếp quản", chọn trong làng bản những quần chúng tốt để tuyên truyền giáo dục và phát triển hội, mở lớp huấn luyện chính trị ngắn ngày cho hội viên, bồi dưỡng, đào tạo và giúp đỡ cán bộ địa phương thành những hội viên trung kiên, nòng cốt để gây dựng, duy trì và phát triển phong trào. Trong lúc số đông các đội phát triển theo phương thức tuần tự trên đây thì cũng có những đội bí mật vượt qua những chặng đường rất dài xuống Hà Hiệu - Chợ Rã và xa hơn nữa, qua Nà Phạc xuống Phủ Thông thuộc địa bàn Bắc Cạn. Các đội phát triển theo phương thức "nhảy cóc" này bí mật tiến sâu xuống phía nam, chọn và bám trụ ở một địa phương - thường là vùng cao - xa đường, xa đồn bốt địch, quần chúng nhân dân tương đối tốt để gây dựng cơ sở rồi theo phương thức "vết dầu loang", phát triển sang các thôn bản kề bên và cuối cùng nối liền lại thành một khu vực liên hoàn nhiều thôn bản trong một tổng, hình thành một chuỗi những "điểm đỏ" sát kề và hỗ trợ lẫn nhau giữa vùng rừng núi bao la nối liền hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn.

Trong quá trình đi kiểm tra tiến triển của con đường Nam tiến, Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng thường chọn và dừng lại ở những thôn bản mà công tác phát triển hội gặp khó khăn, giúp các đội tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục. Thực tế chứng tỏ những lớp bồi dưỡng, những lời dặn dò trước ngày các đội lên đường cần phải được vận dụng một cách rất linh hoạt và sáng tạo

trong nhiều tình huống cụ thể mà những buổi huấn luyện không thể dự kiến hết được. Ví dụ như trường hợp ông Giáp đến kiểm tra công tác phát triển trên hướng Ngân Sơn - Nà Phạc. Trên hướng này, có đội đã tiến xuống gần Đèo Giàng - Phủ Thông ngay sát hai bên trục đường số 3, nhưng có đội vẫn dừng lại ở mấy bản vùng cao Khuổi Hạ - Khuổi Lương. Hỏi ra mới biết đồng bào thấy cán bộ đội Nam tiến đến hỏi họ tên rồi ghi vào sổ (một việc mà bọn tổng đoàn, xã đoàn thường làm mỗi khi đi thu thuế, bắt phu), nên bà con địa phương cho rằng đây là "hội giả", nhất định không tiếp, không vào hội. Chuyện hiểu lầm cuối cùng cũng được giải quyết và bài học rút ra là muốn động viên tổ chức được đồng bào các dân tộc ít người vào đoàn thể, trước hết phải làm cho bà con tin ở cán bộ, tin việc làm của cán bộ hội là đúng.

Đúng vào lúc tình hình mở đường Nam tiến phát triển thuận lợi, con đường quần chúng đã được đánh thông xuống tận phía Ba Bể - Phia Biooc, hai ông Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng chuẩn bị rời Ngân Sơn đi tiếp xuống kiểm tra tình hình các đội trên hướng Nà Phạc - Ngân Sơn thì có thư "hoả tốc" của ông Đồng triệu tập ông Giáp về ngay cơ quan có việc gấp. Tới nhà, Võ Nguyên Giáp được báo một tin sét đánh: Cụ Hồ sang công tác ở Hoa Nam bị bọn Quốc dân đảng Trung Hoa bắt giam và đã mất trong ngục. Các ông đã viết thư báo cáo về Trung ương, bàn việc làm lễ truy điệu và định cử người sang Trung quốc để xác minh sự việc cho rõ ràng. Dù đau đớn vô hạn, nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn nghi vấn, không tin là ông Cụ đã mất. Ông hỏi lại Lê Quảng Ba - người đi cùng Cụ Hồ sang Hoa Nam.

Lê Quảng Ba kể lại rằng, rời Pác Bó đêm 13-8, 12 ngày sau ông Cụ đến Ba Mông thuộc huyện Tĩnh Tây và trú chân ở nhà một nông dân nghèo tên là Từ Vĩ Tam. Đầu những năm 40 nhà ông Từ là nơi trú chân đáng tin cậy của cán bộ cách mạng Việt Nam thường qua lại vùng này. Ông Từ đã cùng Cụ Hồ kết nghĩa anh em. Theo kế hoạch, ông Cụ sẽ đi bộ đến Bình Mã rồi đáp ô tô đi Trùng Khánh để gặp một yếu nhân Trung Quốc. Nể lời mời của gia đình họ Từ, ông Cụ lưu lại hai ngày để ăn Tết Trung nguyên (rằm tháng 7 âm lịch) với gia đình và một số người quen cũ, như Vương Tích Cơ, Dương Đào... Sáng hôm sau, 27-8, có Dương Đào dẫn đường, ông Cụ tiếp tục hành trình đi Bình Mã. Đến Túc Vinh (thuộc huyện Đức Bảo - Quảng Tây) ông Cụ bị tuần cảnh bắt cùng với Dương Đào, rồi cả hai người bị giải đến huyện lỵ Tĩnh Tây. Chị gái của Từ Vĩ Tam, trên đường đi từ Ba Mông đến Đỗ An, tình cờ gặp ông Cụ và Dương Đào bị giải đi dọc đường, liền quay về báo tin. Ngay hôm sau, Vương Tích Cơ lên huyện lỵ để nghe ngóng tin tức. Ngày 30, Vương tìm đến nhà giam, ông Cụ viết một bức thư để Vương mang về báo tin cho Lê Quảng Ba. Ngay sau đó, Lê Quảng Ba về nước để báo cáo.

Ông Giáp nhận thấy chưa có đầy đủ cơ sở để tin rằng ông Cụ đã mất. Cũng như nhiều anh em khác trong cơ quan, ông vẫn nuôi hy vọng điều mình nghi vấn là sự thật: Ông Cụ vẫn còn và sẽ trở về với dân, với nước.

Sau khi Đặng Văn Cáp lên đường sang Trung Quốc để xác minh thực hư, Võ Nguyên Giáp quay trở lại châu Ngân Sơn. Đêm đi, ngày nghỉ, luôn tâm niệm điều xấu nhất không thể xảy ra, thế nhưng trong dạ không lúc nào nguôi. Bề ngoài, ông cố không để cho những người chung quanh nhận thấy, nhất là hôm đầu rẽ vào nghỉ ở nhà Xích Thắng, Bí thư Châu uỷ Nguyên Bình. Ngày cũng như đêm, mỗi khi nghĩ đến ông Cụ, Võ Nguyên Giáp lại cảm thấy thẫn thờ, lòng dạ bồn chồn, buồn vô hạn. Vạn nhất, nếu đúng là ông Cụ mất thì thật là một tổn thất quá lớn không gì có thể bù đắp được đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc lúc này.

Từ Ngân Sơn, các ông Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng cùng mấy chiến sĩ Nam tiến bám theo các triền núi đá và các vạt ruộng, ven rừng, đi hàng chục đêm liền, có khi dưới trời mưa tầm tã,

để kịp đến điểm hẹn với ông Chu Văn Tấn từ phía Bắc Sơn lên. Quên hết mọi nỗi vất vả, mệt nhọc, cuối cùng dãy Phia Biooc hùng vĩ và những cánh đồng rộng Hà Vĩ, Hoàng Trì đã lùi về phía sau. Cả đoàn tiếp tục bí mật đi vòng qua ngã ba Chợ Đồn và dừng lại ở thôn Băng, xã Nghĩa Tá, gần đầu nguồn sông Đáy. ít ngày sau, liên lạc từ Bắc Sơn đến, đoàn người bí mật men theo các vạt rừng cỏ tranh, vượt qua Làng Cóc - Đèo So để đến điểm đợi của Chu Văn Tấn ở phía bắc Chợ Chu. Chính trên chặng đường cuối cùng này, Võ Nguyên Giáp và những người cùng đi suýt chạm trán với toán lính dõng đi tuần. Kịp thời phát hiện tiếng động phía trước, lợi dụng đêm tối, mọi người kịp nhảy vào ẩn trong bụi rậm và thoát hiểm.

Chu Văn Tấn đón Võ Nguyên Giáp vào lán của đồng bào canh lúa dựng tạm ở ven rừng. Ông Tấn giới thiệu với ông người cùng đi, đó là Dục Tôn, một cán bộ du kích Bắc Sơn. Một số đội Nam tiến cũng lần lượt kéo đến điểm hẹn, báo tin từng chặng đường đã được đánh thông. Trục đường "mẹ" Cao Bằng - Bắc Sơn cuối cùng đã được nối liền. Trải qua bao ngày đêm vật lộn với núi cao rừng sâu, mưa nguồn nước lũ, Đội Xung phong Nam tiến từ phía bắc xuống, Đội Xung phong Bắc tiến từ phía nam lên, gặp nhau mừng vui khôn xiết. Kể từ trung tuần tháng 8-1942 các ông Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn chia tay ở Lam Sơn để cùng hợp lực đánh thông con đường chính trị quần chúng, thấm thoát đã tròn một năm. Một năm với biết bao đổi thay thể hiện sức mạnh vươn lên của cách mạng. Phong trào ở vùng căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai đã được củng cố và mở rộng sang Chợ Chu, xuống Đại Từ - Yên Thế. Mặc dù Pháp - Nhật tiếp tục chính sách khủng bố nhưng các hội cứu quốc không ngừng phát triển, ngay cả ở đồng bằng và nhiều vùng ngoại thành Hà Nội. Một tin vui đặc biệt ông Tấn cho biết là ông đã bắt được liên lạc với Trung ương ở miền xuôi và vừa gửi báo cáo về Trung ương về việc đánh thông con đường chiến lược nối liền hai căn cứ cách mạng. Có thể sắp tới sẽ có người được Trung ương cử lên để nối đường liên lạc với các căn cứ trên này.

Một nỗi buồn chợt đến với Võ Nguyên Giáp. Ông vừa cùng các cán bộ và hội viên hoàn thành một công việc quan trọng mà ông Cụ giao cho cách đây đúng một năm. Nay công việc đã hoàn thành, con đường Bắc - Nam đã mở. Vậy mà...

Sau buổi liên hoan mừng thắng lợi, Võ Nguyên Giáp trở lại Nghĩa Tá. Ông nhất trí với Chu Văn Tấn đặt cho xã này cái tên mới - xã Thắng Lợi - để kỷ niệm nơi hợp điểm của con đường chính trị quần chúng vừa được khai thông. Trong những ngày lưu lại Nghĩa Tá chờ đợi người của Trung ương từ dưới xuôi lên, ông Giáp tranh thủ viết tiếp cuốn *Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc*[12]. Sau này được biết, đó là cuốn sách chứa đựng những kinh nghiệm sốt dẻo mà bản thân ông cùng với nhiều đồng chí trải qua những năm tháng nằm gai nếm mật, kiên trì tuyên truyền giác ngộ nhân dân các dân tộc Cao - Bắc - Lạng, nhằm xây dựng nền tảng chính trị vững chắc làm chỗ đứng chân cho cách mạng, chuẩn bị đón thời cơ tiến lên đấu tranh vũ trang, theo phương châm chiến lược hồi đó của Trung ương và Tổng bộ Việt Minh là từ chính trị lên vũ trang, người trước súng sau.

Đợi chừng hai tuần không thấy người từ dưới xuôi lên, Võ Nguyên Giáp biên thư dặn lại Chu Văn Tấn rồi cùng đoàn cán bộ Nam tiến lên đường trở về Cao Bằng. Dọc đường nghe tin đồng chí Đức Xuân ở Hà Vĩ - đội trưởng một đội tuyên truyền xung phong Nam tiến - bị địch bắt, chúng chặt đầu đem về treo ở Bắc Cạn. Một đội viên trung kiên khác, đồng chí Hoan ở Hà Hiệu, cũng bị địch bắt giải về giam ở Bắc Cạn. Chúng tra tấn dã man nhưng không khai thác được gì, cuối cùng chúng bắn chết anh. Phán đoán địch có thể mở đợt khủng bố mới, tình hình có thể thay đổi và trở nên xấu, Võ Nguyên Giáp tiếp tục về Cao Bằng để khỏi lỡ hẹn theo thư của Phạm Văn

Đồng và để thống nhất chủ trương đối phó với tình hình mới. Đề phòng bất trắc, cả đoàn men theo sườn dãy Phia Biooc mà không đi theo đường cũ.

Vừa thấy ông Giáp, các ông Phạm Văn Đồng và Vũ Anh báo một tin vui đặc biệt. Từ Liễu Châu (Trung Quốc), Cụ Hồ gửi về cho các ông một tờ *Quảng Tây nhật báo* mới xuất bản trong tháng 9-1943. Trên mép trắng của tờ báo, có một bài thơ tứ tuyệt bằng chữ Hán kèm theo mấy dòng cũng bằng chữ Hán, nhắn: "Chúc chư huynh ở nhà mạnh khoẻ và cố gắng công tác. ở bên này bình yên". Kèm theo tờ báo là một bức thư[13]. Một tin vô cùng quan trọng và cũng là một nguồn vui quá đột ngột sau hơn một năm vắng tin Cụ. Sau này Võ Nguyên Giáp viết: "Mọi người vui mừng khôn xiết... Tin Bác bình yên về với chúng tôi như những tia nắng rực rỡ xuất hiện ở chân trời, báo hiệu một ngày mai tươi sáng sắp đến".

Trong niềm vui ấy, các ông trao đổi, đánh giá tình hình và bàn chủ trương đối phó với cuộc khủng bố của địch, giữ vững phong trào và bảo vệ con đường Nam tiến mới mở. Phân tích tình hình, mọi người nhận thấy cuộc phản công thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong đông - xuân 1942-1943 trên mặt trận Xtalingrat đã tạo nên một chuyển biến căn bản không chỉ trên chiến trường Xô - Đức mà sẽ tác động đến cả cục diện chiến tranh nói chung ở châu Âu và cả trên chiến trường châu á - Thái Bình Dương. Tình hình đang chuyển biến có lợi cho ta, về lâu dài phong trào cách mạng trong căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng càng có điều kiện phát triển. Đồng thời các ông cũng nhận thấy, trước mắt để đối phó lại, cả hai kẻ thù Pháp - Nhật sẽ ra sức khủng bố đàn áp hòng ngăn chặn phong trào, cơ sở quần chúng có thể sẽ gặp khó khăn, thậm chí bị thu hẹp. Việc chỉ đạo chống địch càn quét để bảo vệ cơ sở đồng thời chuẩn bị lực lượng khôi phục con đường liên lạc giữa hai căn cứ cách mạng là một nhiệm vụ cấp bách trước yêu cầu của tình hình.

Sau khi thống nhất chủ trương, Võ Nguyên Giáp lại cùng Hoàng Sâm và một trung đội Nam tiến lên đường giữa những ngày Tết Giáp Thân. Tình hình thật khẩn trương. Thực tế hằng ngày trên suốt dọc đường cho thấy cuộc khủng bố lớn của địch đã lan rộng. Con đường quần chúng vừa được đánh thông đã bị cắt đứt nhiều quãng. Chuyến đi lần này khó khăn gấp bội so với hồi xuất quân của 19 Đội Xung phong Nam tiến năm trước. Quang cảnh làng bản tiêu điều, xơ xác hiện ra trên mỗi đoạn đường. Binh lính địch rải ra khắp nơi, nhất là ở những nẻo đường xung yếu, độc đạo. Nhiều hội viên trung kiên bị bắt, bị giết, nhiều nhà cửa bị đốt vì không kịp thời dỡ đi theo lệnh dồn làng tập trung dân của địch. Bọn tổng đoàn, xã đoàn đi đánh hơi tìm kiếm khắp hang cùng ngõ hẻm. Đêm đêm, lính dõng cùng bọn chó săn đi sục các ngả đường, đầu bờ, khe suối... Có địa phương phong trào rất cao như tổng Hoàng Hoa Thám, nay trải qua các cuộc càn quét của địch, làng bản tiêu điều, hai phần ba nhân dân bỏ làng chạy lên rừng. Trước đây Liên tỉnh uỷ đã từng có chỉ thị cho cán bộ và hội viên phải chuẩn bị, khi cần sẵn sàng thoát ly gia đình, rút vào hoạt động bí mật để tránh bị sa vào tay địch. Vì vậy lúc này số hội viên và cán bộ thoát ly "đi bí mật" ngày càng đông và một trong những khó khăn hàng đầu là vấn đề tiếp tế lương thực. Bọn địch biết rất rõ những người "đi bí mật" ẩn náu trên rừng sống dựa vào nguồn tiếp tế duy nhất từ dưới bản, nên chúng cấm ngặt mọi người dân không được mang một chút lương thực ra khỏi bản. Do địch đóng ngay trong bản để o ép quần chúng, cho nên nhiều bản vắng bóng người, hoặc nếu còn thì đêm đêm cán bộ xuống bản gặp được quần chúng cũng là một việc rất khó khăn. Cán bộ và các hội viên trung kiên nhận thức rất đúng rằng hầu hết quần chúng vẫn rất tốt, nhưng do địch thẳng tay tàn sát, nên thấy hội viên đến, nhiều người lánh mặt vì "gặp đồng chí một lát cũng chưa làm được công việc gì cho hội, mà địch biết thì hại đến cả bản". Khác với lần khủng bố trước (địch chỉ hăm doạ và dụ dỗ các hội viên ra đầu thú), lần này đi đôi với dụ dỗ, địch thẳng

tay khủng bố đàn áp dữ dội, khiến không ít quần chúng hoang mang, số người ra đầu thú khá nhiều.

Một câu hỏi lớn đặt ra với hai ông Võ Nguyên Giáp, Hoàng Sâm và đội Nam tiến là làm thế nào để phục hồi và duy trì cơ sở chính trị quần chúng? Đến mỗi địa phương, các ông thường động viên và ổn định tư tưởng cán bộ và hội viên trung kiên trong các "tiểu tổ bí mật" - những cán bộ và hội viên trực tiếp đương đầu với thử thách quyết liệt trên địa bàn của mình. Khó khăn của anh em lúc này là không tiếp xúc được với quần chúng nhân dân, vì nhiều bà con quen biết vẫn cố tình kiếm cớ lánh mặt. Nội dung chủ yếu mà ông Giáp thường nhấn mạnh khi gặp gỡ động viên anh em cán bộ cơ sở, hội viên trung kiên và các tổ viên các "tiểu tổ bí mật" là yêu cầu bám chắc lấy làng bản, bám lấy dân. Nếu lúc này cán bộ và hội viên trung kiên chán nản, e ngại hoặc chỉ lo việc giữ bí mật cho bản thân mà không dám tiếp xúc với quần chúng thì bà con dân bản sẽ tiếp tục bị kẻ địch đe doạ, uy hiếp, lung lạc, cơ sở cách mạng sẽ càng bị thu hẹp và cuối cùng thì phong trào quần chúng, thậm chí cả những cơ sở bí mật cũng không còn khả năng tồn tại. Các ông động viên mọi người phải kiên trì, nhẫn nại vượt qua mọi khó khăn để tranh thủ bằng được từng người dân về phía cách mạng, phải tìm mọi cách tạo nên chỗ dựa trong nhân dân để cùng nhân dân chống địch khủng bố, giữ vững phong trào. Ông Giáp nhắc lại điều mà Cụ Hồ đã nhiều lần nói: Chỗ dựa vững chắc nhất là lòng dân, phải khôi phục bằng được lòng tin của dân đối với hội để làm chỗ dựa. Cách mạng dựa chắc được vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Võ Nguyên Giáp và Hoàng Sâm dẫn ra những thực tế để chứng minh quần chúng vẫn hướng theo cách mạng, vẫn không "bỏ hội". Một ví dụ: Bà con biết kẻ địch cấm ngặt không cho mang thóc lúa ra khỏi làng vì đó là nguồn tiếp tế duy nhất cho anh em "đi bí mật". Chúng đã từng bắn chết tại chỗ những người mà chúng nghi là tiếp tế cho hội viên ẩn náu trên rừng. Vậy mà bà con vẫn tìm cách bí mật để lại một ít thóc tại ruộng mỗi khi gặt đập để anh chị em "tiểu tổ bí mật" lượm về...

Sau mỗi lần họp với cán bộ cơ sở và hội viên trung kiên, các ông lại cùng anh chị em len lỏi xuống từng làng bản, bí mật nhắn, hẹn và chờ đợi từng hội viên và quần chúng tốt trên các ngả đường đi chợ hay trên ruộng lúa nương ngô, để kiên trì giải thích vì sao địch khủng bố, làm thế nào để đối phó một cách có hiệu quả với địch, nếu vì thấy "nóng" mà lùi bước, ai cũng bỏ công việc của hội thì địch sẽ tiếp tục lấn tới và hậu quả sẽ thế nào, v.v.. Tinh thần trách nhiệm và lòng kiên trì của cán bộ và đội viên Nam tiến cuối cùng đã đưa đến kết quả tích cực. Đảng viên, hội viên cứu quốc trung kiên đã dần dần thu hút được những nam nữ thanh niên tích cực trong từng làng bản tham gia vào các "tiểu tổ bí mật" và hình thành các Ban Xung phong chống khủng bố. Đêm đêm anh chị em phân công nhau xuống làng bản, bám sát cơ sở, kiên trì hẹn và gặp gỡ quần chúng, trước hết là những người thân trong gia đình và dòng họ, tuyên truyền giải thích, tiếp thêm cho bà con sức mạnh của cách mạng để đứng vững trước cơn thử thách hiểm nghèo. Đường dây liên lạc giữa các tiểu tổ bí mật và các cơ sở quần chúng dần dần được nối lại, phong trào từ chỗ bị thu hẹp rất nhiều đã từng bước được phục hồi. ở nhiều địa phương đảng viên và hội viên trung kiên chủ động đi tìm bắt liên lạc với cán bộ để xin ý kiến chỉ đạo hoạt động.

Một điểm mới, một kinh nghiệm của quần chúng mà Võ Nguyên Giáp rất trân trọng trong công cuộc bảo vệ cơ sở lần này là vai trò của các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu được nhiều địa phương tổ chức ngay trong quá trình chống khủng bố, nhằm diệt địch, trừ gian, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của quần chúng. Để ngăn chặn bàn tay của bọn tay sai ở địa phương, gây thanh thế và làm chỗ dựa cho việc tuyên truyền giáo dục phục hồi cơ sở chính trị, các châu (cá biệt có tổng) đã tự động tổ chức ra các đội tự vệ thoát ly để trừng trị những tên phản động đại gian ác đã qua nhiều lần thuyết phục cảnh cáo mà vẫn không chịu hối cải. Tuy quy mô còn nhỏ nhưng lần đầu ra hoạt

động công khai, được sự đùm bọc của bà con dân bản, các đội tự vệ thoát ly đã thực sự phát huy tác dụng trong công cuộc chống khủng bố. Nhiều đội tuần tiễu nhỏ của địch bị phục kích. Hàng chục tên phản động lợi hại ở Hoà An đã bị các đội tự vệ tiêu diệt. Tổng đoàn Lý, một tên tay sai của địch đã từng phá nhiều cơ sở cách mạng của địa phương, phải đền tội giữa ban ngày trước sự chứng kiến của bà con đúng lúc đang đông buổi chợ, khiến người người hả lòng hả dạ. Sự xuất hiện công khai của các đội vũ trang địa phương đúng vào thời điểm phong trào đứng trước cơn thử thách quyết liệt đã thực sự ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả bàn tay hung bạo của kẻ thù và cổ vũ mạnh mẽ tinh thần của nhân dân các dân tộc Cao - Bắc - Lạng. Trải qua gần 10 tháng đấu tranh quyết liệt chống địch khủng bố, bảo vệ phong trào, tuy cơ sở quần chúng chưa hoàn toàn phục hồi như cũ nhưng con đường quần chúng nối liền Cao Bằng - Lạng Sơn với Bắc Cạn - Thái Nguyên đã căn bản khai thông.

4- Lãnh sứ mệnh cầm quân

Ngày 20-9-1944, sau hơn hai năm bị chính quyền Quốc dân đảng Trung Quốc bắt giam, Cụ Hồ về đến Cao Bằng. ít ngày sau, các ông Vũ Anh và Võ Nguyên Giáp lên Pác Bó gặp Cụ. Đối với ông Giáp, "không biết lấy gì so sánh với nỗi vui mừng khi được gặp lại Bác", sau này Võ Nguyên Giáp viết như vậy về giây phút gặp gỡ cảm động được gặp lại Cụ Hồ. Nhìn lâu, ông thấy ông Cụ gầy và già hơn trước. Cụ Hồ chỉ nói qua về những ngày bị giam cầm ở bên kia biên giới rồi hỏi ngay tình hình phong trào ở liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Hai ông báo cáo tình hình cơ sở đảng, cơ sở chính trị và vũ trang quần chúng, cuộc đấu tranh chống khủng bố của địch vừa qua, tình hình con đường Nam tiến còn bị gián đoạn một vài chỗ và những khó khăn trong việc liên lạc với Trung ương và cả với khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Cụ yêu cầu các ông báo cáo cụ thể thêm về hội nghị cán bộ liên tỉnh tháng 7 mới đây.

Thời điểm Liên tỉnh uỷ triệu tập hội nghị cán bộ là khi cuộc khủng bố của địch đã lên đến đỉnh điểm. Cán bộ, hội viên và nhân dân Cao - Bắc - Lạng mong chờ lãnh đạo phát động chiến tranh du kích. Liên tỉnh uỷ nhận định rằng chủ trương phát động chiến tranh du kích (thực chất là phát động khởi nghĩa từng phần) lúc này là phù hợp với nguyện vọng nóng bỏng của nhân dân các dân tộc liên tỉnh. Phân tích tình hình trong và ngoài nước, trong và ngoài căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, lãnh đạo Liên tỉnh cho rằng các điều kiện đã đầy đủ để phát động chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở các địa phương, thực hiện chủ trương làm chủ vùng rừng núi... Cục diện chiến tranh thế giới sau chiến thắng của Hồng quân Liên Xô ở Xtalingrát năm trước và kết quả việc mở mặt trận thứ hai vừa qua của quân đội Đồng minh cùng với những thất bại liên tiếp của quân đội Nhật Bản trên chiến trường châu á - Thái Bình Dương, mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa bọn Pháp và Nhật ở Đông Dương và đặc biệt là phong trào cách mạng trong nước, trực tiếp là trong căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng lan rộng..., tất cả tình hình trên đây dẫn đến nhận định rằng thời cơ đã chín muồi.

Cụ Hồ lắng nghe chăm chú rồi hỏi thêm những điều chưa rõ. Trả lời câu hỏi của ông Cụ về tình hình công tác chuẩn bị và thời gian dự tính phát động chiến tranh du kích, ông Giáp và ông Anh báo cáo: Mọi công tác chuẩn bị đang được tiến hành hết sức khẩn trương sôi nổi. Liên tỉnh uỷ quy định mọi công tác phải hoàn thành trong vòng hai tháng, tức là vào cuối tháng 9 dương lịch này. Về chuẩn bị đội ngũ cán bộ vũ trang, Liên tỉnh đã triển khai chương trình huấn luyện cho các đội trưởng và chính trị viên. Đã mở lớp huấn luyện về công tác hậu phương chống Nhật và công tác chính quyền cho các xã, mỗi xã từ ba đến năm hội viên trung kiên về dự. Sau khi được huấn luyện, các anh chị em này sẽ đảm nhiệm công tác hậu phương chống Nhật và công tác chính quyền nhân dân lâm thời ở cơ sở khi khởi nghĩa địa phương giành thắng lợi. Việc tổ chức

biên chế lực lượng du kích, mua sắm vũ khí, chuẩn bị cất giấu dự trữ 6 tháng lương thực, tổ chức các đội trinh sát, việc thành lập các ban chỉ đạo làm vườn không nhà trống, v.v. đều đã được triển khai.

Cụ Hồ lại hỏi thêm: Ta có kế hoạch chống giữ như thế nào nếu địch đem quân chiếm lại những nơi mới được giải phóng? Ta sẽ làm gì và làm như thế nào để bảo vệ nhân dân và duy trì cuộc chiến đấu lâu dài? Kế hoạch phối hợp với các địa phương khác trong toàn quốc và trực tiếp là với căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai như thế nào? v.v.. Các ông báo cáo rằng Liên tỉnh uỷ đã đề ra nguyên tắc tổ chức nhân dân tản cư là phải bảo đảm cho đồng bào có điều kiện tham gia sản xuất và ủng hộ chính quyền, ủng hộ hội. Các đội du kích và tự vệ chiến đấu trong từng địa phương đã nhận lệnh và có kế hoạch đánh lui các cuộc tiến công của địch để thực hiện chủ trương "làm chủ rừng núi". Trong các cuộc míttinh, đã giải thích cho đồng bào về những khó khăn thiếu thốn sẽ gặp phải, đã động viên tinh thần phấn đấu hy sinh nếu gặp phải những thất bại tạm thời... Liên tỉnh uỷ dự tính sẽ triệu tập một cuộc hội nghị vào cuối tháng này để rà soát lại mọi mặt chuẩn bị và quyết định ngày giờ phát động chiến tranh du kích.

Cụ Hồ im lặng, dáng tư lự hồi lâu. Cuối cùng Cụ nói:

- Phong trào lên, địch khủng bố là chuyện tất nhiên. Nhưng cần xem lại có phải một phần vì vừa qua ta bộc lộ lực lượng sớm?

Câu hỏi khiến ông Giáp nghĩ ngay đến không khí chuẩn bị ở các địa phương mấy tháng trước. Để động viên tinh thần chuẩn bị khởi nghĩa trong nhân dân, vừa qua Liên tỉnh uỷ đã tổ chức một đại hội vũ trang thật rầm rộ ở vùng giáp giới Cao Bằng - Bắc Cạn. Mấy trăm đại biểu các dân tộc nô nức kéo về. Mười đội tự vệ chiến đấu được điều về tham gia duyệt binh, biểu diễn quân sự...

Phân tích nghị quyết của hội nghị cán bộ liên tỉnh về phát động khởi nghĩa, Cụ Hồ cho rằng chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng lúc này là chỉ mới thấy cục bộ mà chưa thấy toàn cục, là chỉ mới căn cứ vào tình hình trong liên tỉnh mà chưa căn cứ vào tình hình chung trong toàn quốc. Tuy phong trào cách mạng ở các địa phương khác trong cả nước đang lên cao nhưng chưa địa phương nào có điều kiện sẵn sàng phát động đấu tranh vũ trang để hỗ trợ và hưởng ứng với Cao - Bắc - Lạng. Ngay tình hình khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai như thế nào, chúng ta cũng chưa nắm được. Trong hoàn cảnh và điều kiện như vậy, nếu phát động nhân dân liên tỉnh nổi lên đánh du kích theo quy mô và phương thức như đã nói trong nghị quyết hội nghị cán bộ liên tỉnh thì kẻ thù sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn áp, quân khởi nghĩa sẽ bị đơn độc, phong trào sẽ gặp khó khăn, thậm chí có thể còn khó khăn hơn thời kỳ bị khủng bố vừa rồi...

Những nhận xét của Cụ Hồ đã giúp cho Vũ Anh và Võ Nguyên Giáp nhớ lại nhiều vấn đề đã từng được đặt ra trong hội nghị cán bộ liên tỉnh, nhưng chưa tìm được lời giải cụ thể, thoả đáng. Vấn đề nổi lên là nếu phát động toàn dân tham gia chiến tranh du kích, địch sẽ tiến công vào từng làng bản, đối tượng khủng bố tàn sát của chúng không chỉ là những hội viên và cán bộ như vừa qua mà là hết thảy mọi người dân. Như vậy, ta sẽ giải quyết vấn đề tản cư và bảo vệ nhân dân như thế nào? Tạm thời có thể đưa dân vào rừng, nhưng nếu cuộc khủng bố kéo dài thì cuộc sống của bà con sẽ ra sao?

Trong nhận định của mình, Cụ Hồ đã làm sáng tỏ đặc điểm hết sức nhạy cảm của tình hình lúc này, tức là vấn đề thời cơ khởi nghĩa. Cụ cho rằng: Bây giờ là thời kỳ cách mạng phát triển hoà bình đã qua, nếu chúng ta vẫn chỉ dùng hình thức hoạt động chính trị thôi thì không đủ để đẩy mạnh phong trào tiến tới. Nhưng lúc này vẫn chưa phải là thời kỳ toàn dân khởi nghĩa, nếu

chúng ta phát động vũ trang khởi nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Khi địch đến khủng bố, tiến công vào làng bản, nhân dân phải tản cư cả vào rừng núi thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Và, như đã suy nghĩ cân nhắc kỹ từ trước, Cụ nêu ý kiến về phương hướng dẫn dắt phong trào. Cụ nói phải tìm ra một hình thức thích hợp mới có thể đẩy phong trào tiến lên được. Hình thức đó là vũ trang tuyên truyền, là hình thức dùng vũ trang để gây ảnh hưởng chính trị, ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Hình thức đó thích hợp với yêu cầu của cuộc đấu tranh bây giờ là phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự, song hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự. Hoạt động tác chiến của các đội vũ trang phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, tạo điều kiện thuận lợi để không ngừng mở rộng cơ sở chính trị quần chúng đồng thời với phát triển lực lượng vũ trang. Trong khi các đội du kích hoạt động, nhân dân vẫn bám giữ làng bản, chỉ cần tăng cường canh gác, vừa bảo vệ được cán bộ và hội viên, bảo vệ cơ sở chính trị quần chúng, vừa duy trì mọi sinh hoạt và sản xuất bình thường của đồng bào. Riêng về mặt quân sự, Cụ Hồ chỉ ra cho hai ông thấy một thực tế hiện nay là lực lượng vũ trang của ta đã ít lại quá phân tán, thiếu hẳn một lực lượng nòng cốt. Đề ra phương hướng khắc phục, Cụ nhấn mạnh nguyên tắc tập trung lực lượng, tức là phải tập hợp những cán bộ và chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức ra một đội vũ trang tập trung, một đội quân chủ lực để hoạt động. Đội vũ trang đó là Đội Quân giải phóng.

Quay sang ông Giáp, Cụ Hồ hỏi:

- Việc này giao cho chú Văn phụ trách, chú có làm được không?

- Dạ, có thể được.

Với câu trả lời ngắn gọn đó, Võ Nguyên Giáp chính thức bước vào con đường binh nghiệp.

Sau này được biết, ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, không ít người nước ngoài (nhất là các ký giả và sử gia Pháp và Mỹ) thường nói đến chuyện Cụ Hồ giao việc thống lĩnh ba quân cho một giáo sư sử học chưa từng qua một trường lớp quân sự nào. Đội quân trứng nước do ông Giáp chỉ huy lại sớm phải đối mặt với quân viễn chinh nhà nghề dày dạn chiến trận của nước Đại Pháp trên toàn chiến trường Đông Dương. Đến nay, cuộc trường chinh của Võ Nguyên Giáp đã đi vào lịch sử 30 năm, vấn đề thắng thua cũng đã phân minh. Vậy mà vào những năm giao thừa giữa hai thế kỷ XX và XXI, chuyện lãnh sứ mệnh cầm quân của ông Giáp vẫn được nói đến trong ít nhiều cuốn sách phương Tây, trong đó có cuốn *Chiến thắng bằng mọi giá*. Dù là một trong những người đặt vấn đề muộn mằn nhất, C.B. Cơri cũng thống nhất với tất cả các tác giả nước ngoài trước đó, trên một vấn đề cơ bản nhất, đó là: Việc "chọn mặt gửi vàng" của Cụ Hồ là hoàn toàn đúng. Ông Võ Nguyên Giáp đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử cầm quân Cụ Hồ giao cho trong suốt hơn một phần ba thế kỷ.

Sau khi "giao cho chú Văn phụ trách" việc lập Đội Quân giải phóng, đêm ấy - một đêm hạ tuần tháng 9-1944 - trong căn lều giá lạnh, không đèn đóm giữa rừng Pác Bó, Cụ Hồ đã căn dặn Võ Nguyên Giáp những điều ngắn gọn, "vỡ lòng" nhưng cơ bản nhất về đường lối quân sự cách mạng Việt Nam. Ông Cụ không đi vào kế hoạch cụ thể mà chỉ ra đường đi nước bước như thế nào để điều hành đội quân chủ lực cách mạng đầu tiên sắp lọt lòng, từ đường lối tổ chức, phương châm hành động đến vấn đề quân nhu. Cụ nhấn mạnh yếu tố tồn tại, trưởng thành và chiến thắng của Đội Quân giải phóng:

1- Có chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo;

2- Phải dựa chắc vào dân;

3- Chỗ đứng chân phải là một căn cứ tiến có thể đánh, lui có thể giữ.

Cụ bảo, như vậy dù lúc này ta còn yếu, địch mạnh nhưng nhất định chúng không thể tiêu diệt được đội quân thơ ấu của ta. Trong cả cuộc đời cầm quân của mình, dù đã thông hiểu Claudơuýt, Napôlêông, Tôn Tử, Trần Quốc Tuấn..., Võ Nguyên Giáp vẫn luôn tâm niệm những lời căn dặn đầu tiên đó của Cụ Hồ, nhất là về yếu tố nhân dân - dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì không kẻ địch nào có thể tiêu diệt được. Về phần người phụ trách - tư cách người cầm quân, Cụ nhẹ nhàng phân tách mấy từ *Dĩ công vi thượng*[14]. Sau này, mỗi khi nói đến thời điểm lãnh sứ mệnh cầm quân, ông Giáp lại nhắc đến cái đêm không bao giờ quên ấy, cái đêm Cụ Hồ trao cho ông cái cẩm nang định hướng hành động cho cả một cuộc đời làm tướng.

Ngay hôm sau, Võ Nguyên Giáp cùng Lê Quảng Ba bàn kế hoạch triển khai việc thành lập Đội Quân giải phóng.

Trong số cán bộ ở cơ quan Tổng hành dinh của Cụ Hồ lúc đó, Lê Quảng Ba là một trong mấy người ít nhiều có kiến thức quân sự, lại nắm chắc tình hình lực lượng vũ trang trong căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng. Trong những năm 1937 - 1938, Lê Quảng Ba đã cùng Hoàng Sâm được Đảng cử sang Trung Quốc tham gia Đội du kích ở Biên khu Điền - Kiềm - Quế (hoạt động trên địa bàn Vân Nam - Quảng Tây - Quý Châu). Sau khi về nước, từ cuối tháng 10-1941, Cụ Hồ lại giao cho Lê Quảng Ba cùng với Lê Thiết Hùng và Hoàng Sâm tổ chức thí điểm Đội du kích Cao Bằng và đi mở các lớp huấn luyện quân sự và tổ chức đội tự vệ và tự vệ chiến đấu ở các châu thuộc Cao Bằng. Trong cuộc đấu tranh chống khủng bố trắng của đế quốc Pháp vừa qua, các đội vũ trang địa phương đã phát huy vai trò tiên phong trong việc diệt ác trừ gian, bảo vệ nhân dân.

Võ Nguyên Giáp cùng Lê Quảng Ba thống nhất đề nghị với Cụ Hồ, bước đầu chỉ nên tổ chức một trung đội, gồm những chiến sĩ ưu tú được chọn lọc trong các đội vũ trang các châu. Các ông trao đổi cân nhắc từng người. Cuối cùng chọn được 34 chiến sĩ gồm 5 dân tộc[15]. Đáng chú ý là trong số 12 cán bộ, chiến sĩ trong Đội du kích Cao Bằng trước đây, chỉ Hoàng Sâm có trong danh sách, với cương vị Đội trưởng. Chính trị viên Đội là Xích Thắng (tức Dương Mạc Thạch, Bí thư Châu uỷ Nguyên Bình). Phụ trách tình báo - tác chiến là Hoàng Văn Thái, phụ trách công tác chính trị là Lâm Cẩm Như (tức Lâm Kính). Hai ông Hoàng Văn Thái và Lâm Kính đều là học viên quân sự ở Điền Đông (Trung Quốc) mới về nước. Về trang bị, dù Cụ Hồ chỉ thị tập trung những vũ khí tốt nhất, nhưng Võ Nguyên Giáp và Lê Quảng Ba tính đi tính lại cũng chỉ đủ mỗi người một thứ, chủ yếu là súng trường (17 khẩu của cả Tây và Tàu), còn lại là súng kíp. Hiện đại nhất và có số đạn phong phú nhất là khẩu tiểu liên Mỹ với 150 viên đạn do bà con Việt kiều ở Côn Minh gửi tặng.

Sau khi thông qua danh sách Đội Quân giải phóng, danh sách đảng viên trong Chi bộ Đảng đầu tiên của đội và thành phần Ban Chỉ huy, Cụ Hồ ôn tồn căn dặn thêm ông Giáp những điều mang tính định hướng hoạt động của đội sắp tới. Trước hết là tên đội, Cụ chỉ thị bổ sung hai từ *tuyên truyền* vào tên của Đội Quân giải phóng cho thật đúng với chức năng của Đội vũ trang tuyên truyền và sát với phương châm hành động lúc này là chính trị còn trọng hơn quân sự. Do đó, tên hoàn chỉnh sẽ là *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân*. Thứ hai về hoạt động sau khi thành lập, Cụ nói trong vòng một tháng phải có hoạt động. Khi hoạt động, luôn nhớ nguyên tắc bí mật, "lai vô ảnh khứ vô hình" (lúc đầu Cụ dùng "khứ vô tung"), ta ở đông, địch tưởng ta ở tây. Trận đầu phải thắng lợi để gây khí thế và tin tưởng cho các chiến sĩ và xây dựng truyền thống lâu dài cho bộ đội sau này. Thứ ba là về quan hệ giữa Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

với các đội vũ trang các địa phương. Trên thực tế trong liên tỉnh sẽ hình thành ba hình thức tổ chức lực lượng vũ trang. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là đội chủ lực, đội quân đàn anh. Sát cánh với đội chủ lực là các đội vũ trang của các châu rồi các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu của làng bản. Việc chỉ đạo phải thống nhất cả ba lực lượng đó. Các lực lượng vũ trang địa phương phối hợp chặt chẽ với đội chủ lực và là nguồn bổ sung cho đội chủ lực, đối lại, đội chủ lực phải phát huy vai trò và trách nhiệm của đội quân đàn anh, dìu dắt giúp đỡ các đội vũ trang địa phương trưởng thành cả trong xây dựng và chiến đấu.

Võ Nguyên Giáp nghĩ gì sau khi từ biệt Cụ Hồ trên đường về để cùng Liên tỉnh uỷ chuẩn bị cho việc thành lập Đội Quân giải phóng? 20 năm sau nhớ lại ông viết: "Trong đầu chúng tôi đã hiện lên một viễn ảnh huy hoàng về tương lai của đội quân cách mạng, và thấy cần làm sao cho viễn ảnh đó sẽ trở thành sự thật chứ không phải chỉ là một hình ảnh nằm trong ước mơ".

Nghe Võ Nguyên Giáp nói lại quyết định của Ông Cụ hoãn việc khởi nghĩa và thành lập Đội Quân giải phóng, các đồng chí trong Liên tỉnh uỷ không những không thắc mắc mà còn hoan nghênh và rất vui mừng. Thật ra đến lúc này, trải qua hai tháng chuẩn bị phát động đấu tranh vũ trang, các ông ngày càng thấy rõ hơn những khó khăn trước đây chưa lường hết. Lập tức giao thông đặc biệt của liên tỉnh được tung đi các châu mang theo thư hỏa tốc của Liên tỉnh ủy chỉ thị các địa phương tích cực giúp đỡ mọi mặt góp phần vào việc thành lập Đội Quân giải phóng được khẩn trương.

Ít ngày sau, Võ Nguyên Giáp đến địa điểm tập trung ở tổng Hoàng Hoa Thám. Cán bộ và chiến sĩ được chỉ định gia nhập đội lần lượt có mặt tại mấy trạm đón tiếp ở vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn và được hướng dẫn về tập trung ở địa điểm trú quân. Việc tiếp tế lương thực, chăm lo cơm nước được đồng bào địa phương giúp đỡ. Chi bộ Đảng đầu tiên của đội được thành lập gồm 5 đảng viên (Xích Thắng, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, Lâm Cẩm Như và Võ Nguyên Giáp) do Chính trị viên Xích Thắng làm Bí thư. Ông Giáp thông báo danh sách Ban Chỉ huy đội đã được ông Cụ phê duyệt và việc phân công cho hai ông Hoàng Văn Thái và Lâm Kính. Ngay sau đó, cuộc họp đầu tiên của Chi bộ tập trung bàn kế hoạch sắp tới, cụ thể là trận đầu sẽ đánh ở đâu, cách đánh thế nào và phân công chỉ đạo công tác chuẩn bị chiến đấu.

Chú thích:

1. Tức đồng chí Bùi Văn Hách.

2. Đây là tổ chức chính trị phản động của Vũ Hồng Khanh, lợi dụng danh nghĩa Việt Nam Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học để đầu cơ cách mạng, làm tay sai cho Tưởng Giới Thạch.

3. Một cơ quan đối ngoại, thấp hơn lãnh sự quán, chỉ là nơi đại diện, giao dịch (dịch nguyên văn là nơi làm việc).

4. Carl Von Clausewitz - danh tướng và nhà lý luận quân sự Phổ (1780-1831).

5. Nxb. Tập sách dân chúng, phát hành năm 1939.

6. Sau này được biết đó là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn.

7. Các tài liệu do Nguyễn Ái Quốc tổ chức biên soạn cho lớp huấn luyện đầu tiên này, sau được in litô và đóng thành sách, nhan đề: *Con đường giải phóng,* làm tài liệu tuyên truyền huấn luyện thống nhất của cán bộ Mặt trận Việt Minh trong thời kỳ chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa.

8. *Năm điều nên làm* là: 1. Giúp dân những công việc thiết thực hằng ngày; 2. Tìm hiểu phong tục tập quán, nghiêm túc chấp hành điều kiêng; 3. Học tiếng địa phương, dạy hát, dạy chữ, gây cảm tình tốt với dân; 4. Tuỳ nơi, tuỳ lúc mà tuyên truyền cách mạng cho thích hợp; 5. Làm cho dân thấy mình là người đứng đắn, chăm công việc, trọng kỷ luật, do đó dân càng tin và giúp ta. *Năm điều nên tránh* là: 1. Tránh việc gì làm thiệt hại đến dân, làm bẩn, làm hỏng nhà cửa, ruộng vườn của dân; 2. Tránh năn nỉ mua hoặc mượn thứ gì cho bằng được; 3. Tránh sai lời hứa; 4. Tránh phạm đến phong tục tập quán, tín ngưỡng của dân; 5. Tránh lộ bí mật.

9. Lê Quảng Ba (1915), dân tộc Tày, Cao Bằng, gia nhập Đảng năm 1932, đã từng hoạt động lâu năm ở vùng biên giới Việt - Trung, từ Trà Lĩnh - Long Bang đến Sóc Giang - Bình Mãng.

10. Tính đến ngày 30-9-1945, *Việt Lập* đã ra được 129 số. Từ tháng 8-1942 đến tháng 5-1945, tờ báo do ông Phạm Văn Đồng phụ trách.

11. Tổng là đơn vị hành chính ở nông thôn trước Cách mạng Tháng Tám, trên cấp xã, dưới cấp huyện (châu). Xã, tổng, châu "hoàn toàn", là những địa phương mà toàn thể nhân dân nam phụ lão ấu đều đã được tổ chức vào các đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt Minh.

12. Do ông Võ Nguyên Giáp bị lôi cuốn vào những công việc trước mắt nên việc biên soạn cuốn sách nhiều phen đứt nối. Hai năm sau cuốn sách mới hoàn thành đúng vào những ngày toàn dân đang đứng trước cao trào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

13. Sau này, qua *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* (Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993), được biết: Cụ Hồ gửi từ Liễu Châu, khoảng giữa tháng 9-1943. Bức thư và báo đến tay Phạm Văn Đồng và Vũ Anh khoảng tháng 10. Thư báo tin Cụ đã được tha, nhưng bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch vẫn giữ làm cố vấn. Ở nhà cần có những cuộc vận động mạnh mẽ hơn nữa để chúng trả lại tự do cho Cụ. Cụ còn dặn một số công việc cụ thể cần làm ngay

14. Đặt cái chung lên trên.

15. Gồm Tày: 19; Nùng: 9; Kinh: 4; Dao: 1; Mông: 1.

Chương II

Phất cờ nam tiến

5- Những chiến công đầu tay

Ông Giáp và Chi bộ Đảng Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân không chọn cách đánh phục kích, dù đó là cách đánh dễ giành thắng lợi hơn, lại hạn chế được tổn thất. Một đội quân vừa lọt lòng hoạt động trên một vùng rừng núi trùng điệp, giao thông không thuận tiện, không có khả năng nắm địch và khả năng thông tin liên lạc kịp thời nhằm xác định đúng thời cơ và hướng tiến quân của chúng để triển khai một trận phục kích có hiệu quả. Vả lại với mục tiêu gồm chừng một tiểu đội lính dõng đi tuần tiễu, vũ khí mang theo không nhiều, trong khi đó súng đạn lại là thứ rất cần thiết đối với đội lúc này. Ông cùng Chi bộ quyết định đánh đồn, với mục đích không chỉ diệt địch, gây tiếng vang chính trị mà điều không kém phần quan trọng là để thu vũ khí, dùng súng đạn chiến lợi phẩm để giải quyết vấn đề cải tiến trang bị cho đội ngay từ trận đầu. Vấn đề đặt ra là chọn đồn nào và chọn cách đánh sao cho trận đầu ra quân chắc thắng.

Bốn châu lỵ Hà Quảng - Hoà An - Nguyên Bình - Ngân Sơn tạo thành một hình thoi trên đất Cao Bằng. Trong và ngoài khu tứ giác đó, đồn địch rải ra lác đác trên nhiều nẻo đường xung yếu. Cán bộ địa phương nào cũng muốn đội về đánh đồn trên địa bàn của mình. Anh em hứa "sẽ có kế hoạch bảo vệ dân chu đáo nếu địch càn quét trả thù". Hội nghị Chi bộ đội khẳng định: Đánh đồn hẻo lánh cách xa dân có thể tránh được địch khủng bố đồng bào sau trận đánh, nhưng sẽ gặp khó khăn vì thiếu tai mắt của dân giúp trong việc nắm địch và chuẩn bị chiến đấu. Trận đầu phải chọn đồn nào ở gần thậm chí ở ngay trong làng bản mới tranh thủ được sự giúp đỡ của bà con. Sau khi cân nhắc mọi nhẽ, mục tiêu được chọn là đồn Phay Khắt, thuộc xã Tam Lộng (Tam Kim), tổng Kim Mã, châu Nguyên Bình. Tiếp đó là đồn Nà Ngần, cách Phay Khắt 25 km về phía đông bắc. Hoàng Văn Thái và Hoàng Sâm nhận nhiệm vụ chuẩn bị mọi mặt, trước hết là cho trận đánh đầu tiên - trận Phay Khắt. Các ông được sự giúp đỡ của một đảng viên ở cơ sở là đồng chí Nông Văn Lạc - chủ nhân của chính ngôi nhà mà địch dùng đóng đồn. Toàn đội nô nức vừa chuẩn bị lễ thành lập đội vừa chuẩn bị cho trận đầu ra quân.

Đúng vào những ngày này, Hồ Chí Minh gửi cho Võ Nguyên Giáp bản *Chỉ thị về việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân*. Đây là sự khái quát thành văn bản tất cả những điều mà Cụ đã nói mấy tháng trước khi Cụ giao nhiệm vụ thành lập đội. Trong bản chỉ thị, Cụ xác định rõ tên đội, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, quan hệ giữa đội quân chủ lực với các lực lượng vũ trang địa phương trong xây dựng và chiến đấu, hình thức chiến thuật và nguyên tắc tác chiến... Cuối bản chỉ thị, Cụ Hồ viết: "Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội quân đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang (lúc đầu Cụ dùng chữ "viễn đại"). Nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam"[1].

Quy tụ đầy đủ những vấn đề cơ bản nhất về đường lối lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng, bản chỉ thị thực sự là cẩm nang hành động đối với người cầm quân. Nắm vững cẩm nang đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và được sự đùm bọc hết lòng của nhân dân, Võ Nguyên Giáp đã cùng toàn quân biến lời tiên tri của Hồ Chí Minh thành hiện thực. Quân giải phóng Việt Nam lớn lên từng ngày và trở thành Quân đội nhân dân bách chiến bách thắng trong suốt quá trình khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng trên cả ba miền đất nước.

Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được tổ chức trọng thể chiều ngày 22-12-1944 tại khu rừng giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám, trước sự chứng kiến của đại diện Liên tỉnh uỷ Cao - Bắc - Lạng và nhân dân các dân tộc hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Cạn. Thay mặt đoàn thể, ông Võ Nguyên Giáp đọc diễn văn, nêu nhiệm vụ và phương châm hoạt động của đội, nhấn mạnh bản chất cách mạng của người chiến sĩ giải phóng quân. Cuối bài diễn văn, ông nói: "Theo chỉ thị của đoàn thể, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, tôi xin tuyên bố thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và hạ lệnh cho các đồng chí tiến lên con đường vũ trang tranh đấu".

Trước khi kết thúc lễ thành lập đội, 34 chiến sĩ giải phóng, đội ngũ chỉnh tề, đứng trang nghiêm dưới cờ, đồng thanh đọc *Mười lời thề danh dự* của đội. Thể hiện đầy đủ nội dung cơ bản của *Một số nguyên tắc xây dựng và hoạt động của đội du kích* do Hồ Chí Minh biên soạn khi thành lập Đội du kích Cao Bằng hơn ba năm trước, từ giờ phút thiêng liêng này, *Mười lời thề danh dự* do Võ Nguyên Giáp biên soạn và đọc trước ba quân, đã trở thành kim chỉ nam cho mọi chiến sĩ quân đội cách mạng Việt Nam trong xây dựng, học tập, chiến đấu và công tác.

Sau bữa cơm nhạt - không rau không muối - là đêm du kích đầu tiên, đầm ấm, cảm động, diễn ra đến tận khuya quanh đống lửa hồng trong tiết đông giữa rừng. Đó là hình thức mà sau này được gọi là “ôn nghèo - kể khổ”, một hình thức tự thuật, vạch tội ác mà đế quốc Pháp - Nhật và tay sai đã gieo tai hoạ cho bản thân, gia đình và quê hương mỗi người. Đêm du kích, với nội dung chính trị sâu sắc đã tác động mạnh đến tâm tư tình cảm và ý chí căm thù địch của từng chiến sĩ giải phóng. Lần đầu tiên, hình thức công tác chính trị này được Võ Nguyên Giáp vận dụng vào điều kiện cụ thể trong ngày lễ thành lập đội, đã thiết thực khơi gợi ý chí căm thù dân tộc và giai cấp, động viên tinh thần chiến đấu cho từng chiến sĩ trước ngày ra quân. Cũng lần đầu tiên, qua tự thuật của từng người trong buổi "ôn nghèo - kể khổ" mà ông Giáp có điều kiện hiểu thêm về 34 con người ưu tú mà cách mạng đã ủy thác cho ông. Sau này, nghĩ đến buổi sinh hoạt tập thể đầu tiên của đội, Võ Nguyên Giáp cố hồi tưởng lại khuôn mặt của từng người, hoàn cảnh gia đình, quá trình đấu tranh cách mạng của anh em trước khi trở thành chiến sĩ Quân giải phóng.

Lộc Văn Lùng (tức Văn Tiên) là một trong những chiến sĩ người Tày tỉnh Lạng Sơn để lại dấu ấn sâu sắc trong trí nhớ của ông Giáp. Văn Tiên là người lớn tuổi nhất trong đội nên được anh em gọi là "anh cả". Ông sinh năm 1903, hơn Đội trưởng Hoàng Sâm đúng một giáp. Là một "cai" khố xanh[2] đóng ở Cao Bằng được giác ngộ cách mạng và hoạt động ở Hà Quảng từ năm 1943, Văn Tiên là một trong những chiến sĩ được Lê Quảng Ba ghi tên đầu tiên khi chọn người thành lập đội và được giao nhiệm vụ quản lý, lo cơm áo gạo tiền cho anh em. Còn nhớ hồi đó nhiều người thường nhắc đến giai thoại "cái chảo nấu cám lợn" để trêu chọc quản lý Văn Tiên. Chẳng là, sau khi được nhận khoản tiền 500 đồng bạc Đông Dương (ngân quỹ ban đầu của đội), ông xin phép ra chợ mua một cái chảo to để nấu cơm cho toàn đội.

- Không sợ lộ bí mật đâu. Mình nói mua về để nuôi lợn mà. Quê mình chả mấy nhà không có chảo to để nấu cám lợn.

Trong cuộc hành quân gian khổ lên phía biên giới để chuẩn bị đánh đồn Đồng Mu, bàn chân Văn Tiên bị đá tai mèo xé rách, anh đã lấy chỉ khâu lại và giã lá thuốc rịt vào để tiếp tục hành quân. Gương chịu đựng gian khổ đó đã được chính trị viên Xích Thắng nêu lên cho toàn đội học tập trước khi vào trận đánh.

Đội trưởng Hoàng Sâm (Trần Văn Kỳ) đã từng hoạt động ở Thái Lan và được dự lớp huấn luyện chính trị đầu tiên ở Tĩnh Tây - Trung Quốc. Khi về nước ông được giao nhiệm vụ tổ chức đội du

kích Cao Bằng. Hoạt động của Hoàng Sâm không chỉ làm cho các đội quân tuần tiễu của Pháp kinh sợ mà bọn thổ phỉ ở biên giới cũng phải kiêng nể. Chính trị viên Xích Thắng (Dương Mạc Thạch) là người đảng viên đầu tiên và cũng là bí thư chi bộ đầu tiên của châu Nguyên Bình, năm 1940 là ủy viên Tỉnh ủy lâm thời Cao Bằng. Là một cán bộ rất am hiểu tình hình phong trào, Xích Thắng có uy tín với bà con các dân tộc địa phương, đồng thời cũng là đối tượng truy nã gắt gao của Pháp - Nhật. Hoàng Văn Xiêm (Ngô Quốc Bình - Hoàng Văn Thái) xuất thân từ nông dân nghèo rời bỏ quê hương và trở thành công nhân trên vùng mỏ Đông Bắc. Khi được cử sang học ở Trung Quốc, ông đã từng là nòng cốt trong học sinh quân Việt Nam ở Điền Đông (Hoa Nam). Với bí danh mới là Khang, Hoàng Văn Thái được giao nhiệm vụ trinh sát và làm kế hoạch tác chiến của đội. Có thể nói cuộc đời Hoàng Văn Thái gắn bó lâu dài với ngành tham mưu cũng bắt đầu từ buổi sơ khai này. Vận dụng những kinh nghiệm hoạt động du kích từ những ngày ở Đình Cả - Bắc Sơn vào nhiệm vụ mới, Hoàng Văn Thái đã góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị cho hai lần ra quân của đội ở Phay Khắt và Nà Ngần. Do có đôi chút hiểu biết về âm nhạc, ông đã được ông Giáp gợi ý làm một bản nhạc nhân ngày thành lập đội. Bài hát *Phất cờ Nam tiến* do Hoàng Văn Thái sáng tác nói lên nhiệm vụ trước mắt của đội - nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền để từng bước từ căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng tiến về xuôi. Từ đây, bài hát không chỉ theo chân các chiến sĩ giải phóng đi khắp các nẻo đường đất nước trong quá trình khởi nghĩa giành chính quyền mà ngay sau đó lại cùng các chiến sĩ Nam tiến từ những ngày đầu quân Pháp gây hấn. Bài hát sẽ theo năm tháng tồn tại mãi mãi theo chiều dài lịch sử của toàn quân, góp phần nhắc nhở các thế hệ chiến sĩ ghi nhớ truyền thống mà "Đội quân đàn anh" đã xây dựng nên. Cùng nhau đứng tuyên thệ dưới lá cờ cách mạng đêm 22-12 đáng ghi nhớ này, cả Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn Thái đều không nghĩ rằng cuộc đời binh nghiệp sẽ gắn bó hai người trong suốt cả cuộc trường chinh 10 ngàn ngày, trên cương vị Tổng Tư lệnh và Tổng Tham mưu trưởng (đầu tiên) của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Hồi tưởng lại buổi liên hoan, đặc biệt là những mẩu chuyện ôn nghèo kể khổ đêm hôm đó, trong hồi ức viết ba chục năm sau, Võ Nguyên Giáp rút ra một nhận xét: Thật là một đội quân kỳ lạ. Không người nào là không mang một mối hận thù với đế quốc.

Hôm sau, Võ Nguyên Giáp cùng Ban Chỉ huy đội thông qua lần cuối kế hoạch tác chiến và rà soát lại công tác chuẩn bị cho trận đánh.

Hai trận Phay Khắt và Nà Ngần (ngày 25 và ngày 26-12-1944) - hai chiến thắng đầu tiên của quân đội cách mạng Việt Nam do Võ Nguyên Giáp tổ chức và điều hành, đã được kể khá tỉ mỉ trong các công trình lịch sử và hồi ký của nhiều tướng lĩnh. Vấn đề đáng nói thêm ở đây là, dưới ánh sáng của sự phát triển hoàn chỉnh đường lối chiến tranh và nghệ thuật quân sự của Đảng hơn 60 năm qua, cần tìm hiểu xem hồi đó tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh đã sớm thấm nhuần trong tư duy Võ Nguyên Giáp như thế nào để có được hai chiến công đầu tay và từ đó rút ra được những bài học vỡ lòng về nguyên nhân thắng lợi của đội quân thơ ấu mới vài ngày tuổi đã lập chiến công.

Trước hết chúng ta thấy Võ Nguyên Giáp đặc biệt coi trọng vai trò lãnh đạo của Đảng, trực tiếp ở đây là vai trò của chi bộ vừa được thành lập. Mặc dù mặt bằng kiến thức quân sự giữa các đảng viên trong chi bộ lúc đó còn rất chênh lệch, nhưng việc lãnh đạo trận đánh đã được Võ Nguyên Giáp đưa ra thảo luận giữa tập thể đảng viên. Mọi người nhất trí chọn mục tiêu vừa sức, chắc thắng về quân sự nhưng không thất lợi về chính trị - không để cơ sở chính trị quần chúng bị khủng bố. Đó là biểu hiện đầu tiên của sự quán triệt phương châm chính trị còn trọng hơn quân sự - tuyên truyền trọng hơn tác chiến - tác chiến về quân sự phải gây ảnh hưởng tốt về chính trị.

Tiếp đó, buổi chiều ngày 25, trước giờ toàn đội tiến quân về Phay Khắt, cán bộ, đảng viên chia nhau đi gặp các chiến sĩ, dặn dò tỉ mỉ và động viên quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong trận đầu ra quân. Cùng với buổi liên hoan "ôn nghèo - kể khổ" trong đêm du kích mấy hôm trước, hoạt động của đảng viên trước giờ chiến đấu là một loại hình công tác chính trị tư tưởng đích thực.

Cụ Hồ đã căn dặn đội phải luôn luôn dựa vào dân và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đội quân chủ lực với lực lượng vũ trang địa phương. Trong hai trận Phay Khắt - Nà Ngần, chỉ thị đó đã được chấp hành nghiêm cách. Nhân dân và các đội du kích và tự vệ địa phương đã thực sự trở thành yếu tố không thể thiếu để giành thắng lợi, nhất là trong trận Phay Khắt. Cán bộ cơ sở và bà con dân bản (đặc biệt là gia đình Nông Văn Lạc) đã giúp đội nắm từng điểm cụ thể về tình hình địch trong đồn, đã tìm mọi cách có đủ quần áo lính dõng để các đội viên cải trang thành quân địch đột nhập đồn, đã đảm nhiệm vấn đề tiếp tế nuôi quân ngay từ buổi lễ thành lập cho đến khi hai trận đánh kết thúc thắng lợi mà vẫn bảo đảm được bí mật hoạt động của đội, đã biết lựa lời khai báo, đối đáp với địch khi chúng kéo quân về làng sau khi đồn bị diệt để giữ kín hoạt động của đội. Các đội vũ trang địa phương không những cùng đội trực tiếp tham gia chiến đấu ngay từ trận đầu[3] mà còn giúp chỉ đường, xoá dấu vết sau khi đội hành quân qua làng bản, khống chế bọn tay sai địch ở cơ sở trước và sau trận đánh. Những hoạt động trên đây, dù chỉ mới là bước đầu, nhưng rõ ràng là mầm mống của cái mà ngay từ hồi đó đã được gọi là quần chúng chiến tranh.

Chỉ với hai trận đánh đầu tiên, Võ Nguyên Giáp đã thể hiện khá đầy đủ lời dạy của Hồ Chí Minh về nghệ thuật cầm quân. Nghệ thuật đó trước hết thể hiện bằng tinh thần tích cực chủ động tìm địch mà đánh, dù đồn địch ở trong địa bàn có cơ sở chính trị quần chúng vững chắc (như Phay Khắt) hay tương đối xa dân, biệt lập trên đồi, khó tiếp cận (như Nà Ngần). Đội quân thơ ấu đối mặt với địch trong thế lấy yếu đánh mạnh, nhưng nghệ thuật cầm quân đã biết phát huy ưu thế về sức mạnh chính trị tinh thần của một đội quân kém địch về trang bị để giành thắng lợi. Đó là nghệ thuật chọn mục tiêu tiến công vừa phải, chắc thắng, trên cơ sở nghiên cứu phân tích lực lượng so sánh địch ta. Đó là nghệ thuật chọn thời cơ tiến công vào lúc bất ngờ nhất đối với địch (5 giờ chiều trong trận Phay Khắt - địch vừa ăn cơm, súng còn gác trên giá - và 7 giờ sáng trong trận Nà Ngần - địch vừa ngủ dậy) đồng thời cũng là thời cơ ta lui quân bí mật an toàn sau trận đánh. Đó là nghệ thuật phát huy tinh thần mưu trí sáng tạo, triệt để khai thác yếu tố bí mật bất ngờ, cải trang đột nhập đồn địch, rồi bất ngờ tiến công sau khi đã khống chế giá súng và chặn mọi lối ra vào, khiến trong cả hai trận địch không kịp trở tay. Đó là tinh thần tiến công kiên quyết, linh hoạt, xử trí nhanh nhạy trước những tình huống ngoài dự kiến, như khi tên đồn trưởng Phay Khắt từ Nguyên Bình trở về đồn đúng lúc trận đánh đang tiếp diễn thuận lợi hay khi đội trưởng Thu Sơn (sắm vai "đội xếp" dẫn lính đi giải tù cộng sản) đứng trước nguy cơ bị lộ khi đối mặt với tên đội Đường trong trận Nà Ngần. Cả hai trận kết thúc nhanh gọn và đều thể hiện tư tưởng đánh tiêu diệt, làm chủ chiến trường, bắt tù binh, thu vũ khí. Với phương châm lấy súng địch đánh địch - vừa đánh vừa tự vũ trang, vấn đề thu chiến lợi phẩm để cải tiến trang bị của đội được đặt ra ngay từ khi xác định mục đích trận đánh. Nếu sau trận Phay Khắt, chiến lợi phẩm thu được chỉ đủ trang bị cho nửa trung đội thì sau trận Nà Ngần, súng đạn thu được của địch đã cho phép ta phát triển lực lượng thành đại đội trước khi bước vào trận Đồng Mu. Rõ ràng là, với hai trận đầu tiên, đội đã bước đầu xây dựng truyền thống đánh thắng trận đầu - càng đánh càng mạnh cho toàn quân sau này. Và một điều quan trọng nữa là đội đã nghiêm chỉnh vận dụng phương châm hoạt động lúc này là chính trị còn trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến, diệt địch, khuếch trương thanh thế của đội và của Mặt trận Việt Minh mà không phương hại đến phong trào chính trị địa phương.

6- Trong khí thế mùa xuân Ất Dậu

Sau trận Nà Ngần, đội về trú quân chừng mươi ngày ở vùng Thiện Thuật để nghỉ ngơi, chỉnh đốn đội ngũ, thay đổi trang bị và luyện tập trước khi bước vào nhiệm vụ mới ngay trong dịp Tết ất Dậu. Ông Giáp biên thư báo cáo Cụ Hồ và Liên tỉnh uỷ về kết quả hoạt động mấy ngày qua, dự kiến công việc sắp tới và đề nghị Liên tỉnh uỷ chỉ thị cho các châu chọn người để bổ sung vào đội.

Chỉ ít ngày sau, việc biên chế thành đại đội đã hoàn tất. Ban Chỉ huy đội trước đây (Hoàng Sâm, Xích Thắng) nay thành cán bộ đại đội. Cán bộ trung đội cũng sắp xếp đủ cả cấp trưởng và phó. Lễ thành lập đại đội so với ngày 22 tháng trước tuy không nhiều nghi thức nhưng cũng rất trang nghiêm, với đội ngũ đông hơn, trang bị khá hơn và nhất là trong khí thế của đội quân vừa chiến thắng. Ngay sau đó, đại đội xuất quân đúng vào những ngày giáp Tết ất Dậu. Không kể chiến sĩ mới hay cũ, ai cũng phấn khởi lên đường trong không khí Mùa xuân chiến đấu, tuy trong thâm tâm không khỏi có phút bâng khuâng khi nghĩ đến cái Tết đầu tiên xa nhà.

Một bộ phận tách ra đi phát triển cơ sở chính trị ở hướng Nậm Ti - từ Tĩnh Túc đến Phia Uắc, một tổ trinh sát được phái đi trước nghiên cứu vị trí địch và chuẩn bị chiến trường cho trận đánh sắp tới, còn đại bộ phận theo Võ Nguyên Giáp và Hoàng Sâm tiến quân lên hướng châu Bảo Lạc. Đây là cuộc hành quân đường dài với rất nhiều gian khổ, thử thách, từ trung tâm Cao Bằng lên hướng tây bắc của tỉnh, gần biên giới Việt - Trung để chuẩn bị bước vào trận đánh sắp tới - trận Đồng Mu.

So với Phay Khắt và Nà Ngần, đồn Đồng Mu "rắn" hơn nhiều cả về công sự và hoả lực, vì địch phải thường xuyên đối phó với thổ phỉ vùng biên giới. Binh lực địch chừng 40 lính khố đỏ, do ba sĩ quan Pháp chỉ huy. Đêm 4-2-1945 (22 tháng chạp âm lịch) bộ đội xuất kích, thực hiện kế hoạch kết hợp với binh sĩ nội ứng, một bộ phận nhỏ lợi dụng đêm tối bí mật đột nhập đồn, bất ngờ đánh chiếm nhà chỉ huy, tạo điều kiện cho các hướng cùng xông vào tiến công tiêu diệt địch. Hai tổ xung phong đi đầu vượt hàng rào kẽm gai vào đến sân đồn, trước trại lính thì bị lộ. Địch từ trên chòi canh và trong trại lính chống trả quyết liệt. Cuộc chiến đấu diễn ra từ trước nửa đêm đến hai giờ sáng. Mặc dù địch bị tổn thất, nhưng nhận thấy tình thế có thể bất lợi nếu kéo dài trận đánh, ông Giáp đồng ý với Ban Chỉ huy cho lui quân trước khi trời sáng, mang theo năm khẩu súng, một số đạn dược và ba tù binh. Một tiểu đội trưởng của ta, đồng chí Xuân Trường hy sinh. Đó là tổn thất đầu tiên của đội trong ba trận đánh sau ngày thành lập.

Vì sao trận tập kích gặp khó khăn ngay từ đầu và không thực hiện được kế hoạch? Tù binh khai rằng từ sớm, địch nhận được tin thổ phỉ sẽ về hạ đồn. Toàn trại lính báo động. Đêm đó, một nửa quân số địch không ngủ - túc trực sẵn sàng chiến đấu. Binh sĩ nội ứng không kịp báo cho ta tình hình thay đổi trước giờ nổ súng. Với một đội quân thơ ấu mới hơn một tháng tuổi, đây là một bài học a - b - c về điều tra nắm tình hình địch trước giờ ra quân. Công tác chính trị - tư tưởng của chi bộ hướng vào việc giải thích cho cán bộ và chiến sĩ hiểu vì sao trận đánh không thành và bài học rút ra là gì, để củng cố lòng tin của anh em, nhất là số chiến sĩ mới gia nhập đội.

Võ Nguyên Giáp dành thời gian ghi chép và phân tích những kinh nghiệm đầu tiên của cuộc đời binh nghiệp. Sau này, thực tế cuộc trường chinh một phần ba thế kỷ cho thấy, một trong những phong cách lãnh đạo chỉ huy của ông là kịp thời chắt lọc và ghi chép từng kinh nghiệm cụ thể trên mỗi chặng đường chinh chiến, của mỗi thời kỳ đối mặt với tướng lĩnh cầm đầu quân đội nhà nghề của địch. Hàng loạt công trình nghiên cứu về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng do ông trực tiếp biên soạn hoặc chỉ đạo biên soạn, một kho tàng đồ sộ về kinh nghiệm cầm quân

mà Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp để lại cho hậu thế, bắt đầu bằng những bài học vỡ lòng được ghi chép thông qua mấy buổi đầu ra quân, từ Phay Khắt - Nà Ngần đến Đồng Mu, thắng giòn giã cũng có mà không thành công cũng có.

Theo kế hoạch Mùa xuân chiến đấu đã thống nhất với Liên tỉnh ủy, ngay từ trung tuần tháng 2-1945 (mồng 2 Tết ất Dậu), toàn đội vừa hành quân về phía nam, vừa triển khai một đợt vũ trang tuyên truyền rầm rộ trên nhiều hướng, từ vùng tây bắc Cao Bằng đến phía nam - giáp ranh Cao Bằng - Bắc Cạn. Trên từng hướng, các tổ đội vũ trang dùng mọi hình thức để động viên chính trị quần chúng - từ míttinh trong từng thôn bản, đến dán khẩu hiệu, phân phát truyền đơn kêu gọi nhân dân ủng hộ cách mạng, tham gia đoàn thể cứu quốc, cùng đồng bào cả nước đánh Pháp - đuổi Nhật, giành độc lập tự do. Đi đôi với việc đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, đội trực tiếp giúp các thôn bản về công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ địa phương làm nòng cốt cho phong trào ở cơ sở, đồng thời chọn người phát triển Quân giải phóng. So với những ngày nóng bỏng của cuộc khủng bố hồi mùa thu năm trước, phong trào chung trong toàn liên tỉnh, nhất là vùng Cao Bằng, đã khác hẳn. Rất nhiều cơ sở chính trị quần chúng được phục hồi và phát triển, hoà nhịp với tiếng vang chiến thắng của Quân giải phóng, đã tác động sâu sắc đến thái độ chính trị của các tầng lớp nhân dân các dân tộc Cao - Bắc - Lạng. Trong khi quần chúng sôi nổi ủng hộ cách mạng, nô nức "đi giải phóng" thì bọn lính đồn nơm nớp lo sợ bị tiến công. Bọn tổng đoàn, xã đoàn, ngay cả những tên Việt gian phản động nổi tiếng ở nhiều địa phương cũng không dám lộng hành như trước. Nhiều phần tử lừng chừng đã ngả dần theo cách mạng. Cục diện chung đó là môi trường thuận lợi cho hoạt động vũ trang tuyên truyền của đội.

Từ cuối tháng 2-1945, trước tình hình trong và ngoài nước chuyển biến ngày càng thuận lợi cho phong trào cứu quốc, Liên tỉnh uỷ chỉ thị cho đội đẩy mạnh hoạt động cả chính trị và vũ trang, chuẩn bị sẵn sàng đón thời cơ lớn. Hoạt động của đội theo kế hoạch Mùa xuân chiến đấu bắt đầu mang nội dung mới: Tiến mạnh về phía nam. Chưa bao giờ bài ca của đội, bài *Phất cờ Nam tiến* lại có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ và thiết thực như những ngày đội tiến nhanh trên trục đường từ Ngân Sơn sang Chợ Rã xuống Chợ Đồn, Chợ Chu. Tiếng hát vang lên sau trận phục kích do đội trưởng Hoàng Sâm chỉ huy, tiêu diệt gọn đoàn xe vận tải của địch trên đường Nà Ngần - Đèo Gió (khi đó gọi là Benle - Bel Air). Tiếng hát lan đến khắp các châu huyện đang nô nức thành lập các đội vũ trang riêng của địa phương, "những đội quân đàn em", như cách nói của Cụ Hồ.

Một ngày đầu tháng 3, hai ông Phạm Văn Đồng và Vũ Anh đến thăm, đánh dấu một mốc chuyển biến mới trong hoạt động của đội. Các ông thông báo cho ông Giáp và lãnh đạo của đội về cục diện chiến tranh thế giới, tình hình phát triển của phong trào cứu quốc trong cả nước, đặc biệt là những triệu chứng Nhật sắp lật Pháp, đồng thời chuyển đạt chỉ thị của ông Cụ: Đội phải khẩn trương tiến quân xuống phía Nam, nhanh chóng đánh thông đường liên lạc với miền xuôi.

Chỉ vài ngày sau, bà con đi chợ bàn tán về việc quân Nhật kéo về chiếm đồn Nguyên Bình, bắt viên đồn trưởng Pháp làm tù binh. Tin đó khẳng định việc Nhật đảo chính Pháp trên phạm vi cả nước. Đội lên đường trong không khí khác hẳn những ngày hành quân đêm, bí mật len lỏi trèo đèo lội suối trước đây. Trên từng chặng đường tiến quân dưới lá cờ đỏ sao vàng giương cao, đội liên tiếp tổ chức những cuộc míttinh quần chúng, giải thích rõ về thời cơ chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Công tác binh vận, địch vận đã đem lại kết quả thiết thực. Lính dõng ở các đồn lẻ nộp súng, giao đồn, châu đoàn, xã đoàn nộp triện.

Thực hiện chủ trương nhanh chóng khơi thêm nước cho cá vẫy vùng - sẵn sàng đón thời cơ lớn, như chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh, đội chia nhiều hướng tiến quân mở rộng địa bàn. Hoàng

Sâm, Quang Trung tiến xuống Phủ Thông, Bắc Cạn; Hoàng Văn Thái sang Lục An Châu; Lê Thiết Hùng xuống mạn Thất Khê, Bình Gia - địa bàn đang hoạt động của Đàm Minh Viễn và Hoàng Minh Thảo; Lê Quảng Ba theo hướng Bảo Lạc rồi chuyển hướng tây sang Bắc Mê, trong khi Võ nguyên Giáp cùng "đại quân" tiến thẳng xuống Chợ Rã. Sự xuất hiện của đội Quân giải phóng nhanh chóng làm thay đổi toàn diện bộ mặt của huyện lỵ miền ngược này. Chính quyền địch đã hoàn toàn tan rã. Binh lính đồn Chợ Rã xin nộp vũ khí rồi trở về nhà. Viên đồn trưởng người Pháp xin cấp giấy để chạy sang bên kia biên giới Việt - Trung. Cờ đỏ sao vàng rợp đường phố. Nhân dân đổ ra đường đón bộ đội vào nhà, chăm lo cho anh em nghỉ ngơi ăn uống, ân cần chu đáo như đối với người thân đi xa mới về. Và mọi việc quan trọng liên quan đến đời sống chính trị - xã hội của địa phương đều được người dân đến "xin ý kiến các đồng chí Việt Minh", từ cách tổ chức đoàn thể cứu quốc, cách đề phòng và đối phó nếu quân Nhật kéo đến, cả việc tranh chấp ruộng đất trong địa phương, việc hiếu hỉ của gia đình... Từ thực tế bộ mặt chính trị đã hoàn toàn thay đổi của địa phương, một câu hỏi lớn xuất hiện trong dòng suy nghĩ của Võ Nguyên Giáp: Điều kiện như thế này đã là chín muồi để thành lập chính quyền cách mạng ở cấp châu chưa? Một vấn đề rất mới, chưa hề được thảo luận trong Liên tỉnh uỷ và càng chưa có ý kiến của ông Cụ. Phân tích tình hình mọi mặt, ông Giáp thấy rõ ràng là tình hình lúc này - trung tuần tháng 3-1945 - đã khác xa so với hồi 1942-1943 khi từng tốp nhỏ của các đội Nam tiến qua vùng này phải lén lút trong rừng sâu, né tránh từng vọng gác nhỏ của lính dõng. Giờ đây, cả đoàn quân đi giữa ban ngày, công khai trên đường phố. Suy tính mọi nhẽ, trong lúc tình hình chuyển biến rất khẩn trương từng ngày mà ông thì không có điều kiện liên lạc với Trung ương hay Liên tỉnh uỷ, càng không thể xin ý kiến ông Cụ... Cuối cùng Võ Nguyên Giáp đi đến kết luận: Tình hình thực tế vùng Chợ Rã này cần và có thể thành lập chính quyền cách mạng. Thực tế lịch sử sau này chứng minh sự quyết đoán về thời cơ khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền và thiết lập chính quyền địa phương ở châu Chợ Rã lúc này hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 5-1941 và phù hợp với cả chủ trương của Thường vụ Trung ương sau ngày đảo chính của Nhật.

Sau khi chỉ đạo thành lập chính quyền ở Chợ Rã và giao cho Mai Trung Lâm ở lại giúp đỡ Uỷ ban nhân dân lâm thời địa phương, Võ Nguyên Giáp cùng bộ đội tiến nhanh xuống Chợ Đồn. Vừa đến nơi, nhận được công văn "hỏa tốc" của lãnh đạo Liên tỉnh uỷ, ông Giáp rất mừng, nhất là khi đọc câu đầu của Nghị quyết Liên tỉnh uỷ nói về vấn đề chớp thời cơ "đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở hương thôn, rồi tùy nơi, sẽ thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp châu, huyện, phủ, hoặc đến cấp tỉnh". Liên tỉnh uỷ còn cho biết, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, các đội vũ trang Cao Bằng đã hạ hàng loạt đồn địch, thu hàng ngàn súng không chỉ của lính dõng, lính khố xanh, khố đỏ, mà chủ yếu là của từng đoàn, từng đoàn quân Pháp nối tiếp nhau tháo chạy sang bên kia biên giới. Bọn chỉ huy Pháp - như viên quan tư Rơn (C.Reul) ở Cao Bằng và quan hai Pônhtích (P. de Pontich) ở Bắc Cạn v.v. đều không dám hưởng ứng lời kêu gọi của ta cùng nhau hợp tác đánh Nhật.

Cuối tháng 3, Võ Nguyên Giáp cùng "đại quân" về đến Chợ Chu. Ba tuần *Phất cờ Nam tiến* của Giải phóng quân là quá trình phối hợp với Cứu quốc quân và nhân dân các dân tộc Việt Bắc tạo nên một cục diện hoàn toàn mới trên căn cứ địa cách mạng. Trong khi phong trào cách mạng ở Cao Bằng như nước vỡ bờ, toàn bộ các châu Hoà An, Nguyên Bình, Hà Quảng và một phần các châu Bảo Lạc, Quảng Uyên, Trùng Khánh chính quyền đã về tay nhân dân, thì lui về phía nam, chính quyền ở các xã trong toàn tỉnh Thái Nguyên và nhiều nơi ở Tuyên Quang đã thành lập, các đội Giải phóng quân từ trên xuống, các đội Cứu quốc quân từ dưới lên đã có mặt ở nhiều châu lỵ, huyện lỵ thuộc Thái Nguyên, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Nghị quyết tháng 5-1941 của

Trung ương về chiến tranh du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần, giành và thiết lập chính quyền cách mạng ở cơ sở đã trở thành hiện thực trên nhiều vùng rộng lớn ở Việt Bắc.

Việc liên lạc với Trung ương ở miền xuôi cũng đã thông suốt. Đầu tháng 4, Võ Nguyên Giáp nhận được thư của Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập về họp Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Ông biên thư lên Cao Bằng báo cáo tình hình rồi lên đường đi họp. Hồi tưởng lại tâm trạng của con người vùng cao vừa hạ sơn, đặt chân trên con đường "mỗi lúc một thấy gần miền xuôi", sau này Võ Nguyên Giáp nhớ lại cảm xúc lúc đó: "Đã mấy năm nay mới lại nhìn thấy cánh đồng xanh chạy dài tít tắp đến chân trời".

Đồng chí giao thông dẫn Võ Nguyên Giáp đến thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng Vân, Hiệp Hoà, Bắc Giang. Chiều ngày 14-4, những người được triệu tập về dự hội nghị đã có mặt đông đủ. Ông đặc biệt vui mừng, lần đầu tiên được gặp nhiều đồng chí lãnh đạo các địa phương, quen cũ có mà người gặp lần đầu cũng có[4], mà lại gặp giữa lúc cách mạng đang tiến tới cao trào. Trả lời các ông về tin tức của Nguyễn ái Quốc, Võ Nguyên Giáp cho biết ông Cụ đang ở Hoa Nam, gặp gỡ đại diện của Đồng minh.

Trước khi hội nghị thảo luận dự thảo nghị quyết do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày, Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình phong trào cách mạng và những hoạt động của Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tại Cao - Bắc - Lạng, Chu Văn Tấn báo cáo hoạt động của Cứu quốc quân tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang. Hội nghị phân tích triển vọng "một phong trào kháng Nhật cứu nước đang cuồn cuộn dâng cao", ưu khuyết điểm của phong trào và thảo luận sôi nổi về việc quân Đồng minh có vào Đông Dương hay không? Trên cơ sở nhận định "Tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này", Hội nghị quyết nghị những vấn đề trực tiếp liên quan đến việc gấp rút tạo thời cơ và kịp thời nắm bắt thời cơ, sẵn sàng phát động tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước. ủy ban quân sự Bắc Kỳ được thành lập[5] để "phụ trách chỉ huy các chiến khu miền Bắc Đông Dương, đồng thời có nhiệm vụ giúp đỡ cho toàn quốc về mặt quân sự" trong quá trình chuẩn bị và thực hành tổng khởi nghĩa.

Hội nghị diễn ra từ ngày 15 đến ngày 20-4-1945. Ngoài giờ họp, các ông thường nói cho nhau nghe tình hình phong trào các địa phương. Một lần, đang lúc nói về cuộc khủng bố của Nhật - Pháp ở Hà Nội, ông Trường Chinh bỗng nhắc đến chuyện chị Quang Thái bị địch bắt năm 1941. Chúng đã dùng mọi cực hình tra tấn hòng lần ra đường dây liên lạc với ông Hoàng Văn Thụ. Chị Quang Thái giữ trọn khí tiết, không một lời cung khai và đã mất ở trong ngục. Ông Trường Chinh không ngờ đây là lần đầu tiên ông Giáp nghe tin đau buồn này. Tin quá đột ngột làm Võ Nguyên Giáp lặng người, bàng hoàng đi sang buồng bên. Bao kỷ niệm trở lại trong ký ức. Ông nhớ lại từng hình ảnh từ những ngày đầu gặp nhau ở Huế cho đến khi bé Hồng Anh ra đời và ông lên đường sang Trung Quốc. Càng suy nghĩ, Võ Nguyên Giáp càng không tin rằng người vợ thân yêu của mình đã mất. Ông bỗng nhớ lại bài thơ chị Thái làm 15 năm trước, khi hai người cùng bị giam trong nhà lao Thừa Phủ ở Huế, bài thơ nói lên lòng trung thành với lý tưởng cách mạng của người nữ đảng viên cộng sản trẻ tuổi[6]. Mấy tháng sau, trong cao trào Tổng khởi nghĩa, mỗi khi nghĩ đến Nguyễn Thị Quang Thái, Võ Nguyên Giáp vẫn không tin rằng ông sẽ không bao giờ còn được gặp lại người vợ thân yêu của mình. Điều đáng tiếc là thực tế lại không thuận theo điều suy nghĩ của ông. Đúng là Quang Thái đã mất trong nhà lao Hoả Lò, Hà Nội tháng 5-1941, chỉ vài tuần sau khi người chị - Nguyễn Thị Minh Khai - bị đế quốc Pháp xử bắn tại Hóc Môn.

7- Những ngày ở Tân Trào

Họp xong Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, Võ Nguyên Giáp trở về ngay Chợ Chu để chuẩn bị gấp cho việc thống nhất lực lượng vũ trang. Ngày 15-5-1945, lễ thành lập Việt Nam Giải phóng quân được tổ chức trọng thể tại Định Biên Thượng (Chợ Chu - Thái Nguyên). Mười ba đại đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân được thống nhất thành bộ đội chủ lực đầu tiên của cả nước với tên chung là Việt Nam Giải phóng quân, dưới quyền chỉ huy của Bộ Tư lệnh miền Bắc, gồm Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh và Chu Văn Tấn. Các đội vũ trang trong các huyện, tỉnh và các chiến khu cũng thống nhất mang tên Giải phóng quân. Thế là chỉ mới qua nửa năm, đội quân nhỏ bé Cụ Hồ giao cho Võ Nguyên Giáp tổ chức đã lớn lên một bước quan trọng, đúng như dự kiến của ông Cụ trong chỉ thị thành lập đội cuối năm trước. Đêm ấy anh Văn ngủ không yên giấc. Anh nghĩ đến nhiệm vụ nặng nề của Việt Nam Giải phóng quân trong công cuộc tổng khởi nghĩa sắp tới của toàn dân. Thức dậy, anh nhận được thư hoả tốc của Liên tỉnh uỷ báo tin ông Cụ đã từ nước ngoài về đến Cao Bằng và đầu tháng 5 đã rời Khuổi Nậm (Pác Bó) về xuôi. Dự đoán, lúc này có thể Cụ đã qua Chợ Đồn, Võ Nguyên Giáp vội lên đường theo hướng Bản Coóc (Thành Cóc) để đón ông Cụ.

Ngày 17, đến Nà Kiến thuộc xã Nghĩa Tá thì gặp Cụ Hồ đang hành quân cùng đoàn tùy tùng hơn hai chục người, có cả mấy người nước ngoài, cùng một máy thông tin rất nặng phải thồ bằng ngựa. Tám tháng kể từ ngày nhận trọng trách cầm quân, đến nay Võ Nguyên Giáp mới được gặp lại người thầy, người đồng chí cao tuổi của mình. Ông thấy Cụ Hồ hơi gầy, dáng mệt mỏi sau hơn 10 ngày hành quân đường dài, nhưng cặp mắt sáng luôn ánh lên niềm vui. Sau khi nghe báo cáo tóm tắt tình hình chung và nhất là kết quả Hội nghị quân sự ở Hiệp Hoà, Cụ Hồ chỉ thị chọn ngay một địa điểm có cơ sở chính trị quần chúng vững chắc, địa hình thuận lợi, tiện đường liên lạc với miền xuôi, làm trung tâm chỉ đạo phong trào.

Từ Nghĩa Tá, ông Giáp trở lại Kim Quan Thượng trao đổi với ông Song Hào và Ban lãnh đạo Phân khu Nguyễn Huệ[7]. Mọi người thống nhất đề nghị với ông Cụ chọn Tân Trào (tức làng Tân Lập thuộc huyện Sơn Dương - Tuyên Quang), một vùng rừng núi giữa Tuyên Quang và Thái Nguyên, rất xa đường cái. Sau khi cùng Song Hào, Tạ Xuân Thu và Lê Trung Đình đến Tân Trào nắm lại tình hình và dự kiến sắp xếp nơi ở và làm việc, Võ Nguyên Giáp quay trở lại Bản Coóc đón Cụ Hồ. Chiều ngày 21-5, sau khi đến Tân Trào, ông Giáp bố trí ông Cụ và hai báo vụ viên[8] cùng với điện đài ở nhà ông Nguyễn Tiến Sự và giao cho Đinh Đại Toàn chăm nom việc ăn ở. Mấy ngày sau, Cụ Hồ cùng ông Nguyễn Tiến Sự lên khu rừng Nà Lừa cách làng chừng 1 km tìm nơi làm lán. Từ cuối tháng 5-1945, lán Nà Lừa trở thành Đại bản doanh của vị Tổng Tư lệnh tối cao của dân tộc, nơi quyết định mọi chủ trương dẫn đến thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Cũng từ đây, lán Nà Lừa cùng với nhiều địa danh khác trong cả nước đi vào lịch sử khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Ngày 4-6, Cụ Hồ triệu tập cuộc hội nghị cán bộ đầu tiên ở Tân Trào. Các ông Trường Chinh và Nguyễn Lương Bằng từ miền xuôi lên, ông Hoàng Quốc Việt mới từ Hoa Nam về, cũng có mặt. Sau khi Tổng Bí thư Trường Chinh báo cáo toàn bộ những chủ trương, nghị quyết của Trung ương, trong đó có Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (ngày 12-3-1945), và tình hình phong trào cách mạng chung trong cả nước, ông Võ Nguyên Giáp báo cáo về Hội nghị quân sự Bắc Kỳ và tình hình cụ thể phong trào hai căn cứ cách mạng ở Việt Bắc. Cụ Hồ tán thành đường lối của Trung ương vì "phù hợp với thực tiễn Việt Nam". Cụ nhận xét chỉ thị ngày 12-3-1945 là "kịp thời" và nêu ý kiến sửa đổi một vài điểm của Nghị quyết Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Cụ chỉ thị nên sáp nhập hai chiến khu ở hai vùng thuộc Việt Bắc lại thành một căn cứ địa kháng Nhật duy nhất. Lúc này vùng giải phóng đã rộng lớn, bao gồm nhiều địa bàn rừng núi thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hà Giang, Thái Nguyên và một số

vùng thuộc Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái, địa thế liên hoàn, cho nên ta cần thành lập một khu căn cứ lớn, lấy tên là Khu giải phóng để hiệu triệu phong trào kháng Nhật trong cả nước.

Thực hiện nghị quyết ngày 4-6 và *Mười chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh*, Khu giải phóng ra đời và được khẩn trương xây dựng thành một căn cứ địa vững chắc về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá. Tân Trào trở thành Thủ đô của Khu giải phóng và là trung tâm liên lạc giữa Cụ Hồ với Trung ương ở miền xuôi, với các chiến khu trong cả nước và với phái bộ Mỹ ở Côn Minh - Trung Quốc. Uỷ ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng được thành lập, Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm thường trực Uỷ ban, đặc trách vấn đề quân sự. Hoạt động chủ yếu của ông Giáp lúc này là chuẩn bị lực lượng vũ trang để sẵn sàng cùng toàn dân thực hiện chủ trương tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến. Ông tập trung chỉ đạo khẩn trương xây dựng và chỉnh đốn cả Việt Nam Giải phóng quân và tự vệ du kích địa phương. Ông đặc biệt coi trọng khâu đào tạo cán bộ cơ sở và việc thiết lập hệ thống tổ chức Đảng và công tác chính trị trong Giải phóng quân. Theo Nghị quyết Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, ông cùng ông Khang (tức Hoàng Văn Thái) tổ chức và trực tiếp chỉ đạo Trường Quân chính kháng Nhật, trường đào tạo cán bộ quân chính sơ cấp tương đối có hệ thống đầu tiên của quân đội cách mạng Việt Nam, làm nòng cốt cho hoạt động của Giải phóng quân trong cao trào tổng khởi nghĩa sắp tới. Hai khoá huấn luyện mở ra liên tiếp ở Khuổi Kịch - cách Tân Trào chừng 3 km. Học sinh Trường Quân chính kháng Nhật gồm những cán bộ trẻ do các địa phương chọn gửi đi học. Ông Giáp và ông Thái trực tiếp tìm hiểu lý lịch từng người. Số khá đông mới tham gia phong trào từ khoảng cuối năm 1944 - đầu năm 1945, đặc biệt là sau đảo chính của Nhật. Nhiều học sinh cũ của trường Thăng Long (Hà Nội) được gặp lại thầy Giáp và cách xưng hô trong hoàn cảnh mới cũng có thay đổi, số đông gọi thầy, xưng em, cũng có người gọi đồng chí, xưng tôi. Năm ấy Võ Nguyên Giáp ở tuổi 34, còn học sinh phổ biến là kém thầy một giáp (tuổi chừng 18 - 25). Gọi là Trường Quân chính, nhưng thật ra học sinh được học chính nhiều hơn quân. Những buổi lên lớp của ông Giáp và các đồng chí Trung ương về *Chương trình Việt Minh*, *Mười chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh*, chủ trương chuẩn bị tiến tới toàn dân khởi nghĩa, những kinh nghiệm thực tế về công tác vận động quần chúng, kinh nghiệm ba trận đánh đầu tiên của Giải phóng quân, v.v. chiếm khá nhiều thời gian so với những buổi học tập về động tác quân sự cơ bản. Cũng vì vậy, rất lâu trong cuộc đời hoạt động của mình, các học sinh quân chính Tân Trào hồi đó - dù sau Tổng khởi nghĩa hoạt động trong ngành gì - vẫn còn giữ mãi những kỷ niệm khó quên về thầy Võ - anh Văn. Một trong những kỷ niệm sâu sắc về chiến khu Việt Bắc là câu chuyện về *Ông già làm ruộng ở Tân Trào*.

Chẳng là khoảng đầu tháng 7 năm 1945, khi khoá 1 vừa khai giảng, Cụ Hồ quyết định chọn chừng 10 học sinh có trình độ học vấn khá đi dự "lớp huấn luyện đặc biệt" (sau mới rõ là khoá đào tạo tình báo - báo vụ viên). Chiều hôm đó, số học sinh này từ Khuổi Kịch ra Tân Trào, đang ngồi đợi ở nhà đồng bào để được dẫn tiếp đến nơi tập trung, thì ông Giáp đến thăm. Cùng lên nhà sàn còn có một cụ già mặc quần áo chàm, chống gậy, đi giày vải đen kiểu Tàu. Ông Giáp giới thiệu đây là một lão nông địa phương, hết lòng ủng hộ Việt Minh. Thấy anh em đến, tiện đường đi qua, cụ ghé vào thăm. Ta cứ bắt chước bà con địa phương gọi cụ là Cụ Ké... Sau khi ông Giáp và ông Cụ ra về, anh em học sinh bàn tán chung quanh vấn đề: Ông Cụ là ai? Anh em có nhiều lý lẽ để khẳng định rằng ông Ké không phải là "lão nông địa phương". Cụ nói tiếng Kinh rất sõi. Cụ hỏi rất kỹ về tình hình Hà Nội, lại còn nói anh em vẽ cho một bản đồ "để khi nào có dịp về chơi...". Khi tranh luận, anh em Kim Hùng - Tuấn Khanh (người Cao Bằng) úp mở nói: ông Ké là bạn của Nguyễn ái Quốc. Hà Sĩ Bội (người Bắc Cạn) thì tỏ ra hiểu biết, nói ông Ké là Nguyễn ái Quốc đấy. Cuộc tranh luận chưa ngã ngũ thì hôm sau anh em được lệnh ra chỗ

cây đa để có người dẫn lên chỗ tập trung. Đến bãi trống gần cây đa đã thấy ông Giáp và "cụ lão nông" ở đấy. Sau khi ông Giáp dặn dò mọi người về tinh thần học tập, ý thức kỷ luật, ông Cụ "chỉ dặn thêm một điều", đó là vấn đề đi đại tiện. Cụ nói:

- Bà con địa phương người ta sợ phân lắm. Đi đại tiện, các đồng chí phải lấy cuốc đào đất, đi đại tiện xong, lấp đất kín, vừa vệ sinh vừa làm cho đất thêm tốt.

Có lẽ từ "hố mèo" trong bộ đội ta cũng bắy nguồn từ đấy.

Anh em lên đường đến nơi tập trung và tất nhiên chuyện thắc mắc hôm qua chưa được giải đáp. Ông Cụ đi cùng nhóm thanh niên học sinh và thêm một điều ngạc nhiên nữa lại xảy ra: Đến bờ suối Nà Lừa, Cụ dừng lại nói chuyện với mấy người nước ngoài... bằng tiếng Anh! Mọi người rỉ tai nhau: rõ ràng không phải là lão nông địa phương rồi, nhưng ông Cụ là ai thì do nguyên tắc bí mật hồi bấy giờ, chẳng ai dám hỏi mà có hỏi cũng chẳng ai giải đáp được. Mãi một năm sau, tháng 8-1946, nhân kỷ niệm một năm Cách mạng Tháng Tám, do Tổng Biên tập báo *Cứu quốc* là Xuân Thủy gợi ý, một học sinh khoá 1 Quân chính Tân Trào mới viết một bài ôn lại những kỷ niệm về *Ông già làm ruộng ở Tân Trào,* đăng mấy số liền trên báo *Cứu quốc* tháng 8-1946. Có thể đó là một trong những trang hồi ký sớm nhất viết về Cụ Hồ. Tất nhiên khi viết, tác giả bài báo đã biết ông Cụ là ai!

Xin trở lại câu chuyện ông Giáp ở Tân Trào.

Từ cuối tháng 3, để "ổn định hậu phương" sau khi hất cẳng Pháp, bọn cầm đầu quân Nhật luôn phái những đơn vị nhỏ đi tuần tiễu và càn quét tại nhiều châu, huyện trong vùng giải phóng Việt Bắc và thường bị quân ta chặn đánh. Nhiều trận phục kích diễn ra ở Đèo Khế - đường Thái Nguyên - Tuyên Quang - không xa trung tâm Tân Trào. Vùng thường xuyên xảy ra các trận chiến đấu giữa Giải phóng quân và quân Nhật là vùng Chợ Chu và dọc đường số 3 - Thái Nguyên - Bắc Cạn và dọc bờ sông Chảy từ Yên Bình đến Đoan Hùng, phía nam thị xã Tuyên Quang. Hạ tuần tháng 6, có tin địch huy động một lực lượng lớn, sắp tiến công vào căn cứ Tân Trào - Hồng Thái. Có ý kiến đề nghị Cụ Hồ tạm di chuyển sâu vào rừng để đảm bảo an toàn. Nhưng Cụ nói: "Địch không thể vào tới đây nếu ta quyết tâm chiến đấu và biết tổ chức đánh chặn chúng lại, mặc dù lực lượng ta rất nhỏ". Và Cụ vẫn ở lán Nà Lừa, không di chuyển. Ông Giáp chỉ thị cho ông Trần Thế Môn chỉ huy đơn vị Giải phóng quân bảo vệ căn cứ chọn địa hình có lợi, kiên quyết chặn địch, nhất là ở Đèo Chắn trên con đường duy nhất địch phải đi qua từ huyện lỵ Sơn Dương vào Tân Trào, đồng thời chỉ đạo việc tổ chức nhân dân làm vườn không nhà trống và tạm sơ tán sâu vào rừng. Giải phóng quân kiên trì bình tĩnh chờ đợi và chỉ nổ súng khi quân Nhật lọt vào trận địa phục kích. Bị đánh bất ngờ, địch dựa vào hỏa lực mạnh cố đẩy lùi quân ta nhưng cuối cùng phải rút chạy về hai hướng Tuyên Quang và Thái Nguyên.

Ngày 17-7, theo kế hoạch đã thống nhất giữa Cụ Hồ ở Tân Trào và Bộ Tư lệnh Mỹ ở Côn Minh, đội Con nai[9] gồm một số sĩ quan tình báo Mỹ, do Thiếu tá A. Tômát chỉ huy, nhảy dù xuống Tân Trào, phối hợp cùng ta đánh Nhật. Ngay hôm đó, ông Lê Giản phát hiện và báo cáo với ông Giáp rằng trong toán nhảy dù thứ nhất, ngoài Tômát và hai người Mỹ, còn có viên trung uý người Pháp là Môngpho (Montfort) và hai hạ sĩ quan người Việt thuộc Mission 5, một tổ chức tình báo của Pháp ở Hoa Nam. Ông Giáp báo cáo với Cụ Hồ và nói thẳng với Đội trưởng Tômát để trả ba người đó về Côn Minh. Những ngày sau đó, ông thường làm việc với A. Tômát, thống nhất về địa bàn hoạt động của đội Con nai, về việc tiếp nhận vũ khí do Mỹ thả dù xuống[10] và kế hoạch huấn luyện cho các chiến sĩ Giải phóng quân. Ngày 21-7, Đại đội Quang Trung (hồi đó gọi là Đại đội Việt - Mỹ) được tổ chức, gồm 200 chiến sĩ Giải phóng, do Đàm Quang Trung làm Đội

trưởng và Tômát làm Tham mưu trưởng. Ngay sau đó, việc huấn luyện bắt đầu và kéo dài đến ngày 15-8, chủ yếu là cách sử dụng vũ khí mới của Mỹ.

Nhóm công tác của Tômát thường đi lại trong vùng Chợ Chu - Sơn Dương. Một số học sinh quân chính biết tiếng Anh được phân công đi cùng, làm phiên dịch, làm công tác bảo vệ và quan hệ với địa phương. Ông Giáp rất chu đáo trong việc giao nhiệm vụ cho những cán bộ trẻ chưa hề tiếp xúc với sĩ quan quân đội nước ngoài. Không những ông đề ra yêu cầu bảo đảm bí mật mà thường nhắc về thái độ đối với những người bạn phương Tây đang cùng ta hợp tác đánh Nhật. Họ là khách, ta là chủ, dù họ là Đồng minh nhưng là sĩ quan quân đội đế quốc, ta là cán bộ quân đội cách mạng. Trong quan hệ cần thẳng thắn, có văn hoá, v.v..

Điều lo lắng của Võ Nguyên Giáp lúc này là sức khỏe của Cụ Hồ. Từ cuối tháng 7, Cụ thường bị sốt nóng, hay mê sảng, nhưng mỗi khi tỉnh, Cụ lại dặn dò công việc. Sau này ông Giáp kể lại, một buổi tối thấy Cụ rất mệt, ông quyết định đêm đó ở lại với Cụ Hồ trên lán Nà Lừa. Vừa ăn xong lưng bát cháo do chị Minh Châu, thư ký Văn phòng nấu từ dưới làng mang lên, Cụ thấy tỉnh táo và lại trao đổi ý kiến ngay về công việc. Và một câu nói của Hồ Chí Minh với Võ Nguyên Giáp đã đi vào lịch sử: Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới. Dù hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập.

ý kiến khẳng định về thời cơ chiến lược đó càng đốc thúc Võ Nguyên Giáp khẩn trương mở khoá 2 Quân chính kháng Nhật, khẩn trương chuẩn bị lực lượng vũ trang ở Tân Trào cũng như các địa bàn khác trong toàn Khu giải phóng. Nòng cốt đội quân chủ lực lúc này đã được tổ chức thành một chi đội (tương đương tiểu đoàn ngày nay), do Lâm Cẩm Như (Lâm Kính) làm Chi đội trưởng, các đại đội trưởng là Vi Dân, Đàm Quang Trung và Đàm Quốc Chủng. Đại đội Đàm Quang Trung đứng chân ở trung tâm căn cứ Tân Trào.

Từ đầu tháng 8, tình hình chuyển biến hết sức khẩn trương. Qua tin tức đài phát thanh nước ngoài, được biết Hội nghị Pốtxđam giữa các cường quốc đã bế mạc ngày 2-8. Trong quá trình họp, ngoài những thỏa thuận về chính sách hậu chiến đối với Đức và châu Âu, ngày 26-7, hội nghị còn ra tuyên bố "đòi chính phủ Nhật phát ngay lệnh đầu hàng không điều kiện tới tất cả các lực lượng vũ trang Nhật Bản". Rồi liên tiếp tin Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, tin Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Trước chuyển biến mau lẹ của cục diện chung, Cụ Hồ chỉ thị cho Võ Nguyên Giáp viết thư hỏa tốc đi các nơi thúc giục các đại biểu nhanh chóng về họp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội quốc dân. Cụ bảo: "Nên họp ngay và cũng không nên kéo dài hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút. Tình hình sẽ chuyển biến nhanh chóng. Không để lỡ cơ hội". Trong các ngày 12 và 13-8, có tin Nhật gửi công hàm cho tứ cường, nói sẵn sàng chấp nhận bản Tuyên bố Pốtxđam, Cụ Hồ - theo chủ trương đã thống nhất với Thường vụ Trung ương từ trước - quyết định phát động Tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước và thành lập Chính phủ lâm thời.

Lúc đầu, dự kiến Hội nghị toàn quốc của Đảng họp chậm lại vì còn phải đợi một số đại biểu ở xa. Nhưng do thấy trước khả năng Nhật Hoàng sắp đầu hàng Đồng minh nên Cụ Hồ chỉ thị cần họp ngay trong ngày 13-8, dù lúc này, chỉ mới có gần 30 đại biểu của Trung ương và địa phương cùng một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài có mặt ở Tân Trào[11]. Hôm Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc vì mệt Cụ Hồ không đến dự được. Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì hội nghị, Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng làm thư ký. Trong báo cáo của mình, ông Trường Chinh nhấn mạnh tình thế cấp bách, phải nắm đúng thời cơ, phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào. "Đó là khả năng duy nhất để giành độc lập dân tộc". Hội

nghị trải qua ba ngày nghe báo cáo, thảo luận, thông qua nghị quyết và bầu bốn uỷ viên bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong đó có Võ Nguyên Giáp. Sáng ngày 15, sau khi nghe tin Đài Phát thanh Tôkyô truyền đi lời tuyên bố chính thức của Nhật Hoàng "xin chấp nhận bản Tuyên bố Pốtxđam ngày 26-7", Cụ Hồ đề nghị Hội nghị toàn quốc nên mau chóng kết thúc để các đại biểu kịp về lãnh đạo địa phương khởi nghĩa giành chính quyền. Buổi chiều, khi hội nghị bế mạc, tuy còn rất mệt, Cụ Hồ cũng gắng tới gặp và dặn dò các đại biểu. Cụ nhấn mạnh vấn đề mở rộng khối đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh vô địch để giành bằng được độc lập dân tộc.

Ngày 13-8, theo chỉ thị của Cụ Hồ, Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập và thông qua *Quân lệnh số 1* do Trần Huy Liệu dự thảo. 11 giờ đêm hôm đó, Uỷ ban khởi nghĩa ban bố *Quân lệnh,* hạ lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Hai hôm sau, qua đài của đội Con nai, Cụ Hồ nhân danh Uỷ ban dân tộc giải phóng của Mặt trận Việt Minh: yêu cầu nhà cầm quyền Hoa Kỳ thông báo cho Liên hợp quốc rằng: Chúng tôi đã đứng về phía Liên hợp quốc chống lại bọn Nhật. Nay Nhật Bản đã đầu hàng, chúng tôi yêu cầu Liên hợp quốc thực hiện lời hứa long trọng của mình là tất cả các dân tộc đều được hưởng dân chủ và độc lập. Nếu Liên hợp quốc không thực hiện cho Đông Dương hoàn toàn độc lập thì chúng tôi sẽ kiên quyết chiến đấu cho đến khi giành được độc lập hoàn toàn.

Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa bế mạc thì hôm sau, ngày 16-8, Đại hội quốc dân khai mạc ở đình Tân Trào. Hơn 60 đại biểu ở ba miền đất nước, đại biểu các đoàn thể, các dân tộc, các tôn giáo, đại biểu kiều bào ở nước ngoài đã về dự Đại hội. "Thật là một hội nghị long trọng chưa từng có trong lịch sử cách mạng Việt Nam", đó là nhận xét của Võ Nguyên Giáp trong bài Khu giải phóng in trên báo *Cứu quốc*năm 1946 nhân kỷ niệm một năm Cách mạng Tháng Tám. Trong số 60 đại biểu về dự Quốc dân đại hội, nhiều nhân sĩ trí thức và bạn bè rất vui khi gặp lại Võ Nguyên Giáp "sau 5 năm biến khỏi Hà Nội".

Sau khi biểu thị nhất trí với chủ trương của Mặt trận Việt Minh[12], Đại hội cử ra Uỷ ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch[13], thống nhất quốc kỳ, quốc ca...

Ông Nguyễn Lương Bằng kể lại: "Từ khi về nước, đây là lần đầu tiên Bác tiếp xúc với một Đại hội đại biểu nhân dân. Hôm ấy, ban tổ chức (cụ thể là đồng chí Phạm Văn Đồng - T.G.) giới thiệu Bác là Hồ Chí Minh, một nhà cách mạng lão thành, nhiều đại biểu không khỏi ngạc nhiên vì chưa nghe thấy tên Hồ Chí Minh bao giờ. Một số người cũng đã thì thầm bàn tán về Bác mà người ta gọi là ông Ké Tân Trào. Mấy đại biểu khác nhau: Cụ Nguyễn ái Quốc đấy. Hồi ấy chưa có tục vỗ tay, nhưng khi nghe giới thiệu Bác, các đại biểu đều rất hân hoan".

Đại hội đang họp thì đoàn đại biểu nhân dân Tân Trào, gồm cả gái trai, già trẻ đến chào mừng Đại hội. Cụ Hồ chỉ vào các cháu bé gầy gò vàng vọt, nói với các đại biểu: "Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm sao cho các em bé có cơm no, có áo ấm, được đi học, không lam lũ thế này mãi". Câu nói giản dị khiến các đại biểu hết sức cảm động.

Chiều ngày 16, trước giờ bế mạc, các đại biểu Đại hội tề tựu gần cây đa Tân Trào tiễn đưa bộ đội xuất quân. Đúng 14 giờ 30 phút, dưới lá cờ đỏ sao vàng cỡ lớn, một đại đội Giải phóng quân đội ngũ chỉnh tề dưới quyền chỉ huy của Đại đội trưởng Đàm Quang Trung, lắng nghe Võ Nguyên Giáp thay mặt Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc đọc bản *Quân lệnh số 1.* Sau đó, ông giao nhiệm vụ cho bộ đội về giải phóng Thái Nguyên, một vị trí quan trọng ở phía nam căn cứ địa Việt Bắc. Ông cũng thông báo cho bộ đội biết mấy ngày qua, nhân dân nhiều địa phương trên khắp ba

miền đất nước đã giành được chính quyền. Riêng trên địa bàn rừng núi Việt Bắc, Quân giải phóng liên tiếp hạ nhiều đồn của quân Nhật còn lại ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Yên Bái... Trong không khí trang nghiêm của buổi xuất quân, Đại đội trưởng Đàm Quang Trung thay mặt anh em hứa với các đại biểu quyết tâm chiến đấu, cùng nhân dân giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Ngay sau đó bộ đội lên đường. Các đại biểu vẫy tay tiễn anh em cho đến khi người chiến sĩ cuối cùng khuất vào cánh rừng.

Sáng ngày 17, Uỷ ban Giải phóng dân tộc ra mắt quốc dân và làm lễ tuyên thệ ở trước đình Tân Trào. Cụ Hồ thay mặt Uỷ ban, hướng lên lá cờ đỏ sao vàng treo trước đình, đọc lời tuyên thệ. Ông Nguyễn Lương Bằng nhớ lại, đại ý: Chúng tôi là những người được quốc dân đại biểu bầu vào Uỷ ban Giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước. Xin thề!

Các đại biểu đồng thanh hô *Xin thề!* trong khi đội vũ trang bắn một loạt súng chào mừng Uỷ ban Giải phóng.

Ngày 18, Cụ Hồ nhân danh Uỷ ban Giải phóng dân tộc và cũng thông qua đài vô tuyến của người Mỹ ở Tân Trào và Côn Minh, gửi thông điệp cho các nước Đồng minh. Riêng với Chính phủ Pháp, Cụ nêu lên đề nghị 5 điểm[14]. Theo R.Shaplen (tác giả cuốn *Điều bí ẩn của Hồ Chí Minh)* thì bức thông điệp đã đến tay đại diện của Pháp là Lêông Pinhông và Giăng Xanhtơny, nhưng rồi cũng không có hồi âm.

Đại hội bế mạc cũng là lúc cuộc Tổng khởi nghĩa đang diễn ra dồn dập và liên tiếp giành được thắng lợi trên nhiều địa phương trong cả nước.

8- Từ Tân Trào đến Hà Nội

Trên đường tiến quân về giải phóng Thái Nguyên, ông Võ Nguyên Giáp không hề biết rằng đúng vào lúc này, Tổng thống Chính phủ lâm thời Cộng hoà Pháp là Đờ Gôn cũng vừa chỉ định Đô đốc Đácgiăngliơ (Thierry D' Argenlieu, với chức danh Cao uỷ) và tướng bốn sao Lơcle (với chức danh Tổng Chỉ huy) đem quân viễn chinh Pháp "trở lại Đông Dương". Một sự trùng hợp kỳ lạ: Cùng một ngày, hai cuộc ra quân nhằm hai mục đích đối nghịch, một bên là giải phóng - chính nghĩa và một bên là xâm lược - phi nghĩa. Cuộc đời trường chinh suốt một phần ba thế kỷ của Võ Nguyên Giáp bắt đầu từ cái ngày 16-8 khó quên đó. Chỉ còn chừng 10 ngày nữa, ông tròn tuổi 34.

Chiều ngày 19, khi Đại đội Đàm Quang Trung đến Thịnh Đán (sát thị xã Thái Nguyên) thì Đại đội Vi Dân từ Đại Từ và Đại đội Đàm Quốc Chủng từ Chợ Chu cũng đã về hội quân. Toàn chi đội dưới quyền chỉ huy của Chi đội trưởng Lâm Kính. Một đơn vị Quân giải phóng ở Bắc Giang cũng đã lên tập kết ở Gia Sàng, đảm nhiệm việc ngăn chặn quân địch từ Hà Nội lên tăng viện. Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy trận chiến đấu giải phóng Thái Nguyên. Ban Tỉnh uỷ lâm thời Thái Nguyên cũng có mặt ở Sở Chỉ huy của Quân giải phóng, đặt tại nhà bưu điện thị xã.

Quân Nhật và bảo an binh ở thị xã Thái Nguyên đóng thành hai cụm. Cụm 1, chừng 120 lính Nhật tập trung ở trại khố xanh cũ và dinh công sứ trên đồi cao. Ngoài ra còn một số tốp lính Nhật đóng lẻ tẻ tại các chốt giao thông quan trọng trong thị xã. Cụm 2 chừng 400 lính bảo an đóng tập trung ở trại lính tây cũ. Quá trình chuẩn bị trận đánh, Giải phóng quân được các công chức Sở

Công chính Thái Nguyên giúp những tấm bản đồ khá chi tiết của thị xã. Thanh niên tình nguyện dẫn đường cho Quân giải phóng. Bốn giờ sáng ngày 20-8, bộ đội đã sẵn sàng ở các vị trí chiến đấu. Năm giờ 30 phút, Bộ Chỉ huy quân khởi nghĩa đưa tối hậu thư cho Tỉnh trưởng Bùi Huy Lượng. Ông ta nhanh chóng trao chính quyền cho Uỷ ban khởi nghĩa, đồng thời quản Khiêm, chỉ huy bảo an binh của thị xã cũng trao đổn và toàn bộ vũ khí cho quân cách mạng. Ông Phan Mỹ, phái viên Bộ Chỉ huy Quân giải phóng, hướng dẫn thanh niên tập trung 600 khẩu súng chiến lợi phẩm chở về phía nam thị xã. Với số vũ khí thu được, Võ Nguyên Giáp cho tổ chức thêm một chi đội mới - Chi đội 4 - gồm Đại đội Quang Trung, bộ đội Bắc Giang mới lên, tự vệ thị xã, thanh niên mới nhập ngũ và cả một số bảo an binh đã ngả theo cách mạng. Đàm Quang Trung được cử làm Chi đội trưởng Chi đội 4. Lúc này, chính quyền lâm thời của tỉnh đã được thành lập và bắt đầu hoạt động, trật tự an ninh toàn thị xã được bảo đảm. Cuộc sống của nhân dân vẫn ổn định.

Tám giờ sáng ngày 20-8, trong lúc các vị trí của quân Nhật đã bị bao vây chặt, Bộ Chỉ huy Quân giải phóng cử Tỉnh trưởng Bùi Huy Lượng cùng một cán bộ Giải phóng quân mang tối hậu thư vào trại gặp viên thiếu tá chỉ huy quân Nhật. Tối hậu thư - do ông Võ Nguyên Giáp nhân danh Uỷ ban khởi nghĩa và Quân giải phóng Việt Nam ký tên - nói rõ: Nhật Hoàng đã đầu hàng Đồng minh. Những người cách mạng Việt Nam không hiềm thù gì nhân dân Nhật Bản, "mong anh em chớ bắt buộc chúng tôi phải gây ra cuộc đổ máu". Quân khởi nghĩa đề ra yêu cầu quân đội Nhật ở thị xã Thái Nguyên trao vũ khí, sau đó "sẽ được chúng tôi đối đãi tử tế và xếp đặt cho anh em về nước"... Nếu cố tình chống lại, Quân giải phóng bắt buộc phải nổ súng, "vì chúng tôi không muốn khí giới của anh em rơi vào tay người khác hay quân đội một nước khác". Cuộc thương thuyết lần thứ nhất không có kết quả. Ta gửi tiếp một tối hậu thư bằng tiếng Anh, do A.Tômát thảo, nhân danh cả Giải phóng quân và bộ đội Việt - Mỹ, ra điều kiện cho quân Nhật nộp vũ khí. Phía Nhật viện cớ phải nộp vũ khí và đầu hàng Đồng minh, nên chỉ chấp nhận án binh bất động. Ta ra điều kiện: Đến 2 giờ chiều, nếu không giao nộp vũ khí, ta sẽ tiến công. Trong khoảng thời gian này, các đơn vị được lệnh nổ súng diệt gọn quân Nhật tại các vị trí lẻ trong thị xã. Riêng ở khu mục tiêu chính, sau khi đợi thêm một giờ theo tối hậu thư, quân Nhật không trả lời, 15 giờ quân ta bắt đầu tiến công. Trước tình thế bị vây chặt, nguồn tiếp tế bị cắt, viên thiếu tá Nhật xin tiếp tục thương thuyết nhưng chỉ chịu nộp vũ khí ở một số vị trí ngoài thị xã (như Đại Từ, Phấn Mễ, Giang Tiên, Đá Gân...).

Giữa lúc quân ta tiến công vào trại Nhật thì Tổng Bí thư Trường Chinh từ Tân Trào về xuôi, đi qua thị xã. Ông vào nhà bưu điện, nơi đặt Sở Chỉ huy Giải phóng quân để gặp ông Giáp. Đúng lúc đó, ba cán bộ do ông Nguyễn Khang từ Hà Nội phái lên, đến gặp và báo cáo với Tổng Bí thư: Hà Nội đã giành chính quyền thắng lợi, nhiều công việc khẩn cấp phải giải quyết, đề nghị Trung ương về Hà Nội ngay.

ông Trường Chinh đề nghị ông Giáp cử ngay người lên Tân Trào báo cáo Cụ Hồ và đón Cụ về. Riêng ở Thái Nguyên, chỉ nên để một bộ phận Giải phóng quân tiếp tục bao vây địch, còn ông Giáp cùng bộ đội cần về ngay Hà Nội, chuẩn bị đón Chính phủ lâm thời, công việc còn lại giao cho tỉnh. Ngay chiều hôm đó, ngày 20-8, sau khi chia tay với ông Trường Chinh, ông Giáp ra sân vận động thị xã. Trước đông đảo nhân dân đang dự míttinh do Việt Minh tỉnh tổ chức, Võ Nguyên Giáp nhân danh Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc, tuyên bố bãi bỏ chính quyền Nhật và tay sai, thành lập chính quyền cách mạng lâm thời của tỉnh Thái Nguyên, do ông Lê Trung Đình làm Chủ tịch. Hôm sau, sau khi giao nhiệm vụ cho bộ đội tiếp tục bao vây địch ở Thái Nguyên và cử một đơn vị lên Tân Trào đón và bảo vệ Cụ Hồ về xuôi, ông Giáp chỉ thị cho Quang Trung và Lâm Kính đưa phần lớn lực lượng của hai chi đội 3 và 4 hành quân về Hà Nội. Ngày 21, ông

Giáp cùng một đoàn tuỳ tùng theo đường số 3 về xuôi. Do đê vỡ, nước lụt mênh mông, tới Thị Cầu phải chuyển sang đi thuyền. Ngày 22, qua Gia Lâm, trước cảnh nước sông Hồng lên rất to, đục ngầu, ông đứng lặng trên cầu nhìn về phía Hà Nội rợp cờ đỏ, lòng vô cùng xúc động. Thấm thoát đã hơn 5 năm, kể từ ngày cùng Phạm Văn Đồng rời mảnh đất Hà thành thân thương này ra đi. Nhớ lại cảm xúc trong giây phút khó quên ấy, sau này Võ Nguyên Giáp viết: Nhìn quang cảnh nước nhà đổi thay, nhân dân vừa thoát ách đau thương của gần một trăm năm bị đô hộ, nô nức đón chào ngày giải phóng dân tộc, vui sướng trào lên trong người chúng tôi, mừng muốn ứa nước mắt.

Chiều 24-8, được tin Cụ Hồ đã về tới làng Gạ[15], ông Giáp mới thật sự yên tâm. Chẳng là sau khi Tổng Bí thư về đến Hà Nội gặp ông Nguyễn Khang[16] và được báo cáo tình hình an ninh bảo đảm, ông Trường Chinh cho người lên đón Cụ về thành phố, nhưng cả ông Nguyễn Văn Trân (đi đón trên hướng Bắc Giang) và ông Lê Đức Thọ (trên hướng Phúc Yên) đều không gặp. Sau này được biết: sáng 22-8, Cụ Hồ rời Tân Trào, theo đường Đèo Khế - Cù Vân về Đại Từ. Chín giờ tối hôm đó, Cụ lên xe ôtô do ông Trần Đăng Ninh lên đón về Thái Nguyên. Sáng ngày 23, Cụ về qua hướng Đa Phúc[17]. Do đường lụt, không thể đợi lâu, ông Ninh dùng thuyền đưa Cụ về bến Phúc Xá rồi ông Hoàng Tùng (cán bộ lãnh đạo khởi nghĩa ở địa phương) đưa Cụ về nghỉ tại nhà ông Công Ngọc Kha (tức Trần Lộc) ở làng Gạ. Cụ Hồ chỉ thị ông Ninh cứ về Hà Nội trước.

Chiều ngày 24, Trần Đăng Ninh cùng Võ Nguyên Giáp lên Phú Gia báo cáo tình hình giành chính quyền ở các địa phương. Cụ Hồ chăm chú nghe tình hình Hà Nội. Các đồng chí lãnh đạo khởi nghĩa đã vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng vào tình hình cụ thể của thành phố, đã nắm bắt đúng thời cơ, phân tích đúng lực lượng so sánh và biết phát huy sức mạnh chính trị áp đảo của nhân dân buộc Nhật phải đáp ứng mọi yêu cầu của ta nên cuộc khởi nghĩa đã kết thúc thắng lợi nhanh gọn và không đổ máu. Sau khi giành chính quyền, Hà Nội đã thành lập Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời do đồng chí Trần Quang Huy làm Thị trưởng. Một tin quan trọng là ngày 22, tức chỉ ba ngày sau khi nhân dân Hà Nội giành chính quyền, một máy bay của Mỹ đã hạ cánh xuống Gia Lâm. Đáng chú ý là ngoài nhóm sĩ quan Mỹ do Pátti (Archimedes Patti) chỉ huy, còn có một nhóm sĩ quan Pháp cùng đến. Nhóm người Pháp này do một thiếu tá là Xanhtony (Jean Sainteny) cầm đầu. Cụ nói cho Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh biết họ là ai, Cụ đã từng gặp ở Côn Minh và chỉ thị hai ông nhắc lãnh đạo Hà Nội cần hết sức cảnh giác trong tình hình mới và nên sớm tiếp xúc với nhóm người Mỹ để xem thái độ của Đồng minh đối với việc quân Pháp chuẩn bị "trở lại Đông Dương" như thế nào.

Chiều hôm sau, Tổng Bí thư Trường Chinh lên Phú Gia đón Cụ Hồ về Hà Nội. Gặp ông Trường Chinh và nghe báo cáo thêm tình hình, Cụ Hồ rất vui. Xe đưa Cụ qua Nhật Tân, Yên Phụ, Hàng Đậu, Hàng Giấy, Hàng Đường rồi dừng lại trước nhà số 48 Hàng Ngang. Đây là ngôi nhà ông bà Trịnh Văn Bô, tư sản dân tộc chuyên buôn bán tơ lụa và là một cơ sở cách mạng nội thành từ trước. Trước quang cảnh Hà Nội rợp cờ đỏ sao vàng, Cụ Hồ rất xúc động. Lần đầu tiên trong đời, Cụ đặt chân đến Hà Nội, mảnh đất mang truyền thống Thăng Long - Đông Đô, chỉ ít ngày nữa sẽ trở thành Thủ đô của nước Việt Nam độc lập.

Sáng hôm sau, 26-8, ông Giáp cùng một số ủy viên Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh tham dự cuộc họp của Thường vụ mở rộng do Cụ Hồ chủ trì. Nội dung cuộc họp đã được Tổng Bí thư cùng Thường vụ chuẩn bị ngay sau khi về Hà Nội. Cụ Hồ tán thành những chủ trương Thường vụ nêu lên cả về đối nội và đối ngoại trong tình hình mới và nhấn mạnh chính sách đoàn kết rộng rãi. Việc mở rộng thành phần Chính phủ lâm thời là đúng nhưng chưa đủ, cần mở rộng hơn nữa, bao gồm đại biểu các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ không đảng phái, có danh

vọng. Cụ đề nghị sớm tổ chức một cuộc míttinh lớn tại Hà Nội để Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Ngày đó cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hoà. ý kiến của Cụ Hồ được cả hội nghị tán thành. Khi bàn đến từng thành viên cụ thể trong Chính phủ lâm thời mở rộng, mọi người nhất trí bầu Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng và một số đồng chí khác trong Uỷ ban Giải phóng dân tộc tự nguyện xin rút lui để nhường chỗ cho những nhân sĩ yêu nước chưa tham gia Mặt trận Việt Minh. Một cử chỉ được Cụ Hồ rất hoan nghênh.

Sau khi Cụ Hồ tiếp một số nhân sĩ được mời tham gia Chính phủ và đảm nhiệm chức Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội[18], ngày 28, danh sách Chính phủ lâm thời được công bố trên báo chí và đài phát thanh. Ông Võ Nguyên Giáp giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Sau đó suốt 16 tháng ở Thủ đô, trong những ngày đất nước đứng trước nguy cơ phải đối phó với âm mưu của thù trong giặc ngoài, Thường vụ Trung ương và Cụ Hồ đã tin tưởng đặt trên vai ông cả hai nhiệm vụ an ninh và quốc phòng[19].

Từ sau cuộc họp Thường vụ và gặp các thành viên trong Chính phủ, Cụ bắt đầu soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập*. Sau này Tổng Bí thư Trường Chinh nhớ lại: "ở gác 2, nhà số 48 Hàng Ngang, bên cửa sổ rực rỡ ánh nắng thu, Bác ngồi trên chiếc ghế bành phủ vải trắng, cạnh chiếc bàn tròn, say sưa thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử. Bác nói, trong đời hoạt động của mình, Bác đã viết nhiều, nhưng đến bây giờ mới viết được một bản *Tuyên ngôn* như vậy... Trong khi thảo, Bác thường trao đổi ý kiến với chúng tôi, đọc cho chúng tôi nghe, yêu cầu chúng tôi bổ sung sửa chữa... Những ý kiến chúng tôi đóng góp, được Bác chấp nhận. Cách làm việc của Bác là một bài học lớn, chúng tôi không bao giờ quên..."[20].\Ngày 30, Cụ Hồ mời một số đồng chí đến nghe Cụ đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* vừa sửa xong để mọi người góp ý kiến lần cuối. Cụ hỏi tình hình chuẩn bị tổ chức cuộc míttinh lớn vào ngày 2-9 tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội và nhắc phải chú ý cả việc sắp xếp nơi vệ sinh cho đồng bào và nếu trời mưa thì nên kết thúc sớm hơn.

Ngày 2-9-1945 - một trong những ngày trọng đại nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam - đã đến. Chiều hôm ấy trời Thủ đô nắng đẹp. Được sự hướng dẫn của các đoàn thể cứu quốc, hơn một triệu nhân dân từ các quận nội thành, các làng ngoại thành Hà Nội và các tỉnh chung quanh kéo về Quảng trường Ba Đình dự cuộc míttinh lớn mừng độc lập và chờ đón người lãnh đạo kính yêu của dân tộc đọc bản *Tuyên ngôn* khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Đúng 2 giờ 30 phút, lễ chào cờ cử hành. Cả biển người yên lặng trông lá quốc kỳ được từ từ kéo lên. Âm nhạc của quân đội cử bài *Tiến quân ca*. Khi ông Trưởng ban tổ chức Lễ Độc lập nói trước máy truyền thanh rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ ra lễ đài thì cả biển người như sóng cuộn giữa tiếng hô vang như sấm "Việt Nam độc lập muôn năm... Hồ Chủ tịch muôn năm".

Cụ Hồ, với bộ quần áo ka ki giản dị cùng các thành viên Chính phủ xuất hiện. Tiếng hoan hô chưa dứt, bằng một giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, Hồ Chủ tịch tỏ lời chào quốc dân đồng bào rồi thay mặt Chính phủ trịnh trọng đọc *Tuyên ngôn độc lập*. Đang nói Cụ bỗng dừng lại và hỏi: Tôi nói đồng bào nghe rõ không?

Cả một rừng người đồng thanh đáp: Có ạ!

Sau câu hỏi giản dị, ấm áp làm tăng thêm sự gần gũi gắn bó giữa vị Chủ tịch nước với quần chúng nhân dân, Cụ Hồ đọc tiếp. Những lời tâm huyết của Cụ đi vào tâm trí hàng triệu con người và đem lại một nguồn động viên mạnh mẽ: "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp

hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phátxít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"[21].

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập,* Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp phát biểu về tình hình trong nước và chính sách của Chính phủ. Ông thay mặt Chính phủ lâm thời kêu gọi toàn dân cảnh giác với kẻ thù đang âm mưu tiêu diệt chính quyền nhân dân non trẻ[22]. Ông nói: "Mưu mô xâm lăng của đế quốc Pháp đang đe dọa chúng ta, nhưng với sự đoàn kết hy sinh của toàn dân..., chúng ta tin là chúng ta sẽ thắng. Và nhất định chúng ta sẽ đập nát tất cả những cùm xích mà bọn xâm lược chực đeo vào cổ dân tộc ta một lần nữa"[23].

Và ông cảnh cáo chính quyền Pari hãy "nên biết điều mà công nhận quyền độc lập hoàn toàn của ta. Bằng như họ định dùng vũ lực xâm phạm đất nước ta thì ta sẽ rỏ đến giọt máu cuối cùng để chống lại họ. Và chắc chắn là họ sẽ thất bại đau đớn"[24].

Kết thúc bài diễn văn, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp nói:

"Noi theo truyền thống của các thế hệ trước, thế hệ chúng ta sẽ đánh một trận cuối cùng để cho những thế hệ sau này mãi mãi được sống với độc lập, tự do và hạnh phúc"[25].

Tiếp đến Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ lâm thời Trần Huy Liệu báo cáo việc vua Bảo Đại đã thoái vị. Khi ông Trưởng ban tổ chức Lễ Độc lập giơ cao thanh kiếm và ấn của triều đình nhà Nguyễn để nhân dân nhìn thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Từ nay thanh kiếm này sẽ dùng để chặt đầu những kẻ phản quốc và những kẻ xâm phạm vào đất nước ta"[26].

Sau khi ông Nguyễn Lương Bằng thay mặt Tổng bộ Việt Minh phát biểu, kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết một lòng, bảo vệ và xây dựng nền độc lập mới giành được và sau lễ tuyên thệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói như dặn dò thêm:

"Thưa quốc dân đồng bào, trong cuộc míttinh này, Chính phủ ra mắt quốc dân, quốc dân trông thấy Chính phủ... Của quý nhất của quốc dân, của thế giới là sự độc lập. Giờ đây, chúng ta đã được độc lập rồi, chúng ta phải cố giữ gìn lấy... Bất kỳ già, trẻ, gái, trai, đủ các tầng lớp trong xã hội đều phải nhất tâm và đoàn kết. Xin đồng bào chớ tưởng rằng thế này là đã thái bình đâu. Để đi tới ngày thái bình hẳn, còn phải trải qua nhiều gian lao, khổ sở. Ta phải sẵn sàng vượt qua những bước khó khăn. Hôm nay đồng bào đã tỏ chí khí kiên quyết ấy để giúp cho Chính phủ. Sau này, sẽ còn có những cuộc khánh chúc thắng lợi to nữa"[27].

Năm năm đã trôi qua, kể từ ngày Võ Nguyên Giáp cùng Phạm Văn Đồng vượt biên giới để đến với Hồ Chí Minh. Đó là bước ngoặt vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với cuộc đời cách mạng của ông. Hôm nay, trong ngày Lễ Độc lập đánh dấu bước thành công của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, sự nghiệp giải phóng dân tộc đã bước sang một giai đoạn mới. Để thực hiện lời tuyên bố của ông trước nhân dân cả nước trong buổi lễ long trọng này, "đánh một trận cuối cùng để cho những thế hệ sau này mãi mãi được sống với độc lập, tự do và hạnh phúc", từ đây Võ Nguyên Giáp sẽ tiếp tục đi theo con đường Hồ Chí Minh đã vạch ra trong suốt cuộc đấu tranh trường kỳ. Có điều lúc này đây không ai nghĩ rằng con đường trường chinh ấy kéo dài một phần ba thế kỷ.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.507-508.

2. Thời thuộc Pháp, hệ thống lực lượng vũ trang người bản xứ gồm lính khố đỏ (chủ lực, cơ động, trong biên chế của Pháp), khố xanh (địa phương - tỉnh), lính dõng (địa phương - châu, huyện).

3. Theo Hoàng Văn Thái (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử quân sự* - 12-1984) thì trong trận Phay Khắt, một số cán bộ Việt Minh xã Tam Kim cùng với du kích địa phương làm nhiệm vụ phong tỏa tin tức, cảnh giới vòng ngoài, canh gác và ngăn chặn các ngả đường quanh khu vực đội trú quân trước giờ xuất kích, cho nên tổng quân số huy động vào trận đánh lên tới 50 người.

4. Dự Hội nghị quân sự Bắc Kỳ có các đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Trân, Lê Thanh Nghị, Bạch Thành Phong, Cao Hồng Lĩnh, Chu Văn Tấn.

5. Gồm các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Trần Đăng Ninh, Lê Thanh Nghị, Chu Văn Tấn.

6. Bài thơ sau này được chọn đăng trong tập *Tiếng hát trong tù*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1973. Bài thơ không có đầu đề. Nhà xuất bản đặt là *Mặc đầu rơi.* Toàn văn như sau*:*

Mười sáu năm nay sống ở đời

Nhân tình nghĩ đến lệ đầy vơi

Trông phường đế quốc lòng ngao ngán

Thấy bạn cần lao dạ rối bời

Quyết chí hy sinh thây kệ chết

Dốc lòng phấn đấu mặc đầu rơi

Ngọn cờ vô sản bao giờ phất

Chín suối hồn ta mỉm miệng cười.

7. Theo sự phân công của Xứ ủy Bắc Kỳ hồi đó, Chiến khu Nguyễn Huệ (thường gọi là Khu B) ở hữu ngạn sông Cầu, gồm một phần Thái Nguyên, một phần Bắc Cạn và cả hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang. Bí thư Khu ủy Nguyễn Huệ là đồng chí Song Hào.

8. Đó là Frank Tann và Mac Shin, hai báo vụ viên người Mỹ gốc Hoa thuộc cơ quan tình báo OSS của Mỹ, mới theo Cụ Hồ từ Hoa Nam về, đảm nhiệm việc liên lạc giữa Tổng hành dinh của cách mạng Việt Nam với Bộ Tư lệnh Mỹ ở Côn Minh - Trung Quốc. Trong thời gian ở Tân Trào, hai người còn giúp huấn luyện báo vụ cho lớp tình báo được tổ chức ngay ở đồi Nà Lừa, gần nơi ở của Cụ Hồ.

9. OSS Deer Team.

10. Vũ khí Mỹ thả dù xuống để huấn luyện cho Giải phóng quân sau đó trang bị cho Đại đội Việt - Mỹ trong trận đánh Thái Nguyên gồm 1 đại liên, 2 súng cối 60 mm, 8 trung liên Brenn, 20 tiểu liên Thompson, 60 carbine, 8 súng trường tự động, 20 súng ngắn.

11. Gồm: Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Trần Huy Liệu, Trần Đăng Ninh, Lê Đức Thọ, Tố Hữu, Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Văn Trân, Trần Quốc Hoàn, Lê Thanh Nghị, Hà Thị Quế, Vũ Thị Khôi, Nguyễn Chí Thanh, Trần Quý Hai, Lê Hữu Kiều, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp... và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị Thập (trong đoàn đại biểu Nam Kỳ) ra chậm khi hội nghị đã bế mạc nên chỉ dự Đại hội quốc dân khai mạc ngày 16-8-1945.

12. Chủ trương: phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền; thi hành 10 chính sách lớn của Mặt trận, đứng trên cương vị chủ nhân của đất nước mà tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật.

13. Ban Thường trực Ủy ban Giải phóng dân tộc gồm 5 người: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Dương Đức Hiền.

14. Dẫn theo King C.Chen trong *Vietnam and China 1938 - 1954,* năm điểm gồm: 1- Chính phủ Pháp công nhận Chính phủ Việt Minh; 2- Việt Minh công nhận quyền của Pháp ở Việt Nam trong vòng từ 5 đến 10 năm, sau đó Chính phủ Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam; 3- Trong 5-10 năm đó, Việt Nam hưởng quyền tự trị đối nội; 4- Chính phủ Pháp hưởng quyền ưu đãi trong kỹ nghệ và thương mại ở Việt Nam; 5- Người Pháp có thể làm cố vấn về ngoại giao.

15. Tức làng Phú Gia, thuộc xã Phú Thượng, Từ Liêm, Hà Nội ngày nay.

16. Đồng chí Nguyễn Khang là Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội.

17. Tức Sóc Sơn, ngoại thành Hà Nội ngày nay.

18. Sau Tổng khởi nghĩa, người được phân công làm công tác chính quyền ở Hà Nội là ông Trần Quang Huy. Thường vụ và Cụ Hồ nhận thấy nên mời một nhân sĩ trí thức làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Nhân sĩ được mời là bác sĩ Trần Duy Hưng.

19. Về Đảng, tháng 1-1946, Quân ủy Trung ương được chính thức thành lập để giúp Trung ương Đảng chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và các hoạt động quân sự, ông Giáp được chỉ định làm Bí thư Quân ủy. Về chính quyền, đầu tháng 3-1946, Quốc hội quyết định thành lập Ủy ban Kháng chiến toàn quốc, ông Giáp được bầu làm Phó Chủ tịch. Tháng 5-1946, khi Ủy ban Kháng chiến toàn quốc đổi thành Quân sự Uỷ viên hội (thường được gọi tắt là Quân ủy hội, có nhiệm vụ điều khiển quân đội), ông Giáp là Chủ tịch Quân uỷ hội. Quân ủy hội tồn tại song song với Bộ Quốc phòng do một nhân sĩ làm bộ trưởng (Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ quản lý quân đội). Sau Hội nghị quân sự toàn quốc tháng 10-1946, Bộ Quốc phòng hợp nhất với Quân uỷ hội thành Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy, ông Giáp là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Chỉ huy.

20. Xem *Nhớ lại những ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám* (lưu tại Viện Lịch sử Đảng).

21. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.3-4.

22. Lúc này ông Giáp đã có dịp tiếp xúc với cả Pátti và Xanhtony và qua thái độ của viên thiếu tá Pháp này, ông đã thấy rõ âm mưu của Pháp đối với cách mạng Việt Nam.

23, 24, 25. Dẫn theo Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.1 (1945-1955), tr. 334, 337, 340.

26, 27. Tường thuật của báo *Dân thanh*, ngày 4-9-1945.

Chương III

Mười sáu tháng ở thủ đô

9- Gặp những vị khách không mời

Ngày 22-8-1945, ngày ông Võ Nguyên Giáp về đến Hà Nội, cũng đúng là ngày cuộc mặc cả giữa Tổng thống Mỹ Truman và Tổng thống Pháp Đờ Gôn tại Oasinhtơn đi đến ngã giá - phía Mỹ đồng tình để Pari đưa quân viễn chinh "trở lại" Đông Dương. Cũng ngày hôm ấy, một chiếc C.47 chở phái bộ Mỹ do Thiếu tá Pátti (Archimedes L.A. Patti) cầm đầu, xuất phát từ Côn Minh hạ cánh xuống trường bay Gia Lâm cùng với một nhóm sĩ quan Pháp, đứng đầu là Thiếu tá tình báo Xanhtơny (Jean Sainteny). Cả hai nhóm quân nhân Mỹ và Pháp được lính Nhật đưa vào thành phố, đến khách sạn Mêtrôpôn. Thoáng thấy có "lính tây", bà con Hà Nội không ai bảo ai kéo đến mỗi lúc một đông, hò hét phản đối. Quân Nhật, lưỡi lê đầu súng, phải vất vả lắm mới ngăn được đám đông không ùa vào bên trong khách sạn.

Chừng một giờ sau Lê Trọng Nghĩa, đại diện chính quyền cách mạng lâm thời Hà Nội, đến gặp Pátti để tìm hiểu tình hình và thái độ của Đồng minh. Trả lời viên sĩ quan Mỹ về sự có mặt của đám đông trước khách sạn, Lê Trọng Nghĩa giải thích rằng nhân dân Hà Nội phản đối sự có mặt của các quân nhân Pháp vừa theo phái bộ Mỹ đến thành phố chứ không phải chống đối sự có mặt của đại diện Đồng minh và nói thêm, nếu người Pháp không mang quân đội đến và không can thiệp vào công việc của Chính phủ lâm thời thì họ cũng không gặp nguy hiểm. Pátti cho biết phái bộ Mỹ đến Hà Nội với hai nhiệm vụ:

1- Trông coi tù binh Đồng minh bị Nhật bắt và chuẩn bị cho họ hồi hương;

2- Chuẩn bị hồ sơ cho việc tiếp nhận sự đầu hàng Đồng minh của quân Nhật ở Bắc Đông Dương. Ông ta khoe rằng đã được gặp Cụ Hồ ở Côn Minh hồi cuối tháng 4 vừa qua vào dịp Cụ sang gặp Tướng Sênôn (C.L.Chennault), Tư lệnh Không đoàn số 14 của Mỹ ở Hoa Nam. Pátti bảo đảm với ông Nghĩa rằng: "Người Mỹ không làm gì để chuẩn bị cho quân Pháp tới, không có vấn đề nước Mỹ ủng hộ chủ nghĩa thực dân". Mấy người Pháp đi theo chỉ để "làm việc nhân đạo" là coi sóc số tù binh Pháp ở trong thành Hà Nội.

Khuya hôm đó, theo đề nghị của Xanhtơny, nhóm 5 quân nhân Pháp được lính Nhật hộ tống sang Phủ Toàn quyền cũ "để được bảo vệ chu đáo hơn". Trong khi Xanhtơny tự nguyện "chui vào lồng vàng" (như cách nói của Pátti) thì hôm sau, viên thiếu tá Mỹ đi dạo thành phố để tìm hiểu tình hình đời sống ở Hà Nội và "xác minh việc quản lý thành phố thuộc về ai?". Chiều hôm trước, qua chuyện huyên náo trước khách sạn Mêtrôpôn, Pátti những tưởng "sẽ thấy phố xá đóng cửa và dân chúng sống trong tình trạng căng thẳng". Nhưng rồi dạo bước trên đường phố, chỗ nào ông ta cũng thấy "các cửa hàng vẫn mở, chợ vẫn đông người, các công sở làm việc tấp nập... và nơi nơi đều phất phới cờ Việt Minh... Thực tế là một biển cờ đỏ và biểu ngữ tràn ngập... Những nam nữ thanh niên, có băng tay đỏ, mang vũ khí đi tuần ở phố và canh gác công sở. Duy chỉ có người Âu vắng bóng hoàn toàn". Và Pátti kết luận: Việt Minh là chủ nhân của thành phố.

Sau khi nghe Lê Trọng Nghĩa báo cáo về cuộc tiếp xúc đầu tiên với nhóm người Mỹ, ông Giáp chỉ thị thành phố nên có cuộc gặp chính thức phái bộ Pátti để tìm hiểu ý đồ của cả Mỹ, Pháp và Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch như thế nào? Người được Uỷ ban lâm thời thành phố giao nhiệm vụ mở đầu việc đặt "quan hệ thân thiện với Đồng minh" là Khuất Duy Tiến. Pátti dành nhiều thời gian gạn hỏi ông Tiến về "cuộc khởi nghĩa giành chính quyền mà không có đổ máu"

của nhân dân Hà Nội. Sau này, trong cuốn sách của mình[1] , viên sĩ quan Mỹ bình luận: Chỉ bằng một đòn và không phải nổ súng, khái niệm về chế độ thực dân bị tan vỡ và toàn bộ chính quyền bù nhìn Bảo Đại bị lật nhào... Hà Nội, trung tâm quyền lực của thực dân Pháp ở Bắc Đông Dương đã tự giải phóng lấy mình và đặt ra một khuôn mẫu cho việc giải phóng phần lớn khu vực còn lại của đất nước.

Đúng lúc đang tiếp đoàn đại biểu chính quyền Hà Nội thì Pátti được Trung tướng Tsuchihashi[2] báo tin ba cánh quân Trung Hoa dân quốc đã vượt qua biên giới ở Lào Cai, Hà Giang và Cao Bằng và đang tiến về phía nam. Đồng thời viên tướng Nhật cũng lưu ý Pátti về những việc làm của nhóm người Pháp trong Phủ Toàn quyền. Họ đòi thả số tù binh Pháp ở trong thành và đòi cho kiều dân Pháp "diễu hành biểu dương lực lượng đón chào nhóm người Pháp" vừa cùng người Mỹ từ Côn Minh sang.

Những tin tức đầu tiên về những người nước ngoài đã và đang đến Hà Nội khiến Ban Thường vụ Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Theo chỉ thị của Cụ Hồ, ông Giáp nhân danh Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời tổ chức một phái đoàn đến "thăm" và tìm hiểu ý đồ của họ, đặc biệt là Thiếu tá Xanhtony mà ta đã biết là thuộc cơ quan tình báo Pháp DGER, Trưởng đoàn M.5 (Mission 5), đệ tử trung thành của Đờ Gôn, người đóng vai trò chính của Pháp trong cuộc vận động chống Việt Nam tại Hoa Nam những năm cuối Thế chiến 2.

Võ Nguyên Giáp cùng với Dương Đức Hiền, Bộ trưởng Thanh niên và Khuất Duy Tiến, đại diện lãnh đạo thành phố Hà Nội, đến gặp Pátti sáng chủ nhật 26-8. Sau khi chuyển lời hoan nghênh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thăm hỏi về mấy ngày đầu ở Hà Nội, ông Giáp thẳng thắn đặt vấn đề với Pátti về các sĩ quan Pháp đi theo phái đoàn Mỹ. Vì sao toán người Pháp này lại được phái bộ Mỹ đưa đến Hà Nội sớm như vậy? Hay là Đồng minh đã thay đổi kế hoạch? Người Pháp đến để làm gì? Phải chăng họ được Đồng minh tiếp tay đến để chuẩn bị cho việc tái chiếm Đông Dương? Theo những tin tức đầu tiên mà phía Chính phủ lâm thời nắm được thì nhóm người Pháp sớm tỏ thái độ chống Việt Nam.

Viên sĩ quan Mỹ phân trần rằng cho đến nay người Mỹ không có ý định giúp người Pháp quay trở lại và sau này chắc cũng sẽ như vậy. Mặc dù Mỹ không đồng tình chính sách thực dân của Pháp nhưng không thể khước từ không cho một "Đồng minh" đi cùng sang Việt Nam trên cơ sở thống nhất rằng họ sẽ chỉ hạn chế vào công việc nhân đạo đối với tù binh và thường dân Pháp (hơn nữa ngay cả việc đó họ cũng chưa được phép làm). Tại Hội nghị Pốtxđam, người Trung Hoa đã được chỉ định vào Đông Dương từ bắc vĩ tuyến 16 để tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật và hồi hương quân Nhật bại trận. Quân đội Pháp ở Hoa Nam[3] chỉ được phép di chuyển dần từng bộ phận xuống phía nam sau khi Đồng minh đã tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật. Pátti nhắc lại, theo chỗ ông ta hiểu thì cả người Trung Hoa và người Mỹ đều không có kế hoạch giúp người Pháp quay trở lại Đông Dương bằng vũ lực.

Ông Giáp nói thẳng với Pátti: Chính phủ Việt Nam đã biết Xanhtony là ai và vai trò của ông ta trong cuộc vận động chống Việt Nam ở Hoa Nam mấy năm vừa qua như thế nào. Đến Việt Nam "vì nhiệm vụ nhân đạo đối với tù binh" không phải là mục tiêu của người Pháp. Cuối cùng Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp khẳng định: Người Pháp đừng hy vọng làm được điều gì, họ đừng nghĩ rằng họ có thể ngăn cản được bước tiến của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Cuộc tiếp xúc diễn ra trong không khí thẳng thắn nhưng thân thiện, kết thúc bằng cuộc đón chào ở phía cửa trước khách sạn. Một đơn vị Giải phóng quân, một đội quân nhạc và rất đông đại biểu nhân dân Hà Nội đã tề tựu dưới cột cờ treo cờ năm nước: Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Hoa dân

quốc và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Lễ chào cờ bắt đầu, đội quân nhạc lần lượt cử quốc thiều từng nước khi các lá cờ được lần lượt kéo lên. Cuối cùng là cuộc diễu binh và diễu hành của nhân dân, do quân nhạc dẫn đầu. Đoàn diễu hành mang theo cờ năm nước và biểu ngữ chào mừng phái bộ Đồng minh. Khi kết thúc, Pátti xúc động bắt tay và nói lời cám ơn phái đoàn Chính phủ. Sau này Pátti viết, ông ta không hề nghĩ rằng ngay hôm đó ông ta "được gặp lại Mistơ Hồ". Cùng tiếp khách với Chủ tịch trong bữa cơm thân mật trưa hôm đó, còn có các ông Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Khang... Sau bữa cơm, Cụ Hồ giữ khách lại và nói chuyện tay đôi về thời cuộc. Pátti về sau còn nhớ rất rõ cuộc đối thoại suốt hai giờ chiều ngày chủ nhật 26-8. Cụ Hồ nhắc lại những gì diễn ra từ cuộc gặp Pátti 4 - 5 tháng trước ở Côn Minh và dự kiến mọi vấn đề phức tạp sẽ xảy ra đối với Việt Nam do mưu toan của "nhóm người trong Dinh Toàn quyền" và tin chắc rằng hoạt động của cả Anh, Pháp và Trung Quốc (Tưởng Giới Thạch) sẽ gây khó khăn cho sự toàn vẹn của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Cụ khẳng định: Lợi ích của Quốc dân đảng Trung Hoa chỉ là những cuộc "trấn lột về chính trị". Tin tức từ Trùng Khánh cho thấy đang diễn ra cuộc mặc cả giữa Pháp và Tưởng về nhiều vấn đề đặc quyền ở Đông Dương. Cụ dự kiến phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam sắp phải đương đầu với bộ ba cường quốc Anh - Pháp - Trung Hoa Tưởng Giới Thạch...

Cuối buổi nói chuyện, Pátti hy vọng rằng Mỹ sẽ xem xét lại tình hình Đông Dương dưới ánh sáng của các sự kiện mới. Viên sĩ quan Mỹ ra về với sự cảm nhận sâu sắc một mong muốn mãnh liệt, một ý chí quyết tâm và một tinh thần lạc quan của Cụ Hồ "muốn giải thoát đất nước khỏi ách đô hộ của nước ngoài".

Chiều tối hôm đó, qua trung gian là Pátti, Xanhtơny ngỏ ý muốn gặp Cụ Hồ. Cụ trả lời sẽ cử ông Giáp đến gặp nếu có Pátti đi cùng. Cuộc gặp gỡ diễn ra 10 giờ ngày hôm sau, 27-8, giữa một bên là Võ Nguyên Giáp - Dương Đức Hiền với một bên là Xanhtơny, có Pátti tham dự. Sau này cuộc đối thoại được Pátti ghi lại khá chi tiết trong cuốn sách của mình.

Ngay từ đầu cuộc đối thoại, Pátti đã nhận thấy "tài ngoại giao của người Pháp chắc chắn đang ở trong chiều hướng suy tàn tầm thường nhất". Mặc dầu đã cố gắng tỏ ra lịch sự, Xanhtơny vẫn lên giọng phủ đầu bằng "một bài diễn văn gia trưởng" phê phán cách xử sự của người Annamít đã làm cho thế giới nghĩ rằng sự có mặt của Pháp ở Đông Dương từ lâu không còn được mọi người hoan nghênh nữa. Xanhtơny còn báo cho phía Việt Nam biết rằng ông ta "sẽ theo dõi một cách cảnh giác các hoạt động của cái gọi là Chính phủ lâm thời và sẽ tự mình đánh giá công sức của các nhân viên Chính phủ đó trong việc cai trị Đông Dương sau chiến tranh".

Pátti rất đỗi ngạc nhiên về sự tự kiềm chế tuyệt đối của ông Giáp. Trước một giọng trầm bổng, những danh từ nhẹ nhàng nhưng sặc mùi gia trưởng của Xanhtơny, ông có thể bỏ cuộc họp ra về bất cứ lúc nào, nhưng ông đã không làm như vậy. Bằng một tiếng Pháp hoàn hảo, ông Giáp nói ông đến đây không phải để nghe diễn thuyết mà cũng chẳng phải biện minh cho các hoạt động của nhân dân Việt Nam. Ông đến thể theo lời mời của người mà ông cho là đại diện của Chính phủ Pháp mới, do đó ông sẵn sàng tham gia một cuộc trao đổi quan điểm thân mật. Là người trực tiếp theo dõi cuộc đối thoại, Pátti nhận xét: Lần đầu tiên trong đời mình, Xanhtơny mặt đối mặt với một người Việt Nam dám dũng cảm đương đầu với người Pháp. Với thái độ rõ ràng đã nhụt hẳn đi và với một nụ cười hoà giải, Xanhtơny bắt đầu đưa ra những lời hứa hẹn mơ hồ về tự do cho "người An Nam", một đường lối chính trị rộng rãi đối với Đông Dương. Không hề xúc động trước những lời hứa mơ hồ của phía Pháp, Võ Nguyên Giáp càng yêu cầu phải cụ thể, Xanhtơny càng lao vào những lời hứa chung chung. Trong không khí dần dần trở lại căng thẳng, nặng nề, thiếu tin cậy và chống đối nhau, khi Xanhtơny quay lại đường lối cứng rắn của mình thì cả hai

ông Giáp và Hiền đều tỏ ra kiên quyết không nhân nhượng để cho phía Pháp có bất cứ tiếng nói nào về tương lai của Việt Nam.

Cuộc tiếp xúc Việt - Pháp đầu tiên chấm dứt ở đây khi ông Giáp nói đã đến giờ ông phải đi duyệt bộ đội Giải phóng mới từ chiến khu về. Hai ông Giáp và Hiền rời Dinh Toàn quyền "sau lời chào và cái bắt tay nhạt nhẽo của cả hai phía" như nhận xét của Pátti. Sau này nhớ lại thái độ tự mãn "tỏ ra hài lòng với mình" của Xanhtơny sau cuộc tiếp xúc, Pátti đánh giá: "Ông ta đã không đủ sáng suốt để nhận thấy rằng mình vừa đụng đầu với một người mà sau này đã được ghi nhận trong lịch sử bằng việc làm tan rã một cách cơ bản đế quốc thuộc địa Pháp ở Viễn Đông". Còn lúc này, ông Giáp chỉ là một người vâng lệnh Cụ Hồ "đến làm việc với vị đại diện nước Pháp nhằm tuyên bố vứt bỏ lời mời chào hào hiệp về những quyền tự do vĩ đại".

Do có điều kiện tiếp xúc với cả hai phía Pháp - Việt và qua nhiều lần gặp và trao đổi, Pátti rất ngạc nhiên khi thấy ông Giáp có rất nhiều nguồn tin nên nắm rất chắc tình hình và "tin của ông bao giờ cũng chính xác hơn của tôi". Ông biết rõ âm mưu và sự phối hợp hoạt động của người Pháp, bao gồm cả Xanhtơny trong phủ toàn quyền, với Pháp kiều quá khích ở các khu phố và Tướng Moócđăng[4]. Tin tức của ông phù hợp với những gì Xanhtơny để lộ với phái bộ Mỹ và đều xoay quanh âm mưu "trở lại" của người Pháp. Xanhtơny mong sao Trùng Khánh giải tỏa để số quân Pháp đang bị giam lỏng ở Vân Nam được trở về Hà Nội, vì "chỉ cần chừng 1.000 tay súng ở đây thôi thì tình hình sẽ thay đổi hẳn". Điều mong muốn này của Xanhtơny phù hợp với kế hoạch của Tướng Moócđăng. Viên tướng tù binh này có ý định "làm một cuộc nổi dậy để tràn ra đường phố" nhưng binh lính Nhật canh gác quá chặt. Hơn nữa, qua nhiều lần đối thoại, Pátti hiểu rằng không những ông Giáp biết được ý đồ và kế hoạch của Moócđăng mà ông còn biết rõ người Pháp cất giấu vũ khí ở đâu và ai là những người cầm đầu. Pátti nhận thấy Xanhtơny đặc biệt quan tâm theo dõi với nhiều hy vọng cuộc thương thuyết Pháp - Hoa đang diễn ra ở Trùng Khánh. Nếu Pháp nhân nhượng đặc quyền ngoại giao ở Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu và Quảng Châu thì sau khi quân Tưởng tiếp nhận đầu hàng phátxít Nhật xong, họ sẵn sàng nhân nhượng Pháp những vấn đề "có lợi cho Pháp về quy chế Đông Dương". Đặc biệt Xanhtơny bị kích động mạnh khi nghe tin tức mấy ngày đầu tháng 9 qua Đài Phát thanh Delhi (ấn Độ), về lời tuyên bố của Tướng Lơcle sau khi viên tướng Pháp này gặp tướng Mỹ Mác Actơ (Mac Arthur) trên chiến hạm Mítxuri nhân lễ tiếp nhận đầu hàng của Nhật Bản[5]. Xanhtơny cũng rất nóng lòng và nhờ Pátti giúp thăm dò tin tức về số phận của các "ủy viên Cộng hoà Pháp" mới được thả dù xuống Việt Nam. Trong cuộc nói chuyện ngày 3-9, trả lời câu hỏi của Pátti, ông Giáp cho biết: Đêm 22-8 - đúng dịp Pátti và đoàn OSS Mỹ vừa đến Hà Nội, một máy bay của Không lực Hoàng gia Anh cất cánh từ Calcutta (ấn Độ) chở hai toán người Pháp đến Việt Nam, toán của Métxme (P.Messmer) nhảy dù xuống gần thị trấn Phúc Yên, tây bắc Hà Nội, toán của Xêđin (J.Cédile) xuống gần Sài Gòn. Métxme - tự nhận là thiếu tá và là "ủy viên Cộng hoà Pháp" ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ - bị du kích bắt giam sau được thả ở gần biên giới Trung - Việt. Xêđin - tự nhận là đại tá, "ủy viên Cộng hoà Pháp" tại Nam Kỳ, bị Nhật bắt đưa về Sài Gòn, hai ngày sau được thả. Pátti hỏi thêm: Thế còn Đuyprê? Ông Giáp cười hóm hỉnh: "Lui Đuyprê chỉ là một cái tên khác của Métxme mà thôi". Qua câu chuyện, Pátti đánh giá: Ông Giáp gián tiếp nói cho mọi người nước ngoài biết rằng ngay từ những ngày tháng Tám, Việt Minh đã có mặt ở khắp nơi, họ nắm được chính xác tất cả những gì xảy ra ở Việt Nam và Chính phủ lâm thời sẽ không ngồi yên một cách vô tích sự trong khi người Pháp âm mưu quay trở lại bằng vũ lực.

Lời nhận xét đó bắt nguồn từ hàng loạt sự kiện diễn ra dồn dập ở Sài Gòn, từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 9-1945. Tác giả của các sự kiện này là "bộ tứ": Thủy sư Đô đốc Đácgiăngliơ (Th. D'Argentlieu), Tướng Lơcle, "ủy viên Cộng hoà Pháp" Xêđin và viên thiếu tướng Anh Grêxi (D.

Gracey), trưởng phái bộ quân sự Anh, có nhiệm vụ thay mặt Đồng minh tiếp nhận đầu hàng của Nhật ở Nam Đông Dương.

Hạ tuần tháng 8, trong khi những đơn vị viễn chinh đầu tiên của Tướng Lơcle chưa kịp đến Nam Việt Nam thì, sau khi nhảy dù xuống Tây Ninh, bị Nhật bắt rồi được đem về thả ở Sài Gòn, Xêđin vội tìm bắt liên lạc với tên thực dân cáo già Badê (W. Bazé), bọn quan cai trị cũ và tù binh Pháp (bị bắt giam từ ngày 9-3-1945) để gấp rút chuẩn bị thực hiện chủ trương tái chiếm Nam Việt Nam. Bọn chúng chưa kịp hành động thì nhân dân Sài Gòn và toàn Nam Bộ đã giành chính quyền. Xêđin buộc phải gặp đại diện chính quyền cách mạng lâm thời và ép ta chấp nhận chế độ chính trị được nêu trong bản tuyên bố ngày 24-3-1945 của Đờ Gôn[6]. Cuộc gặp gỡ đầu tiên không đem lại kết quả, Xêđin dựa vào sự bao che của quân đội Nhật, gấp rút chuẩn bị lực lượng và giật dây Pháp kiều khiêu khích trên đường phố Sài Gòn, nổi bật là cuộc nổ súng vào đồng bào ta trong cuộc míttinh mừng Độc lập ngày 2-9. Từ ngày 6-9, sau khi tướng Anh Grêxi và phái bộ Anh đến Sài Gòn cùng một đại đội biệt kích đầu tiên của Pháp thì Xêđin dựa vào sự bao che của Grêxi để chuẩn bị cho Lơcle và quân viễn chinh gây hấn ở miền Nam.

Về phía người Anh, nếu tại Hội nghị Pốtxđam (7-1945), các cường quốc Đồng minh đã "cấp hộ chiếu" cho quân đội Anh vào miền Nam Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật thì chỉ vài tháng sau, khi nhân dân Việt Nam đã giành chính quyền trong cả nước, với "tấm hộ chiếu" đó, tướng Anh Grêxi đã nối giáo cho giặc, trắng trợn can thiệp vào công việc nội bộ chính quyền cách mạng, tạo mọi điều kiện để quân viễn chinh Pháp tái chiếm miền Nam Việt Nam. Ngày 22-9 - chuẩn bị cho quân Pháp gây hấn ngày hôm sau - Grêxi viện cớ duy trì trật tự thành phố hạ lệnh cấm báo chi, thiết quân luật và đòi kiểm soát lực lượng cảnh sát thành phố Sài Gòn. Như sau này tướng Pháp Mácsăng (J.Marchand) viết trong cuốn *Tấn thảm kịch Đông Dương:* "Tất cả những việc làm đó chỉ khiến cho những phần tử cách mạng vô cùng bực tức và thúc đẩy họ phải dùng đến bạo lực".

Ngay sau đêm 23-9 - đêm đầu của cuộc kháng chiến Nam Bộ - với tư cách là người phụ trách công tác quân sự của Đảng, ông Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái tổ chức gấp lực lượng chi viện cho miền Nam. Chỉ vài ba ngày sau, đơn vị Nam tiến đầu tiên - một đại đội đã từ Khu 5 vào tới cầu Bình Lợi (Sài Gòn). Tổng Tham mưu trưởng trực tiếp xuống nhiều địa phương miền Bắc đôn đốc các tỉnh khẩn trương tiếp tục tổ chức lực lượng Nam tiến. Ngay từ ngày 26-9 đã có rất nhiều đơn vị rời ga Hà Nội, Nam Định, Thanh Hoá... Nhiều chi đội đã tiến vào rất sâu và bước đầu phát huy tác dụng góp phần cùng quân và dân miền Nam tiêu hao và ngăn chặn địch. Tuy nhiên trong những ngày đầu, binh lực của Pháp chưa nhiều nhưng được quân Anh và quân Nhật (do người Anh điều khiển) hỗ trợ nên lực lượng so sánh trên chiến trường rất chênh lệch, chiến sự lan ra rất nhanh cả ở Nam Bộ và Tây Nguyên và vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Chỉ sau vài tháng, vùng địch kiểm soát lan rộng, quân và dân ta ở vào tình thế rất khó khăn cả về binh lực, trang bị, tổ chức chỉ huy và cách đánh.

Trung tuần tháng 1-1946, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp được Cụ Hồ cử vào Nam thị sát chiến trường. Mục đích chuyến đi là truyền đạt quyết tâm lớn của Trung ương đến các tỉnh từ Nghệ An trở vào và nghiên cứu, xem xét chiến trường trong Nam, giúp các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các mặt trận động viên đồng bào, chiến sĩ giữ vững tinh thần kháng chiến, hăng hái tham gia đánh giặc cứu nước, phát động chiến tranh du kích, đánh địch rộng khắp nhằm tiêu hao và kìm chân quân Pháp.

Ngày 18-1-1946, Võ Nguyên Giáp rời Hà Nội. Đã lâu lắm ông mới có dịp trở lại mảnh đất miền Trung, lần lượt đi qua từng địa danh quen thuộc. Những kỷ niệm vui buồn thời niên thiếu lần lượt trở lại trong đầu, đan xen với những suy tư không dứt về những mưu đồ đen tối của bọn Tưởng ở ngoài Bắc và cục diện chiến trường đang chuyển biến rất nhanh và theo chiều hướng bất lợi ở miền Nam. Suốt dọc đường, đâu đâu cũng hừng hực khí thế "hướng về Nam". Đến Huế, gặp và làm việc với các ông Trần Hữu Dực và Nguyễn Chánh, càng thấy rõ lúc này thành phố Huế đã trở thành hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam. Từng ngành, từng cơ quan, từng khu phố đều bận rộn lo toan cho mặt trận phía trước.

Tới Bình Định, ông Giáp tranh thủ cho xe lên thẳng Plâyku, Công Tum, nắm tình hình dọc đường số 19. Dừng chân nơi đóng quân của một đơn vị thuộc Chi đội Tây Sơn ở thị xã An Khê, tiếp xúc với cán bộ, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ bảo vệ cầu sông Ba, Võ Nguyên Giáp yên tâm về tình hình chính trị và tổ chức của đơn vị. Ông chỉ thị và hướng dẫn cụ thể những công việc cần triển khai ngay để đơn vị sẵn sàng hoặc chiến đấu tại chỗ bảo vệ địa điểm xung yếu này hoặc lên đường vào Nam khi có lệnh.

Quay trở lại Quy Nhơn, vượt đèo Cù Mông, càng vào sâu, Võ Nguyên Giáp càng thấy không khí chuẩn bị kháng chiến rất khẩn trương. Ninh Hoà đã trở thành hậu phương trực tiếp của mặt trận Nha Trang - một điểm nóng của chiến trường phía nam. Quân Pháp tiến công ra Nha Trang từ tháng 10, không chỉ nhằm giải thoát cho rất đông Pháp kiều bị quân Nhật giam từ hồi đảo chính mà còn nhằm cắt đứt con đường chi viện của ta từ ngoài Bắc vào. Do tầm quan trọng của mặt trận Nha Trang cho nên lực lượng vũ trang Khánh Hoà đã cùng rất nhiều đơn vị Nam tiến được lệnh vây hãm quân địch suốt ba tháng, nhằm tiêu hao và kìm chân quân địch, thu hút lực lượng của chúng, chia lửa với Nam Bộ và Nam Tây Nguyên. Tại đây, có mặt bộ đội Nam tiến của 19 tỉnh, thành từ miền Bắc đến miền Trung, khiến ông Giáp gọi chiến trường Khánh Hoà - Nha Trang lúc này là "nơi hội quân của cả nước". Một cán bộ mặt trận, anh Phạm Kiệt - nguyên là chiến sĩ Ba Tơ, hướng dẫn Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp đi thị sát chiến trường. Về phía địch, vào thời điểm khó khăn về binh lực này, tranh thủ sự tiếp tay của quân Anh và quân Nhật để gấp rút giải vây cho Nha Trang là một yêu cầu chiến lược cấp thiết. Do đó đã diễn ra một sự trùng hợp ngoài dự kiến - một sự trùng hợp mà mãi sau này chúng ta mới biết. Ông Giáp vào tới Ninh Hoà đúng vào những ngày tướng Pháp Lơcle đang tổ chức cuộc hành binh Gô (Gaur) - cuộc tiến công lớn nhất kể từ ngày quân viễn chinh Pháp trở lại xâm lược miền Nam. Hơn 1,5 vạn quân hình thành hai gọng kìm lớn - từ phía nam ra, từ đường số 21 xuống - hợp điểm ở Nha Trang nhằm giải vây cho thành phố cảng quan trọng này.

Chiếc xe con đưa Võ Nguyên Giáp và Phạm Kiệt vượt đèo Rù Rì và dừng lại ở xóm Bóng. Lúc này, cuộc chiến đấu đang diễn ra quyết liệt phía bên kia sông Cái. Tiếng súng từ bờ nam vọng về không ngớt. Máy bay địch quần đảo dọc đường Diên Khánh ra hướng biển và hai bên bờ sông Cái. Sau khi đi thăm một số đơn vị vừa lui về xây dựng phòng tuyến Cây Đa - Quán Giếng kéo dài chừng 18 km, cách trung tâm thị xã chừng 6 km, ông Giáp quay lại thành cổ Diên Khánh làm việc với Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính Khánh Hoà Nguyễn Minh Vỹ, Phó Chủ tịch kiêm Uỷ viên quân sự Trần Chí Hiền và các cán bộ chỉ huy mặt trận Nha Trang Trần Công Khanh, Hà Văn Lâu. Ông trân trọng chuyển lời thăm hỏi và khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến đồng bào và chiến sĩ mặt trận Nam Trung Bộ, suốt ba tháng qua đã làm thất bại âm mưu chiến lược "tốc chiến tốc quyết" của giặc, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho hậu phương chuẩn bị kháng chiến. Sau khi truyền đạt chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* của Trung ương, từ thực tế mặt trận Nha Trang, ông Võ Nguyên Giáp nói lên những suy nghĩ của mình về chỉ đạo, chỉ huy tác chiến, nhất là về cách đánh. Nếu trước đây ba tháng, khi địch mới tiến công ra Nam

Trung Bộ, lực lượng của chúng còn hạn chế, việc lập phòng tuyến nhằm tiêu hao sinh lực địch và ngăn chặn bước tiến của chúng là một chủ trương đúng, thì hiện nay trước lực lượng so sánh đã thay đổi, việc xây dựng phòng tuyến dù rất công phu nhưng nếu có ý kiến coi nó kiên cố như chiến tuyến Maginot[7] thì là sai lầm. Ông khẳng định không thể giữ mãi phòng tuyến như hiện nay, không thể dùng binh lực lớn để đối mặt với pháo binh cơ giới và không quân địch. Sắp tới, có thể địch sẽ tăng thêm binh lực, có thể chúng sẽ đánh sâu vào sau lưng bộ đội ta. Nếu không chủ động chuẩn bị chuyển hướng thì sẽ gặp khó khăn, thậm chí thất bại. Ông chỉ rõ: Nên để một bộ phận nhỏ, phân tán, hoà vào dân, bám địch và thường xuyên quấy rối, tiêu hao địch trong thành phố. Chủ động rút phần lớn bộ đội chủ lực ra ngoài, tổ chức thành những đơn vị tác chiến quy mô nhỏ (phổ biến là đại đội), gọn nhẹ dễ cơ động, dùng chiến thuật du kích tiêu hao địch rộng rãi, lấy cách đánh chủ yếu là phục kích quân địch cơ động. Bộ phận còn lại nên phân tán thành những trung đội, tiểu đội, thậm chí từng tổ vũ trang, luồn sâu về nông thôn sát vùng địch kiểm soát, dùng vũ trang tuyên truyền để phục hồi, duy trì và củng cố cơ sở chính trị quần chúng, bám đất, bám dân, giữ bằng được thế mất đất mà không mất dân, tiến lên xây dựng các đội vũ trang bí mật, xây dựng làng chiến đấu, phát triển chiến tranh du kích, tạo thành thế trận toàn dân đánh giặc. Về phần tỉnh, nên chủ động chọn nơi cơ sở chính trị quần chúng tốt, địa hình thuận lợi - tiến có thể đánh, lui có thể giữ, xây dựng thành căn cứ địa, thành chỗ đứng chân vững chắc để chỉ đạo kháng chiến lâu dài. Về yếu tố bảo đảm phát động chiến tranh du kích thắng lợi, ông Giáp giới thiệu kinh nghiệm Cao - Bắc - Lạng những năm trước và nhắc lại tư tưởng chỉ đạo của Cụ Hồ ngay từ hồi đó: Vững chắc nhất là lòng dân; phòng tuyến lòng dân là vô địch. ở nơi rừng núi thì dựa vào rừng núi mà tiến thoái, ở đồng bằng tuy không có rừng núi nhưng lại có "nhân sơn - nhân hải", cho nên du kích phải dựa vào dân mà hoạt động. Khi đã có dân che chở thì ta có thể đánh khắp nơi. Sau đó, ông Võ Nguyên Giáp còn gặp riêng Chính ủy Nguyễn Mô, Tư lệnh Trần Công Khanh, Tham mưu trưởng Hà Văn Lâu, chỉ thị "tháo" ngay phòng tuyến, phát động toàn dân tham gia chiến tranh du kích, đẩy mạnh tác chiến, tạo áp lực cho cuộc đàm phán sắp tới với Pháp.

Dù chưa chính thức cầm quân và trực tiếp chỉ huy tác chiến trên quy mô vừa và lớn, nhưng với sự nhạy bén bẩm sinh và xuất phát từ thực tế chiến trường, ông Giáp đã sớm phát hiện vấn đề và giúp cán bộ, chỉ huy phương hướng chiến đấu sao cho vừa tiêu hao, và làm chậm bước tiến của địch, vừa hạn chế khó khăn của ta. Ba nội dung chủ yếu do Võ Nguyên Giáp gợi mở (cách đánh của chủ lực, chỗ đứng chân của lãnh đạo địa phương và yếu tố nhân dân) sẽ trở thành yếu tố quyết định sự hình thành từng bước thế trận chiến tranh nhân dân, phù hợp với lực lượng so sánh giữa ta và địch lúc này.

Đang chuẩn bị tiếp tục hành trình vào Nam Bộ thì có điện của Cụ Hồ gọi ra Bắc. Biết là có việc gấp, ông Giáp vội lên đường. Đêm 1-2-1946 - ba mươi Tết - chiếc xe con đưa ông vượt đèo Hải Vân. Trời mưa, tối và rét. Không khí nóng bỏng của chiến trường thu hút tâm trí khiến ông dường như không quan tâm lắm đến giây phút giao thừa, đất nước đã vào Xuân Bính Tuất. Có chăng cảm nhận đó chỉ thoáng qua: "Mùa xuân đến với chúng tôi cập rập trên lưng đèo, trong đêm mưa". Một phần tư thế kỷ sau nhớ lại, Võ Nguyên Giáp viết như vậy.

Ra tới Huế đúng sáng mồng 1 Tết. Trong không khí mừng Xuân Độc lập đầu tiên giữa cố đô, Võ Nguyên Giáp rất vui khi gặp Nguyễn Duy Trinh, Tố Hữu và nhất là Nguyễn Chí Thanh - người vừa cùng ông chia tay tại Đại hội quốc dân Tân Trào mấy tháng trước. Chỉ mới gần nửa năm mà gương mặt đất nước đã trải qua bao đổi thay. Chưa kịp kể chuyện chiến trường phía Nam thì đã đến giờ đi dự míttinh đón Xuân với bà con Huế ở Phú Văn Lâu. Rừng người, rừng cờ và biểu ngữ sôi nổi hẳn lên khi nghe đại diện Chính phủ báo cáo về tình hình mặt trận phía trong, về

quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đẩy mạnh kháng chiến và nhiệm vụ tích cực chuẩn bị kháng chiến lâu dài đề phòng địch mở rộng chiến tranh.

Về tới Hà Nội, ông Giáp báo cáo với Cụ Hồ và Thường vụ tình hình chuyển đi và việc chuyển hướng tác chiến ở mặt trận Khánh Hoà - Nha Trang. Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy mặt trận đã chọn thời điểm thích hợp, chủ động thực hiện chủ trương lui quân ra khỏi thành phố để bảo toàn lực lượng và thay đổi cách đánh. Cuộc rút quân được tổ chức kịp thời, bí mật, an toàn và - như ông Giáp nhận xét - là một thắng lợi lớn. Cụ Hồ nhận xét: Chuyển hướng tác chiến tại mặt trận Nha Trang như vậy là đúng, phù hợp với tình hình đang diễn ra tại chiến trường. Đã đến lúc bộ đội, tự vệ ở Nha Trang nhanh chóng chuyển sang chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân.

"Bây giờ nhìn lại quyết định ấy, trong hoàn cảnh ấy, quả là một sự đổi mới trong tư duy quân sự. Nếu chúng ta cứ lập phòng tuyến, cứ bám lấy phòng tuyến đơn thuần phòng ngự, nếu cứ dàn trận đối đầu với địch thì sẽ là tư duy máy móc, bảo thủ và khó tránh khỏi tổn thất... Bài học ở mặt trận Nha Trang đã được chúng ta vận dụng khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ ở Thủ đô Hà Nội".

Đó là lời đánh giá của Võ Nguyên Giáp 50 năm sau trên *Tạp chí Lịch sử quân sự* (số 6-1996). Một yếu tố thành đạt trong cuộc đời binh nghiệp của ông là kết quả của sự tích lũy kiên trì, nhẫn nại, có sự phân tích, phê phán, chọn lọc những bài học cụ thể rút ra từ thực tế chiến trường.

Đầu tháng 2, ông Giáp trở lại Hà Nội lúc tình hình miền Bắc đang rất khẩn trương. Trên hướng Tây Bắc, tiếp theo những đơn vị đầu tiên vượt biên giới vào nước ta hồi tháng 11-1945, quân Pháp từ Hoa Nam tiếp tục xâm nhập Lai Châu, xuống Tuần Giáo và chiếm Điện Biên Phủ. Thêm những đơn vị Tây tiến được lệnh lên đường tăng cường cho Chi đội Sơn La chiến đấu với địch. Sau thắng lợi của việc thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời và Tổng tuyển cử, tình hình chính trị vẫn diễn biến phức tạp. Các đảng phái đối lập tay sai của Tưởng[8] - nhất là Việt Nam quốc dân đảng và Việt Nam cách mạng đồng minh hội - chống phá quyết liệt, đòi cải tổ Chính phủ trước ngày quân đội Tưởng rút về nước. Cuộc đấu tranh giữa Mặt trận Việt Minh và các tổ chức chính trị đối lập này đã trải qua nhiều cuộc thương thuyết nhưng chưa đi đến thống nhất về tổ chức Chính phủ chính thức. Trong khi đó thì cuộc đấu tranh ngoại giao giữa ta với Pháp, giữa ta với Tưởng và giữa Pháp với Tưởng đang diễn ra đồng thời, rất khẩn trương và tác động lẫn nhau trong suốt tháng 2-1946. Như Thường vụ Trung ương Đảng đã từng dự kiến, cuộc thương thuyết giữa Pháp với Tưởng diễn ra ở Trùng Khánh cuối cùng đã đi đến chỗ ngã giá: Chính phủ Trùng Khánh đồng ý cho quân Pháp vào thay thế quân Tưởng ở miền Bắc Đông Dương. Trước tình hình đó và bằng sự phân tích khách quan, khoa học tình hình mọi mặt, Hội nghị ngày 3-3 của Thường vụ đã tìm ra đáp số của bài toán chiến lược vô cùng quan trọng vào thời điểm đặc biệt nhạy cảm này, đó là đánh hay hoà với Pháp?

"Vấn đề lúc này không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lợi hại trong và ngoài nước mà chủ trương cho đúng"[9].

Thường vụ Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương hoà hoãn với Pháp. Bản *Hiệp định sơ bộ* giữa ta và Pháp được ký kết chiều ngày 6-3-1946 tại Hà Nội, gồm ba điều khoản chính:

1- Nước Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một nước tự do có ba *kỳ*, đứng trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp.

2- Nước Việt Nam thuận để 15.000 quân đội Pháp vào Bắc Việt Nam, thay quân đội Tàu, hạn quân Pháp đóng ở Đông Dương không quá 5 năm.

3- Hai bên đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức và trong khi đàm phán, quân hai bên đóng đâu vẫn cứ đóng ở đấy.

Về sự kiện quan trọng này, một phần tư thế kỷ sau, Võ Nguyên Giáp viết: Kẻ thù có sau lưng những đội quân đông đảo với đủ máy bay, tàu chiến, xe bọc thép, đã phải tiến hành cuộc đàm phán với ta một cách bình đẳng. Chính phủ Pháp đã buộc phải chấp nhận cả những điều mà trong thâm tâm họ không muốn... Kẻ đầu tiên thừa nhận nước Việt Nam tự do lại chính là kẻ sáu mươi năm trước đây đã tước mọi quyền tự do của ta... Ta nhận cho mười lăm ngàn quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam trong một thời gian được quy định, để tống đi khỏi đất nước mười tám vạn quân Tưởng tàn ác, đã từng tuyên bố ở lại đây vô thời hạn... Kẻ thù đã chịu lùi một bước cơ bản. Nhưng với ta, thắng lợi này chỉ mới là thắng lợi đầu tiên. Bến bờ thành công hãy còn xa.

Cụ Hồ và Thường vụ Trung ương thấy cần giải thích để nhân dân hiểu vì sao Chính phủ ký *Hiệp định sơ bộ*? Việc 15 ngàn quân Pháp ra ngoài Bắc là một tin đột ngột đối với không ít người. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp được Cụ Hồ giao nhiệm vụ thay mặt Chính phủ giải thích cho đồng bào về chủ trương *Hoà để tiến* của Đảng và Chính phủ. Sáng ngày 7-3, trong cuộc míttinh tổ chức tại thành phố cảng Hải Phòng - địa điểm đầu tiên quân Pháp sẽ đổ bộ khi ra miền Bắc - ông Giáp đã giải thích vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ chủ trương mở cuộc điều đình với Pháp, giải thích nội dung *Hiệp định sơ bộ* và yêu cầu đồng bào đoàn kết, hết sức cảnh giác, triệt để chấp hành mọi mệnh lệnh, chính sách của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bốn giờ chiều hôm đó ông đã có mặt ở Thủ đô và phát biểu trong cuộc míttinh lớn tại quảng trường Nhà hát thành phố. Nhà sử học Pháp Đờvile (Philippe Devillers), trong các tác phẩm của mình[10], đã dựa vào báo chí trong và ngoài nước hồi đó, tóm tắt những nội dung chủ yếu trong bài phát biểu của Võ Nguyên Giáp tại Hà Nội chiều hôm đó như sau: "Trong bản *Hiệp định* này, có những điều khoản thỏa mãn chúng ta và cả những điều khoản không thỏa mãn. Những điều khoản thỏa mãn, tuy chưa làm chúng ta thật sự phấn khởi, là nước Pháp thừa nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một nước tự do. Tự do không phải là tự trị, mà hơn tự trị, nhưng chưa phải là độc lập. Một khi đạt được tự do rồi, chúng ta sẽ đi đến độc lập, đến hoàn toàn độc lập.

Nước Pháp muốn chiếm giữ Nam Bộ, nhưng Chính phủ đã tuyên bố sắt đá: "Nếu người ta chia cắt Nam Bộ, Trung Bộ và Bắc Bộ thì chúng tôi quyết chiến đấu đến cùng"... Thử hỏi có người dân Việt Nam nào mà không mong muốn Trung Bộ, Nam Bộ và Bắc Bộ là một nước duy nhất?

Vì sao Chính phủ cho phép quân đội Pháp vào? Trước hết là vì không cho phép họ cũng cứ vào. Trung Quốc đã ký với Pháp một hiệp định cho phép quân đội Pháp vào thay thế cho quân đội Trung Hoa. Hơn nữa, Pháp cũng đã nhân nhượng chúng ta nhiều điểm. Vì vậy mà chúng ta đã cho phép quân đội Pháp vào. Bằng không, thì không thể có được hiệp định.

... Những người không thỏa mãn chỉ hiểu độc lập hoàn toàn như một khẩu hiệu, một nhật lệnh, trên giấy tờ hoặc ngoài cửa miệng. Họ không thấy rằng độc lập của đất nước là kết quả những điều kiện khách quan và trong cuộc chiến đấu giành độc lập của chúng ta, phải biết cương, nhu tùy lúc. Chúng ta đã chọn con đường thương lượng nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi cho công cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn, nhằm chờ cơ hội đi đến một nền độc lập trọn vẹn... Chúng ta đã đàm phán chủ yếu nhằm bảo vệ và củng cố lập trường chính trị, quân sự và kinh tế của mình. Nước ta là một quốc gia tự do và tất cả mọi quyền tự do đều trong tay chúng ta. Nước

ta có đủ quyền lực và thời gian để tổ chức công cuộc nội trị, để tăng cường các phương tiện quân sự của mình, để phát triển nền kinh tế của chúng ta và nâng cao mức sống của nhân dân.

... Xem lịch sử thế giới, người ta thấy có nhiều nước gặp tình thế bất lợi đã biết khắc phục được khó khăn vì biết chờ đợi một cơ hội thuận lợi hơn cho sự tiến bộ của mình. Nước Nga chẳng hạn, năm 1918 đã ký *Hiệp ước Brest-Litovsk* nhằm ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Đức, để nhờ có thời gian hoà hoãn mà có thể củng cố quân đội và quyền lực chính trị của mình. Chẳng phải nhờ hiệp ước ấy mà nước Nga đã trở thành một nước rất mạnh sao?

Tư tưởng chỉ đạo, mục đích của Chính phủ là hoà bình vì tiến bộ. Con đường mở ra với hiệp định chính là con đường dẫn chúng ta đến độc lập trong một ngày gần đây, thật sự và hoàn toàn. Đó là mục đích của chúng ta[11].

Cả biển người bỗng ồn ào khác thường, tiếp đến là những tràng vỗ tay vang dậy. Ngoài sự mong đợi của mọi người, Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện trên bao lơn Nhà hát. Nhiều người lần đầu tiên được thấy vị lãnh tụ của dân tộc. Cụ Hồ ra hiệu để mọi người im lặng và nói bổ sung mấy lời ngắn gọn nhằm khẳng định trong tâm trí mỗi người dân một niềm tin. Cụ phân tích để toàn dân hiểu rằng, cho đến lúc này, chính quyền đã về tay nhân dân, nhưng chưa một cường quốc nào công nhận nền độc lập của Việt Nam. Ký hiệp định chính là mở đường cho sự công nhận của quốc tế, làm cho Việt Nam có vị trí quốc tế ngày càng vững vàng và đó là một thắng lợi chính trị lớn lao. Quân Pháp sẽ đến nhưng theo hiệp định, họ sẽ phải rút dần khỏi nước ta. Chọn thương lượng thay vì đánh nhau là biểu hiện của sự khôn ngoan về chính trị. Cụ kêu gọi đồng bào hãy bình tĩnh, đoàn kết, và tôn trọng kỷ luật. Trên thế giới, chúng ta có nhiều bạn bè và trước hết, ở trong nước, chúng ta có sức mạnh đoàn kết của toàn dân, có một Chính phủ được toàn dân ủng hộ. Tuy nhiên, chúng ta phải luôn luôn cảnh giác và sẵn sàng.

Hàng vạn con người như hoàn toàn im lặng khi Cụ Hồ kết thúc bài nói của mình: "Tôi - Hồ Chí Minh - suốt cuộc đời đã cùng đồng bào đấu tranh cho nền độc lập của Tổ quốc. Đồng bào biết rằng tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước. Tôi thề với đồng bào rằng tôi đã không phản bội đồng bào"[12].

Chiều ngày 6-3, khi hai bên Việt - Pháp ký *Hiệp định sơ bộ* thì hạm đội Pháp đã cập bến Hải Phòng. Thông qua phái đoàn đàm phán Pháp, Tổng Chỉ huy Pháp, Tướng Locle đề nghị được gặp đại diện Chính phủ ta trước ngày quân Pháp đổ bộ. Cụ Hồ nói Võ Nguyên Giáp thay mặt Chính phủ đi gặp viên Tổng Chỉ huy Pháp. Trong thâm tâm, ông Giáp không muốn đi, nhưng người giao nhiệm vụ đi làm công tác đối ngoại trong thời điểm vô cùng nhạy cảm này lại là Cụ Hồ, nên không thể cưỡng được. Sau khi nghe ông Giáp đề nghị cử ông Hoàng Hữu Nam đi, Cụ Hồ nói:

- Chú làm chính trị không phải việc nào thích mới làm. Đại diện Chính phủ ta, phải là chú.

- Chú Văn, sao chuẩn bị đi ngoại giao mà bộ mặt cứ lầm lỳ thế? Chú nhìn vào gương, thử cười lên xem nào.

Ngày 8-3, Võ Nguyên Giáp lên đường đi Hải Phòng, thay mặt Chính phủ gặp người cầm đầu quân viễn chinh đã làm nổ ra cuộc xung đột ở miền Nam nay lại được phép đem quân ra Bắc. Được biết, chiều hôm trước, khi gặp ông Phan Mỹ, viên tướng Pháp này đã nói những lời ngạo mạn, đại loại như: "Chúng tôi đã ra đi thì chúng tôi cứ đến, dù có sự ưng thuận của các ông hay không". Ông Giáp biết rằng, sách lược *Hoà để tiến* đòi hỏi ông phải tự kiềm chế lắm, khi gặp

những câu nói đại loại như vậy. Ông cũng biết rằng quân Pháp không thể đổ bộ vào Hải Phòng mà không có sự thỏa thuận của Chính phủ ta và Bộ Chỉ huy quân đội Tưởng.

Một viên tướng đã đứng tuổi - mà sau này ta được biết đó là Valuy - lên bến đón đại diện Chính phủ Việt Nam xuống một chiếc canô đưa ra chiến hạm Xênêgale thả neo ở cửa sông Cấm. Cuộc đối thoại với Tổng Chỉ huy Lơcle sau này được ông Giáp kể lại:

Sau cái bắt tay và mấy câu nghi lễ xã giao, với một giọng không lấy gì làm nhã nhặn, Lơcle nói: "Tôi yêu nước Pháp. Tôi muốn bất kỳ ở đâu danh dự của nước Pháp cũng được tôn trọng".

Tôi thấy khó chịu, tự kiềm chế, đáp: "Tôi là một người cộng sản chiến đấu cho độc lập của đất nước chúng tôi. Tôi nghĩ rằng những người yêu nước chân chính bao giờ cũng biết tôn trọng lòng yêu nước của những người khác".

Không khí cuộc nói chuyện dịu dần. Tôi nhắc đến cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng của nhân dân ta chống phátxít Nhật để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ, rồi nói tiếp: "Ông đã từng chiến đấu chống phátxít Đức, tất nhiên cũng có chỗ để chúng ta hiểu nhau".

Lơcle đưa tôi vào căn buồng khách của con tàu. Y giới thiệu những sĩ quan có mặt. Cuộc trao đổi ý kiến tiếp tục. Lơcle hứa sẽ cố giữ vững tình giao hảo Pháp - Việt. Y hay nhấn mạnh đến vai trò cá nhân mình. Chúng ta bàn với Lơcle việc thi hành *Hiệp định sơ bộ* về mặt quân sự. Trong khi chờ một hiệp nghị chính thức giữa hai chính phủ cần phải xác định những địa điểm, ấn định số quân Pháp được tới ở từng nơi khi quân Pháp cùng quân Việt Nam tiếp phòng quân Tưởng.

Ngày 15, quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng, ba hôm sau hơn 1.000 quân cùng 200 xe xuất phát từ Hải Phòng lên Hà Nội. Việc làm đầu tiên của Lơcle là giải thoát và vũ trang cho bọn tù binh bị Nhật giam trong thành để bổ sung vào binh lực Pháp mới đến Hà Nội - một việc làm thực chất là sự mở đầu công việc chuẩn bị cho một ý đồ bội ước. Điều đó giải thích vì sao trong một lần nói chuyện với ông Giáp, viên tướng Pháp này ngỏ ý muốn biết thái độ của người dân Việt Nam đối với người Pháp thế nào, ông Giáp hỏi lại:

- Chúng ta đều là những quân nhân, ông có muốn nghe tôi nói thẳng không?

- D'accord (đồng ý).

- Miệng các ông nói hoà bình và hợp tác nhưng, dưới con mắt của người dân Việt Nam chúng tôi, việc làm của các ông chỉ là hành động của những kẻ đi xâm lược.

Trong bối cảnh *Tàu chưa đi - Tây đã tới,* nhiệm vụ tăng cường công tác an ninh - quốc phòng nhằm bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được là nhiệm vụ cơ bản hết sức trọng yếu, đè nặng lên vai người thay mặt Đảng chăm lo vấn đề quân sự - Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến toàn quốc, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp. ít ngày sau đó, trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Uỷ ban Kháng chiến toàn quốc đổi thành Quân sự Uỷ viên hội (gọi tắt là Quân ủy hội) do ông Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch. Một nhân sĩ - ông Phan Anh - đảm nhiệm chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, với chức năng quản lý hành chính quân đội. Quân ủy hội là cơ quan chỉ huy. Như sau này ông Phan Anh nhớ lại: "Nhận trách nhiệm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, tôi không phải nghĩ đến những công việc về chuyên môn quân sự vì việc đó đã có anh Võ Nguyên Giáp"[13].

Lúc này, cuộc đấu tranh buộc Pháp thi hành *Hiệp định sơ bộ* đã thu hút phần lớn thời gian và tâm trí của ông Giáp. Vì vậy, công việc xây dựng lực lượng vũ trang và chuẩn bị kháng chiến lâu dài, ông chỉ đạo và ủy thác cho Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái.

10- Ngọn núi lửa phủ tuyết

Ngày 17-3-1946, Đô đốc Đácgiăngliơ gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng ông ta sẽ rất sung sướng được đón tiếp Chủ tịch vào ngày 24-3 tại Vịnh Hạ Long "với tất cả nghi thức long trọng cần thiết". Lời mời đó phù hợp với ý muốn của ta là nên gặp người đại diện cao nhất của Chính phủ Pháp ở Đông Dương để đấu tranh tiến tới cuộc đàm phán chính thức ở Pari. Trong cuộc gặp gỡ trên tuần dương hạm Êmin Béctanh (Emile Bertin) thả neo tại Vịnh Hạ Long trưa ngày 24-3, hai bên thoả thuận:

1- Vào trung tuần tháng 4-1946, Việt Nam sẽ cử một đoàn đại biểu Quốc hội sang thăm hữu nghị nước Pháp.

2- Một cuộc Hội nghị trù bị sẽ mở ở Đà Lạt giữa 12 đại biểu Việt Nam và 12 đại biểu Pháp.

3- Hạ tuần tháng 5, đoàn đại biểu Việt Nam sẽ sang đàm phán chính thức ở Pari.

Chính phủ chỉ định phái đoàn đàm phán tại Hội nghị trù bị Đà Lạt gồm 12 thành viên chính thức và 12 cố vấn, do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Tường Tam làm Trưởng đoàn, Chủ tịch Quân uỷ hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyễn Giáp, Phó Trưởng đoàn[14]. Chiều ngày 15-4, toàn Phái đoàn họp nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ căn dặn trước khi lên đường. Điều đầu tiên Cụ Hồ nhấn mạnh là nội bộ Phái đoàn phải hết sức đoàn kết, từ ý kiến đến hành động. Về cuộc đàm phán, Cụ nói: Hội nghị này chỉ là trù bị. Hội nghị chính thức sẽ họp ở Pháp. Bởi vậy, khi gặp vấn đề gì hai bên chưa thoả thuận được thì gác lại, không nên nói để hỏi ý kiến Chính phủ, tức là không nên thắt Chính phủ vào cuộc đàm phán trù bị này. Cụ nhắc Phái đoàn phải giữ vững lập trường, dựa theo những nội dung cơ bản của *Hiệp định sơ bộ* 6-3[15] để đi đến hợp tác thật thà với Pháp. Sau khi Trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam cám ơn Chính phủ đã tin cậy cử Phái đoàn và hứa sẽ làm tròn nhiệm vụ, Phó Trưởng đoàn Võ Nguyên Giáp khẳng định vấn đề đoàn kết giữa các thành viên trong Phái đoàn để cùng nhau hoàn thành trọng trách Chính phủ giao.

Với lời khẳng định đó, Võ Nguyên Giáp nhận thức đầy đủ nhiệm vụ nặng nề đặt trên vai, không những trong cuộc đấu tranh với đối phương mà trước hết là, để có sức mạnh cho cuộc đấu tranh đó, Phái đoàn phải thực hiện bằng được nguyên tắc đầu tiên mà Cụ Hồ đề ra là đoàn kết. Ông Giáp có lý do để hứa với Cụ Hồ và Chính phủ điều đó vì Phái đoàn đàm phán của Việt Nam thật là một "phái đoàn đặc biệt". Trưởng phái đoàn là Nguyễn Tường Tam, lãnh tụ Đại Việt đối lập mới được bổ sung vào Chính phủ liên hiệp trên cương vị Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Một thành viên khác của Phái đoàn là Vũ Hồng Khanh, một lãnh tụ của Quốc dân đảng, người được nhân danh "đại diện đặc biệt của Hội đồng Chính phủ" ký vào bản *Hiệp định sơ bộ* sau chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chỉ mới hôm qua, cả Nguyễn Tường Tam và Vũ Hồng Khanh còn cho tay chân dùng loa công khai đả kích chính quyền cách mạng trên khắp các đường phố Hà Nội. Ngoài hai nhân vật đặc biệt này, số đông thành viên là nhân sĩ trí thức, tuổi chừng 35 - 40, với những địa vị chính trị, xã hội rất khác nhau. Có người là nhà văn, nhà thơ khá nổi tiếng, có người đỗ hai bằng tiến sĩ luật khoa và văn khoa, nói tiếng Pháp như tiếng mẹ đẻ. Có người đã từng làm quan dưới triều Nguyễn, nhưng lại cũng có người vừa được Chính phủ cử vào tiếp nhận ấn tín của Bảo Đại. Có người được Pháp cho xem bản *Tuyên ngôn Bradavin* (Brazzaville) của Đờ Gôn về âm mưu của Pháp trở lại Đông Dương và đã từng có quan hệ với tướng Pháp Moócđăng và

"phái kháng chiến" Pháp ở Đông Dương những năm 1943 - 1944. Phần lớn trong số họ đến với cách mạng trong và sau cao trào Tổng khởi nghĩa và có người mới tham gia Chính phủ liên hiệp kháng chiến trước đó hai tuần. Có người đã từng được tiếp kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh, phát biểu với Người những suy nghĩ về quan hệ giữa Việt Minh - Việt Quốc - Việt Cách (coi là quan hệ "đảng tranh"[16]), nhưng rồi lại băn khoăn không biết Chủ tịch nghĩ gì về "những lời tâm huyết nhưng trực ngôn" của mình. Nhận thức về thời cuộc của nhiều người cũng rất khác nhau, nhưng số đông đều thống nhất về tinh thần tự tôn dân tộc, lo lắng cho nền độc lập mới giành được đã sớm bị uy hiếp. Nghe tin quân Pháp trở lại xâm lược, không ít người hy vọng Hoa Kỳ và Trung Hoa dân quốc "có nhiệm vụ cứu vãn hoà bình ở Viễn Đông" sẽ cản trở Pháp tái lập nền thống trị ở Đông Dương. Nhưng khi thấy quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng ở miền Nam, rồi*Hiệp ước Hoa - Pháp* (28-2-1946) và *Hiệp định sơ bộ* Việt - Pháp (6-3-1946) được ký kết, quân Pháp tiến ra ngoài Bắc, có người đã thất vọng vì hai ước nguyện Độc lập và Thống nhất tưởng rằng đã đạt, nay bị "tiêu tan", dân Việt đang đứng trước cái hoạ mất nước. Dùng vũ lực chống lại, bỏ các đô thị để kháng chiến là chủ trương anh dũng nhưng rồi tiền đồ sẽ ra sao, liệu có "tối tăm" như các vị tiền bối Trương Công Định, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám? .v.v.. Được Thường vụ Trung ương và Cụ Hồ giao cho nhiệm vụ cùng Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cầm đầu một Phái đoàn đàm phán như vậy, khó khăn của Võ Nguyên Giáp không chỉ là đối thoại với những người đại diện quyền lợi của tư bản phản động Pháp, mà còn phải làm sao phát huy tinh thần và trí tuệ của từng thành viên, đảm bảo đoàn kết và thống nhất ý chí hành động trong nội bộ đoàn, tế nhị nhất là với Trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam.

Cảm tưởng đầu tiên của anh em thành viên Phái đoàn đối với Phó Trưởng đoàn như thế nào? Năm 1971, trên tờ *Tập san Sử - Địa* (số 23 - 24) xuất bản tại Sài Gòn, Hoàng Xuân Hãn viết: "Lần này là lần đầu tôi biết cá nhân Võ Nguyên Giáp. Trái với tiếng đồn là người róng riết, Giáp đã tỏ thái độ nhã nhặn, có tình cảm nhiều, nhưng ý tưởng thì rất cương quyết. Trong hơn ba tuần ở cùng nhau, làm việc cùng nhau..., tôi đã nhìn thấy rõ cái bản lĩnh đặc biệt của nhà cách mệnh trẻ tuổi này".

Tình thân ái giữa các thành viên thể hiện ngay trong buổi tối đầu tiên, 16-4, khi đoàn phải dừng chân ở Pắcxế vì máy bay gặp sự cố kỹ thuật. Cùng mấy thành viên Phái đoàn ngồi chuyện phiếm, ông Giáp kể chuyện về đời sống ở chiến khu. "Phong cảnh chiến khu rất đẹp... Lúc về, có dịp tôi sẽ đưa các anh lên thăm chiến khu... ". Đang khi vui chuyện, Nguyễn Mạnh Tường bỗng nói:

- "Anh Giáp phải lấy vợ đi thôi". Võ Nguyên Giáp cười, trả lời:

- Nhờ các anh kén cho.

Nghe Nguyễn Mạnh Tường kể tên một phụ nữ cứu quốc có tiếng đương thời, ông Giáp tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng rồi chỉ cười cho qua chuyện.

Cùng với tình thân là lòng tin cậy lẫn nhau, thể hiện trong việc phân công vào các tiểu ban để đấu tranh với đối phương. Võ Nguyên Giáp làm Trưởng Tiểu ban Quân sự, đồng thời tham gia các Tiểu ban Chính trị và Kinh tế - Tài chính của phía Việt Nam. Sau khi hình thành các tiểu ban, Phái đoàn vận dụng một cách làm việc khá chặt chẽ. Là thành viên Phái đoàn ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam mới, chưa ai có kinh nghiệm đấu tranh trên bàn đàm phán, nhất là đấu tranh với một đối tượng rất tinh ma và cũng rất bảo thủ về chính trị dưới sự chỉ đạo chặt chẽ từ xa không chỉ của Đácgiăngliơ ở Sài Gòn mà của cả Ngoại trưởng Biđôn (G.Bidault) ở Pari. Trong từng tiểu ban, các thành viên luôn đặt mình vào địa vị của Pháp để phán đoán xem ý đồ cụ

thể của họ là gì, họ sẽ lập luận thế nào để có phương sách đấu tranh. Tiểu ban Kinh tế - Tài chính còn vận dụng một hình thức khá độc đáo được gọi là "tập trận". Tiểu ban thường chia thành hai "phe" để tranh luận với nhau trong từng nội dung, thậm chí từng ý cụ thể. Điển hình là cuộc "tập trận" tối ngày 4-5 giữa Vũ Văn Hiền (đóng vai Tây) và bác sĩ Nguyễn Văn Luyện (đóng vai ta), do Trịnh Văn Bính làm trọng tài, tranh luận chung quanh vấn đề tiền tệ. Vũ Văn Hiền bắt chước giọng nói của Gônông (Gonon - chuyên viên kinh tế - tài chính của Phái đoàn Pháp), hỏi dồn dập khiến Nguyễn Văn Luyện không khỏi nhiều phen lúng túng. Cuối cùng cả hai "phe" và trọng tài đều không nhịn được, phá lên cười và cùng nhau ngồi xuống tìm đáp số cho từng vấn đề đối phương có thể đặt ra.

Có thể do nắm được vai trò của Võ Nguyên Giáp, nên một số thành viên Phái đoàn Pháp như Métxme, Bútxkê (Bousquet) và Xalăng hết sức "săn đón" Phó Trưởng đoàn Việt Nam. Xalăng đã từng quen biết ông Giáp qua những ngày đầu đàm phán ở Hà Nội. Tại cuộc hội nghị này, mỗi lần có bất đồng căng thẳng trong khi tranh luận, nhất là về các vấn đề quân sự, viên tướng Pháp này thường đến gặp ông để dàn xếp, nhưng Xalăng thường vấp phải cái mà sau này trong hồi ký ông ta gọi là "những lập luận cứng rắn được che đậy bằng thái độ mềm mỏng lịch thiệp". Riêng Métxme và Bútxkê thì tuy lần đầu mới gặp Võ Nguyên Giáp nhưng họ cố "làm thân" với ông. Cứ sau mỗi lần cùng họ thảo luận riêng vấn đề gì, ông Giáp lại về thông báo cho Phái đoàn để cùng nhau đánh giá ý đồ của đối phương, kể cả cuộc gặp gỡ tay đôi Võ Nguyên Giáp - Gioăng (Alphonse Juin), khi viên Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng Pháp từ Trung Quốc về nước ghé qua Đà Lạt ngày 30-4. Gioăng hứa sẽ nói với Tướng Lơcle để thực hiện ngừng bắn ở miền Nam, nhưng ông Giáp nói với Phái đoàn Việt Nam rằng đó chẳng qua chỉ là lời hứa để đưa đẩy mà thôi. Dù sao qua thực tế, Phái đoàn ta cũng thấy rằng tranh thủ trao đổi riêng cũng giúp cho đoàn biết ý đồ chung và từng mặt cụ thể của đối phương, cho nên mọi người thống nhất chủ trương tăng cường việc tiếp xúc giữa các cá nhân trong các tiểu ban với các thành viên Phái đoàn Pháp ngoài các buổi họp chính thức.

Ngay từ đầu, ta đã ít nhiều nắm được tình hình một số nhân vật Pháp trong hội nghị trù bị này. Trưởng đoàn Mắc Ăngđrê (Max André) thuộc đảng M.R.P. - đảng bảo thủ của Ngoại trưởng Biđôn dựa trên nền tảng đạo Cơ đốc. Mắc ăngđrê cũng là người thân tín của Biđôn. Métxme (Messmer, một "quan cai trị" thực dân kỳ cựu từ thời Pháp thuộc), được thả dù xuống miền Bắc giữa những ngày cao trào Tổng khởi nghĩa, bị công an bắt rồi thả ra ở biên giới Việt -Trung. Tôren (Torel - cố vấn pháp lý), Gônông (Gonon, cố vấn tài chính) và Pinhông (Pignon, cố vấn chính trị) đều là tay chân đắc lực của Đácgiăngliơ. Xalăng, viên tướng thực dân có thể coi là kỳ cựu nhất, rất am hiểu và "rất yêu mến thuộc địa Đông Dương", v.v.. Sau này qua tài liệu nước ngoài, được biết trước ngày hội nghị Đà Lạt khai mạc, Pari gửi cho Phái đoàn Pháp một chỉ thị (đề ngày 14-4-1946) nhấn mạnh "sự cần thiết đối với lợi ích của nước Pháp là lập nên một Liên bang Đông Dương với số hội viên càng nhiều càng tốt". Điều đó có nghĩa là Phái đoàn Pháp không những phải thực hiện thâm mưu của Pari chia cắt Đông Dương thành năm "xứ" như tuyên bố ngày 24-3-1945 của Đờ Gôn mà còn phải tách ra khỏi Việt Nam một "xứ Tây Kỳ", với thủ đô là Đà Lạt như ý đồ của Đácgiăngliơ. Chính vì thế, mỗi khi thảo luận vấn đề Nam Bộ và vấn đề trưng cầu dân ý để tiến tới thống nhất nước Việt Nam, phía Pháp luôn làm cái việc mà ông Giáp lên án là "giội gáo nước lạnh vào thiện chí đàm phán của Việt Nam".

Đúng như phán đoán của ta lúc đầu, đối mặt với một Phái đoàn Pháp như vậy quả là một cuộc đấu tranh quyết liệt. Quá trình đàm phán là quá trình họ luôn có những hành động ngang ngược, luôn gây không khí căng thẳng trong và ngoài hội nghị. Từ việc đòi trục xuất Tạ Quang Bửu,

ngang nhiên bắt Phạm Ngọc Thạch đưa về Sài Gòn, đến việc đòi ta phải "xin phép" mới được dùng vô tuyến điện liên lạc với Hà Nội, ngăn cản ta tiếp xúc với dân chúng và quan trọng hơn cả là thành lập "xứ Nam Kỳ tự trị" trước ngày khai mạc hội nghị. Họ kiên quyết không chấp hành một điều khoản của *Hiệp định sơ bộ* 6-3, là đình chỉ chiến sự ở miền Nam để tạo không khí thuận lợi cho việc đàm phán, khước từ thảo luận bất kỳ vấn đề quân sự nào thuộc phía nam vĩ tuyến 16, v.v.. Tất cả những thực tế đó giải thích vì sao Hội nghị trù bị Đà Lạt tan vỡ sau hơn ba tuần đàm phán. Sự dồn nén của phái đoàn ta (trong các phiên họp chung cũng như họp tiểu ban) từ suốt mấy tuần bỗng nổ tung trong phiên họp toàn thể cuối cùng, ngày thứ bảy 11-5-1946.

Hôm đó, đến lượt Métxme chủ tọa phiên họp. Hai bên thảo luận hai trong số rất nhiều vấn đề tồn tại bất đồng, đó là vấn đề dân thiểu số (thực chất là vấn đề "Tây Kỳ" do phía Pháp nêu lên) và vấn đề trưng cầu dân ý (thực chất là vấn đề đấu tranh để thống nhất đất nước, do Phái đoàn ta đề ra). Chấp hành chỉ thị của Đácgiăngliơ, phái đoàn Pháp đòi tách phần đất Tây Nguyên thành một "xứ" trực thuộc Pari để Pháp có một chân trong Liên bang Đông Dương. Trước những lập luận ngang ngược của Buốcgoanh (Bourgouin) nói rằng Cao nguyên không thuộc Việt Nam, rằng "nước Pháp có nhiệm vụ trước thế giới là phải bảo vệ các dân tộc thiểu số Cao nguyên" v.v., ông Giáp trả lời ngay: "Vấn đề các dân tộc thiểu số Tây Nguyên là việc nội trị của chúng tôi. Chính phủ Việt Nam đã có chương trình và đang triển khai chương trình ấy". Điều qua tiếng lại khá gay gắt, cuối cùng vấn đề phải tạm gác lại cho cuộc đàm phán chính thức ở Pari. Trước khi thảo luận vấn đề thứ hai (trưng cầu dân ý), phía Pháp ra bản tuyên bố do Tôren đọc, đại ý:

1- Việt Nam không chỉ gồm ba *kỳ*, thành phần của nó (nhiều hay ít) là do trưng cầu dân ý quyết định;

2- Cuộc trưng cầu dân ý - do Pháp tổ chức - chỉ diễn ra ở Trung Kỳ và Nam Kỳ, Chính phủ Việt Nam không được tham dự vào nội tình chính trị của hai "xứ" ấy trước khi có kết quả của trưng cầu dân ý;

3- Tại hội nghị trù bị này, phái đoàn Việt Nam không có quyền bàn đến nội trị các "xứ" ấy...

Không chịu nổi lập luận ngang ngược của phía Pháp, nhất là một câu rất xấc xược của một đại biểu Pháp nói rằng "các anh không có điều gì được nói trong vấn đề này"[17], các thành viên của Phái đoàn Việt Nam phẫn nộ đến cực điểm, nhưng đã thống nhất chủ trương là nên bình tĩnh trả lời, miễn sao thể hiện được quyết tâm của toàn dân đấu tranh thống nhất đất nước, đồng thời vạch cho phía Pháp biết rằng họ tiếp tục đi lầm đường. Sau khi để Dương Bạch Mai - đại biểu Nam Bộ phát biểu, các thành viên khác nêu nhiều ý kiến khẳng định tính tất yếu của vấn đề thống nhất ba miền, khẳng định Nam Bộ là lãnh thổ không thể chia cắt được của Việt Nam. Nguyễn Mạnh Tường nói: Nam Bộ là thịt của thịt chúng tôi, là máu của máu chúng tôi. Nguyễn Văn Huyên nói: Không phải Nam Bộ là của Việt Nam, mà Việt Nam là của Nam Bộ.

Phía Pháp đã từng nhiều lần nghe lập luận của Võ Nguyên Giáp, nhất là trong cuộc họp ngày 22-4 của Tiểu ban Chính trị bàn về vấn đề đình chiến ở miền Nam. Hôm đó, ông Giáp đặt vấn đề: Lúc này tiếng súng vẫn nổ ở trong Nam. Phía Pháp các ngài nói rằng đó là dẹp giặc. Xin hỏi, nếu nói quân đội của chúng tôi ở miền Nam là giặc thì quân, du kích Pháp (FFI) chiến đấu chống phátxít Đức trong Thế chiến 2 cũng là giặc hay sao? Tiếp đó, trong phiên họp toàn thể ngày 3-5, tranh luận về vấn đề Nam Bộ, Võ Nguyên Giáp khẳng định: Người ta không thể dùng những cuộc hành binh càn quét để buộc quân và dân yêu nước ở miền Nam Việt Nam hạ vũ khí. Cũng trong phiên họp đó, khi lên án âm mưu của Pháp về vấn đề Liên bang Đông Dương, ông Giáp nghiêm nghị nói: Chúng tôi trịnh trọng tuyên bố kết liễu thời đại của các vị toàn quyền. Trong

phiên họp toàn thể lần cuối cùng hôm nay, 11-5, khi trở lại vấn đề Nam Bộ, ông Giáp lại khẳng định: Nếu Nam Bộ bị cắt khỏi Việt Nam thì tất cả tinh thần và nghị lực của dân tộc chúng tôi sẽ hướng vào cuộc đấu tranh để kéo Nam Bộ trở lại khối Việt Nam thống nhất.

Hoàng Xuân Hãn - Trưởng Tiểu ban Chính trị - phát biểu lời cuối cùng, khá dài. Bằng lời lẽ ôn tồn, ông dẫn chứng thái độ kiên nhẫn của Phái đoàn Việt Nam nhằm tìm một giải pháp thỏa đáng mà hai bên đều có thể chấp nhận được về những vấn đề then chốt liên quan đến vận mệnh dân tộc Việt Nam, đồng thời ông kịch liệt lên án âm mưu thâm độc của Pháp muốn chia cắt đất nước Việt Nam.

Giữa không khí phiên họp toàn thể đã trở nên rất căng thẳng, ngột ngạt, Võ Nguyên Giáp bỗng đứng phắt dậy dõng dạc tuyên bố: "Nếu các ông cố tình phá hoại cuộc thương thuyết để tiếp tục chiến tranh xâm lược thì chắc chắn Việt Nam sẽ trở thành mảnh đất buộc người Pháp các ông phải đền tội"[18].

Nói xong ông cắp cặp bước nhanh ra phía cửa, trước con mắt sửng sốt của các thành viên cả hai phái đoàn. Lập tức Hồ Hữu Tường cũng đứng dậy, bước theo sau. Lúc đó là 12 giờ trưa ngày 11-5. Ra khỏi phòng, Võ Nguyên Giáp quay lại đóng sập cửa đánh "sầm". Phái đoàn Pháp hết sức bất ngờ và kinh ngạc và người ngạc nhiên hơn cả lại là Tướng Xalăng. Sau này, viên tướng liên hệ đến một "tiếng sập cửa" khác, năm 1954. "Tiếng sập cửa" thứ hai này của ông Giáp không phải ở Đà Lạt - Cao nguyên Trung Bộ như 8 năm về trước mà là ở Điện Biên Phủ - Tây Bắc Việt Nam. Người hứng chịu "tiếng sập cửa" lần thứ hai này không còn là cặp Mắc Ăngđrê - Đácgiăngliơ mà là cặp Đờ Caxtơri - Nava và xa hơn nữa, ở Pari, là cặp Lanien - Thủ tướng và Biđôn - Ngoại trưởng.

Chúng ta hãy trở lại công việc ở Đà Lạt chiều hôm đó, 11-5. Trong cuộc họp cuối cùng của Phái đoàn, sau khi kiểm điểm công tác mấy tuần qua, Trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam nói như tâm sự:

- Tuy Hội nghị Đà Lạt không đem lại một thỏa thuận nào giữa hai bên Việt - Pháp, nhưng đã có một kết quả tốt là đã đoàn kết tất cả anh em chúng mình, như đã hứa với Chính phủ trước khi lên đường. Sáng nay, Đà Lạt đã chứng kiến một cảnh tượng đáng ghi nhớ: Từ anh cộng sản đến anh quốc gia đều căm phẫn trước âm mưu của Pháp muốn cướp đi một mảnh đất của Tổ quốc chúng ta.

Võ Nguyên Giáp tiếp lời:

- Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh luôn chủ trương đoàn kết toàn dân. Mấy tuần qua, chúng ta đã thực hiện nghiêm chỉnh lời căn dặn đầu tiên của Cụ Chủ tịch là đoàn kết. Tôi nghĩ rằng vừa qua ngoài các đảng phái, các anh em khác cũng rất đoàn kết. Ngoại giao là phải làm từ gốc rễ.

Sau khi một vài người nói lại tình cảm và tinh thần đoàn kết thể hiện trong việc đấu tranh bảo vệ Phạm Ngọc Thạch, trong việc chăm sóc Trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam những ngày bị ốm, thể hiện không khí hiểu biết lẫn nhau trong buổi lễ kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5 và trong suốt ba tuần làm việc, Hoàng Xuân Hãn nhắc lại lời tâm tình ngày 28-4 của ông Giáp với một số thành viên mới quen biết trong Phái đoàn, rằng "không phải Việt Minh thành kiến với trí thức", rằng "quốc gia như các anh thì chúng tôi rất quý trọng, rất vui lòng hợp tác dễ dàng, tiếc rằng không biết các anh sớm hơn".

Trở lại với nhiệm vụ của Phái đoàn, Trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam nêu lên lời đánh giá cuối cùng khi kết thúc cuộc họp: Chúng ta đã làm đúng chỉ thị của Chính phủ, là phải làm găng nhưng không đứt, không "cắt cầu" quan hệ với Pháp, là phải gạt bỏ những điều không phù hợp với quyền lợi và ý nguyện dân tộc nhưng không làm liên lụy đến Chính phủ.

Sáng hôm sau, 12-5, các ông lên xe ra sân bay mà không hề biết rằng lúc này tại Thủ đô, tờ *L' Entente* của Pháp xuất bản ở Hà Nội đăng bài tổng hợp cuộc Hội nghị Đà Lạt. Bài báo đã làm lộ những gì Pari đề ra trong chỉ thị ngày 14-4 gửi Phái đoàn Pháp: Phải làm sao chứng minh cho thiên hạ thấy rằng nguồn gốc tan vỡ của Hội nghị trù bị Đà Lạt là do phía Việt Nam gây nên. Cuối bài báo là một lời bình luận theo khẩu khí đó: Thực chất thất bại của Hội nghị trù bị là kết quả điều hành của Phó Trưởng đoàn Võ Nguyên Giáp, một bộ trưởng cộng sản.

Năm mươi năm sau, trong cuốn sách *Chiến thắng bằng mọi giá* , khi nhắc lại "sự kiện Đà Lạt", tác giả - nhà sử học quân sự Mỹ Cơri - đã tiết lộ thêm một chi tiết mà hồi đó Phái đoàn ta chưa biết: Do lập trường chính trị cứng rắn và phong cách lịch lãm của Võ Nguyên Giáp cả trong và ngoài hội nghị, nên Phái đoàn Pháp ở Đà Lạt đã đặt cho ông biệt hiệu "Ngọn núi lửa phủ tuyết". Người Pháp hiểu cụm từ đó thế nào? Theo sử gia Lacutuya (Jean Lacouture) thì đó là "hình tượng thể hiện sự pha trộn giữa nhiệt tâm cháy bỏng với những phán đoán lạnh lùng tạo nên sức mạnh của con người này". Lacutuya kể rằng khi kết thúc cuộc phỏng vấn dài sau cuộc họp cuối cùng ở Đà Lạt, ông Giáp đã yêu cầu được đọc lại và tự tay hiệu chỉnh bài viết của ký giả này. Về kết quả (không thành công) của Hội nghị Đà Lạt, "chính ông Giáp là người đã gợi ý cho tôi dùng thuật ngữ sự bất đồng ý kiến trong hữu nghị (le désaccord cordial) để mô tả Hội nghị Đà Lạt". Rõ ràng, dù trong những tình huống bất đồng căng thẳng, phía Việt Nam vẫn không muốn "cắt cầu" trong quan hệ với Pháp. Tiếc rằng mùa hè năm 1946, phía Pháp chưa nhận thức được điều đó.

11- "Đã có cụ Huỳnh - chú Giáp"

Theo đúng thỏa thuận giữa hai bên Việt - Pháp, ngày 31-5, Phái đoàn Việt Nam do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu lên đường sang Pháp mở cuộc đàm phán chính thức[19]. Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tư cách là khách mời của Chính phủ Pháp, cùng đi với đoàn. Sân bay Gia Lâm rợp cờ đỏ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Phái đoàn tiến đến chào Cụ quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng, các thành viên Chính phủ cùng các đại biểu và đồng bào ra tiễn. Cụ Hồ nắm tay Cụ Huỳnh, ân cần nói:

- Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong Cụ dĩ bất biến ứng vạn biến[20].

Cụ Huỳnh, các thành viên Chính phủ và cả Phái đoàn đều rất cảm động. Trước khi lên máy bay, trong lời căn dặn anh em Phái đoàn, Cụ Hồ nhấn mạnh mọi người phải đoàn kết nhất trí để cùng nhau làm tròn trọng trách đối với Tổ quốc.

Thành viên Phái đoàn lần này có người đã từng tham gia cuộc họp trù bị ở Đà Lạt. Lời căn dặn đoàn kết đối với Phái đoàn đi Pháp cũng là yêu cầu số 1 mà Cụ Hồ nêu lên với Phái đoàn đi Đà Lạt tháng trước. Phong thái bình tĩnh tự tin của Cụ vẫn như hôm Phái đoàn từ Đà Lạt trở về, mặc dù cuộc Hội nghị trù bị đã thất bại. Hôm đó, trong không khí thân tình tiếp đón Phái đoàn vừa về đến Hà Nội, Cụ bảo Cù Huy Cận, Hoàng Xuân Hãn đọc thơ làm ở Đà Lạt cho mọi người cùng nghe. Lần này cũng vậy. Máy bay vừa cất cánh, Cụ Hồ hỏi: Lên đường lần này, các chú có câu Kiều lấy nào không? Phan Anh liền ứng khẩu:

Trời mây muôn dặm xa khơi,

Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.

Cụ Hồ hiểu tâm tư của mọi người lo lắng cho tình hình "ở nhà" khi Cụ cùng Phái đoàn đi xa lâu ngày. Phía Pháp sẽ tiếp tục vi phạm những điều đã cam kết, đó là điều khó tránh khỏi. Về phía các tổ chức chính trị đối lập, đã trải qua bao lần hiệp thương, đã cùng Mặt trận Việt Minh thành lập Chính phủ liên hiệp, nhưng đâu đã hết hành động chống đối của các thế lực phản động? Tóm lại, lời ứng khẩu của Phan Anh cũng bao hàm nội dung "bất biến - vạn biến". Trước khi lên đường, về công tác lãnh đạo của Đảng, Cụ Hồ đã giao cho Thường vụ Trung ương, đứng đầu là ông Trường Chinh và về mặt nhà nước, đã giao nhiệm vụ cho Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước (đồng thời là Chủ tịch Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam) và ông Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Quân ủy hội. Bởi vậy, nghe xong câu Kiều lẩy của ông Phan Anh, Cụ Hồ trả lời ngay:

- Các chú cứ yên tâm. Mọi việc ở nhà đã có Cụ Huỳnh với chú Giáp.

Người đi lo việc ở nhà, người ở nhà lo cho người đi xa. Một phần tư thế kỷ sau, Võ Nguyên Giáp nhớ lại nỗi lo hồi ấy: Bác đã trao đổi với các anh (ý nói Thường vụ Trung ương - T.G.) về việc Bác có nên đi Pháp trong dịp đàm phán này không. Trước đây, Bác đã có lần bị bọn phản động Pháp kết án tử hình. Trong trường hợp cuộc điều đình gặp khó khăn, nếu Pháp trở mặt, thì không phải không đáng ngại... Riêng chúng tôi hôm ấy còn có thêm một nỗi lo lắng mà không ai dám nói ra. Hồi đó luôn luôn xảy ra những tai nạn máy bay.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phái đoàn lên đường, suốt mấy tháng hè thu năm 1946 tình hình đất nước vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Ông Võ Nguyên Giáp thường xuyên trao đổi với Tổng Bí thư Trường Chinh và tập thể Thường vụ Trung ương Đảng, nhằm thống nhất đánh giá tình hình và chủ trương không những đối với toàn quốc mà đặc biệt là đối với Thủ đô Hà Nội. Quân thù có thể nhân dịp Cụ Hồ đi xa mà có những hành động trắng trợn quyết liệt hơn.

Thông qua lập trường của Pháp trong Hội nghị Đà Lạt, ông Giáp đã dự kiến, ngoài âm mưu chia cắt Nam Bộ, sớm muộn Pháp cũng núp dưới chiêu bài "bảo vệ dân thiểu số" dùng quân sự đánh chiếm Tây Nguyên, tạo chỗ đứng chân cho chính quyền tay sai của "xứ Tây Kỳ tự trị". Đảng và Chính phủ ta đã đi trước một bước quan trọng. Đại hội các dân tộc thiểu số - Đại hội đoàn kết đánh Pháp - tổ chức tại Plâyku ngày 19-4-1946 theo chỉ thị của Cụ Hồ là một bước chuẩn bị cơ bản và kịp thời về chính trị tinh thần và định hướng đấu tranh cho nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. Sau này, qua tài liệu của Đờvile, được biết từ đầu tháng 5, Đácgiăngliơ đã hối thúc Lơcle "tăng cường một cách quả quyết công cuộc Bắc tiến của chúng ta theo hướng Plâyku - Công Tum, bởi chúng ta phải mở rộng quyền lực ở Trung Kỳ theo hướng vĩ tuyến 16, đặc biệt là lên vùng người Thượng". Lơcle dùng dằng vì e ngại vấp phải sự chống đối của Chính phủ ta. Viên tướng này trả lời: "Chúng ta có thể làm việc đó lúc nào chúng ta muốn, nhưng cần cân nhắc lúc nào là lợi nhất". Thời cơ là khi Cụ Hồ và Phái đoàn đàm phán đã lên đường.

Sáng 21-6, Tướng Valuy đến gặp và đưa cho ông Giáp một công hàm gửi Quyền Chủ tịch Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, với lời lẽ rất ngắn gọn: "Ông cao ủy Pháp ở Đông Dương, Đô đốc Đácgiăngliơ, đã ra lệnh cho quân đội Pháp chiếm đóng cao nguyên Mọi (tức Tây Nguyên - T.G.) như ông đã nói với Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ông ở Hà Nội".

Trong khi Bộ Tổng tham mưu điện gấp cho lực lượng vũ trang Tây Nguyên chuyển mệnh lệnh của Chủ tịch Quân ủy hội Võ Nguyên Giáp: Kiên quyết ngăn chặn mọi hướng tiến quân của Pháp, Cụ quyền Chủ tịch gửi công hàm bác bỏ luận điệu xảo trá của Pháp và kiên quyết phản đối hành động lấn chiếm trái phép trắng trợn của chúng. Cụ vạch rõ: "Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ được phía Pháp cho biết là họ sẽ chiếm đóng Tây Nguyên và, bằng bất cứ cách nào, Chủ tịch cũng không hề bao giờ lại đồng ý cho một sự chiếm đóng như vậy".

Hạ tuần tháng 6, khi chiến sự lan rộng trên chiến trường Tây Nguyên trong điều kiện lực lượng so sánh rất chênh lệch, bằng kinh nghiệm Cao - Bắc - Lạng trước đây và kinh nghiệm sốt dẻo của chiến trường Khu 5 và Khu 6, ông Võ Nguyên Giáp chỉ đạo từng bước cho quân và dân Tây Nguyên chủ động chuyển hướng hoạt động để duy trì cuộc kháng chiến lâu dài. Chấp hành chủ trương đó, các đội vũ trang tuyên truyền luồn sâu vào vùng địch tạm chiếm ở Cheo Reo, M'Đrắc, Buôn Hồ, Đắc Lây, Kom Brẫy... gây dựng cơ sở chính trị và vũ trang bí mật, từng bước khôi phục chính quyền. Cán bộ người Thượng trưởng thành nhanh chóng trong công tác động viên nhân dân chiến đấu chống địch bằng mọi thứ vũ khí thô sơ tự tạo. Hai tháng khó khăn qua đi, đến tháng 9 cục diện chiến trường Tây Nguyên đã có nhiều thay đổi. Không những chiến tranh du kích phát triển mà hai trung đoàn chủ lực 94, 95 và Tiểu đoàn Ba Tơ đã chiến đấu ngày càng hiệu quả trong các trận tiến công đồn bốt địch và trong các cuộc hành quân lấn chiếm của chúng. Các đợt hoạt động quân sự đã hậu thuẫn đắc lực đối với việc khôi phục chính quyền nhân dân trong 53 xã thuộc vùng rừng núi An Khê, Cheo Reo. Căn cứ kháng chiến tại chỗ được xây dựng ở Cheo Reo, M'Đrắc, Buôn Hồ. Các đội vũ trang tuyên truyền xung phong, các đại đội Vệ quốc đoàn ở Củng Sơn, Buôn Hồ, Cheo Reo, An Khê từng bước mở rộng địa bàn hoạt động và phát triển sâu vào vùng tạm chiếm thuộc hai tỉnh Gia Lai, Công Tum.

Chính nhờ cơ sở chính trị và vũ trang từng bước được củng cố mà cuối năm 1946 nhân dân các dân tộc Tây Nguyên vững vàng cùng toàn dân bước vào cuộc kháng chiến trên phạm vi cả nước. Mặt khác, binh lực địch bị thu hút lên chiến trường Tây Nguyên, càng làm cho chúng lâm vào cuộc khủng hoảng mới về quân số. Lực lượng địch ở Nam Bộ thiếu hụt và bị căng mỏng là một dịp để quân và dân miền Nam đẩy mạnh các mặt hoạt động.

Tại miền Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng, công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho nhân dân dần dần thấy rõ việc ký bản *Hiệp định sơ bộ*6-3 đã tạo ra một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến lâu dài, qua đó khẳng định quyết tâm tuân theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đứng vững trên vị trí chiến đấu của mình. Hạ tuần tháng 5-1946, theo phương hướng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh, ông Võ Nguyên Giáp đã cùng một số đồng chí Trung ương họp Hội nghị mở rộng với cán bộ chỉ đạo chiến trường Nam Bộ nhằm xác định phương hướng đấu tranh trong tình hình mới. Thực tế cục diện chiến trường nửa cuối năm 1946 cho thấy nghị quyết hội nghị[21] đã mở đường cho một cuộc "khởi nghĩa lại" ở nông thôn Nam Bộ. Sau này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá: "Trong thời kỳ này, nhân *Hiệp định sơ bộ*, địch phải đưa lực lượng ra Bắc, lực lượng còn lại ở Nam Bộ bị phân tán cao độ nên đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho quân ta hoạt động... Về phần ta thì chiến tranh du kích đã phát triển, ở cả ba khu 7, 8 và 9, đã tiêu diệt các toán quân và các đồn trại lẻ tẻ của địch, chống lại khủng bố tàn khốc của chúng, phá tan ngụy quyền, lập lại chính quyền của ta. Lực lượng vũ trang của ta cũng nhân đó mà lớn lên rất nhanh chóng, sau ngày Thỏa hiệp án (ý nói *Tạm ước* 14-9-1946 - T.G.) lại càng phát triển mạnh lên... Nam Bộ đã phát động được chiến tranh nhân dân"[22].

Tại miền Bắc, mục tiêu chính của quân Pháp là Thủ đô Hà Nội. Những vụ chiếm Bộ Tài chính (cuối tháng 3), chiếm Phủ Toàn quyền cũ (cuối tháng 6) và nổ súng trong những cuộc va chạm

với quân Tàu Tưởng trên đường phố chỉ là những hành động vi phạm và khiêu khích cụ thể trong điều kiện binh lực của chúng còn hạn chế. Âm mưu cơ bản của tướng lĩnh Pháp là lợi dụng điều kiện quân Pháp đã vào Hà Nội để tạo mọi cơ hội làm cuộc đảo chính, lật đổ chính quyền cách mạng. Sau này, qua tài liệu của phương Tây, được biết Lơcle đã có ý định "quét một nhát" ngay trong cuộc duyệt binh cùng ông Võ Nguyên Giáp ngày 22-3, tức chỉ 4 ngày sau khi quân Pháp vào Thủ đô. Nhưng, như tiết lộ của Đờvile, chính Valuy[23] cũng phải thừa nhận rằng hồi đó "chúng ta không đủ sức". Suốt mùa hè, Pháp vẫn không thực hiện được âm mưu dùng gián điệp, đặc vụ và các toán biệt kích (commandos) để "vô hiệu hoá một cách kín đáo và bất ngờ" các cán bộ lãnh đạo của ta. Cụ Hồ đi vắng là một dịp để chúng thực thi một kế hoạch mới, táo bạo hơn.

Từ cuối tháng 6, khi quân Tưởng rút khỏi Hà Nội, một số tay sai của Tưởng chạy theo chúng, để lại bọn đàn em với mưu đồ thay thầy đổi chủ, tiếp tay cho Pháp lật đổ chính quyền cách mạng, lập nên chính quyền tay sai. Điển hình là âm mưu đảo chính trung tuần tháng 7 do bọn Đại Việt và Quốc dân đảng phối hợp hành động, theo kịch bản của Valuy. Nhân ngày quốc khánh Pháp (14-7), Bộ Chỉ huy Pháp đề nghị với ta cho tổ chức diễu binh trên một số đường phố lớn của Thủ đô. Ta chưa trả lời thì ngày 11-7, Tổng Giám đốc Công an Lê Giản báo cáo với Thường vụ và Cụ quyền Chủ tịch: Bọn Đại Việt và Quốc dân đảng đang cùng Pháp thực hiện âm mưu lật đổ chính quyền. Nhân cuộc diễu binh của Pháp, bọn chúng cho tay chân phục dọc đường, bắn súng và ném lựu đạn vào lính Pháp, tạo cớ để Pháp bắt giam cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta. Trong khi đó bọn tay sai tung truyền đơn kêu gọi quần chúng nổi dậy lật đổ chính quyền. Hiện chúng đang in truyền đơn, tờ rơi, chuẩn bị hành động vào ngày quốc khánh Pháp. Công an đề nghị cho bắt ngay trước khi chúng hành động. Sau khi nghe báo cáo, Cụ quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng chỉ thị phải có bằng chứng cụ thể mới được bắt người, tránh để mang tiếng vì "đảng tranh" mà các đoàn thể chính trị xung đột nhau. Sau khi trao đổi với Tổng Bí thư Trường Chinh, Chủ tịch Quân ủy hội Võ Nguyên Giáp trả lời bác bỏ đề nghị duyệt binh và diễu binh của quân đội Pháp, đồng thời chỉ thị cho Uỷ ban bảo vệ thành phố và Nha Công an phối hợp triển khai kế hoạch phá tan âm mưu đen tối của bọn phản động trước ngày 13-7.

Được nhân dân đường phố cung cấp tin tức, 4 giờ 30 phút ngày 12-7, tự vệ và công an xung phong bất ngờ ập vào trụ sở của Quốc dân đảng ở phố Nguyễn Du, bắt tên Phan Kích Nam (tức Phan Xuân Thiện, một tên cầm đầu Quốc dân đảng) đưa về Sở Công an Bắc Bộ. Cùng lúc này, công an và tự vệ xông vào hang ổ của chúng ở 132 Minh Khai và số 7 Ôn Như Hầu (nay là Nguyễn Gia Thiều), thu nhiều tang vật như vũ khí, máy in, giấy bạc giả, truyền đơn và kế hoạch bạo loạn ngày 14-7. Đặc biệt ở nhà số 7 Ôn Như Hầu, tự vệ và công an giải thoát được nhiều người bị chúng bắt để tống tiền và khám phá ra nhiều hố chôn xác các nạn nhân bị chúng sát hại rồi đem vùi ngoài vườn, ngoài sân, trong đó có cả xác nhiều cán bộ cách mạng đã bị chúng bắt cóc và thủ tiêu. Đêm hôm đó và sáng hôm sau, 13-7, công an tiếp tục truy quét bọn phản động tại các hang ổ trên các đường Quán Thánh, Đỗ Hữu Vị[24], Hàng Than, Hàng Bún... bắt thêm nhiều tên cùng với tang vật.

Ngày 16, sau khi được mời đi xem bằng chứng tội ác của Quốc dân đảng ở nhà số 7 Ôn Như Hầu, trong cuộc họp báo, Cụ quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng lên án bọn chúng là đồ kẻ cướp, đồ vô lại, bọn giả danh quốc gia, dân tộc. Cụ nói:

- Đoàn kết là cần thiết để xây dựng nền dân chủ cộng hoà nhưng không được giả danh "đoàn kết" để làm những điều phi pháp. Tôi khuyên mọi đảng phái, mọi phần tử quốc dân hãy đoàn kết. Việc khám xét vừa qua là việc làm cần thiết để bảo vệ trị an, không phải là vấn đề đảng phái.

Pháp luật là pháp luật chung. Cũng vì quyền lợi quốc gia và để bảo vệ pháp luật mà tôi sẽ phải đem ra trước pháp luật và nghiêm trị những kẻ làm điều phi pháp.

Cũng trong dịp này, sau khi trao đổi và được sự nhất trí của Quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng và Tổng Bí thư Trường Chinh, Chủ tịch Quân ủy hội Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho bộ đội và lực lượng vũ trang địa phương ở trung du, Tây Bắc, Đông Bắc phối hợp với các đoàn thể quần chúng vừa vận động làm tan rã vừa tiến công tiêu diệt tàn dư của bọn phản động còn chiếm đóng nhiều vùng thuộc các tỉnh Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai và vùng mỏ. Chính quyền cách mạng dần dần được khôi phục trên một địa bàn rộng lớn, nhiều nơi lần đầu tiên nhân dân được sống trong không khí tự do do cách mạng đem lại. Niềm hạnh phúc của đồng bào vừa thoát khỏi bàn tay tàn bạo của bọn phản động tay sai nước ngoài đã thực sự làm Võ Nguyên Giáp xúc động khi ông lên kiểm tra tình hình và làm việc với lãnh đạo một số tỉnh trung du hồi đầu tháng 8.

Báo chí tiến bộ Pháp và nước ngoài phát hiện một sự trùng hợp kỳ lạ. Tướng Lơcle bị triệu hồi đúng vào dịp vụ đảo chính ở Thủ đô Hà Nội bị thất bại và phanh phui trước công luận. Ngay từ hồi đó, nhiều ký giả Pháp đã đặt vấn đề: Viên Tổng Chỉ huy quân viễn chinh Pháp bị bãi chức và rời Sài Gòn ngày 19-7 do thất bại trong tham vọng "bình định miền Nam Việt Nam trong vòng mấy tuần" hay do vụ đảo chính bất thành của Valuy ở miền Bắc? Bốn mươi hai năm sau, câu hỏi được Philíp Đờvile giải đáp[25]. Theo ông ta, thất bại trong cuộc đảo chính thuộc về Tướng Valuy, tác giả bản *Phương án hành động số 2,* đề ngày 10-4-1946, trong đó viên tướng này giao nhiệm vụ và hướng dẫn kế hoạch hành động cho các sĩ quan chỉ huy Pháp ở miền Bắc: Mỗi khi kế hoạch đã được vạch ra và hoàn chỉnh trên những nét lớn rồi, cần bổ sung ngay bằng những biện pháp hữu hiệu có tác dụng thay đổi dần và tiến lên biến kế hoạch hoạt động quân sự thuần túy lúc đầu thành một màn kịch đảo chính. Trung tuần tháng 7 là điểm giao thời đối với Valuy: Từ vị trí chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở miền Bắc Đông Dương được đề bạt làm Tổng Chỉ huy quân viễn chinh Pháp toàn Đông Dương. Thất bại của cuộc đảo chính được coi là thất bại kép của Valuy trên cả hai cương vị cũ và mới.

Thực tế đã chứng minh, là đệ tử trung thành với đường lối "tái chiếm" của Pari, nên trước và sau khi ngồi vào ghế Tổng Chỉ huy, viên tướng này luôn là cánh tay đắc lực nhất giúp Đácgiăngliơ trong việc thực hiện mưu đồ xoá bỏ mọi điều ký kết giữa Việt Nam và Pháp, phản đối mọi cuộc thương lượng, bí mật và công khai tích cực chuẩn bị mở rộng chiến tranh.

12- "Không sớm thì muộn pháp sẽ đánh mình"

Sau thất bại của vụ đảo chính, phía Pháp luôn gây ra những vụ xung đột. Chỉ trong tháng 8-1946, chúng gây ra cuộc khiêu khích ở cầu Đuống và trên đường cầu Đuống - Bắc Ninh, sau đó quân Pháp chiếm đóng trái phép thị xã Bắc Ninh. Tiếp đến là những vụ khiêu khích ở vùng ven biển Đông Bắc. Trên hướng Tây Bắc, quân Pháp từ Sơn La lấn chiếm xuống phía nam và đặc biệt nghiêm trọng là gây xung đột chung quanh vấn đề thuế quan ở cảng Hải Phòng.

Tình hình diễn biến phức tạp thu hút tâm trí của Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp khiến nhiều đêm ông làm việc rất khuya, nhằm nghiên cứu tình hình và tìm biện pháp chỉ đạo giải quyết mối quan hệ với Pháp theo chủ trương chiến lược *Hoà để tiến.* Ông lại càng bận hơn khi Nhà xuất bản Sự thật đề nghị ông cố hoàn thành hai công trình tổng kết về thời kỳ tiền khởi nghĩa: *Khu Giải phóng* và *Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc* nhân kỷ niệm lần thứ nhất Cách mạng Tháng Tám. Nắm vững phương châm chỉ đạo của Cụ Hồ, Võ Nguyên Giáp cố tự kiềm chế, không để không khí thêm căng thẳng. Trong vụ quân Pháp khiêu khích ở Bắc Ninh, không những ông nhiều lần cử cán bộ lên giải quyết vấn đề tại chỗ mà còn trực tiếp gặp Crêpanh[26] để đấu tranh nhằm hạn

chế hành động vi phạm trắng trợn của phía Pháp. Trong lúc thảo luận nhằm dàn xếp vụ xung đột Bắc Ninh, thấy viên sĩ quan này không những từ chối việc thành lập ủy ban hoà giải mà còn có thái độ khiêu khích, Võ Nguyên Giáp đã phải nói thẳng: "Nếu các ông muốn hoà bình, các ông sẽ có hoà bình; nếu các ông muốn chiến tranh, các ông sẽ có chiến tranh". Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp ông Giáp vẫn cố không để không khí thêm căng thẳng. Ký giả phương Tây ở Hà Nội chú ý thái độ hoà giải mềm mỏng của Võ Nguyên Giáp thể hiện trong dịp tiễn Valuy vào nhiệm sở Tổng Chỉ huy ở Sài Gòn, dịp kỷ niệm chiến thắng phátxít Đức (cùng Crêpanh đi đặt vòng hoa ở Đài chiến sĩ trận vong và dự tiệc do phía Pháp tổ chức) cũng như trong dịp đón Trung tướng Moóclie (Morlière), chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc đến Hà Nội thay thế Valuy.

Sau vài lần tiếp xúc với Moóclie, một mặt ông Giáp đánh giá tầm nhìn thức thời của viên tướng này, đồng thời ông cũng sớm phát hiện những khó khăn, hạn chế của Moóclie giữa một bầy sĩ quan thực dân cao cấp chủ chiến như Đácgiăngliơ, Valuy, Đebơ (Dèbes, chỉ huy quân Pháp ở Hải Phòng),...

Kỷ niệm lần thứ nhất Quốc khánh đã tới. Ông Võ Nguyên Giáp muốn nhân dịp này động viên toàn quân đề cao cảnh giác, tích cực chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiến đấu nếu kẻ thù buộc nhân dân ta phải đứng lên cầm súng bảo vệ thành quả cách mạng. Từ thực tế một năm qua ở miền Nam, ông có đủ cơ sở để tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến lâu dài. Sau này, ông viết: "Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa tròn một tuổi thì miền Nam của đất nước cũng sắp trải qua một năm chiến đấu. Những ngày đầu khó khăn đã qua. Cuộc rút lui tạm thời trước sức tiến công ồ ạt của kẻ thù đã chấm dứt. Cả miền Nam đã lớn lên sau một năm chiến đấu, vùng dậy quật trả kẻ địch... Lúc đầu, đoàn quân viễn chinh địch từ Sài Gòn tỏa về các đô thị rồi lan ra vùng nông thôn. Bây giờ, chúng đang bị đẩy lùi khỏi vùng nông thôn rộng lớn về các đô thị, đến tận Sài Gòn... ảo vọng của một số ngài chỉ huy quân sự Pháp về cuộc đánh nhanh thắng nhanh tan vỡ. Miền Nam đã biết cách đánh địch, đang làm cho quân viễn chinh Pháp sa lầy vào một cuộc chiến tranh lâu dài".

Đọc *Nhật lệnh* trong cuộc míttinh lớn tại vườn hoa Chí Linh (Hà Nội), Chủ tịch Quân sự Uỷ viên hội Võ Nguyên Giáp nhắc lại ý nghĩa Ngày Độc lập 2-9, biểu dương lực lượng vũ trang trên mọi miền đất nước và nhấn mạnh: Vệ quốc quân tuy lịch sử chưa lâu dài, nhưng truyền thống chiến đấu thì rất vẻ vang. ấy là vì chúng ta không những học tập được kinh nghiệm của những bộ đội tiền thân trực tiếp mà lại hưởng được tất cả những kinh nghiệm quý báu của tổ tiên ta đời trước: Chiến thuật dùng đoản binh thắng đại binh của Trần Hưng Đạo, tinh thần trường kỳ kháng chiến của Lê Lợi, lối dùng binh lỗi lạc của Quang Trung, chiến thuật du kích rừng núi của Hoàng Hoa Thám, chiến thuật du kích đồng bằng của Nguyễn Thiện Thuật.

Ông kêu gọi toàn quân phải giữ vững và phát huy truyền thống của đội quân cách mạng, không ngừng học tập, nâng cao trình độ, luôn luôn cảnh giác đề phòng những âm mưu khiêu khích của đối phương. Vệ quốc quân phải giúp đỡ và phối hợp khăng khít với các lực lượng vũ trang địa phương, phải bảo vệ nhân dân, thực hiện quân dân nhất trí.

Nếu trong Ngày lễ Độc lập năm trước, một Chi đội Giải phóng quân vừa từ chiến khu về, quân phục là chiến lợi phẩm vừa thu được của bảo an binh, trang bị rất thô sơ, chưa đủ trình độ tổ chức một cuộc diễu binh, thì Ngày Độc lập năm nay, một trung đoàn gồm ba tiểu đoàn Vệ quốc quân hoàn chỉnh, trang bị bước đầu được cải tiến, quần áo đồng phục, mũ calô gắn sao vàng, đi giầy da, sau lễ duyệt binh đã hiên ngang diễu hành qua lễ đài trong nhịp kèn của đội nhạc binh. Bằng cuộc duyệt binh và diễu binh biểu dương lực lượng sáng ngày 2-9-1946, Quân đội quốc gia

chính thức ra mắt và báo cáo với Chính phủ và nhân dân sự trưởng thành ban đầu của mình, thể hiện tinh thần sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Không ai nghĩ rằng phải gần 9 năm sau, ngày 1-1-1955, nhân ngày tiếp quản Thủ đô, những chiến sĩ con em của Hà Nội và của nhân dân cả nước mới có dịp tổ chức duyệt binh và diễu binh báo công trước Bác Hồ, Chính phủ và toàn dân thành tích chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, trong đó có chiến công vang dội Điện Biên Phủ.

Đối với toàn dân nói chung, nhân dân Thủ đô nói riêng, ông Giáp cũng thấy cần động viên tinh thần cảnh giác trước âm mưu ngày càng trắng trợn của Pháp. Những ngày được gọi là "ngàn cân treo sợi tóc" đã lui về quá khứ. ở miền Nam, cục diện chiến trường đã chuyển biến có lợi cho ta. Ngoài Bắc, hai chục vạn quân Tưởng đã ra đi, nạn đói đã bị đẩy lùi, hàng triệu dân nghèo đã ra khỏi cảnh tối tăm của nạn mù chữ, đời sống của nhân dân lao động tuy còn rất eo hẹp nhưng đã bước đầu được cải thiện, bộ mặt xã hội đã thay đổi về căn bản dưới chính thể dân chủ, một chính thể đã được củng cố sau một năm đầy giông tố. Thế nhưng, khả năng hoà hoãn với Pháp ngày càng hạn chế do thái độ ngoan cố của họ trên bàn Hội nghị Phôngtenblô và nhất là do hành động khiêu khích và lấn chiếm của quân Pháp vẫn diễn ra liên tiếp trên nhiều địa phương trong cả nước. Rõ ràng một điều cần thiết lúc này là phải làm cho đồng bào có ý thức cảnh giác, thấy hết nguy cơ xâm lược của đế quốc Pháp. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp trao đổi với Bộ trưởng Thông tin Tuyên truyền Trần Huy Liệu và cùng nhau nhất trí cần tổ chức một cuộc nói chuyện với số người tham dự càng đông càng tốt, để nhân đó nhắc nhở đồng bào - nhất là nam nữ thanh niên - nhớ lời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn toàn dân ngày 2-9 năm trước: "Xin đồng bào chớ tưởng rằng thế này là đã thái bình đâu". Được ông Liệu giới thiệu, ông Giáp gọi điện mời anh Trần Văn Hà[27] đến Bắc Bộ phủ và nói:

- Sắp đến ngày giỗ Trần Hưng Đạo[28], anh chuẩn bị cho buổi nói chuyện của tôi tại Nhà hát lớn. Anh kiếm dùm cho tôi cuốn *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, anh xem kỹ và đánh dấu bút chì ở mép trang những đoạn quan trọng. Anh cũng chuẩn bị cho nội dung khoảng hai trang thôi, gạch đầu dòng, viết rõ ràng.

Về buổi nói chuyện đó, 55 năm sau GS. Trần Văn Hà nhớ lại:

"Trước tấm bản đồ *Nhà Trần chống quân Mông Cổ,* tiếng anh Văn sang sảng, lúc trầm lắng với Hội nghị Diên Hồng, khi sôi nổi như cuốn hút mọi người vào các trận chiến, rồi vút lên cao với chiến thắng Bạch Đằng. Tiếng vỗ tay ầm vang như sấm hầu như không thể dứt. Nhà hát lớn thành phố đông nghịt người nghe".

Khi ông Giáp liên hệ tình hình đất nước hiện nay với thời Trần trước âm mưu xâm lược của quân Mông Nguyên, cụ thể là cuộc đàm phán Việt - Pháp đang đi vào ngõ cụt trong khi quân Pháp liên tiếp có những hành động khiêu khích, lấn chiếm, Trần Văn Hà nhận thấy trong cử tọa "những nắm tay chặt, những lồng ngực hực sôi! Ai cũng thấy phải đồng tâm, hiệp lực làm được một cái gì".

Cũng như những ngày trên vùng thượng du Cao - Lạng năm xưa, dù lúc này hết sức bận rộn, ông Giáp vẫn cố thu xếp thời gian đem lại cho đông đảo nhân dân những hiểu biết cần thiết để cùng nhau chung lưng đấu cật chuẩn bị bước sang những giờ phút lịch sử có ý nghĩa bước ngoặt. Đúng là một hình thức công tác chính trị đích thực của một con người luôn quán triệt phương châm hành động chính trị đi trước quân sự.

Chừng nửa tháng sau Lễ Độc lập, Thường vụ Trung ương đã nắm được những nội dung cơ bản của bản *Tạm ướ*c mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa ký với đại diện Chính phủ Pháp ngày 14-9. Trong số ra ngày 20, tờ *Sự thật* viết: "ý chí của Hồ Chủ tịch trong khi ký bản thỏa hiệp tạm thời là nhất quyết làm cho cuộc bang giao Việt - Pháp tiến bộ hơn ngày 6-3, tình giao hảo giữa hai dân tộc dân chủ thân mật hơn và để thực hiện một cuộc đoàn kết cao hơn. Vì Người biết rằng ký với Pháp những điều khoản của bản thỏa hiệp tạm thời có thể hoà hoãn những gay go giữa Việt - Pháp và giành thêm được thời gian để bồi bổ thực lực và đón lấy một tình thế tốt hơn; để tỏ cho dân Pháp thấy rằng dân tộc ta rất muốn thỏa thuận với dân Pháp và do đó tăng thêm tình cảm với dân Pháp và các dân tộc tự do khác đối với nước ta".

Ngay từ lúc này ta đã thấy bản *Tạm ước* 14-9 "chỉ giải quyết nhiều vấn đề cục bộ rõ rệt có lợi trước mắt cho Pháp hơn là cho ta: Thỏa mãn nhiều yêu cầu cụ thể của phía Pháp về những quyền lợi kinh tế, tài chính và văn hoá của thực dân Pháp ở Việt Nam, nhưng không đáp ứng thích đáng những đòi hỏi cơ bản của ta về mặt bảo đảm độc lập chính trị và thống nhất lãnh thổ"[29].

Để "đón lấy một tình thế tốt hơn" như tờ báo của Đảng đã viết, trong tình thế chiến tranh hầu như đã trở thành khó tránh khỏi, công tác chuẩn bị về mặt quân sự là một trong những việc càng cần được đặt ra một cách khẩn trương.

Một ngày cuối tháng 9, Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp cùng Bí thư Quân ủy Võ Nguyên Giáp nghe Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái báo cáo tình hình chuẩn bị về quân sự mấy tháng qua. Khác với những lần hội báo nắm tình hình định kỳ trước đây, lần này theo chỉ thị của ông Giáp, báo cáo của ông Thái tổng hợp tình hình tổ chức và khả năng chiến đấu thực tế của toàn quân làm cơ sở để Thường vụ chuẩn bị cho cuộc Hội nghị quân sự toàn quốc sắp tới.

Nhớ lại cũng ngày này năm trước, ngày 7-9-1945 - chỉ 5 ngày sau Lễ Độc lập, Cụ Hồ giao cho các ông Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn Thái thành lập cơ quan chỉ huy toàn quân. Hoàng Văn Thái báo cáo với Cụ Hồ không dám nhận chức Tổng Tham mưu trưởng vì "chưa làm công tác tham mưu bao giờ". Cụ bảo bản thân Cụ cũng như các thành viên khác trong Chính phủ chưa ai có kinh nghiệm nắm chính quyền. Hiện nay, chúng ta đã có nhà nước, có quân đội, nhất thiết phải có cơ quan chỉ huy. Cụ động viên ông Thái "vừa làm vừa học", có sự lãnh đạo của đoàn thể và sự giúp đỡ của ông Giáp, nhất định ta phải xây dựng được một cơ quan tham mưu đủ trình độ điều hành quân đội cách mạng trước yêu cầu của tình thế mới. Vị Tổng Tham mưu trưởng đầu tiên của quân đội cách mạng Việt Nam đã trải qua một năm thực hiện lời Cụ Hồ dạy, vừa làm vừa học, học từ những điều sơ đẳng nhất, như phiên hiệu các đơn vị và binh chủng của địch, học tổ chức bộ máy chỉ huy và điều hành các phòng, ban, học trong những việc cụ thể như tổ chức các đoàn quân Nam tiến, nắm tình hình địch, tình hình ta ở chiến trường phía trước cũng như ở hậu phương, học trong những cuộc đấu tranh với tướng tá của Pháp buộc chúng thi hành đúng Hiệp định, v.v.. Và hôm nay, ngồi trước Tổng Bí thư và Bí thư Quân ủy Trung ương là một Tổng Tham mưu trưởng đã có những hiểu biết ban đầu về nghiệp vụ tham mưu chiến lược, một người đã được ông Giáp đặt niềm tin về tinh thần khiêm tốn học tập cầu tiến bộ.

Theo báo cáo của Tổng Tham mưu trưởng, Quân đội quốc gia lúc này đã có 8,2 vạn (tăng 3,2 vạn so với cuối năm 1945), biên chế thành 32 trung đoàn và 11 tiểu đoàn độc lập (do điều kiện chiến đấu liên tục nên cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ vẫn duy trì hình thức chi đội). Pháo binh đã đặt cơ sở đầu tiên, đó là ba trung đội pháo ở Thủ đô, gồm 5 khẩu pháo cao xạ 75 mm thu được trong Tổng khởi nghĩa được chuyển thành pháo mặt đất. Hệ thống thông tin liên lạc trong toàn quân đã thông suốt từ Trung ương xuống các đơn vị, chiến trường, kể cả chiến trường miền

Nam, tuy phương tiện trang bị còn rất thô sơ và thiếu thốn. Toàn quốc có chừng một triệu tự vệ và du kích. Riêng ở bắc vĩ tuyến 16, tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng có tác dụng quan trọng hạn chế rất nhiều hành động khiêu khích của quân Pháp ở những nơi chúng được phép đóng quân. Tổ chức lãnh đạo, chỉ huy theo hai hệ thống từ Quân sự Uỷ viên hội và Bộ Quốc phòng xuống cơ sở đã được củng cố. Với chừng 8.000 đảng viên trong toàn quân, hệ thống công tác đảng, công tác chính trị trong bộ đội chủ lực đã hoàn chỉnh từ Quân ủy Trung ương xuống cơ sở. Công tác hậu cần (khi đó gọi là cung cấp), với ba ngành quân nhu, quân giới, quân y, đã được xây dựng và bước đầu phát huy chức năng bảo đảm vật chất sinh hoạt và chiến đấu của bộ đội. Ngành tham mưu đã được xây dựng thành hệ thống từ bộ xuống khu và trung đoàn nhưng kiến thức và kinh nghiệm nghiệp vụ tham mưu còn rất hạn chế. Cả nước đã chia thành 12 chiến khu[30], chiến khu nào chưa có chiến sự cũng đã dự kiến tiền tuyến, hậu phương khi nổ ra chiến tranh. Trả lời câu hỏi của Tổng Bí thư về đội ngũ cán bộ, Tổng Tham mưu trưởng báo cáo: Ngoài các trường quân chính của khu và trung đoàn (bổ túc và đào tạo cán bộ cơ sở), Trung ương đã mở Trường Cán bộ tự vệ Hồ Chí Minh, Trường Quân chính Bắc Sơn, Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, Trường Lục quân trung học Quảng Ngãi. Riêng Trường quân sự Tông (Sơn Tây), bổ túc cho cán bộ tiểu đoàn, sắp kết thúc khoá đầu tiên và đang chuẩn bị chiêu sinh khoá 2. Về nội dung huấn luyện quân sự, do chưa có điều kiện nghiên cứu biên soạn hệ thống tài liệu cho thật thống nhất và sát hợp với thực tế Việt Nam, các trường tạm thời sử dụng có chọn lọc các bài giảng về chiến thuật của quân đội Pháp, Nhật, Tưởng. Tuy vậy, theo chỉ thị của Chủ tịch Quân ủy hội, các trường đều nghiên cứu và giảng dạy chiến thuật du kích, dựa theo tác phẩm *Cách đánh du kích* do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo trước đây. Điểm cuối cùng Tổng Tham mưu trưởng báo cáo là hiện nay, Bộ Tổng tham mưu đang tập trung chỉ đạo toàn quân khắc phục những thiếu sót mà Hội nghị cán bộ Trung ương vừa qua đã chỉ ra về công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu[31].

Ông Võ Nguyên Giáp báo cáo bổ sung, nói thêm về sự phân công phân nhiệm giữa Quân ủy hội và Bộ Quốc phòng sau khi thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Việc vận dụng các sắc lệnh của Chủ tịch nước đã có tác dụng quan trọng về biên chế tổ chức từ Trung ương xuống cơ sở và về mặt quản lý bộ đội bước đầu theo nền nếp chính quy. Trong bước trưởng thành vừa qua của quân đội, đáng chú ý nhất là Trung ương đã vượt qua những hạn hẹp về ngân sách, dựa vào sự đóng góp của nhân dân để tích cực giải quyết vấn đề trang bị cho bộ đội. Việc gấp rút đào tạo cán bộ - với hàng ngàn người được kịp thời đưa xuống các đơn vị cơ sở - đã bước đầu đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong quá trình chuẩn bị lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu...

Để chuẩn bị cho hội nghị quân sự sắp tới, Tổng Bí thư Trường Chinh cùng Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp trao đổi thêm về vấn đề thống nhất cơ quan lãnh đạo quân sự cấp trung ương và các mặt công tác cần triển khai để các lực lượng vũ trang chủ động sẵn sàng chuyển từ thời bình sang thời chiến. Kết luận quan trọng cuối cùng là khả năng Pháp có thể làm nổ ra chiến tranh toàn cục và yêu cầu quan trọng bậc nhất về quân sự lúc này là không để lâm vào thế bị động chiến lược.

Ngày 19-10, tại 56 Nguyễn Du, Hà Nội, Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì Hội nghị quân sự toàn quốc. Đây là hội nghị quân sự quy mô lớn nhất đầu tiên của chính thể dân chủ cộng hoà. Ngoài các ủy viên Trung ương và cán bộ chủ chốt Tổng hành dinh, cán bộ chỉ huy cấp khu từ Chiến khu 4 trở ra đều có mặt. Hội nghị họp trong bối cảnh cuộc thương thuyết trên đất Pháp đã tan vỡ. Cụ Hồ đang trên đường về nước, trong khi những vụ khiêu khích của quân Pháp liên tiếp xảy ra trên miền Bắc. Về bản *Tạm ước* 14-9, hội nghị chỉ rõ: Các cấp chỉ huy phải giải thích cho bộ đội hiểu bản *Tạm ước* chỉ là một sự thỏa thuận tạm thời, vì vậy phải luôn luôn chuẩn bị đề phòng, đề phòng hơn trước kia. Hội nghị nhấn mạnh yêu cầu thường xuyên đề cao cảnh giác,

không để bị bất ngờ (bị đánh úp). Ta chủ trương luôn giữ quan hệ thân thiện, tránh khiêu khích, nhưng nếu bị tiến công thì kiên quyết đánh lại để tự vệ, đồng thời cố tránh không để xung đột lan rộng. Trên cơ sở khẳng định "Nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp", hội nghị đề ra phương hướng dồn mọi nỗ lực vào việc chỉ đạo toàn quân cùng toàn dân tích cực chuẩn bị sẵn sàng theo tình huống chiến tranh nổ ra toàn cục. Riêng về nội bộ quân đội, hội nghị quyết định thống nhất cơ quan lãnh đạo và chỉ huy (Quân sự Uỷ viên hội và Quốc phòng), coi trọng các mặt công tác cán bộ, nâng cao chất lượng Vệ quốc đoàn và dân quân, du kích, tự vệ, củng cố hoàn chỉnh công tác chính trị và cung cấp. Hội nghị chỉ ra phương hướng củng cố tổ chức đảng trong quân đội làm hạt nhân lãnh đạo từ cơ sở trở lên. Về tăng cường đoàn kết, kỷ luật, tăng cường tính đảng, hội nghị kết luận: Trong lúc làm việc, tất nhiên không tránh khỏi những điều sai lầm, chúng ta phải dùng vũ khí tự phê bình và phương pháp học tập để sửa mình. Chúng ta có nhiều ưu điểm nhưng cũng có nhiều khuyết điểm, cần phải sửa chữa. Cuối cùng hội nghị nhắc nhở phải chống tư tưởng thái bình, thiếu cảnh giác và động viên toàn quân "phải tự tin rằng tuy kém về kỹ thuật, vũ khí, nhưng với một tinh thần dẻo dai bền bỉ, mình nhất định sẽ thắng".

Hội nghị vừa bế mạc thì có tin báo từ Hải Phòng: Chiến hạm Đuymông Đuyếcvin (Dumont Durville) đã đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Phái đoàn Việt Nam cập Bến Ngự - Hải Phòng. Sáng sớm hôm sau, ông Võ Nguyên Giáp xuống Hải Phòng - đại diện Chính phủ đón Cụ Hồ và 10 giờ ngày 21 cùng Cụ và Phái đoàn lên tàu về Hà Nội. 15 giờ 15 phút chuyến xe lửa đặc biệt chở Chủ tịch Hồ Chí Minh đến ga Hàng Cỏ - Hà Nội. Cụ quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc hội, Chính phủ và các đoàn thể đón Cụ Hồ ở sân ga. Tướng Pháp Moóclie cũng có mặt. Bộ Chỉ huy Pháp cử đến một đội quân danh dự và một đội nhạc binh. Trước khi lên xe vào thành phố, Chủ tịch chào và cám ơn nhân dân ra đón, nói chuyện với binh lính Pháp trong đội danh dự rồi cùng đoàn tùy tùng lên xe về Bắc Bộ phủ. Sau này nhớ lại không khí đón Cụ Hồ từ Pháp trở về, ông Võ Nguyên Giáp viết: Cả nước đang trào lên một niềm vui. Niềm vui đó cũng rạng rỡ trên khuôn mặt của Người. Người đã bình an mạnh khỏe trở về! Có bàn tay chèo lái của Người, con thuyền Tổ quốc sẽ vững vàng lướt tới bất chấp mọi phong ba.

13- Khi kẻ thù cố tình gây chiến

Tại kỳ họp thứ 2 - khoá I - từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946, Quốc hội quyết định thống nhất Quân sự Uỷ viên hội với Bộ Quốc phòng thành Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy, do ông Võ Nguyên Giáp làm Bộ trưởng[32].

Theo tinh thần và lời văn của *Tạm ước,* ngày 26-10, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam ngừng bắn vào 0 giờ ngày 30-10, đồng thời ông gửi công hàm đề nghị phía Pháp cũng làm đúng như vậy. Tướng Valuy trả lời đã hạ lệnh cho quân Pháp ngừng bắn, đồng thời đã cử Tướng Nyo - được Đácgiăngliơ chỉ định là trưởng phái đoàn quân sự Pháp - ra Bắc để bàn việc thành lập Uỷ ban quân sự hỗn hợp Việt - Pháp.

Ngày 4-11, Tướng Moóclie dẫn Nyo đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cùng dự tiếp khách với Cụ Hồ có các ông Võ Nguyên Giáp và Thứ trưởng Bộ Nội vụ Hoàng Hữu Nam. Ba ngày sau, trong phiên họp đầu tiên của Uỷ ban quân sự hỗn hợp, ta lên án quân Pháp ở miền Nam không những không ngừng bắn mà còn mở rộng diện khủng bố ở nhiều nơi. Qua thương thuyết, rất nhiều vấn đề đã ghi trong *Tạm ước*hoặc đã được sự thỏa thuận giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đô đốc Đácgiăngliơ ở Cam Ranh ngày 18-10 đều bị phía Pháp khước từ. Ngay từ đầu, Pháp đã cố tình vô hiệu hoá Uỷ ban quân sự hỗn hợp. Điều đó giải thích vì sao Uỷ ban không phát huy được

tác dụng ngăn chặn những hành động khiêu khích của quân Pháp, điển hình là vụ đánh chiếm thị xã Lạng Sơn và nhất là cái gọi là "sự kiện Hải Phòng" ngày 20-11. Theo Lacutuya và Đờvile[33], chuyện rắc rối về thuế quan ở cảng Hải Phòng chỉ là cái cớ mà phía Pháp vin vào để làm nổ ra cuộc xung đột và đánh chiếm thành phố cảng. Mọi chuyện bắt nguồn từ rất xa, từ cuộc gặp gỡ giữa Thủ tướng Biđôn và Tướng Valuy ở Pari vài tuần trước đó. Valuy được Thủ tướng bật đèn xanh "cho nổ súng". Quyết định đó hợp với cả Đácgiăngliơ và Valuy, cho nên trong khi Valuy đạo diễn màn kịch được dựng lên ở Hải Phòng thì tại Pari, Đácgiăngliơ la lối cho thiên hạ tin rằng "Việt Minh quá ngỗ ngược". Chúng ta hãy nghe Philíp Đờvile nói lại (trong chương X cuốn *Paris - Saigon - Hanoi*) những điều mà ông thấy cần nói: "Tình tiết trận Hải Phòng đã được kể lại từ lâu qua nhiều tác phẩm và đây không phải là lúc kể lại sự diễn biến của nó. Tuy nhiên cũng nên chỉ rõ các giai đoạn để đặt nó vào đúng tình hình chính trị rất nhạy cảm lúc này.... Người ta (các ông Lami và Hoàng Hữu Nam được cử từ Hà Nội xuống) đã điều đình và khó khăn lắm mới đạt tới được một quyết định ngừng bắn. Nhưng việc thi hành lệnh ngừng bắn tỏ ra khó lòng thực hiện do thái độ rất láo xược của viên sĩ quan chỉ huy căn cứ Hải Phòng, Đại tá Đebơ. Trên thực tế, Đebơ đã triệt bỏ và ngầm phá hoại những cố gắng của cấp trên ông ta - Tướng Moóclie và cố vấn chính trị của Moóclie là Lami. Ông ta (Đebơ) cảm thấy được sự che chở của Tướng Valuy... Còn Tổng Chỉ huy Valuy thì đã qua mặt luôn cả Moóclie, người chịu trách nhiệm quân sự ở miền Bắc, để điện thẳng cho Đebơ: một là phải buộc toàn bộ lực lượng chính quy và bán quân sự Việt Nam rút khỏi Hải Phòng; hai là quân đội Pháp phải được hoàn toàn tự do đóng quân trong thành phố". Trong khi Moóclie cố làm cho Valuy hiểu rõ về những nguy cơ do các đòi hỏi của ông ta có thể mang lại thì Valuy trả lời: "Những sáng kiến hoà hoãn không còn tác dụng nữa... Đã đến lúc cần phải dạy cho quân Việt một bài học đích đáng... Bằng mọi điều kiện có trong tay, ông phải làm chủ Hải Phòng". Cuối cùng Đờvile kết luận: Tổng Chỉ huy Valuy, chẳng thèm hỏi ý kiến Chính phủ, đã lao vào cuộc phiêu lưu và kéo luôn cả nước Pháp theo mình... Từ thời điểm này và suốt cả 35 năm sau (cho đến khi các hồ sơ lưu trữ (được giải mật) chứng minh được sự mưu tính trước thuộc về bên nào) thì cụm từ của Valuy "đối phương tiến công có mưu tính trước" vẫn là luận điệu chính thức của nước Pháp về cuộc chiến tranh ở Việt Nam"[34].

Dù điều kiện so sánh lực lượng chênh lệch, lực lượng vũ trang Hải Phòng vẫn anh dũng duy trì cuộc chiến đấu suốt 7 ngày
(20 – 26-11). Trận Hải Phòng - trong đó có trận đánh thắng giòn giã, diệt địch, thu toàn bộ vũ khí, quân nhu cùng hồ sơ tài liệu và làm chủ sân bay Cát Bi suốt mấy ngày từ ngày 23 đến ngày 26-11 đã có tác dụng như một cuộc tổng diễn tập, chuẩn bị cho trận đánh dài ngày tại Thủ đô chừng một tháng sau đó.

Trước âm mưu địch mở rộng chiến tranh xâm lược ra phạm vi cả nước, ông Võ Nguyên Giáp dồn tâm lực vào việc chỉ đạo triển khai Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc vừa qua. Trong hàng loạt công việc cần suy nghĩ để chuyển đất nước và quân đội từ thời bình sang thời chiến, vấn đề cụ thể trước mắt ông đặc biệt quan tâm là chỉ đạo nghiên cứu cách đánh trong thành phố, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội. Thường vụ Trung ương đã chấp nhận đề nghị của ông Giáp, cử ông Vương Thừa Vũ làm Chỉ huy trưởng Mặt trận Hà Nội (tức Khu 11), ông Trần Độ làm Chính trị ủy viên. Cuối tháng 10, khi giao nhiệm vụ cho ông Vũ, Tổng Bí thư Trường Chinh nêu lên hai yêu cầu chiến lược đối với Hà Nội:

1- Phải sẵn sàng không để bị đánh úp, khi địch trở mặt là ta đánh trả lại ngay;

2- Phải kìm giữ địch một thời gian trong thành phố, không cho chúng nhanh chóng đánh rộng ra ngoài, tạo điều kiện cho cả nước chuyển sang thời chiến.

Trong chỉ thị bổ sung, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: Đặc biệt coi trọng vai trò Tự vệ Thành và hết sức tránh không mắc mưu khiêu khích của địch.

Tổng Chỉ huy rất thông cảm với những khó khăn của Bộ Chỉ huy Hà Nội. Trong lịch sử kháng chiến chống xâm lược của các dân tộc, thật hiếm thấy trường hợp chiến tranh bùng nổ trong điều kiện lực lượng tham chiến xen kẽ như ta và Pháp trên địa bàn Thủ đô cũng như nhiều thị xã trên miền Bắc. Riêng tại Hà Nội (và Gia Lâm), chúng đã chiếm đóng 9 vị trí lớn và 43 vị trí nhỏ, hình thành thế cài răng lược triệt để với quân ta và chia cắt thành phố trên nhiều khu phố. Nhiều mục tiêu quan trọng quân ta và quân Pháp cùng gác chung (như nhà máy điện, nhà máy nước, nhà ga, nhà ngân hàng, cầu Long Biên...). Địch lại chiếm đóng nhiều vị trí sát kề, có thể sẵn sàng khống chế nhiều mục tiêu quan trọng của ta (như rạp Majestic - nay là rạp Tháng Tám - đối diện với trại Vệ quốc đoàn Trung ương - 40 Hàng Bài, hoặc khách sạn Mêtrôpôn - nay là khách sạn Thống Nhất, đối diện với Bắc Bộ phủ (nay là Nhà khách Chính phủ...). Trong thế bố trí xen kẽ "sát nách" như vậy và trong điều kiện rất nhiều công việc chuẩn bị chiến đấu phải triển khai ngay tại vị trí của ta hoặc trên đường phố, thật khó mà khắc phục được mâu thuẫn giữa yêu cầu khẩn trương chuẩn bị, sẵn sàng chiến đấu, với yêu cầu tránh bị địch coi là ta khiêu khích. Cũng trong thế bố trí như vậy và nhất là trong điều kiện lực lượng so sánh giữa ta và địch có khoảng cách rất lớn - Võ Nguyên Giáp gọi là khoảng cách thời đại - một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt được đặt ra là đánh thế nào?

Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc và phương hướng chiến lược của Thường vụ, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chỉ đạo Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái và cơ quan Tham mưu khẩn trương hoàn tất kế hoạch tác chiến trên phạm vi toàn quốc (mà sau này ông Giáp gọi là cuộc Tổng giao chiến), trước hết là giúp Bộ Chỉ huy Khu 11 xây dựng và triển khai kế hoạch của Mặt trận Hà Nội, chiến trường trọng điểm của cả nước lúc này. Ông Giáp dành nhiều thời gian cùng các ông Hoàng Văn Thái và Vương Thừa Vũ phán đoán, dự kiến và tìm giải đáp cho những vấn đề mà cuộc đọ sức giữa ta và địch có thể đặt ra trên địa bàn Thủ đô. Một yêu cầu chiến lược bao trùm là phải làm thế nào không để quân địch tái diễn "màn kịch Hải Phòng" trên đất Hà Nội. Nhiều lần các ông xuống từng khu phố, từng đoạn đường, kể cả những đường ngang ngõ tắt trong khu phố cổ thuộc Liên khu 1, để nghiên cứu thực địa và xác định một ý định tác chiến cụ thể. Mỗi lần đi như vậy, ông Giáp thường gợi cho các ông Thái và Vũ hướng dòng suy nghĩ tìm ra đáp số cho hai bài toán:

1- Địch sẽ đánh như thế nào, kể cả trường hợp đánh úp?

2- Cách đánh của ta phải thế nào để vừa tiêu hao và giam chân được địch lại vừa bảo toàn, bồi dưỡng và phát triển được lực lượng ta để kháng chiến lâu dài?

Sau này, trong hồi ký của mình ông Vũ viết: "Mỗi lần đi là một lần đồng chí (Giáp) trao đổi ý kiến với chúng tôi rất cụ thể về công việc tổ chức, chỉ huy chiến đấu; mà thường là đồng chí đề ra những câu hỏi khêu gợi, nêu những tình huống tác chiến cụ thể, những giả định để chúng tôi suy nghĩ giải đáp, rồi đồng chí góp ý kiến uốn nắn, chỉ dẫn thêm"[35].

Giữa lúc phương thức và kế hoạch tác chiến đang trong quá trình định hình trong dòng suy nghĩ của ông Thái và ông Vũ thì ông Giáp gợi ý các ông nên đọc bài báo của Tổng Bí thư Trường Chinh trên tờ *Sự thật* đầu tháng 12 nói về *cách đánh trong thành phố*, trong đó tác giả chỉ ra

nhiều vấn đề, như phương châm dựa vào dân, nội dung công tác chuẩn bị chiến đấu, cách đánh, công tác phá hoại, chặt đường vận chuyển tiếp tế của địch và nhất là tư tưởng chỉ đạo tác chiến tích cực - chủ động - liên tục. Tác giả khẳng định: "Quân du kích phải đánh mới sống nổi, ngừng đánh mà đứng lỳ một chỗ thì nhất định bị tiêu mòn". Ông Giáp gợi ý hai ông nghiên cứu vận dụng vào điều kiện cụ thể của Hà Nội như thế nào, nhất là phương châm dựa vào dân và tư tưởng tác chiến tích cực, chủ động, liên tục.

Trải qua hơn một tháng chuẩn bị, sau nhiều lần trao đổi thảo luận và bổ sung sửa chữa, bản kế hoạch tác chiến của Mặt trận Hà Nội mà Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp thông qua ngày 13-12 gồm mấy nội dung chủ yếu sau đây:

1- Dựa vào binh lực và thế bố trí của địch, ta phán đoán: Ngay từ đầu địch sẽ tung binh lực ra nhanh chóng làm chủ bốn mục tiêu quan trọng nhất đối với chúng: Đánh chiếm cầu Long Biên bằng lực lượng từ trong thành ra qua hướng Cửa Bắc và từ Gia Lâm sang; đánh chiếm Bắc Bộ phủ, Toà Thị chính và ga Hàng Cỏ cũng bằng lực lượng từ trong thành ra qua hướng Cửa Nam và từ Đồn Thủy (Viện Quân y 108 ngày nay) lên.

2- Tư tưởng chỉ đạo tác chiến chung của ta là nắm quyền chủ động cả trong tiến công, phòng ngự và tổ chức lui quân ra ngoài sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong thành phố. Cụ thể là dùng lực lượng Vệ quốc đoàn, Tự vệ Thành, Tự vệ cứu quốc Hoàng Diệu, bất ngờ tiến công đồng loạt trước khi địch gây hấn, dồn chúng vào thế bất ngờ, bị động đối phó. Đặc biệt là phải nhanh chóng tiêu diệt ngay từ đầu các ổ chiến đấu cô lập của địch ở các khu phố và tích cực ngăn chặn nhằm hạn chế địch tiến quân ồ ạt đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu nói trên hòng thực hiện ý đồ "nhanh chóng làm chủ thành phố".

3- Để thể hiện tư tưởng chỉ đạo trên đây, toàn thành phố hình thành hai khu vực tác chiến, phối hợp trong đánh ra ngoài đánh vào, tạo thành thế trận được ông Vũ gọi là "trùng độc chiến" - một cụm từ chưa có trong từ điển quân sự; Khu vực 1 tức Liên khu 1 (bao gồm phần lớn địa bàn thuộc hai quận Ba Đình và Hoàn Kiếm ngày nay, nơi địa hình địa vật cho phép bám trụ đánh dài ngày trong thành phố); Khu vực 2 tức các liên khu 2 và 3, phần đất còn lại của nội thành.

4- Liên khu 1, với binh lực gồm 2 tiểu đoàn Vệ quốc đoàn (101, 145), 5 đội quyết tử đánh xe tăng và 3.000 Tự vệ Thành, được xây dựng thành một trung tâm chiến đấu - một trận địa quyết chiến - của thành phố. Dự kiến sau vài ba ngày chiến đấu tiêu hao địch, lực lượng Liên khu 1 sẽ co dần lại, bám trụ và chiến đấu dài ngày trên địa bàn đã chuẩn bị sẵn. Giới tuyến phía tây là đường Phùng Hưng, phía nam là Hàng Bông - Hàng Gai - Cầu Gỗ - Hàng Thùng, phía bắc là đường cầu Long Biên, phía đông là đê sông Hồng, gồm cả các bãi giáp ven sông.

5- Các liên khu 2 và 3, với binh lực gồm 3 tiểu đoàn Vệ quốc đoàn (77, 212, 523), 8 đội quyết tử đánh xe tăng và khoảng 5.000 Tự vệ Thành, sau chừng ba ngày tác chiến sẽ giãn dần ra hướng các cửa ô, đêm đêm thường xuyên vào tiến công, đột kích, quấy rối thu hút phân tán lực lượng địch, buộc chúng phải đối phó trên nhiều hướng, phối hợp và hỗ trợ chia lửa với Liên khu 1, làm cho địch không thể nhanh chóng đánh chiếm thành phố.

Sau khi thông qua kế hoạch, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chỉ thị Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái cùng Khu trưởng Khu 11 Vương Thừa Vũ khẩn trương kiểm tra công tác chuẩn bị mọi mặt. Tất cả công việc triển khai lực lượng, chiếm lĩnh và chuẩn bị phần tử bắn cho các trận địa pháo, tổ chức Sở Chỉ huy và hệ thống thông tin, chuẩn bị các ổ đề kháng và đục tường thông từng dãy nhà để bí mật cơ động lực lượng, chuẩn bị vật chất cho chiến đấu và sinh hoạt,

nghiên cứu hệ thống cống ngầm từ thành phố thông ra ngoài để chủ động lui quân bí mật, an toàn khi có lệnh, động viên chính trị - tư tưởng..., tất cả phải hoàn tất vào giữa tháng 12. Riêng công tác phá hoại và đắp baricat (ụ chướng ngại vật và chiến lũy trên đường phố), chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, khi có lệnh của Bộ Tổng tham mưu là triển khai được ngay, nhất là trên các trục đường chính, những nơi sát vị trí địch. Việc phối hợp với Sơn Tây và Hà Đông tiến hành cuộc nghi binh lớn[36] sẽ do Bộ Tổng tham mưu chỉ đạo hai tỉnh bạn đảm nhiệm.

Chiều ngày 13-12, sau khi chủ trì Hội nghị Chỉ huy trưởng các chiến khu từ Bình - Trị - Thiên trở ra để kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu của các địa phương, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp rất yên tâm về công tác chuẩn bị cho bước ngoặt chuyển từ thời bình sang thời chiến. Nếu như trung tuần tháng 11, trả lời câu hỏi của Cụ Hồ: Hà Nội có thể giữ trong bao lâu, ông Giáp chỉ dám hứa phải cố giữ ít nhất là nửa tháng, thì sau khi nghiên cứu kinh nghiệm Hải Phòng, thông qua kế hoạch tác chiến của Hà Nội và kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu của các địa phương, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã suy nghĩ để "nâng mức" phán đoán của mình về khả năng bám trụ của bộ đội. Ngày 17, sau cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, ông Giáp báo cáo lại với Cụ Hồ: Hà Nội có thể giữ được ít nhất là một tháng. Cụ Hồ hỏi thêm:

- Thế còn các thành phố khác thì sao?

- Các thành phố khác ít khó khăn hơn.

- Còn vùng nông thôn?

- Vùng nông thôn nhất định ta giữ được.

Cụ Hồ khẳng định lại vấn đề đã được Thường vụ trao đổi và nhất trí là ta sẽ trở lại Tân Trào. Được biết trước đó chừng nửa tháng, ông Nguyễn Lương Bằng đã được Cụ giao nhiệm vụ trở lên Việt Bắc chuẩn bị mọi mặt cho cuộc "thiên đô" của cơ quan lãnh đạo kháng chiến khi cần.

Từ đầu tháng 12, do quân Pháp tiếp tục khiêu khích nên tình hình Hà Nội ngày càng căng thẳng. Các cuộc gặp gỡ giữa đại diện Chính phủ ta với Pháp - kể cả cuộc gặp ngày 3-12 với Xanhtony vừa từ Pháp trở lại Việt Nam - cũng không cải thiện được tình hình. Thực tế cho thấy các phần tử hiếu chiến Pháp ở Đông Dương đang ra sức lợi dụng cuộc khủng hoảng chính trị của nước Pháp và sự bất lực của "một chính phủ đang bị đánh lừa và mất phương hướng" (như cách nói của Đờvile) để không ngừng lấn tới. Đến trung tuần tháng 12, có nhiều triệu chứng cho phép khẳng định: Chiến tranh đã trở thành khó tránh khỏi. Lúc này, Thủ đô Hà Nội như một kho thuốc súng mà quân Pháp như những mồi lửa, có thể làm kho thuốc súng nổ tung bất cứ lúc nào. Các vụ khiêu khích liên tiếp của quân Pháp ở phố Lò Đúc, Yên Phụ, vụ thảm sát ở các phố Hàng Bún và Yên Ninh đồng thời với việc gửi cho ta tối hậu thư thứ nhất ngày 17, tiếp đến là việc chiếm đóng trụ sở Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Công chính (tức các Bộ Ngoại giao và Thủy lợi ngày nay), các vụ khiêu khích ở Cửa Đông, Hàng Chiếu, Hàng Bút ngày 18, kèm theo tối hậu thư thứ hai đe dọa "ngày 20-12 quân Pháp sẽ hành động", v.v., tất cả đều chứng tỏ quân Pháp định tái diễn màn kịch Hải Phòng trên đất Hà Nội. Quân và dân Thủ đô vừa đề cao cảnh giác, lặng lẽ chuẩn bị, vừa cố tránh không mắc mưu khiêu khích của địch.

14- Trước ngày nổ súng

Được Trung ương Đảng, Chính phủ và Cụ Hồ giao phụ trách công tác quốc phòng mà yêu cầu trực tiếp nhất là phải tìm ra đáp số đúng cho những bài toán quân sự có tầm chiến lược toàn cục trong thời điểm nước sôi lửa bỏng này, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã trải qua nhiều đêm

cùng Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái làm việc rất khuya. Với tinh thần, nghị lực, trí tuệ và thể lực của tuổi 35, nhất là lại được sự chỉ đạo thường xuyên và kịp thời của Cụ Hồ, sự nhất trí cao của tập thể Thường vụ Trung ương, ông Giáp đã vượt qua những giờ phút làm việc hết sức khẩn trương suốt tuần lễ cuối cùng trước ngày nổ súng. Tin tức từ cơ sở ở Hải Phòng cho biết bọn tướng lĩnh Pháp vừa kéo nhau về thành phố cảng bàn định kế hoạch hành động sớm. Đây là nằm trong ý đồ "cần đánh ngay" của Tổng Chỉ huy Valuy, theo chủ trương đã được Thủ tướng Biđôn chấp thuận từ tháng trước.

Sau khi chủ trì hội nghị chỉ huy trưởng các chiến khu và chỉ đạo cơ quan tham mưu giúp các chiến trường hoàn chỉnh và triển khai kế hoạch tác chiến, Tổng Chỉ huy dồn tâm trí làm việc nhiều ngày với Chỉ huy trưởng Mặt trận Hà Nội Vương Thừa Vũ nhằm hoàn thiện kế hoạch tác chiến của chiến trường trọng điểm. Có trường hợp ông phải cùng ông Vũ trở lại một khu phố nào đó để khẳng định tính chính xác của kế hoạch tác chiến. Ngày 16, ông xuống kiểm tra trận địa pháo ở Láng để xem khả năng thực tế chuyển cách bắn của pháo cao xạ 75 mm thành pháo mặt đất. Pháo đài Láng - một trận địa được mệnh danh là "pháo đài anh cả" với nhiệm vụ nổ phát pháo đầu tiên khi có lệnh - cũng chỉ có hai khẩu cao xạ. Tổng Chỉ huy động viên các chiến sĩ pháo thủ không những phải làm tốt chức năng pháo mặt đất mà còn "cần cố gắng nghiên cứu, sáng tạo nhiều hơn nữa, khi cần thiết phải hạ nòng pháo bắn thẳng vào quân địch..., lại phải luôn chú ý giữ gìn, bảo vệ vũ khí".

Rời Pháo đài Láng, ông bảo lái xe đến Sở Vô tuyến điện và Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam (khi đó đài đã chuyển về hướng chùa Trầm), kiểm tra công tác chuẩn bị kỹ thuật và nhắc nhở việc bảo đảm an toàn cho người và máy móc trong quá trình di chuyển lên căn cứ địa để đài có thể hoạt động đều đặn, liên tục. Ông dặn riêng đồng chí phụ trách Đài Phát thanh, trước mắt cần chuẩn bị thật tốt về người và phương tiện để phát đi một "văn kiện đặc biệt".

Ngày 17, sau khi nhận bức tối hậu thư đầu tiên của Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp thấy cần vạch trần bộ mặt hiếu chiến của phản động Pháp trước dư luận thế giới và để nhân dân và quân đội thấy rõ âm mưu của kẻ thù, khẩn trương chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Ông gọi điện đến toà soạn báo *Cứu quốc* tìm ông Xuân Thủy. Ông Thủy đi vắng, ông Hồng Hà nghe điện thoại. Ông đọc cho ông Hà ghi và dặn cho đăng ngay (bản dịch) tối hậu thư của Pháp vào số báo sớm nhất. Vào những ngày này, đề phòng tình huống xấu nhất có thể xảy ra, Cụ Hồ đã rời thành phố từ ngày 26-11, đến ở nhà một cơ sở gần ngã tư Canh, sau đó, ngày 3-12, Cụ về làng Vạn Phúc gần thị xã Hà Đông. Tại đây, ngày 18-12, Cụ chủ trì Hội nghị mở rộng của Ban Thường vụ Trung ương nhằm đánh giá tình hình và đề ra chủ trương lãnh đạo trong tình hình mới.

Theo ông Giáp sau này kể trong *Những năm tháng không thể nào quên* thì, trước khi vào cuộc họp, Cụ Hồ hỏi tình hình mùa màng, hỏi công tác phá hoại giao thông ngăn chặn địch... và "nếu chiến tranh nổ ra, các chiến sĩ có đủ gạo ăn không?". Cụ rất vui khi được báo cáo năm nay mưa nắng thuận, nhiều nơi được mùa lớn, nhân dân no hơn năm ngoái. Các huyện xung quanh Hà Nội và các tỉnh đều đã lập kho lương thực để cung cấp cho bộ đội. Các làng đều có ủy ban tiếp tế. Vào cuộc họp, phân tích tình hình hiện nay hội nghị nhất trí nhận định rằng khả năng hoà hoãn không còn, ta càng nhân nhượng thì địch càng lấn tới. Nhân dân ta không thể trở lại cuộc đời nô lệ một lần nữa. Chiến tranh nổ ra, cuộc kháng chiến sẽ trường kỳ gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi. Theo đề nghị của Cụ Hồ, sau khi nghe, hội nghị góp ý kiến sửa mấy chữ vào *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Cụ. Đồng thời, với sự nhất trí cao và với ý chí quyết chiến quyết

thắng, tập thể Thường vụ đã thông qua một quyết định quan trọng, quan hệ đến vận mệnh của cả dân tộc, đó là: Phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên phạm vi cả nước.

Từ Vạn Phúc, ông Giáp vừa trở về tới trụ sở tại Hà Nội thì có tiếng chuông điện thoại. Đầu dây đằng kia là một người Pháp, xưng danh là Giăng Giuyliêng (Jean Julien), Trưởng ban Liên kiểm Pháp - Việt. Anh ta nói vừa gọi đến các ông Hoàng Hữu Nam và Phan Mỹ nhưng không có ai trả lời. Nghe anh ta nói xin gặp để đề đạt một số ý kiến về mối quan hệ Việt - Pháp, ông Giáp nhận lời. Đến giờ phút khẩn trương này, cũng cần biết thái độ của địch sau khi đã gửi cho ta tối hậu thư. Có thể sẽ không ai biết cuộc đối thoại nếu 25 năm sau không được chính nhân chứng - tướng Pháp Jean Julien Fonde - kể lại[37].

Giăng rất mừng vì được ông Giáp nhận lời tiếp và càng ngạc nhiên khi biết "giờ này mà ông Giáp vẫn còn ở Hà Nội". Người chiến sĩ liên lạc đưa viên sĩ quan Pháp lên tầng 2. Vài phút sau ông Giáp vào, nụ cười trên môi nhưng ánh mắt nghiêm nghị. Nhận tách trà ướp sen từ tay người đối thoại, Giăng nói như thanh minh về việc đến đột ngột không báo trước:

- Thưa Chủ tịch[38], tôi chưa quên lời Ngài dặn trong buổi tôi đến chào Ngài sau khi nhậm chức, rằng tôi có thể xin gặp Ngài bất cứ lúc nào, mỗi khi có việc cần. Hôm nay, tình hình nghiêm trọng đã thúc đẩy tôi đến đây, với danh nghĩa cá nhân Trưởng ban Liên kiểm, cả tướng Tổng Chỉ huy và Uỷ viên Cộng hoà (ý nói Valuy và Xanhtony) cũng như các cộng sự của tôi đều không biết.

Ông Giáp chăm chú nghe, nét mặt bình thản. Viên sĩ quan bắt đầu than phiền về đường phố bị phá hoại, những ụ đất chắn ngang đường, những chiến hào cản trở quân Pháp đi lại, tiếp tế. Rồi "những việc làm lộng hành của tự vệ và công an", tất cả thực tế đó càng làm tăng thêm không khí nghi kỵ và thù hằn giữa hai bên. Ông Giáp vẫn im lặng, chăm chú nghe nhưng nụ cười đã biến mất trên môi. Giăng tiếp tục nói:

- Mấy hôm trước, tôi đã gặp các ông Hoàng Hữu Nam và Phan Mỹ, nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Tấn thảm kịch vẫn âm ỷ. Uỷ ban Liên kiểm không còn thực hiện được chức năng của mình. Tôi nghĩ rằng Ngài không được báo cáo đầy đủ.

- Tôi được báo cáo hết sức đầy đủ, ông Giáp dằn giọng.

- Vậy thưa Ngài Chủ tịch, quân đội chúng tôi phải ăn, phải uống, phải giải trí, phải đi lại, phải thở hít không khí. Nếu không, chúng tôi biết đi đâu?

- Đi đâu là việc của các người.

- Đó là những nhu cầu sống còn, không thể dồn nén mãi được. Nếu không sẽ bùng nổ.

- Nếu các người muốn.

- Thưa Ngài Chủ tịch. Phải làm thế nào chứ không thể kéo dài tình trạng này mãi được. Tôi đã biết thế nào là chiến tranh, với những thương vong tổn thất. Những thành phố, những trung tâm công nghệ, những cầu cống bị phá hủy. Phải tránh cho đất nước những thảm họa như vậy.

- Tất cả những điều đó đều do nơi các người. Chúng tôi đã quyết. Chúng tôi không thể nhân nhượng thêm được nữa. Sẽ có những cảnh tàn phá, những tổn thất. Nhưng đường lối chính trị của chúng tôi hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và thống nhất đất nước đã được xác định. Có

thể hàng triệu người Việt Nam sẽ thương vong. Nhưng đâu chỉ có người Việt Nam mà cả binh lính Pháp cũng không tránh khỏi bị ngã xuống. Chúng tôi đã sẵn sàng.

Ông Giáp ngừng lời, sắp đứng lên, nhưng Giăng cố tiếp tục nói:

- Nước Pháp muốn hoà bình. Theo *Tạm ước*, chỉ còn non một tháng nữa cuộc thương thuyết sẽ tái diễn. Nước Việt Nam đang tiến gần đến nền độc lập. Thế giới đang tiến những bước dài. Điều gì sẽ diễn ra trong một năm nữa, trong 5 năm nữa? Xin Chủ tịch hãy ráng chờ đợi giành lấy thời cơ. Hãy ngăn chặn những tổn thất không thể nào bù đắp được.

- Mọi chuyện xảy ra đều do các người. Giữa Pháp và Việt Nam đã trải qua bao lần thương thuyết. Nhưng rồi sau Nam Bộ đến Tây Nguyên rồi Hải Phòng và Lạng Sơn. Và trong mấy ngày qua, liên tiếp những tối hậu thư. Thế là hết. Chúng tôi không nhân nhượng thêm nữa.

Ông Giáp đứng lên, vẫn lịch sự chìa bàn tay. Cuộc đối thoại kết thúc.

Tổng Chỉ huy đã biểu thị rõ ràng quyết tâm của Cụ Hồ, Chính phủ và nhân dân Việt Nam. Quyết tâm đó xuất phát từ những sự kiện liên tiếp diễn ra trong những ngày tháng chạp nóng bỏng này. Nhân dân ta có câu "*Cây muốn lặng, gió chẳng dừng*" và "*Tức nước vỡ bờ*". Ngày nay, đọc lại những trang *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* hay cuốn *Thư ký Bác Hồ kể chuyện,* người ta càng thấy rõ một điều là, mặc dù sau sự kiện Hải Phòng, quan hệ Việt - Pháp đã trở nên hết sức khẩn trương, nóng bỏng, nhưng với thiện chí hoà bình, quyết tâm tránh một cuộc xung đột quy mô toàn cục, mãi tận những ngày đầu tháng 12 này, Cụ Hồ vẫn hoạt động không mệt mỏi nhằm gạn chắt những khả năng hoà hoãn khi đó đã trở nên rất mong manh. Bức thư ngày 6 gửi Quốc hội và Chính phủ Pháp, công hàm ngày 13 gửi Chính phủ Pháp và Đô đốc Đácgiăngliơ, thông điệp ngày 15 gửi Thủ tướng Pháp, các cuộc tiếp ông Moffard (Giám đốc Cục á châu Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ) và trả lời phỏng vấn của báo *Paris - Saigon* ngày 7, tiếp các phóng viên tờ *Thời báo Niu Oóc* ngày 14, v.v. tất cả đều nhằm biểu thị thiện chí muốn cùng phía Pháp tìm một giải pháp thỏa đáng để cứu vãn tình thế. Nhưng mọi cố gắng của Chính phủ ta đã không được phía Pháp hồi âm.

Ngày 19-12, ngày bận rộn nhất của Tổng hành dinh và Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp cũng là ngày Bộ Chỉ huy Pháp gửi cho ta tối hậu thư thứ ba sau ba ngày liên tiếp. Chúng đòi tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, đòi ta đình chỉ mọi công việc chuẩn bị kháng chiến và đòi quyền điều hành trị an toàn thành phố "vì công an Việt Minh bất lực". Buổi sáng, Cụ Hồ cho ông Vũ Kỳ - thư ký của Cụ - mang đến cho Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đọc bức thư Cụ gửi cho đại diện Pháp để ông Hoàng Minh Giám đem đến gặp Xanhtơny. Buổi trưa, ông Giáp nhận được điện Cụ Hồ gọi vào họp gấp ở Vạn Phúc. Tới nơi, thấy Cụ Hồ cùng một vài đồng chí trong Thường vụ đang hội ý. Ông Vũ Kỳ vừa về báo cáo Cụ: Xanhtơny kêu mệt, hẹn đến mai sẽ tiếp ông Hoàng Minh Giám. Ngày mai, 20-12, là thời điểm phía Pháp "sẽ hành động" như đã nói trong tối hậu thư ngày 18 của họ. Theo nhật ký của Vũ Kỳ, "thoáng thấy Bác hơi cau mày, rồi nói khẽ như buột miệng: Hừ thì đánh!". Như cách nói của P.Đờvile thì, khi mà "guồng máy chiến tranh đã bắt đầu quay, quay một cách tàn nhẫn", khi mà sợi dây mong manh cuối cùng giằng níu chiếc cầu hoà hoãn đã bị phía Pháp cắt đứt, thì câu nói trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh mới là quyết định cuối cùng. Câu nói như buột miệng đó của Cụ đã đi vào lịch sử.

Rời Vạn Phúc sau cuộc hội ý của Thường vụ, đến 14 giờ - tức 6 tiếng đồng hồ trước giờ quy định nổ súng - ông Giáp có mặt ở Bạch Mai, nơi đặt Sở Chỉ huy của Khu 11, cùng ông Trần Quốc Hoàn phái viên của Trung ương, kiểm tra lần cuối cùng công tác chuẩn bị chiến đấu và

chính thức giao nhiệm vụ chiến đấu cho lực lượng vũ trang Hà Nội. Có mặt trong giờ phút lịch sử này của Thủ đô nghe Tổng Chỉ huy chính thức phát lệnh chiến đấu có Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, Bí thư Khu ủy 11 Nguyễn Văn Trân và Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội. Sau đó, từ Bạch Mai ông Giáp trở lại Vạn Phúc. Ông thật yên tâm khi báo cáo Cụ Hồ và Thường vụ về tình hình cả nước cũng như Hà Nội trước giờ nổ súng. Sau đó, các ông Trường Chinh, Lê Đức Thọ và Võ Nguyên Giáp cùng nghe lần cuối *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* đã được mọi người góp ý và được Cụ Hồ sửa chữa.

Khi ông Giáp chào Cụ Hồ và Ban Thường vụ để về Sở Chỉ huy, Cụ Hồ còn dặn thêm phải chú ý bảo đảm chính xác, bí mật, kịp thời của việc chuyển mệnh lệnh chiến đấu cho các chiến trường.

- Thưa Bác, việc này bộ phận thông tin mật mã của Bộ Tổng tham mưu, chỗ anh Thái đã chuẩn bị chu đáo.

Ai cũng biết hồi đó, Bộ Tổng tham mưu mới vừa qua "tuổi tôi" được mấy tháng, cho nên bảo đảm chuyển cùng một lúc cho các chiến trường toàn quốc bức điện có tầm quan trọng đặc biệt liên quan đến vận mệnh của đất nước là một công việc mới mẻ đối với anh em thông tin và mật mã (cơ yếu) nên cần được sự chỉ đạo chặt chẽ. Trong Hội nghị Khu trưởng ngày 13-12, Tổng Chỉ huy đã thống nhất với các khu trưởng: Khi đã có quyết tâm của Trung ương, Tham mưu sẽ gửi điện cho các chiến trường hai lần: Lần thứ nhất (dự lệnh), thông báo chung chung, chưa cụ thể và lần thứ hai (động lệnh), ghi rõ thời điểm đồng loạt nổ súng (mà sau này toàn quân gọi là giờ "G"). Tổng Chỉ huy đã hướng dẫn và chỉ thị Tổng Tham mưu trưởng trực tiếp theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ công việc quan trọng số 1 này. Cơ quan tác chiến Bộ Tổng tham mưu đã cùng tham mưu trưởng các khu "thực tập" để thống nhất.

Khoảng 9 giờ sáng ngày 19-12, bức điện thứ nhất được mã dịch và gửi đi, nội dung như sau:

Gửi các mặt trận và các khu,

"Giặc Pháp đã hạ tối hậu thư đòi tước khí giới của ta. Chính phủ đã bác bỏ tối hậu thư ấy. Như vậy chỉ trong 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị của Trung ương: Tất cả hãy sẵn sàng.

Ngày 19-12-1946

Ban Thường vụ Trung ương Đảng

Bức điện thứ hai gửi đi buổi chiều, khi Xanhtony đã khước từ không tiếp ông Hoàng Minh Giám và Cụ Hồ đã hạ quyết tâm cuối cùng. Nội dung bức điện thứ hai ngắn gọn hơn và không có tên người ký:

Gửi các khu 1, 2, 3, 4, 11, Đà Nẵng,

Chuyến hàng sẽ đến 18 giờ ngày 21-12-1946. Hàng mang mã số A + 2 và B - 2. Chú ý theo dõi đón hàng đúng giờ[39].

Trong *Nhật ký một bộ trưởng*, ông Lê Văn Hiến viết rằng sau buổi làm việc khoảng 16 giờ chiều hôm đó với ông Giáp, "Văn cho biết tin cuối cùng" (tức là tin về thời gian nổ súng). Một giờ sau, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã cùng các ông Trần Quốc Hoàn, Hoàng Văn Thái và Vương Thừa Vũ đến Ô Chợ Dừa rồi Khâm Thiên kiểm tra tình hình tại chỗ một đơn vị trước giờ nổ súng. Đâu đó văng vẳng từ dưới chiến hào tiếng đàn măngđôlin. Một không khí chuẩn bị bước

vào chiến đấu "rất Hà Nội". Các ông đến tận các vị trí của tự vệ ở đầu phố Khâm Thiên rồi phố Hàng Lọng (nay là đường Lê Duẩn), nói chuyện với tự vệ công nhân xe lửa rồi cùng anh em chụp ảnh kỷ niệm. Có thể các chiến sĩ sắp lao vào trận chiến đấu đầu tiên không biết vừa nói chuyện và chụp ảnh với ai.

Chia tay với mọi người, ông Giáp trở về hướng Hà Đông.

Đúng 20 giờ đêm hôm đó, 19-12, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam truyền đi mệnh lệnh chiến đấu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy gửi lực lượng vũ trang cả nước:

Tổ quốc lâm nguy!

Giờ chiến đấu đã đến!

Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Chính phủ, nhân danh Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy, tôi hạ lệnh cho toàn thể bộ đội Vệ quốc quân và dân quân tự vệ Trung - Nam - Bắc phải nhất tề đứng dậy.

Phải xông ra mặt trận, giết giặc cứu nước.

Hy sinh chiến đấu đến giọt máu cuối cùng!

Tiêu diệt thực dân Pháp!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Quyết chiến!

Ngày 19-12-1946

Võ Nguyên Giáp

Nhớ lại một trong những giờ phút trọng đại nhất trong cuộc đời cầm quân của mình, gần nửa thế kỷ sau ông viết trong hồi ký: "Từ làng Tây Mỗ[40] cách Hà Nội mười kilômét, tôi chờ đợi giờ phút này. Anh Hoàng Văn Thái túc trực tại tổng đài điện thoại của Bộ đặt ở thị xã Hà Đông, nắm tình hình tác chiến, theo quy định cứ hai giờ báo cáo với tôi một lần.

20 giờ.

20 giờ 3 phút. Đèn điện Hà Nội phụt tắt. Đại bác từ Pháo đài Láng gầm lên. Ngay sau đó cả Hà Nội rền vang tiếng súng".

Với Tổng Bí thư Trường Chinh, giờ phút lịch sử đó được ông đánh giá trong tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* là giờ phút "nín nhịn đã nung nấu trong lòng dân tộc ta biết bao uất hận, nổ thành một sức mạnh xung thiên".

Sáng ngày 20, tại Tây Mỗ, qua đài thu thanh, Tổng Chỉ huy lắng nghe *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Cụ Hồ gửi nhân dân ba miền đất nước. Anh chị em Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam đã chuẩn bị kỹ thuật chu đáo, tiếng phát thanh viên nghe rất rõ:

"Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên![41]...

Vài hôm trước ở Vạn Phúc, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã cùng Thường vụ nghe Cụ Hồ đọc *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và đã cùng biểu thị sự nhất trí cao trước giờ phút đất nước chuyển sang bước ngoặt lịch sử quyết định vận mệnh của cả dân tộc. Vậy mà hôm nay nghe lại qua đài thu thanh, ông vẫn thấy xúc động lạ thường, sự xúc động của một người lãnh trách nhiệm cầm quân trước tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, sắp cùng các chiến sĩ yêu quý của mình bước vào cuộc tổng giao chiến với quân thù.

Chú thích:

1. Tất cả những nội dung liên quan đến Pátti xem *Tại sao Việt Nam? (Why Vietnam?)* của Archimedes L.A.Patti - Người dịch Lê Trọng Nghĩa, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1995.

2. Yuitsu Tsuchihashi - Tư lệnh Tập đoàn quân Hoàng gia Nhật thứ 38, khi đó đặt Tổng hành dinh ở Bảo tàng Louis Finot (Hà Nội), tức Bảo tàng Lịch sử hiện nay.

3. Ý nói mấy ngàn quân Pháp do Alétxăngđri (Alessandri) chỉ huy, chạy thoát sang bên kia biên giới trong cuộc đảo chính ngày 9-3-1945 của Nhật.

4. E. Mordant - Tổng Tư lệnh quân Pháp ở Đông Dương, lúc này cũng là tù binh bị Nhật bắt giam trong thành từ cuộc đảo chính ngày 9-3-1945.

5.Trong cuộc gặp gỡ ngày 2-9-1945, Tướng Mác Actơ khuyên Tổng Chỉ huy Pháp Lơcle "hãy mang sang Đông Dương càng nhiều quân càng tốt".

6.Nội dung tóm tắt của bản tuyên bố ngày 24-3-1945 của Tổng thống lâm thời Đệ tứ Cộng hoà Pháp là ba xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ của Việt Nam cùng với Ai Lao và Cao Miên, hợp lại thành Liên bang Đông Dương và đặt dưới sự điều hành của một viên toàn quyền Pháp (như trước năm 1939).

7. Phòng tuyến Maginot được xây dựng ở phía đông nước Pháp để ngăn chặn quân Đức trong Thế chiến 2. Phòng tuyến mang tên Bộ trưởng chiến tranh Pháp André Maginot (1877 - 1932).

8. Như Đại Việt dân chính của Nguyễn Tường Tam, nhất là Việt Nam cách mạng đồng minh hội của Nguyễn Hải Thần và Việt Nam quốc dân đảng của Vũ Hồng Khanh. Đó là những tổ chức chính trị đội lốt "quốc gia", tay sai của Tưởng, theo chân quân Tàu Tưởng vào Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám, công khai chống đối chính quyền cách mạng.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.8, tr.43-44.

10. Xem: Philipe Devillers: Histoire du Vietnam de 1940 à 1952 (Lịch sử Việt Nam từ 1940 đến 1952), Seuil, Paris, 1952 và Paris - Saigon - Hanoi, Gallimard-Julliard, Paris, 1988.

11. Xem P. Devillers: Paris - Saigon - Hanoi, Sđd.

12. Xem P. Devillers: *Paris - Saigon - Hanoi, Sđd.*

13. Xem *Tạp chí Lịch sử quân sự,* số 36, tháng 12-1988.

14. Ngoài Trưởng và Phó đoàn, các thành viên khác trong đoàn gồm: Trịnh Văn Bính, Cù Huy Cận, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiền, Vũ Hồng Khanh, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Văn Luyện, Dương Bạch Mai, Phạm Ngọc Thạch, Bùi Công Trừng và Nguyễn Mạnh Tường. Các cố vấn gồm: Tạ Quang Bửu, Kha Vạng Cân, Kiều Quang Cung, Phạm Khắc Hòe, Đinh Văn Hớn, Nguyễn Văn Huyên, Hồ Đắc Liên, Phan Phác, Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Văn Tình, Hồ Hữu Tường.

15. Lập trường của ta đối với một số nội dung chính của *Hiệp định sơ bộ,* ngày 6-3-1946:

Nước tự do (Etat libre): Phải nói rõ trình độ tự do; nhất là về lãnh thổ, phải có thống nhất hoàn chỉnh.

Liên bang (Fédération): Liên bang Đông Dương chỉ có về mặt kinh tế mà thôi, nhất định không nhận Chính phủ Liên bang.

Liên hiệp Pháp (Union francaise): Nhận tự do liên hiệp với Pháp, nhưng quyền hạn và nhiệm vụ của Việt Nam phải định rõ. Việt Nam phải được quyền thảo luận và biểu quyết những vấn đề của Liên hiệp có liên quan đến Việt Nam. Ta phải có ngoại giao tối thiểu, tức là ngoại giao với các nước lớn (Anh - Mỹ - Nga - Hoa) và các nước láng giềng (Xiêm - Ấn Độ - Phi Luật Tân). Pháp phải giới thiệu Việt Nam vào Liên hợp quốc. Về tài chính, ta phải có ngân hàng, tiền tệ. Về kinh tế thì chủ quyền kinh tế phải thuộc Nhà nước Việt Nam. Về quân sự, ta không chịu quân sự Liên bang. Phải định rõ quân số, nhiệm vụ, địa điểm và thời gian đóng quân của Pháp trên đất nước ta.

16. Tức là coi động cơ chính trị của Việt Minh chẳng khác gì các đảng Việt Quốc, Việt Cách, Đại Việt, xung đột nhau về ý thức hệ, tranh giành nhau về ảnh hưởng và quyền hành chứ không vì lợi ích quốc gia dân tộc.

17. Nguyên văn: Vous n`avez rien à dire sur cette question.

18. Ông Giáp dùng cụm từ tiếng Tây Ban Nha Terra Redemtera.

19. Phái đoàn gồm các ông Hoàng Minh Giám, Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyên, Trịnh Văn Bính... Luật sư Phan Anh, Bộ trưởng Quốc phòng, được giao nhiệm vụ là tổng thuyết trình viên, chuyên về mặt pháp luật của Phái đoàn. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Tường Tam viết thư cáo ốm không đi. Sau này, theo Phan Anh kể lại, các thành viên Phái đoàn nghĩ rằng đây là một hành động phá hoại. Việc làm của Nguyễn Tường Tam biểu thị thái độ không đồng tình với Chính phủ về việc thương lượng với Pháp, khác hẳn với những gì ông ta nói về "đoàn kết" trong những ngày ở Hội nghị trù bị Đà Lạt.

20. Lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi. Theo cách hiểu của các thành viên Phái đoàn mà sau này Phan Anh nói lại thì "bất biến" đây là đoàn kết, đoàn kết trên cơ sở chính

nghĩa là độc lập tự do; "vạn biến" đây là những âm mưu và thủ đoạn của bọn ngoại xâm và bọn thù địch với cách mạng ở trong nước.

21. Nghị quyết Trung ương họp với cán bộ Nam Bộ cuối tháng 5-1946 xác định: Cuộc vũ trang tranh đấu trong lúc này vẫn có tính chất tự vệ; phương châm tác chiến chung là chính trị trọng hơn quân sự. Bởi vậy phải: 1- Điều chỉnh và thống nhất chỉ đạo chỉ huy; 2- Giữ quyền chủ động tác chiến song chú ý không gây khó khăn cho ngoại giao; 3- Phát triển vũ trang tuyên truyền trong vùng địch kiểm soát; 4- Quấy rối trong các thành phố lớn; 5- Tiến công địch nhưng không quá mạo hiểm, phải giữ gìn thực lực; 6- Thận trọng trong việc diệt trừ Việt gian (*Văn kiện quân sự của Đảng,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, t. 2, tr. 49).

22. Đánh giá tổng hợp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong Huấn lệnh về phương châm quân sự của ta ở Nam Bộ (1-11-1948), in trong Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân uỷ, Bộ Tổng tham mưu xuất bản, t. 1, tr. 323.

23. Etienne Valluy, Tư lệnh Sư đoàn 9, lực lượng chủ yếu ra Hà Nội sau Hiệp định sơ bộ 6-3-1946. Từ tháng 3-1946 là chỉ huy quân Pháp ở ngoài Bắc, tháng 7-1946 thay Lơcle làm Tổng Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

24. Nay là phố Cửa Bắc, Hà Nội.

25. Xem P. Devillers: *Paris - Saigon - Hanoi, Sđd*.

26. Crépin - Uỷ viên Cộng hoà kiêm quyền chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc từ tháng 7-1946.

27. Anh Trần Văn Hà lúc này là Trưởng ty Thông tin Tuyên truyền Hà Nội, một thanh niên tuy không học trường Thăng Long nhưng đã từng biết thầy Giáp từ những ngày ông dạy học ở Hà Nội. Sự kiện này được GS. Trần Văn Hà kể lại 55 năm sau (Xem *Tiền phong cuối tháng* 8-2001).

28. Ngày giỗ Trần Hưng Đạo là 20-8 năm Canh Tý (1300).

29. Xem: *Đấu tranh ngoại giao trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân,* Tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ Ngoại giao, t. 1, tr. 221.

30. Bắc Bộ gồm các chiến khu 1, 2, 3, 10, 12 và Đặc khu 11 (Hà Nội); Trung Bộ: chiến khu 4, 5, 6; Nam Bộ: chiến khu 7, 8, 9.

31. Một trong những kinh nghiệm lãnh đạo trong xuân - hè vừa qua được nêu lên trong Hội nghị cán bộ Trung ương (ngày 31-7 - 1-8-1946) là "Quá tin vào *Hiệp định sơ bộ*, không tích cực tiến công".

32. Sắc lệnh số 230 ngày 30-11-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi: Ủy quyền Tổng Chỉ huy Quân đội toàn quốc cho ông Võ Nguyên Giáp, hiện sung chức Bộ trưởng Quốc phòng. Như vậy từ nay, ông Giáp là Bộ trưởng Quốc phòng kiêm Tổng Chỉ huy. Về Đảng, ông vẫn là Bí thư Quân ủy Trung ương.

33. Xem *Hồ Chí Minh* của Jean Lacouture, Nxb. Seuil, Paris, 1967 và *Paris - Saigon - Hanoi, Sđd*.

34. Trong báo cáo ngày 30-1-1947 về *Những biến cố chính trị và quân sự ở Bắc Đông Dương trong quý cuối năm 1946*, Tướng Moóclie đã thú nhận rằng việc đánh chiếm Hải Phòng "có

nghĩa là *Hiệp định* 6-3-1946 và *Tạm ước* 14-9-1946 sẽ tan vỡ hoàn toàn"... "sự kiện Hải Phòng chứng tỏ một cách cụ thể rằng nước Pháp đã chọn chính sách dùng vũ lực". Xem Georges Chaffard - tác giả cuốn *Hai cuộc chiến tranh Việt Nam* (*Les deux guerres du Vietnam*), Table ronde, Paris, 1969, tr. 36.

35. Vương Thừa Vũ: *Trưởng thành trong chiến đấu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979.

36. Điều động chừng 2 vạn tự vệ, du kích của hai tỉnh Sơn Tây và Hà Đông, cứ chập tối hành quân vào nội thành rồi gần sáng lại bí mật rút ra (trong suốt một tuần lễ), nhằm làm lạc hướng phán đoán của địch về binh lực của ta.

37. Xem *Traitez à tout prix - Leclerc et le Vietnam,* J.J.Fonde, Nxb. Robert Laffont, Paris, 1971 và tạp chí *Lịch sử Đảng*, số tháng 12-2001.

38. Anh ta gọi ông Giáp theo chức danh Chủ tịch Quân ủy hội.

39. Theo quy ước đã thống nhất với các khu trưởng trong hội nghị ngày 13-12-1946: A là giờ, B là ngày, cho nên A + 2 tức là 18 giờ + 2 = 20 giờ; B-2 tức là ngày 21-2 = ngày 19. Giờ nổ súng là 20 giờ ngày 19-12-1946.

40. Có tài liệu ghi là *Tây Tựu.*

41. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr. 480.

Chương IV

Những thử thách năm đầu

15- Bám sát chiến trường trọng điểm

Sau này, sách báo Pháp và nước ngoài cho thấy, việc quân Pháp ở Hà Nội và các thành phố miền Bắc định tiến công ta trước, vào ngày 20-12, là có thật. Theo Philíp Đờvile, tác giả cuốn *Pari - Sài Gòn - Hà Nội* thì hồi đó Xanhtơny và các tướng lĩnh Pháp ở Đông Dương nhận định rằng, sau sự kiện Hải Phòng, không còn khả năng hoà giải giữa hai bên Việt - Pháp, không thể nào có sự dung hoà giữa những lợi ích của Pháp và sự tồn tại của Chính phủ Hồ Chí Minh. Phía Việt Nam không thể lùi bước và chấp nhận để quân Pháp chiếm đóng Hải Phòng và Lạng Sơn cùng những điều kiện - mang tính tối hậu thư - do Pháp đưa ra. Còn người Pháp không thể chấp nhận yêu sách của Việt Nam đòi Pháp rút về vị trí cũ ở Hải Phòng như trước ngày 20-11. Pháp đã bí mật liên hệ và thỏa thuận với những phần tử Việt Nam đối lập với chính quyền cách mạng về việc thiết lập một chính quyền thân Pháp, vấn đề còn lại là chỉ cần một cuộc đảo chính, một vấn đề nhẹ nhàng và giản đơn. Họ đánh giá "lâu đài Việt Minh còn non yếu..., nó dễ dàng sụp đổ đột ngột ngay trận thất bại đáng kể đầu tiên". Đúng lúc đó, có tin nội các chủ chiến của Gioócgiơ Biđôn đổ, ngày 16-12, Lêông Blum thành lập chính phủ mới. Tin đó đã dồn bọn Pháp ở Đông Dương vào chân tường. Họ nghĩ rằng ông thủ tướng đảng viên Xã hội này sẽ cầu hoà với Việt Minh nên thấy cần hành động ngay, cần có một việc đã rồi cuối cùng để kịp thời ngăn cản cuộc thương thuyết có thể diễn ra giữa hai người "đồng chí" Lêông Blum và Hồ Chí Minh. Cần hành động nhưng phải làm sao không lộ mặt là kẻ xâm lược, là kẻ đánh trước. Hơn nữa, từ đầu tháng 12, nhiều nguồn tin gián điệp cho biết phía Việt Nam chuẩn bị tiến công nhưng (như sau này Xanhtơny thú nhận) Pháp không biết lúc nào xung đột sẽ diễn ra. Điều bất ngờ là ở chỗ đối phương nổ súng ngay đêm trước thời điểm quyết định hành động của quân Pháp. Bộ Chỉ huy quân viễn chinh không nghĩ rằng đối phương đã dồn họ vào thế bị động đối phó.

Qua báo cáo của Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái từ đài điện thoại thường trực đặt ở thị xã Hà Đông, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nắm rất chắc quá trình diễn biến chiến đấu trên đường phố Thủ đô đêm 19-12. Quân Pháp từ trong thành tiến ra các hướng, đối phó đúng như dự kiến trong kế hoạch tác chiến của Bộ Chỉ huy Hà Nội. Tổng Chỉ huy đặc biệt chú ý đến trận đánh trên phố Tràng Thi: Quân ta từ trên nhà cao bất thần xuất hiện, ném lựu đạn và bắn súng xuống kết hợp với giật bom diệt xe tăng và bộ binh địch ở đầu phố Tràng Thi và trận đánh địch tiến từ Hàng Đậu lên cầu Long Biên: Phục kích diệt 2 xe bọc thép, 1 xe tăng, 1 xe Jeep và mấy chục tên địch. Kết quả mấy trận này đã sớm chứng minh hiệu quả của cách đánh mà Chỉ huy trưởng Vương Thừa Vũ gọi là "chiến thuật cài then cửa" - chặn địch ngay trên đường phố mà tiêu hao, tiêu diệt. Kết luận đầu tiên mà Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp rút ra từ trận Long Biên - Hàng Đậu là: Ngay giữa thành phố quân ta vẫn có thể tổ chức phục kích.

Sáng sớm hôm sau, trong khi Tổng Tham mưu trưởng xuống Pháo đài Láng thì Tổng Chỉ huy cùng phái viên Trung ương Trần Quốc Hoàn đến Sở Chỉ huy Mặt trận Hà Nội. Lúc này chiến sự đang diễn ra ác liệt ở Nhà hát Lớn, Bắc Bộ phủ và Nhà Bưu điện. Cùng Chỉ huy trưởng Vương Thừa Vũ đến Ô Chợ Dừa rồi đi dọc phố Khâm Thiên, quan sát một số vị trí địch ở đầu phố, nhất là khu nhà dầu Shell, nói chuyện với anh chị em tự vệ. Tổng Chỉ huy thấy yên tâm. ông nhắc nhở ông Vũ cho anh em củng cố thêm chiến lũy thành nhiều lớp và đào thêm hầm hào để rộng đường cơ động trong chiến đấu. Phải làm sao những kinh nghiệm chiến đấu tốt ở Tràng Thi, ở ngã ba Hồng Phúc sớm được phổ biến và vận dụng rộng rãi trên các khu phố khác, lấy thêm tin tức về

trận chiến đấu ở Bắc Bộ phủ và cần thông báo kịp thời gương chiến đấu của Lê Gia Định để động viên bộ đội và nhân dân.

Từ tình hình diễn biến chiến đấu đêm 19 và thực tế mặt trận Khâm Thiên, điều khiển Tổng Chỉ huy suy nghĩ trên đường về là sự chênh lệch về so sánh lực lượng, không những về trang bị kỹ thuật mà cả về quân số. Cả Mặt trận Hà Nội và Bộ Tổng chỉ huy đều không có một lực lượng dự bị nào trong tay. Hơn nữa phải làm sao cho Đặc khu Hà Nội có một hậu phương vững chắc hơn để chi viện kịp thời cho phía trước. Suy nghĩ đó chợt xuất hiện và không rời tâm trí ông Giáp. ông nghĩ ngay đến một phương án: Đề nghị với Thường vụ cho sáp nhập Mặt trận Hà Nội với Liên khu 2. Hà Đông và Sơn Tây sẽ trở thành hậu phương trực tiếp bổ sung cho Mặt trận Hà Nội và 8 tỉnh thuộc Chiến khu 2 sẽ là nguồn tăng viện sức người sức của cho mặt trận phía trước, bao gồm không chỉ Mặt trận Hà Nội mà về lâu dài, cả Hà Đông và Sơn Tây. Trước mắt, Tổng Chỉ huy quyết định điều ngay 2 tiểu đoàn của Khu 2 để tăng cường cho Hà Nội có lực lượng dự bị, đồng thời xây dựng gấp một trung đoàn dự bị của Bộ Tổng chỉ huy. Mỗi bộ chỉ huy khu cũng cần có trong tay một tiểu đoàn. Vậy là, với sự nhạy bén trước cục diện chiến trường, chỉ sau một ngày đêm chiến đấu, Tổng Chỉ huy đã phát hiện và tìm ra đáp số của bài toán do thực tế chiến trường đặt ra ở tầm vĩ mô: *Hậu phương của mặt trận và lực lượng dự bị* của cả Tổng hành dinh và cho từng khu, trước hết là cho Mặt trận Hà Nội.

Tối ngày 20, ông Giáp cùng ông Trường Chinh nghe ông Hoàng Văn Thái báo cáo tình hình chiến sự Hà Nội và chiến trường cả nước sau một ngày đầu của cuộc tổng giao chiến. Hầu hết các thành phố và thị xã (Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Nam Định, Vinh, Huế) đều kịp thời nổ súng trong đêm nhưng so với Hà Nội, các chiến trường đều chậm (phổ biến là nổ súng sau nửa đêm 19) nên ở một số nơi địch đã kịp thời báo động, chuẩn bị đối phó. Tại Vinh, do lực lượng mỏng lại bị cô lập nên đơn vị địch ở đây đầu hàng ngay trong đêm 19. Trên trục đường số 5, sáng ngày 20 địch dồn sức đánh chiếm các cầu Lai Vu và Phú Lương nhằm khai thông đường tiếp tế cho Hà Nội. Cuộc tiến công của lực lượng vũ trang thành phố Huế nổ ra chậm hơn 6 giờ so với quy định nên địch đã kịp thời chống trả, nhất là tại các vị trí cầu ga, cầu Tràng Tiền và cầu An Cựu. Cuộc chiến đấu ở thành phố Nam Định diễn ra ác liệt ngay từ đầu ở khu vực trại Carô, Nhà máy tơ và Nhà máy dệt. Riêng tại Đà Nẵng, do thiếu sót về tổ chức thông tin chỉ huy nên bộ đội nhận lệnh chậm, chuẩn bị chiến đấu không kịp. Năm giờ sáng ngày 20, địch tiến công trước, quân ta ở vào thế bị động, có nguy cơ sớm bị đẩy ra khỏi thành phố. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, các đội tự vệ thành cùng các đội cảm tử kịp thời phối hợp với Hà Nội, tiến công địch ngay trong ngày 20. Do bị đánh đồng loạt nên quân địch trong nội thành bị bất ngờ, có nơi rối loạn. Nhìn chung trong cả nước thắng lợi bước đầu của quân ta là đã nổ súng gần như đồng loạt trong đêm, địch buộc phải đối phó nhiều nơi cùng một lúc, lực lượng do đó càng thiếu hụt. Nếu các chiến trường, nhất là trong Nam, tiếp tục hoạt động đều thì khả năng tăng viện của địch cho mặt trận chính Hà Nội sẽ rất hạn chế.

Đánh giá một ngày đêm chiến đấu vừa qua ở Thủ đô, các ông nhận thấy tinh thần chiến đấu của quân ta rất cao, ngay trong ngày đầu đã xuất hiện những gương chiến đấu vô cùng anh dũng, tiêu biểu là chính trị viên Lê Gia Định trong trận chiến đấu bảo vệ Bắc Bộ phủ, chiến sĩ Trịnh Sĩ Bình trong trận đánh ở Nhà hát Lớn. Do giành được chủ động tiến công trước, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch cùng một số xe tăng, xe bọc thép, nhưng thương vong của ta còn cao (40 chiến sĩ hy sinh). Khó khăn nổi lên lúc này là vũ khí đánh xe tăng, cơ giới. Ta cũng chưa đủ sức tiến công những nơi binh lực địch tập trung như Trường Bưởi, khu vực Đồn Thủy, chưa thực hiện được chủ trương phá cầu Long Biên (vì thiếu thuốc nổ) và tập kích sân bay Gia Lâm (vì chuẩn bị không kịp). Về phía địch, ngoài hai trận đánh thăm dò ra phía Quần Ngựa và

Ngọc Hà, chúng chưa đủ sức tiến ra các cửa ô. Rõ ràng là quân Pháp không thể nhanh chóng làm chủ thành phố trong thời gian ngắn theo ý đồ đảo chính hoặc đánh úp của chúng. Về cách đánh, các ông lưu ý trận bộ đội ta đánh địch tiến quân ra phía Ngọc Hà. Anh em đã thu hút địch ở phía trước rồi bất thần đánh tạt sườn, khiến địch bị bất ngờ, đội hình tiến công trở nên rối loạn và bị thương vong, buộc phải rút chạy về thành. Đây là một trận đánh thông minh, cần rút kinh nghiệm cho các khu phố khác.

Tổng Chỉ huy đem dự kiến về việc sáp nhập Khu 11 với Chiến khu 2 trao đổi với Tổng Bí thư và được ông Trường Chinh nhất trí tán thành. Vấn đề sẽ sớm được đưa ra trao đổi trong Thường vụ.

Ngày 25-12, sau gần một tuần chiến đấu, Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Khu 11 Nguyễn Văn Trân cùng Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội được triệu tập vào Vạn Phúc. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình chiến đấu vừa qua, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp công bố quyết định về tổ chức chỉ huy mặt trận trong tình hình mới: Sáp nhập Khu 11 vào Chiến khu 2. Chiến khu 2 vẫn do các ông Hoàng Sâm và Lê Hiến Mai làm Chỉ huy trưởng và Chính ủy, nay thêm hai ông Vương Thừa Vũ và Trần Độ làm Chỉ huy phó và Phó Chính ủy nhưng vẫn kiêm Chỉ huy trưởng và Chính ủy Mặt trận Hà Nội. Từ nay, Mặt trận Hà Nội trở thành tiền phương của Chiến khu 2, có một hậu phương rộng rãi, một lực lượng hùng hậu có thể luân phiên tham gia chiến đấu, đồng thời làm lực lượng dự bị cơ động, tạo cho bộ đội bảo vệ Thủ đô mạnh thêm cả thế và lực, do đó cũng tăng thêm khả năng chiến đấu vây hãm địch dài ngày. Sau này nhớ lại, ông Vũ khẳng định đây là một quyết định sáng suốt. Chẳng thế mà khi nghe Tổng Tham mưu trưởng hỏi: Tổ chức lại như thế, Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội thấy thế nào, cả hai anh Vũ và Độ đều đồng thanh trả lời:

- Phấn khởi lắm. Chúng tôi xin biểu quyết cả hai tay.

Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp lưu ý Bộ Chỉ huy Hà Nội về tình hình sắp tới. Có tin Chính phủ Pháp cử cả Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại Mutê và Tướng Locle sang kinh lý Đông Dương hòng đối phó với tình hình. Có nhiều khả năng Pari sẽ đưa viện binh sang. Khi có viện binh, chắc chắn địch sẽ mở những cuộc tiến công lớn ra ngoại ô. Phải chuẩn bị kế hoạch và lực lượng khi mặt trận mở rộng. Phải tiêu hao thật nhiều địch, ngăn chặn có hiệu quả quân địch hành quân ra ngoại ô, nhưng luôn nhớ phải bảo toàn lực lượng để chiến đấu lâu dài.

Đến trung tuần tháng 1-1947 quân ta đã kìm chân địch trong thành phố hơn ba tuần, vượt xa cái mốc nửa tháng dự kiến ban đầu. Để kịp thời rút kinh nghiệm đợt chiến đấu vừa qua và chỉ đạo các chiến trường sẵn sàng bước vào đợt tiếp theo của cuộc tổng giao chiến, Bộ Tổng Chỉ huy triệu tập Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất[1]. Tham dự hội nghị gồm cấp chỉ huy các chiến khu từ Khu 4 trở ra và cán bộ chủ chốt của Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy. Tổng Bí thư Trường Chinh đã đến dự và thuyết trình với hội nghị về đường lối kháng chiến của Đảng.

Trong báo cáo đọc tại hội nghị, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp phân tích: Nhờ chủ trương chiến lược chủ động đánh trước nên ta đã tiêu hao được một bộ phận lực lượng địch ở Bắc Ninh, Bắc Giang, cầu Đuống, Hải Dương, Nam Định và đặc biệt là ở Hà Nội, đã giữ vững được trận địa và uy hiếp địch trong một thời gian trên khắp các mặt trận, làm thất bại âm mưu chiến lược đánh úp của địch và bảo tồn được lực lượng của ta. Tuy nhiên, đợt chiến đấu vừa qua, trừ Hà Nội và Nam Định, kết quả chiến đấu ở nhiều nơi khác hạn chế, không thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ. Câu hỏi đặt ra là vì sao? Vì địch đã chuẩn bị từ trước và nhiều nơi chúng đã kịp thời bố trí để chịu đựng được cuộc tiến công của ta. Ngoài Vinh ra, hầu hết mọi nơi chúng đã giữ được nguyên vẹn vị trí và chủ lực của chúng chỉ bị tiêu diệt một phần nào. Về phía ta, do chưa có kinh nghiệm nên

phạm những thiếu sót về kế hoạch (không tỉ mỉ), về hướng dẫn cán bộ quán triệt kế hoạch, về chuẩn bị bộ đội và về chỉ huy (trinh sát, tình báo, phối hợp tác chiến, đặc biệt là giao thông liên lạc - Bắc Ninh, Bắc Giang, cầu Đuống gần Bộ Tổng chỉ huy mà nhận lệnh chiến đấu quá chậm). Tổng chỉ huy nhận định: Sau một thời gian bị động đối phó và chờ viện binh, sắp tới địch sẽ chuyển sang phản công và tiến công ta, tạo điều kiện để thực hiện chính sách thực dân phản động của chúng. Miền Bắc cũng sẽ hình thành hai vùng địch tạm chiếm và vùng căn cứ. Trước âm mưu chiến lược mới của địch, ta kiên quyết giữ quyền chủ động theo phương châm chiến lược sau đây:

1- Tránh mũi dùi chủ lực của địch để bảo toàn lực lượng và duy trì sức chiến đấu của bộ đội;

2- Phát động chiến tranh du kích, ngăn chặn không để địch tiến quân mau lẹ mở rộng phạm vi chiếm đóng của chúng;

3- Tập trung lực lượng tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận lực lượng địch, bồi bổ và động viên lực lượng ta, duy trì cuộc kháng chiến lâu dài cho đến thắng lợi cuối cùng.

Hội nghị dành nhiều thời gian thảo luận các biện pháp khắc phục những yếu kém vừa qua về tổ chức, chỉ huy, quản lý bộ đội trong thời chiến. Đối với các thành viên tham dự hội nghị, đây là những vấn đề rất mới mẻ do cuộc chiến đấu đặt ra, cả về xây dựng củng cố bộ đội và dân quân, về công tác cán bộ, huấn luyện, công tác chính trị, về tổ chức chỉ huy (nhất là về tình báo, liên lạc, báo cáo), về các mặt quản lý bộ đội, các hoạt động quan hệ đến chiến đấu (công tác phá hoại, tiêu thổ, tiễu phỉ, trừ gian, chính sách tù binh, chiến lợi phẩm) và bảo vệ nhân dân, cùng địa phương hoàn chỉnh việc chuyển mọi hoạt động của đất nước sang thời chiến.

Xen kẽ giữa các buổi thảo luận là những buổi nghe Chỉ huy trưởng Vương Thừa Vũ giới thiệu kinh nghiệm chiến đấu và xây dựng lực lượng ngay trong chiến đấu của Mặt trận Hà Nội, nghe Cục trưởng Giao thông - Công binh Hoàng Đạo Thúy nói về xây dựng bộ đội công binh và tình hình công tác phá hoại quanh vùng ngoại ô thành phố. Hội nghị hết sức xúc động khi Cục trưởng Quân giới Trần Đại Nghĩa nói lên tâm tư của ông khi nghĩ đến các chiến sĩ cảm tử hy sinh mỗi lần tiêu diệt xe tăng địch bằng bom ba càng. Không khí hội trường sôi nổi hẳn lên khi ông Nghĩa nói về triển vọng sản xuất badôka và "hứa với anh Giáp, anh Bửu và các vị chỉ huy, chúng tôi quyết hoàn chỉnh viên đạn badôka đầu tiên và trong vòng một tháng nữa có thể sản xuất hàng loạt"[2]. Cả hội trường vỗ tay nhiệt liệt khi Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đứng lên bắt tay và ôm hôn Cục trưởng Trần Đại Nghĩa.

Khi ông Vương Thừa Vũ nói đến việc thành lập Trung đoàn Liên khu 1, ông Võ Nguyên Giáp, nhân danh Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy tặng Trung đoàn Liên khu 1 danh hiệu *Trung đoàn Thủ đô*. Ông nói: Đặt tên cho trung đoàn vừa ra đời ngày 6-1-1947 ở Liên khu 1 Hà Nội, không có tên nào xứng đáng hơn là Trung đoàn Thủ đô.

Trải qua thực tế gần một tháng chiến đấu, hội nghị nhận thấy về tổ chức chỉ huy, công tác tình báo nắm địch và thông tin liên lạc đã sớm bộc lộ những yếu kém, không đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy. Nhưng do tình hình khẩn trương, không có điều kiện bàn sâu, nên hội nghị nhất trí với ý kiến của đồng chí Tổng Chỉ huy, giao cho Bộ Tổng tham mưu sớm tổ chức hội nghị chuyên ngành nhằm rút kinh nghiệm và chấn chỉnh cả về tư tưởng, tổ chức, nghiệp vụ tình báo và thông tin trước yêu cầu của tình hình mới.

Chỉ qua năm ngày hội nghị, Bộ Tổng chỉ huy đã chỉ đạo cơ quan tham mưu Tổng hành dinh hoàn thành một khối lượng công việc của một lớp tập huấn ngắn ngày, đó là phổ biến những kinh nghiệm chiến đấu đầu tiên, uốn nắn những thiếu sót và yếu kém trong thực tế tổ chức chỉ đạo, chỉ huy chiến đấu và quản lý bộ đội của các mặt trận, dự kiến tình hình sắp tới và hướng dẫn những công việc trước mắt cần triển khai nhằm ứng phó với âm mưu và hành động sắp tới của địch. Rõ ràng là, ngay từ những ngày đầu kháng chiến, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã thể hiện một phong cách cầm quân rất riêng, đó là bồi dưỡng cán bộ cấp dưới, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách về kiến thức chỉ đạo, chỉ huy giữa cấp Tổng hành dinh với cán bộ chỉ huy các mặt trận - những người chỉ vài năm trước đây còn là những cán bộ tiểu đội, trung đội, chưa được qua trường lớp quân sự chính quy, nên dù rất kiên định về chính trị, tư tưởng nhưng còn hạn chế về nhãn quan chiến lược, về trình độ cầm quân trước trọng trách điều hành một chiến trường rộng lớn gồm nhiều tỉnh.

Năm ngày hội nghị là một khoảng thời gian dài giữa lúc cuộc chiến đấu đang diễn ra khẩn trương đòi hỏi sự có mặt của người lãnh đạo, chỉ huy. Ra về mọi người đều thấy, kể từ hội nghị các khu trưởng ngày 13-12-1946, mới trải qua gần một tháng chiến đấu và mấy ngày họp rút kinh nghiệm, thực tế đã giúp cho từng người lớn lên, sẵn sàng đối mặt với bao thử thách mới đang chờ ở phía trước.

Sau này Chính ủy Lê Trung Toản kể rằng tin Trung đoàn Liên khu 1 được nhận danh hiệu Trung đoàn Thủ đô lan nhanh ra hậu phương và nhiều vùng đang kháng chiến trong cả nước. Nhiều đoàn thể, nhân dân địa phương và đơn vị gửi thư vào Liên khu 1 chào mừng và cổ vũ các chiến sĩ Thủ đô. Ngày 17-1-1947, Trung đoàn nhận được lá cờ thêu hai chữ *Quyết tử* của Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ gửi tặng. Tiếp đó là lá cờ của Hội Phụ nữ cứu quốc tỉnh Hải Dương, với bốn chữ vàng *Tổ quốc nhớ ơn.* Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp cũng gửi cho chiến sĩ Thủ đô một bức thư ngắn, trong đó ông viết: "Tôi báo cho anh chị em biết rằng nhân dân toàn quốc đang nô nức với cuộc chiến đấu anh dũng của anh chị em. Tấm gương anh chị em cần giữ cho sáng, nêu cho cao, sáng hơn nữa, cao hơn nữa trong lịch sử nước Việt Nam".

Vào những ngày giáp Tết Đinh Hợi, hai phái viên Trung ương là Trần Quốc Hoàn và Lê Quang Đạo vượt qua khó khăn nguy hiểm vào nắm tình hình chiến đấu của Liên khu 1 Hà Nội. Các ông thật xúc động được chứng kiến cái Tết chiến đấu của các chiến sĩ Thủ đô. Đêm 30 Tết các chiến sĩ phân công nhau, người đi chiến đấu lập công, người chuẩn bị đón giao thừa. Tiếng súng, tiếng mìn, lựu đạn xen lẫn tiếng pháo đón Xuân[3]. Hầu hết anh chị em lần đầu tiên đón Tết thiếu vắng người thân trong gia đình nhưng lại ấm tình đồng đội. Bức thư chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh do hai phái viên Chính phủ mang vào đối với anh chị em là một món quà Tết đặc biệt, vô giá. Sáng mồng một Tết, các tổ chiến đấu đều lập bàn thờ Tổ quốc, treo quốc kỳ, ảnh Bác Hồ, có nến, hương trầm, bánh kẹo, cành đào... Đúng giao thừa, các chiến sĩ đứng trang nghiêm trước bàn thờ, hát quốc ca, làm lễ chào cờ rồi quây quần nghe thư chúc Tết của Bác. Ai cũng xúc động khi nghe Bác viết: "Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em cho nên cũng không ai nỡ ăn Tết". Tiếp đến là một niềm tự hào khi được Bác biểu dương khen ngợi:

"Các em là đội quyết tử. Các em quyết tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại"[4].

ý tưởng cao đẹp và tình thương yêu của Bác đã trở thành nguồn sáng tác của các chiến sĩ - nghệ sĩ Thủ đô. Trịnh Bình Báu làm bài thơ*Thủ đô huyết thệ,* đăng trên báo *Chiến thắng* của Liên khu 1. Bài thơ mở đầu bằng hai câu dựa theo lời Bác:

Đoàn Thủ đô thề xung phong quyết tử

Nguyện xả mình cho Tổ quốc quyết sinh

Bài thơ được nhạc sĩ Lương Ngọc Trác phổ nhạc và từ đó trở thành bài hát truyền thống của Trung đoàn.

Qua báo cáo của hai ông Trần Quốc Hoàn và Lê Quang Đạo về tình hình bộ đội trong nội thành, Cụ Hồ, Thường vụ Trung ương và Quân ủy yên tâm về tinh thần chiến đấu của các lực lượng đang hằng ngày đối mặt với quân địch trên đường phố Thủ đô. Trải qua hơn một tháng vừa đánh vừa từng bước rút kinh nghiệm, lúc này bộ đội đang phát huy hiệu quả chiến đấu của những đơn vị nhỏ rất cơ động, khi ẩn khi hiện, chủ động tìm địch mà đánh bằng những đòn bất ngờ, vừa tiêu hao được địch, vừa bảo tồn được lực lượng ta. Anh em đã sáng tạo ra cái mà ngay hồi đó ông Lê Quang Đạo đã "tạm gọi" là chiến thuật du kích trong thành phố, một cách đánh phù hợp với điều kiện thực tế cụ thể về địch và ta ở Hà Nội. Với tinh thần vững vàng, tự tin và với cách đánh rất có hiệu quả như vừa qua, nếu được tiếp tế đầy đủ cả về lương thực và đạn dược, anh em có thể tiếp tục bám trụ chiến đấu vượt xa thời gian dự kiến ban đầu.

Hai ông cũng báo cáo với Trung ương về những khó khăn của bộ đội trong Liên khu 1. Sau khi đánh thông đường số 5 và được tăng viện từ Hải Phòng lên, quân địch hình thành một hệ thống vị trí bao vây áp sát Liên khu 1. Nhưng khó khăn của Trung đoàn Thủ đô những ngày sau Tết không chỉ do địch tăng cường binh lực gây nên. Khó khăn chủ yếu của anh em là về hậu cần. Ngày 15-1, nhân dịp ta và Pháp thỏa thuận ngừng bắn để cho một số Hoa kiều và ấn kiều rút ra ngoài, Trung đoàn đã thu xếp cho đồng bào ta và một số anh chị em chiến sĩ, nhất là thương binh, rời Liên khu 1 ra vùng tự do. Rất nhiều chiến sĩ đã tìm mọi cách ở lại, nên quân số sau ngày 15 không phải là 500 như quy định của Bộ Tổng chỉ huy mà là 800 người[5]. Do đó những khó khăn về tiếp tế hầu như không giảm. Trên con đường tiếp tế duy nhất từ ngoài vào, tiểu đội nữ giao thông Lãng Bạc có đêm phải đổ máu để đưa vào được một lượng rau xanh chỉ đủ cung cấp cho thương binh. Quản lý Trung đoàn Bùi Nguyên Cát đã động viên và cùng anh chị em tìm mọi cách để tự cải thiện sinh hoạt nhưng điều kiện ngày càng khó khăn khi mà không gian chiến đấu dần dần bị thu hẹp chỉ trong vòng 1 km^2. Có nơi như ở Hàng Gai, vị trí địch chỉ cách ta một chiều ngang con đường. Sau khi nghiên cứu tình hình cụ thể, căn cứ vào tinh thần và hiệu quả chiến đấu của bộ đội, khả năng giải quyết vấn đề tiếp tế và cải thiện sinh hoạt của anh em, Tổng Chỉ huy có cơ sở để đề nghị và được Cụ Hồ đồng ý cho bộ đội kéo dài thời gian ở lại đánh địch khi còn có điều kiện bám trụ.

Từ tuần đầu tháng 2-1947, quân Pháp tổ chức những trận tiến công lớn vào Liên khu 1, bắt đầu bằng các trận đánh vào nhà Xôva ngày 6 và Trường Ke ngày 7-2[6]. Hai vị trí này giáp bờ sông Hồng, nếu bị địch chiếm, ta sẽ mất con đường duy nhất nối Liên khu 1 với bên ngoài, nên Mặt trận đã được chỉ thị của Bộ Tổng chỉ huy là phải bảo vệ bằng mọi giá. Sau nhiều đợt xung phong, cuộc tiến công của địch bị chặn lại, ta giữ vững vị trí, con đường liên lạc phía đông bắc thành phố được bảo vệ. Quân Pháp chuyển vào tiến công nhiều mục tiêu ở khu phố cổ, phía tây nam Liên khu 1: từ Bát Đàn đánh xuống, từ Hàng Quạt đánh lên Hàng Thiếc. Địch ném bom phá sập nhiều nhà cửa và đổ xăng đốt cháy từng dãy phố. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt trong từng căn nhà, đoạn đường, góc phố. Sau thất bại của các cuộc tiến công trên các hướng đông và tây nam, từ ngày 11 địch chuyển hướng lên phía bắc, đánh vào khu chợ Đồng Xuân. Trải qua 4 ngày, sau nhiều đợt tiến công quyết liệt, ngày 14 địch mới chiếm được chợ nhưng bị ta phản kích

chiếm lại dãy số chẵn phố Hàng Chiếu. Đây là trận đánh kéo dài và ác liệt nhất kể từ khi địch tập trung tiến công vào Liên khu 1 sau khi có viện binh.

Nếu hai lần trước (trung tuần tháng 1 và ngay sau Tết Nguyên đán), Tổng Chỉ huy đồng ý với đề nghị của Bộ Chỉ huy Mặt trận cho Trung đoàn Thủ đô tiếp tục bám trụ một thời gian nữa, thì bây giờ, sau trận ngày 14-2 ở khu vực Đồng Xuân, Quân ủy họp và nhất trí đề nghị với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ cho Trung đoàn lui quân ra khỏi thành phố. Nhận thấy anh em đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu kìm chân địch dài ngày, Cụ Hồ và Tổng Bí thư Trường Chinh đồng ý cho Trung đoàn rút ra ngoài. Ngay đêm 14, Mặt trận chuyển lệnh của Tổng Chỉ huy cho Trung đoàn lui quân đêm 17-2-1947, kèm theo lời động viên: "Trung đoàn rời Liên khu 1 được an toàn là một thắng lợi lớn. Chúc các đồng chí thành công". Ông chỉ thị cho Tổng Tham mưu trưởng cùng Uỷ ban kháng chiến và Bộ Chỉ huy Mặt trận kiểm tra kế hoạch huy động thuyền của đồng bào đến đón ở Tàm Xá, tổ chức thật chu đáo việc vượt sông Hồng, đưa bộ đội đến bến Long Tựu thuộc huyện Đông Anh. Ông Thái thống nhất với Bộ Chỉ huy Mặt trận thực hiện kế hoạch lui quân được ông Vũ đặt cho cái tên là cường công mật rút. Cụ thể là lệnh cho các Liên khu 2 và 3 đưa lực lượng vào các hướng Ô Cầu Dền, Cầu Giấy, Hàng Bột, Kim Mã và các tổ luồn sâu vào các khu phố nội thành đồng loạt đánh địch rộng khắp từ ngày 15, nhất là suốt đêm 16 và sáng ngày 17, buộc địch phải căng kéo lực lượng ra đối phó, tạo thế sơ hở cho Trung đoàn bí mật rời Liên khu 1 được an toàn.

Cả ngày 17, Tổng Chỉ huy theo dõi sát tình hình Liên khu 1, trong lòng hồi hộp không kém gì khi theo dõi giờ bắt đầu nổ súng cách đây gần hai tháng. Sáng ngày 18, Bộ Tổng chỉ huy nhận được bức điện thứ hai của Mặt trận báo cáo đơn vị cuối cùng của Tiểu đoàn 103 đã qua sông. Buổi trưa, Tổng Tham mưu trưởng tổng hợp tình hình và báo cáo cụ thể: Cuộc lui quân của toàn Trung đoàn Thủ đô đã thành công trọn vẹn, bộ đội đã qua sông an toàn. Tổng Chỉ huy gửi ngay một bức thư biểu dương Trung đoàn. Thư viết:

"Các cấp chỉ huy,

Các chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô,

Tôi thay mặt toàn thể Quân đội quốc gia Việt Nam hoan nghênh tinh thần anh dũng của các chiến sĩ.

Các chiến sĩ đã chiến đấu hai tháng ròng rã để giữ vững ngọn cờ nước Việt giữa Thủ đô Hà Nội. Các chiến sĩ đã nêu cao tinh thần oanh liệt của dân Việt và thanh danh rực rỡ của Quân đội quốc gia Việt Nam.

Các chiến sĩ lại mở được con đường máu vượt qua vòng vây quân địch để thực hiện chỉ thị bảo tồn chủ lực. Các chiến sĩ sẽ tiếp tục chiến đấu cho Tổ quốc Việt Nam. Chúng ta sẽ chiến đấu 10 năm hay lâu hơn nữa nếu cần.

Cho đến ngày Tổ quốc độc lập, thống nhất.

Cho đến ngày Hà Nội được là Thủ đô một nước độc lập, thống nhất.

Ta thề Thủ đô sẽ chiến thắng quân thù!

Muôn năm, tinh thần oanh liệt của Thủ đô!

Muôn năm, tinh thần trung dũng của Trung đoàn Thủ đô!".

Ngày 20[7], Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp cùng các ông Trần Quốc Hoàn, Hoàng Văn Thái, Vương Thừa Vũ đến thăm Trung đoàn khi đó đã chuyển đến làng Thượng Hội, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông. Tới nơi thì đại biểu Đảng, Chính quyền và Mặt trận địa phương đã có mặt cùng cán bộ đơn vị đứng đón ở cổng làng. Chỉ huy trưởng Vương Thừa Vũ lần lượt giới thiệu với Tổng Chỉ huy và các đại biểu cán bộ chỉ huy trung đoàn, tiểu đoàn: Lê Trung Toản, Hoàng Siêu Hải, Hoàng Phương, Vũ Lăng, Vũ Yên, Đỗ Tần, Bùi Nguyên Cát, Hoàng Đức Nghi... và một nữ đồng chí bí thư chi bộ đồng thời là nữ chính trị viên tiểu đoàn, chị Tuyết Minh. Có người ông Giáp đã gặp trong những lần đi trinh sát thực địa, cũng có người ông gặp lần đầu. Khi Tổng Chỉ huy cùng mọi người vào làng thì bộ đội đã tập trung ở đình. Tiếng vỗ tay vang dội khi ông cùng các đại biểu tiến đến trước đội danh dự.

Sau này, trong hồi ức ông Giáp viết: "Chưa bao giờ tôi gặp một đoàn quân nhiều màu sắc phong phú đến như vậy. Đủ mọi lứa tuổi, từ em nhỏ nhi đồng đến những người tóc đã hoa râm. Khá đông các chị. Quần áo đủ kiểu. Hàng quân danh dự hiên ngang với đồng phục kaki, mũ calô gắn phù hiệu nền đỏ sao vàng, khăn quàng đỏ *quyết tử quân* và súng tiểu liên. Số đông bộ đội mặc quần áo dân thường: Những bộ quần áo xanh công nhân, áo véttông, áo bludông, mũ cát, mũ phớt; những đôi giầy dân sự màu đen, màu nâu. Lác đác màu áo lá cây của chiến sĩ Vệ quốc đoàn. Chỉ giống nhau là mỗi người đều mang vũ khí, thắt túi đạn hoặc lựu đạn ngang lưng. Những bộ mặt được khói lửa chiến trường tôi rắn lại vẫn chưa mất đi những nét tài hoa, son trẻ của lớp thanh niên, học sinh Thủ đô".

Ban Chỉ huy Trung đoàn giới thiệu với Tổng Chỉ huy em Trương Công Lũy, 7 tuổi, đã có thành tích diệt 3 lính lê dương bằng lựu đạn; nhà nhiếp ảnh Tiến Lợi, nguyên là chủ hiệu ảnh Bella Photo; nhạc sĩ Lương Ngọc Trác với chiếc phong cầm trước ngực. Trung đoàn báo cáo tin tức mới nhận được về chiến công của Tiểu đội du kích Hồng Hà, do Nguyễn Ngọc Nại chỉ huy. Suốt hai tháng qua, tiểu đội đã giữ vững đường dây liên lạc giữa Trung đoàn với Bộ Chỉ huy Mặt trận. Khi Trung đoàn lui quân, chính Nguyễn Ngọc Nại đã cùng tiểu đội của mình dẫn các chiến sĩ Trung đoàn lách qua các vị trí địch, đưa hơn một ngàn người thoát khỏi vòng vây. Sau khi đón xong bộ phận bảo vệ và phá hoại ra sau cùng, toàn tiểu đội đã dàn đội hình trên bãi dâu, nổ súng thu hút và anh dũng chặn địch bảo đảm cho Trung đoàn vượt sông an toàn. Tám trong số mười chiến sĩ đã anh dũng hy sinh, trong đó có Nguyễn Ngọc Nại, người đảng viên cộng sản 18 tuổi.

Bắt đầu cuộc nói chuyện với anh chị em, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chuyển lời khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuần trước, khi phê duyệt quyết định cho Trung đoàn lui quân, Cụ nói: "Các chú giam chân địch một tháng là thắng lợi. Đến nay, giữ Hà Nội được hai tháng là đại thắng lợi". Sau khi tuyên dương công trạng Trung đoàn đã anh dũng chiến đấu tiêu hao và kìm chân quân địch dài ngày trong những điều kiện hết sức khó khăn, Tổng Chỉ huy khẳng định cuộc rút lui thần kỳ của Trung đoàn vượt qua vòng vây dày đặc của địch là thêm một chiến công của dân tộc trên dòng Nhị Hà, là một mẫu mực của lòng dũng cảm, khả năng tổ chức và tinh thần kỷ luật, với sự phối hợp và đùm bọc của nhân dân các xã ven sông Hồng. Ông trao tặng lá cờ thêu bốn chữ vàng *Trung đoàn Thủ đô* và nói: "Hôm nay, tôi thay mặt Chính phủ, chính thức trao tặng danh hiệu *Trung đoàn Thủ đô* cho các đồng chí. Thay mặt Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy và Quân đội quốc gia, tôi tặng các đồng chí lá cờ thêu tên *Trung đoàn Thủ đô* để nêu cao tấm gương anh dũng của các đồng chí và để đánh dấu ngày vui hôm nay. Thăng Long - Trần Hưng Đạo, Đông Đô - Lê Lợi, Hà Nội - Hồ Chí Minh. Thủ đô ta đã từng chiến thắng và luôn luôn chiến thắng. Các đồng chí hãy phát huy truyền thống quật cường của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, xây dựng *Trung đoàn Thủ đô* lớn mạnh, đánh đâu được đấy, để ngày mai trở về giải phóng Thủ đô. Chúng ta thề Thủ đô sẽ chiến thắng quân thù".

Niềm vui và tự hào của anh chị em dường như được nhân lên khi Tổng Chỉ huy giải thích thêm vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi hai tháng chiến đấu vừa qua là "đại thắng lợi". Dự kiến ban đầu của Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy là cuộc chiến đấu trong nội thành của anh chị em có thể chỉ kéo dài chừng một tuần hay mươi ngày. Tổng Chỉ huy đã báo cáo Bác Hồ như vậy. Nhưng rồi bám sát tình hình, nhận thấy bằng tinh thần dũng cảm và cách đánh mưu trí sáng tạo, Trung đoàn có thể bám trụ được lâu hơn, Bác Hồ đồng ý cho phép kéo dài thời gian chiến đấu và cuối cùng anh chị em đã bám trụ một thời gian dài gấp bốn lần dự kiến ban đầu. Toàn Trung đoàn đã xứng đáng với lời động viên trong thư chúc Tết của Bác: Các em quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.

Đêm đó, một đêm mừng công của bộ đội Mặt trận Hà Nội, Tổng Chỉ huy cùng vui chung với các chiến sĩ thân yêu của mình. Mọi người say sưa cất cao giọng đồng thanh hát bài ca của một chiến sĩ vừa sáng tác, trong đó có câu:

Rồi ngày mai sẽ quay về đây

Sông Hồng reo sóng, đón mừng đoàn quân quay về.

Sau này, như mọi người đều biết, cái *ngày mai* ấy là ngày 10-10-1954, ngày *Trung đoàn Thủ đô* trong đội hình của Đại đoàn Quân Tiên Phong, vừa trải qua cuộc trường chinh gần 8 năm mới trở lại mảnh đất Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội giữa tiếng hoan hô của năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về.

Hôm sau, trên đường từ Thượng Hội trở về Hà Đông, Tổng Chỉ huy nói những điều suy nghĩ của mình với các ông Trần Quốc Hoàn, Hoàng Văn Thái, Vương Thừa Vũ. Sáu mươi ngày đêm vừa qua là một cuộc đọ sức quyết liệt giữa ta và địch trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc. Kế thừa kinh nghiệm sốt dẻo của Hải Phòng, được sự phối hợp hoạt động của các chiến trường trong cả nước, được sự động viên theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ kịp thời của Bộ Chỉ huy Đặc khu Hà Nội, của Thường vụ và Bác Hồ, bộ đội Hà Nội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao và kìm chân quân địch trong nội thành. Từ thực tế chiến đấu đó, có thể tự hào rằng trong lịch sử quân sự thế giới thật hiếm thấy một đội quân non trẻ như Trung đoàn Thủ đô mà có thể đương đầu quyết liệt trong thành phố suốt hai tháng trong điều kiện không cân sức với một đội quân xâm lược chính quy nhà nghề được trang bị mạnh trong một không gian chật hẹp như Liên khu 1. Điều đặc biệt hiếm thấy nữa là trước giờ nổ súng, ta và địch ở vào thế xen kẽ cài răng lược đến triệt để ở từng khu phố, từng mục tiêu.

Mỗi người một ý, các ông nói lên suy nghĩ của mình về nguyên nhân dẫn đến kết quả chiến đấu vừa qua. Theo tinh thần Hội nghị quân sự tháng 10-1946, ta chủ động chuẩn bị, chủ động đánh trước, nếu không (như Xanhtơny đã răn đe) ngày 20 sẽ là ngày "quân Pháp có quyền hành động". Nếu để chúng đánh trước, tình thế sẽ khó khăn hơn nhiều, một "sự kiện Hải Phòng" lại tái diễn ở Thủ đô. Địch có thể xuyên tạc về việc ta đánh trước, nhưng dư luận tiến bộ ắt thấy rõ sự cố gắng không mệt mỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến phút cuối cùng, với hy vọng gạn chắt những khả năng hoà hoãn nhỏ nhất để cứu vãn tình thế. Dư luận tiến bộ ắt thấy đây là một cuộc chiến đấu tự vệ, một bước đi ban đầu của toàn bộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của ta.

Ta đã chọn cách đánh đúng, không bị động phòng ngự mà chủ động tiến công, tiến công suốt 60 ngày đêm, dù chỉ một người, một tổ cũng tiến công với một tinh thần dũng cảm, một trí thông minh, sáng tạo, một tác phong linh hoạt biến hoá, nên đã tiêu hao được địch và bảo vệ được mình. Về học thuật, các ông thấy cần nghiên cứu thêm và rút ra kết luận, nên chăng có thể gọi đây là chiến tranh du kích trong thành phố, hay nói rộng hơn, là quần chúng chiến tranh trong

thành phố. Trước khi tổ chức đưa đồng bào ra ngoài, mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi đều tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, từ cụ già đến cả các chị em buôn phấn bán hoa ở Khâm Thiên, Ngã Tư Sở. Sự có mặt của các nghệ sĩ nhiếp ảnh, nhạc sĩ... đặc biệt là các nữ chiến sĩ và rất nhiều thiếu niên trong hàng ngũ những người tập kết ở Thượng Hội là một bức tranh sinh động về cuộc chiến đấu mang tính quần chúng rộng rãi.

Hai ông Hoàng Văn Thái và Vương Thừa Vũ nhận chỉ thị của Tổng Chỉ huy cho cơ quan tác chiến Bộ Tổng tham mưu cùng Ban Chỉ huy Trung đoàn sơ kết đợt chiến đấu vừa qua. 60 ngày đêm ấy cho chúng ta biết bao kinh nghiệm quý báu có thể vận dụng trong điều kiện mới.

16- Trên đường thiên đô

Từ ngày bắt đầu kháng chiến toàn quốc, một trong những vấn đề quan tâm của Bộ Tổng chỉ huy là bảo đảm an toàn cho hoạt động của các cơ quan Chính phủ, đặc biệt là hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh quanh vùng tây nam và tây bắc thành phố Hà Nội. Bọn Pháp tung gián điệp theo dõi hướng đi và hoạt động của Chính phủ rất gắt gao và không ít trường hợp chúng đánh hơi thấy hướng di chuyển của cơ quan lãnh đạo kháng chiến.

Trong hoạt động chung của Chính phủ, điều phải quan tâm nhất là bảo đảm bí mật, an toàn mọi hoạt động của Cụ Hồ. Giữa tháng 2, tranh thủ thời cơ mặt trận còn chưa lan rộng, Cụ đi thăm nhiều nơi, kể cả những nơi khá xa, như Chi Nê, Ninh Bình, Thanh Hoá. Không ít lần cơ quan Tổng hành dinh lo lắng, như trường hợp Cụ vừa từ Thanh Hoá trở lại Chi Nê sáng ngày 21-2-1947 và đến nói chuyện với anh chị em công nhân và tự vệ nhà máy in giấy bạc của Bộ Tài chính, thì hôm sau có tin máy bay địch đến ném bom Chi Nê. Trước đó, ngày 24-12, Cụ chủ trì cuộc họp của Hội đồng Chính phủ ở thị xã Hà Đông, thì buổi chiều máy bay địch đến ném bom thị xã. Ngày 2-3, Hội đồng Chính phủ vừa họp trên địa bàn Chương Mỹ thì hôm sau, địch mở cuộc tiến công vào hướng Chúc Sơn - chùa Trầm. Ngay chiều hôm đó, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đến Viên Nội (Mỹ Đức) báo cáo tình hình chiến sự với Cụ Chủ tịch và đề nghị Cụ di chuyển ngay trong đêm lên hướng Sơn Tây. Ông Trần Đăng Ninh được Thường vụ giao nhiệm vụ đi cùng Chủ tịch.

Hoạt động của Chính phủ trong những tháng đầu kháng chiến rất khẩn trương, do yêu cầu lãnh đạo toàn dân chuyển từ thời bình sang thời chiến và yêu cầu chuyển dần từng bước cơ quan lãnh đạo kháng chiến và tài sản quốc gia lên căn cứ địa. Chừng nửa tháng Hội đồng Chính phủ lại họp và địa điểm các cuộc họp (các ngày 21-1, 2-2, 16-2 và 2-3-1947) thường diễn ra trên địa bàn các huyện Quốc Oai, Chương Mỹ, Thạch Thất, không quá xa nơi đang có chiến sự hoặc vẫn trong tầm xuất kích rất gần của máy bay địch. Phần lớn các cơ quan Chính phủ chỉ ra khỏi địa bàn Hà Đông và Sơn Tây khoảng thượng tuần tháng 3 và phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ tương đối xa Hà Nội (họp ở Chu Hoá, Lâm Thao, Phú Thọ) là vào trung tuần tháng 3. Lúc này rất nhiều của cải vật chất của các bộ, các ngành trên đường di chuyển lên căn cứ địa vẫn còn rải ra dọc đường, dọc sông thuộc các vùng trung du phía bắc Hà Nội. Bảo vệ việc di chuyển các cơ quan Chính phủ và các loại tài sản của kháng chiến trong bối cảnh mặt trận đang lan rộng là một yêu cầu quan trọng đối với quốc phòng, giữa lúc quân ta đang đứng trước một vấn đề nóng bỏng, đó là cách đánh.

Từ sau khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội, nhất là từ cuối tháng 2, một tình hình mới xuất hiện trên cục diện chiến trường, đó là hiện tượng vỡ mặt trận. Thực tế đó ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình di chuyển các cơ quan Chính phủ và cơ sở vật chất từ miền xuôi lên Việt Bắc. Và cũng không tránh khỏi những điều than phiền của các cơ quan nhà nước trước bối cảnh mặt trận

lan rộng, trong đó có Bộ Tài chính (được giao nhiệm vụ điều hành việc chuyển tiền bạc, nhà máy in bạc, gạo và muối lên căn cứ địa). Trong *Nhật ký của một bộ trưởng,* ngày 31-3-1947, ông Lê Văn Hiến viết: "Tình thế càng ngày càng gay, vì muốn bảo toàn chủ lực nên quốc phòng chủ trương rút và tránh những mũi nhọn của cuộc tiến công bằng cơ giới của Pháp. Vì thế mà làm cho các cơ quan hành chánh, nhất là Tài chánh, phải bao nhiêu lần điêu đứng, chạy chỗ này chỗ kia... Trong cuộc hội họp hôm nay, ta thấy một vài điều phẫn uất thổ lộ ra trong câu chuyện vì sự không chống đỡ (bảo vệ) của bộ đội đối với các cơ quan khác".

Nhưng rồi bình tâm lại, ông Bộ trưởng viết: "Dẫu sao sự gian lao này ta đã biết trước... Xét kỹ lại, đó cũng là một sự hy sinh như trăm nghìn sự hy sinh khác trong thời chiến đấu... Đã tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc tranh đấu khó khăn, thì dẫu gian lao khổ ải cho mấy, ta càng cố gắng để chịu đựng tất cả... Trì chí nhẫn nại để vượt mọi khó khăn, cố gắng để đi đến thắng lợi cuối cùng, đó là châm ngôn của mỗi người có ý thức đối với tiền đồ dân tộc... Đêm nay không ngủ, lại phải chuẩn bị cho người đi tìm địa điểm để dời cơ quan. Đồng thời cho dời đi nơi khác tất cả vật liệu để tránh nạn oanh tạc".

Là người đặc biệt quan tâm nghiên cứu cách đánh của bộ đội khi tác chiến trong thành phố cũng như khi đã lui quân ra ngoài, Tổng Chỉ huy hiểu rất rõ nguyên nhân của hiện tượng vỡ mặt trận và những khó khăn đối với bộ đội ở mặt trận phía trước cũng như với nhân dân nơi chiến sự lan tới và với các cơ quan nhà nước ở hậu phương sát kề. Hiện tượng vỡ mặt trận hoàn toàn khác với những trường hợp bộ đội ta chủ động rút lui, có kế hoạch, có chuẩn bị, có chủ đích.

Vì sao mặt trận bị vỡ? Ngay từ Hội nghị quân sự Chúc Sơn (tức là khi bộ đội còn bám trụ và chiến đấu trong các thành phố Hà Nội, Nam Định, Huế...), Bộ Tổng Chỉ huy đã dự kiến địch sẽ chuyển sang tiến công và phản công sau khi có viện binh và đã đề ra yêu cầu chuyển hướng về chiến thuật, lấy du kích vận động chiến làm chiến thuật căn bản. Nghị quyết Hội nghị đã đề cập các biện pháp về xây dựng lực lượng, tổ chức chỉ huy, huấn luyện bộ đội và chuẩn bị trong nhân dân... tạo mọi điều kiện cần thiết để vận dụng du kích vận động chiến, tránh tình trạng hàng ngũ rối loạn, có khi tan tác, tinh thần hoang mang trong khi đã mệt mỏi nao núng... Sau Hội nghị Chúc Sơn, bản huấn lệnh ngày 1-2 của Bộ Tổng tham mưu *Về du kích vận động chiến* đã hướng dẫn các đơn vị bổ khuyết về các mặt tổ chức thông tin liên lạc, về trinh sát, tình báo, về phân tán, tập trung và cơ động bộ đội, tạo các yếu tố để vận dụng chiến thuật du kích vận động. Sau đó, trung tuần tháng 2, trong Hội nghị Quân ủy mở rộng và Hội nghị chính trị ủy viên và chính trị viên toàn quốc, vấn đề củng cố tổ chức Đảng (khi đó gọi là Hội) và tổ chức hệ thống công tác chính trị trong toàn quân được đặt ra nhằm tích cực củng cố quân đội, "dù trong trường hợp nào phải nắm bộ đội cho thật vững", tránh hiện tượng tan rã. Tại Hội nghị chính trị viên, bản báo cáo quân sự của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã khẳng định và lý giải sự cần thiết của việc chuyển dần từ du kích trận địa chiến sang du kích vận động chiến và đề ra yêu cầu củng cố Quân đội quốc gia làm quân chủ lực, đề phòng bị bao vây và tan rã. Để tạo những điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng chiến thuật du kích vận động, hạn chế sức mạnh của xe tăng cơ giới địch, bản báo cáo quân sự nhấn mạnh việc động viên nhân dân phối hợp triệt để phá hoại các đường giao thông lớn mà địch có thể dùng; đào đắp công sự, lập làng chiến đấu; kiên quyết thi hành chỉ thị về tiêu thổ...

Đầu tháng 3, trước tình hình chuyển hướng chậm chạp về cách đánh trên các mặt trận, Tổng Chỉ huy dừng chân ở Thạch Thán (Quốc Oai - Sơn Tây) và viết bản huấn lệnh *Về sự cần thiết phải chuyển sang du kích vận động chiến.* Huấn lệnh phê phán hiện tượng tồn tại của "một lối trận địa chiến áp dụng vào những điều kiện không thể đánh trận địa chiến". Cụ thể là: Địch tập trung lực

lượng, ta thì phân tán cả người và vũ khí nặng; địch dùng lối bao vây vu hồi, ta thì lập phòng tuyến án ngữ hay đợi địch đến mới đánh; địch dùng cơ giới hoá còn ta thì không phát huy hết mọi thứ vũ khí nặng có trong tay và các biện pháp khác (phá hoại, làm chướng ngại vật) để hạn chế tốc độ và sức đột kích của xe tăng, cơ giới địch; công tác tình báo nắm địch kém, thông tin liên lạc chưa vững chắc. Khuyết điểm lớn là bệnh chủ quan, bệnh cầu an, không phán đoán được chính xác mục đích và ý định tiến công của địch hoặc không biết nếu địch tiến thì sẽ tiến như thế nào để có kế hoạch tích cực đối phó. Không cương quyết, không nhanh chóng, không kịp thời. Nói tóm lại, cấp chỉ huy ta chưa tinh thông lề lối làm việc. Bản huấn lệnh nhấn mạnh phải kiên quyết thay đổi cách đánh và bổ cứu khuyết điểm, phải thực hiện ngay những việc làm cần thiết để chuyển sang vận dụng chiến thuật du kích vận động một cách bạo dạn, nghĩa là phải tập trung bộ đội, củng cố tinh thần bộ đội, dùng lối hành quân rất nhanh chóng, rất bí mật, đánh mạnh vào những chỗ địch tương đối yếu hay mới chiếm (vị trí chưa được củng cố), đánh xong lập tức rút lực lượng đi nơi khác. Làm như vậy thì có nơi phải bỏ đất, không phải đâu cũng có thể chặn mà giữ, vì vậy không cương quyết bạo dạn thì không làm được. Muốn dùng chiến thuật du kích vận động, liên lạc phải nhanh chóng, vững chắc; tình báo phải tinh thông, chính xác, đầy đủ; bộ đội phải luyện tập, trang bị phải gọn nhẹ dễ cơ động; hoạt động của bộ đội phải bí mật triệt để; phải có bộ phận chuyên trách đánh chiến xa bằng vũ khí nặng đi đôi với việc phối hợp với địa phương ngăn sông, phá đường, đắp chướng ngại vật để cản xe tăng cơ giới địch. Về phương hướng hoạt động, bản huấn lệnh chỉ rõ: Đi đôi với việc phân tán một số bộ đội để giúp đỡ, dìu dắt và phối hợp với dân quân, cần tập trung chủ lực đánh từng trận lớn. Cuối cùng bản huấn lệnh kết luận: "Thanh danh của bộ đội, sự mất còn của Tổ quốc, một phần là do sự thi hành huấn lệnh này. Trong các vùng địch chưa tới và nhất là vùng địch đang tiến đánh, đang lúc nhân dân và bộ đội hoang mang lại càng cần phải nghiên cứu huấn lệnh này và thi hành cấp tốc. Không thể để địch hoành hành mãi, không thể để bộ đội ta bị động mãi. Lập tức liên lạc với các đơn vị, thu thập những bộ phận phân tán, củng cố tinh thần, bổ sung dân quân hăng hái thay những đội viên tinh thần quá kém để tăng chất lượng. Lập tức tập trung bộ đội đánh một trận cho thắng lợi, rồi theo đà đó mà chỉnh đốn bộ đội, triển khai du kích vận động".

Đến trung tuần tháng 3, nếu việc phá đường, đắp chướng ngại vật trên đường, trên đê và ngăn sông đã có tác dụng nào đó làm chậm tốc độ cơ động của xe tăng, cơ giới và tàu địch thì việc làm đó trên một số trục đường bộ, đường thủy lại cản trở sự đi lại của các cơ quan Chính phủ đang khẩn trương chuyển tài sản kháng chiến lên căn cứ địa. Như cách nói của Bộ trưởng Lê Văn Hiến, ngày 18-3, tin bộ đội phá đường và ngăn sông đến với ông như một tin sét đánh, vì nhiều máy móc vật liệu của Bộ Tài chính còn nằm "lình nghình" dọc đường, dọc sông. Ông phải yêu cầu và được quốc phòng chấp nhận, hoãn lệnh phá hoại giao thông trên một số trục đường từ trung du lên Việt Bắc.

Hiện tượng vỡ mặt trận và tác dụng còn hạn chế của công tác phá hoại, đắp ụ chướng ngại trên bộ và làm kè ngăn sông, nhất là sự chuyển biến chậm về chiến thuật trên các mặt trận, là những vấn đề thu hút tâm trí của Tổng Chỉ huy hằng ngày. Ông suy nghĩ nhiều về cách đánh của địch và của ta. Ông trao đổi với Tổng Tham mưu trưởng về việc triệu tập hội nghị các khu trưởng bàn chuyên đề về cách đánh, đồng thời giao nhiệm vụ cho Phòng Tác chiến dành thời gian nghiên cứu biện pháp phát huy hơn nữa hiệu quả của công tác phá hoại và làm chướng ngại vật ngăn chặn xe tăng, cơ giới địch. Ông rất vui khi được báo cáo rằng, ngay lần đầu thử nghiệm trong chiến đấu đầu tháng 3, hai khẩu badôka vừa sản xuất thành công đã diệt hai xe tăng địch trên đường Chúc Sơn - chùa Trầm. Tin đó đã làm nức lòng bộ đội, cán bộ kỹ thuật và công nhân quân

giới. Nhưng đồng thời Tổng Chỉ huy cũng hiểu rằng trình độ kỹ thuật và khả năng nguyên liệu để sản xuất hàng loạt, đáp ứng yêu cầu của các mặt trận, còn đòi hỏi nhiều thời gian.

Trên đường di chuyển của cơ quan Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy lên căn cứ địa, ông Giáp dừng chân ở Tiên Kiên (Lâm Thao - Phú Thọ) để mở Hội nghị các khu trưởng. Đây là Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ hai (cán bộ tham mưu thường gọi là Hội nghị Tiên Kiên), họp trong hai ngày 25 và 26-3-1947. Với một quân đội "thơ ấu", chưa quen rèn luyện, vừa kém về trang bị vật chất vừa thiếu kinh nghiệm chiến đấu, trải qua hơn ba tháng cọ xát với địch, rất nhiều vấn đề cần rút kinh nghiệm, từ xây dựng lực lượng sao cho phù hợp với thực tế chiến đấu, vấn đề công tác chính trị, vấn đề xây dựng căn cứ địa, nhưng nổi lên vẫn là cách đánh địch. Chiến thuật là nội dung chủ yếu, là vấn đề được thảo luận sôi nổi nhất trong hội nghị quân sự lần này.

Hội nghị nhận thấy, tại cuộc họp lần trước ở Chúc Sơn, ta đã phán đoán sau khi có viện binh, địch sẽ vừa củng cố thế chiếm đóng ở các thành phố và thị xã, đồng thời sẽ đánh rộng ra, đánh thông các đường giao thông chiến lược, nhưng ta chưa phán đoán được cách tiến quân của địch, chưa lường được cách dùng binh thành thạo của chỉ huy địch, nhất là khả năng phát huy sức cơ động và đột phá của cơ giới, sự phối hợp giữa bộ binh, xe tăng, xe cơ giới, máy bay, pháo binh (và tàu, xuồng, xe lội nước ở những nơi có sông, biển) để tiến công. Thực tế chiến trường từ Huế trở ra cho thấy, khi tiến quân, địch thường kết hợp giữa đột phá chính diện với các mũi vu hồi, hình thành những gọng kìm rất rộng đánh vào sườn hoặc sau lưng quân ta; kết hợp giữa những hoạt động lẻ tẻ của các phân đội nhỏ, cơ động, bí mật, theo kiểu du kích trên địa bàn hẹp với những cuộc hành binh quy mô lớn, dựa vào đường bộ và đường sông để vận động tiến công ta bằng cơ giới trên địa bàn rất rộng. Trong phòng ngự, địch cũng tỏ ra là một đội quân nhà nghề thiện chiến, thể hiện trong việc đắp công sự, đào giao thông hào, bố trí lưới lửa, tổ chức cảnh giới, dự trữ cơ sở vật chất để duy trì chiến đấu dài ngày.

Kết luận quan trọng mà hội nghị khẳng định là, trải qua mấy tháng chiến đấu, bộ đội đã trưởng thành một bước quan trọng. Từ chỗ bỡ ngỡ ban đầu, ta đã học được những bài học kinh nghiệm bằng sắt và máu, rút ra từ những thất bại của ta và ưu thế về kinh nghiệm chỉ huy và trang bị kỹ thuật của địch. Rõ ràng chiến trường là trường học tốt nhất đối với cán bộ và bộ đội. Người giúp cho ta trưởng thành trong chiến đấu chính là kẻ cầm súng đối mặt với ta trên chiến trường.

Ba tháng chiến đấu đã giúp ta sáng tỏ điều gì? Trong phòng ngự, phải luyện cho bộ đội biết lợi dụng địa hình, kiến trúc công sự, đặt địa lôi, làm trận địa phục kích; cán bộ chỉ huy phải biết dự kiến nếu tiến công, địch sẽ đánh thế nào để có kế hoạch chủ động ứng phó, phải biết nghi binh lừa địch và sẵn sàng cơ động bộ đội. Trong tiến công, phải quán triệt tư tưởng luôn luôn giành chủ động và tích cực tiến công, muốn phòng ngự cũng phải tiến công, "nếu chỉ hiểu nguyên tắc bảo toàn chủ lực một cách máy móc mà rụt rè do dự không tích cực tiến công thì kết quả sẽ đi đến chỗ bị động, tan rã".

Vấn đề thảo luận sôi nổi nhất là biện pháp đối phó có hiệu quả với cơ giới của địch. Về điểm này, hội nghị nhất trí:

1- Tích cực xây đắp chướng ngại vật, phá hoại đường sá, nhưng nếu chỉ có như vậy thì cũng chỉ làm chậm bước tiến của địch. Muốn tiêu hao địch và ngăn chặn địch có hiệu quả, phải bố trí bộ đội ở gần nơi có chướng ngại vật hoặc những đoạn đường xung yếu đã phá hoại để kịp thời cơ động ra diệt địch khi chúng dừng lại;

2- Tổ chức các đội chuyên môn đánh xe tăng, cơ giới bằng địa lôi hoặc những đội đặc biệt trang bị badôka hoặc súng máy nặng, có nhiệm vụ đánh cơ giới đồng thời là đội trợ chiến phối hợp tác chiến với bộ binh.

Hội nghị nhấn mạnh phải khắc phục những yếu kém hiện nay cả trong tiến công và phòng ngự, dự kiến kế hoạch phải chu đáo, tỉ mỉ để luôn chủ động trong mọi tình huống, đồng thời phải làm tốt công tác tình báo nắm địch, công tác thông tin liên lạc và huấn luyện chiến thuật cho bộ đội.

Nghị quyết hội nghị xác định rõ các biện pháp nâng cao chất lượng bộ đội cả về chính trị tư tưởng, ý thức kỷ luật và trình độ kỹ thuật, chiến thuật, tránh để bộ đội tan rã, hạn chế thương vong và bị bắt, bị lạc trong chiến đấu. Ngoài ra hội nghị còn ra nghị quyết riêng về công tác chính trị, củng cố căn cứ địa, xây dựng dân quân, du kích và công tác bảo đảm cung cấp.

So với hội nghị quân sự lần trước ở Chúc Sơn, nội dung các vấn đề nêu lên và không khí thảo luận trong Hội nghị Tiên Kiên lần này cho thấy ba tháng chiến đấu vừa qua đã làm cho mỗi cán bộ có thêm kiến thức cầm quân, không còn quá lạ lẫm bỡ ngỡ như trước ngày kháng chiến toàn quốc. Hai cuộc hội nghị quân sự trong vòng ba tháng đúng là những lớp tập huấn ngắn ngày đối với cán bộ các khu và cán bộ tham mưu Tổng hành dinh. Càng có thực tế chiến trường, cán bộ càng có cơ sở nhận thức để tiếp thu những nội dung đề cập trong hội nghị, ngược lại nội dung tranh luận và sáng tỏ trong hội nghị càng giúp cho cán bộ ứng dụng trong thực tế chỉ đạo, chỉ huy chiến đấu sắp tới. Gần nửa thế kỷ sau, nhớ lại những vấn đề tranh luận và kết luận trong Hội nghị Tiên Kiên, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: Học tập ở sách vở, ở trong những trường lớp ngắn ngày, chưa đủ. Học tập trong thực tế chiến đấu, học tập ở quân địch, là vấn đề lớn được rút ra từ hội nghị này. Những kẻ xâm lược có biết đâu khi tiến hành chiến tranh, họ đang dạy những người yêu nước cách đánh lại họ.

Một lần nữa phương pháp tổ chức những cuộc hội nghị - tập huấn ngắn ngày - nhằm rút ngắn khoảng cách về kiến thức cầm quân giữa cấp trên và cấp dưới, lại thể hiện phong cách lãnh đạo độc đáo của Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp.

Sau hội nghị, theo chỉ thị của Tổng Chỉ huy, Tổng Tham mưu trưởng tập trung đôn đốc việc nghiên cứu các biện pháp chống xe tăng, cơ giới địch để có phương hướng chỉ đạo các địa phương triển khai. Những ngày cuối tháng 3, cùng với việc quân Pháp đánh rộng ra ngoài các thành phố, thị xã, thị trấn, đài Con Nhạn của quân viễn chinh Pháp nói nhiều về các cuộc hành binh của các đơn vị cơ giới trên các trục đường lớn ở đồng bằng Bắc Bộ. Họ gọi đây là "những cuộc dạo mát quân sự trong mùa hè yên tĩnh". Cơ quan Tổng hành dinh không bị kích động bởi những lời huênh hoang của cái đài tâm lý chiến này, nhưng rõ ràng là hoạt động của cơ giới địch đang gây khó khăn cho ta, kể cả đối với đơn vị đã từng tốn khá nhiều công sức trong việc đắp ụ, phá đường, như Trung đoàn 66.

Vào buổi chiều một ngày đầu tháng 4, khi cơ quan Bộ Tổng tham mưu trên đường lên căn cứ địa đang dừng chân ở vùng Văn Lãng - Phú Minh (Đại Từ - Thái Nguyên), Tổng Chỉ huy cùng Tổng Tham mưu trưởng ngồi nghe nhóm phái viên tham mưu báo cáo kết quả chuyến đi của các anh xuống Trung đoàn 66 nghiên cứu công tác phá hoại. Làm việc với Trung đoàn trưởng Phùng Thế Tài và Tham mưu trưởng Tuấn Kiệt, điều mà các anh đi sâu nghiên cứu là vì sao ta không thành công trong ý định phá đường nhằm làm chậm bước tiến của cơ giới địch? Tham mưu trưởng Trung đoàn dẫn ra những kinh nghiệm thất bại trong việc ngả cây lớn và đắp ụ trên hai trục đường từ Ngã Tư Sở và từ Văn Điển vào thị xã Hà Đông, tốn hàng ngàn ngày công mà không cản được địch. Trục đường Hà Nội - Sơn Tây cũng vậy, dù có thêm hàng rào sắt bằng đường ray

xe hỏa kết hợp với ụ đất. Nguyên nhân không chỉ vì hồi đó quân ta chưa biết làm cái điều mà Hội nghị Tiên Kiên đã đề ra là: Đi đôi với phá đường và đắp ụ, phải bố trí binh lực và hỏa khí nặng ở những vị trí thích hợp để đánh địch, không để cho chúng tự do san đường và phá ụ. Còn một nguyên nhân quan trọng khác, đó là cách phá đường thế nào cho có tác dụng làm chậm bước tiến của cơ giới địch. Sau nhiều cuộc thảo luận, cán bộ Trung đoàn 66 đã cùng các phái viên của bộ ra thực địa đào đường thí nghiệm theo kiểu được gọi là *cánh hoa mai*. Hai phái viên tham mưu dùng hình vẽ để báo cáo với ông Giáp và ông Thái rằng cách phá hoại này ít tốn kém hơn và hiệu quả lại cao, buộc địch phải tốn công sửa chữa nhiều hơn, lâu hơn, mặt khác lại không trở ngại việc đi lại của ta, kể cả đi bộ, xe đạp và đi ngựa. Trung đoàn đợi xin chỉ thị của bộ, nếu được phê duyệt, tham mưu sẽ xuống phổ biến kinh nghiệm cho các đơn vị và địa phương.

Sau khi có ý kiến của Tổng Chỉ huy, tham mưu được chỉ thị cử phái viên xuống phổ biến cho các khu để kịp thời tổ chức thực hiện thí điểm, trước hết là trên địa bàn các tỉnh Sơn Tây, Hà Đông và một số tỉnh trung du. Được sự hưởng ứng của chính quyền và nhân dân các địa phương, chỉ trong một thời gian ngắn, công tác phá hoại theo phương pháp mới được triển khai khẩn trương không chỉ trên các trục đường quốc lộ mà cả trên các đường liên tỉnh thuộc nhiều vùng tự do ở trung du. Các đoạn đê xung yếu dọc sông Hồng và sông Đáy dần dần xuất hiện những con chạch được đắp theo đúng phương pháp và kích thước đã được thống nhất. Chừng vài tháng sau, thực tế hoạt động của địch cho phép cơ quan Tác chiến Bộ Tổng tham mưu rút ra kết luận để báo cáo chính thức với Tổng Chỉ huy: Cách phá đường theo kiểu cánh hoa mai và đắp con chạch trên đê tuy không hoàn toàn ngăn chặn được hoạt động của xe tăng, cơ giới địch nhưng rõ ràng đã gây nhiều khó khăn trong các cuộc hành binh bằng cơ giới của chúng. Tổng Chỉ huy cho phép phổ biến rộng rãi đến các địa phương ở Bắc Bộ và Khu 4. Suốt mùa thu năm 1947, các đường giao thông bị phá hoại theo phương pháp trên đây được nhân lên, đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của địch. Sau này, trong hồi ký nhan đề *Việt Minh - đối thủ của tôi*, viết đầu những năm 70, tướng Pháp Raun Xalăng đã than phiền rằng những hố phá hoại "như những phím đàn dương cầm trên khắp các nẻo đường đã gây trở ngại khá nhiều cho các cuộc hành binh của chúng ta".

Sau chừng ba tháng, cuộc thiên đô của các cơ quan Trung ương lên căn cứ địa cũng như việc di chuyển bộ máy lãnh đạo kháng chiến của khu và tỉnh đã căn bản hoàn thành. Cùng với việc di chuyển các cơ quan lãnh đạo là chừng 4 - 5 vạn tấn nguyên vật liệu, máy móc cùng với bệnh viện, trường học, cơ quan ấn loát... được đưa lên các căn cứ của Trung ương và địa phương. Do biết vận dụng phương pháp "sâu đo" giữa hai bộ phận thay nhau di chuyển và phát sóng, nên Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam vẫn duy trì đều đặn các buổi phát thanh suốt mấy tháng xuân hè trong quá trình di chuyển từ vùng chùa Trầm (Hà Đông) lên vùng Ba Bể (Bắc Cạn). Một trong những tài sản được coi là đặc biệt mà Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy đã kịp thời cho đưa lên Sơn Tây từ trước ngày toàn quốc kháng chiến, đó là hai chiếc máy bay do cố vấn Vĩnh Thụy (tức cựu hoàng Bảo Đại) tặng. Vào dịp Tết năm 1947, đề phòng chiến sự lan rộng, máy bay có thể lọt vào tay địch, Bộ Tổng chỉ huy đã giao cho Cục trưởng Quân huấn Phan Phác tổ chức chuyển dần từng bước lên Việt Bắc. Và một cảnh tượng hiếm thấy trong lịch sử chiến tranh đã diễn ra: Hai chiếc máy bay được tháo rời thành nhiều bộ phận, khi thì chuyển bằng xe bò, khi bằng thuyền, rong ruổi nhiều ngày, để rồi được đưa lên núi Hang Hùm, giữa ngã ba cây số 5 (đường Tuyên Quang đi Đoan Hùng) và bến Bình Ca (Sơn Dương, Tuyên Quang). Ngày ấy, chưa ai hề nghĩ rằng hai chiếc máy bay đó chính là phương tiện kỹ thuật duy nhất để tháng 3-1949, Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy cho ra đời tổ chức tiền thân của Không quân nhân dân Việt Nam sau này, với cái tên hết sức khiêm nhường: Ban Nghiên cứu không quân.

Địch đã thất bại trong ý đồ "săn lùng và tóm gọn" cơ quan lãnh đạo kháng chiến trong suốt mấy tháng xuân hè năm 1947, bắt đầu bằng cuộc hành binh quy mô lớn ra hướng chúc Sơn - Chùa Trầm hồi đầu tháng 3. Từ đó, trong khi địch tập trung theo dõi hướng đi của cơ quan Tổng hành dinh kháng chiến mà chúng đinh ninh là trên hướng tây nam Hà Nội thì bộ máy lãnh đạo của ta đang chuyển dần lên căn cứ địa Việt Bắc theo hướng tây bắc, qua địa bàn năm tỉnh: Hà Đông - Sơn Tây - Phú Thọ - Tuyên Quang - Thái Nguyên. Trong suốt ba tháng thiên đô đó, cơ quan tham mưu vẫn giữ vững liên lạc giữa Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy với các chiến khu và duy trì sự chỉ đạo, chỉ huy thường xuyên đều đặn của Trung ương và Quân ủy đối với hoạt động của các chiến trường toàn quốc.

Được sự giúp đỡ của nhân dân suốt dọc đường di chuyển, đến đầu tháng 5-1947, cuộc thiên đô đã kết thúc thắng lợi. Toàn bộ bộ máy lãnh đạo kháng chiến đã rải ra trong lòng Việt Bắc bao la, tập trung trên địa bàn ba tỉnh Bắc Cạn - Tuyên Quang - Thái Nguyên mà chủ yếu là trong sáu huyện tạo thành "khu lục giác" Chiêm Hoá - Chợ Đồn - Chợ Mới - Đại Từ - Sơn Dương - Yên Sơn. Từ mùa hè năm 1947 cho đến khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, khu vực quanh Núi Hồng ngăn cách hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang, với Tân Trào - Hồng Thái (Sơn Dương) ở phía tây, vượt qua Đèo De sang Điềm Mặc - Bảo Biên (Định Hoá) ở phía đông, trở thành trung tâm An toàn khu, nơi đứng chân của bộ máy lãnh đạo kháng chiến.

Trong hồi ký của mình, khi nói về cuộc di chuyển của cơ quan Tổng hành dinh kháng chiến từ đồng bằng lên thượng du, Tướng Pháp Raun Xalăng viết: "Cả một bộ máy đã theo người lãnh đạo tối cao đến một vùng rất khó xâm nhập vì rất nhiều hang đá, rừng rậm phủ kín tất cả, không quân khó phát huy tác dụng... Trên nền tảng các sắc tộc ít người, dân vùng này đã trải qua những năm tháng dưới chế độ vững chắc của Việt Minh (ý nói từ thời kỳ tiền khởi nghĩa - T.G.). Giờ đây, chính tại nơi này, Tướng Giáp xây dựng bộ đội của mình để chống lại quân Pháp".

17- chuẩn bị bước vào mùa khô

Cuộc chiến tranh toàn cục diễn ra gần nửa năm cũng là khoảng thời gian nước Pháp trải qua những xáo trộn liên tiếp về chính trị. Lêông Blum ngồi vào ghế thủ tướng mới được ngót một tháng đã phải nhường chỗ cho Pôn Ramađiê (Paul Ramadier). Cùng với việc xuất hiện ở Pari một nội các ngả về hữu là sự trở lại chính trường của Tướng Đờ Gôn với một tổ chức chính trị mới: Phong trào tập hợp dân chúng (MRP). Các bộ trưởng cộng sản lần lượt bị gạt ra ngoài Chính phủ. Sau những cuộc kinh lý Đông Dương liên tiếp của Tướng Lơcle, của Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại Mutê, Bộ trưởng Chiến tranh Phlorê (Coste Floret), Bộ trưởng Hải quân Giắckinô (Louis Jacquinot)..., cuộc tranh luận gay gắt về Đông Dương diễn ra tại Quốc hội Pháp suốt mấy tháng đầu năm 1947. Để xoa dịu dư luận chống đối, trung tuần tháng 3, Thủ tướng Ramađiê tuyên bố lừa bịp trước quốc hội rằng vấn đề Đông Dương không thể giải quyết bằng vũ lực. Ông ta hứa sẽ cử người sang thay Cao ủy Đácgiăngliơ để tìm giải pháp điều đình.

Với lòng tha thiết cố tránh chiến tranh kéo dài và lan rộng, Chủ tịch Hồ Chí Minh theo dõi chặt chẽ mọi động thái chính trị của nước Pháp. Cụ đã nhiều lần gửi thư đến Quốc hội, Chính phủ và nhân dân Pháp, tuyên bố sẵn sàng cùng phía Pháp thương thuyết nhằm đi đến một giải pháp chính trị, trên cơ sở Pháp tôn trọng nền độc lập của Việt Nam. Nhưng thực tế ngày càng chứng tỏ ý đồ của giới cầm quyền Pháp là tiếp tục chiến tranh hòng khôi phục ách thống trị Đông Dương. ý đồ đó bộc lộ công khai trắng trợn qua mấy sự kiện diễn ra liên tiếp trung tuần tháng 5:

1- Phái viên Pôn Muýt (Paul Mus) gặp đại diện Chính phủ ta và đề ra những điều kiện thực chất là buộc nhân dân ta phải đầu hàng;

2- Cao ủy mới Bôla (Emile Bollaert) ra Hà Nội đọc diễn văn công khai tuyên bố Pháp sẽ ở lại Đông Dương và sẽ không thương thuyết với Chính phủ Hồ Chí Minh;

3- Pari cử Tướng Xalăng sang Đông Dương với nhiệm vụ chuẩn bị đưa quân lên thượng du Bắc Kỳ nhằm bịt biên giới Việt - Trung trước khi quân Trung Hoa đỏ tràn xuống phía nam;

4- Phối hợp với Pari, Oasinhtơn hứa sẽ cử người sang Hồng Kông thỉnh cầu cựu hoàng Bảo Đại về nước phụng sự Tổ quốc. Báo chí phương Tây sớm rút ra kết luận: Công thức Xalăng - Bảo Đại đã hình thành. Cùng với việc ve vãn con bài chính trị Bảo Đại, Pari dốc túi đưa viện binh sang để Tướng Xalăng chuẩn bị đánh đòn quyết định trong mùa khô.

Từ những ngày đầu hè năm 1947, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã cùng với cơ quan Tổng hành dinh ổn định chỗ đứng chân trên vùng rừng núi bao la của căn cứ địa Việt Bắc. Người ta thấy ở ông một sự thích thú đặc biệt khi được dùng tiếng địa phương để chào hỏi đồng bào mỗi khi qua lại hai vùng Chợ Chu và Sơn Dương ở hai bên Núi Hồng.

Tầm nhìn chiến lược của Võ Nguyên Giáp về miền thượng du Bắc Bộ bao quát cả một vòng cung từ Lộc Bình - Bình Liêu ở cực đông, lên Lũng Cú - Mèo Vạc ở cực bắc, qua A Pa Chải - Mường Nhé - Điện Biên Phủ ở cực tây, liền núi liền sông với bên kia biên giới là tỉnh Phongxalỳ của nước Lào anh em. Ông đặc biệt đánh giá cao vị trí chiến lược của vùng Tây Bắc Bắc Bộ. Chính theo hướng chiến lược hiểm trở này mà hồi bị Nhật đảo chính tháng 3-1945, hơn 4.000 quân Pháp đã đi qua và dừng chân ở Điện Biên Phủ trên đường tháo chạy sang Hoa Nam. Chừng nửa năm sau, khi nhân dân ta vừa giành được chính quyền, chúng lại vượt biên giới Việt - Trung trở lại Việt Nam cũng bằng chính hướng này để rồi từng bước rải quân ra chiếm đóng các vùng Phong Thổ, thị xã Lai Châu, Tuần Giáo, Điện Biên Phủ và tiến dần xuống phía Sơn La. Ngay từ hồi đó, với suy nghĩ về âm mưu lâu dài của thực dân Pháp, Chủ tịch Quân sự Uỷ viên hội Võ Nguyên Giáp đã lệnh cho một số đơn vị Vệ quốc đoàn lên chiến đấu trên chiến trường Tây Bắc. Trong điều kiện khó khăn của năm đầu chính quyền cách mạng, lực lượng đưa lên không nhiều, trang bị lại rất hạn chế, chiến trường rộng và hiểm trở, dân cư thưa thớt, kinh tế nghèo nàn lạc hậu, mặt bằng dân trí còn rất thấp và quan trọng hơn cả là bộ đội - số rất đông là thanh niên miền xuôi mới nhập ngũ sau Cách mạng Tháng Tám - chưa có kinh nghiệm bám đất bám dân để gây cơ sở, làm công tác quần chúng, cho nên suốt một thời gian dài, anh em hoạt động rất khó khăn và kém hiệu quả. Đầu năm 1947, khi cuộc chiến đấu còn đang diễn ra trong các thành phố lớn, Trung ương đã tăng cường cán bộ cho Khu 10 để chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Tây Bắc. Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy cũng điều thêm lực lượng lên chiến đấu trên chiến trường miền tây. Trong thư đề ngày 1-2-1947 gửi bộ đội Tây tiến, Bộ trưởng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp khẳng định tầm chiến lược quan trọng của miền Việt tây của Tổ quốc và nhấn mạnh nhiệm vụ của bộ đội Tây tiến. Ông viết: "Hùng cứ được vùng đó, không những quân địch ở vào thế cứ cao lâm hạ[8], có thể uy hiếp hậu phương chúng ta, mà chúng lại mong thực hiện được âm mưu ác độc dĩ Việt trị Việt, chia rẽ các anh em thiểu số, lập bộ đội người Việt thiểu số để tiến đánh chúng ta... Mỗi một tấc đất miền Tây là một tấc đất của Tổ quốc Việt Nam, chúng ta không thể để cho địch dễ dàng giẫm lên được. Mỗi một đồng bào miền Tây là một người dân nước Việt, chúng ta không thể không bảo vệ quyền lợi của đồng bào, không thể để đồng bào ta bị quân địch giày xéo hay lung lạc. Hơn nữa, bảo vệ được lãnh thổ và nhân dân miền Tây tức là gián tiếp bảo vệ được hậu phương chúng ta, giúp một phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng".

Bằng những kinh nghiệm hoạt động ở Cao - Bắc - Lạng những ngày tiền khởi nghĩa, ông chỉ cho anh em thấy những khó khăn thử thách đang chờ đợi ở phía trước, hướng dẫn phương thức hoạt động và động viên các chiến sĩ Tây tiến hoàn thành nhiệm vụ, trước hết là giác ngộ quần chúng, gây dựng cơ sở, tiến lên tổ chức nhân dân chiến đấu chống địch.

Gần hai tháng sau, trên đường "thiên đô" lên căn cứ địa Việt Bắc, nhân thời cơ chiến sự chưa lan rộng và Hội nghị quân sự Tiên Kiên vừa kết thúc, lợi dụng tuyến đường sắt chưa bị phá hoại, Tổng Chỉ huy cùng Khu trưởng Khu 10 Bằng Giang đáp tàu hỏa lên thị sát tuyến đường Phú Thọ - Lào Cai. Cái thị xã biên giới hẻo lánh gợi lại cho ông một kỷ niệm khó quên. Bảy năm trước, cũng chính tại nơi đây hai ông Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp đã bí mật dùng mảng vượt qua sông Nậm Ti để sang bên kia biên giới tìm đến với Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh. Giờ đây, cuộc kháng chiến toàn quốc mới bắt đầu. Lào Cai cũng như mấy địa danh ông vừa đi qua chẳng bao lâu sẽ trở thành những vùng giành giật giữa quân viễn chinh Pháp với quân ta, trước hết là với các chiến sĩ Tây tiến. Dọc đường, trao đổi với Khu trưởng Bằng Giang, ông đã giúp cho người chỉ huy chiến trường Tây Bắc này thấy cần phải làm gì và làm thế nào để gây dựng, duy trì và phát triển cơ sở chính trị và vũ trang trên địa bàn rừng núi bao la này khi chiến sự lan tới.

Thực hiện chủ trương của Cụ Hồ trở lại Tân Trào, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp thấy một trong những nhiệm vụ có tầm quan trọng đặc biệt là bảo vệ căn cứ địa kháng chiến mà trung tâm là Tân Trào. Đầu tháng 4-1947, trên đường lên căn cứ địa, ông gửi thư cho đồng bào và dân quân tự vệ Việt Bắc, hướng dẫn việc chuẩn bị đối phó với âm mưu tiến công của địch. Ông khẳng định Việt Bắc vốn là một trong những trung tâm cách mạng chống lại đế quốc Pháp - Nhật, lại là nơi chôn rau cắt rốn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chính vì vậy không chóng thì chầy, giặc Pháp sẽ tập trung lực lượng mở một cuộc tiến công lớn vào Việt Bắc. Ông chỉ rõ những thủ đoạn thâm độc của địch đối với đồng bào Việt Bắc một khi chúng tiến hành cuộc tiến công và chỉ ra những việc đồng bào cần làm ngay để cùng bộ đội và dân quân tự vệ tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu của địch.

Mấy tháng hè thu năm 1947 là khoảng thời gian Trung ương phát triển và cụ thể hoá *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Cụ Hồ và *Chỉ thị toàn dân kháng chiến* của Thường vụ Trung ương, nhằm bổ sung và hoàn chỉnh đường lối kháng chiến của Đảng, bắt đầu là những bài viết của Tổng Bí thư Trường Chinh đăng trên tờ *Sự thật*. Qua nội dung toàn diện của các vấn đề nêu lên, sức thuyết phục của các bài viết là ở chỗ tác giả đã dựa vào thực tế mấy tháng đầu của cuộc kháng chiến để dự báo quy luật phát triển tất yếu của cuộc chiến tranh cách mạng, chính nghĩa và tiến bộ, dưới sự lãnh đạo của một Chính phủ được toàn dân hậu thuẫn và ngày càng được sự đồng tình và ủng hộ của loài người tiến bộ, để khẳng định những yếu tố chủ quan và khách quan dẫn dắt cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ đi đến thắng lợi cuối cùng. Trước khi bước vào mùa khô năm 1947, 12 bài báo được tập hợp và in thành sách với cái tên mang tính khẳng định: *Kháng chiến nhất định thắng lợi.* Cuốn sách trở thành tài liệu giáo dục chính trị chủ yếu đầu tiên góp phần quan trọng vào việc tổ chức động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ngay từ năm đầu kháng chiến toàn quốc.

Lần đầu tiên đường lối kháng chiến của Đảng được phổ biến và thảo luận nhằm quán triệt trong Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai, họp từ ngày 3 đến ngày 6-4. Hội nghị ra nghị quyết về chủ trương chiến lược trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá kháng chiến và đề ra các biện pháp thực hiện đường lối kháng chiến - kiến quốc. Như nhận xét của ông Võ Nguyên Giáp sau này: "Năm tháng sau ngày toàn quốc kháng chiến, Đảng ta đã hoạch định được đường lối

tổng thể cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc, đề ra những biện pháp lớn và vạch rõ tiến trình đi tới thắng lợi".

Riêng về mặt quân sự, trong đề án chuẩn bị cho Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai, Bí thư Quân ủy Võ Nguyên Giáp dựa vào đường lối kháng chiến đã được hoạch định của Trung ương, dự kiến các giai đoạn của cuộc kháng chiến lâu dài, khẳng định đường lối vũ trang toàn dân, vai trò chiến lược của bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương, nêu lên mối quan hệ giữa các cách đánh (du kích, vận động, trận địa) và xác định lúc này du kích vận động là chiến thuật căn bản của bộ đội đồng thời đề cập một số vấn đề khác như xây dựng căn cứ địa, lập làng kháng chiến. Về nhiệm vụ quân sự trước mắt nêu lên trong đề án, ông Giáp nhấn mạnh vấn đề củng cố bộ đội về các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và công tác huấn luyện, vấn đề cấp thiết phải chuyển mạnh sang du kích, vận động chiến, vấn đề phát triển và củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Chính trong đề án này, ông lý giải cụ thể một chủ trương chiến lược đã được Thường vụ thông qua, đó là hoá một phần bộ đội thành dân quân để dìu dắt giúp đỡ phong trào vũ trang địa phương trong những vùng địch tạm chiếm.

Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương, công tác chuẩn bị cho kế hoạch mùa khô được Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chỉ đạo các cơ quan quân sự Tổng hành dinh triển khai rất sớm, ngay sau khi ổn định nơi ăn ở quanh vùng phía tây thị trấn Chợ Chu. Ông đã nói với Tổng Tham mưu trưởng về "chiến tranh mùa", về dự kiến địch sẽ tập trung binh lực để hoạt động mạnh trong mùa khô sắp tới. Trong khi một bộ phận lực lượng trên các chiến trường tiếp tục hoạt động nhằm hạn chế kế hoạch nghỉ ngơi, củng cố và chuẩn bị thu đông của địch, mọi công tác chuẩn bị bước vào mùa khô của ta cần khẩn trương hoàn tất trong mấy tháng hè, khi chiến trường nói chung được coi là "yên tĩnh". Đây là một bước chạy đua với địch trong mấy tháng mùa mưa.

Một trong những việc Tổng Chỉ huy rất quan tâm là củng cố các đơn vị chủ lực của bộ, từ đó rút ra những kinh nghiệm để chỉ đạo các khu và trung đoàn. Cái được gọi là "chủ lực của bộ" lúc này còn rất nhỏ bé, gồm Trung đoàn 147, Trung đoàn 165 (Thủ đô) và bốn tiểu đoàn độc lập 11, 80, 160 và 223, trong đó có những đơn vị đã trải qua thử thách và đã trưởng thành như Trung đoàn 165 trên chiến trường Hà Nội và Tiểu đoàn 11 ở Hải Phòng và đường số 5.

Theo sự hướng dẫn và chỉ đạo của Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp, Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái tổ chức cuộc họp ở Phú Minh (Đại Từ - Thái Nguyên) vào tháng 5-1947, bàn về việc xây dựng bộ đội chủ lực. Tham dự hội nghị là cán bộ từ đại đội trở lên của các trung đoàn, tiểu đoàn chủ lực của Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy. Thực ra lúc này Bộ Tổng tham mưu chưa có kinh nghiệm gì đáng kể để có thể khái quát thành nguyên tắc lý luận về biên chế, tổ chức, trang bị, huấn luyện bộ đội chủ lực để chỉ đạo các đơn vị. Phương thức tiến hành hội nghị là nghe và tổng hợp kinh nghiệm của các đơn vị, sàng lọc thành những bài học xây dựng bộ đội chủ lực về các mặt biên chế, tổ chức, giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, huấn luyện quân sự và tổ chức cung cấp, kể cả việc nhanh chóng ổn định sinh hoạt, chống bệnh tật (nhất là sốt rét) và việc tăng gia sản xuất cải thiện sinh hoạt trong điều kiện kinh tế khó khăn của địa bàn Việt Bắc lúc này. Đây thực chất cũng là một cuộc tập huấn ngắn ngày, do Tổng Tham mưu trưởng điều khiển, từ kinh nghiệm của anh em, bước đầu khái quát thành nguyên tắc xây dựng bộ đội rồi trả về cho anh em vận dụng trong việc củng cố đơn vị của mình. Trong buổi nói chuyện với hội nghị trước ngày bế mạc, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp khẳng định kết quả hội nghị, xác định tính đúng đắn của những vấn đề anh em đã cùng nhau thảo luận và quyết nghị, lý giải đường lối chiến lược đánh lâu dài và vai trò bộ đội chủ lực của bộ. Ông phân tích vì sao phải khắc phục tư tưởng đã

bắt đầu xuất hiện lúc này là ngại chiến đấu lâu dài gian khổ, ngại hoạt động trên địa bàn Việt Bắc vì thời tiết, khí hậu, địa hình, sinh hoạt kham khổ. Có cán bộ muốn trở lại đồng bằng, về quanh vùng Thủ đô "quần nhau với giặc". Có đơn vị mới lên Việt Bắc đã tỏ nguyện vọng trở lại chiến trường Khu 3; có đơn vị không muốn đứng chân ở vùng Bình Ca - Đa Năng chỉ vì lý do sốt rét. Vấn đề Tổng Chỉ huy đặt ra với anh em là, với chức năng và nhiệm vụ của những đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ, phải sẵn sàng đáp ứng yêu cầu chiến lược là hoạt động "trong phạm vi cả nước", không riêng chiến trường nào, không phân biệt rừng núi hay đồng bằng. Đó là những đơn vị chủ lực "bộ chỉ đâu các đồng chí đánh đấy, các đồng chí đánh đâu phải thắng đấy". Muốn đánh thắng, phải xây dựng, củng cố đơn vị cho vững mạnh về mọi mặt, đánh phải đi đôi với rút kinh nghiệm để tiến bộ không ngừng, diệt địch đi đôi với cướp súng địch để cải thiện trang bị của mình, quá trình chiến đấu là quá trình càng đánh càng mạnh.

Kết quả Hội nghị Phú Minh đã đem lại những kiến thức đầu tiên đối với cơ quan tham mưu Tổng hành dinh về chỉ đạo xây dựng bộ đội chủ lực trong thời chiến. Cũng trong hội nghị này, về mặt học thuật, lần đầu tiên khái niệm *chiến dịch* được nêu lên để nghiên cứu, thảo luận.

Để chuẩn bị cho lực lượng vũ trang địa phương bước vào mùa khô, Tổng Chỉ huy thông qua kế hoạch của cơ quan tham mưu chuẩn bị mở hội nghị dân quân toàn quốc, đồng thời chuẩn bị đề án thực hiện chủ trương chiến lược đã được Thường vụ nhất trí và Hội nghị cán bộ Trung ương thông qua, đó là hoá một phần bộ đội thành dân quân để hỗ trợ phong trào vũ trang địa phương. Từ kinh nghiệm của Giải phóng quân trước kia, Tổng Chỉ huy đặt vấn đề với cả Bộ Tổng tham mưu và Phòng Dân quân (khi đó còn trong biên chế Cục Chính trị) phối hợp chỉ đạo các đơn vị bộ đội Vệ quốc đoàn đóng quân ở địa phương nào - nhất là ở các vùng có chiến sự - đều có trách nhiệm giúp đỡ huấn luyện lực lượng vũ trang địa phương và giúp cho dân quân "quen với tiếng súng", nghiên cứu và giúp đỡ các địa phương xây dựng làng chiến đấu (khi đó còn gọi là làng kháng chiến) theo kinh nghiệm của Bắc Ninh, Kiến An, kinh nghiệm hoạt động của lực lượng biệt động Thừa Thiên, Quảng Trị, của dân quân Hậu Giang... Về vũ khí cho dân quân, ngay sau Hội nghị Chúc Sơn, Cục trưởng Trần Đại Nghĩa rất quan tâm chỉ đạo phát huy vai trò của các công binh xưởng, các lò rèn ở thôn xã để đẩy mạnh sản xuất vũ khí thô sơ (đại đao, lựu đạn, súng kíp, địa lôi, tên nỏ...) để tăng cường trang bị cho dân quân. Được thư động viên của Tổng Chỉ huy, anh em công nhân quân giới rất say sưa với việc sản xuất vũ khí thô sơ trước yêu cầu phát triển bước đầu của dân quân, du kích. Như cách diễn đạt của Cục trưởng Quân giới Trần Đại Nghĩa trong hội nghị lần thứ ba của ngành quân giới (12-2-1948), tư tưởng chỉ đạo "đi hai chân" (du kích và chính quy) của Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp "đã thấm vào từng bánh răng cưa của ngành quân giới".

Hội nghị dân quân toàn quốc lần thứ nhất diễn ra trong bối cảnh, theo đề nghị của Quân ủy, Chính phủ đã quyết định đổi Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Quân đội quốc gia thành Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân, tự vệ Việt Nam. Các phòng Dân quân đã được thành lập tại các địa phương, hệ thống chỉ huy của các tỉnh đội, huyện đội, xã đội dân quân đã từng bước hình thành; Trung ương Đảng đã có nghị quyết về việc các địa phương phải cử cán bộ có năng lực đảm nhiệm phong trào dân quân. Trước đó hai tháng, trong báo cáo quân sự của Bộ Tổng chỉ huy tại Hội nghị quân sự Tiên Kiên, nhận thức về lực lượng vũ trang địa phương đã có một bước phát triển mới, đó là sự phân biệt giữa *bộ đội chính quy* (chủ lực) với *du kích địa phương* thoát ly sản xuất và *dân quân tự vệ* không thoát ly sản xuất. Trước kia, dân quân tự vệ là những tổ chức vũ trang quần chúng do các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh xây dựng, giờ đây - từ tháng 3-1947, sau khi có quyết định của Chính phủ bổ sung chức năng của Bộ Tổng chỉ huy - dân quân tự vệ đã trở thành một lực lượng vũ trang của Nhà nước, do Bộ Tổng

chỉ huy và các cơ quan quân sự địa phương lãnh đạo và chỉ huy, có sự tham gia của các đoàn thể. Rõ ràng là, từ Hội nghị quân sự Tiên Kiên, khái niệm *lực lượng vũ trang ba thứ quân* đã hình thành trong tư duy quân sự Võ Nguyên Giáp. Hội nghị dân quân toàn quốc lần thứ nhất được triệu tập không chỉ nhằm khẳng định việc thống nhất tổ chức và chỉ huy từ Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy xuống cơ sở, mà điều quan trọng là nhằm thống nhất nhận thức, khắc phục những tư tưởng sai lầm coi nhẹ vai trò chiến lược của dân quân, du kích, khẳng định đường lối vũ trang toàn dân của Đảng. Ngày 26-5-1947, trong bài phát biểu trước hội nghị, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh vai trò chiến lược của các lực lượng vũ trang địa phương, và chỉ rõ: *Về quân sự*: phối hợp với chủ lực hay độc lập tác chiến để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bảo vệ làng mạc ruộng vườn của dân. *Về chính trị*: dùng phương thức vũ trang tuyên truyền mà diệt tề trừ gian và giữ vững tinh thần cho dân. *Về kinh tế*: bảo vệ cho dân hay trực tiếp giúp dân cày cấy, gặt hái, đi đôi với đánh phá cơ sở kinh tế của địch. Những đội du kích thoát ly phải có một bộ phận tăng gia sản xuất để góp phần tự túc, tự cấp. Cuối cùng ông lý giải lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thư Người gửi hội nghị, rằng: "Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã"[9]. Để làm cho lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh như bức tường sắt như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông khẳng định với hội nghị trách nhiệm của Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy là coi công cuộc xây dựng và củng cố dân quân, du kích quan trọng ngang hàng với công cuộc củng cố bộ đội chủ lực.

Để lãnh đạo toàn quân chuẩn bị bước vào thu đông, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp gợi ý cho cơ quan tác chiến Bộ Tổng tham mưu suy nghĩ về khả năng hoạt động của địch trong mùa khô và cách đánh của bộ đội chủ lực, biện pháp phát huy sức mạnh của lực lượng vũ trang địa phương phối hợp cùng chủ lực đánh địch. Thực tế chiến trường mấy tháng đầu năm 1947 nói lên điều gì? Chiến sự lan rộng ra ngoài các đô thị, trên nhiều hướng bộ đội chủ lực phải tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng, dân quân rút theo, thoát ly khỏi địa phương đi lưu vong. Không gặp sức kháng chiến đáng kể, địch tự do sục sạo đánh phá, dễ dàng chiếm đóng và tổ chức hội tề. Hoạt động của ta trong suốt mùa hè còn hạn chế, vì nhiều nguyên nhân, về binh lực, về cán bộ, nhất là về phương thức hoạt động, cụ thể là cách đánh. Đó là bài toán chiến trường đặt ra và đòi hỏi cơ quan tham mưu Tổng hành dinh phải tìm ra đáp số trước khi bước vào mùa khô. Đọc lại một số trang trong cuốn *Bàn về chiến tranh* của Claudơuýt[10], ông Giáp chú ý đến những nhận định rất triết học của viên tướng Phổ này về hình thức đấu tranh vũ trang của nhân dân, nhất là đoạn luận bàn về cái mà tác giả gọi là "chiến tranh nhỏ". Về những đặc tính của loại hình chiến tranh này, tác giả viết: "Chiến tranh nhỏ biểu hiện những đặc tính như: Những phân đội nhỏ có thể cơ động khắp nơi, có thể tự giải quyết vấn đề hậu cần tiếp tế, giữ được bí mật hành động, tiến thoái đều nhanh ngay cả ở những địa hình phức tạp, không có đường sá".

Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp thấy những vấn đề tác giả nêu lên không những gợi cho ông suy nghĩ về tư tưởng quân sự của các danh tướng tiền bối Việt Nam, từ thời Đại vương Trần Hưng Đạo kháng Mông Nguyên, thời ức Trai bình Ngô (như lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều, lấy đoản binh thắng trường trận...) mà còn có thể giúp tìm ra lời giải những bài toán do thực tế chiến trường đang và sẽ đặt ra đối với chính bản thân ông trong mùa khô này, mùa khô đầu tiên mà - như ông dự đoán trong thư gửi đồng bào Việt Bắc hồi tháng 4 - hướng tiến công của địch có thể sẽ diễn ra trên vùng thượng du. Liên hệ tới đề án quân sự do ông chuẩn bị và đã trở thành Nghị quyết của Hội nghị cán bộ Trung ương đầu tháng 4, nói rằng ta không có căn cứ địa rộng và vững chắc như Trung Quốc, rằng các căn cứ địa của ta đều có thể bị địch đánh xuyên mũi dùi

hoặc bao vây, ông Giáp nhớ lại quan điểm về nhân sơn nhân hải (dựa vào dân để đứng vững trong căn cứ) mà ông đã từng nêu lên trong cuộc kinh lý chiến trường miền Nam hồi Tết năm 1946. Vấn đề đặt ra với cơ quan Tổng hành dinh là phải chỉ đạo các địa phương làm thế nào để tổ chức căn cứ địa không chỉ ở rừng núi mà cả ở đồng bằng, làm thế nào để mở mặt trận ở bất cứ nơi nào có bóng địch, đánh ngay cả ở sau lưng địch, trong ruột địch như Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương. Để kịp thời chuẩn bị bước vào mùa khô, thảo luận tìm ra biện pháp phát huy sức mạnh của cả chủ lực và địa phương, tìm ra cách đánh thích hợp nhằm phá kế hoạch tiến công của địch trong mùa khô này, Tổng Chỉ huy đề nghị Thường vụ cho triệu tập Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ ba ngay từ trung tuần tháng 6.

Dành nhiều thời gian thảo luận về hướng tiến công chiến lược của địch trong mùa khô sắp tới, hội nghị dự kiến ba khả năng: hoặc đồng bằng Bắc Bộ, hoặc vùng tự do Khu 4 (Thanh - Nghệ) và Khu 5 (Nam - Ngãi) hoặc chúng cũng có thể mưu đồ cuộc đại tiến công lên Việt Bắc. Dù trên hướng nào, chủ trương chiến lược của ta vẫn là vừa chỉ đạo đánh địch trên hướng chúng tiến công, đồng thời đẩy mạnh hoạt động rộng khắp trên chiến trường toàn quốc, kể cả đánh vào các vùng tạm bị chiếm (phối hợp với vũ trang tuyên truyền, phá hoại kinh tế, chống càn), đặc biệt coi trọng đánh mạnh làm tê liệt giao thông của địch để "chia lửa" với chiến trường chính. Trên hướng chính, nhất định phải tìm mọi biện pháp khoét sâu điểm yếu của địch, nhằm từng bước đánh bại cuộc hành binh quy mô lớn của chúng. Dự kiến tình huống địch tiến công vào căn cứ của ta, hội nghị nhận định chúng sẽ huy động quân đông (bao gồm cả những đội chuyên môn như quân dù, quân thạo đánh rừng), tiến quân bằng nhiều hướng. Do đó, điểm yếu của địch là chúng phải hoạt động xa căn cứ, quân đông sẽ gặp khó khăn về giao thông, tiếp tế. Ta phải chuẩn bị những bộ đội chủ lực mạnh, chọn địa hình thuận lợi, tập trung đánh mạnh vào các cánh quân địch trên đường tiến vào căn cứ của ta. Phải luyện tập để bộ đội và dân quân, du kích biết cách đánh quân nhảy dù, đánh giao thông đường bộ và đường sông, phải biết phát huy sức mạnh của các đội chuyên đánh xe tăng, cơ giới kết hợp với phá hoại để hạn chế tốc độ hành binh bằng cơ giới của địch.

Liên hệ tới Nghị quyết Hội nghị Tiên Kiên, hội nghị nhấn mạnh cần khắc phục những yếu kém cả về xây dựng và huấn luyện chiến đấu nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển mạnh sang vận động chiến theo tinh thần huấn lệnh ngày 6-3 của bộ.

Điểm mới của hội nghị quân sự lần này là, dựa vào thực tế nửa năm qua và dự kiến cục diện chiến trường sắp tới, lần đầu tiên hội nghị đã xác định được 11 nguyên tắc chỉ đạo tác chiến[11], trong đó nổi bật là nguyên tắc thứ nhất giữ quyền chủ động, thể hiện sự quán triệt tinh thần và tư tưởng chủ động tiến công địch. Thực tế sau này chứng minh: Đó chỉ mới là những nguyên tắc bước đầu được khái quát và sẽ không ngừng được thực tế chiến trường bổ sung hoàn chỉnh trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nhưng điều đáng nói ở đây là, chỉ mới trải qua nửa năm kháng chiến toàn quốc, bằng trí thông minh và bản lĩnh cầm quân của mình, Võ Nguyên Giáp đã phát huy được trí tuệ của tập thể cán bộ tham dự hội nghị quân sự lần này, bước đầu khái quát được những vấn đề rất cơ bản, định hướng cho bước đi cả về chiến lược và chiến thuật cho toàn quân trong suốt hai cuộc chiến tranh giải phóng.

Sau Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ ba và Hội nghị Phú Minh, theo đề nghị của Quân ủy với Đảng đoàn Chính phủ, đầu tháng 5, Hội đồng Chính phủ đã quyết định tách cơ quan quân sự tối cao thành hai bộ: Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng chỉ huy. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu chuyên lo hành chính quân sự và sản xuất quốc phòng, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chuyên lo chỉ đạo xây dựng quân đội và chỉ đạo tác chiến. Suốt mùa hè, hệ thống tổ chức tham mưu, chính

trị và cung cấp từ bộ xuống các khu và trung đoàn được khẩn trương củng cố. Riêng Bộ Tổng tham mưu, sau khi một số cán bộ tốt nghiệp các Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, Quân chính Bắc Sơn và Lục quân Quảng Ngãi cùng với một số cán bộ đã kinh qua chiến đấu được điều về, Tổng Tham mưu trưởng báo cáo với Tổng Chỉ huy rằng cơ quan bước vào mùa khô với một đội ngũ cán bộ đã dần dần "đều ta, đều việc". Tuy nhiên, mạng lưới trinh sát tình báo và thông tin liên lạc còn đuối sức trước nhiệm vụ, cả về trang bị kỹ thuật và trình độ nghiệp vụ. Sau một thời gian dài xáo trộn về tổ chức, hoạt động của hệ thống tình báo các cấp chưa trở lại được nền nếp.

Trước khi bước vào thu đông, hai khoá Võ bị 2 và 3 tốt nghiệp, toàn quân sẽ có thêm chừng 600 cán bộ sơ cấp bổ sung cho chủ lực và gần 90 cán bộ tăng cường cho các địa phương. Việc đó sẽ góp phần khắc phục điểm yếu mà hội nghị quân sự tháng 6 đã nêu lên là một số khá đông cán bộ đuối sức trước yêu cầu khẩn trương củng cố lực lượng và huấn luyện bộ đội để bước vào mùa khô. Thực hiện chủ trương của Quân ủy Trung ương, đầu tháng 8, Bộ Tổng tham mưu mở lớp bổ túc cho hơn 80 cán bộ tiểu đoàn và trung đoàn từ Khu 4 trở ra. Trải qua hơn sáu tuần học tập, anh em trở về địa phương để kịp chuẩn bị cho nhiệm vụ thu đông. Cũng trong dịp này, theo Sắc lệnh ngày 26-8-1947 của Chính phủ, các cơ quan Quốc phòng và Tổng Chỉ huy khẩn trương chuẩn bị thành lập đại đoàn độc lập, do Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái kiêm chức Đại đoàn trưởng. Đây là lực lượng chủ lực trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy, được tổ chức ở quy mô lớn nhất lúc bấy giờ. Không khí chuẩn bị thành lập đại đoàn thật sôi nổi không chỉ ở cơ quan mà khắp các đơn vị chủ lực của Bộ.

Đầu tháng 9, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp về thăm và kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của Bắc Cạn và Cao Bằng, hai tỉnh thượng du ấm nặng nghĩa tình. Gần nửa thế kỷ sau ông nhớ lại: Thị xã Bắc Cạn đã có những bãi cắm cọc tre chống quân nhảy dù, nhưng vẫn mang không khí một đại hậu phương ở xa mặt trận... ở Cao Bằng về, tôi yên tâm về sự chuẩn bị ở biên giới phía bắc. Nhưng chưa biết điều bất ngờ chính trong mùa khô đang chờ ở Bắc Cạn.

Trở về Tổng hành dinh, ông triệu tập và chủ trì Hội nghị quân chính các tỉnh trung du và Việt Bắc, nhằm kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của các đơn vị, địa phương trước khi bước vào thu đông. Thành phần hội nghị gồm các cán bộ chủ chốt trong cơ quan Bộ Tổng chỉ huy và đại diện các ngành bên Quốc phòng, cấp ủy các đơn vị chủ lực của bộ từ cấp tiểu đoàn trở lên, các cán bộ phụ trách Đảng và chính quyền các địa bàn dự kiến chiến sự có thể lan tới trong mùa khô. Hội nghị khai mạc đúng vào dịp viên cao ủy mới của Pháp là Bôla (Emile Bollaert) ra Hà Nội và đọc bài diễn văn về chủ trương của Pháp đối với Đông Dương. Từ bài diễn văn đó, trong báo cáo trước Hội nghị quân chính Việt Bắc, Bí thư Quân ủy Võ Nguyên Giáp đã phân tích âm mưu quân sự và chính trị của địch trong mùa khô sắp tới, qua đó thấy rõ tính chất khẩn trương và quyết liệt mà quân và dân các địa phương sẽ phải đương đầu nếu địch mở cuộc tiến công lên Việt Bắc mùa khô này. Từ thực tế Cao Bằng và Bắc Cạn, ông chỉ rõ những việc cần khẩn trương hoàn thành nhằm góp phần làm thất bại ý đồ chiến lược của địch. Với lãnh đạo các địa phương, ông nhấn mạnh việc chỉ đạo xây dựng và hoạt động của dân quân, du kích, công tác phá hoại, làm vườn không nhà trống, giữ bí mật và cảnh giác trước thủ đoạn chính trị lừa gạt của địch. Với các đơn vị chủ lực của bộ, ông nhắc lại yêu cầu hoàn thành khẩn trương kế hoạch quân sự mùa hè, đặc biệt là công tác huấn luyện kỹ thuật cơ bản, tăng cường công tác chính trị tư tưởng, công tác quản lý nắm vững bộ đội và nhiệm vụ giúp đỡ dân quân cả trong xây dựng và chiến đấu...

Một việc có tầm quan trọng quyết định phương hướng chuẩn bị trực tiếp cho toàn quân bước vào mùa khô là Hội nghị quân sự lần thứ tư, diễn ra trong ba ngày cuối tháng 9-1947. Do công tác tình báo của ta lúc này còn rất hạn chế cả về mặt tổ chức và trình độ nghiệp vụ cho nên khó khăn

nổi lên trong hội nghị quân sự lần này là phán đoán chủ trương chiến lược và thủ đoạn tiến công của địch trong mùa khô làm cơ sở cho việc bàn kế hoạch đánh bại cuộc hành binh của chúng. Điều đáng chú ý là trước đó nửa tháng, trong chỉ thị *Bôla nói gì? Ta phải làm gì*? đề ngày 15-9, Thường vụ Trung ương đã chỉ rõ: "Phải chuẩn bị chống các cuộc quân địch đánh xuyên mũi dùi, đánh vòng thật rộng, nhảy dù, đổ bộ sau lưng ta....

Phá hoại triệt để những thị trấn địch có thể chiếm trong mùa đông sắp tới"[12]. Thực tế sau này cho thấy, tiếc rằng trong hội nghị quân sự lần này, nhiều nội dung tương tự của bản chỉ thị của Thường vụ đã không được quán triệt kịp thời và đầy đủ.

Trong bản báo cáo trước hội nghị, sau khi phân tích mọi biến chuyển của địch trong mùa hè và dự kiến cuộc tiến công lớn sắp tới của chúng, Tổng Chỉ huy nhận định rằng mục đích của cuộc tiến công mùa khô của địch sẽ nhằm mục đích chụp bắt cơ quan lãnh đạo, đánh quỵ bộ đội chủ lực của ta, phá các căn cứ kháng chiến, chuẩn bị cơ sở chính trị - xã hội để thiết lập chính quyền bù nhìn tay sai của Pháp. Sau khi khẳng định chiến trường chính sẽ là Bắc Bộ, bản báo cáo đặt vấn đề: Hướng tiến công của địch là ở đâu? Đồng bằng Bắc Bộ, Việt Bắc hay Khu 4? Riêng hướng Việt Bắc, bản báo cáo cho rằng "Việt Bắc là một chiến trường mới, khó dự đoán", rằng "nếu mạo hiểm địch mới đánh Việt Bắc trước". Bản báo cáo của Tổng Chỉ huy cũng như diễn biến của cuộc thảo luận cho thấy nhiều vấn đề được nêu lên và quyết nghị đã góp phần làm sáng tỏ phương hướng và biện pháp đánh bại cuộc tiến công của địch. Hội nghị nhấn mạnh: Phải tránh mạo hiểm khi dùng binh lực lớn trong vận động chiến, coi trọng đánh giao thông vận tải, nên dùng chiến thuật phục kích hơn tập kích, phát triển chiến tranh du kích rộng rãi, đả phá tư tưởng giữ đất. Một khái niệm mới lần đầu tiên xuất hiện trong hội nghị lần này, đó là quần chúng chiến tranh (sau này gọi là chiến tranh nhân dân). Giải đáp một câu hỏi nêu lên trong hội nghị: "Thế nào là thắng địch trong mùa khô sắp tới?". Tổng Chỉ huy nói: Nếu chúng ta đối phó được cuộc tiến công mùa đông mà giữ gìn được phần lớn lực lượng là ta nắm phần thắng.

Hội nghị quân sự bế mạc nhưng trong dòng suy nghĩ của Tổng Chỉ huy vẫn tồn tại những bài toán chưa có lời giải đầy đủ, vẫn còn những điều chưa được khẳng định về khả năng của địch và cách đánh của ta. Liệu địch huy động được bao nhiêu quân? Thủ đoạn tiến công của chúng thế nào? Trong hội nghị, nếu có ý kiến nói rằng địch không dám nhảy dù xuống Bắc Cạn vì quá xa căn cứ của chúng ở đồng bằng, thì cũng có ý kiến mạnh bạo nói rằng: "Cẩn thận đấy, không khéo chúng nhảy dù ngay lên đầu chúng ta cho mà xem". Còn cách đánh của ta nên như thế nào? Nội dung thảo luận trong hội nghị dần dần hướng dòng suy nghĩ của Tổng Chỉ huy đến những luận điểm của ăngghen và Claudơuýt. ăngghen nói đến khả năng hạn chế của những đội võ trang yếu hơn đối mặt trực tiếp với một quân đội chính quy nhà nghề của đối phương, được trang bị mạnh và thiện chiến. Claudơuýt ca ngợi những cuộc chiến tranh nhỏ của những phân đội cơ động, bí mật. Nhưng còn Việt Nam trong mùa khô này thế nào? Từ thực tế tình hình của ta và cục diện chiến trường lúc này, Tổng Chỉ huy phát hiện một điều đặc biệt quan trọng: Bản huấn lệnh về du kích vận động chiến và nghị quyết về hoá một phần bộ đội thành dân quân để phát động chiến tranh du kích, còn thiếu những biện pháp cụ thể, nhiều vấn đề chưa được định hình, chưa thành công thức.

Dòng suy nghĩ gợi Tổng Chỉ huy nhớ lại những gì đã nghe về hoạt động của lực lượng vũ trang trong địch hậu Nha Trang và Thừa Thiên, đặc biệt là câu chuyện của ông Nguyễn Khang, Bí thư Khu 12[13] nói trong hội nghị quân sự vừa qua. Một đại đội vũ trang của tỉnh (địa phương gọi là đại đội nghĩa quân) chiến đấu ở nam phần Bắc Ninh, mất liên lạc khi tiểu đoàn rút ra ngoài, đã bí mật và độc lập ở lại trong vùng sau lưng địch, trà trộn vào trong dân để tồn tại. Được sự đùm bọc

của nhân dân và dựa vào làng chiến đấu, khi phân tán, khi tập trung, khi độc lập tác chiến, khi phối hợp với bộ đội của tỉnh từ ngoài vào, đại đội không những tiếp tục duy trì cuộc chiến đấu dài ngày trong lòng địch mà còn hỗ trợ đắc lực cho phong trào chiến tranh du kích cả một vùng phía nam của tỉnh. Rõ ràng đây là một hiện tượng mới, mở ra một khả năng mới về phương thức phát triển chiến tranh du kích. Ông Giáp quyết định xuống Khu 12 để nghiên cứu tại chỗ khả năng tồn tại của một đại đội độc lập trong vùng sau lưng địch.

Sau khi nghe báo cáo về hoạt động thực tế của đại đội này, Tổng Chỉ huy kết luận: Thực tế hoạt động của đại đội nam phần Bắc Ninh đã khẳng định tính chính xác của Nghị quyết Hội nghị quân sự cuối tháng 9 vừa qua về "dùng đơn vị đại đội để hoạt động trên chiến trường của một địa phương" và "bộ đội phải ở lại trong vùng sau lưng địch". Ông chỉ thị cho lãnh đạo Khu 12 nghiên cứu phương hướng phát triển các đại đội độc lập theo mô hình của đại đội nghĩa quân, làm hạt nhân cho chiến tranh du kích phát triển, đồng thời chỉ đạo mở rộng phong trào xây dựng làng chiến đấu theo kinh nghiệm của Đình Bảng - Từ Sơn. Lúc này, với Tổng Chỉ huy, phương hướng hoá một phần bộ đội chủ lực để phát động phong trào chiến tranh du kích đã được định hình cụ thể.

Ngồi trên lưng ngựa trở về căn cứ, Tổng Chỉ huy nhớ lại từng mốc phát triển của cuộc chiến đấu vừa qua. Thực tế chiến trường (đặc biệt là trận tiến công bất thành của một trung đoàn Vệ quốc đoàn vào thị xã Hà Đông hồi đầu tháng 3 vừa qua), dần dần hướng dòng suy nghĩ của Võ Nguyên Giáp về quy mô tác chiến trong điều kiện cụ thể lúc này. Vấn đề được dần dần khẳng định là: Để đưa cuộc kháng chiến tiến lên từng bước vững chắc, tình thế lúc này chưa cho phép tập trung binh lực tổ chức thành đại đoàn, chưa phải lúc nghĩ đến những trận đánh lớn. Đi đôi với việc phát triển rộng rãi chiến tranh du kích, trước mắt phải rèn luyện cho bộ đội tác chiến ở quy mô nhỏ và vừa, phải từ tiểu đoàn rồi trung đoàn mà đi dần lên.

Sau khi dừng chân ở thị xã Thái Nguyên, ông Giáp theo đường lớn qua Đại Từ, Phú Minh, Quảng Nạp về thẳng Điềm Mặc (Chợ Chu - Thái Nguyên). Cụ Hồ đã chuyển về đây từ trung tuần tháng 5. Tổng Chỉ huy báo cáo với Cụ về hội nghị quân sự, về chuyến đi công cán Khu 12, về những suy nghĩ dọc đường xung quanh việc tổ chức binh lực, mối quan hệ giữa chủ lực và địa phương trong xây dựng và chiến đấu và những dự kiến về cách đánh địch trong mùa khô sắp tới. Ông đề nghị tạm hoãn việc thành lập đại đoàn một thời gian để triển khai binh lực theo phương châm đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung, một công thức mà ông cho là thích hợp với chủ trương đẩy mạnh du kích vận động chiến. Sau khi hỏi thêm về tình hình chuẩn bị cho chiến dịch thu đông, Cụ Hồ chấp nhận đề nghị của Tổng Chỉ huy và nói sẽ trao đổi thêm với Tổng Bí thư Trường Chinh. Phát động chiến tranh du kích luôn là điều mà Cụ đặc biệt quan tâm, ngay từ những ngày Đội Quân giải phóng mới chào đời và được Cụ trìu mến gọi là "đội quân thơ ấu". Cụ chỉ thị: Không những chỉ đưa các đại đội độc lập vào vùng sau lưng địch mà phải chú ý cả những địa bàn chiến sự có thể lan tới trong thu đông này. Số lượng bao nhiêu đại đội, bàn trước với Tổng Bí thư, sau khi được sự nhất trí của Thường vụ sẽ triển khai ngay.

Trong buổi làm việc ngày hôm sau, hai ông Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp đã đi đến những kết luận cụ thể: Khoảng từ 1/3 đến 1/2 bộ đội chủ lực từ Bình Trị Thiên trở ra sẽ được phân tán thành những *đại đội độc lập*, đưa về các địa phương làm hạt nhân phát động phong trào chiến tranh du kích. ở mỗi khu, các trung đoàn chủ lực của khu chỉ để lại một ban chỉ huy trung đoàn và một đến hai tiểu đoàn, được gọi là *tiểu đoàn tập trung*. Riêng ở Trung ương, các tiểu đoàn và trung đoàn chủ lực của bộ vẫn giữ nguyên biên chế và sẽ được giao nhiệm vụ chiến đấu trên các hướng do bộ trực tiếp chỉ đạo. Từ Khu 4 trở ra, sẽ củng cố và xây dựng khoảng 70 tiểu đoàn tập

trung làm lực lượng chủ yếu trong du kích vận động chiến. Với hình thức tổ chức này, quân đội có điều kiện đi cả hai chân: Vừa trực tiếp hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích, vừa đóng vai trò quyết định trong việc triển khai chủ trương chiến lược chuyển mạnh sang du kích vận động chiến.

Về tới cơ quan, Tổng Chỉ huy không kịp bổ sung bản *mệnh lệnh* đề ngày 4-10 gửi các khu trong toàn quốc mà ông đã duyệt trước khi lên đường đi Khu 12. Bản mệnh lệnh mới được gửi đi, chưa chứa đựng những nội dung về tổ chức binh lực theo chủ trương chiến lược mới nhất mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh đã nhất trí. Sau khi nghe báo cáo của Bộ Tổng tham mưu nói rằng chưa có triệu chứng gì cụ thể về cuộc tiến công của địch, Tổng Chỉ huy quyết định đi kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu của tỉnh Tuyên Quang, một trong mấy địa bàn quan trọng của căn cứ địa. Ông rời cơ quan Tổng hành dinh lên đường ngày 6 mà không hề nghĩ rằng chỉ hôm sau địch ra quân mở chiến dịch tiến công lên Việt Bắc và cuộc hành binh của địch bắt đầu đúng vào lúc tại cơ quan lãnh đạo kháng chiến của ta, cả Tổng Bí thư, Tổng Chỉ huy và Tổng Tham mưu trưởng đều đi vắng. Hai ông Trường Chinh và Hoàng Văn Thái đang có mặt ở thị xã Bắc Cạn, mục tiêu đánh chiếm đầu tiên trong cuộc hành binh của địch.

18- Lật ngược thế cờ

Trong những ngày đầu chiến dịch tiến công của quân Pháp, ta ở vào thế hết sức bất lợi. Do phán đoán thiếu chính xác về khả năng huy động binh lực, hướng tiến công và thủ đoạn tác chiến của địch, công tác chuẩn bị trong khu tam giác trung tâm căn cứ địa (Bắc Cạn - Tuyên Quang - Thái Nguyên) còn rất nhiều sơ hở. Phần lớn bộ đội chủ lực của bộ và của khu dồn xuống nhằm ngăn chặn địch từ phía trung du lên. Phía bắc hai thị xã Tuyên Quang và Thái Nguyên, công tác phá hoại đường sá và nhà cửa, việc sơ tán kho tàng, cơ quan, bệnh viện và việc động viên nhân dân làm "vườn không nhà trống" còn mang nặng tư tưởng mà sau này Tổng Bí thư Trường Chinh gọi là "đại hậu phương chủ nghĩa". Trong khi đó thì cường độ và tốc độ tiến triển trong những ngày đầu của cuộc hành binh chứng tỏ quy mô rộng lớn và tầm chiến lược quan trọng của cuộc tiến công của địch. Rõ ràng quân Pháp quyết đánh một đòn quyết định ngay tại căn cứ địa kháng chiến.

Sáng ngày 8-10, Tổng Chỉ huy về tới cơ quan. Ngay sau khi nghe tin địch mở cuộc tiến công, từ huyện lỵ Chiêm Hoá, Tuyên Quang ông không về bằng ôtô mà dùng ngựa cùng đoàn tùy tùng xuyên rừng thâu đêm theo đường tắt về Tổng hành dinh. Lúc này, cơ quan Tổng Chỉ huy cùng các cơ quan Trung ương ở quanh vùng Sơn Dương và Chợ Chu đã chuyển sâu vào hai bên chân Núi Hồng. Về tới nơi, ông Giáp thật sự không yên tâm khi biết các ông Trường Chinh và Hoàng Văn Thái đều đang ở vùng có chiến sự.

Trưởng phòng Tác chiến Đào Văn Trường báo cáo với Tổng Chỉ huy tin tức về các đợt nhảy dù của địch xuống thị xã Bắc Cạn và Chợ Mới ngày 7 và xuống Chợ Đồn hôm nay, ngày 8-10; tin tức về cuộc hành quân của cơ giới địch từ đêm 7-10 trên đường số 4 từ Lạng Sơn lên hướng Thất Khê. Tham mưu đã ra lệnh điều Trung đoàn 72 lên hướng Bắc Cạn và mệnh lệnh gửi các khu 1, 10, 12 về nhiệm vụ chiến đấu tiêu hao, tiêu diệt địch, phá hoại đường sá, cầu cống, giúp dân sơ tán và làm "vườn không nhà trống", triệt tiếp tế của địch, phối hợp với nhân dân trừ gian, phòng gian bảo vệ các cơ quan Chính phủ.

Chiều ngày 8, Tổng Tham mưu trưởng từ Bắc Cạn cũng đã về tới cơ quan. Cuộc trao đổi ý kiến giữa Tổng Chỉ huy và Tổng Tham mưu trưởng cho thấy còn thiếu nhiều tin tức để đánh giá cụ thể tình hình chiến sự nhưng qua những tin tức nhận được hai ngày qua, có thể sơ bộ nhận định

rằng: Địch dựa vào ưu thế về binh khí, kỹ thuật để hành động mạo hiểm và giành được bất ngờ do sơ khoáng của ta, hòng đạt mục tiêu chiến lược mà Hội nghị quân sự lần thứ tư đã dự kiến là diệt bộ đội chủ lực của ta, chụp bắt cơ quan lãnh đạo và phá căn cứ địa kháng chiến mà trung tâm là Bắc Cạn. Hoạt động của địch cuối tháng 9 trên hướng Tây Bắc chỉ là nghi binh để mở cuộc tiến công lên Việt Bắc. Trên hướng chiến lược chính này, bước đầu địch đã gây cho ta một số thiệt hại nhưng không đạt được mục đích và yếu tố bất ngờ cũng không còn. Trở lại các tin tức trước đây, Pháp được tăng viện hàng vạn quân, nhưng ta chưa có cơ sở để phán đoán địch sẽ huy động thêm bao nhiêu lực lượng để mở cuộc hành binh mùa khô. Có thể chúng sẽ nối Cao Bằng với Bắc Cạn, hình thành một gọng kìm ôm lấy căn cứ địa trên hướng đông bắc rồi càn xuống phía nam, vùng chúng nghi là có cơ quan lãnh đạo kháng chiến. Ông Giáp chỉ thị cho ông Thái bằng mọi giá phải bảo vệ an toàn cơ quan lãnh đạo và phải cho người lên ngay Bắc Cạn tìm Tổng Bí thư. Trước mắt, điều thêm lực lượng của bộ từ trung du lên hướng đường số 3 và đường số 4 để ngăn chặn địch lan rộng ra ngoài các thị xã, thị trấn. Điện cho Khu 10[14], chuẩn bị sẵn sàng pháo binh đánh tàu địch dọc sông Lô trên hướng Đoan Hùng - Tuyên Quang, đề phòng địch hình thành một gọng kìm trên hướng tây căn cứ địa. Chỉ thị cho Phòng Tác chiến và Tình báo bám sát động tĩnh của địch để điều chỉnh kế hoạch tác chiến. Đã đến lúc phải thực hiện ngay công thức đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung, một chủ trương chiến lược chưa kịp thể hiện trong mệnh lệnh ngày 4-10. Tổng Tham mưu trưởng chuẩn bị dự thảo bản huấn lệnh về vấn đề này.

Đêm hôm đó, giữa lúc Tổng Chỉ huy đang làm việc khuya dưới ánh đèn dầu thì có chuông điện thoại. Ông Thái báo cáo, trên đường lên Bắc Cạn, cán bộ phái đi đã gặp ông Trường Chinh cùng một đơn vị bảo vệ từ Chợ Đồn qua hướng Thành Cóc về căn cứ. Ông Thái quyết định sớm hôm sau sẽ cùng một tiểu đội lên đường đi đón. Nghe tin ông Trường Chinh thoát hiểm đang trên đường trở về, Tổng Chỉ huy thở phào nhẹ nhõm, vội gọi ngay sang bên Trung ương để ông Hoàng Quốc Việt báo cáo với Cụ Hồ. Hôm sau, ông Thái gặp Tổng Bí thư cùng đoàn chiến sĩ bảo vệ ở chân đèo So. Trên đường về, Tổng Tham mưu trưởng tranh thủ báo cáo với Tổng Bí thư tình hình chiến sự mấy ngày qua. Khó khăn nhất của ta trong những ngày đầu không chỉ là bị bất ngờ và bị động mà do thiếu kinh nghiệm nên hiệu quả chiến đấu còn rất hạn chế. Trừ Trung đoàn Thủ đô và Trung đoàn Lạng Sơn đã được thử thách ít nhiều, tất cả các đơn vị khác đều chưa kinh qua chiến đấu. Trình độ trang bị, tổ chức của ta chưa cho phép tiến hành những trận đánh lớn để ngăn chặn quân địch, hoặc tiêu diệt quân địch tại những thị xã chúng vừa chiếm đóng. Ông Thái cũng báo cáo những ý kiến của ông Giáp về dự kiến về cách đánh sắp tới. Cuộc trao đổi giữa hai ông về biện pháp đối phó với cuộc hành binh của địch diễn ra suốt dọc đường về căn cứ.

Mấy ngày tiếp theo, tin chiến thắng đầu tiên của các nơi bắt đầu báo về Tổng hành dinh. Bộ đội Cao Bằng hạ một máy bay địch; ngay trong ngày đầu nếu bộ đội pháo binh Khu 10 bỏ lỡ cơ hội đánh tàu địch vì cơ động pháo chậm thì Tiểu đoàn 18 bộ binh lại dùng badôka bắn chìm một tàu LCVP trên sông Lô rồi chặn đứng cuộc đổ bộ của địch lên Bình Ca, cửa ngõ phía tây của An toàn khu. Rạng sáng ngày 13, trạm liên lạc của Bộ Tổng tham mưu ngoài Quán Vuông báo vào: Có một liên lạc viên mang theo một tài liệu bắt được của địch từ chiếc máy bay rơi ở Cao Bằng. Tổng Tham mưu trưởng cử anh Nguyễn Văn Ngạn, thư ký riêng ra nhận. Sau bốn ngày đêm xuyên rừng từ đơn vị về đây, chiến sĩ liên lạc Nguyễn Doanh Lộc chỉ kịp giao bản tài liệu rồi lăn ra ngủ, không kịp húp bát cháo do *hỏa thực* (anh nuôi) của trạm nấu vội đem lên. Nhác nhìn tài liệu, anh Ngạn biết đây là bản kế hoạch hành binh của địch lên Việt Bắc, một tài liệu vô giá đối với cơ quan tham mưu lúc này. Theo lệnh của Tổng Tham mưu trưởng và dưới sự hướng dẫn của Trưởng phòng Tác chiến Đào Văn Trường, bản kế hoạch của quân đội Pháp lập tức được dịch

đến đâu tác nghiệp lên bản đồ đến đấy để báo cáo lên Tổng Chỉ huy. Tổng Chỉ huy tranh thủ đọc nhanh bản kế hoạch của địch. Ngay trong cuộc họp sáng hôm đó, 13-10, ông Giáp cùng Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, Cục trưởng Cục Chính trị Văn Tiến Dũng nghe cơ quan Tác chiến trình bày và cùng nhau phân tích, đánh giá bản kế hoạch tiến công thu đông của Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp. Trước khi vào họp, Tổng Chỉ huy nhắc cơ quan chính trị tặng Huân chương cho Đại đội trợ chiến 74 của Cao Bằng hạ máy bay, thu được bản kế hoạch của địch và khen thưởng chiến sĩ liên lạc Nguyễn Doanh Lộc.

Bản kế hoạch của Bộ Chỉ huy Pháp cho thấy, với hơn 15 ngàn quân[15], cuộc hành binh của địch dự kiến qua hai bước:

Bước 1: Mang tên *Léa,* trung tâm là khu tam giác Bắc Cạn - Chợ Mới - Chợ Đồn. Dự kiến diễn biến như sau:

1- Ngày 7 và ngày 8: Quân dù chiếm Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn và càn quét vùng xung quanh. Ngày 9, hai cánh quân Bắc Cạn và Chợ Đồn gặp nhau ở bản Poi (cách Bắc Cạn 20 km trên đường Bắc Cạn - Chợ Đồn).

2- Ngày 10, bộ binh cơ giới (xuất phát từ Lạng Sơn đêm 7-10) phối hợp với quân dù chiếm Cao Bằng rồi cho một bộ phận tiến xuống Bắc Cạn (dự kiến ngày 12) để cùng lực lượng ở Chợ Đồn tiến sang Đài Thị kịp hội quân (vào ngày 13) với cánh hướng tây từ Đoan Hùng, Tuyên Quang lên bằng đường số 2, sông Lô và sông Gâm. Đài Thị (điểm hội quân) cách Chiêm Hoá chừng 15 km ngược dòng sông Gâm.

3- Sau khi hoàn thành tổ chức phòng thủ ở Chợ Mới (dự kiến trong ngày 11) sẽ tiến hành càn quét và tuần tiễu trên đường số 3 và đường Chợ Mới - phố Bình Gia.

Bước 2: Mang tên *Clo Clo,* lấy vùng Chợ Chu làm trọng điểm. Dự kiến: Ngày 14 đánh chiếm huyện lỵ Định Hoá (Chợ Chu) từ các hướng: Từ Bắc Cạn xuống và từ chợ Mới sang, phối hợp với quân dù nhảy thẳng xuống Chợ Chu. Một đơn vị dù khác nhảy xuống phía nam huyện lỵ, chặn đường Chợ Chu - Thái Nguyên. Sau đó tùy tình hình mà lùng sục càn quét trong khu tam giác Bắc Cạn - Chợ Chu - Chợ Mới.

Sau khi thảo luận, mọi người nghe Tổng Chỉ huy rút ra mấy kết luận quan trọng, cũng là nội dung sẽ báo cáo với Thường vụ trong cuộc họp sắp tới:

1- Địch hình thành hai gọng kìm lớn kẹp lấy căn cứ địa Việt Bắc: Gọng kìm hướng đông dài hơn 400 km, hướng tây hơn 250 km. Trên địa bàn từ Trung du lên Việt Bắc, không gian cuộc hành binh gồm tám tỉnh, nhưng tập trung vào khu tứ giác Tuyên Quang - Đài Thị - Bắc Cạn - Thái Nguyên (chừng 3.600 km^2) trong đó trọng điểm càn quét lùng sục là Bắc Cạn - Chợ Chu - Chợ Mới (chừng 300 km^2).

2- Điểm mạnh của địch là ưu thế về máy bay, pháo binh, cơ giới. Nhưng ưu thế đó không phát huy được đầy đủ trên chiến trường rừng núi, nhất là trong điều kiện thời tiết mùa đông. Điểm yếu chí tử của địch là lực lượng dàn mỏng trên một chiến trường rất rộng lại xa hậu phương. Chúng buộc phải dựa vào hai trục đường bộ và đường sông để giải quyết vấn đề tiếp tế và tăng viện. Quân ta có điều kiện tiêu hao, tiêu diệt địch cơ động trên cả đường bộ và đường sông.

3- Thực tế diễn biến một tuần qua chứng tỏ địch không thực hiện được kế hoạch theo dự kiến (theo kế hoạch, hôm nay 13, chúng phải hợp điểm ở Đài Thị nhưng cánh quân hướng tây mới đến Tuyên Quang, còn cách điểm hẹn 80 km, cánh quân hướng đông, từ Chợ Đồn còn cách Đài Thị 50 km đường rừng). Nếu quân ta đánh mạnh trên sông Lô và đường số 2 sẽ bẻ gãy gọng kìm hướng tây, đồng thời làm thất bại kế hoạch hội quân của địch.

4- Nếu theo bước 2 của kế hoạch (*Clo Clo*), địch nhảy dù Chợ Chu (cách khu cơ quan Tổng hành dinh chừng 20 km đường chim bay) rồi càn quét xuống phía Quán Vuông - Quảng Nạp - Phú Minh thì một số cơ quan hiện đang ở chân Núi Hồng sẽ không an toàn. Vấn đề cấp bách là bảo vệ cơ quan Trung ương trong quá trình di chuyển để tránh những mũi dùi lùng sục của địch.

5- Cách triển khai binh lực theo mệnh lệnh ngày 4-10 không còn phù hợp với thực tế chiến trường mấy ngày qua. Chưa phải lúc đem binh lực lớn nhưng trang bị kém và còn thiếu kinh nghiệm tác chiến ra đối mặt với xe tăng pháo binh địch. Phải nhanh chóng điều chỉnh lại bộ đội chủ lực, hình thành ba mặt trận sông Lô - đường số 4 - đường số 3. Với chừng 20 tiểu đoàn chủ lực, dùng đơn vị nhỏ, kết hợp bộ binh với pháo binh, dùng cách đánh chủ yếu là phục kích, tiêu hao, tiêu diệt địch, ngăn chặn tiếp tế tăng viện, tiến tới bẻ gãy từng gọng kìm của chúng, trước hết là gọng kìm phía tây.

6- Cần thực nghiệm ngay phương thức đại đội độc lập, trước hết là ở các châu huyện thuộc bốn tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, với nhiệm vụ giúp đỡ lực lượng vũ trang địa phương phát triển chiến tranh du kích, đánh địch rộng rãi, hạn chế khả năng càn quét lùng sục của địch. Mỗi trung đoàn thuộc các khu 1, 2, 10 cần giải tán 1 - 2 cơ quan tiểu đoàn bộ, đưa cán bộ xuống tăng cường cho các đại đội.

7- Ra chỉ thị khắc phục ngay những thiếu sót về công tác chuẩn bị chiến đấu của các địa phương phía bắc các thị xã Thái Nguyên và Tuyên Quang. Công tác phá hoại và tổ chức động viên nhân dân sơ tán, làm vườn không nhà trống phải được coi là công tác trung tâm của dân quân Việt Bắc lúc này. Đôn đốc các công binh xưởng, bệnh viện, kho tàng, cơ quan di chuyển sâu vào hẳn bên trong, xa đường lớn.

Tối hôm đó, Tổng Bí thư nghe báo cáo và nhanh chóng nhất trí với Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp về phương hướng tác chiến sắp tới. Ông quyết định triệu tập ngay cuộc họp của Thường vụ. Hôm sau, 14-10, Hội nghị Thường vụ tán thành phương án tác chiến chiến dịch do Tổng Chỉ huy đề đạt. Toàn Việt Bắc sẽ hình thành ba mặt trận: Cao Bằng - đường số 4, Bắc Cạn - đường số 3 và sông Lô - đường số 2 do cán bộ chủ chốt của Bộ Tổng chỉ huy trực tiếp điều hành[16]. Hội nghị cũng thông qua Chỉ thị của Thường vụ Trung ương động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân *Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp*. Kết thúc Hội nghị Thường vụ, Cụ Hồ nói: Tình hình cực kỳ rối ren về chính trị ở Pháp và phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa đã dẫn Pháp đến chỗ muốn sớm kết thúc chiến tranh Đông Dương. Chúng chỉ tiến công ồ ạt lúc đầu. Nếu ta thực hiện được đánh địch khắp nơi, buộc chúng dàn mỏng lực lượng đối phó, chúng sẽ thất bại. Giữ gìn được chủ lực qua mùa đông này là coi như thắng lợi. Nếu chuyến này chúng không thắng nhanh để kết thúc chiến tranh thì cục diện sẽ đổi mới có lợi cho ta.

Trước khi lên đường ra mặt trận, Tổng Chỉ huy đôn đốc Bộ Tổng tham mưu chuyển đạt nhiệm vụ tác chiến mới cho Khu 1[17] và Khu 10, đồng thời gấp rút hoàn thành bản huấn lệnh về chuyển hướng cách đánh chiến dịch và về *Đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung* gửi các khu. Bản Huấn lệnh số 101 đề ngày 15-10 và 104 đề ngày 16-10 khẳng định quyết tâm và biện pháp phát động chiến tranh du kích rộng rãi và thay đổi kế hoạch tác chiến cho thích hợp với tình thế để thực

hiện những nhiệm vụ đặt ra trong mệnh lệnh ngày 4-10, đồng thời xác định rõ nhiệm vụ tác chiến của bộ đội hoạt động tại các địa phương (các đại đội độc lập) và bộ đội lưu động (các tiểu đoàn tập trung). Với hai bản huấn lệnh đó, Tổng Chỉ huy đã chỉ cho quân dân Việt Bắc phương hướng và biện pháp đảo lộn thế cờ thu đông của Bộ Chỉ huy Pháp, biến quyết tâm của Thường vụ *Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp* thành hiện thực.

Ngày 17, Tổng Chỉ huy lên đường ra mặt trận.

Bộ đội trên các hướng đã chấp hành chủ trương tác chiến mới với một tinh thần tích cực và sáng tạo. Khắc phục những thiếu sót ban đầu về bố trí trận địa pháo đánh địch trên sông Lô, bộ đội pháo binh Khu 10 đã phối hợp với dân quân, du kích, nghi binh lừa địch, bố trí pháo ở những vị trí bí mật, bất ngờ, sát bờ sông, thực hiện khẩu hiệu "đặt gần bắn thẳng", liên tiếp bắn đắm tàu địch ở Khoan Bộ (23-10), Đoan Hùng (24-10). Trong khi đó, trên các tuyến đường bộ, các trận đánh ở Km 7 (đường số 2 - ngày 22-10) và Bông Lau (đường số 4 - ngày 30-10) là những trận phục kích bất ngờ, đánh hiểm, đạt hiệu suất cao, góp phần khoét sâu điểm yếu cơ bản của địch là phải cơ động tiếp viện trên một chiến trường rất rộng, xa căn cứ hậu phương. Sau ba tuần ra quân, mấy mục tiêu của chiến dịch tiến công của địch ngày càng xa vời, nên kế hoạch hành binh của chúng đã đứng trước nguy cơ phá sản. Do lực lượng bị căng mỏng, ý định hợp điểm không thực hiện được theo đúng kế hoạch, các cánh quân trên cả hai gọng kìm đều bị tổn thất, địch bắt đầu rút các vị trí lẻ (Chợ Đồn - ngày 23-10, Chiêm Hoá, Chợ Rã - ngày 25-10) co về các thị xã Bắc Cạn và Tuyên Quang. Để tiếp tục dồn địch vào tình thế nguy kịch, trong Huấn lệnh số 132 ngày 27-10, Tổng Chỉ huy nhấn mạnh nhiệm vụ phải đánh mạnh hơn nữa trên mặt trận sông Lô và đường số 4, khoét sâu hơn nữa tình thế ngày càng bất lợi của địch. Để bộ đội không lỡ thời cơ diệt địch, nhất là quân địch hành quân bằng cơ giới, từ kinh nghiệm của trận phục kích đạt hiệu suất cao ở Bông Lau, bản Huấn lệnh số 132 nhấn mạnh: Các tiểu đoàn tập trung phải đứng chân ở địa bàn cơ động, luôn luôn sẵn sàng và chủ động đánh địch khi chúng xuất hiện.

Một ngày cuối tháng 10, trên đường từ Bình Gia (Lạng Sơn) về, Tổng Chỉ huy ghé thăm cơ quan Tổng Tham mưu (khi đó đã chuyển sang phía đông đường số 3). Trong buổi nói chuyện với cán bộ tham mưu tập trung trong một hang đá ở Tràng Xá, sau khi phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, chủ trương tác chiến của ta và diễn biến chiến sự hơn ba tuần qua, Tổng Chỉ huy khẳng định: Những ngày xáo trộn do bất ngờ và bị động đã qua. Binh lực của ta đã được triển khai đúng hướng. Các mặt trận đang đánh địch một cách chủ động và có hiệu quả. Chỉ trong vòng một tháng nữa - cụ thể là trong tháng 11 sắp tới - với hoạt động "đều tay" của các tiểu đoàn tập trung và với sự phát triển của phong trào dân quân, du kích Việt Bắc, có sự hỗ trợ của các đại đội độc lập, cục diện chiến trường sẽ chuyển biến và sẽ chuyển biến rất nhanh, ngày càng có lợi cho ta.

Thực tế đã chứng minh lời của Tổng Chỉ huy.

Sau chiến thắng của pháo binh trong trận Khe Lau (ngã ba sông Lô - sông Gâm) ngày 10-11, có nhiều triệu chứng địch chuyển hướng kế hoạch. Thực tế diễn biến sau đó cho thấy không phải quân Pháp chuyển sang thực hiện bước 2 (*Clo Clo*) như kế hoạch ban đầu mà là một bước đi mới, với cái tên mới: *Xanhtuya*[18]. Sau này ta được biết, cái tên này xuất hiện ngoài ý muốn của Tướng Xalăng - người điều hành chiến dịch tiến công lên Việt Bắc. Bước chuyển hướng này không phải nhằm thực hiện ý đồ xiết chặt vòng vây như cái nghĩa đích thực của Xanhtuya mà là những cuộc càn quét trên dọc đường tháo chạy. Về phía ta, trước những khó khăn của quân Pháp vào trung tuần tháng 11 này, không khỏi có những sự đánh giá không đúng so sánh lực lượng

trên chiến trường. Ngày 18-11, Khu 10 điện báo cáo Tổng Chỉ huy: "Địch rất hoang mang rệu rã. Đề nghị cho tập trung bộ binh và pháo binh tiến công tiêu diệt địch ở thị xã Tuyên Quang".

Nhận thấy địch còn đông, trang bị còn mạnh, trình độ trang bị kỹ thuật và kinh nghiệm chiến đấu của ta chưa cho phép đánh lớn vào thị xã Tuyên Quang, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp trả lời không chấp nhận, và chỉ thị: "Theo dõi thật sát mọi hoạt động của địch, chuẩn bị sẵn sàng đánh địch khi chúng rút lui".

Sau đó là mệnh lệnh chuẩn bị đánh địch rút chạy trên các hướng: hướng sông Lô - đường số 2: Tuyên Quang - Sơn Dương - Thiện Kế - Vĩnh Yên và trên sông Lô; hướng giữa - trục đường số 13 Tuyên Quang đi Thái Nguyên; hướng đường số 3: Chợ Chu - Đại Từ và khu tứ giác Chợ Mới - Võ Nhai - Thái nguyên - Giang Tiên. Các bức điện của Bộ Tổng chỉ huy đều nhắc nhở các đơn vị: Tuyệt đối chống khuynh hướng chỉ muốn đánh trận lớn mà không đánh trận nhỏ; đối với các toán quân đi lùng sục, khủng bố, ta không bố trí trận địa phòng ngự mà phải dùng hình thức nghi binh, quấy rối, "đánh chim sẻ"[19], làm cho chúng mất tự do hành động, đi đến đâu cũng bị đánh.

Tiếc rằng, do nhiều nguyên nhân (bám địch không kịp thời, thông tin chậm, khả năng bộ đội vận động kém, lại thiếu kinh nghiệm truy kích một kẻ địch khéo nghi binh, đánh lạc hướng trên từng chặng đường tháo chạy) cho nên trong nhiều trường hợp, quân ta bỏ lỡ cơ hội truy kích tiêu diệt địch. Trừ một số trận trên hướng bắc (điển hình là tập kích ở Phủ Thông - cuối tháng 11, phục kích ở Đèo Giàng - đầu tháng 12) hiệu suất chiến đấu tương đối tốt, còn các trận đánh trên đường Bình Ca - Đèo Khế, trận Phan Lương - tả ngạn sông Lô hay phục kích ở Phục Linh, Quán ông Già, trận đánh quân dù ở Võ Nhai đều đạt kết quả hạn chế.

Ngày 19-12, Chiến dịch Việt Bắc kết thúc đúng vào dịp kỷ niệm một năm kháng chiến toàn quốc. Ngoài việc chiếm đóng các thị xã Bắc Cạn, Cao Bằng và một số vị trí trên đường số 3 và số 4, quân viễn chinh Pháp chịu tổn thất nhiều về người và trang bị vật chất mà không đạt được bất kỳ mục tiêu chiến lược nào đề ra cho cuộc hành binh quy mô lớn đầu tiên kể từ ngày trở lại xâm lược Việt Nam. Ngày 22-12 - ngày kỷ niệm thành lập quân đội - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp rời Tổng hành dinh sang Tuyên Quang dự lễ mừng công của quân và dân Việt Bắc. Dưới ánh lửa của hàng ngàn bó đuốc sáng rực sân vận động thị xã, trước đông đảo các đơn vị chủ lực, dân quân, du kích, tự vệ vừa lập chiến công và nhân dân các dân tộc Tuyên Quang, Tổng Chỉ huy đọc *Nhật lệnh* tuyên dương công trạng quân và dân Việt Bắc và các chiến trường phối hợp trong toàn quốc. Ông nhắc nhở toàn quân: Phải học tập kinh nghiệm xương máu trên chiến trường Việt Bắc để hiểu biết thêm và đánh thắng quân địch, để hiểu rõ khuyết điểm của ta mà kịp thời bổ cứu... Đặc biệt phải chấn chỉnh và rèn luyện bộ đội, sao cho tình báo phải nhanh, địa hình phải thuộc, liên lạc phải thông suốt, vận động phải nhẹ nhàng, chỉ huy phải kịp thời và kiên quyết.

Đúng 3 năm trước, khi chấp hành chỉ thị của Cụ Hồ thành lập Đội Quân giải phóng, ông đã nói với các chiến sĩ của mình về phương hướng phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ. Tinh thần ấy hôm nay được thể hiện cụ thể trong điều kiện mới, khi đội quân nhỏ bé mới ra đời năm nào dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự dìu dắt trực tiếp của ông, mới vừa tròn ba tuổi đã đủ sức đánh tan cuộc hành binh quy mô lớn nhất của thực dân Pháp kể từ ngày đầu kháng chiến. Như cách nói của Cụ Hồ, dưới sự lãnh đạo của Đảng và được sự đùm bọc của toàn dân, sức mạnh của đội quân ấy như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến, không có thoái.

Hôm sau, trước khi rời thị xã Tuyên Quang để về Tổng hành dinh, ông Giáp tranh thủ viết thư riêng và cho người đem lên cho các ông Hồ Đắc Di và Tôn Thất Tùng ở Chiêm Hoá và ông Tạ

Quang Bửu khi đó đang lên kiểm tra cơ sở quân khí ở Bản Thi (Chợ Đồn), nói về chiến thắng của quân đội ta trong Chiến dịch Việt Bắc. Việc làm này không chỉ xuất phát từ tình bạn giữa những người trí thức gần như đồng tuế[20] mà còn vì cuộc tiến công hùng hổ lúc đầu của địch đã khiến cho nhiều người lo ngại về khả năng bảo vệ căn cứ kháng chiến của bộ đội. Chừng nửa tháng sau, ông Giáp lại cho chuyển đến nhiều thành viên trong Hội đồng Chính phủ bản tài liệu bằng tiếng Pháp nhan đề*Cuộc tiến công của Pháp lên Việt Bắc*. Tài liệu là kết quả tổng hợp và sắp xếp lại theo trình tự thời gian các tài liệu (mệnh lệnh, báo cáo, thư cho gia đình của sĩ quan và binh lính Pháp) mà bộ đội ta thu lượm được của địch trên chiến trường. Những tài liệu đó phản ánh từng bước khó khăn và tổn thất của quân Pháp trong suốt gần ba tháng hành quân trên vùng rừng núi hiểm trở, xa lạ, khí hậu khắc nghiệt, tiếp tế khó khăn và luôn bị một đối thủ vô hình đánh bất cứ lúc nào, khiến cho tinh thần của chúng càng về cuối cuộc hành binh càng sa sút nghiêm trọng. Cụ Hồ giao cho hai ông Tạ Quang Bửu và Trần Công Tường tổng hợp và biên soạn thành một tập tài liệu nhỏ cho cán bộ ta nghiên cứu về địch và cho Phòng Địch vận vận dụng vào việc giáo dục tù, hàng binh Âu - Phi. Tài liệu có tác dụng to lớn về mặt tuyên truyền giáo dục chính trị - tư tưởng tới mức, 4 năm sau, trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, giáo sư bác sĩ Tôn Thất Tùng còn nhắc đến như một kỷ niệm kháng chiến khó quên.

Trong và sau những ngày diễn biến chiến dịch, một trong những người bận rộn nhưng phấn khởi nhất có lẽ là nhạc sĩ Văn Cao. Anh đã hứa với Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp là sẽ soạn một bản nhạc ca ngợi chiến thắng Việt Bắc. Nhưng suốt ba tháng qua, anh chỉ có điều kiện quanh quẩn ở Tuyên Quang và "bám" lấy dòng sông Lô trong xanh luôn có tiếng súng. Anh theo bộ đội xuống Phan Lương, Bến Then rồi lên Bình Ca, rồi lại cuốc bộ lên xem nơi quân ta phục kích địch ở Km 7 bên trên thị xã, nhưng vui nhất là chuyến đi ngã ba Khe Lau khi chiến dịch đã kết thúc. Nhạc sĩ rất thích thú khi được ngồi trên xác một trong mấy chiếc canô của địch bị bắn đắm lúc này dạt trên bãi cát mép sông, ngắm trời ngắm nước để hoàn chỉnh bản nhạc ca ngợi chiến tích của chiến sĩ pháo binh bắn đắm tàu địch ở ngã ba sông này. Hôm Văn Cao trở lại Khe Lau thì đã thấy nhà văn - nhà báo Thép Mới cũng đã có mặt cùng với một số cán bộ Tổng hành dinh, trong đó có Mai Xuân Tần. Chàng thư sinh nổi tiếng giỏi toán ở xứ Huế này mới về nhận nhiệm vụ thư ký riêng cho Tổng Chỉ huy, đang ngồi ngắm tàu địch bị đắm mà tay vẫn không rời quyển sách toán, trong khi đó thì Thép Mới miệng không rời cái píp to như quả trứng gà, luôn nhả khói. Sau vài câu chuyện phiếm, mọi người đề nghị Văn Cao hát *Thiên Thai*. Nhạc sĩ từ chối nhưng đề nghị mọi người thưởng thức và cho ý kiến về bản nhạc anh mới sáng tác, bài *Trường ca sông Lô* mà theo anh, lúc này mới là phác thảo nên còn rất "gồ ghề".

Nghe xong và sau khi mọi người nói cảm tưởng (Thép Mới là người nói nhiều hơn cả), Văn Cao đặt vấn đề:

Tôi xin hỏi các ông: Tôi ví sông Lô với Vonga, Dương Tử có được không?

- Sao lại không được? Người trả lời nhanh nhất lại vẫn là Thép Mới. Trong điều kiện giành chiến thắng, xét về tương quan lực lượng, quân ta còn khó khăn hơn Hồng quân và Giải phóng quân Trung Hoa nhiều.

Người nào cũng góp ý kiến và thường có vẻ thiên về nghề nghiệp. Mấy anh quân sự Tổng hành dinh đề nghị tác giả nên có cái nhìn toàn diện. Chiến thắng sông Lô - với Khe Lau, Bình Ca, Đoàn Hùng - nằm trong chiến thắng chung của Khu 10, của Việt Bắc, trong đó có Bông Lau trên đường số 4, có Km 7 trên đường số 2; nói đến tiếng trái phá của pháo binh đừng quên sự yểm trợ của bộ binh bảo vệ pháo, đừng quên đôi vai anh dân quân giúp vác từng bộ phận pháo vượt qua

núi Là để có chiến thắng Khe Lau. Thép Mới diễn đạt những suy nghĩ đầy hình ảnh trong đầu óc nhà văn: Nói đến dòng sông khi có tiếng pháo bắn tàu địch thì cũng đừng quên nói đến dòng sông khi đã im tiếng súng, với bóng dáng những bè nứa, bè gỗ, những con đò ngang ở Ghềnh Quýt, những cảnh thanh bình quăng chài kéo lưới dưới ánh trăng... Người vui nhất hôm đó là Văn Cao. Anh không ngờ gặt hái được nhiều ý hay trong cuộc hội ngộ không định trước này ngay ở ngã ba sông, nơi xác tàu địch còn nằm đó. Văn Cao dự kiến sau khi hoàn chỉnh bài hát sẽ đến đề nghị anh Văn cho ý kiến. Tổng Chỉ huy là tổng công trình sư của chiến thắng này mà.

Mấy tháng sau gặp lại Văn Cao mới biết nhạc sĩ đã phải bỏ một thời gian khá dài, cân nhắc từng ý, từng nốt nhạc để hoàn chỉnh bản trường ca của mình. Thế rồi *Trường ca sông Lô* đã đến với bộ đội, với các đoàn văn công của địa phương và đơn vị. Từ đó, mỗi nốt nhạc, của Văn Cao trong *Trường ca sông Lô* đều đã góp phần làm cho nhiều thế hệ người Việt Nam từ thời đánh Pháp đến thời đánh Mỹ và mãi về sau này hiểu biết thêm và luôn luôn nhớ đến chiến thắng sông Lô trong chiến thắng Việt Bắc nói chung - một mốc trên chặng đường trường chinh 30 năm của dân tộc.

19- Trong niềm vui chiến thắng

Chiến dịch Việt Bắc kết thúc thắng lợi trùng với mấy ngày kỷ niệm lớn: Ngày thành lập quân đội và ngày kháng chiến toàn quốc. Trong niềm vui của cả nước, Cụ Hồ viết luôn mấy bài báo về những sự kiện đáng ghi nhớ đó.

Trong bài *Lời kêu gọi nhân kỷ niệm một năm kháng chiến toàn quốc*, Cụ viết: "Chúng ta biết trước rằng kháng chiến ắt phải gay go, phải trường kỳ, nhưng chắc chắn sẽ thắng lợi.

Vì vậy, mặc dầu gian nan cực khổ, nhân dân ta ngày càng đoàn kết, càng hăng hái, càng cương quyết kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng.

Chiến sĩ ta ngày càng nhiều kinh nghiệm, càng thêm rèn luyện, càng thêm dũng cảm, những trận đánh oanh liệt ở Mỹ Tho, ở đèo Hải Vân, ở sông Lô, ở Thất Khê, v.v., đã làm cho địch kinh hồn mất vía"[21].

Nhân dịp này, Cụ khen ngợi và động viên tinh thần các tướng sĩ từ Bắc đến Nam, cán bộ chuyên môn và anh em công nhân, công chức, toàn thể đồng bào hậu phương và trong vùng tạm bị chiếm, các cháu nhi đồng, kiều bào ở nước ngoài, đồng thời Cụ thay mặt nhân dân Việt Nam cảm ơn nhân dân Pháp và nhân dân thế giới "đã giữ gìn chính nghĩa mà ủng hộ nước ta, phản đối bọn thực dân phản động".

Trong bài *Việt Bắc anh dũng*, với bút danh Tân Sinh, Cụ lược lại diễn biến của chiến dịch rồi trích những bức thư, những lời thú nhận của sĩ quan và binh lính địch về thất bại của chúng và kết luận: "Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Chính phủ, sự điều khiển khôn khéo của Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng chỉ huy, sự dũng cảm của tướng sĩ Vệ quốc quân và dân quân, du kích, nhờ sự hăng hái của toàn thể đồng bào, mà ta đã đánh tan cuộc tấn công vào Việt Bắc của thực dân Pháp"[22].

Cụ căn dặn toàn dân toàn quân chớ tự kiêu tự đại, chớ chủ quan khinh địch, phải luôn chuẩn bị, cẩn thận đề phòng vì: "Thực dân chưa bị đánh quỵ. Chúng sẽ tấn công nơi này rồi đến nơi khác... Cuộc kháng chiến sẽ gay go hơn nữa.

Nhưng dù sao, với sự suy đồi của thực dân phản động, với sự sáng suốt của Chính phủ ta, với sự dũng cảm của chiến sĩ ta, với lòng kiên quyết của nhân dân ta, với sự ủng hộ của dân chủ thế giới, trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, thống nhất độc lập nhất định thành công"[23].

Về ngày kỷ niệm 22-12-1947, Cụ dành nhiều tình cảm cho các chiến sĩ khi viết bài *Kỷ niệm ngày thành lập Giải phóng quân Việt Nam,*khẳng định bước đường trưởng thành và chiến thắng vẻ vang của đội quân ra đời đúng 3 năm trước, theo chỉ thị của Cụ: *Từ Giải phóng quân đến Vệ quốc quân.*

Đội thứ nhất của Giải phóng quân ngày trước là cái hạt giống bé nhỏ, do đó mà nảy nở thành cái rừng to lớn là Vệ quốc quân ngày nay, nếu người ngoài trông thấy bước đầu của Giải phóng quân thì chắc họ sẽ cho rằng đó là một trò chơi của trẻ con, hay là công việc của mấy người "không tưởng", chắc họ sẽ mỉa mai rằng:

"Vài chục thằng thanh niên học trò và dân cày, Thổ có, Nùng có, Trại có, Kinh có. Với vài khẩu súng quèn, mươi con dao mã tấu, mà cũng dám tự gọi là quân, cũng dám gánh cái trách nhiệm giải phóng cho dân tộc.

Nhưng chúng ta đã quyết tâm làm cho kỳ được kế hoạch gây dựng Giải phóng quân, đã giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp thi hành.

Kết quả đã chứng tỏ rằng: Chính sách của chúng ta rất đúng, chính sách đúng là vì ta dựa theo cái chân lý giản đơn và thiết thực này: Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng"[24].

Cuối cùng Cụ căn dặn: "Vệ quốc quân, dân quân, du kích phải luôn phát triển cái kỷ luật nghiêm như sắt, cái tinh thần vững như đồng, cái chí khí quật cường tất thắng, cái đạo đức: trí, dũng, liêm, trung của Giải phóng quân"[25].

Trong mùa khô đầu tiên của cuộc kháng chiến toàn quốc, quân và dân ta vừa lập công lớn, khiến Cụ Hồ rất vui. Cụ bàn và nhất trí với Thường vụ rồi đưa ra Hội nghị Trung ương ngày 15-1-1948 thảo luận và quyết định việc động viên tinh thần bộ đội, đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang sau hơn 2 năm kháng chiến. Hai ngày sau, Cụ triệu tập Hội đồng Chính phủ. Các thành viên Chính phủ chuẩn y đề nghị của Bộ Quốc phòng phát động phong trào "ủng hộ bộ đội" đồng thời tán thành chủ trương tặng thưởng cho những người lập chiến công trong mùa khô vừa qua, phong quân hàm cho một số cán bộ cao cấp trong quân đội. Ngày 20-1, Chủ tịch Chính phủ ký Sắc lệnh 110/SL phong quân hàm Đại tướng cho ông Võ Nguyên Giáp, Tổng Chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân tự vệ, và các sắc lệnh phong quân hàm Thiếu tướng cho các ông Hoàng Văn Thái, Tổng Tham mưu trưởng, Nguyễn Sơn, Khu trưởng Khu 4, Hoàng Sâm, Khu trưởng Khu 2, Chu Văn Tấn, Khu trưởng Khu 1, Trần Tử Bình, Trưởng phòng Kiểm tra cán bộ, Văn Tiến Dũng, Cục trưởng Cục Chính trị, Lê Hiến Mai, Chính ủy Khu 2.

Tiếp đến ngày 25-1, Cụ ký Sắc lệnh phong quân hàm Trung tướng cho ông Nguyễn Bình, Khu trưởng Khu 7 kiêm ủy viên quân sự Nam Bộ, quân hàm Thiếu tướng cho ông Trần Đại Nghĩa, Cục trưởng Cục Quân giới.

Tết Mậu Tý sắp đến, đến trong dư âm chiến thắng thu đông vừa qua. Ngày 6-2, các bộ trưởng và thứ trưởng đóng cơ quan quanh vùng Đại Từ, Sơn Dương, Chợ Chu nhận được giấy triệu tập đúng 10 giờ 30 phút hôm sau có mặt ở trạm công an Tân Trào "để đi đến một địa điểm hội nghị đặc biệt". Mọi người tự hỏi: Không biết hội nghị gì mà khẩn trương và quan trọng như thế? Sau này, Bộ trưởng Bộ Tài chính Lê Văn Hiến nói rõ Cụ Hồ mời các ông dự bữa cơm vừa mang ý

nghĩa tất niên, vừa kỷ niệm một năm kháng chiến toàn quốc và mừng chiến thắng thu đông. Trong *Nhật ký của một bộ trưởng,* Lê Văn Hiến viết: Chúng mình sau khi leo bao nhiêu đèo, qua bao nhiêu suối, mới đến chỗ ở của Cụ. Ông già vẫn khỏe mạnh và tiếp chúng mình với bao niềm nở vui vẻ. Vì trời hôm nay mưa to, đường sá lầy lội, gần tối chúng mình mới đến, một bếp lửa sẵn sàng để chúng mình sưởi cho đỡ rét. Cuộc họp hôm nay cũng đến 20 người, văn có, võ có, kể cũng vui. Trước khi ngồi vào tiệc, Hồ Chủ tịch đưa một ít vấn đề để anh em có mặt tham gia ý kiến và giải quyết. Bữa cơm thân mật, đoàn kết trong rừng của Hồ Chủ tịch thết đãi trong dịp Tết, bữa cơm thanh đạm mà mặn mà, ngồi vào tiệc chúng mình cảm thấy bao nhiêu thú vị.

Sáng hôm sau, Bộ Tổng chỉ huy lại mời chúng mình ghé qua chơi thăm Văn và ăn trưa ở đây trước khi về cơ quan. Dinh của Tổng Chỉ huy trang hoàng cũng khá lộng lẫy. Trong nhà có đàn bà cũng có khác.

Ông Hiến muốn nói đến sự có mặt của bà Đặng Bích Hà, phu nhân Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp[26].

Trong những ngày này, bên cái vui chung, còn có những niềm vui riêng. Đám cưới của Trần Công Tường với chị Vân được tổ chức ngày 17-2-1948. Hai tháng sau, đến lượt Việt Châu và chị Diệu Hồng. Ông Văn biết ông Hiến cũng đã có "đối tượng" và đã được Cụ Hồ đồng ý, vậy mà không hiểu sao cứ dùng dắng mãi? Bộ trưởng Lê Văn Hiến kể lại rằng, một buổi tối hạ tuần tháng 5, gặp nhau nhân ngày họp Hội đồng Chính phủ: "Võ Nguyên Giáp nằm gần mình kề tai hỏi nhỏ: Việc ấy còn chờ gì nữa, đã định ngày chưa? Mình chỉ cười mà trả lời "còn chờ thiên thời, địa lợi, nhân hoà mới đủ điều kiện bước qua giai đoạn quyết định". Hai đứa cùng cười... Giáp phá làm mình không ngủ được, nghĩ đến X. mãi, còn anh ta thì ngáy khì"[27].

Trong khi chờ cho đủ "thiên thời - địa lợi - nhân hoà", Lê Văn Hiến dành thời gian rỗi để trồng rau. Những luống rau cần cỗi vì bị lãng quên trong những ngày địch tiến công nay đã trở lại xanh tốt. Trồng rau và tặng rau cho bạn bè là niềm vui đối với Lê Văn Hiến. Một lần ông gửi tặng ông bà Phan Anh một rổ rau, một ít nước mắm ngon và mấy quả cam. Hôm sau, được "hồi âm" bằng một hộp bánh Huế, kèm theo mấy câu thơ:

"Rau non, cam ngọt ân cần

Chiến khu muôn dặm tình thân một nhà

Tạ lòng biết gởi chi qua

Tặng anh gói bánh thay quà Thủ đô".

Lê Văn Hiến bình: "Bánh ngon, lời thơ thêm ý vị. Tiếc rằng X. không còn ở đây để cùng chia chút quà của chiến khu". Lời bình bánh ngon và thơ hay chỉ đến với ông Phan Anh khi hai ông gặp nhau ngày 28-5 trong một cuộc họp quan trọng - ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh phong quân hàm cho Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp. Cuộc họp dự định vào buổi sáng, nhưng phải hoãn đến chiều, vì các thành viên Chính phủ chưa đến đủ do trời mưa to, nước suối dâng cao không lội qua được.

Đến giờ, buổi lễ diễn ra trọng thể trong một căn nhà dựng trên lưng chừng đồi, ẩn mình kín đáo dưới tán cây rừng. Dưới chân đồi, dòng suối lớn chảy quanh. Bàn thờ Tổ quốc được bài trí giản dị mà trang nghiêm. Hai bên là hai băng đỏ, chữ vàng, ghi hai khẩu hiệu *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi - Thống nhất độc lập nhất định thành công.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh và cụ Trưởng ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn đứng trước bàn thờ. Trong không khí trang nghiêm và xúc động, Cụ Hồ nói: "Hôm nay, thay mặt Chính phủ và nhân dân...".

Rồi Cụ nghẹn ngào không nói nên lời, rút khăn lau nước mắt. Không khí xúc động bao trùm cả căn phòng. Lát sau Cụ mới cất tiếng, tuyên bố: "Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trao cho chú chức vụ Đại tướng để chú điều khiển binh sĩ làm trọn sứ mạng mà quốc dân giao phó".

Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp bước lên nhận sắc lệnh. Cụ Trưởng ban Thường trực Bùi Bằng Đoàn nhân danh Quốc hội, tiếp đến ông Phan Anh thay mặt Chính phủ phát biểu chúc mừng. Bộ trưởng Tạ Quang Bửu thay mặt Bộ Quốc phòng chúc mừng Tổng Chỉ huy và nói lời hứa của toàn quân sẽ nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng dưới sự chỉ huy của Đại tướng. Nhớ lại giờ phút khó quên này, gần nửa thế kỷ sau, ông Võ Nguyên Giáp viết: Tôi xúc động phát biểu mấy lời, từ đáy lòng vô cùng nhớ tiếc các anh hùng liệt sĩ, chân thành biết ơn Bác, Quốc hội và Chính phủ đã dành cho tôi vinh dự cao cả. Tôi hứa sẽ đem hết tinh thần và nghị lực làm trọn nhiệm vụ, góp phần khiêm tốn của mình vào sự nghiệp đấu tranh cho độc lập và thống nhất của Tổ quốc.

Những năm sau này, đã từng có người hỏi Đại tướng nghĩ gì vào thời điểm đó, ông Võ Nguyên Giáp trả lời rằng ông bỗng nhớ lại bốn chữ mà hơn 3 năm trước Cụ Hồ đã dạy khi giao nhiệm vụ xây dựng Đội Quân giải phóng: Dĩ công vi thượng[28]. Bốn chữ đó mãi mãi là định hướng tư tưởng trong suốt cuộc đời làm tướng của ông. Ông còn cho biết, sau khi sự kiện phong tướng được công bố trên Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, có ký giả phương Tây hỏi Cụ Hồ: Việc phong tướng cho sĩ quan cao cấp Việt Nam dựa theo tiêu chuẩn nào? Câu trả lời của Cụ thật mộc mạc, đại ý: Đó là tiêu chuẩn hoàn thành nhiệm vụ và lập công của các tướng lĩnh trong mấy năm qua. Cụ thể là: Đánh thắng đại tá thì phong đại tá; thắng thiếu tướng, phong thiếu tướng; thắng trung tướng, phong trung tướng; thắng đại tướng, phong đại tướng.

Cụ Hồ đã chỉ rõ một sự thật lịch sử mấy năm qua.

Tính chi li ra, kể từ khi cuộc kháng chiến bắt đầu ở Nam Bộ tháng 9-1945 đến mùa hè năm 1948 này, mới chưa đầy 3 năm mà Pari đã phải ba lần thay tổng chỉ huy quân viễn chinh. Sau Lơcle, đến lượt Valuy phải ra đi sau 22 tháng không thể hiện được cái mà Pari mong đợi, đó là "năng lực gánh vác nhiệm vụ đặc biệt khó khăn là đánh bại ông Giáp và quân Việt Minh". Đối thủ tiếp theo của ông Giáp là tướng bốn sao Bledô vừa đến Sài Gòn nhậm chức tổng chỉ huy trung tuần tháng 5, đúng vào dịp ông Giáp nhận quân hàm Đại tướng. Từ năm 1958, quân đội ta bắt đầu xây dựng nền nếp chính quy, toàn quân có quân hàm và mang quân phục thống nhất. Người ta nhận thấy Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp[29] rất thích mặc quân phục với bốn ngôi sao cấp tướng trên cầu vai do Cụ Hồ thay mặt Chính phủ và nhân dân phong tặng. Thói quen đó vẫn được duy trì mãi đến tận bây giờ.

Sau chiến thắng có ý nghĩa chiến lược mùa khô đầu tiên của cuộc kháng chiến toàn quốc, điều quan tâm đặc biệt của ông Giáp là rút ra được những bài học bổ ích để dẫn dắt quân đội tiếp tục tiến lên trước yêu cầu nhiệm vụ mới.

Ngay từ đầu tháng 12-1947, khi cuộc tiến công chiến lược của quân đội Pháp lên Việt Bắc đã đứng trước nguy cơ thất bại, trong tài liệu*Thế nào là quy luật chiến tranh*, Thường vụ Trung ương đã có những nhận xét bước đầu về công tác chuẩn bị bước vào mùa khô: Trong việc chuẩn bị chiến dịch mùa đông vừa rồi, ta chủ quan đánh giá quá thấp địch, không đoán đúng được mưu

mô của chúng, hoặc đoán không đến nơi... Những thất bại đầu tiên ở Bắc Cạn, Cao Bằng, Chợ Đồn, Tuyên Quang v.v. vừa rồi là những bài học cho ta... Ta vừa đánh vừa học. Ta luôn luôn gắng sức học cái hay của địch, sửa chữa sai lầm của ta, phát triển những ưu điểm của ta, lợi dụng triệt để những nhược điểm của địch mà đánh..., nhất định ta sẽ chuyển bại thành thắng...

Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp hoàn toàn nhất trí với Tổng Bí thư Trường Chinh rằng chiến dịch đầu tiên này đã cho chúng ta nhiều bài học bổ ích.

Ngày 16-12, tức chỉ ít ngày trước khi chiến dịch kết thúc, ông Giáp đã có cuộc họp với chỉ huy các khu và một số trung đoàn[30] nhằm sơ bộ nhận định những ưu, khuyết điểm mấy tháng qua, bước đầu rút ra những kinh nghiệm và đề ra phương hướng hoạt động cho các lực lượng vũ trang sau này.

Sau khi cùng mọi người thống nhất đánh giá về thắng lợi của ta trong thu đông đầu tiên của cuộc kháng chiến và bước tiến bộ rõ rệt của bộ đội sau hơn hai tháng cọ xát với địch, Tổng Chỉ huy gợi ý mọi người thẳng thắn nêu lên những ưu, khuyết điểm của chỉ đạo, chỉ huy trong chiến dịch vừa qua. Hội nghị nhận thấy tổ chức và trình độ nghiệp vụ trinh sát tình báo của ta kém nên phán đoán địch lúc đầu không đúng, dẫn đến việc bố trí ở Bắc Cạn sơ sài vì chủ quan. Việc sử dụng binh lực của ta còn kém, thường phân tán nên đánh tiêu hao nhiều hơn tiêu diệt. Về kỹ thuật chiến đấu của bộ đội, do bộ đội yếu kém về sử dụng vũ khí (cả xạ kích, ném lựu đạn và đánh địa lôi) nên ảnh hưởng nhiều đến khả năng tiêu diệt địch. Với lực lượng vũ trang địa phương, do cán bộ chỉ huy các cấp nắm tình hình không chắc cho nên đánh giá không đúng khả năng còn rất hạn chế của bộ đội địa phương... Kết luận hội nghị, Tổng Chỉ huy tóm tắt phương hướng và biện pháp khắc phục những yếu kém trên đây để các khu và trung đoàn triển khai sau khi chiến dịch kết thúc. Từ những kết luận của hội nghị này, Bộ Tổng tham mưu tổng hợp thành báo cáo trước cuộc họp sắp tới của Tổng Quân ủy nhằm đánh giá kết quả hoạt động thu đông và bàn nhiệm vụ quân sự trước mắt.

Tại Hội nghị Tổng Quân ủy ngày 1-1-1948, Bí thư Võ Nguyên Giáp phân tích thất bại vừa qua của quân viễn chinh Pháp, kiểm điểm sự chỉ đạo của Quân ủy và nêu lên dự kiến về nhiệm vụ quân sự xuân hè của các chiến trường toàn quốc.

Nhìn lại các mục tiêu chiến lược Bộ Chỉ huy Pháp đề ra cho cuộc tiến công (được coi là táo bạo, mạo hiểm và chớp nhoáng), bản báo cáo đánh giá địch đã cắt được đường tiếp tế của ta ở biên giới Đông Bắc, phá một số kho tàng, chiếm đóng một số nơi. Địch làm được như vậy vì qua lưới gián điệp, quân Pháp nắm được những chỗ yếu và sơ hở của ta. Chúng hành động táo bạo, nhảy dù vào tận hậu phương ta nên đạt được tính bất ngờ. Nhưng quân Pháp không "chộp" được bộ máy lãnh đạo kháng chiến, không "đập tan" được bộ đội chủ lực của đối phương, không lừa gạt được dân, càn quét không có hiệu quả, lại bị tổn thất nặng nề về người và trang bị kỹ thuật[31]. Chúng thất bại không chỉ vì ta có kế hoạch đề phòng trước (dù chưa đầy đủ, thiếu cụ thể và còn nhiều sơ hở), vì nhân dân căm thù giặc, mà còn vì bọn tướng tá Pháp chủ quan, không thấy trước những khó khăn của một cuộc hành binh trên một chiến trường quá rộng lại xa căn cứ hậu phương, địa hình rừng núi không thuận lợi, trước một đối thủ đã kịp thời thay đổi cách đánh để từng bước đảo lộn thế cờ. Với việc vận dụng phương châm đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung cùng với việc triển khai ba mặt trận, ta đã từng bước khoét sâu chỗ yếu cơ bản của quân địch - chúng phải phụ thuộc vào các trục đường bộ và đường sông để giải quyết vấn đề tiếp tế, tăng viện. Với việc sơ tán nhân dân và làm vườn không nhà trống, ta đã biến cuộc hành binh ồ ạt mà

tướng lĩnh Pháp gọi là "đòn đánh thẳng vào tim quân thù" thành "một quả đấm lớn, đấm vào chỗ không người"[32].

Về phía ta, trước khi bước vào chiến dịch, Cụ Hồ nói: Giữ gìn được chủ lực qua mùa đông này là coi như thắng lợi. Thắng lợi của ta không chỉ là bảo toàn được chủ lực qua 75 ngày cọ xát với địch, mà thắng lợi còn ở chỗ bộ đội bước đầu được tôi luyện và thử thách nên đã trưởng thành một bước quan trọng, căn cứ địa vẫn đứng vững và nhất là cơ quan lãnh đạo kháng chiến được bảo vệ an toàn. Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp nhận xét: Lần đầu đánh địch vận động trên sông, nhưng bộ đội pháo binh tiến bộ nhanh, chiến đấu có hiệu quả, trong khi bộ binh học tập được cách đánh phục kích và tập kích, dân quân, du kích bước đầu phát triển.

Nhưng cũng do lần đầu đối mặt với một cuộc tiến công quy mô lớn nên ta cũng bộc lộ nhiều yếu kém: Phán đoán địch thời kỳ đầu không đúng, chủ quan về tình hình căn cứ địa, cho rằng địch yếu không dám mạo hiểm tiến công lên Việt Bắc, không dám nhảy dù xuống Bắc Cạn, do đó công tác chuẩn bị không chu đáo, thiếu đề phòng trường hợp hậu phương có thể nhanh chóng biến thành tiền tuyến, nên một số nơi bị thất bại (Bắc Cạn) hoặc tổn thất về người và kinh tế (một số vùng ở Phúc Yên, Bắc Giang); lãnh đạo không sát, tổ chức nhiều cấp và phương tiện thông tin liên lạc thiếu thốn nên mệnh lệnh nhiều khi không thông suốt; Phương châm du kích là chính, vận động chiến là phụ là đúng nhưng không có biện pháp cụ thể để phát động chiến tranh du kích. Cấp chiến lược chưa nắm chắc trình độ bộ đội nên nhấn mạnh nhiều về tập trung trong khi điều kiện địa hình và trình độ cơ động và bố trí của bộ đội còn kém; việc chấp hành mệnh lệnh chậm chạp, không triệt để[33]. Cùng với việc nêu lên những thiếu sót, bản báo cáo đề ra nhiệm vụ chỉ đạo quân đội khắc phục những yếu kém bằng những biện pháp tổng hợp: Bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện bộ đội, chỉnh đốn tổ chức và cải tiến tác phong chỉ đạo, chỉ huy.

Về âm mưu chiến lược sắp tới của địch, ông Giáp phán đoán chúng có thể sẽ tập trung chuẩn bị tiến công Khu 4 hoặc càn quét vùng châu thổ sông Hồng và mở rộng vùng địch hậu bằng biện pháp "vết dầu loang", lôi kéo dân vào đô thị để lập tề, củng cố chính quyền bù nhìn, khống chế nhân dân, trước hết là dọc đường số 1 và đường số 5. Cuối cùng, bản báo cáo tập trung phân tích phương hướng và biện pháp làm thế nào để đánh bại âm mưu và thủ đoạn trên đây của địch.

Nghị quyết của Hội nghị Tổng Quân ủy được chuyển đạt xuống các địa phương, đơn vị, bắt đầu bằng bản huấn thị ngày 6-2-1948 của Bộ Tổng chỉ huy về củng cố bộ đội và học tập kinh nghiệm thu đông năm 1947. Huấn thị nhấn mạnh: Chú ý kinh nghiệm về phán đoán địch, kinh nghiệm rút ra từ cách đánh của địch (cả ưu và khuyết điểm trong các thủ đoạn tiến công, phòng ngự, phản công, hành quân, rút lui) và những kinh nghiệm về tổ chức và chỉ đạo, chỉ huy chiến đấu của bộ đội. Bản huấn thị của Tổng Chỉ huy viết: "Nhận định thiệt hại của địch ở Việt Bắc là để thêm phần tin tưởng. Nhưng sự thật ta còn rất kém, ta phải nêu những ưu điểm mà phát huy, nêu những khuyết điểm mà quyết tâm sửa chữa".

Bản huấn thị chỉ ra phương hướng bổ khuyết trong học tập chiến thuật, củng cố kỷ luật, tăng cường công tác chính trị, lãnh đạo dân quân và các hoạt động quan hệ đến tổ chức chỉ huy chiến đấu, như công tác nắm địch, thông tin liên lạc, nền nếp báo cáo, ý thức chấp hành mệnh lệnh. Riêng về công tác nắm địch, bản huấn thị viết: "Ta cần biết ý định của địch: Chúng định làm gì, chúng định đi đâu? Biết được hay phán đoán được kế hoạch của chúng thì kế hoạch của ta mới sát. Trong trận tiến công của địch vào Việt Bắc, những phán đoán của ta về địch có khi đúng, có khi không được đúng lắm, nhiều khi sai".

Về phán đoán sai, bản huấn thị đưa ra vài dẫn chứng trong giai đoạn cuối của chiến dịch: "Địch ở Bắc Cạn thả Việt gian phao tin sẽ rút về Thái Nguyên, đồng thời có một số cơ giới đi về Cao Bằng. Ta phán đoán địch muốn rút về Cao Bằng nên phao tin rút về Thái Nguyên để lừa ta. Ta điều động quân phục kích trên đường Bắc Cạn - Cao Bằng. Sau địch rút về Thái Nguyên thực... Vì ta phán đoán sai nên điều động quân sai và đánh hụt địch. Bộ đội mệt mà không lập được công".

Và bài học rút ra là: Khi chưa có điều kiện hiểu rõ về địch thì nên nêu lên nhiều tình huống và nên đặt giả định là địch mạnh để khỏi chủ quan.

Về công tác chính trị, phân tích kết luận trong Hội nghị Tổng Quân ủy ngày 1-1-1948 nói rằng Công tác chính trị không theo kịp nhiệm vụ quân sự, bản huấn thị nêu rõ: "Ta hơn Pháp là nhờ ở ta có công tác chính trị, ta vì nước, vì dân tộc mà đánh giặc. Nhưng nhìn lại ta đã làm được những gì? Cán bộ còn thiếu quyết tâm, chiến sĩ tinh thần tuy có, nhưng không phát huy được đầy đủ. Qua những cuộc chiến đấu, không chú ý đến việc củng cố bộ đội, người ốm, bị thương để rơi rớt và thất lạc lung tung. Sự chôn cất tử sĩ thiếu chu đáo. Công tác dân vận tuy bộ đội có làm, nhưng còn khuyết điểm nhiều. Tới đâu thiếu tuyên truyền động viên tinh thần nhân dân, thiếu giúp đỡ nhân dân, thậm chí có bộ đội còn phạm kỷ luật dân vận, mượn đồ dùng của dân quên không trả, gây chuyện xích mích với nhân dân".

Cuối bản huấn thị, Tổng Chỉ huy viết: "Trong trận Việt Bắc vừa qua, tuy địch thất bại, nhưng ta chưa phải đã hoàn toàn thắng lợi, khuyết điểm của ta còn nhiều. Học tập và trưởng thành trong chiến đấu, là nhiệm vụ thiêng liêng của Tổ quốc trao cho chúng ta lúc này. Các cấp cán bộ và toàn thể bộ đội phải nhận trách nhiệm này, noi theo truyền thống của Đội Quân giải phóng khi xưa, kiên quyết học tập, sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm để thắng địch trong giai đoạn này, hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến, giành phần thắng lợi cuối cùng về ta".

Về cấp chiến lược, ngày 20-3-1948, Hội nghị tổng kết của Bộ Tổng chỉ huy về sự chỉ đạo phá cuộc tiến công của địch lên Việt Bắc khẳng định, ta đã sớm phát hiện những sai sót lúc đầu trong phán đoán địch và đã kịp thời chuyển hướng bố trí binh lực và thay đổi cách đánh nên đã giành được thắng lợi, làm thất bại âm mưu "đánh đòn quyết định" của địch. Trong báo cáo tại Hội nghị tổng kết, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã phân tích, làm sáng tỏ sự khác biệt giữa mệnh lệnh ngày 4-10-1947 và các mệnh lệnh bổ cứu ngày 15 và 27-10. Cụ thể là: Phương châm đề ra trong mệnh lệnh ngày 4-10 là: Du kích là chính, vận động là phụ và ngoài bộ đội chủ lực tập trung đánh vận động, còn bộ đội hoạt động trên các chiến trường địa phương lấy đơn vị đại đội mà bố trí. Tổng Chỉ huy nhận xét rằng phương châm thì đúng nhưng không cụ thể. Mãi tới khi tác chiến mới nhận thấy: Không nói đến tập trung và đánh như thế nào. Cũng vì không cụ thể cho nên:

1- Cấp khu tập trung quá nhiều, làm cho hậu phương sơ hở, địch đến không có bộ đội nên chúng tự do hoành hành;

2- Trung đoàn địa phương bố trí có tính chất trận địa, khi điều động một đơn vị đi là ở đó bị trống. Bố trí như vậy nhất định sẽ có chỗ hở và quân nhiều mà hoá ít, vì địch chọc vào chỗ nào cũng được.

Thiếu sót trên đây đã được bổ cứu bằng mệnh lệnh ngày 15 và 27-10 với sự ra đời của ba mặt trận và việc hình thành đại đội độc lập (có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, phát động du kích chiến tranh) và tiểu đoàn tập trung (có nhiệm vụ lưu động tác chiến vận động, không lệ thuộc vào nhiệm vụ cố định của một địa phương nào). Nhờ sớm phát hiện được thiếu sót, kiên

quyết thay đổi kế hoạch, thay đổi cách đánh, nên cả bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương đều phát huy được sức mạnh tiêu hao địch và giành thắng lợi. Sau chiến dịch, trong Hội nghị tổng kết, Tổng Chỉ huy đã gặp riêng nhiều cán bộ khu và trung đoàn, nêu những nhận xét về hoạt động của đơn vị đồng thời lắng nghe ý kiến của anh em về phương thức chỉ đạo của Bộ Tổng chỉ huy trong chiến dịch đầu tiên này. Ông biểu dương khen ngợi những cán bộ đã cùng đơn vị đem lại thắng lợi đồng thời cũng không giấu giếm những hạn chế của cơ quan Tổng hành dinh trong cuộc thử thách quy mô lớn vừa qua. Do lần đầu tiên đánh địch trong một chiến dịch mang tính toàn cục, sự phối hợp của các chiến trường toàn quốc còn hạn chế, nhưng những khó khăn thực tế của địch trong tăng viện chứng tỏ bước đầu các chiến trường đã phát huy tác dụng kìm chân địch, phối hợp với chiến trường chính, với Việt Bắc.

Chính với tinh thần dám nhìn thẳng vào sai lầm thiếu sót và kịp thời sửa chữa để giành thắng lợi trong chiến dịch đầu tiên này mà đúng nửa thế kỷ sau, trong cuộc hội thảo tháng 12-1997 tổ chức tại Bắc Cạn nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Việt Bắc, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã thẳng thắn nói trong cuộc hội thảo và với một số cán bộ trước đây công tác ở Tổng hành dinh rằng: Hồi đó, trong lúc hàng vạn quân Pháp đang tiến công ồ ạt, nếu chúng ta không biết kịp thời thay đổi kế hoạch, thay đổi cách đánh, cứ đem các trung đoàn (và cả đại đoàn độc lập vừa mới tổ chức) dàn ra đối mặt với xe tăng, pháo binh địch thì tan.

Dám thừa nhận và quyết tâm sửa chữa sai lầm, thiếu sót để dẫn dắt quân đội đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, là một trong những đức tính cầm quân của Võ Nguyên Giáp.

Sau này, nhà sử học quân sự Mỹ Cơri, tác giả cuốn *Chiến thắng bằng mọi giá* đã dẫn một câu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói rằng: "Trong chiến tranh, việc thắng nhiều trận mà rút ra được ít bài học có thể không có lợi bằng thắng một trận mà học tập được nhiều điều bổ ích".

Điều đó lý giải vì sao sau chiến thắng Việt Bắc cũng như trong suốt hai cuộc chiến tranh giải phóng, ông Giáp không chỉ coi trọng rút kinh nghiệm chỉ đạo, chỉ huy của bản thân và của cơ quan Tổng hành dinh mà ông còn đặc biệt quan tâm chỉ đạo toàn quân rút kinh nghiệm từ thực tế chiến đấu để quân đội không ngừng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ.

Theo cách nói của Cơri, thực tế Chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947 đối với Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp là một trong những bài học chiến lược đầu tiên mà ông thu hoạch được trong những năm ở "học viện quân sự trong rừng". Với thắng lợi này, bản lĩnh cầm quân ở tầm vĩ mô của ông đã được thực tế khẳng định.

Mãi sau này qua sự phân tích đầy đủ trên cơ sở khoa học trong công trình nghiên cứu *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam* của Bộ Quốc phòng[34], người ta mới thấy hết giá trị của bài học đầu tiên đó đối với toàn quân cũng như đối với cơ quan Tổng hành dinh. Công trình trên chỉ rõ: Nếu trước ngày 7-10-1947, cấp chiến lược phán đoán không hoàn toàn đúng hướng tiến công và hành động của địch nên lúc đầu bị bất ngờ và bị động đối phó thì sau khi địch triển khai đội hình chiến dịch, ta lại nắm được kế hoạch hành binh của chúng nên đã kịp thời điều chỉnh lực lượng, thay đổi cách đánh cho phù hợp. Chính nhờ kịp thời phát hiện sai lầm, mạnh dạn sửa sai cho phù hợp với thực tế chiến trường, ta mới đảo lộn được thế cờ, chuyển từ bị động sang chủ động để mở đường đi đến thắng lợi. Tình huống diễn ra Chiến dịch Việt Bắc là một tình huống đặc biệt. Cuộc tiến công của hàng vạn tên địch diễn ra trên một địa bàn rất rộng (của ba khu 1, 10 và 12 của ta) với binh khí, kỹ thuật huy động ở mức cao nhất, chúng lại hành động ngoài dự kiến ban đầu của ta, nhằm mục đích chiến lược có ý nghĩa quyết định phân thắng bại để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Về phía ta, cuộc kháng chiến của ta mới trải qua chừng 10 tháng, trình độ chỉ

đạo chỉ huy của cấp khu và trung đoàn còn hạn chế, phương tiện thông tin chỉ huy hết sức thô sơ và thiếu thốn, trong khi binh lực huy động vào chiến dịch rất lớn[35] nhưng trình độ trang bị và kinh nghiệm chiến đấu của bộ đội còn kém. Trong bối cảnh đó, chỉ cấp chiến lược trực tiếp điều hành chiến dịch mới có đầy đủ điều kiện về trình độ chỉ đạo, chỉ huy tác chiến trên một diện rộng, có đủ quyền hạn điều động lực lượng vũ trang và đôn đốc việc sơ tán và phòng tránh của các cơ quan dân, chính, đảng trên khắp các nẻo đường căn cứ địa Việt Bắc. Chỉ có cơ quan Tổng hành dinh mới có một đội ngũ phái viên đốc chiến cử xuống các hướng để quán triệt chủ trương và giúp đỡ các địa phương, đơn vị tổ chức chỉ huy chiến đấu trong những tình huống hết sức khẩn trương.

Vấn đề phát động chiến tranh du kích đã được đề cập nhiều lần trong các hội nghị và các huấn lệnh của Bộ Tổng chỉ huy trong năm 1947, nhưng đến thu đông, trên cả nước chiến tranh du kích vẫn chưa phát triển. Một phần vì quân ta vừa trải qua đợt chiến đấu trong thành phố, tiếp đến là trên nhiều hướng địch tiếp tục đánh rộng ra trong mấy tháng hè, công tác điều hành cuộc kháng chiến trong những ngày đầu còn rất mới mẻ và bề bộn, các địa phương chưa có điều kiện triển khai cuộc phát động chiến tranh du kích thì chiến sự thu đông đã diễn ra. Nhưng nguyên nhân chủ yếu là thiếu sự hướng dẫn về phương châm, phương pháp động viên tổ chức cụ thể. Kinh nghiệm của đại đội hoạt động độc lập vùng địch hậu nam phần Bắc Ninh cũng chưa kịp phổ biến. Chính trong điều kiện đó, cùng với quyết định đưa các tiểu đoàn lên hoạt động trên ba mặt trận sông Lô, đường số 3 và đường số 4, chủ trương phân tán 30 đại đội về hoạt động ở các châu, huyện trên địa bàn ba khu trong căn cứ địa Việt Bắc là một quyết định rất táo bạo và sáng tạo. Sự dìu dắt giúp đỡ của các đại đội độc lập này đối với các lực lượng vũ trang địa phương không những có ý nghĩa quyết định sự phát triển của phong trào chiến tranh du kích trên nhiều địa bàn trong căn cứ địa, tiêu hao địch rộng rãi, góp phần quan trọng vào việc làm thất bại cuộc hành binh đầy tham vọng của chúng mà còn đem lại những bài học rất bổ ích cho cơ quan Tổng hành dinh chỉ đạo phong trào chiến tranh du kích trong cả nước những năm tiếp theo.

Chiến dịch Việt Bắc là chiến dịch đầu tiên của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Dù còn thiếu nhiều yếu tố của một chiến dịch hoàn chỉnh (ví dụ chưa có trận đánh nào được coi là trận then chốt), nhưng một số nội dung cơ bản của nghệ thuật chiến dịch đã bước đầu hình thành, làm cơ sở cho sự phát triển đầy đủ nghệ thuật chiến dịch sau này. Chỉ thị của Thường vụ Trung ương đề ra cho toàn quân *Phải phá cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp* nói lên mục đích kiên quyết, triệt để của chiến dịch, đó là bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến, bảo vệ căn cứ địa, bảo toàn chủ lực. Loại hình chiến dịch xác định đúng, đó là loại hình chiến dịch phản công, lần đầu tiên xuất hiện trong kháng chiến chống Pháp. Cùng với việc hình thành ba mặt trận, tạo thế có lợi cho ta, hướng chiến dịch được chỉ ra chính xác, đó là tập trung nỗ lực vào bẻ gãy gọng kìm yếu nhất của địch là hướng sông Lô - đường số 2, phá thế hợp vây của địch. Tổ chức lực lượng và chọn cách đánh phù hợp với tương quan lực lượng và thế trận hai bên trong chiến dịch. Việc chuyển sang dùng lực lượng nhỏ, cơ động, đánh địch trên cả ba mặt trận là một quyết định sáng suốt, hợp với quy luật đi từ nhỏ đến lớn, vừa đánh vừa học. Nhưng cách đánh nhỏ trong Chiến dịch Việt Bắc không chỉ dừng lại ở đại đội độc lập, phối hợp với địa phương tiêu hao địch một cách rộng rãi bằng chiến tranh du kích. Đi đôi với việc phái các đại đội độc lập xuống các huyện phát động chiến tranh du kích đánh địch rộng khắp, Tổng Chỉ huy còn coi trọng việc chỉ đạo cách đánh nhỏ của các tiểu đoàn chủ lực lấy phục kích làm chính (trên cả đường bộ và đường sông). Các tiểu đoàn tập trung đã góp phần quyết định khoét sâu chỗ yếu cơ bản của địch là phải cơ động, bộc lộ lực lượng ngoài trời trên địa hình rừng núi rất ít khi trong tầm yểm trợ có hiệu quả của pháo binh. Kinh nghiệm đánh mạnh vào giao thông tiếp tế và đánh bộ binh cơ giới địch

cơ động trên đường bộ và đường sông trong Chiến dịch Việt Bắc sẽ trở thành bài học cho nhiều chiến dịch tiến công của quân ta sau này. Cách dùng binh lực theo đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung trong Chiến dịch Việt Bắc sẽ trở thành phương châm hoạt động của bộ đội chủ lực suốt một thời gian dài, trong cả thời kỳ phát động chiến tranh du kích trên quy mô cả nước trong những năm 1948 - 1949.

Tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng sự hình thành nghệ thuật chiến dịch trong Chiến dịch Việt Bắc là sự tích lũy bước đầu rất bổ ích làm cơ sở để Tổng Chỉ huy tiếp tục hoàn chỉnh, phát triển và nâng cao trong quá trình chỉ đạo, chỉ huy các chiến dịch tiếp theo của toàn quân trên cả chặng đường tiến từ du kích lên chính quy, cũng là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa hình thức tác chiến du kích và tác chiến chính quy trên quy mô ngày càng lớn.

Chú thích:

1. Hồi đó cán bộ Tổng hành dinh quen gọi là Hội nghị quân sự Chúc Sơn, vì họp ở Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Đông (từ ngày 12 đến ngày 16-1-1947).

2. Lời hứa của Cục trưởng Quân giới đã thành hiện thực. Cuối tháng 2-1947, sau lần bắn thử cuối cùng ở Ứng Hoà, hai khẩu badôka và 10 viên đạn đã hoàn chỉnh về kỹ thuật đã được chuyển về cho bộ đội Khu 2. Ngày 5-3, hai chiếc xe tăng của địch đã bị badôka bắn cháy ở gần chùa Trầm.

3. Đêm 30 Tết Đinh Hợi, hàng loạt trận đánh diễn ra ở cầu Long Biên, thành Cửa Bắc, sở Thủy lâm, toà Thị chính, Nhà máy đèn Bờ Hồ, khách sạn Tavéc Roayan, nhà giao thông công chính, góc phố Hàng Gai - Hàng Trống. Mìn nổ rung chuyển cả phố Hàng Gai.

4. Xem: Hồ Chí minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr. 35.

5. 800 người là con số Bộ Chỉ huy Hà Nội và Bộ Tổng tham mưu nắm được hồi đó. Sau này, theo đồng chí Lê Trung Toản, Chính ủy Trung đoàn, sau khi bộ đội rút ra ngoài, có điều kiện điểm danh từng người thì quân số chính thức là 1.200, trong đó có 75 thiếu nhi và 200 phụ nữ.

6. Ngày nay, vị trí nhà Xôva là Trường phổ thông cơ sở Nguyễn Huệ, Trường Ke là Trường phổ thông cơ sở Trần Nhật Duật.

7. Có sách viết là ngày 22. Tác giả dựa theo tài liệu của Chính ủy Trung đoàn Thủ đô Lê Trung Toản và Tổng kết của Quân khu Thủ đô.

8. Cứ cao lâm hạ là từ trên chĩa xuống; dĩ Việt trị Việt là dùng người Việt trị người Việt.

9. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr. 132.

10. Tên sách tiếng Đức là *Vom Kriege*, tác giả là danh tướng nước Phổ Carl Von Clausewitz (1780-1831), bản dịch tiếng Pháp của Denise Naville nhan đề *De la guerre*.

11. 1- Giữ quyền chủ động. 2- Hiểu rõ lực lượng của ta và lực lượng của địch. 3- Biết dùng các lực lượng dự bị. 4- Biết tập trung binh lực khi cần, biết điều động nhanh chóng và kịp thời. 5- Phải giấu lực lượng của mình, làm sai lạc phán đoán của địch. 6- Phải đánh bất thần, xuất kỳ bất ý, lợi dụng nhược điểm của địch. 7- Phải thực hiện sự phối hợp về chiến lược và chiến thuật. 8-

Phải phối hợp bộ đội chủ lực với dân quân, du kích, tự vệ. 9- Phải nặng về tiêu diệt chiến. 10- Phải có kế hoạch thiết thực rành mạch. 11- Phải tiến cho kịp địch và hơn địch.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.8, tr. 300.

13. Trong kháng chiến chống Pháp, Khu 12 gồm các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Ninh, Hòn Gai, Quảng Yên (cả Đông Triều và Chí Linh).

14. Trong kháng chiến chống Pháp, Khu 10 gồm các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Vĩnh Yên.

15. Gồm 5 trung đoàn bộ binh và 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo, 2 tiểu đoàn công binh, 3 đại đội cơ giới, 2 phi đội gồm khoảng 40 máy bay, 3 thủy đội xung kích (dinassaut) gồm khoảng 40 tàu, xuồng.

16. Ông Võ Nguyên Giáp đi Mặt trận đường số 4 cùng với một bộ máy chỉ huy nhẹ để theo dõi và chỉ đạo chiến trường toàn quốc, ông Hoàng Văn Thái đi Mặt trận đường số 3, các ông Trần Tử Bình và Lê Thiết Hùng đi hướng sông Lô - đường số 2, ông Văn Tiến Dũng cùng bộ phận nặng của Tổng hành dinh ở lại vùng Núi Hồng theo dõi hoạt động trên các hướng, các chiến trường.

17. Trong kháng chiến chống Pháp, Khu 1 gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phúc Yên.

18. Ceinture: Vành đai, vòng vây.

19. Đánh phân tán từng tổ nhỏ hoặc từng người, lúc ẩn lúc hiện nơi nào có địch.

20. Trừ ông Hồ Đắc Di nhiều tuổi hơn (sinh năm 1900), còn ba ông gần như bằng tuổi nhau: Tạ Quang Bửu: 1910; Võ Nguyên Giáp: 1911; Tôn Thất Tùng: 1912.

21, 22, 23. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr. 313-314, 367, 368.

24, 25. Hồ Chí minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr. 329, 330.

26. Ông Giáp lập gia đình tại Hà Nội trước ngày kháng chiến toàn quốc. Theo tư liệu gia đình, đám cưới diễn ra 17 giờ ngày 27-11-1946 tại 32 Lý Thường Kiệt, do ông Nguyễn Lương Bằng làm chủ hôn. Đại diện chính quyền: ông Trần Duy Hưng; đại diện nhà gái: ông bà Đặng Thai Mai; khách: bà Thục Viên.

27. X: tức bà Lê Thị Xuyến, khi đó là "đối tượng", sau là phu nhân Bộ trưởng Lê Văn Hiến.

28. Để cái chung lên trên.

29. Chức danh Tổng Chỉ huy đổi thành Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam từ ngày 22-12-1948, theo Sắc lệnh số 14/SL ngày 12-3-1949 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng trên thực tế, nhiều văn bản hồi đó vẫn dùng Tổng Chỉ huy cho đến trước Chiến dịch Biên giới.

30. Hồi đó gọi là "Hội nghị quân sự đặc biệt".

31. Hàng ngàn tên bị chết và bị thương, 270 lính ngụy ra hàng, 18 máy bay bị bắn hạ, hơn 50 tàu, xuồng bị đánh chìm, hơn 250 xe cơ giới bị phá hủy.

32. Như cách đánh giá của ngụy Sài Gòn sau này (Xem *Quân sử 4,* Sài Gòn, 1972, tr. 34, 98.

33. Việc đối phó ở Bắc Cạn cũng như nhiều nơi khác đều chậm: Chợ Mới 8 ngày sau, đường Bắc Cạn - Chợ Mới 4 ngày sau, Chợ Đồn 7 ngày sau mới có chiến đấu.

34. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam xuất bản năm 1994.

35. Cả quân của Tổng hành dinh và của các khu lên tới 13 trung đoàn và 11 tiểu đoàn chủ lực, chưa kể lực lượng địa phương toàn căn cứ địa Việt Bắc.

Chương V

Tiến tới bước ngoặt chiến lược

20- Cuộc "phản công chiến lược mềm" vào địch hậu

Trung tuần tháng 1-1948, Hội nghị mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương nhận định: Sau Chiến dịch Việt Bắc, lực lượng so sánh giữa ta và địch đã biến chuyển. Chiến thắng Việt Bắc là một cái đà cho ta bước sang giai đoạn thứ hai. Để chuẩn bị điều kiện chuyển sang giai đoạn mới, Trung ương chủ trương: "Một mặt phát triển dân quân, phát triển chiến tranh du kích khắp nơi, nhất là trong vùng địch kiểm soát, đồng thời tùy theo tình thế tập trung đánh vận động tiêu diệt địch, quét những đồn lẻ của địch, bắt địch thu hẹp địa bàn lại, đột kích những thành phố nhỏ"[1].

Vấn đề giai đoạn chiến lược trong cuộc kháng chiến chống Pháp được nêu lên trong các văn kiện của Đảng ngay từ những ngày chuẩn bị kháng chiến toàn quốc[2]. Sau chiến thắng Việt Bắc, một câu hỏi có tầm chiến lược đặt ra với Tổng hành dinh là: cuộc kháng chiến đã bước sang giai đoạn mới chưa?

Trong một văn kiện chuẩn bị để trình bày trong Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 5 nhan đề *Vấn đề quân sự hiện giờ ở Việt Nam,* Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã nhìn lại cục diện chiến trường trong cả nước kể từ ngày quân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, trải qua những bước hòa hoãn, rồi chiến tranh toàn cục nổ ra và đến Chiến dịch Việt Bắc mùa khô năm 1947. Theo phân tích của Tổng Chỉ huy, dù nội các ở Pari đã trải qua sáu lần dựng lên đổ xuống[3], nhưng trước sau Pháp vẫn không chịu công nhận nền độc lập của Việt Nam. Chiến lược quân sự của Pháp, khi cục bộ, khi toàn bộ, nhưng đều mang tính "tốc quyết". Thất bại của chiến lược tốc quyết trong mùa khô vừa qua là một thất bại căn bản. Về phía ta, chiến thắng Việt Bắc chứng tỏ chiến lược trường kỳ đã thành công - một thành công căn bản. "Từ ngày 23-9-1945 đến nay, chúng ta đã đánh bại chiến lược tốc quyết của địch, đã thực hiện các điều kiện như giữ gìn lực lượng để trường kỳ kháng chiến".

Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nhận định đặc điểm của Chiến dịch Việt Bắc là ở chỗ, đó là một cuộc đọ sức lớn nhất giữa ta và địch từ ngày đầu kháng chiến. Trong cuộc đọ sức đó, không những chủ lực ta không bị tiêu diệt mà còn được bồi bổ để mạnh thêm; ta đã phá được một kế hoạch chiến lược lớn của địch, tạo điều kiện để đi dần đến giành quyền chủ động. Giải đáp vấn đề giai đoạn chiến lược mới, bản tài liệu khẳng định: Đã xuất hiện những triệu chứng giai đoạn hai của cuộc kháng chiến. Về phía địch, đó là càn quét nhằm mở rộng phạm vi chiếm đóng theo kiểu vết dầu loang thay thế cho các cuộc tiến công lớn; từ kiểm soát quân sự đi đến kiểm soát chính trị và kinh tế. Do thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của Chiến dịch Việt Bắc, do những triệu chứng của thế cầm cự đã rõ rệt và phổ biến, nhưng đồng thời lại do ta chưa mười phần hiểu khả năng sắp tới của địch, nên Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp thận trọng kết luận: Nếu Việt Bắc chưa phải là cái mốc cuối cùng của giai đoạn thứ nhất thì cũng gần mốc cuối cùng. Và một yêu cầu chiến lược đặt ra với Tổng hành dinh là phải chỉ đạo các chiến trường làm gì để sẵn sàng bước sang giai đoạn thứ hai?

Về tương quan lực lượng giữa ta và địch khi cuộc kháng chiến đứng trước ngưỡng cửa của giai đoạn mới, ông Giáp nhận định: So sánh lực lượng quân sự đã thay đổi, lực lượng ta lớn lên trong khi địch lộ rõ những chỗ yếu về quân số và tiếp tế; về chính trị, lực lượng của ta ngày càng được củng cố còn địch đứng trước nhiều khó khăn hơn chúng tưởng; về kinh tế, ta gặp nhiều khó khăn nhưng khó khăn của ta chưa bằng khó khăn của địch. Và ông dự kiến: Giai đoạn hai sẽ rất gay

go, vì địa thế ta hẹp, vì kinh tế khó khăn nhưng cũng là giai đoạn hết sức oanh liệt và dành cho ta nhiều tiến bộ bất ngờ, vì lực lượng chính trị của ta hùng hậu, lực lượng quân sự của ta tiến bộ. Cụ thể hoá kết luận của Hội nghị Trung ương đầu năm 1948, Tổng Chỉ huy xác định: Để chuyển sang giai đoạn mới, toàn quân phải nhằm vào tám mục tiêu chiến lược sau đây:

1- Dồn hẹp phạm vi chiếm đóng của địch bằng các trận tiêu diệt các cứ điểm nhỏ và đánh vào vùng sau lưng địch, biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta;

2- Bồi dưỡng lực lượng ta bằng những trận đánh tiêu diệt;

3- Đập tan âm mưu chính trị và kinh tế của địch bằng những trận đánh phá những cơ sở kinh tế và trung tâm chính trị của chúng, dùng vũ trang tuyên truyền để diệt tề trừ gian;

4- Mở rộng chiến trường, giúp đỡ nhân dân Lào và Campuchia mở rộng mặt trận kháng chiến chống Pháp;

5- Vận dụng thành công phương châm du kích chiến là căn bản, vận động chiến là phụ trợ bằng biện pháp phát huy vai trò các đại đội độc lập để phát động phong trào dân quân đi đôi với việc rèn luyện đánh vận động cho các tiểu đoàn tập trung, tiến lên tổ chức các binh đoàn lưu động;

6- Giành quyền chủ động về chiến thuật, đi dần dần đến chủ động về chiến lược từng bộ phận;

7- Phối hợp chiến lược trên các chiến trường toàn quốc;

8- Phá kế hoạch của địch dùng ngụy binh để khắc phục nạn thiếu hụt binh lực.

Để hướng tới tám mục tiêu trên đây, ba nhiệm vụ chiến lược được đề ra cho cơ quan tham mưu Tổng hành dinh:

1- Xây dựng lực lượng, huấn luyện bộ đội, khắc phục những yếu kém phát hiện trong thu đông vừa qua, nhằm đáp ứng yêu cầu chiến đấu cao hơn;

2- Phát động phong trào dân quân, mở rộng chiến tranh du kích, trước hết là trong địch hậu;

3- Bước đầu luyện tập đánh tập trung quy mô nhỏ, đánh địch cả trong vận động và trong vị trí.

Hồi đó, khi được nghiên cứu các nghị quyết của Trung ương và Tổng Quân ủy, cán bộ tham mưu Tổng hành dinh nói với nhau: Trung ương và bộ đã chỉ cho toàn quân bước sang giai đoạn hai bằng cả hai chân: chân du kích và chân chính quy. Suốt mấy năm sau Chiến dịch Việt Bắc (từ đầu năm 1948 đến giữa năm 1950), phát động chiến tranh du kích và rèn luyện cho bộ đội chủ lực luyện tập đánh tập trung quy mô nhỏ và vừa là hai nhiệm vụ trung tâm của cơ quan tham mưu chiến lược.. Để bộ đội chủ lực đi từ trình độ tác chiến du kích nhỏ lẻ tiến dần lên tác chiến tập trung - chính quy - là cả một quá trình các cơ quan tham mưu Tổng hành dinh chỉ đạo rèn luyện từng bước, từ dễ đến khó, từ nhỏ đến lớn, cả trong huấn luyện và trong thực hành chiến đấu đánh vận động nhỏ và tiêu diệt các cứ điểm nhỏ của địch[4]. Luyện quân lập công là biện pháp chủ yếu trong việc xây dựng lực lượng lúc này nhằm chuẩn bị điều kiện để cả bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương vững vàng bước vào giai đoạn hai của cuộc kháng chiến.

Ngay từ xuân hè năm 1948, toàn quân tiếp tục phong trào luyện quân lập công phát động từ trung tuần tháng 11 năm trước. Trong *Nhật lệnh* đọc ngày 24-1-1948 nhân dịp trao giải thưởng đợt đầu của cuộc vận động luyện quân lập công, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nói: Những

thắng lợi vừa qua chứng tỏ chúng ta đã tiến bộ về chiến thuật và kỹ thuật, đã dần dần trưởng thành trong chiến đấu, trong những hoàn cảnh đầy khó khăn gian khổ. Ông khẳng định phương châm "đánh rồi học - học rồi đánh - vừa đánh vừa học" là hoàn toàn đúng đắn.

Trên cơ sở đánh giá trình độ bộ đội trong chiến dịch mùa khô năm 1947 và dựa vào kết quả đợt luyện quân lập công mùa xuân, nhân dịp kỷ niệm 1.000 ngày kháng chiến, trong *Nhật lệnh* đọc tại cuộc duyệt binh ở thị xã Vĩnh Yên ngày 19-6-1948, Tổng Chỉ huy thừa lệnh Chính phủ tuyên dương công trạng các đơn vị vũ trang khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn và các đơn vị mới giành chiến thắng Mặt trận sông Lô vừa nhận giải thưởng danh dự của Chủ tịch Hồ Chí Minh; tuyên dương các đơn vị chủ lực và địa phương Trung - Nam - Bắc đã giành giải thưởng trong mùa luyện quân lập công vừa qua đồng thời phát động đợt 2 cuộc vận động luyện quân lập công trong toàn quân. Hướng vào mục tiêu chiến lược của giai đoạn hai, ông động viên lực lượng vũ trang cả nước tiến vượt lên về kỹ thuật và chiến thuật.

Vấn đề thực hiện chủ trương của Trung ương phát động chiến tranh du kích rộng khắp, biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Tổng Chỉ huy ngay từ những ngày đầu kháng chiến ở miền Nam. Tuy nhiên, từ đó và trong suốt năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, phong trào chiến tranh du kích vẫn chưa phát triển, mặc dù tháng 5-1947, Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy đã tổ chức Hội nghị dân quân toàn quốc, tiếp đó từ trung tuần tháng 11, ngay khi Chiến dịch Việt Bắc đang diễn biến khẩn trương, Tổng Chỉ huy đã ban hành huấn lệnh *Phát động du kích chiến tranh - Nhiệm vụ quân sự căn bản trong giai đoạn này*. Thế nhưng, như Hội nghị Quân ủy đầu tháng 1-1948 đã nhận định, trong điều kiện chiến sự diễn biến khẩn trương, các địa phương lại chưa được hướng dẫn cụ thể cả về nội dung và biện pháp thực hiện, nên ở nhiều nơi huấn lệnh chưa phát huy hiệu lực. Sau Chiến dịch Việt Bắc và nhất là sau khi có Nghị quyết tháng 1-1948 của Trung ương, Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy đã có điều kiện triển khai từng bước một cách cơ bản, từ việc giáo dục quán triệt về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của dân quân, du kích đến hình thức tổ chức và phương thức hoạt động của các lực lượng vũ trang địa phương để phát động chiến tranh du kích.

Về mặt tổ chức, Tổng Chỉ huy quyết định "nâng" Phòng Dân quân thuộc Cục Chính trị - Bộ Tổng chỉ huy lên thành Cục Dân quân do ông Lê Liêm phụ trách, trực thuộc Tổng Chỉ huy, đồng thời chỉ đạo tổ chức Phòng Dân quân ở các khu và ban chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội. Trong các cuộc hội nghị quân - dân - chính đầu năm 1948, ông Giáp dành nhiều thời gian nói rõ về vai trò chiến lược của chiến tranh du kích, giải thích từng nội dung chủ yếu về nhiệm vụ và phương châm hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương theo tinh thần bản huấn lệnh *Phát động du kích chiến tranh.* Vấn đề có ý nghĩa quyết định đặt ra với Tổng Chỉ huy là chỉ đạo phát động như thế nào để phong trào dân quân, du kích được thực sự phát triển cả chiều rộng và chiều sâu theo đúng tinh thần Nghị quyết tháng 1-1948 của Trung ương.

Ông Giáp đã từng nghiên cứu các tác phẩm quân sự của Claudơuýt viết về "những cuộc chiến tranh nhỏ", của Chu Đức và Mao Trạch Đông viết về chiến tranh du kích, đã nghiên cứu kinh nghiệm du kích Nga, Trung Quốc, Pháp, Nam Tư. Ông cũng đã từng nghiên cứu hoạt động của quân các lộ và hương binh, thổ binh, dân binh thôn xã chống ngoại xâm trong lịch sử giữ nước của dân tộc. Nhưng với ông, cốt lõi tư tưởng chỉ đạo hành động trong việc phát động chiến tranh du kích chính là những lời chỉ bảo của Cụ Hồ ngay từ những ngày đầu chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa. Năm 1941, trong cuốn sách mỏng *Cách đánh du kích*, Cụ đã nêu lên những điều kiện quyết định sự tồn tại và chiến thắng của đội du kích[5] đồng thời nhấn mạnh nguyên tắc giữ quyền chủ động và tư tưởng tiến công của chiến tranh du kích. Đối chiếu với tư tưởng chỉ đạo trên đây

của Cụ Hồ, ông Giáp càng khẳng định những kinh nghiệm thực tế của bản thân trong quá trình vận động quần chúng thời kỳ tiền khởi nghĩa ở liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Ông nhớ lại và hiểu sâu sắc vì sao phong trào chiến tranh du kích sau ngày toàn quốc kháng chiến bị hạn chế mà nổi lên là những khó khăn của các đơn vị Tây tiến trên chiến trường Tây Bắc suốt những năm 1945 - 1947. Thực tế cuộc chiến đấu ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cuối năm 1945 - đầu năm 1946 cũng như ở Bình - Trị - Thiên, ở nam phần Bắc Ninh năm 1947 đã chứng minh những nguyên tắc và tư tưởng chỉ đạo của Cụ Hồ. Thành công hay thất bại của chiến tranh du kích là ở chỗ có dựa được vào dân hay không, có được dân ủng hộ và hưởng ứng hay không. Tư tưởng chỉ đạo của Cụ Hồ một lần nữa lại đã chứng minh và khẳng định trong việc thực nghiệm công thức đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung trong thu đông vừa qua. Và kết luận tổng quát rút ra là, khác với thiên hạ, trên nền tảng chính trị quần chúng vững chắc, chiến tranh du kích Việt Nam tồn tại và phát triển trong những không gian không rộng lắm của một nước nhỏ, dân không đông lắm nhưng mọi người dân bám trụ trong địa phương mình để đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay.

Trong điều kiện cụ thể của năm 1948, Tổng Chỉ huy khẳng định: Muốn phát động chiến tranh du kích, phải đặc biệt coi trọng chỉ đạo việc vận dụng những kinh nghiệm hoạt động của các đại đội độc lập trong Chiến dịch Việt Bắc. Các đại đội độc lập phải đóng vai trò bà đỡ thì mới làm cho chủ trương chiến lược phát động chiến tranh du kích của Trung ương trở thành hiện thực. Ông cho rằng thời kỳ này là thời kỳ các đại đội độc lập phải làm tròn sứ mạng của mình là phát huy sức chiến đấu, nâng đỡ và củng cố các lực lượng vũ trang địa phương mở rộng phong trào du kích để dần dần các đại đội đó có thể tập trung lại, trở về với chức năng bộ đội chủ lực, tham gia đánh vận động.

Được sự nhất trí của Cụ Hồ và Thường vụ, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp cho chuyển khoảng một phần ba bộ đội chủ lực của các khu trong toàn quốc thành hơn một trăm đại đội độc lập, với những cán bộ chính trị có khả năng làm tốt công tác vận động quần chúng. Bên cạnh các đại đội độc lập là những đội vũ trang tuyên truyền, các ban xung phong công tác, lần lượt bí mật tiến vào vùng sau lưng địch trên hướng được phân công, với nhiệm vụ vận động tổ chức quần chúng từ chính trị tiến lên vũ trang, với phương châm đã trở thành truyền thống của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam là người trước - súng sau. Cụ thể là:

1- Vũ trang tuyên truyền, vận động, giáo dục giác ngộ nhân dân;

2- Từng bước xây dựng cơ sở chính trị, các tổ vũ trang bí mật, tiến lên tổ chức dân quân, du kích, bộ đội địa phương;

3- Phối hợp với địa phương diệt tề, trừ gian, ngụy vận, xây dựng nhân mối làm nội ứng...

Trước mắt, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp thấy một viễn cảnh đầy hứa hẹn: Quá trình đưa chiến tranh vào vùng sau lưng địch sẽ là quá trình tạo nên những chỗ đứng chân, những lõm chính trị và vũ trang từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, từ phạm vi hẹp đến liên hoàn từng khu vực rộng lớn, buộc địch phải rải lực lượng ra đối phó. Đó là viễn cảnh của một biện pháp chiến lược độc đáo Việt Nam sau này được ông Giáp gọi là *cuộc phản công chiến lược mềm*, diễn ra trên quy mô rộng lớn trong các vùng địch tạm chiếm, rừng núi và đồng bằng, miền Bắc và miền Nam, nhằm biến hậu phương địch thành tiền phương ta.

Khi giao nhiệm vụ cho các địa phương, đơn vị tổ chức và đưa các đại đội độc lập, các đội vũ trang tuyên truyền, các ban xung phong công tác luồn sâu vào trong lòng địch, Tổng Chỉ huy Võ

Nguyên Giáp chỉ thị hoạt động của các lực lượng này là phải gắn việc phát động chiến tranh du kích với việc lập làng chiến đấu, phá hoại giao thông địch, vũ trang tuyên truyền để phá chính quyền bù nhìn ở cơ sở, vận động ngụy binh và đặc biệt là phối hợp với chủ lực tiêu diệt các cứ điểm nhỏ, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, làm thất bại chiến thuật "vết dầu loang" của chúng, đồng thời góp phần chuẩn bị chiến trường cho các chiến dịch của bộ đội chủ lực. Trải qua thực tế cả năm 1947 và dựa vào vị trí chiến lược và đặc điểm của các chiến trường khác nhau, Tổng Chỉ huy xác định nội dung và phương hướng chỉ đạo riêng một số địa phương trên chiến trường chính Bắc Bộ, đặc biệt là vùng rừng núi.

Đông Bắc là chiến trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với ta cũng như đối với địch, cả về quân sự, chính trị và kinh tế. Hòn Gai, Cẩm Phả là cơ sở kinh tế; đường số 18 - Uông Bí đi Tiên Yên - và đường số 4 là đường tiếp tế của địch; Tiên Yên, Khe Tù là những căn cứ tiếp tế của mặt trận phía bắc của địch; Lạng Sơn là một trọng trấn, một căn cứ quân sự quan trọng. Do hành động lấn chiếm của quân Pháp từ trước ngày kháng chiến toàn quốc nên chiến trường Đông Bắc phát triển sớm, do đó sự chỉ đạo của Tổng Chỉ huy trên hướng Đông Bắc trước và sau Chiến dịch Việt Bắc cũng có những điểm khác biệt so với các hướng khác.

Năm 1947, ta chủ trương gây dựng một số cơ sở du kích nhỏ ở Đông Bắc, nhưng vì thiếu một kế hoạch đầy đủ và phương châm hoạt động thích hợp cho nên chỉ đạt được kết quả hạn chế ở một số địa bàn như Chi Lăng, Nà Thuộc, Mai Siu, Vi Loại. Cuối năm 1947, đồng thời với việc mở cuộc tiến công Việt Bắc, địch nối đường số 13 với đường số 18 qua Lục Nam, Phả Lại, từ đó đường số 13 trở thành một con đường tiếp tế phụ cho Lạng Sơn. Sau Chiến dịch Việt Bắc, do ta thiếu cảnh giác không phán đoán đúng âm mưu địch nên không có kế hoạch đối phó với các bước lấn chiếm theo kiểu "vết dầu loang" của chúng trên đường số 1 từ Lạng Sơn đến Lạng Giai, từ An Châu đến Lục Nam, từ Đông Triều đến Phả Lại. Mở rộng phạm vi chiếm đóng vùng Đông Bắc, địch âm mưu khống chế miền duyên hải, đặc biệt là vùng mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả, khống chế đường giao thông tiếp tế của ta lên Việt Bắc và sự thông thương của ta với bên ngoài bằng đường bộ và đường biển. Lợi dụng những thiếu sót của bộ đội ta trong công tác giữ vững cơ sở nhân dân, lợi dụng tính chất phức tạp và chậm tiến của các dân tộc vùng Đông Bắc[6], địch lập hội tề trong hầu hết các xã của cái gọi là "nước Nùng tự trị" và lập các tiểu đoàn ngụy Nùng ở Móng Cái, Lạng Sơn, đồng thời lôi kéo bọn thổ phỉ ở Trại Thán, v.v., khiến cho hoạt động của ta hết sức khó khăn. Ngụy binh chiếm 65% trong tổng số binh lực của địch ở Đông Bắc. Sau khi địch chiếm An Châu, quân ta không đặt được chân lên con đường số 13 và, như đánh giá trong báo cáo tổng kết cuối năm 1948 của Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp, cả năm 1947 và những tháng đầu năm 1948, địch đã thành công lớn về chiến thuật "vết dầu loang" và chủ trương dùng người Việt đánh người Việt trên chiến trường Đông Bắc. Khu Đông Bắc là một khu "đại thái bình" của Pháp.

Trên cơ sở dự kiến khi cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới, địch sẽ ra sức mở rộng phạm vi chiếm đóng, sẽ chú trọng vùng kinh tế quan trọng là Hòn Gai, Cẩm Phả, tiếp tục uy hiếp đường tiếp tế lên Việt Bắc và phong tỏa thông thương của ta với nước ngoài, ngay từ đầu năm 1948, Tổng Chỉ huy đã đề ra cho Liên khu 1[7] và Mặt trận Đông Bắc nhiệm vụ mở rộng cơ sở du kích, tạo nên những chỗ đứng chân trong lòng địch, từng bước thực hiện chủ trương xây dựng căn cứ địa Đông Bắc. Hoạt động của các đội vũ trang tuyên truyền, các đại đội độc lập không chỉ nhằm củng cố du kích xã, thành lập các đội du kích tập trung, làm cho chiến tranh du kích phát triển rộng rãi ở Đông Bắc mà còn tiến lên kiến lập một vùng tự do sau lưng địch, tạo chỗ đứng chân cho bộ đội chủ lực mở một chiến dịch lớn. Huấn thị ngày 29-1-1948 của Tổng Chỉ huy gửi Liên khu 1 nêu rõ nhiệm vụ:

1- Cử các đại đội độc lập và vũ trang tuyên truyền tiến vào vùng địch hậu Đông Bắc, trước hết là vùng mỏ;

2- Chú trọng tranh thủ đồng bào Nùng dọc đường số 1 cho đến Văn Uyên, Cao Lộc, không để bị địch mua chuộc;

3- Tác chiến trên đường số 4, từ Tiên Yên đến Đông Khê, chuẩn bị điều kiện để có thể đột kích vào Lạng Sơn;

4- Kết hợp hoạt động quân sự và chính trị nhằm chuẩn bị cơ sở để bộ đội có thể tiến sâu vào đánh địch trong khu tam giác Lục Nam - Phả Lại - Đông Triều. Các đặc phái viên của bộ - hai ông Lê Thiết Hùng và Lê Quảng Ba - được Tổng Chỉ huy giao nhiệm vụ cùng Bộ Chỉ huy Liên khu 1 và Mặt trận Đông Bắc triển khai kế hoạch của bộ làm hai bước: Bước 1 (từ tháng 4 đến tháng 8), mở rộng và củng cố cơ sở chính trị và vũ trang, chuẩn bị chiến trường cho chủ lực; bước 2 (khoảng cuối hè đầu thu) sẽ mở chiến dịch tiến công trên địa bàn Đông Bắc.

Cơ sở chính trị được mở khá rộng trong đợt 1. Trại Thán - một làng thổ phỉ gồm 18 cứ điểm - bị tiêu diệt đã tạo điều kiện thuận lợi để chiến tranh du kích phát triển đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị chiến trường để bộ đội chủ lực vào mở chiến dịch. Chiến dịch Đông Bắc[8] được coi là một trong những chiến dịch đầu tiên của bộ đội chủ lực đánh vào khu vực an toàn của địch, buộc chúng phải đối phó và góp phần làm chậm kế hoạch thu đông của chúng.

Qua một năm chỉ đạo hoạt động của chiến trường Đông Bắc, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu về phát huy vai trò của đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung để chỉ đạo các chiến trường tiến từng bước vững chắc từ du kích lên chính quy.Trong báo cáo tổng kết cuối năm 1948, ông viết: Kinh nghiệm Đông Bắc là kinh nghiệm thành công của vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập và kinh nghiệm phát động chiến tranh nhân dân, thể hiện trên hai mặt: gây cơ sở du kích và chuẩn bị một chiến dịch lớn.

Đông Bắc là chiến trường rừng núi đầu tiên thành công trong việc dùng phương châm đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung để thực hiện chủ trương chiến lược biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta.

Tây Bắc là một trong những chiến trường sớm phải đối mặt với những khó khăn do địch gây nên và đã được Chủ tịch Quân sự Uỷ viên hội Võ Nguyên Giáp đặc biệt quan tâm ngay từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng. Từ cuối năm 1945, nhiều đơn vị Tây tiến đã được phái lên vùng thượng du xa xôi này. Thế nhưng, sau một thời gian dài đầy thử thách, hầu hết các đội không bám trụ nổi. Bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng đã nói lên nỗi gian truân của "đoàn quân không mọc tóc" hồi đó. Đến cuối năm 1947 - đầu năm 1948 tất cả đều bị bật qua sông Đà, Nghĩa Lộ, sông Hồng, về tận Yên Bái. Một phái đoàn Bộ Tổng chỉ huy do ông Trần Tử Bình, ủy viên Quân ủy Trung ương, dẫn đầu cùng với Chính ủy Liên khu 10[9] được phái lên Yên Bái cùng anh em rút kinh nghiệm, tìm ra nguyên nhân vì sao suốt mấy năm ta không gây dựng được cơ sở trên vùng Tây Bắc? Phái đoàn nhận thấy ngoài những khó khăn rất lớn về địch, về địa hình, khí hậu, ngôn ngữ, điều kiện tiếp tế, v. v. một nguyên nhân quan trọng là một số khá đông cán bộ không còn tin vào khả năng dựa vào dân để đứng chân được trên địa bàn Tây Bắc. Có anh em còn cho rằng "dân đã bị địch mua chuộc hết rồi". Một cuộc đấu tranh tư tưởng diễn ra mấy ngày liền, kết hợp tình hình thực tế Tây Bắc với việc nghe kinh nghiệm về xây dựng quyết tâm và vận dụng biện pháp bám đất, bám dân của các đội quân Nam tiến thời tiền khởi nghĩa. Mọi người được phổ biến chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Liên khu ủy 10, giao nhiệm vụ: Trong năm 1948,

bằng nhiều ngả đường, các đội vũ trang tuyên truyền của liên khu phải kiên trì gây cơ sở trong đồng bào các dân tộc Tây Bắc, phải đem được lá cờ đỏ sao vàng cắm lên đất Điện Biên.

Ông Giáp đã dành nhiều thời gian làm việc với ông Trần Tử Bình và ban lãnh đạo Liên khu 10 (Bùi Quang Tạo, Song Hào, Lê Trọng Tấn). Các ông thống nhất cần chuẩn bị chu đáo, đi những bước vững chắc, những biện pháp cụ thể để thực hiện bằng được quyết tâm chiến lược của Cụ Hồ. Ngày 20-1-1948, Tổng chỉ huy chính thức ra chỉ thị cho Liên khu 10, khẳng định tầm quan trọng của địa bàn chiến lược Tây Bắc, khẳng định xây dựng căn cứ địa Tây Bắc là một nhiệm vụ căn bản của Liên khu 10. Chỉ thị nêu rõ phương châm hoạt động, xác định địa bàn và nội dung công tác cụ thể cần triển khai để xây dựng căn cứ địa miền Tây. Bộ Tổng chỉ huy giúp đỡ Liên khu 10 thành lập thêm bốn Đội vũ trang Tuyên truyền xung phong[10], chủ yếu gồm cán bộ chính trị trong và ngoài quân đội có kinh nghiệm vận động quần chúng, một số là cán bộ người địa phương Tây Bắc. Các đại đội độc lập của Liên khu 10, kể cả các đơn vị thuộc Trung đoàn Sơn La vừa rút về, được phái đi các hướng trọng điểm với nhiệm vụ trước mắt là trực tiếp hỗ trợ cho công tác vận động quần chúng. Ngày anh em lên đường, cuộc gặp mặt chân tình trên đất Phú Thọ giữa Tổng Chỉ huy với cán bộ một số đoàn xung phong Tây tiến đã có tác dụng quan trọng củng cố quyết tâm của mọi người. Ông Giáp nói với anh em về vị trí chiến lược vô cùng quan trọng của chiến trường Tây Bắc đối với kháng chiến và cách mạng Việt Nam và Đông Dương, về nhiệm vụ nặng nề mà Bác Hồ tin tưởng giao cho anh em. Ông cũng nói để mọi người hình dung những khó khăn thử thách về nhiều mặt đang chờ đợi ở phía trước và - bằng kinh nghiệm bản thân trong những ngày vận động quần chúng ở Cao - Bắc - Lạng - ông chỉ ra phương hướng khắc phục như thế nào. Chia tay với Tổng Chỉ huy, anh em lên đường bước vào cuộc đấu tranh mới với niềm tin tưởng và quyết tâm mới.

Đông Dương là một chiến trường là quan điểm quân sự xuyên suốt của Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp, thể hiện sự quán triệt tư tưởng chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của Cụ Hồ. Cùng với việc chỉ đạo xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang ở Tây Bắc, ông sớm quan tâm đến chiến trường nước bạn Lào, trực tiếp là *Lào Bắc* (sau này gọi là Thượng Lào) có chung biên giới với Tây Bắc Việt Nam. Trong chỉ thị đề ngày 1-5-1948 về nhiệm vụ và phương châm hoạt động gửi Ban xung phong Lào Bắc, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nêu lên nhiệm vụ cần kíp trong lúc này là phải giúp quân đội Lào độc lập kiến lập những căn cứ địa. "Ban xung phong Lào Bắc được tổ chức ra để gánh lấy nhiệm vụ lịch sử ấy". Ông chỉ ra phương châm hoạt động của Ban xung phong Lào Bắc là phải:

1- Gây cơ sở chính trị - công việc quan trọng hàng đầu;

2- Phát động chiến tranh du kích khi đã có cơ sở chính trị rộng rãi và chắc chắn;

3- Hết sức giúp đỡ nhân dân nước bạn cải thiện đời sống;

4- Chú trọng đào tạo cán bộ địa phương, đó là điều kiện tốt nhất để cơ sở được củng cố nhanh chóng và chắc chắn. Ông chỉ thị cho Bộ Chỉ huy Liên khu 10 thảo luận cùng Ban lãnh đạo nước bạn - mà đại diện là các ông Kayxỏn Phômvihẳn và Thao Ma - để thống nhất kế hoạch hoạt động.

Chỉ thị đầu tháng 5-1948 của Bộ Tổng chỉ huy và việc phái Ban xung phong Lào Bắc sang giúp xây dựng chỗ đứng chân cho cách mạng Lào là bước khởi đầu đánh dấu một mốc đặc biệt quan trọng của cả quá trình chung lưng đấu cật chống kẻ thù chung của hai dân tộc Việt - Lào anh em.

Sau khi cho thành lập Ban xung phong Lào Bắc, mùa thu năm 1948, Tổng Chỉ huy cho thành lập thêm Đội vũ trang công tác miền Tây (gồm các cán bộ quân - dân - chính - đảng, một số anh em dân tộc ít người và cả cán bộ người Lào) lên tăng cường hoạt động trên hướng Tây Bắc và Thượng Lào. Một số tiểu đoàn chủ lực được lệnh đẩy mạnh hoạt động ở khu vực Yên Bình Xã (giáp giới ba tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang) buộc Pháp phải phân tán lực lượng đối phó, giảm bớt sức ép của địch, hỗ trợ trực tiếp cho công tác vũ trang tuyên truyền gây dựng cơ sở chính trị quần chúng.

Đến cuối năm 1948, trong khi các tổ trong Đội vũ trang công tác miền Tây chia thành nhiều hướng, cùng Đội xung phong Tây Bắc tiến từng bước vững chắc và bám trụ trên nhiều địa bàn dọc biên giới Việt - Lào thì một bộ phận của Đội xung phong Trung Dũng đã tiến sát bờ Na Khon (thượng nguồn sông Mã), có bộ phận đã tiếp cận Điện Biên; Đội xung phong Quyết Tiến đã đến Tuần Giáo; Đội xung phong Quyết Thắng đã đến Quỳnh Nhai. Trên nhiều vùng biên giới Việt - Lào, các đội Tây tiến của ta đã gặp và phối hợp hoạt động với các đơn vị vũ trang cách mạng Lào do hai ông Kayxỏn và Thao Ma chỉ huy. Quyết tâm chiến lược của Cụ Hồ đối với vùng rừng núi miền Tây đã được các chiến sĩ Tây tiến biến thành hiện thực.

Đường số 5, nối liền Hà Nội và Hải Phòng, nằm giữa trung châu Bắc Bộ, là con đường vận chuyển chiến lược huyết mạch nuôi sống toàn bộ binh lực địch trên chiến trường chính Bắc Bộ. Điều đó lý giải vì sao sau khi đưa quân ra miền Bắc sau *Hiệp định sơ bộ* 6-3-1946, quân Pháp đã chiếm Hải Phòng từ trước ngày kháng chiến toàn quốc, đồng thời cũng lý giải vì sao ngay sau năm đầu kháng chiến, Hà Nội, Hải Phòng và đường số 5 sớm trở thành chiến trường ác liệt. Không phải nhận thức về vai trò chiến lược của chiến trường này đã được thông suốt trong đội ngũ cán bộ ngay từ những ngày đầu kháng chiến toàn quốc. Năm 1948, trong huấn lệnh về phương châm hoạt động trên Mặt trận đường số 5, Tổng Chỉ huy đã nhận xét: Trong thời kỳ đầu, quân ta đã chiến đấu hết sức anh dũng trong thành phố Hải Phòng, trong Thủ đô Hà Nội và dọc đường số 5, đã tiêu hao được một bộ phận quân địch và ngăn cản, bao vây chúng dài ngày. Sau đó, trong một thời gian khá dài, sự hoạt động của ta giảm sút hẳn xuống. Nguyên nhân là vì chúng ta không nhận định rõ sự quan trọng của mặt trận này và đã rút một bộ phận du kích địa phương đi các nơi khác trong khi mặt trận lan rộng. Đến khi đã nhận rõ thì thiếu một sự lãnh đạo cụ thể, sát với điều kiện thực tế.

Thực hiện chủ trương phát động chiến tranh du kích của Trung ương, sau khi thống nhất ý kiến với Tổng Bí thư Trường Chinh và bàn bạc với Tư lệnh Liên khu 3 Hoàng Minh Thảo, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp quyết định thành lập Mặt trận Hà Nội - đường số 5 - Hải Phòng (gọi tắt là Mặt trận đường số 5) do Trung đoàn trưởng Trung đoàn 42 Dương Quý Miên làm Chỉ huy trưởng, Chủ tịch tỉnh Hải Dương Nguyễn Năng Hách làm Chính ủy. Các ông Đỗ Mười và Nguyễn Khai trong Liên khu ủy 3 được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo Mặt trận đường số 5. Để thực hiện quyết tâm chiến lược đẩy mạnh hoạt động của quân ta trên mặt trận này, trong huấn lệnh về phương châm hoạt động, Tổng Chỉ huy nhấn mạnh: Không chỉ đơn thuần chấn chỉnh du kích xã, đưa các đội vũ trang tuyên truyền và các đại đội độc lập tiến vào địch hậu mà còn phải tiến hành cuộc đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh - cho rằng đánh mạnh về quân sự sẽ làm tan vỡ cơ sở chính trị quần chúng. Nhờ quyết tâm chiến lược đúng (biến Hà Nội thành một chiến trường, biến Hải Phòng thành một chiến trường, cắt đứt đường số 5) và nhờ phương châm và phương thức hoạt động đúng, từ giữa mùa hè năm 1948 cục diện Mặt trận đường số 5 dần dần thay đổi, đặc biệt là sau hai đợt tổng công kích lần thứ nhất (tháng 5-1948) và lần thứ hai (tháng 10-1948). Hoạt động liên tục và có hiệu quả của bộ đội và du kích đường số 5 là cơ sở thực tế để Tổng Chỉ huy đánh giá trong hội nghị tổng kết cuối năm 1948 rằng Mặt trận đường số 5 là "Mặt

trận điển hình thứ nhất đánh vào địch hậu, vùng biển và đồng bằng". Thật cũng dễ hiểu vì sao hồi đó báo chí Pháp và phương Tây gọi đường số 5 là "con đường khủng khiếp".

Theo đề nghị của Xứ ủy, giữa năm 1948, Trung ương cử một phái đoàn vào *Nam Bộ* để phổ biến tình hình và trao đổi kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh khi cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới. Phái đoàn do ông Lê Đức Thọ, ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng dẫn đầu. Cũng nhân dịp này, Bộ Tổng chỉ huy cử Thiếu tướng Lê Hiến Mai và một số cán bộ Tổng hành dinh vào tăng cường cho Nam Bộ. Phái đoàn lên đường sau khi dự Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 5, mang theo một số văn kiện quan trọng, trong đó có những tài liệu của Bộ Tổng chỉ huy về chỉ đạo phát động chiến tranh du kích, về kiểm thảo mùa hè và chuẩn bị thu đông. Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp trực tiếp làm việc với các ông Lê Đức Thọ và Lê Hiến Mai nhằm thống nhất đánh giá tình hình và chủ trương chiến lược sắp tới của chiến trường Nam Bộ.

Căn cứ vào những hoạt động của địch từ sau Chiến dịch Việt Bắc, các ông thống nhất nhận định: Chiến lược của địch ở Nam Bộ có thể coi là tiêu biểu cho chủ trương chiến lược chung của chúng trong giai đoạn mới. Chúng đã rút quân khỏi nhiều vị trí cô lập, tập trung về củng cố và kiểm soát chặt các đô thị, các vùng chúng có thể bắt lính để bổ sung cho đội quân tay sai (Cao Đài ở Tây Ninh, Hoà Hảo ở Châu Đốc, Long Xuyên) và các đường giao thông quan trọng, đường caosu, đường gạo, đường lâm sản... nhằm thực hiện kế hoạch vơ vét nhân lực, vật lực của ta để nuôi chiến tranh. Mặt khác, chúng sẽ tổ chức những cuộc càn lớn vào căn cứ kháng chiến hòng đánh phá nguồn nhân lực, vật lực của ta, trong cái gọi là "chiến tranh tổng lực" (guerre totale) của chúng. Trận càn Végа hồi trung tuần tháng 2 vừa qua vào căn cứ Đồng Tháp Mười là một ví dụ.

Về phương hướng nhiệm vụ, để làm thất bại âm mưu chiến lược mới của địch, ông Giáp nói rõ nhiệm vụ căn bản và toàn diện của quân và dân Nam Bộ trong giai đoạn mới của cuộc kháng chiến. Về *chính trị* đó là công tác vận động chính trị quần chúng, tranh thủ nhân dân, đặc biệt là các vùng đồng bào theo đạo Cao Đài, Hoà Hảo, đồng bào Khơme và các tầng lớp người Hoa; vấn đề đấu tranh chính trị và bảo vệ cơ sở quần chúng trong các thành thị. Về *quân sự*, đó là việc vận dung phương châm "đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung", phát động chiến tranh du kích rộng rãi, củng cố dân quân, du kích thôn ấp và bộ đội địa phương tỉnh, huyện đi đôi với củng cố làng chiến đấu, ấp chiến đấu, từng bước học tập cách đánh vận động quy mô nhỏ và vừa. Mục tiêu nhằm vào chống địch càn quét bảo vệ căn cứ kháng chiến, nhất là vùng rừng núi miền Đông, diệt các cứ điểm nhỏ, đánh địch trên các đường giao thông thủy, bộ, các cơ sở kinh tế của địch, nhất là vùng gạo, vùng caosu.

Cũng trong dịp này, Tổng Chỉ huy gửi Huấn lệnh về nhiệm vụ chiến lược của miền *Nam Trung Bộ* khi chiến tranh bước vào giai đoạn mới.Huấn lệnh khẳng định Nam Trung Bộ quan trọng không chỉ vì vị trí chiến lược của Tây Nguyên (với trung tâm quân sự Buôn Ma Thuột và trung tâm chính trị Đà Lạt), của hai cửa biển Đà Nẵng và Nha Trang... mà còn là nơi đứng chân để quân ta có thể phát triển hoạt động sang Cao Miên (Campuchia) và Lào, và đứng trên lập trường dân tộc tự quyết mà giúp đỡ hai dân tộc anh em chống Pháp, phối hợp cùng cuộc kháng chiến của ta. Cho nên, miền Nam Trung Bộ cùng với Hạ Lào và các tỉnh Stung Treng, Kratiê phải được coi là một chiến trường thống nhất.

Sau khi nêu lên nhận xét về hoạt đông xuân hè, bản huấn lệnh đề ra nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn sắp tới và phương hướng thực hiện chủ yếu là vận dụng phương châm "đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung", phát động chiến tranh du kích rộng rãi kết hợp với từng bước tập đánh vận

động quy mô tiểu đoàn - trung đoàn, tác chiến đi đôi với xây dựng và củng cố căn cứ cả ở rừng núi và đồng bằng. Nhiệm vụ chiến lược cụ thể được Tổng Chỉ huy đề ra trong huấn lệnh là:

1- Hoạt động ở Đà Nẵng - Nha Trang, cắt đường Nha Trang - Sài Gòn;

2- Mở một căn cứ địa ở Buôn Ma Thuột và Đà Lạt, phát triển hoạt động sang Đông Miên (Campuchia);

3- Mở rộng căn cứ địa bắc Công Tum và mở mặt trận Atôpơ - Xaravan - Pắcxế;

4- Chuẩn bị kế hoạch và lực lượng sẵn sàng tiêu diệt địch nếu chúng tiến công ra vùng tự do.

Huấn lệnh chỉ ra những việc lớn cần làm để chỉnh đốn tổ chức lãnh đạo chỉ huy, ví dụ thành lập Liên khu miền Nam Trung Bộ để thống nhất chỉ đạo về chiến lược; chỉ định một ban chỉ huy thống nhất cho hai trung đoàn ở Bình Thuận - Ninh Thuận; kiện toàn tổ chức lãnh đạo ở khu căn cứ, nếu cần thì lập ra ủy ban kháng chiến ở khu căn cứ.

Chỉ trong năm 1948, bằng phương thức hoạt động sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam, chủ trương chiến lược phát động chiến tranh du kích rộng khắp trong vùng sau lưng địch, biến hậu phương địch thành tiền phương ta của Trung ương đã dần dần trở thành hiện thực. Chủ trương đó đã tạo điều kiện cho nhân dân quật khởi diệt tề trừ gian trong nhiều vùng nông thôn Đông Bắc, Hoà Bình, Tây Bắc, phụ cận đường số 5, Bình - Trị - Thiên, Tây Nguyên và quanh một số đô thị (Hà Nội, Nam Định, Nha Trang, Phan Thiết...). Nhiều khu du kích và căn cứ du kích xuất hiện. Dựa vào làng chiến đấu, ấp chiến đấu được kiến lập ở nhiều nơi[11], lực lượng vũ trang vùng sau lưng địch phát triển và trưởng thành qua thực tế chiến đấu để bám trụ và bảo vệ thôn xóm, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh của nhân dân nhằm bảo vệ quyền làm chủ giành được ở mức độ khác nhau. Cũng trong thời kỳ này, chấp hành chỉ thị tháng 3-1948 của Tổng Chỉ huy về phương châm, phương hướng hoạt động trên các mặt trận Lào và Campuchia, một số cơ sở chính trị và vũ trang đã được xây dựng ở Đông Miên, Hạ Lào và nhất là ở Thượng Lào.

Đầu năm 1949, Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6 (từ ngày 14 đến ngày 18-1-1949) nhận định rằng: "Biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta là thành công lớn nhất của ta trong năm 1948". Trong Hội nghị cán bộ quân chính cao cấp toàn quân tháng 1-1949, sau khi nhắc lại ý kiến trên đây của Hội nghị cán bộ Trung ương, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp[12] nói thêm: "Không "bình định" được các vùng đã kiểm soát, không mở được cuộc tiến công nào ra vùng tự do, đó là thất bại lớn nhất của địch trong năm 1948".

Sau này, tài liệu tổng kết của Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh - trực thuộc Bộ Chính trị, đánh giá: "Năm 1948, việc đưa chiến tranh du kích vào vùng sau lưng địch, biến hậu phương địch thành tiền phương ta, kết hợp quân sự, chính trị, kinh tế, nổi dậy phá tề trừ gian, thực chất là một cuộc chiến tranh tổng lực ở vùng địch hậu. Quân và dân ta đã phát triển thắng lợi của cuộc phản công ở Việt Bắc, thực sự triển khai một cuộc tiến công chiến lược, với hình thức độc đáo, quy mô rộng khắp, đánh vào toàn bộ quân viễn chinh và bộ máy tay sai trên toàn cõi Việt Nam".

Riêng đối với yêu cầu chiến lược phối hợp giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, kết quả phát động chiến tranh du kích trong địch hậu đã tạo điều kiện thuận lợi có ý nghĩa quyết định cho việc chỉ đạo phối hợp nội tuyến với ngoại tuyến, đánh địch trên cả hai mặt trận: phía trước và vùng sau lưng địch.

Viết về cuộc kháng chiến của ta trong giai đoạn này, giới sử học quân sự Pháp nhận định rằng năm 1948, bộ đội Việt Minh phát động trên khắp Bắc Kỳ một loạt trận đánh du kích mà tính liên tục của chúng đã trở thành một cuộc tiến công thực sự.

Đó chính là một cách diễn đạt khái niệm *cuộc phản công chiến lược mềm* theo cách nói trong *hồi ức* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp sau này.

21- Tập đánh vận động - những bước đi vững chắc

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp rất coi trọng vai trò chiến lược của chiến tranh du kích, nhưng ông không dừng lại ở "chủ nghĩa du kích". Nghiên cứu nghệ thuật cầm quân của Võ Nguyên Giáp, người ta thấy từ rất sớm, trong tư duy quân sự của ông thể hiện rất rõ nhận thức về quy luật chiến tranh du kích nhất thiết phải tiến lên chiến tranh chính quy và kết hợp chặt chẽ với chiến tranh chính quy.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ quân chính cao cấp tháng 1-1949 nhan đề *Chiến lược cầm cự và nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công,*ông nói: "Phương châm căn bản của chúng ta lúc này là du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ. Nhưng trong lúc này cần phải mạnh bạo đẩy vận động chiến tiến tới, để một khi có đủ điều kiện thì đưa vận động chiến lên một địa vị quan trọng... Đẩy mạnh vận động chiến tiến tới trong lúc này không có nghĩa là coi nhẹ du kích chiến. Trái lại du kích chiến ở vùng địch hậu là một điều kiện không thể thiếu để phối hợp với vận động chiến".

Để hoạt động của bộ đội phù hợp với quy luật chiến tranh du kích phải phát triển lên chiến tranh chính quy, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo thúc đẩy quá trình phát triển đó theo điều kiện cụ thể và đặc điểm của chiến trường Việt Nam, phát triển từng bước vững chắc.

Nghiên cứu lịch sử những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, người ta thấy một cụm từ học thuật mang tính rất riêng - rất Việt Nam, đó là du kích vận động chiến. Cụm từ đó được dùng trước hết trong *Chỉ thị toàn dân kháng chiến* của Thường vụ Trung ương, đề ngày 22-12-1946. Về cách đánh chiến lược, chỉ thị viết: "Triệt để dùng du kích vận động chiến"[13]. ít ngày sau, trên đường "thiên đô" từ Hà Nội lên Việt Bắc, ngày 6-3-1947, Tổng Chỉ huy viết *Huấn lệnh về sự cần thiết phải chuyển sang du kích vận động chiến.* Huấn lệnh nhận xét một khuyết điểm khá phổ biến của các mặt trận lúc bấy giờ là "mặc dù đã có nhiều chỉ thị để bộ đội cố gắng dùng du kích vận động chiến, nhưng sự thực vẫn là một lối trận địa chiến áp dụng vào những điều kiện không thể đánh được trận địa chiến"[14]. Ví dụ: Địch tập trung, ta thì phân tán cả người và vũ khí nặng; địch dùng chiến thuật vu hồi, ta thì lập phòng tuyến án ngữ trước mặt hoặc đợi địch đến mới đánh; địch dùng bộ đội cơ giới hoá, ta thì không chủ tâm đánh chiến xa và thiết giáp; địch tiến quân ồ ạt, cố ý phá hủy kho tàng, làm rối bộ máy của ta, nhưng kho tàng vật liệu của ta không đưa vào nơi an toàn... Huấn lệnh đề ra phương hướng và biện pháp cần khắc phục về tổ chức, chỉ huy, huấn luyện chiến thuật kỹ thuật để có thể chuyển sang du kích vận động chiến. Cụ thể là liên lạc phải nhanh chóng, vững chắc; trinh sát tình báo phải chính xác; bộ đội phải trang bị gọn nhẹ, phải biết hành quân nhanh chóng, thạo hành quân đêm, biết giữ bí mật.Đó là những điều kiện để bộ đội sẵn sàng cơ động, tránh lâm vào thế bị động, để giành thế bất ngờ, chủ động đánh những trận có lựa chọn và có chuẩn bị. Hồi đó, Tổng Chỉ huy đặc biệt quan tâm nghiên cứu những trận phục kích thắng lợi của bộ đội miền Trung và miền Nam trong xuân hè năm 1947[15] nhằm có thêm cơ sở thực tiễn giúp cho việc khái quát thành lý luận, xác định nội dung, khẳng định vị trí chiến lược và biện pháp chỉ đạo vận dụng du kích vận động chiến một cách phổ cập.

Tháng 6-1947, trong tài liệu nhan đề *Cuộc chiến tranh giải phóng của chúng ta - Chiến thuật và chiến lược*, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp giải thích: "Tôi dùng danh từ du kích vận động chiến để mệnh danh cho chiến thuật căn bản của chúng ta, mà không phân biệt hẳn một chiến thuật du kích và một chiến thuật vận động. Chiến thuật du kích là chiến thuật của quần chúng chiến tranh[16], thường dùng lối quấy nhiễu, lối phá hoại, lối phục kích và tập kích, với một binh lực lẻ tẻ để tiêu hao hoặc tiêu diệt quân địch. Còn chiến thuật vận động là chiến thuật của quân đội chính quy, tập trung lực lượng trên một chiến trường tương đối rộng lớn, dùng bộ đội mạnh, dùng đại binh đoàn, đánh lối vu hồi hay bao vây để tiến công mà tiêu diệt địch. Trong cuộc chiến tranh kháng Pháp của chúng ta, cố nhiên các đội du kích địa phương cũng như quân đội chính quy sẽ luôn luôn dùng chiến thuật du kích để tiêu hao hay tiêu diệt quân địch, nhưng các chiến thuật mà quân đội chính quy ta thường dùng là du kích vận động chiến, không phải là du kích chiến vì lực lượng huy động tương đối lớn, vì mục đích nhằm sự tiêu diệt hơn là tiêu hao, nhưng cũng chưa phải là vận động chiến vì điều kiện kỹ thuật và giáo luyện của quân đội ta còn kém cỏi, vì lực lượng huy động chưa phải là từng đại binh đoàn, vì phạm vi tác chiến chưa rộng lớn lắm, lại vì hình thức chiến đấu có khi là bao vây vu hồi, nhưng cũng có khi là phục kích tập kích, mà cũng có khi là phối hợp tất cả các hình thức ấy. Trong quá trình chiến tranh, du kích chiến phải phát triển thành vận động chiến. Hai chiến thuật khác nhau ở trình độ phát triển. Chiến thuật du kích vận động của bộ đội ta ở vào quãng giữa trên quá trình phát triển ấy"[17].

Mùa khô năm 1947, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chỉ đạo các tiểu đoàn tập trung vận dụng du kích vận động chiến một cách phổ biến trên chiến trường Việt Bắc và đã đem lại những chiến công trên đường số 4, đường số 3, sông Lô. Sau đó, nhiều trận phục kích và vận động phục kích tiếp tục diễn ra không chỉ ở Bắc Bộ mà cả trên các chiến trường miền Trung và miền Nam, trong đó có những trận nổi tiếng như trận La Ngà (trên đường Sài Gòn - Đà Lạt - đầu tháng 3-1948) và trận Tầm Vu (Khu 9 - Nam Bộ, trung tuần tháng 4-1948).

Nhưng du kích vận động chiến không chỉ dừng lại ở hình thức phục kích - kể cả vận động phục kích. Chiến thuật phục kích có thể làm cho sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch bị tổn thất, giao thông của chúng bị ngừng trệ, nhưng không buộc địch thu hẹp phạm vi chiếm đóng, cũng tức là không mở rộng vùng giải phóng của ta. Điều đó giải thích vì sao một yêu cầu chiến lược quan trọng được Hội nghị Trung ương trung tuần tháng 1-1948 đặt ra là phải quét các đồn lẻ của địch, thu hẹp địa bàn chiếm đóng của chúng. Vấn đề đặt ra với Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp lúc này là vận dụng du kích vận động chiến để đánh bại cái mà địch gọi là"chiến tranh đồn bốt" (guerre des postes) như thế nào.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai này, các tướng lĩnh Pháp vẫn đi theo vết xe của các vị tiền bối của chúng là Galiêni và Liôtây[18], nghĩa là qua hai bước: dùng binh lực đánh chiếm rồi dùng hình thức đồn bốt để mở rộng địa bàn chiếm đóng, bình định theo kiểu "vết dầu loang". Bằng hệ thống tháp canh sớm hình thành và ngày càng thêm dày đặc (tới hàng ngàn) ở Nam Bộ[19], quân Pháp đã mở rộng phạm vi kiểm soát trên nhiều vùng rộng lớn ở đồng bằng sông Cửu Long. Từ mùa hè năm 1947, hình thức chiếm đóng này được vận dụng ở miền Bắc và đã phát triển thành những cứ điểm nhỏ, cả ở chiến trường rừng núi và đồng bằng sông Hồng. Những cứ điểm này không những được bố phòng cẩn mật, với binh lực đông hơn, hỏa lực mạnh hơn so với hệ thống tháp canh Đờ La Tua, mà mỗi khi bị tiến công còn được hỏa lực của pháo binh yểm trợ và được lực lượng từ nơi khác đến ứng cứu (gọi là các đội quân ứng chiến). Trong khi hệ thống cứ điểm nhỏ là biện pháp chiến lược của địch nhằm đạt mục đích chiếm đất và bình định của chiến tranh xâm lược, làm chỗ dựa cho chính quyền bù nhìn địa phương, bảo vệ các trục giao thông, đưa quân địch từ giai đoạn tiến công sang giai đoạn củng cố và khuếch trương

khu vực chiếm đóng, từ chỗ khống chế quân sự đến chỗ khống chế chính trị và kinh tế... thì các đội ứng chiến nhỏ, ngoài chức năng ứng cứu còn là lực lượng xung kích tại chỗ đánh phá những nơi địch nghi là có cơ quan, công xưởng, kho tàng của ta. Tinh thần huấn lệnh của Tổng Chỉ huy đề ngày 26-2-1948 về tiêu diệt các cứ điểm nhỏ của địch, đã khẳng định: Chỉ có tiêu diệt các cứ điểm nhỏ mới thu hẹp được phạm vi chiếm đóng của quân Pháp, ngăn chặn quá trình địch dùng chiến thuật "vết dầu loang" để mở rộng vùng kiểm soát của chúng, mới làm mất chỗ dựa của chính quyền bù nhìn và tạo thêm điều kiện cho chiến tranh du kích phát triển.

Tiêu diệt cứ điểm của địch là một cách đánh mới, quân ta chưa có kinh nghiệm, lại triển khai trong điều kiện trang bị của bộ đội chủ lực còn rất hạn chế[20], đặc biệt là thiếu thuốc nổ để mở hàng rào và súng máy khi xung phong vào đồn, do đó phải đi từng bước vững chắc, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Tổng Chỉ huy giao nhiệm vụ cho Bộ Tổng tham mưu dùng một tiểu đoàn của Trung đoàn Thủ đô để nghiên cứu thí điểm cách diệt cứ điểm của địch theo cả hai cách đánh kỳ tập và cường tập[21]. Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái đã có ít nhiều kinh nghiệm đánh kỳ tập qua hai trận Phay Khắt và Nà Ngần năm xưa, trong khi đó thì quân ta chưa có kinh nghiệm về cường tập,nên ông giao cho Tiểu đoàn 11 nghiên cứu cách đánh cường tập trước. Ông cho chọn ngọn đồi gần ngã ba Phú Minh (Đại Từ - Thái Nguyên) làm thao trường cho bộ đội. Địa điểm này không quá xa cơ quan tham mưu, tiện cho phái viên đi về theo dõi bộ đội luyện tập.

Trong đợt luyện quân lập công thứ hai này, lần đầu tiên xuất hiện cách luyện tập có thực binh, cả "quân xanh, quân đỏ". Tiểu đoàn trưởng Vũ Yên cùng tổ trinh sát đi nghiên cứu đồn Phủ Thông (trên đường số 3, phía bắc thị xã Bắc Cạn 20 km) rồi về đắp trên đồi Phú Minh một "đồn" đúng như đồn Phủ Thông, cũng hầm hào, lô cốt, ụ súng, hàng rào "lông nhím" bao quanh. Trải qua nhiều ngày luyện tập, mồ hôi đổ ra giữa nắng hè đã giúp cho cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 11 bước đầu có khái niệm về cách tiến công một đồn giặc. Kiến thức thu lượm được cộng với kinh nghiệm do Bộ Tổng tham mưu rút ra từ hai chiến dịch nhỏ ở Nghĩa Lộ (3-1948) và Yên Bình Xã (6-1948) được đem vận dụng ngay vào trận đánh đồn Phủ Thông cuối tháng 7, trong Chiến dịch đường số 3. Bộ tăng cường cho Tiểu đoàn 11 một khẩu sơn pháo 75 mm của Liên khu 10. Để hỗ trợ cho trận đánh thí điểm này, các đơn vị bạn tham gia chiến dịch đã tăng cường hoạt động trên đường số 3 trong suốt tháng 7, nhằm cô lập bọn địch ở đồn Phủ Thông.

Trận đánh cứ điểm Phủ Thông bắt đầu đêm 25-7-1948. Tinh thần xung phong của các chiến sĩ đã áp đảo cả đại đội lê dương ngay từ đầu, khiến cho báo chí Pháp sau này nói đến trận Phủ Thông là nói đến "những trận đánh giáp lá cà rất ác liệt". Nhưng rồi bộ đội bị hỏa lực địch chặn đứng trước mục tiêu cuối cùng (có hầm ngầm) nên buộc phải lui quân trước khi trời sáng. Trận đánh thí điểm không thành công trọn vẹn[22] nhưng đã mang lại cho cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 11 cũng như cơ quan tham mưu Tổng hành dinh nhiều kinh nghiệm ban đầu về tổ chức và thực hành một trận đánh mà hồi đó thường gọi nôm na ngắn gọn là "công đồn", đặc biệt là đã làm sáng tỏ những hạn chế của quân ta về trinh sát nắm địch (đặc biệt ở đây là hầm ngầm), về tổ chức chỉ huy và hợp đồng giữa bộ binh và pháo binh đi cùng. Khi tổng kết Chiến dịch đường số 3 và trận Phủ Thông, Tổng Chỉ huy biểu dương tinh thần xung phong chiến đấu của Tiểu đoàn 11 và tặng tiểu đoàn danh hiệu *Tiểu đoàn Phủ Thông*. Ông phân tích những yếu kém của cán bộ và bộ đội trong trận thí điểm này, nhất là công tác trinh sát, điều tra địch tình trước trận đánh và chỉ ra phương hướng khắc phục. Ông còn nhắc nhở cơ quan tham mưu chú ý một kinh nghiệm quan trọng rút ra từ trận Phủ Thông. Ngày 25 ta tiến công vị trí này, ba ngày sau viện binh địch từ Cao Bằng theo đường số 3 xuống ứng cứu. Ban Chỉ huy chiến dịch không có kế hoạch đánh viện binh địch. Thế là lại thêm một bài học rất bổ ích đối với việc chỉ đạo mở chiến dịch (dù là chiến dịch nhỏ) là kèm theo kế hoạch đánh điểm phải có kế hoạch diệt viện. Thực tế sau này cho thấy: Không

những kế hoạch diệt viện phải được vạch ra đồng thời với kế hoạch đánh điểm mà trong rất nhiều trường hợp, kế hoạch đánh điểm chỉ là bước khơi mào cho mục đích chủ yếu của chiến dịch là "câu" viện binh địch ra để tiêu diệt.

Cơ quan tham mưu đúc kết kinh nghiệm của các trận vây đồn diệt viện ở Mộc Hoá, La Bang, Sóc Xoài (Nam Bộ) và các chiến dịch nhỏ đầu tiên ở Bắc Bộ (Yên Bình Xã, Nghĩa Lộ, đường số 3) để phổ biến ngay cho các khu và trung đoàn chủ lực của bộ đang trong quá trình huấn luyện. Từ đó, học tập chiến thuật công đồn chiếm một vị trí quan trọng trong phong trào luyện quân - lập công của bộ đội chủ lực những ngày còn lại trước khi bước vào mùa khô. Các ngọn đồi vùng Đại Từ (Thái Nguyên), Đoan Hùng (Phú Thọ), Lập Thạch (Vĩnh Yên) trở thành thao trường luyện tập công đồn của các tiểu đoàn chủ lực của Bộ Tổng chỉ huy. Trong vài chuyến "vi hành" xuống xem bộ đội luyện tập chiến thuật ở Lập Thạch, điều khiển Tổng Chỉ huy đặc biệt quan tâm không chỉ là trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ mà còn là tình hình trang bị kém cỏi của bộ đội trước nhiệm vụ xung kích diệt đồn. Nguồn vũ khí trang bị cho ta chủ yếu là ở trong tay giặc, ngoài mặt trận, đó là hướng cơ bản lâu dài để cải thiện trang bị cho bộ đội theo phương châm mang tính truyền thống: cướp súng giặc giết giặc. Nhưng cần động viên và phát huy hơn nữa khả năng sản xuất của ngành quân giới. Trong những lần làm việc với Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái và Cục trưởng Quân giới Trần Đại Nghĩa, Tổng Chỉ huy cùng các ông thống nhất là, nên nhân phong trào thi đua "gây cơ sở phá kỷ lục" của ngành cung cấp trong cuộc vận động luyện quân - lập công của toàn quân hiện nay mà đẩy mạnh hơn đà sản xuất vũ khí cho bộ đội, nhất là vũ khí công đồn. Qua trận Phủ Thông, rõ ràng là tinh thần, ý chí cán bộ, chiến sĩ là yếu tố quan trọng hàng đầu và đó là ưu thế tuyệt đối của ta, nhưng trang bị vật chất được tăng cường sẽ góp thêm phần quan trọng vào hiệu quả chiến đấu của bộ đội. Từ những gợi ý của Tổng Chỉ huy, trong Hội nghị quân giới sau đó, lần đầu tiên vấn đề sản xuất súng không giật (SKZ) được đặt ra. Trải qua nhiều lần nghiên cứu và thử nghiệm, năm 1949, trong phong trào thi đua ái quốc của toàn dân và phong trào "gây cơ sở phá kỷ lục" của các ngành cung cấp quốc phòng, quân giới của ta đã sản xuất thành công nhiều loại vũ khí lớn[23], đánh dấu một mốc cải tiến trang bị quan trọng đối với bộ đội chủ lực, trong đó SKZ 60 mm sớm trở thành một vũ khí lợi hại trong các trận đánh đồn[24].

Để động viên kịp thời những nỗ lực của ngành quân giới, trong thư gửi anh chị em lao động trong các công xưởng quốc phòng nhân ngày Quốc tế Lao động và trong huấn lệnh rèn luyện cán bộ - cải tiến kỹ thuật, sau khi biểu dương thành tích của toàn ngành, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận xét cán bộ các ngành sản xuất quốc phòng chưa thật thấm nhuần tư tưởng chiến lược, chiến thuật, quan hệ giữa các ngành sản xuất và quân đội chưa được mật thiết. Vì vậy mức tiến của các ngành sản xuất khi nhanh hơn, khi chậm hơn mức tiến của quân đội. Ông căn dặn cán bộ ngành quân giới phải nhận định rõ vinh dự phụng sự người binh nhì, toàn ngành quân giới phải đi sát và theo kịp nhu cầu của bộ đội, của nhiệm vụ tác chiến, cả về chiến lược và chiến thuật.

Toàn quân chuẩn bị bước vào mùa khô thứ hai của cuộc kháng chiến toàn quốc với tinh thần sẵn sàng đánh bại cuộc hành binh của địch nếu chúng tiến công vào vùng tự do, đồng thời chủ động tiếp tục rèn luyện đánh vận động trong những chiến dịch tiến công quy mô nhỏ.

Trong hai báo cáo quân sự nhan đề *Vấn đề quân sự hiện giờ ở Việt Nam* và *Kiểm thảo mùa hè - Chuẩn bị thu đông* (đọc tại Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 5, trung tuần tháng 8-1948), Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận định rằng bước vào mùa khô đầu tiên của giai đoạn mới này, ta đã thành công trong việc chống càn ở Nam Bộ, Xuân Mai, Ân Thi, đã đưa lực lượng vào địch hậu, nhất là ở Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên; đã tiến bộ trong việc sử dụng binh lực tập

trung (một hoặc nhiều tiểu đoàn) trong các chiến dịch nhỏ đầu tiên trên chiến trường rừng núi như trong các trận đánh Đồng Dương, Cẩm Lý; đã lấn được trên một số vùng mà năm ngoái không vào được. Về công tác tham mưu, nếu năm ngoái đến giữa hè mới xây dựng xong kế hoạch mùa hè thì năm nay kế hoạch được phổ biến sớm hơn nhiều. Bước vào mùa khô, Bộ Tổng chỉ huy đã dự kiến và chỉ đạo chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu trên các hướng địch có thể tiến công trong mùa khô sắp tới (Việt Bắc, Khu 4 và trung du Bắc Bộ). Về tư tưởng chỉ đạo tác chiến, đã nhấn mạnh yêu cầu và hướng dẫn biện pháp chuyển từ đánh tiêu hao sang đánh tiêu diệt, với binh lực tập trung cao hơn mùa khô năm ngoái.

Cũng tại Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 5, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nêu rõ phương hướng tác chiến chiến lược của ba thứ quân vào thời điểm cuộc kháng chiến đang chuyển mạnh sang giai đoạn mới, đó là:

1- Trong nhiệm vụ tiếp tục mở rộng phong trào chiến tranh du kích, cần quán triệt đặc điểm của thời kỳ này là thời kỳ phải chỉ đạo các đại đội độc lập làm tròn sứ mạng của mình, phát huy sức chiến đấu, thúc đẩy phong trào du kích phát triển thật mạnh để dần dần có thể đưa các đại đội độc lập trở về với bộ đội chủ lực để đẩy mạnh vận động chiến.

2- Để thực hiện vận động chiến bằng các chiến dịch nhỏ, bộ đội chủ lực phải được tổ chức đầy đủ, hỏa lực phải tập trung, có công binh, pháo binh phối hợp và phải được huấn luyện chu đáo về tác chiến vận động. Chúng ta phải thận trọng nhưng phải táo bạo đẩy vận động chiến tiến tới, phải thận trọng nhưng phải kiên quyết trong việc sử dụng chủ lực tiến dần đến những trận đánh quy mô lớn. Tư tưởng chỉ đạo tiến hành các chiến dịch nhỏ đã được Trung ương xác định rõ trước khi bước vào mùa khô năm 1948: "Về tiến công tránh đánh những trận quyết chiến bất lợi địch thiệt ít, ta thiệt nhiều hay cả địch và ta đều tiêu hao. Không đánh những trận không chuẩn bị, không kế hoạch và không nắm chắc phần thắng lợi, không nên để cho địch bắt phải đánh những trận bất lợi mà cũng đánh"[25].

Để dẫn dắt từng bước đi vững chắc cho toàn quân trên chặng đường tiến lên vận động chiến trong điều kiện cấp chỉ huy các đơn vị và chiến trường chưa có kinh nghiệm điều hành từ khâu chuẩn bị đến khâu thực hành chiến dịch, ngay từ cuối năm 1948, đầu năm 1949, Tổng Tư lệnh đã tổ chức những hội nghị và ra những chỉ lệnh hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan Tổng hành dinh, cấp khu và trung đoàn. Trong Hội nghị cán bộ quân chính cao cấp đầu năm 1949, ông đã nêu phương hướng và biện pháp củng cố và xây dựng bộ đội chủ lực, phát triển dân quân, kiện toàn cơ quan chỉ huy, cách tổ chức rút kinh nghiệm và nhất là giải quyết vấn đề then chốt: đào tạo và rèn luyện cán bộ.

Về *xây dựng lực lượng,* ông chỉ đạo triển khai kế hoạch rút dần các đại đội độc lập về với chủ lực, kế hoạch tập trung cán bộ, kiện toàn cơ quan chỉ huy, tập trung vũ khí và phương tiện chỉ huy vào những đơn vị chủ lực có nhiệm vụ đánh vận động. Trong huấn lệnh *Rèn luyện cán bộ - chấn chỉnh quân đội*, ông cũng chỉ rõ: Nội dung cụ thể của cuộc vận động gồm những tri thức cần thiết cho vận động chiến và dựa vào những nguyên tắc về tư tưởng, tổ chức, kỹ thuật, chiến thuật, ý thức kỷ luật thích hợp với vận động chiến. Biên chế, huấn luyện, trang bị đều phải nhằm mục đích thực hiện vận động chiến mà tiến hành.

Về *công tác cán bộ,* ông nói: Vấn đề cán bộ là một vấn đề then chốt để thực hiện những phương châm quân sự mới. Không giải quyết được vấn đề cán bộ, nhất định các phương châm và kế hoạch hay và đúng đến đâu cũng không thể có kết quả mỹ mãn được. Các nhiệm vụ mới đòi hỏi một số cán bộ ngày càng lớn, đòi hỏi những cán bộ chuyên môn: pháo binh, công binh, thông tin

liên lạc. Vận động chiến cần có những cán bộ của vận động chiến, chỉ huy chiến thuật linh động, có kế hoạch, có sáng kiến, có nhãn quan, hiểu địch và biết phán đoán địch, biết ứng phó nhanh chóng, đủ năng lực để nắm vững một bộ đội lớn. Cho nên cần có một kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên môn. Chương trình huấn luyện phải lấy tư tưởng chiến lược, chiến thuật hiện đang áp dụng làm cơ sở. Hiện nay trình độ chiến sĩ đã tiến bộ nhiều. Trong tình thế mới, nhiệm vụ mới càng nặng nề, người chỉ huy cần phải tiến vượt bậc cho kịp nhiệm vụ nặng nề mà mình phải gánh vác.

Về *quan hệ giữa bộ đội chủ lực với các địa bàn mở chiến dịch,* từ kinh nghiệm các chiến dịch nhỏ cuối năm 1948 (Yên Bình Xã, đường số 3, Đông Bắc), trên báo *Sự thật,* số 126 (26-1-1949), ông viết: "Nói đến các chiến dịch, đến hoạt động của bộ đội chủ lực, thì việc chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị cơ sở nhân dân, điều tra địch tình, tiếp tế vận tải, trước lúc tác chiến, cho đến việc tham gia công tác phá hoại, thu dọn chiến trường, khuếch trương thắng lợi trong và sau khi tác chiến, các công tác đó là điều kiện tối thiểu cần thiết cho thắng lợi. Các công tác ấy có thể do bản thân bộ đội chủ lực làm được không? Nếu chủ lực phải gánh vác lấy một mình nhất định không làm được đến nơi đến chốn. Trái lại, nếu có sự phối hợp quân - dân - chính, huy động vào công việc ấy không những các lực lượng của bộ đội địa phương và dân quân, mà cả sức người và của, sáng kiến và lòng gan dạ của nhân dân nữa, thì kết quả có thể tăng lên gấp bội".

Trong quá trình các đơn vị triển khai các chiến dịch, Tổng Tư lệnh quan tâm theo dõi và dựa vào diễn biến, ưu, khuyết điểm và kinh nghiệm về chỉ đạo, chỉ huy mà kịp thời phổ biến cho các đơn vị, dưới hình thức hội nghị hay thông báo. Tổng Tư lệnh đã trực tiếp chủ trì cuộc hội nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm hai chiến dịch sông Lô và đường số 4 mùa hè năm 1949. Đây là hai chiến dịch đem lại những kinh nghiệm khác nhau về cách đánh. Chiến dịch sông Lô với những trận vận động truy kích địch ở Bạch Lưu, Lệ Mỹ, Tiên Du; chiến dịchđường số 4, với những trận công đồn (Bản Trại, Đèo Khách) có phối hợp với pháo binh, công binh, trận phục kích lớn ở Lũng Phầy, với những kinh nghiệm về chuẩn bị chiến trường, trận Quảng Yên, kinh nghiệm đánh lớn vào thành phố sâu trong lòng địch... Hội nghị đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề về chuẩn bị chiến dịch, tổ chức, tập trung và sử dụng binh lực (kể cả các phương tiện, kỹ thuật trong điều kiện còn rất hạn chế của ta), về mở màn chiến dịch, về cách đánh và vận dụng các hình thức chiến thuật, về công tác chính trị và công tác cung cấp, về quan hệ với địa phương, về thời cơ và nghệ thuật kết thúc chiến dịch và khuếch trương chiến quả, về tổ chức tổng kết chiến dịch, tổ chức phổ biến và học tập kinh nghiệm.

Cũng có chiến dịch, một phần do sử dụng binh lực lớn lại do điều kiện địa hình không thuận lợi cho chỉ đạo, chỉ huy[26], để đạt hiệu quả chiến đấu cao, từ mấy tháng trước Tổng Tư lệnh ra những chỉ lệnh hướng dẫn từng bước chuẩn bị, về mục đích chiến dịch, phương châm tác chiến, sử dụng binh lực, tổ chức cơ quan chỉ huy, chuẩn bị địa hình và điều tra tình hình địch, chuẩn bị bộ đội, chuẩn bị dân quân phối hợp, chuẩn bị lương thực, vũ khí, đạn dược, quân y, thông tin liên lạc, vũ trang tuyên tuyền, địch vận, liên lạc báo cáo về bộ. Nếu trong đợt 1, Chiến dịch Lê Lợi phát triển thuận lợi, trong đó có trận đánh vận động hiệu suất cao của Trung đoàn 209 trên đường Mỏ Hẻm - Chợ Bờ, thì sang đợt 2, do tư tưởng ham đánh điểm, không gắn đánh điểm với diệt viện, lại do địch tăng viện cho Hoà Bình và đường số 6, hoạt động của ta kém hiệu quả, Tổng Tư lệnh quyết định kết thúc chiến dịch, rút bộ đội chủ lực về nghỉ ngơi củng cố và giao cho Bộ Tư lệnh Liên khu 3 và Trung đoàn 209 tiếp tục chuẩn bị chiến trường ở hướng Hoà Bình. Trung đoàn trưởng Lê Trọng Tấn được chỉ thị viết lại kinh nghiệm trận đánh địch rút chạy trên đường Mỏ Hẻm - Chợ Bờ để kịp thời phổ biến cho các đơn vị.

Nhìn chung, với sự theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Tổng tư lệnh, từ mùa thu năm 1948 đến mùa hè năm 1950, bộ đội chủ lực đã mở chừng 20 chiến dịch nhỏ trên khắp các chiến trường[27], từ Đông Bắc, Tây Bắc Bắc Bộ, đến nam Khu 4, Khu 5 và Nam Bộ. Mục đích chủ yếu của các chiến dịch đó là tiêu diệt một bộ phận sinh lực, thu hẹp một phần phạm vi chiếm đóng của chúng, nhưng chủ yếu là rèn luyện cho cán bộ và bộ đội tác chiến tập trung từ nhỏ đến lớn, đồng thời tạo thêm điều kiện cho phong trào chiến tranh du kích phát triển. Loại hình chủ yếu của các chiến dịch nhỏ là tiến công[28]. Binh lực huy động từ 2 tiểu đoàn (như Chiến dịch Yên Bình Xã 2) đến 4 trung đoàn (như các chiến dịch Đông Bắc 1, Lê Lai, Lê Lợi). Cách đánh chủ yếu là đánh điểm diệt viện. Cùng với việc xác định hướng mở chiến dịch tiến công cho các địa phương, Tổng Tư lệnh thường cử phái viên của Tổng hành dinh đến giúp đỡ các khu và trung đoàn chuẩn bị tổ chức, điều hành chiến dịch và chỉ đạo rút kinh nghiệm. Ông coi việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm sau từng chiến dịch là một yêu cầu đặc biệt quan trọng. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thường nhấn mạnh: Các đơn vị phải rút được kinh nghiệm qua từng trận đánh mới làm cho bộ đội không ngừng trưởng thành, diệt địch đi đôi với bồi dưỡng ta, càng đánh càng mạnh.

Hơn 20 tháng rèn luyện bộ đội trong các chiến dịch nhỏ là một bước chuyển mình của các đơn vị chủ lực của bộ cũng như của các liên khu. Thành tích của bộ đội trong các chiến dịch đó không chỉ ở chỗ tiêu diệt được một phần sinh lực địch, giải phóng một bộ phận đất đai, góp phần hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích. Điều quan trọng là bộ đội chủ lực đã trưởng thành từng bước vững chắc cả về tổ chức biên chế, trang bị kỹ thuật và trình độ tác chiến tập trung quy mô nhỏ, có hợp đồng bộ binh với pháo đi cùng. Cũng trong quá trình này, kết quả nổi bật đối với cấp Tổng hành dinh cũng như cấp liên khu và trung đoàn là ở chỗ các chiến dịch nhỏ đã bổ sung nhận thức lý luận về xây dựng lực lượng, về tổ chức và thực hành chiến dịch, góp phần quyết định vào quá trình phát triển từ chưa hoàn chỉnh đến dần dần hoàn chỉnh của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam, chủ yếu là chiến dịch tiến công. Đây là một trong những thành tựu quan trọng thể hiện tinh thần tự lực tự cường của quân đội ta trong những năm chiến đấu trong vòng vây, chưa có điều kiện tiếp thu kinh nghiệm tiên tiến của quân đội các nước anh em.

Trong khi Tổng Tư lệnh chỉ đạo các liên khu và trung đoàn trên cả ba miền liên tiếp tổ chức các chiến dịch tiến công quy mô vừa và nhỏ thì chiến tranh du kích vẫn tiếp tục phát triển, đặc biệt là ở đồng bằng sông Hồng. Trước âm mưu chiến lược của địch (theo kế hoạch Rơve) mở rộng vùng kiểm soát hòng làm chủ vùng châu thổ sông Hồng (mà chúng gọi là "vo tròn vùng đồng bằng có ích"), Bộ Tư lệnh Liên khu 3 đã phát động mạnh chiến tranh du kích, tiêu hao địch rộng rãi và phối hợp với các đơn vị chủ lực của liên khu trong các trận đánh địch ở Thái Ninh, Quỳnh Côi, Tiên Hưng (Thái Bình), ứng Hoà (Hà Đông). Chiến tranh du kích đồng bằng sông Hồng đã phối hợp khá chặt chẽ với các chiến dịch nhỏ trên hướng rừng núi.

Trên bước đường quá độ đi dần từng bước từ du kích phân tán đến tác chiến tập trung từ nhỏ đến lớn nhằm mục tiêu chiến lược đẩy mạnh vận động chiến tiến tới, việc đấu tranh để quán triệt tư tưởng chỉ đạo tác chiến vào thực tế chiến đấu là một cuộc đấu tranh kiên trì của cấp chiến lược, nhằm đạt được một trong những yêu cầu chiến lược chủ yếu của bộ đội chủ lực là càng đánh càng mạnh. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đặc biệt quan tâm chỉ đạo rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm các trận đánh hay, các chiến dịch được chỉ đạo chuẩn bị và điều hành tốt, đồng thời ông cũng rất nghiêm khắc đối với những trận đánh "được không bù mất", hạ được đồn địch nhưng bộ đội thương vong nhiều. Ông đã từng phê bình nghiêm ngặt những trận như Phủ Thông (1948), sông Lô (1949) và Chiến dịch Lê Hồng Phong 1, mùa xuân năm 1950.

Điển hình là lần Tổng Tư lệnh phê bình Ban Chỉ huy Mặt trận Lê Hồng Phong 1 về hai trận Phố Lu và Nghĩa Đô. Đây là một bài học khó quên đối với cán bộ cơ quan tham mưu Tổng hành dinh.

Bức điện đề ngày 20-3-1950 của Tổng Tư lệnh chỉ thị Ban Chỉ huy Lê Hồng Phong 1 "cần tự kiểm thảo nghiêm ngặt" tìm ra nguyên nhân dẫn đến thương vong của ta trong trận Phố Lu. Nhắc lại báo cáo của Ban Chỉ huy Mặt trận viết rằng: "Trong trận Phố Lu, ta tiêu diệt được một thị trấn quan trọng của địch, thu được vũ khí, đạn dược, địch bị thiệt hại gần 100, nhưng ta bị hy sinh 100, trong đó có 11 cán bộ cấp đại đội và trung đội, bị thương 180, trong đó có 13 cán bộ", Đại tướng Võ Nguyên Giáp đặt vấn đề: "Trước khi đánh Phố Lu, Ban Chỉ huy ước lượng mức hy sinh như thế nào? Và nếu biết trước là phải hy sinh đến chừng ấy thì có quyết định đánh không? Trong cả hai trường hợp (không ước lượng hoặc ước lượng trước nhưng vẫn chủ trương đánh), Ban Chỉ huy đều phải thấy khuyết điểm của mình và phải tìm ra nguyên nhân. Tổng Tư lệnh cho rằng Ban Chỉ huy Lê Hồng Phong đã không kiểm thảo theo tinh thần chỉ đạo của trên. Dẫn chứng:

1- Thư đồng chí Chính ủy[29] viết: "Sự thiệt hại kể cũng hơi nặng, nhưng Phố Lu là một thị trấn, công sự địch rất kiên cố, vào đến nơi mới thấy rằng lấy được đồn Phố Lu, mức hy sinh như vậy cũng chưa phải là nhiều".

2- Thư đồng chí Chỉ huy phó nêu nhiều kinh nghiệm, nhiều nhận xét về Phố Lu mà không có nhận xét gì về tổn thất của ta. Theo thư ấy thì nếu địch còn tinh thần chiến đấu chống trả thì ta còn tổn thất nhiều hơn.

3- Thư đồng chí Chỉ huy trưởng nói: Tiêu hao nặng của ta không phải vì địch làm ta tiêu hao nhiều, mà chính vì tinh thần của anh em quá hăng, nên mới xảy ra.

Tổng Tư lệnh nhận xét: Tự kiểm điểm như vậy là không nghiêm ngặt, là chỉ thấy ưu điểm mà không thấy khuyết điểm, thấy thiệt hại của địch mà không thấy thiệt hại của ta, cắt nghĩa mà không nhận khuyết điểm.

Về trận Nghĩa Đô, theo báo cáo: "Địch bị tiêu hao một số. Ta thu được 20 súng trường và tiểu liên, bị tiêu hao 32 súng trường, 4 trung và tiểu liên, 91 bị hy sinh và thất lạc, 202 bị thương. Riêng Tiểu đoàn 11 (Tiểu đoàn Phủ Thông): Bao nhiêu tay súng giỏi, chỉ huy can trường, đều hy sinh khi đánh nhau với quân nhảy dù. Bộ đội Phủ Thông bây giờ sụt hẳn về mặt chất, vì cán bộ khá hy sinh cả".

Tổng Tư lệnh đặt vấn đề: Thế có phải là thất bại hay không? Và ông kết luận: Trận Nghĩa Đô phải coi là một trận thất bại. Không nên vì địch rút, vì địch bị tiêu hao một số mà trong việc khen thưởng từng chiến sĩ, từng đơn vị, lại để cho cán bộ hiểu lầm rằng trận Nghĩa Đô là một thành công. Công tác chính trị không phải chỉ nêu thắng lợi và ưu điểm mới động viên được bộ đội, mà cần nêu cả thất bại, khuyết điểm để học tập, sửa chữa.

Cuối bức điện, Đại tướng viết: "Các đồng chí có trách nhiệm ngày càng nặng. Cho nên lại cần đi vào nền nếp tự kiểm điểm nghiêm ngặt nhất là trong lúc thắng lợi".

Mặc dù có chiến dịch không đạt yêu cầu chiến lược đề ra, thậm chí có trận đánh thất bại, nhưng hơn 20 chiến dịch nhỏ từ mùa hè năm 1948 đến mùa thu năm 1950 chứng tỏ Tổng Tư lệnh đã chỉ đạo các cơ quan Tổng hành dinh, cấp liên khu và trung đoàn quán triệt và vận dụng sáng tạo quy

luật phát triển của chiến tranh cách mạng, và các chiến dịch nhỏ đó đã đem lại cho Tổng hành dinh những bài học quan trọng về chỉ đạo xây dựng và tác chiến chiến lược.

Thực tế khẳng định: Từ du kích lên chính quy, từ đánh nhỏ lên đánh lớn là quy luật tất yếu của chiến tranh cách mạng Việt Nam. Trong một công trình nghiên cứu tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Đứng về chiến lược mà nói, du kích chiến gây nhiều khó khăn và tổn thất cho địch, nhưng du kích chiến chỉ có thể tiêu hao quân địch. Muốn tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng được đất đai, du kích chiến phải tiến dần lên vận động chiến và công kiên chiến.

Chấp hành phương châm đưa du kích chiến tiến dần lên vận động chiến, ngay từ đầu, trong bộ đội du kích của ta, ngoài bộ phận hoạt động phân tán, đã có một bộ phận hoạt động tập trung, tức là những mầm mống đầu tiên của vận động chiến. Năm 1947, với chủ trương đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung, chúng ta đã bắt đầu học tập tiến lên đánh tập trung hơn, tiến lên đánh vận động chiến. Năm 1948, bộ đội ta đã đánh những trận phục kích, tập kích tương đối lớn với một hay nhiều tiểu đoàn. Ta đã mở những chiến dịch nhỏ, không những ở Bắc Bộ mà cả ở những chiến trường khác. Từ năm 1950, quân ta bắt đầu mở những chiến dịch quy mô ngày càng lớn, làm cho vận động chiến chiếm địa vị chủ yếu trên chiến trường Bắc Bộ"[30].

Đánh giá ý nghĩa chiến lược của hơn 20 chiến dịch nhỏ trong quá trình phát triển từ du kích chiến lên vận động chiến, tài liệu *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch* nhận xét: "Qua các chiến dịch đó, ta đã tiêu diệt một phần sinh lực địch, giải phóng một bộ phận đất đai, góp phần hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích. Trải qua quá trình đó, bộ đội chủ lực đã trưởng thành một bước quan trọng cả về biên chế tổ chức, trang bị kỹ thuật và trình độ tác chiến, từ đánh du kích tiến lên đánh tập trung quy mô nhỏ. Đó cũng là quá trình phát triển từng bước của nghệ thuật chiến dịch, mà chủ yếu là chiến dịch tiến công, đánh vào hệ thống phòng ngự bằng cứ điểm và lực lượng ứng chiến của địch.

Thực tế những năm 1948 - 1950 cho phép khẳng định: Trên bước đường quá độ từ tác chiến du kích lên tác chiến chính quy, trình độ điều hành chiến dịch của ta còn bộc lộ nhiều non kém, số chiến dịch thể hiện sự chỉ huy xuất sắc chưa nhiều. Nhưng chính với những bài học xương máu đúc kết được trên cả chặng đường dài phát triển tuần tự từ đánh phân tán lên đánh tập trung trong các chiến dịch quy mô nhỏ đó mà các cấp chỉ huy của ta ngày càng có đủ bản lĩnh cần thiết để bước vào thu đông năm 1950, tiến hành tổ chức một chiến dịch quy mô lớn đầu tiên"[31].

22- Tạo yếu tố đánh thắng trận đầu ra quân đánh lớn

Trong điều kiện kỹ thuật nắm tin lúc bấy giờ còn rất hạn chế, cơ quan tình báo Tổng hành dinh đã cố khai thác triệt để các nguồn tin công khai để nắm được và phân tích những biến cố chủ yếu nhất về phía Pháp, làm cơ sở để đánh giá tình hình, xác định bước đi. Đài Phát thanh Con nhạn của quân viễn chinh và báo chí Pari và Sài Gòn đã giúp cơ quan tham mưu Tổng hành dinh nhiều tin tức quan trọng về phía đối phương.

Sau 5 năm theo đuổi chiến tranh và liên tiếp gặp những thất bại trên chiến trường, Chính phủ Pháp ngày càng phải đối mặt với những khó khăn gay gắt về kinh tế - tài chính và những khủng hoảng triền miên về chính trị. Phong trào quần chúng Pháp phản đối cuộc chiến tranh bẩn thỉu ngày càng mở rộng, điển hình là sự kiện ngày 23-2-1950, người nữ thanh niên Raymông Điêng nằm ngang đường sắt, cản đoàn tàu hỏa chở vũ khí ra cảng để đưa sang Đông Dương. Chỉ từ tháng 11-1947 (khi đang diễn ra cuộc tiến công lên Việt Bắc) đến giữa năm 1950, đã thêm tám

lần nội các Pháp lập nên đổ xuống[32]. Có vị thủ tướng chỉ ngồi trên ghế được 12 ngày (như Giuyn Mốc), thậm chí chỉ 7 ngày (như Mayê). Phong trào phản chiến và thế chính trị chênh vênh của chính phủ khiến cho không một thủ tướng nào dám đưa các hiệp định ký với Bảo Đại (ở Vịnh Hạ Long cũng như ở Pari) ra trước Quốc hội, vì chắc chắn sẽ không được thông qua.

Về quân sự, báo chí Pari và Sài Gòn phản ánh lời than phiền của chỉ huy các chiến trường về khó khăn lớn nhất là nạn khủng hoảng quân số. Không một vùng nào được coi là đủ binh lực trước nhiệm vụ đã trở nên quá nặng nề vì phải đối phó với hoạt động đều đặn của một đối thủ đang ngày càng lớn mạnh. Một ví dụ: Dọc duyên hải 300 km ở Trung Trung Bộ, Pháp chỉ có 6 tiểu đoàn "căng như sợi dây đàn" cho nên đối phương đã lợi dụng tình trạng hết sức phân tán của quân Pháp để tiến công. Còn ở Bắc Bộ, nếu không có quân tăng viện thì không thể khai thông được đường lên Tây Bắc cũng như không thể giải tỏa cho Hà Nội đang thường xuyên bị du kích áp sát và vây hãm. Trên hướng Đông Bắc, không chỉ Cao Bằng mà suốt dọc đường số 4 xuống vùng mỏ, biến cố quân sự có thể xảy ra bất cứ lúc nào vì đối phương luôn giữ quyền chủ động tác chiến. Đáng lo ngại hơn cả vẫn là vùng châu thổ sông Hồng, một vùng đồng bằng phì nhiêu đông người nhiều của chiếm 1/5 diện tích Bắc Bộ nhưng lại là nơi luôn không ổn định vì tiếng súng du kích không bao giờ ngớt. Tướng Săngxông (Chanson - được coi là "chuyên gia bình định" ở Nam Bộ) được điều ra để "cứu cho vùng đồng bằng có ích khỏi bị ruỗng nát".

Đang lúc cuộc vận động xin tăng viện binh chưa có dấu hiệu khả quan thì tin tức về trận Phủ Thông dội về Pari[33]. Báo chí Pháp phản ánh dư luận chính giới Pari nói rằng trận Phủ Thông có thể là "chất kích thích" thúc đẩy chính phủ cố gắng hơn trong việc gửi viện binh sang Đông Dương để thêm sức chống đỡ với tình hình ngày càng xấu đi, nhưng riêng tướng Tổng Chỉ huy Bledô thì thừa biết rằng, đã từ lâu đối với nước Pháp vấn đề viện binh luôn là chuyện lực bất tòng tâm.

Trong khi đó thì tại Sài Gòn, mâu thuẫn dai dẳng về chủ trương chiến lược giữa Cao ủy Pinhông (Léon Pignon) và Tổng Chỉ huy Bledô cũng bắt nguồn từ những khó khăn về binh lực của quân viễn chinh. Trong khi Bledô khẳng định cần tăng cường nỗ lực quân sự trên chiến trường Bắc Bộ - mà ông ta coi là cái nút của cuộc chiến Đông Dương, thì Pinhông cho rằng phải nhanh chóng cứu nguy cho Nam Bộ - cái nhài quạt của toàn bán đảo.

Cục diện chiến trường chuyển biến ngày càng bất lợi cho Pháp đúng vào lúc Giải phóng quân Trung Quốc đang tiến nhanh xuống Hoa Nam. Trước tình hình đó, mùa hè năm 1949, Pari cử một phái đoàn Chính phủ do Tổng Tham mưu trưởng Rơve cầm đầu sang kinh lý Đông Dương. Chuyến công cán một tháng dẫn đến cái gọi là kế hoạch Rơve, mà nội dung chủ yếu là hướng vào chiến trường phía bắc, sớm hình thành một thế phòng ngự liên hoàn, hoàn chỉnh trên chiến trường Bắc Bộ, nhằm cắt đứt mọi liên lạc giữa Việt Minh với Giải phóng quân Trung Hoa, giữ cho được miền Bắc và từng bước đưa vấn đề phòng thủ Đông Dương vào khuôn khổ liên minh chiến lược với Mỹ. Cụ thể là:

1- Tranh thủ viện trợ của Mỹ để xây dựng khối cơ động Âu - Phi lớn mạnh đi đôi với vận dụng chiến lược tổng hợp lấy chiến tranh nuôi chiến tranh - dùng người Việt đánh người Việt, trước hết là khẩn trương bắt lính để phát triển quân đội tay sai nhằm khắc phục nạn khủng hoảng quân số ngày càng trầm trọng;

2- Rút quân khỏi Cao Bằng và Đông Khê, hai vị trí thường xuyên đòi hỏi nhiều phương tiện vận tải tiếp tế trên một trục đường bộ luôn luôn xảy ra những trận phục kích đẫm máu;

3- Để bù lại, sẽ đánh chiếm Thái Nguyên đi đôi với tăng cường phòng thủ từ Móng Cái đến Thất Khê nhằm làm chủ khu tứ giác Lạng Sơn - Thái Nguyên - Hoà Bình - Hải Phòng;

4- Khi đã hoàn tất hai bước đó, có thể rút quân khỏi cả Thất Khê đồng thời từng bước mở rộng phạm vi kiểm soát vùng châu thổ sông Hồng.

Trong cuộc họp giữa các tướng lĩnh với phái đoàn Rơve tại Sài Gòn ngày 15-6-1949, một cuộc tranh cãi gay gắt đã diễn ra giữa các ý kiến tán thành và phản đối việc rút ngắn phòng tuyến đường số 4. Người phản đối kiên quyết nhất chủ trương rút quân khỏi Cao Bằng là Tướng Alétxăngđri, chỉ huy chiến trường Bắc Đông Dương. Phái đoàn Rơve về nước sau khi các tướng lĩnh tại chỗ chỉ "chấp nhận miễn cưỡng trên nguyên tắc" ý kiến của những người đại diện Pari và từ đó, vấn đề rút ngắn phòng tuyến đường số 4 chưa được kết luận ngã ngũ đã trở thành đề tài tranh cãi dai dẳng giữa các tướng lĩnh cầm đầu quân viễn chinh. Sau khi phái đoàn về nước, cái gọi là kế hoạch Rơve không được chính thức thông qua vì sự phân hoá sâu sắc giữa các chính khách Pari xung quanh đường lối chính trị và quân sự đối với Đông Dương. Cái mà các ký giả gọi là vụ bê bối của các vị tướng chung quanh kế hoạch chiến lược mới hình thành dẫn đến việc Tổng Tham mưu trưởng Rơve phải về hưu trước niên hạn, Tướng Bledô bị triệu hồi. Tổng Chỉ huy Pháp thứ tư - tướng bốn sao Cácpăngchiê sang thay, gần như đồng thời với nội các Hăngri Cơi bị lật nhào. Sự xuất hiện của Tướng Cácpăngchiê ở Sài Gòn càng làm cho cuộc xung đột về chủ trương chiến lược thêm kịch liệt, nhất là sau khi tân Tổng Chỉ huy bác bỏ thẳng thừng đề nghị của Alétxăngđri. Viên tướng chỉ huy miền Bắc này chủ trương tập trung chừng 30 tiểu đoàn, mở cuộc hành binh lớn vào vùng mà ông ta gọi là "khu tứ giác Hồ Chí Minh"[34]hòng "cải thiện tình hình".

Năm năm chiến tranh xâm lược Đông Dương đã đưa nước Pháp ngày càng lún sâu vào con đường bế tắc toàn diện, cũng là quá trình chính quyền Mỹ từng bước công khai hóa âm mưu can thiệp vào Đông Dương. Mọi việc bắt đầu từ cuộc gặp gỡ giữa hai ngoại trưởng Pháp Suman và Mỹ Caphory (Jafferson Caffery) tháng 9-1949. Mấy tháng sau, chuyến tàu viện trợ vũ khí đầu tiên của Mỹ cập bến Sài Gòn, đánh dấu bước khởi đầu của cả quá trình dính líu kéo dài hơn một phần tư thế kỷ của Nhà Trắng và Lầu Năm Góc vào Đông Dương.

Về phía ta, ngay từ đầu năm 1950, trong bài *Nhiệm vụ quân sự trước mắt...* đăng trên *Quân chính tập san,* Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã khẳng định: Năm 1950 là một năm chuyển hướng chiến lược. Lời khẳng định thể hiện một tầm nhìn mới về thời cơ chiến lược đang đến gần, trên cơ sở phân tích tình hình quốc tế đang có những chuyển biến quan trọng mà nổi lên là thành công của cách mạng Trung Quốc, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. ở trong nước, cục diện chung của cuộc kháng chiến đã thay đổi sâu sắc về nhiều mặt sau 5 năm chiến đấu trong vòng vây. Tinh thần tự lực tự cường và nỗ lực của quân và dân ta vượt qua mọi khó khăn trong cả quá trình tiến dần từng bước từ đánh du kích phân tán lên tác chiến tập trung, đã làm cho tương quan lực lượng giữa ta và địch thay đổi rõ rệt.

Biểu hiện cụ thể nhất của sự chuyển hóa lực lượng so sánh trên chiến trường là việc thành lập đại đoàn chủ lực đầu tiên, một trong những chủ trương chiến lược cụ thể để tiến lên đánh lớn đã được Thường vụ phê duyệt. Đã qua rồi, khi tổ chức "đại đoàn" chỉ là hình thức để cùng quân Pháp làm nhiệm vụ tiếp phòng theo *Hiệp định sơ bộ* - mùa hè năm 1946. Cũng đã qua rồi, khi Đại đoàn Độc lập vừa mới hình thành đã phải giải thể để chuyển sang đánh nhỏ cho phù hợp với cục diện chiến trường mùa khô năm 1947. Trải qua mấy năm chiến đấu trong điều kiện hết sức khó khăn, các tiểu đoàn, trung đoàn chủ lực của bộ đã "đủ lông đủ cánh", việc tổ chức bộ đội chủ

lực ở quy mô đại đoàn là một yêu cầu khách quan của cuộc kháng chiến đang trên đà phát triển. Kế hoạch thành lập đại đoàn chủ lực đầu tiên do Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trình bày tại Hội nghị Thường vụ trung tuần tháng 8 đã được tập thể thông qua.

Ngày 28-8-1949, ông Trần Đăng Ninh, đại diện Chính phủ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến Đồn Đu[35] dự lễ thành lập Đại đoàn 308 - *Đại đoàn Quân Tiên phong.* Trước mặt Tổng Tư lệnh hôm nay không còn là mấy chục chiến sĩ du kích, chân đất, súng kíp như ngày khai sinh quân đội gần 5 năm trước, mà là những tiểu đoàn đã từng lập nên những chiến công vang dội, khiến quân viễn chinh Pháp phải kiêng nể. Đứng trước những đơn vị chủ lực đội ngũ tề chỉnh hôm nay là các ông Vương Thừa Vũ, Vũ Yên, Vũ Lăng, Thái Dũng... những cán bộ đã lớn lên từ 60 ngày khói lửa ở Thủ đô những ngày đầu kháng chiến toàn quốc.

Trong *Nhật lệnh* đọc trước mấy ngàn chiến sĩ, sau khi nêu lý do ra đời của đại đoàn chủ lực đầu tiên của bộ, Tổng Tư lệnh nhắc lại rành mạch và đầy đủ những chiến công tiêu biểu nhất của các tiểu đoàn, ca ngợi truyền thống tốt đẹp của các đơn vị trong xây dựng và chiến đấu. Kết thúc bản *Nhật lệnh,* Tổng Tư lệnh nhấn mạnh nhiệm vụ cơ bản của đại đoàn: Đại đoàn có nhiệm vụ cùng các binh đoàn chủ lực khác đi tiên phong trên con đường tiêu diệt sinh lực địch, trên con đường chính quy hoá.

Để đại đoàn xứng đáng với danh hiệu Quân Tiên phong, Đại tướng nhấn mạnh phương châm hành động của cán bộ, chiến sĩ là:

Đại đoàn phải: Hễ đánh là thắng,

Hễ đánh là tiêu diệt sinh lực địch,

Ngày càng lớn mạnh,

Quyết định chiến trường.

Sự kiện Đại đoàn 308 ra đời khẳng định lời tiên đoán của Cụ Hồ gần 5 năm trước khi Cụ nói đến tiền đồ vẻ vang của Đội Quân giải phóng do Cụ khai sinh. Sự kiện này cũng chứng minh lời Cụ nói sau thắng lợi của Chiến dịch Việt Bắc: lực lượng của ta như nước mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến không có thoái.

Bước sang năm 1950, đánh giá tình hình khi dự kiến bước chuyển hướng chiến lược, trong báo cáo tại hai Hội nghị quân sự lần thứ sáu và Hội nghị Hành chính - Kháng chiến đầu năm, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận định: Kiểm điểm lại sự chỉ đạo chung trong hai năm, chúng ta nhận thấy đường lối chiến tranh nhân dân đã rõ rệt và cụ thể hơn, nhưng đường lối ấy chưa được thấm nhuần trong cán bộ quân, dân, chính các cấp.

Phương châm du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ đã được áp dụng và đã đưa đến nhiều thắng lợi lớn. Nhưng phương châm ấy chưa được nắm thật vững trên các chiến trường.

Về phương diện tổ chức lực lượng và chỉ huy chiến thuật, thì trình độ tổ chức và trình độ chiến thuật còn thấp hơn đường lối chiến lược, chưa bảo đảm được sự thành công hoàn toàn của đường lối chiến lược cũng như đứng về sự lãnh đạo chung trong tất cả các công tác, trình độ tổ chức chưa bảo đảm được việc thực hiện đường lối chính trị.

Về so sánh lực lượng, Tổng Tư lệnh nhận xét: Trải qua 2 năm chuẩn bị, lực lượng quân sự của ta đã lớn mạnh khá nhanh, nhưng vẫn còn yếu hơn địch. Lực lượng quân sự của địch thì bị tổn thất

nặng và tinh thần suy nhược đi nhiều, nhưng vẫn còn mạnh hơn ta. Vấn đề là phải phát huy những khả năng của ta, lợi dụng những nhược điểm của địch, để thực hiện cho được ưu thế quân sự. Chúng ta cần xây dựng trong năm nay một quân đội nhân dân hùng mạnh, số lượng đầy đủ, trang bị cấp dưỡng tiến bộ, cán bộ khá, đủ điều kiện và năng lực để tiêu diệt địch trên một chiến trường quan trọng.

Bản báo cáo cũng nêu rõ những khó khăn về cơ sở vật chất cần phải vượt qua trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị để chuyển sang giai đoạn mới. Địch buộc phải rút quân khỏi thị xã Bắc Cạn và nhiều vị trí trên đường Bắc Cạn - Cao Bằng (Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn) nhưng chúng lại mở rộng phạm vi chiếm đóng ở trung du và đồng bằng. Từ giữa năm 1949, chúng đẩy mạnh bao vây ta triệt để về kinh tế, lương thực, không để thóc gạo lọt ra khỏi vùng tạm chiếm, do đó gạo, muối rất khan hiếm. Mặt khác, chúng tung giấy bạc Việt Nam giả ra vùng tự do khiến cho giá gạo ở Việt Bắc tăng vọt[36].

Về trang bị của bộ đội chủ lực, vũ khí chiến lợi phẩm và nhịp độ sản xuất của ta không theo kịp yêu cầu xây dựng và phát triển của các đơn vị chủ lực. Hỏa lực công đồn còn rất thiếu thốn. Trong một số đơn vị chủ lực, nhiều chiến sĩ vẫn còn chiến đấu bằng mác xung kích. Trong năm này, để thực hiện chủ trương xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh, số lượng đầy đủ, trang bị cấp dưỡng tiến bộ để chuyển sang tổng phản công, trong điều kiện cách mạng Trung Hoa đã thành công, yêu cầu chiến lược đặt ra là chỉ có mở thông đường giao lưu quốc tế mới có thể tiếp nhận sự viện trợ của các nước anh em.

Trả lời câu hỏi nêu lên trong Hội nghị Kháng chiến - Hành chính: bao giờ mới chuyển sang tổng phản công? Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã dẫn lời Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trong cuộc họp của Hội đồng Chính phủ cuối năm 1949. Trên cơ sở phân tích các mặt về tương quan lực lượng giữa ta và địch cả về vật chất và tinh thần, cả trong nước và ngoài nước, Cụ Hồ nói: Sang năm 1950 phải gấp rút hoàn thành mọi công tác chuẩn bị để cuộc kháng chiến có thể chuyển sang tổng phản công, giai đoạn cầm cự sẽ kết thúc, giai đoạn thứ ba sẽ bắt đầu. Một trong những nhiệm vụ quan trọng trước mắt đã được Thường vụ Trung ương bàn trong hội nghị trung tuần tháng 8-1949 là phải chuẩn bị mọi mặt để phá vỡ thế bao vây của địch ở biên giới phía bắc, giải tỏa thế uy hiếp căn cứ địa Việt Bắc và khai thông quốc tế.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp dành nhiều thời gian nghiên cứu và chỉ đạo công tác chuẩn bị chiến dịch khai thông biên giới - một nhiệm vụ chiến lược trọng tâm số 1 của năm 1950. Trong chỉ thị đề ngày 10-11-1949 về chuẩn bị chiến trường gửi Bộ Tư lệnh các liên khu 1 và 10 và các Tỉnh ủy Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Ninh và chỉ thị bổ sung ngày 24-12-1949, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã phân tích âm mưu câu kết của Pháp với tàn quân Tưởng khi chúng bị đẩy xuống biên giới Việt - Trung, nêu rõ chủ trương chiến lược của ta và chỉ ra những việc phải triển khai nhằm chuẩn bị chiến trường phục vụ cho chủ trương giải phóng biên giới.

*

* *

Sau thắng lợi hạn chế của Chiến dịch Lê Hồng Phong 1, Bộ Tổng tư lệnh chủ trương tiếp tục duy trì hoạt động trên hướng Tây Bắc, tạo điều kiện đưa bộ đội lên đánh lớn, nhằm khai thông biên giới trên hướng này. Ngày 22-4-1950, trong mệnh lệnh chuẩn bị chiến trường gửi Mặt trận Tây Bắc, Đại đoàn 308 và Trung đoàn 209, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận định địch có thể tăng cường lực lượng lên cố thủ Lào Cai, nhưng nhìn chung trên toàn chiến trường Bắc Bộ,

hướng yếu nhất của địch vẫn là mặt Tây Bắc. Bộ giao cho Mặt trận Tây Bắc tiếp tục chuẩn bị chiến trường để khoảng trung tuần tháng 6-1950, sẽ mở chiến dịch giải phóng thị xã Lào Cai và phân khu Lao - Hà, khai thông biên giới trên hướng Tây Bắc của Tổ quốc.

Cùng với việc thành lập đại đoàn chủ lực đầu tiên và dự kiến kế hoạch tổ chức một số đại đoàn tiếp theo, cơ quan Bộ Tổng tư lệnh cũng được củng cố một bước quan trọng. Các cục nghiệp vụ chính trị và cung cấp hình thành hai tổng cục do hai đồng chí ủy viên Trung ương đảm nhiệm: đồng chí Nguyễn Chí Thanh - Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, đồng chí Trần Đăng Ninh - Tổng cục Hậu cần. Tháng 2-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành sắc lệnh tổng động viên nhân lực, vật lực phục vụ tiền tuyến. Tiếp đó, ngày 10-3, đại đoàn bộ binh chủ lực thứ hai - Đại đoàn 304 - ra đời. Tất cả nhằm hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, hướng tới mục tiêu chiến lược trước mắt là khai thông đường giao lưu quốc tế.

Công tác chuẩn bị chiến dịch giải phóng biên giới trên hướng Tây Bắc đang triển khai thì Cụ Hồ đi công cán nước ngoài về đến căn cứ địa Việt Bắc. Trong một buổi hội ý, sau khi nghe Cụ thông báo về kết quả cuộc hội đàm với Xtalin và Mao Trạch Đông, Thường vụ nghiên cứu đề án giải phóng biên giới của Tổng Quân ủy với một cách nhìn mới: Khả năng tranh thủ viện trợ quân sự của Liên Xô và Trung Quốc đã trở thành hiện thực. Phân tích âm mưu địch dựa vào viện trợ của Mỹ để không ngừng mở rộng phạm vi chiếm đóng ở trung du và đồng bằng, phân tích và cân nhắc đặc điểm chiến trường biên giới và tình hình địch trên hai vùng thượng du Đông Bắc và Tây Bắc, Cụ Hồ cùng Thường vụ quyết định chuyển hướng mở chiến dịch giải phóng biên giới sang phía Đông Bắc. Mặc dù quân địch trên hướng đường số 4 đông hơn và "rắn" hơn hướng Lào - Hà, địch ở Cao Bằng mạnh hơn nhiều so với Lào Cai, nhưng mở chiến dịch trên hướng Đông Bắc tuyến vận tải tiếp tế chiến dịch sẽ ngắn và thuận tiện hơn, ta có điều kiện thuận lợi hơn để mở một chiến dịch lớn, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. Mặt khác, khai thông biên giới trên hướng Cao Bằng - Lạng Sơn, đường giao lưu với các nước anh em cũng thuận tiện hơn.

Trên cơ sở thỏa thuận với bạn, một số trung đoàn chủ lực lần lượt sang bên kia biên giới để tiếp nhận vũ khí và học tập kinh nghiệm của Giải phóng quân Trung Quốc. Kết quả nổi bật là sự tiến bộ về trình độ tác chiến, cụ thể là về khả năng đánh địch trong công sự vững chắc. Trung Quốc lúc này chưa có điều kiện viện trợ những vũ khí đánh xe tăng và máy bay mà ta đang rất cần. Dù sao, với sự giúp đỡ của bạn, tình hình trang bị của bộ đội chủ lực được cải tiến một bước quan trọng. Các tiểu đoàn chủ lực của bộ đã có điều kiện "chia tay" với ngọn mác xung kích sau nhiều năm gắn bó, cùng anh chiến sĩ Vệ quốc đứng vững và lớn lên trong cuộc chiến đấu trong vòng vây với biết bao chiến công trên khắp các chiến trường.

Từ sau khi có quyết định chuyển sang hướng Đông Bắc, Bộ Tổng tư lệnh dồn tâm lực vào việc chuẩn bị chiến trường Cao - Lạng mà một trong những việc hàng đầu là sửa chữa và mở rộng hàng trăm kilômét đường nối liền Thái Nguyên - Cao Bằng, Thái Nguyên - Tuyên Quang và Tuyên Quang - Phú Thọ.

Để nắm vững hơn tình hình mọi mặt trên chiến trường biên giới Đông Bắc, Tổng Tư lệnh triệu tập Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174 về báo cáo cụ thể về đường số 4 mấy năm qua. Ông đặc biệt chú ý rút ra những kết luận về mấy trận thắng lớn liên tiếp từ cuối năm 1949 - đầu năm 1950.

ít ngày sau đó, trong khi các cơ quan Bộ Tổng tư lệnh đang tập trung theo dõi tình hình địch và chuẩn bị phương án tác chiến chiến dịch thì có tin Trung đoàn 174 tiêu diệt cứ điểm Đông Khê

trên đường số 4 - Lạng Sơn đi Cao Bằng, đêm 25-5. Đây là một tình huống ngoài dự kiến của Tổng hành dinh trước khi mở Chiến dịch Biên giới. Trận Đông Khê của Trung đoàn 174 có thể "đánh động" quân địch trên đường số 4 trước khi chiến dịch lớn bắt đầu[37]. Sau khi gửi điện khen Trung đoàn 174 về "trận tiêu diệt lớn nhất từ đầu năm 1950 đến giờ", Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cho gọi Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt về báo cáo cụ thể về trận đánh. Đại tướng đặc biệt chú ý những kinh nghiệm và ưu, khuyết điểm của trung đoàn trong trận công kiên này. Ông khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ 174, biểu dương tinh thần chủ động tiến công tiêu diệt địch. Ông đánh giá Đông Khê là "một trận đánh tốt" vì đây là lần đầu tiên, chỉ trong một đêm, quân ta tiêu diệt gọn một cứ điểm công sự vững chắc do một tiểu đoàn địch chiếm giữ. Không một lời phê bình 174 về trận đánh "ngoài dự kiến của bộ"[38]. Từ đầu tháng 6, tin tức trinh sát từ biên giới báo cáo về khiến cơ quan tham mưu dự kiến: Trận đánh của Trung đoàn 174 có thể gây khó khăn cho quân ta trong chiến dịch sắp tới vì địch tiếp tục củng cố công sự dọc đường số 4.

Tháng 6-1950, trong dự án kế hoạch sơ bộ Chiến dịch Biên giới, sau khi phân tích tình hình chung toàn chiến trường Đông Dương và riêng chiến trường Đông Bắc, cơ quan tham mưu nhận định: Riêng mặt biên giới, sau trận Đông Khê, địch điều thêm binh lực cố chiếm lại, tăng quân ở Cao Bằng, điều quân ứng chiến rải trên các cứ điểm phía bắc Lạng Sơn, càn quét chung quanh Cao Bằng để phá đường viện trợ của ta.

Theo dự án này, tham mưu đề đạt dùng 1 đại đoàn và 2 trung đoàn chủ lực của bộ[39], 2 tiểu đoàn địa phương của Cao Bằng và Lạng Sơn, tiến hành ba đợt chiến dịch, mở đầu bằng trận tiêu diệt địch trong thị xã Cao Bằng.

Sau một tháng, dựa vào kết quả nghiên cứu tình hình và chuẩn bị chiến trường của các cơ quan Tổng hành dinh, ngày 7-7-1950 Bộ Tổng tư lệnh ra mệnh lệnh mở Chiến dịch Biên giới. Sau khi nêu nhận định chung về địch (mở rộng phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng Bắc Bộ, tăng cường lực lượng dọc đường số 4 và vùng duyên hải), bản mệnh lệnh nói rõ mục đích chiến dịch là nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch trên đường số 4, giải phóng vùng biên giới từ Cao Bằng tới Thất Khê để khai thông biên giới Đông Bắc. Về phương châm tác chiến, bản mệnh lệnh nhấn mạnh yêu cầu tập trung binh lực, đánh liên tục, sẵn sàng đánh quân ứng chiến đường bộ và đường không. Binh lực sử dụng gồm Đại đoàn 308, hai Trung đoàn 174, 209 và Tiểu đoàn 426 chủ lực của bộ và 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy chiến dịch. Sau khi chỉ rõ phương hướng và nội dung công tác chuẩn bị về các mặt phải tiếp tục hoàn thành (chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị bộ đội, công tác chính trị, công tác cung cấp), bản chỉ thị xác đinh thời gian mở màn chiến dịch là trung tuần tháng 8-1950. Dự kiến chiến dịch có thể kéo dài hai tháng, nhưng cố gắng rút ngắn thời gian. Các chiến trường trong toàn quốc đã nhận lệnh đẩy mạnh hoạt động phối hợp, nhất là nghi binh trên hướng Tây Bắc.

Ngày 25-7, Thường vụ Trung ương ra quyết định thành lập Đảng ủy Mặt trận Biên giới và Bộ Chỉ huy chiến dịch. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy và Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch. Đảng ủy gồm các ông Trần Đăng Ninh, Hoàng Văn Thái, Lê Liêm (Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị) và Bùi Quang Tạo (Bí thư Liên khu ủy 1). Do tính chất quan trọng của chiến dịch này, ba đồng chí phụ trách các tổng cục trong Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh trực tiếp phụ ba mặt công tác tham mưu, chính trị và cung cấp của mặt trận.

Cuối tháng 7, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên đường đi chiến dịch. Sau 3 năm kể từ Chiến dịch Việt Bắc, mùa khô này ông mới trực tiếp chỉ huy chiến dịch lớn đầu tiên, chiến dịch có tầm quan

trọng đặc biệt, mở đường cho cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn chiến lược mới. Khi Tổng Tư lệnh từ Điềm Mặc sang Tân Trào báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh để lên đường, Cụ dặn: Chiến dịch này quan trọng, chỉ được thắng, không được thua. Cụ nói khoảng đầu tháng 9, Cụ cũng có mặt ở biên giới. Nghe Cụ Hồ nói, ông Giáp vui mừng khôn xiết. Sự có mặt của Cụ là một nguồn động viên vô giá đối với toàn quân. Nhưng ngay sau đó là một nỗi lo: Phải làm sao bảo đảm bí mật, an toàn cho chuyến đi của Cụ ra mặt trận. Lãnh tụ tối cao ra tận nơi mũi tên hòn đạn là chuyện hiếm thấy.

Trên đường ra mặt trận, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp suy nghĩ nhiều về tầm quan trọng của chiến dịch, về chỉ thị của Cụ Hồ, về trách nhiệm nặng nề đang chờ ở phía trước. Sau này, nhớ lại, ông viết: Dọc đường, nghĩ đến nhiệm vụ, tôi cảm thấy có điều gì chưa ổn. Mục tiêu đặt ra cho chiến dịch có vượt quá sức của bộ đội ta hiện nay không? Lấy thị xã Cao Bằng làm điểm đột phá để mở đầu chiến dịch có phải là sự lựa chọn đúng không? Ta có thể huy động đủ lương thực cho một số lượng lớn bộ đội, dân công trong một chiến dịch dài ngày không?[40].

Phân tích tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường đường số 4, ông thấy tỷ lệ quân số hai bên là 1/1[41] nhưng chúng hơn hẳn ta về vũ khí và phương tiện chiến tranh. Quân địch phần lớn là Âu - Phi thiện chiến, còn quân ta chưa lần nào tiêu diệt một vị trí do 2 tiểu đoàn Âu - Phi chiếm giữ. Chỗ yếu của chúng là gì? Là binh lực và hoả lực đều phân tán trên một tuyến dài hơn 130 km[42]. Vấn đề đặt ra là phải triệt để khoét sâu nhược điểm đó của địch, đồng thời phát huy tối đa khả năng cơ động và sở trường tác chiến trên địa bàn rừng núi của bộ đội ta.

Ngày 3-8, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đến Sở Chỉ huy chiến dịch đặt tại bản Tả Phầy Tử (huyện Quảng Uyên, Cao Bằng). Ngày hôm trước, Tham mưu trưởng chiến dịch Hoàng Văn Thái đã triệu tập để phổ biến kế hoạch tác chiến sơ bộ, kịp cho đơn vị và cơ quan triển khai công tác chuẩn bị. Ngay chiều tối hôm đó, ông nghe các cơ quan báo cáo tình hình các mặt, nhất là nghe và trao đổi về phương án tác chiến. Theo kế hoạch tác chiến mà Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái đã cùng bộ phận chuẩn bị chiến trường dự kiến, quân ta sẽ bắt đầu chiến dịch bằng tập trung ưu thế binh lực, tiến công tiêu diệt địch trong thị xã Cao Bằng đồng thời đánh viện binh địch... Mặc dù thấy kế hoạch *có điều gì chưa ổn* về chọn điểm đột phá mở màn chiến dịch (như suy nghĩ dọc đường của ông), nhưng Chỉ huy trưởng chưa vội có ý kiến. Ông chưa có điều kiện trực tiếp nghiên cứu tình hình cụ thể. Nhớ lại hai tháng trước khi còn ở hậu phương, trong *Dự án kế hoạch sơ bộ Chiến dịch Biên giới*, Bộ Tổng tư lệnh đã từng dự kiến: *Thời kỳ 1:* Tiêu diệt Cao Bằng, kiềm chế Đông Khê và Thất Khê; *Thời kỳ 2*: Bao vây Đông Khê, tiêu diệt Thất Khê, kiềm chế Lạng Sơn, v.v.. Kế hoạch mà tham mưu chuẩn bị là dựa vào dự án ban đầu đó. Nhưng mấy tháng đã qua, tin tức tình báo cho biết tình hình địch đã thay đổi nhiều.

Điều mà Chỉ huy trưởng suy nghĩ suốt dọc đường, đến nay - sau khi nghe báo cáo về phương án tác chiến - càng được ông khẳng định: tiến công Cao Bằng có thể sẽ là một trận công kiên lớn, có hợp đồng bộ - pháo, đánh 2 tiểu đoàn Âu - Phi địch trong công sự vững chắc, một trận đánh mà về quy mô cũng như về phương thức tác chiến quân ta chưa có kinh nghiệm. Ông tranh thủ nêu nhận định ban đầu của mình để tập thể Đảng uỷ cùng suy nghĩ. Trong khi ông Trần Đăng Ninh sang Quảng Tây đón Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc[43], sáng ngày 5-8, Chỉ huy trưởng cùng Trưởng ban Quân báo Cao Pha và một số cán bộ mặt trận bộ đi trinh sát thị xã Cao Bằng. Cùng đi còn có ông Phan Phác, phái viên của bộ và ông Lâm Kính, Tham mưu trưởng Đại đoàn 308.

Tranh thủ lúc sương tan, từ đài quan sát đặt trên một điểm cao phía đông thị xã nhìn xuống, trước mặt mọi người nổi bật lên là con sông Hiến từ hướng tây nam lên, sông Trà Lĩnh từ hướng

đông đến, sông Bằng Giang từ hướng tây bắc về, ba dòng chảy giao nhau ở thị xã Cao Bằng. Trinh sát viên đặt tâm ống kính viễn vọng để Chỉ huy trưởng quan sát lần lượt sân bay Nà Cạn dưới chân núi, đoạn đường số 4 và cầu Bằng Giang vào thị xã, thành cổ - pháo đài[44] và các vị trí địch. Bên ngoài thị xã là cả một hệ thống hơn 10 đồn tiền tiêu được xây dựng trên những ngọn đồi bao quanh. Trả lời Chỉ huy trưởng về kết quả trinh sát, nhất là khu vực sân bay và bờ sông, tổ trưởng trinh sát Trần Quốc Trung báo cáo chưa có cách nào tiềm nhập được vào phía trong hệ thống đồn bốt địch. Các đội quân cảnh đi tuần tra ngày đêm bên ngoài sân bay chừng nửa kilômét. Phó Tổng tham mưu trưởng Phan Phác báo cáo thêm về tình hình bố trí của địch trên hướng nam và hướng tây thị xã: Đường từ ngoài đi vào có nhiều đồi trọc nối tiếp nhau, phía tây có sông, có công sự và chướng ngại vật, phía nam có thành dựng đứng, hai bên có lô cốt và tháp canh, bên ngoài là bãi trống với những lớp dây thép gai. Vừa quan sát vừa nghe báo cáo, Chỉ huy trưởng nói với các cán bộ cùng đi: Với một vị trí có địa hình phức tạp và được bố phòng như thế này, địch chưa lo bị quân ta tiến công. Và cũng thật dễ hiểu vì sao tướng tá Pháp chưa vội rút quân khỏi Cao Bằng, chưa vội rút ngắn phòng tuyến đường số 4 theo ý kiến đề xuất của Tổng Tham mưu trưởng Rơve.

Ông Giáp cùng mọi người trao đổi và dự kiến những khó khăn mà các mũi tiến công của ta sẽ gặp phải và cách khắc phục trên đường tiếp cận mục tiêu, như khả năng công phá pháo đài, tổ chức vượt sông, xử lý hỏa lực chéo cánh sẻ của địch từ các vị trí tiền tiêu trên các điểm cao xung quanh thị xã khi ta đột nhập tung thâm.

Trên đường về, lội bì bõm trên nhiều đoạn đường bị ngập dưới trời mưa tầm tã, càng suy nghĩ, Chỉ huy trưởng càng khẳng định: Không thể chọn thị xã Cao Bằng làm điểm đột phá mở màn chiến dịch vì khó bảo đảm nguyên tắc đánh thắng trận đầu. Lý do chủ yếu không chỉ vì binh lực địch trong thị xã mà còn vì địa hình vừa trống trải lại vừa hiểm trở, nhiều khả năng phải đối phó với quân dù và hỏa lực máy bay, đại bác của địch. Trận đánh đòi hỏi giải quyết nhiều vấn đề về chiến thuật đánh địch trong tung thâm mà bộ đội chưa có kinh nghiệm. Đánh điểm đã vậy, khả năng diệt viện thì sao? Địch gọi đường số 4 là "con đường lửa". Báo chí Pháp ví những chuyến đi của các đoàn côngvoa qua Bông Lau, Lũng Phầy trên đoạn đường Thất Khê - Cao Bằng là "những cuộc hành quân tự sát". Đã từ lâu, Cao Bằng chỉ nhận được tiếp tế bằng đường không. Rõ ràng là một khi thị xã bị uy hiếp, rất ít khả năng địch dám mở con đường máu lên cứu nguy cho Cao Bằng. Địch không những có thể "hy sinh" 2 tiểu đoàn ở Cao Bằng mà, trong lúc quân ta đang tập trung giải quyết mục tiêu Cao Bằng, chúng còn có thể nhanh chóng và an toàn bốc toàn bộ quân đồn trú từ Đông Khê, Thất Khê về Lạng Sơn. Hơn nữa việc rút ngắn phòng tuyến khu biên thùy Đông Bắc đã từng được phái đoàn Rơve đặt ra từ mùa hè.

Vấn đề đặt ra là, nếu không đánh Cao Bằng thì cần thay đổi phương án tác chiến như thế nào để thực hiện bằng được quyết tâm của Thường vụ là tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch và giải phóng Cao Bằng, khai thông biên giới? Sau này nhớ lại, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: Tôi nghĩ cách mở đầu chiến dịch tốt nhất vẫn là đánh Đông Khê, cứ điểm quan trọng nối liền Thất Khê với Cao Bằng. Mặc dù cứ điểm Đông Khê đã được củng cố nhưng vẫn trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Mất Đông Khê, hoặc địch sẽ phải chiếm lại, hoặc sẽ phải rút khỏi Cao Bằng. Ta sẽ có điều kiện tiêu diệt địch ngoài công sự. Nếu địch không chiếm lại Đông Khê, ta sẽ đánh tiếp Thất Khê. Cuối cùng, ta sẽ chấn chỉnh lực lượng quay lên giải phóng Cao Bằng.

Trong cuộc hội ý của sáng hôm sau, 6-8, Bí thư Đảng ủy Mặt trận Võ Nguyên Giáp khẳng định chủ kiến của mình với tập thể Đảng ủy: Việc chọn Cao Bằng là do Tổng Quân ủy đề xuất trong

dự án chiến dịch. Nay thấy dự án đó không bảo đảm trận đầu chắc thắng, khó đạt được mục tiêu chiến dịch đề ra, thì báo cáo và xin ý kiến Thường vụ cho thay đổi phương án tác chiến.

Về quyết định thay đổi mục tiêu tiến công mở đầu chiến dịch, sau này nhớ lại, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: Chiến thắng đòi hỏi sự táo bạo. Nhưng nó không chấp nhận bất cứ hành động phiêu lưu nào.

Thực tế các chiến dịch sau này cho thấy, suy nghĩ đó cũng chính là phương châm hành động của Võ Nguyên Giáp trong suốt cuộc đời làm tướng của ông.

Sau cuộc hội ý Đảng ủy, ông Giáp điện về hậu phương xin ý kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ. Trong khi chờ đợi, các cơ quan và đơn vị vẫn tiếp tục công tác chuẩn bị theo phương án đánh Cao Bằng. Ông tranh thủ lấy ý kiến cán bộ chỉ huy các đơn vị cũng vừa đi trinh sát thực địa về và gợi ý mọi người nói lên những suy nghĩ đối với nhiệm vụ được giao. Chỉ huy trưởng chú ý lắng nghe cán bộ các đơn vị nói về biện pháp giải quyết những khó khăn về chiến thuật, như vượt sông, đánh quân dù, chiến đấu trong tung thâm. Riêng Trung đoàn 174 nêu ý kiến không nên đánh Cao Bằng và mạnh dạn đề nghị trên giao cho trung đoàn tiêu diệt Đông Khê lần thứ hai, trong khi các đơn vị bạn tập trung vào đánh quân ứng chiến trên bộ và trên không của địch. Như vậy là 174 cũng chưa thấy đầy đủ tình hình địch trên đường số 4 đã thay đổi so với hồi tháng 5, kể cả ở cụm cứ điểm Đông Khê.

Sau mấy ngày chờ đợi, ngày 15-8, Chỉ huy trưởng chiến dịch nhận được điện từ hậu phương báo tin Cụ Hồ và Thường vụ chấp thuận chuyển mục tiêu tiến công đầu tiên xuống Đông Khê. Nghe thông báo quyết định của Thường vụ, tập thể Đảng ủy vừa mừng vừa lo. Mừng vì sự nhất trí của trên là một điều kiện rất cơ bản để đánh thắng trận đầu. Nhưng lo vì quyết định thay đổi mục tiêu sẽ làm đảo lộn công tác chuẩn bị đã triển khai rất vất vả suốt thời gian qua. Công tác chính trị phải làm sao cho cán bộ chỉ huy thông suốt tư tưởng. Nhiều anh em đang náo nức chờ đợi trận đánh đầu tiên giải phóng một thị xã. Chỉ huy trưởng thấy trước hết cần làm cho cán bộ ba cơ quan tham mưu, chính trị và hậu cần chiến dịch thống nhất tư tưởng và nhận thức về việc thay đổi mục tiêu tiến công đầu tiên. Hôm sau, Bí thư Đảng ủy triệu tập hội nghị liên tịch mở rộng giữa Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch, có một số cán bộ chủ chốt các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần mặt trận tham gia. Sau khi nghe Đại tướng nói rõ vì sao thay đổi phương án tác chiến, hội nghị nhất trí với chủ trương thay đổi mục tiêu đột phá chiến dịch, đồng thời cũng nói lên những suy nghĩ về tính khẩn trương trong việc hoàn thành công tác chuẩn bị. Chỉ huy trưởng nhắc mọi người cần thấy hết những khó khăn do mọi công tác chuẩn bị phải làm lại từ đầu, từ việc điều tra nghiên cứu vị trí Đông Khê, nghiên cứu đoạn đường Đông Khê - Thất Khê, nhất là việc chuyển cả hệ thống bảo đảm cung cấp từ hướng Cao Bằng xuống phía nam. Thời gian rất gấp, đòi hỏi công tác chuẩn bị phải vừa khẩn trương vừa chu đáo.

Sau cuộc họp, Chỉ huy trưởng đến làm việc với Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc. Trưởng đoàn Vi Quốc Thanh và các thành viên trong đoàn, như Mai Gia Sinh, Đặng Dật Phàm, Lý Văn Nhất... mới từ Quảng Tây sang. Mấy ngày qua, để sớm nắm được tình hình, Đoàn đã tranh thủ làm việc với các cố vấn sang trước. Lần đầu tiên ông Giáp gặp ông Vi - cố vấn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh. Thực tế sau này cho thấy, tình bạn và tình đồng chí giữa ông Giáp với người đồng chí hơn ông vài tuổi được duy trì rất tốt suốt thời gian ông Vi làm việc ở Việt Nam trong những năm còn lại của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong lần gặp đầu tiên này, sau khi lắng nghe ông Giáp trình bày về tình hình chuẩn bị chiến dịch, ông Vi nói là chờ ít hôm nữa ông Trần Canh lên sẽ tham gia ý kiến[45].

Trần Canh là bạn thân của Nguyễn ái Quốc từ những năm 1925-1926, khi cùng làm việc ở Trường quân sự Hoàng Phố. Trong cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ ba của nhân dân Trung Quốc (1946-1949), ông là Phó Tư lệnh Dã chiến quân (tương đương Phương diện quân của Liên Xô). Vi Quốc Thanh là Tư lệnh Binh đoàn (tương đương Tập đoàn quân Liên Xô).

Sau khi Trung Quốc được giải phóng, Trần Canh là Phó Tư lệnh Quân khu Tây Nam kiêm Tư lệnh Quân khu Côn Minh, Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng ta, ông được cử sang trực tiếp giúp ta tăng cường chỉ đạo Chiến dịch Biên giới. Ông đã từ Côn Minh qua Tây Bắc Việt Nam để đến căn cứ địa Việt Bắc vào hạ tuần tháng 7, sau khi ông Giáp đã lên Cao Bằng. Được biết ta chủ trương đánh Cao Bằng để mở màn Chiến dịch Biên giới, ông đề nghị với Chủ tịch Hồ Chí Minh là nên chuyển xuống đánh Đông Khê để tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu và hiểm yếu, thực hiện phương châm *đánh điểm diệt viện* như Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc vẫn thường làm. ý kiến của ông Trần Canh phù hợp với đề nghị của ông Võ Nguyên Giáp sau khi đi trinh sát thực địa ở Cao Bằng nên đã được Cụ Hồ và Thường vụ Trung ương Đảng ta đồng ý và ngày 15-8, ông Giáp đã nhận được điện trả lời của Cụ Hồ.

Sau khi ông Trần Canh rời căn cứ địa Việt Bắc lên Sở Chỉ huy Chiến dịch Biên giới ở huyện Quảng Uyên vào trung tuần tháng 8, làm việc với lãnh đạo Đoàn cố vấn Trung Quốc rồi gặp Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp, hai bên đã hoàn toàn nhất trí về kế hoạch tác chiến chiến dịch. Tiếp đó, các tổ cố vấn đã được phân về các cơ quan và đơn vị tham gia chiến dịch, giúp cán bộ ta triển khai công tác chuẩn bị theo phương hướng mới.

Hội nghị cán bộ chiến dịch họp trong hai ngày 24 và 25-8 để trao nhiệm vụ và quán triệt phương châm tác chiến mới. Tại hội nghị, Chỉ huy trưởng giải thích rõ chủ trương của Đảng uỷ Mặt trận. Ông nói: "Khi được quyết định của Trung ương mở Chiến dịch Lê Hồng Phong 2, chúng ta đã nêu lên dự án tác chiến sơ bộ để hướng dẫn việc điều tra nghiên cứu chiến trường. Dự án đó định tiến công Cao Bằng trước, sau đó sẽ khuếch trương thắng lợi đến Đông Khê và tuỳ điều kiện có thể khuếch trương đến Thất Khê.

Sau khi các cấp chỉ huy đi thực địa điều tra địch tình và báo cáo, sau khi phân tích kỹ tình hình địch và tình hình ta, Đảng ủy mặt trận quyết định chủ trương tác chiến như sau:

1- Bắt đầu tập trung lực lượng tiêu diệt Đông Khê, đồng thời tiêu diệt các đội quân tiếp viện, đặc biệt là quân nhảy dù;

2- Sau khi giải quyết Đông Khê và tiêu diệt quân tiếp viện, nhân đà thắng lợi, tập trung lực lượng tiêu diệt Thất Khê;

3- Nếu địch tiếp tục từ Lạng Sơn tăng viện lên, có đánh những quân tiếp viện đó hay không, sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể lúc đó mà quyết định;

4- Sau khi đã tiêu diệt Đông Khê, Thất Khê và một bộ phận quân ứng chiến của địch, bộ đội sẽ nghỉ ngơi một thời gian ngắn để chấn chỉnh bổ sung, tổng kết kinh nghiệm, rồi dùng toàn bộ lực lượng tiến công Cao Bằng".

Ông giải thích sở dĩ Đảng ủy chủ trương như vậy chủ yếu là để trận đầu tiên của chiến dịch chắc chắn sẽ là một trận thắng lợi. Trận đầu thắng lợi sẽ có ảnh hưởng lớn đến cả chiến dịch.

Sau khi giải đáp những vấn đề do hội nghị đề ra, ông nhấn mạnh mấy nguyên tắc tác chiến chiến dịch như đánh tiêu diệt, tập trung binh, hỏa lực, đánh cứ điểm nhỏ trước, tiến tới đánh cứ điểm lớn sau, đoàn kết hợp đồng trong chiến dịch quy mô lớn đầu tiên. Cuối cùng ông nêu lên những điều kiện tất thắng, những khó khăn sẽ gặp trong chiến dịch này và chỉ ra phương hướng, biện pháp khắc phục, chỉ ra công tác chuẩn bị cần tiếp tục khẩn trương hoàn thành để bảo đảm thắng lợi.

Hai trung đoàn 174 và 209 được trao nhiệm vụ tiến công Đông Khê (174 là đơn vị chủ công), Đại đoàn 308 đánh viện binh địch. Ban Chỉ huy trận đánh Đông Khê gồm các ông Hoàng Văn Thái - Chỉ huy trưởng, Lê Liêm - Chính ủy, Lê Trọng Tấn - Chỉ huy phó. Ngày 14-9 các đơn vị sẽ vào vị trí tập kết.

Trong chỉ thị đề ngày 3-9, Chỉ huy trưởng thông báo cụ thể tình hình địch diễn biến trong những ngày ta chuẩn bị chiến dịch: Pháp đưa thêm quân ra Bắc, tiếp tục củng cố biên giới cả Tây Bắc và Đông Bắc, mở cuộc hành binh lên chiếm đóng Phú Thọ hòng thu hút lực lượng của ta ở Tây Bắc về và chặn đường giao thông giữa Việt Bắc với Liên khu 3. Bản chỉ thị nêu rõ: Địch chưa phán đoán được hoạt động của ta trên hướng đường số 4, và kết luận: Thời cơ lúc này rất tốt, các cấp chỉ huy cần nhận định rõ điểm này, chuẩn bị thật gấp rút và hết sức giữ bí mật.

Ngày 9-9, cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên được triệu tập về dự hội nghị để báo cáo lần cuối tình hình chuẩn bị chiến đấu. Tại hội nghị, Chỉ huy trưởng phân tích nội dung bản mệnh lệnh đề ngày
8-9, nêu lên dự kiến các tình huống phản ứng của địch trong quá trình ta tiến công Đông Khê, khả năng và nhiệm vụ quân ta diệt viện đi đôi với đánh điểm. Ông nói: Ta bao vây và đánh Đông Khê, địch ở Thất Khê có thể tiếp viện, nhưng kinh nghiệm đánh Đông Khê lần trước[46]cho thấy, một tiểu đoàn không dám tiếp viện, địch có thể chờ quân ở Lạng Sơn lên mới có khả năng tập trung để tiếp viện cho Đông Khê. Trường hợp địch ở Thất Khê phối hợp với quân ở Lạng Sơn lên giải vây cho Đông Khê với binh lực chừng 2 tiểu đoàn thì bộ đội chặn viện cũng phải kiên quyết vận động tiêu diệt toàn bộ, hoặc ít nhất cũng phải tiêu diệt đại bộ phận quân địch. Nếu ta đánh xong Đông Khê, địch ở Thất Khê biết ta có lực lượng mạnh để chặn viện, thì cũng không dám tiếp viện, có thể chờ quân từ Lạng Sơn lên thêm rồi mới dám đánh lên Đông Khê. Sau khi ta chiếm Đông Khê, Cao Bằng bị cô lập, địch có thể bỏ Cao Bằng, rút ngắn phòng tuyến, tập trung lực lượng phối hợp với quân ở Thất Khê đánh lên Đông Khê; ta phải kiên quyết chặn đánh quân địch từ Thất Khê lên, trước hết tập trung lực lượng vận động bao vây tiêu diệt quân địch ở Cao Bằng xuống, sau đó quay về tiêu diệt quân tiếp viện của địch ở Thất Khê lên, dùng lối đánh "diệt từng bộ phận".

Nhiều cán bộ dự hội nghị lúc này đã biết Đại tướng vừa trực tiếp đi trinh sát thị xã Cao Bằng nên mới có quyết định thay đổi kế hoạch tác chiến. Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ nói với cán bộ 308: Đó không chỉ là một tấm gương về tác phong thực sự cầu thị của người chỉ huy mà mỗi cán bộ phải học tập, mà còn là một tấm gương về tư duy quân sự, về tầm nhìn xa trông rộng, về dũng khí của người cầm quân. Không những chỉ đi và nắm được tình hình tại chỗ để có cơ sở thực tế cân nhắc mà còn dám có gan thay đổi phương án tác chiến cho phù hợp với thực tế khách quan để bảo đảm giành thắng lợi cho chiến dịch, trước hết cho trận mở màn, dù phương án tác chiến mới đòi hỏi công tác chuẩn bị rất nhiều công sức và thời gian. Tấm gương của Tổng Tư lệnh được Đại đoàn trưởng 308 phát động trong toàn đại đoàn và như cán bộ 308 đều biết, trong Chiến dịch Tây Bắc sau này, chính ông Vũ đã tự mình dẫn cán bộ đến tận hàng rào kẽm gai của địch để trinh sát thực địa.

Hội nghị cán bộ Chiến dịch Biên giới đang họp thì Bộ Chỉ huy nhận tin Cụ Hồ đã đến Sở Chỉ huy ở Tả Phầy Tử. Chỉ huy trưởng vội lên ngựa đi đón. Chiều hôm đó, khi nghe ông Giáp báo cáo phương án tác chiến mới, Cụ gật đầu, vừa giơ từng ngón tay vừa nhắc lại: "Một là đánh Đông Khê, hai là đánh quân tiếp viện, ba là đánh Thất Khê, bốn là đánh Cao Bằng, tất cả là bốn bước... Đông Khê không lớn. Ta đánh vào Đông Khê là đánh vào nơi quân địch tương đối yếu, nhưng lại là vị trí rất quan trọng của địch trên tuyến Cao Bằng - Lạng Sơn. Mất Đông Khê, Cao Bằng sẽ hoàn toàn chơ vơ. Địch buộc phải cho quân ứng cứu, bộ đội sẽ có cơ hội tiêu diệt chúng trong vận động. Quân ứng cứu địch đã tan thì khó giữ nổi Cao Bằng; chúng rút khỏi Cao Bằng, ta đánh càng thuận lợi".

Chiều hôm sau, Cụ đến thăm và động viên cán bộ đang dự hội nghị. Sự có mặt của Cụ là một điều bất ngờ lớn, đồng thời cũng là một nguồn động viên vô giá đối với mọi người. Bằng cách nói giản dị, Cụ nhắc lại vì sao thay đổi kế hoạch tác chiến: Trong quân sự, phải kiên quyết và bạo dạn. Bạo dạn, dũng cảm không phải là liều. Liều là dại. Dũng cảm là khôn.

Trước khi ra về, Cụ nhắc mọi người: Các chú đã được trao nhiệm vụ cụ thể, Bác không có gì cần nói thêm. Chỉ dặn các chú: Thời gian lúc này vô cùng quý báu, cần tranh thủ thời gian thật tốt để chuẩn bị chiến đấu cho đầy đủ. Có chuẩn bị đầy đủ thì mới giành được chiến thắng lớn mà đỡ tốn xương máu chiến sĩ. Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng rất quan trọng, chúng ta phải quyết tâm đánh thắng trận này.

Chỉ bằng những lời ngắn gọn, Cụ đã làm cho từ cấp chiến dịch đến từng cán bộ có mặt trong hội nghị thật sự yên tâm và tin tưởng vào thắng lợi. ít ngày sau, Cụ Hồ lại gửi thư động viên bộ đội trước giờ vào trận. Những lời ân cần của Cụ trong thư không chỉ khiến cho mỗi cán bộ, chiến sĩ thấy được tầm quan trọng đặc biệt của chiến dịch này mà còn trở thành một động lực mạnh mẽ thúc đẩy mọi người thi đua vượt mọi gian nguy thử thách để hoàn thành nhiệm vụ. Lời Bác Hồ được từng tổ ba người, từng tiểu đội nhắc lại trong *quyết tâm thư*của mình. Từ mùa khô năm 1950 khó quên ấy, sự có mặt của Bác ngoài mặt trận đã trở thành đề tài của nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật trong và ngoài quân đội. Những bài viết *Bác Hồ đi chiến dịch* hay bản nhạc, bức hội họa *Bác đang cùng chúng cháu hành quân,* v.v.đều bắt nguồn từ hình bóng Bác trên con đường số 4 - con đường đã sớm đi vào lịch sử giải phóng dân tộc.

23- Cuộc đấu trí trên đường số 4

Có một sự trùng hợp kỳ lạ: hai đại tướng Võ Nguyên Giáp và M. Cácpăngchiê (Michel Carpentier) gặp nhau trên một thời điểm: *ngày 16-9.*Bắt đầu từ ngày này, mỗi bên đều có những bài toán phải tìm cho ra đáp số để giành phần thắng.

Đúng ngày ấy (khi còn chưa được tin Đông Khê bị tiến công) Tổng Chỉ huy Cácpăngchiê ra lệnh cho Trung tá Sáctông (Charton) chuẩn bị rút quân khỏi Cao Bằng như đã dự kiến từ mùa hè năm trước. Để cuộc chuyển quân được an toàn, ông ta đi ba nước cờ gần như đồng thời:

1- Ra lệnh mở cuộc hành quân lên Thái Nguyên để bù lại việc bỏ Cao Bằng;

2- Tăng cho Cao Bằng một tiểu đoàn da đen tabo để có thêm binh lực, đủ sức bảo vệ lẫn nhau trên đường rút;

3- Cho một cánh quân từ Thất Khê tiến lên hướng Đông Khê để đón cánh quân của Sáctông từ Cao Bằng về.

Cũng đúng ngày ấy, theo kế hoạch, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra lệnh nổ súng tiến công Đông Khê đồng thời triển khai lực lượng sẵn sàng đánh quân địch ngoài trời. Ông tin rằng mắt xích Đông Khê bị chặt đứt, địch ở hai đầu nhất thiết sẽ phản ứng. Bởi vậy, quân địch xuất hiện trên đường số 4 có thể là quân viện từ Thất Khê lên hoặc quân dù từ trên trời nhảy xuống mà cũng có thể từ Cao Bằng về.

Trong thư động viên cán bộ và chiến sĩ trước giờ ra trận, Đại tướng Tổng Tư lệnh viết: Chúng ta thắng trận này thì không những tiêu diệt được sinh lực địch, mở được đường giao thông, mở rộng căn cứ địa, mà lại làm cho sĩ khí của địch giảm sút, phá tan âm mưu thu đông của chúng, ảnh hưởng trực tiếp đến Đông Bắc và trung du, tạo điều kiện để mở cục diện mới ở Bắc Bộ, gây tinh thần hưng phấn cho quân dân toàn quốc. Chiến dịch này là một chiến dịch tập trung bộ đội lớn. Chúng ta thắng trận này, tức là đánh thắng một trận lớn, trong khi quân ta chuyển từ du kích sang vận động và công kiên, thu được nhiều kinh nghiệm dồi dào, gây được truyền thống vững chắc, đặt cơ sở cho việc xây dựng lực lượng sau này.

Cuối cùng ông động viên toàn quân, từ cán bộ đến chiến sĩ, từ bộ binh đến các binh chủng, từ đơn vị đến cơ quan ra sức thi đua lập công, giành toàn thắng cho chiến dịch.

Rạng sáng ngày 16-9, Cụ Hồ cùng Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp lên đài quan sát bố trí trên mỏm núi thuộc bản Nà Lạn, cách Đông Khê chừng 10 km. Trên đài có đặt hệ thống thông tin liên lạc thẳng tới Ban Chỉ huy Mặt trận Đông Khê và ống nhòm bội số lớn, có thể quan sát theo dõi được diễn biến của trận đánh. Sau này chúng ta đều biết bài thơ *Lên núi* (Đăng sơn) của Cụ Hồ. Từ trên đài quan sát trên núi cao nhìn xuống trận địa, Cụ thấy rõ lúc này Quân đội nhân dân Việt Nam đã thể hiện rõ *khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu* như hào khí của quân đội nhà Trần diệt quân xâm lược Mông Nguyên mấy thế kỷ trước.

Là một mắt xích quan trọng trên toàn tuyến đường số 4 nối liền Cao Bằng với Thất Khê và Lạng Sơn, cụm cứ điểm Đông Khê chiếm gần toàn bộ thị trấn, trung tâm là 2 cứ điểm lớn mà quan trọng và vững chắc nhất là Đồn To (còn được gọi là pháo đài). Xung quanh khu trung tâm là 7 cứ điểm ngoại vi, xây dựng trên những điểm cao tạo nên một vành đai, vừa là các vị trí cảnh giới vừa là lá chắn bảo vệ khu trung tâm. Sau trận ngày 25-5 của Trung đoàn 174, địch tăng thêm binh lực nhưng chủ yếu là củng cố công sự. Khi ta mở chiến dịch, quân địch ở Đông Khê gồm 2 đại đội thuộc Tiểu đoàn lê dương 2/3è REI, một đại đội ngụy và một phân đội pháo binh gồm 5 khẩu 57 mm và 105 mm.

Trận tiến công cụm cứ điểm Đông Khê bắt đầu lúc 6 giờ sáng ngày 16-9-1950. ở hướng nam, một số đơn vị của Trung đoàn 209 đi lạc đường nên chưa chiếm lĩnh xong trận địa, trong khi Trung đoàn 174 ở hướng bắc - hướng chủ yếu - vẫn nổ súng theo kế hoạch. Sau khi tiêu diệt một số điểm ngoại vi như Yên Ngựa và Phìa Khoá, Cẩm Phầy, Trung đoàn 174 tiến công Đồn To nhưng không thành công. Cả ba lần mở cửa đột phá, Trung đoàn 174 đều bị đánh bật ra, không sao bám được đầu cầu. Trung đoàn đề nghị cho chuyển hướng đột kích sang hướng đông bắc Đồn To và cho 209 đánh từ hướng nam lên phối hợp tiến công pháo đài. Đồng chí Hoàng Văn Thái chỉ huy trận Đông Khê, chấp thuận. ở hướng nam, mặc dù 18 giờ mới nổ súng, lại không có pháo phối hợp theo kế hoạch, Trung đoàn 209 vẫn tiêu diệt một số cứ điểm vành ngoài như Pò Hầu, Pò Đỉnh. Nửa đêm đánh chiếm xong Phù Thiện thì nhận lệnh cho một mũi đột phá từ phía nam lên phối hợp chia lửa với 174 tiến công Đồn To. Nhưng lúc này cả hai đơn vị đều chưa được chuẩn bị đầy đủ và hợp đồng chặt chẽ để tiến công Đồn To. Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho Ban Chỉ huy Mặt trận Đông Khê ra lệnh tạm ngừng chiến đấu để chấn chỉnh lực lượng,

rút kinh nghiệm đợt chiến đấu vừa qua, tổ chức hợp đồng chu đáo, bảo đảm dứt điểm trong đêm 17. Mờ sáng ngày 17, lợi dụng thời cơ ngớt tiếng súng, quân địch từ các hầm ngầm lại mở thêm những đợt phản kích quyết liệt, đẩy quân ta ra ngoài một số vị trí đã chiếm được. Ta bị thương vong thêm một số.

Chiều ngày 17-9, sau khi củng cố lực lượng, tìm ra nguyên nhân và hướng khắc phục những thiếu sót về kỹ thuật, chiến thuật và sau khi đã tổ chức hợp đồng chu đáo, hai trung đoàn nhận lệnh tổng công kích. Từ đó, phải trải qua hơn một ngày đêm chiến đấu liên tục, đến 10 giờ ngày 18 trận đánh mới kết thúc, sau khi mũi đột phá phía bắc đã thành công và ở phía nam, Trung đoàn 209 tung đội dự bị vào, dùng khối bộc phá lớn đánh sập hầm ngầm, mở đường cho quân ta đánh thẳng vào Sở Chỉ huy của địch, bắt sống đại úy đồn trưởng Aliúc (Alioux) và ban chỉ huy địch. Khoảng 300 tên địch bị giết và bị bắt, một số nhỏ chạy thoát về hướng Thất Khê. Ta thu toàn bộ vũ khí, trang bị. Trận mở màn đồng thời cũng là trận then chốt thứ nhất của chiến dịch đã giành được thắng lợi. Quân ta đã thực hiện được quyết tâm của Bác Hồ: Dù khó khăn thế nào, trận đầu cũng phải thắng. So với dự kiến ban đầu, thời gian trận đánh kéo dài gấp đôi[47]. Số thương vong cũng cao hơn dự kiến, chủ yếu do hỏa lực địch từ hầm ngầm trong Đồn To bắn ra.

Mắt xích Đông Khê bị chặt đứt, sau trận mở màn thắng lợi, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp lệnh cho bộ đội triển khai trận địa sẵn sàng đánh quân tăng viện của địch. Từ đây trên trục đường 130 km Cao Bằng - Lạng Sơn bắt đầu những tình huống khẩn trương sôi động nhất của Chiến dịch Biên giới cũng là thời điểm bắt đầu cuộc đấu trí trên đường số 4 giữa hai người cầm quân của hai bên tham chiến cho đến khi phân thắng bại.

Đây là cuộc đấu trí giữa một vị đại tướng quân phục chỉnh tề, bốn ngôi sao bạc trên cầu vai, huân chương đầy ngực, ngồi giữa căn phòng sang trọng có điều hoà nhiệt độ trong dinh Nôrôđôm, dùng phương tiện thông tin hết sức tối tân điều hành chừng 30 vạn quân chính quy, trang bị hiện đại trên toàn Đông Dương, với một vị đại tướng đi giày và mặc áo khoác chiến lợi phẩm không có quân hàm, Sở Chỉ huy đặt trong một căn nhà sàn, đài quan sát là túp lều tranh dựng trên một ngọn đồi, lực lượng có trong tay là những tiểu đoàn, trung đoàn vừa thoát thai từ những đội du kích, trang bị còn rất đỗi thô sơ.

Đêm 16, sau khi nhận được tin đối phương tiến công Đông Khê bài toán đặt ra với Tổng Chỉ huy Cácpăngchiê làm thế nào bảo đảm an toàn cho cánh quân rút chạy khỏi Cao Bằng không bị tiêu diệt. Ngày 17 ông ta bay ra Hà Nội rồi lên Lạng Sơn. Hàng loạt mệnh lệnh được ban ra. Một tiểu đoàn tabo được ném xuống Cao Bằng cùng với lệnh chuẩn bị rút chạy về Thất Khê. Một binh đoàn xuất phát từ Thất Khê ngày 19 do Lơpagiơ (Lepage) chỉ huy, nhưng ngày 30 mới rời khỏi Lạng Sơn hành quân lên đón binh đoàn Sáctông - một sự chậm chạp khiến quân ta "nóng lòng chờ viện". Cuộc hành quân "đánh chiếm" Thái Nguyên cũng phải đến ngày 29-9[48] mới bắt đầu. Tổng Chỉ huy Cácpăngchiê đã đi trọn ba nước cờ dự kiến. Sau này, sách báo phương Tây cho biết, viên tướng đặt nhiều hy vọng vào hành động nghi binh đánh lừa đối phương của mình. Ông ta tin rằng, thấy Bộ Chỉ huy Pháp ném thêm một tiểu đoàn tabo xuống cho Sáctông, đối phương sẽ tưởng quân Pháp ở lại đấy lâu dài nên sẽ bị động không kịp ra quân khi binh đoàn ở Cao Bằng bất ngờ rút chạy. Khi nghe tin cánh quân của Lơpagiơ từ Lạng Sơn lên, đối phương sẽ tưởng rằng Pháp tăng cường cho Thất Khê đang bị đe dọa, thậm chí còn tưởng rằng quân Pháp sẽ chiếm lại Đông Khê như hồi tháng 5. Và khi Bộ Chỉ huy Việt Minh đã bị đánh lạc hướng và xử lý sai lầm (nhất là đưa quân về cứu "Thủ đô kháng chiến" Thái Nguyên) thì Bộ Chỉ huy Pháp sẽ "hạ bài": Quân đồn trú ở Cao Bằng hết sức kín đáo "chuồn theo kiểu người Anh" theo đường số 4 để cùng cánh quân lên đón tiến về Thất Khê an toàn trước khi quân Việt hiểu ra và hành động.

Về phía Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thì sao? Trải qua hơn một tuần chờ đợi không thấy viện binh địch xuất hiện, gạo trong kho đã cạn, lại có tin quân địch đánh lên thị xã Thái Nguyên, tiếp đó từ đầu tháng 10 là những tin tức hết sức khẩn trương dồn dập khi hai binh đoàn địch từ phía bắc (rút chạy) và phía nam (lên đón) xuất hiện gần như đồng thời trên một chặng đường trên 30 km (từ Nậm Nàng đến Lũng Phầy). Bài toán đặt ra là chọn giải pháp nào ngăn chặn không cho hai cánh quân địch gặp nhau, không để chúng hội quân tạo thành sức mạnh chống lại ta để rồi chạy thoát về Thất Khê. Chỉ huy trưởng hạ quyết tâm ngăn chặn binh đoàn phía bắc, tập trung tiêu diệt cánh quân phía nam trước rồi tiến lên tiêu diệt cánh quân Cao Bằng, giành thắng lợi trọn vẹn cho chiến dịch.

Trước hết cần hiểu vì sao Tổng Tư lệnh yên tâm về hướng Thái Nguyên.

Khả năng quân Pháp đánh chiếm Thái Nguyên đã được Bộ Tổng tư lệnh dự kiến trước khi bước vào mùa khô. Trung tuần tháng 3-1950, trong *Huấn lệnh về nhiệm vụ quân sự năm 1950 của Liên khu Việt Bắc*, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp dự kiến địch có thể mở những cuộc tiến công mạo hiểm, phối hợp bộ binh với quân nhảy dù, đánh sâu vào căn cứ để tiêu diệt lực lượng ta, tiêu diệt các cơ quan chỉ đạo, phá kho tàng, cơ xưởng hoặc để mở rộng phạm vi chiếm đóng lên tới Thái Nguyên, Tuyên Quang. Huấn lệnh nhấn mạnh một trong trong những nhiệm vụ cụ thể của Liên khu Việt Bắc là phải đề phòng các cuộc tiến công mạo hiểm của địch vào căn cứ địa. Cụ thể là phải đặc biệt chú trọng việc phòng gian, trinh sát, nghi binh, giữ bí mật; tổ chức các cuộc thực tập phối hợp chủ lực với bộ đội địa phương; giáo dục nhân dân tích cực chuẩn bị, không chủ quan khinh địch lúc giặc chưa đánh, không bi quan bối rối khi địch đánh; phân tán cơ quan, cơ xưởng đề phòng địch oanh tạc hoặc nhảy dù.

Sau khi nghe tin địch đánh lên Thái Nguyên, Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định: Địch đánh lên Thái Nguyên hòng kéo chủ lực ta về để chúng chiếm lại Đông Khê. Tình hình Thái Nguyên không đáng lo ngại vì đã có kế hoạch chiến đấu cho lực lượng vũ trang tại chỗ bảo vệ căn cứ địa. Chỉ huy trưởng vẫn giữ quyết tâm kiên trì chờ viện, quyết tâm thực hiện kế hoạch giải phóng biên giới.

Về phía địch, sau này qua sách báo phương Tây, chúng ta mới biết vì sao cánh quân từ phía Thất Khê lên chậm.

Trung tá Lơpagiơ nhận lệnh dẫn một binh đoàn xuất phát từ Lạng Sơn ngày 19-9. Đến Thất Khê, sau khi nhận thêm một tiểu đoàn dù được coi là "nổi tiếng của quân viễn chinh" (1er BEP), binh đoàn được mang mật danh *Baya* (Bayard). Từ ngày 20-9, trải qua hơn một tuần, cả binh đoàn gồm 4 tiểu đoàn Âu - Phi chỉ tiến hành những cuộc hành quân nhỏ quanh Thất Khê. Đến ngày 30 mới có lệnh của Công-xtăng (Constans - chỉ huy Khu biên thùy Đông Bắc, Sở Chỉ huy đặt ở Lạng Sơn): Hành quân lên đánh chiếm Đông Khê vào buổi trưa ngày 2-10. Lơpagiơ thấy ngay đây là "một thử thách chết người" nên xin chậm lại 24 giờ để nghiên cứu tình hình và chuẩn bị thêm, Lạng Sơn không chấp nhận.

Binh đoàn Baya của Lơpagiơ lên đường đêm 30-9, quân dù dẫn đầu. Binh lính ngạc nhiên nhưng không khỏi lo lắng vì cuộc hành binh "thật quá dễ dàng", kể cả qua đèo Lũng Phầy một địa danh mà lính Pháp ở đường số 4 quen gọi là "đèo máu". Sáng hôm sau, vẫn không một bóng quân Việt, đoàn quân thận trọng tiến vào khu vực Nà Pá. Gặp một toán tuần tra của đối phương, sau vài tiếng súng, họ bỏ chạy về hướng Đông Khê. Lơpagiơ cho binh đoàn thận trọng theo đường cái tiến lên phía bắc.

Vì sao quân Lơpagiơ đi lọt đến tận Đông Khê mà quân chờ viện của ta không biết? Không phải do địch khôn khéo hành quân bí mật, mà do quân ta.

Giải phóng xong Đông Khê, trong mệnh lệnh tác chiến số 4 đề ngày 21-9, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp nhận định: Địch sẽ đưa từ 2 đến 3 tiểu đoàn bộ binh từ Thất Khê lên theo đường số 4 và đường Pò Mã - Bố Bạch, kết hợp với khoảng 1 tiểu đoàn quân dù, chiếm lại Đông Khê. Quyết tâm của Bộ Chỉ huy chiến dịch là: Tiêu diệt một bộ phận lớn quân địch trên dưới 2 tiểu đoàn, khu vực trọng điểm là từ phía nam Đông Khê đến Lũng Phầy. Nhiệm vụ đánh viện binh từ phía nam lên giao cho Đại đoàn 308, với chỉ lệnh cụ thể là bố trí tập trung ở những địa điểm cơ động trong khu tam giác Lũng Chà - Bình Xiển - Nà Pá, tiêu diệt địch trong khu vực Nà Pá, Khâu Luông, Lũng Phầy. Trung đoàn 174 triển khai ở đông bắc và bắc Đông Khê, có nhiệm vụ tiêu diệt quân dù nhảy xuống Đông Khê và vùng phụ cận. Trung đoàn 209 bố trí ở Bố Bạch, làm dự bị chiến dịch.

Các đơn vị nhanh chóng triển khai đội hình đánh viện binh đúng theo mệnh lệnh. Đã gần một tuần mà vẫn không thấy bóng địch. Gạo trong kho hậu cần cạn dần. Cố vấn Trần Canh gợi ý: Hay là thu quân thôi, vì viện binh địch không lên mà trình độ bộ đội Việt Nam chưa đủ sức đánh Thất Khê, cũng không thể đánh Cao Bằng.

Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đặt vấn đề: Kết quả chiến dịch sẽ ra sao nếu chỉ dừng lại ở chiến thắng Đông Khê? Ông chủ trương kiên trì chờ viện. Trong mệnh lệnh tác chiến số 5 đề ngày 25-9, ông nhận định: "Nếu bộ đội không hoạt động trong một thời gian dài, thì địch cũng có thể mở cuộc hành binh giành lại chủ động, phá hoại việc chuẩn bị của ta". Ông chủ trương trong khi chờ viện, dùng một bộ phận nhỏ tiếp tục hoạt động ở phía nam, chuẩn bị điều kiện thuận lợi và tạo thời cơ tốt để tiêu diệt Thất Khê. Sau này Đại tướng nhớ lại: Một điều chúng tôi không lường trước là cán bộ, chiến sĩ, sau nhiều ngày nằm im chờ đợi, nhận được lệnh mới hầu như quên nhiệm vụ tiếp tục chờ viện, mà chỉ còn nghĩ tới việc sắp đánh Thất Khê. Các đơn vị của Đại đoàn 308 đưa hai phần ba quân số đi lấy gạo, chỉ để lại những người yếu mệt làm nhiệm vụ trông coi vũ khí. Suốt dọc trận địa đánh quân viện của đại đoàn bỗng chốc không có cả người trực chiến. Giữa lúc đó cả binh đoàn Lơpagiơ luồn rừng êm ả vượt qua trận địa phục kích của 308.

Tối ngày 1-10, Trung đoàn trưởng 209 Lê Trọng Tấn lại là người đầu tiên báo cáo khẩn cấp tin rất đông quân địch - cả quân dù và quân tabo - đã xuất hiện trước Đông Khê. Địch từ Thất Khê lên. Chắc chúng muốn chiếm lại Đông Khê. 209 đã nổ súng, kiên quyết chấp hành lệnh chặn địch trước Đông Khê.

Chỉ huy trưởng điện hỏi Đại đoàn trưởng 308 Vương Thừa Vũ. Sau khi biết rõ tình hình vì sao địch hành quân trót lọt qua Lũng Phầy, Chỉ huy trưởng chỉ nhẹ nhàng nói: 308 để địch đi qua trận địa mà không đánh được.

Rồi ông ra lệnh cho ông Vũ cho người đi gọi ngay bộ đội lấy gạo trở về vị trí chiến đấu[49]. Trong khi chờ đợi, tập trung tất cả các chiến sĩ có thể chiến đấu được, tổ chức lực lượng tiến lên hướng Đông Khê đánh địch ngay. Lực lượng có bao nhiêu đánh bấy nhiêu. Chú ý khu vực Khâu Luông, Cốc Xá. Nếu không vào được Đông Khê, có thể địch sẽ đứng chân ở khu vực đó. Không được bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt viện binh địch.

Về sự kiện nhớ đời này, trong tập hồi ký *Trưởng thành trong chiến đấu*, ông Vương Thừa Vũ viết: Riêng bản thân, tôi tự nhủ: Ta phải tự nhận là đã thua để vươn lên. Và nguyên nhân tìm thấy không phải đâu xa, nó nằm ngay trong công tác chỉ huy của chúng tôi. Tổ chức chỉ huy

chung là tốt, nhưng tổ chức chỉ huy cụ thể thì lại chung chung, thiếu kiểm tra đôn đốc, v.v.. Mà nguyên nhân của những thiếu sót đó chính là cái mệnh lệnh quy định các đơn vị cử 2/3 quân số đi lấy gạo gây nên. Nhận lệnh, các cấp từ trung đoàn đến cấp tiểu đội, đơn vị nào cũng huy động rất nghiêm chỉnh 2/3 lực lượng toàn những người khỏe. Một tiểu đội có 10 người đi 7 người, còn lại 3 người trông coi vũ khí cũng chưa xong còn lấy người đâu ra mà theo dõi địch, chiến đấu giữ trận địa. Toàn đại đoàn xộc xệch, không một đơn vị nào nguyên vẹn và sẵn sàng chiến đấu cả. Lẽ ra, muốn để lại 1/3 lực lượng để sẵn sàng chiến đấu thì mệnh lệnh phải quy định cụ thể như Trung đoàn 1 để lại Tiểu đoàn A, Trung đoàn 2 để lại Tiểu đoàn B hoặc C, v.v.. Như vậy mới có đơn vị hoàn chỉnh về tổ chức, có cán bộ chỉ huy, trinh sát thông tin; đơn vị ở lại giữ trận địa mới có trách nhiệm chiến đấu rõ ràng.

Khi nghe tin quân địch từ Thất Khê lên, Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định: Vô luận ý định của địch như thế nào (đánh chiếm lại Đông Khê hay đón quân từ Cao Bằng rút về), chúng điều quân lên Đông Khê là hoàn toàn có lợi cho ta. Thời cơ tiêu diệt sinh lực địch đã đến. Có mặt ở Sở Chỉ huy lúc đó, Cụ Hồ động viên Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp: "Cơ hội rất tốt đã xuất hiện, không được bỏ lỡ...".

Trong mệnh lệnh tác chiến số 6 (17 giờ chiều ngày 1-10), Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đã thông báo từng bước tiến của Binh đoàn Lơpagiơ, dự kiến các tình huống, giao nhiệm vụ cho 209 chặn địch không cho tiến vào thị trấn Đông Khê, cho 308 đánh địch ở Keo ái, Khâu Luông và đánh quân dù (dự kiến nhảy xuống vùng từ Nà Pá đến Pò Hầu). Ông nhấn mạnh: "Địch tiến lên Đông Khê lúc này là một thời cơ hết sức thuận lợi cho ta tiêu diệt sinh lực chúng. Các Ban Chỉ huy Đại đoàn 308 và 209 phải đặt kế hoạch chắc chắn, thực hiện bằng được quyết tâm tiêu diệt sinh lực địch"[50].

Tối 1-10, trinh sát báo cáo Lơpagiơ cho quân dừng lại trên các điểm cao sát phía tây đường số 4, trên một chiều dài gần 10 km từ nam Đông Khê đến gần Lũng Phầy. Đài kỹ thuật của quân báo mặt trận cho biết viên chỉ huy Binh đoàn Baya điện về Lạng Sơn xin thả dù xuống hai khẩu pháo để ngày mai mở cuộc tiến công vào thị trấn Đông Khê.

Tảng sáng ngày 2-10, sau khi được tăng cường hai khẩu pháo, binh đoàn của Lơpagiơ rời đường số 4, hình thành hai gọng kìm phía đông và phía tây, đi dọc theo các triền núi định tìm đường tiến xuống lòng chảo Đông Khê nhưng bất ngờ gặp quân ta chặn lại. Theo lời kể sau này của Lơpagiơ thì đúng vào lúc hắn nhận định rằng bây giờ "không còn vấn đề chiếm lại Đông Khê bằng sức mạnh được nữa" thì cũng là lúc Lạng Sơn hạ lệnh cho Baya tiến lên đón binh đoàn của Sáctông sắp từ Cao Bằng kéo về theo đường số 4, điểm hẹn là Nậm Nàng. Lơpagiơ lệnh cho cả binh đoàn chuyển sang hướng tây đường số 4. Khoảng 15 giờ, "binh đoàn tiến dần vào một vùng núi xa lạ, nơi chỉ có dấu vết mơ hồ của một con đường hướng lên phía bắc, đối chiếu trên bản đồ thì hình như song song với đường số 4". Đúng lúc đó quân ta xuất hiện. Nói theo cách của Luyxiêng Bôđa, khi đó là phóng viên chiến trường thì, đối với bộ đội Việt Nam, trải qua những ngày "cố nén chờ đợi căng thẳng khi tình hình chưa thật rõ ràng, thì giờ đây thời cơ hành động đã đến". Chấp hành lệnh của Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ, Tiểu đoàn 29 (của 88), Tiểu đoàn 18 (của 102), đã cùng Trung đoàn 36 khẩn trương triển khai lực lượng đánh địch ở Tróc Ngà, diệt một đại đội ở Tróc Ngà và đẩy địch khỏi dãy Khâu Luông.

Trong mệnh lệnh số 7 sáng 3-10, sau khi nhận định địch đã bị quân ta chia cắt làm hai bộ phận và đánh giá ta tuy chưa làm được các nhiệm vụ đã đề ra nhưng đã bao vây và đánh bật địch ra khỏi Khâu áng, Nà Kiêu, đỉnh 1 cụm núi Khâu Luông. Bộ Chỉ huy chiến dịch phán đoán: Bọn

chỉ huy địch ở Lạng Sơn và Hà Nội đã hết sức chú trọng đến cuộc hành quân này (của Lơpagiơ). Do đó có thể có tiếp viện bằng quân nhảy dù hoặc (thêm) quân đường bộ từ Thất Khê lên. Cũng có thể có quân từ Cao Bằng rút về[51].

Bộ Chỉ huy lệnh cho 308 tiêu diệt bộ phận chủ yếu của địch ở Nà Pá, Keo ái, cụm núi Khâu Luông và phái Trung đoàn 88 sang Cốc Tồn, Nà Kao phối hợp với Trung đoàn 209 chiếm lĩnh Nà Cúm, Nà Kiêu... để cắt đứt liên lạc giữa hai bộ phận của Binh đoàn Lơpagiơ. Bộ Chỉ huy nhấn mạnh: Phải tranh thủ thời gian tiêu diệt địch nhanh chóng. Tiếp đó, trong thư động viên bộ đội kiên quyết tiêu diệt viện binh địch, trưa ngày 3-10, Chỉ huy trưởng viết: "Tiêu diệt được bọn này tức là chiến thắng một trận lớn. Thực là một cơ hội hiếm có để tiêu diệt sinh lực tinh nhuệ của địch. Hiện địch đang mỏi mệt, thiếu đạn dược, chết và bị thương một bộ phận. Tất cả các chiến sĩ hãy vượt qua mọi mệt nhọc, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, thắt chặt vòng vây, xung phong quả cảm, giáp chiến với địch, tiêu diệt và bắt sống chúng cho kỳ hết".

Trưa hôm sau, 4-10, Bộ Chỉ huy nhận được tin toán quân đi đầu của Binh đoàn Sáctông đã xuất hiện ở Nậm Nàng và đang rẽ vào hướng Quang Liệt, theo lệnh của Lạng Sơn. Chỉ huy trưởng chiến dịch hạ quyết tâm không cho hai binh đoàn địch hội quân tạo thành sức mạnh để chống lại ta. Phải tranh thủ diệt quân của Lơpagiơ trước, sau đó sẽ chuyển toàn bộ lực lượng sang tiêu diệt Binh đoàn Sáctông. Ông lệnh cho 209 hành quân cấp tốc lên hướng Quang Liệt ngăn chặn, tiêu hao và làm chậm bước tiến của cánh quân Cao Bằng, lệnh cho 308 đẩy nhanh tốc độ tiến công tiêu diệt các bộ phận còn lại của Binh đoàn Lơpagiơ đang bị dồn vào khu Cốc Xá. Tin kỹ thuật cho biết, theo điện từ trung tâm Lạng Sơn thì viên chỉ huy Khu biên thùy lệnh cho hai binh đoàn gặp nhau ở vùng được gọi là Ouest calcaire[52]. Đối chiếu bản đồ, Cốc Xá là triền đá vôi lớn. Tây Cốc Xá chừng 3 km, chỉ có thể là khu điểm cao 477. Sau khi xác định được địa điểm dự định hội quân và cụm lại của hai binh đoàn địch, Chỉ huy trưởng lệnh thêm cho 308 chặn Binh đoàn Lơpagiơ không cho chúng chuyển dần sang tây Cốc Xá. Tiếp đó, trong lời kêu gọi *Kiên quyết tiêu diệt Binh đoàn Lơpagiơ,* Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp viết: "Các đồng chí đã giữ vững các vị trí của ta, đoạt lại nhiều cao điểm của địch như Khâu Xiêm, Khâu áng, v.v., xung phong diệt địch, bắt tù binh, tước vũ khí. Đó là những chiến công đáng khen ngợi. Binh đoàn Lơpagiơ hiện đã kiệt sức, thiếu đạn, thiếu lương, nhiều bộ phận gặp ta là chạy tán loạn. Chúng chỉ còn một hy vọng là ra sức liên lạc với Binh đoàn Sáctông từ Cao Bằng xuống để cứu vãn nguy cơ của chúng. Nhiệm vụ chúng ta lúc này là kịp thời tiêu diệt Binh đoàn Lơpagiơ, đồng thời tiêu hao Binh đoàn Sáctông, tạo điều kiện để chuyển lực lượng lớn của ta bao vây tiêu diệt nốt. Thời gian lúc này rất quan trọng. Hành động sớm một phút là tiết kiệm được xương máu, lập được chiến công to, giành được thắng lợi.

"Tiêu diệt Binh đoàn Lơpagiơ!

Chuẩn bị tiêu diệt nốt Binh đoàn Sáctông"".

Với quyết tâm tập trung lực lượng tiêu diệt cánh quân Lơpagiơ, đồng thời làm chậm bước tiến của Binh đoàn Sáctông, phá ý đồ hội quân của địch, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã đi nước cờ quyết định số phận của cả hai binh đoàn. Dưới quyền chỉ huy của Đại đoàn phó 308 Cao Văn Khánh, 9 tiểu đoàn hình thành vòng vây từ ba phía vây chặt các đơn vị của Lơpagiơ ở Cốc Xá. Viên trung tá đã nhiều lần cho quân dù vòng sang hoặc phá vây để tràn sang khu vực điểm cao 477 để đón Sáctông nhưng đều thất bại.

Các phóng viên chiến trường cho rằng có lẽ tướng lĩnh Pháp ở Sài Gòn cũng dự kiến binh đoàn của Sáctông sẽ phải qua những thử thách quyết liệt trong cuộc rút chạy nên Bộ Tổng chỉ huy

Pháp mới đồng ý đặt cho binh đoàn này một mật danh *Dông tố* (Orage) và cuộc hành binh mang tên thánh *Têredơ* (Thérèse) - tên thánh ngày 3-10 là ngày Sáctông xuất quân. Cuộc lui quân từ Cao Bằng về Thất Khê quan trọng tới mức Tướng Cácpăngchiê nói rằng thành bại của chủ trương rút ngắn phòng tuyến đường số 4 tùy thuộc vào *Têredơ*. Tướng lĩnh Pháp rất tin ở bản lĩnh chỉ huy của Sáctông, một trung tá được mệnh danh là "ông thánh của quân lê dương". Nhưng sau khi nghe tin Đông Khê bị "tràn ngập" chính Sáctông cũng không còn tin rằng có thể tháo chạy về đến Thất Khê an toàn được. Hắn nói với các phóng viên chiến trường: Thật là điên rồ... Đưa một đoàn quân trên đường số 4 trong điều kiện từ Cao Bằng đến Thất Khê không còn một đồn bốt và quân Việt ở khắp nơi, là chắc chắn đối mặt với nguy cơ bị tiêu diệt.

Nhưng từ Sài Gòn, Cácpăngchiê vừa động viên "người hùng lê dương", vừa nhấn mạnh: mệnh lệnh là mệnh lệnh.

Sau khi nhận lệnh của Lạng Sơn rẽ vào đường Quang Liệt, binh đoàn của Sáctông - mà các ký giả phương Tây gọi là *con trăn không lồ* -trút mọi trang bị nặng nhưng cũng phải trải qua ba ngày đêm mới "trườn" được đến khu vực điểm cao 477. Khó khăn không chỉ vì đường mòn độc đạo giữa rừng sâu lạ lẫm, vừa đi vừa dò trên bản đồ, mà một khó khăn khác là ba tiểu đoàn dường như bị gần 500 thường dân (bị ép rời khỏi Cao Bằng) níu chân từng bước. Điều đáng sợ nhất và nguy cơ trực tiếp là luôn bị đối phương chặn đánh, vừa tổn thất, đội hình luôn bị xáo trộn. ở Sài Gòn, Hà Nội và ngay cả ở Lạng Sơn, cấp trên của Sáctông đều không biết tình cảnh của binh đoàn. Chẳng thế mà ngay chiều ngày 4-10, đài kỹ thuật của ta "bắt" được bức điện của Đại tá Côngxtăng phát đi từ Lạng Sơn: "Hãy đi nhanh, mấy giờ nữa, trong đêm nay, phải đến gặp và cứu nguy cho Lơpagiơ". Ba ngày tiếp theo, những bức điện tương tự cũng được phát đi từ Hà Nội và cả từ Sài Gòn. Chiều tối ngày 5-10, lần đầu tiên liên lạc được với Lơpagiơ bằng vô tuyến. Lơpagiơ yêu cầu Sáctông cố vượt 3 km nữa đến giải nguy cho mình. Sáctông lệnh cho Tiểu đoàn 3 tabo đi trước, cố tìm đường đến 477. Như cách diễn đạt bằng hình tượng của các ký giả Pháp, bộ phận đầu tiên của Binh đoàn Cao Bằng vừa đặt chân đến khu vực điểm cao 477 cũng "vừa đúng lúc gặp thảm họa như lao vào núi tuyết lở để rồi bị cuốn đi mất tích". Dông tố thực sự đến với Binh đoàn Dông tố từ đây.

Tại Sở Chỉ huy của ta, qua điện đài và qua báo cáo của các phái viên đi theo các đơn vị ở phía trước, cơ quan tham mưu mặt trận bám sát mỗi bước chuyển động từng giờ của hai binh đoàn địch. Bộ Chỉ huy nhận định: Hai binh đoàn đều ở trong thế bị bao vây, lực lượng còn đông nhưng tinh thần chiến đấu đã rất sa sút, nhất là cánh quân của Lơpagiơ. Binh đoàn Cao Bằng tuy hầu như còn nguyên vẹn nhưng trải qua mấy ngày hành quân gian khổ, thiếu thốn, cũng đã rất mệt mỏi, chỉ mong mau chóng rút chạy về tới Thất Khê.

Chỉ huy trưởng đặc biệt quan tâm tìm hiểu tình hình mỗi khi có phái viên từ các đơn vị trở về Sở Chỉ huy. Các anh báo cáo: Do ta đang ở thế thắng, thế chủ động tìm địch mà đánh, nhiều đơn vị lại chưa có cơ hội đối mặt với địch nên tinh thần rất phấn chấn, khao khát lập công. Tuy nhiên, trải qua mấy ngày liên tục chiến đấu trong điều kiện trời mưa, sương mù, đèo cao vực sâu, bộ đội cũng đã thấm mệt. Do vừa hành quân vừa tìm đường, tìm địch, cho nên có đêm có đơn vị hành quân chỉ được 1 km. Chỉ huy trưởng nói với Chủ nhiệm Chính trị Lê Liêm nhắc các đơn vị: Công tác chính trị cần kịp thời quán triệt chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Ta mệt một thì địch mệt mười, phải ráng sức trước giờ tới đích, quyết tâm tiêu diệt địch cho kỳ hết để giành lấy toàn thắng.

Trong mệnh lệnh số 8 gửi các đơn vị nửa đêm 5-10, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh: Phải triệt để tranh thủ thời gian tiêu diệt Binh đoàn Lơpagiơ trước khi Binh đoàn Sáctông liên lạc được với chúng, tạo điều kiện để sau khi tiêu diệt quân của Lơpagiơ, sẽ tập trung lực lượng tiêu diệt toàn bộ quân địch còn lại. Ông chỉ thị các đơn vị đặc biệt chú trọng giữ vững thông tin liên lạc và báo cáo kịp thời.

Thế trận của ta triển khai suốt chiều dài chừng 40 km phía tây đường số 4, từ tây bắc Đông Khê đến bắc Thất Khê. Do Binh đoàn Sáctông đã đến 477 nên 2/3 lực lượng của 308 đã chuyển sang bao vây quân của Sáctông. Một trong ba tiểu đoàn còn lại của 308 đã "ém sẵn" bên con đường độc đạo từ Cốc Xá sang 477. Hai tiểu đoàn còn lại (154 của 209 và 89 của 36) do Trung đoàn trưởng 36 chỉ huy) quyết tâm bao vây chặt và "dứt điểm" số quân Bắc Phi và quân dù còn lại của Lơpagiơ ở Cốc Xá. Trung tâm chiến trường lúc này là khu Cốc Xá - 477 trong vòng vây của 308, trong khi 209 từ phía trên tiếp tục ép xuống, 174 khoá đuôi phía Khâu Phia - Cốc Tồn. Để khích lệ các đơn vị trước khi bước vào trận tiến công đồng loạt vào khu Cốc Xá - 477, Tổng Tư lệnh ra lời kêu gọi bộ đội, do trực ban tác chiến chuyển xuống các đơn vị lúc 3 giờ sáng ngày 7-10. Đại tướng động viên các đơn vị: "Các đồng chí đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng của Binh đoàn Lơpagiơ. Tàn quân Lơpagiơ có thể có một bộ phận hoảng loạn chạy về nhập với bọn Sáctông, nhưng chúng không làm cho Sáctông mạnh thêm mà sẽ truyền tinh thần bại trận và trút gánh nặng thương binh cho bộ đội bạn của chúng.

Nhiệm vụ chúng ta là phải tiếp tục tiêu diệt bọn Lơpagiơ đang bị bao vây, trong khi đó lại phải gấp rút chuyển sang đánh luôn bọn Sáctông, dùng vận động phục kích, mãnh liệt đánh tạt sườn của chúng, cắt từng bộ phận, bao vây tiêu diệt.

Đêm nay trời mưa, các đồng chí ướt mệt, nhưng lửa căm hờn và lòng yêu nước của người chiến sĩ Vệ quốc, của người chiến sĩ cách mạng luôn hun nấu tinh thần xung phong của các đồng chí.

Quân địch chắc đói rét hơn ta, bị thương và chết rất nhiều, chúng lại chỉ có tinh thần của một lũ bại binh xâm lược. Cho nên ta phải cố lên nữa, tiêu diệt cho thật nhiều địch".

Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ở Cốc Xá và khu vực điểm cao 477 suốt ngày 7, đến chừng 5 giờ chiều thì Sáctông thấy đã ở vào tình thế tuyệt vọng. Qua tin kỹ thuật, Sở Chỉ huy ta thấy viên trung tá này nhiều lần đề nghị Lạng Sơn thả ngay một tiểu đoàn xuống Bản Ca (ở khoảng giữa khu vực các điểm cao 477 với Thất Khê) để làm chỗ dựa trên đường về Thất Khê. Côngxtăng không chấp nhận, vì biết rằng lúc này ném một tiểu đoàn xuống chỉ là thả vào vòng xoáy để rồi bị nhận chìm, cũng tức là mở rộng thêm tầm cỡ chiến thắng của quân Việt. Lạng Sơn nhắc lại lối thoát duy nhất là luồn rừng, nhanh chóng xuống vùng Nà Cạo, nơi có 4 đại đội của Đờ La Bôm (De la Beaume) vừa được phái từ Thất Khê lên đón. Nghe tin có quân ở Thất Khê lên đón, Trung tá Sáctông không còn nghĩ gì đến 3 tiểu đoàn đang bị đánh tơi bời ở 477. Hắn tập hợp mấy sĩ quan tham mưu cùng với viên Tỉnh trưởng Cao Bằng là Hai Thu và một số nhỏ binh lính, đối chiếu bản đồ luồn rừng xuống phía nam, nhưng bộ đội và dân công cứ theo dấu giày của chúng mà thi nhau rượt đuổi, cuối cùng dồn cả bọn vào trận địa của Tiểu đoàn 18, Trung đoàn 102. Thấy không thể chống cự nổi, cả bọn đầu hàng lúc 18 giờ 30 phút ngày 7-10. Lúc đầu quân ta tưởng viên chỉ huy là Lơpagiơ, sau hỏi mới rõ. Sáctông thú nhận rằng hắn không biết gì về số phận của Lơpagiơ và càng không biết gì về cánh quân Đờ La Bôm đã đến được Nà Cạo hay chưa.

Lúc này trên chiến trường đường số 4 đang diễn ra một tình hình khá đặc biệt. Cánh quân Lơpagiơ là mục tiêu tiến công đầu tiên của quân ta, về cơ bản đã bị tiêu diệt nhưng viên trung tá

chỉ huy thì còn đang tìm đường lẩn trốn. Ngược lại, quân số của Binh đoàn Cao Bằng còn đông hơn nhưng viên chỉ huy lại đã bị bắt và đang trên đường về trại tù binh. Đội quân cứu hỏa - xuất phát từ Thất khê sáng ngày 7 - gồm 4 đại đội lê dương và tabo, vừa được Thiếu tá Đờ La Bôm dẫn lên hòng mở đường chạy cho đồng bọn cũng đang bị 174 chặn đánh kịch liệt ở Lũng Phầy, không sao tiến được tới điểm hẹn là Nà Cạo.

Chiều ngày 7-10, giữa lúc cuộc chiến đấu đang diễn ra hết sức khẩn trương trên khu vực Cốc Xá - 477, anh em thông tin trong Sở Chỉ huy chứng kiến một cuộc đối thoại đặc biệt giữa Chỉ huy trưởng chiến dịch với Đại đoàn trưởng 308.

Sau này mới được biết giữa lúc toàn đại đoàn đang vượt qua mọi gian nan thử thách để thực hiện quyết tâm bắt sống cả Lơpagiơ và Sáctông thì Đại đoàn trưởng chảy máu dạ dày. Ông đề nghị để anh em vệ binh làm cáng khiêng đi theo đơn vị nhưng bác sĩ Minh Tâm vừa như an ủi vừa như ra lệnh "bắt" ông phải bất động. Đúng lúc Đại đoàn trưởng vừa nghe trợ lý tác chiến báo cáo tình hình chiến đấu của bộ đội ở khu vực Cốc Xá thì có điện thoại từ Sở Chỉ huy mặt trận. Đại đoàn trưởng cầm máy và nhận ra tiếng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và cuộc đối thoại diễn ra trong mấy phút. Sau này được ông Vũ nói lại:

- Tình hình phát triển thế nào rồi, anh Vũ?

- Báo cáo, Binh đoàn Lơpagiơ coi như bị xoá sổ ở Cốc Xá.

- Nhưng quân ta chưa bắt được Lơpagiơ?

- Vâng, địch tháo chạy được một số, trong đó có viên trung tá.

- Phải bắt hết. Còn 477 thì sao?

- Dạ! Đại đoàn quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. 102 đang đánh vào sườn đội hình của Sáctông ở khu 477, 88 đã bịt chặt Bản Ca, phía nam 477, không cho địch rút.

- Cố thu xếp cho Sáctông sớm gặp Lơpagiơ.

- Vâng, chúng tôi hứa cố gắng.

Sau câu nói vui, cả ông Giáp và ông Vũ cùng cười. Đến lúc này giữa lúc chiến dịch đang khẩn trương, ông Vũ vẫn không cho mọi người biết bệnh dạ dày của mình tái phát, trừ nhân viên quân y đại đoàn. Nhưng rồi, trong cuộc đối thoại bằng đường dây hôm nay, ông không giấu được Chỉ huy trưởng khi ông Giáp phát hiện giọng nói của ông Vũ không bình thường. Mãi sau này kể lại, ông Vũ phải công nhận là "đồng chí Đại tướng rất tinh" khi đột nhiên hỏi:

- Sao tiếng nói của anh khàn khàn thế?

- Dạ, tôi bị chảy máu dạ dày, đang phải nằm để tiếp máu.

Ông Giáp ngắt lời, không để ông Vũ nói tiếp:

- Chịu khó nằm điều trị cho khỏe hẳn. Đánh giặc còn lâu dài. Anh báo cho tham mưu đại đoàn thông báo cho anh Cao Văn Khánh biết: địch đã đưa binh đoàn Đờ La Bôm từ Thất Khê lên Lũng Phầy để đón Lơpagiơ và Sáctông. 308 hoàn thành tiếp nhiệm vụ tiêu diệt binh đoàn này.

- Rõ! Chúng tôi hứa kiên quyết thực hiện bằng được mệnh lệnh của cấp trên.

- Nhưng anh Vũ phải nghỉ cho khỏe. Phải theo ý kiến quân y.

Chiều ngày 8-10, các đơn vị phấn khởi được nghe thư động viên của Bác Hồ gửi bộ đội. Bác viết:

"Các chiến sĩ yêu mến,

Từ ngày kháng chiến đến nay, trận này là trận đầu tiên bộ đội ta đánh vận động liên tiếp luôn mấy ngày.

Đó là một cuộc thử thách lớn.

Các chú không quản nhọc mệt, đói rét, chỉ ra sức thi đua giết địch, các chú đã đánh tan đoàn quân tinh nhuệ của địch.

Các chú đã hoàn thành bảy phần mười cuộc thử thách một cách dũng cảm. Các chú cố gắng mà tiêu diệt nốt Binh đoàn Sáctông nhé.

Bác và Tổng Tư lệnh đã ra lệnh khao các chú một bữa thịt bò.

Bác hôn tất cả các chú"[53].

Tiếp theo là mệnh lệnh hồi 14 giờ ngày hôm sau của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Đại tướng viết: "Hôm qua Cao ủy Pháp vừa tuyên bố Lơpagiơ và Sáctông đều "không việc gì". Hôm nay khi nghe tin cả hai binh đoàn tinh nhuệ của chúng đều bị tiêu diệt, ắt làm cho giặc khiếp sợ. Tuy nhiên, chúng ta không nên chủ quan khinh địch, không nên lấy thế làm thỏa mãn mà kém tích cực.

Tàn quân địch chưa bị hoàn toàn tiêu diệt. Chúng ta phải tranh thủ thời gian, giải quyết nhanh chóng tàn quân của Sáctông".

Mệnh lệnh trên đây là bản án cuối cùng quyết định số phận của Lơpagiơ và những tên địch còn sống sót của cả hai binh đoàn.

Đêm hôm trước, được Lạng Sơn thông báo về cánh quân Đờ La Bôm, Lơpagiơ kéo theo một số tàn binh, chia thành từng tốp nhỏ, lần bước trong đêm tối mò về hướng nam hòng tìm Đờ La Bôm. Nhưng rồi phải dừng lại vì luôn đứng trước nguy cơ bị phát hiện. Đã hai ngày đêm Lơpagiơ không biết số phận của Binh đoàn Cao Bằng vì mất liên lạc với Sáctông. Nửa đêm 8 rạng ngày 9, dò dẫm theo địa bàn, cuộc hành trình tuyệt vọng của Lơpagiơ và nhóm tùy tùng tiếp tục, nhưng tốc độ rất chậm vì luôn luôn phải dừng lại ẩn nấp mỗi khi có tiếng động. Chiều ngày 9, vừa ra khỏi một khu rừng rậm thì bị bộ đội Trung đoàn 88 phát hiện. Mọi ý định chống cự hoặc chạy trốn đều vô ích. Cùng bị bắt với Lơpagiơ còn có trung tá bác sĩ Đuyrích và nhiều sĩ quan tham mưu của binh đoàn. Mãi đến lúc này Lơpagiơ mới biết ông bạn Sáctông đã "đến đích" trước mình từ lâu! Có điều, trại tù binh lại không phải là nơi mà hai vị chỉ huy định chọn để hội quân. Báo chí Pháp gọi cuộc gặp gỡ của hai viên trung tá cầm đầu hai binh đoàn là "cuộc hẹn hò kỳ lạ".

Sau này được biết, sáng ngày 10, phòng làm việc của Đại tướng Tổng Chỉ huy Cácpăngchiê đóng cửa. Người ta thông báo hôm nay ông ta không tiếp khách. Các ký giả kiên trì "phục kích" trước cổng dinh Nôrôđôm - chờ gặp Cácpăngchiê và viên trợ lý báo chí - mới biết vì sao hôm nay không có cuộc họp báo thường kỳ để thông báo tình hình chiến sự. Hôm sau, không ai bảo

ai, các ký giả bay ra Bắc và họ đã được trực tiếp chứng kiến những cảnh tháo chạy trong hoảng loạn từ Thất Khê, Lạng Sơn xuống mãi phía nam, trong đó cuộc tháo chạy khỏi Lạng Sơn được coi là cuộc rút lui "đầy kịch tính", kỳ lạ và không giải thích nổi.

Về phía ta, ngày 9-10, khi Chỉ huy trưởng cùng với Cụ Hồ xuống thăm cán bộ Trung đoàn 88, đơn vị đã bắt được Lopagiơ, thì tin tức báo về Sở Chỉ huy cho thấy tình hình khu vực từ Thất Khê trở xuống phía nam đường số 4 đang chuyển biến rất nhanh. Trên toàn mặt trận, trừ một số ít đơn vị tiếp tục truy quét tàn binh địch, các tiểu đoàn, trung đoàn đang gấp rút củng cố tổ chức để phát triển thắng lợi xuống phía nam, nhằm mục tiêu Thất Khê. Lúc này binh lực địch ở đây đã lên chừng 1.500 tên, gồm quân của Đờ La Bôm mới từ phía bắc chạy về và một tiểu đoàn dù mới tăng viện. Một số tàn binh thoát chết ở Cốc Xá và 477 chạy về đã gieo một nỗi kinh hoàng đối với đồng bọn ở vị trí này.

Sáng hôm sau, một tin bất ngờ báo về Sở Chỉ huy: địch rút chạy khỏi Thất Khê. Thì ra địch ném Tiểu đoàn dù biệt kích số 3 xuống để chuẩn bị cho việc rút chạy. Một số tiểu đoàn của 308, 209 và toàn Trung đoàn 174 được lệnh truy kích gấp về hướng Na Sầm. Nhưng không kịp. Sau Thất Khê là cả một loạt cuộc tháo chạy dây chuyền liên tiếp[54], nhanh hơn nhiều so với đôi chân chạy bộ của quân ta. Do đó, bộ đội đã bỏ lỡ nhiều cơ hội diệt địch trên đường chúng rút chạy. Một cơ hội điển hình mà mãi sau này chúng ta mới biết, đó là sáng ngày 10, vừa ra khỏi Thất Khê chừng vài ba kilômét, hàng ngàn tên địch đã phải dồn đống ở bờ bắc sông Kỳ Cùng mấy tiếng đồng hồ vì cầu Bản Trại vừa bị công binh Đại đoàn 308 phá đêm trước. Khác hẳn với việc chuẩn bị rút quân khỏi Cao Bằng, trong các cuộc tháo chạy từ ngày 10-10, địch vội vã đến nỗi không kịp đốt phá, kể cả vũ khí trang bị dự trữ trong kho. Về phía ta, trải qua gần nửa tháng vận động chiến đấu liên tục trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt và địa hình phức tạp, sức khỏe bộ đội giảm sút, khả năng truy kích hạn chế, Chỉ huy trưởng bỏ ý định cho bộ đội truy kích xuống tận Tiên Yên và ra lệnh kết thúc chiến dịch sau trận phục kích của 174 ở phía bắc Na Sầm.

Sau khi vào xem xét thị trấn Thất Khê giải phóng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trở về Sở Chỉ huy ở Nà Lạng, nghe các cơ quan sơ bộ tổng hợp tình hình chiến đấu của Mặt trận Biên giới và hoạt động phối hợp của các chiến trường toàn quốc. So với mục tiêu giải phóng biên giới đề ra ban đầu, quân ta đã đạt thành tích vượt xa yêu cầu cả về tiêu diệt sinh lực địch và giải phóng đất đai. Riêng trên chiến trường Đông Bắc, phòng tuyến đường số 4 của địch bị thu hẹp gần 200 km, gấp ba độ dài dự kiến trong kế hoạch; binh lực địch bị tiêu diệt và bắt sống trên 8.000 tên, gồm 8 tiểu đoàn Âu - Phi tinh nhuệ và 2 tiểu đoàn ngụy. Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chỉ trong một chiến dịch, số quân Âu - Phi bị loại khỏi vòng chiến đấu chiếm xấp xỉ 50% tổng số lực lượng cơ động của địch. Cũng lần đầu tiên, chỉ trong một mùa khô, với sự đóng góp sức người, sức của chưa từng có của nhân dân hậu phương - mà trực tiếp là nhân dân Cao Bằng, Lạng Sơn[55] - và sự giúp đỡ của nhân dân nước bạn, với sự phối hợp nhịp nhàng giữa các chiến trường trong cả nước với chiến trường chính Biên giới, quân đội trên khắp ba miền Trung - Nam - Bắc đã giành được một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược rất to lớn[56].

Điều khiển Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp gợi ý để cơ quan tham mưu suy nghĩ và phân tích cho rõ là vì sao địch vội vã rút chạy khỏi hàng loạt vị trí quan trọng như vậy trên một chiến trường nhạy cảm như phòng tuyến đường số 4? Rõ ràng là sai lầm ban đầu của địch đã dẫn đến hai binh đoàn bị tiêu diệt trong vòng một tuần lễ. Sự bối rối sau khi mất hai binh đoàn lại khiến Bộ Chỉ huy Pháp đi đến những sai lầm khác, dẫn đến sự tan vỡ của cả Khu biên thùy. Cũng rõ ràng là thắng lợi vừa qua của ta đã gây nên một sự đột biến khó lường trước về tinh thần tư tưởng trong bộ máy chỉ huy của địch. Từ chỗ chủ quan, đánh giá quá thấp đối phương, sau mỗi thất bại sự

bối rối hoảng loạn càng tăng và tướng lĩnh Pháp càng lao sâu vào sai lầm và thất bại. Chưa nói đến Lạng Sơn - nơi đặt Sở Chỉ huy của Khu biên thùy và cũng là nơi địch có một lượng dự trữ rất lớn trang bị vũ khí phải bỏ lại[57], chỉ riêng việc địch rút chạy khỏi Đồng Đăng cũng đáng để Tổng Tư lệnh suy nghĩ về trạng thái tinh thần và sự điều hành chiến lược của Bộ Chỉ huy Pháp. Sau này, ông viết: Vị trí địch ở Đồng Đăng gây nhiều ấn tượng với tôi nhất. Công sự ở đây kiên cố hơn Đông Khê và Thất Khê nhiều. Hệ thống hỏa lực rất chặt chẽ. Tôi tự hỏi: Vì sao một vị trí như thế này mà địch lại bỏ? Nếu chúng cố thủ ở đây thì bộ đội ta sẽ gặp không ít khó khăn. Và nếu địch không rút Đồng Đăng, Lạng Sơn..., chắc chắn chúng ta phải có một chiến dịch "Lê Hồng Phong 3"[58] để đẩy quân địch ra khỏi đường số 4. Sự phản ứng dây chuyền từ một chiến thắng như vừa qua mang lại cho ta bài học gì trong chiến tranh?

Mấy ngày sau, trong Hội nghị Đảng ủy chiến dịch mở rộng, Đại tướng nói rõ hơn điều suy nghĩ của mình: "Chiến dịch này chúng ta đã hoàn toàn thắng, đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm và tiến bộ rất dài. Nhưng cần chú trọng một điều đặc biệt là kỳ này ta đánh với một kẻ thù không có tinh thần tiến công, tránh giáp chiến (Binh đoàn Lơpagiơ), với một kẻ địch rút lui (Binh đoàn Sáctông) và trong điều kiện thiên thời địa lợi có lợi cho ta. Do đó, chúng ta cần tránh tư tưởng chủ quan khinh địch".

Đúng là Chỉ huy trưởng có lý do để suy nghĩ về yếu tố tinh thần của quân đội địch và điều kiện thắng lợi vượt mức của ta. Đó là hậu quả của tình hình hoảng loạn dây chuyền về phía Pháp, một hiện tượng suy sụp tinh thần lan ra rất nhanh, không chỉ trên vùng biên giới Đông Bắc mà cả trong cơ quan lãnh đạo cao nhất của Pháp ở Đông Dương. Sau này, qua các trang hồi ký và ký sự lịch sử, các ký giả, sử gia và tướng lĩnh Pháp đã cho chúng ta biết nhiều điều về những ngày đen tối này của bộ máy điều hành quân viễn chinh Pháp, đặc biệt vào hai thời điểm địch rút chạy khỏi Thất Khê và Lạng Sơn.

Khi nghe tin hai binh đoàn Lơpagiơ và Sáctông bị tiêu diệt, phản xạ đầu tiên của Bộ Chỉ huy quân Pháp trên đường số 4 - trước hết là ở vị trí sát gần là Thất Khê - chỉ xoay quanh hai từ *rút quân* và *di tản*. Rời khỏi Thất Khê ngày 10-10 là một "cuộc tháo chạy tán loạn". Tai họa ập đến ngay sau khi quân lê dương ra khỏi Thất Khê và vượt sông Kỳ Cùng. Tấn bi kịch bắt đầu từ đây. Các phóng viên chiến trường nêu một ví dụ điển hình là cả Tiểu đoàn dù biệt kích số 3 vừa được thả xuống chiều hôm trước chỉ còn 5 người sống sót về đến Lạng Sơn.

Trong dư luận ở Hà Nội và Sài Gòn, người ta thấy bắt đầu xuất hiện một cách đánh giá khác trước về người lính Bắc Phi và lính lê dương, những người từ trước đến nay "chỉ biết chiến thắng". Các phóng viên phản ánh dư luận của giới quân sự cao cấp Pháp: Không có gì đáng ngạc nhiên hơn lòng can đảm của lính tabo nhưng cũng không có gì đáng ngạc nhiên hơn nỗi sợ hãi của họ, một khi lòng can đảm sụp đổ như rơi xuống vực thẳm. Còn với quân Pháp và quân lê dương? Từ lâu, trong đầu óc của các tướng lĩnh Pháp luôn cố định một ý nghĩ: Người da trắng không thể bị người da vàng nhận chìm. Nhưng đến khi chiến trường biên giới bắt đầu im tiếng súng thì cách suy nghĩ ấy cũng bắt đầu thay đổi. Lần đầu tiên, ở Đông Dương, những người da vàng không chỉ đập tan mà còn tiêu diệt cả những binh đoàn da trắng. Từ quá tin tưởng, các sự kiện ập đến dồn dập dẫn đến tâm lý sợ hãi và thái độ buông xuôi. Suốt hai tuần lễ, liên tiếp những cuộc chạy trốn, trong khi từ miệng các sĩ quan chỉ huy luôn thốt ra điệp khúc: Quân Việt tiến đến quá gần, hãy ra đi trước khi còn quá chậm. Đó là nguyên nhân dẫn đến cuộc tháo chạy vội vã tiếp diễn từ Lạng Sơn và kéo xuống đến Chũ, An Châu, tận phía nam đường số 4.

Vào những ngày cuối tháng 10 này, Bộ Chỉ huy chiến dịch của ta đứng trước rất nhiều việc phải làm sau khi chiến trường đường số 4 đã im tiếng súng. Vất vả nhất là hậu cần chiến dịch. Cả một hệ thống kho trạm cần thu vén sau khi hoàn thành nhiệm vụ phục vụ chiến dịch. Chiến lợi phẩm đủ chủng loại và nhiều vượt xa dự kiến, nhất là "tổng kho" của địch ở Lạng Sơn. Tuy việc bình công cá nhân và đơn vị sẽ được tiến hành sau khi về căn cứ, nhưng Bộ Chỉ huy chiến dịch chỉ thị cơ quan chính trị mặt trận kịp thời khen thưởng những cá nhân lập công đột xuất vừa qua, như La Văn Cầu, Lý Văn Mưu (Trung đoàn 174) Trần Cừ (209), nữ dân công Đinh Thị Dậu, bác sĩ Phạm Gia Triệu v.v.. Một trong những việc cụ thể quan trọng trước mắt của cơ quan tham mưu và chính trị là cử chọn người theo Cụ Hồ đến Thất Khê thăm Đại đoàn 308 và một số đơn vị bộ đội, dân công vừa lập công xuất sắc. Cụ còn có ý định đi gặp cả mấy viên sĩ quan vừa bị bắt. Một số cán bộ Sở Chỉ huy chuẩn bị cùng Chỉ huy trưởng đi quan sát một số vị trí - những nơi đã diễn ra những trận đánh then chốt trong chiến dịch. Đại tướng muốn tự mình và cán bộ tham mưu chiến dịch có thêm thực tế để giúp chỉ đạo việc tổng kết được sát đúng hơn.

Tại Đông Khê, ông thấy rõ vì sao trận đánh kéo dài và quân ta thương vong nhiều hơn dự kiến. Dù binh lực địch chỉ bao gồm hai đại đội Âu - Phi và một đại đội ngụy nhưng địch trong một cụm cứ điểm công sự kiên cố, khác hẳn một tiểu đoàn trong một cứ điểm riêng lẻ. Điều quan trọng hơn cả là ta chọn hướng đột kích vào đúng nơi địch mạnh (hỏa lực trong hầm ngầm mà ta không phát hiện khi chuẩn bị trận đánh). Sau Đông Khê, nếu sai lầm của Lơpagiơ là đã đưa cả binh đoàn vào thung lũng "tử địa" Cốc Xá, thì với quân ta, một khó khăn thực tế là cơ động chiến đấu bằng đôi chân không giày trên một vùng núi đá tai mèo, vực sâu, dốc đứng. So sánh hai trận then chốt Đông Khê và Cốc Xá - 477, thấy nổi lên hiện tượng trái ngược. Trong trận đầu, dựa vào công sự và hỏa lực, địch có thể kéo dài khả năng cầm cự được suốt hơn hai ngày đêm với một binh lực của ta ưu thế gấp 8 - 9 lần. Ngược lại, trong trận đánh vận động ở Cốc Xá - 477, 9 tiểu đoàn đã ít nhiều sứt mẻ của ta[59] cũng tiêu diệt được hai binh đoàn gồm 7 tiểu đoàn của địch, trong đó Binh đoàn Cao Bằng hầu như còn nguyên vẹn. ở đây không chỉ có yếu tố chiến đấu trong hay ngoài công sự, mà quan trọng hơn là yếu tố tinh thần của một bên đang trên đà chiến thắng với một bên chỉ mong không chạm trán đối phương để nhanh chóng rút chạy an toàn về phía nam.

Sau khi thăm Lạng Sơn, Tổng Tư lệnh lên đường trở về Cao Bằng. Qua Thất Khê, ông được báo cáo ta đang trao cho Pháp khoảng 800 thương binh trong tổng số 3.500 tù, hàng binh. Công binh phải sửa sân bay Thất Khê cho máy bay Pháp hạ cánh. Đại diện Hồng thập tự Pháp đến nhận thương binh là Đại tá bác sĩ quân y Huya (Huyard). Lúc này, không ai nghĩ rằng chính viên sĩ quan quân y này, hơn 3 năm sau lại có mặt ở Điện Biên Phủ để nhận số thương binh còn đông hơn rất nhiều so với mùa khô này.

Trên đường trở về Lam Sơn, đến Đông Khê ông Giáp bảo cả đoàn tùy tùng dừng lại, tìm một ngôi nhà nghỉ tạm qua đêm để ngày mai đi tiếp. Đã trải qua chừng ba tháng chỉ đạo chuẩn bị và thực hành chiến dịch trong điều kiện hết sức khẩn trương, nhất là từ đầu tháng 10 khi binh đoàn của địch từ phía nam lên, rồi thêm một binh đoàn từ phía bắc xuống. Hơn 10 ngày căng thẳng vừa qua là những đêm liên tiếp không ngủ, thường xuyên có mặt ở Sở Chỉ huy để điều hành bộ đội trên toàn chiến trường "nghênh đón" 7 tiểu đoàn địch. Giờ đây, chiến trường đã im tiếng súng, lần đầu tiên những người gần gũi Đại tướng trong Sở Chỉ huy cảm thấy vị thủ trưởng gần sang tuổi tứ tuần của mình có dáng mệt mỏi. Ông nói cảm thấy đầu óc nặng trĩu. Và một tình huống bất ngờ thú vị đã xảy ra. Đúng lúc đó, bỗng từ trong căn nhà sàn nào đó của cái bản hẻo lánh vẳng ra những tiếng đàn, và - như sau này ông Giáp viết trong hồi ức - những âm thanh bất ngờ đó như một liều thuốc kỳ diệu nhanh chóng xua tan mọi nỗi mệt nhọc sau một chặng đường

chinh chiến: Tôi ngỡ ngàng cứ như lần đầu nghe thấy những âm thanh này. Những âm thanh kỳ lạ. Những mệt mỏi tiêu tan. Nó giống như một lần leo sườn dốc đứng ngột ngạt từ Khuôn Chu lên đỉnh Tam Đảo bỗng được tắm mình trong hơi sương mát lạnh và luồng gió lành đầy sinh khí nơi non cao.

Tiếng đàn bỗng ngưng bặt. Như luyến tiếc những âm thanh ngọt ngào thoát đến thoát đi, ông cho tìm người vừa chơi đàn và mời sang căn nhà sàn đang nghỉ. Chơi đàn trong suốt khoảng thời gian chừng một giờ, người chiến sĩ - nhạc sĩ trẻ ắt hẳn không biết những "thính giả" trong căn nhà sàn đơn sơ này là những ai và càng không ngờ rằng bằng cây đàn ghita rất tầm thường của mình, anh đã đem lại cho người đứng đầu toàn quân những giây phút dịu êm sau những ngày cầm quân bận rộn và căng thẳng.

Giây phút giải trí qua đi, anh em cùng đi thấy Tổng Tư lệnh đặt mình nằm xuống ngủ một giấc ngon lành. Sáng hôm sau trên chặng đường hơn 40 km Đông Khê - Cao Bằng, một câu hỏi lớn lại được đặt ra: Hướng chiến dịch sắp tới sẽ mở ở đâu? Trong một buổi trên đường cùng Tổng Tham mưu phó Phan Phác và Cục phó Quân báo Cao Pha đi gặp tù binh, câu hỏi đó đã từng được nêu lên để trao đổi. Pari sẽ làm gì sau thất bại trên đường số 4? Một biện pháp đã trở thành quy luật của các đời Thủ tướng Pháp sau mỗi thất bại có ý nghĩa chiến lược, đó là thay tướng và tăng quân. Nhưng trải qua 5 năm chiến tranh, nước Pháp ngày càng khó khăn về nhiều mặt. Sắp tới, liệu Thủ tướng Rơnê Plêven có thể làm gì? Đến lúc này, trong tay Tổng Chỉ huy Cácpăngchiê lực lượng dự bị chiến lược đã cạn, nhưng với viện trợ Mỹ đang được rót vào ồ ạt, biện pháp trước mắt của Bộ Chỉ huy Pháp chỉ có thể là nhanh chóng phát triển quân ngụy, đôn lực lượng địa phương lên để xây dựng khối cơ động, thay vào gần chục ngàn quân thiện chiến vừa bị ta tiêu diệt.

Trong lời kết luận Hội nghị mở rộng của Đảng ủy chiến dịch mấy ngày sau đó, suy nghĩ trên đây về âm mưu và khả năng của địch đã được Đại tướng nói rõ hơn: Địch bị kích động, sẽ đánh giá ta hơi cao, đồng thời cũng sẽ chuẩn bị đối phó với một trình độ cao hơn trong các kế hoạch bố trí chiến lược, vận dụng chiến thuật, xây dựng và sử dụng các lực lượng cơ động, các đơn vị ứng chiến, trong việc viện trợ và tăng viện ở ngoài vào.

Một thói quen trong cuộc đời cầm quân của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là rất coi trọng công tác tổng kết. Ba tháng qua, quá trình chỉ đạo chuẩn bị và thực hành chiến dịch đã để lại trong tâm trí ông nhiều vấn đề mới mẻ của lần đầu ra quân đánh lớn. Có những điểm giống nhưng rất nhiều điểm phát triển mới so với những chiến dịch nhỏ trước đây. Như cách nói của Cơri, tác giả cuốn *Chiến thắng bằng mọi giá,* nếu căn cứ địa Việt Bắc là "trường quân sự trong rừng" của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong cuộc kháng chiến chống Pháp thì chiến trường đường số 4 vừa qua là một địa bàn triển khai cuộc "diễn tập đột xuất" trong khoá học đầu tiên - khoá học 9 năm - trong cuộc đời binh nghiệp của ông. Chiến dịch Lê Hồng Phong 2 này là chiến dịch lớn đầu tiên của quân đội ta nên công tác tổng kết càng được coi trọng. Đã có chỉ thị của Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh cho các đơn vị triển khai tổng kết từ cơ sở trở lên. Cuộc họp mở rộng của Đảng ủy mặt trận diễn ra 4 ngày (26 - 29-10) tại Cao Bằng là một bước chuẩn bị quan trọng cho Hội nghị tổng kết sẽ tổ chức tại Thái Nguyên, dự kiến vào tháng sau.

Trong báo cáo ngày 29-10 đọc trong buổi kết thúc Hội nghị Đảng ủy mở rộng, Bí thư Đảng ủy chiến dịch Võ Nguyên Giáp nói: Thắng lợi vừa qua chứng tỏ chúng ta đã làm tròn nhiệm vụ, đã có đầy đủ các nguyên nhân thắng lợi. Thắng lợi cũng chứng tỏ những thành tích và tiến bộ của ta đồng thời cũng bộc lộ ra nhiều khuyết điểm. Ta có kinh nghiệm thì địch cũng có kinh nghiệm.

Vậy cần phải tổng kết để phát huy các ưu điểm đó lên, bổ cứu các nhược điểm và giải quyết các khó khăn, khuyết điểm còn lại, để trong các chiến dịch sắp tới, chúng ta có thể thắng lớn hơn nữa, làm tròn nhiệm vụ mới.

Về quan niệm, phải xem tổng kết là một nhiệm vụ chính cuối cùng của chiến dịch, chưa tổng kết là chiến dịch chưa kết thúc. Tổng kết phải chú trọng không chỉ nhằm những kinh nghiệm nhỏ mà phải nhằm vào những nguyên tắc, không chỉ nhằm những việc đã qua mà phải nhìn vào những việc sắp tới, áp dụng cho bây giờ và hợp cả với các cuộc chiến đấu sau này.

Sau khi nói về nội dung, thời gian và phương pháp tổng kết của các cơ quan và đơn vị, đề cập đến nhiệm vụ sắp tới, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nói: Sau chiến dịch này, địch sẽ có âm mưu mới, chủ trương mới, kế hoạch bố trí mới. Vậy nhiệm vụ của chúng ta là phải:

1- Nêu cao sức chiến đấu của quân đội;

2- Học tập đánh vận động chiến (chính) và công kiên chiến (phụ), tiến hành huấn luyện chiến thuật mới, tiến hành xây dựng quân đội chính quy, phát triển bộ đội chủ lực và địa phương;

3- Về chủ lực, sẽ tổ chức các đại đoàn bộ binh, trung đoàn pháo binh, công binh, tiểu đoàn thông tin liên lạc, trinh sát, vận tải... Bộ đội chủ lực phải xem việc phát triển bộ đội địa phương là nhiệm vụ của mình;

4- Huấn luyện, bổ sung và đề bạt cán bộ, phải mạnh dạn đề bạt cán bộ;

5- Một nhiệm vụ không kém quan trọng là chuẩn bị chiến dịch mới. Phải chú trọng hết sức tạo điều kiện để đánh vận động.

Cuối cùng ông nhắc cán bộ các cấp: Trong việc kiểm điểm tổng kết, phải hết sức đề cao tinh thần phê bình và tự phê bình, chú trọng sự đoàn kết giữa các đơn vị, giữa cán bộ với nhau.

Cán bộ Đại đoàn 308 và hai trung đoàn độc lập ra về với bản chỉ thị hướng dẫn cụ thể nội dung, thời gian, phương pháp tiến hành tổng kết ở các cấp tiểu đội, đại đội, trung đoàn. Trong chỉ thị, bộ nhấn mạnh công tác lãnh đạo việc tổng kết:

1- Việc tổng kết chiến dịch này có ảnh hưởng rất lớn đến chiến dịch sau. Nó trực tiếp chuẩn bị cho chiến dịch sau. Cho nên phải có sự lãnh đạo chặt chẽ từ trên xuống dưới để công việc tiến hành được chu đáo. Cán bộ phụ trách các cấp, các cơ quan phải thực tế bắt tay vào việc. Bộ sẽ phái cán bộ xuống tham gia tổng kết ở trung đoàn, trung đoàn phải xuống tham gia ở đại đội, đại đội phải xuống tham gia ở tiểu đội. Các đơn vị đại đoàn, tiểu đoàn, trung đội, tuy không làm tổng kết như các đơn vị trên nhưng phải trực tiếp giúp đỡ cấp dưới, tham gia tổng kết với cấp trên và phải khai hội kiểm thảo sự lãnh đạo của mình.

2- Chú trọng nhấn mạnh những ưu điểm để phát huy, nhưng đồng thời phải nêu những khuyết điểm, sai lầm và nghiêm ngặt phê bình, xử phạt.

3- Trong khi tổng kết, các cán bộ, các cơ quan, các ngành, các đơn vị phải phối hợp chặt chẽ để tránh tình trạng ý kiến chia rẽ, chống nhau, ảnh hưởng tới việc lãnh đạo.

4- Trong khi tổng kết, tránh tình trạng tranh công, bịa đặt công, chê bai nhau, kiêu ngạo, mãn nguyện. Phải nêu cao tinh thần dân chủ tập thể, tinh thần phê bình và tự phê bình, phải căn cứ vào sự thật mà nhận xét.

5- Trong khi tổng kết phải chú trọng dùng mọi phương pháp nêu cao công trạng của các đồng chí có công lao, anh dũng chiến đấu mà bị thương, hoặc đã hy sinh, phải xuống tận các đơn vị ấy giúp đỡ việc tổng kết cho có kết quả.

Tổng kết một chiến dịch lớn là công việc mới mẻ đối với toàn quân, từ đơn vị đến cơ quan chiến dịch. Hướng dẫn cụ thể từng bước đi cho cấp dưới là một tác phong quen thuộc của Tổng Tư lệnh. Cán bộ cơ quan Tổng hành dinh đã được chứng kiến cách làm việc đó từ cuộc Hội nghị quân sự đầu tiên họp ở Chương Mỹ, chừng một tháng sau ngày kháng chiến toàn quốc. Suốt 5 năm qua, cán bộ toàn quân lớn lên từng ngày, một phần quan trọng là nhờ có tác phong hướng dẫn tỉ mỉ, chu đáo đó của Võ Nguyên Giáp - người anh Cả của quân đội.

Cuối tháng 11, Đại tướng lên đường trở về cơ quan Bộ Tổng tư lệnh ở vùng Bảo Biên - Chợ Chu. Mùa khô này, quân ta đã tạo nên bước ngoặt chiến lược quan trọng, biên giới đã khai thông, chấm dứt những năm tháng chiến đấu trong vòng vây. Và câu hỏi trở lại trong dòng suy nghĩ của Tổng Tư lệnh: Sắp tới hướng chiến dịch là ở đâu?

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.9, tr.24.

2. Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (22-12-1946) của Thường vụ Trung ương xác định cuộc kháng chiến chia thành ba giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và phản công. Sau này, tên ba giai đoạn chiến lược được Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh - trực thuộc Bộ Chính trị đặt lại, cụ thể hơn, cho phù hợp với thực tế diễn biến trên chiến trường từ năm 1945 đến năm 1954.

3. Đó là nội các của Đờ Gôn (Tổng thống kiêm Thủ tướng), Goanh (Félix Gouin), Bidôn (George Bidault), Blum (Léon Blum), Ramađiê (Paul Ramadier), Suman (Maurice Schuman).

4. Về tác chiến tập trung quy mô nhỏ của bộ đội chủ lực, sẽ nói trong mục sau. Mục 20 tác giả này tập trung nói về sự chỉ đạo của Tổng Chỉ huy phát động chiến tranh du kích trong vùng sau lưng địch và những hoạt động của chủ lực liên quan đến quá trình phát động chiến tranh du kích.

5. Những điều kiện đó là: 1- Phải có đường lối chính trị đúng; 2- Phải dựa trên cơ sở quần chúng; 3- Phải có tổ chức vững chắc và nghiêm mật; 4- Phải có một lối đánh rất tài giỏi (thiên biến vạn hoá, xuất quỷ nhập thần).

6. Ngoài người Kinh, có người Nùng, Thổ, Mán, Thanh Y, Thanh Phán, Hoa kiều. Vùng mỏ than, phần lớn là người Kinh, một phần là người Hoa.

7. Tức Khu 1 và Khu 12 cũ đã hợp nhất.

8. Quy mô chiến dịch gồm 4 trung đoàn, diễn ra từ ngày 8-10 đến ngày 15-12-1948 trên khu vực An Châu - Đồng Dương (Đông Bắc Bắc Bộ), do phái viên của bộ, Lê Quảng Ba chỉ huy. Kết quả diệt hai cứ điểm Đồng Dương và Đồng Khuy, đánh thiệt hại nặng phân khu An Châu, bức rút 7 vị trí, diệt 150 địch.

9. Lúc này Khu 10 và Khu 14 đã sáp nhập thành Liên khu 10.

10. Các đội xung phong Quyết Thắng, xung phong Tây Bắc, xung phong Quyết Tiến và xung phong Trung Dũng, trong đó hai đội Quyết Tiến và Trung Dũng nhằm hướng Điện Biên Phủ trên hai trục Quang Huy và Chiềng Khương.

11. Ví dụ: Bắc Bộ: Đình Bảng (Bắc Ninh), Vật Lại (Sơn Tây), Chi Lăng (Lạng Sơn); Trung Bộ: Cự Nẫm, Cảnh Dương (Quảng Bình), Xi Tơ (Gia Lai - Tây Nguyên); Nam Bộ: Tân Phú Trung v.v..

12. Theo Sắc lệnh số 14/SL ngày 12-3-1949 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kể từ ngày 22-12-1948, đổi tên Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam thành Bộ Tổng tư lệnh Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam; chức danh Tổng Chỉ huy Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam đổi thành Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.8, tr.150.

14. Và đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hiện tượng vỡ mặt trận ở một số nơi mùa xuân năm 1947.

15. Trận Đất Đỏ (Huế - tháng 3-1947), trên đường Sài Gòn - Mỹ Tho (5-1947), đèo Hải Vân (5-1947), trên đường Phan Thiết - Di Linh (6-1947).

16. Sau này được gọi là chiến tranh nhân dân, chiến tranh toàn dân.

17. Nxb. *Vui sống*, Cục Quân y - Bộ Quốc phòng xuất bản năm 1947.

18. Các thống chế Joseph Simon Galliéni (1849-1916) và Louis Hubert Lyautey (1884-1934). Cả hai đều là bộ trưởng chiến tranh Pháp và đều điều hành quân đội viễn chinh Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ nhất.

19. Thường được gọi là tháp canh Đờ La Tua vì là sản phẩm của Tướng Boyer de la Tour du Moulin, chỉ huy quân Pháp ở Nam Bộ.

20. Mặc dù sau hơn một năm kháng chiến toàn quốc, nhờ có chiến lợi phẩm thu được của địch, trang bị của bộ đội chủ lực đã được cải thiện một bước quan trọng, nhưng đến giữa năm 1948, mới chừng một nửa quân số bộ đội chủ lực được cầm súng, số còn lại được trang bị bằng mác (mang hình búp đa, nên thường gọi là mác búp đa hay mác xung kích).

21. Kỳ tập: Bộ đội tinh nhuệ, trang bị nhẹ, bí mật đột nhập đồn, đánh giáp lá cà để tiêu diệt địch. Cường tập: Dùng sức mạnh hỏa lực để mở cửa đột phá rồi xung phong vào vị trí địch.

22. Dù đã loại khỏi vòng chiến đấu gần hết đại đội địch (trong đó có Đại úy Cácđinan đồn trưởng và Trung úy Sáclốt đồn phó bị chết ngay từ đầu trận đánh mở màn). Chỉ còn một tiểu đội địch cố thủ trong hầm ngầm và chống trả quyết liệt. Quân ta chưa có điều kiện diệt được hầm ngầm.

23. Như súng cối 81 mm, 120 mm và 185 mm. Súng không giật (SKZ) 60 mm và 120 mm.

24. Từ năm 1949, ngành quân giới đã cùng toàn quân bước đầu khắc phục được điểm yếu như Tổng Bí thư nhận xét trong Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 5 (trung tuần tháng 8-1948) là: "Chiến thuật đánh cứ điểm nhỏ của ta còn xoàng và thường không đủ vũ khí công phá thành lũy của địch, nên nhiều khi chịu bó tay".

25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.9, tr.220.

26. Như Chiến dịch Lê Lợi - vùng Chợ Bờ - Hoà Bình, quy mô 4 trung đoàn, diễn ra trên hai bờ sông Đà từ ngày 23-11 đến ngày 30-12-1949.

27. Bắc Bộ: 10; Trung Bộ: 7; Nam Bộ: 3; Thập vạn đại sơn (Hoa Nam, Trung Quốc): 1. Thập vạn đại sơn là chiến dịch ta phối hợp với bạn mở rộng Biên khu Điền Quế - Việt Quế, nhằm giúp bạn xây dựng một khu giải phóng ở Ung - Long - Khâm, sát kề với biên giới Đông Bắc của ta, chuẩn bị đón Giải phóng quân Nam hạ.

28. Riêng Chiến dịch sông Lô tháng 5-1949 - đánh bại cuộc hành binh Pomone của địch - là chiến dịch phản công.

29. Thư phê bình của Tổng Tư lệnh nêu rõ tên từng đồng chí, nhưng ở đây tác giả xin phép chỉ nêu chức vụ các đồng chí trong Bộ Chỉ huy Lê Hồng Phong 1.

30. Những kinh nghiệm lớn của Đảng ta trong lãnh đạo đấu tranh vũ trang, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1967.

31. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: Lịch sử nghệ thuật chiến dịch, Sđd.

32. 30 nội các Pháp từ đầu năm 1947 đến giữa năm 1950: Ramađiê (Paul Ramadier): 1-1947 - 11-1947, Suman (Robert Shumam): 11-1947 - 7-1948, Mari (André Marie): 7-1948 - 8-1948, lại R. Suman: 8-1948 - 1-1949, Cơi (Henri Queuille): 1-1949 - 10-1949, Mốc (Jules Moch): 5-10-1949 - 17-10-1949, Mayê (René Mayer): 17-10-1949 - 24-10-1949, Biđôn (Georges Bidault): 10-1949 - 6-1950.

33. TrËn tiÕn c«ng cña TiÓu ®oµn 11 vµo Phñ Th«ng ngµy 25-7-1948.

34. Ý nói tứ giác Tuyên Quang - Bắc Cạn - Thái Nguyên - Phú Thọ trên căn cứ địa Việt Bắc.

35. Một thị trấn thuộc huyện Phú Lương, phía bắc Thái Nguyên, cạnh đường số 3.

36. Không ít trường hợp cán bộ quản lý các tổng cục trong Bộ Tổng tư lệnh phải hàng ngày chạy sang các cơ quan đoàn thể gần đấy để vay gạo. Nhiều bữa, anh chị em phải ăn khoai, sắn thay cơm. Trong cơ quan tham mưu, anh em đã nhận xét: Không năm nào rét như mùa khô năm 1947, không năm nào đói như giáp hạt năm 1949.

37. Báo chí Pari nhận xét: Trận Đông Khê chứng tỏ Việt Minh đủ sức tiêu diệt bất cứ vị trí nào của Pháp trên đường số 4 và chẳng có lý do gì khiến họ không tiêu diệt cứ điểm Cao Bằng. Chính vì trận đánh làm rung động cả vùng biên giới nên ngay sau trận đánh, địch ném tiểu đoàn dù 3è BPC xuống chiếm lại Đông Khê đồng thời rút nhiều vị trí nhỏ trên toàn khu biên thùy Đông Bắc tổ chức thành những cụm cứ điểm, với công sự vững chắc, hỏa lực tăng cường, binh lực mỗi vị trí thường trên 2 đại đội.

38. Tổng Tư lệnh chỉ hỏi riêng ông Phan Phác, Tổng Tham mưu phó đồng thời là phái viên của bộ trên đường số 4. Ông Phác báo cáo: 174 có xin ý kiến mấy ngày trước khi nổ súng, nhưng "không thấy bộ có ý kiến gì" nên phái viên đồng ý cho đánh.

39. Bộ đội chủ lực của bộ lúc này gồm 2 đại đoàn 308 và 304, 2 trung đoàn 174 và 209, 1 tiểu đoàn 426.

40. Trong chiến dịch lớn đầu tiên này, Bộ Chỉ huy chiến dịch dự trù yêu cầu vật chất lên tới 3.000 tấn (trong đó 2.700 tấn gạo và 200 tấn vũ khí đạn dược) đủ cho 30.000 người chiến đấu và phục vụ chiến đấu dài ngày. Cái mà sau này gọi là hậu cần tại chỗ của Cao Bằng không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu vật chất trên đây của chiến dịch. Ngoài số gạo có thể chuyển từ trung du lên, ta đã đề nghị bạn chi viện một số lương thực. Được sự đồng tình của Bắc Kinh, lãnh đạo tỉnh Quang Tây sốt sắng nhận lời.

41. Dự kiến khi chiến dịch bắt đầu, địch có thể huy động tới 20 tiểu đoàn bộ binh tham chiến, tương đương với binh lực của ta.

42. Cao Bằng - Đông Khê: 44 km; Đông Khê - Thất Khê: 23 km; Thất Khê - Lạng Sơn: 65 km.

43. Theo sự thoả thuận giữa lãnh đạo nước bạn với Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chuyến đi công tác nước ngoài đầu năm 1950, tháng 6 ông La Quý Ba đã sang với cương vị Đại sứ Trung Quốc, sau đó ông Vi Quốc Thanh sang với cương vị Trưởng Đoàn cố vấn quân sự bên cạnh Bộ Tổng tư lệnh của ta. Trước khi ông Vi sang, một số cố vấn của Đại đoàn 308 đã sang trước để cùng ta chuẩn bị chiến dịch.

44. Pháo đài do Pháp xây từ năm 1938 trên một quả đồi phía nam thị xã, trên một diện tích gần 10 ha, tường vách pháo đài được xây bằng đá, chu vi 1.350 m. Pháo đài án ngữ trục đường số 4 từ phía Lạng Sơn lên và đường số 3 từ Bắc Cạn đến thị xã Cao Bằng. Sau này, có điều kiện nghiên cứu thực địa, ta thấy từ trên pháo dài có thể quan sát cả một vùng rộng lớn xung quanh, đặc biệt là hướng tây - tây bắc, tức trung tâm thị xã. Địa hình thiên nhiên thuận lợi cho việc phòng thủ của pháo đài: phía tây - tây bắc là sông Hiến, phía đông là sông Bằng, bờ cao dốc thẳng đứng, nước chảy xiết, phía nam là những dãy đồi trọc.

45. Về quan hệ giữa Bộ Chỉ huy của ta với Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc trong Chiến dịch Biên giới, tác giả dựa theo ghi chép của đồng chí Hoàng Minh Phương, trợ lý của Tổng Tư lệnh trong quan hệ với bạn trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng thời nghiên cứu sách *Sự thật lịch sử về Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc giúp Việt Nam đấu tranh chống Pháp,* Nxb. Quân giải phóng Bắc Kinh, 1990 và sách *Chín lần xuất quân lớn của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc* của Sa Lực và Mân Lực xuất bản năm 1992.

46. Ý nói trận Trung đoàn 174 diệt cứ điểm Đông Khê hồi cuối tháng 5-1950.

47. Bộ Chỉ huy chiến dịch dự kiến trận đánh diễn ra một ngày một đêm. Thực tế trận đánh kết thúc sau hơn 50 giờ chiến đấu.

48. Cuộc hành binh mang mật danh Phoque (Hải cẩu) với chừng một vạn quân (gần 10 tiểu đoàn bộ binh, 2 đại đội xe tăng, 4 đại đội pháo 105 mm, 1 thủy đội xung kích, 800 xe các loại và hầu hết máy bay có thể huy động được, do Đại tá Găm biê chỉ huy. Sau khi trên đường số 4 hai binh đoàn bị diệt, ngày 10-10 Găm biê cũng lui quân khỏi Thái Nguyên.

49. Kho gạo đặt ở Tà Lùng, sát biên giới, đi và về mất hai ngày.

50. Theo kế hoạch đẩy mạnh hoạt động nhỏ ở phía nam tạo thời cơ tiến công Thất Khê nên Trung đoàn 174 đang ở phía Thất Khê, Na Sầm. Trên vùng núi phía tây Đông Khê lúc này chỉ có Đại đoàn 308 và Trung đoàn 209.

51. Do trinh sát của ta bám địch không chặt, lại do phương tiện thông tin không có, nên mãi trưa ngày 4-10, Bộ Chỉ huy chiến dịch mới nhận được tin địch rút khỏi Cao Bằng, tức là sau khi Binh đoàn Sáctông đã xuất phát được 36 tiếng đồng hồ. Tổ quân báo của ta ở Cao Bằng phải nhờ bưu điện chuyển bằng điện thoại.

52. Nghĩa là phía tây dãy núi đá vôi.

53. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.103.

54. Ngày 10-10 địch rút chạy khỏi Thất Khê (đồng thời với Thái Nguyên), ngày 13 rút Na Sầm, ngày 17 rút Đồng Đăng, ngày 18 rút Lạng Sơn và Lạng Giai, ngày 20 rút Lộc Bình và Đình Lập, ngày 23 rút An Châu. Chỉ trong vòng gần hai tuần, phòng tuyến đường số 4 của địch bị rút ngắn trên 120 km. Việc rút chạy khỏi các cứ điểm từ Lạng Sơn về phía nam là hoàn toàn ngoài dự kiến.

55. Trong Chiến dịch Biên giới, nhân dân hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn đã đóng góp mấy trăm tấn gạo, 73 tấn ngô, 120.000 lượt người đi dân công - gần 1,6 triệu ngày công, 3/4 tổng số cán bộ các ngành, các cấp từ tỉnh đến cơ sở của Cao Bằng tham gia phục vụ chiến dịch.

56. Mùa khô năm 1950, trên chiến trường cả nước, ta đã tiêu diệt chừng 10.000 tên địch, tiêu diệt, bức hàng, bức rút 217 cứ điểm, giải phóng 17 thị trấn, 5 thị xã có tầm quan trọng khác nhau về mặt chiến lược (Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Lào Cai, Hoà Bình). Riêng trên chiến trường rừng núi phía bắc, với việc tiêu diệt và bức rút 110 vị trí lớn nhỏ, 2/3 biên giới Việt - Trung đã được giải phóng (750/1.150 km) với 4.000 km^2. Căn cứ địa kháng chiến được mở rộng và nối liền với hậu phương rộng lớn là các nước anh em. Chấm dứt thời kỳ chiến đấu trong vòng vây.

57. Theo số liệu của địch, số phương tiện vật chất địch bỏ lại Lạng Sơn đủ trang bị cho 8 trung đoàn, gồm 4.000 khẩu tiểu liên, 10.000 viên đạn pháo, 150 tấn thuốc, 2.000 tấn quân nhu, 1.500 tấn các loại trang bị khác. Số đạn pháo này ta bảo quản và mãi đến năm 1954 mới đem dùng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Còn theo cuốn *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương* của Luyxiêng Bôđa thì trang bị quân Pháp để lại Lạng Sơn là 11.000 tấn đạn, trong đó có 10.000 tấn đạn 75 mm, 4.000 tiểu liên còn mới, 600.000 lít xăng...

58. Ý nói phải thêm một Chiến dịch Biên giới nữa (Chiến dịch Biên giới vừa qua là Chiến dịch Lê Hồng Phong 2).

59. Các tiểu đoàn 84, 88, 89 (Trung đoàn 36), 18, 54 (Trung đoàn 102), 23, 29 (Trung đoàn 88), 154 (Trung đoàn 209) và Tiểu đoàn 11 độc lập.

Chương VI

Trên bước đường đẩy mạnh vận động chiến

24 - Tướng Đờlát - đối thủ thứ 5

Từ cuối tháng 10-1950, qua những tờ báo từ cơ sở của ta ở trong thành gửi ra, cơ quan tham mưu Tổng hành dinh biết được không khí ở Pari, Sài Gòn và Hà Nội sau "thảm họa đường số 4". Phái đoàn Gioăng - Lơtuốcnô được cử sang điều tra tình hình. Các phần tử cánh hữu trong Quốc hội đòi cử ngay một viên tướng tầm cỡ sang cứu vãn tình thế. Trước mắt - ngay đầu tháng 11 này - phải triệu hồi Alétxăngđri, cho Bôyê Đờ La Tua (Boyer de la Tour du Moulin) sang cầm đầu quân viễn chinh ở Bắc Kỳ, chiến trường đang nóng bỏng. Cơ quan tình báo của ta đã "quá quen biết" viên tướng này, tác giả của những trận càn quét bình định và nhất là hệ thống đồn bốt "nổi tiếng" ở Nam Bộ mà bà con trong đó thường gọi là tháp canh Đờ La Tua, được dựng lên khắp nơi xung yếu, mỗi bốt chỉ cách nhau vài kilômét.

Việc cử người sang điều hành cuộc chiến tranh Đông Dương lúc này quả là không dễ dàng chút nào. Từ Tướng Cơních (Koenig) đến Tướng Gioăng (Juin) không ai muốn cáng đáng việc cầm quân trên bán đảo đang nóng bỏng này. Trong thế bí, ngày 22-11 Quốc hội phải họp phiên bất thường trao cho Thủ tướng Plêven toàn quyền xử lý vấn đề Đông Dương. Viên tướng thứ ba được tổng thống và thủ tướng vời đến. Đó là tướng năm sao Đờlát Đờtátxinhi (Jean Delattre de Tassigny), nguyên Tư lệnh Quân đoàn 1, nổi tiếng là hiếu thắng và nóng nảy. Lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh Đông Dương, chức cao ủy và tổng chỉ huy tập trung vào một người. Đó là điều kiện duy nhất Đờlát đòi hỏi và tổng thống chấp nhận. Người ta tin rằng một viên tướng có tên tuổi như Đờlát sẽ kéo đội quân viễn chinh ra khỏi bầu không khí thảm bại hiện nay, sẽ "trả lại cho nó tư cách và niềm tin". Với việc tiến cử Đờlát, rõ ràng là phái chủ chiến trong Chính phủ Pháp vẫn muốn tiếp tục cuộc chiến tranh dù triển vọng thắng lợi ngày càng xa vời.

Viên tổng chỉ huy mới chưa hề biết gì về Đông Dương, cho nên những ngày ngắn ngủi ở lại Thủ đô Pari là những ngày tìm hiểu tình hình. Cựu Tổng thống Đờ Gôn và các cựu Toàn quyền Anbe Xarô và Giăng Đờcu đều đưa ra những lời khuyên "có ích". Nào là phải kiên trì cuộc chiến tranh này vì nó quyết định sự toàn vẹn của Khối liên hiệp Pháp, nào là phải tranh thủ sự viện trợ của Mỹ và dựa vào Bảo Đại để xây dựng một đội quân bản xứ mạnh, đủ sức bổ sung và thay thế quân viễn chinh. Người ta cũng khuyên tân tổng chỉ huy nên đem theo những người đã từng quen biết chiến trường, như Xalăng, Bôphrơ để lập thành một cơ quan chỉ huy có hiểu biết và đủ tài cán giúp cho việc điều hành cuộc chiến. Tổng chỉ huy phải có một trợ thủ am hiểu tình hình mọi mặt ở Đông Dương như Xalăng làm phó tướng, v.v..

Sau 10 ngày ở lại Pari để chuẩn bị, chiều ngày 17-12-1950 Đờlát cùng đoàn tùy tùng hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Và từ giờ phút đó Tổng Chỉ huy Đờlát đờ Tátxinhi trở thành *đối thủ thứ năm* của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp.

Đến Sài Gòn, tin tức đầu tiên mà Đờlát nhận được, đó là những cuộc di tản tiếp tục diễn ra ở Hà Nội, nhất là chuyển phụ nữ và trẻ em Pháp xuống Hải Phòng, dưới danh nghĩa "đề phòng". Đó là do dư âm thất bại ở biên giới. Từ trung tuần tháng 12, nhịp độ di tản càng tăng nhanh. Trong các công sở, viên chức đốt hồ sơ. Cầu Đume (tức cầu Long Biên) được bảo vệ nghiêm ngặt vì đó là cây cầu quan trọng duy nhất trên đường rút chạy xuống Hải Phòng khi cần. Có tin lan truyền: Việt Minh đã áp sát phía bắc Hà Nội.

Hai việc mà Tổng Chỉ huy hạ lệnh khi vừa vào đến dinh Nôrôđôm ở Sài Gòn: một là, Tham mưu trưởng Ala phải tìm đủ người để thay đổi toàn bộ bộ máy chỉ huy cũ - "bộ máy nhiễm độc thất bại Cao Bằng - Lạng Sơn" và hai là Phó tướng Xalăng chuẩn bị tháp tùng ông ta ra Hà Nội vào đêm 19-12. Tin này khiến cho giới báo chí Sài Gòn có dịp gợi lại kỷ niệm cũ: 19-12 vốn là một ngày có ý nghĩa đối với quân Pháp 5 năm trước. Họ cũng không quên bình luận rằng việc tân Tổng Chỉ huy có mặt ở trung tâm Bắc Kỳ vào ngày này là biểu hiện sự quyết tâm và sự thách thức đối phương.

Sau cuộc duyệt binh được tổ chức để chào đón tân Tổng Chỉ huy, Đờlát cho triệu tập ngay tối hôm đó, tất cả các sĩ quan sơ cấp có mặt tại Hà Nội. Trong cuộc họp mặt đầu tiên này, các sĩ quan trẻ được nghe Tổng Chỉ huy khích lệ bằng những lời hết sức hùng hồn về "vinh quang của những cái chết cao đẹp". Đờlát nói rằng ông ta sang đây để cùng các sĩ quan trẻ - trong đó có con ông là Trung úy Bécna Đờlát - chia sẻ niềm tự hào về cuộc chiến tranh cao quý, để cùng nhau làm những việc lớn, đó là chiến đấu để bảo vệ nền văn minh thế giới chứ không phải là cuộc chiến tranh xâm lược vì mục đích thống trị. Ông ta đảm bảo rằng từ nay các sĩ quan trẻ sẽ được chỉ huy ra trò, rằng quyết không nhường cho đối phương một tấc đất. Pari đang chờ đợi ở ông ta một chiến thắng, một bước ngoặt. Với nét mặt đanh lại vì giận dữ, Đờlát lên án cuộc di tản hiện nay, đó là một hành động hèn nhát, phải được chấm dứt ngay.

Trước khi đi Hải Phòng, Đờlát yêu cầu Đờ La Tua báo cáo kế hoạch phòng thủ Hà Nội. Không nên coi thường tin tức nói rằng quân Việt đang uy hiếp thành phố.

Ngay từ những ngày đầu đến Đông Dương, một nét nổi bật trong phong cách của Đờlát mà người ta sớm nhận thấy là ông ta đặc biệt quan tâm đến đội ngũ ký giả luôn bám sát Tổng Chỉ huy. Qua từng việc làm của Đờlát, các nhà báo Pháp, Việt và nước ngoài - nhất là Mỹ - đã rút ra một kết luận mang tính bao quát và rất đúng với nếp suy nghĩ và hành động của ông ta: Trong sự nghiệp ở cái xứ Đông Dương này, Tổng Chỉ huy Đờlát cần một đội quân viễn chinh cuồng tín, bị mê hoặc, đồng thời cũng cần một đội ngũ các nhà báo đông đảo chịu khuất phục, tức là chịu uốn cong ngòi bút viết theo những điều mà Tổng Chỉ huy muốn. Ông ta đã từng công khai đề cao giới báo chí bằng câu nói được nhắc đi nhắc lại nhiều lần: Đưa lại chiến thắng làm gì nếu thế giới không biết đến, nếu người ta không đọc những trận đánh được tường thuật trên mặt báo với những hàng tít lớn? Đánh quân địch là tốt, đánh vào trí tưởng tượng của con người ta còn tốt hơn nhiều. Bởi vậy, phải quan hệ tốt với họ (các nhà báo) bằng bất kỳ giá nào, phải biết nắm lấy các phóng viên, nhất là các phái viên đặc biệt. Nếu giới ký giả bị chúng ta đối xử tệ, nếu họ bị chế ngự, họ sẽ rất hung dữ, sẽ bất bình và chế giễu chúng ta.

Hầu như mỗi cuộc họp tham mưu đều được chuyển tiếp bằng một cuộc họp báo. Lúc đầu, không phải là không có những nhà báo muốn đứng ngoài quỹ đạo, nhất là các phóng viên Mỹ trẻ tuổi, bướng bỉnh. Họ hầm hè, có thái độ thách thức, công khai tuyên bố: Đờlát đừng hòng nắm được chúng tôi, càng không đánh lừa được chúng tôi đâu. Người dân Hoa Kỳ nộp thuế để chi tiêu cho cuộc chiến tranh này, họ có quyền biết đồng tiền của mình được sử dụng như thế nào. Nhưng rồi những con người "lạc lõng" này sớm nhận thấy đã tự chuốc lấy tai họa. Họ nhận được những bức điện "khó chịu" của các ông chủ từ Oasinhtơn hay Lốtăngiơlét hỏi rằng: Tại sao anh lại làm ăn như thế? Anh có biết rằng Tướng Đờlát đang chiến đấu cho ai không? Những tờ báo cạnh tranh với chúng ta đăng thông báo nói rằng quân của Đờlát giết 5.000 quân Việt, anh thì chỉ đưa tin có 500... Từ đó, không ít nhà báo mà Đờlát cho là "cứng đầu", hoặc là phải tự đến khẩn khoản xin lỗi Tổng Chỉ huy để rồi bị hút vào quỹ đạo của ông ta (mà sau này tỉnh ngộ họ mới biết là đã "bán mình cho quỷ dữ"), hoặc là bị mời khéo ra khỏi Đông Dương. Những ký giả chịu hoạt động

theo quỹ đạo của Tổng Chỉ huy thì được ông ta chiêu đãi hầu như hằng ngày, được tạo mọi điều kiện thuận tiện để hành nghề thoải mái và không ít trường hợp còn được dành ưu tiên hơn cả các đại tá và thậm chí hơn cả sĩ quan cấp tướng. Vì sao vậy? Đờlát đã không úp mở: Chính phủ Pháp nhận báo cáo của tôi, có khi họ vứt vào sọt rác, nhưng họ rất dễ bị kích động khi đọc cũng những sự kiện như thế trên mặt báo. Nhà báo không chỉ là người truyền đạt, họ còn là những người tạo ra sự kiện. Chiến thắng trên mặt báo cũng quan trọng như trên chiến trường. Một nét phẩy trên giấy có thể tô thêm thắng lợi của một trận đánh. Vậy phải làm sao cho người cầm bút và người cầm quân cùng làm nên chiến thắng chung.

Đờlát đã nhanh chóng thu hút được số đông ký giả ngay từ cuộc họp báo đầu tiên chỉ ít ngày đến Đông Dương. Sau này nhớ lại kết quả buổi ra mắt đầu tiên của Tổng Chỉ huy, các phóng viên chiến trường như Luyxiêng Bôđa hay Cơlốt Paya đều chung một nhận xét: Từ ấy, các phóng viên bị buộc vào cỗ xe của Đờlát. Ông ta bắt họ kéo càng. Ông đối xử tốt đến nỗi họ khó biết được mình đã bị biến thành con vật kéo xe. Từ ấy, họ đã thỏa hiệp với Đờlát, ông ta buộc họ lao mình vào cuộc đua ca ngợi, nhờ vào các đường dây, các bức điện tín. Hằng ngày, ông nhồi nhét cho họ những món ăn ngon về tin tức chiến sự, họ chỉ còn tô điểm lại, gọt giũa, thêm mắm muối và gửi đi.

Ngay từ những ngày cuối tháng 12-1950, Tướng Săngxông (Chanson - chỉ huy ở Nam Bộ) đã phản ứng về lệnh của Đờlát điều quân ra tăng cường cho miền Bắc. Xalăng tìm cách thuyết phục rằng với Đờlát, "trước hết là Hà Nội". Trận Vécđoong của ông ta đấy. Ông ta tự đặt mình vào hai tình huống, hoặc là dồn quân ra Bắc, chuẩn bị điều kiện may mắn để giành được chiến thắng, hoặc là bị tiêu diệt như Cácpăngchiê chỉ vì không biết tranh thủ sự may mắn đó. Từ ấy, không một chiến trường nào có thể từ chối việc rút bớt quân Âu - Phi đi theo kế hoạch tập trung binh lực của Đờlát, khi biết rằng Tổng Chỉ huy quyết tâm dự kiến gấp rút xây dựng 7 - 8 binh đoàn cơ động (GM), giao cho những đại tá đáng tin cậy như Bôphrơ, Caxtơri, Vanuyxem, Êđông, Eruylanh, v.v., chỉ huy. Những người phụ trách trấn giữ các địa bàn xung yếu như Hải Phòng, nhất là Hà Nội và các vùng phụ cận, đều được cân nhắc thận trọng. Tổng Chỉ huy quyết định đưa Đại tá Găмbiê, một con người điềm đạm có sức thuyết phục, xuống để nắm vững vùng công giáo của các cha cố phía thành Nam, v.v.. Các binh đoàn cơ động đang trong quá trình hình thành đã được lệnh triển khai gấp bao quanh Hà Nội, từ Bắc Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Vĩnh Phúc đến Hải Dương, Phủ Lỗ ra tận Đông Triều.

Một câu hỏi mà Đờlát thường nêu lên nhiều lần với những phụ tá thân cận (Xalăng - phó tướng đồng thời là cố vấn, Bútxary - tình báo và Cônhi - Chánh văn phòng) là: Chúng ta sẽ tiến hành cuộc chiến tranh này như thế nào? Sắp tới, liệu ông Giáp sẽ tung quân vào hướng nào? Miễn là kẻ địch để cho chúng ta có đủ thì giờ". Các tướng lĩnh thuộc quyền thường trả lời rằng, theo kinh nghiệm của những người đi trước, không có cơ sở để phán đoán về bất kỳ điều gì ở cái xứ sở châu á này. Tướng tổng chỉ huy không tin điều đó. Ông ta nói rằng ông ta chờ đợi một cuộc chiến tranh thực sự, bằng một chiến lược thực sự, đánh một kẻ thù có thật bằng xương bằng thịt chứ không phải những bóng ma. Ông ta chờ đợi ở đối phương một cuộc chiến tranh chính quy - mặt đối mặt, khác hẳn với cách đánh còn mang tính du kích mà đối phương đang vận dụng trên chiến trường. Như vậy tôi mới có thể chiến thắng, vì tôi sang đây với biết bao lời thề chiến thắng.

Sau này, qua hồi ký của Xalăng cũng như qua các sách của các tướng lĩnh, sử gia Pháp, chúng ta càng khẳng định tính đúng đắn của sự phán đoán trước đây rằng tướng năm sao Đờlát đờ Tátxinhi sang Đông Dương với tham vọng rất lớn là giành lại quyền chủ động chiến lược đã lọt

vào tay đối phương, lật ngược thế cờ chuyển bại thành thắng để cho cái xứ Đông Dương xinh đẹp và nhiều tài nguyên này khỏi buột khỏi khối Liên hiệp Pháp. Để đạt được mục tiêu chiến lược tổng quát đó, Đờlát chủ trương tranh thủ tối đa viện trợ của Mỹ, tranh thủ sự đồng tình của Liên minh phòng thủ Đông Nam á và đốc thúc chính quyền Bảo Đại bắt lính quy mô lớn phục vụ cho kế hoạch xây dựng quân đội bản xứ để khắc phục nạn khủng hoảng quân số ngày càng trầm trọng. Về mặt tâm lý, Đờlát rất quan tâm kích động tinh thần binh sĩ bằng cách nhiều lần công khai bộc lộ ý đồ "chiếm lại Lạng Sơn - trả mối hận trên đường số 4", trả lại cho quân viễn chinh danh dự và niềm tin.

Tham vọng giành lại quyền chủ động chiến lược của Đờlát thể hiện rất sớm, từ trung tuần tháng 1, tức chỉ non một tháng đặt chân đến Đông Dương. Ông ta giao cho Đại tá Bôphrơ - người rất quen chiến trường thượng du Bắc Kỳ - chuẩn bị đưa 5 trung đoàn bất ngờ đánh thẳng vào vùng núi đá vôi giữa hai con đường chiến lược số 3 và số 1, không xa Bắc Sơn và Thái Nguyên, vùng được coi là "trung tâm tiếp tế hậu cần của đối phương". Bộ Chỉ huy Pháp định ra quân vào ngày chủ nhật 14-1, nhưng thật bất ngờ ông Giáp lại ra tay trước ở Vĩnh Yên. Từ đó đến suốt 10 tháng đầu của năm 1951, Đờlát lo đối phó với các chiến dịch tiến công liên tiếp của quân ta, lo việc xây dựng một phòng tuyến boongke vây quanh đồng bằng Bắc Bộ và càn quét quy mô lớn chưa từng thấy hòng "làm chủ vùng châu thổ sông Hồng", tất cả đều nhằm trở lại chủ đề số 1: giành lại quyền chủ động.

Ngót một năm cầm đầu quân viễn chinh xâm lược Đông Dương, bằng bản lĩnh và cá tính của mình, bằng ưu thế về sức mạnh sắt thép, Tướng Đờlát đã gây cho quân và dân ta không ít khó khăn, cả trong các chiến dịch tiến công ở phía trước và trong cuộc đấu tranh giữ vững cơ sở chính trị và vũ trang trong vùng địch tạm chiếm.

Ngay từ hồi đó - những ngày cuối năm 1950 - đầu năm 1951 - tại cơ quan tham mưu Tổng hành dinh của ta ở Việt Bắc tin tức về sự có mặt của Tổng Chỉ huy mới của quân viễn chinh, về viện binh mà Pari mới vét sang và gần nhất là tin địch triển khai binh lực xung quanh Hà Nội, v.v. là những tin quan trọng mà cơ quan tình báo của ta nắm được và báo cáo với Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ngay từ khi ta chuẩn bị chiến dịch tiếp sau chiến thắng biên giới. Tất nhiên ngay từ hồi đó chúng ta chưa biết gì nhiều về việc thay đổi hệ thống chỉ huy và âm mưu chiến lược mới của địch. Guồng máy chỉ đạo kháng chiến của ta vẫn chuyển động theo hướng chiến lược đã định.

25- Trung du - Chiến trường nhạy cảm

Nửa cuối tháng 11 là những ngày hết sức bận rộn của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Chừng mươi ngày trước, Thường vụ đã xác định hướng chiến dịch tiếp theo là địa bàn trung du, cụ thể là Vĩnh Yên. Từ mặt trận biên giới về tới cơ quan, Bí thư Võ Nguyên Giáp triệu tập hai cuộc hội nghị Đảng ủy Chiến dịch Trần Hưng Đạo[1] vào các ngày 18 và 23-11 để kịp chỉ đạo bộ đội triển khai công tác chuẩn bị chiến đấu. Tiếp ngay sau đó là Hội nghị chính thức tổng kết Chiến dịch Biên giới - 27-11, họp ở Thái Nguyên. Đến thăm hội nghị, Cụ Hồ chỉ thị "phải khẩn trương tranh thủ thời gian". Ta chủ trương sớm khai thác hiện tượng hoang mang sa sút tinh thần của quân Pháp để tiến công vào trung du trước khi địch kịp củng cố thế phòng ngự của chúng ở cửa ngõ đồng bằng, đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích trong vùng đồng bằng sông Hồng và các vùng tạm bị chiếm trên toàn quốc. Cũng tại hội nghị này, Tổng Bí thư Trường Chinh đã nhắc lại chủ trương chiến lược của Đảng đầu năm 1950 trên cả ba địa bàn - rừng núi, trung du và đồng bằng - thuộc chiến trường chính Bắc Bộ. Trên chiến trường rừng núi, bộ đội đã hoàn thành

nhiệm vụ giải phóng biên giới, khai thông đường giao lưu quốc tế, phá vỡ thế bao vây chiến lược của địch, chặt đứt khúc đầu của hành lang đông tây của chúng[2]. Hai nhiệm vụ còn lại là trên đất trung du và đồng bằng.

Nếu trên cả vùng Tây Bắc bao la, địch chỉ có 5 tiểu đoàn thì ở trung du và đồng bằng địch tập trung quá nửa binh lực toàn Đông Dương, bao gồm toàn bộ lực lượng cơ động chiến lược - trên dưới 30 tiểu đoàn.

Về phía ta, sau khi thêm một số đại đoàn được thành lập[3], lực lượng bộ binh cơ động chiến lược của ta trên chiến trường Bắc Bộ bằng 1,2 lực lượng cơ động của địch (36/30 tiểu đoàn), nhưng trang bị vũ khí nặng vẫn còn hạn chế. Khả năng viện trợ của Trung Quốc trong năm 1950 chỉ đạt 20% yêu cầu. Pháo của Đại đoàn 351 vẫn là những khẩu sơn pháo 75 mm cũ kỹ.

Mở chiến dịch tiến công của chủ lực vào trung du, tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, ta có thêm điều kiện mở rộng căn cứ địa Việt Bắc xuống phía nam, trên một vùng tương đối trù phú và khá đông dân, giao thông thuận tiện. Nhưng địa hình trung du gồm phần lớn là đồi trọc, cây cối lúp xúp, bộ đội khó ẩn nấp trong quá trình triển khai chiến đấu. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã thấy điều đó. Ngay tại Hội nghị tổng kết Chiến dịch Biên giới, khi hướng chiến dịch tiếp theo đã được xác định, ông đã nói với cán bộ chỉ huy các đơn vị: Về điều kiện địa thế: Ta đang đánh ở rừng núi, nay xuống đồng bằng chưa quen, nhưng ta có cơ sở nhân dân, tiếp tế dễ, nhân vật lực sẵn hơn, dễ nắm tin tức địch hơn. Địch có nhiều phi cơ thì ta tăng cường công sự, đánh nhanh và rút nhanh hơn. Nhưng chúng ta đừng thấy vừa thắng to (ở biên giới) mà chủ quan, không ngại địch. Thái độ chủ quan là ở chỗ, trong lúc tổng kết, không thấy hết khuyết điểm; khi bàn kế hoạch tác chiến sắp tới thì đề nghị cung cấp nhiều hơn, chuẩn bị về tù binh nhiều hơn vì đánh lớn; chiến dịch trước tiêu diệt 7 - 8 tiểu đoàn, lần này không thích đánh nhỏ nữa mà chỉ thích đánh ăn to. Cho nên sắp tới, về mặt chuẩn bị tư tưởng để làm nhiệm vụ mới, phải thấy cả ưu điểm và thuận lợi nhưng cũng phải thấy hết cả khuyết điểm và khó khăn để chống chủ quan.

Một câu hỏi có tầm quan trọng đặc biệt được đặt ra là làm thế nào để khắc phục được khó khăn về địa hình khi chuyển bộ đội xuống tác chiến ở trung du và đồng bằng? Đoàn cố vấn Trung Quốc giới thiệu "chiến thuật bôn tập" của Giải phóng quân. Cách đánh này có thể giúp cho bộ đội hạn chế được hỏa lực pháo binh và máy bay của địch, giảm thương vong trong chiến đấu trên địa hình trống trải. Theo chiến thuật này, bộ đội tập kết ngoài tầm pháo của địch (khoảng 15 km), khẩn trương bôn tập, bất ngờ tiếp cận địch vào ban đêm, tác chiến tiêu diệt địch, thu dọn chiến trường rồi khẩn trương rời khỏi nơi vừa giao chiến trước khi trời sáng. Trong các chiến dịch nhỏ trước đây, quân ta đã từng tiêu diệt cứ điểm trong một đêm, nên không những hạn chế được ưu thế về hỏa lực phi cơ và pháo binh của địch, mà còn vô hiệu hoá lực lượng cơ động ứng cứu của chúng. Điểm đáng chú ý trong chiến dịch này là, tác chiến trên địa hình trống trải ở trung du và đồng bằng, vị trí tập kết của bộ đội xa hơn, bôn tập trên quãng đường dài khiến bộ đội tiêu hao thể lực trước khi bước vào chiến đấu. Bộ đội vừa trải qua một chiến dịch dài ngày, sức khỏe đang trong quá trình hồi phục. Trước yêu cầu của nhiệm vụ mới, ngoài việc củng cố tổ chức, huấn luyện bổ sung chiến thuật, kỹ thuật, vấn đề tăng cường thể lực trở thành một nội dung quan trọng cần có biện pháp giải quyết trong những ngày ngắn ngủi còn lại trước khi bắt đầu chuyển quân xuống trung du.

Tại Hội nghị lần thứ nhất của Đảng ủy Mặt trận Trung du[4] họp ngày 18-11, Cục trưởng Tình báo Lê Trọng Nghĩa báo cáo: Lực lượng địch từ Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hoà Bình và cả 1 tiểu đoàn

ở Lào Cai rút về đều tập trung ở trung du và đồng bằng, nâng tổng số quân ở đây lên 65 tiểu đoàn, trong đó có 30 tiểu đoàn cơ động[5]. Trên chiến trường trung du, địch chia thành ba phân khu Bắc Giang, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc. Đại bộ phận là các vị trí do một trung đội chiếm đóng. Nơi mạnh là vùng Bắc Giang, còn Bắc Ninh, Vĩnh Phúc thì phân tán, yếu hơn. Theo nhận xét của Cục Tình báo, địch đang củng cố vùng trung du, cả về tăng cường binh lực (nhất là quân cơ động) và củng cố công sự.

Sau này, trong một số cuốn sách nghiên cứu về cuộc chiến tranh Đông Dương, một vài sử gia nước ngoài có lý do để nhận xét rằng ta "cầu toàn", chuẩn bị chiến dịch chậm, khiến cho Đờlát có thời gian triển khai lực lượng đối phó. Thực tế cho thấy, "cái khó bó cái khôn".Những cán bộ đầu tiên của ba cơ quan Bộ Tổng tư lệnh được phái xuống Liên khu Việt Bắc để nghiên cứu chiến trường từ cuối tháng 9, giữa lúc Chiến dịch Biên giới đang diễn ra rất khẩn trương, tình hình địch ở Bắc Bộ đang trong quá trình biến động mạnh. Với phương tiện hết sức thô sơ mà các cơ quan Tổng hành dinh có trong tay, không những việc huy động lương thực và vũ khí xuống địa bàn trung du gặp khó khăn mà công tác điều tra tình hình địch, chuẩn bị chiến trường, hình thành các kho trạm cung cấp và nghiên cứu cách đánh cũng đòi hỏi nhiều thời gian. Hội nghị Đảng ủy Mặt trận Trung du họp ngày 18-11, là lúc Chiến dịch Biên giới vừa kết thúc chừng một tháng. Đảng ủy thống nhất nhận định: Kinh nghiệm sốt dẻo của đường số 4 vừa qua cho thấy: Cung cấp chuẩn bị không được đầy đủ nên trong quá trình chiến đấu bộ đội gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến thời gian chiến dịch. Do đó, yêu cầu công tác chuẩn bị phải hết sức khẩn trương nhưng đồng thời phải đảm bảo cho bộ đội chiến đấu liên tục, dài ngày. Hai vấn đề Đảng ủy đặc biệt quan tâm trong cuộc họp đầu tiên này là tình hình địch và công tác chuẩn bị chiến dịch. Cuối tháng 11, Đảng ủy thảo luận và nhất trí đề đạt với Thường vụ Trung ương Đảng về mục đích chiến dịch trên cả hai hướng trung du (hướng chính), Đông Bắc và Khu 3 (hướng phụ) như sau:

1- Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch;

2- Mở rộng khu lương thực;

3- Phát động chiến tranh du kích;

4- Phá kế hoạch củng cố của địch, tạo điều kiện tiến lên tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch. Riêng về tình hình địch có quan hệ đến mục đích và chủ trương tác chiến chiến dịch trên cả hai hướng, Bí thư Đảng ủy kiêm Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp nhận định: Lực lượng cơ động của địch có thể tập trung hơn (binh đoàn da đen ở miền duyên hải có 4 tiểu đoàn và Hà Nội có 5 tiểu đoàn dù). Do đó, càng không thể coi thường lực lượng địch được. Cần điều tra chắc chắn, vừa đánh vừa tìm hiểu địch thêm. Nếu ta đánh cùng một lúc binh đoàn da đen và 2 tiểu đoàn dù thì sẽ gặp nhiều khó khăn.

Do tình hình địch đang trong quá trình biến động[6] nên trong cuộc họp ngày 18-11, Đảng ủy chỉ thảo luận bước đầu chủ trương tác chiến chiến dịch, trước hết là trên hướng chính. Đến cuộc họp lần thứ hai (ngày 23-11-1950), chủ trương tác chiến được thảo luận tiếp và sau khi nhất trí, được ghi thành văn kiện hướng dẫn để quán triệt trong các đơn vị. Vấn đề đáng chú ý trong quá trình chỉ đạo chuẩn bị chiến dịch này là Đảng ủy và Chỉ huy trưởng đã kịp thời phát hiện những điểm mới về tình hình địch, tình hình địa hình và những khó khăn mà bộ đội sẽ phải khắc phục trong chiến dịch sắp tới (khác với chiến dịch vừa qua như thế nào), để chuẩn bị tư tưởng cho bộ đội và đề ra cách đánh sao cho phù hợp với thực tế chiến trường. Sự chỉ đạo đó không chỉ bằng hướng dẫn trong hội nghị chiến dịch mà còn bằng văn bản, giúp cho cán bộ nắm chắc và vận dụng đúng. Trong văn kiện chỉ đạo, Bí thư Đảng ủy mặt trận đã phân tích cụ thể phương châm tác

chiến trong điều kiện địch tăng cường công sự, tập trung quân cơ động và chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công của ta.

Trước hết, ông nhấn mạnh cần đề phòng tư tưởng chủ quan khinh địch. Đó là tư tưởng muốn đánh lớn ăn to và chuyển sang tổng phản công nhanh chóng, đốt cháy giai đoạn không điều kiện. Đó là hoàn toàn không tưởng vì không hiểu rõ sức mình, không thấy ta quân số ít, không thể tập trung ưu thế tuyệt đối gấp bốn năm lần so với địch; không thấy quân ta chưa thành thạo đánh công kiên hay vận động quy mô lớn ở trung du và đồng bằng; không thấy trên chiến trường này địch cơ động nhanh hơn ở miền núi; không thấy địch đã và đang củng cố công sự, tập trung binh lực, tăng cường quân cơ động, không còn yếu như khi phân tán; không thấy rằng lúc này địch đã có kinh nghiệm thất bại, đã chuẩn bị đề phòng thì tỉnh táo tinh khôn và mạnh mẽ gấp bội so với khi chúng chủ quan hớ hênh, không cẩn mật. Nhưng Đảng ủy cũng chỉ rõ: Nếu chỉ thấy chỗ mạnh mà không thấy chỗ yếu của địch cũng không đúng. Chiến trường rộng, vì mục đích của chiến tranh xâm lược (là chiếm và giữ đất) nên càng đi sâu vào trong thì nhược điểm phân tán binh lực của địch càng rõ. Số địch phòng ngự ở cả điểm và tuyến đều rất yếu ớt, ít nơi có một đại đội, phần nhiều là trung đội, thậm chí có nơi chỉ có một tiểu đội và đa số là ngụy binh. Địch đang trong quá trình củng cố công sự, tập trung binh lực, tăng cường quân cơ động, điều chỉnh trận địa, tướng tá chỉ huy cũng đang trong quá trình thay đổi.

Đảng ủy đề ra cách đánh phù hợp với điều kiện địch - ta hiện nay trên chiến trường, đó là kết hợp linh hoạt phân tán binh lực đánh nhỏ, nhưng khi cần có thể tập trung nhanh chóng tiến hành vận động chiến một cách mau lẹ và có hiệu quả. Phân tán đánh nhỏ có tính chất du kích trong đợt đầu chiến dịch (cụ thể là chỉ đánh một số cứ điểm đại đội hoặc đại đội tăng cường) nhưng tập trung binh lực đánh lớn trong từng trận chiến đấu theo lối vận động khi địch đã lộ rõ nhược điểm. Cách đánh đó đòi hỏi một hình thức tổ chức rất linh động, thích hợp với địch tình và địa hình mọi lúc, mọi nơi, đồng thời đòi hỏi một sự chỉ huy tác chiến rất linh hoạt trên cơ sở tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy chung. Cách đánh nhỏ này không trái với nguyên tắc tập trung binh lực, hỏa lực tuyệt đối hơn địch và không cản trở việc tiến hành vận động chiến khi cần thiết. Lối phân tán đánh nhỏ này là một lối đánh đặc biệt của quân đội chính quy trong điều kiện địch tình đặc biệt hiện tại. Cách đánh đó đòi hỏi sự phối hợp giữa bôn tập, cường tập với dạ tập[7], bất ngờ tiến đánh nhanh, giải quyết nhanh. Muốn vậy, phải tuyệt đối giữ bí mật, tranh thủ thời gian hành quân ban đêm từ xa kéo đến thật cấp tốc, nhanh chóng hình thành bao vây, công kích đột nhiên bất ngờ và giải quyết mau lẹ. Có như vậy mới làm cho địch không biết mà đề phòng, hoặc có biết cũng không đối phó kịp.

Tài liệu hướng dẫn của Đảng ủy nêu lên những biện pháp kỹ thuật nhằm khắc phục những khó khăn và hạn chế thương vong trong điều kiện chiến đấu trên chiến trường trung du, đồng bằng trống trải, địch có điều kiện phát huy ưu thế về hỏa lực phi cơ, pháo binh và khả năng cơ động trên đường bộ và đường thủy, đồng thời nêu lên biện pháp giải quyết vấn đề tiếp tế đạn dược và giao thông liên lạc của ta khi tiến sâu vào vùng sau lưng địch.

Một điểm Đảng ủy chú ý lãnh đạo tư tưởng bộ đội trong chiến dịch này là xác định mức tiêu diệt địch. Hai tháng trước, trong một chiến dịch diễn ra trong vòng nửa tháng, bộ đội vừa tiêu diệt hai binh đoàn. Vậy mà trong chiến dịch này, mức tiêu diệt địch dự kiến trong đợt 1 chỉ khoảng 2 đến 3 tiểu đoàn. Công tác chính trị phải làm cho bộ đội nhận thức đúng đắn rằng không phải bộ đội chủ lực quay về thời kỳ các chiến dịch nhỏ trước đây, mà trên cơ sở khẳng định những khó khăn trở ngại trong việc chiến đấu trên địa hình trống trải với một kẻ địch dù vừa thất bại và chưa hết dao động nhưng vẫn mạnh hơn ta rất nhiều về binh khí kỹ thuật, nhất là hỏa lực phi pháo. Cần dự

kiến và chủ động ứng phó với những khó khăn mà ta chưa lường hết trước khi bước vào chiến đấu.

Mặt khác, trung du và đồng bằng là chiến trường đông dân cư và có nhiều thị trấn. Văn kiện của Đảng ủy chỉ rõ: Công tác chính trị phải giáo dục cho bộ đội nắm vững và vận dụng đúng đắn chủ trương, chính sách của Đảng. Đó là một nội dung quan trọng về lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy trong chiến dịch này. Đảng ủy nêu lên yêu cầu và biện pháp cụ thể trong việc phối hợp hoạt động với đảng bộ và lực lượng vũ trang địa phương trong quá trình diễn biến chiến dịch, vấn đề tranh thủ quần chúng nhân dân trong vùng địch, công tác vận động ngụy binh và quan hệ với các ban tề địa phương đã có liên hệ với kháng chiến, vấn đề hỗ trợ cuộc đấu tranh chính trị và diệt tề trừ gian, nội dung và phương thức tuyên truyền khuếch trương thắng lợi, đồng thời phải có kế hoạch và biện pháp giúp địa phương phối hợp chống khủng bố của địch sau khi chủ lực hoàn thành nhiệm vụ rút khỏi chiến trường.

Bộ Chỉ huy chiến dịch dự kiến:

1- Trên hướng chính (từ Việt Trì đến Bắc Giang, trọng điểm là khu vực Vĩnh Yên - Phúc Yên - hướng được đánh giá là địch tương đối yếu) sẽ do hai đại đoàn 308 và 312 (thiếu 1 trung đoàn) và 4 tiểu đoàn bộ đội địa phương đảm nhiệm; hướng phụ: a- vùng duyên hải Đông Bắc do hai trung đoàn 174 và 98; b- hướng đồng bằng: 3 trung đoàn 64, 52 và 48 (của 320). Để bảo đảm bí mật hướng chiến dịch, trừ một số cán bộ về chuẩn bị chiến đấu, bộ đội 308 và 312 vẫn ở lại biên giới để củng cố sau khi chiến dịch đường số 4 kết thúc và chỉ có mặt ở vị trí tập kết ít ngày trước khi chiến dịch bắt đầu.

2- Trong đợt 1, để thăm dò cách đối phó của địch và thu hút viện binh của chúng, ta sẽ dùng từng tiểu đoàn kết hợp giữa bôn tập, cường tập với dạ tập nhanh chóng tiêu diệt một số cứ điểm đột xuất đối diện với ta ở trung du, đồng thời triển khai lực lượng đánh viện trên những khu vực dự kiến. Sau khi phát hiện chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và cách đối phó của chúng, sang đợt 2 sẽ tập trung lực lượng vận động đến hướng địch yếu và sơ hở dùng cách đánh điểm diệt viện, linh hoạt từ nhỏ đến lớn.

Từ trung tuần tháng 12, Sở Chỉ huy chiến dịch đã triển khai ở vùng Quân Chu - Cát Nê, chân phía đông bắc Tam Đảo, cách thị xã Thái Nguyên chừng 20 km đường chim bay. Dự kiến sang đợt 2, Sở Chỉ huy sẽ chuyển lên Tam Đảo để có thể quan sát được diễn biến của chiến dịch trên hướng chủ yếu ở phía nam và tây nam. Một thuận lợi trong chiến dịch này là liên lạc với An toàn khu Sơn Dương - Định Hoá rất gần, có thể liên lạc trực tiếp bằng điện thoại với các cơ quan Trung ương ở phía sau.

Sau 10 ngày đến Sở Chỉ huy, ngày 24-12-1950, Bí thư Đảng ủy Mặt trận gửi thư về báo cáo Cụ Hồ, Tổng Bí thư Trường Chinh và Thường vụ Trung ương.

Theo thư báo cáo, ngày 21 Bộ Chỉ huy đã triển khai hội nghị phổ biến kế hoạch tác chiến cho các đơn vị chủ lực và giao nhiệm vụ cho bộ đội địa phương các tỉnh trung du (hoạt động trong vòng một tháng). Khi thảo luận, cán bộ chủ lực có nhiều thắc mắc về cách đánh. Sau khi phân tích và thảo luận dân chủ, anh em đã thông suốt, nhất là về chiến thuật bôn tập và điều kiện giành yếu tố bất ngờ để tiến công trên cả một tuyến rộng. Về tình hình địch, báo cáo nhận định: Địch tăng cường càn quét vùng đồng bằng Bắc Bộ như trước đây Đờ La Tua đã từng làm ở trong Nam. Chúng đang tổ chức thêm binh đoàn thứ 7. Trước mắt, địch chưa có khả năng mở cuộc tiến công lớn. Đờlát, Xalăng... mới sang, lực lượng chưa chấn chỉnh xong, tinh thần binh lính chưa được

củng cố vững. Địch chưa phán đoán được phương hướng tác chiến của ta. Về phía ta, nét đặc biệt của tình hình bộ đội là anh em rất phấn khởi được về chiến đấu ở miền xuôi. Sức khỏe bộ đội có giảm sút, nhất là Đại đoàn 308, sau cuộc hành quân xa. Về vật chất, chuẩn bị cho đợt đầu đã xong và đủ. Bộ Chỉ huy cũng dự kiến đợt đầu chiến dịch các đơn vị bôn tập từ xa, nếu tổ chức dân công tiếp tế không khéo, bộ đội có thể bị đói. So với Chiến dịch Biên giới, lần này ngoài khó khăn về tài chính, bộ đội không thật đủ cơ số thuốc nổ và đạn (súng máy và súng trường thất cửu). Sang đợt 2, nếu chuyển lực lượng đến hướng xa (như đường số 18, duyên hải) thì có thể còn khó khăn. Về dự kiến kết quả đợt 1, báo cáo viết: Nếu trong đợt đầu (dự kiến từ 24 đến 36 giờ), trên khắp một tuyến từ Móng Cái qua Bắc Bắc sang Vĩnh Phúc - Việt Trì, Đại đoàn 308 (từ Bắc Giang đến Phúc Yên) tiêu diệt được từ 3 đến 5 đại đội, 312 (từ Vĩnh Yên đến Việt Trì) tiêu diệt được từ 2 đến 4 đại đội, các trung đoàn 174 và 98 (tiến công các vị trí ngoại vi Tiên Yên - Móng Cái) tiêu diệt được từ 2 đến 4 đại đội, chưa kể thành tích của chiến tranh du kích, thì chiến quả đã khá.

Báo cáo của Đảng ủy dự kiến các tình huống có thể xảy ra sau đợt 1, trong đó có khả năng địch điều lực lượng lớn để đối phó. Ta sẽ tùy điều kiện, tập trung lực lượng để tiêu diệt một bộ phận quân cơ động của địch.

Ngày hôm sau, 25-12, trong cuộc họp trước ngày nổ súng, Đảng ủy dành nhiều thời gian thảo luận về khả năng diễn biến chiến dịch. Cũng có ý kiến cho rằng Đờlát mới sang, không dám phiêu lưu đánh bậy, đối phó bậy. Ta có khả năng diệt địch. Vấn đề chính là phải nắm vững được tình huống. Bí thư Võ Nguyên Giáp kết luận: Một là, địch có thể co lại, thế nào cũng co lại một số vị trí, ta phải tùy tình hình lúc đó mà tranh thủ giải quyết.

Hai là, địch có thể tăng viện. Nếu ít, ta tranh thủ tiêu diệt. Nếu lớn, tùy theo tình huống, nếu nó vào sâu, ta giành lấy chủ động mà tiêu diệt một bộ phận. Có khi chiến dịch hết khả năng phát triển ở trung du, phải chuyển hướng hoặc sang mặt Đông Bắc, hoặc mặt Liên khu 3, cho nên phải nắm vững tình hình các hướng này và chuẩn bị lương thực để kịp thời sử dụng khi chuyển hướng hoạt động.

Ba là, cũng phải dự kiến tình hình phát triển theo chiều hướng không có lợi.

Sau gần hai tháng dừng chân củng cố trên biên giới, tiếp đó là nửa tháng hành quân từ Cao - Lạng về trung du, cuối tháng 12, hai đại đoàn 308 và 312 đã có mặt ở vị trí tập kết. Mọi công tác chuẩn bị chiến đấu trên hướng chính đã xong.

Theo kế hoạch, hai đại đoàn sẽ bắt đầu đợt 1 chiến dịch vào đêm 26-12. Nhưng sáng 26, Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn báo cáo chừng ba tiểu đoàn địch hình thành hai mũi, tiến vào khu vực tập kết của đại đoàn ở Xuân Trạch[8]. Bộ Chỉ huy chiến dịch coi việc quân địch thoát khỏi công sự tiến vào vùng có bộ đội ta là một cơ hội tốt để tiêu diệt lực lượng lớn của chúng, nên đã chấp thuận cho 312 nổ súng sớm. Tiểu đoàn 16 được lệnh xuất phát đầu tiên. Cuộc chiến đấu diễn ra ngay bên bờ sông Đáy. Chủ trương của Bộ Chỉ huy đại đoàn là giam chân địch ở thung lũng Xuân Trạch để đến đêm tiêu diệt. 7 giờ 30 phút sáng hôm sau, Sở Chỉ huy chiến dịch nhận được báo cáo: Tiểu đoàn 24BMTS bị diệt gọn, Tiểu đoàn dù 10è BPC bị thiệt hại nặng. Ta bắt hơn 200 tù binh, trong đó có Thiếu tá Pisca (Piscard, chỉ huy Tiểu đoàn Bắc Phi vừa bị xoá sổ). Đại đoàn không cho truy kích vì sợ lộ hướng chiến dịch. Không thấy quân ta đuổi, quân địch kéo về thị xã Vĩnh Yên. Với chiến thắng Liễn Sơn - Xuân Trạch, ngày 27-12 trở thành ngày truyền thống, ngày thành lập Đại đoàn 312 - đại đoàn mang tên Chiến thắng.

Tiếp sau Đại đoàn 312, các đơn vị trên các hướng nổ súng theo kế hoạch. Trên hướng trung du, quân ta diệt gọn các vị trí ở Đa Phúc và một số vị trí ở bắc Phúc Yên nhưng hai trận Chợ Thá và Chợ Vàng không dứt điểm trước khi trời sáng, phải dừng lại. Trên hướng phối hợp, quân ta diệt vị trí Bình Liêu và bức rút nhiều vị trí khác, nhưng cũng có đơn vị không thực hiện được kế hoạch đánh viện binh địch và những toán quân địch rút chạy.

Thời gian đợt 1 kéo dài hơn dự kiến. Bộ đội đã thực nghiệm thành công chiến thuật bôn tập, đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra cho đợt 1, tiêu diệt hơn một ngàn tên địch, số đông là Âu - Phi, trong đó có một tiểu đoàn bị diệt gọn. Bộ Chỉ huy nhận thấy cán bộ đã đỡ lo ngại chiến đấu ở trung du, tuy vậy tư tưởng chiến thuật vẫn chưa thật thông suốt, tổ chức chỉ huy còn nhiều thiếu sót; bộ đội tinh thần rất cao nhưng sức khỏe giảm sút. Nhận thấy muốn tập trung lực lượng chiến đấu liên tục, cần phải chuẩn bị đầy đủ hơn, ngày 30-12 Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định kết thúc đợt 1, cho bộ đội nghỉ ngơi và sơ kết trong vòng 10 ngày, đồng thời chuẩn bị gấp đợt 2. Trong mệnh lệnh gửi các đơn vị, Chỉ huy trưởng nhấn mạnh: Trong lúc chuẩn bị, cán bộ và bộ đội cần phải sẵn sàng, khi có thời cơ có thể ra quân ngay.

Trong thư đề ngày 27 gửi về báo cáo Cụ Hồ và Trung ương, sau khi nêu nhận xét những trận đánh đầu tiên, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết: Trước lúc bắt đầu chiến dịch, kiểm điểm lại nhận thấy bộ đội sức khỏe kém (vừa hành quân nửa tháng từ đường số 4 về, trung du đất đỏ, ăn kém), cán bộ lo ngại chiến thuật bôn tập, chiến đấu ở đồng bằng, nhưng không đủ thì giờ để giải quyết tư tưởng triệt để, sâu rộng hơn. Qua mấy trận đầu đánh thắng, khí thế bộ đội tăng, cán bộ đỡ lo ngại, nhưng mặt trận rộng, bộ máy thông tin liên lạc và quân báo kém nên khó nắm tình hình và dễ lỡ cơ hội.

Về dự kiến khả năng phát triển của chiến dịch, trong thư Chỉ huy trưởng báo cáo rằng Đảng ủy đã thống nhất xác định nguyên tắc: biến chuyển có lợi thì đánh, chắc thắng thì đánh, nhận thấy không lợi, đánh không chắc thắng thì không đánh. Nhưng tinh thần Đảng ủy là tích cực tạo điều kiện để tiếp tục đợt 2, phát triển chiến dịch.

Ngay sau khi lui quân, Bộ Chỉ huy chiến dịch đã hội ý, đánh giá sơ bộ tình hình đợt 1 và dự kiến phương hướng đợt 2:

Về địch - Tuy có đề phòng nhưng chúng vẫn bị bất ngờ, đối phó lúng túng. Sau đợt 1 của ta, chúng không đóng lại các vị trí đã mất nhưng tăng cường lực lượng cơ động lên toàn tuyến trung du, đặc biệt là ở Bắc Bắc. Dự kiến trong mấy ngày sắp tới, việc điều động lực lượng của địch sẽ rõ ràng hơn.

Về ta - Bộ đội đã hoàn thành nhiệm vụ trong đợt 1 (tiêu diệt 3 tiểu đoàn), tiến bộ nhiều về chiến thuật, tinh thần phấn khởi nhưng sức khỏe giảm. Về cán bộ, tư tưởng chiến thuật chưa thật thông suốt, tổ chức chỉ huy còn bộc lộ nhiều khuyết điểm. Cần chuẩn bị đầy đủ hơn để bước vào đợt 2.

Về đợt 2, Bộ Chỉ huy dự kiến bắt đầu vào ngày 8-1-1951 (bộ đội được nghỉ và củng cố 10 ngày). *Hướng chính* là Vĩnh Phúc, do Bộ Chỉ huy chiến dịch trực tiếp chỉ huy, lực lượng gồm: 2 đại đoàn 308 và 312 và 2 tiểu đoàn địa phương; *hướng phụ* là Bắc Bắc, do một ban chỉ huy gồm các ông Lê Quảng Ba, Hà Kế Tấn và Chu Huy Mân chỉ huy, lực lượng gồm: 2 trung đoàn 174 và 98, 3 tiểu đoàn địa phương. Khu 3 và các chiến trường toàn quốc phối hợp. Đã ra lệnh điều 174 và 98 từ Đông Bắc về hướng Lục Nam - Bắc Giang.

Trong thư đề ngày 2-1-1951 gửi về báo cáo Chủ tịch và Thường vụ về đợt 1, ông Giáp đánh giá Đại đoàn 308 và Trung đoàn 174 tiến bộ nhiều trong các trận tiêu diệt cứ điểm, Đại đoàn 312 có nhiều ưu điểm trong đánh vận động. Bộ đội rất anh dũng. Sau 12 đêm hành quân, đến nơi tham gia chiến dịch ngay. Trong đợt 1, trên cả hai hướng Vĩnh Yên và Đông Bắc, bộ đội tỏ ra còn rất kém về truy kích địch nên đã bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt 2 tiểu đoàn địch ở Đông Bắc và 1 tiểu đoàn địch ở Vĩnh Yên. Khuyết điểm lớn nhất là vai trò chi bộ không được phát huy và công tác động viên tư tưởng kém nhiều so với Chiến dịch Biên giới; chưa khắc phục được những yếu kém về nắm tình hình địch và cả tình hình ta, nên chỉ huy khó khăn; do nhiều nguyên nhân nên công tác cung cấp không đáp ứng kịp yêu cầu chiến đấu. Dự kiến đợt 2 sẽ tập trung lực lượng chiến đấu liên tục, diệt cứ điểm tương đối lớn và đánh viện lớn. Hướng chính vẫn là Vĩnh Yên - Việt Trì. Đã có kế hoạch sơ kết đợt 1 và chấn chỉnh bộ đội, giải quyết những vấn đề chiến thuật và tổ chức chỉ huy để đánh công kiên và vận động lớn hơn trong đợt 2. Ông Giáp đề nghị ông Trường Chinh điện cho Liên khu 3 phối hợp tác chiến bằng chủ lực tốt hơn trong điều kiện Đại đoàn 304 đang xây dựng nên không tham gia chiến đấu trong chiến dịch này.

Trong báo cáo đọc tại hội nghị sơ kết đợt 1 và phổ biến nhiệm vụ đợt 2 diễn ra trong hai ngày 3 và 4-1-1951, Bộ Chỉ huy đánh giá: Quân ta đã hoàn thành nhiệm vụ trong đợt 1. Trong chiến đấu công kiên, quân ta đã diệt 5 cứ điểm ở trung du, 1 cứ điểm ở Đông Bắc, đánh vận động tiêu diệt 1 tiểu đoàn Bắc Phi và 1 đại đội lính dù ở trung du và đánh lui 4 đại đội lê dương từ Tiên Yên lên tiếp viện cho Bình Liêu, loại khỏi vòng chiến đấu 1.200 tên (4/5 là lính Âu - Phi), thu vũ khí đủ trang bị cho 5 đại đội. Nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích chưa thực hiện được. Bộ Chỉ huy biểu dương những tiến bộ của bộ đội về hành quân, về đánh vận động và nhất là đánh công kiên cả đêm lẫn ngày, đồng thời nêu lên những dẫn chứng về tư tưởng tích cực tiêu diệt địch chưa thật thấu triệt, nắm tình huống không vững, quân báo, thông tin liên lạc còn nhiều yếu kém, chưa thực hiện được việc phối hợp với địa phương, công tác cung cấp có nhiều khuyết điểm.

Bước sang đợt 2, Bộ Chỉ huy nhận thấy quân ta có nhiều điều kiện thuận lợi để giành chiến thắng, nhưng hiện còn nhiều lo ngại về phi pháo của địch khi tác chiến ban ngày ở đồng bằng. Sau khi nhắc lại nhiệm vụ của chiến dịch, Chỉ huy trưởng phân tích những nguyên tắc chỉ đạo tác chiến đợt 2, nhấn mạnh đánh ăn chắc và chuẩn bị đầy đủ; tập trung binh lực; tiêu diệt cứ điểm nhỏ, tiêu diệt viện binh nhỏ, tiến tới trong trường hợp có điều kiện thuận lợi thì tiêu diệt điểm lớn, đánh viện binh lớn; liên tục chiến đấu, chuẩn bị đánh ban ngày. Ông nhấn mạnh yêu cầu chuẩn bị tư tưởng đầy đủ cho bộ đội; nắm vững bộ đội, nắm vững tình huống; phải hết sức kiên quyết, tích cực tiêu diệt sinh lực địch.

Ngày 10-1, tin quân báo cho biết tình hình địch đã thay đổi: các binh đoàn cơ động đã bố trí sẵn sàng ở phụ cận Vĩnh Yên, Phù Lỗ, Lục Nam, Tiên Yên, chúng tăng cường các cứ điểm tuyến thứ nhất cả ở trung du và vùng duyên hải. Bộ Chỉ huy dự kiến: Nếu ta tiêu diệt một vị trí tương đối quan trọng thì địch sẽ tăng viện để giữ đất nên nhấn mạnh nhiệm vụ chính trong đợt 2 là tiêu diệt sinh lực địch, nhắc nhở cán bộ các cấp phải nắm vững các nguyên tắc chỉ đạo tác chiến đã nêu, đặc biệt là trên hướng chính; phải kiên quyết tập trung binh lực hơn, đủ sức tiêu diệt viện binh khá lớn.

Đợt 2 mở màn trên hướng chính bằng trận tiến công Bảo Chúc (đêm 13-1-1951), một vị trí cách thị xã Vĩnh Yên chừng 10 km về hướng tây bắc, trong khi đó 3 trung đoàn triển khai trận địa ở Cẩm Trạch, Thanh Vân, Đạo Tú, sẵn sàng đánh viện từ Vĩnh Yên lên. Bảo Chúc bị tiêu diệt, Vanuyxem dẫn GM3 lên ứng cứu dưới sự yểm trợ của máy bay và pháo binh. Các tiểu đoàn của GM3 lần lượt lọt vào trận địa của các trung đoàn 209, 36 và 88, bị bao vây chia cắt và bị thiệt hại

nặng, phải tháo chạy về Vĩnh Yên. Quân địch ở một loạt vị trí vành ngoài của Vĩnh Yên cũng bỏ đồn rút chạy về thị xã, kể cả vị trí quan trọng như Chợ Vàng mà Trung đoàn 209 đánh hai lần không dứt điểm trong đợt trước.

Trong tình thế quân Pháp rối loạn như vậy[9], vì sao các đại đoàn quân Việt không đánh thẳng vào thị xã Vĩnh Yên? Sau này trong hồi kýcủa mình, Tướng Xalăng cho biết phía Pháp hiểu và giải thích tình huống đó như sau: Khi đã đánh cho GM3 tơi bời nhưng lại để xổng Vanuyxem, các sư đoàn của ông Giáp có thể nhanh chóng chiếm Vĩnh Yên dễ dàng, nhưng họ không làm như vậy mà định dùng Vĩnh Yên để làm mồi nhử, giăng bẫy nhiều kilômét trên đường số 2 để chờ một con mồi quan trọng hơn, con mồi GM1 của Êđông đang từ Hà Nội hành quân lên. Sự thật là ta không kịp điều động lực lượng hành quân bộ trên một địa bàn quá rộng cho nên đã bỏ lỡ thời cơ đánh thẳng vào thị xã, dù đã có ý kiến của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Sau này, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết: "Địch ở thị xã Vĩnh Yên đang rất hoang mang. Nửa đêm tôi gọi điện cho anh Lê Trọng Tấn, rồi anh Vương Thừa Vũ, hỏi có thể điều ngay một trung đoàn tập kích vào Vĩnh Yên không? Nhưng cả hai đại đoàn đều không nắm được các đơn vị đang vận động, xin cho đánh vào đêm 15".

Trong thư khen bộ đội phát đi lúc 7 giờ sáng ngày 15-1, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết:

Các chiến sĩ đã thắng một trận to.

Trong trận công kiên chiến đêm 13 và trận vận động chiến ngày 14-1-1951 ở bắc Vĩnh Yên, các chiến sĩ đã tiêu diệt vị trí Bảo Chúc và binh đoàn ứng chiến số 3 mới bổ sung và chấn chỉnh của địch.

Các chiến sĩ đã thắng to trong trận đánh đầu năm, trận vận động chiến lớn đầu tiên ở đồng bằng. Bộ đội địa phương và dân quân đã tích cực hoạt động để phối hợp với chủ lực.

Hồ Chủ tịch có thư khen các chiến sĩ.

Tôi có lời khen ngợi các chiến sĩ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, kêu gọi tất cả hãy tích cực diệt địch, liên tục chiến đấu, kịp thời khuếch trương thắng lợi, giành cho được lá cờ danh dự của Hồ Chủ tịch.

Sáng hôm sau, 16-1, tại Sở Chỉ huy của ta trên đỉnh Tam Đảo, cơ quan tham mưu chiến dịch tổng hợp tình hình các hướng và báo cáo trong cuộc hội ý của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Trong trận đánh viện từ Phúc Yên lên ngày 15, ta tiêu diệt gần 300 địch nhưng ta cũng bị thương vong nhiều vì bộ đội vận động chậm, bị phi cơ bắn trước lúc xuất kích. Phân tích tình hình chung lúc này, Bộ Chỉ huy nhận thấy địch đã tăng viện rất nhanh, chúng đưa lực lượng mới tăng cường đi chiếm giữ các điểm cao, tạo thành một phòng tuyến liên hoàn bên ngoài thị xã. GM3 và Binh đoàn Bắc Phi GMNA mới lên, đang đánh chiếm các điểm cao 83, 103, 210..., giữa thị xã Vĩnh Yên và Tam Đảo. Chúng sẽ củng cố hệ thống phòng ngự trên các điểm cao mới chiếm đóng. Trong thị xã, địch đã tăng cường cả binh lực và hỏa lực, đã củng cố công sự vững chắc hơn trước. Về phía ta, nhận thấy lúc này điều kiện đánh viện không còn, tiến công thị xã Vĩnh Yên cũng không thuận lợi như trước, nên Bộ Chỉ huy quyết định chuyển hướng hoạt động. Ba trung đoàn 36, 88 và 209 tiến công địch trên khu vực các điểm cao Hữu Thủ, Trung đoàn 141 làm nhiệm vụ chặn viện từ phía bắc về thị xã. Trong chiến dịch trước, bộ đội đã có kinh nghiệm đánh quân địch vừa chiếm lĩnh điểm cao và chưa kịp củng cố công sự phòng ngự.

Từ trưa ngày 16-1, các trận chiến đấu của các trung đoàn diễn ra ác liệt trên vùng núi phía bắc thị xã. Quân cơ động của địch tăng viện từ Vĩnh Yên lên bị đẩy lùi. Đến đêm, quân ta từ nhiều hướng mở đợt tiến công mới lên các điểm cao nhưng đến rạng sáng ngày 17 vẫn không chiếm được mỏm 210 (núi Đanh).

Trận đánh chiều và tối ngày 16 ác liệt khiến hai chục năm sau, Tướng Xalăng còn nhớ và ghi đậm nét trong hai tập hồi ký. Viên tướng này viết rằng trong nhiều đợt phản kích hòng cứu nguy các vị trí giữ vững trận địa bị tiến công, quân Pháp đã bị "diệt gọn từng đơn vị". Quân Việt chia từng phân đội, được hỏa lực súng máy và súng cối yểm trợ, từng bước tiếp cận rồi bất ngờ lao lên vị trí Pháp trên cao điểm, đánh giáp lá cà khiến cho hơn 40 khẩu pháo 105 mm yểm trợ cho quân phòng ngự không sao xác định được chính xác mục tiêu. Trong tình thế khốn quẫn, Đờlát cho dùng đến con bài độc ác cuối cùng mà Maricua đã được lệnh chuẩn bị từ trước. Sẩm tối ngày 16, chừng 100 máy bay King Cobra và máy bay vận tải thả nhiều đợt bom cháy (napalm) xuống các điểm cao 210, 101, 47, khu vực quân ta và quân địch xen kẽ triệt để. Theo Xalăng, đúng là đối phương có bị bất ngờ vì thứ vũ khí lần đầu họ gặp, nhưng ngay cả binh lính của GMNA cũng là nạn nhân của những quả bom xăng đặc thả xuống đội hình chiến đấu của chính họ.

Sau này, phóng viên chiến trường Luyxiêng Bôđa viết về những quả cầu lửa trên các ngọn đồi Vĩnh Yên như sau: "Tôi vừa được chứng kiến lần đầu tiên chất lỏng đốt cháy này ở Đông Dương. Vậy là Đờlát đã dám dùng đến nó. Chỉ vài tuần lễ trước người Pháp kinh hoàng khi nói đến sản phẩm tạo nên nỗi đau chết người này. Nhưng Đờlát không hề xấu hổ, khuyến khích các nhà báo đề cao sự hủy diệt hàng loạt của chất hỏa công thế kỷ XX. Ông ta trắng trợn nói: Dư luận phải biết cuộc chiến tranh Đông Dương là cuộc chiến tranh thực sự, phải thắng bằng mọi biện pháp.

Cùng với bom cháy, quân Pháp xả đạn liên thanh, dội bom, bắn pháo. Tuy vậy, quân Việt tập trung lại ở những góc khó bắt lửa, họ đào hầm, chui vào lòng đất, hết đợt bom lại xông lên tiếp tục chống trả. Họ dũng cảm phi thường. Những người bị cháy lăn trên mặt đất, dập tắt lửa rồi trở lại vị trí chiến đấu, tiếp tục bám trụ dùng súng máy hạng nặng bắn lên máy bay đang thả bom - ba chiếc bị trúng đạn. Mặt đất hai bên đường số 2 bị cháy sém khắp nơi. Những tưởng quân Việt không thể ở đấy được nữa, nhưng họ vẫn còn... Trong khi đó, về phía Pháp, dù tăng viện bao nhiêu vẫn thấy không đủ.

Về phần mình, sau này Tướng Xalăng cũng cho người đọc biết ông ta suy nghĩ như thế nào về đối phương. Khác với Đờlát, Xalăng có "thâm niên" hơn về Đông Dương, nhất là có kinh nghiệm cọ sát với đối phương từ những ngày đầu chiến tranh, đặc biệt là trong thu đông năm 1947. Qua trận Vĩnh Yên này, Xalăng thấy đối phương đã "có thể dùng một lực lượng lớn tới 24 tiểu đoàn quân chính quy, trang bị súng cối, badôka, pháo 75 mm để tiến hành một trận đánh thực thụ, mặt đối mặt". Ông ta viết: Quân đội Việt Minh đại diện cho một sức mạnh mà chúng ta phải xem trọng. Tất cả các chiến binh của họ được giáo dục để đạt tới một tinh thần chiến đấu kỳ lạ. Điều đó đã gây một ấn tượng sâu sắc và ảnh hưởng lớn đến tinh thần lính Bắc Phi, tức là chừng một nửa lực lượng viễn chinh tham chiến ở Vĩnh Yên. Chính tướng quân (chỉ Đờlát) cũng bị kích động bởi nhiệt tình chiến đấu, lối đánh thông minh và ác hiểm của người chiến binh Việt Minh trong cuộc tiến công cả ban ngày và ban đêm.

Rạng sáng ngày 17-1, nhận thấy yếu tố bất ngờ không còn, lực lượng địch có thể vơ vét trên toàn chiến trường Đông Dương đã được huy động để đối phó với 5 trung đoàn của ta trên hướng trung

du, bộ đội ta đã trải qua 22 ngày đêm chiến đấu liên tục, kéo dài các trận đánh sẽ gặp khó khăn, Bộ Chỉ huy quyết định kết thúc chiến dịch.

Do nhiều thành viên trong Đảng ủy Mặt trận và một số cán bộ các đơn vị sắp đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II cho nên ngày 23-1, Bộ Chỉ huy quyết định triệu tập hội nghị tổng kết sớm để các đơn vị kịp triển khai xuống cơ sở trước khi bước vào nhiệm vụ mới.

Sau khi nêu lên những thành công trong đánh công kiên và đánh vận động trên chiến trường trung du và đồng bằng, những kinh nghiệm lớn về chỉ đạo chỉ huy, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chỉ ra phương hướng, nội dung và biện pháp triển khai công tác tổng kết, chấn chỉnh và giáo dục bộ đội để sau chừng 40 ngày, bộ đội sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới.

Trong thư đề ngày 20-1-1951 báo cáo Cụ Hồ và Thường vụ, ông Giáp nói về các trận Bảo Chúc, đánh viện diệt 2 tiểu đoàn của GM3, trận vây Vĩnh Yên để đánh viện từ Phúc Yên lên và các trận đánh trên các điểm cao 50, 47, 101, 210 (riêng 210 - núi Đanh - không tiêu diệt được). Chiến tranh du kích ở vùng Vĩnh Tường phát triển. Hướng Bắc Giang, Lục Nam, Phả Lại, 174 tác chiến ít kết quả. Hướng Sơn Tây ngày 16 mới hoạt động, kết quả khá, đang khuếch trương thắng lợi. Sáng 20 đã họp hội nghị cán bộ (tới cấp trung đoàn). ý kiến chung nhất trí kết thúc chiến dịch là đúng vì đã thực hiện được mục đích chính là tiêu diệt sinh lực địch, các mục đích khác mới đạt một phần nhỏ. Nếu kéo dài, cơ hội tiêu diệt địch cũng hạn chế. Bộ đội tinh thần vẫn cao nhưng thương vong tới khoảng 2.000[10] nên cũng cần nghỉ ngơi, bổ sung, chấn chỉnh. Thư viết: Có một điều khá quan trọng là nhân dân và một số cán bộ đều mong mỏi Vĩnh Yên hoặc Việt Trì được giải phóng mới nhận thấy kết quả cụ thể của chiến dịch. Trong kế hoạch, chúng tôi rất chú trọng việc giải phóng đất đai nhưng đặt vấn đề đó sau vấn đề tiêu diệt sinh lực địch và nhận định rằng trong điều kiện hiện tại chưa thể làm được, cho nên đã có kế hoạch giải thích cho cán bộ và nhân dân.

Đối chiếu với ba nhiệm vụ Thường vụ Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho bộ đội, trong thư ngày 24-1, Bộ Chỉ huy đánh giá: Về nhiệm vụ mở rộng khu lương thực và phát động du kích chiến tranh thì chiến dịch mới làm được một phần. Nhưng về nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch thì chúng ta đã thắng lợi to[11]. Trong 6 tiểu đoàn địch bị ta tiêu diệt thì 3 tiểu đoàn là những đơn vị của các trung đoàn ứng chiến tinh nhuệ... Trên chiến trường Bắc Bộ, hiện nay địch có 7 trung đoàn ứng chiến, mỗi trung đoàn có từ 2 đến 3 tiểu đoàn. Như vậy, tức là trong trận trung du, địch đã bị thiệt quân số của một trung đoàn trong 7 trung đoàn.

Lần này là lần đầu tiên chúng ta diệt luôn 10 vị trí trên dưới 1 đại đội trong một chiến dịch đồng bằng. Từ trước tới giờ diệt 1 cứ điểm 1 đại đội ở đồng bằng đối với sức chiến đấu của quân ta là một việc ít có. Lần này là lần đầu tiên, trong một chiến dịch, quân ta tiêu diệt hơn 3 tiểu đoàn địch bằng vận động chiến. Chiến dịch Trung du đã đánh dấu một bước tiến rất lớn của quân ta.

Trong khi nhận định kết quả của chiến dịch, có một số đồng chí chưa được thỏa mãn, vì thị xã Vĩnh Yên chưa giải phóng, vì địch ở Vĩnh Yên chưa bị tiêu diệt. Chúng ta hiểu rằng nếu giải phóng được Vĩnh Yên thì nhất định ảnh hưởng sẽ lớn về mọi phương diện. Nhưng giải phóng Vĩnh Yên không thể coi là một mục đích chính của chiến dịch. Mục đích chính của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch. Nếu chúng ta không tiêu diệt nhiều sinh lực của địch thì dù có giải phóng được Vĩnh Yên, địch cũng sẽ có thể chiếm trở lại.

Về hướng chiến dịch sắp tới, trong thư đề ngày 24-1-1951 báo cáo Cụ Hồ và Thường vụ, ông Giáp đề nghị triệu tập cuộc họp Thường vụ Trung ương vào ngày 3-2-1951 để quyết định. Ông

nhắc lại ý kiến trước đây của Trung ương rằng sau trung du, sẽ chuyển bộ đội xuống mở chiến dịch ở Liên khu 3, nhưng giờ đây khi chiến dịch trung du kết thúc, có ý kiến đề nghị sắp tới nên mở chiến dịch trên hướng Lục Nam, Phủ Lạng Thương. Nếu Thường vụ quyết định hướng thứ hai này thì sẽ phải chuẩn bị cho Đại đoàn 304 chuyển lên trên này tác chiến.

Ông báo cáo với Cụ Hồ rằng sẽ ở lại Sở Chỉ huy chiến dịch để chuẩn bị cho xong báo cáo quân sự trước đại hội và ngày 30-1 sẽ từ tiền tuyến đi thẳng đến địa điểm đại hội ở Vinh Quang - Chiêm Hoá - Tuyên Quang. Cuối thư, ông Giáp viết: Lần này đã học tập được rất nhiều ở mặt trận. Nhiều kinh nghiệm mới, đã hiểu được địch rõ hơn trước, rất tin tưởng chiến dịch sau có thể thắng to.

Những điểm mới đó là gì? Sau này, nhớ lại, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết: Lần đầu, bộ đội ta trực tiếp đọ sức với nhiều binh đoàn cơ động Pháp trong những trận đánh mặt đối mặt, cả ban ngày và ban đêm, trên địa hình đồi núi thấp và đồng bằng. Pháp đã sử dụng những lực lượng tinh nhuệ nhất, phát huy tối đa sức mạnh các loại vũ khí do Mỹ viện trợ.

Đây là trận đánh vận động lớn thứ hai của quân đội ta. Nếu như trong trận thứ nhất trên chiến trường rừng núi biên giới, bộ đội ta đã chứng tỏ tính ưu việt của mình, thì trong trận thứ hai này ở vùng đồi núi thấp không có địa hình hiểm trở, không có cây cối che phủ, bên cạnh những ưu điểm được phát huy, đã bộc lộ những nhược điểm khá rõ.

Cơ động nhanh là một yêu cầu không thể thiếu trong đánh vận động. Trong cuộc chạy đua giữa rừng núi Cao - Bắc - Lạng, ta thường tới đích trước quân địch một vài giờ và đặt chúng vào tình thế bị động. ở trung du tình hình đã diễn ra ngược lại. Với máy bay và xe cơ giới, quân địch thường di chuyển nhanh hơn ta. Tình hình địch biến động cực kỳ mau lẹ. Hướng đông bắc khi ta bắt đầu nổ súng địch hoàn toàn sơ hở, chỉ một thời gian ngắn chúng đã có thêm hai binh đoàn cơ động. Thị xã Vĩnh Yên đêm hôm trước, Binh đoàn cơ động số 3 chỉ còn lại dăm trăm lính Âu - Phi kiệt sức và tuyệt vọng, đêm sau đã trở thành một vị trí đầy ắp quân lính.

Trong đánh vận động, lượng tiêu thụ đạn dược rất cao. Một khẩu súng tối tân nhất cũng trở thành vô dụng khi không còn đạn! Toàn bộ công việc tiếp tế đạn của ta đều dựa trên đôi chân và đôi vai của những anh, chị dân công!

Chúng ta thiếu nhiều vũ khí cần cho đánh vận động. Ta không đủ vũ khí nặng để chế áp những trận địa pháo của địch. Ta hoàn toàn không có vũ khí phòng không. Do đó, những mũi tiến công và đội hình xung phong của ta trở thành mục tiêu của máy bay cường kích và của những khẩu pháo được máy bay trinh sát chỉ điểm, hiệu chỉnh mục tiêu.

Các chiến sĩ ta đã đánh tơi tả Binh đoàn cơ động số 3 ở Liễn Sơn, Xuân Trạch, ở Thanh Vân, Đạo Túi, bẻ gãy những mũi tiến công của Binh đoàn số 1 có máy bay yểm trợ trên đường Phúc Yên - Vĩnh Yên và đẩy quân địch vào thế phải chống trả suốt một ngày, nhưng họ không thể đối phó được với bom napalm và những loạt đạn pháo rơi trúng đội hình trong những đợt xung phong.

Chúng ta chưa có khả năng khắc phục những nhược điểm này.

26- Trên diễn đàn đại hội Đảng

Sau khi được tin Đại hội toàn quốc của Đảng trung tuần tháng 2 mới họp, từ Mặt trận Trung du ông Giáp trở về căn cứ để kịp dự cuộc họp của Hội đồng Chính phủ. Tuần trước, trong thư gửi

về báo cáo Cụ Hồ và Thường vụ, ông nói đã chuẩn bị gần xong dàn bài bản báo cáo quân sự được phân công đọc trước đại hội, nhưng rồi tiếng súng Bình Liêu và Lập Thạch nổ sớm một ngày nên đành phải gác lại, dành thời gian theo dõi diễn biến chiến đấu. Mấy ngày sau có thư Cụ Hồ trả lời: "Cứ chuyên tâm đánh giặc, báo cáo ở đại hội chỉ cần có dàn bài là được, sẽ bổ sung chi tiết sau". Giờ đây, chiến dịch đã kết thúc, bản báo cáo vẫn chưa xong. Trong thâm tâm, ông không có ý định dừng lại ở dàn bài mà cố dành thời gian làm một bản báo cáo hoàn chỉnh.

21 năm mới có lần đại hội này. Khi Đảng tiến hành Đại hội lần thứ I, đất nước còn đang chìm đắm trong những năm dài nô lệ, người dân không một tấc sắt để tự vệ. Giờ đây, dưới dự lãnh đạo của Đảng, một quân đội ngày càng lớn mạnh đang làm sứ mệnh Đảng giao cho là cùng toàn dân đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước. Ra đời 7 năm trước, quân đội đã bước vào cuộc kháng chiến được gần 6 năm. Biết bao nhiêu vấn đề về đường lối đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang trong thời chiến cần được trí tuệ tập thể đại hội đóng góp để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Thời gian rất khẩn trương để hoàn tất bản báo cáo quân sự vì cuộc họp của Hội đồng Chính phủ đúng vào dịp Tết cũng là những ngày diễn ra hội nghị tổng kết Chiến dịch Trung du và chuẩn bị chiến trường cho chiến dịch tiếp theo.

Thấy trước thời gian rất hẹp, trong Hội nghị mở rộng ngày 24-1-1951, Đảng ủy Mặt trận Trung du đã phổ biến kế hoạch tổng kết và chỉnh đốn bộ đội sau chiến dịch. Thời gian tổng kết ở các cấp là một tuần, từ ngày 26-1 đến ngày 1-2, lấy đơn vị chủ yếu là cấp trung đoàn, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các đại đoàn ủy. Sau đó dành hai tuần cho việc bình công, khen thưởng và chỉnh đốn bộ đội và tiếp theo là hai tuần học tập thêm về chiến kỹ thuật (từ ngày 16-2 đến ngày 1-3-1951). Việc học tập cũng lấy trung đoàn làm đơn vị tổ chức, nội dung chủ yếu là những vấn đề đã rút ra từ Chiến dịch Trung du, cả về chuẩn bị và thực hành tác chiến công kiên và vận động. Đối tượng cần quan tâm giúp đỡ là cán bộ mới đề bạt và tân binh mới bổ sung.

Trong lúc ông Giáp bị thu hút vào hàng loạt công việc khẩn trương khi chiến dịch vừa kết thúc thì rất đông đại biểu các cơ quan Trung ương và một số địa phương đã có mặt ở địa điểm đại hội và từ ngày 31-1, hội nghị trù bị đã bắt đầu thảo luận dự thảo *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*. Nghe nói các buổi thảo luận về tên Đảng, nhất là thảo luận vấn đề ba giai đoạn chiến lược cách mạng diễn ra rất gay go từ ngày 31-1 đến ngày 3-2 nên phải tổ chức một tiểu ban thảo luận riêng để thống nhất ý kiến đưa ra đại hội. Đang họp trù bị thì một số đại biểu phải rời địa điểm đại hội đi họp Hội đồng Chính phủ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp cố thu xếp để có mặt trong phiên họp của Hội đồng Chính phủ đúng vào sáng mồng 1 Tết. Khi ông tới nơi họp thì trời đã tối. Bữa cơm tất niên được Bộ trưởng Tài chính Lê Văn Hiến tả lại là "một bữa tiệc nhỏ có vẻ Tết". Có nhiều rượu chiến lợi phẩm quân đội gửi tặng. Đây là lần thứ hai các thành viên Chính phủ ăn Tết chung. Lần trước, Xuân đầu tiên sau kháng chiến toàn quốc (Xuân Đinh Hợi), Chính phủ dừng chân ăn Tết tại Quốc Oai, trong vòng cung đánh rộng ra của địch. Trong *Nhật ký,* ông Lê Văn Hiến nhớ lại "một cái Tết lao đao quá vì cuộc tiến công của địch". Tết này khác rồi. Sau này Lê Văn Hiến nhớ lại một chuyện vui sáng mồng 1 Tết Tân Mão: "Vừa sáng, Hồ Chủ tịch đã dậy và đến phòng các vị Bộ trưởng, Thứ trưởng, bắt tay và chúc Tết từng người một... Một vài vị ngủ trưa bị Cụ "đột kích" chồm dậy mắt nhắm mắt mở nhảy xuống bắt tay Cụ và bập bẹ một câu nửa mê nửa tỉnh làm ai nấy cười rộ".

ăn sáng xong, trước khi Hội đồng Chính phủ bắt đầu phiên họp đầu Xuân, sau khi Cụ Phạm Bá Trực và Cụ Phan Kế Toại chúc Tết Cụ Hồ và Chính phủ, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp thay mặt quân đội chúc Tết và cám ơn Hồ Chủ tịch, cám ơn Quốc hội và Chính phủ đã hết lòng chăm sóc bộ đội, và hứa hẹn sang năm mới, toàn quân sẽ cố gắng giành thêm những thắng lợi mới trên chiến trường toàn quốc. Cụ Hồ cám ơn và chúc Tết mọi người rồi cho mang vào một mâm cam và biếu mỗi vị một quả với câu "khổ tận cam lai". Cụ dặn các vị có gia đình thì đem về làm quà. Cụ gửi một số lụa đẹp cho các cháu các vị từ dưới 5 tuổi. Không khí đầm ấm gia đình.

Cuộc họp của Hội đồng Chính phủ bắt đầu bằng báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình hình thế giới, tiếp đến là báo cáo của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp về Chiến dịch Trung du. Sau đó Hội đồng Chính phủ bàn và quyết định một số công việc trước mắt. Tối mồng 1 Tết, vui lửa trại. Ông Hiến kể lại: Rất nhiều thơ và đối chúc mừng Hồ Chủ tịch. Cụ bắt mỗi người đều phải có một trò, hoặc làm thơ, hoặc nói chuyện, hoặc hát. Cụ bắt đầu trước rồi đến các vị khác, theo thứ tự ABC.

Có vị bộ trưởng không có "tiết mục tự biên tự diễn", đành xin phép được ngâm bài thơ *Xuân Tân Mão* của Cụ Hồ[12], được mọi người tán thưởng và coi là một sáng kiến vừa khôn ngoan vừa độc đáo.

Tối ngày 8-2-1951 (mồng 3 Tết) các đại biểu đã tề tựu ở địa điểm đại hội. Hôm sau, trở lại cuộc họp trù bị, vẫn còn có ý kiến thắc mắc về Đảng Lao động là đảng của ai, của giai cấp công nhân hay của nhân dân lao động. Vấn đề đã được giải quyết trong hội nghị toàn quốc (đầu năm 1950) nay lại có người đưa ra.

Sắp đến ngày Đại hội Đảng khai mạc, nên ngày 9 ông Giáp cố tranh thủ thời gian trao đổi với các đại biểu quân sự các đơn vị và địa phương về dự đại hội để nắm thêm tình hình của các liên khu, các chiến trường, nhằm hoàn tất bản báo cáo trước khi trình bày ở Đại hội.

Sáng 11 Đại hội khai mạc.

Công tác quân sự lúc này khẩn trương tới mức một số đại biểu quân sự phải rời Đại hội ngay đêm đó sau khi nghe *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại hội Đảng họp được ba ngày thì tối 13-2, Thường vụ triệu tập Hội nghị quân sự đặc biệt để nghe ông Giáp báo cáo tình hình địch, ta và bàn chủ trương tác chiến sắp tới. Cụ Hồ và ông Trường Chinh trực tiếp chỉ đạo cuộc họp. Ông Lê Văn Hiến kể lại: Sau báo cáo của Bí thư Quân ủy Võ Nguyên Giáp và ý kiến phát biểu bổ sung của các khu, các chiến trường từ Bắc vào Nam, Hồ Chủ tịch so sánh công việc kháng chiến của ta và nhất là bộ đội ta như một hài nhi thần đồng từ chỗ đương nằm trong nôi, đột nhiên to lớn, phơi bày ra tình trạng thiếu áo, thiếu quần, thiếu ăn, thiếu các nhu cầu khác. Những khó khăn này lớn thật nhưng chỉ là khó khăn vì trưởng thành. Chú thần đồng sẽ có khả năng hoạt động và có rất nhiều triển vọng, tiền đồ rực rỡ.

Chiều ngày 14-2, ông Võ Nguyên Giáp đọc bản báo cáo quân sự trước đại hội. Ông đã cố tranh thủ thời gian gấp rút hoàn chỉnh bản báo cáo trên 30 trang, nhan đề *Xây dựng quân đội nhân dân, hoàn thành chiến tranh giải phóng*.

Là người được Đảng giao nhiệm vụ điều hành quân đội, sau Cách mạng Tháng Tám, ông Giáp đã từng có hai công trình tổng kết quan trọng là *Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc* và *Đội quân giải phóng*. Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng họp giữa lúc cuộc kháng chiến đang trên đà phát triển, quân đội đã từ đánh nhỏ chuyển sang đánh lớn, yêu cầu về sức người, sức của cho

chiến trường ngày càng cao, sự lãnh đạo của Đảng đối với kháng chiến cần được tập trung, tăng cường. Báo cáo về công tác quân sự trước Đại hội là một dịp để toàn Đảng tập trung trí tuệ góp phần vào việc lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện đi đến thắng lợi.

Mở đầu bản báo cáo, ông Giáp nói:

"Cuộc đại biểu đại hội này là cuộc đại hội đầu tiên của Đảng, không những từ khi Đảng lãnh đạo quân đội và nhân dân kháng chiến, mà từ khi Đảng mới có quân đội, từ khi Đảng bắt đầu đưa nhân dân đứng dậy đấu tranh vũ trang.

Đường lối chính trị của Đảng quyết định đường lối đấu tranh vũ trang.

Mục đích chính trị của cách mạng quyết định nhiệm vụ của đấu tranh vũ trang.

Bản báo cáo quân sự này sẽ trình bày và kiểm điểm trước đại hội con đường đấu tranh vũ trang của Đảng ta - chỉ nêu những điểm chính và chú trọng cuộc chiến tranh giải phóng hiện nay - đồng thời căn cứ vào nhiệm vụ chính trị cơ bản mà đặt phương châm đấu tranh vũ trang, đặt nhiệm vụ xây dựng quân đội"[13].

Báo cáo quân sự tại Đại hội Đảng gồm năm phần:

1- Vũ trang tranh đấu trường kỳ là con đường độc lập và dân chủ.

2- Nắm vững phương châm chiến lược.

3- Xây dựng một Quân đội nhân dân hùng mạnh.

4- Tích cực giúp đỡ cuộc chiến tranh giải phóng Miên, Lào.

5- Kiện toàn sự lãnh đạo chiến tranh của Đảng, giành lấy thắng lợi hoàn toàn.

Trong phần thứ nhất, sau khi điểm lại quá trình Đảng lãnh đạo dân tộc tiến lên đấu tranh vũ trang, ông Giáp nói: "Nhìn lại quá trình cuộc vận động cách mạng trong 10 năm vừa qua, Đảng ta đã nắm vững phương châm vũ trang tranh đấu. Từ chỗ chưa có quân đội, Đảng ta đã xây dựng quân đội và đi tới một quân đội ngày càng mạnh; cuộc vũ trang tranh đấu từ các khu du kích lẻ tẻ lúc đầu đã tiến triển thành một cuộc kháng chiến của toàn dân... Đảng ta là Đảng Cộng sản đầu tiên đã lãnh đạo cuộc vũ trang tranh đấu trong một nước thực dân nhược tiểu và đã đưa cuộc tranh đấu ấy đến những thắng lợi lớn lao"[14].

Sau khi nêu *sáu đặc điểm* của cuộc chiến tranh giải phóng hiện nay[15], bản báo cáo phân tích cuộc chiến tranh giải phóng hiện nay là một cuộc chiến tranh nhân dân, trường kỳ và nhất định thắng lợi.

"Cuộc chiến tranh giải phóng đã được 6 năm.

Quân đội chính quy của ta đã gấp bốn lần về số lượng, đã tiến rất nhiều về chất lượng. Các bộ đội địa phương ngày nay đã thành một lực lượng mạnh hơn Vệ quốc quân lúc mới kháng chiến. Đó là về lực lượng vũ trang. Còn nhân dân thì đã được rèn luyện, giác ngộ thêm, đoàn kết càng chặt chẽ, tin tưởng càng mãnh liệt, uy tín của chính quyền nhân dân, của Đảng và của Hồ Chủ tịch ngày càng tăng thêm.

Sáu năm kháng chiến đã chứng tỏ: đường lối trường kỳ kháng chiến của Đảng là đúng; đã chứng tỏ: mặc dầu đất hẹp, của ít, kinh tế lạc hậu, nhờ ở những điều kiện mới trong nước và ngoài nước, nhân dân Việt Nam không những có thể đeo đuổi cuộc kháng chiến lâu dài mà lại càng đánh càng mạnh, và nắm chắc phần thắng lợi"[16].

Trong phần thứ hai, ông Giáp lược qua ba giai đoạn chiến lược của cuộc kháng chiến làm cơ sở để phân tích ưu, khuyết điểm của chỉ đạo trong giai đoạn đầu (9-1945 - 12-1947), những tiến bộ trong giai đoạn hai (1948 - 1950). Ông nhấn mạnh năm 1948 là năm thành công của chiến tranh du kích, là năm chúng ta biến hậu phương địch thành tiền phương của ta, khôi phục được nhiều cơ sở, gây dựng được nhiều căn cứ địa trong lòng địch như ở Tây Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, ở Bình - Trị - Thiên, ở Tây Nguyên. Hai năm 1949 - 1950 là những năm thứ hai và thứ ba của giai đoạn mới, những năm cục diện chiến tranh của Việt Nam bắt đầu chịu ảnh hưởng lớn của tình hình quốc tế. Sự chỉ đạo chiến lược đề ra nhiệm vụ tích cực chuẩn bị tổng phản công; việc xây dựng lực lượng theo khẩu hiệu "chủ lực tinh nhuệ, hậu bị hùng hậu" đã thu được nhiều thành tích, sự tiến bộ của vận động chiến cũng diễn ra bằng những chiến dịch thắng lợi trên mặt trận Đông Bắc, Tây Bắc, Hoà Bình, Bình - Trị - Thiên, Liên khu 5, Nam Bộ. Sau khi nêu lên những khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công[17], nhận xét bước tiến bộ vượt bực của bộ đội trong hai chiến dịch Biên giới và Trung du vừa qua, bản báo cáo nhấn mạnh tầm quan trọng của vận động chiến trên chiến trường Bắc Bộ, du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trên các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ.

"Chúng ta cần nhận định rõ sự cố gắng của địch để tránh chủ quan, những nhược điểm của địch để triệt để lợi dụng. Để thực hiện ưu thế quân sự, để chuyển sang tổng phản công, chúng ta phải kể đến những điều kiện tiến bộ mới của ta, đến khả năng tiến bộ khá nhanh của ta, nhưng đồng thời cũng phải kể đến những điều kiện cố gắng mới của địch cũng như chúng ta không quên những khó khăn mới của địch"[18].

Tiếp đó bản báo cáo kiểm điểm vấn đề nắm phương châm và áp dụng phương châm cho thích hợp với điều kiện thực tế của chiến trường; vấn đề sửa chữa khuyết điểm đánh tiêu hao, nắm vững phương châm đánh tiêu diệt; vấn đề xây dựng căn cứ địa - một vấn đề quan trọng ngang hàng với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, không thể tách rời với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang.

Trong phần thứ ba*: Xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh*, sau khi định nghĩa thế nào là quân đội nhân dân, phân tích ba đặc điểm của Quân đội nhân dân Việt Nam[19], điểm lại ba thời kỳ trong quá trình xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam[20], ông Giáp nói: "Trải qua 10 năm kể từ khởi nghĩa Bắc Sơn, 6 năm kể từ khi Đội Tuyên truyền Giải phóng quân thành lập, Quân đội Việt Nam đã từ chỗ chưa có gì, đã từ một trung đội phát triển thành một quân đội lớn mạnh.

Quân đội ấy là một quân đội trẻ tuổi, có tất cả những ưu và khuyết điểm của một quân đội trẻ, như khả năng tiến bộ rất nhanh, đồng thời kinh nghiệm thiếu, cán bộ non. Quân đội ấy là một quân đội trưởng thành trong một cuộc chiến đấu không ngừng, trong điều kiện địch rất mạnh ta rất yếu, do đó có truyền thống anh dũng và khắc khổ. Quân đội ấy nảy nở và trưởng thành trong cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, do đó đã cấu kết với dân thành một khối, có kỷ luật chính trị đối với dân, kính trọng dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân, không quấy nhiễu dân, không dọa nạt dân, không lấy của dân", có nhiệm vụ cách mạng nêu rõ trong "Mười lời thề danh dự"[21].

Sau khi phân tích: để hoàn thành chiến tranh giải phóng, quân đội chính quy đóng một vai trò quyết định, ông Giáp đề ra những nội dung xây dựng quân đội chính quy trên các mặt tổ chức, huấn luyện, trang bị, cấp dưỡng.

"Từ khi Trung ương đề ra nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công và chuyển mạnh sang tổng phản công, thì công cuộc xây dựng quân đội chính quy trở nên một công cuộc rất lớn lao. Chúng ta không những phải chấn chỉnh huấn luyện mà lại phải chuẩn bị bổ sung, khuếch trương quân đội chính quy; không những phải tổ chức các đơn vị bộ binh, mà lại phải tổ chức các binh chủng chuyên môn: công binh, pháo binh, phải chuẩn bị tiến tới đặt cơ sở cho bộ đội cơ giới, không quân, thủy quân; không những phải giải quyết các vấn đề biên chế trang bị mà lại phải quy định các chế độ, thể lệ trong quân đội. Nhiệm vụ xây dựng cần tiến hành dưới tổng khẩu hiệu "chính quy hoá quân đội", chính quy hoá về nội dung, tránh bệnh hình thức và quan liêu có hại không có lợi"[22].

Về nhiệm vụ củng cố bộ đội địa phương và phát triển dân quân, sau khi nhắc lại vị trí chiến lược của các lực lượng vũ trang địa phương, kiểm điểm quá trình chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vừa qua, bản báo cáo dự kiến: "Trong giai đoạn sắp tới, nhiệm vụ của bộ đội địa phương rất nặng nề vì bộ đội địa phương có tác dụng một lực lượng hậu bị đối với quân chính quy... Sự chỉ đạo bộ đội địa phương cần được chú trọng hơn trước nhất là vì rồi đây, quân đội chính quy phát triển, vấn đề bộ đội địa phương rất dễ bị coi nhẹ.

... Cuộc kháng chiến của chúng ta càng tiến gần đến thắng lợi thì các cuộc càn quét tàn sát của địch trong vùng tạm chiếm lại càng dữ dội, nhất là trong vùng phụ cận các đô thị, hoặc các vùng chiến lược quan trọng, dọc đường giao thông quan trọng. Công tác hậu phương của dân quân cũng sẽ nặng nề nhiều hơn: không những trừ gian, phòng gian mà lại phải lo tiếp tế vận tải, giao thông, tải thương cho mặt trận, cho các chiến dịch lớn. Nhu cầu bổ sung cho chủ lực và bộ đội địa phương cũng lớn lên rất nhanh"[23].

Để xây dựng quân đội về mặt chính trị, bản báo cáo khẳng định công tác chính trị là công tác vận động cách mạng của Đảng đối với quần chúng chiến sĩ trong quân đội, đem mục đích và tính chất của chiến tranh, đem đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ mà giáo dục cho quân đội, đề cao trình độ giác ngộ, rèn luyện tinh thần chiến đấu cho quân đội, củng cố sự đoàn kết đối nội và đối ngoại của quân đội, bảo đảm cho quân đội thực hiện được mục đích chính trị của cuộc chiến tranh.

Công tác chính trị là công tác của Đảng và cần lấy tổ chức của Đảng làm cơ sở. Cơ sở của Đảng không kiện toàn thì công tác chính trị không thể phát huy hiệu lực của mình. Trong mấy năm nay, chúng ta mắc một sai lầm lớn là tách rời công tác Đảng và công tác chính trị. Sai lầm đó từ năm 1949 đã được sửa chữa, nhưng mãi cho đến nay vấn đề xây dựng Đảng chưa được đặt lên hàng đầu trong công cuộc xây dựng quân đội. Sở dĩ có khuyết điểm đó là vì chúng ta chưa quan niệm rõ rệt quân đội là công cụ của Đảng để tiến hành đấu tranh vũ trang, chưa quan niệm rõ rệt Đảng phải lãnh đạo quân đội như thế nào.

Vấn đề cán bộ là vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng Quân đội nhân dân, đặc biệt là trong lúc chuyển sang tổng phản công và suốt trong giai đoạn tổng phản công trong khi quân đội cần phải khuếch trương nhanh chóng và nhanh chóng tiến tới chính quy.

Chúng ta cần cán bộ cho các binh đoàn chủ lực nghĩa là cán bộ của vận động chiến, có thể nắm vững những binh đoàn lớn, có thể sử dụng những binh chủng chuyên môn, có thể hiểu địch hiểu

mình, có thể chỉ huy linh động và có kế hoạch, có thể tiến tới thông thạo chiến thuật của chiến tranh hiện đại. Chúng ta cần cán bộ cho bộ đội địa phương nghĩa là cán bộ thông thạo đánh du kích nhưng cũng là cán bộ một ngày kia có thể trở nên cán bộ của chủ lực.

Sau khi kiểm điểm những ưu, khuyết điểm trong chính sách cán bộ, bản báo cáo viết: "Nói tóm lại, chính sách cán bộ cần nhằm mục đích đào tạo ra những cán bộ giỏi chiến lược chiến thuật, tinh thông quân sự, đồng thời trung thành triệt để với lợi ích của nhân dân, của cách mạng, tiến kịp với nhiệm vụ, với nhu cầu của một Quân đội nhân dân ngày càng chính quy hoá, để lãnh đạo quân đội nhân dân ngày càng chính quy hoá, để lãnh đạo Quân đội hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc do Đảng đề ra"[24].

Trong phần thứ tư: *Tích cực giúp đỡ cuộc chiến tranh giải phóng Miên, Lào* - ông Giáp đưa ra những dẫn chứng lịch sử 6 năm qua để nói rõ quan điểm Đông Dương là một chiến trường không thể phân chia, đồng thời phân tích những đặc điểm của chiến tranh giải phóng Miên, Lào làm căn cứ để đặt phương châm hoạt động, khắc phục những thiếu sót về xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, đào tạo cán bộ, vận dụng phương châm chiến lược "du kích chiến là chính, tạo điều kiện tiến tới vận động chiến". Cuối cùng bản báo cáo viết: "Giúp đỡ chiến tranh giải phóng Miên, Lào là một nhiệm vụ của chúng ta và chúng ta phải tích cực làm để thực hiện lời Hồ Chủ tịch đã chỉ thị (trong Báo cáo chính trị) là: "Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cũng kháng chiến. Bọn thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là kẻ thù của ta và của dân tộc Miên, Lào. Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào"[25].

Mở đầu phần thứ năm*: Kiện toàn sự lãnh đạo chiến tranh của Đảng, giành lấy thắng lợi hoàn toàn,* sau khi nhắc lại lời Cụ Hồ trong Báo cáo chính trị, nói rằng: "Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là đưa kháng chiến đến thắng lợi. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó"[26], ông Giáp nhấn mạnh: Lãnh đạo chiến tranh phải là công tác trọng tâm của Đảng, cả về tư tưởng và tổ chức.

Về tư tưởng, cần thực sự đem vấn đề chiến tranh đặt lên địa vị thứ nhất trong công tác của Đảng, coi vấn đề lãnh đạo chiến tranh là trọng tâm công tác của Đảng.

Về tổ chức thì nhiệm vụ tổ chức phải phục tùng nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chiến thắng quân địch, giải phóng dân tộc. Cho nên Đảng cần phải có những cán bộ đắc lực nhất, cần động viên các thành phần ưu tú của Đảng, của công đoàn, nông hội vào quân đội, ra tiền tuyến.

Muốn lãnh đạo chiến tranh một cách chính xác thì phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và phải hiểu chiến tranh, hiểu quân sự. Cho nên vấn đề học tập quân sự là một vấn đề quan trọng và cấp thiết. *Học tập quân sự* phải là một trong những khẩu hiệu học tập của Đảng.

Cuối bản báo cáo, ông Võ Nguyên Giáp nói: "Đại hội thứ II của Đảng, sự cải tổ Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam sẽ đánh dấu một bước tiến bộ rất lớn của Đảng ta trên con đường vận động cách mạng Việt Nam và giúp đỡ cách mạng Lào, Miên, đặc biệt trong công cuộc xây dựng Quân đội nhân dân, lãnh đạo vũ trang tranh đấu, tiến tới tổng phản công.

Để chào mừng Đại hội của Đảng, các cán bộ của Đảng trong quân đội, toàn thể các đảng viên trong quân đội đã lãnh đạo quân đội giết giặc trong Chiến dịch giải phóng Biên giới và trong Chiến dịch Trung du.

Để chào mừng Đại hội, quân ta đã đại thắng quân giặc.

Rồi đấy Quân đội nhân dân Việt Nam sẽ vô cùng phấn khởi vì được cái vinh dự chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam.

Theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và của Đảng, quân đội sẽ đoàn kết nhất trí với nhân dân, trong khi nhân dân đang thi đua tăng gia sản xuất, quân đội sẽ phát huy truyền thống dũng cảm chiến đấu, thi đua giết giặc lập công, đẩy mạnh cuộc kháng chiến sang tổng phản công, tranh thủ toàn thắng.

Tiêu diệt đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn can thiệp Mỹ!

Bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam!

Việt Nam độc lập thống nhất muôn năm!

Quân đội nhân dân Việt Nam muôn năm!

Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

Hồ Chủ tịch muôn năm!"[27].

Hơn 30 trang báo cáo thể hiện sự kết tinh tri thức quân sự cách mạng hiện đại Việt Nam và kinh nghiệm chỉ đạo chiến lược của một người được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao trọng trách cầm quân suốt thời kỳ đầu công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền và 6 năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Bản báo cáo đã ghi lại những nét cơ bản nhất của bức tranh toàn cảnh mấy năm đầu kháng chiến, trong đó nổi lên là từng bước trưởng thành vững chắc trong thực tế chiến đấu và xây dựng của các lực lượng vũ trang nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sau này, nhớ lại không khí đại hội lúc đó, Bộ trưởng Lê Văn Hiến viết: Báo cáo này kể lại rõ ràng quá trình tổ chức và chiến đấu của bộ đội ta từ một đội du kích... đã tiến dần lên Đội Giải phóng quân mấy ngàn người cho đến ngày nay một đội quân hùng mạnh và có nhiều thành tích anh dũng.

Sau báo cáo của đồng chí Văn, tinh thần của bộ đội ở đại hội được nêu rất cao. Không khí bồng bột, hăng hái, hoan hô nhiệt liệt. Đồng chí Việt[28], trong một phút vô cùng cảm động, đứng lên ôm choàng đồng chí Văn và hôn lấy hôn để, hôn đến rơi nước mắt. Trong lúc ấy, Hồ Chủ tịch hướng về đại hội và nói: Đó là quân dân nhất trí...

Trong lúc hội trường đương phấn khởi, Hồ Chủ tịch đứng lên nêu cao gương chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam và nói rõ nguyên nhân phát sinh một bộ đội như thế... những yếu tố quan trọng đã làm cho bộ đội ta trưởng thành vượt bực và chiến đấu vô cùng anh dũng mà đạt được thành tích như ngày nay. Với một giọng hùng hồn..., Hồ Chủ tịch đã khêu lên giữa đại hội một không khí tưng bừng hăm hở. Ai nấy hoan hô vang dậy.

Không khí hội trường tưng bừng, dào dạt niềm vui - không khí lễ báo công của toàn quân trước toàn Đảng.

Báo cáo quân sự được đại hội nhất trí thông qua.

Để kịp chỉ đạo công tác chuẩn bị chiến đấu sắp tới, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không tham dự hết đại hội mà rời Chiêm Hoá trở về Tổng hành dinh để kịp cùng Đảng ủy chiến dịch họp bàn triển khai nhiệm vụ. Ba tuần trước đó, ngày 21-1, trong cuộc họp đầu tiên sau khi Chiến dịch Trung du kết thúc, Quân ủy Trung ương đã nghiên cứu kỹ cục diện chiến trường Bắc Bộ để chọn

và đề đạt hướng mở chiến dịch sắp tới. Do Chiến dịch Trung du kết thúc không thuận lợi cho nên trước mắt không thể mở chiến dịch trên hướng Liên khu 3 - tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ - như dự kiến trước đây của Thường vụ Trung ương. Trên chiến trường Liên khu 3, tuy có những khu vực địch yếu và sơ hở nhưng nếu đối với địch, chiến trường này là địa bàn chúng có thể phát huy hết tính năng binh khí, kỹ thuật và khả năng cơ động tăng viện nhanh, thì với ta đây lại là địa hình trống trải, có nhiều sông ngòi chia cắt, việc tiếp tế đạn dược, lương thực gặp khó khăn. Cũng không thể tiếp tục chiến đấu trên một hướng khác thuộc Trung du vì binh lực địch ở đây đã được tăng cường, hệ thống phòng ngự của chúng đã được củng cố, địch thường xuyên đề phòng và sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công của quân ta. Cũng không thể mở cuộc tiến công vào Móng Cái để hoàn thành giải phóng toàn bộ biên giới Việt - Trung như gợi ý của các cố vấn Trung Quốc, không những vì Móng Cái chỉ là một thị xã nằm sâu trong lòng địch, đường vận chuyển khó khăn mà còn là một vị trí ở sát bờ biển, dễ bị pháo hạm địch khống chế, uy hiếp. Dù có giải phóng được cũng khó đứng vững. Hội nghị đã nhất trí đề đạt phương hướng chiến dịch sắp tới và đã được Thường vụ Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh phê duyệt. Đó là hướng Đông Bắc, một chiến trường xung yếu, địch sơ hở, là địa hình trung du nhưng xen lẫn rừng núi, có điều kiện thuận lợi để vận dụng cách đánh điểm diệt viện. Chiến dịch mang tên Hoàng Hoa Thám.

27- Ấn tượng nặng nề trên đường số 18

Trong cuộc họp ngày 26-2, Đảng ủy Mặt trận[29] đã thảo luận biện pháp chỉ đạo các đơn vị chủ lực tranh thủ huấn luyện, nhằm khẩn trương khắc phục những khó khăn về chất lượng bộ đội (nhiều tân binh mới bổ sung và nhiều cán bộ cơ sở mới đề bạt sau Chiến dịch Trần Hưng Đạo), cơ quan hậu cần nghiên cứu vấn đề cung cấp (chiến trường xa hậu phương, đường vận chuyển không thuận tiện, dân cư thưa thớt, kinh tế nghèo nàn). Về địch, Đảng ủy lưu ý việc Đờlát tăng cường lực lượng cơ động, tăng cường phi pháo và củng cố các cứ điểm vững chắc hơn. Một trở ngại khác được nêu lên nghiên cứu khắc phục là đường hành quân tiếp cận chiến trường, tiếp cận mục tiêu tiến công của các đơn vị: Đường độc đạo, chiến trường xa, thời gian chuẩn bị chiến đấu khẩn trương, nhất là công tác nắm địch, chuẩn bị chiến trường. Sau khi thảo luận phương án tác chiến sắp tới, mọi người nhanh chóng nhất trí hướng phụ là Vĩnh Phúc và Liên khu 3, với hoạt động phối hợp của chiến trường toàn quốc. Về hướng chính, sau khi tập thể cân nhắc ba phương án do tham mưu đề đạt, Bí thư Đảng ủy mặt trận Võ Nguyên Giáp kết luận sơ bộ để xác định hướng cho các đơn vị và cơ quan chuẩn bị:

a- Hướng chính là Bắc Giang - Lục Nam - Phả Lại - Đông Triều.

b- Trên chiến trường này, có thể bố trí đại bộ phận binh lực ở phía bắc Bắc Giang - Lục Nam, hay phía đông Lục Nam - Phả Lại. Tại mỗi nơi đều cần chuẩn bị lương thực cho 7 hay 8 trung đoàn trong 20 ngày để có thể tùy theo tình huống mà điều động binh lực cho linh động (riêng cho bộ đội chiến đấu, mỗi nơi cần khoảng 500 tấn).

c- Chuẩn bị địch tình, cần nhằm vào hướng đó mà tiến hành. Nhưng cần chuẩn bị rộng ra phía đường số 18 - Tiên Yên - Móng Cái.

d- Về phát động du kích chiến tranh, cần rút kinh nghiệm ở Vĩnh Phúc, Bắc Bắc trong chiến dịch vừa qua mà đặt kế hoạch cho chu đáo và tích cực thi hành.

e- Về chỉ đạo chiến dịch, cấp trên cần tránh chỗ mạnh của địch về phi cơ, đại bác, nhưng cấp dưới cần phát huy tinh thần anh dũng quả cảm, hết sức phát huy tác dụng của công sự.

g- Cần nắm vững tình huống, nhất là lúc chiến dịch gần kết thúc để triệt để lợi dụng thời cơ.

Sau khi tổ chức trinh sát thực địa và xác định lần cuối hướng tiến công của chiến dịch, trong Hội nghị cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên họp ngày 4-3, Đảng ủy chiến dịch giải thích vì sao chủ trương tập trung binh lực lấy đường số 18 làm hướng chính[30], mặt Vĩnh Phúc - Bắc Giang là hướng phụ, Sơn Tây - Hà Đông làm hướng phối hợp, nhằm mục đích tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích phát triển.

Trên hướng chính, tuyến đường số 18 bao gồm hàng loạt cứ điểm của địch bảo vệ hướng đông và đông bắc đường số 5 và Hải Phòng, trong đó có các cứ điểm Bãi Thảo, Đông Triều, Hà Chiểu, Mạo Khê (thuộc Phân khu Phả Lại); Tràng Bạch, Bí Chợ (thuộc Phân khu Núi Đèo); Lán Tháp, Uông Bí, Yên Lập (thuộc Phân khu Quảng Yên). Trước ngày quân ta tiến công, trên địa bàn chiến dịch lực lượng bộ binh chiếm đóng của địch có 6 tiểu đoàn và 7 đại đội. Hai đại đội lựu pháo 105 mm đặt trận địa ở Đông Triều. Lực lượng cơ động (2 tiểu đoàn GM7 và 1 đại đội tabo) đóng ở Phả Lại. Lực lượng của ta trên hướng chính gồm 2 đại đoàn 308 và 312, 2 trung đoàn độc lập 174 và 98, 4 liên đội 22 khẩu sơn pháo, 1 trung đoàn công binh, 2 đại đội địa phương (hoạt động thường xuyên trên hướng Thủy Nguyên). Đảng ủy xác định cách đánh trên hướng chính là đánh điểm diệt viện. "Nói chung thì trọng đánh viện hơn đánh điểm, nhưng trong điều kiện thuận lợi hay cần thiết, cũng có thể trọng đánh điểm". Về nguyên tắc chỉ đạo tác chiến, Đảng ủy lưu ý: Đánh điểm thì cần phải đề phòng công sự tăng cường của địch; đánh viện thì phải dự kiến lần này địch tiến quân thận trọng hơn, có thể có cơ giới yểm trợ và có thể tiến theo nhiều hướng. Mức tiêu diệt sinh lực địch trên hướng chính là 5 tiểu đoàn.

Hướng Vĩnh Phúc, Việt Trì, Phú Thọ do Đại đoàn 304 và Trung đoàn 165 đảm nhiệm, có sự phối hợp với lực lượng địa phương các tỉnh đó, dưới sự chỉ huy chung của Bộ Tư lệnh 304; hướng Bắc Giang: Trung đoàn 176 cùng với lực lượng địa phương của Liên khu Việt Bắc; hướng Sơn Tây - Hà Đông: Đại đoàn 320 và lực lượng địa phương hai tỉnh. Nhiệm vụ của hướng phối hợp là tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, thu hút kìm chân lực lượng cơ động của chúng, giúp địa phương phát triển chiến tranh du kích. Mức tiêu diệt sinh lực địch trên các hướng phối hợp là 4 đại đội.

Giải đáp thắc mắc của cán bộ dự Hội nghị chiến dịch về mức tiêu diệt địch trên hướng chính, Chỉ huy trưởng chiến dịch nói: Trong chiến dịch này, Đảng ủy chỉ đề ra mức tiêu diệt là 5 tiểu đoàn, như vậy so với các chiến dịch trước có ít quá không? Không ít. Chỉ đề ra 5 tiểu đoàn là vì địch bây giờ khác địch trước kia, đánh khó hơn. Chỉ đề ra 5 tiểu đoàn cũng là để nhắc nhở các đồng chí không nên khinh địch, không nên chủ quan. Chúng ta tiêu diệt quá mức đó thì lại càng tốt.

Chỉ huy trưởng nêu lên những khó khăn mới và chỉ ra phương hướng để các cấp chú ý khắc phục trong chiến dịch này (tân binh mới bổ sung; cán bộ cơ sở mới đề bạt; địch củng cố và tăng cường quân cơ động, hỏa lực và công sự; chiến trường hầu như ở sau lưng địch, dân cư thưa thớt, cung cấp khó khăn), đồng thời chỉ ra những thuận lợi mới như mức độ tập trung của ta cao hơn, địch bố trí phân tán, địa hình không hoàn toàn bằng phẳng, có rừng núi, có cây cối, có nơi nửa rừng núi nửa đồng bằng, cơ quan chỉ huy các cấp đã được kiện toàn hơn, có kế hoạch phối hợp với địa phương cụ thể hơn.

Trong mệnh lệnh tác chiến gửi các đơn vị trên các hướng phụ, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp lưu ý Bộ Chỉ huy các đại đoàn về đặc điểm hoạt động khác nhau trên từng hướng. Với Đại đoàn 320, ngoài nhiệm vụ tiêu diệt chừng 2 đại đội địch, mệnh lệnh nhấn mạnh yêu cầu giúp đỡ Bộ Tư lệnh Liên khu 3 phát triển mạnh mẽ chiến tranh du kích, nhằm kiềm chế và thu hút lực lượng cơ

động của địch, phối hợp với chiến trường chính. Trên chiến trường Vĩnh Phúc, trong mệnh lệnh gửi Đại đoàn 304, sau khi xác định phạm vi hoạt động của Đại đoàn (và Trung đoàn 165) là trong khu vực từ Phúc Yên đến Việt Trì, với nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận binh lực địch (2 đại đội), nghi binh và phát triển chiến tranh du kích, kiềm chế sinh lực địch, phối hợp với hướng chính, Tổng Tư lệnh chỉ ra phương châm hoạt động để Bộ Tư lệnh Đại đoàn vận dụng cho phù hợp với điều kiện khó khăn cụ thể của 304 trong chiến dịch này. Đó là bộ đội chưa được trang bị đầy đủ, có đơn vị mới được thay đổi trang bị nhưng chưa được huấn luyện bổ sung về kỹ thuật và chiến thuật mới; các đơn vị còn ít kinh nghiệm tác chiến tập trung, cả trong đánh vận động và đánh công kiên; lần này đại đoàn tác chiến trên một chiến trường chưa quen thuộc, lại xa các đơn vị bạn.

Trong thư đề ngày 9-3 báo cáo Cụ Hồ, Tổng Bí thư Trường Chinh và các đồng chí Trung ương, ông Giáp nói đang cố gắng chỉ đạo khắc phục hai khó khăn trước mắt trên hướng chính, là công tác cung cấp và khó giữ bí mật (đường độc đạo, mà rất nhiều bộ đội và dân công đi lại). Bộ Chỉ huy chiến dịch dự kiến: Nếu địch theo đường số 13 tiến lên Chũ, An Châu, thì sự liên lạc của ta giữa tiền tuyến với hậu phương sẽ trực tiếp bị uy hiếp. Tổng Tư lệnh cũng báo cáo dự kiến sau chiến dịch này sẽ tranh thủ thời gian mở một chiến dịch nữa trước mùa mưa (khoảng cuối tháng 4, đầu tháng 5). Ông đề nghị Trung ương cho ý kiến để tranh thủ thời gian chuẩn bị. Địa bàn hoạt động có thể trên hai hướng: Liên khu 3 và Móng Cái. Vấn đề đang nghiên cứu, là nên chọn đâu làm hướng chính. Tuy chưa xác định cụ thể nhưng sau khi phân tích nhiều mặt, Tổng Quân ủy đề nghị nên chọn hướng Liên khu 3.

Ngày 18 và 19-3, Đảng ủy chiến dịch họp tại Sở Chỉ huy đặt ở Bãi Đá (Mai Siu - phía nam Lục Ngạn chừng 15 km). Tổng hợp thông báo từ Tổng hành dinh ở phía sau, cơ quan quân báo mặt trận báo cáo mấy vấn đề nổi lên về địch trong thời gian vừa qua:

Một là, Đờlát đang đốc thúc đẩy nhanh việc xây dựng cho Bảo Đại một đội quân bản xứ thật mạnh, bên cạnh quân đội viễn chinh Pháp. Việc này do Tướng Xpinman (Georges Spillman) từ Pháp sang đảm nhiệm. Cựu Toàn quyền Xarô - hiện là Chủ tịch cái gọi là Khối Liên hiệp Pháp đang công du Đông Dương - hứa sẽ thúc giục Bảo Đại "vào cuộc". Lần đầu tiên trên báo chí phương Tây xuất hiện từ "Việt Nam hoá" (Vietnamisation).

Hai là, để giải thích cho chủ trương đẩy nhanh việc tổ chức quân ngụy là việc Tướng Xalăng vừa đi kinh lý các chiến trường. Điểm nổi bật khi trở về báo cáo với Đờlát là nạn khủng hoảng quân số. Cả Lôriô ở miền Trung và Điô ở Cambốt đặc biệt là Săngxông ở Nam Kỳ đều kêu về nạn khủng hoảng quân số, vì Tổng Chỉ huy Đờlát tiếp tục ra lệnh rút quân ra ngoài Bắc quá nhiều[31]. Như vậy là trước mắt, trong chiến dịch này, địch có nhiều khả năng tăng viện cho những hướng bị tiến công.

Ba là, báo chí đưa tin hàng loạt công trường đang hình thành khắp ven vùng châu thổ nhằm xây dựng một phòng tuyến xi măng cốt thép được mệnh danh là phòng tuyến Đờlát vây quanh đồng bằng Bắc Bộ. Đờlát tuyên bố "không để cho Việt Minh một tấc đất trong vùng châu thổ sông Hồng". Ký giả cho biết, đây là một công trình lớn rải ra trên 110 vị trí, với trên 1.200 công sự bêtông cốt thép nửa chìm nửa nổi, chạy từ Hòn Gai, Đông Triều, qua Bắc Giang, Bắc Ninh lên Sơn Tây rồi quặt xuống Ninh Bình. Trinh sát báo cáo, trên địa bàn chiến dịch, cả trên hướng chính và hướng phối hợp, đã thấy lẻ tẻ xuất hiện những công sự của phòng tuyến đang hình thành của địch.

Trong một cuộc họp báo, Tổng Chỉ huy Đờlát đã nói với các ký giả những điều mà ông ta đã dùng để thuyết phục những tướng lĩnh không đồng tình vì hoài nghi tác dụng của phòng tuyến. Đờlát nói: Đây không phải lặp lại chuyện của chiến tuyến Maginô. Tôi muốn bảo vệ Hà Nội và Hải Phòng mà tôi sẽ biến thành những pháo đài kiên cố. Để ngăn cản đại bác của đối phương có thể rơi vào hai trung tâm đó, ở xung quanh và vành ngoài tôi sẽ cho xây một phòng tuyến gồm các điểm tựa bêtông được các căn cứ pháo binh yểm trợ; các khoảng cách sẽ được bịt bằng dây thép gai và bãi mìn và toàn bộ phòng tuyến sẽ được bố trí hỏa lực mạnh. ở phía sau, các GM được ẩn nấp trong công sự kiên cố, có pháo binh yểm trợ, sẵn sàng được tung ra khi thực hành tiến công hoặc trong trường hợp bị quân thù áp đảo, sẽ có đủ khả năng phản kích... Đây không phải là một hệ thống phòng ngự cứng nhắc. Hơn nữa - và điều này là chủ yếu - nó sẽ biểu thị sự có mặt của nước Pháp ở đây. Lá cờ ba sắc của chúng ta sẽ được bảo vệ ở đây.

Báo chí đưa tin: Ngày 10-3, Tướng Đờlát đã lên đường đi Pari. Chỉ lệnh công vụ nêu rõ: Việc điều hành quân viễn chinh được giao cho phụ tá của Tổng Chỉ huy - Tướng Raun Xalăng. Tướng Đờ Linarét được chỉ định thay Xalăng, chỉ huy miền Bắc.

Bước vào cuộc họp tại Bãi Đá, Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định: Hai vấn đề nổi lên cần nghiên cứu biện pháp khắc phục là cung cấp và công tác nắm địch. Khó khăn hơn cả vẫn là vấn đề cung cấp. Cơ quan hậu cần mặt trận đã ra sức tập trung số gạo thóc có thể thu được, đồng thời đã cho vận chuyển một phần trong số gạo viện trợ xuống, nhưng vẫn chỉ đủ gạo ăn đến cuối tháng 3. Đảng ủy thấy trước tình hình cung cấp như vậy sẽ hạn chế thời gian hoạt động của ta, ảnh hưởng đến phương châm chiến thuật, kế hoạch tác chiến và triển vọng của chiến dịch. Về công tác nắm địch, qua tin tức từ hậu phương thì địch đang trong quá trình điều động thêm binh lực từ trong Nam ra, việc triển khai lực lượng bố phòng chưa thật ổn định. Mấy ngày gần đây, có tin chúng điều động binh lực lung tung, quân số các vị trí lên xuống thất thường, khi nhiều khi ít nên trinh sát nhiều đơn vị chưa nắm vững tình hình địch. Trong những ngày bộ đội hành quân, phi cơ địch hoạt động rất nhiều, bắn phá dọc đường và ném bom nhiều nơi nghi là địa điểm đóng quân. Trung đoàn 174 và Trung đoàn 88 bị thiệt hại khá nặng vì địch oanh tạc ở ngay vị trí tập kết. Địch lại bắt được mấy trinh sát viên của ta ở gần vị trí. Hội nghị nhận định có lẽ địch đã phán đoán được phương hướng tác chiến của ta một phần nào, nhưng chúng chưa biết được kế hoạch cụ thể[32]. Đảng ủy chỉ thị cho tham mưu theo sát và cho kiểm tra lại tin tức và xác định: Nhiệm vụ trung tâm trong thời gian chiến dịch là hết sức nắm vững tình huống để chủ trương được kịp thời và linh động. Đặc biệt theo dõi khả năng tăng viện của địch để không bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt viện binh. Ngoài ra, cần lưu ý điều kiện địa hình chật hẹp, nhiều đồi trọc, không thuận lợi cho tập kết, giấu quân và tác chiến vận động.

Đảng ủy nghiên cứu và thảo luận hai phương án tác chiến do tham mưu báo cáo trước hội nghị. Vấn đề là lựa chọn đánh điểm lớn hay đánh điểm nhỏ để tạo điều kiện diệt viện? Phương án 1: Đánh điểm nhỏ (Lán Tháp, Lọc Nước, Máng Nước, Sống Trâu) đồng thời sẵn sàng đánh viện từ Quảng Yên, Uông Bí lên. Phương án này có điểm lợi là dễ giấu binh lực và chắc thắng, nhưng địch sẽ chỉ ứng cứu nhỏ, nếu đợi viện lớn thì chiến dịch sẽ kéo dài, tiếp tế sẽ thêm khó khăn. Phương án 2: Đánh các cứ điểm lớn hơn (như Uông Bí, Bí Chợ, Tràng Bạch) đồng thời sẵn sàng đánh viện từ Phả Lại, Quảng Yên lên. Theo phương án này, điểm lợi là giành được bất ngờ, địch có thể viện lớn nhanh hơn, ta sớm giành được thắng lợi lớn nhưng không bảo đảm trận đầu chắc thắng. Là người luôn quán triệt phương châm đánh chắc thắng, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đã cùng tập thể Đảng ủy nhất trí chọn cách đánh thứ nhất. Cụ thể là: Trong đợt 1 chiến dịch, ta tiến công 4 vị trí nhỏ bắc Uông Bí, trong hệ thống đường dẫn nước ngọt từ Vàng Danh về Hải Phòng, đồng thời triển khai lực lượng chờ viện từ Quảng Yên - Uông Bí lên. Phương hướng tác

chiến của đợt 2 sẽ căn cứ vào diễn biến và kết quả đợt 1 để quyết định mục tiêu và cách đánh. Hai vấn đề được khẳng định sau khi chọn phương án 1: một là, phải bám thật sát tình hình ứng phó của địch, khi thấy xuất hiện điều kiện thuận lợi thì kịp thời chuyển sang phương án 2; hai là, tiếp tục tìm mọi biện pháp để vượt qua những khó khăn về cung cấp, hạn chế đến mức thấp nhất những khó khăn về hậu cần đối với quá trình phát triển của chiến dịch. Để bảo đảm công tác nắm địch vững chắc hơn, Đảng ủy chấp nhận đề nghị của tham mưu kéo dài thời gian chuẩn bị thêm hai ngày. Chiến dịch sẽ bắt đầu đêm 23-3.

Sau khi Sở Chỉ huy chuyển sâu sang vùng chân núi Yên Tử, các phái viên kiểm tra về báo cáo công tác chuẩn bị chiến đấu của bộ đội đã căn bản hoàn thành. Ngày 23-3, trước giờ bộ đội nổ súng, Chỉ huy trưởng biên thư về hậu phương. Ông báo cáo Hồ Chủ tịch và Thường vụ những khó khăn thấy trước có thể ảnh hưởng đến diễn biến của chiến dịch và dự kiến chiến dịch có thể kết thúc sớm vì những hạn chế về công tác cung cấp. Ông cũng đề nghị phương hướng và địa bàn mở chiến dịch sắp tới - tranh thủ trước mùa mưa - đề nghị Cụ Hồ và Thường vụ cho ý kiến để kịp chuẩn bị chiến trường.

Đêm 23-3, chiến dịch mở màn bằng các trận tiến công tiêu diệt các vị trí Lọc Nước, Đập Nước, Sống Trâu, Lán Tháp... đồng thời với các trận tiêu diệt một số tháp canh, phá cầu Biểu Nghi, diệt vị trí Chấp Khê. Lực lượng đánh viện triển khai dọc đường chở than Vàng Danh - Uông Bí và đón địch từ Đông Triều lên. Ta hy vọng nguồn nước ngọt duy nhất của thành phố cảng bị đe dọa, quân ứng chiến của địch nhất định sẽ phải kéo đến. Nhưng sau ba ngày, viện binh của địch vẫn không xuất hiện. Ngày 27-3, ta diệt tiếp 2 cứ điểm Bí Chợ, Tràng Bạch, viện binh địch vẫn không xuất hiện lớn. Quân Pháp chỉ hoạt động thăm dò và tăng cường lực lượng cho các vị trí có thể bị uy hiếp.

Nhiều năm sau, qua các sách báo của phía bên kia, chúng ta mới biết vì sao viện binh địch không xuất hiện ngay những ngày đầu chiến dịch. Đờlát đang ở Pháp, cả Xalăng và chỉ huy miền Bắc là Đờ Linarét đều không phán đoán được ý đồ tiến công của ta, họ đành chờ đợi[33]. Trong khi đó thì tại Pari, đọc những tin tức về tình hình chiến sự (mà Đờlát cho là "chua như dấm"), Tổng Chỉ huy nói với mọi người: "Phải về thôi". Ngày 26-3, Đờlát và đoàn tùy tùng lên máy bay trở về Đông Dương. Trên máy bay, nghiên cứu bản đồ và hỏi ý kiến các tướng lĩnh về khả năng diễn biến của chiến cuộc, không một ai có ý kiến. Đờlát nói: Thật khó chấp nhận cách đánh của quân Việt. Không phù hợp với những gì thông thường... Thế nhưng đừng nghĩ rằng họ ngu dốt. Cái họ đang sáng tạo ra là cái gì vậy?

Có mặt ở Hà Nội đêm 28-3, Đờlát phát hiện một điều: Mạo Khê là một nơi đường số 18 bị kẹt giữa thượng nguồn sông Đá Bạc với đất liền. Nơi đó - khu bản lề giữa đồng bằng và những triền núi - chỉ có vài trăm lính. Sau khi diệt Mạo Khê, quân Việt sẽ tiến công Đông Triều rồi Phả Lại (Pháp gọi là Sept Pagodes). Đờlát tin chắc rằng ông Giáp định mở đường để triển khai lực lượng xuống phía đông uy hiếp vùng châu thổ. Đại tá Xide[34] được cấp tốc gọi đến và được giao nhiệm vụ điều mọi lực lượng cơ động và mọi phương tiện thấy cần điều động để "cứu Mạo Khê và Đông Triều". Chiều ngày 29 quân viện phải đến Đông Triều, Phả Lại, đêm 30 phải đến Mạo Khê.

Thế là từ đây bắt đầu một cuộc chạy đua tốc độ giữa một bên là quân viễn chinh Pháp đi ôtô trên đường, canô và tàu chiến trên sông với một bên là quân Việt đi bộ trong rừng. Tại Sở Chỉ huy mới được triển khai ở Hải Phòng ngay sau ngày 28, Đờlát được báo cáo: Có đêm máy bay trinh sát phát hiện "một suối lửa trong rừng rậm", gồm hàng ngàn bó đuốc trên những con đường mòn

trong rừng hướng về Uông Bí - Mạo Khê, trong khi đối phương hoạt động mạnh trên đường số 5; đường sắt Hà Nội - Hải Phòng bị chặt đứt nhiều đoạn; nhiều vị trí trên hướng Sơn Tây, Vĩnh Phúc bị tiến công.

Sau nhiều ngày chờ đợi, không thấy viện binh địch, Bộ Chỉ huy của ta quyết định đánh tiếp một số cứ điểm lớn xung quanh Uông Bí, trong đó có những vị trí quan trọng như Tràng Bạch, Bí Chợ, Phán Huệ. Sau khi các vị trí trên bị tiêu diệt, bộ đội đang chuẩn bị đánh thẳng vào Uông Bí, một thị trấn quan trọng trên đường số 18, trung tâm khu mỏ Vàng Danh - Tràng Bạch thì ngày 28 địch bỏ Uông Bí theo đường số 18 và đường số 10 chạy về Quảng Yên, một tình huống ngoài dự kiến của ta. Địch rút chạy qua trận địa phục kích của ta nhưng bộ đội ngủ say, không có cảnh giới nên bỏ lỡ thời cơ diệt địch. Ngày 29-3, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định chuyển sang tiến công Mạo Khê, cũng là một vị trí quan trọng trên đường số 18, ở giữa Uông Bí và Đông Triều, đồng thời chuẩn bị đánh viện từ Đông Triều, Quảng Yên hoặc Thủy Nguyên đến ứng cứu cho Mạo Khê.

Trong khi đó, về phía địch, chiều 29-3 Xide tập trung binh lực ở Phả Lại, với phán đoán Mạo Khê chắc chắn bị quân ta tiến công. Từ Phả Lại, phải vượt thêm 30 km trong điều kiện không thuận lợi về thời tiết[35], nhưng cuối cùng Xide cũng triển khai được Sở Chỉ huy và đưa được một phần binh lực đến Đông Triều ngày 30-3. Pháo của hải quân đã triển khai dọc sông Đá Bạc. Một tiểu đoàn và đại đội dù từ Đông Triều tiến ra Mạo Khê phố. Trận địa của bộ đội ta phục kích đánh viện bố trí quá xa, địch đi lọt. Trước tình hình địch ở Mạo Khê phố đã thay đổi, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định không đánh tiếp vị trí này nhưng mệnh lệnh không đến kịp nên đêm 30-3, Trung đoàn 36 vẫn tiến công vào một mục tiêu vừa được tăng cường 4 đại đội. Trận đánh diễn ra quyết liệt. Một bộ phận quân địch sống sót chạy vào nhà thờ, lợi dụng chiều cao của tháp chuông phát huy các loại hỏa lực chặn bước tiến của quân ta. Sáng ngày 31 ta phải lui quân sau khi xe cơ giới địch chở thêm một số viện binh theo đường số 18 đến tăng cường cho Mạo Khê.

Trong khi đó trận đánh Mạo Khê mỏ của 209 kéo dài. Các trận chiến đấu trở nên hết sức ác liệt không chỉ vì quân trên bộ mà pháo hạm địch dọc sông Đá Bạc, được máy bay Moran hiệu chỉnh hỏa lực, đã yểm trợ đắc lực cho địch phòng giữ Mạo Khê. Trở lại thủ đoạn cuối cùng như ở Vĩnh Yên mấy tháng trước, địch tái diễn những trận ném bom napalm. Về tinh thần chiến đấu của bộ đội ta trong hai trận Mạo Khê, Bôđa viết:

Những ngọn lửa màu da cam chuyển thành những cụm khói. Mặt đất âm u càng đen xám vì bị đốt cháy. Nhìn bề ngoài, theo lôgic không thể có bộ đội ở đấy nữa, có lẽ đã thành tro hoặc những mảnh bụi gió tung lên. Thế nhưng, ai biết được vẫn còn quân chính quy dưới hầm hố, sẵn sàng chiến đấu. Kinh nghiệm cho thấy, quân Việt vẫn luôn sống sót, rất kiên định ngay cả trong những trường hợp xem như đã tan tác hết. Tất cả người và vũ khí không chết nhưng làm như chết, ẩn nấp trong lòng đất với nghệ thuật bảo vệ mình trong những tình huống hiểm nghèo bằng cách vùi mình vào bất cứ đâu, hang hốc, bùn, nước và cả than đá nữa. Bằng mọi cách, những người tưởng như "bị tiêu diệt" luôn xuất hiện trở lại để tiêu diệt đối phương, khiến máy bay và pháo lớn của hải quân - với những đợt bom dội dữ dội - mới mở được đường cho lính dù tháo chạy từ Mạo Khê mỏ sang Mạo Khê phố.

Một giờ sáng (31-3), giờ nguy hiểm. Sau khi chuẩn bị chu đáo từ chập tối hôm trước, quân Việt lại lao vào mồi. Cả thị trấn bỗng nhiên biến thành địa ngục. Đại liên, súng cối, pháo, đồng loạt nhả đạn. Có những tiếng nổ vang hơn của bộc phá. Khắp nơi, những ngọn lửa bùng lên, thiêu trụi nhà cửa. Quân Việt đồng thời tiến công ba phía, chẳng bao lâu thị trấn Mạo Khê đầy đám người

cuồng nhiệt lao vào mọi nơi, mọi góc, tiến công lính dù nấp sau những bức tường đổ. Nhưng rồi dưới hỏa lực của 20 khẩu pháo 105 mm đặt ở Đông Triều, những người chống giữ "trụ lại được" trước đợt tiến công mới vừa bị chặn đứng của đối phương.

Cả hai trận Mạo Khê phố và Mạo Khê mỏ đều không thành, quân ta phải rút lui với nhiều thương vong, cũng là lúc Xide tiếp tục đưa thêm viện binh đến, dưới sự yểm trợ của máy bay và pháo của hải quân "bao bọc từng mét". Khi Xide đến Mạo Khê, định tổ chức trận phản kích thì Bôđa viết: đối phương đã biến mất (như bốc hơi) theo lối bí mật của họ, cũng nhanh, toàn bộ, bất chợt như khi họ xuất hiện và tiến công. Ra đi toàn thể trong mấy giây, trong trật tự hoàn hảo. Điều lạ là họ có khả năng đến rất đông, xông tới mà không bị phát hiện và ra đi cũng như thế. Sau một thời gian rất ngắn, chỉ vài ba ngày, họ lại gây kinh hoàng bằng những trận tiến công cuồng nhiệt trên hướng đã chọn.

Đợt 1 chiến dịch kết thúc, ta mở được chừng 30 km trên tuyến Mạo Khê - Biểu Nghi. Nét nổi bật trong đợt 1 là: đánh điểm là phổ biến nên chủ lực bị tiêu hao, trong khi đó bỏ lỡ nhiều cơ hội diệt viện binh địch. Chủ trương đánh điểm diệt viện không thành hiện thực. Đợt 1 diễn ra trong điều kiện công việc tiếp tế đã trở nên hết sức khó khăn, không chỉ vì đường xa mà còn do thời tiết xấu - trời mưa, đường lầy lội - và máy bay địch cản trở trên con đường độc đạo. Viện binh lớn của địch đến đúng vào lúc đợt 1 của ta kết thúc, các vị trí địch đã trở nên "cứng" cả về quân số và hỏa lực yểm trợ.

Năm ngày sau, đợt 2 bắt đầu đêm 4-4. Bộ Chỉ huy chiến dịch chủ trương chuyển hướng tiến công sang đông bắc Phả Lại, tập trung lực lượng tiêu diệt một số vị trí (Bến Tắm, Bãi Thảo, Hoàng Gián, Hà Chiểu) ở bắc Đông Triều, đồng thời chuẩn bị đánh viện binh địch từ Phả Lại, Đông Triều tới. Trung đoàn 88 đánh Bãi Thảo, chiếm 3/4 cứ điểm, bộ đội đang lợi thế nhưng trung đoàn và tiểu đoàn nắm không vững tình hình bộ đội nên đến sáng hạ lệnh rút lui. Trung đoàn 102 tiến công Bến Tắm không hoàn thành nhiệm vụ, vì chờ pháo, nổ súng chậm, trời sáng phải lui quân. Trong cả hai trận, diệt được một số địch nhưng bộ đội bị thương vong nhiều. Pháo binh địch từ Đông Triều và từ sông Đá Bạc tạo nên những hàng rào lửa khiến cho các đợt xung phong của quân ta gặp rất nhiều khó khăn. Các trung đoàn 209 (đánh Hoàng Gián) và 98 (đánh Hà Chiểu) đều không dứt điểm, mặc dù sau chừng 15 phút nổ súng, bộ đội đã phát triển vào tung thâm, nhưng trời sáng, cán bộ không nắm vững tình hình phát triển của bộ đội nên cũng ra lệnh lui quân. Cả bốn trận trong đợt 2 đều không đạt kết quả. Hôm sau, ngày 5-4, trước tình thế bất lợi[36] nếu kéo dài các trận tiến công, Bộ Chỉ huy quyết định kết thúc chiến dịch.

Quân ta đã không hoàn thành nhiệm vụ đề ra cho chiến dịch: Trên hướng chính ta chỉ tiêu diệt khoảng 2 tiểu đoàn địch, so với 5 tiểu đoàn đề ra trong kế hoạch.

Sau này, tài liệu *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong 30 năm chiến tranh (1945 - 1975)* viết: "Thiếu sót nổi bật trong chỉ đạo, chỉ huy tác chiến chiến dịch Hoàng Hoa Thám là không nắm vững tình hình địch cả trong quá trình chuẩn bị cũng như thực hành chiến đấu từng đợt, cho nên cấp chiến dịch xử trí nhiều tình huống không chính xác. Cấp chiến đấu, ngoài khuyết điểm không chủ động chỉ đạo công tác quân báo để nắm tình hình địch cụ thể ở mỗi mục tiêu tiến công, mà còn không nắm vững tình hình phát triển của bộ đội trong quá trình diễn biến chiến đấu, nên mệnh lệnh không chính xác, không dứt điểm nhiều mục tiêu, hạn chế khả năng kéo viện binh địch và làm tăng thêm thương vong của ta. Việc quán triệt phương châm đánh điểm diệt viện cũng không đầy đủ nên bộ đội bỏ lỡ nhiều cơ hội diệt viện binh địch, nhất là viện binh nhỏ".

Nếu đối với ta, chiến dịch để lại cho Tổng Tư lệnh "một ấn tượng nặng nề" - như sau này Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ức*Đường tới Điện Biên Phủ* - thì về phía Pháp, dư âm của trận đánh là những điều qua tiếng lại trong hàng ngũ tướng lĩnh. Nhiều người lúc này mới "tỏ ra anh hùng hơn cả chủ tướng", phê phán Đờlát sợ rừng rậm, sợ rơi vào cạm bẫy nên không dám phản công từ Lục Nam và Chũ để cắt đứt đường rút lui của quân Việt. Đờlát nghĩ khác. Ông ta chỉ lo cho đồng bằng sông Hồng. Tổng Chỉ huy Pháp đinh ninh rằng ông Giáp và các sư đoàn quân Việt đang còn lẩn quất đâu đây để rồi khi có thời cơ lại tràn ngập Mạo Khê, Bến Tắm, Đông Triều, Phả Lại, Hải Dương, mở đường xuống vùng châu thổ và đánh Hải Phòng, "lá phổi của đội quân viễn chinh". Gặp ý kiến phản bác, Đờlát lớn tiếng trấn áp: Bọn ngươi thật ngu dốt. Các sư đoàn của ông Giáp vẫn ở tại chỗ. Chỉ khác là họ được lệnh ban ngày không lộ ra và ban đêm tắt hết ánh sáng. Tôi cấm không được rút một người lính nào khỏi con đường số 18. Ông Giáp sẽ còn tiến công đấy.

Tiếp theo là hàng tuần lễ chờ đợi. Đờlát đích thân lên máy bay, bay khắp bầu trời vùng mỏ, trong khi máy bay oanh tạc không ngừng đánh phá các khu ven rừng. Từ hai sân bay Bạch Mai và Gia Lâm (Hà Nội) các loại máy bay trinh sát thay nhau cất cánh bay lượn khắp vùng trời châu thổ. Máy bay Hencát, mang dưới cánh hai bình to màu vàng chứa napalm, sẵn sàng cất cánh. Lực lượng cơ động vẫn án binh bất động, vì không biết hướng tiến công sắp tới của quân Việt là ở đâu! Chờ mãi không thấy đối phương hoạt động, "đại đội ký giả" đi theo Đờlát nhận thấy: bản thân Đại tướng thật sự bối rối. Thực chất, sau trận vùng mỏ, tình hình chẳng có gì thay đổi. Không tới một nghìn quân chính quy Việt ngã xuống. Về phía Pháp cũng khoảng chừng nấy... Tất cả sẽ phải làm lại, nhưng làm lại như thế nào? Có lúc ông tâm sự với những phụ tá thân cận: Tôi cứ lê lết sau quân Việt. Tôi sang đây để chiếm lại Lạng Sơn. Thay vì điều đó, trong vụ Đông Triều người ta nói tôi không dám phản công vào rừng, ngập ngừng nhiều ngày để rồi không dám quyết định. Giờ đây người ta còn nói thế nào về tôi? Họ nghĩ tôi làm đúng hay sai?

Trong khi Tổng Chỉ huy Đờlát còn đang chưa biết đối phương rút đi đâu và hướng hoạt động sắp tới của họ như thế nào thì tại căn cứ Việt Bắc, ngày 26-4, Đảng ủy Mặt trận Hoàng Hoa Thám kết thúc Hội nghị tổng kết chiến dịch. Bản báo cáo kết luận do Bí thư Đảng ủy Võ Nguyên Giáp trình bày trước hội nghị từ cấp trung đoàn trở lên đã nhắc lại nhận xét của Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Chiến dịch Hoàng Hoa Thám: Trong Chiến dịch Hoàng Hoa Thám, đặc biệt ở hướng chính, cán bộ và chiến sĩ đã cố gắng rất nhiều, đã nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ... Căn cứ vào diễn biến chiến dịch và theo kết quả thì có nhiều ưu điểm nhưng cũng có nhiều khuyết điểm... Ta đã tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, gây được ảnh hưởng chính trị... Ta không hoàn thành nhiệm vụ thật đầy đủ: Địch thiệt hại nặng nhưng ta bị tiêu hao... Nhưng không thể nói là chiến dịch thất bại vì nói như vậy tức là không nhìn thấy sự thất bại của địch, không nhìn thấy những khó khăn của ta... Thành công một phần là có ưu điểm nhưng bị tiêu hao thì nhất định có nhiều khuyết điểm:

1- Sự chuẩn bị không đầy đủ, không hiểu rõ địa hình và địch tình;

2- Tư tưởng chưa thống nhất trên dưới, có sự nhận định bất đồng, có hiện tượng dao động, thiếu quyết tâm, thiếu tin tưởng;

3- Kỷ luật không nghiêm, nhiều khi vì dân chủ quá trớn nên ảnh hưởng đến việc chấp hành mệnh lệnh;

4- Sau chiến dịch, lãnh đạo tư tưởng không kịp thời, tư tưởng có điểm không đúng, sự phê bình thiếu tổ chức.

Bản báo cáo kết luận của Bí thư Đảng ủy đã tóm tắt những khuyết điểm về lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy mặt trận:

- *Trong chuẩn bị chiến dịch:* Chỉ đạo điều tra địch tình và nghiên cứu địa hình không được kỹ nên thực tế thì khó khăn hơn so với dự kiến trong kế hoạch; đề ra phương hướng tương đối chậm nên thiếu thời gian chuẩn bị; lãnh đạo khắc phục những khó khăn lớn không được đầy đủ (kế hoạch hành quân không tỉ mỉ, thiếu biện pháp cụ thể khắc phục để nắm rõ địch tình).

+ *Trong vận dụng phương châm tác chiến:* Phương châm đánh điểm diệt viện là đúng, nhưng phổ biến không kỹ, không nhấn mạnh khi nào nặng về đánh điểm, khi nào nặng về đánh viện, nên khi chuyển hướng chiến thuật gặp nhiều khó khăn trong tư tưởng; nghiên cứu đánh viện kém, dự liệu, giả định không đầy đủ về quá trình phát triển của chiến dịch; việc chuẩn bị và lãnh đạo tư tưởng khi chuyển hướng không đủ; có lúc vận dụng phương châm không linh hoạt.

+ *Khuyết điểm về kế hoạch trong các tình huống:* Đợt đầu, đánh Uông Bí và Bí Chợ ngay thì có lợi nhưng không chắc thắng, vì vậy đánh Lán Tháp, Lọc Nước, Máng Nước, Sống Trâu trước là đúng. Tuy thế trong nhiều trường hợp không nắm chắc tình hình địch, ví dụ trường hợp địch tăng cường cho Đông Triều và Bến Tắm. Trong đợt 2, do không chuẩn bị kịp nên không đánh Uông Bí mà chuyển lên đánh Bến Tắm, Bãi Thảo là đúng. Nếu thấy Trung đoàn 36 mệt, nên cho Trung đoàn 102 và 88 đánh Bãi Thảo để đánh viện từ Cẩm Lý lên thì chắc hơn, hoặc đánh Bến Tắm để đánh viện từ Đông Triều lên thì chắc hơn.

+ *Khuyết điểm trong tác phong chỉ huy và lãnh đạo của Đảng ủy mặt trận:* Chỉ đạo cơ quan tham mưu, chính trị chưa cụ thể, ví dụ về nắm tình hình địch; lãnh đạo tư tưởng không kịp thời và cụ thể, nhiều khi Đảng ủy quyết định rồi nhưng giải thích phổ biến không rõ, chưa đủ sức thuyết phục; tranh thủ ý kiến cấp dưới là đúng nhưng chưa động viên cấp dưới nói hết ý kiến hoặc có những điều không đáng hỏi cũng hỏi nên khi ra mệnh lệnh kém nghiêm túc; do không nắm vững tình huống nên hạ quyết tâm chậm, khi có quyết tâm rồi chuyển đạt mệnh lệnh chậm; Đảng ủy xử trí không kịp thời với nhiều trường hợp đơn vị chấp hành mệnh lệnh không nghiêm, không triệt để; với các chiến trường phối hợp, nếu sự chỉ đạo đối với Đại đoàn 320 tương đối đầy đủ thì đối với 304 lại không được như thế.

Báo cáo tổng kết của Đảng ủy đã nêu lên những nội dung trọng tâm để các đơn vị tiến hành kiểm điểm rút kinh nghiệm. Trước hôm bế mạc, ông Giáp mời Cụ Hồ đến thăm hội nghị. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với cán bộ về tinh thần tự phê bình và phê bình, về tinh thần chấp hành mệnh lệnh, về quan hệ cán bộ - chiến sĩ, quan hệ quân - dân. Cuối cùng Cụ chỉ thị: Về đơn vị các chú phải hướng dẫn bộ đội tự phê bình chỉ trích về các khuyết điểm và đặt kế hoạch cho đơn vị mình sửa chữa cho bằng được. Tự phê bình và phê bình là thứ vũ khí giúp cho quân đội ta trở nên quân đội tất thắng.

Một trong những cán bộ cao cấp chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị của Cụ Hồ cả về tự phê bình và phê bình là Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn. Không những ông thẳng thắn nói với cán bộ cấp dưới về thiếu sót của mình về chỉ đạo, chỉ huy trong chiến dịch vừa qua mà còn thẳng thắn nói lên những nhận xét của mình với cấp chỉ đạo, chỉ huy chiến dịch, chiến lược. Trong những trang ghi chép của ông[37], Đại tướng Lê Trọng Tấn viết: "Trong hội nghị tổng kết (của Đại đoàn 312), tôi chân thành nói với anh em: Trong chiến dịch này do đánh giá chưa đúng địch, nên kế hoạch tác chiến giản đơn, không thận trọng. Trong chỉ huy đã không thấy đặc điểm mới của chiến trường nên trong tác chiến công kiên cũng như trong vận động, đã mang nguyên xi những kinh nghiệm Biên giới và Trung du vào chiến trường đường số 18 mà không thấy, đã gọi là kinh nghiệm thì

nó chỉ có giá trị trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định. Đánh không giòn giã, diệt địch không gọn, để anh em bị thương nhiều là trách nhiệm của tôi.

Tại Hội nghị tổng kết của bộ, ông Tấn nói rằng Chiến dịch Hoàng Hoa Thám là một chiến dịch không thành công. Mục đích chiến dịch là tiêu diệt địch hay là làm thay đổi cục diện chiến trường không rõ. Cả ba đại đoàn đều không hoàn thành nhiệm vụ. Ta mở chiến dịch trong tình hình chưa có chuẩn bị đầy đủ về địa hình, nhất là về hậu cần. Các đơn vị đều thương vong cao, không hoàn thành nhiệm vụ. Ông cho rằng bộ cũng phải chịu trách nhiệm về chọn hướng để mở chiến dịch và xác định mục đích chiến dịch cho rõ. Khi đã hạ quyết tâm phải có những yếu tố hoặc tạo nên những yếu tố để bảo đảm thắng lợi của chiến dịch. "Và ông đã chân thành nói lên những suy nghĩ trên của mình trong Hội nghị tổng kết của bộ: Có ý kiến cho rằng, nếu chiến thuật thực hiện tốt thì cục diện đã khác. Tôi không đồng ý. Tôi cho rằng chiến thuật chịu sự chỉ đạo của chiến dịch. Mục đích chiến dịch không rõ, không kiên quyết, chọn hướng mở chiến dịch không đúng thì chiến thuật không thể hoàn thành được nhiệm vụ".

Tối hôm đó, sau bữa cơm, Tổng Tư lệnh gặp riêng để động viên tinh thần nói thẳng nói thật của Đại đoàn trưởng 312. Ông Tấn nói với ông Giáp: Một trận đánh không thành công cũng dạy cho ta một điều gì đó, miễn là ta không chịu xuôi tay.

Chính với tinh thần đó, vì trách nhiệm trước xương máu của chiến sĩ, mà người chỉ huy dám nhìn thẳng vào sự thật để cầu tiến bộ, để cùng đơn vị thuộc quyền chỉ huy của mình đi tới thắng lợi cuối cùng.

28- trên chiến trường đồng chiêm trũng

Ngay từ trước khi bắt đầu mở Chiến dịch Hoàng Hoa Thám trên đường số 18, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã đề nghị nên tranh thủ mở một chiến dịch nữa trước mùa mưa. Trung tuần tháng 4, chiến dịch trên đường số 18 vừa kết thúc, khi Thường vụ Trung ương quyết định mở chiến dịch ở đồng bằng cũng là lúc công tác chuẩn bị chiến dịch đang diễn ra hết sức khẩn trương. Chúng ta phải chạy đua với thiên nhiên để chiến dịch trên vùng chiêm trũng ken dầy sông ngòi không bị mùa mưa cản trở. Bởi vậy chiến trường vùng mỏ vừa im tiếng súng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã tranh thủ về ngay căn cứ địa Việt Bắc.

Tổng Bí thư Trường Chinh đã nhận được báo cáo về quá trình diễn biến và kết quả hạn chế của Chiến dịch Hoàng Hoa Thám, nên ông biết tâm trạng không vui của Tổng Tư lệnh. Ông Trường Chinh nói với ông Giáp:

- Đánh nhau thế nào cũng có trận thắng, trận không. Mình khôn, nhưng phải nghĩ địch nó cũng khôn. Mình đã diệt hai binh đoàn của nó ở biên giới, vừa rồi suýt nữa diệt gọn GM3 ở trung du. Địch đã rút kinh nghiệm nên lần này chúng không mắc lừa. Có tiếp tục "đánh điểm diệt viện" thì cũng phải biến hoá.

Thật ra điều này ông Giáp đã nói với cán bộ trước khi bước vào chiến dịch đường số 18. Vấn đề là đã thấy địch thay đổi, nhưng có những điều dự kiến chưa hết. Về tướng lĩnh của địch cũng vậy. Sau này ông Giáp nhớ lại, Cụ Hồ và ông Trường Chinh đã cùng ông phân tích những viên tướng đầu sỏ của đội quân viễn chinh Pháp lúc bấy giờ. Với cá tính của một con người hung hăng, hùng hổ, nhưng thực tế hai chiến dịch vừa qua cho thấy Đờlát không phải là hăng máu vịt mà rất khôn ngoan, có bản lĩnh của một viên tướng thực dân già đời. Với "thâm niên Đông Dương", lại đã từng đối mặt với ta cả trên bàn đàm phán và trên chiến trường ngay từ những

ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám, rồi sau toàn quốc kháng chiến, Xalăng rõ ràng cũng là một viên tướng thâm hiểm. Trong bối cảnh Đờlát đi vắng, nếu Xalăng vội tung quân quy mô lớn đi ứng cứu vùng mỏ, ta có điều kiện đánh viện, thì rõ ràng cục diện chiến trường Đông Bắc đã khác. Điều đó giải thích vì sao các GM của địch án binh bất động cho đến khi Đờlát về. Cũng qua hai chiến dịch vừa qua, cả Đờlát và Xalăng đã thấy sự lớn mạnh của quân đội ta. Sau Chiến dịch Vĩnh Yên, chính Đờlát đã thừa nhận với Xalăng điều đó, khi nói rằng đối thủ của họ không phải là một lực lượng có thể xem thường. Đã qua rồi cái thời mà tướng lĩnh Pháp mong đợi và thách thức ta "công khai xuất đầu lộ diện" trong những trận đánh của chiến tranh quy ước để bị chúng tiêu diệt. Đó là chuyện của mấy năm trước, cái thời của Valuy, Bledô và Cácpăngchiê. Với thất bại có ý nghĩa chiến lược thu đông năm 1950, sự ra đi của Cácpăngchiê đánh dấu một bước ngoặt trong sự nhìn nhận của tướng lĩnh Pháp đối với đối thủ của họ trên chiến trường. Đội quân cách mạng súng trường, chân đất, với quy mô tổ chức tới đại đoàn, đã chủ động đi tìm những con chủ bài của địch mà đánh, không chỉ ban đêm và trên chiến trường rừng núi, mà công khai đối mặt với chúng ngay cả ban ngày và trên địa hình trống trải. Sự thay đổi về chất đó trong lực lượng so sánh khiến cả Đờlát và Xalăng phải suy nghĩ cần phải làm gì để đối phó có hiệu quả với một đối thủ, dù quân số và trang bị còn hạn chế, nhưng chính họ cũng nhận thấy là không thể xem thường.

Riêng với ta, trên bước đường tiến lên đánh vận động chiến quy mô lớn, nhìn vào sức người sức của của ta, cụ thể là 6 đại đoàn bộ binh chủ lực trong tổng dân số vài chục triệu người và phân tích lối đánh "biển người" của Giải phóng quân Trung Quốc trong công cuộc kháng Mỹ viện Triều, Cụ Hồ nhắc nhở ông Giáp: Phải đánh theo cách đánh của ta, phải hết sức tiết kiệm xương máu của chiến sĩ. Quân không cần đông. Dân ta nghèo, quân nhiều lấy gì mà nuôi?

Chiến dịch Hoàng Hoa Thám vừa kết thúc, Cục Tình báo Tổng hành dinh đã phân phối lực lượng triển khai đồng thời hai việc, lấy việc chuẩn bị chiến trường là chính, đồng thời bám sát các bước thực hiện kế hoạch chiến lược cơ bản của Đờlát và các biện pháp đối phó trước mắt của quân viễn chinh.

Thực tế sau này chứng minh ta đã đánh giá đúng những khó khăn trước mắt của địch, các biện pháp đối phó bị động lúng túng của chúng, nhưng đồng thời cũng đánh giá đúng tầm vóc và bản chất thâm độc của kế hoạch chiến lược Đờlát.

Sau này Tướng Xalăng nêu lên một nhận xét rằng sau chuyến đi Pari, mặc dù việc đối phó với cuộc tiến công của đối phương ở vùng mỏ được coi là có hiệu quả nhưng Tổng Chỉ huy vẫn bồn chồn lo lắng. Lo vì thái độ "chủ bại" của Pari, lo vì binh lực không đủ trước sức mạnh ngày càng rõ rệt của quân Việt, lo vì sự bất ổn trong vùng châu thổ sông Hồng, lo vì thái độ thờ ơ của chính quyền bản xứ. Mọi nỗ lực của Đờlát đều tập trung giải quyết những vấn đề chiến lược cấp bách đó.

Sau khi từ Đông Triều trở về Hà Nội, Tổng Chỉ huy triệu tập một cuộc họp quan trọng gồm các tướng lĩnh của Tổng hành dinh và những viên chỉ huy quân viễn chinh tại các vùng. Ông ta thông báo về kết quả nghèo nàn của chuyến đi cầu viện vừa qua ở Pháp. Mặc dù có sự giúp đỡ của ông Lơtuốcnô - Bộ trưởng Các quốc gia liên kết trong nội các của Cơi (Henri Queueille) vừa được thành lập - Tổng Chỉ huy cũng chỉ giành được một số quân tăng viện gồm 20.000 người - vốn đã được thỏa thuận từ khi Đờlát sang nhậm chức năm trước - với điều kiện phải trả về Pháp tháng 7-1952. Đờlát không giấu giếm mà cho mọi người biết rằng Chính phủ muốn kết thúc sớm cuộc

chiến tranh Đông Dương. Thậm chí có người còn khuyên can: Xin Ngài đừng dấn thân vào cuộc chiến ở bên đó nữa thì hơn.

Đờlát nói với Xalăng rằng rõ ràng nội các vừa mới thành lập đã sớm tỏ ra "thoái chí". Tình thế đòi hỏi chính những người cầm đầu quân viễn chinh phải tự gánh vác lấy "sự nghiệp bảo vệ Đông Dương". Trước mắt phải tập trung vào thực hiện hai chủ trương chiến lược lớn liên quan mật thiết với nhau, đó là bảo vệ vùng châu thổ sông Hồng và muốn vậy, ngoài việc xây dựng phòng tuyến, phải tự lo liệu vấn đề binh lực khi mà Pari đã kiệt sức.

1- Về binh lực, tập trung các tiểu đoàn quân bản xứ đã có cộng với số sắp được gấp rút thành lập, tổ chức cho Bảo Đại 4 sư đoàn để từng bước thay thế quân Âu - Phi làm nhiệm vụ chủ yếu là chiếm đóng và bình định, trên cơ sở đó mà rút các lực lượng viễn chinh tổ chức thành những binh đoàn hoàn chỉnh (quy mô sư đoàn), cơ động thoát ly địa phương. Đó chính là những con chủ bài sẵn sàng đối phó với quân Việt, nhất là trên chiến trường trọng điểm Bắc Kỳ.

2- Dựa vào ngân sách 3 tỷ phrăng đã được Oasinhtơn tài trợ, khẩn trương hoàn thành trước mùa khô việc xây dựng phòng tuyến bao quanh đồng bằng Bắc Bộ làm lá chắn bảo vệ vùng châu thổ.

Xalăng đề nghị, để thực hiện hai chủ trương chiến lược trên đây, quá trình xây dựng phòng tuyến, cần có những cuộc càn quy mô lớn ở vùng châu thổ, không những để xoá những "chấm đỏ"[38] đang ngày càng ken dầy cả hai bên tả, hữu ngạn sông Hồng, làm cho bên trong phòng tuyến boongke được "sạch sẽ", mà còn để gom thanh niên vào đội quân Bảo Đại. Về phát triển quân bản xứ hay nói rộng hơn, toàn bộ công cuộc Việt Nam hoá mà Cao ủy - Tổng Chỉ huy đã nêu lên, cần đề cao chính quyền Trần Văn Hữu, cần một "đạo dụ tổng động viên" của Bảo Đại và cần có vũ khí viện trợ của Hoa Kỳ.

Hai viên tướng cầm đầu quân viễn chinh khẩn trương bắt tay vào việc.

Ngày 18-4, Xalăng được phái vào Đà Lạt, mang theo bức thư của Tổng Chỉ huy. Bức thư có sức thuyết phục khiến Bảo Đại "đồng ý vào cuộc" cùng gánh vác chương trình Việt Nam hoá, mà nội dung chủ yếu trước mắt là chương trình vàng hoá (jaunissement) quân đội. Trong khi ở Đà Lạt, Xalăng đang thuyết phục Bảo Đại thì Đờlát cùng đoàn tùy tùng bay lên Vĩnh Yên, "mảnh đất của chiến công", để khuếch trương thắng lợi quân sự bằng một cuộc vận động chính trị quan trọng. Ngày 19 tại thị xã, trước rất đông quan chức văn võ Pháp và bản xứ và trước hàng trăm phóng viên trong và ngoài nước, bài diễn văn dài tám trang của Tổng Chỉ huy Đờlát xoay quanh mục đích thuyết phục Thủ tướng Trần Văn Hữu và các thành viên chính quyền Bảo Đại về trách nhiệm của những người đồng minh da vàng trong sự nghiệp "kháng chiến thực sự bằng cách động viên mọi người tập hợp xung quanh hoàng đế Bảo Đại và Chính phủ của Ngài".

Báo chí bắt đầu nói đến "đạo dụ tổng động viên" của Bảo Đại vừa ra đời, nói đến các trường đào tạo sĩ quan bản xứ sắp được mở ở Nam Định, Đà Lạt. Cuộc họp chuyên đề bàn về vấn đề càn quét được triệu tập chiều ngày 28-4 tại Hà Nội. Xuất phát từ Hải Phòng để đi dự cuộc họp này, tướng không quân Háctơman bị bỏ mạng vì máy bay dính đạn của du kích. Đợi Háctơman, đến 20 giờ cuộc họp bàn về càn quét vùng châu thổ mới bắt đầu. Tổng Chỉ huy Pháp nói với mọi người:

- Cái vùng đồng bằng này khiến tôi lo ngại vì sự thâm nhập của Việt Minh. Các ông hãy nhìn lên tấm bản đồ sẽ thấy những vệt đỏ lớn nhỏ, chỗ nào cũng có. Không thể như thế được. Các ông hãy chuẩn bị ngay cho tôi những cuộc hành quân cần thiết để hạn chế sự thâm nhập và tồn tại

của Việt Minh. Các ông hãy huy động những phương tiện cần thiết, kể cả những tiểu đoàn mới thành lập cũng sẽ tham gia các cuộc hành quân đó.

Tổng Chỉ huy tỏ ra hài lòng và khen ngợi Đờ Linarét về kết quả cuộc hành quân Con sứa (Méduse) hồi giữa tháng 4. Với binh lực 14 tiểu đoàn các loại và diễn ra trong vòng nửa tháng, không chỉ ở vùng Hải Dương - Thái Bình, quân Pháp còn làm cho phía tây nam Hải Phòng "dễ thở hơn" bằng những cuộc càn trục đường từ Hải Phòng đi Ninh Giang qua Kiến An. Nhưng trong hội nghị này, Tổng Chỉ huy đòi hỏi phải hơn thế nữa, vì trong những vùng hành quân càn quét, quân Pháp đã "lướt đi quá nhanh". Ông ta yêu cầu từ nay phải trụ lại để tổ chức dân vệ, để tuyển mộ (thực chất là bắt) thật nhiều thanh niên vào đội quân của Bảo Đại và phải hạn chế việc quân lính đào ngũ.

Ngay sau hội nghị, Xalăng được giao nhiệm vụ cùng với một số sĩ quan chỉ huy vùng đồng bằng tổ chức ngay những cuộc càn quét mới. Tướng một sao Bécsu (Henri de Berchoux - vừa chân ướt chân ráo từ Pháp nhận quyền chỉ huy vùng Hải Dương) được giao nhiệm vụ chỉ huy cuộc càn Bò sát (Reptile). Với binh lực 4 GM và 4 tiểu đoàn pháo, Reptile diễn ra từ ngày 5 đến ngày 8-5. Đây là cuộc càn quét mà Xalăng đánh giá là được chuẩn bị và thực hành "rất bài bản". Sau này, *Lịch sử kháng chiến chống Pháp của Liên khu 3* viết về hai trận càn Con sứa và Bò sát (từ ngày 19-4 đến cuối tháng 5) như sau: "Địch thẳng tay triệt hạ các làng kháng chiến, chặt đầu, cắt cổ, moi gan những người chúng nghi là cán bộ, du kích và khủng bố đồng bào rất dã man... Số thanh niên bị bắt trong hai cuộc càn lên tới hàng vạn (riêng tỉnh Hải Dương đã có hơn 4.000 thanh niên bị địch bắt)... Nhằm làm cho dân ta kiệt quệ phải khuất phục chúng, địch đã vơ vét, cướp đi toàn bộ thóc lúa. Số thóc không chuyên chở về thị xã được, địch đã tầm xăng thiêu hủy hoặc quẳng xuống ao và sông ngòi làm cho thối mục".

Nhưng địch không thực hiện được mục tiêu chủ yếu của cuộc hành binh là tiêu diệt Trung đoàn 42, trung đoàn chủ lực của Liên khu 3 mà chúng gọi là "trung đoàn ma" (régiment fantome). Được sự đùm bọc của nhân dân, Trung đoàn 42 vẫn tồn tại để rồi, hết trận này đến trận khác, luôn bất ngờ và liên tiếp giáng cho chúng những đòn đau.

Đúng vào những ngày Tổng Chỉ huy Pháp giao cho bọn đàn em mở những cuộc hành binh hòng "bình định" vùng đồng bằng, còn ông ta đi đi về về Malaixia và Xinhgapo để cùng Anh và Mỹ bàn tính "kế hoạch phòng thủ chung Đông Nam á", thì quân ta mở chiến dịch tiến công ở vùng nam sông Hồng.

Khi bàn hướng mở chiến dịch sắp tới, Thường vụ Trung ương nhận thấy bộ đội sẽ gặp khó khăn trong các trận đánh ở đồng bằng, nhưng lúc này, ngoài trung du và đồng bằng chưa có nơi nào khác mà binh lực chiếm đóng của địch được coi là những mục tiêu quan trọng tới mức, khi bị ta tiêu diệt, có thể đem lại một chuyển biến có ý nghĩa chiến lược trên chiến trường.

Sau khi Tổng Tư lệnh báo cáo rằng các phái viên tham mưu đã được phái xuống đồng bằng từ tháng trước và lãnh đạo Liên khu 3, sau khi nắm được dự kiến của Trung ương, đã chỉ đạo chuẩn bị chiến trường (riêng bộ đội chỉ vài tuần nữa có thể lên đường), Tổng Bí thư đồng tình khi thấy cần và có khả năng mở một chiến dịch nữa trước mùa mưa. Điều đó phù hợp với nguyện vọng chiến sĩ và cán bộ muốn sớm được đánh tiếp. Anh em không hài lòng về kết quả tiêu diệt sinh lực địch hạn chế trong chiến dịch vừa qua.

Từ chỗ Tổng Bí thư trở về cơ quan, ông Giáp đến thẳng Cục Tác chiến để nghe các phái viên tham mưu vừa từ Liên khu 3 trở về báo cáo. Về tình hình vùng sau lưng địch qua mấy cuộc càn

vừa qua của địch, Tổng Tư lệnh nêu lên những câu hỏi về phong trào chiến tranh du kích, cụ thể là vai trò của bộ đội địa phương, của các làng chiến đấu trong hoạt động chống càn, về tình hình bám trụ và hoạt động của Trung đoàn 42. Theo các phái viên, tại Tả Ngạn hoạt động vừa qua của Đại đoàn 320 đã thu hút và kiềm chế lực lượng cơ động của địch, tạo điều kiện cho quân dân đồng bằng phá kế hoạch bình định của chúng trong suốt mấy tháng xuân - hè, khôi phục nhiều cơ sở, mở lại nhiều khu du kích ở Hải Dương, Hưng Yên, Kiến An, Thái Bình. Trung đoàn 42 cùng bộ đội địa phương và dân quân, du kích không những đã đẩy lùi hầu hết các cuộc càn quét của địch, mà thành tích nổi bật là phá các tổ chức tề ở cơ sở (huyện Vĩnh Bảo - Hải Dương - đã phá được 70%, huyện Tiên Lãng - Kiến An - phá 85% ban tề). Tuy nhiên, phải thấy rằng những cuộc hành binh càn quét quy mô lớn của địch thời gian qua đã gây tổn thất nghiêm trọng ở một số cơ sở, đòi hỏi phải một thời gian mới khôi phục được.

Mấy tháng hè vừa qua, phần lớn các đơn vị Âu - Phi bị dồn lên phía bắc nên phần lớn lực lượng địch ở nam đồng bằng sông Hồng là quân ngụy. Hiện nay, quân cơ động ít, thế bố trí phân tán, công sự chưa được củng cố nhiều. So với các tỉnh trên địa bàn Liên khu 3 thì Ninh Bình là nơi địch yếu và sơ hở hơn cả. Nhưng các phái viên tham mưu nhận xét, đó chỉ là tình hình trước mắt, địch có thể nhanh chóng cơ động lực lượng từ nhiều nơi đến đối phó khi phát hiện hướng tiến công của chủ lực ta. Điều đáng chú ý là địch đã thực hiện được âm mưu chia rẽ lương - giáo, nhằm làm suy yếu lực lượng kháng chiến trên một trong những địa bàn đông dân nhất miền Bắc. Bên cạnh một mạng lưới gián điệp chỉ điểm khá nguy hiểm, Pháp thành lập những đội vũ trang gồm toàn thanh niên công giáo làm lực lượng xung kích chống phá cách mạng, đối đầu với kháng chiến từ ở cơ sở thôn, xã đến cả một địa bàn rộng lớn là "tỉnh công giáo tự trị Bùi Chu", gồm các huyện Trực Ninh, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường và một phần huyện Nam Trực. Chúng biến Bùi Chu và Phát Diệm thành trung tâm công giáo phản động ở Liên khu 3, nơi có 80 vạn giáo dân với 500 nhà thờ lớn nhỏ, biến vùng đất thánh thành những cứ điểm quân sự, biến giáo dân thành bia đỡ đạn, biến gác chuông nhà thờ thành những tháp canh và hỏa điểm.

Sau khi nắm được dự kiến của Trung ương, lãnh đạo Liên khu 3 đã phân công đồng chí Văn Tiến Dũng trực tiếp phụ trách chỉ đạo xúc tiến công tác chuẩn bị chiến trường. Trục đường Việt Bắc - Liên khu 3 đã thông suốt. Việc huy động lương thực thuận lợi vì vụ chiêm cho thu hoạch cao. Chừng 200 cán bộ xã và huyện đã tham gia lớp tập huấn về công tác phục vụ chiến dịch. Nhân dân nức lòng chờ đón chủ lực về giải phóng quê hương.

Trong cuộc họp ngày 20-4-1951, sau khi nghe báo cáo của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Thường vụ Trung ương chính thức quyết định mở chiến dịch ở phía nam đồng bằng sông Hồng, trên địa bàn ba tỉnh Hà - Nam - Ninh (chiến dịch mang mật danh Quang Trung). Mục đích chiến dịch là nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá khối ngụy quân và tranh thủ nhân dân[39]. Cụ Hồ nhấn mạnh nhằm lưu ý mọi người về mục đích chính trị của chiến dịch. Cụ dặn phải đặc biệt chú ý công tác tranh thủ đồng bào công giáo vì kẻ địch ở đây có những âm mưu thâm độc nhằm lợi dụng tôn giáo để chống lại kháng chiến, chống lại cách mạng. Thường vụ cũng quyết định thành phần Đảng ủy Mặt trận Hà - Nam - Ninh gồm các đồng chí thuộc cơ quan Tổng hành dinh và một số cán bộ lãnh đạo địa phương[40].

Dựa vào tờ trình của Bộ Tổng tham mưu, Tổng Quân ủy cân nhắc và xác định hướng chủ yếu của chiến dịch là phòng tuyến sông Đáy của địch, đoạn từ nam Phủ Lý (Hà Nam) đến Yên Mô (Ninh Bình). Trên cả bốn khu vực Phủ Lý, Nam Định, Phát Diệm và Ninh Bình, lực lượng chiếm đóng của địch gồm 4 tiểu đoàn và 27 đại đội lẻ (phần lớn là quân ngụy công giáo), lực lượng cơ động trong vùng gồm 4 tiểu đoàn bộ binh (2 tiểu đoàn ngụy), 3 đại đội biệt kích, 1 đại đội bộ

binh lẻ, 1 đại đội thủy quân lục chiến. Theo đề án được Tổng Quân ủy phê duyệt, lực lượng của ta tham gia chiến dịch gồm 3 đại đoàn 304, 308, 320, 5 đại đội pháo, 1 trung đoàn công binh và lực lượng vũ trang địa phương. Chỉ tiêu tiêu diệt địch đề ra là 3 tiểu đoàn địch.

Do thành phần Đảng ủy trong chiến dịch này gồm một số đồng chí lãnh đạo Liên khu 3 nên cuối tháng 4 các ông Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Chí Thanh đã lên đường để kịp cùng tập thể thảo luận phương án tác chiến. Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái và một bộ phận Sở Chỉ huy chiến dịch đã lên đường trước đó một tuần. Rất hiếm có điều kiện gặp cán bộ lãnh đạo vùng sau lưng địch nên ngay khi đến nơi, Tổng Tư lệnh dành nhiều thời gian làm việc với các tỉnh và Ban Chỉ huy Trung đoàn 42, chủ lực của liên khu, để trực tiếp nắm thêm tình hình. Khi trao nhiệm vụ cho các địa phương trong liên khu phối hợp với hướng chính của chiến dịch, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích, nhất là tổ chức phá hoại đường sá, đánh mạnh trên các trục đường 5, 1, 6, 10, 21, 22 và đê Đại Hà; đẩy mạnh công tác ngụy vận; sẵn sàng kế hoạch chống địch càn quét, bảo vệ nhân dân gặt lúa và giữ lúa. Riêng đối với Tả Ngạn, Trung đoàn 42 phải kịp thời triển khai để phối hợp hoạt động với chủ lực ở Hữu Ngạn và khuếch trương chiến quả sau khi chiến dịch kết thúc. Bộ đội địa phương các tỉnh sẽ đặt dưới quyền chỉ huy của các đại đoàn chủ lực (Hà Nam/320, Nam Định/308, Ninh Bình và tiểu đoàn chủ lực của Thanh Hoá/304).

Đúng như dự kiến của Đảng ủy, tình hình địch đã sớm có những biến động. Một bộ phận của GM4 do Thomazzo chỉ huy đã thấy xuất hiện ở Phủ Lý. Dự kiến địch có phương tiện cơ giới nên chúng triệt để lợi dụng các đường giao thông thủy, bộ để cơ động lực lượng, cho nên tình hình sẽ có thể chuyển biến rất nhanh khi quân ta nổ súng.

Sau mệnh lệnh tác chiến số 1 trao nhiệm vụ tác chiến cho các đơn vị, trong hội nghị cán bộ chiến dịch ngày 24 và 25-5, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đã phân tích tình hình ba khu vực Phủ Lý, Vân Đình, Ninh Bình để khẳng định đâu là hướng tác chiến chủ yếu: Trước đây chúng ta đã cân nhắc kỹ lưỡng và định chọn hướng tác chiến ở phía nam Hà Đông và Hà Nam. Quyết định đó rất đúng vì lúc bấy giờ tình hình địch chưa thay đổi, chúng ta có điều kiện đánh chắc thắng, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, làm tan rã một bộ phận ngụy binh, thu được ảnh hưởng chính trị lớn. Mấy ngày qua, tình hình địch đã thay đổi rõ rệt. Chúng đã điều quân cơ động đến Phủ Lý, Nam Định, ra sức đề phòng trên tuyến sông Đáy từ Phủ Lý trở lên, lập ra một vùng giới nghiêm dọc phòng tuyến ấy; trong hai tỉnh Hà Đông và Sơn Tây, chúng tăng cường công sự và đẩy mạnh những hoạt động tuần tiễu, đề phòng.

Vì vậy trong buổi họp hôm qua, Đảng ủy đã cân nhắc ba phương án Phủ Lý, Vân Đình, Ninh Bình và đã quyết định chuyển hướng xuống mạn Ninh Bình, Phủ Lý. Địch ở Ninh Bình tương đối yếu hơn trên suốt phòng tuyến sông Đáy, ta đánh thì chắc thắng, vì vậy Đảng ủy quyết định tập trung lực lượng tác chiến ở hướng Ninh Bình. Phủ Lý là hướng phụ.

Ông nhấn mạnh tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Đảng ủy là đánh chắc thắng. Ông chậm rãi phân tích từng biện pháp mà cả bộ đội chủ lực và địa phương đều phải nghiên cứu khắc phục những khó khăn để đánh thắng địch trên một chiến trường như Hữu Ngạn (đồng bào công giáo, địa hình chiêm trũng, tình hình địch chuyển biến nhanh). Những vấn đề cần chú ý giải quyết không chỉ về chỉ đạo chiến thuật hành quân và chiến đấu trong điều kiện địa hình đồng bằng, mà còn cả vấn đề lãnh đạo chính trị tư tưởng bộ đội, nhất là đề phòng tư tưởng chủ quan khinh địch. Về kế hoạch công tác của địa phương, ông đặc biệt nhấn mạnh vấn đề vận dụng chính sách của Đảng đối với

đồng bào công giáo, công tác ngụy vận, phát triển chiến tranh du kích, bảo vệ nhân dân, bảo vệ mùa màng.

Chiến dịch bắt đầu ngày 28-5. Một tiểu đoàn của Trung đoàn 102 (308) diệt gọn đại đội biệt kích của hải quân vừa đến chiếm đóng nhà thờ Đại Phong ở thị xã Ninh Bình. Quân địch bị đánh động, nhưng lúc đầu sức chống đỡ của chúng rất hạn chế[41]. Sau trận Đại Phong, 308 tiêu diệt hai vị trí Non Nước và Gối Hạc trong thị xã Ninh Bình, ở sát ngã ba sông Vân và sông Đáy. Trong trận Gối Hạc, Trung úy, Đại đội trưởng Bécna Đờlát - đứa con duy nhất của Tổng Chỉ huy Pháp Đờlát Đờ Tátxinhi - đã bỏ mạng vì đạn súng cối cùng với hai sĩ quan cấp đại đội khác[42].

Cũng trong những ngày cuối tháng 5, tin tức hoạt động của các hướng phối hợp liên tiếp bay về Sở Chỉ huy chiến dịch. Đó là tin Đại đoàn 304 trên hướng Yên Mô, Yên Khánh, cùng lực lượng vũ trang địa phương san phẳng 6 vị trí địch. Riêng hai trận đánh các vị trí Lan Khê và chùa Cao không thành công. Trên hướng Hà Nam, phối hợp với chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương hoạt động mạnh ở Duy Tiên, Bình Lục, đánh giao thông, phá cầu Yên Tập, diệt vị trí và phá tề ở nhiều nơi. Đại đoàn 320 cùng lực lượng vũ trang địa phương phục kích trên đường Đoan Vỹ - Mai Cầu - Kinh Đông và tiến công tiêu diệt các vị trí Quán, Võ Giàng, Cảnh Linh, Hưng Công, khiến bọn địch ở Đoan Vỹ phải bỏ đồn tháo chạy. Trên hướng Tả Ngạn, Trung đoàn 42 và lực lượng vũ trang Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình tiêu diệt và bức rút 28 vị trí hương dũng, mở rộng khu du kích Tiên - Duyên - Hưng và mở thêm một số khu du kích mới.

Trên hướng chính, đúng như ta dự đoán, sau vài ngày đầu bị bất ngờ, nhất là khi các vị trí trong thị xã Ninh Bình bị tiêu diệt, địch dùng cả đường bộ và đường sông huy động lực lượng lớn, gồm cả biệt kích, thủy quân lục chiến và các GM, phản ứng quyết liệt. GM1 và thủy quân lục chiến được máy bay và pháo binh yểm trợ từ Nam Định sang chiếm lại thị xã Ninh Bình và cùng GM4 chặn các hướng tiến công của ta ở Ninh Bình và tây nam Nam Định, đồng thời tăng cường phòng thủ ba trọng điểm Ninh Bình, Phủ Lý, Hoàng Đan. Sau khi không dứt điểm các vị trí Hoàng Đan, Kỳ Cầu và Chùa Cao, do tình hình địch chuyển biến sớm, tính bất ngờ không còn, tương quan lực lượng đã thay đổi, chiến dịch khó phát triển sau bốn ngày chiến đấu, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định kết thúc đợt 1.

Trong mệnh lệnh tác chiến đợt 2, Chỉ huy trưởng đã phân tích kết quả chiến đấu của chủ lực trong đợt 1: Tiêu diệt 10 vị trí và một bộ phận viện binh, tất cả gồm 9 đại đội địch, trong đó có những vị trí quan trọng như thị xã Ninh Bình. Sau đợt 1, bộ đội thương vong ít, sức khỏe khá, tinh thần phấn khởi, khả năng chiến đấu còn nhiều. Nhưng cần khắc phục những thiếu sót về chỉ đạo, chỉ huy trong đợt vừa qua, cụ thể là: Một số đơn vị còn thiếu tinh thần tích cực tiêu diệt địch, bỏ lỡ cơ hội diệt viện, giải quyết chiến đấu chưa gọn (cả trong đánh điểm và đánh viện); cán bộ nắm chưa vững bộ đội; chiến tranh du kích chưa kịp thời phát triển, đặc biệt là công tác phá hoại giao thông. Về chính trị - tư tưởng, trong mệnh lệnh đề ngày 2-6, Đảng ủy nêu lên những khuyết điểm quan trọng và đề ra những biện pháp khắc phục thiếu sót về chấp hành chính sách địch ngụy vận, thương binh tử sĩ, về tinh thần tranh thủ thời gian, khắc phục khó khăn và quyết tâm tiêu diệt địch, ý thức giúp đỡ địa phương về xây dựng lực lượng và phát triển chiến tranh du kích.

Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định tiến hành đợt 2 thành hai bước: *Bước 1* (từ ngày 4 đến ngày 7-6): Đại đoàn 308 sẽ tiến công Chùa Cao và đánh viện binh địch trên đường sông từ Ninh Bình đến Chùa Cao đồng thời tích cực điều tra quân địch ở Hoàng Đan và thị xã Ninh Bình, sẵn sàng tiến công khi có lệnh; Đại đoàn 304 đánh viện trên sông từ Bến Xanh và đường bộ từ Phát Diệm

đến Chùa Cao, sẵn sàng đánh địch ban ngày, đồng thời chọn và đề đạt kế hoạch đánh hai điểm và đánh viện nhỏ; Đại đoàn 320 đưa hai tiểu đoàn vào vùng địch hậu Chợ Cháy (Hà Đông) và Thanh Liêm (Hà Nam); vũ trang trinh sát điều tra các vị trí Núi Già, Núi Bô, tình hình địch trên đường số 1 và cử cán bộ xuống giúp đỡ địa phương phát triển chiến tranh du kích. Các đại đoàn đều có nhiệm vụ tăng cường trang bị cho bộ đội địa phương các tỉnh đã được phân công. Sang *bước 2,* mỗi đại đoàn sẽ để lại một trung đoàn, tiếp tục hoạt động nhỏ, khi phân tán khi tập trung (có thể luân lưu), còn phần lớn lực lượng lui về phía sau củng cố chấn chỉnh và chuẩn bị chiến đấu, sẵn sàng chờ lệnh. Trong khi đó, bộ đội địa phương tích cực hoạt động theo nhiệm vụ chính do tỉnh quyết định (diệt tề trừ gian, bảo vệ nhân dân thu hoạch mùa màng, phá hoại, sẵn sàng chống địch càn quét).

Đợt 2 chiến dịch bắt đầu ngày 4-6 trong bối cảnh địch tiếp tục tăng viện lớn cho các khu vực trọng điểm, nhưng lực lượng chiếm đóng của chúng vẫn còn phân tán và có nhiều sơ hở. Chúng tăng cường hỏa lực phi pháo hòng tiêu hao quân ta, lực lượng cơ động né tránh giao chiến với chủ lực. Quá trình diễn biến đợt 2, địch tiếp tục điều chỉnh lực lượng, đưa thêm quân ra tuyến sông Đáy, thay quân trên nhiều vị trí, dùng binh lực chừng 2 GM càn quét khu Chợ Cháy, hòng "cất vó" một đơn vị của 320 vừa vào hoạt động trong địch hậu.

Trong bước 1 của đợt 2, quân ta tiến công địch ở chùa Đại Phong, đánh viện nhỏ trên sông Đáy, bức hàng hai vị trí Núi Sậu và Cổ Đôi, phá cầu Yên, tập kích các vị trí Non Nước, cầu Cồ, chặn đánh địch sục sạo ra Chùa Cao, Phúc Am, Phú Khánh. Trên hướng Kim Sơn, Yên Mô, tiến công các vị trí Cối Tri, Quang Phục. Phía Hà Nam, Hà Đông, tiêu diệt vị trí Phúc Lâm, tập kích vị trí Mai Cầu. Riêng trên hướng chính, trận tiến công Chùa Cao lần thứ hai của Trung đoàn 88 được coi là trận có vị trí quan trọng trong đợt 2. Trung đoàn đã được tăng cường thêm một tiểu đoàn, nhưng trận đánh không thành công, bộ đội bị thương vong nhiều. Vì sao? Sau này trong hồi ký *Trưởng thành trong chiến đấu*, ông Vương Thừa Vũ viết: Quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ rất cao... Nhưng chúng ta đã xem xét quyết tâm đó chưa thật đầy đủ và nhất là không hướng nó phát triển theo hướng đúng... Bộ đội ta có quyết tâm cao, ta đứng ở thế chủ động tiến công, nhưng công tác tư tưởng và công tác tổ chức chưa làm tốt, nên đã tự đặt mình vào thế yếu, phải bỏ cuộc... Đánh một cứ điểm có hỏa lực dày đặc, có công sự nhiều tầng, cần phải tổ chức các mũi tiến công, hiệp đồng chặt chẽ giữa hỏa lực và xung lực, tiến đánh từng mục tiêu, giữ vững và củng cố đầu cầu, phát triển nhanh mạnh vào tung thâm cứ điểm, diệt đầu não chỉ huy địch, chia cắt tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch. Mọi sự tách rời, đánh ào ạt không có tổ chức, không có chiến thuật, đều không bảo đảm thành công.

Trong cuộc họp ngày 15-6, Đảng ủy chiến dịch nhận định: Địch cho rằng ta sẽ tiến công Phủ Lý nên đã bố trí lại binh lực, tăng cường cho Phủ Lý và các vị trí trên đường số 1 từ Phủ Lý đến Ninh Bình. Riêng ở Ninh Bình, địch càn quét nhỏ, chiếm lại các vị trí đã mất. Vừa qua, ta đã bỏ lỡ nhiều cơ hội diệt địch. Địch viện nhỏ, tinh thần kém, gặp ta là rút lui rồi gọi phi cơ, đại bác. Hiện nay tuy điều kiện khách quan để tiêu diệt địch hãy còn nhưng phong trào chiến tranh du kích chưa lên, một số đơn vị chủ lực lại thương vong, có đơn vị mất sức chiến đấu, Đảng ủy chủ trương chuyển sang tranh thủ thắng thêm mấy trận nhỏ trước khi lui quân. Mỗi đại đoàn để lại một trung đoàn, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương hoạt động theo phương thức đánh điểm nhỏ, diệt viện nhỏ, tiếp tục tiêu hao kiềm chế lực lượng địch, phá hoại và chống càn, bảo vệ nhân dân thu hoạch mùa màng, hỗ trợ các địa phương phá tề trừ gian, giữ vững và củng cố phát triển cơ sở. Thời gian hoạt động của chủ lực trong bước 2 dự kiến khoảng một tuần, đến khi nhân dân gặt xong (chừng ngày 20-6) sẽ kết thúc chiến dịch. Trước khi lui quân, tích cực giúp trang bị, giúp đỡ cán bộ để bộ đội địa phương chuẩn bị chống địch càn quét. Chừng ba ngày sau khi lui

quân, bộ sẽ triệu tập hội nghị hướng dẫn công tác tổng kết và chỉnh huấn để các đơn vị về triển khai. Dự kiến đến giữa tháng 7 các đơn vị tổng kết xong, sẽ chỉnh huấn trong hai tháng. Bộ không tổ chức hội nghị tổng kết mà tổ chức hội nghị học tập cho cán bộ trung cấp và cao cấp và sẽ cử phái viên xuống theo dõi giúp đỡ các đơn vị tổng kết và chỉnh huấn.

Đảng ủy đề ra các mặt công tác cụ thể mà các cơ quan Bộ Chỉ huy và các đơn vị cần triển khai để giúp các địa phương trong tuần lễ "đẩy mạnh chiến tranh du kích, bảo vệ mùa màng", nhằm củng cố thắng lợi vừa giành được trong chiến dịch. Với Liên khu 3, chú trọng việc củng cố và phát triển cơ sở, phát triển chiến tranh du kích, chống địch càn quét, bảo vệ nhân dân vận chuyển thóc gạo ra vùng tự do, giữ vững liên lạc giữa Hữu Ngạn và Tả Ngạn. Với Liên khu 4, đặc biệt là Thanh - Nghệ - Tĩnh, cần kịp thời chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ và nhân dân địa phương trong việc giúp đỡ phục hồi sức khỏe cho thương, bệnh binh và giúp đỡ bộ đội trú quân trong thời gian chỉnh huấn.

Trong tuần lễ chuyển sang đánh nhỏ, phối hợp với hoạt động rộng khắp của lực lượng vũ trang địa phương, Trung đoàn 9 (304) đã đánh địch ở Côi Trì, Quang Phục, diệt hơn 50 tên Âu - Phi, bức rút vị trí Cổ Đôi. Trung đoàn 36 (308) tập kích cầu Cồ, Non Nước, đánh địch nống ra xung quanh Chùa Cao, Phúc Am, Phú Khánh, phá cầu Yên, diệt địch ở Đại Phong, phá 10 xe lội nước và dùng thuyền chở bộc phá đánh chìm một tàu chiến địch trên sông Đáy. Các trung đoàn 48 và 64 (320) đánh địch ở Bình Lục, Thanh Liêm, Phúc Lâm, Hạ Thao Ngoại, Quang Tái, Quán Châm.

Sau trận chống càn thắng lợi của một đơn vị thuộc Đại đoàn 320, diệt hàng trăm tên địch ở Chợ Cháy (ứng Hoà, Hà Đông), ngày 20-6-1951, Chiến dịch Quang Trung kết thúc.

Trong báo cáo hướng dẫn tổng kết ngày 22-6, về thắng lợi của chiến dịch, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận xét:

Về quân sự, đánh vào hướng Ninh Bình, chúng ta đã giành được bất ngờ, địch điều động lực lượng ứng cứu rất lúng túng từ đại đội rồi tiểu đoàn, sau ba hôm mới điều được các GM1 và 4 là những lực lượng đang càn quét ở Bình Giang và Tứ Kỳ hoặc chuẩn bị càn quét Tiên - Hưng, chúng phải điều cả những lực lượng từ trung du và phía bắc Phủ Lý xuống để ứng cứu cho Ninh Bình và Phát Diệm. Quân ta đã giữ quyền chủ động trong tiến công địch cũng như chủ động trong lui quân. Kết quả hơn ba tuần chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt 4.050 tên địch, trong đó có 40% là Âu - Phi thuộc các đơn vị ứng chiến của địch, thu trên 1.000 súng các loại, đủ trang bị cho một trung đoàn mạnh, đã tiêu diệt và bức rút 30 vị trí. Nhờ thắng lợi về quân sự trên chiến trường Ninh Bình - Phủ Lý - Phát Diệm mà chiến tranh du kích bắt đầu phát triển ở Hữu Ngạn, nhiều bộ đội địa phương đã trở về hoạt động ở địch hậu, còn ở Tả Ngạn thì phong trào du kích vẫn tiếp tục phát triển, nhất là trong *Tuần lễ phát động du kích bảo vệ mùa màng* vừa qua. Nhưng thương vong của một số đơn vị khá nặng. Theo tổng hợp của cơ quan tham mưu chiến dịch, tỷ lệ thương vong là ta 1, địch 1,2, một tỷ lệ khó chấp nhận.

Về chính trị, một thắng lợi to lớn là bộ đội đã chấp hành đúng chính sách đối với đồng bào công giáo, chính sách đối với ngụy binh, gây ảnh hưởng chính trị đáng kể, làm thay đổi thái độ của một phần đồng bào công giáo đối với kháng chiến và bộ đội. Chính sách khoan hồng đã tác động tích cực đến tinh thần binh lính ngụy, bước đầu làm tan rã được một bộ phận ngụy binh và còn có khả năng phát triển thêm. Nhân đà thắng lợi nói trên, nhiều cơ sở chính trị ở địch hậu đã được khôi phục, nhiều cơ sở Đảng đã được gây dựng trở lại. Thắng lợi này lớn hay nhỏ còn do hoạt động tiếp theo của địa phương quyết định.

Về kinh tế, chiến dịch mở vào lúc mùa gặt bắt đầu ở Bắc Bộ, địch đang chuẩn bị càn quét ở Tả Ngạn và Hữu Ngạn cũng như ở Trung du hòng thực hiện chiến dịch cướp thóc lúa, phá mùa màng. Quân ta đánh mạnh vào một hướng bất ngờ trong một thời gian ngắn, đã thu hút được phần lớn quân cơ động của địch vào chiến trường chính và như vậy đã phá được phần lớn dự định càn quét của địch, thực hiện được phần lớn thu hoạch vụ chiêm ở trung du và ở Tả Ngạn. Riêng ở Hữu Ngạn, mặc dù các cuộc càn quét của địch bị tạm thời ngừng trệ nhưng điều kiện gặt hái vẫn khó khăn.

Nói tóm lại, nếu căn cứ vào bốn mục đích do Trung ương đề ra mà kiểm điểm thì chúng ta nhận thấy chiến dịch đã thực hiện được mục đích thứ nhất (tức diệt sinh lực địch - T.G.) và một phần khá quan trọng ba mục đích khác. Chúng ta đã chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch, coi trọng thắng lợi chính trị cũng như thắng lợi quân sự và chúng ta đã thắng lợi cả về quân sự lẫn chính trị.

Về mặt chỉ đạo, ông Võ Nguyên Giáp thay mặt Đảng ủy nhận xét:

Ưu điểm trong chỉ đạo chiến dịch là:

1- Đảng ủy chuyển phương hướng tiến công chủ yếu từ Phủ Lý xuống Ninh Bình là đúng;

2- Đã hết sức kết hợp tác chiến của chủ lực với giúp địa phương đẩy mạnh chiến tranh du kích và bảo vệ mùa màng;

3- Lãnh đạo có kết quả việc chấp hành chính sách của Đảng và Chính phủ.

Đảng ủy mặt trận có hai khuyết điểm lớn là:

1- Thiếu sót trong việc tạo điều kiện và thời gian cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, nên nhiều trường hợp quyết định kéo dài, mất thời cơ và không hợp tình huống;

2- Chủ quan không lường hết những khó khăn về cung cấp để lãnh đạo khắc phục kịp thời. Bí thư Đảng ủy Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: Kinh nghiệm về cung cấp lần này là một kinh nghiệm lớn. Kinh nghiệm đó chứng tỏ rằng: Trong chiến đấu với địch, vô luận một điều gì, dù điều kiện khách quan thuận lợi đến đâu, nếu sự nhận định của ta có phần chủ quan, sự cố gắng có phần lơ là hay không kịp thời thì rút cục cũng có thể đi tới thất bại.

Đề cập những ưu điểm và khuyết điểm chung của các đơn vị chủ lực, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu lên bốn ưu điểm, đó là:

1- Các đơn vị nói chung đều tiến bộ về kỹ thuật và chiến thuật (308 và 304 trong đánh công kiên, 320 trong đánh viện ban ngày);

2- Do kết quả của cuộc kiểm thảo sau Chiến dịch đường số 18, tinh thần trách nhiệm và tinh thần khắc phục khó khăn của cán bộ đã tiến bộ một bước dài, phần lớn cán bộ đã đi sát bộ đội, chiến đấu anh dũng;

3- Nói chung các đơn vị đã chấp hành đúng chính sách, gây được ảnh hưởng chính trị to lớn;

4- Tinh thần anh dũng chiến đấu và chịu đựng gian khổ của bộ đội được nêu cao.

Về khuyết điểm chính cần chú trọng trong kiểm thảo tổng kết, ông Giáp nhận xét:

1- Cán bộ các cấp chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa chuẩn bị đầy đủ với tranh thủ thời gian cho phù hợp với từng hoàn cảnh, từng tình huống, từng nhiệm vụ;

2- Cán bộ còn thiếu năng lực phán đoán, không nắm vững bộ đội, không nắm vững tình huống, nên giải quyết vấn đề dễ phạm sai lầm và vì vậy bỏ lỡ thời cơ, ảnh hưởng đến phát triển chung của chiến dịch;

3- Trong chỉ huy chiến đấu, vận dụng chiến thuật không linh hoạt nên khi gặp tình huống khẩn trương thì dễ sinh ra hoang mang, kém bình tĩnh hoặc quyết tâm không vững chắc (các trận Chùa Cao, Lợi Hoà, trận chùa Non Nước);

4- Lãnh đạo tư tưởng thiếu dự kiến, động viên chính trị thiếu liên tục, nhất là trong trường hợp đơn vị bồng bột chủ quan sau một trận thắng lợi hoặc hoang mang bi quan sau một trận thất bại.

Kết luận bản báo cáo hướng dẫn tổng kết, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nói: Nhờ những ưu điểm nói trên mà chúng ta đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, đạt được những thắng lợi đã nêu lên trong báo cáo này. Nhưng cũng vì những khuyết điểm nói trên cho nên đã bỏ qua nhiều thắng lợi đáng lẽ có thể tranh thủ được và chiến dịch không phát triển được theo kế hoạch đã định... Chúng ta phải nhận cho rõ điểm đó để tránh kiêu căng trong thắng lợi và chú ý phát huy những ưu điểm, sửa chữa những khuyết điểm nói trên trong công tác kiểm thảo và tổng kết. Chúng ta lại cần nêu lên trong hội nghị này tất cả sự cố gắng của bộ đội địa phương trong việc phát triển du kích chiến tranh, tất cả những cố gắng và thành tích của các chiến trường phối hợp ở Tả Ngạn, ở trung du, ở Bình - Trị - Thiên. Đặc biệt ở Tả Ngạn, bộ đội ta đã tiêu diệt và buộc địch phải rút gần 30 vị trí hương dũng, làm tan rã trên 1.000 ngụy binh, mở rộng vùng tự do Tiên - Duyên - Hưng, xây dựng khu tự do mới ở Tiên Lữ, Phù Cừ, Kiến Xương, Tiền Hải... Chúng ta cần nêu trong hội nghị này tất cả sự cố gắng của nhân dân Liên khu 3 và 4 trong việc chuẩn bị chiến trường và huy động nhân lực, vật lực cho chiến dịch... Sự cố gắng đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung.

Riêng về phần chỉ đạo chiến dịch, ngày 25-6, Đảng ủy đã họp kiểm điểm cụ thể thêm trước khi Tổng Tư lệnh và các đồng chí lãnh đạo ba cơ quan của bộ trở về căn cứ Việt Bắc. Đảng ủy xác định: Do thời gian hạn chế nên chỉ kiểm thảo những nét lớn.

Về công tác chỉ đạo chuẩn bị chiến dịch, Đảng ủy nhận thấy do thiếu sự hướng dẫn của bộ nên việc chuẩn bị chiến trường rất lúng túng, mò mẫm, nhất là công tác nắm địch và công tác cung cấp. Kết quả là có những điểm không ăn khớp với tác chiến. Có nhiều thứ chuẩn bị nhưng không dùng đến, có nhiều thứ cần đến nhưng lại không chuẩn bị. Đó là công việc của Ban chuẩn bị chiến trường nhưng Đảng ủy cũng có một phần trách nhiệm, ví dụ như không đôn đốc tham mưu xuống sớm để giúp đỡ kịp thời.

Về chủ trương tác chiến mở chiến dịch vào mùa mưa, mùa gặt: Khi mở chiến dịch vào vụ mùa, cần phải cân nhắc thận trọng ảnh hưởng qua lại giữa chiến dịch với vấn đề dân công và lúa gạo. Đứng về thời tiết mà nhận xét thì không nên mở chiến dịch vào mùa mưa, trên một chiến trường nhiều ruộng chiêm và đồng lầy, ảnh hưởng đến việc hành quân, trú quân, nuôi quân, tác chiến; bộ đội và dân công ốm nhiều.

Về chủ trương tác chiến và tác phong chỉ đạo, chỉ huy: Từ chỗ chủ trương đánh Phủ Lý, đã căn cứ vào tình hình cụ thể để chuyển hướng xuống Ninh Bình, là đúng. Trong đợt 2, sau trận đánh Chùa Cao không thành công, chủ trương chuyển sang đánh nhỏ và giúp đỡ địa phương đẩy mạnh

chiến tranh du kích là đúng. Khuyết điểm là không nắm vững tình huống, không kiểm tra đôn đốc để bộ đội thực hiện đúng chủ trương đúng đó. Đảng ủy dẫn ra hai khuyết điểm cụ thể về chỉ đạo, chỉ huy:

1- Ngày bắt đầu mở màn chiến dịch: Không phải Đảng ủy hấp tấp tính thời gian không sát, mà đã biết tranh thủ thời gian để tránh lộ bí mật, tránh mùa mưa và không mất tuần trăng. Ngày đã định trong mệnh lệnh rất đủ cho các đơn vị chuẩn bị, ví dụ như thời gian cho Trung đoàn X vào địch hậu cũng như trường hợp Trung đoàn Y chuẩn bị không kịp là do lề lối làm việc và tinh thần phụ trách của chỉ huy đơn vị chứ không phải do thiếu thời gian. Nhưng vì Đảng ủy thiếu kiểm tra đôn đốc nên không thực hiện đúng thời gian hoạt động theo kế hoạch.

2- Sau trận Ninh Bình, đã có chủ trương bố trí binh lực ở đó, sẵn sàng tiêu diệt địch nếu chúng trở lại đánh chiếm. Như thế là đã có chủ trương và là chủ trương đúng, nhưng do Đảng ủy không nắm vững tình huống, lại thiếu kiểm tra đôn đốc nên sau khi tiêu diệt địch ở Ninh Bình, đại bộ phận lực lượng của ta đã rút ra, để cho địch đến chiếm lại dễ dàng.

Về cách làm việc của Đảng ủy: Ưu điểm là trong chiến dịch này, Đảng ủy chỉ họp và bàn quyết định những vấn đề lớn thuộc chủ trương, đường lối rồi lãnh đạo các cơ quan và đơn vị chấp hành, không họp nhiều và bàn những việc vụn vặt như trước. Nhưng khuyết điểm là chỉ đạo ba cơ quan Tham mưu, Chính trị, Cung cấp không chặt chẽ, nên hoạt động thiếu sự phối hợp, loạc choạc, phân tán. Riêng với cơ quan Cung cấp mặt trận, Đảng ủy đã chủ quan, không kịp thời thấy rõ những khó khăn về công tác dân công và thương binh tử sĩ để tập trung chỉ đạo giải quyết. Với Bộ Tư lệnh địa phương và Liên khu ủy 3, mấy ngày đầu không kịp thời quy định mối liên hệ và cách làm việc nên việc bố trí cán bộ và cơ quan bị lúng túng, cách làm việc loạc choạc. Với Liên khu 4, Đảng ủy đã không thấy rõ khả năng và hoàn cảnh của địa phương nên làm cho địa phương bị động nhiều, nhất là trong việc điều động cán bộ. Khu ủy điều động cán bộ cho đủ số nhưng không hợp với sở trường và công tác nên người vẫn thừa mà công việc vẫn thiếu người phụ trách, trong khi đó thì địa phương bị "rỗng".

Để giúp đỡ Liên khu 3 đối phó với địch khi bộ đội chủ lực đã lui quân, Đảng ủy dự kiến sắp tới địch sẽ củng cố thế chiếm đóng của chúng ở Hữu Ngạn nói chung, phòng tuyến sông Đáy nói riêng, sẽ tuyển mộ thêm ngụy binh, đóng thêm đồn, củng cố công sự, càn quét, khủng bố, nhất là Tả Ngạn. Chúng sẽ mở rộng "khu trắng" Trung Hà - Ngã Ba Thá xuống tới Vân Đình và dưới nữa. Cơ sở của ta ở Hữu Ngạn còn yếu kém về nhiều mặt, có thể sẽ gặp khó khăn, kể cả xuất hiện tư tưởng bi quan, cầu an, sợ gian khổ. Đảng ủy nhận thấy vấn đề chính là phải nhanh chóng củng cố tổ chức, chấn chỉnh sự lãnh đạo. Cán bộ phải bám sát dân, hết sức tăng cường hoạt động của bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Trung đoàn 52, 1 tiểu đoàn của 64 và 1 tiểu đoàn của 48 sẽ ở lại hoạt động, sẵn sàng đánh địch nếu chúng đánh ra vùng tự do và phá hoại mùa màng, nhưng nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của các đơn vị này vẫn là chỉnh huấn.

Sau này, phân tích và đánh giá Chiến dịch Quang Trung, tài liệu *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam* (Bộ Quốc phòng) viết: Lần đầu tiên bộ đội ta tiêu diệt được quân chiếm đóng của địch trong một thị xã ở đồng bằng (Ninh Bình); lần đầu tiên tiêu diệt 4 đại đội địch trong công sự vững chắc sau 2 đêm và một ngày chiến đấu, mở ra một kỷ lục mới về công kiên chiến. Cũng lần đầu tiên ta thực hiện một cách có kế hoạch sự phối hợp tác chiến giữa ngoại tuyến (phòng tuyến sông Đáy) với nội tuyến (Tả Ngạn sông Hồng). Kinh nghiệm đầu tiên đó nói lên khả năng thực hiện sự phối hợp giữa hai mặt trận phía trước và vùng sau lưng địch trong những chiến dịch sau này.

So sánh mọi mặt trên toàn chiến trường đồng bằng sông Hồng, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Quang Trung đã chọn đúng hướng đột phá là vùng Phủ Lý - Ninh Bình, địa bàn địch yếu và sơ hở hơn các hướng khác nên chiến dịch đã thu được một số thắng lợi. Cùng với kết quả tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, ta thu một số vũ khí và trang bị kỹ thuật, bước đầu đẩy mạnh chiến tranh du kích và tạo được một thế uy hiếp mới trên chiến trường phía nam đồng bằng Bắc Bộ. Không những địch phải bỏ dở trận càn lớn ở vùng Bình Giang, Tứ Kỳ, Tiên Hưng (Tả Ngạn sông Hồng), tạm dừng kế hoạch củng cố thế phòng thủ ở trung du và đường số 18, mà còn phải đưa quân về đối phó trong vùng Ninh Bình, Phát Diệm, phân tán thêm lực lượng chiếm đóng trên phòng tuyến sông Đáy.

Mặc dù vậy, Chiến dịch Quang Trung vẫn không đạt được mục đích chiến lược đề ra... Nguyên nhân về chiến lược là chọn hướng tiến công không phù hợp, địch dựa vào hỏa lực phi pháo, tận dụng địa hình (đồng bằng) thuận lợi và phương tiện cơ động nhanh để tăng viện, mau chóng làm thay đổi so sánh lực lượng và thế trận chiến dịch. Riêng về chiến dịch, nghệ thuật điều hành cũng không tạo được điều kiện để bộ đội khắc phục những yếu kém đã phát hiện trong hai chiến dịch trước... Những yếu kém về chỉ đạo, chỉ huy của cấp chiến dịch đã tác động trực tiếp đến hiệu quả chiến đấu của bộ đội.

Về cả ba chiến dịch xuân hè năm 1951, văn kiện trên viết: Đây là lần đầu tiên ta mở liên tiếp ba chiến dịch tiến công quy mô nhiều đại đoàn đánh vào phòng tuyến của địch trên chiến trường trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Trên cả hướng chính và hướng phối hợp, quân ta đã tiêu diệt chừng 70 vị trí địch, trong đó có quân địch chiếm đóng một thị xã và nhiều vị trí khác trên dưới một đại đội. Về đánh viện, quân ta đã tiêu diệt một tiểu đoàn và đánh thiệt hại nặng một số tiểu đoàn, đại đội ứng chiến khác thuộc các GM1, 3 và 4; đã loại khỏi vòng chiến đấu chừng 10.000 quân địch (một nửa là quân cơ động), thu một số lượng quan trọng vũ khí và trang bị kỹ thuật.

Trên chiến trường mới lạ, địa hình trống trải, hoạt động dưới sự uy hiếp thường xuyên của hỏa lực phi pháo địch, bộ đội đã bước đầu rút được một số kinh nghiệm về chiến thuật vận động tiến công, đánh địch trong công sự vững chắc cả ban ngày và ban đêm, đánh viện binh địch cả trên bộ, trên sông và quân dù. Tuy nhiên, đó mới là những kinh nghiệm ban đầu trên bước đường tiến từ tác chiến du kích lên tác chiến chính quy. Những kinh nghiệm đó đã góp phần vào sự tiến bộ về trình độ tác chiến của bộ đội chủ lực. Trong cuộc chiến đấu không cân sức giữa ta và địch, không lợi cho ta trên chiến trường trung du và đồng bằng, sự tiến bộ đó thể hiện rõ nét nhất trong hai trận đánh vận động ở Xuân Trạch và đánh công kiên trong thị xã Ninh Bình.

Nhưng cả ba chiến dịch đều không hoàn thành nhiệm vụ chiến lược đề ra, kết quả đó bắt nguồn từ những hạn chế về chỉ đạo chiến lược và nghệ thuật điều hành chiến dịch.

Về chỉ đạo chiến lược:

Sau chiến thắng thu đông năm 1950 trên chiến trường Biên giới, cấp chiến lược đã đánh giá không đúng so sánh lực lượng, không thấy hết các mặt còn hạn chế của bộ đội chủ lực ta và hiệu quả các biện pháp đối phó về chiến lược của địch; do đó đã đề ra chủ trương giành ưu thế quân sự, tiến tới thay đổi cục diện chiến trường Bắc Bộ. Biểu hiện cụ thể là nôn nóng, trong bảy tháng mở liên tiếp ba chiến dịch tiến công quy mô nhiều đại đoàn trên chiến trường địch còn mạnh là trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

Đúng là chiến thắng Biên giới đánh dấu một bước trưởng thành của bộ đội chủ lực cả về chất lượng, quy mô tổ chức và trình độ tác chiến... Nhưng đó là bước trưởng thành có điều kiện, còn

nhiều hạn chế của một quân đội cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thấp, trình độ tác chiến tập trung chưa cao. Điều kiện trang bị và sở trường chiến đấu của bộ đội chủ lực hồi đó chỉ phù hợp và có điều kiện phát huy trên chiến trường rừng núi. Tại địa bàn này, không những quân ta hạn chế được sức mạnh phi pháo và khả năng cơ động của địch mà còn dựa vào địa hình rừng núi thuận lợi để khắc phục mặt yếu kém về trang bị kỹ thuật của ta.

Về nghệ thuật chiến dịch:

Trong cả ba chiến dịch, Bộ Chỉ huy đều đề ra phương châm "đánh điểm diệt viện", nhưng về lãnh đạo tư tưởng chiến thuật không khẳng định lấy đánh địch ngoài công sự làm chính... Cấp chiến dịch không bảo đảm các yếu tố chắc thắng trong các trận tiến công cứ điểm, thường chủ yếu là do chuyển hướng tiến công vội vã khi thấy viện binh địch không xuất hiện, hoặc do nắm địch không vững, hoặc thiếu sâu sát, chỉ đạo cách đánh không cụ thể, nhất là đối với các trận quan trọng... Tóm lại, tuy cấp chiến dịch có đề ra phương châm "đánh điểm diệt viện" nhưng thiếu biện pháp cụ thể trong chỉ đạo chuẩn bị cũng như trong thực hành chiến dịch. Do đó, so với chỉ đạo đánh điểm diệt viện trong Chiến dịch Biên giới, ba chiến dịch xuân hè năm 1951 thể hiện một bước chững lại (nếu không nói thụt lùi) về nghệ thuật chiến dịch.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cũng có những suy nghĩ về các chiến dịch kể từ khi bộ đội chủ lực chuyển sang đánh lớn, quy mô nhiều đại đoàn. Sau này nhớ lại, ông viết: Bốn chiến dịch vừa qua trong tám tháng trên những chiến trường rất khác nhau[43], giống như một chiến dịch kéo dài vì thời gian liên tục của nó, vì những đơn vị tham chiến, cơ quan điều hành, với cách đánh hầu như không thay đổi. Chúng ta đã chuyển sang thời kỳ vận động đánh lớn... Các trận đánh vận động ở Liễn Sơn, Xuân Trạch, ở Thanh Vân, Đạo Tú (Chiến dịch Trần Hưng Đạo), trận tiêu diệt cứ điểm Bí Chợ (Chiến dịch Hoàng Hoa Thám), trận tiêu diệt cứ điểm Non Nước (Chiến dịch Quang Trung), đã nói lên một bước trưởng thành của bộ đội trong tác chiến trên địa hình trung du và đồng bằng. Nhưng, nổi cộm lên là thất bại của những trận đánh điểm Bãi Thảo, Bến Tắm, Chùa Cao, bộ đội phần lớn thương vong vì pháo bắn chặn từ xa của địch.

Có những vấn đề đã khiến tôi băn khoăn từ khi kết thúc Chiến dịch Trung du, tới chiến dịch (Hà - Nam - Ninh) này đã trở thành một thách thức lớn.

Đờlát không chỉ vực dậy một bước tinh thần quân đội viễn chinh với những lời động viên mà còn giành được lòng tin của binh lính vì biết tập trung lực lượng nhanh chóng vào những điểm nóng, biết chấp nhận những thiệt hại nhỏ, kiên quyết khước từ giao chiến với ta trong những điều kiện bất lợi. Đờlát đã phát huy tối đa sức mạnh những binh khí, kỹ thuật hiện đại để ngăn chặn ta trong đánh vận động cũng như trong đánh điểm.

Đồng bằng Bắc Bộ đã nhanh chóng rắn lại. Tình hình sau đây sẽ ra sao khi đại bộ phận quân chủ lực của ta đã rút đi?

Những vấn đề mới đã đặt ra trước chúng ta.

Chú thích:

1. Mật danh của Chiến dịch Trung du (Vĩnh Yên).

2. Hành lang đông tây là tuyến chiến lược nối liền Lạng Sơn - Bắc Bắc - Sơn Tây - Hoà B`ình lên Sơn La - Tây Bắc, hình thành và ngày càng được củng cố từ mùa hè năm 1949 theo kế hoạch Rơve. Hành lang này không những nhằm chia cắt căn cứ địa Việt Bắc với vùng đồng bằng của ta mà còn là tuyến phòng ngự vành ngoài của Hà Nội, ngăn chặn chủ lực của ta từ hướng bắc đánh xuống.

3. Các Đại đoàn 304 thành lập đầu năm 1950; Đại đoàn 312: cuối năm 1950; các Đại đoàn 320, 325 và Đại đoàn công binh - pháo binh 351: đầu năm 1951; Đại đoàn 316: mùa hè năm 1951. Trung đoàn 246 vẫn đảm nhiệm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Trung ương trong căn cứ địa Việt Bắc. Chiến trường chính của Đại đoàn 320 là đồng bằng Bắc Bộ, của 325 là Bình - Trị - Thiên. Do đó, lực lượng cơ động chủ yếu trực tiếp của Tổng hành dinh ở Bắc Bộ là 4 đại đoàn bộ binh 308, 304, 312, 316 (36 tiểu đoàn) và Đại đoàn 351 gồm 1 trung đoàn công binh và 1 trung đoàn pháo binh.

4. Đảng ủy Mặt trận Trung du, được Thường vụ Trung ương chính thức thông qua cuối tháng 11, gồm các đồng chí Võ Nguyên Giáp (Bí thư kiêm Chỉ huy trưởng), Nguyễn Chí Thanh (Chính ủy) và các ủy viên: Chu Văn Tấn, Trần Hữu Dực, Đào Văn Trường.

5. Phía bắc đồng bằng: 33 tiểu đoàn - có 17 tiểu đoàn cơ động; duyên hải: 22 tiểu đoàn - 11 tiểu đoàn cơ động; phía nam: 10 tiểu đoàn - 2 tiểu đoàn cơ động.

6. Đến trước ngày mở màn chiến dịch, binh lực địch trên hướng chính Vĩnh Phúc - Bắc Bắc có chừng 15.000 tên, 2/3 là quân Âu - Phi. Binh đoàn cơ động số 3 (GM3) đứng chân ở Vĩnh Yên - Việt Trì. Các GM khác, từ Bắc Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Hải Dương, Đông Triều có thể nhanh chóng cơ động đến ứng cứu.

7. Vận động từ xa đến, dùng hỏa lực mạnh và đánh đêm.

8. Sau này, qua tài liệu đối phương, ta được biết chính Tướng Đờlát đã ra lệnh "tổ chức ngay một cuộc hành binh thăm dò vùng đang biến động". Đờ La Tua giao việc này cho Đại tá Muyle (Muller) đảm nhiệm. Muyle chưa biết gì về chiến trường Đông Dương vì vừa từ Pháp sang, nhận quyền chỉ huy Binh đoàn cơ động 3 (GM3) gồm 3 tiểu đoàn vừa được ghép lại vội vàng trong vòng 48 giờ để tiến hành cuộc hành binh mang tên *Chim dẽ giun* (Bécassine), càn quét và thăm dò hướng tiến công của chủ lực ta. Theo Luyxiêng Bôđa, một tiểu đoàn của GM3 bị ta diệt gọn trong trận càn này. Sau thất bại ở Liễn Sơn - Xuân Trạch, Tổng Chỉ huy Pháp ra lệnh bổ sung quân số cho GM3 và giao cho Đại tá Vanuyxem chỉ huy.

9. Địch trong thị xã Vĩnh Yên rất hoang mang, Vanuyxem kêu cứu, Galibe - chỉ huy phân khu Vĩnh Phúc - điện gấp xin viện binh.

10.. 3/4 thương vong trong đợt 2 là do phi pháo của địch, bộ đội còn thiếu kinh nghiệm vận động ban ngày, kinh nghiệm đào công sự và ngụy trang trong điều kiện chiến đấu ban ngày.

11. Tiêu diệt 6 tiểu đoàn gồm khoảng 5.000 tên (2.036 tù binh) diệt 30 vị trí, trong đó có 10 vị trí binh lực trên dưới 1 đại đội, thu trên 1.000 súng trường, gần 200 tiểu, trung, đại liên, 25 súng cối, 1 khẩu pháo, 38 máy vô tuyến điện và nhiều quân trang, quân dụng.

12. Xuân này kháng chiến đã năm Xuân,

Nhiều Xuân thắng lợi càng gần thành công.

Toàn dân hăng hái một lòng.

Thi đua chuẩn bị, tổng phản công kịp thời.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.251-252.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.255.

15. 1- Cuộc chiến tranh giải phóng của ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa; 2- Nước ta là một nước nhược tiểu, đất hẹp, của ít, là một thuộc địa cũ của Pháp mới nổi dậy thành lập quốc gia và quân đội; 3- Việt Nam là một nước nhược tiểu nhưng lại là một nước nhược tiểu đã làm cách mạng dân chủ nhân dân; 4- Nước ta ở bên cạnh hai nước Lào và Miên, trong khi chúng ta kháng chiến chống Pháp thì Lào và Miên cũng đã nổi dậy đấu tranh vũ trang chống Pháp; 5- Cuộc chiến tranh chống Pháp xảy ra trên một nước tiếp giáp với Trung Hoa, có một vị trí chiến lược quan trọng ở Đông Nam Á và trong điều kiện quốc tế mới sau Đại chiến thế giới thứ hai; 6- Cuộc chiến tranh giải phóng của Việt Nam do giai cấp công nhân, do Đảng Cộng sản và vị lãnh tụ tối cao là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.264

17. 1- Chủ quan trong đánh giá địch và trong sự ước lượng những khó khăn của ta về xây dựng lực lượng cũng như về tác chiến khi chiến tranh chuyển từ du kích chiến sang chính quy chiến; 2- Chậm tiến trong sự chỉ đạo vận động chiến, quan niệm về vận động chiến chưa rõ rệt; 3- Coi nhẹ du kích chiến, không chỉ trên chiến trường chính mà trên tất cả các chiến trường khác.

18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.274.

19. Ba đặc điểm của Quân đội nhân dân Việt Nam là: dân tộc, dân chủ và tiến tới hiện đại.

20. Ba thời kỳ: trước Tổng khởi nghĩa - thời kỳ phôi thai; Tổng khởi nghĩa - thời kỳ phát triển; kháng chiến - thời kỳ trưởng thành.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.282-283.

22, 23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.285-286, 287-288.

24, 25, 26. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.295-296, 303, 304.

27. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.308-309.

28. Tức đồng chí Hoàng Quốc Việt (1905 - 1992), Ủy viên Thường vụ Trung ương, khi đó phụ trách công tác Mặt trận Liên Việt.

29. Đảng ủy Chiến dịch Hoàng Hoa Thám được Thường vụ Trung ương chỉ định ngày 31-1, gồm các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Thái,, Trần Hữu Dực, do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bí thư kiêm Chỉ huy trưởng.

30. Đường số 18 chạy từ Bắc Ninh đến Tiên Yên, qua Quế Võ, Phả Lại, Chí Linh, Đông Triều, Mạo Khê, Uông Bí, Hòn Gai, Cẩm Phả, Mông Dương. Tại đây địch bắt đầu xây dựng những cứ điểm đầu tiên của tuyến phòng ngự bêtông nối Đông Bắc với trung du.

31. Theo hồi ký của Xalăng, chỉ trong mấy tháng đầu năm 1951, Đờlát đã điều từ Nam Bộ ra Bắc 4 tiểu đoàn Bắc Phi, 2 tiểu đoàn lê dương, 1 tiểu đoàn dù, 1 tiểu đoàn công binh, 1 cụm pháo và phần lớn sức yểm trợ của không quân, một sự cắt xén mà Tướng Săngxông - Chỉ huy Nam Bộ - "phải chịu đựng vì lợi ích của miền Bắc". Xalăng kể rằng Săngxông đưa ra dẫn chứng để than phiền với Xalăng: "Chúng ta phải liều lĩnh mà nhận rằng đối phương, cái ông Nguyễn Bình nổi tiếng kia, theo lệnh của ông Giáp, sẽ phát động những hoạt động lớn với 20 tiểu đoàn xung kích của ông ta vào đầu tháng 3. Để đối phó lại, chúng ta chỉ có 5 tiểu đoàn ứng chiến... Thật là ít... ". Xalăng đã nói với Săngxông những điều mà Đờlát nhiều lần nói trong cơ quan tham mưu Tổng hành dinh Pháp, rằng với Tổng Chỉ huy hiện nay, quan trọng nhất là miền Bắc, chỉ miền Bắc là quyết định (seul compte le Nord). Chính Hà Nội mới là nơi quyết định số phận của Đông Dương và mọi cố gắng của Tướng quân là hướng vào miền Bắc. Chính ngoài Bắc mới là nơi xuất phát những dòng nước lũ dữ dội muốn hất chúng ta xuống biển. Chính vì thế mà Tướng quân muốn dựng lên bức thành lũy để chống lại những dòng lũ đó. Vì vậy, các nơi khác phải tự lo liệu lấy... Sau đó chúng ta sẽ thấy sáng sủa hơn...

32. Sau này được biết trong một tháng qua, địch tăng cường tìm hiểu hướng tiến công của chủ lực ta, cả bằng các đội tuần tiễu lùng sục đan xen nhau (patrouilles sur patrouilles) cả bằng máy báy trinh sát và theo dõi qua đài kỹ thuật. Xalăng được báo cáo rằng mấy ngày trước đội tuần tiễu của quân Pháp bắt được Trưởng ban Trinh sát của Trung đoàn 36 thuộc Đại đoàn 308, nhưng người cán bộ quân báo này đã tự cắn lưỡi để khỏi phải khai báo nên phía Pháp không khai thác được gì. Nhưng đến đêm 19-3, qua đài vô tuyến, địch đã phát hiện Đại đoàn 308 đang chuyển quân về hướng đông, hướng triền núi Đông Triều và một đơn vị của 312 bị phát hiện ở Lục Nam, chứ không phải hướng bắc Hà Nội như Đờlát phán đoán trước đây. Những tin tức mới nhận được phù hợp với tin Thủ hiến Bắc Kỳ Nguyễn Hữu Trí cung cấp. Xalăng vội báo cáo với Đờlát - khi đó đang ở Pari - và đề nghị cho chuyển ngay lực lượng cơ động sang hướng đông để đối phó với sức ép của đối phương. Đô đốc Oóctoli (Ortoli) được lệnh chuẩn bị điều tàu chiến và các đơn vị thủy đội xung kích từ các cửa sông tiến sâu vào trong đất liền để tuần tiễu và hỗ trợ cho các vị trí Pháp ở sát các bờ sông vùng mỏ.

33. Phóng viên chiến trường sau này trở thành nhà nghiên cứu lịch sử quân sự Luyxiêng Bôđa viết trong cuốn *Lịch sử chiến tranh Đông Dương:* "Nhiều bốt bị chiếm dọc sông Đá Bạc mà không ai làm gì được. Trong một đêm quân địch xuyên một "lỗ hổng" khoảng 30 km trên đường số 18... Tình hình nghiêm trọng.

Trong một đêm quân địch xuyên một "lỗ hổng" khoảng 30 km trên đường số 18... Tình hình nghiêm trọng, đòi hỏi phải có một quyết định, thế nhưng cả Đờ Linarét và Xalăng cũng không còn tin ở mình. Họ vẫn chưa thấy rõ ý đồ của ông Giáp và tự hỏi: "Cạm bẫy ở đâu, làm sao để khỏi rơi vào đó"? Các ban tham mưu lúng túng ghê gớm, các Phòng Nhì (Tình báo), Phòng Ba (Tác chiến) vẫn giẫm chân tại chỗ. Người ta sợ vua Giăng (tức Đờlát - T.G.) hơn cả quân Việt. Vì ai dự kiến được phản ứng của Đờlát trước những biện pháp áp dụng trong khi ông ta vắng mặt? Khi về, có nhiều khả năng ông cho những biện pháp ấy là không đúng và ông ta sẽ rất giận dữ... Kết luận cuối cùng được đặt ra là: Chúng ta đừng làm gì cả, nhất là đừng gửi quân tăng cường cho đường số 18, không nên dấn thân vào con đường đó. Mục đích của ông Giáp là kéo lực lượng của chúng ta vào ngõ cụt ấy để đánh chỗ khác. Đừng để bị đánh lừa. Chỉ có mấy vị trí bị hạ, không nên đưa quân đi cứu. Kiên trì chờ Đờlát trở về để ông ấy quyết định và chịu trách nhiệm".

34. Xide (Sizaire), một sĩ quan lê dương kỳ cựu, đã từng hoạt động ở vùng duyên hải Đông Bắc sau đảo chính Nhật - Pháp tháng 3-1945, đã từng đánh chiếm Lạng Sơn hồi tháng 11-1946, rất am tường đường số 4 và vùng Đông Bắc. Xide đã trở về Pháp, nhưng mới được Đờlát kéo sang với ý định dùng vào kế hoạch "đánh chiếm lại Lạng Sơn, phục thù cho đường số 4". Lúc này Xide đang "thất sủng", vì phản đối kịch liệt chủ trương của Tổng Chỉ huy xây phòng tuyến bongke vây quanh đồng bằng Bắc Bộ. Lần này, khi trao nhiệm vụ ra Đông Bắc, Đờlát cho Xide được quyền sử dụng các GM 4, 5, 7, tức Sư đoàn cơ động số 2 Bắc Kỳ (2è DMT) đang trong quá trình xây dựng và báo cáo trực tiếp với Đờlát, vượt qua cả Xalăng và Đờ Linarét.

35. L.Bôđa viết: "Đối với tàu xe của quân Pháp, thiên nhiên là trở ngại trực tiếp... Đường sá ngập bùn, gần như không đi được. Để vươn tới, chỉ có con đường số 18, nơi mà xe GMC luôn bị sa lầy và sông Đá Bạc, một dòng nước đặc quánh khiến tàu LST phải nhích từng bước".

36. Trên hướng chính, quân ta bị thương vong nặng: hy sinh 495 (có một trung đoàn trưởng), bị thương 1.673, mất tích 94, một tỷ lệ thương vong cao so với 25.000 quân tham chiến và so với số thương vong của địch (chết 840, bị thương 350, bị bắt 119). Sau chiến dịch, bộ đội mệt mỏi, sức chiến đấu giảm.

37. Sau này được sắp xếp lại thành tập hồi ký *Từ Đồng Quan đến Điện Biên,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.

38. Ý nói những cơ sở chính trị và vũ trang của ta trong vùng địch tạm chiếm.

39. Để bộ đội dễ nhớ, mục đích chiến dịch đã được tóm tắt thành 16 chữ ngắn gọn: Diệt sinh lực địch. Phá khối ngụy quân. Phát động du kích. Tranh thủ nhân dân.

40. Gồm các đồng chí Võ Nguyên Giáp (Bí thư kiêm Chỉ huy trưởng), Nguyễn Chí Thanh, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Thái, Văn Tiến Dũng, Hoàng Sâm.

41. Như sau này Tướng Xalăng nhận xét: Một bộ phận lực lượng cơ động được cấp tốc điều đến ứng cứu, nhưng đã nhanh chóng chịu những tổn thất nặng nề. Cuộc tiến công không chỉ diễn ra trên phần đất phía đông mà cả phía nam phòng tuyến sông Đáy. Ông giám mục Lê Hữu Từ không cho biết tin gì về quân địch kéo đến và tình hình đánh đấm của chúng ta hai ngày đầu chẳng ra làm sao, khiến Tướng quân (Đờlát) rất bực mình cả với ông giám mục và cả Tướng Găm biê, chỉ huy phân khu nam đồng bằng. Ông lập tức giao quyền chỉ huy cho Tướng Đờ Linarét. Ông này vội vã tập trung mọi lực lượng có thể huy động (các GM, pháo binh, không quân, hải quân) để phản kích với hỏa lực dày đặc.

42. Trinh sát kỹ thuật của ta bắt được tin đài địch hối thúc nhau tìm một tên Bécna nào đó mất tích trong trận đánh đêm 29-5, nhưng lúc đó chúng ta chưa biết Bécna là ai. Ban 2 của Sở Chỉ huy chiến dịch rà lại danh sách cấp chỉ huy các GM và tướng lĩnh trong các cơ quan tham mưu địch ở Sài Gòn và Hà Nội đều không có viên sĩ quan cao cấp nào tên là Bécna. Mãi 17 giờ hôm sau, qua Đài Phát thanh Con nhạn của quân viễn chinh, ta mới biết tin Tổng Chỉ huy Đờlát đến bệnh viện Lanessan (Viện Quân y 108 ngày nay) để nhìn mặt con được máy bay đưa về cùng với xác Thiếu úy Mécxiê và Thượng sĩ Menlô.

43. Ông Giáp tính từ Chiến dịch Biên giới.

Chương VII

Kiên quyết không ngừng thế tiến công

29- Đập tan âm mưu giành quyền chủ động của Đờlát

Trải qua mấy chiến dịch tiến công liên tiếp của ta và trước tình hình nước Pháp kiệt quệ, khả năng đáp ứng yêu cầu tăng viện của Pari đã rất hạn chế, Tổng Chỉ huy Đờlát khẳng định phải tự lo liệu lấy cuộc chiến Đông Dương, khẳng định đường lối Việt Nam hoá chiến tranh là đúng. Chỗ dựa chủ yếu để thực hiện đường lối đó là viện trợ Mỹ và sự hợp tác của Bảo Đại theo phương châm súng Mỹ trong tay lính bản xứ.

Để phát huy hiệu quả của cuộc nói chuyện với quan chức chính quyền bản xứ ở Vĩnh Yên ngày 19-4 và để sắc lệnh "tổng động viên" của Bảo Đại có giá trị thực tế, Đờlát thấy cần tác động trực tiếp đến lớp trẻ Việt Nam, những người đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển quân đội tay sai. Ngày 11-7, Tổng Chỉ huy Pháp đến nói chuyện với học sinh Trường trung học Lôba (Chasseloup Laubat) ở Sài Gòn. Báo chí Pháp đăng thành những hàng tít lớn trên trang nhất, rằng Tổng Chỉ huy "đã cảm phục được lớp trẻ". Sau khi tỏ lòng yêu mến và cảm phục thanh niên Việt Nam, "những người dũng cảm cần cù, hăng hái, xứng đáng với sự ủy thác của tổ tiên và sự đòi hỏi của lịch sử", Tướng Đờlát nói: Nếu các bạn là cộng sản thì các bạn hãy sang hàng ngũ Việt Minh cho rảnh. Còn nếu như các bạn là những người quốc gia thì các bạn phải chiến đấu cho Tổ quốc mình, bởi vì cuộc chiến này là của chính các bạn. Đã đến lúc các bạn phải góp phần xây dựng quân đội quốc gia, một quân đội sẽ dần dần thay thế quân đội Pháp, đảm nhiệm trọng trách của quân Pháp hiện nay... Thời cơ đã đến để các bạn bảo vệ xứ sở của mình... Dưới ánh thái dương của nền độc lập, các bạn hãy đổ mồ hôi và đổ cả máu nữa để gia tăng thành tựu của chính nghĩa quốc gia.

Ba ngày sau, Đờlát bay ra Bắc để cùng Bảo Đại dự lễ Quốc khánh Pháp ngày 14-7. Trong buổi lễ long trọng được tổ chức ở Hà Nội hôm đó, để tri ân người vừa cho ra đời sắc lệnh "tổng động viên" thanh niên vào Quân đội quốc gia, Đờlát tuyên bố trao trả cho chính quyền Bảo Đại một số ngành như Cảnh sát, Bưu điện, Đài Phát thanh, Ngân khố... nhưng vẫn cử cố vấn Pháp bên cạnh các quan chức bản xứ. Báo chí Sài Gòn và Hà Nội đăng trên tít lớn việc Pháp đang trao trả độc lập cho chính thể quốc gia Bảo Đại.

Một trong những công việc khẩn trương lúc này đối với Bộ Chỉ huy Pháp là đẩy nhanh việc xây dựng quân đội bản xứ. Nhìn lại cả 6 năm chiến tranh xâm lược Việt Nam, chưa bao giờ nhịp độ "vàng hoá" quân đội đạt kết quả nhanh như mùa hè năm 1951 này. Kết quả bắt lính cộng với 10 tiểu đoàn tăng viện từ Pháp sang trong cả năm 1951 đã làm cho tổng quân số của Pháp và tay sai nâng lên nhanh chóng, từ 239.400 tên cuối năm 1950 lên 338.000 tên cuối năm 1951. Riêng lực lượng mặt đất, địch tổ chức thành 160 tiểu đoàn bộ binh chính quy[1], 18 tiểu đoàn pháo binh, 7 chi đoàn cơ giới - thiết giáp, 7 tiểu đoàn công binh, 5 tiểu đoàn vận tải. Để đối phó với các cuộc tiến công của các đại đoàn chủ lực đối phương, Đờlát chủ trương không chỉ dừng lại ở 7 binh đoàn cơ động (GM) và chừng 10 tiểu đoàn dù dự bị chiến lược (tức 18% lực lượng cơ động chiến lược toàn Đông Dương - 29/160 tiểu đoàn) mà trù tính sẽ xây dựng thành những "sư đoàn cơ động Bắc Kỳ" (DMT), khi quân đội bản xứ đã phát triển đủ sức thay thế quân đội viễn chinh Pháp.

Báo chí Sài Gòn đưa tin: Ngày 17-7, Đờlát lên đường về Pháp để chữa bệnh. Sau cái chết của đứa con trai duy nhất, thêm một tai họa ập đến với Tướng Đờlát: căn bệnh ung thư tái phát.

Trước khi lên đường, ông ta dặn Xalăng chú ý đẩy nhanh việc xây dựng phòng tuyến và phát triển quân Bảo Đại, vì "mùa thu - thời kỳ gay go sắp đến". Tổng Chỉ huy nhấn mạnh: Hãy theo dõi thật chặt chẽ mọi động tĩnh của Việt Minh. Tôi không muốn tái diễn những sự kiện như ở vùng sông Đáy.

Đờlát trù tính cuối tháng 10 mới trở lại chiến trường vì còn đi Mỹ cầu viện.

Đúng vào những ngày hè này, lực lượng vũ trang của ta ở miền Trung và miền Nam đẩy mạnh hoạt động. Trong một cuộc hành binh càn quét ở phía đông đường số 1 ở gần Huế ngày 26-7, quân Pháp bị đánh thiệt hại nặng. Tướng Xalăng phải từ Sài Gòn bay ra Huế để ra lệnh đình chỉ cuộc hành binh. Ông ta phải lưu lại mấy ngày để giúp Tướng Lôriô hạn chế tổn thất của quân Pháp ở các khu vực Cầu Hai và sân bay Phú Bài. Vừa trở về Tân Sơn Nhất thì được tin Tướng Săngxông và Thủ hiến Nam Kỳ Thái Lập Thân bị chết trong một cuộc đi thanh sát tình hình Sa Đéc. Trong báo cáo gửi cho Đờlát, Xalăng nói về việc quân Pháp đang tiếp tục các cuộc hành binh càn quét ở đồng bằng Bắc Bộ; riêng ở Trung Bộ, không những việc vận chuyển hàng quân sự sang chiến trường Lào bị cản trở mà trên chiến trường cao nguyên, Tướng Lôriô đang phải đối mặt với hoạt động mạnh của đối phương tại Công Tum khiến cho lực lượng chiếm đóng tại chỗ bị nhiều tổn thất. Một tin mừng mà Xalăng báo cho Tổng Chỉ huy biết là ông ta vừa đi thăm Bảo Đại và nhận xét rằng Quốc trưởng "vào cuộc" một cách tích cực.

Thiếu tiền để đẩy nhanh tốc độ xây dựng phòng tuyến, thiếu súng để trang bị cho hàng vạn quân mới được tổ chức và bước vào mùa khô, đó là những mối lo thường xuyên của Tướng Đờlát. Nghe tin chiến trường có vẻ yên tĩnh, Tổng Chỉ huy Pháp tranh thủ sang Mỹ để trực tiếp xin viện trợ. Bảo Đại không bỏ lỡ cơ hội gửi một bức điện dài, tỏ lòng tri ân đối với Đờlát. Bức điện kết thúc bằng câu: Với lời chúc giành được kết quả lớn nhất trong nhiệm vụ cao quý của Ngài, tôi xin nhắc lại, thưa Ngài Thượng sứ, lời cam kết về lòng tin tưởng đầy tình nghĩa của tôi và về tình bạn rất nhiệt thành của tôi.

Nếu ở Oasinhtơn rồi ở Luân Đôn, chuyến cầu viện của Đờlát giành "thắng lợi phi thường" (như ông ta điện báo cho Xalăng) thì trở về Pari, kết quả lại quá nghèo nàn.

Suốt chuyến đi, viên Tổng Chỉ huy Pháp luôn điện hỏi Xalăng về tình hình xây dựng phòng tuyến và "ông Giáp đang làm gì?". Những bức điện trả lời luôn nhắc lại một điệp khúc: "Ông Giáp đang chuẩn bị và phía Pháp đã sẵn sàng!". Thực ra, như sau này Xalăng viết trong hồi ký, điều lo lắng day dứt đối với ông ta trong những ngày tạm thay quyền này là chưa xác định được hướng hoạt động sắp tới của các đại đoàn Việt Minh, vì theo tin tức thu lượm được thì đối phương đang trong mùa huấn luyện.

Đúng là ngay sau khi bộ đội chủ lực rời chiến trường Hà - Nam - Ninh, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã cho toàn quân bước ngay vào một đợt chỉnh huấn chính trị và huấn luyện quân sự rất cơ bản. Kể từ mùa khô năm trước, các đại đoàn đều đã trải qua mấy chiến dịch hành quân và chiến đấu không nghỉ, từ rừng núi Đông Bắc đến trung du và đồng bằng. Một cường độ lao động đặc biệt dường như vượt trên sức chịu đựng của con người. Đã trải qua gần 6 năm kháng chiến nhưng chưa bao giờ bộ đội được học tập những vấn đề cơ bản về cách mạng Việt Nam, về đường lối kháng chiến và đường lối xây dựng Quân đội nhân dân như lần này. Biết bao điều mới lạ nhưng vô cùng gần gũi với đời sống người chiến binh trong kháng chiến. Như sau này Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận xét, cuộc chỉnh huấn chính trị mùa hè năm 1951 đánh dấu một mốc chuyển biến về nhận thức, tư tưởng của bộ đội. Về quân sự, nếu trong vài năm trước, đợt chỉnh huấn mùa hè chỉ là sinh hoạt quân sự bình thường giữa hai mùa chiến dịch như các cuộc

vận động luyện quân lập công và rèn cán chỉnh quân phát động từ sau Chiến dịch Việt Bắc, thì mùa huấn luyện này có nhiều điều mới. Thời gian huấn luyện kéo dài 4-5 tháng. Đối tượng huấn luyện gồm nhiều cán bộ mới được đề bạt, nhiều tân binh mới được bổ sung, nội dung bao gồm những kinh nghiệm sốt dẻo không chỉ về kỹ thuật mà nhất là những kinh nghiệm hết sức mới mẻ về chiến thuật đánh công sự vững chắc, đánh vận động cả trên chiến trường rừng núi và đồng bằng, trên đồng chiêm trũng, cả trên bộ và trên sông, rút ra từ bốn chiến dịch lớn vừa qua.

Để tiếp tục giữ thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ và buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, ngày 4-9, Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Lý Thường Kiệt trên hướng Tây Bắc. Đại đoàn 312 được Bộ Tổng tư lệnh giao cho tổ chức chiến dịch này, có sự phối hợp của lực lượng vũ trang một số tỉnh Tây Bắc và Việt Bắc. Đây là một chiến dịch "gối đầu" sau khi Chiến dịch Hà - Nam - Ninh kết thúc chừng hơn hai tháng. Hồi tháng 6, Đại đoàn 312 không tham gia Chiến dịch Quang Trung mà ở lại bảo vệ căn cứ địa nên đã có được một khoảng thời gian củng cố và huấn luyện trước khi được giao nhiệm vụ tiến quân lên Tây Bắc, đảm nhiệm tiến công hướng chính (Nghĩa Lộ), Trung đoàn 148 của Sơn La đảm nhiệm hướng phối hợp (Bình Lư, Phong Thổ).

Trong mệnh lệnh đề ngày 5-9 gửi Đại đoàn 312, Liên khu Việt Bắc và Mặt trận Tây Bắc, Tổng Tư lệnh nhận định rằng thế bố trí của địch trên hướng Tây Bắc phân tán và cô lập, đa số quân chiếm đóng là ngụy binh (2/3 là người địa phương), tinh thần chiến đấu kém, tiếp tế tăng viện hoàn toàn dựa vào đường không. Nghĩa Lộ là cửa ngõ của Tây Bắc đồng thời cũng là phân khu đột xuất nhất trên chiến trường Tây Bắc. Điều đáng chú ý về tình hình địch ở đây không chỉ là một số vị trí ở vòng ngoài công sự được củng cố tương đối vững chắc, mà điều quan trọng là địch lại khống chế được nhân dân và nắm cơ sở kinh tế. Vì vậy, Bộ Tổng tư lệnh xác định mục đích của chiến dịch là nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phát triển chiến tranh du kích, diệt trừ thổ phỉ, mở rộng cơ sở nhân dân ở vùng sau lưng địch, bảo vệ mùa màng. Mệnh lệnh nhấn mạnh phương thức hoạt động là phải tranh thủ bất ngờ, tiêu diệt cứ điểm đồng thời phải có kế hoạch đánh địch rút lui hoặc tăng viện cả bằng đường bộ và đường không; kế hoạch tác chiến của chủ lực phải được xây dựng đồng thời với kế hoạch giúp đỡ lực lượng vũ trang địa phương phát triển chiến tranh du kích, mở rộng cơ sở nhân dân. Trong mệnh lệnh, Tổng Tư lệnh lưu ý Bộ Tư lệnh Đại đoàn 312: Tuyệt đối giữ bí mật để tranh thủ bất ngờ; chuẩn bị đầy đủ về mặt cung cấp; triệt để chấp hành chính sách dân vận và ngụy vận; đề phòng tư tưởng chủ quan trong hàng ngũ cán bộ (coi thường địch vì đối tượng tác chiến phần đông là quân ngụy).

Cuộc ra quân của 312 sớm đứng trước những tình huống bất lợi. Do phát hiện quân ta từ ngày 18-9 khi Đại đoàn 312 hành quân đến Yên Bái, nên Tướng Xalăng ra lệnh ngay cho Phân khu Nghĩa Lộ ở vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Trong khi đó, về phía ta, tư tưởng chủ quan sớm xuất hiện trong cán bộ, nhất là sau mấy trận tiêu diệt khá dễ dàng một số vị trí ngoại vi trên đường tiến vào mục tiêu chủ yếu là Nghĩa Lộ. Sau này đồng chí Lê Trọng Tấn viết: Chúng tôi, những cán bộ chỉ huy, lãnh đạo đã không nhạy bén trước tình hình chủ quan của cán bộ... Mặt khác trên cương vị chỉ huy, tôi đã không căn cứ vào nhiệm vụ, chức trách của từng đơn vị để kiểm tra trước khi ra lệnh nổ súng.

Điều đó giải thích vì sao các trận tiến công Ca Vịnh, Bản Tủ (30-9) và những trận tiếp theo không thành công, chủ yếu do công tác chuẩn bị của các đơn vị chưa đáp ứng được những yêu cầu của một trận tiến công cứ điểm. Khi Trung đoàn 141 tiến công mục tiêu chủ yếu (Nghĩa Lộ), vấn đề đặt ra là nên tập trung binh lực tiến công Pú Chạng (tức Nghĩa Lộ đồn - một điểm cao

khống chế toàn bộ cụm cứ điểm) hay Nghĩa Lộ phố - nơi binh lực địch tập trung và cũng là nơi đặt sở chỉ huy phân khu?

"Sau khi cân nhắc, chúng tôi cho rằng nên tập trung binh lực tiến công Nghĩa Lộ phố, vì binh lực chủ yếu và sở chỉ huy toàn bộ cụm Nghĩa Lộ bị tiêu diệt thì Pú Chạng cũng không còn. Chúng tôi không dự kiến khả năng Nghĩa Lộ phố có thể dựa vào thế trên cao của Pú Chạng (tức Nghĩa Lộ đồn) và trận địch hỏa lực để cố thủ, cùng tồn tại. Sự tính toán một chiều này của đại đoàn đã ảnh hưởng đến kế hoạch tác chiến của trung đoàn".

Kết quả là hai trận tiến công Nghĩa Lộ trong hai đêm (2 và 4-10) đều không thành công. Địch rút chạy khỏi nhiều vị trí lẻ về tập trung ở Nghĩa Lộ, cho máy bay đánh phá ác liệt xung quanh cụm cứ điểm này và liên tiếp tăng viện cho Nghĩa Lộ ba tiểu đoàn dù.

Sau hơn 10 ngày chiến đấu, trên cả hướng chính của 312 và hướng phụ của Trung đoàn 148, cả trong đánh điểm, đánh địch rút chạy và đánh quân dù tăng viện, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu chừng 1.000 tên địch (có 100 Âu - Phi), bắt sống hơn 200 tên, thu hơn 200 súng, mở rộng vùng giải phóng từ Quang Huy tới Ca Vịnh - Ba Khe - Sài Lương và từ Phong Thổ tới Bình Lư - Than Uyên. Nhưng lực lượng của đại đoàn cũng bị tiêu hao nặng. Riêng Trung đoàn 141 có 300 đồng chí hy sinh (trong đó có một tiểu đoàn trưởng), khoảng 900 bị thương và 80 mất tích, mất 100 súng trường, 10 trung liên.

Sau khi nghe báo cáo của Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn về Chiến dịch Lý Thường Kiệt, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận xét rằng cách chọn hướng tiến công của đại đoàn trong chiến dịch là đúng, cách xử trí khi địch tăng viện bằng quân dù là khá linh hoạt. Nghĩa Lộ thuộc vùng rừng núi Tây Bắc, nhưng trên thực tế vừa qua quân ta đánh nhau với quân dù - có pháo binh và không quân yểm trợ - trên đồng ruộng ban ngày không khác gì trong Chiến dịch Trung du hồi đầu năm. Mặt khác, đáng ra phải có kế hoạch cụ thể để chủ động khắc phục tư tưởng chủ quan của cán bộ và những khó khăn về hậu cần tiếp tế trong một chiến dịch xa căn cứ như đã dự kiến trong mệnh lệnh. Cơ quan tham mưu và cung cấp của bộ cũng cần rút kinh nghiệm trong việc nghiên cứu giúp đỡ 312 trong chiến dịch vừa qua.

Sau này, trong hồi ký của mình, Tướng Xalăng nhấn mạnh vai trò yểm trợ giải nguy của không quân, đặc biệt là quân dù tăng viện. "Kế hoạch của Sư đoàn 312 bị đảo lộn, họ không thể tập trung lực lượng cả hai trung đoàn để tràn ngập tất cả khu vực phòng ngự Nghĩa Lộ như đã dự kiến vì phải đối phó với quân dù tăng viện". Sau khi nêu lên số binh lính Pháp - ngụy bị chết, bị thương và bị bắt trong trận Nghĩa Lộ, Xalăng cho rằng "Đó là một kết quả nặng nề và khiến phải suy nghĩ về tính chất ác liệt của các trận chiến đấu".

Ngoài việc lo cứu nguy cho Nghĩa Lộ trên chiến trường Tây Bắc, trong những ngày Đờlát đi vắng mối quan tâm thường xuyên của Tướng Xalăng là phải đối phó với tình hình "bất ổn" ở vùng châu thổ sông Hồng. Chiến dịch Quang Trung của ta đã tạo nên một thế bất lợi đối với địch ở trên nhiều vùng thuộc đồng bằng Bắc Bộ. Nhưng sau đó, một đại đoàn của ta mở Chiến dịch Nghĩa Lộ chỉ thu hút được ba tiểu đoàn dù lên Tây Bắc trong một thời gian ngắn nên trong suốt hai tuần cuối tháng 9 đầu tháng 10-1951, địch có điều kiện tập trung lực lượng cơ động để liên tiếp mở mấy cuộc càn lớn nhằm mục tiêu trực tiếp là "cắt vó" Trung đoàn 42, triệt hạ căn cứ du kích Tiên - Duyên - Hưng, tạo điều kiện cải thiện tình thế trong vùng đồng bằng tạm chiếm và đặc biệt là để bắt thanh niên vào lính[2]. Với binh lực lớn, chà đi sát lại nhiều lần, tuy không hoàn toàn đạt được mục tiêu chủ yếu đề ra nhưng địch đã gây cho phong trào đấu tranh trong vùng tạm chiếm rất nhiều khó khăn. Như sau này Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đánh giá: Nhìn

chung cả nước, nửa cuối năm 1951, địch đã giành được thắng lợi lớn trên mặt trận địch hậu, một thắng lợi chúng chưa hề giành được những năm trước đó.

Trước âm mưu địch càn quét bình định vùng tạm bị chiếm, dự kiến tình hình địch hậu có thể trở nên khó khăn phức tạp, các vùng du kích và căn cứ du kích đứng trước nguy cơ bị thu hẹp, Tổng Tư lệnh đã đề đạt với Bộ Chính trị về phương hướng chỉ đạo trong tình hình mới. Trước khi Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ hai bàn chuyên đề về công tác vùng sau lưng địch, Tổng Tư lệnh đã giao nhiệm vụ cho Liên khu 3 tiến hành một tháng chiến tranh du kích (từ cuối tháng 9 đến cuối tháng 10), tích cực chống địch càn quét (trọng tâm là vùng Hà - Nam - Ninh), đồng thời đề phòng địch đánh rộng ra vùng Hoà Bình, Nho Quan. Cũng trong khoảng thời gian này, Đại đoàn 316 được lệnh phối hợp và dìu dắt lực lượng vũ trang địa phương trung du đẩy mạnh chiến tranh du kích trên địa bàn Bắc Ninh và nhất là Bắc Giang.

Trong *Dự án phương châm công tác vùng tạm chiếm* đọc tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai[3], khi đánh giá tình hình và công tác vùng sau lưng địch từ trước đến nay, đồng chí Võ Nguyên Giáp kết luận: Chiến tranh mọi mặt của địch hiện nay đang tiến hành ráo riết trong vùng tạm chiếm. Cuộc đấu tranh giữa ta và chúng không những quyết liệt về mặt trước mà gay gắt cả mặt sau. Hai bên giành nhau quyền chủ động, hai bên giành nhau về lực lượng dự trữ. Âm mưu của địch có nhiều nhưng bây giờ chúng xoay quanh kế hoạch "dụ Bảo Đại", ăn cướp nhân tài, vật lực của ta trong vùng tạm chiếm. Những cuộc càn quét rồi đây sẽ liên tiếp và to lớn hơn, chúng sẽ mở rộng những vành đai trắng và chính sách dồn làng... Do đó cuộc đấu tranh của ta trong vùng tạm chiếm sẽ gặp nhiều khó khăn gian khổ hơn, địa vị cuộc đấu tranh trong vùng tạm chiếm của ta sẽ phải đặt lên một mức quan trọng hơn trước nhiều[4].

Về phương châm và chủ trương công tác trong vùng tạm bị chiếm, đồng chí Võ Nguyên Giáp đề nghị chia vùng sau lưng địch thành hai vùng, vùng tạm chiếm và vùng du kích. Cơ sở của sự phân chia này là điều kiện và hoàn cảnh của từng vùng, cụ thể là lấy tương quan lực lượng giữa ta và địch để quy định việc phân vùng, đồng thời dựa vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của mỗi vùng mà định phương châm và nhiệm vụ đấu tranh cho phù hợp, ví như vùng tạm bị chiếm thì lấy đấu tranh chính trị và kinh tế là chính, hoạt động hợp pháp là chính, trong khi vùng căn cứ du kích thì lấy đấu tranh vũ trang là chính để tiến tới mở rộng vùng du kích và căn cứ du kích.

Về lãnh đạo vận dụng phương châm hai vùng trong điều kiện cụ thể hiện nay, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: áp dụng phương châm và thực hiện nhiệm vụ cần phải linh hoạt, không máy móc vì vùng du kích và vùng tạm bị chiếm không phải có giới hạn rạch ròi. Trái lại, giới hạn giữa hai vùng thường không rõ rệt và thay đổi luôn, tùy theo sự phát triển của cuộc đấu tranh giữa ta và địch, tùy theo lực lượng giữa hai bên.

Trung ương đã ra nghị quyết về mấy công tác cụ thể trong vùng du kích và vùng tạm bị chiếm: dân vận, ngụy vận, chiến tranh du kích, phá hoại và công tác đảng. Nghị quyết nhấn mạnh: Dân vận là công tác chính, làm gốc cho mọi công tác khác. Trong công tác ngụy vận, phá tề, trừ gian, việc vận động ngụy binh là quan trọng hơn cả. Chiến tranh du kích phải xây dựng trên cơ sở nhân dân rộng rãi và vững chắc và phải kết hợp với toàn bộ cuộc đấu tranh của nhân dân. Trong công tác phá hoại, phải cân nhắc lợi hại: Nếu hại cho địch nhiều, lợi cho ta nhiều về quân sự mà không hại nhiều đến nhân dân, đến cơ sở, thì mới phá. Tổ chức đảng trong vùng tạm bị chiếm cũng như vùng du kích phải trọng chất hơn lượng, chặt chẽ, gọn gàng, thích hợp với nguyên tắc bí mật...

Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ ra phương hướng đấu tranh mới cho vùng sau lưng địch trong cả nước, đặc biệt là xác định hướng đi của quân và dân vùng đồng bằng sông Hồng. Sau này, *Lịch sử kháng chiến chống Pháp của Liên khu 3* viết:Dưới ánh sáng của Nghị quyết hội nghị lần thứ hai, quân và dân Liên khu 3 ra sức chuẩn bị mọi mặt để khẩn trương bước vào đợt hoạt động đông xuân 1951-1952 với tinh thần kiên quyết chuyển hướng mạnh mẽ công tác trong vùng sau lưng địch, phối hợp cùng cả nước giành thắng lợi mới.

Bước vào mùa khô này, Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp đã có trong tay 7 binh đoàn cơ động và chúng đang ráo riết bắt lính, khẩn trương phát triển quân ngụy. Trước mắt, với lực lượng cơ động gồm hơn 20 tiểu đoàn trong tổng số trên 160 tiểu đoàn bộ binh, Đờlát có thể phát huy ưu thế về số lượng và vũ khí trang bị để mở cuộc tiến công nhằm giành lại quyền chủ động chiến lược bất cứ lúc nào. Vấn đề lớn đặt ra với cơ quan Tổng hành dinh của ta là làm sao giữ vững và phát huy được quyền chủ động chiến lược, là mở chiến dịch tiến công của bộ đội chủ lực trên hướng chiến lược nào để có thể thu hút được nhiều binh đoàn cơ động của địch. Đó là biện pháp chiến lược tốt nhất không những để tiêu diệt được nhiều sinh lực địch ở phía trước mà còn cứu vãn tình hình đang xấu đi trong vùng tạm bị chiếm. Mãi đến đầu tháng 10-1951, bài toán chiến lược đó đối với Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và cơ quan tham mưu Tổng hành dinh còn mang nhiều ẩn số.

Trước tình hình quân Pháp tập trung quân và thiết lập vành đai công sự boongke bao quanh đồng bằng và trung du Bắc Bộ, trong khi quân ta chưa có máy bay, lại không có cả vũ khí phòng không, chiến đấu ở đồng bằng và trung du không đủ sức đối phó với phi cơ, pháo binh và quân cơ động tăng viện nhanh của địch, Đoàn cố vấn Trung Quốc đã đôi lần nêu ý kiến về phương hướng tác chiến chiến lược của bộ đội chủ lực trong điều kiện mà bạn cho rằng khó khăn lớn nhất của Việt Nam vẫn là ít quân. ít ngày sau khi Trưởng đoàn Cố vấn Vi Quốc Thanh trở về Bắc Kinh, ta nhận được thư của bạn khuyên ta: "tốt nhất là nên quay về chiến tranh du kích, tiến hành chiến tranh nhân dân thật rộng rãi để hạn chế chỗ mạnh của địch. Bộ đội Việt Nam cần trang bị thật gọn nhẹ để tăng cường tính cơ động. Đại đoàn công pháo 351 nên chuyển sang Trung Quốc để huấn luyện, khi cần tới sẽ đưa về".

Trong những lần trao đổi ý kiến với bạn, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã từng nói lên quan điểm của mình: Vừa qua ta đã mở những chiến dịch nhỏ cỡ đại đoàn để buộc địch phải phân tán đối phó, hạn chế sức mạnh của máy bay và pháo binh địch, nhưng ít kết quả. Việt Nam đã có một khối chủ lực 6 đại đoàn, không thể chỉ đánh nhỏ. Đánh nhỏ bộ đội ít tiêu hao, nhưng không tạo được tình hình biến chuyển trong giai đoạn mới.

Do khó khăn về chọn hướng chiến lược nên mùa khô này, mãi đến trung tuần tháng 10, Bộ Tổng tham mưu mới xây dựng xong kế hoạch tác chiến đông xuân để trình Tổng Quân ủy. Trong báo cáo tại Hội nghị Bộ Chính trị ngày 19-10 bàn về phương hướng chiến dịch mùa khô năm 1951, Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp nhận định: Từ sau chiến dịch Hà - Nam - Ninh của ta, được sự tăng cường viện trợ của Mỹ, địch đã củng cố phòng tuyến Bắc Bộ[5], mở trên 10 cuộc càn quét vùng tạm chiếm ở cả Bắc - Trung - Nam, phát triển ngụy binh, chấn chỉnh và bổ sung quân số. Sắp tới, phán đoán địch sẽ tiếp tục củng cố hệ thống phòng ngự, tiếp tục càn quét dữ dội vùng tạm chiếm và vùng du kích, đồng thời chuẩn bị mở cuộc tiến công lớn (quy mô 15 - 20 tiểu đoàn) ra vùng tự do của ta để mở rộng phạm vi chiếm đóng ở gần phòng tuyến của chúng. Cần đề phòng hướng Hoà Bình, Thanh Hoá, đặc biệt đề phòng hướng Thái Nguyên, Lạng Sơn. Về ta, cả 5 đại đoàn bộ binh và 3 trung đoàn độc lập ở Bắc Bộ đã chấn chỉnh và bổ sung quân số, trình độ chiến thuật, kỹ thuật được nâng cao hơn một bước nhưng chưa đều. Cán bộ còn nhiều lo ngại

đối với công sự mới của địch và về chiến đấu ban ngày. Trang bị còn thiếu thốn về lựu đạn, lưỡi lê, thuốc nổ. Mùa rét sắp đến nhưng chăn chưa đủ. Về phương hướng mở chiến dịch trong mùa khô năm 1951, sau khi phân tích tình hình khó khăn và thuận lợi trên các hướng của chiến trường chính Bắc Bộ[6], Bí thư Tổng Quân ủy đề nghị tập trung binh lực tiến công vào hướng Hữu Ngạn - Liên khu 3, trong khi đó ở trung du và Bình - Trị - Thiên cũng như ở Tả Ngạn phối hợp, nhằm mục đích tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, tranh thủ nhân dân, phá khối ngụy binh.

Ngày 9 và 10-11, Tổng Quân ủy họp hội nghị mở rộng bàn triển khai kế hoạch mùa khô đã được Bộ Chính trị phê duyệt. Sau khi phân tích tình hình địch - ta, Tổng Quân ủy nhận thấy để thực hiện phương châm tác chiến của chủ lực ở Bắc Bộ do Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương đề ra[7], cần phải thực hiện phương châm du kích vận động chiến mới thích hợp với tình hình địch và ta hiện nay. Theo phương châm đó, Hội nghị Tổng Quân ủy xác định phương hướng và thời gian hoạt động của các đại đoàn chủ lực là vừa hoạt động nhỏ trong vùng sau lưng địch, vừa luân phiên chỉnh huấn. Các đại đoàn 304 và 320 hoạt động ở Hữu Ngạn - Liên khu 3, 316 hoạt động ở trung du. Đại đoàn 304 hoạt động nhiều nhất là một tháng sau đó sẽ chỉnh huấn từ đầu tháng 2 đến trung tuần tháng 3-1952. Các đại đoàn 308 và 312 tiếp tục chỉnh huấn từ nay đến hết tháng 12-1951. Tháng 1-1952, Đại đoàn 312 sẽ hoạt động ở Tây Bắc, chiến trường hoạt động của 308 sẽ định sau. Sau một tháng hoạt động, 308 và 312 lại tiếp tục chỉnh huấn từ đầu tháng 2 đến trung tuần tháng 3-1952.

Về cách đánh cụ thể ở vùng sau lưng địch, hội nghị cho rằng do địch ở Hữu Ngạn - Liên khu 3 bố trí phía ngoài thì thưa nhưng rất cứng, phía trong thì yếu nhưng lại dày, nên cả ở chính diện và phía sau đều khó đánh lớn. Bởi vậy cần áp dụng phương châm đánh phân tán, đánh du kích, đánh nhỏ nhưng chắc thắng.

Mặc dù phương án đã được Bộ Chính trị phê duyệt, nhưng Tổng Tư lệnh vẫn rất phân vân vì hai đại đoàn trải ra quá rộng ở Liên khu 3, không có trọng điểm, ít có khả năng tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Tình hình sẽ ra sao nếu cả mùa khô này, 6 đại đoàn chủ lực của ta không giành được một chiến thắng tạo nên sự chuyển biến mới? Nhưng đã sang tháng 11, ta buộc phải thực hiện phương án này trong khi chưa tìm được một phương án tốt hơn.

Đêm 14-11, đúng lúc Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Nguyễn Chí Thanh (được giao nhiệm vụ tổ chức Đảng ủy để chỉ đạo chiến dịch ở Liên khu 3) cùng Cục phó Tác chiến Đỗ Đức Kiên vừa lên đường xuống đồng bằng thì có tin địch mở cuộc hành binh lớn ra hướng Chợ Bến - Hoà Bình. Thêm một tình huống chiến lược diễn ra trong cuộc đấu trí, đấu lực giữa hai bộ thống soái của ta và của địch. Địch đánh ra vùng tự do Hoà Bình cũng là một trong mấy tình huống đã được Tổng Tư lệnh dự kiến trong báo cáo tại Hội nghị Bộ Chính trị trước đó chừng một tháng. Về phía Pháp, như sau này ta được biết qua hồi ký của Tướng Xalăng, cuộc hành binh này bắt nguồn từ một bức thư của Pari.

Sau chuyến đi cầu viện, trưa ngày 11-10, Đờlát về đến Sài Gòn. Ngay sau đó là cuộc duyệt binh lớn đón tiếp Tổng Tham mưu trưởng Hoa Kỳ, Tướng Côlin (Collins). Đờlát trực tiếp điều hành cuộc nghênh đón trọng thị này, như để đáp lại "thịnh tình" của phía Hoa Kỳ đón tiếp ông ta ở Niu Oóc và Oasinhtơn vừa qua và về lâu về dài, còn hy vọng nhiều hơn nữa những chuyến hàng viện trợ quân sự Mỹ. Sau khi Côlin rời Sài Gòn, Tướng Xalăng mới nhận thấy Tổng Chỉ huy của mình có nhiều nét thay đổi. Cái chết của Bécna và căn bệnh ung thư hiểm nghèo đã khiến Đờlát

lộ rõ tâm trạng mệt mỏi, chán chường. Ông ta luôn luôn thể hiện sự lo lắng khi mùa khô tới, đối phương sẽ hoạt động thế nào, trên hướng nào.

Đầu tháng 11, Đờlát ra Bắc, khen thưởng không quân và các đơn vị chiến đấu ở Nghĩa Lộ, đi kiểm tra tình hình xây dựng phòng tuyến, đốc thúc việc tổ chức thêm các đơn vị quân ngụy và việc đặt nền móng cho các sư đoàn cơ động DMT. Ông ta hy vọng "không có chuyện gì xảy ra" trước khi mấy công trình lớn đó sắp hoàn thành trong một thời gian ngắn, khi đó mới thật sự sẵn sàng để hoặc là chủ động tiến công ra vùng của Việt Minh hoặc là "nghênh tiếp" các cuộc ra quân của đối phương. Đúng lúc đó, chiều ngày 4-11, Đờlát nhận được thư của Pari thúc giục Tổng Chỉ huy tiến công, cố giành một thắng lợi quân sự. Viên Tổng Chỉ huy Pháp than phiền vì cho rằng bị "bọn tướng lĩnh quan liêu bàn giấy" ở Bộ Chiến tranh đánh giá mình "án binh bất động". Nhưng rồi nghĩ lại, thấy Pari có lý: Triển vọng của quân tăng viện và chiến phí chỉ có thể thành hiện thực nếu chiến trường giành được một chiến tích đáng kể làm hậu thuẫn cho việc Quốc hội thông qua ngân sách chiến tranh tài khoá 1952-1953.

Xalăng và Đờ Linarét được vời tới, cùng Tổng Chỉ huy bàn việc thực hiện ý đồ của Pari. Tiến công, nhưng hướng nào? Thanh Hoá? Lạng Sơn? Tổng Chỉ huy Pháp trở lại tham vọng chiếm lại Lạng Sơn - rửa hận cho quân viễn chinh. Tướng Đờ Linarét có lý do để đề nghị tiến quân ra Hoà Bình, "thủ phủ xứ Mường", nhằm bịt một hướng đối phương có thể thâm nhập phòng tuyến sông Đáy, đồng thời chia cắt chiến trường đồng bằng với căn cứ Việt Bắc của đối phương. ý kiến được chấp nhận và tiếp đó là sự phân công: Đờ Linarét đảm nhiệm "khúc dạo đầu", cuộc hành binh Hoa tuylíp ra hướng Chợ Bến nhằm khép kín lỗ hổng giữa Hoà Bình và Phủ Lý; Xalăng trực tiếp điều hành cuộc tiến công lớn mang tên Hoa sen, đánh chiếm vùng Hoà Bình - sông Đà - đường số 6.

Ngày 10-11, đài Con nhạn và báo chí Hà Nội và Sài Gòn đưa tin cuộc hành binh Tuylíp kết thúc nhanh gọn, "đối phương bị ngất lịm". Bốn ngày sau là tin 15 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 7 tiểu đoàn pháo binh, 2 liên đoàn thiết giáp, 2 tiểu đoàn công binh, 2 thủy đội xung kích chia làm hai cánh tiến ra Hoà Bình. Cánh Bắc, từ Sơn Tây - Trung Hà theo hai đường thủy, bộ tiến ra ấp Đá Chông, Tu Vũ. Cánh Nam, từ Xuân Mai theo đường số 6 kết hợp với quân dù chiếm thị xã Hoà Bình - một thị xã đã bị đối phương tiêu thổ. Các mục tiêu hai bờ sông Đà và trên đường số 6 nhanh chóng rơi vào tay quân Pháp đến nỗi Tướng Giăng Mácsăng sau này viết rằng: Quân Pháp chẳng phải đánh đấm gì mà cũng chiếm được một vùng rừng núi chạy ven sông Đà đến Hoà Bình. Theo Bécna Phôn thì hồi đó các ký giả phương Tây được Đờlát đốc thúc đi theo cuộc hành binh đã đưa lên trang nhất với hàng tít lớn: *Chiến dịch Hoà Bình là canh bạc lớn, là khẩu súng ngắn của Đờlát ngắm thẳng vào tim quân thù*. Ngày 15-11, tại Hà Nội, Tổng Chỉ huy Pháp họp báo, tuyên bố: Tôi đã tóm cổ được Việt Minh. Hôm sau, ông ta cùng Phó tướng Xalăng đích thân bay ra Hoà Bình để úy lạo ba quân kèm theo một lời cảnh báo: "Giờ phút khó khăn sắp đến. Các anh hãy chờ đón cuộc đụng độ với Việt Minh... Hãy củng cố công sự, hãy chui sâu xuống lòng đất (enterrez vous!)". Bốn ngày sau, tướng Đờlát lại rời Đông Dương, về Pháp chữa bệnh.

Sau này, các tướng Giăng Mácsăng, Yvơ Gra và các ký giả, sử gia Pháp và phương Tây có chung một nhận xét rằng: Nếu đối với Tổng Chỉ huy Đờlát, người ra đi sau "chiến tích" đánh chiếm Hoà Bình dễ dàng bao nhiêu thì đối với những người ở lại, từ Xalăng, Đờ Linarét đến mỗi một chiến binh viễn chinh, việc giữ Hoà Bình lại khó khăn bấy nhiêu. Vấn đề đặt ra là: Việt Minh đang ở đâu? Họ sẽ phản ứng thế nào? Bởi vì "dưới bầu trời xanh nhạt, máy bay ra sức tìm kiếm suốt ngày nhưng vô hiệu quả, không thấy bóng dáng, không phát hiện một dấu hiệu của kẻ thù..." (Hồi ký của Raun Xalăng).

Mọi công việc chuẩn bị trận địa phòng giữ từng cứ điểm trên toàn Mặt trận Hoà Bình được xúc tiến hết sức khẩn trương. Công sự mọc lên giữa những dây thép gai và bãi mìn. Pháo binh, súng cối chuẩn bị sẵn phần tử bắn để yểm trợ từng vị trí theo kế hoạch hỏa lực chung toàn mặt trận. Mấy đài quan sát được thiết lập trên núi Ba Vì. Các vị trí dọc đường số 6 và trên hai bờ sông Đà, nhất là Tu Vũ, Pheo, Đèo Kẽm... được gấp rút củng cố để hai con đường thủy, bộ này được dùng làm hai trục tiếp tế chính cho "cái dạ dày Hoà Bình".

Chuẩn bị và chờ đợi. Quân Việt ở đâu? Bao giờ họ đến?

Sử gia Bécna Phôn - khi đó cũng là phóng viên chiến trường - cho rằng đối phương nhất định không chịu ngồi yên. Ông Giáp có phương pháp hành động riêng của mình. Khi thời cơ đến, ông sẽ ra quân với tốc độ kiểu Napôlêông.

Từ đêm 14-11, sau khi tin kỹ thuật cho biết địch đánh ra hướng Chợ Bến - Hoà Bình, một không khí nhộn nhịp bao trùm cơ quan tham mưu Tổng hành dinh của ta. Thật cũng lạ. Địch vừa chủ động đánh chiếm một địa bàn có ý nghĩa chiến lược quan trọng, mở rộng phạm vi chiếm đóng, cắt đứt liên lạc giữa căn cứ địa Việt Bắc với miền xuôi, vậy mà ở đây không khí lại hào hứng lạ thường. Ai cũng cảm thấy nhẹ nhõm vì những băn khoăn về hướng chiến lược suốt mấy tháng qua đã được giải tỏa. Tổng Tư lệnh cho người cấp tốc đi gọi Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Nguyễn Chí Thanh trở lại, đồng thời gợi ý Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái suy nghĩ về phương án tác chiến, có thể chuyển hướng theo tình huống chiến lược mới. Ngay sáng hôm sau, ông Giáp triệu tập Hội nghị Tổng Quân ủy. Trước khi vào cuộc họp, ông vui vẻ nói với mọi người nhận xét của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi Cụ nghe báo cáo về việc địch tiến công ra Hoà Bình. Cụ Hồ nói: Đó là một cơ hội tốt cho ta. Trước kia ta phải lừa địch ra mà đánh. Nay địch tự ra cho ta đánh. Rồi ông Giáp nói thêm: Đúng là Đờlát đã cho ta một cơ hội bằng vàng để tiêu diệt sinh lực địch và cứu vãn tình hình khó khăn hiện nay trong vùng tạm bị chiếm.

Vấn đề đặt ra là làm sao khoét sâu sai lầm chiến lược của Tổng Chỉ huy Pháp. Tổng Tham mưu trưởng báo cáo hai ý kiến khác nhau trong cơ quan tác chiến. Số đông tán thành mở chiến dịch trên hướng Hoà Bình vì là chiến trường rừng núi, hợp với sở trường chiến đấu của ta, quân ta dễ bao vây chia cắt địch, chiến trường rộng, cơ động lực lượng dễ dàng, lại gần hậu phương, tiếp tế thuận lợi. Anh em đề nghị nên đánh sớm, để lâu địch có thời gian củng cố hệ thống phòng ngự của chúng, sẽ khó đánh. Một số ít - kể cả đồng chí Mai Gia Sinh, Cố vấn tham mưu được ông Thái tham khảo ý kiến - cho rằng không nên bị động chạy theo địch ra hướng chiến trường do chúng lựa chọn, khi chúng chủ động giăng bẫy để thu hút chủ lực của ta.

Vào cuộc họp, Hội nghị Tổng Quân ủy nhận định: Đờlát muốn giành lại quyền chủ động. Địch đánh trước hòng gây tiếng vang về chính trị đối vối Pari và Oasinhtơn, đồng thời hy vọng gây thêm khó khăn cho ta. Nhưng chúng đưa một lực lượng lớn thoát khỏi phòng tuyếnboongke, hình thành một tuyến dài đột xuất trên chiến trường rừng núi, là một dịp tốt cho ta mở chiến dịch quy mô lớn, tiêu diệt sinh lực địch trên hướng chính diện, đồng thời lợi dụng tình thế sơ hở trong vùng tạm bị chiếm để đẩy mạnh cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch. Tổng Quân ủy nhất trí đề nghị lên Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh cho mở chiến dịch trên hướng chính là Hoà Bình. Trong thư đề ngày 15-11, gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh và các đồng chí Trung ương, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp báo cáo rõ: Trước đây cũng có dự liệu địch đánh ra Hoà Bình, nhưng cho rằng khả năng đó ít và cũng dự liệu nếu địch đánh ra thì sẽ đề nghị chuyển hướng chiến dịch, tập trung lực lượng tiêu diệt sinh lực địch trên chiến trường chính là Hoà Bình, các hướng khác phối hợp cùng với các chiến trường toàn quốc, nhằm mục đích tiêu

diệt sinh lực địch và đẩy mạnh chiến tranh du kích. Mở chiến dịch tiến công giải phóng Hoà Bình là giải phóng một trung tâm chính trị của vùng đồng bào Mường, không chỉ quan trọng về quân sự mà còn cả về chính trị và kinh tế. Mặt khác, do chúng điều một bộ phận lực lượng cơ động ra ngoài phòng tuyến khiến là một cơ hội cho chiến tranh du kích nói riêng và cuộc đấu tranh trong vùng đồng bằng tạm chiếm nói chung có điều kiện phát triển hơn.

Trong khi chờ đợi quyết định chính thức của Bộ Chính trị, cơ quan hậu cần tranh thủ cử cán bộ đi nghiên cứu, triển khai hệ thống kho trạm ở phía nam Phú Thọ, cơ quan tham mưu triệu tập hội nghị giao nhiệm vụ sơ bộ cho các đại đoàn 308, 312, 316 và Liên khu Việt Bắc, đồng thời điện cho Đại đoàn 312 đang trên hướng Tây Bắc nhanh chóng chuyển xuống chuẩn bị chiến trường, bảo vệ căn cứ tiếp tế, bảo vệ đường vận chuyển hậu cần và cho một đơn vị xuống sát Hoà Bình, cùng bộ đội địa phương Phú Thọ bám sát, quấy rối, tiêu hao địch.

Ngày 18-11, Tổng Quân ủy họp chính thức đánh giá tình hình và kiểm tra công tác chuẩn bị bước đầu của các cơ quan Tổng hành dinh. Hội nghị nhận định: Trên chiến trường địch mới đánh ra, chúng ta có nhiều điều kiện để tiêu diệt sinh lực địch hơn các chiến trường khác như trung du, Hữu Ngạn... Ta cần nắm cơ hội địch hậu sở hở, để đẩy mạnh chiến tranh du kích trong lòng địch, mở rộng các khu căn cứ của ta ở địch hậu. Nếu ta tích cực hoạt động cả ở tuyến bên ngoài và ở trong lòng địch, ngoài và trong cùng phối hợp, thì nhất định chúng ta sẽ lợi dụng được cơ hội này, tiêu diệt một bộ phận lực lượng cơ động quan trọng của địch và đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiến tới phá kế hoạch chiếm đóng và âm mưu củng cố địch hậu của địch. Để thực hiện chủ trương này, Tổng Quân ủy quyết định cử Cục trưởng Tác chiến Hà Văn Lâu xuống các đại đoàn 320, 304 và Bộ Tư lệnh địa phương Liên khu 3 chuyển đạt chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo lâm thời do Tư lệnh kiêm Chính ủy 320 Văn Tiến Dũng phụ trách. Nhiệm vụ trước mắt của ban này là điều động lực lượng, bám sát và tiêu hao địch dọc đường số 6, giữ vững tinh thần và cơ sở nhân dân, tăng cường hoạt động ở Chợ Bến. Đảng ủy nhấn mạnh quyết tâm tranh thủ thời gian, kiên quyết tiêu diệt địch, phá cho kỳ được âm mưu của chúng chiếm đóng Hoà Bình. Địch đang gấp rút củng cố hệ thống phòng ngự, nếu không tranh thủ thời gian, không khẩn trương hoạt động thì khó khăn càng tăng thêm. Phải thấy đây là một cơ hội tốt, nhưng không được chủ quan, phải nâng cao tinh thần chủ động, linh hoạt và tích cực diệt địch. Một trong những khó khăn trước mắt mà Tổng Quân ủy nhấn mạnh cần nghiên cứu khắc phục là vấn đề cung cấp, cụ thể là phải khẩn trương chuyển hướng triển khai hệ thống kho trạm trên một diện rất rộng từ Bắc Ninh - Bắc Giang qua Phú Thọ sang hướng sông Đà, đường số 6, trong đó có những vùng "vành đai trắng" như Trung Hà trên các trục đường 89, 87, 21.

Ngay sau cuộc họp của Tổng Quân ủy, Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái và Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Nguyễn Chí Thanh lên đường. Cố vấn Mai Gia Sinh không đi cùng Tổng Tham mưu trưởng trong chiến dịch này. Trưởng đoàn Cố vấn Vi Quốc Thanh vẫn còn lưu lại ở Bắc Kinh. Sau mấy chiến dịch vừa qua, bạn lo chủ lực của ta sẽ gặp khó khăn nên gợi ý chúng ta chuyển sang đánh nhỏ để phát động chiến tranh du kích. Nay Bộ Tổng tư lệnh quyết định tiếp tục chiến dịch quy mô lớn, ông Mai chờ ý kiến của Bắc Kinh. Tổng Tư lệnh cho rằng, xuất phát từ tinh thần trách nhiệm, điều lo ngại của bạn là chính đáng mà ta cần chú ý trong quá trình chỉ đạo tác chiến.

Ngày 20-11-1951, Bộ Tổng tư lệnh ra Mệnh lệnh tác chiến số 1, giao nhiệm vụ cho các đại đoàn trên hướng trung du và Mặt trận Hoà Bình[8]. Mệnh lệnh nêu rõ chủ trương của bộ:

1- Tranh thủ thời gian tiêu diệt lực lượng địch mới chiếm đóng, tiến tới giải phóng Hoà Bình;

2- Lợi dụng lúc địch đang sở hở, tranh thủ thời gian đẩy mạnh chiến tranh du kích, phát triển cơ sở, mở rộng căn cứ, phá kế hoạch địch lợi dụng nhân lực, vật lực của ta trong vùng tạm chiếm.

312 là đại đoàn lập công đầu trong mùa khô này. Ngày 24-11, đại đoàn vừa hành quân đến Phục Cổ (Yên Lập - Phú Thọ) thì được tin tiểu đoàn Thái 3 (3è BAT) vừa từ Tây Bắc xuống vùng Thu Cúc, Lai Đồng, đốt phá mùa màng và dồn dân vào vùng tạm chiếm. Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn báo cáo và được đồng chí Nguyễn Chí Thanh đồng ý, đã tổ chức diệt gọn tiểu đoàn này, bắt sống hơn 50 tên, trong đó có Đại úy Truybe.

Ngày 30-11, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đến Sở Chỉ huy chiến dịch đặt ở Đồng Lương (Cẩm Khê - Phú Thọ). Ngay hôm sau Đảng ủy họp, thông qua kế hoạch tác chiến. Kết quả trinh sát mấy ngày qua cho thấy địch đã củng cố khu vực chiếm đóng của chúng thành hai phân khu Hoà Bình - đường số 6 và phân khu sông Đà với hai tiểu khu phòng ngự theo chốt La Phù - Đan Thê và Tu Vũ - Núi Chẹ. Đảng ủy chiến dịch nhận thấy tiểu khu Tu Vũ - Núi Chẹ tương đối yếu hơn vì ở vào vị trí cô lập, có sông ngăn cách, xa các căn cứ Sơn Tây, Trung Hà. Muốn ứng cứu cho tiểu khu này, địch chỉ có một con đường bộ (đường số 87) và một đường thủy (sông Đà - Hoà Bình đi Trung Hà). Trên tuyến sông Đà, hai cứ điểm Tu Vũ và Núi Chẹ quan hệ mật thiết với nhau. Núi Chẹ là trận địa hỏa lực và căn cứ hậu cần của Tu Vũ, còn Tu Vũ là bình phong của Núi Chẹ, nhưng giữa hai cứ điểm có sông ngăn cách. Đảng ủy chủ trương tập trung lực lượng đột phá tuyến sông Đà, bắt đầu bằng trận tiêu diệt Tu Vũ và Núi Chẹ, đồng thời tranh thủ tiêu diệt viện binh địch cả trên bộ và trên sông. Trong khi đó vùng sau lưng địch tích cực phát triển du kích chiến tranh, phối hợp với mặt trận phía trước. Phương châm tác chiến đề ra cho Mặt trận Hoà Bình - sông Đà - đường số 6 là đánh điểm diệt viện (có thể vây điểm diệt viện), hết sức tranh thủ giải quyết xong trận đánh trong một đêm, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng tiếp tục đánh ban ngày. Về đánh viện, chuẩn bị đánh viện binh địch cả trên đường thủy, đường bộ, cả cơ giới và quân dù, hết sức tạo cơ hội và không bỏ lỡ cơ hội diệt viện binh địch ban đêm.

Hôm sau, hội nghị cán bộ chiến dịch được triệu tập nhằm thảo luận quán triệt chủ trương tác chiến mới của Đảng ủy chiến dịch.

- Đại đoàn 308 có nhiệm vụ tiêu diệt Tu Vũ và đánh viện, cả trên bộ và trên sông Đà từ Tu Vũ đến Hoà Bình; riêng Trung đoàn 102 (làm dự bị) đứng chân ở Cổ Tiết, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương Phú Thọ sẵn sàng đánh địch tiến công ra vùng tự do Hạc Trì, Lâm Thao, Hưng Hoá. Nhiệm vụ tiến công Tu Vũ được giao cho Trung đoàn 88.

- Đại đoàn 312 có nhiệm vụ tiêu diệt vị trí Núi Chẹ (đồng thời với 308 tiến công Tu Vũ); đánh viện trên hướng Sơn Tây - Đá Chông - Trung Hà (đại đoàn giao cho Trung đoàn 209 tiến công Núi Chẹ).

- Đại đoàn 304 kiềm chế địch ở thị xã Hoà Bình và đánh địch trên đường số 6.

Trung đoàn 88 (Đại đoàn 308) là đơn vị không thành công tiêu diệt vị trí Chùa Cao trong chiến dịch trước, nhưng vẫn được đại đoàn đánh giá là đơn vị có kinh nghiệm đánh công kiên và được giao nhiệm vụ mở màn chiến dịch bằng trận tiêu diệt cụm cứ điểm Tu Vũ, một vị trí lớn sát bờ tả ngạn sông Đà do tiểu đoàn lính Marốc (1/RTM) và 1 phân đội 3 chiếc xe tăng chiếm giữ. Sau cuộc họp cán bộ, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp gặp riêng Ban Chỉ huy Trung đoàn 88. Ông nói với Trung đoàn trưởng Thái Dũng và Chính ủy Đặng Quốc Bảo:Giao nhiệm vụ cho 88, Đảng ủy đã cân nhắc, thấy khả năng các đồng chí làm được. Nhớ rằng trận đầu phải thắng, chỉ được

phép thắng. Có nhiều khó khăn đấy. Phải quyết tâm vượt qua, mà vượt qua được thì trung đoàn các đồng chí sẽ rất trưởng thành.

Trận Tu Vũ mở màn chiến dịch trong điều kiện Trung đoàn 209 có nhiệm vụ đột xuất không phối hợp tiến công Núi Chẹ đồng thời với 88 như kế hoạch đã định. Bộ Chỉ huy chiến dịch tăng cường cho 88 một tiểu đoàn của Trung đoàn 36 và lệnh cho pháo binh tăng cường chế áp trận địa pháo địch ở Núi Chẹ để yểm trợ cho trận tiến công Tu Vũ. Do sơn pháo đi cùng đến chậm nên mãi 2 giờ sáng ngày 11-12-1951, trận tiến công Tu Vũ mới bắt đầu. Sau nhiều giờ chờ đợi, trận đánh muộn đã khiến cho địch bất ngờ nhưng rồi chúng vẫn chống trả quyết liệt dưới sự yểm trợ của hỏa lực pháo binh từ hướng Núi Chẹ bắn sang, tạo thành hàng rào lửa chặn bước tiến của quân ta. Trận đánh quyết liệt ngay từ đầu và phải đến trước khi trời sáng, quân ta mới làm chủ vị trí. Một số nhỏ địch chạy thoát sang bãi soi giữa sông Đà. Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận báo cáo trận đánh thắng lợi, nhưng thương vong của 88 khá cao, chủ yếu do pháo binh địch[9]. Sau trận đánh, Chỉ huy trưởng đi thị sát thực tế vị trí Tu Vũ vừa giải phóng. Ông nói với Tham mưu trưởng chiến dịch Hoàng Văn Thái và Tham mưu trưởng 88 Nam Hà: Cần tổ chức rút kinh nghiệm thật tốt về trận đánh này, làm bài học cho các trận đánh công kiên trên chiến trường trung du và đồng bằng sau này. Trong thư đề ngày 10-12, động viên và khen ngợi Trung đoàn 88, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cũng nhắc nhở mọi người "cần ra sức học tập kinh nghiệm của chiến thắng Tu Vũ để tiếp tục lập chiến công lớn trong thu đông, góp phần vào việc phá tan âm mưu của địch".

Mãi đến hội nghị sơ kết đợt 1, anh em Trung đoàn 88 mới hiểu vì sao Trung đoàn 209 của 312 không tiến công Núi Chẹ cùng lúc với 308 tiến công Tu Vũ. Hai ngày trước khi chiến dịch mở màn, một tình huống ngoài dự kiến diễn ra khiến phải điều chỉnh kế hoạch tác chiến cho phù hợp với tình hình mới. Chiều ngày 8, Trung đoàn 209 đang khẩn trương chuẩn bị tiến công vị trí Núi Chẹ thì đại đoàn được Sở Chỉ huy mặt trận ra lệnh theo dõi triệu chứng địch sắp càn vùng Ninh Mít, căn cứ của Tỉnh ủy Sơn Tây, trong đó có Dốc Bộp là nơi đặt Sở Chỉ huy đại đoàn. Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn nhanh chóng cho 209 sang sông trước 2 giờ sáng ngày 9, bố trí ngay ở Ninh Mít, cho cán bộ đi trinh sát thực địa, sẵn sàng đánh địch càn quét, đồng thời cũng chuẩn bị sẵn sàng đánh Núi Chẹ theo kế hoạch cũ. Ngay sau đó, khi có tin kỹ thuật về cuộc hành binh mang mật danh Hoa nhài (Jasmin) của GM4 vào phía nam Ba Vì, trực ban tác chiến truyền lệnh của Chỉ huy trưởng mặt trận cho 312 phối hợp với địa phương sẵn sàng đánh địch đang từ Núi Chẹ sang và từ thị xã Sơn Tây vào càn quét khu vực làng Chúc. Trận đánh diễn ra từ 7 giờ sáng ngày 9 giữa các trung đoàn 209, 141 của ta với Tiểu đoàn dù số 1 và GM4 từ Sơn Tây sang, được sự yểm trợ của pháo binh từ Đá Chông, Núi Chẹ bắn tới. Trải qua 4 ngày chiến đấu trong điều kiện hết sức khẩn trương (Sở Chỉ huy Đại đoàn 312 và Trung đoàn 209 đều trong tầm pháo của địch), ta diệt 5 đại đội thuộc các Tiểu đoàn dù số 1 và số 5, Tiểu đoàn Marốc số 1 và 1 trung đội cơ giới. Địch phải kết thúc cuộc càn, một bộ phận rút về Núi Chẹ, số đông rút về Trung Hà. Ngày 15-12, đại đoàn nhận được thư khen của Chỉ huy trưởng chiến dịch về thành tích trận đánh vận động phía nam Ba Vì.

Gần như đồng thời với chiến thắng Tu Vũ và Ninh Mít là tin Đại đoàn 320 tiến sâu vào vùng sau lưng địch ở Kim Sơn, Phát Diệm. Sau khi nhận được điện báo cáo của Đại đoàn 320 về kết quả chiến đấu liên tục từ ngày 9 đến ngày 15-12, diệt hàng ngàn tên địch thuộc các tiểu đoàn của Binh đoàn Bắc Phi GMNA và hai tiểu đoàn ngụy số 1 và 18, Đại tướng Tổng Tư lệnh đã gửi thư khen cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Đồng Bằng (tức 320) và cảm ơn đồng bào công giáo Phát Diệm đã giúp đỡ bộ đội và chăm sóc thương binh. Trong khi đó, tin kỹ thuật cho biết trong hai ngày 9 và 10-12, Tướng Xalăng đã chấp nhận đề nghị của Tướng Đờ Linarét thả ngay hai tiểu đoàn lính

dù dự bị xuống Phát Diệm để đối phó với "binh lực lớn của đối phương vừa thâm nhập" vào vùng công giáo. Đờ Linarét vội vã cùng Đại tá Xide bay ngay xuống Nam Định rồi chỉ định Xide ở lại trực tiếp điều hành cuộc chiến. Trong khi đó thì Xalăng đích thân bay lên Tông (Sơn Tây), nghe Đại tá Đôđơliê (Dodelier - chỉ huy phân khu sông Đà) báo cáo về thất bại của Tiểu đoàn 1/RTM trong trận phòng giữ Tu Vũ.

Phối hợp kịp thời với mặt trận phía trước, trên hướng trung du, hai trung đoàn 98 và 174 của Đại đoàn 316 đã khẩn trương thâm nhập vùng địch hậu Bắc Ninh, diệt vị trí Thứa (Lang Tài), đánh viện, uy hiếp cầu Đuống và thị trấn Gia Lâm. Thứa là vị trí địch đầu tiên trong hệ thống công sự boongke vừa xây dựng xong bị quân ta tiêu diệt. Phía bắc đồng bằng bị uy hiếp mạnh, Xalăng phải điều thêm một số tiểu đoàn từ Đông Bắc về bảo vệ phía bắc Hà Nội và điều hai GM1 và 4 từ Mặt trận Hoà Bình sang đối phó với 316 ở Bắc Ninh. Nhận được tin kỹ thuật, ngày 21-12, Bộ Chỉ huy ra lệnh cho 308 điều Trung đoàn 102 vượt sông Đà sang phối hợp với 312 ở Ba Trại - Đồng Tâm đánh hai GM1 và 4 trên đường chuyển quân. Nhưng do ta bố trí quá xa đường, lại không nắm được địch, nên chỉ tiêu hao một bộ phận nhỏ địch, bỏ lỡ thời cơ đánh trận vận động lớn trên đường số 89.

Trên hướng chính của Mặt trận Hoà Bình - sông Đà - đường số 6, cùng với chủ trương diệt một số cứ điểm địch, Bộ Chỉ huy nhận thấy còn có nhiều khả năng đánh địch ở vùng phía nam Ba Vì nên đã lệnh cho 312 đưa 3 tiểu đoàn triển khai lực lượng ở Dốc Bộp, Giáp Thượng, Trung đoàn 66 (304) từ phía nam đường số 6 lên suối Bài sẵn sàng đánh địch, đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh các trận đánh các đoàn tiếp tế của địch trên sông Đà (mà địch gọi là ống thực quản ướt) và đường số 6 (ống thực quản khô) nhằm hạn chế khả năng tiếp tế tăng viện, tiến tới cắt giao thông của địch trên cả hai trục đường bộ và đường sông này. Trong thư gửi các đơn vị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp động viên bộ đội phát huy truyền thống và kinh nghiệm phục kích đánh địch vận động trên bộ và trên sông mùa khô năm 1947 trên chiến trường Việt Bắc, chiến đấu với tinh thần và quyết tâm biến sông Đà thành sông Lô - biến đường số 6 thành đường số 4. Cán bộ Sở Chỉ huy chiến dịch chú ý một điều là cho đến lúc này vẫn chỉ thấy Chỉ huy trưởng nghe báo cáo tình hình thị xã Hoà Bình mà dường nhưkhông quan tâm đến tập đoàn cứ điểm đang hình thành và ngày càng được củng cố trong thị xã.

Trên hai bờ sông Đà, các tiểu đoàn 84 (308) và 16 (312) liên tiếp phục kích đón đánh canô địch từ Trung Hà lên và từ Hoà Bình về, nhằm phá ý định của địch duy trì sự tồn tại của con đường thủy quan trọng này. Sau trận Tiểu đoàn 84 phục kích ở Đoan Hạ và trận của Tiểu đoàn 16 ở Lạc Song diệt một đoàn canô địch trên sông Đà, trước nguy cơ trục giao thông đường thủy bị tắc, hai GM1 và 4 (vừa được điều sang đối phó bên hướng Bắc Ninh) lại được cấp tốc điều về nam Ba Vì, sẵn sàng cơ động ứng cứu nhằm tăng cường sức bảo vệ tuyến sông Đà. Đi đối với quyết tâm uy hiếp mạnh giao thông đường thủy, Bộ Chỉ huy chiến dịch đôn đốc các đơn vị của 304 trên đường số 6 liên tiếp tổ chức các trận phục kích các đoàn xe vận tải tiếp tế ở Cầu Dụ, Giang Mỗ, Dốc Kẽm, khiến cho trục đường bộ huyết mạch này của địch cũng luôn bị uy hiếp. Nhưng kết quả các trận đánh của các đơn vị của ta không đều. Có trận hiệu suất thấp, chỉ tiêu hao một bộ phận nhỏ địch, ta lại thương vong cao, như trận Vai Cày (13-12), nhưng cũng có những trận đạt hiệu suất cao như trận cầu Mè (2-12), cầu Cụt (10-12), Giang Mỗ (13-12).

Sau năm ngày chiến đấu, ngày 14-12, Bộ Chỉ huy quyết định kết thúc đợt 1. Ngay hôm đó, Tổng Quân ủy triệu tập hội nghị mở rộng sơ kết đợt chiến đấu vừa qua. Sau khi đánh giá kết quả tiêu diệt địch[10], Tổng Quân ủy nhận định: Chiến thắng Tu Vũ, Ba Vì, đường số 6 đã làm lay chuyển hệ thống phòng ngự của địch, uy hiếp đường vận chuyển trên sông Đà và đường số 6, trực tiếp

ảnh hưởng đến kế hoạch chiếm đóng Hoà Bình của chúng... Những thất bại ở Phát Diệm và trung du chứng tỏ rằng địch bất ngờ và đối phó lúng túng, phân tán, chứng tỏ chúng thiếu lực lượng trước sự hoạt động đồng thời của ta trên mặt trận chính và trên các chiến trường phối hợp, ngoài phòng tuyến cũng như trong địch hậu".

Phân tích tình hình ta, Tổng Quân ủy đánh giá: Ngoài việc tiêu diệt sinh lực địch, làm lay chuyển hệ thống phòng ngự và rối loạn hậu phương của chúng, qua trận Tu Vũ, bộ đội đã giải quyết được nhiều vấn đề chiến thuật; những trận Ba Vì, Phát Diệm và nam phần Bắc Ninh chứng tỏ rằng bộ đội chủ lực có thể vào sâu trong địch hậu đánh công kiên hay đánh vận động và thu được nhiều thắng lợi. Tuy nhiên, trong đợt 1, vẫn tồn tại nhiều nhược điểm và khuyết điểm: Chưa có trận nào tiêu diệt gọn; thương vong của ta trong trận Tu Vũ khá lớn, một phần vì địch mạnh nhưng nguyên nhân chính là trình độ tổ chức của cán bộ còn kém. Ta còn bỏ lỡ nhiều cơ hội diệt địch, nhất là ở Ba Vì. Một nhược điểm lớn của ta mà địch mong ra sức lợi dụng là vấn đề cung cấp[11].

Về âm mưu sắp tới của địch trên mặt trận chính Hoà Bình - sông Đà - đường số 6, Tổng Quân ủy nhận định: Chúng sẽ củng cố các vị trí chiếm đóng, sẽ càn quét vùng Đan Thê - Đá Chông; tiến lên một bước, chúng có thể chiếm lại Tu Vũ để bảo vệ sông Đà hoặc mở lại cuộc càn quét trong vùng Bãi Vàng - Yên Lệ - nam Ba Vì - bắc đường số 6, để trục xuất bộ đội ta ra khỏi các khu vực đó.

Từ nhận định trên đây, Tổng Quân ủy chủ trương:

1- Trên mặt trận chính, tranh thủ tiêu diệt thêm sinh lực địch trong vùng cơ động nam Ba Vì - bắc đường số 6 - bắc Hoà Bình, đồng thời phải tích cực chuẩn bị để đánh điểm diệt viện trong vùng Đá Chông, Núi Chẹ.

2- ở trung du, lợi dụng sơ hở của địch, gấp rút và mạnh bạo cho chủ lực vào địch hậu, tiêu diệt sinh lực địch, mở khu căn cứ.

3- Tổng Quân ủy cần chỉ đạo kịp thời hơn nữa chiến trường Hữu Ngạn - Liên khu 3, mạnh bạo cho chủ lực vào địch hậu, giữ vững du kích chiến tranh trong những vùng mới phát động như Phát Diệm. Khắc phục thiếu sót trong đợt 1, chú trọng hơn nữa công tác dân vận và địch vận. Với hướng Tả Ngạn, cần chỉ đạo Liên khu ủy 3 có kế hoạch cụ thể lợi dụng địch sơ hở, phát triển chiến tranh du kích, khôi phục và xây dựng cơ sở.

4- Lệnh cho các chiến trường trong Nam hoạt động mạnh hơn để kiềm chế địch, phối hợp với chiến trường chính.

Hôm sau, 15-12, tại Hội nghị cán bộ chiến dịch trước khi bước vào đợt 2, sau khi nhắc lại nhận xét của Hội nghị Tổng Quân ủy mở rộng về đợt 1, kiểm điểm lực lượng và khả năng của ta, Chỉ huy trưởng nói rõ chủ trương cần tranh thủ thời gian hoạt động ngay và hoạt động liên tục và đồng thời trên cả đường số 6, khu vực Ba Vì và sông Đà để tiêu diệt thêm một bộ phận sinh lực địch, thu hút thêm lực lượng cơ động của chúng, tạo điều kiện cho các chiến trường phối hợp liên tục hoạt động mạnh, nhất là cho chiến tranh du kích ở địch hậu có thêm điều kiện phát triển rộng khắp. Phải hết sức giúp đỡ bộ đội địa phương Sơn Tây và đường số 6. Phương châm tác chiến trong đợt 2 là "đánh điểm - diệt viện - tranh thủ diệt viện", bằng các trận phục kích, tập kích, kỳ tập, quấy rối, phá hoại, đánh sâu vào địch hậu, đánh điểm nhỏ, diệt viện nhỏ, vận động

tiêu diệt địch đi càn quét hoặc tuần tiễu, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị để khi có điều kiện thì đánh điểm lớn, diệt viện lớn.

Trong khi bộ đội khẩn trương chuẩn bị bước vào đợt 2, ngày 17-12, Sở Chỉ huy chiến dịch chuyển sâu xuống phía nam Giếng Đá, tây Tu Vũ gần 10 km (vẫn thuộc huyện Yên Lập - Phú Thọ).

Sau này, qua hồi ký của Tướng Xalăng, được biết Bộ Chỉ huy Pháp đang đứng trước tình hình đang ngày càng xấu đi về mọi mặt, cả ở Pháp và ở Đông Dương, cả ở mặt trận phía trước và vùng tạm chiếm, nên phải bắt đầu thu hẹp Mặt trận Hoà Bình - sông Đà để đối phó với đợt tiến công sắp tới của ta.

Bức thư ngày 16-12 của Đờlát cho thấy viên Tổng Chỉ huy đã kiệt sức, đang cố sống những ngày cuối cùng[12], trong khi đó thì Bộ trưởng các quốc gia liên kết Lơtuốcnô bị Quốc hội đả kích về ngân sách chiến tranh Đông Dương, "một cuộc chiến tranh quá đắt về sinh mạng thanh niên Pháp". Đã xuất hiện ý kiến trong Quốc hội: Đề nghị hãy chuyển gánh nặng Đông Dương sang vai Liên hợp quốc. Để duy trì tinh thần quân viễn chinh trước những tin tức không vui dồn dập bay tới, Tướng Xalăng cố mời Bảo Đại ra Bắc và ngày 21-12, quyền Tổng Chỉ huy đưa "nhà vua" đi Hoà Bình để gặp và động viên các sĩ quan Pháp - Việt.

Trong những ngày này, trên Mặt trận Hoà Bình nóng bỏng, các trục đường tiếp tế tăng viện vẫn bị uy hiếp mạnh. Chỉ trong hơn 10 ngày đầu tháng 12, Đại đoàn 304 đã liên tiếp đánh nhiều trận, tiêu diệt 4 đoàn xe trên đường số 6 và đường số 21, phá hủy hơn 60 xe thiết giáp và vận tải, diệt 3 đại đội địch. Trên tuyến đường sông, trước những tổn thất mà địch thú nhận là "không thể chịu đựng nổi" về tàu, xuồng của các thủy đội xung kích, nhất là sau trận phục kích ngày 22 của Trung đoàn 36 đánh chìm một đoàn tàu vận tải đường sông trên đoạn Lạc Song - Đồng Việt, Xalăng quyết định bỏ việc vận chuyển bằng đường thủy, việc tiếp tế chỉ còn dựa vào con đường bộ duy nhất: đường số 6 Hà Nội - Hà Đông - Xuân Mai - Hoà Bình. Theo cách nói của giới báo chí phương Tây, thế là Việt Minh đã thành công trong việc cắt đứt ống thực quản ướt của quân Pháp. Hai GM1 và 4 vừa được điều sang càn quét vùng trung du Bắc Bắc lại bị vội vã điều về để hỗ trợ cho con đường số 6 "được dễ thở". Từ cuối tháng 12-1951, Xalăng tổ chức lại Mặt trận Hoà Bình - sông Đà - đường số 6 thành hai phân khu, với tổng số binh lực gồm 9 tiểu đoàn chiếm đóng và 7 tiểu đoàn cơ động[13]: Phân khu sông Đà (vùng tả ngạn sông), dưới quyền chỉ huy của Đại tá Đôđơliê, Sở Chỉ huy đặt ở Tông (Sơn Tây) và Phân khu Hoà Bình dưới quyền chỉ huy của Đại tá Clêmăng, đặt Sở Chỉ huy trong thị xã.

Thực tế đợt 1 cho thấy, một trong những trở ngại nhất đối với hoạt động của ta là các trận địa pháo tầm xa của địch. Dù đánh điểm hay phục kích địch trên sông như 308, hoặc đánh địch ngoài công sự ở hướng tây nam Ba Vì như 312, quân ta đều phải đối mặt với những loạt đạn pháo của địch từ nhiều hướng bắn tới, do các đài quan sát trên núi Ba Vì hiệu chỉnh. Sau nhiều lần quan sát máy bay trinh sát của địch bay lượn trên không phận Ba Vì, Đại đoàn trưởng 312 Lê Trọng Tấn đã chủ động đề đạt với Bộ Chỉ huy mặt trận cho tiến công hai mỏm 400 và 600 trên sườn nam núi này mà ông chắc chắn là nơi địch đặt đài quan sát pháo binh. Sau khi ý kiến đề nghị của 312 được phê duyệt, việc tổ chức trang bị gọn nhẹ và huấn luyện bổ sung về động tác tiềm nhập vị trí trên sườn núi cao cho số chiến sĩ được chọn lọc của hai tiểu đoàn 11 và 16 thuộc Trung đoàn 141 rất công phu. Trận đánh do Trung đoàn trưởng Nam Long tổ chức, hai tiểu đoàn trưởng Hồ Quang Hoá và Chu Phương Đới trực tiếp chỉ huy trong đêm 29 và sáng ngày 30-12 đã dứt điểm hai vị trí 400 và 600 của địch trên sườn Ba Vì. Trận đánh các điểm cao 400 và 600

được đánh giá là một trận đánh đạt hiệu suất cao, ta thương vong ít. Nhưng do không nắm vững địch nên ngay đêm 30 ta lại bỏ lỡ cơ hội diệt địch khi chúng vừa chiếm lĩnh điểm cao 218. Hôm sau, do bố trí quá xa đường, ta lại không đánh được hai GM1 và 3 cùng một tiểu đoàn lính dù lên chiếm lại điểm cao 600 cũng như hai GM4 và 7 từ Đá Chông vào càn quét vùng Ba Trại và bắc Ba Vì.

Để chia lửa với Trung đoàn 141 trên sườn Ba Vì, Bộ Chỉ huy chiến dịch lệnh cho 304 tiến công đồng loạt một số vị trí Đồi Mồi, Hàm Voi trên đường số 6, nhưng cả hai trận đánh đều không thành công, chỉ tiêu hao một số địch. Trong khi đó thì trên hướng trung du, Đại đoàn 316 đẩy mạnh hoạt động từ Bắc Ninh - Bắc Giang sang hướng Hải Ninh, ngay trên phòng tuyến boongke của địch; Đại đoàn 320, trên chiến trường đồng bằng quen thuộc, tiếp tục làm rung chuyển phòng tuyến sông Đáy.

Kết quả hoạt động quy mô nhỏ nhưng rất đều đặn nhịp nhàng của quân ta trong đợt 2 từ hướng Ba Vì đến Chợ Bến, nhất là của hai đại đoàn vào sâu vùng trung du Bắc Bắc và Hữu Ngạn sông Hồng, ngày càng chứng minh chủ trương phối hợp tác chiến giữa hai mặt trận phía trước và vùng sau lưng địch trong một chiến dịch là một cách đánh sáng tạo và có hiệu quả. Đường thủy bị tê liệt, tập đoàn cứ điểm trong thị xã Hoà Bình ngày càng bị cô lập, chỉ trông chờ vào đường tiếp tế tăng viện duy nhất là đường số 6. Hoạt động đồng loạt của ta trong những ngày cuối năm 1951 không những buộc địch phải giằng xé các GM1 và 4 giữa hai chiến trường phía trước và sau lưng địch mà còn thu hút cả hai GM3 và 7 từ đồng bằng lên cứu nguy cho mặt trận chính diện. Sau này chính Xalăng cũng thú nhận rằng Bộ Chỉ huy Pháp bối rối trước cục diện chiến trường ngày càng bất lợi. Giữa lúc viên tướng hy vọng "một đêm Noel và một ngày đầu năm yên bình" thì suốt tuần lễ cuối năm 1951 khắp nơi bị tiến công, kể cả những cứ điểm Xalăng không ngờ tới như ấp Đá Chông. Sau này viên tướng để lộ một chi tiết: Trong không khí ngột ngạt của đêm giao thừa 1951 - 1952, một tin tức đã đem lại cho tôi một nỗi buồn vô cùng tận: Trung úy Hăngri Lơcle đã mất tích trong đêm 3-1-1952 ở vùng Ninh Bình trong một trận đánh mà một tiểu đoàn Việt Minh lao vào tiến công mãnh liệt tiểu đoàn dã chiến Đông Dương BMI của Hăngri và viên trung úy đã bỏ mình trên chiến địa.

Một sự trùng hợp: Hai viên trung úy, Bécna Đờlát và Hăngri Lơcle, đều là con của hai tổng chỉ huy và đều bỏ mạng trên một chiến trường: phòng tuyến sông Đáy. Tướng Xalăng nhớ lại câu nói của người cha Philíp Lơcle, Tổng Chỉ huy Pháp đầu tiên - hơn 6 năm trước: Tháng 10-1945, Tướng Lơcle đã nói với tôi ở Sài Gòn: Để biểu thị lòng tri ân của tôi đối với chế độ (thực dân Pháp), tôi xin hiến thằng Hăngri nhà tôi cho đội quân viễn chinh thuộc địa.

Sau gần một tuần hoạt động, ngày 31-12, đợt 2 kết thúc. Hôm sau, trong hội nghị cán bộ chuẩn bị bước vào đợt 3, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp nhận định rằng nói chung trên chiến trường Bắc Bộ, chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ tác chiến của đợt 2, cả trên hướng chính và các chiến trường phối hợp ở trung du, Hữu Ngạn sông Hồng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Vùng sau lưng địch vẫn sơ hở mặc dù chúng cố gắng đưa quân về càn quét nhưng cách đối phó của địch tỏ ra lúng túng và bị động. Chiến tranh du kích bắt đầu lên, nhưng việc chỉ đạo chưa chặt chẽ, nhất là ở Tả Ngạn - Liên khu 3. Riêng trên mặt trận chính, Chỉ huy trưởng cho rằng do địch bị tổn thất nặng, nên kế hoạch chiếm đóng Hoà Bình của chúng ngày càng gặp nhiều khó khăn, nhất là về giao thông tiếp tế. Địch cố gắng củng cố thế chiếm đóng nhưng hoàn cảnh khách quan có thể buộc địch nghĩ đến việc rút quân khỏi Hoà Bình. Khuyết điểm của ta trên mặt trận này là còn bỏ nhiều cơ hội rất tốt để tiêu diệt địch, còn đánh nhiều trận tiêu hao, việc phối hợp giữa đường số 6 với các hướng sông Đà và Ba Vì chưa chặt chẽ.

Bước vào đợt 3, phân tích tình hình cụ thể về địch trong cả ba khu vực trên mặt trận chính[14], Chỉ huy trưởng cho rằng chiến đấu trongvùng Hoà Bình - đường số 6 tương đối thuận lợi, song tình hình địch có thể chuyển biến sớm và trở nên phức tạp hơn, đó là chưa kể phải khắc phục những khó khăn về cung cấp. Do đó, Bộ Chỉ huy chiến dịch chủ trương chuyển xuống phía nam, lấy vùng Hoà Bình - đường số 6 làm hướng chính, vùng Núi Chẹ - Đá Chông và bắc Ba Vì làm hướng phụ. Nhiệm vụ chung của mặt trận trong đợt 3 là tiêu diệt sinh lực địch, thu hút và kiềm chế lực lượng của chúng để các mặt trận phối hợp và địch hậu có thể phát triển một cách tương đối thuận lợi. Chúng ta chưa đặt vấn đề giải phóng đất đai. Phương châm đợt 3 vẫn là đánh điểm diệt viện, nhưng phải áp dụng hết sức linh động.

Nhận thấy hoạt động của các chiến trường phối hợp ngày càng có vai trò quan trọng đối với mặt trận chính trong đợt 3, Đảng ủy cử Tham mưu trưởng chiến dịch Hoàng Văn Thái về Tổng hành dinh báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương và trực tiếp đảm nhiệm việc tăng cường chỉ đạo các mặt trận phối hợp. Khi giao nhiệm vụ cho ông Thái trở về hậu phương, ông Giáp nhấn mạnh:

1- Trung du và Hữu Ngạn phải chuẩn bị tích cực hoạt động phối hợp với mặt trận chính đồng thời chuẩn bị chống địch càn quét;

2- Đối với Tả Ngạn, phải tích cực giúp đỡ hơn. Cần sử dụng một trung đoàn của 320 sang hoạt động càng sớm càng hay, nhằm thực sự giúp đỡ Tả Ngạn phát động chiến tranh du kích và giải quyết các khó khăn, đặc biệt là về vũ khí.

Điều băn khoăn của Chỉ huy trưởng khi bước vào đợt 3 là làm thế nào hạn chế tổn thất của ta do pháo binh địch gây nên. Từ Chiến dịch đường số 18, dùng pháo binh ngăn chặn ta vẫn là thủ đoạn chủ yếu của địch. Ông Giáp đặt vấn đề cho tham mưu nghiên cứu. Anh em đề nghị cho một đơn vị tập kích thẳng vào trận địa pháo của địch trong thị xã Hoà Bình. Nhiệm vụ đặc biệt này được giao cho Trung đoàn 36, cụ thể là Đại đội 41, đơn vị đã có kinh nghiệm kỳ tập diệt đồn Cẩm Lý năm trước. Được sự giúp đỡ của trung đoàn và tiểu đoàn, công tác chuẩn bị của Đại đội 41 diễn ra khẩn trương và cụ thể. Ban Chỉ huy Trung đoàn dồn sức giúp đỡ Đại đội 41 chuẩn bị suốt một tuần để cho trận đánh dự kiến có thể kết thúc nhanh gọn trong vòng một giờ. Trước giờ xuất phát, Đại đội trưởng Chu Tấn đọc trước toàn đội dũng sĩ thư động viên của Chỉ huy trưởng chiến dịch. Bức thư của Đại tướng Võ Nguyên Giáp kết thúc bằng câu khẳng định: "Tôi tin các đồng chí sẽ làm tròn nhiệm vụ. Đêm 7-1-1952 - đúng đêm bắt đầu đợt 3 chiến dịch - hơn 40 dũng sĩ đã chuẩn bị chu đáo về tinh thần và kỹ thuật, chiến thuật, trang bị gọn nhẹ, dưới sự chỉ huy trực tiếp của đại đội trưởng, được sự hiệp đồng và yểm trợ của các đơn vị bạn, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, diệt trận địa pháo gồm 4 khẩu 105 mm của tập đoàn cứ điểm nằm sâu trong thị xã Hoà Bình, diệt đại đội bảo vệ, bắt viên đại úy chỉ huy pháo binh địch.

Nếu trận tập kích trận địa pháo thành công giòn giã tạo nên một nỗi kinh hoàng đối với địch thì liên tiếp hai đêm 7 và 8-1-1952, trận tiến công vị trí Pheo (của Trung đoàn 102, Đại đoàn 308) và trận tiến công vị trí Đầm Huống (của Trung đoàn 66 - Đại đoàn 304) lại đều không thành công. Pheo là vị trí rất quan trọng trên đường số 6, phía bắc thị xã Hoà Bình chừng 6 km. Nếu cụm cứ điểm này bị tiêu diệt thì tập đoàn cứ điểm trong thị xã Hoà Bình sẽ bị cô lập, tạo điều kiện cho ta đánh lớn, làm thay đổi cục diện chiến dịch. Chính vì trận tiến công cứ điểm Pheo là trận chính trong đêm mở màn đợt 3 nên Bộ Chỉ huy chiến dịch giao nhiệm vụ quan trọng này cho Trung đoàn 102, đơn vị có truyền thống và kinh nghiệm đánh công kiên. Nhưng vì sao trận đánh quan trọng này không thành công?

Về phía đại đoàn, sau này trong hồi ký *Trưởng thành trong chiến đấu,* ông Vương Thừa Vũ viết: "Khi chiến thắng, nhất là lúc đang chiến thắng dồn dập, đánh đâu được đấy, người ta dễ bị "say" đi đến chủ quan khinh suất. Nhìn địch chỉ thấy chúng hoang mang mất tinh thần mà không thấy chúng ngoan cố. Nhìn ta chỉ thấy thuận lợi, không thấy khó khăn. Trước khi nổ súng, mọi người cho cứ điểm Pheo tuy mạnh, song Trung đoàn Thủ đô có thừa khả năng diệt gọn. Nhận định này hoàn toàn đúng, nhưng từ cái không sai ấy lại đi đến cái sai khác, đi đến những thiếu sót về tổ chức chỉ huy - thiếu tỉ mỉ, cụ thể, thiếu thận trọng trong công tác chuẩn bị chiến đấu.

Kiểm điểm trận Pheo, chúng tôi kết luận đây là một trận "tiền duyên nhập nhằng, tung thâm rối loạn" suốt trận đánh sai với yêu cầu hình thái chiến thuật là phải đánh ở nhiều hướng, nhiều mũi, phải biết "chiếm cao vi lợi", triệt để tận dụng giá trị chiến thuật của địa hình. Tất nhiên không phải chúng tôi không biết đánh giá thế nào là đúng, song có điều là chủ quan đơn giản, điều tra đại khái qua loa, nên hiểu địch không đúng, chẳng khác nào như ta chép sai đầu đề bài toán thì tìm sao cho ra đáp số đúng được".

Trong thư đề ngày 10-1 gửi thủ trưởng và Đảng ủy Trung đoàn 102, Chỉ huy trưởng chiến dịch Võ Nguyên Giáp gợi ý anh em suy nghĩ: "Lần thứ nhất, ở Ba Trại, các đồng chí không làm tròn nhiệm vụ, bỏ qua một cơ hội hiếm có để tiêu diệt địch. Lần thứ hai, trên đường số 6, các đồng chí lại không làm tròn nhiệm vụ, làm ảnh hưởng lớn đến phát triển của chiến dịch. Vì sao đơn vị tinh nhuệ của chúng ta lần này lại kém như vậy, kém trong khi các đơn vị bạn đều thắng, trong khi khắp các mặt trận đều thắng?

Có phải vì chiến sĩ và cán bộ thiếu anh dũng hay không? Không phải. Có phải vì chiến sĩ và cán bộ kém về chiến thuật, kỹ thuật hơn trước hay không? Cũng không phải. Có phải vì điều kiện chiến trường khó, hay nhiệm vụ cấp trên giao quá sức của mình hay không? Cũng không.

Theo tôi nhận xét thì nguyên nhân chính là vì cán bộ ỷ lại vào tài năng của mình nên coi thường nhiệm vụ, do đó sinh ra chủ quan và kém tỉ mỉ, đại khái lúc đặt kế hoạch, thi hành thì thiếu kiểm tra đôn đốc".

Về cấp chiến dịch, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp cũng thấy có phần trách nhiệm của Bộ Chỉ huy trong thất bại của trận tiến công cứ điểm Pheo, cụ thể là quá tin vào truyền thống của đại đoàn, tin vào khả năng và kinh nghiệm đánh công kiên của trung đoàn nên đã thiếu kiểm tra đôn đốc, thiếu tăng cường chỉ đạo các cơ quan Bộ Chỉ huy theo dõi giúp đỡ cụ thể Trung đoàn 102 trong trận đánh quan trọng này. Trong quá trình chuẩn bị, Bộ Chỉ huy chú ý đến trận đánh của Trung đoàn 36 vào trận địa pháo binh của tập đoàn cứ điểm Hoà Bình nhiều hơn vì đây là một nhiệm vụ mới mẻ, bộ đội phải luồn sâu vào thị xã. Trung đoàn 36 được chuẩn bị rất chu đáo nên đã thành công.

Trận tiến công của ta vào vị trí Pheo không thành nên kế hoạch đánh viện trong đợt 3 cũng không thành. Mặc dù vậy, vào đầu tháng 1 này các phóng viên Pháp và nước ngoài theo dõi chiến trường Hoà Bình cho rằng quân Pháp đã ở vào "tình thế tồi tệ". Sau này, trong hồi ký, Tướng Xalăng cũng thừa nhận rằng cách đánh của đối phương trên cả hai hướng (đường số 6 và tập kích trận địa pháo trong thị xã Hoà Bình) là một đòn hiểm. Trận đánh đêm 7 rạng ngày 8 đã khiến cho Đại tá Clêmăng chỉ huy Phân khu Hoà Bình tỏ rõ những dấu hiệu mệt mỏi và bi quan. Việc ném xuống thị xã cho Clêmăng thêm một tiểu đoàn dù biệt kích (2èBPC) cũng chỉ là biện pháp tình thế. Về lâu về dài, ngày cũng như đêm, từng giờ, từng phút chiến trường đặt ra cho tôi (Xalăng) những vấn đề lớn lao phải giải quyết. Trên phạm vi rộng lớn hơn, viên tướng thừa nhận rằng quân Pháp bất lực không thể đối phó đồng thời trên cả hai mặt trận. Trong khi tại Hoà Bình,

đối phương cứ liên tiếp tiến công các vị trí của Pháp, buộc Bộ Chỉ huy quân viễn chinh phải đưa lực lượng cơ động đến giải vây để rồi chịu tổn thất thì trong vùng tạm chiếm, các đại đoàn 316 và 320 hợp với lực lượng tại chỗ không ngừng "làm ruỗng nát hậu phương quân Pháp" từ châu thổ sông Hồng lên hướng trung du. Báo chí Pháp nói nhiều đến một thực tế là các binh đoàn cơ động 1, 3, 4, 7 như những chiếc đèn cù, vừa bị điều từ Hoà Bình về cứu nguy bên trong phòng tuyến rồi lại từ trung du và đồng bằng vội vã ra chữa cháy ngoài đường số 6, khiến cho Tướng Đờ Linarét không úp mở thừa nhận với Xalăng rằng sức ép dai dẳng và sự điều động kiểu đó đã trở thành không thể chịu đựng nổi. Xalăng viết: Vấn đề đặt ra với tôi là cần thiết phải thu hẹp phạm vi đồn trú để có trong tay lực lượng dự bị, sẵn sàng lực lượng cơ động để trước mắt có đủ sức mạnh hoạt động trên đường số 6, rồi sau đó để tiến hành các cuộc hành binh ở đồng bằng, nơi mà các sư đoàn 316 và 320 của đối phương không ngừng đem lại những hậu quả thật đáng lo ngại.

Theo đánh giá của Xalăng, lúc này đối phương không chỉ tập trung nỗ lực vào đường số 6, "khiến cho hệ thống phòng ngự luôn luôn bị đảo lộn đòi hỏi phải không ngừng cải tiến", mà họ còn bắn phá sân bay trong thị xã Hoà Bình, bắt đầu cản trở việc vận chuyển bằng đường không. Riêng việc bảo vệ đường số 6 đã giam chân 16 tiểu đoàn, "một điều không chịu đựng nổi giữa lúc binh lực còm cõi, chắp vá và tỏ rõ sự bất lực trước nhiều nhiệm vụ khác đang chờ đợi ở bên trong phòng tuyến". Đó là nguyên nhân dẫn đến quyết định ngày 17-1 của Tướng Xalăng, từng bước rút quân khỏi chiến trường Hoà Bình - đường số 6, trước hết là rút hẹp dần phạm vi chiếm đóng trên hướng sông Đà, chuẩn bị từng bước rồi bí mật và nhanh chóng đưa toàn bộ lực lượng hơn hai vạn quân về bên trong phòng tuyến boongke. Về chủ trương chuẩn bị rút chạy này, Xalăng lập luận: "Hoà bình đã đóng vai trò của nó và không có bất kỳ lý do chiến lược nào buộc tôi phải tiếp tục giữ vị trí này". Nhớ lại hồi trung tuần tháng 11, khi đánh ra Hoà Bình, người ta đánh giá cao "thủ phủ xứ Mường" bao nhiêu thì giờ đây, buộc phải chuẩn bị rút chạy khỏi cả vùng sông Đà - đường số 6, người ta lại có lý do nói rằng Hoà Bình chẳng có giá trị về chiến lược cả về quân sự và chính trị.

Mọi việc bắt đầu bằng rút toàn bộ các cứ điểm trên Phân khu sông Đà về Hoà Bình và đường số 6, chuyển toàn bộ hoạt động sang phòng ngự, cố giữ cho con đường huyết mạch này không bị đối phương cắt đứt. Một việc không kém phần quan trọng là thay thế viên chỉ huy Phân khu Hoà Bình. Đuycuốcnô (Ducourneau) được cử đến thay Clêmăng - bị coi là đã "hoang mang và mất tinh thần". Do sân bay Hoà Bình bị đối phương khống chế chặt, "không một máy bay nào có thể hạ cánh" nên ngày 17-1, Đuycuốcnô phải nhảy dù xuống sát Sở Chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Đại tá Gin (Gilles) được tin cậy giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và điều hành cuộc lui quân khỏi Mặt trận Hoà Bình. Suốt ba tuần đầu tháng 2, quân Pháp chuyển dần vật chất dự trữ từ Hoà Bình theo đường số 6 về Hà Nội, một quá trình được coi là "an toàn không gặp trở ngại gì". Ngày 10-2, Tướng Xalăng tổ chức họp báo với mục đích chủ yếu là để "đưa ra một lời tuyên bố nhằm nghi binh đánh lừa đối phương". Khi được hỏi về triển vọng chiến sự thế nào, viên Tổng Chỉ huy Pháp đã nói với các phóng viên rằng: "Quân Pháp đã chiếm được Hoà Bình và tôi không hề có ý định để cho người ta đuổi cổ chúng tôi ra khỏi nơi đó". Sau này, Tướng Xalăng khoe rằng câu nói đó đã làm cho các ký giả không hiểu được ý định (rút lui) của Bộ Chỉ huy Pháp. "Tôi phải giữ bí mật để tránh một cuộc xung đột với các đại đoàn đối phương mà chắc chắn là tôi sẽ phải trả bằng giá đắt". Từ giữa tháng 2 cho đến ngày chính thức lui quân là một tuần lễ càn quét liên tục vùng giữa xóm Pheo đến Bến Ngọc, nhằm tạo hành lang nối liền phòng tuyến đường số 6 với thị xã Hoà Bình. Hơn 10 tiểu đoàn và một số cụm pháo chiếm đóng thêm một số điểm cao khống chế trên đoạn đường Ao Trạch - Hàm Voi nhằm hạn chế các trận phục kích và phá hoại cầu

đường của đối phương. Như báo chí phía bên kia nhận xét, quân Pháp tập trung mọi nỗ lực và bằng mọi biện pháp quyết liệt để "khôi phục sức sống cho con đường số 6". Chiều tối ngày 22-2 kế hoạch rút lui (mang mật danh Amarante) bắt đầu bằng cuộc rút 5 tiểu đoàn khỏi thị xã Hoà Bình để vượt sang hữu ngạn sông Đà[15].

Trong khi đó, về phía ta, đầu tháng 1-1952, Tổng Tham mưu trưởng từ hậu phương gửi thư ra, chuyển đạt ý kiến của Cụ Hồ và Trung ương về phương hướng hoạt động sắp tới. Thư viết: "Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng ý chủ trương của Bộ Chỉ huy chiến dịch về đợt 3 và nhấn mạnh:

1- Địch đánh ra Hoà Bình, về mặt quân sự, căn bản là thất bại. Ta tạm thời mất Hoà Bình nhưng khôi phục lại địch hậu, đó là một thắng lợi lớn.

2- Lúc này, hoạt động của chủ lực chủ yếu hướng vào đánh giao thông, kiềm chế và bao vây Hoà Bình. Lợi thì đánh, không lợi thì cho bộ đội nghỉ, không nên dùng nhiều lực lượng, tránh những trận tiêu hao, tránh điều động nhiều làm bộ đội mệt mỏi.

3- Thời gian không nhất thiết là trong tháng 1-1952, có lợi thì có thể kéo dài để giữ chủ lực địch ở hướng này, tạo điều kiện để địch hậu có đủ thời gian phát triển và củng cố. Bác Hồ dặn thêm: Ngay lúc này, cần chuẩn bị trước kế hoạch, nếu địch rút Hoà Bình thì ta khuếch trương cả về quân sự và chính trị như thế nào".

Như vậy là "ở nhà" cũng đã dự kiến tình huống địch rút chạy khỏi Hoà Bình. Chủ trương của Bộ Chỉ huy chiến dịch hoàn toàn phù hợp với ý chỉ đạo của Trung ương và Cụ Hồ. Hoạt động của chủ lực từ đầu tháng 1 đã tập trung vào những trận đánh nhỏ nhưng rất đa dạng, nhằm tiếp tục tiêu hao địch trong thị xã Hoà Bình và trên đường số 6. Từ kinh nghiệm ngày 7, chỉ vài ngày sau, một tổ biệt kích của Trung đoàn 36 lại bí mật luồn sâu dùng bộc phá diệt máy bay địch trên sân bay. Cả đường bộ và đường không của địch đều không ngừng bị uy hiếp, không những do các trận phục kích các đoàn xe trên con đường huyết mạch của địch mà quân ta còn tăng cường bao vây thị xã, phá hoại và quấy rối thường xuyên trên đường số 6 và dùng pháo khống chế sân bay làm cho tập đoàn cứ điểm của địch trong thị xã Hoà Bình càng thêm bị cô lập. Quân bình cứ vài ba ngày, quân ta lại đánh được một trận nhỏ hoặc vừa, tiêu hao tiêu diệt một bộ phận địch, phá hủy một vài xe cơ giới, có khi hạ được cả máy bay địch.

Trải qua ba tuần hoạt động nhỏ, ngày 27-1, đúng ngày 1 Tết, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định kết thúc đợt 3.

Ngày 30-1, tổng hợp tình hình sau hai tháng hoạt động, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá tình hình địch và phán đoán âm mưu sắp tới của chúng như sau: "Mặc dầu địch cố gắng nhiều, cách đối phó của chúng càng ngày càng lúng túng, bị động, phân tán, chứng tỏ chúng bị bất ngờ vì sự hoạt động mạnh của ta trên cả hai mặt trận trong một thời gian khá lâu. Trong việc đối phó này, địch gặp nhiều khó khăn và thất bại: Phòng tuyến sông Đà bị bức rút, thị xã Hoà Bình bị đánh mạnh và bị bao vây, đường số 6 bị tiến công và cắt đứt, địch hậu bị uy hiếp ngày càng mạnh, sinh lực bị tiêu diệt ngày càng nhiều (rõ ràng nhất là ở Hoà Bình, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định).

Giữa lúc đó, nhiều khó khăn mới đẩy đến cho địch: Tátxinhi chết, khủng hoảng nội các Pháp[16], phong trào đấu tranh của nhân dân Tuynidi lên cao, Lơtuốcnô và Valuy phải vội vàng sang Việt Nam điều tra tình hình và tìm chủ trương đối phó.

Địch đang ở trong tình trạng lúng túng, mâu thuẫn giữa sự đòi hỏi của mặt trận chính diện và địch hậu, giữa yêu cầu quân sự và chính trị.

Theo thế chung thì dù muốn hay không muốn, địch cũng phải rút Hoà Bình. Hiện nay đã có nhiều triệu chứng chứng tỏ địch rút và có thể là địch tranh thủ rút nhanh. Song có thể còn gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức rút lui, hoặc vì những lý do chính trị, hoặc vì địch cũng thấy những nhược điểm của ta chưa cho phép ta có điều kiện tiêu diệt chúng ngay, nên chúng còn bám lấy Hoà Bình trong một thời gian ngắn nữa".

Ngày 1-2, trong mệnh lệnh gửi các đơn vị, Chỉ huy trưởng nêu rõ chủ trương: Cần làm cho địch chậm rút lui, chậm ngày nào gây thêm khó khăn cho địch ngày ấy, chẳng những ở địch hậu mà cả ở mặt trận chính; chậm ngày nào là ta thắng lợi ngày ấy. Cần phá kế hoạch rút lui của địch, làm cho địch không thể thực hiện được kế hoạch của chúng như ý muốn, như vậy chúng mới bộc lộ nhiều nhược điểm, mới có điều kiện thuận tiện cho ta tiêu diệt địch.

Theo kế hoạch của tham mưu đề đạt, các đơn vị được chuyển 2/3 lực lượng sang củng cố và chấn chỉnh nhưng phải sẵn sàng tác chiến (khi có cơ hội thì có thể tập trung thêm lực lượng để tiêu diệt địch). Còn trên dưới 1/3 lực lượng tiếp tục chiến đấu, tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận nhỏ của địch, bao vây đi đôi với biệt kích vào thị xã, phá hoại đường sá, cầu cống, quấy rối, đồng thời đẩy mạnh địch vận. Khi phát hiện địch rút, nhanh chóng dùng phục kích hay vận động phục kích, tiêu diệt một bộ phận quân địch. Mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch chỉ rõ các đại đoàn cần kiểm tra lại kế hoạch, nhất là trận địa hỏa lực và đường vận động tiếp cận và truy kích địch (theo kế hoạch phân công khu vực và nhiệm vụ của đại đoàn). Sau 10 ngày chấn chỉnh, nếu địch chưa rút, ta sẽ có thể hoạt động mạnh, nhằm mục đích không cho địch thực hiện kế hoạch rút lui. Mệnh lệnh nhấn mạnh: Cảnh giới chu đáo, tỉnh táo đề phòng những hành động bất ngờ của địch.

Nửa đêm 22-2, tiếng đại bác dồn dập vọng về Sở Chỉ huy chiến dịch. Điện hỏi, trực ban tác chiến được báo cáo cuộc rút chạy của địch bắt đầu. Trung đoàn 36 - đang bao vây thị xã - là đơn vị đầu tiên đánh địch khi những phân đội cuối cùng của địch đang vượt sông. Ta phát hiện địch rút chạy quá muộn. Mãi 1 giờ sáng ngày 23-2, quân báo trung đoàn mới phát hiện địch thắp đèn pha rất sáng ở Bến Mới; có tiếng canô và xe cơ giới địch đang vận chuyển; địch đang rút dần các vị trí ngoài vào trong thị xã. Trung đoàn được lệnh xuất kích nhưng thị xã đã vắng bóng địch, đại bác bên hữu ngạn cùng với máy bay đang yểm trợ cho chúng vượt sông. Đại bộ phận quân địch đã sang bên kia Bến Mới. Chúng tập trung hỏa lực không quân và pháo binh tạo thành một hàng rào lửa yểm trợ cho cuộc vượt sông, nhưng Trung đoàn 36 vẫn quyết tâm tiếp cận bờ sông, đánh vào đội hình đang chuẩn bị sang sông của địch. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23, bộ phận cuối cùng của quân địch cũng đã sang hết bờ hữu ngạn sông Đà. Tại bến vượt, pháo binh của ta chỉ bắn chìm một canô và phá hủy một số xe cơ giới của địch. Trận đánh chiều ngày 23 của Trung đoàn 209 vào vị trí xóm Pheo cũng như đánh vào đội hình địch tập trung lên xe trên đường số 6 cũng chỉ đạt kết quả hạn chế vì hỏa lực phi pháo yểm trợ dày đặc của địch. Hai trung đoàn 9 và 57 của 304 tiếp cận đường số 6 muộn, chủ yếu là vì bố trí xuất kích quá xa lại bôn tập dưới hỏa lực phi pháo bắn chặn nên trận đánh cũng không thực hiện được.

Trong hồi ký, Tướng Xalăng viết: Mặc dù tiếp tục bị đánh trong những ngày 23 và 24-2, tất cả các đơn vị của ta đã lọt vào phía trong của vành đai bêtông lúc 6 giờ ngày 25. Chúng ta đã thành công trong việc rút về được hơn hai vạn quân và một khối trang bị đồ sộ. Cuộc chiến Hoà Bình - đường số 6 kết thúc. Tôi trút được gánh nặng.

Sau này Bécna Phôn và các phóng viên chiến trường tiết lộ: Trong cả quá trình rút chạy từ đêm 22 đến sáng 25-2, cho đến khi những tên lính cuối cùng về đến cứ điểm Xuân Mai, quân Pháp đã bắn trên 30.000 viên đại bác để yểm trợ cho cuộc lui quân. Số đạn pháo sử dụng, số xe cơ giới bị phá hủy, số tàu, xuồng bị đánh đắm và nhất là gần 350 binh lính bị chết, bị thương, bị mất tích (theo con số chính thức của cơ quan tham mưu Pháp mà Xalăng ghi trong hồi ký), dẫn đến kết luận của các ký giả là một cuộc rút lui quá đắt trong điều kiện quân Pháp ưu thế tuyệt đối về trang bị kỹ thuật, nhất là hỏa lực phi pháo, trước một đối thủ hành quân truy kích bằng cơ bắp của đôi chân đất.

Chiến dịch Hoà Bình đã kết thúc, âm mưu giành lại quyền chủ động chiến lược của Tướng Đờlát và Bộ Chỉ huy Pháp đã thất bại. Quân đội đã cùng nhân dân hoàn thành nhiệm vụ chiến lược trong mùa khô 1951-1952. Tổng Tư lệnh lên đường trở về căn cứ với niềm vui về kết quả chiến dịch kèm theo những suy nghĩ về cuộc đấu tranh gian khổ sắp tới của quân và dân vùng sau lưng địch, nhất là quân và dân châu thổ sông Hồng. Hàng vạn tên địch đã trở về phía sau phòng tuyến, với nhiệm vụ cấp thiết là cải thiện cục diện vùng tạm chiếm đã trở nên rất bất lợi đối với chúng suốt hơn hai tháng qua.

Tổng Tư lệnh đã thấy trước những ngày xuân - hè sắp tới, cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ rất quyết liệt để duy trì và phát triển thế và lực trong vùng địch hậu trước âm mưu càn quét của địch.

Ngồi trên xe trở về hậu phương, ông Giáp nói lại những suy nghĩ đầu tiên nhưng rất tâm đắc của ông về hai tháng chiến đấu vừa qua để Cục phó Tác chiến Đỗ Đức Kiên ghi lại nhằm chuẩn bị cho hội nghị tổng kết chiến dịch. Đó là những điểm rất mới về chỉ đạo cách đánh, cả về chiến lược và chiến dịch.

Về *chỉ đạo chiến lược*, nhìn lại hơn 6 năm qua, chưa mùa khô nào sự chỉ đạo phối hợp giữa chiến trường phía trước và chiến trường sau lưng địch lại chặt chẽ và có hiệu quả như trong Chiến dịch Hoà Bình. Sự phối hợp đó không những tạo thế thuận lợi để tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch rộng rãi và buộc địch phải lúng túng bị động căng kéo các binh đoàn cơ động đối phó trên hai hướng, mà điều quan trọng nữa là đã tạo thời cơ rất thuận lợi cho quân và dân vùng tạm bị chiếm đẩy mạnh cuộc đấu tranh, tạo điều kiện cho chiến tranh du kích phát triển, nhiều vùng du kích và căn cứ du kích được phục hồi, củng cố và mở rộng. Sau ba chiến dịch xuân - hè ở trung du và đồng bằng, đến Chiến dịch Hoà Bình, một vấn đề có tầm chiến lược đã được khẳng định: địa bàn rừng núi là chiến trường bộ đội ta có thêm điều kiện hạn chế ưu thế về binh khí, kỹ thuật và khả năng cơ động tăng viện của địch, đồng thời cũng là chiến trường quân ta có thể phát huy sở trường chiến đấu của mình nhằm tiêu diệt sinh lực địch đủ để tạo nên chuyển biến lớn có ý nghĩa chiến lược.

Về *cách đánh chiến dịch*, lần đầu tiên hình thức phòng ngự của địch bằng tập đoàn cứ điểm xuất hiện trên chiến trường Đông Dương, trên một chiến trường do chúng lựa chọn. Ta nhận thấy chưa đủ sức tiến công vào chỗ "rắn nhất" của địch nên đã chủ trương vừa cô lập tập đoàn cứ điểm trong thị xã Hoà Bình vừa đánh mạnh trên hướng đường số 6 và sông Đà. Cô lập mục tiêu chủ yếu, đánh mạnh vào đường giao thông vận tải - cả đường thủy, đường bộ và đường không - của địch là tránh chỗ mạnh, đánh thẳng vào chỗ yếu của chúng khi địch chiếm đóng một vùng rừng núi cô lập, xa căn cứ lớn ở đồng bằng. Thực tế đã chứng minh đó là một cách đánh phù hợp với điều kiện tương quan lực lượng trên hướng chính của chiến dịch. Cách đánh đó đã đem lại kết quả về mặt tiêu diệt sinh lực địch và khoét sâu khó khăn chủ yếu của chúng về mặt hậu cần tiếp tế và cơ động lực lượng trong điều kiện binh lực eo hẹp. Ngoài những trận lớn bằng công

kiên và vận động, các trận phục kích địch trên bộ và trên sông, đã xuất hiện những cách đánh mới, độc đáo và có hiệu quả. Đó là các trận đánh nhỏ, tiêu hao địch rộng rãi, đặc biệt là hình thức luồn sâu, đánh hiểm trong lòng địch của các đội biệt kích tinh nhuệ (tập kích trận địa hỏa lực, khống chế sân bay...), không những làm giảm một phần quan trọng chỗ mạnh của địch là hỏa lực pháo binh và không quân mà còn góp phần làm cho tập đoàn cứ điểm Hoà Bình càng bị cô lập và trực tiếp bị uy hiếp.

Về *tổ chức chỉ huy*, Chiến dịch Hoà Bình đã đem lại cho các cơ quan Tổng hành dinh những kinh nghiệm mới mẻ về tổ chức một chiến dịch tiến công quy mô lớn ở xa hậu phương, đặc biệt là những kinh nghiệm về tổ chức hậu cần tiếp tế.

Trước Chiến dịch Hoà Bình, các cơ quan Tổng hành dinh hẳn không nghĩ rằng hai tháng chiến đấu vừa qua đã đem lại cho công tác tổ chức chỉ huy những kinh nghiệm mới mẻ như thế. Chiến dịch Hoà Bình thực sự là một cuộc diễn tập quy mô lớn và toàn diện để chừng hai năm sau, Tổng Tư lệnh cùng các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần chỉ đạo, chỉ huy toàn quân vận dụng những kinh nghiệm đó vào điều kiện mới, giành một thắng lợi vang dội trong chiến cuộc đông xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ.

30- giữ vững cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch

Ngày 1-4-1952, Tướng Xalăng được chính thức bổ nhiệm và trở thành viên Tổng Chỉ huy thứ sáu của quân viễn chinh Pháp, cũng tức là đối thủ Pháp thứ sáu của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Và giới báo chí không lấy làm lạ là ngay sau khi rút quân khỏi Hoà Bình và nhất là khi chính thức ngồi vào ghế tổng chỉ huy, Xalăng đã sớm tỏ ra không đồng tình với lối nhận xét được coi là "vạch áo cho người xem lưng" của các ký giả Pháp và phương Tây xung quanh sự kiện Hoà Bình.

Tướng Đờlát chết đi nhưng dư âm về cuộc hành binh ra Hoà Bình cứ dai dẳng mãi trong giới báo chí và tướng lĩnh Pháp. Ngay từ hồi đó cũng như mãi về sau này họ coi việc đánh ra Hoà Bình là một sai lầm lớn về chiến lược của Bộ Chỉ huy quân viễn chinh, sai lầm của cái mà các ký giả nước ngoài thì gọi là "ván bài phiêu lưu trong chiến dịch 100 ngày". Theo Bécna Phôn (Bernard Fall) - tác giả cuốn *Con đường không vui* - thì do Pháp tập trung quân cơ động chiến lược lên vùng Hoà Bình nên các chiến trường khác càng trở nên sơ hở. Điều đáng chê trách là Bộ Chỉ huy Pháp biết đây là "ván bài phiêu lưu" nhưng do cay cú và bị thúc ép nên họ cứ làm. Kết quả là, không những ý đồ chiếm đóng ở phía trước bị phá sản mà nguy hiểm hơn là bên trong phòng tuyến boongke, "hậu phương an toàn" trên cả vùng đồng bằng sông Hồng rộng lớn đã bị đối phương làm cho "ruỗng nát". Cách đánh của đối phương trên cả hai mặt trận là điều bất ngờ lớn khiến quân viễn chinh phải bị động đối phó lúng túng trên cả hai hướng, phía trước và phía sau. Cách đánh đó đã dồn Pháp vào thế chiến lược mà báo chí gọi là không thể chịu đựng nổi.

Người hứng chịu những ý kiến bàn ra tán vào đó là tân Tổng Chỉ huy Raun Xalăng. Tất nhiên ngay lúc đó - khi còn tại chức Tổng Chỉ huy - những nhận xét như vậy không được ông ta đồng tình, nhất là việc rút chạy khỏi Hoà Bình, do chính ông ta ở vào tình thế không thể làm khác được. Qua đài Con nhạn của quân viễn chinh và báo chí công khai ở Hà Nội và Sài Gòn, hồi đó ta đã sớm nắm được các loại phản ứng mâu thuẫn nhau của phía bên kia chung quanh sự kiện Hoà Bình sau khi Pháp rút quân.

Cơ quan tham mưu Tổng hành dinh của ta đã hiểu khá rõ về Tướng Raun Xalăng ngay từ mùa khô năm 1947, khi ông ta trực tiếp điều hành cuộc hành binh lên Việt Bắc. Xalăng có những nét khá giống tướng Mỹ Oétmolen sau này, nhất là cách đánh giá tình hình hai bên (cố biện bạch sao cho mọi người chấp nhận một chân lý: Pháp thắng - Việt Minh thua) sau mỗi hoạt động có tầm chiến lược.

Trong cuộc họp báo chiều ngày 24-2-1952, trả lời những người hỏi về chuyện quân Pháp buộc phải rút chạy khỏi Hoà Bình, Xalăng muốn nhấn mạnh làm cho thiên hạ hiểu rằng quân Pháp đã chủ động rút chạy chứ không phải bị xua đuổi khỏi vùng sông Đà - Hoà Bình - đường số 6. Ông ta còn lưu ý mọi người về những yếu kém của phía đối phương bằng cách diễn đạt khá rành rọt rằng khi thấy quân Pháp đánh ra Hoà Bình, ông Giáp muốn phản ứng bằng một trận tiêu diệt chiến nhưng đã không thực hiện được mà chỉ đủ sức cô lập Hoà Bình rồi đẩy lùi chúng ta. Kết quả là Việt Minh tổn thất gấp ba bốn lần so với quân viễn chinh, khiến họ đã có những dấu hiệu mệt mỏi và chán nản và sắp tới họ không còn đủ sức tung ra một cuộc tiến công nào trước mùa mưa. Và "đó là thời cơ cho phép tôi có thể chuyên tâm vào sự nghiệp khó khăn của người Tổng Chỉ huy, cũng tức là thời cơ tôi có thể làm ăn được ở đồng bằng - một đồng bằng bị bỏ rơi lâu nay vì Pháp thiếu lực lượng".

Đó là những ý kiến biện bạch 20 năm trước. Điều đáng ghi nhận là, 20 năm sau, ngồi viết hồi ký, Tướng Raun Xalăng đã nói được nhiều điều gần đúng với sự thật hơn. Một ví dụ là về số thương vong, tuy còn rất xa với thực tế, nhưng Xalăng cũng phải công nhận rằng suốt ba tháng đánh ra Hoà Bình, quân viễn chinh bị tổn thất chừng 3.300 người (gồm khoảng 100 sĩ quan, riêng trong cuộc rút chạy đã mất thêm 350 người). Xalăng rút ra kết luận rằng như vậy là phía Pháp đã phải trả giá đắt trong ván bài của Đờlát. Tuy vậy, Xalăng không giải thích vì sao thời đó ông ta tuyên bố rằng đánh chiếm được Hoà Bình là một thắng lợi quan trọng có ý nghĩa chiến lược và "tôi không hề có ý định để cho người ta đuổi cổ tôi ra khỏi nơi đó", nhưng rồi 20 năm sau ông ta lại buộc phải thừa nhận rằng rút chạy khỏi Hoà Bình là một thất bại có ý nghĩa chiến lược vì đã phải bỏ một vùng đất quan trọng mới chiếm được.

Về phần ta, ngay trước ngày chiến dịch kết thúc, Tổng Tư lệnh đã nói với Cục phó Tác chiến Đỗ Đức Kiên cần theo dõi tình hình đồng bằng sông Hồng. Hai vạn quân địch rút về bên trong phòng tuyến sẽ làm cho quân, dân địch hậu đứng trước những thử thách quyết liệt.

Ngày 25-2, cơ quan tác chiến bố trí để Tổng Tư lệnh đi thăm tập đoàn cứ điểm của địch, lần đầu tiên xuất hiện trong thị xã Hoà Bình, thăm một số vị trí trên đường số 6 mà quân ta không thành công trong việc tiêu diệt địch, như Đồng Bến, đồn Pheo. Sau này, nhớ lại, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Trước mắt tôi hiện ra một hình thái phòng ngự mới của quân Pháp ở miền rừng núi. Nó hoàn toàn khác với các cứ điểm của địch trước đây. Khi tiến hành đánh một cứ điểm trong hệ thống, bộ đội ta lúc nào cũng bị đạn bắn thẳng của địch đe dọa từ nhiều phía, có khi từ cả bốn phía. Thất bại trong trận đồn Pheo không phải không có những lý do mới".

Ngay vào những ngày chiến thắng Hoà Bình này, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không hề nghĩ rằng phải hơn 2 năm sau, vào xuân - hè năm 1954 khi nghiên cứu cứ điểm Him Lam trên cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ) ông mới có cơ hội hiểu thật đầy đủ cái mà ông gọi là hình thái phòng ngự mới của quân Pháp. Còn lúc này bộ đội chủ lực của ta chưa đủ sức cọ xát với tập đoàn cứ điểm lần đầu tiên xuất hiện trong thị xã Hoà Bình. Vấn đề đặt ra lúc này là đánh giá cho đúng thắng lợi và nhất là rút ra được những bài học bổ ích từ ba tháng chiến đấu liên tục vừa qua.

Ngày 27-2, đọc *Nhật lệnh* giữa thị xã Hoà Bình giải phóng, Tổng Tư lệnh nêu rõ ý nghĩa to lớn thắng lợi của chiến dịch: "Nó đánh bại âm mưu cố giành lại quyền chủ động của Đờ Tátxinhi; nó đánh bại âm mưu chiếm đóng vị trí chiến lược Hoà Bình để cắt đường giao thông Nam - Bắc, đồng thời để áp bức và bóc lột đồng bào Mường của chúng ta; nó phá một phần quan trọng âm mưu chiến lược của địch ở đồng bằng Bắc Bộ, là bình định vùng địch hậu, dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh...".

Riêng đối với vùng sau lưng địch, ông nói thêm với lãnh đạo Liên khu 3: "Có nhiều vấn đề trước đây ta giải quyết rất khó, gần như bế tắc, như vấn đề hương dũng, tề vũ trang, càn quét nhỏ và càn quét lớn, khu trắng, trại tập trung, tổng động viên của địch, nay ta giải quyết một cách tương đối thuận lợi. Sức chiến đấu của bộ đội địa phương và dân quân, du kích tăng lên nhiều, ở nhiều nơi căn cứ du kích mở rộng rất nhanh"[17].

Tổng Tư lệnh kêu gọi toàn quân ra sức học tập kinh nghiệm phong phú của chiến dịch giải phóng Hoà Bình đồng thời phải nhận rõ âm mưu mới của địch ở địch hậu, kiên quyết đập tan âm mưu thâm độc đó; lực lượng vũ trang phải phối hợp mật thiết với nhân dân, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân thành một khối; phải giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh du kích, củng cố và mở rộng các căn cứ du kích, chuẩn bị sẵn sàng đánh tan các cuộc tiến công hay càn quét của địch. Mấy ngày sau, ngày 29-2-1952, phát biểu khi kết thúc hội nghị hướng dẫn tổng kết chiến dịch, Tổng Tư lệnh đã phân tích tầm quan trọng của chiến thắng Hoà Bình, đồng thời nêu lên rằng sở dĩ thắng lợi đó bị hạn chế, vì không ít đơn vị đã bỏ lỡ nhiều cơ hội tiêu diệt sinh lực địch[18]. Ông nói: Chúng ta không thể nói được rằng: "chúng tôi đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch và đã làm tròn nhiệu vụ". Nói như vậy là tự mãn. Với tinh thần của người quân nhân cách mạng, chúng ta phải nhận rằng vì chúng ta phạm nhiều khuyết điểm nên chúng ta chưa làm tròn nhiệm vụ... Trong chiến dịch này, có đơn vị thắng nhiều, có đơn vị thắng ít, nhưng nói chung thì chúng ta thắng lớn. Đáng lẽ chúng ta thu được thắng lợi lớn hơn, nhưng vì chúng ta phạm nhiều khuyết điểm nên thắng lợi đó đã bị hạn chế một phần... Cần nhận rõ ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch nhưng cũng cần nhìn rõ khuyết điểm của ta để sửa chữa; cần tránh bi quan, đồng thời phải tránh chủ quan tự mãn.

Do cán bộ một số đại đoàn phải tiếp tục chỉ đạo, chỉ huy bộ đội ở lại hoạt động trong vùng địch hậu, nên mãi đầu tháng 4 Hội nghị tổng kết chiến dịch Hoà Bình mới có điều kiện triển khai. Đây là một trong những hội nghị tổng kết được chuẩn bị rất chu đáo vì có những bài học rất mới về phối hợp giữa hai chiến trường phía trước và vùng địch hậu. Đánh địch trên hai mặt trận, phối hợp nội ngoại tuyến là phương châm quan trọng Trung ương đề ra và bộ đội đã thực hiện tương đối tốt trong Chiến dịch Hoà Bình, đồng thời cũng là nội dung chủ yếu trong báo cáo của Tổng Tư lệnh tại Hội nghị tổng kết chiến dịch lần này[19]. Ông nói: "Trong các chiến dịch trước đây, ta vẫn phối hợp nội ngoại tuyến, song lực lượng tác chiến sau lưng địch thường chỉ là những lực lượng vũ trang địa phương. Nếu bộ đội chủ lực có vào thì cũng chỉ vào một bộ phận nhỏ và chỉ vào một thời gian ngắn. Vì vậy thế phối hợp nội ngoại tuyến về chiến dịch của ta thường yếu.

Khuyết điểm của Tổng Quân ủy là trước khi địch đánh Hoà Bình, việc chỉ đạo địch hậu nói chung và chỉ đạo chiến tranh du kích nói riêng kém, ta không theo dõi được tình hình thật sát, nhất là tình hình địch, vì vậy khi địch đánh ra Hoà Bình, ta chỉ biết là địch hậu sơ hở, nhưng không thấy rõ là địch sơ hở thế nào, việc nhận định và phân tích tình hình thiếu sâu sắc, chủ trương kế hoạch thiếu cụ thể, đặc biệt là kế hoạch cho những đơn vị chủ lực vào địch hậu. Về sau, việc theo dõi tình hình được rõ ràng hơn, việc chỉ đạo được sát và cụ thể hơn.

Đánh ra Hoà Bình, địch cố gây cho ta nhiều khó khăn, nhưng cũng tự tạo ra nhiều nhược điểm ở chính diện và nhất là trong địch hậu. Lần này, ta phải thực sự đánh địch trên hai mặt trận, phải phối hợp nội ngoại tuyến một cách mạnh mẽ và chặt chẽ. Nếu ta chỉ đánh địch ở chính diện thì địch sẽ tập trung lực lượng đối phó, ta khó thu được thắng lợi ở chính diện và cũng không lợi dụng được sơ hở của địch trong địch hậu. Trái lại, nếu ta chỉ đánh địch ở địch hậu thì địch sẽ điều động lực lượng về đối phó, ta cũng khó thu được thắng lợi và với lực lượng còn lại ở chính diện, địch vẫn có thể tranh thủ củng cố được.

Trước đây, địch tưởng ta chỉ có thể tiến công trên một hướng, lần này ta tiến công trên nhiều hướng và nhất là ta cho chủ lực vào địch hậu, đó là một điều bất ngờ cho địch.

Chấp hành phương châm "đánh địch trên hai mặt trận" của Trung ương, ngay lúc đầu, một mặt, Tổng Quân ủy chuẩn bị tác chiến ở chính diện, một mặt ra chỉ thị phát triển chiến tranh du kích, cho chủ lực vào địch hậu. Thấu triệt tinh thần của Trung ương, Tổng Quân ủy rất mạnh bạo trong việc cho chủ lực vào địch hậu và khi chủ lực vào thì Tổng Quân ủy cho lập các bộ máy để thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang, đồng thời đề nghị với Trung ương cho lập các ban chỉ đạo hay đảng ủy để thống nhất chỉ đạo cuộc đấu tranh về mọi mặt ở từng vùng sau lưng địch.

Kinh nghiệm Tổng Tư lệnh rút ra trong báo cáo về chỉ đạo phối hợp nội ngoại tuyến là:

1- "Việc nắm và chỉ đạo lúc bình thường ảnh hưởng rất lớn đến việc nắm tình hình và chỉ đạo khi tác chiến được sát và cụ thể, cho nên ngay trong lúc bình thường đã phải chú trọng nắm vững tình hình.

2- Muốn đánh địch trên hai mặt trận, muốn phối hợp nội ngoại tuyến một cách mạnh mẽ và chặt chẽ, cần phải mạnh bạo đưa chủ lực vào địch hậu. Nếu chỉ đạo đúng thì chủ lực của ta có thể đứng vững trong địch hậu và có thể chiến thắng quân địch, mặc dầu ở ngoại tuyến không có trực tiếp phối hợp bằng tác chiến".

Trả lời câu hỏi của cán bộ trong hội nghị tổng kết về việc duy trì cuộc đấu tranh trong vùng địch hậu sau chiến thắng Hoà Bình, Tổng Tư lệnh nêu rõ: Trước mắt Tổng Quân ủy chủ trương để hai đại đoàn 316 và 320 tiếp tục hoạt động trong vùng địch hậu một thời gian để tranh thủ tiêu diệt thêm lực lượng địch, duy trì phong trào chiến tranh du kích, củng cố các khu du kích và căn cứ du kích và nhất là giúp đỡ địa phương chuẩn bị chống địch càn quét. Ta dự kiến sau thất bại ở Hoà Bình, trước tình thế bất lợi của chúng ở đồng bằng mấy tháng qua, Bộ Chỉ huy địch sẽ mở những trận càn quét lớn, không những hòng cải thiện tình hình mà còn tiếp tục chính sách "Việt Nam hoá" đang dở dang của Đờlát. Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định với cán bộ dự tổng kết Chiến dịch Hoà Bình: địch hậu Bắc Bộ sẽ sớm trở thành nơi diễn ra những trận đánh quyết liệt, một chiến trường xen kẽ giữa những trận càn quét của địch và chống càn quét của quân và dân ta để duy trì và củng cố thế chiến lược có lợi mới giành được mấy tháng qua.

Tổng Tư lệnh đã giao nhiệm vụ cho các chiến trường phía Nam "chia lửa" với vùng địch hậu đồng bằng sông Hồng trong cuộc đấu tranh sắp tới. Ông đặc biệt quan tâm đến vùng địch hậu nam Khu 4, một chiến trường đất hẹp người thưa nhưng có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc phối hợp chiến lược Bắc - Nam và cả Việt - Miên - Lào. Vượt qua những năm tháng đầy khó khăn, một đại đoàn chủ lực đã ra đời và - như cách đánh giá của địch - đã trở thành ngọn mác xung kích của cả miền Trung. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp rất hài lòng về sự chuyển biến nhanh chóng của Đại đoàn 325 trên chiến trường Bình - Trị - Thiên. Từ cuối năm 1951, khi còn chưa được nhận trang bị mới, đại đoàn đã triển khai một đợt tiến công dài ngày vào vùng địch

hậu, nhằm phối hợp với Mặt trận Hoà Bình, tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần đất đai trong hệ thống chiếm đóng của địch ở huyện Bố Trạch nhằm củng cố thế đứng trên chiến trường Bắc Trung Bộ. Từ Sở Chỉ huy Chiến dịch Hoà Bình, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận được điện báo cáo của Đại đoàn trưởng Trần Quý Hai về đợt đầu hoạt động phối hợp của 325. Trung đoàn 95[20] đã cùng với lực lượng địa phương Quảng Bình tiêu diệt hàng ngàn tên địch, san phẳng gần 20 đồn bốt, giải phóng nhiều thôn xã thuộc huyện Bố Trạch với gần một vạn dân. Sau đó, khi Chiến dịch Hoà Bình vừa kết thúc cũng tức là khi các trung đoàn đã được tăng cường trang bị mới, đại đoàn mở tiếp các đợt hoạt động trên địa bàn Gio Linh rồi Quảng Trạch nhằm mở rộng khu du kích và căn cứ du kích trên chiến trường địch hậu nam Khu 4. Tổng Tư lệnh đánh giá cao các đợt hoạt động của chiến trường Bình - Trị - Thiên cả trong và sau Chiến dịch Hoà bình. Sau này nhớ lại, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Mùa hè năm 1952, Đại đoàn 325 và lực lượng vũ trang Bình - Trị - Thiên đã có sự tiến bộ vượt bực. Thời kỳ đen tối của Bình - Trị - Thiên từ ngày đầu chiến tranh đã thực sự chấm dứt... Những hoạt động ở Bình - Trị - Thiên cũng như các chiến trường địch hậu trong mùa hè là sự phối hợp không thể thiếu để đối phó với những cuộc tiến công hủy diệt của quân Pháp nhằm vào những đơn vị chủ lực ta tại vùng địch hậu Bắc Bộ".

Còn tân Tổng Chỉ huy Pháp Raun Xalăng cũng không quên "sự kiện tháng 3" ở Thừa Thiên - Huế, khi quân ta bắt đầu đẩy mạnh hoạt động từ đêm 17. Xalăng viết: "Cuộc hành binh của đối phương ở Trung Trung Kỳ đã khiến tôi phải bay ra Huế ngày 22-3. Việt Minh hạ lệnh cho Trung đoàn 95 của họ gây khó khăn cho ta ở mức tối đa ở vùng Quảng Trị, Đông Hà, nơi các đoàn vận tải được tổ chức để đưa sang Lào bằng trục đường số 9. Khi Tướng Lơblăng tung một cánh quân đi giải vây cho vị trí Nam Đông bị tiến công thì đoàn quân ứng cứu sớm rơi vào trận địa phục kích của Trung đoàn 95. 130 chiến binh bị chết, mất tích và bị thương. Tiểu đoàn Angiêri 21 và đơn vị cơ giới của Trung đoàn chiến xa số 1 đã phải trải qua một cuộc đụng độ ác liệt trong một trận địa phục kích được địch bố trí tuyệt vời với sự yểm trợ của hỏa lực mạnh, rất nguy hiểm, có hiệu quả".

Xalăng tiết lộ thêm rằng ông ta phải lệnh cho Đại tá Đuycuốcnô điều hai tiểu đoàn dù đến cứu nguy và phải gần một tuần mới giải tỏa được trục đường. Nhưng sau đó hoạt động của đối phương nhanh chóng lan rộng ra toàn địa bàn Bắc Trung Bộ. Mặc dù trong tháng 3, có lúc tâm trí của Xalăng bị thu hút vào chiến trường Bình - Trị - Thiên, nhưng "mối lo thường trực" của viên Tổng Chỉ huy thứ 6 của quân viễn chinh Pháp trước sau vẫn là vùng châu thổ sông Hồng. Như nhiều ký giả Pháp dự kiến, việc tổ chức những cuộc càn quét quyết liệt hòng cải thiện thế chiếm đóng trong vùng địch hậu đã trở thành một yêu cầu chiến lược cấp bách đối với Xalăng, một việc nhất định sẽ diễn ra.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã thấy trước điều đó cho nên ngay từ khi Chiến dịch Hoà Bình đang phát triển sang đợt 3, ông đã suy nghĩ về biện pháp chỉ đạo duy trì cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch, bảo vệ các khu du kích và căn cứ du kích mới hình thành và phát triển mấy tháng qua ở đồng bằng sông Hồng. Từ cuối tháng 1-1952 và trong suốt mấy tháng hè, trong thư trao đổi với các ông Lê Thanh Nghị và Văn Tiến Dũng, cũng như trong các bài đăng trên *Quân chính tập san,* trên báo *Nhân dân* và trong các chỉ thị gửi Bộ Tư lệnh Liên khu 3, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đều nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách củng cố vùng sau lưng địch, chuẩn bị chống địch càn quét, phá âm mưu mới của địch ở đồng bằng Bắc Bộ. Trong thư đề ngày 22-1 gửi Liên khu ủy 3, đánh giá về bước phát triển mới của phong trào đấu tranh của quân dân vùng sau lưng địch trong Chiến dịch Hoà Bình, ông Giáp viết: "Thắng lợi của du kích chiến tranh trong thời gian vừa qua, một phần là do bộ đội địa phương đã tiến bộ, một phần là do đồng bào hết lòng

ủng hộ, nhưng một phần quan trọng là do địch sơ hở và nhờ có bộ đội chủ lực phối hợp tác chiến hay giúp đỡ.

Bên cạnh những tiến bộ đó, còn nhiều hiện tượng non kém, ta cần nhận định thật rõ: Cơ sở chính trị chưa phát triển kịp với thắng lợi quân sự, so sánh với bộ đội chủ lực thì bộ đội địa phương và dân quân du kích còn cách xa nhiều".

Về phương hướng chỉ đạo cuộc đấu tranh trong địch hậu sau Chiến dịch Hoà Bình, Tổng Tư lệnh nhắc lại tinh thần Hội nghị Trung ương lần thứ hai về ba công tác chính trong vùng sau lưng địch lúc này[21], đồng thời nêu lên mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ đó trong quá trình tiếp tục phát triển và củng cố phong trào. Khẩu hiệu lúc này là giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh du kích. Ông nhấn mạnh: Giữ vững và đẩy mạnh để củng cố thắng lợi và đề phòng những khó khăn sau này, không phải chỉ "đẩy mạnh" mà thôi. Hiện nay, trong việc phát triển chiến tranh du kích, mấu chốt là vấn đề căn cứ du kích mà chủ yếu trước mắt là phát triển và củng cố cơ sở chính trị (cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng), sau đó là phát triển và củng cố dân quân, du kích xã và vấn đề địch vận.

Ngay từ khi xuất hiện những triệu chứng địch sắp rút chạy khỏi chiến trường Hoà Bình, trong chỉ thị đề ngày 21-2 về *Nhiệm vụ phá âm mưu mới của địch ở địch hậu,* Tổng Tư lệnh đã chỉ ra phải làm gì và làm thế nào để vận dụng phương châm hai vùng và ba công tác lớn trong vùng địch hậu trong tình hình mới. Sau khi phân tích những khó khăn của địch trong suốt mấy tháng đối phó trên cả hai mặt trận[22], Tổng Tư lệnh dự kiến một trong những hoạt động của địch sau khi rút chạy khỏi Hoà Bình là mở những cuộc hành binh giải vây một số vị trí, chiếm lại một số vị trí quan trọng và ứng cứu vùng bị ta đánh mạnh; mở những cuộc càn quét lớn vào những vùng căn cứ du kích của ta. Ông đề ra nhiệm vụ cụ thể giữ vững và phát triển chiến tranh du kích và phát động nhân dân đấu tranh chống giặc, nhất là dọc các đường giao thông quan trọng (đường 5, 1, 21, 6...) và khẳng định: Có phát triển và đẩy mạnh công tác gây dựng cơ sở và chiến tranh du kích thì mới chủ động phá được âm mưu và kế hoạch càn quét của địch, mới củng cố được căn cứ du kích, làm thất bại chính sách dùng người Việt đánh người Việt - lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của chúng. Ông đi sâu phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và hướng dẫn công tác chuẩn bị chống địch càn quét như thế nào, cả về tổ chức chỉ huy, sử dụng lực lượng và cách đánh, cách phòng tránh cho nhân dân.

Cùng với chỉ thị trên đây, cơ quan tham mưu Tổng hành dinh gửi cho các khu và tỉnh bản tài liệu tham khảo nhan đề *Mấy ý kiến về kế hoạch phát triển và củng cố các vùng du kích và căn cứ du kích, chuẩn bị chống giặc càn quét.*

Như vậy là ngay từ trước khi kết thúc Chiến dịch Hoà Bình, Tổng hành dinh của ta đã đi trước một bước trong việc chuẩn bị cho cuộc chiến đấu sắp tới trong vùng sau lưng địch. Trong các thư công tác, chỉ thị nhiệm vụ cũng như cử phái viên xuống đồng bằng, Tổng Tư lệnh rất chú trọng làm cho quân và dân vùng địch hậu nhận thức đúng đắn âm mưu sắp tới của địch, "chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch".

Vừa chỉ đạo cơ quan theo dõi và giúp đỡ các đơn vị tổng kết, chỉnh quân chính trị và củng cố bộ đội, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp dành nhiều thời gian theo dõi và chỉ đạo cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch. Ngày càng xuất hiện nhiều triệu chứng cho thấy, với những chuyến hàng viện trợ mới tiếp nhận, với lực lượng quân đội tay sai đang được xây dựng gấp rút cùng với việc điều chỉnh lực lượng, dồn thêm quân từ Tây Nguyên ra Bắc, địch đang chuẩn bị một âm mưu mới. Chắc chắn cuộc đấu tranh giành giật trong vùng địch hậu sẽ trở nên hết sức quyết liệt

sau khi hàng vạn tên địch vừa rút chạy từ Mặt trận Hoà Bình về bên trong phòng tuyến boongke. Từ thực tế của hai chiến dịch Quang Trung và Hoà Bình, ông Giáp chỉ thị cho cơ quan tham mưu nghiên cứu phương án đề nghị với Trung ương cho tổ chức lại chiến trường vùng châu thổ sông Hồng sao cho phù hợp khả năng lãnh đạo, chỉ đạo các mặt của ta, nhất là trong điều kiện vùng đồng bằng ngày càng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với ta cũng như đối với địch trên chiến trường Bắc Bộ, trong bối cảnh - như chỉ thị ngày 26-1-1952 của Ban Bí thư: "Cơ hội tốt cho công tác vùng địch của ta còn nhiều. Giặc Pháp đang lúng túng to. Nhưng sức địch còn mạnh, chúng vẫn có thể mở càn quét lớn vào vùng du kích và căn cứ du kích của ta"[23].

Liên khu 3 đã sớm lĩnh hội được chủ trương của Trung ương về duy trì và phát triển chiến tranh du kích, chống địch càn quét, bảo vệ thành quả đấu tranh của nhân dân vùng địch hậu. Tại hội nghị tháng 2-1952 Liên khu ủy đã đề ra nhiều biện pháp cụ thể về kiện toàn các cấp ủy đảng và chính quyền ở cơ sở, củng cố các đoàn thể quần chúng đi đôi với củng cố và phát triển dân quân, du kích, đặc biệt là kiện toàn sự lãnh đạo thống nhất các căn cứ du kích và khu du kích mới hình thành và mở rộng. Các chính sách của Đảng và Nhà nước được khẩn trương vận dụng (đặc biệt là các chính sách tạm chia tạm cấp ruộng, giảm tô giảm tức, vận động hoãn nợ cho nông dân nghèo, khuyến khích khai hoang phục hoá, bình dân học vụ) đã sớm đem lại quyền lợi thiết thực cho nhân dân mà số đông là nông dân.

Để khẩn trương chuẩn bị đối phó với âm mưu càn quét của địch, được sự giúp đỡ của một số đơn vị chủ lực có nhiệm vụ trụ lại địch hậu sau Chiến dịch Hoà Bình, việc phát triển lực lượng vũ trang tại cơ sở được xúc tiến khẩn trương đi đôi với xây dựng và củng cố làng chiến đấu, thống nhất kế hoạch giữa các lực lượng theo các phương án đánh địch, bảo vệ địa phương. Chưa bao giờ các phương án chống địch càn quét được triển khai hoàn chỉnh và trên một thế trận liên hoàn của chiến tranh nhân dân địa phương như mùa hè năm 1952. Theo kế hoạch chung toàn liên khu, từng địa phương cơ sở đều nhanh chóng tổ chức và củng cố hệ thống hầm hào chiến đấu, hầm bí mật, hầm che giấu thương binh, cơ sở hậu cần tại chỗ, v.v.. Việc tổ chức phá hoại các trục đường giao thông mà xe tăng cơ giới địch có thể đi qua được triển khai trên quy mô lớn, rộng khắp theo phương án tác chiến phối hợp giữa ba thứ quân trên từng địa bàn. Kế hoạch tác chiến được bổ sung hoàn chỉnh và triển khai khẩn trương đã tạo điều kiện cho nhân dân và lực lượng vũ trang ở vào tư thế sẵn sàng đánh địch.

Do tăng cường chế độ báo cáo và thông báo giữa cơ quan Tổng hành dinh và Bộ Tư lệnh Liên khu 3 nên mọi hoạt động của địch đều được nghiên cứu phân tích để các cấp không bị bất ngờ trước các cuộc hành quân càn quét của địch. Rất nhiều tin tức và sự kiện cơ quan Tổng hành dinh của ta nắm được hồi đó, sau này được Tổng Chỉ huy Xalăng chứng minh trong các cuốn hồi ký của ông ta.

Tướng Xalăng cho biết, để thực hiện chủ trương cải thiện tình thế ở đồng bằng, Bộ Chỉ huy Pháp đã định rõ phương châm chỉ đạo trong các cuộc càn quét sắp tới: Phát huy tối đa tác dụng của quân đội Bảo Đại, vận dụng kinh nghiệm của Thống chế Galiêni (Galiéni) (làm chắc từng bước theo kiểu vết dầu loang) và "có chiều sâu" (tức là coi trọng việc "tranh thủ quần chúng"). Tổng Chỉ huy Pháp tin vào thắng lợi của các chiến dịch càn quét sắp tới, vì quân viễn chinh có nhiều yếu tố thuận lợi như: dân không ủng hộ Việt Minh (vì bị Việt Minh bắt đóng góp cho kháng chiến quá nhiều!), Pháp có vành đai bêtông bao quanh đồng bằng Bắc Bộ, lại có chính quyền rất năng nổ của Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm ủng hộ v.v..

Để chuẩn bị triển khai các cuộc hành binh càn quét, Xalăng sắp xếp lại cán bộ chỉ huy cao cấp ở Bắc Bộ: Bécsu (Henri de Berchoux) được cử làm phụ tá cho Đờ Linarét, Cônhi chỉ huy Sư đoàn dã chiến 2 Bắc Kỳ (2è DMT) đặc trách vùng Hải Dương, một trong những trọng điểm bình định sắp tới. Tại nhiều vùng châu thổ, bắt đầu xuất hiện một tổ chức mới của quân Pháp mà chính quyền Bảo Đại gọi là *quân thứ hành chính lưu động* (GAMO)[24]. Đó là một tổ chức gián điệp - chiêu an - tâm lý chiến, gồm bọn giả danh quan chức hành chính, thầy thuốc, giáo viên... để phân phát viện trợ Mỹ hòng tranh thủ quần chúng, củng cố kết quả của các cuộc hành quân bình định sẽ diễn ra trên từng vùng.

Xalăng nóng lòng cải thiện tình thế bị o ép ở đồng bằng sông Hồng. Không kể những cuộc hành binh nhỏ trước đó (như Mưa phùn, Bão táp - Crachin, Ouragan), chỉ ba tuần sau khi kéo quân ở Hoà Bình về đồng bằng, cuộc hành binh càn quét quy mô lớn đầu tiên mang tên Lội nước (Amphibie) bắt đầu ngày 10-3 với binh lực lớn gồm bốn GM 1, 2, 4, 7, 2 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn cơ giới, do Tướng Bécsu chỉ huy, đánh vào khu căn cứ du kích Lý Nhân và Bình Lục của Hà Nam. Địch khoanh vùng, bao vây từng khu vực hòng "cất vó" Trung đoàn chủ lực 64 và tiểu đoàn bộ đội địa phương của tỉnh. Nhờ được chuẩn bị sẵn cả về tinh thần, tổ chức và kế hoạch nên Trung đoàn 64 đã cùng lực lượng vũ trang địa phương chủ động đánh địch. Trong khi bộ đội chủ lực liên tục đánh mấy trận lớn thì bộ đội địa phương cùng dân quân, du kích hoạt động rộng khắp, nhất là trên đường số 62. Các trục đường số 1 và đường liên tỉnh cũng như đê sông Hồng tiếp tục bị phá hoại, đã góp phần hạn chế hoạt động của cơ giới địch.

Sau 10 ngày không đạt được mục đích đề ra, lực lượng lại bị tiêu hao, địch tập trung thêm binh lực và ngày 23-3 khẩn trương chuyển hướng sang càn quét vùng tây nam Thái Bình trên một địa bàn rộng chừng 700 km^2 hòng xoá khu du kích và căn cứ du kích liên huyện Thái Ninh - Kiến Xương - Tiền Hải - Vũ Tiên. Bộ Chỉ huy Pháp hy vọng, với binh lực lớn[25], cuộc hành binh thứ hai mang tên Thủy ngân(Mercure) sẽ từ nhiều phía dồn ta xuống khu vực hợp điểm là Tiền Hải, huyện ven biển phía nam tỉnh Thái Bình để "cất vó" cả Tỉnh ủy, Bộ Tư lệnh Đại đoàn 320 cùng hai trung đoàn chủ lực 48 và 52, tiến tới xoá bỏ "một chấm đỏ" rất lớn trên đất Thái Bình.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cùng cơ quan tham mưu đặc biệt quan tâm đến cuộc hành binh càn quét này của quân Pháp. Khu vực hành quân của địch nằm giữa một vùng rất nhiều sông lớn (các sông Diêm Hộ, Trà Lý, sông Đào và sông Hồng), phía đông là biển, do tàu sân bay Arômăngsơ và nhiều tàu chiến, canô địch án ngữ. Dù ta đã chủ động chuẩn bị đánh địch nhưng do diện hành quân và bao vây của địch rất rộng nên khi cuộc càn diễn ra, cả hai trung đoàn của Đại đoàn 320 cùng bộ đội địa phương tỉnh và của bốn huyện nam Thái Bình đều nằm trong vùng càn quét của địch[26]. Trước tình hình đó, phân tích binh lực và thế trận của chúng ở cả hai bên tả và hữu ngạn sông Hồng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cùng cơ quan tham mưu nghiên cứu phương án chỉ đạo cho Đại đoàn 320 vượt vòng vây sang phía Nam Định, phối hợp với Đại đoàn 304 đánh địch ở ngoại tuyến, đồng thời ông trực tiếp lệnh cho Trung đoàn 57 (của Đại đoàn 304) ở Nam Định khẩn trương đánh địch để chia lửa với Tả Ngạn.

ở vùng nam Thái Bình, Đại đoàn 320 đã chủ động tìm cách đưa một bộ phận lực lượng bí mật luồn lên phía bắc tỉnh, đánh vào chỗ sơ hở phía sau đội hình hành quân của địch, trong khi một bộ phận ở lại phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân, du kích đánh địch trong vòng vây. Việc tổ chức chiến đấu được triển khai khẩn trương cùng với việc tổ chức nhân dân tản cư, luồn tránh địch, phân tán trâu, bò, dỡ nhà dìm xuống ao, đề phòng địch đốt phá. Cuộc đấu trí, đấu lực giữa ta và địch trên địa bàn nam Thái Bình diễn ra vô cùng ác liệt, nhất là ở những thôn có bộ đội chủ lực hoặc bộ đội địa phương bố trí. Lực lượng của ta trong các làng chiến đấu bám chắc các ổ

đề kháng kết hợp với các trận địa chông mìn, chặn địch và tiêu hao tiêu diệt chúng từng bước. Nhiều nơi, địch phải bắn hàng ngàn phát đại bác và mở nhiều đợt tiến công từ sáng đến tối mà vẫn không vào được làng.

Trong suốt cuộc hành binh càn quét của địch, rất nhiều trận đánh của các lực lượng khác nhau, quy mô lớn nhỏ khác nhau liên tục diễn ra trên một diện rất rộng, làm cho địch luôn bị căng thẳng, binh lực luôn bị tiêu hao. Các tiểu đoàn chủ lực không chỉ trực diện đương đầu với các mũi tiến quân càn quét của địch mà không ít trường hợp, do lực lượng so sánh quá chênh lệch, nhất là trước yêu cầu bảo vệ nhân dân, đã biết lợi dụng khe hở của vòng vây địch, hướng dẫn nhân dân thoát khỏi khu vực càn quét của địch[27]. Sau khi phá cầu Nguyễn trên đường số 10, một bộ phận chủ lực tiến lên phía bắc sông Trà Lý, nghiên cứu đánh vào phía sau đội hình hành quân của địch.

Trong mấy ngày đầu địch hành binh càn quét, Sở Chỉ huy của Đại đoàn 320 đứng chân ở Lưu Phương, trong vòng vây của địch. Mấy chục lần chiếc máy bay địch thay nhau ném bom xuống khu vực này. Trong tình hình hết sức khẩn trương, tại cuộc họp ngày 28-3, dưới sự chủ trì của Bí thư Đảng ủy Văn Tiến Dũng, Thường vụ Đại đoàn 320 nhận định: Địch đang thực hiện kế hoạch hợp vây và chỉ vài ngày nữa chúng có thể đến các khu vực hợp điểm ở La Cao, Phố Trình, Đồng Châu... Hội nghị quyết định hai trung đoàn 48 và 52 phải nhanh chóng cho các tiểu đoàn luồn càn, thoát ra khỏi vòng vây ngay trong đêm 28. Riêng Đại đoàn bộ, theo mật điện gợi ý của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, cũng trong đêm 28, Tư lệnh kiêm Chính ủy Văn Tiến Dũng cùng bộ phận nhẹ của Sở Chỉ huy đại đoàn được nhân dân che chở đã vượt sông Hồng ở đoạn cách cửa Ba Lạt 6 km để sang Nam Định. Sau khi thống nhất kế hoạch phối hợp chiến đấu với Trung đoàn 57 của 304, Sở Chỉ huy đại đoàn lại vòng về căn cứ du kích Tiên - Duyên - Hưng ở bắc Thái Bình để theo dõi và chỉ đạo, chỉ huy các hướng chiến đấu.

Các đơn vị của Trung đoàn 48 chiến đấu liên tục suốt ngày 29 rồi cùng khoảng một vạn dân qua cửa Diêm Điền, lợi dụng lúc thủy triều xuống vượt khỏi vòng vây của địch án ngữ trên đường số 10 và trên sông Diêm Hộ để lên Thụy Anh. Trời sáng, đơn vị đi đầu mới tới thôn Bích Du, các đơn vị phía sau phải dừng lại trú quân và chuẩn bị chốt, khẩn trương triển khai lực lượng đánh địch bảo vệ dân tại Bích Du - Sơn Thọ - Vọng Hải. Đây là một địa bàn hẹp phía nam cửa Diêm Điền, phía trước là đường số 39 rất thuận tiện cho cơ giới địch triển khai tiến công, phía sau là biển, nơi canô và tàu chiến địch tuần tiễu, án ngữ và có thể đổ quân lên phối hợp tiến công bất cứ lúc nào.

Trận chiến đấu suốt một ngày của Trung đoàn 48 đánh lui 7 đợt tiến công của GM3 - được tăng cường một tiểu đoàn của GM4 và một số xe bọc thép - vào làng Bích Du là một trận đánh vô cùng quyết liệt diễn ra trong điều kiện địch thuận lợi hơn ta cả về binh lực và địa thế.*Lịch sử kháng chiến chống Pháp của Liên khu 3* viết: Sau một ngày chiến đấu bảo vệ trận địa với tinh thần dũng cảm tuyệt vời, đêm 30-3, khi nước thủy triều xuống, bộ đội Trung đoàn 48 đã mang theo đầy đủ thương binh, cùng đồng bào lội qua cửa Diêm Điền sang Thụy Anh, luồn ra ngoài vòng vây của địch.

Giữa lúc cơ quan tham mưu Tổng hành dinh nhận được báo cáo về kết quả đánh càn và luồn càn của Đại đoàn 320 thì cũng là lúc đài Con nhạn của quân viễn chinh Pháp tung tin: Đại đoàn 320 đã bị cắt vó, Tướng Dũng đã bị quân viễn chinh Pháp tiêu diệt. Nghe báo cáo về tin tức thu được của đài địch, Tổng Tư lệnh cười vui vẻ nói với cơ quan tác chiến: "Tôi đã thật yên lòng khi được

tin anh Dũng đã cùng Đại đoàn bộ vượt sông Hồng ra vùng căn cứ của ta ở Hưng Nhân, Thái Bình...".

Sau trận càn Thủy ngân, trong tháng 4 và suốt những tháng còn lại của mùa hè, quân Pháp liên tiếp mở thêm nhiều trận càn lớn ở đồng bằng Bắc Bộ[28], kết hợp với những trận càn quy mô vừa và nhỏ. Địch đã gây cho ta những khó khăn và tổn thất, điển hình là trường hợp Trung đoàn 98 ở Bắc Ninh, trong ba trận càn nối tiếp nhau trung tuần tháng 4-1952. Trải qua một tuần chiến đấu liên tục trong vòng vây của địch, tuy ta loại khỏi vòng chiến đấu gần một ngàn tên nhưng lần đầu tiên trong một trận chống càn, một trung đoàn chủ lực bị thương vong 600 người, trong đó có Chính ủy và Tham mưu trưởng Trung đoàn. Thất bại của Trung đoàn 98 là thất bại của sự thiếu kinh nghiệm kết hợp chống càn và luồn càn, chấp nhận chiến đấu trong điều kiện hết sức bất lợi trong vòng vây của địch, lực lượng so sánh rất chênh lệch; là thất bại của chủ trương lấy trung đoàn làm quy mô tác chiến tập trung trong điều kiện chiến đấu ở địa hình bằng phẳng, địch hoàn toàn ưu thế về binh lực và hỏa lực không quân và pháo binh; là thất bại của việc tổ chức hành quân vượt càn quy mô lớn trong điều kiện sức chiến đấu đã hao hụt sau hàng tuần lễ chiến đấu liên tục. Tổn thất của Trung đoàn 98 là tổn thất lớn nhất của bộ đội chủ lực hoạt động trong địch hậu mùa hè năm 1952.

Ngay từ những trận càn đầu tiên của địch sau Chiến dịch Hoà Bình và trong suốt mùa hè năm 1952, cơ quan tham mưu Tổng hành dinh đã cùng các phái viên chiến trường giúp Tổng Tư lệnh nghiên cứu diễn biến của cuộc đấu tranh trong vùng địch hậu và từng bước rút ra những kết luận về quy luật càn quét của địch và chống càn quét của ta, nhằm giải đáp một vấn đề có tầm quan trọng về chiến lược trong vùng sau lưng địch: Ngoài tổn thất đột xuất như trường hợp Trung đoàn 98, vì sao địch không đạt được mục tiêu đề ra cho các trận càn, tuy có những trường hợp chúng gây cho ta những khó khăn và tổn thất nhất định? Sau này Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: Những cuộc hành binh lớn ở địch hậu Bắc Bộ đều diễn ra dưới hình thức vây quét cổ điển. Nhược điểm lớn của địch là không xác định được mục tiêu cụ thể vì lực lượng ta bao giờ cũng bố trí phân tán từng tiểu đoàn và luôn luôn cơ động. Chúng buộc phải chọn khu vực tương đối rộng, tổ chức bao vây lớn và tiến hành rà quét khi siết chặt vòng vây. Hỏa lực trọng pháo, xe tăng, pháo hạm, máy bay không tìm ra mục tiêu trên cánh đồng vắng và những ngôi nhà tre lá nằm sau lũy tre xanh để phát huy sức mạnh hủy diệt của chúng. Với binh lực đông, dù không bị lực lượng vũ trang ta chặn đánh từng bước, quá trình siết vòng vây kết hợp với săn lùng bộ đội, du kích, thường diễn ra rất chậm, dành đủ thời gian cho bộ đội ta di chuyển khỏi khu vực nếu không chấp nhận một trận đánh bất lợi. Hơn nữa, với một vòng vây rộng, quân địch dù đông tới đâu cũng không thể lấp kín mọi khoảng trống, đặc biệt là về ban đêm, để ngăn những đơn vị nhỏ, trang bị gọn nhẹ, di chuyển bằng chân, thoát ra ngoài.

Ngày 22-4, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ ba. Sau hội nghị chuyên đề họp hồi cuối tháng 9 - đầu tháng 10-1951, trước âm mưu can thiệp ngày càng trắng trợn của đế quốc Mỹ, hội nghị Trung ương lần này đánh giá toàn bộ tình hình và đề ra nhiệm vụ và công tác trước mắt. Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh tại hội nghị khẳng định một lần nữa đường lối trường kỳ kháng chiến của Đảng. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã đọc báo cáo: *Mấy nét chính về tình hình và nhiệm vụ quân sự hiện nay* tại hội nghị, phân tích cục diện chiến trường từ chiến thắng Biên giới đến mùa hè năm 1952, phân tích nhiệm vụ trước mắt của các lực lượng vũ trang cả nước, đặc biệt là cuộc vận động chỉnh quân, chỉnh huấn của bộ đội chủ lực đang được triển khai ở hậu phương và cuộc chiến đấu chống địch càn quét trong địch hậu. Chỉnh huấn chính trị, đi đôi với công tác chỉnh Đảng là một nhiệm vụ trọng tâm của bộ đội chủ lực lúc này, được Tổng Tư lệnh trình bày thành một phần riêng trong báo cáo trước Hội nghị Trung ương. Phát triển chiến

tranh du kích, giữ vững cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch là vấn đề có vị trí quan trọng trong tham luận quân sự của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Ông nói: "Đấu tranh sau lưng địch là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất để phá âm mưu củng cố vùng tạm bị chiếm, phá âm mưu của chúng lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt của địch. Có đẩy mạnh đấu tranh sau lưng địch mới bảo vệ được vùng tự do của ta, mới bảo vệ và huy động được nhân vật lực của ta trong địch hậu, mới xây dựng và tích trữ được lực lượng để chuyển sang tổng phản công...

Để phát triển du kích chiến tranh, giữ vững cuộc đấu tranh sau lưng địch, nhiệm vụ trước mắt của ta là giữ vững các cuộc chống càn quét, vì càn quét và chống càn quét là hình thức đấu tranh chủ yếu hiện nay giữa ta và địch trong địch hậu. Có giữ vững các cuộc chống càn quét mới củng cố và phát triển được các căn cứ du kích, ngược lại căn cứ du kích vững chắc là một điều kiện thuận lợi cho việc chống càn quét[29].

Tổng Tư lệnh nhấn mạnh tính chất toàn dân, toàn diện của cuộc đấu tranh sau lưng địch, một cuộc đấu tranh đòi hỏi có sự chỉ đạo thống nhất để kết hợp hoạt động quân sự với các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, kết hợp hoạt động của các lực lượng vũ trang, bán vũ trang với phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, đòi hỏi đơn giản và thống nhất bộ máy chỉ đạo, sửa đổi phương thức công tác, tăng cường cán bộ để nâng cao sự chỉ đạo trong địch hậu.

Sau Hội nghị Trung ương, để góp phần giáo dục toàn quân, toàn dân quán triệt chủ trương chiến lược của Đảng trong địch hậu, trên tờ*Nhân dân* số 56 (1-5-1952), dưới nhan đề *Giữ vững và đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong vùng sau lưng địch ở Bắc Bộ*, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã lý giải rõ ràng tại sao cần đẩy mạnh đấu tranh trong vùng sau lưng địch, tình hình hiện nay của vùng sau lưng địch ở Bắc Bộ và ta có điều kiện (thuận lợi và khó khăn gì để) giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch.

Cũng trong dịp này, thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương về củng cố sự chỉ đạo vùng sau lưng địch, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ký Nghị định thành lập Khu Tả Ngạn sông Hồng, gồm những địa phương của các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên và Hải phòng - Kiến An (khi đó gọi là Hải Kiến) nằm trong khu vực giữa sông Hồng và đường số 5 và ra chỉ thị về quyền hạn và nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Tả Ngạn[30].

Để kịp thời động viên và uốn nắn hoạt động của quân dân địch hậu vùng châu thổ sông Hồng, ngày 10-6, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp gửi điện cho các đơn vị và địa phương[31], tóm tắt và đánh giá tình hình vừa qua, chỉ ra phương hướng hoạt động trước khi bước vào mùa khô.

Sau khi nhắc lại âm mưu chiến lược của địch đối với vùng địch hậu sau Chiến dịch Hoà Bình, bức điện chỉ ra những thắng lợi của ta cả về tiêu hao sinh lực địch (tới hàng vạn tên), củng cố cơ sở và căn cứ vững chắc hơn trước cả về chính trị và quân sự, có thêm được kinh nghiệm qua thử thách..., Tổng Tư lệnh phân tích vì sao "địch cũng thành công được một phần": Tiêu hao được một bộ phận chủ lực của ta (có đơn vị ở trung du bị tiêu hao phải ra ngoài chỉnh đốn), chiếm đóng lại một số vị trí, thu hẹp một phần căn cứ, bắt được thanh niên vào lính (trên dưới một vạn), nhưng địch không thành công trong âm mưu tái lập hệ thống tề, dõng. Bức điện chỉ rõ nguyên nhân hạn chế thắng lợi của ta trong cuộc đấu tranh trong vùng tạm chiếm mùa hè vừa qua: Sở dĩ ta bị thiệt hại chủ yếu là vì chưa thấm nhuần tư tưởng chiến thuật và sự chỉ đạo chiến thuật của chiến tranh du kích một cách thực sự, đặc biệt là ta đã mắc sai lầm nhiều trong khi chống càn quét. Cụ thể về tư tưởng thì cán bộ vẫn còn ham ăn to đánh lớn, chưa thấu hiểu ý nghĩa của đánh nhỏ ăn chắc, dần dần rèn luyện cho mình, tích nhiều thắng lợi nhỏ thành thắng lợi lớn. Nhiều cán

bộ đánh giá địch không đúng, khi thấp quá sinh ra chủ quan, khi cao quá đi đến thủ tiêu chiến đấu.

Bức điện còn chỉ ra những thiếu sót về chỉ đạo chiến thuật, về thống nhất chỉ huy, thống nhất lãnh đạo và không tổng kết kinh nghiệm kịp thời.

Tổng Tư lệnh nhận định rằng sắp tới địch còn tiếp tục càn quét, nhất là ở Tả Ngạn, không những với quy mô lớn như vừa qua mà kết hợp cả những trận càn quét quy mô vừa và nhỏ. Vì thế: "Chủ trương của ta là kiên quyết phá những cuộc càn quét của địch, không để chúng thực hiện âm mưu thâm độc của chúng. Cụ thể là phải thường xuyên và tích cực chuẩn bị chống càn quét. Chỉ có khi nào ta liên tiếp đánh cho địch những đòn thật nặng trong khi chúng đi càn quét thì mới dần dần giảm bớt được những cuộc càn quét, đi tới chỗ làm cho địch không còn khả năng mở những cuộc càn quét, thay đổi hình thế đấu tranh giữa ta và chúng".

Để thực hiện chủ trương này, Tổng Tư lệnh đề ra những việc phải làm ngay trong thời gian còn lại của kế hoạch hoạt động mùa hè (cho đến hết tháng 9): Triệt để phá hoại đường giao thông trong căn cứ du kích và khu du kích; tích cực đánh giao thông, phát triển mọi hình thức đánh du kích, chuẩn bị kế hoạch chống càn quét, kết hợp hoạt động quân sự với tuyên truyền giáo dục quần chúng về bảo vệ kinh tế và phải có kế hoạch bảo vệ thóc, bảo vệ đê và giúp đỡ nhân dân làm mùa, nhất là ở những nơi địch thường khủng bố.

Hai ngày sau, ngày 12-6-1952, Tổng Tư lệnh gửi chỉ thị cụ thể hoá nội dung bức điện vừa qua. Với nhan đề *Tình hình ta, địch ở Bắc Bộ và nhiệm vụ giữ vững cuộc đấu tranh sau lưng địch, tích cực chuẩn bị chống càn quét*[32], bản chỉ thị mang tính sơ kết hoạt động của quân và dân địch hậu Bắc Bộ bốn tháng vừa qua, đồng thời xác định phương hướng, nhiệm vụ và công tác thời gian còn lại trước mùa khô nhằm chủ động đánh bại âm mưu càn quét bình định của địch. Hai vấn đề nổi lên được Tổng Tư lệnh phân tích cụ thể trong chỉ thị là:

1- Hiện nay, trong địch hậu ta đang còn những thuận lợi lớn, phải sửa chữa những khuyết điểm trong thời gian qua mới phát huy được đầy đủ những điều kiện thuận lợi đó;

2- Thấu triệt tư tưởng chiến thuật và có sự chỉ đạo chiến tranh du kích đúng đắn là điều kiện quan trọng đầu tiên để chủ động đối phó thắng lợi với một kẻ địch ưu thế về binh lực, hỏa lực lại ở bốn phía chung quanh ta, mới tiêu diệt được sinh lực của chúng, bảo toàn được lực lượng, mới phá được âm mưu của chúng và bồi dưỡng được lực lượng ta mỗi ngày một mạnh.

Riêng với Liên khu 5, ngày 16-5, Tổng Tư lệnh có mật điện gửi đồng chí Nguyễn Chánh, nhận xét tình hình và nêu lên ý kiến về xây dựng lực lượng và tác chiến của liên khu. Ông đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ gây cơ sở ở sau lưng địch, cụ thể là: Tiếp tục gây cơ sở ở bắc Tây Nguyên, coi đó là hướng chính, nối liền vùng Đácpếch và Komplong; tại vùng nam Tây Nguyên cần chú ý tránh hoạt động rầm rộ, chú trọng gây dựng và củng cố cơ sở. Chú trọng các đô thị (Đà Nẵng, Đà Lạt, Nha Trang), chấn chỉnh các ban liên lạc ở Đà Nẵng và Đà Lạt. Chú trọng địch vận.

Để khẩn trương chuẩn bị bước vào mùa khô, trừ một số ít đơn vị còn ở lại hoạt động trong địch hậu, cuộc vận động chỉnh huấn quân sự và chỉnh quân chính trị đang tiến hành rầm rộ ở các đại đoàn chủ lực. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đặc biệt quan tâm theo dõi các đợt chỉnh huấn của cán bộ, do Bộ Tổng tư lệnh tổ chức trong mấy tháng hè. Trong báo cáo tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba họp hồi tháng 4, ông Võ Nguyên Giáp đã báo cáo về tầm quan trọng của công tác chỉnh quân chính trị đối với bộ đội chủ lực mùa hè này. Ông nói: "Đặc biệt từ Chiến

dịch Biên giới, được chấn chỉnh tổ chức và được học tập kinh nghiệm Giải phóng quân Trung Quốc, trải qua các cuộc chỉnh huấn năm 1951, bộ đội chủ lực ta ở Bắc Bộ đã tiến bộ nhiều, do đó đã thu được nhiều thắng lợi trong các chiến dịch và đã giữ được thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.

Song quân đội ta là một quân đội còn trẻ tuổi, chưa được rèn luyện nhiều, chưa có nhiều kinh nghiệm, cho nên hiện nay, tình hình bộ đội còn nhiều hiện tượng chưa phù hợp với bản chất của Quân đội nhân dân"[33].

Trước tình hình đó, trong việc chỉnh huấn bộ đội, phải lấy chính trị làm gốc, phải khởi đầu từ cán bộ, dần dần đến toàn thể đội viên... Phải làm cho quân đội ta trở nên thật là một quân đội cách mạng của nhân dân, một quân đội vô địch.

Trung tuần tháng 6, trong bài giải đáp tại lớp chỉnh huấn của Trung ương, ông Võ Nguyên Giáp đã đề cập nhiều vấn đề quan hệ tới tư tưởng và nhận thức của cán bộ quân, dân, chính, đảng đối với tình hình và nhiệm vụ trong thời điểm cuộc kháng chiến đã bước sang năm thứ bảy và đang diễn ra cuộc đấu tranh gay go quyết liệt với địch để hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Trong bài phát biểu nhan đề *Cần hiểu sâu hơn nữa phương châm trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh,* Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đề cập ba vấn đề rất cần thiết đối với nhận thức và tư tưởng của các bộ, các ngành trong lúc này[34].

Sau khi phân tích các đặc điểm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông dẫn ra thực tế 5 - 6 năm qua để chứng minh tính đúng đắn của phương châm chiến lược đánh lâu dài, tự lực cánh sinh, phân tích đường lối chiến tranh nhân dân, dựa vào dân mà kháng chiếnvà khẳng định điều kiện thắng lợi của đường lối và phương châm đó. Về vấn đề *kháng chiến phải trường kỳ nhưng không phải vô kỳ hạn,*Tổng Tư lệnh nhắc lại những nhận thức không đúng của cán bộ những năm 1949 - 1950, sự uốn nắn của Trung ương trong chỉ thị tháng 7-1950 và trong các Hội nghị Trung ương sau Đại hội II. Ông nói: "Những tư tưởng đánh mau thắng mau hay tư tưởng ỷ lại hiện nay đã bị phê phán, nói chung không còn tồn tại một cách có hệ thống trong Đảng. Tuy nhiên tư tưởng đó vẫn còn rơi rớt lại và do đó có thể ảnh hưởng đến công tác kháng chiến. Trong lúc chúng ta nhận thấy rằng tư tưởng đánh mau thắng mau là không đúng thì cũng chính là lúc tình hình thực tế trên chiến trường chứng minh rằng cuộc kháng chiến của ta phải trường kỳ.... Hai năm 1950 - 1951, địch cố gắng đặc biệt, Mỹ đã tích cực can thiệp hơn trước, cho nên mặc dầu ta thắng nhiều, có nhiều thuận lợi mới nhưng đồng thời cũng gặp nhiều khó khăn mới, nhất là về kinh tế và ở sau lưng địch... Chúng ta thấy địch mạnh, thấy khó khăn nhiều, thấy Mỹ tích cực can thiệp, v.v. rồi từ chỗ đánh giá địch quá thấp trước đây, từ chỗ không đúng trước đây đi tới chỗ không đúng khác, từ tư tưởng đánh mau thắng mau đi tới lo ngại cuộc kháng chiến không biết trường kỳ đến bao giờ. Cho nên hiện nay không những phải chống lại những tàn tích của tư tưởng đánh mau thắng mau, mà còn phải chống lại những tư tưởng cho rằng cuộc kháng chiến của ta có thể kéo dài vô kỳ hạn, do đó ảnh hưởng đến tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng".

Sau khi lý giải và khẳng định ta càng đánh càng mạnh, địch càng đánh càng yếu, phân tích sự can thiệp của Mỹ ảnh hưởng đến cuộc kháng chiến của ta như thế nào, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi sâu phân tích nhiệm vụ Tích cực phát động quần chúng, bồi dưỡng và tích trữ lực lượng để chuẩn bị đầy đủ chuyển mạnh sang tổng phản công. Ông khẳng định đây là một nhiệm vụ trọng tâm trong lúc này và nêu lên mấy vấn đề cụ thể về bồi dưỡng, tích trữ và động viên lực lượng để chuẩn bị tổng phản công[35], vấn đề tích cực phát động quần chúng tham gia kháng chiến và sản xuất. Muốn thế phải làm cho nhân dân quần chúng giác ngộ, phải nhẫn nại tuyên truyền,

làm cho chính nghĩa đi sâu vào tư tưởng quần chúng, làm cho ưu thế chính trị của ta trở nên một lực lượng hết sức mạnh; lại phải thực sự đem lại quyền lợi cho quần chúng, nếu không thì công tác tuyên truyền, giáo dục sẽ biến thành chính trị suông, không nâng cao được trình độ giác ngộ của quần chúng, cũng không phát động được quần chúng. Kết luận bài giải đáp, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nói: "Hiện nay, chúng ta đang ra sức chuẩn bị đầy đủ để chuyển sang tổng phản công. Trong công cuộc chuẩn bị lớn lao này, nhiệm vụ trung tâm là tích trữ lực lượng mà vấn đề then chốt để bồi dưỡng tích trữ lực lượng là phải dựa vào dân, tin ở dân, phát động quần chúng nhân dân đấu tranh, tham gia sản xuất, tham gia kháng chiến".

Sau 4 tháng chỉ đạo chống địch càn quét, để thực sự duy trì và đẩy mạnh cuộc đấu tranh trong vùng địch hậu trước khi bước vào mùa chiến dịch sắp tới, buộc địch phải phân tán binh lực đối phó, tạo điều kiện cho chiến trường sau lưng địch chia lửa với các chiến dịch của chủ lực trên mặt trận phía trước, tháng 7-1952, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã đề nghị với Trung ương triệu tập Hội nghị chiến tranh du kích Bắc Bộ. Một số cán bộ quân, dân, chính, đảng hoạt động trong vùng sau lưng địch từ Bình - Trị - Thiên trở vào cũng được triệu tập để học tập kinh nghiệm. Mục đích của hội nghị là nhằm tổng kết kinh nghiệm chống càn và cụ thể hoá những điểm chính trong chỉ thị của Tổng Quân ủy về vấn đề giữ vững đấu tranh ở địch hậu và tiếp tục tích cực chuẩn bị chống càn. Trong báo cáo khai mạc, Tổng Tư lệnh đã đề ra mục đích và nội dung cụ thể của hội nghị là:

1- Tổng kết kinh nghiệm chống càn quét, chú trọng kinh nghiệm về chiến thuật, nêu rõ vai trò của bộ đội địa phương và dân quân, du kích.

2- Thảo luận để nhận rõ tình hình địch và ta, thấm nhuần nhiệm vụ và đề cao tư tưởng giữ vững đấu tranh trong vùng sau lưng địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiếp tục tích cực chuẩn bị chống càn.

3- Giải quyết một số vấn đề cụ thể về thống nhất lãnh đạo, biên chế tổ chức, công tác cung cấp; sơ kết một vài kinh nghiệm chính về công tác dân vận, công tác đảng, công tác kinh tế ở địch hậu.

Ngoài bản báo cáo về quá trình vận dụng phương châm du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trong suốt giai đoạn chiến lược vừa qua, làm cơ sở để rút ra những bài học về duy trì và đẩy mạnh chiến tranh du kích đến cao độ, Tổng Tư lệnh còn đọc một báo cáo quan trọng về Chiến thuật chống càn quét.

Sau khi điểm lại quá trình phát triển có tính quy luật cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp, quá trình các cuộc càn quét của địch ngày càng lớn và các cuộc chống càn quét của ta ngày càng gian khổ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp rút ra kết luận: Trong vùng sau lưng địch, càn quét và chống càn quét là hình thức đấu tranh chủ yếu giữa ta và địch, chỉ có chống càn quét thắng lợi mới giữ vững và đẩy mạnh được chiến tranh du kích và cuộc chiến tranh sau lưng địch, mới bảo vệ được nhân, vật lực của ta, tiêu diệt và kiềm chế lực lượng địch, giữ gìn và tích trữ được lực lượng ta để phối hợp nội tuyến và ngoại tuyến... Đó là quy luật phát triển của cuộc đấu tranh sau lưng địch trên cả chiến trường nước ta. Đó cũng là quy luật phát triển của cuộc đấu tranh sau lưng địch trên chiến trường đồng bằng Bắc Bộ. Tổng Tư lệnh đã dựa vào mấy trận càn tiêu biểu của địch[36] để phân tích đặc điểm về chiến thuật, chỗ mạnh và chỗ yếu trong chiến thuật càn quét của địch. Sau khi nêu lên bài học tổng quát: Phải dựa vào dân, phải thấm nhuần tư tưởng chiến tranh du kích, phải sẵn sàng tinh thần tích cực tiêu diệt địch, tích cực chống càn, Tổng Tư lệnh phân tích những kinh nghiệm thành công và không thành công của ta trong chỉ đạo và thực hành

chống càn quét và rút ra những vấn đề cấp thiết như đánh địch trong làng như thế nào của từng thứ quân, vấn đề phân tán và tập trung, vấn đề phối hợp giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích...

Sau một tháng làm việc khẩn trương, sôi nổi, thảo luận dân chủ thẳng thắn, kết quả lớn nhất - như đánh giá của Tổng Tư lệnh trong báo cáo bế mạc - là mọi người đã nhận thức được rõ ràng tầm quan trọng và sự cần thiết của cuộc đấu tranh vũ trang sau lưng địch, sự cần thiết phải kiên trì đấu tranh, để đề cao được lòng tin tưởng cuộc đấu tranh địch hậu nhất định thắng lợi nhưng phải gian khổ; đã thấu triệt được phần nào tư tưởng du kích chiến và nguyên tắc chỉ đạo chống càn; đã rõ nội dung thống nhất lãnh đạo; đã sáng tỏ và giải quyết được một số vấn đề cụ thể về chính sách của Đảng ở các địa phương, đồng thời đã phản ánh được tình hình đấu tranh ở địa phương lên Trung ương, giúp Trung ương hiểu tình hình địch hậu để đặt những vấn đề chỉ đạo.

Tổng Tư lệnh căn dặn cán bộ khi về triển khai nghị quyết phải nắm trọng tâm, có kế hoạch làm từng bước, phải làm cho đúng đối tượng, đúng hoàn cảnh và tình hình cụ thể. Ngày bế mạc hội nghị, Tổng Tư lệnh chính thức phát động phong trào thi đua giết giặc lập công trong quân dân địch hậu đồng bằng Bắc Bộ, theo tiêu chuẩn:

- Diệt nhiều giặc, cướp nhiều vũ khí, tiêu diệt địch bồi dưỡng mình.

- Bảo vệ tính mạng tài sản nhân dân, tham gia sản xuất, thu thuế nông nghiệp, bảo vệ mùa màng, bảo vệ thanh niên, bảo vệ cán bộ.

- Phát triển, củng cố được cơ sở vùng tạm chiếm, vùng du kích, căn cứ du kích.

- Vận động ngụy binh, phá hoại ngụy quyền.

Như sau này ông nhớ lại, trong không khí hồ hởi của mọi người hứa hẹn lập công lúc chia tay, Tổng Tư lệnh tin tưởng triển vọng phối hợp nội ngoại tuyến trong mùa chiến dịch này sẽ đem lại thêm nhiều thành tích mới.

31- Chuyển hướng tiến công lên chiến trường rừng núi tây bắc

Chiến tranh đã bước vào những tháng cuối của năm thứ bảy và Chính phủ Pháp đã thay đến viên Tổng Chỉ huy thứ sáu, nhưng đâu là lối thoát của Pari? Sau này đọc những dòng hồi ký của Xalăng, người ta thấy viên tướng này có lý khi than phiền rằng ông ta nhậm chức trong điều kiện không mấy thuận lợi.

Trước hết là "sự bất lực và thoái chí" của Pari.

Nghe tin Uỷ ban Quốc phòng sắp họp, Tổng Chỉ huy Xalăng vội cho Tham mưu trưởng Ala bay về Pháp, phản ánh nỗi lo của Bộ Chỉ huy quân viễn chinh về vấn đề quân số. Chẳng là hồi Tướng Đờlát về Pháp năm trước đã "vay" của Bộ Chiến tranh 20.000 quân, với lời hứa sẽ "trả" vào mùa hè năm 1952. Nay thời hạn trả đã đến. Vừa đến Pari, Tướng Ala đến gặp Tướng Grôxanh - Thư ký quân sự của Tổng thống Ôriôn - nói riêng với ông ta rằng quân ngụy còn rất yếu, nếu rút bớt quân viễn chinh Âu - Phi để trả "chính quốc" thì Bộ Chỉ huy Pháp sẽ phải thu hẹp vùng kiểm soát lại. Việc đó sẽ làm nản lòng các quốc gia liên kết[37] vì người ta thấy trước quân viễn chinh sẽ vĩnh viễn ra đi. Ala đã nói với nhiều thành viên Chính phủ điều mà Tổng Chỉ huy dặn phải nói thẳng, không cần phải giấu giếm, đó là "Tổng Chỉ huy không thể chấp nhận Chính phủ ngồi nhìn và nước Pháp bỏ cuộc đúng vào lúc mà cán cân đang nghiêng về phía chúng ta". Trước thái độ

không mấy mặn mà của nhiều nhân vật trong giới cầm quyền tại Thủ đô Pháp, Tướng Ala trở lại Sài Gòn và tường trình với Tổng Chỉ huy về không khí hoài nghi và chán ngán của Chính phủ. Tóm lại: Pari muốn kết thúc sớm cuộc chiến.

Không nản chí, cuối tháng 7, Tướng Xalăng đích thân về Pháp và đi gõ cửa mọi nhân vật tai to mặt lớn và cố làm cho mọi người tin vào ý nghĩa "sứ mạng lịch sử" của đội quân viễn chinh. Nhưng rồi, điều mà viên tướng này sớm chứng kiến là Quốc hội đã phân hoá[38], còn giới cầm quyền thì từ Tổng thống Ôriôn đến Thủ tướng Pinay và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Plêven đều nhấn mạnh "một giải pháp nhanh chóng". Báo chí phản ánh dư luận dân chúng Pháp cho rằng hậu quả của sự dính líu vào Đông Dương là sự mất mát về phẩm chất, là tăng thuế, là sự buồn phiền. Lúc này người dân Mỹ đã biết rằng Nhà Trắng và Lầu Năm Góc đảm nhiệm 40% chiến phí của Pháp ở Đông Dương nên dư luận tiến bộ Mỹ đã lên tiếng đòi hỏi hãy sớm trả lại cho người Việt Nam công việc của họ. Đầu tháng 9, Xalăng trở lại nhiệm sở sau một chuyến đi không thu hoạch được gì, không một lời hứa hẹn. Hai vạn quân vẫn phải trả trước mùa khô. Có chăng, điều an ủi là viên tướng được tặng chiếc Bắc đẩu bội tinh ngày 20-8. Báo chí cho rằng đây chẳng qua chỉ là viên thuốc an thần mà Tổng thống Ôriôn dành cho Tổng Chỉ huy Xalăng.

Tuy nhiên, trước sau Tướng Xalăng vẫn còn nguồn hy vọng, đồng thời cũng là nguồn động viên, đó là viện trợ quân sự và tài chính của Mỹ[39]. Chuyến tàu viện trợ Mỹ thứ 150 vừa cập bến Sài Gòn và dự tính chuyến thứ 200 sẽ đến vào tháng 10. Có viện trợ là có thêm điều kiện để phát triển quân ngụy, bù vào chỗ thiếu hụt về quân số. Cuộc gặp gỡ đầy hứa hẹn với Bảo Đại hồi tháng 5, việc Nguyễn Văn Tâm vừa lên thay Trần Văn Hữu làm Thủ tướng với lời hứa "quyết tâm đẩy mạnh chiến tranh", việc thăng quân hàm Trung tướng cho Nguyễn Văn Hinh, việc bố trí Đại tá Rơđông bên cạnh Bảo Đại (với chức danh "Chánh võ phòng"), việc dàn xếp mâu thuẫn giữa các nhóm giáo phái và quân Bình Xuyên, v.v., tất cả đều cho phép Tổng Chỉ huy hy vọng. Riêng việc đối phương đã giảm sức ép ở bên trong phòng tuyến, nhất là ở trung du, dường như đã khiến cho Tổng Chỉ huy Pháp không có gì đáng lo ngại trong thời gian còn lại của mùa mưa.

Với vốn hiểu biết của mình về Việt Nam, về Việt Minh[40], lại với cương vị mới, Tổng Chỉ huy Pháp thấy cần và có thể nghiên cứu kỹ hơn về đối phương để có phương sách đối phó hữu hiệu trong mùa khô tới. Sau này Tướng Xalăng khoe rằng, dựa vào tài liệu bắt được của đối phương, ông ta đã trao cho một nhóm sĩ quan giúp nghiên cứu vấn đề này. Kết quả "thu hoạch" về đối thủ của mình, sau này được ông ta ghi lại (một cách khá trung thực) trong hồi ký. Có thể tóm tắt như sau: Quân đội Việt Minh từ nhân dân mà ra, gắn bó hữu cơ với nhân dân và tiếp thụ được những phẩm chất cao đẹp nhất của nhân dân. Nó là "lực lượng chủ đạo" của chế độ. Các binh đoàn tác chiến hoàn toàn phù hợp với chức năng của nó là san bằng những đồn bốt của chúng ta và tiêu diệt các binh đoàn ứng chiến trong đánh vận động. Nó cũng phù hợp với chiến tranh du kích và các nhiệm vụ tuyên truyền nhằm tiến tới một cách tuyệt diệu chiến tranh vận động và chiến tranh trận địa. Bộ Tư lệnh (đối phương) quan tâm đặc biệt đến việc bố trí nghỉ ngơi, chuẩn bị, bổ sung, phát triển các ngọn giáo xung kích (fer de lance) để duy trì tính liên tục của các chiến dịch. Hiện nay, quân đội đối phương là một quân đội mạnh nhưng mộc mạc, đã qua thử thách và tất cả đều xuất thân từ quần chúng nông dân, quen lao động nặng nhọc và biết chịu đựng gian khổ. Quân đội đó dưới sự lãnh đạo của hàng ngàn chi bộ đảng nên được cổ vũ bằng một tinh thần căm thù quân địch. Công tác đảng đã thấm xuống tận các đơn vị nhỏ nhất và là yếu tố quyết định đối với tinh thần và ý chí của quân đội. Một nét đặc sắc là các cấp đều được sự hỗ trợ về chính trị và quân sự để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ, theo tôn chỉ: dũng cảm tiêu diệt địch, chiến đấu liên tục, biết làm công tác vận động quần chúng, đoàn kết nhất trí trên dưới, trong và ngoài Đảng. Từ công việc nghiên cứu, tôi rút ra kết luận rằng Bộ Chỉ huy đối phương rất coi trọng khai thác chất

lượng trong sức mạnh và hiệu quả. Từ thực tế chiến đấu, họ không ngừng cải thiện từng bước bộ máy chiến tranh, không ngừng động viên tinh thần chiến đấu, chủ nghĩa anh hùng, lòng dũng cảm và căm thù địch, lòng tin tưởng vào thắng lợi theo quan điểm mácxít. Họ nuôi dưỡng trong binh sĩ một tinh thần bền bỉ, một tác phong giản dị ở trình độ cao, đi đôi với không ngừng cải tiến kỹ thuật và nghiên cứu chiến thuật. Sức mạnh trong tiến công đạt được bằng cách có tính toán theo nguyên tắc lấy mạnh đánh yếu (du fort au faible), năm bảy hoặc mười chọi một. Theo tôi nghĩ thì người lính bộ binh Việt Minh là một đối thủ đáng sợ nhất mà quân Pháp gặp phải từ trận Vécđoong đến nay. Điều đó khiến tôi lo ngại khi mùa khô đến. Bởi vì, được sự chỉ huy tài giỏi và bằng cách cải tiến cách đánh của mình, khi lao vào hệ thống (phòng ngự) của ta, quân tiến công sẽ phát huy hỏa lực và binh lực của các đơn vị chính quy lên gấp ba lần.

Đưa ra làm dẫn chứng một báo cáo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong một hội nghị nào đó phê bình cán bộ chủ quan, tự mãn nên kết quả chiến đấu hạn chế khi mà thành tích chiến đấu có thể đạt được cao hơn, Xalăng viết: Lời phê bình đó của thủ trưởng đã thấm xuống dưới để tất cả các chi bộ kiểm tra lại chặt chẽ công tác giáo dục và các bài học kinh nghiệm vừa rút ra và sẽ được vận dụng ngay vào nhiệm vụ chiến đấu tiếp theo. Một bộ đội như vậy, một bộ đội biết băng bó vết thương của mình, bộ đội đó là một công cụ chiến đấu không gì có thể so sánh được.

Sau khi nêu lên so sánh binh lực của hai bên trước khi bước vào mùa khô này, Tướng Xalăng kết luận rằng ưu thế về quân số nghiêng về đối phương (31 vạn so với 26 vạn) nhưng "ông Giáp không có không quân, cũng không có phương tiện vận tải cơ giới, điều đó quan trọng trong so sánh lực lượng". Viên Tổng Chỉ huy Pháp nói rằng trong khi dừng chân ở Hà Nội để nghiên cứu về đối phương, ông ta đã đôn đốc cơ quan tình báo theo sát động tĩnh và chủ trương tác chiến của quân đội Việt Minh, vì cho rằng chắc chắn trong những tháng yên tĩnh vừa qua, ông Giáp đã xây dựng một kế hoạch tác chiến mới. Xalăng thú nhận rằng Phòng Nhì không cung cấp được tài liệu gì đáng kể vì "đối phương đã thay đổi mật mã của họ, điều đó có nghĩa là họ sắp nhanh chóng lao vào một thời kỳ mới của cái mà ông Giáp gọi là tổng phản công. Ông ta muốn mở rộng cuộc chiến ra trên toàn lãnh thổ Đông Dương".

Thế rồi, vẫn theo Xalăng, mãi đến cuối tháng 9 phía Pháp bắt đầu phát hiện những thay đổi trong hoạt động của ta. Có tin hai vạn dân công đã được tập trung. Việc vận chuyển qua sông Hồng ở vùng Yên Bái tăng lên đột ngột cùng với sự tăng lên của các kíp trực của các đài vô tuyến điện. "Đã rõ ràng có những bằng chứng cho thấy Việt Minh quan tâm đặc biệt đến vùng Sơn La thuộc xứ Thái đen và vùng Sầm Nưa thuộc trung nguồn sông Mã, cửa ngõ phía bắc của nước Lào". Ngày 4-10, Tướng Đờ Linarét ra lệnh báo động và tăng cường trinh sát toàn khu Tây Bắc, nhất là hữu ngạn sông Đà. Ngày 5-10, Tướng Xalăng bay vào Sài Gòn để đón tiếp Bộ trưởng Bộ Chiến tranh Đờ Sơvinhê sau khi đã lệnh cho Đờ Linarét phải giữ liên lạc đều đặn và báo cáo kịp thời với Tổng hành dinh. Tổng Chỉ huy Pháp khẳng định: rõ ràng vùng Tây Bắc Bắc Kỳ đang bị uy hiếp và - như sau này Xalăng thú nhận - đây là một mối lo đã trở nên rõ ràng đối với Bộ Chỉ huy quân viễn chinh.

Về phía ta, vào những ngày cuối của Chiến dịch Hoà Bình, nghe tin Tướng Đờlát chết, Tướng Xalăng tạm thay quyền chỉ huy, tiếp đến là cuộc rút chạy của quân Pháp khỏi Mặt trận Hoà Bình, Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái thường nghe anh em cán bộ tham mưu có ý kiến trao đổi về Tướng Đờlát và Bộ Chỉ huy quân viễn chinh. Anh em nhắc đến báo chí Pháp đã nặng lời chê trách Đờlát đánh chiếm Hoà Bình rồi bỏ mặc cho cấp dưới. Thái độ "mang con bỏ chợ" đó đã chứng minh lời ông ta nói ít ngày trước đó ở Thủ đô Italia rằng tất cả những gì làm được, ông ta đã làm[41], phần việc của ông ta như thế là xong, bộ máy đã vận hành, giờ đây đến lượt các

tướng sĩ thuộc quyền. Một sự kiện khác cũng được anh em tham mưu nói đến đó là trước khi đem quân đánh ra Hoà Bình, có tin ở Triều Tiên bắt đầu diễn ra cuộc đàm phán để đi đến ngừng chiến, Tướng Đờlát đã "đe" Chính phủ rằng nếu đối với Đông Dương, Pari cũng chủ trương đàm phán với Việt Minh thì lập tức ông ta sẽ trả chiếc ghế Tổng Chỉ huy cho Chính phủ. Là một danh tướng Pháp trong Thế chiến 2, Đờlát được coi là viên Tổng Chỉ huy xông xáo nhất, tin tưởng nhất vào triển vọng của cuộc chiến tranh Đông Dương, một cuộc chiến mà Pháp không thể thua nếu được Mỹ viện trợ đầy đủ. Viện trợ Mỹ được coi là điều kiện hàng đầu giúp ông ta quyết tâm theo đuổi cuộc chiến đến cùng. Có ý kiến cho rằng nếu Đờlát còn sống, chưa chắc ông ta đã kéo quân về phía trong phòng tuyến sớm như thế. Cuộc trao đổi dẫn đến một câu hỏi được "treo" lại, chưa có lời giải: Vậy nếu chưa chết, Đờlát có thể làm gì hơn, ngoài việc sử dụng bom đạn gấp nhiều lần so với Xalăng?

Về tình hình sắp tới, anh em tham mưu dự kiến trong năm 1952, địch chưa có khả năng đánh ra vùng tự do, nhất là khi quyền cầm quân đã đặt vào tay Xalăng, một viên tướng đã từng bị giới báo chí và cả Bộ Chiến tranh ở Pari đánh giá là "luôn chờ đợi đối phương tiến công trước rồi mới chống đỡ". Tổng Tư lệnh nói Tổng Tham mưu trưởng gợi ý anh em nên suy nghĩ rút ra những kết luận gì bổ ích về chiến dịch vừa qua để vận dụng vào mùa khô sắp tới. Về phần mình, như sau này Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết, qua Chiến dịch Hoà Bình ông càng có điều kiện nghiên cứu và hiểu sâu hơn về địch và cả những điểm mạnh, điểm yếu của ta từ Chiến dịch Biên giới đến mùa hè năm 1952. Trước đây ta thường hiểu sức mạnh của địch là ở vũ khí, trang bị hiện đại, chỗ yếu của địch là tinh thần, chỗ yếu của một công cụ xâm lược, một đội quân đánh thuê. Nay ta đã thấy rõ thêm cái mạnh của quân đội nhà nghề. Quân Pháp đặc biệt giỏi trong bố trí phòng ngự. Tại Đông Khê, không đầy ba đại đội của địch có thể đương đầu với hai trung đoàn chủ lực của ta trong suốt 52 giờ liền. Đồn Pheo trong Chiến dịch Hoà Bình được chính các chuyên gia quân sự Pháp coi là một mẫu mực trong tổ chức phòng ngự cứ điểm. Quân Pháp biết rút kinh nghiệm kịp thời những trận đánh thất bại. Cũng trên địa hình rừng núi nhưng cuộc rút lui của quân Pháp ở Cao Bằng và ở Hoà Bình hoàn toàn khác nhau. Gần đây ta thường nói về tinh thần bạc nhược của binh lính Pháp trong Chiến dịch Biên giới. Nhưng không thể không nghĩ tới sự chống trả quyết liệt của quân Pháp trong những trận đánh cứ điểm, một số nơi những tên lính cuối cùng chỉ chịu hạ vũ khí sau khi đã bắn hết đạn.

Về phía ta, chúng ta đã thấy rõ những nhược điểm của một quân đội cách mạng đơn thuần là bộ binh khi chuyển sang đánh lớn trên địa hình đồng bằng, nơi địch có thể phát huy tối đa sức mạnh binh khí, kỹ thuật và tính cơ động cao của một quân đội hiện đại. Ta không chủ trương khắc phục nhược điểm này bằng cách dùng số lượng thay cho chất lượng. Sự phát triển của quân đội ta về mặt số lượng cũng đã tới giới hạn. Tình hình kinh tế tự túc, tự cấp trong chiến tranh không cho phép ta tổ chức thêm quân đội. Tuy nhiên, chúng ta cần giữ vững quyền chủ động trên chiến trường Bắc Bộ. Đồng bằng và trung du không phải là địa bàn thuận lợi để mở chiến dịch lớn trong mùa khô tới. Hướng tiến công chính của bộ đội chủ lực trong thu - đông 1952 - 1953 sẽ là chiến trường rừng núi. Ngay từ tháng 3-1952, Tổng Quân ủy đã quyết định sẽ mở một chiến dịch lớn ở Tây Bắc, vùng rừng núi duy nhất địch còn kiểm soát được tại Bắc Bộ.

Thế là sau 4 - 5 năm, kể từ ngày chỉ đạo nhen nhóm từng cơ sở chính trị - vũ trang bí mật trên địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng mà ông thường gọi là đất Việt miền Tây, mùa khô này ông Giáp mới có điều kiện đưa đại quân lên Tây Bắc. Đã qua rồi những ngày Tây tiến gian khổ của những "*đoàn quân không mọc tóc"*. Lúc này, so sánh thế và lực giữa ta và địch đã cho phép ông mở chiến dịch quy mô nhiều đại đoàn. Dù chiến tranh đã qua năm thứ 7 nhưng chiến trường Tây Bắc vẫn còn là một địa bàn xa lạ đối với một số đại đoàn chủ lực. Tiến quân lên Tây Bắc

cũng là một điều bất ngờ đối với một số cán bộ, chiến sĩ bộ đội chủ lực đang chờ ngày về giải phóng quê hương dưới đồng bằng.

Cơ quan tham mưu Tổng hành dinh đã đánh giá chiến trường rừng núi Tây Bắc là một chiến trường địch yếu và sơ hở lại rất xa hậu phương kháng chiến, nguồn tiếp tế cho chiến dịch phải chuyển từ Việt Bắc sang, từ các liên khu 3, 4 lên, cho nên Chiến dịch Hoà Bình vừa kết thúc, từng tổ trinh sát và từng đoàn cán bộ hậu cần, công binh đã bí mật lên đường để nắm địch và nghiên cứu các trục đường tiếp tế vận tải, công tác tiễu phỉ được đẩy mạnh hơn. Từ tháng 5, cơ quan Tổng cục Hậu cần bắt đầu chuẩn bị chiến trường. Đảng ủy chiến dịch được thành lập và riêng ngành hậu cần, một Ban Cán sự ba người[42] được chỉ định có nhiệm vụ chỉ đạo công tác mở đường và chuẩn bị phục vụ chiến dịch. Ta đã lường trước những khó khăn về vận tải tiếp tế chủ yếu bằng sức người và phương tiện thô sơ cho một chiến dịch dài ngày trên một chiến trường rừng núi rất rộng, dân cư thưa thớt, kinh tế nghèo nàn, manh mún, khả năng huy động lương thực tại chỗ rất hạn chế. Lần đầu tiên Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về huy động dân công và thành lập các ban dân công ở các tỉnh để huy động nhân lực phục vụ tiền tuyến.

Dần dần tin tức quân báo báo cáo về đã từng bước bổ sung hoàn chỉnh những gì mà các cơ quan nắm được về hướng chiến dịch sắp tới, nhất là về địch và về yêu cầu tổ chức hậu cần tiếp tế. Để giữ bí mật hướng chiến dịch, ngoài việc cơ quan tham mưu thay đổi bộ luật mật mã và tổ chức các cuộc hành quân nghi binh rầm rộ ở trung du và đồng bằng, việc sửa đường lên hướng Tây Bắc đã được triển khai từ nơi xa địch trước, các chân hàng chỉ dừng lại bên tả ngạn sông Hồng, đợi đến khi chiến dịch mở màn mới chuyển tiếp theo các mũi tiến quân của bộ đội. Nhờ làm tốt công tác nghi binh mấy tháng đầu nên mãi gần đến hạ tuần tháng 9, tức chỉ vài ba tuần trước khi mở màn chiến dịch, địch vẫn chưa xác định chính xác đâu là hướng tiến công chủ yếu của các đại đoàn chủ lực mùa khô tới, nhất là khi phát hiện hai đại đoàn 304 và 320 tiến vào địch hậu. Có tin Bộ Chỉ huy địch điều chỉnh lại bố trí trong vùng tạm chiếm, triển khai một số binh đoàn cơ động sẵn sàng ứng cứu những địa bàn xung yếu trong địch hậu, nhất là trên các hướng trung du và phòng tuyến sông Đáy. Trong khi đó thì các đại đoàn chủ lực của ta đang gấp rút chuẩn bị lên đường đi Tây Bắc.

Diện tích Tây Bắc gấp hai lần đồng bằng Bắc Bộ, với bốn cánh đồng lớn là Điện Biên, Nghĩa Lộ, Than Uyên và Quang Huy. Dân số Tây Bắc gồm 40 vạn, đa số là dân tộc Thái, Mèo, Mường, Dao, Tày và một số ít người Kinh. Địch tổ chức Tây Bắc thành Khu tự trị gồm bốn phân khu Nghĩa Lộ, Sơn La, sông Đà, Lai Châu và một tiểu khu độc lập là Tuần Giáo. Nếu đối với địch, về binh lực cũng như về địa thế, Phân khu Nghĩa Lộ là tấm bình phong mạnh nhất che chở cho cả vùng Tây Bắc thì đối với ta, Nghĩa Lộ lại là bàn đạp để tiến sâu vào Tây bắc.

Lực lượng địch ở Tây Bắc gồm 5 tiểu đoàn bộ binh người Thái, 3 tiểu đoàn cơ động Âu - Phi, 43 đại đội bộ binh lẻ lính ngụy, 11 khẩu pháo 75 mm và 105 mm. Địch bố trí phân tán thành 144 cứ điểm, trong đó chỉ có 40 cứ điểm cỡ đại đội hoặc đại đội tăng cường, còn lại là trung đội. Trừ một số vị trí như Nghĩa Lộ, Gia Hội, Cửa Nhì (thuộc Phân khu Nghĩa Lộ) có công sự cải tiến, có hầm ngầm, còn các vị trí khác công sự sơ sài, có nơi địch đóng ngay trong nhà dân, vị trí nọ cách xa vị trí kia thường trên 10 km, địa hình hiểm trở, rất dễ bị bao vây cô lập, khó ứng cứu lẫn nhau. Việc tiếp tế tăng viện của địch chỉ trông vào đường hàng không, cách các căn cứ đồng bằng trên dưới 300 km.

Kế hoạch tác chiến do tham mưu chuẩn bị ban đầu dự kiến chiến dịch sẽ diễn ra thành hai hoặc ba đợt. Trong đợt đầu, tập trung binh lực tiêu diệt Phân khu Nghĩa Lộ (bình phong bảo vệ Tây

Bắc), làm bàn đạp tiến sâu về phía tây, đồng thời tiêu diệt Tiểu khu Phù Yên, phát triển đến sát sông Đà, mở đường giao thông vận tải và tạo điều kiện cho bước tiếp theo phát triển tiến công lên hướng Sơn La. Sau khi giải phóng Nghĩa Lộ, nếu chưa có điều kiện tiến công ngay Sơn La thì sẽ chia bộ đội thành hai cánh, một cánh từ Tạ Khoa tiến ra Cò Nòi, cắt đường số 41 rồi phát triển xuống phía nam; một cánh từ Vạn Yên tiến ra Mộc Châu, từ đông nam đánh lên, kết hợp với một bộ phận nhỏ vu hồi hoạt động sâu trong vùng sau lưng địch, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở nhân dân. Sau khi giải phóng vùng đông nam Sơn La, củng cố lực lượng rồi bước vào đợt 3, giải phóng Sơn La. Điểm mới trong kế hoạch chiến dịch lần này là mũi vu hồi sang hướng tây, sâu vào phía sau địch. Đây cũng là một dạng vận dụng kinh nghiệm của Chiến dịch Hoà Bình về phối hợp nội tuyến với ngoại tuyến, tuy quy mô nhỏ hơn trên chiến trường Tây Bắc, buộc địch phải đối phó trên cả hai mặt, phía trước và phía sau. Trên quy mô toàn cục là sự hoạt động phối hợp của hai đại đoàn 304 và 320 trong vùng châu thổ sông Hồng với mặt trận chính diện Tây Bắc.

Hội nghị cán bộ chiến dịch họp từ ngày 6 đến ngày 9-9. Thành phần tham dự hội nghị lần này không chỉ là cấp chỉ huy các trung đoàn và đại đoàn chủ lực mà gồm cả cấp lãnh đạo các Liên khu Việt Bắc, Liên khu 3, 4 và Mặt trận Tây Bắc. Trong báo cáo khai mạc hội nghị, Tổng Tư lệnh tóm tắt tình hình sau Chiến dịch Hoà Bình, nhiệm vụ Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho trong mùa khô này và những yếu tố cơ bản để toàn quân cùng toàn dân hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó các đại biểu chia thành tổ thảo luận văn kiện đã được cơ quan tham mưu soạn thảo và Tổng Tư lệnh thông qua, nhan đề *Chủ trương tác chiến ở chiến trường Tây Bắc*.

Sau khi phân tích tình hình địch, văn kiện kết luận: "Phân tích tình hình địch toàn Tây Bắc, chúng ta thấy rằng địch yếu, nhưng có thể thay đổi rất nhanh, đặc biệt là ở Phân khu Nghĩa Lộ. Nhưng nếu chúng ta biết lợi dụng sự thay đổi của địch, tranh thủ thời cơ tiêu diệt được quân tăng viện, sẽ giải quyết được Nghĩa Lộ và giải quyết được Nghĩa Lộ là mở toang được cửa ngõ của Tây Bắc. Lúc đó về phía địch có thể có những thay đổi lớn hơn. Chúng ta cần nhanh chóng nắm vững thời cơ thuận lợi để phát triển nhanh vào trong lòng địch".

Về tình hình ta, sau khi nêu lên những tiến bộ của bộ đội sau mấy tháng hè củng cố tổ chức và chỉnh quân, chỉnh huấn, văn kiện của bộ lưu ý cán bộ các cấp về tình hình nhân dân Tây Bắc và nói rõ vì sao một trong những mục đích của chiến dịch này là tranh thủ nhân dân và vì sao Bộ Chỉ huy chiến dịch ban hành Mười điều kỷ luật trong Chiến dịch Tây Bắc, mà chủ yếu là kỷ luật dân vận. Văn kiện viết: "Nhân dân ta nói chung rất tốt, nhưng do sai lầm của ta và cũng do địch khủng bố trước đây nên phần lớn mất liên lạc với ta hoặc cơ sở bị tan vỡ. Gần đây ta đã bắt liên lạc được một số cơ sở trong vùng Nghĩa Lộ, Phù Yên, Quỳnh Nhai. Nhưng nhìn chung cơ sở ta phần nhiều ở trên núi cao, chưa phát triển xuống các khu vực đồng bằng và phần lớn ở men vùng tạm chiếm, chưa phát triển được vào sau lưng địch. ở Sơn La, Lai Châu cơ sở hầu như chưa có".

Khi nói về chủ trương, kế hoạch và phương châm tác chiến trong hai đợt[43], về phân công nhiệm vụ, bố trí lực lượng, Tổng Tư lệnh giải thích trong văn kiện rằng về chiến thuật, phương châm của ta là vây điểm diệt viện, diệt viện phá điểm. Tuần tự hành động của ta là bao vây, chờ viện, diệt viện, công điểm, mà khó khăn nhất là bao vây chờ viện. Văn kiện nhấn mạnh cán bộ phải giáo dục bộ đội, chuẩn bị tổ chức học tập kỹ thuật làm công sự, phòng không, phòng pháo, kỹ thuật ngụy trang, nghi binh. Về chiến lược và chiến dịch, văn kiện đề cập vấn đề bảo vệ hậu phương trong quá trình chiến dịch. Vì ta tập trung bộ đội chủ lực tác chiến lâu dài trên một chiến trường rừng núi xa hậu phương, mất một phần nào tính chất cơ động nên địch có thể lợi dụng thời cơ đó mà phá hậu phương của ta[44].

Trong văn kiện, Tổng Tư lệnh gợi ý các tình huống khác nhau có thể xảy ra - nhất là trong đợt 1 - để cán bộ thảo luận dân chủ, sẵn sàng có kế hoạch đối phó. Đáng chú ý là tình huống ta hành quân bị lộ, địch vội vã tăng viện (nhiều khả năng tăng viện bằng quân dù) hoặc rút về tập trung thành những vị trí lớn, xây dựng công sự phòng thủ hoặc chiếm đóng thêm một số điểm cao quanh các vị trí lớn. Trong các trường hợp đó, ông nói, chúng ta tranh thủ cơ hội đánh viện, tạo điều kiện để đánh viện, nhưng trong những trường hợp đặc biệt, chúng ta cần đánh công kiên lớn và đánh công kiên đến một mức nào đó sẽ có điều kiện đánh vận động, truy kích địch hoặc bắt buộc địch phải đối phó.

Hội nghị đang họp thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và động viên cán bộ. Câu chuyện Người đội mưa vượt lũ đến thăm hội nghị đã trở thành bài học thực tế và sâu sắc về tinh thần quyết tâm đối với mỗi cán bộ trong chiến dịch này. Trong hồi ký của mình, hai đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ và Lê Trọng Tấn cùng nhớ lại những chi tiết khó quên về lần này gặp Bác. Ông Tấn viết:

"Nhìn những hàng cây rừng lay động trong gió mưa, ai cũng lo cho sức khỏe của Bác. Tất cả nhìn xuống con đường mòn ngập nước dưới chân đồi. Thấp thoáng trong màn mưa mờ mờ bóng một cái ô đen. Anh Văn, anh Thanh chạy ra. Đúng Bác rồi! Bác che ô, tay chống gậy, chân đầy bùn. Bác bước qua rãnh nước chảy, vào hội trường. Qua làn áo thấm nước dính vào vai, thấy rõ đôi vai mảnh khảnh của Bác hơi nhô lên. Tôi ứa nước mắt.

Tất cả yên lặng, Bác nói: "Hôm nay trời mưa to, suối nước lũ, khi đi đến một cái suối nước chảy mạnh, thấy bên kia có một số đồng bào đang ngồi đợi nước xuống để sang. Bác nghĩ: Nếu không đi ngay, e các chú đợi mất thì giờ, nên Bác cùng mấy chú nữa quyết tâm cởi áo quần, tay sào, tay gậy lần sang được. Thấy Bác sang được, nhóm đồng bào kia cũng quyết tâm sang. Đó là kinh nghiệm cho các chú. Bất kỳ việc gì, to hay nhỏ, mình có quyết tâm thì làm được, mà còn lôi cuốn người khác cùng quyết tâm như mình"".

Từ câu chuyện lội nước, Cụ Hồ động viên cán bộ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ trong chiến dịch sắp tới: "Gặp thuận lợi thì phải quyết tâm phát triển, gặp khó khăn thì phải quyết tâm khắc phục. Gặp cái dễ mà không quyết tâm phát triển thì nó có thể biến thành cái khó, gặp cái khó mà quyết tâm khắc phục thì cũng thành cái dễ".

Gặp và nói chuyện riêng với cán bộ bộ đội chủ lực sắp trực tiếp cầm quân xung trận, Cụ Hồ động viên Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn, người gặp khó khăn trong Chiến dịch Lý Thường Kiệt năm trước và Trung đoàn trưởng Vũ Yên, người bỏ lỡ thời cơ diệt địch ở Ba Trại và không thành công trong trận diệt đồn Pheo trong Chiến dịch Hoà Bình. Nghe cán bộ hứa quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ trong chiến dịch này, Cụ thân mật bắt tay từng người. Quyết tâm của Trung ương đã trở thành quyết tâm của toàn quân.

Sau bốn ngày thảo luận sôi nổi, ngày 9-9, Tổng Tư lệnh báo cáo kết luận hội nghị cán bộ chiến dịch[45]. Đại tướng gắn kết quả thảo luận quán triệt tình hình và nhiệm vụ với việc giải đáp các thắc mắc của cán bộ trong quá trình thảo luận, ví như tiêu diệt quân địch chiếm đóng hay lực lượng cơ động của địch quan trọng hơn, nhiệm vụ và khả năng tranh thủ nhân dân. Nhiều ý kiến xoay quanh chủ trương tác chiến trong từng đợt chiến dịch: vấn đề đánh điểm và đánh viện, chủ trương tiến quân lên hướng Sơn La ngay sau khi tiêu diệt xong Phân khu Nghĩa Lộ và Tiểu khu Phù Yên, cách giải quyết các tình huống dự kiến có thể xảy ra. Trong bài giải đáp, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh phải biết phát huy những điều kiện tất thắng nhưng đồng thời phải quyết tâm phát huy mọi khả năng khắc phục những khó khăn về giao thông vận tải, cung cấp lương thực, đạn

dược, về cơ sở nhân dân non kém, về khả năng diệt gọn bọn địch phần đông là ngụy binh địa phương, về giữ bí mật trong hành quân và chuẩn bị chiến đấu. Kết luận bản báo cáo, Tổng Tư lệnh nói: "Trong chiến dịch này, chúng ta phải quyết tâm xây dựng cho được tác phong tích cực diệt địch, anh dũng chiến đấu, tìm địch mà đánh, đánh thắng một trận rồi vẫn tích cực đánh nữa. Không bỏ qua một cơ hội nào, tìm cơ hội, tạo ra cơ hội để tiêu diệt địch. Gặp khó khăn thì càng tích cực tiêu diệt địch, bao giờ cũng kiên quyết tiêu diệt địch. Tác phong đó là tác phong của quân đội cách mạng. Quân đội ta có những đơn vị đã từng nêu cao tác phong đó, nhưng cũng có nhiều đơn vị còn khuyết điểm. Để bồi dưỡng tác phong đó, chúng ta phải kiên quyết phản đối tâm lý do dự, thiếu quyết tâm, đã biểu lộ trong một số trận chiến đấu trong Chiến dịch Hoà Bình.

Tổng Quân ủy mong rằng khi chiến dịch kết thúc, trong hội nghị tổng kết sau này, chúng ta có thể kết luận:

1- Chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ, chiến dịch đã toàn thắng.

2- Chúng ta đã thực hiện được lời dạy của Hồ Chủ tịch và làm đúng lời hứa với Hồ Chủ tịch.

3- Chúng ta đã rèn luyện được tác phong tích cực diệt địch, anh dũng chiến đấu.

Có thể kết luận được như vậy hay không, đó là do sự cố gắng của tất cả chúng ta.

Sau hội nghị, cơ quan tham mưu gửi cho các đơn vị bản *Chỉ thị về nhiệm vụ chiến đấu ở Nghĩa Lộ và Sơn La,* ghi tóm tắt tình hình chung, nhiệm vụ mùa khô năm 1952 của toàn quân, điều kiện hoàn thành nhiệm vụ, những nguyên tắc các cấp cần nắm vững trong lúc triển khai nhiệm vụ chiến đấu và cuối cùng là những yêu cầu căn bản về chiến thuật. Đây là nội dung chủ yếu đã được khẳng định trong hội nghị cán bộ chiến dịch, được Tổng Tư lệnh khái quát lại nhằm định hướng hành động cho các đại đoàn và liên khu. Cùng với chỉ thị trên đây là *Lời kêu gọi toàn quân thi đua lập công* để giật giải thưởng của Hồ Chủ tịch. Để động viên toàn quân hoàn thành nhiệm vụ Hồ Chủ tịch giao phó, sau khi nêu tiêu chuẩn đối với từng cá nhân và đơn vị (nhất là đơn vị trung đoàn), Tổng Tư lệnh kêu gọi toàn quân hãy kiên quyết dũng cảm, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tiêu diệt quân địch.

Trước khi lên đường đi Tây Bắc, Tổng Tư lệnh gửi thư hoặc điện cho các chiến trường trong cả nước, thông báo tình hình mới nhất về địch, nhận định về ta, dự kiến những diễn biến có thể xảy ra và khẳng định lại nhiệm vụ xây dựng và chiến đấu phối hợp trong mùa khô của các đơn vị và địa phương.

Với chiến trường Nam Bộ, ông nhấn mạnh việc duy trì chiến tranh du kích, bảo vệ và phát triển cơ sở, giam chân không cho địch đưa thêm quân ra Bắc.

Với Liên khu 5, trong thư đề ngày 15-9, gửi đồng chí Nguyễn Chánh, Tổng Tư lệnh thông báo tình hình địch đang khẩn trương phát triển lực lượng địa phương ở Tây Nguyên để có thể rút dần chủ lực Âu - Phi đi chiến trường khác. Ông nêu lên những hạn chế hiện nay của chủ lực Liên khu 5 (tổ chức còn nặng nề, sức khỏe kém, chất lượng chiến đấu còn hạn chế) và chỉ thị cần hết sức tinh giản biên chế, tăng thành phần chiến đấu cho chủ lực đi đôi với phát triển bộ đội địa phương. Về chỉ đạo vùng sau lưng địch, cần có kế hoạch xây dựng cơ sở lâu dài ở nam Tây Nguyên. Sau khi địch đổ bộ lên bắc Quảng Nam và càn quét lớn ở Thừa Thiên, trong điện đề ngày 26-9 gửi Bộ Tư lệnh Liên khu 5, Tổng Tư lệnh nêu rõ ý đồ của địch muốn củng cố chiến trường Trung Bộ để tập trung lực lượng ra đối phó ngoài chiến trường chính. Ông chỉ thị cho Liên khu 5 tranh thủ đẩy mạnh hoạt động trên hướng thuận lợi (nam Đà Nẵng, bắc Tây Nguyên)

để thu hút lực lượng địch, đồng thời chỉ đạo phát triển cơ sở trong đồng bào thiểu số trên hướng tây Phan Thiết, theo sát tình hình Khánh Hoà, Ninh Thuận, khi có điều kiện phải kịp thời chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, kết hợp giữa các hình thức hợp pháp và bất hợp pháp để đưa phong trào lên. Riêng hoạt động phối hợp của chủ lực Liên khu 5 với chiến trường chính, tùy điều kiện quân sự và kinh tế mà định kế hoạch hoạt động, "không nên miễn cưỡng".

Tổng Tư lệnh nhắc nhở lãnh đạo chiến trường Bình - Trị - Thiên cần đề phòng tư tưởng "ăn to đánh lớn". Hoạt động của chủ lực chỉ nên lấy tiểu đoàn làm đơn vị chiến đấu, khi thật thuận lợi mới tập trung 2 tiểu đoàn hoặc toàn trung đoàn. Cần coi trọng nhiệm vụ chỉ đạo chiến tranh du kích, chỉ đạo chuẩn bị sẵn sàng chống địch càn quét, trước mắt cần chú trọng kế hoạch bảo vệ vụ gặt.

Để chỉ đạo hoạt động trong vùng địch hậu đồng bằng Bắc Bộ, điện ngày 15-9 của Tổng Tư lệnh nhắc nhở các đại đoàn 304, 320, các Bộ Tưlệnh Tả Ngạn và Liên khu 3: Mỗi đại đoàn chỉ dùng từ 1 đến 2 trung đoàn phối hợp với lực lượng vũ trang các liên khu tiếp tục hoạt động quy mô nhỏ theo kế hoạch đã thống nhất, các trung đoàn còn lại đứng chân trên địa bàn cơ động ngoài vùng tự do tiếp tục hoàn thành chương trình chỉnh huấn quân sự, chính trị, củng cố tổ chức đồng thời sẵn sàng phối hợp khi có điều kiện thuận lợi. Thời cơ thuận lợi là khi lực lượng địch bị thu hút lên hướng chính và chúng cũng có thể đưa quân cơ động mở cuộc hành binh ra vùng tự do khiến cho "hậu phương" của chúng càng thêm sơ hở. Chừng 10 ngày sau, căn cứ vào những triệu chứng mới của địch, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh khả năng địch có thể càn quét vùng châu thổ sông Hồng, nhắc nhở các đại đoàn phải cùng địa phương sẵn sàng kế hoạch đánh địch, chống tư tưởng chủ quan.

Riêng với Liên khu Việt Bắc, trên cơ sở nhận định khả năng địch có thể uy hiếp hậu phương kháng chiến khi các đại đoàn chủ lực của bộ tiến quân lên Tây Bắc, Tổng Tư lệnh chỉ thị cụ thể về phương hướng hoạt động của các lực lượng trong liên khu. Trong *Chỉ thị hoạt động thu - đông 1952* đề ngày 16-9 gửi Bộ Tư lệnh Liên khu Việt Bắc, Tổng Tư lệnh nhận định: Khi chiến dịch bắt đầu, một bộ phận lực lượng cơ động của địch (nhất là quân dù) và một bộ phận không quân ở Bắc Bộ bị thu hút lên hướng chính. Như vậy chiến trường địch hậu trung du sẽ thuận lợi cho ta hơn, nhưng chỉ thuận lợi một phần nào vì phần lớn lực lượng cơ động của địch còn lại vẫn có thể hoạt động khá mạnh. Tổng Tư lệnh dự kiến, địch có thể mở cuộc hành binh từ 1 đến 2 GM ra vùng tự do, lên hướng Thái Nguyên và nhất là Phú Thọ. Trong trường hợp đó, chúng có thể gây khó khăn cho hậu phương của ta, nhưng vùng tạm chiếm của chúng lại sơ hở hơn. Để phối hợp với bộ đội chủ lực trên chiến trường chính, Liên khu Việt Bắc phải sẵn sàng đánh địch trên cả mấy mặt trận, không chỉ vùng địch tạm chiếm mà cả trên hướng địch có thể tiến công phá hoại vùng tự do. Trong vùng tạm bị chiếm phải tăng cường hoạt động kiềm chế lực lượng địch phối hợp với chiến trường chính, đẩy mạnh chiến tranh du kích, chống địch càn quét. Phải quán triệt tư tưởng chiến tranh du kích và nguyên tắc chống càn đã đề ra trong Hội nghị chiến tranh du kích hồi tháng 7 nhằm phá âm mưu chính trị, kinh tế của địch trong vùng tạm chiếm. Trên các hướng dự kiến địch có thể đánh ra (như Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn) phải khẩn trương hoàn thành kế hoạch phối hợp các lực lượng của bộ, của liên khu và địa phương, sẵn sàng đánh địch khi chúng mở các cuộc hành binh ra đánh phá hậu phương kháng chiến[46]. Mặt khác phải tiếp tục kế hoạch củng cố cơ sở biên giới Lao - Hà, Lạng Sơn, Móng Cái, kiên quyết ngăn chặn hoạt động phá hoại của thổ phỉ.

Ngày 2-10, Tổng Tư lệnh lên đường ra mặt trận.

Kể từ những ngày đầu kháng chiến toàn quốc cùng ông Bằng Giang từ Tiên Kiên - Phú Thọ lên mặt trận Lao - Hà bằng tàu hỏa, đến mùa khô này, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp mới có dịp trở lại chiến trường Tây Bắc. Ông chưa quên những điều căn dặn trong thư gửi bộ đội Tây tiến hồi đầu năm 1947. Ngay mùa khô năm ấy, mùa khô đầu tiên của kháng chiến toàn quốc, cùng với chiến dịch tiến công lên Việt Bắc, địch đã mở rộng phạm vi chiếm đóng trên mảnh đất Việt miền Tây đến sát bờ hữu ngạn sông Hồng. Cả một vùng rừng núi trùng điệp, với suốt chiều dài biên giới từ Đông Bắc đến Tây Bắc, bị khoá chặt. Phải có những ngày gian khổ thiếu thốn vượt quá sức chịu đựng của con người để bám đất, bám dân của các đơn vị Tây tiến mới có ngày đại quân tiến vào Tây Bắc hôm nay. Ông ngậm ngùi nghĩ đến biết bao chiến sĩ Tây tiến đã nằm xuống trong cảnh "*áo bào thay chiếu anh về đất*", nghĩ đến biết bao đồng bào trên vùng rừng núi bao la này chưa một lần nhìn thấy lá cờ Tổ quốc, chưa một lần thở hít bầu không khí độc lập, tự do, dù Cách mạng Tháng Tám đã thành công hơn 7 năm.

Ngày 4-10, Tổng Tư lệnh dừng chân tại khu vực tập kết chiến dịch ở phía bắc thị xã Yên Bái, nơi cán bộ các đơn vị nhận mệnh lệnh, nghe công bố kỷ luật chiến trường và thảo luận nhằm thống nhất lần cuối cùng mấy vấn đề chiến thuật. Tối ngày 7, nói chuyện với cán bộ dự hội nghị lần cuối trước khi ra trận, Đại tướng tóm lược công tác chuẩn bị chiến dịch từ hội nghị cán bộ tháng trước, khẳng định quyết tâm không thay đổi của Trung ương và Tổng Quân ủy. Ông nhắc nhở cán bộ nắm vững những yêu cầu về chiến thuật đã đề ra cho chiến dịch này, thấy cách đánh công kiên và đánh vận động lần này so với các chiến dịch trước khác nhau thế nào và phải tổ chức chỉ huy như thế nào để giành thắng lợi trên chiến trường rừng núi với một kẻ địch tương đối có chuẩn bị. Phải hết sức tranh thủ thời gian để công tác chuẩn bị được kịp thời và đầy đủ, nhất là sau khi bộ đội vượt sông đi vào đất địch. Do đặc điểm của chiến dịch mở ra trên chiến trường xa, phải hành quân đường dài, địa hình hiểm trở, thời tiết khắc nghiệt, tiếp tế có thể khó khăn, tình huống có thể diễn biến nhanh, nên yêu cầu trong tất cả mọi trường hợp đều phải giữ vững quyết tâm trong suốt thời gian chiến dịch, nhất là trong những lúc gặp khó khăn. Tổng Tư lệnh nói: Vô luận hoàn cảnh gay go đến thế nào, Tổng Quân ủy cũng quyết tâm lãnh đạo toàn quân vượt qua mọi trở ngại, khắc phục mọi khó khăn, thực hiện đầy đủ ý định của Trung ương, giữ đúng lời hứa với Trung ương và Hồ Chủ tịch, với nhân dân và quân đội.

Nói đến vấn đề giữ vững quyết tâm, Đại tướng dẫn ra những chuyện cơ quan tham mưu báo cáo trong những ngày chuẩn bị chiến dịch. Đó là tinh thần và kết quả chiến đấu tiễu phỉ của các đơn vị Tây Bắc suốt mấy tháng qua, dọn đường cho các đơn vị vào mở chiến dịch. Đó là gương đơn vị trinh sát của bộ đã có mặt ở khu vực Nghĩa Lộ chừng ba tháng trước, trong điều kiện hết sức khó khăn, hàng ngày không chỉ đối phó với thám báo biệt kích địch để giữ bí mật hướng chiến dịch, mà còn sống mấy tháng liền trong môi trường xa dân, giữa mưa nguồn nước lũ, suối cao vực sâu, ruồi vàng vắt xanh để bám địch. Đó là tinh thần thi đua phục vụ tiền tuyến của đồng bào Yên Bái, Phú Thọ. Bà con đã huy động hàng chục phà và 400 thuyền nan, sẵn sàng đợi ngày giờ đưa bộ đội và dân công vượt sông. Tất cả những thực tế đó là những tấm gương để cán bộ và bộ đội noi theo, quyết tâm vượt mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ. Ông đặc biệt nêu gương sâu sát thực sự cầu thị của nhiều cán bộ đang đội mưa, đi vào sát đồn địch để trinh sát thực địa, trong đó có Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ. Ông Vũ dẫn một đoàn cán bộ, lần mò suốt 5 - 6 ngày đêm, vượt qua 60 km vành đai bên ngoài của địch để vào Nghĩa Lộ nghiên cứu địa hình và tình hình địch, chuẩn bị chiến trường. Ông Giáp đã được nghe ông Vũ nói chuyện về những ngày tháng bị giam cầm ở Nghĩa Lộ, nên rất dễ thông cảm vì sao Đại đoàn trưởng hết sức phấn khởi khi 308 được giao nhiệm vụ đánh Nghĩa Lộ. Thị trấn này, với "căng" Nghĩa Lộ xưa kia đã từng là nơi giam giữ hơn 200 tù chính trị cũng là nơi biết bao đảng viên cộng sản đã nằm xuống vì

những đòn tra tấn, trong đó có 13 đồng chí cùng Vương Thừa Vũ vượt ngục hồi tháng 3-1945, do không chạy kịp nên bị bọn cai ngục bắn chết rồi vứt xác ra bãi phía đông đồi Pú Chạng, khi đó còn là một bãi trống đầy ổi rừng nay đã trở thành một sân bay quân sự dã chiến.

Cũng tại vị trí dừng chân này, Tổng Tư lệnh nghe báo cáo của ông Bằng Giang và chỉ thị thêm về công tác chuẩn bị và phương hướng hoạt động trong lòng địch của một số đơn vị chủ lực của Tây Bắc. Trong hội nghị cán bộ hồi tháng 9, khi thảo luận phương châm và phương hướng chiến dịch, cán bộ các đơn vị và địa phương nhất trí với Tổng Tư lệnh nhận định rằng hoạt động sâu sau lưng địch trong chiến dịch này có vai trò đặc biệt quan trọng, không những buộc địch phải phân tán binh lực đối phó với chủ lực trên cả hai hướng, phía trước là Nghĩa Lộ, Phù Yên, phía sau là cả một vùng rừng núi trùng điệp từ hữu ngạn sông Hồng đến bên kia sông Đà. Các đơn vị luồn sâu sẽ nhân thời cơ thuận lợi để tranh thủ nhân dân, xây dựng cơ sở chính trị quần chúng và hoạt động vũ trang tiêu hao tiêu diệt địch, phối hợp với chủ lực ở phía trước.

Trong bức điện gửi Tiểu đoàn 910 - một đơn vị đã cùng Trung đoàn 148 chủ lực của Tây Bắc đạt nhiều thành tích tiễu phỉ trong suốt quá trình chuẩn bị Chiến dịch Tây Bắc và hiện đang luồn sâu hoạt động độc lập dọc sông Đà - Tổng Tư lệnh nhấn mạnh ba nhiệm vụ của đơn vị để phối hợp với chiến dịch sắp mở màn:

1- Tranh thủ nhân dân, củng cố và mở rộng cơ sở chính trị;

2- Phát triển chiến tranh du kích, mở rộng căn cứ, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương;

3- Có kế hoạch tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch.

Ông nhấn mạnh phương châm "đánh nhỏ ăn chắc", hoạt động vũ trang phải đi đôi với tuyên truyền và tổ chức nhân dân, phải có kế hoạch giải quyết vấn đề cung cấp, không ỷ lại vào nguồn tiếp tế từ hậu phương.

Trên đường ra trận, Chỉ huy trưởng chiến dịch thường xuyên nhận thêm những báo cáo về tình hình ở phía trước và báo cáo của đài kỹ thuật về hoạt động của địch trên phạm vi cả nước. Từ đầu tháng 10, Đờ Linarét đã ra lệnh báo động toàn khu Tây Bắc, máy bay trinh sát thường xuyên bay dọc sông Đà và trục đường Nghĩa Lộ - Than Uyên. Có tin Sở Chỉ huy địch ở Phân khu Nghĩa Lộ đã chuyển từ thị trấn (mà anh em quen gọi là Nghĩa Lộ phố) lên điểm cao Pú Chạng (Nghĩa Lộ đồi). Sau khi tăng cường cho Nghĩa Lộ một đại đội của Tiểu đoàn 5 tabo, địch đang ráo riết củng cố hệ thống phòng thủ của chúng. Ông Giáp chỉ thị cho ông Thái cho kiểm tra lại tình hình, có thể đó là những dấu hiệu chứng tỏ địch đã đánh hơi thấy hướng tiến công của ta. Bộ đội được lệnh khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị để chiến dịch bắt đầu đúng thời gian kế hoạch.

Trước khi vượt sông Hồng, ngày 11 ông Giáp viết thư về báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh và Bộ Chính trị ở hậu phương. Tình hình địch hiện nay về căn bản chưa có gì thay đổi. Về ta, công tác động viên quyết tâm được triển khai đầy đủ, kế hoạch tác chiến tỉ mỉ đã ảnh hưởng tốt đến quyết tâm của cán bộ. Một vấn đề cụ thể được nêu trong thư là chuẩn bị cho bộ đội vượt sông. "Nhờ sự hợp tác chặt chẽ của cán bộ và đồng bào địa phương nên phương tiện qua sông được tập trung đầy đủ". Sau khi báo cáo những khó khăn về tiếp tế và biện pháp triển khai để giải quyết, ông Giáp khẳng định: "Khó khăn có thể nhiều, nhưng chúng tôi tin là cố gắng thì có thể khắc phục được". Ông nhận định "khả năng địch đánh ra Phú Thọ hoặc Thái Nguyên vẫn tồn tại, nhưng địch đánh ra rồi cũng phải rút, không có tính chất chiếm đóng". Dự

kiến xong đợt 1 chiến dịch, sẽ điều một trung đoàn về tăng cường hướng Phú Thọ là hướng địch có thể đánh ra nhiều hơn.

Ngày 12-10, Đại tướng cùng đoàn tùy tùng vượt sông Hồng.

Đến Sở Chỉ huy chiến dịch đặt ở Khe Lóng gần đường số 13, Chỉ huy trưởng được biết ông Vương Thừa Vũ và tổ trinh sát thực địa của 308 ở hướng Nghĩa Lộ chưa về. Chính ủy Song Hào báo cáo thêm: Trung đoàn trưởng 36 đi trinh sát thực địa hướng Cửa Nhì khi trở ra gặp địch phục kích ở suối Ca Vịnh, ta đánh trả, chúng tháo chạy. Theo tin kỹ thuật bộ thông báo, địch cho một đại đội tabo đi đón lõng các tổ trinh sát của ta ở Khâu Vác, đại đoàn đã cho một tiểu đoàn cấp tốc lên đường đi giải vây, đến nay chưa có tin thêm. Trên hướng Đại đoàn 312, Trung đoàn trưởng Hoàng Cầm đi trinh sát gặp địch, Cầm bị thương, hai trinh sát hy sinh. Như vậy có thể địch đã đánh hơi thấy chủ lực của ta. Tham mưu đang tập trung theo dõi và kiểm tra lại tin tức về địch. Nếu chúng đưa quân ra chặn ta trên đèo Khâu Vác thì việc đại quân tiến theo con đường độc đạo vào hướng chính Nghĩa Lộ sẽ rất khó khăn.

Nhưng mọi tình huống xấu đã không diễn ra, vì hôm sau 308 báo cáo Đại đoàn trưởng cùng các tổ trinh sát trên cả hai hướng đã trở về an toàn. Không có chuyện một đại đội địch đón lõng các tổ trinh sát của ta trên đèo Khâu Vác. Do thời gian nghiên cứu tình hình địch kéo dài hơn dự kiến nên việc xây dựng kế hoạch tác chiến của các đơn vị đang tiến hành khẩn trương. Lúc này bộ đội đã vượt sông Thao an toàn và đang tiến quân vào các vị trí tập kết. Mấy ngày đầu, bộ đội vừa xuất quân đã biết thế nào là mưa rừng Tây Bắc. Những cơn mưa "trái mùa" cũng đủ làm cho suối sâu, đường trơn, ảnh hưởng đến tốc độ hành quân, cho dù bộ đội tranh thủ hành quân được ban ngày mà không sợ máy bay địch. Sau những trận mưa rừng lại tiếp đến những ngày nắng hanh tháng mười.

Ngày 14-10, chiến dịch mở màn bằng một loạt trận đánh nhỏ, diệt một số vị trí vành ngoài cửa ngõ của Nghĩa Lộ[47], mở đường tiến vào đánh trận then chốt đầu tiên của chiến dịch. Trong các chiến dịch trước, quân ta thường mở màn bằng trận đánh lớn, thu hút địch và làm rung chuyển hệ thống phòng ngự của chúng ngay từ đầu. Chiến dịch này phương thức hoạt động có khác. Sau này qua sách báo phía bên kia, được biết sau Chiến dịch Lý Thường Kiệt của 312, từ Tướng Xalăng đến Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở miền Bắc và cả ở Tây Bắc đều cho rằng còn lâu chúng ta mới đủ sức "trở lại Nghĩa Lộ". Chúng vẫn tin rằng mùa khô này Việt Minh vẫn đánh Trung du và đồng bằng. Chính vì thế nên những trận đánh nhỏ đầu chiến dịch dường như không đủ sức thu hút sự quan tâm của Bộ Chỉ huy địch trên hướng Tây Bắc. Như cách nói của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thì đến lúc này, địch vẫn "chưa nhìn thấy tầm vóc của cuộc tiến công". Qua tin kỹ thuật được biết, sau khi nghe Đờ Linarét báo cáo "đã chạm súng với Việt Minh", ngày 15-10, Tướng Xalăng còn chỉ thị cho viên chỉ huy Bắc Kỳ "không nên vội ném một tiểu đoàn lính dù xuống Gia Hội hay Tú Lệ mà hãy đợi xem hoạt động của Việt Minh phát triển thế nào rồi hãy hành động". Lệnh đó thể hiện đúng phong cách chỉ huy của Xalăng[48]. Nhưng rồi lệnh đến chậm, Đờ Linarét đã ném Tiểu đoàn dù 6 (6è BPC) của Bigia (Marcel Bigeard) xuống Tú Lệ với nhiệm vụ tiến ra phía sông Hồng để thăm dò động tĩnh của đối phương. Điều đó chứng tỏ rằng đến ngày 16 địch vẫn chưa biết Tây Bắc là hướng tiến công chủ yếu của các đại đoàn chủ lực đối phương, mà Nghĩa Lộ là mục tiêu lớn đầu tiên. Quân dù của Bigia vừa mới bắt đầu nhiệm vụ "tiến ra hướng đông để thăm dò" thì tiếng súng đã nổ ở Nghĩa Lộ, đông nam Tú Lệ chừng 30 km. Ngày 19, khi mới ra khỏi Tú Lệ chừng 7 - 8 km, quân dù gặp Trung đoàn 165 đang truy kích từ phía Gia Hội đến, Bigia vội bỏ kế hoạch tiến ra hướng sông Hồng, cho quân dù quay trở lại Tú Lệ.

Trên hướng chính Nghĩa Lộ, đêm 16, Đại đoàn 308 đã vượt Khâu Vác và bí mật tiến xuống thung lũng Nghĩa Lộ. Chỉ huy trưởng chiến dịch hỏi vì sao vào vị trí tập kết và tiếp cận mục tiêu chậm, tham mưu báo cáo trời đã tạnh 4 ngày nhưng do đại đoàn tính toán tốc độ hành quân của bộ đội không sát, không lường hết những khó khăn về địa hình. Sáng hôm sau, máy bay trinh sát địch liên tục bay soi mói từ hướng Khâu Vác đến Nậm Mười, Bản Hợp vào Nghĩa Lộ. Trung đoàn trưởng Vũ Yên báo cáo: địch phát hiện đường dây điện thoại của đơn vị. Đại đoàn trưởng 308 hỏi riêng Ban Tham mưu chiến dịch: có thể địch đã thấy hướng tiến công chính của chủ lực trong thu - đông là Tây Bắc? Được trả lời, ông Vũ yên tâm đôn đốc chuẩn bị và đề nghị với Chỉ huy trưởng nhân trời sương mù, cho đánh Pú Chạng sớm hơn so với kế hoạch. Được biết các điều kiện bảo đảm thắng lợi, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đồng ý. Ông càng yên tâm khi biết Trung đoàn phó Hùng Sinh đi cùng đại đội mũi nhọn 267 đang áp sát Pú Chạng. Mọi công tác chuẩn bị được tiến hành hết sức khẩn trương.

16 giờ 30 phút súng cối bắt đầu bắn vào Nghĩa Lộ phố, kiềm chế pháo địch cho bộ đội áp sát Pú Chạng. 17 giờ 10 phút trận tiến công Pú Chạng (Nghĩa Lộ đồi) bắt đầu. Hai giờ sau, Đại đoàn phó Cao Văn Khánh báo cáo đã chiếm được hết các công sự, đang sục sạo tìm hầm ngầm của địch. Ông Vũ nhận thấy có khả năng Trung đoàn 102 dứt điểm Pú Chạng sớm hơn dự kiến nên đề nghị cho Trung đoàn 88 đánh Nghĩa Lộ phố trước khi trời sáng. Đây cũng là một quyết định "đẩy tới" so với kế hoạch. Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp hỏi lại và được Đại đoàn trưởng bảo đảm đầy đủ yếu tố thắng lợi, ông khen đó là "một quyết định linh hoạt" và chuẩn y đề nghị của đại đoàn. Khoảng 20 giờ 30 phút, khi bộ đội bắt đầu tiến công Nghĩa Lộ phố thì trên Pú Chạng chừng 100 tên địch lục tục kéo ra hàng, trong đó có viên chỉ huy phân khu, thiếu tá Tirillon cùng với chừng 10 đại úy, trung úy. Trận Nghĩa Lộ phố cũng kết thúc trước khi trời sáng, đúng như dự kiến của ông Vũ. Thế là trận đánh lớn đầu tiên của chiến dịch đã giành được thắng lợi giòn giã. Trong khi đó, ở hướng đông - nam, Trung đoàn 36 đã giải quyết xong Cửa Nhì, Trung đoàn 174 tiêu diệt Ba Khe. Con đường Yên Bái - Nghĩa Lộ bị khép kín suốt 5 năm qua, nay đã khai thông. Đường vào sâu trong lòng Tây Bắc đã rộng mở.

Ngày 18, trong thư khen các Trung đoàn 102 và 88, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết: "Hai trận tiêu diệt Pú Chạng và Nghĩa Lộ chứng tỏ cán bộ và chiến sĩ đã chuẩn bị đầy đủ, nắm vững thời cơ công kích, có tinh thần chiến đấu anh dũng, có động tác chiến đấu mạnh mẽ, hiệp đồng binh chủng khá chặt chẽ, nên đã tiêu diệu được địch gọn và nhanh".

Đợt 1 chiến dịch kết thúc với kết quả rất lớn. Ngoài hai vị trí lớn là Nghĩa Lộ và Phù Yên, quân ta - kể cả các đơn vị vu hồi, luồn sâu - đã diệt hàng loạt vị trí nhỏ dọc các trục đường giữa sông Hồng và sông Đà. Chừng 1.500 tên địch (1/5 là Âu - Phi) bị giết và bị bắt, trong đó gồm toàn bộ Ban Chỉ huy Phân khu và hầu hết sĩ quan chỉ huy các vị trí thuộc Phân khu Nghĩa Lộ và Tiểu khu Phù Yên. Ta thu hàng ngàn súng, trong đó có hai lựu pháo 105 mm với hàng ngàn viên đạn các loại. Một vùng giải phóng rộng lớn gồm huyện Văn Chấn, Than Uyên thuộc tỉnh Yên Bái, huyện Phù Yên, một phần huyện Mường La thuộc tỉnh Sơn La và một phần huyện Quỳnh Nhai thuộc tỉnh Lai Châu. Cục diện chiến trường thay đổi hẳn. Toàn bộ phòng tuyến vòng ngoài của địch, từ hữu ngạn sông Thao đến tả ngạn sông Đà, từ Vạn Yên (Quang Huy - Sơn La) đến Quỳnh Nhai (Lai Châu) bị đập tan. Lai Châu và nhất là Sơn La bị trực tiếp uy hiếp.

Điểm nổi lên trong đợt 1 là có đơn vị đã đủ sức tiêu diệt gọn cứ điểm một tiểu đoàn tăng cường trong công sự vững chắc ngay từ khi trời chưa tối dưới hỏa lực phi pháo ác liệt, kể cả bom napalm. Có đơn vị đã truy kích địch liên tục dài ngày trên gần 100 km địa hình rừng núi. Về cách đánh, các hình thức chiến thuật trong đợt 1 rất đa dạng: vừa đánh điểm, vừa đánh viện, vừa truy

kích địch dài ngày. Về chiến dịch, vừa tập trung lực lượng tiến công phía trước, vừa hình thành mũi vu hồi chiến dịch ở phía đông nam Lai Châu, mở rộng vùng giải phóng, trực tiếp uy hiếp Tuần Giáo, khai thông đường tiến sâu về hướng tây. Trong báo cáo trước hội nghị cán bộ ngày 9-11, sau khi phân tích những tiến bộ và ưu điểm của cán bộ và bộ đội, Chỉ huy trưởng phân tích những yếu kém đã hạn chế thành tích chiến đấu trong đợt vừa qua. Khuyết điểm nghiêm trọng là không giữ đúng kỷ luật thời gian, nhất là khi hành quân đến địa điểm tập kết (đơn vị đánh viện chậm nửa ngày, đơn vị đánh Nghĩa Lộ chậm hai ngày). Ngoài ra còn các khuyết điểm khác như bao vây không chặt để địch chạy thoát (các trận Sài Lương, Gia Hội, Ca Vịnh); đột phá tiền duyên thì nhanh nhưng kéo dài chiến đấu trong tung thâm nên tăng thêm thương vong; không tích cực và tự động truy kích và lùng bắt, có đơn vị chờ lệnh, khi có lệnh cũng chỉ sục sạo qua loa rồi tự động rút quân về.

Với địch, đây là một đòn bất ngờ, lúc đầu chúng chủ quan phán đoán sai nên đối phó lúng túng. Chỉ sau khi Phân khu Nghĩa Lộ bị tiêu diệt, Bộ Chỉ huy Pháp mới khẳng định hướng tiến công mùa khô của các đại đoàn chủ lực đối phương là Tây Bắc. Sau này, qua hồi ký, tướng Xalăng cho biết Bộ Chỉ huy địch đã đối phó như thế nào trong tình thế bị động này. Đêm 17 đang dự tiệc do Bộ trưởng Lơtuốcnô tổ chức để chào mừng Bộ trưởng Đờ Xơvinhê, Xalăng nhận được báo cáo Nghĩa Lộ bị tiến công. Trải qua một đêm mà Xalăng thú nhận là "đầy lo âu", sáng hôm sau Tổng Chỉ huy cùng hai vị bộ trưởng bay ra Hà Nội. Đến Gia Lâm buổi trưa, đúng lúc viên chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc cũng vừa bay từ Tây Bắc về, đang hạ cánh. C'est fini! (Thế là hết!), đó là câu duy nhất Đờ Linarét thốt ra khi gặp ba vị khách từ Sài Gòn vừa bay ra. Sau này Xalăng viết: Tất cả sự thật về cái đêm bi thảm đó đã hiện ra trước mắt tôi. Tôi đã từng có một lòng tin vững chắc vào khả năng chống đỡ của các điểm tựa. Nhưng lần này ông Giáp và Bộ Chỉ huy Việt đã bất ngờ tập trung nỗ lực của toàn bộ Sư đoàn 308 vào hai đồn, trước tiên là đồn cao, tiếp theo là cuộc tiến công đồn thấp. Các hướng khác chỉ là nghi binh. Đến nửa đêm, trận đánh trên mỏm núi kết thúc, bản án tử hình của Nghĩa Lộ đã được ký xong.

Sau khi nghe kể lại trận đánh, tôi cho rằng để mất Phân khu Nghĩa Lộ là một đòn đau đớn nhưng không phải là đòn quyết định. Ván cờ chỉ mới bắt đầu. Bây giờ đến lượt chúng ta hành động. Tôi sẽ không để cho ông Giáp có khả năng thắng những trận khác nữa. Tôi quyết định rút tất cả các đồn bốt của ta - những cứ điểm đã trở thành mồi ngon cho ba sư đoàn đối phương tham chiến - và đưa nhanh toàn bộ binh lực hiện đang bố trí ở vùng trung lưu sông Đà về Nà Sản.

Một bức điện gửi cho Bigia - chỉ huy Tiểu đoàn dù 6è BPC, người mà Xalăng cho rằng rất quen thuộc địa hình vì đã hoạt động ở vùng này từ năm 1947 - lệnh cho viên thiếu tá này bằng mọi giá phải đưa gấp tiểu đoàn dù và toàn bộ các đồn binh dọc đường về Nà Sản[49]. Lệnh cho tiểu đoàn dù xong, Xalăng cùng hai vị bộ trưởng bay lên Nghĩa Lộ. Từ trên cao, họ chứng kiến cảnh tan hoang của cứ điểm còn đang bốc khói. Máy bay chuyển hướng, hạ cánh xuống Nà Sản. Tổng Chỉ huy Pháp chỉ thị cho Gin và Vôđrây[50] những việc cần làm để nhanh chóng biến lòng chảo Nà Sản thành một "con đê ngăn sóng" vững chắc, chặn đứng đối phương không để họ tiến sâu vào xứ Thái, đồng thời cũng là một bàn đạp, một căn cứ xuất phát hành quân. Tướng Ala (tham mưu) và Đơbécnácđi (không quân) được lệnh lập cầu hàng không, giải quyết mọi việc chuyển quân, tiếp tế và chi viện hỏa lực của không quân cho tập đoàn cứ điểm. Nà Sản phải đứng vững, vì đây là "vấn đề sinh tử của chúng ta trong lúc này". Mệnh lệnh sau đó được viết thành văn bản, nhấn mạnh: Mục đích của Bộ Chỉ huy đối phương trong Chiến dịch Tây Bắc này là giành lại xứ Thái và tiếp đến bước thứ hai là thâm nhập sang đất Lào. Chúng ta phải đập tan ý đồ chính trị này của họ.

Phải xây quanh sân bay Nà Sản một tập đoàn với các cứ điểm chịu đựng được đạn pháo và đủ sức chống đỡ trước bất kỳ cuộc tiến công nào của địch. Từ căn cứ Nà Sản chúng ta sẽ tung ra các cuộc hành binh chống lại các sư đoàn Việt Minh và tại cứ điểm này, chúng ta sẵn sàng chờ đón các cuộc tiến công của họ.

Vừa trở về Hà Nội thì 2 giờ sáng ngày 20, nghe tin Tiểu đoàn 6 của Bigia ở Tú Lệ bị tiến công, Xalăng lại vội bay lên Tây Bắc đốc thúc Bigia tìm mọi biện pháp mở đường máu rút nhanh về hướng Sơn La - Nà Sản, đồng thời lệnh cho đồn binh Mường Chén yểm trợ khi quân dù đi qua, lệnh cho Vôđrây dẫn một tiểu đoàn ngụy từ Sơn La vượt sông Đà ở Tạ Bú đi đón Bigia. Trước tình hình đã trở nên ngày càng bất lợi, Xalăng vội bay trở về Hà Nội cùng Tham mưu trưởng Ala tính số dồn quân lên cứu nguy cho Tây Bắc[51], đồng thời mở cuộc hành binh Loren (Lorraine) lên Phú Thọ - Đoan Hùng hòng phá căn cứ hậu cần chiến dịch của ta, buộc ta phải điều lực lượng ở Tây Bắc về bảo vệ hậu phương[52].

Trong những ngày này, tại Sở Chỉ huy chiến dịch, các cơ quan đang nhộn nhịp nắm tình hình các đơn vị và chỉ đạo công tác chuẩn bị cho đợt tác chiến tiếp theo.

Để rút kinh nghiệm cho các cơ quan Sở Chỉ huy bước vào đợt 2, trong văn kiện đề ngày 31-10, nhận xét về đợt 1, Bí thư Tổng Quân ủy kiêm Chỉ huy trưởng chiến dịch viết: "Trong khi tác chiến, việc chủ yếu là nắm vững tình huống và chỉ huy kịp thời cho sát với mọi tình huống xảy ra, nhưng lần này so với Chiến dịch Hoà Bình thì việc nắm tình huống kém, ví dụ như: địch nhảy dù Tú Lệ từ ngày 16-10 đến ngày 18 mới phát hiện, địch tăng thêm ở Sơn La 3 tiểu đoàn, 2 - 3 ngày sau ta mới biết, địch rút Than Uyên cũng không rõ, tình hình địch nói chung ở đồng bằng nắm chậm, nhất là nắm tình hình quân cơ động.

Về mặt chỉ huy, lần này Tổng Quân ủy chủ trương kiên quyết đôn đốc các đơn vị đánh sớm nên Pú Chạng đã giải quyết nhanh trong một đêm xong cả Nghĩa Lộ, làm cho bộ đội thêm tin tưởng về vấn đề đánh ban ngày. Nhìn chung về sử dụng lực lượng lần này đúng và việc chỉ huy không phạm sai lầm nhưng không ước đoán biết địch có thể bỏ Than Uyên, ít Ong. Sau những trận chiến đấu, việc tiếp tục càn quét tàn binh được đặc biệt chú ý, nên đến nay trong vùng Nghĩa Lộ, Phù Yên về căn bản đã quét hết. Việc nắm các đơn vị sau chiến đấu chậm chạp, có những đơn vị sau năm ngày đến một tuần mới nắm được tình hình thương vong. Nếu chiến đấu xảy ra phức tạp có thể việc nắm quân còn khó khăn hơn.

Vấn đề tiếp tế không kịp thời cho nên cũng ảnh hưởng nhiều tới tinh thần và sức khỏe bộ đội. Vì vậy việc chấn chỉnh đơn vị nếu theo đúng yêu cầu sau chiến đấu năm ngày đã làm xong thì không đạt được".

Tổng Quân ủy đã dự kiến những khó khăn về tiếp tế trong một chiến trường xa hậu phương, nhưng trong đợt 1 vừa qua, khuyết điểm chủ yếu về cung cấp là thuộc về chỉ đạo của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Do không thực hiện được kế hoạch vận chuyển nên đã ảnh hưởng đến tình hình cấp dưỡng của bộ đội. Trong đợt 1 đã có đơn vị phải ăn cháo ngay trên đường truy kích địch. Đường vào Tây Bắc đã rộng mở nhưng để chuẩn bị bước vào đợt 2, phải kiên quyết khắc phục một khó khăn rất lớn, là bảo đảm tiếp tế gạo cho bộ đội. Tuyến vận chuyển từ Mậu A qua đèo Khâu Vác tuy kín đáo, ít bị máy bay uy hiếp nhưng hiểm trở, thường không đạt chỉ tiêu kế hoạch vận chuyển hằng ngày. Đã từng diễn ra cảnh dân công ở bờ bên này, gạo ở bờ bên kia, giữa là dòng suối hung dữ. Cụm từ "hận Khâu Vác" xuất hiện từ đấy. Chủ nhiệm Hậu cần Trần Đăng Ninh đang đôn đốc tuyến vận chuyển từ hậu phương, vội ra ngay Sở Chỉ huy. Tham mưu đề nghị tạm

dừng hoạt động quân sự để huy động bộ đội quay về kho ở bờ hữu ngạn sông Hồng lấy gạo. Mỗi chuyến đi và về mất trên dưới 10 ngày. Một cuộc họp đặc biệt tại Sở Chỉ huy do Chỉ huy trưởng chủ trì, bàn "chuyên đề về gạo". Hội nghị quyết định giải thể hai tuyến Khâu Vác và Sài Lương vì không thích hợp. Lực lượng vận chuyển tập trung lên đường số 13, tổ chức thành tuyến vận tải từ Âu Lâu, Ba Khe đến Tống Cao, Gia Phù; đồng thời khẩn trương củng cố tuyến Thu Cúc, Quang Huy, Tống Cao; mở đường và tổ chức tuyến vận tải từ Tống Cao đến Suối Cao, Tạ Khoa; chuẩn bị nối với tuyến vận tải trên đường số 41 ở Cò Nòi và mở tuyến vận tải xuống Vạn Yên, nối với đường số 41 ở Xồm Lồm để đón gạo từ Thanh Hoá lên. Bộ Chỉ huy chiến dịch tăng cường cho hậu cần hai đồng chí Đàm Quang Trung và Trần Văn Quang cùng gần 30 cán bộ để tổ chức và chỉ huy tuyến đường số 41. Tuy khó khăn, nhưng vấn đề huy động tại chỗ cũng được hội nghị đặt ra[53]. Kết thúc hội nghị, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp vui vẻ nói với mọi người: "Thế là chúng ta đã thực hiện được lời Tổng Bí thư Trường Chinh căn dặn hôm lên đường đi chiến dịch: "Khéo, đừng để tướng gạo cản đường tướng chỉ huy đấy".

Ngay sau hội nghị, một số đoạn đường được công binh sửa gấp, sửa đến đâu tận dụng cơ giới đến đấy (Suối Rút - Mộc Hạ - Xồm Lồm; Yên Bái - Ba Khe - Tống Cao - Gia Phù). Ngoài trên 50 xe cơ giới hoạt động, chiếc xe đạp thồ lần đầu xuất hiện do sáng kiến của dân công Thanh Hoá đã thay thế đôi quang gánh, nâng mức vận chuyển của dân công lên từ 5 đến 10 lần. Vấn đề tiếp tế chuẩn bị bước vào đợt 2 đã căn bản được giải quyết.

Để chuẩn bị bước vào đợt 2, Bộ Chỉ huy chiến dịch đặc biệt coi trọng vai trò phối hợp của cánh quân thọc sâu vu hồi ở hướng nam Lai Châu - bắc Sơn La do ông Bằng Giang phụ trách. Trong mệnh lệnh đề ngày 22-10 gửi Bộ Tư lệnh Liên khu Tây Bắc và Bộ Tư lệnh Đại đoàn 312, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chỉ thị điều Trung đoàn 165 lên phối hợp với Tiểu đoàn 910 và Trung đoàn 148 - lực lượng thọc sâu - cùng bộ đội địa phương Yên Bái, Than Uyên, Văn Bàn, Lai Châu "lợi dụng thế sơ hở của địch để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, tranh thủ nhân dân, phát động chiến tranh du kích, mở rộng khu căn cứ Quỳnh Nhai, giải phóng và củng cố Quỳnh Nhai thành một chỗ đứng vững chắc, phát triển theo các hướng Luân Châu, Thuận Châu và Tuần Giáo, tiến vào giải phóng Điện Biên Phủ, phối hợp với hướng Nghĩa Lộ - Sơn La".

Trong thư gửi các đơn vị sắp nhận nhiệm vụ tiến sâu vào địch hậu, nhất là các hướng Quỳnh Nhai - Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, Tổng Tư lệnh nêu rõ những khó khăn và thuận lợi mà anh em sẽ gặp phải khi thực hiện chủ trương quân sự - chính trị quan trọng này của Trung ương, nhất là những khó khăn về cung cấp, về cơ sở nhân dân còn yếu mà bộ đội thì ít người thông thạo tiếng nói và phong tục, trong khi quân địch thì đa số là ngụy binh người địa phương, quen địa hình, dễ trốn chạy, ta khó diệt gọn. Ông nhấn mạnh phương châm hoạt động của các đơn vị thọc sâu: về chính trị, hết sức coi trọng tranh thủ nhân dân, xây dựng cơ sở chính trị làm chỗ đứng chân vững chắc; về quân sự, phát triển chiến tranh du kích, tác chiến phải luôn theo phương châm "đánh chắc thắng, tiêu diệt gọn, không chắc thắng không đánh", luôn kết hợp tác chiến về quân sự với củng cố cơ sở chính trị.

Ngày 9-11, Bộ Chỉ huy chiến dịch triệu tập hội nghị chuẩn bị bước vào đợt 2 cũng là lúc nhận được tin địch mở cuộc hành binh lên Phú Thọ. Trong báo cáo đọc tại hội nghị, Bí thư Tổng Quân ủy nhận định: Vì thất bại nặng ở tả ngạn sông Đà và để cứu vãn phòng tuyến hữu ngạn sông Đà có thể bị ta phá vỡ, địch tập trung bộ đội cơ động đánh ra Phú Thọ, nhằm mục đích quấy rối hậu phương của ta, mong kéo bộ đội ta về. Vì phải tăng cường lực lượng cho Tây Bắc và phải dùng một phần lực lượng đánh ra Phú Thọ, nên vùng sau lưng địch ở đồng bằng trước đây địch ra sức củng cố và chú ý đề phòng, nay trở nên sơ hở.

Trước tình hình đó, chủ trương của Tổng Quân ủy là, mặc dù địch tăng cường Tây Bắc và đánh ra Phú Thọ, mặc dù chúng quấy rối hậu phương của ta, Tổng Quân uỷ vẫn giữ vững quyết tâm, tiếp tục cuộc tiến quân vào Tây Bắc, tập trung lực lượng mở cuộc tiến công đợt thứ 2, đánh mạnh vào vùng Mộc Châu ở hữu ngạn sông Đà. ở Phú Thọ, ta chủ trương tăng cường hoạt động và tăng cường chỉ đạo để kiềm chế và tiêu hao địch. ở đồng bằng, ta chủ trương tích cực hoạt động để lợi dụng sơ hở của địch, phối hợp với Tây Bắc và Phú Thọ.

Riêng trên chiến trường Tây Bắc, chủ trương tác chiến của Tổng Quân ủy trong đợt 2 là tập trung lực lượng cương quyết tiêu diệt Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 1 Marốc ở vùng Bản Hoa và tiêu diệt vị trí Mộc Châu, đồng thời bố trí đánh viện - hoặc quân nhảy dù, hoặc viện binh từ Cò Nòi kéo xuống[54]. Sau đó sẽ tùy theo tình hình mà phát triển.

Trong mệnh lệnh gửi các đơn vị, Bộ Chỉ huy chiến dịch đặc biệt nhấn mạnh phải chặn các ngả đường, không cho Tiểu đoàn 3, Trung đoàn Marốc 1 rút chạy về Mường Lụm, Mộc Châu hoặc ra đường số 41. Trong lời kêu gọi tiếp tục tiến quân vào Tây Bắc, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cũng nhấn mạnh yêu cầu bao vây thì bao vây thật chặt, tiêu diệt thì phải tiêu diệt gọn, truy kích thì phải truy kích đến cùng.

Do đặc điểm chiến đấu của đợt 2 (các tình huống sẽ diễn biến nhanh, ta có nhiều cơ hội tiêu diệt địch xuất hiện) nên Bộ Chỉ huy có chỉ lệnh riêng hướng dẫn chỉ huy vượt sông, hành quân, tiếp cận, bao vây truy kích, đồng thời nhấn mạnh tinh thần tích cực, cơ động, linh hoạt, cương quyết tiêu diệt địch, không ỷ lại, đợi mệnh lệnh cấp trên.

Cùng với quyết tâm cho bộ đội vượt sông Đà tiếp tục tiến sâu vào giải phóng Tây Bắc, Tổng Quân ủy chủ trương chỉ đưa thêm Trung đoàn 36 về cùng với Trung đoàn 176 và các lực lượng vũ trang địa phương chiến đấu với địch ở vùng Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang (hướng trọng tâm là Phú Thọ và nam Tuyên Quang) với nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá âm mưu của địch tiến sâu vào nội địa ta.Người được Tổng Tư lệnh giao niệm vụ chỉ huy mặt trận này là ông Vũ Hiển, Đại đoàn phó Đại đoàn 351.

Sau này được biết, trên hướng Phú Thọ - Yên Bái, Tướng Xalăng đặt nhiều hy vọng vào cuộc hành binh Loren. Quân Pháp tiến quân vào một vùng mà Pháp cho là "căn cứ sinh tử của đối phương". Điều bất ngờ đối với địch là ngay từ những ngày đầu, chúng đã phải đối mặt với các đơn vị thuộc các trung đoàn 176 và 246 cùng lực lượng vũ trang địa phương. Quân ta bắn chìm tàu địch đi trên sông, chặn đánh khi địch đổ bộ lên Vĩnh Lại, Ngọc Tháp, phục kích địch ở Lâm Thao, Phù Ninh, Thanh Ba, Đoan Hùng, tập kích địch ở Phú Hộ. Sau 5 ngày lùng sục ở Đoan Hùng, ngày 14-11, địch tiến lên càn quét trên phía Phù Hiên (Yên Bái) cũng là lúc Bộ Chỉ huy địch được tin Trung đoàn 36 đang từ Tây Bắc về trung du. Có nhiều lý do khiến Tướng Xalăng buộc phải ra lệnh lui quân từ chiều ngày 15-11. Nhu cầu vận chuyển tiếp tế bằng đường không cho 3 vạn quân không cho phép kéo dài cuộc hành binh đã trải qua hai tuần lễ, với binh lực bị tiêu hao hằng ngày. Thêm một trung đoàn chủ lực của đối phương từ Tây Bắc về Phú Thọ là thêm nguy cơ tổn thất đối với quân viễn chinh Pháp, trong khi 4 GM thoát ly đồng bằng làm cho bên trong phòng tuyến boongke bị sơ hở. Một điều ngoài dự kiến của địch là Trung đoàn 36 về tới Phú thọ và khẩn trương triển khai đội hình chiến đấu ở Chân Mộng - Trạm Thản trên đường số 2 lại đúng vào dịp Tướng Xalăng đã hạ lệnh thu quân. Trong hai cánh quân rút lui, có một cánh quân cơ giới từ Phủ Đoan theo đường số 2 về Việt Trì, qua trận địa phục kích của Trung đoàn 36.

Trận chiến đấu ở Chân Mộng diễn ra rất ác liệt từ trưa đến tối ngày 17. Phóng viên chiến trường kể lại: Cuộc triệt thoái đang tiến hành chậm chạp trên con đường đầy những hố phá hoại như những phím đàn dương cầm thì "đội quân chính quy, áo xanh ôliu ngắn tay, mũ lá ngụy trang bỗng như từ trên trời ập xuống". Bị phục kích bất ngờ, đội hình hành quân bị đứt khúc và GM 4 của viên Trung tá Kécgavarát chỉ huy - mà trực tiếp là Tiểu đoàn lê dương 2 - phải đối mặt với Trung đoàn 36. Cùng với trên 40 xe bị phá hủy, trong đó có 17 xe tăng và xe bọc thép, "tiểu đoàn lê dương coi như bị xoá sổ". Sau đó, cuộc lui quân bị chậm hẳn lại vì liên tiếp bị đối phương bám đánh trên các đoạn đường Năng Yên, Phú Hộ, Nậu Phó, Phú Lộc, Mai Đình, Thanh Mại nên phải 6 ngày sau hai cánh quân mới về đến Việt Trì và Trung Hà. Riêng GM1, vừa về đến Ngọc Tháp chưa kịp xả hơi đã bị máy bay bốc lên tăng cường cho Nà Sản.

Mặc dù ngay sau đó Tướng Xalăng họp báo tuyên bố "toàn bộ các đơn vị tham gia Loren đã về đến Hà Nội và thắng lợi của cuộc hành quân Loren đã tránh cho khu Tây Bắc không bị uy hiếp một thời gian", nhưng các phóng viên chiến trường hồi đó cũng như các Tướng Yvơ Gra, Giăng Mácsăng và sử gia Bécna Phôn sau này đều khẳng định rằng đó chỉ là "cuộc hành binh trong chân không" vừa tốn kém vừa vô tác dụng vì không làm chậm được bước tiến quân của đối phương trên chiến trường miền Tây.

Trong khi đó thì tại vùng địch hậu châu thổ sông Hồng, từ trung tuần tháng 11, nhân lúc các GM địch bị thu hút vào cuộc hành binh Loren, các đại đoàn 304 và 320 tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ở Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, san bằng nhiều vị trí, phục kích GM 2 đi càn quét, phá hủy gần 20 xe, bắn đắm 3 tàu trên sông, diệt hàng ngàn tên địch.

Trên hướng chính Tây Bắc, liên tiếp hai đêm 18 và 19-11, Đại đoàn 312 tiến công hai vị trí Bản Hoa và Ba Lay, diệt gọn Tiểu đoàn 3 Marốc và 1 đại đội ngụy, bắt sống Tiểu đoàn trưởng Rukét. Trong khi đó, Đại đoàn 308 tiến công Hát Tiếu và Mường Lụm, Đại đoàn 316 tiến công Mộc Châu. Trận tiến công Tiểu khu Mộc Châu là trận then chốt thứ hai của chiến dịch, vì vị trí này được Pháp coi là chiếc lá chắn trên đường số 6, ngăn chặn ta tiến sâu vào Tây Bắc từ hướng đông nam. Đêm 19 rạng ngày 20-11, Trung đoàn 174 đã tiêu diệt cụm cứ điểm quan trọng này, diệt và bắt sống trên 350 tên địch (có tên Tiểu đoàn trưởng Vanhxăng), thu 1 pháo 94 mm và trên 500 súng các loại. Tất cả các vị trí của địch còn lại trên đường số 41 từ Mộc Châu lên Sơn La (với tổng số binh lực trên dưới 4 tiểu đoàn) được lệnh rút về co cụm ở Nà Sản.

Trong thư khen đơn vị chiến thắng Mộc Châu, Chỉ huy trưởng nêu rõ: "Chiến thắng này chứng tỏ các đồng chí đã tiến bộ nhiều sau thời kỳ chỉnh huấn và sau đợt 1, đã tích cực khắc phục khó khăn, quyết tâm thi hành mệnh lệnh để hoàn thành nhiệm vụ".

Lúc này, cánh quân vu hồi đã hình thành hai mũi: một mũi tiến công Tuần Giáo, Luân Châu rồi tiến sâu vào diệt gọn Tiểu đoàn 58 ngụy cùng viên Tiểu đoàn trưởng Xica, giải phóng Điện Biên Phủ; một mũi tiến công Thuận Châu và truy kích địch về tận Sơn La. Ngày 18-11, quân địch ở Sơn La cũng vội rút chạy về Nà Sản. Quân ta vừa truy kích địch vừa lùng bắt bọn tề ngụy trong thị xã Sơn La, bắt gần 500 tàn binh và trên 100 nhân viên ngụy quyền. Cánh vu hồi đã hoàn thành nhiệm vụ tiến công tiêu diệt và bắt sống trên 1.400 tên địch, giải phóng một vùng rộng lớn gồm 6 huyện, một thị xã[55] với 3.000 km^2 và 10 vạn dân, phá vỡ phòng tuyến nam Lai Châu của địch. Ngày 23-11, đợt 2 chiến dịch kết thúc. Trong đợt này, quân ta đã tiêu diệt thêm khoảng 3.000 tên địch, trong đó có các tiểu đoàn lê dương 3/1 RTM, tiểu đoàn ngụy 3è BAT, phần lớn các tiểu đoàn 55, 56 và 58 ngụy, một bộ phận các tiểu đoàn dù 2 và 6è BPC, giải phóng hoàn toàn tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản), một phần đất đai quan trọng của tỉnh Lai Châu. Một số vị trí địch

còn lại ven sông Mã đang bị uy hiếp mạnh buộc phải tiếp tục rút chạy, nhiều tàn binh địa phương lẩn trốn trong rừng tiếp tục bị truy quét.

Khi ta kết thúc đợt 2 thì hầu như toàn bộ quân địch còn lại ở Tây Bắc đã dồn về Lai Châu và Nà Sản, hai cụm cứ điểm lớn còn lại trên cả vùng Tây Bắc bao la. Binh lực chúng còn đông (khoảng 36 - 38 đại đội), trong đó có những đơn vị lê dương và Bắc Phi tương đối nguyên vẹn mới được đưa từ đồng bằng lên. Bộ Chỉ huy Pháp quyết dồn lực lượng lên Nà Sản, gấp rút xây dựng thành một tập đoàn cứ điểm mạnh hòng chặn đường của quân ta tiến sâu vào hướng tây. Chúng khẩn trương xây dựng một loạt gần 30 cứ điểm (hầu hết là cỡ đại đội), công sự dã chiến bao quanh sân bay, Sở Chỉ huy và trận địa hỏa lực. Đường hàng không nối liền Nà Sản với miền xuôi suốt ngày dồn dập chuyển nguyên vật liệu lên cho tập đoàn cứ điểm.

Với tinh thần hết sức khẩn trương tranh thủ triển khai chuẩn bị đợt tác chiến mới, không cho địch kịp củng cố thế phòng ngự của tập đoàn cứ điểm Nà Sản, ngày 30-11, Tổng Quân ủy triệu tập hội nghị cán bộ chiến dịch. Đọc báo cáo tại hội nghị, sau khi phân tích thắng lợi của đợt 2 trên cả chiến trường chính và các chiến trường phối hợp, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: "Từ sau đợt 1 đến nay, nhiều lúc có những khó khăn tưởng không thể nào khắc phục được, song nhờ giữ vững quyết tâm nên chúng ta đã vượt qua. Vì vậy, bài học lớn nhất của đợt 2 là bài học giữ vững quyết tâm, thắng lợi của đợt 2 là thắng lợi của việc giữ vững quyết tâm".

Phân tích tình hình địch trong tập đoàn cứ điểm Nà Sản, Tổng Quân uỷ nhận thấy chỗ mạnh của địch là quân đông, bố trí thành nhiều cụm cứ điểm có thể yểm hộ lẫn nhau, dựa vào hỏa lực yểm trợ của pháo binh và nhất là không quân. Chỗ yếu của địch là công sự căn bản còn là dã chiến, vị trí bị cô lập trơ trọi, tiếp tế hoàn toàn dựa vào đường không, tinh thần binh lính là tinh thần của bại binh từ các nơi chạy đến. Tổng Quân ủy chủ trương tập trung lực lượng mở đợt tiến công thứ 3, quyết tâm tiêu diệt địch ở Nà Sản, giành toàn thắng cho chiến dịch. Giải thích chủ trương tác chiến đợt 3, Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp nói: "Tổng Quân ủy quyết tâm tiêu diệt địch ở Nà Sản không phải vì lý do miễn cưỡng, bị động nào hết cả[56]. Quyết tâm tiêu diệt địch ở Nà Sản là hoàn toàn chủ động, vì Tổng Quân ủy đã phân tích tình hình địch, ta và nhận thấy chúng ta có điều kiện tiêu diệt địch, có điều kiện chiến thắng địch ở Nà Sản".

Ông Giáp nhấn mạnh: để thực hiện được phương châm "đánh chắc tiến chắc" của Trung ương, cần phải:

a- Đánh chỗ yếu trước, đánh chỗ mạnh sau; bao vây toàn diện, công kích có trọng điểm, đánh ngoại vi trước, tranh thủ mở cửa rồi đánh vào tung thâm;

b- Chuẩn bị hết sức đầy đủ về địch tình và địa hình, về tư tưởng và tổ chức;

c- Liên tục chiến đấu.

Để thực hiện phương châm trên, mở đầu đợt 3, Bộ Chỉ huy chủ trương tập trung lực lượng (gồm những đơn vị đã có kinh nghiệm đánh công sự vững chắc) đột phá các cứ điểm ở vòng ngoài, tạo thế tiếp cận và khống chế trận địa pháo binh và sân bay địch, chuẩn bị điều kiện phát triển vào tung thâm tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm. Ta đánh giá các cứ điểm này, cả về binh lực, công sự cũng như địa hình, không mạnh hơn so với Nghĩa Lộ, Mộc Châu, Pú Chạng

Đêm 30-11, quân ta mở đầu đợt 3 bằng hai trận tiến công địch ở điểm cao 173 (vị trí Pú Hồng) và Bản Hời. Sau gần hai giờ chiến đấu, hai tiểu đoàn của 308 tiêu diệt một đại đội tăng cường của GM1 ở Pú Hồng và bắt sống viên đại úy chỉ huy cứ điểm, trong khi đó một tiểu đoàn của

312 diệt đại đội địch ở cứ điểm Bản Hời. Hôm sau, bằng nhiều đợt xung phong có máy bay và pháo binh yểm trợ, địch mở nhiều đợt xung phong lên điểm cao 173, đánh bật quân ta ra khỏi Pú Hồng và làm chủ vị trí.

Đêm 1-12, Trung đoàn 209 tiến công vị trí Bản Vây do 2 đại đội lê dương chiếm giữ. Đây là cứ điểm chính trong cụm cứ điểm phía nam Nà Sản, trong khi Trung đoàn 174 (được tăng cường 1 tiểu đoàn của 308) tiến công vị trí Nà Xi. Cả hai trận đánh đều không thành công. Mờ sáng, địch dùng máy bay và pháo binh oanh kích mạnh vào đội hình quân ta, giải vây cho các cứ điểm. Hôm sau, chúng ném xuống 2 tiểu đoàn tăng cường cho Nà Sản.

Nguyên nhân không thành công trong mấy trận đánh không chỉ vì bộ đội đã mệt mỏi sau nhiều ngày chiến đấu (nhất là truy kích) trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, cung cấp gặp khó khăn. Thực tế cho thấy quyết tâm chiến đấu tiêu diệt địch của cán bộ và chiến sĩ rất cao. Nhưng quân ta chưa giành được thắng lợi chủ yếu là vì chưa có kinh nghiệm đối mặt với cách bố trí phòng ngự mới của địch. Trên từng chặng đường trưởng thành và chiến thắng của mình, đây là lần đầu tiên quân ta tiến công vào hệ thống cấu trúc liên hoàn hỗ trợ lẫn nhau chặt chẽ giữa các cứ điểm trong một tập đoàn cứ điểm như Nà Sản. Rõ ràng là để tiêu diệt một tập đoàn cứ điểm như Nà Sản, bộ đội chủ lực của ta còn phải trải qua một chặng đường rèn luyện, thử thách.

Chiến dịch Tây Bắc giành thắng lợi rất to lớn nhưng lại kết thúc sau mấy trận đánh cuối cùng không thành công. Để kịp thời ổn định tư tưởng cho bộ đội trước khi chuyển sang nhiệm vụ mới, ngày 10-12, Bộ Chỉ huy triệu tập hội nghị cán bộ ở ngay Sở Chỉ huy chiến dịch đặt ở Tạ Khoa. Trong báo cáo trước hội nghị, Chỉ huy trưởng nói rõ đây chưa phải là hội nghị sơ kết, càng chưa phải là hội nghị tổng kết. Cuộc họp nhằm khẳng định ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của chiến dịch và thống nhất nhận định về chủ trương đánh hay không đánh Nà Sản.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định thắng lợi to lớn của quân và dân cả nước trong hai tháng chiến đấu vừa qua, trước hết là kết quả tiêu diệt hơn 6.000 tên địch, bắt sống trên 7.000 tên[57]. Riêng trên chiến trường chính, đó còn là thắng lợi của việc giải phóng 25 vạn đồng bào các dân tộc Tây Bắc. Thắng lợi đó có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc đoàn kết các dân tộc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, làm cơ sở vững chắc cho cuộc kháng chiến lâu dài. Đó còn là kết quả mở rộng vùng giải phóng Tây Bắc 28.500 km^2, từ hữu ngạn sông Thao, qua sông Đà, qua đường số 41 (có nơi ra sát sông Mã), dài 270 km từ Mộc Châu lên Pa Ham (trừ Nà Sản và một số vị trí ven sông Mã). Thắng lợi đó đặt nền tảng cho một căn cứ địa mới: căn cứ địa Tây Bắc. Rồi đây, dù tình thế trở nên khó khăn hay thuận lợi, căn cứ địa Việt Bắc và căn cứ địa Tây Bắc sẽ là một bảo đảm cho cuộc kháng chiến lâu dài của chúng ta và sẽ có ảnh hưởng đối với cách mạng Lào. Trong vùng sau lưng địch, đó là thắng lợi của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở đồng bằng. Suốt năm nay, cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch rất gay go ác liệt. Trải qua mấy tháng vừa qua, có thể nói chúng ta vẫn giữ được một phần quan trọng những thắng lợi giành được trong vùng sau lưng địch trong Chiến dịch Hoà Bình.

Nói về năm nguyên nhân thắng lợi[58], Đại tướng đi sâu phân tích sự tiến bộ của bộ đội về kỹ thuật, chiến thuật, như hành quân, vượt sông, đánh địch trên cao điểm, truy kích; những tiến bộ về tư tưởng và tác phong đã giúp cho bộ đội giữ vững quyết tâm từ đầu đến cuối, đã góp phần rèn luyện tinh thần tích cực diệt địch, anh dũng chiến đấu, chịu đựng gian khổ.

Về cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm Nà Sản, báo cáo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề cập ba vấn đề: Vì sao chủ trương tiến công Nà Sản? Vì sao đình chỉ cuộc tiến công? Không đánh Nà sản, rồi đây tình thế sẽ thế nào?

Chủ trương tiến công Nà Sản là dựa trên cơ sở nhận định chỗ mạnh của địch là quân đông, bố trí thành tập đoàn cứ điểm, có sự yểm trợ của pháo binh, nhất là không quân; chỗ yếu của chúng là công sự còn kém, vị trí bị cô lập, tiếp tế khó khăn, tinh thần bạc nhược. Về phía ta, do cố gắng nên đã khắc phục được khó khăn về quân số và cung cấp. Binh lực của ta vẫn ưu thế hơn địch và vẫn tập trung, tinh thần bộ đội phấn khởi. Với phương châm chuẩn bị hết sức đầy đủ, đánh thật chắc thắng, Tổng Quân ủy coi trận Nà Sản không phải là một trận chiến đấu giản đơn, đánh cho xong để kết thúc đợt 2. Nó là cả một đợt tác chiến của chiến dịch, quan trọng không kém những đợt trước, thậm chí quan trọng hơn những đợt trước. Do đó yêu cầu cán bộ phải có nhận thức về địch và ta, phải có chuẩn bị mới về tư tưởng và tổ chức, lại phải hiểu cách đánh mới, không giống như hai đợt trước.

Chủ trương đình chỉ cuộc tiến công Nà Sản vì sau hai trận đánh ta thấy về căn bản chỗ yếu của địch vẫn như cũ, nhưng binh lực, hỏa lực mới được bổ sung thêm, bố phòng đã được tăng cường, tinh thần binh sĩ đã được củng cố một phần. Về phần ta, sau mấy trận chiến đấu ở ngoại vi Nà Sản, sức khỏe bộ đội kém sút lại thêm những thương vong mới, việc bổ sung kịp thời để đánh luôn một loạt trận công kiên nữa sẽ gặp khó khăn. Do đó, mặc dù anh em vẫn ham muốn chiến đấu nhưng một vài bộ phận đã chớm nở tư tưởng ngại địch. Tổng Quân ủy nhận thấy: đánh thì không chắc thắng, trong khi đó thì vùng mới giải phóng của ta rất rộng mà chưa được củng cố, cho nên chủ trương đình chỉ cuộc tiến công Nà Sản và chuyển sang nhiệm vụ củng cố căn cứ địa Tây Bắc để giữ vững những thắng lợi vừa qua.

Âm mưu của địch có thể là củng cố Nà Sản để rồi đánh lan ra một vài nơi trong vùng mới giải phóng của ta. Song tình thế ngày nay đã khác trước. Nếu quân địch trở lại một vài nơi trong vùng mới giải phóng, chúng sẽ gặp nhiều khó khăn. Để đối phó với âm mưu của địch, để củng cố và phát triển những thắng lợi trong thu - đông năm 1952, nhiệm vụ trước mắt của chúng ta là phải tích cực tranh thủ nhân dân, củng cố căn cứ địa Tây Bắc, nhất là các vùng mới giải phóng.

Đại tướng nhấn mạnh yêu cầu nhận rõ ý nghĩa của nhiệm vụ củng cố căn cứ địa, trên cơ sở đó triển khai bốn việc chính là: tuyên truyền giáo dục để xây dựng cơ sở nhân dân; vận động và tổ chức nhân dân tăng gia sản xuất; tổ chức chính quyền nhân dân và xây dựng trật tự cách mạng; xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang địa phương; giáo dục nhân dân chuẩn bị chiến đấu đề phòng địch quay trở lại.

Hôm sau, 12-12, Tổng Tư lệnh ra lệnh cho một số đơn vị[59] ở lại và tiến sâu hơn nữa về phía tây với nhiệm vụ phát triển hoạt động quân sự trên hướng sông Mã, góp phần củng cố vùng mới giải phóng. Nhiệm vụ cụ thể là: Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, tranh thủ nhân dân, nếu có điều kiện thì giải phóng một bộ phận đất đai vùng sông Mã.

Phát biểu ý kiến tại Hội nghị cán bộ Khu Tây Bắc thảo luận chương trình củng cố vùng mới giải phóng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhấn mạnh yêu cầu nắm vững chính sách của Trung ương, đi sát dân, đào tạo cán bộ địa phương, tích cực củng cố căn cứ địa Tây Bắc. Ông phân tích đây là "một nhiệm vụ quan trọng và nặng nề", yêu cầu cán bộ các cấp phải nhận rõ những điều kiện thuận lợi và khó khăn, phải nhận thức đầy đủ đối với những công tác chính và nắm vững công tác trung tâm. Ông đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu nắm vững phương châm của Trung ương trong chính sách vận động nhân dân các dân tộc thiểu số. Phương châm đó là kiên nhẫn, thận trọng, vững chắc, đồng thời phải luôn luôn nâng cao trình độ giác ngộ của quần chúng cơ bản và lãnh đạo họ đấu tranh cho đúng mức, không tả, không hữu.Về yêu cầu tích cực bồi dưỡng và đào tạo cán bộ địa phương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: Trung ương chỉ thị cho chúng ta phải chú

trọng bồi dưỡng và đào tạo cán bộ địa phương trong việc vận động đồng bào thiểu số. Tôi đặc biệt nhấn mạnh vấn đề này, vì đó là một vấn đề mấu chốt mà đó cũng là một nhược điểm và khuyết điểm nghiêm trọng của ta.

Về cải tiến tác phong làm việc, đi sát dân, chống lối quan liêu mệnh lệnh, sau khi đã dẫn ra những mẩu chuyện sinh động nói lên những bài học kinh nghiệm thực tế trong công tác vận động quần chúng, như của Sơn Hà (Quảng Ngãi) năm trước, của Lào Cai mới đây và kinh nghiệm sốt dẻo ngay trong chiến dịch này, ông Giáp nói: Chúng ta phải đi sát dân, lắng nghe ý kiến của dân, "làm cho dân tin, dân phục, dân yêu" như lời Bác dặn, phải tôn trọng cán bộ địa phương, kiên nhẫn giáo dục và thuyết phục, phải luôn nắm vững tình hình trong địa phương, có như vậy mới có thể đặt kế hoạch công tác thiết thực được.

Bằng những lời tâm huyết, bằng kinh nghiệm bản thân trong những năm vận động cách mạng trên chiến khu Cao - Bắc - Lạng thời kỳ chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, ông Giáp đã chỉ ra cho cán bộ địa phương cũng như nhiều cán bộ dân tộc Kinh mới được Trung ương điều lên tham gia củng cố căn cứ địa Tây Bắc về phương hướng hoạt động, đồng thời ông cũng đem lại cho anh chị em một niềm tin vào thắng lợi của nhiệm vụ khó khăn sắp tới.

Ngày 16-12-1952, Tổng Tư lệnh rời chiến trường Tây Bắc trở về Tổng hành dinh.

32- Trên chiến trường nước bạn

Một điểm giống nhau giữa Đờlát với Xalăng là ở chỗ làm sao cho thiên hạ càng nhiều người biết đến chiến công của mình càng tốt. Đờlát đã làm như vậy sau "chiến tích đường số 18", Xalăng cũng làm như vậy sau khi dựng xong "con đê ngăn sóng" Nà Sản. Nếu có khác nhau thì đó chỉ là về phương pháp. Đờlát cần đến đội ngũ phóng viên, còn Xalăng thì mời khách đến tham quan tại chỗ. Chỉ tuần cuối tháng 12-1952, tướng Xalăng đã mời được khoảng một chục vị khách đến thăm. Khách cũng đủ loại[60] và hầu như vị nào cũng được mời lên thăm Nà Sản.

Mời mỗi vị khách đều có dụng ý. Bộ Không quân đã từng phê phán Xalăng rằng "muốn tiến công một bụi rậm cũng cần đến một phi đội máy bay ném bom". Mời Bộ trưởng Môngten đến để cho thấy không có không quân thì không có Nà Sản, nhờ đó mới nhận được những lời hứa hẹn giúp đỡ về không quân. Quốc hội đang gây khó khăn khi thông qua ngân sách quốc phòng. Mời Phôca đến để cho vị cố vấn thấy không tăng ngân sách, "các quốc gia liên kết không thể thắng trong cuộc chiến này". Nhưng cũng có vị khách "phản tác dụng", ví dụ như trường hợp Giăng Lacutuya. Chàng phóng viên nổi tiếng này của tờ *Thế giới* đã nói những suy nghĩ của mình về nguồn sức mạnh của Việt Minh, về yếu tố tất thắng của quân đội Cụ Hồ. Tướng Xalăng không hài lòng với những vị khách loại này, điều đó cũng dễ hiểu.

Cũng có những vị khách thân tình (như trường hợp Cố vấn Phôca hay Bộ trưởng Lơse) đã khiến cho Tướng Xalăng nói lên nỗi lo lắng của Bộ Chỉ huy Pháp khi năm 1952 kết thúc, một năm mới của cuộc chiến tranh bắt đầu. Viên Tổng Chỉ huy Pháp đã không giấu giếm mà thổ lộ với người đại diện của Khối Liên hiệp Pháp rằng năm 1952 là "một năm dài dằng dặc mà chúng tôi phải chịu đựng nặng nề vì bị đánh liên tiếp... Năm 1953 bắt đầu với những điềm báo trước rằng quân Pháp sẽ phải đối mặt với những khó khăn mới". Theo số liệu của Tướng Xalăng thì chỉ trong hai tháng rưỡi cuối năm 1952, chừng 4.000 binh lính và sĩ quan bị chết, bị thương và bị mất tích[61], mà lực lượng Âu - Phi mất đi chỉ được bù bằng những đợt tăng viện cầm chừng của Pari. Được khách hỏi về binh lực của Pháp vào thời điểm cuối năm 1952 và dự trù ngân sách năm tới, Xalăng cho biết trong tổng số 401.000 quân, lính các quốc gia liên kết đã chiếm tới 58%. Viện

trợ Mỹ năm 1952 là 110 tỷ phrăng tiền mặt và 90 tỷ trang bị quân sự, còn về phần Pháp, dự kiến chiến phí năm 1953 là 370 tỷ phrăng - tức mỗi ngày hơn một tỷ phrăng, chủ yếu dùng cho quân viễn chinh vì quân các quốc gia liên kết hầu như được Mỹ đài thọ hoàn toàn. Với tình thân "người nhà", Tổng Chỉ huy Xalăng nói thật với Phôca và Lơse - hai vị khách Pari rằng:

- Việt Minh đúng là một đối thủ "dai như da". Họ vừa dồn quân Pháp vào tình thế khốn đốn ở Tây Bắc, nay lại đến lượt cao nguyên. Nếu "hồi Nà Sản", ông Giáp đánh đồng thời Tây Bắc với cao nguyên hay hướng Lào thì tôi bị khốn đốn to vì không còn lực lượng cơ động để ứng cứu.

Một vị khách mà Tổng Chỉ huy Xalăng chờ đợi là Thống chế Gioăng, một người mà tiếng nói có trọng lượng sẽ khiến cho Pari quan tâm hơn đến Đông Dương. Nhưng rồi Xalăng thất vọng, vì nếu Ngài Thống chế là người có chiến công vang dội trong Thế chiến 2 trên đất Italia thì lại là người quá xa lạ đối với chiến trường nhiệt đới "khó hiểu" này. Sau này Xalăng viết trong hồi ký: Ông là một nhà chiến lược lớn, quen chỉ huy đại binh đoàn, với những hậu phương mà các trục đường giao thông luôn tồn tại, nơi mà người ta không lo sợ những trận phục kích dữ tợn, nơi có thể phải đụng đầu với sức mạnh không quân mãnh liệt nhưng không bao giờ có những tai họa cứ như từ trên trời rơi xuống. Cuộc chiến tranh ở Đông Dương là một cuộc chiến tranh hoàn toàn khác hẳn. Địa hình thật là kỳ cục với những rừng cây rậm rạp ở đồng bằng, với bùn lầy, nước muối, nhưng còn đỡ cực nhọc hơn, nhất là tránh được biết bao trận phục kích tưởng như không bao giờ dứt. Đường giao thông thì nếu không bị phá hoại hoàn toàn cũng bị phá hoại một phần, để lại những đường mòn thật khó đi. Tôi định lý giải với ông rằng tất cả những thực tế đó đã trở nên quá sức chịu đựng của người phương Tây, nhưng tôi thấy Thống chế chỉ lo rằng cuộc chiến tranh Đông Dương ngày càng làm cho vị thế của nước Pháp ở châu Âu bị thấp kém, còn riêng ông ta thì quá xa lạ với những lo toan của chúng tôi.

Tổng Chỉ huy Xalăng cho biết rằng ông ta cũng muốn mời Thống chế Gioăng đi Nà Sản để giới thiệu về vai trò của "con đê ngăn sóng", đồng thời báo cho Gioăng biết một số cụm cứ điểm tương tự cũng đang được xây dựng trên đất Thượng Lào. Nhưng Gioăng không mặn mà, nói chặn ngay: Hãy coi chừng "chiến lược những con nhím". Chúng ta hãy nhớ Xtalingrát. Nà Sản "được giá" vì sai lầm của quân Việt và họ đã kịp thời nhận ra và dừng lại rồi lui quân.

Có một vị khách không làm Xalăng thất vọng, đó là tướng Mỹ Clắc. Ông ta đến nhân dịp cập bến của chuyến tàu viện trợ thứ 300 và cùng với sự chấp thuận sẽ cho 6 máy bay vận tải cỡ lớn *Packett C119,* rất cần để chuyên chở phương tiện cho hàng loạt căn cứ đang hình thành ở Thượng Lào. Chia tay, viên tướng Mỹ hứa hẹn: Căn cứ Mỹ ở Tôkyô rất gần Hà Nội và Sài Gòn, đủ sức thỏa mãn những gì mà người Pháp cần cho Đông Dương vì đây là cuộc chiến đấu chung của chúng ta. Khác với Thống chế Gioăng, Tướng Clắc khuyến khích Xalăng tăng cường phòng thủ Thượng Lào theo yêu cầu của nhà vua. Được lời như cởi tấm lòng, Bộ Chỉ huy Pháp đẩy nhanh việc xây dựng các công trình phòng thủ không chỉ Luông Phabang, Viên Chăn mà cả Xiêng Khoảng, Cánh Đồng Chum.

Trong lúc Xalăng thực sự lo lắng cho Thượng Lào thì cơ quan tham mưu Tổng hành dinh của ta đã được Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chỉ thị nghiên cứu chuẩn bị tranh thủ mở một chiến dịch trước mùa mưa, mục tiêu tiến công là Sầm Nưa.

Chỉ thị đó của Đại tướng bắt nguồn không chỉ từ quan điểm cơ bản Đông Dương là một chiến trường hay từ những nỗ lực hiện nay của quân Pháp củng cố Thượng Lào. Quan hệ liên minh chiến đấu giữa hai nước Lào - Việt đang có những bước phát triển mới, trong những điều kiện mới, nhất là từ cuối năm 1950.

Tháng 8-1950, Đại hội đại biểu Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn nước Lào (còn gọi là Đại hội đại biểu Neo Lào Itsala) gồm hơn 100 đại biểuhọp[62], ra Cương lĩnh 12 điều, thống nhất lực lượng kháng chiến toàn nước Lào, tăng cường đoàn kết chiến đấu với các nước Việt Nam và Campuchia. Hoàng thân Xuphanuvông được bầu làm Chủ tịch Mặt trận, Chủ tịch kiêm Thủ tướng Chính phủ kháng chiến Lào. Từ đó, quan hệ liên minh chiến đấu giữa hai dân tộc Lào - Việt có thêm điều kiện phát triển. Ngay sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng ta, Liên minh ba nước Việt - Lào - Campuchia thành lập, mối quan hệ giữa các nước Đông Dương có bước phát triển mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ đặc biệt quan tâm lãnh đạo tư tưởng cán bộ Việt Nam có quan hệ với bạn. Tại Hội nghị ủy ban liên lạc Việt - Lào - Campuchia tháng 9-1952 họp thảo luận vấn đề phối hợp hành động trong giai đoạn mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với cán bộ ba nước. Đại ý Cụ nói: Việt - Miên - Lào là anh em ruột thịt một nhà. Chính phủ và nhân dân Việt Nam ra sức hết lòng giúp đỡ Mặt trận, Chính phủ và nhân dân Lào - Miên một cách không có điều kiện. Sự thật là chưa tìm ra chữ gì thay chữ giúp, cho nên dùng chữ giúp, chứ thực ra không phải là giúp mà là làm một nhiệm vụ quốc tế.

Một trong những vấn đề mà hai bên lãnh đạo Việt - Lào quan tâm trong giai đoạn này là quân đội Việt Nam tạo điều kiện cho cách mạng Lào có một căn cứ địa trên đất Thượng Lào. Sầm Nưa - tỉnh tiếp giáp hai tỉnh Sơn La của Tây Bắc và Thanh Hoá, một tỉnh trong vùng tự do Liên khu 4 - đã từng được lãnh đạo hai nước bàn bạc và thống nhất chọn làm mục tiêu giải phóng khi thời cơ đến. Thời cơ đó chính là sau chiến thắng của ta giải phóng 8/10 đất đai Tây Bắc, trong đó có tỉnh Sơn La. Do Chiến dịch Tây Bắc kết thúc sớm hơn dự kiến, trước cục diện chiến trường thuận lợi do kết quả Chiến dịch Tây Bắc đem lại, con đường tiến sang hướng tây đã rộng mở. Trung tuần tháng 12 trên đường từ Tây Bắc trở về căn cứ, Tổng Tư lệnh đã nghĩ đến việc tranh thủ trước mùa mưa, đưa chủ lực sang giúp bạn giải phóng một phần đất đai ở Thượng Lào, mở rộng chỗ đứng chân cho Chính phủ kháng chiến Lào trên một địa bàn tiếp giáp với vùng Tây Bắc mới giải phóng của ta, theo tinh thần đã nhiều lần trao đổi với lãnh đạo nước bạn. Vấn đề tiến quân sang Sầm Nưa được ông Giáp bàn trước với ông Nguyễn Chí Thanh và đã trải qua vài lần trao đổi ý kiến bước đầu trong Quân ủy. Cơ quan tham mưu được lệnh chính thức nghiên cứu tình hình địch ở Thượng Lào để trình Quân ủy.

Điều đáng quan tâm là lúc này, tại Sầm Nưa mới hình thành một tập đoàn cứ điểm gồm 11 cứ điểm, với binh lực 3 tiểu đoàn địch.

Nhìn lại quá trình đánh lớn của bộ đội chủ lực từ mùa khô năm 1950 cho thấy: Chiến trường rừng núi là nơi bộ đội ta có điều kiện thuận lợi giành thắng lợi hơn so với đồng bằng. Nhưng từ mùa khô năm 1951, sự xuất hiện của tập đoàn cứ điểm ở Hoà Bình rồi Nà Sản là một thách thức mới trên con đường tiến lên của bộ đội. Nếu Xalăng coi tập đoàn cứ điểm là một biện pháp phòng thủ chiến lược, một con đê ngăn sóng giúp quân viễn chinh "chặn đứng" đối phương, thì đối với cơ quan tham mưu Tổng hành dinh của ta, việc nghiên cứu để đánh bại biện pháp phòng thủ có tầm quan trọng này của địch đã trở thành một yêu cầu cấp bách, nhất là sau Chiến dịch Tây Bắc, sau Nà Sản.

Quá trình trưởng thành của bộ đội chủ lực cả về trang bị và chiến thuật, kỹ thuật, đã cho phép quân ta tiến từ chỗ tiêu diệt được các vị trí bằng gỗ đất thời kỳ đầu, tiến lên tiêu diệt những lô cốt bằng ximăng cốt thép, từ những cứ điểm riêng lẻ do một trung đội hay đại đội đóng giữ đến cụm cứ điểm nhiều đại đội như Đông Khê. Sau khi "chia tay" với mác búp đa, đến khi có pháo đi cùng hiệp đồng chiến đấu, mùa khô vừa qua, một trung đoàn chủ lực của ta đã có khả năng tiêu diệt một vị trí riêng lẻ trong công sự vững chắc của một tiểu đoàn địch trên chiến trường rừng

núi trong một trận đánh kết thúc trong một đêm. Cuộc thử sức trong đợt 3 Chiến dịch Tây Bắc cho thấy, với một tập đoàn cứ điểm có quân số đông gấp nhiều lần, bao gồm cả lực lượng cơ động ứng cứu tại chỗ bằng cơ giới, lại có sân bay, trận địa pháo và không quân phối hợp chi viện, địch có thể đương đầu với các đợt tiến công bằng binh lực và hỏa lực còn hạn chế của các trung đoàn chủ lực ngay trên địa hình rừng núi vốn được coi là thuận lợi đối với bộ đội ta.

Sau này Đại tướng viết: "Sự chênh lệch quá lớn về vũ khí trang bị đặt ta vào trường hợp một võ sĩ hạng nhẹ phải đọ sức với một võ sĩ hạng nặng, trên vũ đài chật hẹp trong một trận đánh kéo dài, mỗi hiệp là một mùa khô. Khi đối phương đã thuộc những miếng đánh của ta, mỗi lần vào trận càng khó.

Nhưng vì sao ta tiến công vào Nà Sản trong đợt 3 của Chiến dịch Tây Bắc? Nói rõ hơn những ý kiến sơ bộ nêu trong hội nghị cán bộ ở tiền tuyến trước khi trở về căn cứ, trong báo cáo kết luận Hội nghị Quân ủy ngày 6-2-1953 về chỉ đạo Chiến dịch Tây Bắc, Bí thư Quân ủy nói:"Khuyết điểm lớn hơn hết là không nắm vững tình hình địch - ta trước khi đánh Nà Sản, do đó nhận định tình hình địch - ta không đúng nên đề ra chủ trương tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Nà Sản.

Cuộc chiến đấu thất bại ở Nà Xi, Bản Vây xảy ra sau những thắng lợi lớn và liên tiếp của đợt 1 và đợt 2. Chúng ta nhận thấy trong sự chỉ đạo của Tổng Quân ủy, khuyết điểm là lúc thắng thì nắm tình hình địch - ta không vững, vì chủ quan nên thường đánh giá địch yếu, đánh giá ta mạnh hơn sự thực, do đó đã đưa đến thất bại.

Đứng về một mặt khác mà phân tích thì những cuộc chiến đấu thất bại trên xảy ra trong lúc địch tình thay đổi nhanh, lực lượng ta cũng thay đổi, trong lúc so sánh lực lượng giữa ta và địch gặp những điều kiện mới. Vì trình độ tư tưởng và trình độ chỉ huy của ta còn non cho nên gặp những lúc quyết liệt đó, cần phải nhanh chóng nhận thấy sự biến đổi mới và cân nhắc nên đánh hay không nên đánh, thì quyết định của ta không được vững chắc".

Vì sao Bộ Chỉ huy chiến dịch không nắm vững tình hình, đi đến quyết định tiến công Nà Sản? Bí thư Quân ủy nêu rõ: "Trong hội nghị kết thúc chiến dịch ở tiền tuyến (ý nói cuộc họp cán bộ ngày 10-12-1952 ở Tạ Khoa), các đại đoàn có phát biểu ý kiến cho rằng Tổng Quân ủy quyết định như vậy là đúng vì đã căn cứ vào những tình huống do cấp dưới báo cáo lên, và trách nhiệm về sai lầm là do các đại đoàn phụ trách. Đứng về các đại đoàn thì kiểm điểm như vậy là đúng và cần phải kiểm điểm theo tinh thần đó để sau này sửa chữa khuyết điểm và nhận rõ trách nhiệm khi phản ánh tình hình lên trên. Tuy nhiên đối với Trung ương, đối với toàn quân, vì đã không kiểm tra và nhận xét kỹ lưỡng báo cáo của cấp dưới, Tổng Quân ủy phải chịu trách nhiệm về những trận chiến đấu thất bại ở Nà Sản".

Các trận đánh mấy vị trí ngoại vi Nà Sản chứng tỏ quân ta chưa đủ khả năng vừa tiến công bộ binh địch vừa phải đối phó với xe tăng, pháo binh và máy bay của chúng, trong khi ta thiếu hẳn sự hỗ trợ của hỏa lực trọng pháo và cao xạ pháo nên không có khả năng hạn chế hỏa lực của bản thân tập đoàn cứ điểm để có thể kéo dài trận chiến đấu liên tục cả ban đêm và ban ngày. Rõ ràng là để tiêu diệt được một tập đoàn cứ điểm như Nà Sản, đòi hỏi phải có thời gian, bắt đầu bằng việc nghiên cứu cách phòng thủ của địch, để tìm cách đánh phù hợp với điều kiện trang bị còn hạn chế của ta. Đây không chỉ nhằm tìm ra đáp số của một vấn đề chiến thuật cụ thể mà việc nghiên cứu có tầm quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu duy trì và phát triển thế tiến công chiến lược, mở đường cho bộ đội chủ lực tiếp tục tiến lên hoàn thành nhiệm vụ.

Theo chỉ thị của Tổng Tư lệnh, từ cuối tháng 2-1952 Bộ Tổng tham mưu triệu tập một số cán bộ hai đại đoàn 308 và 312 lên để cùng nhau nghiên cứu tập đoàn cứ điểm địch. Với những hiểu biết về các tập đoàn cứ điểm của địch ở Hoà Bình, Nà Sản, trải qua gần 10 ngày nghiên cứu về tổ chức phòng thủ mới của địch, cơ quan tham mưu đã rút ra được những kết luận bước đầu về chỗ mạnh chỗ yếu của tập đoàn cứ điểm. Những kết luận bước đầu đó được một nhóm cán bộ tham mưu đem đi Sầm Nưa, dựa vào kết quả trinh sát cấu trúc của tập đoàn cứ điểm của địch ở đây để bổ sung hoàn chỉnh. Cũng trong tháng 2-1953, Tổng Tư lệnh đã dự kiến và đề đạt với Trung ương về hướng tiến công sắp tới là Thượng Lào.

Trong thư đề ngày 3-2-1953 gửi Cụ Hồ, Tổng Bí thư Trường Chinh và Bộ Chính trị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp báo cáo về cuộc họp mở rộng vừa qua của Quân ủy. Hội nghị đã bàn:

1- Từ nay đến trước mùa khô có nên tổ chức thêm một chiến dịch hay tập trung chuẩn bị cho thu - đông?

2- Nếu mở chiến dịch trên hướng Thượng Lào thì gặp khó khăn gì và có thể khắc phục được không?

Quân ủy nhận thấy: Nếu mở chiến dịch thì có mấy điều lợi:

a- Tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch (dự kiến 2.000 - 3.000);

b- Giúp mở một căn cứ nhỏ cho kháng chiến Lào;

c- Buộc địch phải phân tán thêm lực lượng giữa đồng bằng, Nà Sản, Lai Châu, Luông Phabang và Viên Chăn, địch không có điều kiện tăng cường binh lực lên Tây Bắc (tạo thêm điều kiện thuận lợi cho ta mở chiến dịch thu - đông sắp tới) đồng thời chúng cũng không tập trung được lực lượng cơ động ở đồng bằng (tạo thêm điều kiện cho chiến tranh du kích đồng bằng sông Hồng phát triển);

d- Rèn luyện bộ đội đánh một tập đoàn cứ điểm cỡ nhỏ - như Sầm Nưa - trước khi tiến lên đánh một tập đoàn cứ điểm lớn hơn, như Nà Sản.

Nếu không mở chiến dịch thì có thể tập trung chuẩn bị cho thu - đông, nhưng có những điều bất lợi là địch có thể củng cố và mở rộng phạm vi chiếm đóng ở Tây Bắc, sau đó rút bớt lực lượng cơ động về xuôi gây khó khăn cho chiến tranh du kích ở đồng bằng, đồng thời yên ổn chuẩn bị đối phó với ta trong thu - đông. Quân ủy nhận định nếu mở thêm một chiến dịch mùa hè thì công việc chuẩn bị cho thu - đông của ta sẽ bị ảnh hưởng nhưng ảnh hưởng đó cũng chỉ có hạn và có cách khắc phục.

Để mở chiến dịch ở Thượng Lào (cụ thể là Sầm Nưa) phải giải quyết một số khó khăn, mà khó khăn nhất là vấn đề vận tải tiếp tế (trên tuyến đường dài gấp đôi so với đánh Nà Sản). Nếu Bộ Chính trị có nghị quyết cho đánh thì Quân ủy sẽ đi sâu nghiên cứu khắc phục. Bức thư của Quân ủy báo cáo lên Bộ Chính trị kết thúc bằng câu sau đây: Nói tóm lại ý kiến chúng tôi là: đề nghị đánh. Đánh thì kế hoạch có khó khăn, nhưng làm được. Xin báo cáo trước để Bác và các đồng chí cân nhắc.

Sau khi bàn bạc và tranh thủ trao đổi lần cuối cùng với các đồng chí lãnh đạo Đảng bạn, Bộ Chính trị chấp thuận đề nghị của Quân ủy. Các cơ quan Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh khẩn trương lên đường chuẩn bị chiến trường. Tổng Tư lệnh hiểu tâm tư của cán bộ ngành hậu cần khi

anh em đi chiến dịch chuyến này. Đối với nhiều người, cái thường được gọi là "hận Khâu Vác" trong Chiến dịch Tây Bắc vẫn chưa nguôi[63]. Lần này, công tác vận tải tiếp tế còn khó khăn hơn nhiều trước yêu cầu huy động khoảng 3.500 tấn gạo. Chủ nhiệm Trần Đăng Ninh báo cáo trong Hội nghị Quân ủy: Để phục vụ cho bộ đội tiến công Sầm Nưa, hai Cục Quân nhu và Vận tải phải triển khai một hệ thống kho tàng bến bãi rải ra trên tuyến đường hơn 600 km (từ Lạng Sơn qua Suối Rút, Mộc Châu, Sốp Hao tới Sầm Nưa). Công binh sẽ phá thác thượng lưu sông Mã để dùng thuyền nan chở hàng về Sóp Hao xuống gần Sầm Nưa. Ngoài dân công, còn huy động xe ôtô, xe đạp và ngựa thồ. Đã thống nhất với bạn Lào vận động nhân dân huy động thêm lương thực và thực phẩm tại chỗ.

Hội nghị cán bộ chiến dịch họp đầu tháng 3 tập trung thảo luận về cách đánh tập đoàn cứ điểm. Lúc này cơ quan tham mưu đã có những kết quả nghiên cứu bước đầu về cách phòng thủ của địch ở Sầm Nưa. Địch xây dựng thành một tập đoàn cứ điểm gồm 11 vị trí ở trung tâm tỉnh lỵ Hua Phăn. Do điều kiện địa hình nên tập đoàn cứ điểm hình thành theo chiều dài, ngoại vi còn mỏng và còn nhiều sơ hở, nhất là phía nam. Khó khăn lớn nhất của địch là nguồn tiếp tế tăng viện hoàn toàn dựa vào đường hàng không, trong khi sân bay lại ở xa trung tâm căn cứ. Nếu sân bay bị khống chế thì địch đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt.

Trong báo cáo kết luận hội nghị, sau khi nói về chủ trương của Trung ương, mục đích chiến dịch, khó khăn và thuận lợi, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đi sâu phân tích chỗ mạnh chỗ yếu của tập đoàn cứ điểm, cách đánh tập đoàn cứ điểm và mấy vấn đề chiến thuật cụ thể, như khắc phục chỗ mạnh về hỏa lực của địch, cách đối phó với pháo binh, máy bay và quân địch phản kích để giữ ban ngày, vấn đề liên tục chiến đấu, vấn đề chỉ huy (nắm vững bộ đội, tổ chức trận địa hỏa lực, bảo đảm thông tin liên lạc). Về nhiệm vụ tiếp tục công tác chuẩn bị cho bộ đội, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh việc chỉ đạo hoàn thành tốt chương trình chỉnh huấn quân sự, cụ thể là diễn tập chiến thuật đánh tập đoàn cứ điểm. Công tác chính trị phải bảo đảm việc chuẩn bị tốt về chiến thuật và kỹ thuật cho bộ đội. Các cơ quan Tổng hành dinh cùng các đơn vị khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị theo hướng chiến dịch đã được xác định.

Trong báo cáo gửi Bộ Chính trị, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận định: Từ sau Chiến dịch Tây Bắc đến nay, địch tiếp tục tăng cường củng cố công sự và tăng cường binh lực lên Tây Bắc. Hiện nay, toàn Bắc Bộ có 105 tiểu đoàn (trong đó có 33 tiểu đoàn cơ động chiến lược) thì địch để ở Tây Bắc 21 tiểu đoàn (trong đó có 17 tiểu đoàn cơ động - tức quá 1/2 lực lượng cơ động toàn Bắc Bộ). Riêng tại Nà Sản, địch vừa tăng cường lên hai tiểu đoàn của GM7, nâng binh lực địch ở Nà sản lên tới 15 tiểu đoàn bộ binh và 3 tiểu đoàn pháo binh. Chúng thường cho quân tiến lên hướng Sơn La và xuống Chiềng Đông, Yên Châu, máy bay và biệt kích tăng cường hoạt động trên các trục đường Vạn Mai - Suối Rút và Chợ Bờ - Suối Rút, nhằm thăm dò và cản trở việc chuẩn bị của ta mà chúng cho rằng vẫn nhằm vào tập đoàn cứ điểm Nà Sản. Tại đồng bằng Bắc Bộ, địch tiếp tục càn quét nhằm ổn định tình hình. Đáng chú ý là cuộc càn ở nam phần Bắc Ninh, tuy ta đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn địch nhưng các tiểu đoàn địa phương của ta cũng bị tổn thất.

Trong báo cáo, ông Giáp dự kiến ở Sầm Nưa, quân ta phải chiến đấu với từ 3 đến 6 tiểu đoàn bộ binh, nên lực lượng của ta dự kiến phải tập trung từ 6 đến 7 trung đoàn. Hỏa lực pháo binh cũng phải tăng cường. Các hướng phối hợp (Xiêng Khoảng, đồng bằng) cũng sẽ cố gắng hoạt động đồng thời với Sầm Nưa để phân tán lực lượng cơ động và máy bay địch. Về tình hình chuẩn bị bộ đội, ông Giáp báo cáo rõ một nội dung quan trọng đó là tư tưởng chiến thuật. Báo cáo viết: "Trong hội nghị cán bộ ở bộ và ở đại đoàn, Tổng Quân ủy và các đại đoàn ủy đã kết hợp

lãnh đạo tư tưởng với việc giải quyết những yêu cầu cụ thể về chiến thuật, lấy việc giải quyết những yêu cầu chiến thuật để giải quyết tư tưởng. Do đó đã làm cho cán bộ nhận rõ chỗ mạnh và chỗ yếu của địch, nhận rõ cách khắc phục khó khăn và tin là có thể đánh được. Tinh thần phấn khởi của cán bộ biểu hiện rõ rệt trong việc hăng hái tham gia thảo luận, tích cực chuẩn bị diễn tập và chuẩn bị bộ đội. Nhưng đi sâu vào tư tưởng thì anh em còn lo ngại (lo cung cấp không bảo đảm, lo bộ đội không đủ sức khỏe) trong đó lo ngại chính vẫn là lo ngại về máy bay và pháo binh của địch".

Về tình hình chuẩn bị chiến trường, báo cáo cho biết lúc này, các phân đội trinh sát đi trước đã đến sát Sầm Nưa, đã tổ chức xong các đài quan sát. Ta đã hiểu tình hình tổ chức, tình hình lực lượng của địch chung ở Lào và riêng từng khu vực. Riêng vùng Sầm Nưa, ta đã hiểu được những nét lớn về địa hình, về tình hình lực lượng và cách bố trí các cứ điểm trong tập đoàn cứ điểm của địch. Nhưng đi sâu vào cách bố trí binh, hỏa lực của địch thì chưa rõ. Về chuẩn bị cung cấp - một trong những nội dung nổi lên trong công tác chuẩn bị chiến dịch lần này - Tổng Tư lệnh nhân xét: nhờ có kinh nghiệm Tây Bắc, nhờ sự chỉ đạo kiểm tra chặt chẽ nên tuy có khó khăn về thời gian nhưng đến nay đã thực hiện được phần lớn kế hoạch. Dự kiến từ trung tuyến đến tiền tuyến khó khăn vẫn còn, nhưng có thể khắc phục được. Thêm một điều kiện thuận lợi là trên nhiều hướng của chiến dịch, có cán bộ của Chính phủ Lào đi cùng bộ đội để hiệp đồng và giúp tổ chức huy động nhân, vật lực cho chiến dịch.

Về nhiệm vụ bảo vệ hậu phương, báo cáo nêu rõ: trên các hướng địch có thể đánh ra, từ Phú Thọ, Thanh Hoá đến Hoà Bình, đều đã có kế hoạch đề phòng.

Trong những ngày diễn tập, nếu các chiến sĩ hướng suy nghĩ về tập đoàn cứ điểm Nà Sản, đinh ninh diễn tập "để chuẩn bị rửa hận Nà Xi, Pú Hồng", thì cơ quan tham mưu lại đang nghiên cứu kế hoạch nghi binh, nhằm đánh lạc sự phán đoán của địch về hướng tiến công sắp tới của ta. Tuy nhiên cơ quan tham mưu cũng không loại trừ khả năng đến một lúc nào đó địch phát hiện tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa bị uy hiếp. Dự kiến hai tình huống sẽ xảy ra nếu hướng tiến công bị lộ: hoặc là địch tăng cường cho Xiêng Khoảng từ 1 đến 2 tiểu đoàn, cho Sầm Nưa từ 1 đến 3 tiểu đoàn, biến Sầm Nưa thành một tập đoàn cứ điểm lớn hoặc cũng có thể chúng rút quân khỏi Sầm Nưa. Cả hai tình huống đều khó khăn đối với ta. Chúng cũng có thể đánh ra Mộc Châu, Phú Thọ hay Thanh Hoá và cho biệt kích quấy rối hậu phương chiến dịch.

Ngày 22 và 23, hai đại đoàn 308 và 312 ở hướng chính xuất quân. Trước ngày bộ đội lên đường, cơ quan chính trị tổ chức học tập thư động viên của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do tính chất và đặc điểm của chiến dịch này, nên trong thư gửi chiến sĩ, Bác động viên mọi người: "Vượt mọi khó khăn, thi đua diệt địch, chiến đấu anh dũng ở bên đó cũng như ở ta;

Nêu cao tinh thần quốc tế, tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán, kính yêu nhân dân của nước bạn"[64].

Các cánh quân dần dần tiến sâu vào Tây Bắc, nhưng lúc này cán bộ, chiến sĩ đã biết mục tiêu tiến công sắp tới là trên đất bạn, không còn ai nghĩ rằng chuyến đi này nhằm vào Nà Sản như đã từng hy vọng và chờ đợi ít ngày trước đây.

Đầu tháng 4, Tổng Tư lệnh lên đường ra mặt trận. Bộ Chỉ huy chiến dịch gồm các ông Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái, Nguyễn Chí Thanh và Trần Đăng Ninh. Trong chiến dịch này, Trung ương còn cử ông Nguyễn Khang, ủy viên Trung ương Đảng đặc trách công tác về Lào, cùng đi với Bộ Chỉ huy chiến dịch. Về phía bạn, có các ông Cayxỏn Phômvihẳn, Tổng Bí thư

Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Xuphanuvông, Thủ tướng Chính phủ kháng chiến Lào, Xinhgapo, Thứ trưởng Quốc phòng, Thao Ma, Bí thư tỉnh Sầm Nưa. Các cố vấn Trung Quốc không tham gia chiến dịch này vì bộ đội ta hoạt động bên ngoài biên giới Việt Nam.

Dọc đường, tổ quân báo Sở Chỉ huy tiền phương luôn báo cáo với Chỉ huy trưởng: đài Con nhạn hôm thì tung tin Việt Minh sắp tiến công Tây Bắc và Thượng Lào, nhằm mục tiêu Xiêng Khoảng, Sầm Nưa nhưng cũng có thể là Nà Sản, hôm thì tung tin có thể Việt Minh sẽ tiến công Thượng Lào bằng hai hướng, một hướng từ Mộc Châu sang Sầm Nưa và một hướng từ Điện Biên xuống Luông Phabang. Như vậy là chúng đã đánh hơi thấy ta tiến quân sang phía tây nhưng chưa nắm được hướng chiến dịch cụ thể. Máy bay đánh mạnh các trục đường Hoà Bình - Suối Rút, đường Tạ Khoa - Quang Huy và đường số 7 Kỳ Sơn (Nghệ An) - Bản Ban - Xiêng Khoảng. Tin kỹ thuật cho biết chúng gọi số quân vừa tiến ra Yên Châu và Cò Nòi về Nà Sản, bổ sung cơ số lương thực, đạn dược cho tập đoàn cứ điểm này. Không có tin địch tăng cường binh lực cho Sầm Nưa. Quân ta bí mật vượt qua sông Mã mà địch không hay biết. Hoạt động nghi binh của ta đã phát huy tác dụng lừa địch.

Ngày 7, một cán bộ tham mưu mang báo cáo của Tổng Tư lệnh về hậu phương trước khi ông rời trung tuyến ở Mộc Châu, vượt biên giới sang đất bạn. Ông Giáp báo cáo với Cụ Hồ và Bộ Chính trị về hội nghị cán bộ hai ngày 5 và 6-4 nhằm kiểm tra công tác chuẩn bị và phổ biến kế hoạch lần cuối trước khi bộ đội xuất kích. Theo kế hoạch, quân ta sẽ tranh thủ tiêu diệt địch như hiện nay nhưng cũng sẵn sàng tiến công trường hợp chúng tăng cường binh lực cho Sầm Nưa. Trong đợt 1, cố gắng trong một đêm tiêu diệt một số điểm cao quan trọng ở ngoại vi. Đợt 2, đánh sâu vào tung thâm, tiêu diệt đồn lớn của địch trong thị xã. Sau đó tiêu diệt các vị trí còn lại, truy kích tàn binh và nếu có điều kiện thì cho một bộ phận khuếch trương thắng lợi. Trường hợp địch tăng cường thì sẽ tùy tình hình cụ thể mà quyết định.Không chắc thắng thì không đánh. Một bộ phận của 312 và 316 vừa làm nhiệm vụ nghi binh và chuẩn bị đánh địch trên đường Nà Sản - Cò Nòi, đồng thời sẵn sàng chuyển quân theo đường số 6 về đánh địch nếu chúng nhảy dù chiếm Hoà Bình. Đêm 9-4, bốn tiểu đoàn trang bị nhẹ xuất phát từ Mộc Châu, đến khu vực mục tiêu trước sáng ngày 15-4 với nhiệm vụ khống chế sân bay và cánh đồng Mường Sầm không cho địch nhảy dù, đồng thời chặn đường số 6B không cho địch rút lui về Xiêng Khoảng. Đêm 10-4, đại bộ phận còn lại sẽ lên đường. Dự kiến đêm 17 chiến dịch mở màn. Đã có kế hoạch cho các hướng (Xiêng Khoảng - 2 trung đoàn của 304, Điện Biên Phủ - Trung đoàn 148 và các chiến trường phối hợp ở Hữu Ngạn, trung du. Riêng Khu 5 nếu không trở ngại gì cũng hoạt động mạnh vào trung tuần tháng 4). Về cung cấp, số gạo từ trung tuyến (bờ sông Mã) đủ cho bộ đội chiến đấu trong 20 ngày, kể từ ngày 15-4. Từ trung tuyến lên tiền tuyến (60 km) có khó khăn nhưng khắc phục được.

Sau này qua hồi ký của Tướng Xalăng, được biết địch đang khẩn trương tăng cường binh lực và củng cố công sự hòng đối phó với ta trên chiến trường Thượng Lào, tuy chưa biết đích xác hướng tiến công cụ thể của ta. Tuần cuối tháng 3 hầu như ngày nào Tổng Chỉ huy Xalăng cũng bay đi Luông Phabang hoặc Cánh Đồng Chum, chỉ đạo tăng cường phòng thủ và củng cố hai sân bay. Sầm Nưa là một mối lo đối với Bộ Chỉ huy Pháp. Mặc dù đã nhiều ngày Tướng Đờ Linarét lên trực tiếp đôn đốc củng cố công sự của tập đoàn cứ điểm, nhưng Xalăng vẫn không yên tâm. Ngày 5-4, viên trung tá chỉ huy Sầm Nưa là Manplát (Maleplate) được triệu về Hà Nội để báo cáo tình hình và nhận chỉ thị đối phó trong trường hợp tập đoàn cứ điểm bị tiến công. Đúng một tuần sau viên trung tá báo cáo: một nguồn tin đáng tin cậy cho biết 8 tiểu đoàn Việt Minh đang tiến về hướng Sầm Nưa[65]. Từ Hà Nội, Xalăng ra lệnh rút ngay toàn bộ quân đồn trú ở Sầm Nưa

về Cánh Đồng Chum chiều ngày 12-4. Quá trình rút chạy có bọn biệt kích hỗn hợp không vận[66] hỗ trợ trong việc phát hiện đối phương, yểm trợ hỏa lực, thu dung...

Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận được tin địch rút chạy khi đơn vị đi đầu của ta gần địch nhất cũng còn cách Sầm Nưa chừng 10 km. Cùng với mệnh lệnh truy kích khẩn trương được chuyển đi ngày 13-4, Tổng Tư lệnh điện động viên bộ đội: "Địch đã bỏ Sầm Nưa chạy. Sầm Nưa đã giải phóng. Nhưng muốn giúp nước bạn củng cố căn cứ địa đó thì chúng ta phải tiêu diệt cho kỳ được sinh lực của địch. Đường rút chạy của chúng khá xa, tinh thần của chúng càng kém. Chúng ta phải khắc phục mọi khó khăn, chuyển quyết tâm diệt địch trong trận công kích tập đoàn cứ điểm thành quyết tâm diệt địch trong trận truy kích này. Đó là nhiệm vụ chính của chúng ta, chúng ta phải làm cho kỳ được, vượt lên thực nhanh, bám sát và chia cắt địch, chặn đường rút của chúng, tiêu diệt gọn chúng để thắng trong một trận vận động lớn. Lúc này chúng ta càng phải nhớ lời Bác dặn, phải có quyết tâm thật cao, thật bền, thật vững, để hoàn thành nhiệm vụ".

Từ đó, liên tiếp những bức điện từ Sở Chỉ huy chiến dịch phát xuống các trung đoàn và đại đoàn đôn đốc các đơn vị truy kích tiêu diệt địch, trước hết là các tiểu đoàn nhẹ đi trước. Bắt đầu bằng hai bức điện ngày 13-4, báo tin địch đã rút khỏi Sầm Nưa đêm 12-4, phán đoán ngày 13 đến Mường Hàm, ngày 14 đến Mường Peun, một bộ phận có thể đi Mường Hiểm:

- Lệnh cho Hùng Sinh và Trung đoàn 102 lập tức xuất phát truy kích ngày đêm cho kịp quân địch. Đại đội nào tổ chức xong thì đi trước, gặp địch thì tiêu diệt... Không đi đường cũ mà đi từ Khang Khọ ra đường cái ở Nà Thông đi qua Sầm Nưa tiến về hướng Bản Ban - Xiêng Khoảng.

- Lệnh cho Vũ Yên (đồng điện 308) lập tức xuất phát theo đường cái đi qua Sầm Nưa tiến về hướng Mường Hàm - Mường Peun - Bản Ban - Xiêng Khoảng. Đại đội nào tổ chức xong thì đi trước truy kích cả ngày đêm cho kịp địch và tiêu diệt chúng.

Chỉ huy trưởng nhắc các đơn vị mang theo điện đài, hai giờ báo cáo một lần. Quá trình truy kích, vừa đi vừa điều tra địch, chú ý đề phòng mìn địch rải dọc đường.

Tính ra những đơn vị đầu tiên của ta xuất phát từ Sầm Nưa khoảng 17 giờ ngày 13, chậm hơn bộ phận cuối cùng của địch chừng 8 tiếng và chậm hơn bộ phận đi đầu của địch 19 tiếng.

Ngay sau khi khẳng định tin Sầm Nưa giải phóng, Chính phủ kháng chiến Lào ra bản tuyên bố: "Việc giải phóng Sầm Nưa là một thắng lợi to lớn trong cuộc kháng chiến gian khổ của nhân dân Lào... Chúng ta không những giành được một vùng chiến lược quan trọng mà còn tiêu diệt được rất nhiều sinh lực địch. Lần đầu tiên giải phóng Sầm Nưa tạo điều kiện mở rộng căn cứ kháng chiến của nhân dân Lào".

Trong cuộc hội ý sáng ngày 14-4, Tổng Quân ủy nhận định: Rút khỏi Sầm Nưa nhưng địch cũng khó bảo toàn lực lượng, vì đường rút lui thì dài[67] và khó đi, bộ đội ta truy kích sát, quân địch thì tinh thần kém và chưa có kinh nghiệm, dễ bị tan rã và bị tiêu diệt. Địch buộc phải rút chạy khỏi một vị trí quan trọng trên phòng tuyến phía tây của chúng, làm cho tập đoàn cứ điểm Nà Sản bị cô lập hơn trước và những vị trí như Xiêng Khoảng, Luông Phabang trở nên bị trực tiếp uy hiếp hơn. Tuy quân ta chưa trực tiếp tiến công Sầm Nưa nhưng với việc rút lui của địch, chúng ta đã mở được cửa ngõ vào Thượng Lào, củng cố vùng tự do của ta ở Tây Bắc, Hoà Bình và Thanh Hoá. Chính phủ kháng chiến Lào từ chỗ mới có những căn cứ du kích nhỏ đến chỗ xây dựng được một căn cứ rộng lớn gần bằng Tây Bắc, nối liền với vùng tự do của ta, tạo thêm điều kiện thuận lợi đẩy cách mạng Lào tiến lên một bước. Nếu chúng ta tích cực truy kích địch thì sẽ đạt

được mục đích của chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch, tranh thủ nhân dân, giải phóng đất đai, giúp Chính phủ Lào xây dựng căn cứ. Ngoài ra còn có thể rèn luyện bộ đội ta và phân tán lực lượng cơ động của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến trường du kích ở đồng bằng và cho chiến dịch thu - đông. Tóm lại, tình hình đang biến hoá, ta gặp khó khăn mới trong việc thực hiện nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, nhưng địch đã bị thất bại bước đầu và đang gặp nhiều khó khăn. Nếu chúng ta tích cực truy kích thì thất bại của địch sẽ nặng hơn, thắng lợi của ta sẽ được củng cố hơn. Nhiệm vụ trung tâm lúc này là truy kích thật nhanh, thật mạnh, để tiêu diệt bọn địch ở Sầm Nưa rút lui.

Từ đêm 13-4, trên các nẻo đường Thượng Lào diễn ra cuộc chạy đua thực sự giữa một bên là đội quân đang trong khí thế chiến thắng, quyết tâm tìm địch mà diệt nhưng địa hình không thông thuộc, hỏi thăm bà con địa phương thì ngôn ngữ bất đồng, hậu cần phải chạy theo bộ đội, với một bên là những đội quân đánh thuê, tinh thần giảm sút, chạy tháo thân nhưng quen thung thổ, lại có máy báy trinh sát chỉ đường và giúp phát hiện đối phương đang bám sát trên từng trục đường. Từ đêm 13-4, đài kỹ thuật của quân báo chiến dịch phát hiện rất nhiều nguồn tin đan xen nhau trên không trung, chủ yếu bằng tiếng Pháp và tiếng Lào. Cán bộ kỹ thuật quân báo chiến dịch, có sự giúp đỡ của mấy cán bộ Lào cùng đi với Sở Chỉ huy, đã từ những âm thanh hỗn tạp đó lọc ra những điều cần nắm về tình hình địch. Từ nội dung từng âm thanh thu được, dần dần anh em phân biệt được đâu là lệnh của Hà Nội, lệnh của viên Trung tá Manplát, tiếng kêu cứu của các cánh quân bị bộ đội ta bám sát, tiếng gọi của bọn biệt kích không vận. Trong cơn hoảng loạn, chúng nói thẳng, không kịp dùng tiếng lóng hay mật mã. Tất cả được tổng hợp lại, trực ban tác chiến tác nghiệp lên bản đồ, từng giờ, từng ngày hình thành một bức tranh thu nhỏ của cuộc tháo chạy của địch đang diễn ra hết sức khẩn trương trên cả chặng đường dài hàng trăm kilômét. Mặc dù đặc điểm nổi bật của bức tranh đó là bước đi của địch rõ hơn của ta nhưng cũng đủ để Chỉ huy trưởng có cơ sở điện ra lệnh cho từng cánh quân đang ngày đêm hành quân cấp tốc đuổi địch trên từng đoạn đường rừng hiểm trở. Nhiều bức điện hướng dẫn cả việc hỏi thăm nhân dân nơi địch vừa chạy qua một ngã ba để biết chọn đường tắt đón đầu, hay hướng dẫn việc giải quyết lương thực tại chỗ và huy động ngựa của bà con địa phương để kịp đuổi địch, v.v..

Sau này qua hồi ký của Tướng Xalăng được biết: đơn vị địch đầu tiên rời khỏi Sầm Nưa đêm 12-4 nhưng cũng trong đêm đầu tiên đó, Tiểu đoàn 8 Quân đội Hoàng gia Lào (8è BIL) đào ngũ trốn gần hết vào rừng. Viên chỉ huy Sầm Nưa, Trung tá Manplát chỉ biết sau khi đơn vị cuối cùng rời khỏi Sầm Nưa 9 giờ sáng 13-4. Dưới sự đốc thúc của bọn lính Pháp đi kèm, hai tiểu đoàn ngụy Lào số 1 và số 5 cùng số còn lại của 8è BIL chạy đến Mường Hàm không gặp khó khăn gì, nhưng rồi, như Xalăng nhận xét, "Manplát đã ngu xuẩn cho quân lính ngủ lại ở Mường Hàm và tai họa bắt đầu ập đến: ngay trong trận đụng độ đầu tiên ở Mường Hàm sáng 14, quân rút chạy bị đánh tan tác". Trực thăng được phái đến truyền lệnh phải chuyển quân gấp, nhưng tình hình ngày càng trở nên rối loạn, nhất là từ ngày 16. Một số phóng viên túc trực ở Hà Nội nói rõ thêm: sáng ngày 14 vừa ra đến đường cái theo hướng Nà Noọng thì đối phương vừa ập tới. Lính ngụy Lào chạy tán loạn. Chừng 50 tên bị diệt, trong đó có Đại úy Rútxơlô Chỉ huy phó Tiểu đoàn 8. Khoảng 200 lính ngụy Lào của Tiểu đoàn 5 và 15 lính Âu -Phi bị bắt, trong đó có Đại úy Đờlagác, Tham mưu trưởng Phân khu Sầm Nưa, Đại úy ơgien, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 8 và ba sĩ quan Pháp chỉ huy đại đội. Trận đánh sáng 14-4 giữa đoạn đường Mường Hàm - Nà Noọng, với số sĩ quan Pháp chủ chốt bị giết và bị bắt, mở đầu quá trình bị xoá sổ của hai tiểu đoàn ngụy Lào còn lại rút chạy khỏi Sầm Nưa. Quá trình đó coi như kết thúc sau những trận đụng độ cuối cùng đêm 16 và ngày 17-4 trên đường Hứa Mường - Mường Láp - Tam La. Trong trận thứ hai này, 4 đại đội ngụy bị đánh tan tác, thêm 40 lính Âu - Phi bị diệt, trong đó có Đại úy Đenpho và

Thiếu tá Gorudê. Viên Trung tá Manplát và một số lính ngụy Tiểu đoàn 1 Lào đã cao chạy xa bay, khiến số quân ngụy Lào còn lại như rắn mất đầu, càng mất tinh thần khi gặp quân ta bám sát hoặc vượt lên đón đầu.

Tại Sở Chỉ huy chiến dịch của ta, trực ban tác chiến bám sát từng bước chuyển động của bộ đội trên các hướng. Trước hết là tin đêm 13, quân ta đã gặp bộ phận cuối cùng của địch, toàn bộ bộ máy chính quyền tay sai ở Sầm Nưa cùng với 40 lính ngụy Lào bị bắt ở Mường Hàm. Tiếp đến là tin trận đánh 9 giờ sáng hôm sau (14-4) của Trung đoàn 98 tiêu diệt và đánh tan hai tiểu đoàn địch ở Nà Noọng. Sau trận đánh này, trung đoàn lại cho hai đại đội tiếp tục truy kích, không đợi có lệnh mới. Một số đơn vị của các trung đoàn 151, 165 cũng chủ động đuổi địch. Tiểu đoàn 79 - Trung đoàn 102, và Đại đội 209 - Trung đoàn 88, tuy tiếp tế không kịp, số lượng ít, cũng kiên quyết truy kích địch suốt 24 km từ Hứa Mường xuống phía nam.

Nhật ký trực ban tác chiến Sở Chỉ huy ghi đều đặn lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch:

Ngày 15-4. Điện gửi đồng chí Khánh và Trung đoàn 209: "Động viên anh em lúc này gắng một bước thì tiêu diệt thêm một tên địch, không nên vì mệt mỏi thương hại bộ đội mà bỏ lỡ cơ hội".

Sáng 16-4, đài địch kêu nhiều đơn vị bị đuổi sát và bị đánh tan tác ở giữa Hứa Mường - Mường Lập - Tam La.

11 giờ 50 phút ngày 16-4. Điện gửi các đồng chí Kiên[68] *và Khánh*:

"Chúng tôi không nắm vững tình hình, các đồng chí cần vượt nhanh lên sát bộ phận Hùng Sinh, mang theo đài để đôn đốc các đơn vị, nắm tình hình và nhận thông báo, chỉ thị".

21 giờ ngày 16-4. Điện gửi các đồng chí Kiên, Khánh:

"Phải truy kích đến cùng, tiêu diệt triệt để, không để một tên chạy thoát. Kiên quyết là thắng, do dự là không chấp hành mệnh lệnh, không hoàn thành nhiệm vụ, làm triệt để nhiệm vụ truy kích, càn quét tàn binh. Cố vượt lên với bộ phận trước".

Đài địch cho thấy đụng độ trong đêm 16 và sáng 17 diễn ra liên tục ở nhiều hướng. Khắp nơi có tiếng kêu cứu. Đã vắng hẳn tiếng chỉ huy của Trung tá Manplát[69].

Ngày 17-4. Điện gửi các đồng chí Lâm, Khánh, Kiên, các bộ phận nhẹ của 209, 102:

Kế hoạch của địch là rút về Bản Ban theo đường Mường Lạp - Tam La. Quá Tam La 20 cây số đến Sóp ó thì có thể đi hai đường, một đường về thẳng Bản Ban 35 cây số, một đường về Mường Pek dài hai ngày ra đường số 7 rồi về Khang Khay. Chúng cũng có thể rẽ sang Mường Hiểm (từ Mường Lạp có đường con đi Mường Hiểm 40 cấy số), từ Tam La cũng có đường đi sang Mường Hiểm rồi từ Mường Hiểm đi về đường số 7 qua Sốp Khao, Mường Xén đến Bản Hang về Cánh Đồng Chum. Đi đường Mường Pek và đường Mường Hiểm thì tránh được bộ đội ta từ phía nam lên, nhất là Noọng Hét vừa bị tiêu diệt đêm 16-4. Các đồng chí cần hỏi cung tù binh, hỏi dân mà định hướng tiến quân. Đến Tam La, nếu không rõ hướng địch đi để truy kích thì có thể cho hai đại đội cùng một cán bộ trung đoàn mang theo đài tiến về Mường Hiểm, còn phần lớn thì cứ theo đường ngắn nhất tiến về Bản Ban, gặp bộ đội bạn[70] rồi sẽ định kế hoạch khuếch trương chiến quả. Cán bộ cần thấu triệt ý nghĩa truy kích đến cùng, tiêu diệt toàn bộ đối với thắng lợi chung và việc xây dựng bộ đội để giữ vững quyết tâm, khắc phục mọi khó khăn làm tròn nhiệm vụ. Ta mệt

nhưng địch còn nguy hơn ta, có đồng chí đói nhưng nếu đánh công kiên thì thương vong còn gấp mấy. Chúc truy kích toàn thắng.

Ngày 17-4. Điện gửi đồng chí Khánh, bộ phận nhẹ 209, 102:

"Hết sức truy kích bắt cho kỳ được tên quan năm. Bọn địch rút lui và tên quan năm Manplát hiện mất liên lạc. Ta càng phải truy kích đến cùng. Đến Tam La thì phải điều tra địch chạy đường nào rồi hãy tiến. Tàn binh lúc trở lại hãy quét. Nếu không rõ địch chạy hướng nào, tiến theo đường ngắn nhất về Bản Ban rồi tiến trở lại. Gặp bọn lên đón thì đánh. Khẩu hiệu bây giờ là tiêu diệt địch đến tên cuối cùng, bắt tên quan năm Manplát. Tôi biết bộ đội mệt nhưng địch còn mệt hơn ta, tôi gửi lời thăm anh em và chúc truy kích toàn thắng".

Ngày 17-4. Điện gửi Trung đoàn 98:

"Địch hiện còn ở Mường Hiểm. Có tin chưa đích xác trong ngày 16-4 bộ phận rút lui cùng với tên quan năm rẽ qua Mường Hiểm. Trung đoàn có nhiệm vụ cho một tiểu đoàn nhẹ cấp tốc hành quân đi trước đến quá Sa Thoue gần Mường Kout tìm đường tắt tiến sang Sốp Cốp, điều tra nếu địch rút về hướng Luông Phabang thì truy kích. Bộ phận lớn của trung đoàn thì tiến theo đường Mường Hiểm, gặp địch thì tiêu diệt rồi tiến về Sốp Cốp. Ta có điều kiện truy kích vì địch kiệt sức và mất tinh thần".

Ngày 17-4. Điện gửi Đại đoàn 304[71]:

"Ta truy kích địch, sáng 17-4 đã đến Tam La (cách Sầm Nưa 136 cây số), đã tiêu diệt phần lớn địch. Hiện đang truy kích tiếp. Địch còn lại một tiểu đoàn có tên quan năm, đã kiệt sức, đến Sốp ó (cách Tam La 20 cây số) có thể về thẳng Bản Ban (35 cây số) cũng có thể rẽ từ Sốp ó đi Mường Pek dài hai ngày đường ra đường số 7 về Khang Khay để tránh bộ đội ta. ở Bản Ban hay Khang Khay địch có thể cho một tiểu đoàn lên phía bắc để đón, số lượng và địa điểm không rõ. Lệnh của bộ là tiêu diệt bọn rút lui đến tên cuối cùng, bắt tên quan năm Manplát. Đồng chí ra nghiêm lệnh cho bộ đội cấp tốc hành quân cả ngày đêm vượt lên phía Bản Ban. Có thể cho một đại đội đi trước, cố cho kịp đêm nay để chặn bọn địch rút, đồng thời cho một đại đội ra ngã ba Mường Pek đề phòng địch rút về đường ấy. Bộ đội gặp bọn địch đi đón thì đánh hoặc vượt, tùy điều kiện. Ra lệnh thật nghiêm, đôn đốc ráo riết, rớt 2/3, 1/3 lên trước kịp thời cũng thắng. Chậm thì không làm tròn nhiệm vụ".

Điện thứ hai trong ngày gửi 304:

"Chỉ thị cho Trung đoàn 9 hoặc 66 cho một đại đội vượt lên Bản Ban chặn địch. Trung đoàn 57 có thể cho một bộ phận lên phía bắc Cánh Đồng Chum không? Báo cáo bộ đội đi đến đâu và vị trí của Đại đoàn bộ. Ra sức nhân lúc này khuếch trương chiến quả".

Ngày 18-4. Điện gửi Đại đoàn 308:

"Nhiệm vụ trọng tâm của đại đoàn là đôn đốc ráo riết bộ đội truy kích, tiêu diệt toàn bộ quân địch. Mệnh lệnh của bộ là truy kích đến cùng, tiêu diệt triệt để. Truyền đạt cho cán bộ biết rằng kiên quyết là toàn thắng, do dự là không chấp hành mệnh lệnh, không hoàn thành nhiệm vụ. Lãnh đạo tư tưởng cần đề cao quyết tâm, nói rõ ý nghĩa tiêu diệt triệt để, chống tư tưởng tự mãn hoặc coi thường nhiệm vụ có thể nảy nở".

Ngày 18-4. Điện gửi Đại đoàn 304:

"Đại đoàn cho Trung đoàn 66 đánh ngay Noọng Hét, nếu địch rút thì truy kích[72]. Cả hai tiểu đoàn của Trung đoàn 9 cấp tốc hành quân vào, để một bộ phận bao vây Bản Ban còn đại bộ phận bố trí chặn đường rút lui của địch từ Sầm Nưa về Bản Ban (chú ý cả hai đường) và Sầm Nưa về Bản Hiểm. Sau khi giải quyết xong Noọng Hét thì Trung đoàn 66 cũng chuyển vào tăng cường cho Trung đoàn 9, Trung đoàn 57 cũng cấp tốc hoạt động ở Xiêng Khoảng để phối hợp với việc tiêu diệt bọn địch từ Sầm Nưa rút lui".

Điện thứ hai trong ngày gửi 304:

"Nhiệm vụ chủ yếu của đại đoàn trong lúc này là phối hợp với đơn vị bạn ra sức chặn địch không cho chúng rút về Bản Ban, Khang Khay, để đơn vị bạn kịp chuyển đến tiêu diệt địch. Nhiệm vụ đó có tác dụng quyết định đối với chiến dịch, nếu không làm tròn thì đại đoàn chịu trách nhiệm. Đảng ủy căn cứ vào tinh thần trên mà đặt kế hoạch cụ thể. Phải hết sức tranh thủ thời gian cho bộ đội lên hướng Bản Ban ngay đồng thời tiêu diệt Noọng Hét để có thể đưa thêm lực lượng lên. Phải đôn đốc ráo riết các đơn vị có nhiệm vụ chặn địch".

Ngày 19-4. Điện gửi đồng chí Khánh và 209:

"Đơn vị bạn đã đến Bản Ban ngày 17-4 nhưng chưa có báo cáo bố trí cụ thể. Cứ cho bộ đội vượt lên tiêu diệt địch ở phía bắc đường số 7. Địch có 1 hay 2 đại đội dù đi đón bọn tàn binh ở phía bắc Phanaphao[73] đêm hôm nay đi về Bản Yai, ngày mai đi đường con về đường số 7 ở ngã tư bắc Bản Lèo 3 cây số (xem bản đồ Cánh Đồng Chum). Bọn ở khu Trấn Ninh chiều tối cho quân và ôtô ra ngã tư đón để về Khang Khay. Cố ra sức tiêu diệt bọn này".

Điện thứ hai trong ngày 19-4 gửi đồng chí Khánh và 209:

"Đại đội dù lên đón ở Sóp Hao, Lác Bona, có ôtô ở Khang Khay lên đợi. Chuyển lệnh cho tất cả bộ đội ở Bản Ban kể cả Trung đoàn 9 chỉ để một đại đội ở đó còn thì vượt ngay trong ngày hôm nay đến Mường Pek, Lác Bona, Sốp Hao kịp chặn các ngả đường phía bắc xuống, chuẩn bị đánh bọn rút lui và cả đoàn xe Khang Khay lên. Cho bộ đội vượt lên trước phá cầu hay đường ôtô đi Khang Khay. Diệt toàn bộ địch được hay không là trong ngày nay. Động viên bộ đội gắng lên".

Ngày 19-4. Điện gửi Đại đoàn 304:

"Nhiệm vụ chủ yếu của đại đoàn lúc này là phối hợp với hướng chính tiêu diệt địch rút lui giữa Bản Ban và Hứa Mường, nếu hành động chậm thì địch chạy thoát. Lệnh cho Trung đoàn 9 cho hai đại đội đi trước, cấp tốc hành quân ngày đêm đến Bản Ban, bao vây địch ở Bản Ban và chặn bọn địch ở Khang Khay lên, các đại đội khác tiến lên phía Hứa Mường chặn địch. Đánh xong Noọng Hét để lại một bộ phận củng cố còn Trung đoàn 66 và 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 9 cấp tốc hành quân lên Bản Ban. Từ Bản Ban đi Hứa Mường có ba đường: đường số 6 cũ, đường mới và đường Mường Khao. Điều tra thêm bọn địch ở Bản Ban lên đón đường nào thì ta theo đường đó. Trung đoàn 57 tranh thủ đánh Xiêng Khoảng ngay rồi cho tiểu đoàn tăng cường lên giữa Khang Khay và Bản Ban. Sau khi giải quyết xong Bản Ban, Bộ Chỉ huy đại đoàn nhanh chóng rời lên Bản Ban. Cần động viên ráo riết bộ đội, không lo mệt, không lo đói, quyết tâm làm nhiệm vụ".

Ngày 20-4, cuộc truy kích trên trục đường chừng 270 km căn bản đã kết thúc. Trên hướng chính, phần lớn quân địch rút chạy từ Sầm Nưa và các vị trí dọc đường đã bị tiêu diệt. Trên hướng

đường số 7, sau khi Noọng Hét bị tiêu diệt, địch vội vã rút chạy khỏi cả Bản Ban và Xiêng Khoảng.

Phát huy thắng lợi trên hướng Sầm Nưa - đường số 7 - Xiêng Khoảng, Tổng Tư lệnh lệnh cho Trung đoàn 148 kịp thời tiến quân đánh địch trên hướng sông Nậm Hu. Đồng thời ông lệnh cho Trung đoàn 98 tách khỏi đội hình chiến đấu của hướng chính Sầm Nưa, tiến quân sang phía bắc Luông Phabang cùng với Trung đoàn 148 - dưới quyền chỉ huy chung của ông Bằng Giang - tranh thủ tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch trong vùng Pakseng, Mường Sung, Mường Ngòi. Trước cục diện thuận lợi chung của chiến trường Thượng Lào, trong vòng một tuần từ ngày 21 đến ngày 27-4, quân ta đã tiêu diệt các vị trí Mường Ngòi, Bản Sẻ, Pakseng, Nậm Bắc. Trong khi một cánh quân khác tiến theo Mường Von và Mường Sủi về uy hiếp Thủ đô Lào, buộc Xalăng vội vã điều GM1 lên tăng cường phòng thủ Luông Phabang. Cùng với thắng lợi quân sự mở rộng khu căn cứ Nậm Hu, quân ta vận dụng 10 điều quy định về chính sách, vận động chính trị, tranh thủ nhân dân ủng hộ Chính phủ kháng chiến Lào.

Riêng với Đại đoàn 304 trên hướng phối hợp (Bản Ban - đường số 7 - Xiêng Khoảng), Tổng Tư lệnh cử Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái xuống truyền đạt nhiệm vụ mới. Trong thư gửi các đồng chí Lê Chưởng, Hoàng Minh Thảo và Đại đoàn ủy 304, Tổng Tư lệnh biểu dương lần đầu tiên đại đoàn và dân công Nghệ An đi hoạt động tương đối độc lập ở chiến trường nước bạn xa căn cứ mà đã khắc phục được nhiều khó khăn và đã được rèn luyện thêm một bước. Sau khi nhận xét trong thời gian vừa qua, các cán bộ, chiến sĩ và anh chị em dân công đã cố gắng nhiều, các đồng chí trong Đại đoàn ủy cũng tích cực thực hiện nhiệm vụ, Tổng Tư lệnh nêu lên một số khuyết điểm:

1- Về chỉ đạo chiến thuật, do khuyết điểm trong chiến thuật bao vây nên ở Bản Ban, quân ta đến từ hôm trước mà vẫn để địch chạy thoát. ở Xiêng Khoảng cũng vậy.

2- Về nhận định tình hình địch thì biểu lộ tư tưởng chủ quan, không nhận thấy âm mưu địch cố giữ Cánh Đồng Chum, không nhận thấy lực lượng địch ở Cánh Đồng Chum đã tăng cường nên chủ trương bao vây và chuẩn bị công kích.

3- Về nắm đơn vị thường không chắc nên báo cáo không đều và không cụ thể.

Về phương hướng hoạt động sắp tới của đại đoàn, Tổng Tư lệnh chỉ thị:

1- Ta thắng lớn, địch thất bại nặng, nhưng ta cần nhận rõ âm mưu của địch và những điều kiện bất lợi mới cho ta về thời tiết, về cung cấp, nếu hoạt động kéo dài. Vùng giải phóng rất rộng, trình độ nhân dân còn non, tàn binh và gián điệp còn nhiều, lực lượng của địch đã tăng cường. Vì vậy, trong đóng quân cũng như trong hoạt động, cần phải hết sức thận trọng, phải đề phòng chủ quan khinh địch, đề phòng mạo hiểm, sơ hở, để tránh tất cả mọi sự bất trắc có thể xảy ra.

2- Nếu cần tiến quân xa về phía tây để phối hợp với hướng Luông Phabang thì chỉ dùng những đơn vị nhỏ.

3- Để bảo toàn thắng lợi, cần tranh thủ tổ chức lui quân sớm, đúng thời gian đã định và phải hết sức chu đáo, bí mật. Trong lúc bộ đội còn ở địa phương thì tận dụng khả năng của bộ đội vào việc giúp đỡ địa phương củng cố vùng giải phóng, một nhiệm vụ chủ yếu nhằm củng cố thắng lợi vừa qua.

4- Trong lãnh đạo tư tưởng, cần làm cho anh em phấn khởi nhưng không chủ quan khinh địch. Cụ thể là thấy thắng lợi chung của chiến dịch, thấy những cố gắng của đơn vị đồng thời thấy những thiếu sót về tiêu diệt sinh lực địch, những khuyết điểm của bản thân và đơn vị, để tránh hai khuynh hướng có thể xảy ra: hoặc là bi quan hoặc là chủ quan khinh địch, lạc quan tếu.

5- Chấp hành đúng chính sách đối với dân công.

Bộ Chỉ huy chiến dịch dự kiến hoạt động của bộ đội truy quét tàn binh địch và khuếch trương thắng lợi sẽ kết thúc vào ngày 30-4. Phần lớn bộ đội chủ lực sẽ lui quân về nước, chỉ để lại 3 trung đoàn và 4 tiểu đoàn lẻ giúp bạn củng cố vùng giải phóng. Trung tuần tháng 5 chỉ còn 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 98 ở lại Sầm Nưa, 1 tiểu đoàn ở lại lưu vực sông Nậm Hu và 2 tiểu đoàn của Đại đoàn 304 ở lại Xiêng Khoảng. Chừng 15 đại đội Quân tình nguyện tiếp tục ở lại hoạt động theo yêu cầu của Chính phủ kháng chiến Lào.

Trước khi trở về căn cứ địa Việt Bắc, trong hai ngày 27 và 28-4, Tổng Quân ủy triệu tập Hội nghị cán bộ bộ đội tình nguyện Việt Nam đang hoạt động trên chiến trường Thượng Lào và họp kiểm điểm công tác với Ban Cán sự Đảng ta ở Thượng Lào.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ bộ đội tình nguyện, sau khi nhắc lại lịch sử đoàn kết đấu tranh gắn bó giữa ba dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930, nhắc lại thành tích của bộ đội tình nguyện Việt Nam tại Lào, Tổng Tư lệnh phân tích một khuyết điểm lớn của bộ đội tình nguyện Việt Nam ở Lào là chưa ra sức bồi dưỡng cách mạng Lào. Cụ thể là trực tiếp vận động nhân dân thì nhiều mà giúp đỡ cho cán bộ Lào vận động nhân dân thì ít; trực tiếp chiến đấu giết giặc trên đất Lào thì nhiều mà bồi dưỡng cho du kích, bộ đội Lào chiến đấu với giặc thì ít; tuyên truyền cho nhân dân thì nhiều nhưng chú trọng giải quyết những vấn đề quyền lợi thiết thực, lãnh đạo nhân dân đấu tranh để phát động lực lượng của nhân dân thì ít. Do đó, kiểm điểm lại sự tiến bộ của phong trào cách mạng Lào, chúng ta nhận thấy lực lượng vũ trang Lào (dân quân, du kích cũng như bộ đội chính quy) còn rất non yếu, trình độ giác ngộ của nhân dân trong các vùng du kích còn thấp, lực lượng quần chúng chưa được phát động, cán bộ địa phương người Lào còn quá ít. Khuyết điểm đó biểu lộ chúng ta chưa thực tin tưởng ở khả năng cách mạng của nhân dân Lào, chứng tỏ quan điểm quần chúng, lập trường giai cấp và tinh thần quốc tế của ta còn nhiều chỗ lệch lạc. Đó là một khuyết điểm rất quan trọng, chúng ta cần phải sửa chữa để giúp đỡ cách mạng Lào một cách có hiệu lực hơn.

Tổng Tư lệnh nhận định: Với chiến thắng Sầm Nưa, cục diện Thượng Lào đã đổi mới. Muốn củng cố và mở rộng chiến thắng Sầm Nưa, việc chủ yếu là phải phát động nhân dân và bồi dưỡng lực lượng vũ trang Pathét Lào. Để tích cực bồi dưỡng lực lượng cách mạng Lào tiến tới những thắng lợi mới, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh: "Vấn đề mấu chốt hiện nay cần phải giải quyết là chỉnh đốn tư tưởng của cán bộ và chiến sĩ ta, làm cho toàn thể cán bộ và chiến sĩ thấu triệt lập trường và quan điểm của Đảng đối với cách mạng Lào, làm cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ:

1- Chúng ta phải chiến đấu cho sự nghiệp cách mạng Lào cũng như cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam;

2- Cách mạng Lào chủ yếu là do nhân dân Lào tự nắm lấy và tin tưởng là nhân dân Lào có thể trở nên một lực lượng mạnh mẽ.

Do chỗ nhận thức đúng đắn nói trên, chúng ta phải quan niệm nhiệm vụ chúng ta rõ ràng. Nhiệm vụ đó là hy sinh phấn đấu đến cùng để giúp cách mạng Lào thành công, một mặt là trực tiếp vận động nhân dân, trực tiếp chiến đấu với giặc, một mặt là phát động nhân dân đứng dậy đấu tranh với giặc, giúp xây dựng lực lượng vũ trang để lực lượng vũ trang đó cùng chiến đấu với giặc, giúp bồi dưỡng cán bộ người Lào để các anh em cán bộ đó tự đảm đương lấy công việc của người Lào. Đứng về lâu dài thì nhiệm vụ phát động nhân dân, giúp xây dựng lực lượng vũ trang, bồi dưỡng cán bộ là nhiệm vụ chủ yếu".

Trong cuộc họp kiểm điểm với Ban Cán sự Đảng ở Thượng Lào ngày 6-5 về quá trình chuẩn bị và thực hành chiến dịch, Tổng Quân ủy nhận xét: Trong thời gian chuẩn bị chiến dịch, Ban Cán sự đã cùng Tổng cục Chính trị chuẩn bị những vấn đề về chính sách và phân phối cán bộ tham gia chiến dịch. Quá trình bộ đội hành quân và tác chiến, nếu công tác huy động nhân, vật lực ở địa phương, bảo mật phòng gian được tiến hành tốt thì việc chỉ đạo, chỉ huy quân tình nguyện chặn địch và truy kích địch lại làm rất kém. Chiến dịch kết thúc, Ban Cán sự cần ra sức giúp Chính phủ Lào làm tốt công tác tiếp quản và củng cố vùng giải phóng và tổ chức *Tuần lễ đoàn kết Việt - Lào* ở các địa phương.

Về hoạt động của Ban Cán sự Đảng từ trước đến nay cũng như trong chiến dịch vừa qua, Tổng Quân ủy nhắc nhở Ban Cán sự nên tăng cường học tập để nắm thật vững chủ trương, chính sách của Đảng, đi sâu đi sát cơ sở bên dưới hơn nữa nhưng cần khắc phục tác phong bao biện làm thay, ít giúp đỡ và bồi dưỡng cán bộ Lào, ít giúp xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của bạn. Cần kiểm điểm về tư tưởng có tin tưởng ở khả năng cách mạng của cán bộ Lào và nhân dân Lào hay không, kiểm điểm về nhận thức và việc thực hiện nhiệm vụ quốc tế của mình từ trước đến nay như thế nào.

Trước đây, khi chưa chấn chỉnh, cán bộ không yên tâm công tác. Ban Cán sự đã nắm vững công tác chính, tiến hành chỉnh huấn chính trị và củng cố tổ chức thành công. Đó là một ưu điểm và một thành tích lớn. Hiện nay, cơ quan đã được tăng cường, vùng mới giải phóng rất rộng, công việc rất nhiều. Hoàn cảnh đó rất dễ làm cho ta phạm khuyết điểm bao biện và không nắm công tác trọng tâm. Vì vậy phải kiên quyết bỏ bớt việc, phải nắm vững trọng tâm công tác. Trong kế hoạch công tác 3 tháng tới, cần nắm vững việc đào tạo cán bộ.

Về phần Tổng Quân ủy, Ban Cán sự nhận xét sự chỉ đạo củng cố vùng giải phóng trong chiến dịch này cụ thể và chu đáo hơn nhiều so với Chiến dịch Tây Bắc. Riêng về việc đào tạo cán bộ và xây dựng Quân đội giải phóng Lào, Tổng Quân ủy cũng không dành đủ thời gian nên chưa bàn kỹ, chỉ mới bàn nhiều về việc đào tạo cán bộ Việt Nam và chấn chỉnh bộ đội tình nguyện Việt Nam. Tổng Quân ủy ít chú trọng giúp đỡ về nền nếp công tác nên anh em lúng túng khó làm việc. Sau khi có ý kiến của Ban Cán sự nói rằng riêng anh Văn có thấy khó khăn của anh em nhưng cũng không thấy hết nên không chủ động giúp Ban Cán sự cách giải quyết, ông Giáp cười vui vẻ và hẹn sẽ thu xếp một buổi làm việc thêm trước khi về nước.

Theo sáng kiến của Hoàng thân Xuphanuvông mở đầu *Tuần lễ đoàn kết Việt - Lào,* ta cùng bạn tổ chức lễ mừng chiến thắng tại thị xã Sầm Nưa giải phóng. Trong cuộc mítting trọng thể, Thủ tướng Xuphanuvông nói: Tỉnh Sầm Nưa được giải phóng là kết quả bao nhiêu năm đấu tranh của các bộ tộc Lào chống quân xâm lược. Tỉnh Sầm Nưa được giải phóng là kết quả của tinh thần đoàn kết của hai dân tộc anh em Việt - Lào, kết quả của sự giúp đỡ không điều kiện của quân đội và nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Món ăn đặc biệt trong bữa tiệc mừng chiến thắng là món xôi do phu nhân Thủ tướng Xuphanuvông tự tay nấu theo văn hoá ẩm thực Hoàng gia Lào. Cuộc vui liên hoan cũng mang phong cách Lào, với các điệu múa Lămvông và bài hát Champa.

Để tạo điều kiện cho các đại đoàn có thêm thời gian củng cố và chuẩn bị bước vào thu - đông, sau ngày bộ đội lui quân, Tổng Quân ủy tranh thủ kiểm điểm và tổ chức hội nghị cán bộ tổng kết chiến dịch ngay trong thị xã Sầm Nưa.

Hội nghị Tổng Quân ủy mở rộng (có các Đại đoàn ủy tham dự họp hai ngày 1 và 2-5) đã nhận xét từng đại đoàn trong quá trình chuẩn bị chiến trường, hành quân và truy kích địch. Mỗi đại đoàn có những đặc điểm và điều kiện riêng nhưng nét chung nhất là đều tiến bộ so với chiến dịch trước. Bí thư Tổng Quân ủy cho rằng kết quả đó bắt nguồn từ việc kiểm điểm nghiêm khắc ưu, khuyết điểm trong Chiến dịch Tây Bắc. Bước vào Chiến dịch Sầm Nưa, các đơn vị đều có ý thức lo lắng đến nhiệm vụ chung khi bàn kế hoạch tác chiến và chuẩn bị chiến trường. Có đại đoàn (như 316) hoạt động liên tục từ Chiến dịch Tây Bắc trong điều kiện khó khăn vì các đơn vị phân tán, cung cấp thiếu thốn nhưng đã có nhiều cố gắng. Đại đoàn đã tích cực thực hiện và làm tròn nhiệm vụ đánh lạc hướng địch và bảo vệ hậu phương. Có đại đoàn (như 304) gặp khó khăn vì hoạt động trên chiến trường xa và mới, địch thường xuyên theo dõi, đối phó, lại thiếu sự giúp đỡ trực tiếp của Tổng Quân ủy, nhưng đã tiến bộ về nhiều mặt. Bộ đội công binh hoạt động liên tục từ Chiến dịch Tây Bắc đã nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, đã tiến bộ về tư tưởng và kỹ thuật. Bộ đội pháo binh đã được chuẩn bị tốt về tư tưởng trước nên khi địch rút chạy, được giao nhiệm vụ đi sửa đường cho xe chạy đã có ý thức lo lắng công việc chung. Có đại đoàn trong thời gian chuẩn bị, chịu ảnh hưởng phần nào của thất bại ở Nà Sản nên kém phấn khởi, tư tưởng ngại địch, thiếu tự tin. Bước vào chiến đấu truy kích địch, nhiều trung đoàn đã tự động truy kích địch, chủ động tìm bộ xin nhiệm vụ và khi có nhiệm vụ thì tích cực thực hiện, lập nhiều thành tích góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của chiến dịch. Tuy nhiên, nhiều đơn vị còn phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng trong chiến đấu, nhất là bỏ lỡ nhiều cơ hội tiêu diệt địch.

Về sự chỉ đạo của Tổng Quân ủy, hội nghị nhận thấy chủ trương tác chiến trong cả ba bước đều đúng và kịp thời: quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa; khi phát hiện địch rút, kịp thời nhận định tình hình, giữ vững quyết tâm, linh hoạt chuyển quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm thành quyết tâm truy kích đến cùng để tiêu diệt toàn bộ quân địch; sau đó khuếch trương chiến thắng sang hướng sông Nậm Hu. Có nhiều ưu điểm trong chỉ đạo công tác chuẩn bị, nhất là chuẩn bị về cung cấp.

Hội nghị cho rằng Đại đoàn 304 chưa có kinh nghiệm hoạt động trong hoàn cảnh khó khăn trên một chiến trường xa và mới, đáng lẽ Tổng Quân ủy phải cử một cán bộ cốt cán đi sát đại đoàn ra mặt trận để trực tiếp giúp đỡ, nhưng sự giúp đỡ của Tổng Quân ủy đối với Đại đoàn 304 chưa đầy đủ.

Hội nghị tổng kết chiến dịch tiến hành hai ngày ngay sau hội nghị Tổng Quân ủy mở rộng. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã mời Thủ tướng Xuphanuvông và các vị bộ trưởng trong Chính phủ kháng chiến Lào tham dự.

Trong báo cáo tại hội nghị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhắc lại những diễn biến chính từ cục diện chiến trường Bắc Đông Dương sau chiến thắng Tây Bắc, chủ trương của Trung ương mở Chiến dịch Sầm Nưa, quá trình chuẩn bị và cuộc truy kích suốt một tuần lễ trên quãng đường dài 270 km, từ Sầm Nưa đến đường số 7 - Bản Ban - Lát Bua.

Về ý nghĩa thắng lợi, đồng chí phân tích bốn điểm:

1- Chúng ta đã thắng to, vì trong chiến dịch này không những chúng ta đã tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực địch[74] mà lực lượng ta thì thương vong ít. Đó là đặc điểm của chiến dịch.

2- Chúng ta đã thắng to vì chúng ta đã tiêu diệt và bức rút 30 vị trí địch, trong đó có hai vị trí chỉ huy phân khu là thị xã Sầm Nưa và thị xã Xiêng Khoảng[75], giải phóng một vùng đất đai rộng lớn ước 40.000 cây số vuông gồm toàn tỉnh Sầm Nưa, một phần lớn tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Luông Phabang, trong đó có lưu vực sông Nậm Hu là một vùng lịch sử rất quan trọng và một vùng giàu có vào bậc nhất Thượng Lào.

3- Thắng lợi lớn hơn hết của ta trong chiến dịch này là chúng ta đã giúp đỡ cách mạng Lào tiến sang một thời kỳ mới, giúp mở rộng cục diện mới trong cuộc đấu tranh giải phóng của nước bạn.

4- Do những thắng lợi nói trên, trải qua chiến dịch này, bộ đội ta được rèn luyện thêm một bước, thế chủ động của ta được củng cố thêm và khó khăn của địch trên toàn chiến trường Đông Dương cũng tăng thêm.

Sau khi phân tích năm nguyên nhân thắng lợi[76], báo cáo của Tổng Tư lệnh đi sâu phân tích kinh nghiệm truy kích địch trong Chiến dịch Sầm Nưa.

Trước hết ông khẳng định: Cuộc truy kích chứng tỏ khả năng vận động của bộ đội ta rất lớn, đồng thời cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm nghiêm trọng của cán bộ. Đó là khả năng truy kích địch suốt một tuần lễ trên một chặng đường gần 300 km (trung bình mỗi ngày 40 km, không kể những giờ nghỉ để mất cơ hội dọc đường) trong điều kiện thiếu cơm, thiếu nước, lại sau một thời gian hành quân đường dài mệt nhọc từ Phú Thọ vào. Khả năng này từ trước đến giờ các cấp chỉ huy của ta chưa sát nên không biết, nhận thức không đúng, đánh giá thấp, do đó sử dụng bộ đội chưa thật hợp lý, chưa phát huy được triệt để năng lực chiến đấu của cán bộ và chiến sĩ. Đó là một khuyết điểm cần phải sửa chữa. Tổng Tư lệnh nhận xét rằng trong điều kiện địch khó khăn[77], ta thuận lợi hơn nhiều, nhưng cán bộ ta đã không tận dụng được thuận lợi này do đó bộ đội mới phải đi tới 270 km trong 7 ngày đêm, mệt nhọc nhiều mà vẫn không tiêu diệt được toàn bộ quân địch. Ta tuy đến sau khi địch rút 18 giờ nhưng nếu đuổi nhanh thì chậm là đến Hứa Mường (tức là chưa tới nửa đường) hoặc chậm nữa là đến đường số 7 - vẫn thừa thời gian cho ta tiêu diệt toàn bộ quân địch. Tóm lại, đáng lẽ chỉ trong phạm vi hai ngày đầu là ta tiêu diệt được toàn bộ quân địch, nhưng vì ta chậm nên bỏ mất nhiều cơ hội.

Bản báo cáo của Tổng Tư lệnh định nghĩa: Thế nào là quyết tâm tiêu diệt địch đến cùng?

Quyết tâm là khi nhận được mệnh lệnh thì chấp hành kiên quyết và triệt để, chiến đấu dũng cảm không sợ thương vong mệt mỏi, gặp khó khăn thì tìm mọi cách khắc phục, không dao động, thấy thời cơ thì không bỏ lỡ, luôn luôn tìm ra thời cơ, tạo nên thời cơ đánh địch, không có mệnh lệnh cũng tự động đánh địch và đánh tới khi nào tiêu diệt sạch, tiêu diệt gọn quân địch, còn một tên cũng không để cho chạy thoát.

Và đặt vấn đề: Ta đã có quyết tâm truy kích địch đến cùng chưa?

Trước hết ông kiểm điểm quyết tâm của Tổng Quân ủy. Tổng Quân ủy phán đoán nặng về địch tăng cường và chuẩn bị bộ đội để đánh địch tăng cường nhưng đồng thời cũng đã bố trí đề phòng trường hợp địch rút chạy. Cụ thể là giao cho ông Bế Sơn Cương và quân tình nguyện chuẩn bị

chặn địch ở quãng Hứa Mường - Mường Láp; giao cho Đại đoàn 304 nhanh chóng tiêu diệt vị trí Bản Ban rồi tiến lên chặn các đường quân địch tiến xuống; nhắc các đơn vị đi đầu (Hùng Sinh, Biền Sơn, Hoàng Cầm, Vũ Yên, Cao Văn Khánh): địch có thể rút, các đơn vị đi trước phải cơ động linh hoạt, địch chạy là tích cực truy kích; điện thẳng cho các trung đoàn 102 và 36 lập tức cho bộ đội xuất phát; nhắc Đại đoàn 308 phải tự lực tiêu diệt toàn bộ quân địch, không ỷ lại vào đơn vị bạn; một số đồng chí Quân ủy trực tiếp xuống 308 đả thông nhiệm vụ và giải quyết vấn đề chiến thuật và cung cấp, sau đó cử phái viên đốc chiến xuống đi cùng với 308. Ba cơ quan trực thuộc Quân ủy đều được chỉ thị tập trung lực lượng phục vụ cho trận truy kích, coi đó là trọng tâm công tác. Tiếp đó là các điện thông báo tình hình, điện động viên và mệnh lệnh.

Về quyết tâm của các đơn vị, Tổng Tư lệnh nhận xét: Lúc đầu được tin địch chạy, nhiều đơn vị đã tự động đối phó: như Đại đoàn 308 đã ra lệnh ngay cho bộ đội truy kích, như Trung đoàn 98 và Trung đoàn 141 đã cho bộ đội đi vượt lên, như Trung đoàn trưởng Trung đoàn 165 đã vượt bộ đội đi lên hỏi nhiệm vụ... Đó là những biểu hiện tiến bộ, biểu lộ tinh thần tích cực tiêu diệt địch cần biểu dương và phát huy để xây dựng bộ đội. Nhưng đồng thời lại cũng có đơn vị chậm, như Trung đoàn 36 còn ở lại chờ lệnh của đại đoàn sau khi đã nhận được mệnh lệnh của bộ. Đại đoàn và trung đoàn cần kiểm điểm xem lỗi tại ai trong việc chậm trễ này.

Đi vào truy kích, nhiều đơn vị cá biệt và cá nhân cũng có ưu điểm, như Trung đoàn 98 đến thị xã là nhanh chóng cho bộ đội chạy vượt lên, 9 giờ sáng ngày hôm sau thì đánh trận Nà Noọng, tiêu diệt và làm tan rã hơn một tiểu đoàn địch; trên đường hành quân sang mặt Nậm Hu, được tin Manplát chạy theo đường Sốp Khao về Bản Mèo, lại tự động cho hai đại đội đi đuổi địch tuy không có lệnh. Như Tiểu đoàn 79 của Trung đoàn 102 và một bộ phận của Đại đội 209 Trung đoàn 88, mệt, đói, số lượng còn rất ít có lúc chỉ còn 10 cán bộ... đã bám sát địch suốt 24 cây số liền bắt đầu từ Hứa Mường, đánh tan 4 đại đội địch.

Trên đây là những gương tích cực. Những gương đó chiến sĩ và cán bộ sơ cấp có nhiều, nhưng Tổng Quân ủy nhận thấy rằng quyết tâm truy kích đến cùng của bộ đội ta vẫn chưa đầy đủ. Điều này biểu hiện rõ rệt ở chỗ trong suốt thời gian truy kích, tình trạng do dự, không thấu triệt mệnh lệnh, bỏ lỡ thời cơ đã xảy đi xảy lại nhiều lần. Không có những khuyết điểm này, nhất định bộ đội ta sẽ không phải mệt nhọc nhiều mà vẫn tiêu diệt được hoàn toàn quân địch.

Tổng Tư lệnh đưa ra những dẫn chứng và phân tích, phê phán việc quân ta đã bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt địch tất cả năm lần[78]. Cuối cùng ông kết luận: Năm lần bỏ lỡ thời cơ trong thời gian 6 ngày đuổi địch, thật là một hiện tượng nghiêm trọng. Tất cả những khuyết điểm trên không phải là do bộ đội ta ít khả năng hơn địch, do chiến sĩ thiếu chịu đựng gian khổ, sợ địch, không muốn tiêu diệt đến tên cuối cùng, mà chính là do cán bộ chỉ huy của ta chưa đầy đủ tinh thần tích cực tiêu diệt sinh lực địch, chưa có quyết tâm truy kích tiêu diệt địch đến cùng. Hiện tượng hữu khuynh này trong chỉnh huấn và sau chỉnh huấn đã sửa chữa được một phần, trong cơn thử thách lớn lao là trận truy kích này, nó lại xảy ra khá nặng.

Sau khi phân tích thêm về đức tính cơ động, linh hoạt của người chỉ huy, mấy nguyên tắc chiến thuật và công tác chính trị trong truy kích, bản báo cáo của Tổng Quân ủy kết luận: Đối với chúng ta, đó là một thử thách lớn, nó chứng tỏ khả năng đánh vận động của bộ đội ta có nhiều, nhưng cán bộ chỉ huy còn mắc nhiều khuyết điểm khá nghiêm trọng. Kinh nghiệm lớn nhất của chúng ta là phải có quyết tâm tiêu diệt địch, quyết tâm đó phải đi đôi với cơ động, linh hoạt. Đó là yếu tố thắng lợi.

Về đến căn cứ Việt Bắc, trong báo cáo đề ngày 28-5 gửi Bộ Chính trị về Chiến dịch Sầm Nưa, sau khi nêu lên số nhân, vật lực huy động cho chiến dịch, kết quả về tiêu diệt địch và giải phóng đất đai, Tổng Tư lệnh khái quát cục diện chiến trường rừng núi Bắc Đông Dương đã thay đổi hẳn có lợi cho ta. Một vùng giải phóng kéo dài từ biên giới Đông Bắc đến gần Luông Phabang, từ Điện Biên đến đường số 7, bao gồm những vùng trù phú như lưu vực sông Mã và lưu vực sông Nậm Hu, với ba đường giao thông chiến lược: đường số 6 qua Sầm Nưa - Bản Ban, đường số 7 và đường Điện Biên - Luông Phabang. Chiến thắng Sầm Nưa đã buộc địch phải phân tán thêm lực lượng lên Thượng Lào 12 tiểu đoàn cơ động (6 lấy ở Nà Sản, 6 điều từ đồng bằng sông Hồng), tăng cường cho Luông Phabang, Paksan, thành lập tập đoàn cứ điểm Cánh Đồng Chum, tạo thành một thế quân sự mới trên chiến trường Thượng Lào. Nhân thế địch ở đồng bằng thêm sơ hở nên trong và sau Chiến dịch Sầm Nưa, quân và dân vùng sau lưng địch ở Bắc Bộ đã đẩy mạnh hoạt động, tiêu diệt hơn 7.000 tên địch, mở rộng nhiều vùng du kích và căn cứ du kích ở Tả Ngạn, đặc biệt là hai trận lớn ở Kiến An và Nam Định. Liên khu 5 hoạt động phối hợp kịp thời và có hiệu quả, tiêu diệt trên 900 tên địch và thu nhiều vũ khí, kể cả trọng pháo 105 mm.

Sau khi tóm tắt ưu, khuyết điểm về chỉ đạo của Tổng Quân ủy và của các đại đoàn, những kinh nghiệm lớn về chỉ huy cơ động, linh hoạt và kinh nghiệm về truy kích địch, Tổng Quân ủy đề đạt một số vấn đề về củng cố thắng lợi Sầm Nưa và chuẩn bị thu - đông năm 1953: Tăng cường sự giúp đỡ cách mạng Lào và tăng cường sự chỉ đạo công tác ở Lào; chấn chỉnh và huấn luyện bộ đội (về chính trị - tư tưởng: khắc phục tư tưởng hữu khuynh, về chiến thuật - kỹ thuật: huấn luyện tiến công tập đoàn cứ điểm); chỉ đạo chuẩn bị cầu đường; chấn chỉnh hội đồng cung cấp các cấp, nhất là ở Liên khu 3 và 4.

*

* *

Trong khi quân và dân ta bắt tay vào những công việc đầu tiên chuẩn bị cho mùa khô năm 1953 thì Tổng Chỉ huy Xalăng đang ở vào "những ngày u ám nhất". Viên tướng Pháp không hề nghĩ rằng đòn Thượng Lào "nhẹ nhàng đến thế" (như cách nói của giới báo chí) lại là "cú hích quyết định" khiến ông ta phải rời khỏi chiếc ghế tổng chỉ huy và hồi hương.

Phải nhận rằng Bộ Chỉ huy Pháp đã hết sức chèo chống trong mấy tháng hè vừa qua. Nhưng mọi việc làm của phía Pháp đều không ngoài dự kiến của Bộ Thống soái của ta, từ những việc ném quân dù xuống vùng Hoà Bình, Chợ Bờ, đánh phá tuyến vận tải tiếp tế, đến việc đưa lực lượng cơ động lên tăng cường cho Luông Phabang và Cánh Đồng Chum, v.v.. Nhưng mọi cố gắng đó đều không cản trở được cuộc tiến quân của chủ lực đối phương sang chiến trường phía tây.

Tướng Xalăng đã có cách nói sao cho có sức thuyết phục Pari về sự kiện Sầm Nưa. Nào là vấn đề rút quân khỏi Sầm Nưa đã từng được đem ra thảo luận hồi tháng 2 với cả Thống chế Giơăng và Bộ trưởng Lơtuốcnô và mọi người đã thống nhất là khi bị uy hiếp thì nên rút chạy vì không thể chấp nhận một cuộc chiến đấu không cân sức để rồi chịu những tổn thất về người và để trang bị rơi vào tay Việt Minh; nào là quân Pháp rút đi để cho đối phương tiếp quản một vùng mà họ không thể trú chân được vì không thể giải quyết được vấn đề tiếp tế và ngay trong mùa mưa này họ sẽ trở thành con mồi cho du kích Mẹo; nào là ngay sau khi buộc phải rút quân khỏi Sầm Nưa, ngày 18-4, Tướng Xalăng đã đích thân sang gặp Sisavăngvông để làm yên lòng nhà Vua và Thái tử Savang về khả năng bảo vệ mấy trung tâm sinh tử của nước Lào là Viên Chăn, Luông Phabang và Cánh Đồng Chum.

Một điều khích lệ đối với Tổng Chỉ huy Xalăng là ngày 24-4, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu liên quân Mỹ, Đô đốc Rátpho (Radford) đến thăm. Buổi tường trình tại Hà Nội là một dịp để Tướng Xalăng nói với ông bạn Hoa Kỳ rằng sở dĩ có những sự kiện như Sầm Nưa chỉ vì quân Pháp quá thiếu thốn phương tiện, nhất là eo hẹp về khả năng không quân. Việt Minh đã có thể tổ chức được những đoàn xe chiến đấu (trains de combat - auto) trong khi đó thì các cuộc ném bom của Pháp "không ngăn cản được họ vì thiếu sức mạnh". Tướng Xalăng đã quá lời khi nói với Rátpho rằng "đại bác 105 do Mỹ chế tạo, từ các kho súng của quân đội Tưởng Giới Thạch bại trận đã được đưa vào cơ cấu của Đại đoàn 351". Thực ra lúc này tổ chức trọng pháo của ta chưa hình thành.

Đô đốc Rátpho đến rồi đi, với những lời hứa về 6 chiếc máy bay C119 mà Mỹ còn "nợ". Đúng lúc này Xalăng lại được tin về Đại đoàn 304 của đối phương vẫn đang còn "khi ẩn khi hiện ở vùng Cánh Đồng Chum", bất kể lúc nào cũng có thể phóng một trung đoàn về hướng Paksan, uy hiếp Luông Phabang. Tổng Chỉ huy Pháp vội điện sang Pari cho Bộ trưởng Lơtuốcnô nhờ can thiệp với Bộ trưởng Không quân "để quân viễn chinh có thêm được 5.000 giờ bay của Dakota chở phương tiện tăng cường phòng thủ Thủ đô Lào"...

Không phải Bộ trưởng Lơtuốcnô mà là Thủ tướng Mayê trả lời Tổng Chỉ huy Xalăng. Mayê cho biết Tướng Lơse sẽ sang kinh lý Đông Dương, nhưng trước hết, Bộ Chỉ huy quân viễn chinh cần quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Pari là: Lúc này nếu để một bộ phận quan trọng lực lượng của chúng ta bị tiêu diệt sẽ được xem là còn kinh khủng hơn nhiều so với việc phải bỏ một phần đất đai này hay một phần đất đai khác. Kèm theo điện của Thủ tướng là thư riêng của Thống chế Gioăng, khuyên ngăn không nên làm việc gì quá khả năng cho phép của vận tải đường không, ví như việc củng cố Luông Phabang để sẵn sàng chờ đợi một cuộc quyết chiến với Việt Minh nhằm bảo vệ Thủ đô Lào. Trong tình thế hiện nay, Thống chế Gioăng cho rằng tốt hơn hết là người ta hãy ráng để duy trì cho đến đầu mùa khô. Thời điểm đó cũng không còn quá xa. Với những lực lượng hiện có, mọi kế hoạch chỉ có thể thực hiện được trong mùa khô. Chúng ta sẽ có toàn bộ thời gian để hoạt động. Còn trước mắt, do tình hình đã như hiện nay, một lần nữa vấn đề được đặt ra chỉ là duy trì và cải thiện được chừng nào hay chừng nấy.

Tướng Lơse đến Sài Gòn ngày 2-5. Sau khi cho viên tướng này đọc những bức điện và thư vừa trao đổi với Pari mấy ngày qua, Tổng Chỉ huy Xalăng khoe với ông khách rằng tình hình đang diễn biến có lợi cho tôi vì ông Giáp không còn biểu hiện sẵn sàng tiến công. Vị khách cho biết cá nhân Thủ tướng là người rất lo lắng trước sự phát triển của các cuộc hành binh của Việt Minh và cũng lo lắng về những nỗ lực của Bộ Chỉ huy trước sự uy hiếp của đối phương đối với Lào.

Trong một phút "tâm tình", Xalăng nói với Lơse, vẻ bất bình: Không phải tôi không biết về những hạn chế mà Thủ tướng Rơnê Mayê áp dụng đối với công việc chỉ huy của tôi. Đối với ông ta, tôi - con người say đắm cái xứ Đông Dương này cũng là con người mà ông ta muốn loại trừ bằng bất kỳ giá nào. Xứ Đông Dương mà tôi yêu mến, tôi muốn giữ mãi, tôi sẽ không bao giờ bỏ rơi nó. Thế nhưng tôi yêu cầu cho tôi hồi hương vì tôi không thể tiếp tục phục vụ một chính phủ mà đối với họ cái xứ Đông Dương này là một gánh nặng và họ chỉ muốn giũ đi cho rảnh.

Phái viên của Pari được dịp để thổ lộ với Xalăng đôi điều bí mật: Ông Lơtuốcnô rất muốn giữ ông lại nhưng ông Mayê đã quyết định cử Tướng Nava sang thay thế ông. Ông Mayê đã quen Tướng Nava ở Côngxtăngtin khi Nava chỉ huy sư đoàn và ông Mayê là nghị sĩ hạt này của Angiêri. Thống chế Gioăng cũng đã chấp nhận việc tiến cử Nava, mặc dù Thống chế nói "Đó là điều tai họa đối với Nava vì ông ta trước hết là một người châu âu. Đông Dương chẳng phải là

một tặng phẩm tốt đẹp gì đâu". Sự bổ nhiệm chẳng bao lâu sẽ được thực hiện. Ông không nên ngạc nhiên về điều đó, nhưng mong ông giữ kín cho đến khi việc này được công bố.

Tiễn Tướng Lơse về nước, Tổng Chỉ huy Xalăng tiếp tục chuyến kinh lý Cánh Đồng Chum và Luông Phabang, tất nhiên với một tâm trạng không còn hăng hái hồ hởi như một tuần trước, mặc dù ông ta biết "rõ ràng là ông Giáp đã quyết định rút các đơn vị của ông ra khỏi các trục Cánh Đồng Chum - Luông Phabang - Paksan". Nhưng rồi tai họa vẫn lại diễn ra ở phía bắc. Đêm 17-5, căn cứ Mường Khoa bị tràn ngập, hơn 300 lính phòng giữ bị diệt và bị bắt, trong đó có Đại úy Tơliê (Teulier). Điều an ủi đối với Xalăng là quân Pháp đã chiếm lại được Xiêng Khoảng. Chiều ngày 18, viên tướng vào thị xã này, "rất vui mừng vì trận đánh ở Lào đã kết thúc, trận đánh đã có lúc rất nguy kịch đối với quân đội Pháp và quân đội Hoàng gia".

Hôm sau, Tổng Chỉ huy Pháp được Thái tử Savang thay mặt nhà vua Lào mời sang Viên Chăn để nhận huân chương của Hoàng gia. Trên đường bay về Hà Nội, lòng Tổng Chỉ huy nặng trĩu. Mặc dù Cánh Đồng Chum và Luông Phabang đã được khẩn trương xây dựng thành hai căn cứ không quân - lục quân vững chắc, mặc dù "nước Lào đã được cứu thoát" như lời phát biểu của Thái tử trong lễ trao tặng huân chương, nhưng Tổng Chỉ huy Xalăng không còn chút hào hứng. Tâm trạng lúc này được viên tướng phơi bày trên trang hồi ký vài chục năm sau: "Nước Pháp rất xa chúng tôi, không nắm được tình hình, chỉ lo đòi hỏi kết thúc cuộc chiến. Những người lính chúng tôi gian khổ và bị đối xử quá tồi, nhưng tất cả chúng tôi đều tin tưởng vào mục đích mà chúng tôi hướng tới, đó là giữ cho được sự có mặt của nước Pháp trên mảnh đất này".

Riêng về cá nhân, qua câu chuyện của Tướng Lơse, Tướng Xalăng càng hiểu vì sao Thống chế Gioăng tỏ ra lạnh nhạt trong cuộc kinh lý Đông Dương vừa qua. Thì ra từ lâu ở Pari, mọi việc đã được an bài, số phận của ông ta đã được định đoạt. Chuyện ra đi chỉ còn là một sớm một chiều.

Qua tin tức từ đài báo phương Tây, ngay khi trên đường trở về căn cứ địa Việt Bắc, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã biết đang có biến động trong hàng ngũ chỉ huy cao cấp của quân viễn chinh.

Chú thích:

1. Gồm 88 tiểu đoàn Âu - Phi, 27 tiểu đoàn ngụy trong biên chế của quân đội viễn chinh Pháp và 45 tiểu đoàn ngụy - biên chế riêng, tức Quân đội quốc gia của chính quyền Bảo Đại.

2. Theo tài liệu của Ban Tổng kết chiến lược trực thuộc Tổng Quân ủy thì trong hai cuộc càn Quả chanh (Citron) và Quả quýt (Mandarine),ở Hưng Yên và Thái Bình từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 10-1951, địch huy động trên 4 GM (từ 15 đến 18 tiểu đoàn bộ binh), 1 tiểu đoàn cơ giới, 4 tiểu đoàn pháo 105 mm, 1 tiểu đoàn công binh, khoảng 30 tàu, xuồng. Cũng trong thời gian này, ở Trung Bộ, các cuộc càn quét ở Phong Điền, Quảng Điền, Cam Lộ, binh lực địch cao nhất cũng chỉ 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo, thời gian từ 2 đến 10 ngày. Ở Nam Bộ, các cuộc càn ở Cao Lãnh, Cái Bè, Đồng Tháp Mười, Sa Đéc, binh lực cao nhất cũng chỉ 3 - 4 tiểu đoàn bộ binh, kết hợp với 30 - 65 xe lội nước, trong thời gian từ 2 đến 4 ngày. Về tính chất ác liệt, trong cuộc càn Con sứa (Meduse) ở Thụy Anh (Thái Bình), địch bắt 8.000 thanh niên, đốt trụi 3/4 làng chiến đấu; trong cuộc càn Quả chanh ở nam Thanh Miện, địch bắt 2.600 người dân, đóng thêm 17 vị trí. Trong cuộc càn Quả quýt ở ba huyện Tiên - Duyên - Hưng (Thái Bình), địch bắt 8.000 người dân, giết 2.000 người, cướp 2/3 tổng số trâu, bò.

3. Họp từ ngày 27-9 đến ngày 5-10-1951.

4. Sau này, *Lịch sử kháng chiến chống Pháp của Liên khu 3* viết: "Từ ngày địch đánh rộng ra chiếm toàn bộ miền đồng bằng châu thổ sông Hồng và đưa "chiến tranh tổng lực" lên mức độ cao, tới cuối năm 1951 quân và dân Liên khu 3 ở Tả Ngạn cũng như ở Hữu Ngạn sông Hồng đã trải qua một thời kỳ giằng co hết sức phức tạp và phải chịu đựng những tổn thất nặng nề về người và của cải... Cho tới cuối năm 1951, dựa vào ưu thế quân đông và hỏa lực mạnh, địch đã xoá bỏ được hầu hết các khu du kích, căn cứ du kích của ta và đạt được một số thành công tạm thời trong âm mưu bình định vùng châu thổ Bắc Bộ".

5. Từ phía bắc Hà Đông (giáp đường số 6) đến Sơn Tây, Việt Trì, xuống Lục Nam, Đông Triều - Quảng Yên - Tiên Yên.

6. Hướng Tây Bắc: bố trí của địch quá phân tán, ngụy binh chiếm đa số, công sự không vững chắc bằng trung du, nếu bị tiến công địch có thể nhanh chóng rút quân, ta ít có điều kiện dùng binh lực lớn, đánh tiêu diệt lớn. Hướng trung du: phòng tuyến mạnh nhất của địch, địa thế vùng địch hậu hẹp, với điều kiện trang bị kỹ thuật như hiện nay, bộ đội ít có điều kiện đánh công kiên cũng như đánh vận động. Hướng Đông Bắc: địch bố trí thành một tuyến, ngụy binh nhiều, nhưng công sự tương đối kiên cố, giao thông tiếp tế khó khăn, cơ sở nhân dân kém. Hướng Hữu Ngạn - Liên khu 3: công sự địch còn yếu, xa căn cứ lớn của chúng, chiến trường rộng, có điều kiện đánh cả công kiên và vận động, nhưng nhiều sông ngòi, chuyển quân và vận chuyển tiếp tế khó khăn. Nếu địch đánh ra Hoà Bình thì đó là một cơ hội cho ta tiêu diệt địch.

7. Tức là phương châm đẩy mạnh vận động chiến, chú trọng công kiên chiến, đồng thời phát triển du kích chiến.

8. Đại đoàn 312 hoạt động từ thị xã Hoà Bình lên đến Trung Hà, dọc theo đường sông Đà, cả hai bên tả ngạn và hữu ngạn; Đại đoàn 316 và Trung đoàn 246 phối hợp với bộ đội địa phương Bắc Ninh - Bắc Giang, phát động chiến tranh du kích (cần mạnh dạn cho một bộ phận vào trong lòng địch), riêng Trung đoàn 176, bố trí ở vùng Lạng Sơn, Lộc Bình, đề phòng địch tiến công lên đường số 4; Đại đoàn 308 đóng quân ở Phú Thọ, tiếp tục chỉnh huấn nhưng sẵn sàng nhận lệnh chiến đấu.

9. Sau này, Tướng Xalăng khoe trong hồi ký rằng trong trận Tu Vũ, quân Pháp đã bắn trên 5.000 viên đạn pháo để yểm trợ cho "một trận chiến đấu phòng ngự xứng đáng trong những sự kiện cao cả nhất trong lịch sử quân sự của Pháp".

10. Trên toàn chiến trường Bắc Bộ, ta đã tiêu diệt 23 đại đội, đa số là Âu - Phi. Riêng trên mặt trận sông Đà - đường số 6, từ ngày 10 đến ngày 14-12, địch bị tiêu diệt 10 đại đội tinh nhuệ.

11. Trong thư đề ngày 16-12 gửi về hậu phương, đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo rõ với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương rằng đợt 1 có thể nói là thắng nhưng chỉ thắng một nửa vì trong trận Tu Vũ ta cũng bị tiêu hao dù đa số chỉ là bị thương nhẹ; tại khu vực Ba Vì, bộ đội bỏ mất nhiều cơ hội đánh địch vận động (nếu làm đúng kế hoạch, không phạm thiếu sót về thông tin và tổ chức chỉ huy thì có thể tiêu diệt 3 tiểu đoàn địch); trong khi đó bộ đội đạt thành tích khá trong các trận đánh viện trên sông Đà.

12.. Đây là bức thư cuối cùng của Đờlát viết cho Xalăng. Trước bệnh tình không thể cứu chữa được của Đờlát, Chính phủ Pháp bổ nhiệm Xalăng làm quyền Tổng Chỉ huy quân viễn chinh

Pháp ở Đông Dương từ ngày 1-1-1952. Mười ngày sau, ngày 11-1, Tướng Đờlát chết, được truy phong Thống chế Cộng hoà Pháp.

13. Phân khu sông Đà, gồm 4 tiểu đoàn bộ binh chiếm đóng, dưới sự yểm trợ của 9 phân đội pháo, cùng với 2 tiểu đoàn dự bị và GM1 của Blăngcơ, có nhiệm vụ bảo vệ tuyến vận chuyển trên đường số 6; Phân khu Hoà Bình gồm 3 tiểu đoàn lê dương ngay trong thị xã, 2 tiểu đoàn Mường của Vanuyxem, 5 phân đội pháo, 2 tiểu đoàn dù và 1 phân đội chiến xa làm lực lượng xung kích.

14. Vùng Bãi Bằng - Yên Lệ (đi từ nam Ba Vì ra đến sông Đà, xuống sát Hoà Bình và đường số 6); Vùng Núi Chẹ - Đá Chông (ở phía bắc Ba Vì) và Vùng Hoà Bình - đường số 6.

15. Trước đây thị xã Hoà Bình ở tả ngạn sông Đà, bên núi Ba Vành. Sau này được biết, theo kế hoạch Amarante, sau khi qua sông, địch chia cuộc rút chạy thành nhiều cung đoạn, theo trục Bến Ngọc - xóm Pheo - Đồng Bến - Ao Trạch - Đèo Kẽm - Mộ Thôn - Xuân Mai.

16. Cuối tháng 1, đầu tháng 2-1952, nội các Plêven (René Pléven) đổ, ngày 7-2, Phô (Felix Faure) lên thay. Đây là nội các thứ 16 kể từ ngày Pháp trở lại xâm lược Đông Dương. Nội các của Phô cũng chỉ tồn tại được khoảng ba tuần, đến ngày 27-2-1952 thì đổ. Đầu tháng 3, đến lượt Antoine Pinay ngồi vào ghế thủ tướng.

17. Thư gửi các ông Lê Thanh Nghị và Văn Tiến Dũng ngày 22-1-1952.

18. Theo báo cáo tổng kết của Tổng Tư lệnh, riêng trên mặt trận chính diện, quân ta đã bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt GM4 ở Ba Vì, tiêu diệt 2 tiểu đoàn dù trên đường Ba Trại, tiêu diệt GM1 lên tiếp cứu mỏm 600, tiêu diệt địch lúc chúng rút lui.

19. Báo cáo gồm 5 phần: 1- Kinh nghiệm chỉ đạo chiến dịch; 2- Kinh nghiệm chủ yếu về chiến thuật; 3- Kinh nghiệm chủ yếu về động viên chính trị, lãnh đạo tư tưởng; 4- Vấn đề tác phong và tư tưởng của cán bộ; 5- Kết luận.

20. Các đơn vị khác của 325 hoặc đang hoạt động trên chiến trường phía nam Khu 4 hoặc hành quân ra Việt Bắc nhận trang bị mới, nên hoạt động chủ yếu trong vùng địch hậu Quảng Bình lúc này chỉ có Trung đoàn 95 và lực lượng vũ trang của tỉnh.

21. Ba công tác chính cần đẩy mạnh trong địch hậu theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương là: dân vận, ngụy vận và phát triển chiến tranh du kích.

22. Những khó khăn của địch là: thiếu binh lực; tinh thần sa sút sau thất bại ở Hoà Bình và sau khi Đờlát chết; hệ thống "bình định" ở địch hậu xây dựng từ mấy năm nay bị phá một phần quan trọng; lực lượng vũ trang của ta ở địch hậu mạnh hơn trước nhiều; nhân dân địch hậu đã vùng lên đấu tranh đông đảo và mạnh mẽ hơn trước.

23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.13, tr.23.

24. Groupement administratif mobile opérationnel - một tổ chức chiêu hồi mà chức năng giống như tổ chức Phượng hoàng của Mỹ - ngụy sau này.

25. Gồm chừng 20 tiểu đoàn của 5 GM 1, 2, 3, 4, 7, và 2 tiểu đoàn cơ giới, 3 tiểu đoàn pháo, chừng 500 xe cơ giới, hơn 40 tàu chiến và canô và một số đơn vị quân dù, dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Tư lệnh quân viễn chinh ở miền Bắc là Tướng Đờ Linarét.

26. Trung đoàn 52 ở Thụy Anh, Thái Ninh; Trung đoàn 48 ở Tiền Hải, Kiến Xương, Đại đoàn bộ 320 và Tiểu đoàn bảo vệ ở Lưu Phương, nam Tiền Hải 6 km.

27. Địa phương quen gọi là "luồn càn".

28. Ba cuộc càn Poóctô - Pôlô - Tuyếccô quy mô 6 GM ở Thuận Thành, Quế Võ, nơi đứng chân của Trung đoàn 98; cuộc càn Lạc đà (Dromadaire - quy mô 4 GM) với mục tiêu là loại trừ Trung đoàn 42 mà địch gọi là "Trung đoàn ma" đang hoạt động ở vùng bắc sông Luộc; cuộc càn Chuột túi (Kangourou - quy mô 8 tiểu đoàn) càn quét vùng Phú Xuyên, Ứng Hoà, Kim Bảng nhằm tiêu diệt Trung đoàn 46; cuộc càn Sơn Dương (Antilope - quy mô 10 tiểu đoàn) càn quét vùng Duy Tiên, Lý Nhân)...

29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.13, tr.112.

30. Trung ương cử ông Đỗ Mười giữ chức Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Khu Tả Ngạn, ông Nguyễn Khai giữ chức Tư lệnh, ông Dương Hữu Miên - Phó Tư lệnh, ông Đặng Tính - Phó Chính ủy. Do cuộc đấu tranh chống địch càn quét diễn ra ác liệt và liên tục cho nên dù đã có quyết định thành lập và chỉ thị nhiệm vụ từ tháng 5, quy định bắt đầu hoạt động độc lập từ tháng 6, nhưng mãi đến ngày 1-7, Khu Tả Ngạn mới chính thức tách khỏi Liên khu 3 thành một đơn vị chính trị, kinh tế và quân sự độc lập.

31. Gửi Bộ Tư lệnh các Liên khu 3, Việt Bắc, Khu Tả Ngạn, các đại đoàn 320 và 304, đồng điện các Ủy ban kháng chiến khu và Liên khu ủy.

32. Chỉ thị gồm những nội dung sau đây: 1- Nhận định tình hình ta, địch; 2- Thấu triệt tư tưởng chiến thuật và sự chỉ đạo chiến tranh du kích; 3- Thống nhất lãnh đạo chỉ huy và tinh giản cơ quan, bộ đội; 4- Tăng cường công tác dân vận; 5- Vấn đề cung cấp; 6- Kế hoạch hoạt động hè.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.13, tr.113-114.

34. 1- Phải nắm vững các đặc điểm của cuộc kháng chiến; 2- Kháng chiến phải trường kỳ nhưng không phải vô kỳ hạn; 3- Phải tích cực phát động quần chúng để bồi dưỡng và tích trữ lực lượng, chuẩn bị đầy đủ để chuyển mạnh sang tổng phản công.

35. Động viên nhân lực, vật lực, tăng gia sản xuất, xây dựng quân đội, đấu tranh trong vùng sau lưng địch (nhằm phá âm mưu địch dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh).

36. Trận càn quét đông nam Thái Bình (Mercure), trận càn bắc sông Đuống (Turco), trận càn bắc sông Luộc (Dromadaire).

37. Ý nói chính quyền tay sai ba nước Đông Dương.

38. Các ông nghị cộng sản lên án cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương là một cuộc chiến tranh bẩn thỉu, Đảng Xã hội chủ trương không xâm lược mà cũng chẳng bỏ rơi, tán thành thương lượng với Trung Quốc và các cường quốc khác (thực chất là quốc tế hoá cuộc chiến tranh Đông Dương), Đảng Cấp tiến cho rằng do dốc sức vào Đông Dương nên sự đóng góp của Pháp vào châu Âu bị hạn chế, khiến cho Pháp bị lép vế; chủ trương nên hướng vào châu Phi vì đối với Pháp, châu Á đã trở thành xa vời. Đảng Cộng hoà bình dân MRP và Đảng Tập hợp dân chúng Pháp RPF chủ trương thành lập một mặt trận liên minh với Mỹ ở Đông Nam Á.

39. Sau này Xalăng tiết lộ: Trong 17 tháng (từ giữa năm 1950 đến đầu năm 1952, Mỹ đã viện trợ cho Pháp 120.000 tấn dụng cụ chiến tranh, gồm 178 máy bay, 170 tàu, xuồng các loại, nhiều xe tăng và các phương tiện thông tin, quân nhu.

40. Tướng Raun Xalăng (Raoul Salan) đã từng là Đồn trưởng đồn Đình Lập (Lạng Sơn) từ những năm 20 của thế kỷ XX và đã từng đối mặt với ta không những trên chiến trường mà cả trên bàn đàm phán ngay sau Cách mạng Tháng Tám.

41. Ví dụ: đã vực tinh thần quân viễn chinh dậy, dùng uy tín cá nhân trong quan hệ với Mỹ để được tăng cường viện trợ, tổ chức gấp quân đội cho Bảo Đại, xây dựng phòng tuyến hòng giữ vững đồng bằng sông Hồng và bao trùm lên tất cả là chủ trương từng bước Việt Nam hoá chiến tranh.

42. Đảng ủy chiến dịch gồm các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái, Nguyễn Chí Thanh và Trần Đăng Ninh. Ban Cán sự Hậu cần, còn gọi là ban cán sự đường số 41, gồm các đồng chí Đặng Kim Giang (Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần), Hoàng Văn Tiến (Khu ủy viên Liên khu 3), Nguyễn Văn Thân (Khu ủy viên Liên khu 4).

43. Đợt 1: Tiêu diệt Phân khu Nghĩa Lộ, đồng thời dùng những bộ phận chủ lực tranh thủ thâm nhập vùng Phù Yên, Quỳnh Nhai, phối hợp với bộ đội địa phương kiềm chế địch; Đợt 2: Giải phóng Sơn La.

44. Để triển khai kế hoạch bảo vệ hậu phương, Tổng Tư lệnh chuẩn y kế hoạch của cơ quan tham mưu, bố trí ở Thái Nguyên hai tiểu đoàn của Trung đoàn 246 (Trung đoàn cảnh vệ bảo vệ Trung ương) và Trung đoàn 238; ở Phú Thọ: Trung đoàn 176 (của 316), một tiểu đoàn của 246 và hai trung đoàn 88B và 36B (238, 88B và 36B là những đơn vị đang trong quá trình xây dựng).

45. Báo cáo nhan đề *Quyết tâm đánh thắng trong Chiến dịch Tây Bắc,* gồm năm phần: 1- Ý nghĩa mục đích của chiến dịch; 2- Chủ trương tác chiến của Tổng Quân ủy; 3- Phương châm tác chiến; 4- Điều kiện tất thắng và khó khăn cần khắc phục; 5- Những điều cần chú ý trong khi chỉ đạo.

46. Theo kế hoạch bảo vệ hậu phương kháng chiến, khi các đại đoàn chủ lực hành quân lên hướng chính Tây Bắc, 1 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 246 của bộ bố trí ở nam thị xã Thái Nguyên, 1 tiểu đoàn ở vùng tự do Phú Thọ, phối hợp với lực lượng địa phương sẵn sàng đánh địch; Trung đoàn 238 của Liên khu Việt Bắc luân lưu hoạt động trong vùng địch hậu Bắc Bắc; khi địch chưa đánh ra, bộ đội địa phương và các trung đoàn chủ lực đứng chân ở Thái Nguyên, Phú Thọ - nhất là các đơn vị mới thành lập, tiếp tục chương trình huấn luyện.

47. Trung đoàn 141 (312) diệt vị trí Sài Lương, Trung đoàn 98 (316) diệt Bản Trại, Trung đoàn 174 (316) diệt Ca Vịnh và Ba Khe, nhiều đồn bốt địch bỏ chạy (Thượng Bằng La, Đồng Bồ, Khe Địa, Gốc Báng, Vạn Yên, Bản Muỗng).

48. Chi tiết này gần 20 năm sau được Tổng Chỉ huy Pháp kể lại trong hồi ký.

49. Phóng viên chiến trường kể lại rằng Tướng Xalăng không ngờ lệnh đó đã đem lại thảm họa cho Tiểu đoàn Bigia. Mặc dù được đồn binh Mường Chén và nhất là không quân yểm trợ, được Vôđrây đi đón, những tên lính dù sống sót sau hàng tuần lễ tháo chạy khỏi Tú Lệ cuối cùng chỉ còn là "những tên lính kiệt sức, nhem nhuốc, người đầy vắt, run lên vì sợ hãi và vì sốt rét, lê chân về tới Nà Sản". Riêng Xalăng thở phào nhẹ nhõm khi nghe tin một số lính dù cùng với Bigia còn

sống sót đã về tới đích. Sau này trong hồi ký, viên tướng này viết: "Pari sẽ không tha thứ cho tôi nếu tôi để một tiểu đoàn lính dù bị xoá sổ". Số lính dù này không còn sức chiến đấu nên được đưa ngay về Hà Nội.

50. Gin (Gilles), đại tá, người được giao nhiệm vụ xây dựng Nà Sản thành một tập đoàn cứ điểm, đồng thời chỉ huy Mặt trận Sơn La, cụ thể là tuyến phòng thủ dọc sông Đà từ Mường Sài đến Mộc Châu, ngăn chặn quân ta vượt sông Đà; Vôđrây

51. Trước khi ta bước vào đợt 2 chiến dịch, địch đã nâng lực lượng của chúng ở Tây Bắc lên thành 16 tiểu đoàn và 32 đại đội, tổ chức Tây Bắc thành hai mặt trận Lai Châu và Sơn La.

52. Xuất phát ngày 29-10, 2 GM 1 và 3 cùng với hai thiết đoàn cơ giới vượt sông Đà ở Trung Hà, hành quân lên hướng Lâm Thao, Phú Thọ, phối hợp với 2 GM 4 và 5 lên hướng Phú Hộ phối hợp với quân dù chiếm Phủ Đoan. Trung tâm lùng sục là vùng ngã ba sông Lô - sông Chảy - Đoan Hùng.

53. Dù điều kiện khó khăn của một địa bàn rừng núi mới được giải phóng, tính chung trong chiến dịch này, nhân dân các dân tộc Tây Bắc đã đóng góp 1.140 tấn gạo, 40 tấn thịt, 150.000 ngày công.

54. Đại đoàn 312 có nhiệm vụ tiêu diệt Tiểu đoàn 3, Trung đoàn Marốc 1 và vị trí Ba Lay; Đại đoàn 316 tiêu diệt vị trí Mộc Châu; Đại đoàn 308 tiêu diệt Mường Lụm. Các đơn vị đều phải sẵn sàng đánh viện binh địch.

55. Than Uyên, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo, Mường La, Thuận Châu, Điện Biên và thị xã Sơn La.

56. Trong lúc thảo luận có hai ý kiến cho rằng vì đã mang quân lên đây rồi thì phải đánh và vì thực hiện quyết tâm của Trung ương nên phải đánh Nà Sản.

57. Trên hướng chính Tây Bắc, ta diệt hơn 1.000 tên, bắt sống 5.024 tên. Trong số bị bắt có hơn 1.000 tên Âu - Phi. Trong số bị tiêu diệt có 1 tiểu đoàn Âu - Phi, 1 tiểu đoàn bộ và 28 đại đội bị diệt gọn. Ở Phú Thọ, ta diệt hơn 1.700 tên, bắt sống 173 tên, trong đó có hơn 100 tên Âu - Phi. Trong số bị tiêu diệt có một tiểu đoàn bộ và 3 đại đội bị diệt gọn. Trên chiến trường địch hậu (tuy tin tức lúc này tổng hợp chưa đầy đủ), ta tiêu diệt trên 4.000 tên, bắt sống 1.846 tên.

58. 1- Sự lãnh đạo của Trung ương, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh; 2- Sự chỉ đạo của Tổng Quân ủy; 3- Sự tiến bộ về mọi mặt của cán bộ và chiến sĩ; 4- Tinh thần hy sinh phục vụ tiền tuyến và sự ủng hộ hết lòng của nhân dân; 5- Sai lầm về chỉ huy của địch.

59. Gồm hai trung đoàn 141, 98 và Tiểu đoàn 88 của Trung đoàn 176, do Đại đoàn trưởng 312 Lê Trọng Tấn chỉ huy.

60. Mac Mahon (Bộ trưởng Không quân và Hải quân Ôxtrâylia), Alexandre Parodi (Tổng Thư ký Phủ Tổng thống Pháp), Jacques Foccart (Cố vấn kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng khối Liên hiệp Pháp), André Montel (Bộ trưởng Không quân Pháp), Luce (Tổng Biên tập các tạp chí *Times* và *Life*), Heath (Đại sứ Mỹ), Boegner (mục sư, đứng đầu các nhà thờ Cơ đốc giáo ở Pháp), Jean Lacouture (phóng viên của tờ *Thế giới),* Tướng Lechères (Chủ tịch Hội đồng các Tham mưu trưởng), Tướng Clark (Tư lệnh Mỹ ở Nam Triều Tiên), Alphonse Juin (Thống chế Pháp).

61. Trong số 3.830 tên bị loại khỏi vòng chiến đấu, có 2.840 tên mất tích mà 1/4 là thuộc loại tinh nhuệ (gồm 400 lính Pháp, 220 lính Bắc Phi, 60 lính lê dương), chủ yếu bị bắt trong hai đợt đầu của Chiến dịch Tây Bắc.

62. Họp ở Gò Tre, xóm Thổ Ngòi (Ngòi Là), xã Mỹ Bằng (Mỹ Lâm), huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang - trong căn cứ địa Việt Bắc. Sau Đại hội, cuối năm 1950, Chủ tịch Xuphanuvông cùng Chính phủ kháng chiến Lào chuyển đến xóm Đá Bàn, ở chân núi Là (cũng thuộc Mỹ Lâm). Ngay sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Đá Bàn thăm Chủ tịch Xuphanuvông và Chính phủ Lào. Hiện nay, tại Thổ Ngòi còn dấu tích nền hội trường, nền nhà của Hoàng thân Xuphanuvông và nền nhà của ông Cayxỏn Phômvihẳn.

63. Về công tác hậu cần trong Chiến dịch Tây Bắc, *Lịch sử Hậu cần* đánh giá: Trong 20 ngày, tuyến vận tải Khâu Vác - Nậm Mười chỉ chuyển được 83 tấn gạo (tức chỉ đạt 28% kế hoạch). Có ngày chỉ được 1 tấn, tức 1/15 kế hoạch. Hội nghị Quân ủy kiểm điểm sự chỉ đạo Chiến dịch Tây Bắc, nhận định: "Trong đợt 1, tuyến cung cấp ở Khâu Vác là một thất bại lớn. Tổng cục Cung cấp đã không làm tròn nhiệm vụ... Do thất bại đó mà bộ đội đã thiếu thốn rất nhiều, những khó khăn về sau cũng tăng thêm. Kế hoạch tác chiến không thực hiện được đúng thời gian đã định". Nguyên nhân là do không nắm vững tình hình khó khăn về địa hình hiểm trở và thời tiết không thuận lợi nên kế hoạch đề ra không sát.

64. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.64.

65. Theo *Từ Đồng Quan đến Điện Biên* của Đại tướng Lê Trọng Tấn thì hướng tiến công bị lộ vì khi đang đi trinh sát, một tên dẫn đường đầu hàng địch. Sau đó, ngày 12-4, một cán bộ trung đội bị địch bắt ở Sầm Nưa.

66. Groupement commandos mixtes aéroportés - bọn biệt kích người Mẹo (chừng 1.000 tên, được gọi là Binh đoàn Méclô Xécvan do Đại úy Đêphácgiơ chỉ huy) chuyên hoạt động ở Thượng Lào và Tây Bắc Việt Nam.

67. Theo tài liệu của địch, từ Sầm Nưa đến Bản Ban bình thường địch phải đi mất 8 ngày, nhanh cũng phải 5 ngày.

68. Đồng chí Đỗ Đức Kiên là Trưởng ban Tác chiến chiến dịch, phái viên đốc chiến của Sở Chỉ huy đi theo Đại đoàn 308. Các tên khác ghi trong điện là tên cán bộ chỉ huy các trung đoàn, đại đoàn.

69. Sau này được biết Manplát đã cùng khoảng 200 tên lính ngụy Lào của Tiểu đoàn 1 ngụy Lào được bọn biệt kích Mẹo đưa đi trốn, hy vọng trực thăng đến đón. Sau khi chiến dịch kết thúc, bọn tàn binh này mới mò về được Cánh Đồng Chum.

70. Tức các đơn vị chủ lực Quân giải phóng Lào và Quân tình nguyện Việt Nam (đã sang hoạt động trên chiến trường Lào từ trước) cùng tham gia chiến dịch với chủ lực ta.

71. Đại đoàn 304 có nhiệm vụ chặn địch trên đường số 7 không cho địch chạy về Bản Ban và Xiêng Khoảng.

72. Như vậy tin Noọng Hét bị tiêu diệt ngày 16-4 là báo cáo sai.

73. Sau này hồi ký của Xalăng chứng minh tin này là đúng: ngày 19, Hà Nội ra lệnh cho Đại đội 3 quân dù biệt kích xuống để hỗ trợ cho đám tàn quân rút chạy.

74. Địch bị tiêu diệt ở hướng Sầm Nưa: 3 tiểu đoàn và 3 đại đội, hướng Nậm Hu: 8 đại đội, trên đường số 7: 250 tên, tổng cộng chừng 2.800 tên, bằng 1/5 tổng số binh lực địch ở Lào, thu nhiều vũ khí trang bị, trong đó có toàn bộ kho dự trữ của địch trong tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa.

75. Ngày 18-5, sau khi ta lui quân, địch chiếm lại Xiêng Khoảng.

76. 1- Sự chỉ đạo chính xác của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch; 2- Tinh thần chiến đấu bền bỉ và anh dũng của nhân dân và quân đội Giải phóng Pathét Lào; 3- Sự chỉ đạo cương quyết và linh hoạt của Tổng Quân ủy; 4- Tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn và anh dũng chiến đấu của bộ đội chủ lực và bộ đội tình nguyện Việt Nam tại Lào; 5- Tinh thần hy sinh tận tụy và tích cực phục vụ tiền tuyến của anh chị em dân công và nhân dân hậu phương.

77. Thực tế cho thấy địch đi rất chậm (trung bình 17 - 18 km/ngày), sức lực và tinh thần mệt mỏi, nhất là bọn ngụy binh, mất nhiều thì giờ nghỉ dọc đường, sự yểm trợ của không quân hầu như không có gì.

78. *Lần thứ nhất* ở chặng đường Sầm Nưa - Nà Noọng, ta dừng lại Mường Hàm quét bọn ngụy quyền, không truy kích ngay nên chậm mất 5 giờ. Bốn sĩ quan địch bị ta bắt được ở Nà Noọng đều nói rằng ta chỉ đến sớm một giờ thì chúng bị tiêu diệt hoàn toàn. *Lần thứ hai* ở chặng Nà Noọng - Mường Pờn, đuổi địch đến cách Mường Pờn 4 km thì dừng lại. *Lần thứ ba* ở quãng Mường Pờn - Hứa Mường, đuổi cách Hứa Mường 3 km thì nghỉ lại, hôm sau địch rút khỏi Hứa Mường ta không biết. *Lần thứ tư* ở quãng Hứa Mường - Mường Lạp, đã đuổi địch quá Mường Lạp 15 km nhưng rồi do thấy quân ít, sợ địch phản kích nên cho bộ đội quay về, đến nửa đêm mới từ Mường Lạp trở lại đuổi địch. *Lần thứ năm* ở Bản Trò, đang truy kích, gặp đơn vị bạn cho là hết nhiệm vụ, cho bộ đội nghỉ lại một ngày đêm, khi có lệnh mới đuổi tiếp.

Chương VIII

Đứng trước những cố gắng cuối cùng của Pháp - Mỹ

33- Lần thứ bảy Pari thay Tướng

Đài Phát thanh Con nhạn và báo chí Sài Gòn, Hà Nội đưa tin một viên tướng Nava nào đó vừa hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất ngày 19-5 với cương vị Tổng Chỉ huy mới. Các ký giả để lộ một chi tiết cho thấy cách ứng xử không bình thường của Tướng Xalăng. Viên Tổng Chỉ huy cũ không có mặt ở Sài Gòn để đón người kế nhiệm. Hai ngày sau, 21-5, Tướng Nava cùng Bộ trưởng Bộ Các quốc gia liên kết Lơtuốcnô bay ra Hà Nội. Thái độ ban đầu của Tổng Chỉ huy mới được đánh giá là dè dặt và ông ta tỏ ra vui mừng khi gặp một người bạn cũ là Tướng Đờ Linarét. Theo những trang hồi ký của Xalăng thì khi ông bạn Linarét chân tình hỏi Nava rằng tại sao lại mò sang cái xứ Đông Dương xa lạ này, Nava đã cho mọi người biết đôi điều về những ngày đầu tháng 5 vừa qua ở Pari xung quanh việc thay tướng. Khi nghe tin được bổ nhiệm, Nava có hỏi cấp trên của mình là Thống chế Gioăng rằng "liệu tôi có thể từ chối không sang đó được không?", thì Gioăng trả lời: "đừng đặt vấn đề ra như vậy". Còn Thủ tướng Mayê, vốn là người quen cũ thì nói với Tướng Nava bằng "khẩu khí hạ đạt mệnh lệnh" như sau: Cuộc chiến tranh kéo dài 8 năm đã bòn rút nền tài chính của chúng ta, làm cho các chính đảng chống đối nhau và tạo nên một không khí không lành mạnh ở Quốc hội. Trong khi đó thì ở bên ấy - Đông Dương - người ta bị trói chặt vào những vấn đề lãnh thổ và thuộc địa. Phải chấm dứt tình trạng đó bằng cách tìm ra một giải pháp - một đáp số cho bài toán. Ông có nhiệm vụ đi xem xét vấn đề và báo cáo lại với Chính phủ".

Sự có mặt của Nava ở Sài Gòn khẳng định việc thay tướng đã thành sự thật. Đại tướng Hăngri Nava là viên Tổng Chỉ huy thứ bảy của quân viễn chinh Pháp đồng thời cũng là đối thủ thứ bảy của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Các nguồn tin cho biết, cùng với việc Tướng Xalăng bị triệu hồi, hầu hết số sĩ quan cao cấp mà Tướng Đờlát đem sang hồi cuối năm 1950 đều được thay thế bằng một bộ sậu mới. Theo tin tức ban đầu mà báo chí Sài Gòn và Hà Nội đăng tải thì Tổng Chỉ huy mới của quân viễn chinh Pháp trưởng thành trong ngành tình báo, vừa qua giữ chức Tham mưu trưởng lục quân của Trung Âu trong Khối Bắc Đại Tây Dương (NATO). Bôđê (Bodet), nguyên chỉ huy không quân, nay được cử làm phó tướng cho Nava. Lôdanh (Lauzin - xuất thân là phi công) thay Sátxanh (Chassin) làm Tư lệnh Không quân. Găмbiê - nguyên chỉ huy chiến trường nam đồng bằng sông Hồng, được đánh giá là có thành tích và kinh nghiệm về "bình định" ở vùng Phát Diệm, đã từng sang nghiên cứu kinh nghiệm của quân đội Mỹ và đồng minh ở Triều Tiên, nay được cử thay Ala làm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy quân viễn chinh. Tướng Cônhi (René Cogny), viên tướng đã từng nhiều lần điều hành các cuộc càn quét bình định ở Tả Ngạn, vừa nhận ngôi sao thứ ba, được cử thay Đờ Linarét chỉ huy Bắc Bộ.

Về bộ máy mới cầm đầu quân viễn chinh Pháp, Tổng Quân ủy nhận xét: Trong số những sĩ quan cao cấp mới của địch, ta thấy có nhiều tên đã làm việc với Mỹ, với quân đội châu Âu, đã sang Mỹ, sang Triều Tiên học tập kinh nghiệm, nhiều tên đã quen thuộc chiến trường Đông Dương và có kinh nghiệm trong công tác bình định. Với bộ máy chỉ huy mới hình thành của địch, với những tin tức về khả năng tăng cường viện trợ của Mỹ cho Pháp trong điều kiện cuộc chiến tranh Triều Tiên sắp kết thúc[1], rõ ràng là tình hình có những nét mới rất đáng chú ý.

Lúc này điều quan tâm của Bộ Tổng tham mưu là theo dõi ý đồ chiến lược và kế hoạch tác chiến mới của Bộ Chỉ huy quân viễn chinh để có thêm cơ sở giúp Tổng Quân ủy tập trung nghiên cứu

tình hình, đánh giá lại cục diện chung 6 tháng đầu năm và chuẩn bị phương hướng chỉ đạo mùa khô sắp tới.

Trong bản báo cáo đề ngày 27-6 trình Bộ Chính trị, Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp nhận định: Nhìn chung trên chiến trường toàn quốc, trong 6 tháng đầu năm, ta đã thắng lớn ở Thượng Lào và thu được nhiều thắng lợi ở đồng bằng Bắc Bộ, ở Trung Bộ và Nam Bộ. Mặc dù bị tổn thất nặng và bị phân tán chủ lực lên Thượng Lào, địch đã mở rộng được phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng Bắc Bộ, lấn chiếm và chia cắt các khu căn cứ của ta ở Trung Bộ và Nam Bộ, tích cực thực hiện âm mưu bình định, dồn làng, cướp phá nhân, vật lực của ta. Trong khi đó thì chúng vẫn điều động được lực lượng ở Trung và Nam ra để tiếp viện cho Bắc Bộ".

Từ thực tế chiến dịch Thượng Lào và dự kiến hướng hoạt động mùa khô sắp tới (chủ lực đánh lớn, chiến trường xa hậu phương), bản báo cáo của Tổng Quân ủy nhận định: "Đầu năm nay, từ khi Chính phủ quyết định thành lập các hội đồng cung cấp mặt trận, công tác phục vụ tiền tuyến tiến bộ hơn trước, việc phân công phối hợp giữa Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh với các bộ khác và các địa phương được dễ dàng và cụ thể hơn. Tuy nhiên, bộ máy làm việc của Hội đồng Cung cấp mặt trận chưa được kiện toàn, các công đoàn thuyền và xe đạp chưa được phát triển và củng cố. Một khuyết điểm lớn là việc sửa chữa đường cầu chưa được thực sự coi trọng. Chính vì đường cầu chưa bảo đảm cho nên không những đã hạn chế rất nhiều việc sử dụng các phương tiện cơ giới, do đó đã gây nhiều khó khăn cho việc phục vụ tiền tuyến và làm tăng sức đóng góp của nhân dân, mà còn ảnh hưởng đến việc hành quân của bộ đội. Thời gian sắp tới, đi đôi với việc kiện toàn tổ chức của các Hội đồng Cung cấp mặt trận và củng cố các công đoàn thuyền, xe đạp, chúng ta phải đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng và sửa chữa đường cầu, đả thông tư tưởng cho cán bộ, tập trung toàn lực đề thực hiện đầy đủ chương trình theo đúng thời gian đã định".

Trong khi cơ quan tham mưu tiếp tục tìm hiểu về viên Tổng Chỉ huy mới và kế hoạch chiến lược sắp tới của Bộ Chỉ huy Pháp, các đơn vị tiếp tục triển khai kế hoạch mùa hè, chuẩn bị bước vào mùa khô thứ tám của cuộc kháng chiến.

Về xây dựng lực lượng, việc giáo dục chính trị hướng vào củng cố lập trường giai cấp cho bộ đội nhằm tăng thêm sức mạnh chính trị - tư tưởng và trực tiếp làm hậu thuẫn cho cuộc phát động nông dân đấu tranh thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng. Công tác huấn luyện quân sự hướng vào rèn luyện nâng cao trình độ tác chiến tập trung quy mô lớn, lấy đối tượng chủ yếu là kẻ địch phòng ngự trong công sự vững chắc - trong tập đoàn cứ điểm. Phương hướng luyện quân chuẩn bị cho mùa khô này đã rõ ràng, sau lần thử sức không thành công trước tập đoàn cứ điểm Nà Sản, tiếp đến là mất cơ hội đối mặt với tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa. Cùng với việc nghiên cứu hướng mở chiến dịch của bộ đội chủ lực ở phía trước, Tổng Tư lệnh suy nghĩ về biện pháp duy trì cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch mà trọng điểm là vùng châu thổ sông Hồng.

Nhìn lại năm 1952, với gần 100 cuộc càn quét lớn nhỏ rất khốc liệt trong vùng tạm bị chiếm kết hợp với hoạt động nham hiểm của các đội chiêu an bình định (GAMO), địch đã gây không ít khó khăn cho cuộc đấu tranh của ta trong nhiều vùng tạm bị chiếm trong cả nước, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ. Chưa biết âm mưu và kế hoạch sắp tới của địch như thế nào, nhưng sự có mặt của những sĩ quan cao cấp như Cônhi, Gambiê trong bộ máy cầm đầu quân viễn chinh, cho thấy vẫn tồn tại những thử thách lớn đối với cuộc đấu tranh của quân và dân vùng sau lưng địch.

Một mặt dự kiến những cuộc càn quét lớn và tàn khốc trong vùng địch hậu, một mặt Tổng Tư lệnh nhắc nhở cơ quan tham mưu cần đề phòng những cuộc hành binh lớn của địch ra vùng tự do

để thăm dò và phá kế hoạch chuẩn bị thu - đông của ta. Trong chỉ thị đề ngày 28-8-1953 gửi Đại đoàn 320 và Liên khu 3, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho đại đoàn điều hai trung đoàn ra vùng Nho Quan, Xích Thổ, vừa tiếp tục hoàn thành kế hoạch chỉnh quân chính trị và chỉnh huấn quân sự, đồng thời khẩn trương nghiên cứu chiến trường, cùng địa phương chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu; chuyển một trung đoàn đến một địa bàn do Bộ Tư lệnh đại đoàn quy định (có thể là vùng Kim Tân) để ngay sau khi chỉnh quân xong, sẽ điều trung đoàn này vào tăng cường cho địch hậu, cùng nhân dân và lực lượng vũ trang tại chỗ giữ vững cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch. Sau này thực tế cho thấy: với việc điều chỉnh vị trí đóng quân của Đại đoàn 320, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã thực sự giăng một cái bẫy, sẵn sàng "nghênh đón" quân Pháp khi Tướng Nava xua quân ra tây nam Ninh Bình. Riêng đối với vùng địch hậu Nam Bộ, qua nghiên cứu báo cáo tháng 5, điều khiến ông Giáp quan tâm là cần đề phòng và uốn nắn những lệch lạc trong việc chấp hành phương châm công tác trong vùng sau lưng địch đã được xác định trong Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai năm 1951 và Hội nghị chiến tranh du kích năm 1952. Trong bức điện đề ngày 15-7-1953 gửi Nam Bộ, Tổng Tư lệnh nhắc nhở phải đề phòng tư tưởng hữu khuynh trong chỉ đạo đấu tranh trong vùng sau lưng địch, đặc biệt là trong việc chuyển vùng du kích thành vùng tạm bị chiếm một cách nhất luật và đột ngột, không những chuyển hướng hoạt động mà còn giải tán luôn cả tổ chức vũ trang.

Đến khoảng cuối tháng 9-1953, được sự giúp đỡ của các bạn Trung Quốc, cơ quan tham mưu Tổng hành dinh của ta đã nắm được những nội dung chủ yếu của kế hoạch mang tên Nava. Đó là bản kế hoạch chiến lược mà Bộ Chỉ huy Pháp dự kiến triển khai và hoàn thành trong vòng 18 tháng, chia thành hai bước trong hai mùa khô. Nội dung kế hoạch ta nắm được hồi đó căn bản cũng là những điểm sau này được Tướng Nava ghi lại trong hai tập sách *Đông Dương hấp hối* và *Thời điểm của những sự thật*[2]. Cụ thể là:

- Trong mùa khô 1953-1954, nói chung giữ thế phòng thủ ở phía bắc vĩ tuyến 18[3] và tìm cách tránh giao chiến lớn. Trái lại ở phía nam, phải thực hành tiến công để làm ổn định miền Trung và miền Nam Đông Dương và để lấy được nhân, vật lực. Đặc biệt phải thanh toán cho được Liên khu 5.

- Khi đạt được ưu thế lực lượng về quân cơ động, từ mùa thu năm 1954 thực hành tiến công ở phía bắc nhằm mục đích tạo ra một tình hình quân sự cho phép đưa ra một giải pháp chính trị thích hợp để giải quyết chiến tranh.

Ngay khi kế hoạch này còn chưa được Hội đồng Quốc phòng ở Pari thông qua, Tướng Nava đã trù tính khẩn trương đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng, nhất là khối cơ động chiến lược để làm công cụ biến kế hoạch thành hiện thực. Nava chủ trương, trong vòng 2 năm:

- Đưa tổng số quân đội các quốc gia liên kết (ngụy Đông Dương) từ 16,8 vạn lên 28 vạn; xây dựng 122 tiểu đoàn khinh quân (Việt Nam 108 tiểu đoàn, Lào và Campuchia 14 tiểu đoàn), đối tượng tác chiến của các tiểu đoàn này là bộ đội địa phương của ta, lấy nhiệm vụ chủ yếu là triệt phá cơ sở kháng chiến trong vùng Pháp kiểm soát, đồng thời tham gia việc phát triển lực lượng cơ động chiến lược

- Xây dựng một khối cơ động chiến lược mạnh và hoàn chỉnh làm lực lượng tổng dự bị, lấy đối tượng tác chiến là các đại đoàn chủ lực của ta. Nava dự kiến: từ tháng 8-1953 đến tháng 3-1955 sẽ xây dựng xong 7 sư đoàn cơ động chiến lược, gồm 6 sư đoàn bộ binh (24 GM) và 1 sư đoàn không vận (3 GM), nâng tổng số lực lượng dự bị chiến lược lên 27 GM, gồm 12 GM quân đội bản xứ và 15 GM quân Âu - Phi.

Do khả năng tăng viện của Pari rất hạn chế, Tướng Nava buộc phải lần theo vết xe đổ của các vị Tổng Chỉ huy tiền nhiệm là dựa vào việc phát triển lính bản xứ để khắc phục nạn thiếu hụt quân số. Cụ thể là vận dụng biện pháp của Xalăng: Phát triển quân đội bản xứ để thay thế quân Âu - Phi làm nhiệm vụ chiếm đóng. Như sau này Tướng Nava viết trong cuốn *Thời điểm của những sự thật:* "Do chúng ta đang rất vội... nên việc phát triển quân đội các quốc gia liên kết trở thành cơ sở chủ yếu của kế hoạch của tôi, không có nó thì không có lối thoát". Theo Tướng Nava, để có thể rút bớt hoặc thay thế được quân Âu - Phi chiếm đóng, phải phá các căn cứ du kích, quét sạch lực lượng vũ trang đối phương trong vùng Pháp kiểm soát và khi địa phương đã được "làm sạch" mới đưa những đơn vị chất lượng kém (tức quân ngụy) đến đóng giữ. Và muốn có đủ binh lực "đôn" lên để thay thế nhằm rút các đơn vị có chất lượng khỏi nhiệm vụ chiếm đóng và tập trung về xây dựng khối cơ động chiến lược thì phải tiến hành bình định để bắt thanh niên vào lính. Do đó, vấn đề bắt lính để phát triển quân đội tay sai gắn liền với các cuộc càn quét hết sức quyết liệt trong vùng tạm bị chiếm.

Tổng Quân ủy đã đi trước một bước trong cuộc đấu tranh với địch trong vùng tạm bị chiếm. Thấy trước quân và dân vùng địch hậu sắp phải đương đầu với những khó khăn mới, Tổng Tư lệnh đề nghị với Trung ương cho triệu tập Hội nghị cán bộ địch hậu vào thượng tuần tháng 10-1953. Tham dự hội nghị không chỉ có cán bộ địch hậu Bắc Bộ mà cả đại biểu Liên khu 4, Liên khu 5, Nam Bộ và cán bộ một số cơ quan Trung ương và Chính phủ. Hội nghị đã dựa vào Nghị quyết tháng 9-1951 của Ban Chấp hành Trung ương khoá II và Nghị quyết hội nghị chiến tranh du kích tháng 7-1952 để kiểm điểm rút kinh nghiệm, đánh giá ưu, khuyết điểm về thực hiện phương châm đấu tranh trong vùng sau lưng địch (chủ yếu là kinh nghiệm chống địch càn quét), đồng thời thảo luận để thống nhất nhận thức về âm mưu mới của địch trên chiến trường Đông Dương và riêng ở đồng bằng Bắc Bộ, định phương hướng công tác để chỉ đạo cuộc đấu tranh sắp tới. Trong diễn văn khai mạc hội nghị, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chỉ rõ: Hội nghị không chỉ nhằm quán triệt phương châm đấu tranh nói chung mà còn giải quyết một số vấn đề cụ thể (chống càn quét, xây dựng lực lượng vũ trang huyện và du kích xã, chống bắt lính, chống dồn làng, phá âm mưu chiêu an bình định của địch), không chỉ giải quyết vấn đề đấu tranh vũ trang mà còn giải quyết một số vấn đề khác nữa, như thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, chính sách thuế nông nghiệp. Hội nghị nói lên một thực tế là cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch phải là một cuộc đấu tranh bằng sức mạnh tổng hợp của các lực lượng.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ đạo hội nghị. So với hội nghị chiến tranh du kích tháng 7-1952, hội nghị lần này mang tính toàn diện hơn, nhưng trọng tâm vẫn là hướng vào chỉ đạo đấu tranh vũ trang. Trong báo cáo kết luận hội nghị, Tổng Tư lệnh đánh giá: Thu hoạch lớn nhất của hội nghị là đã nâng cao lòng tin tưởng ở chính sách của Đảng, nâng cao tinh thần chấp hành chính sách trong vùng sau lưng địch. Ông Giáp khẳng định: Tóm lại, dân là gốc của mọi công tác, đấu tranh vũ trang là hình thức chủ yếu ở địch hậu. Chúng ta thực hiện được thì nhất định phá được âm mưu của địch ở cả ba vùng căn cứ du kích, vùng du kích và vùng tạm bị chiếm.

Thực tế diễn biến trong đông - xuân 1953 - 1954 chứng tỏ: Hội nghị cán bộ địch hậu lần này là một biện pháp chiến lược rất cơ bản trong việc chỉ đạo phong trào đấu tranh trong vùng sau lưng địch. Hội nghị đã dự kiến đúng âm mưu địch, đi trước một bước trong việc xác định phương hướng và biện pháp chiến lược cụ thể, toàn diện, tạo điều kiện để quân, dân vùng sau lưng địch chủ động chuẩn bị phối hợp nhịp nhàng và có hiệu quả với các đại đoàn chủ lực trên các hướng chiến dịch ở phía trước, góp phần quan trọng làm phá sản kế hoạch chiến lược của Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp.

Từ mấy tháng hè, trong những hoạt động đầu tay của viên Tổng Chỉ huy mới, đáng quan tâm là việc tung gián điệp và thả dù thổ phỉ xuống vùng Tây Bắc để cùng bọn phản động địa phương quấy rối hậu phương kháng chiến và chỉ điểm cho máy bay ném bom và đặc biệt là vụ quân dù bất ngờ nhảy xuống tập kích một chân hàng của ta ở gần thị xã Lạng Sơn trung tuần tháng 7. Vấn đề bảo vệ hậu phương kháng chiến được đặt ra một cách khẩn trương, quyết liệt hơn. Trong chỉ thị đề ngày 1-8-1953, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chỉ rõ: "Chiến tranh càng phát triển, tác chiến ngày càng quy mô, càng đòi hỏi tiền tuyến và hậu phương phải kết hợp chặt chẽ. Nhiệm vụ củng cố và bảo vệ hậu phương ngày càng trở nên nặng nề và cấp thiết. Có thực hiện được mới bảo đảm được cung cấp cho tiền tuyến".

Tổng Tư lệnh nhắc nhở các cơ quan quân, dân, chính, đảng bảo đảm quân sự hoá trong sinh hoạt và hoạt động hằng ngày, có kế hoạch củng cố cơ sở chính trị nơi đóng quân, kế hoạch phòng gian giữ bí mật, tăng cường lực lượng vũ trang tại chỗ, có kế hoạch sẵn sàng đánh địch tập kích vào hậu phương của ta, nhằm bảo vệ cơ quan, bảo vệ cầu đường, kho tàng và các cơ sở sản xuất trong từng địa phương.

Riêng với chiến trường Liên khu 5 - gồm cả địa bàn chiến lược Tây Nguyên và vùng tự do Quảng Nam - Quảng Ngãi - Bình Định - Phú Yên, trong chỉ thị đề ngày 28-9-1953 gửi liên khu về chủ trương quân sự sắp tới, sau khi phân tích tình hình ta và địch và dự kiến âm mưu sắp tới của quân Pháp, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh cần chuẩn bị để mùa xuân năm 1954 tổ chức một đợt hoạt động mạnh ở bắc Tây Nguyên nhằm mục đích phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng cơ sở và xây dựng căn cứ bắc Tây Nguyên nối liền với Hạ Lào và miền tây Quảng Ngãi. Hai tháng sau, khi đã nắm được âm mưu và kế hoạch của địch có thể từ miền tây đánh xuống và từ ven biển đánh vào hòng chiếm vùng tự do của Liên khu 5, trong báo cáo của Tổng Quân ủy trình Bộ Chính trị ngày 27-11-1953, Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp dự kiến ba khả năng. Địch có thể:

- Mở rộng chiếm đóng ở vùng nam tỉnh Quảng Nam, như vậy chúng sẽ nối liền được đường số 14 và cắt liên lạc của ta giữa Liên khu 5 với Hạ Lào và giữa Liên khu 5 với Bình - Trị - Thiên.

- Đánh chiếm đường số 19 từ An Khê đến Quy Nhơn và mở rộng phạm vi kiểm soát ở phía nam liên khu.

- Tăng cường đánh phá vùng ven biển để tạo điều kiện cho việc đánh rộng ra.

Trên cơ sở phán đoán trên đây, Tổng Quân ủy chủ trương tích cực và mạnh bạo phát triển vào Tây Nguyên, trước hết là ở phía bắc, đi đôi với tích cực củng cố vùng tự do hiện nay. Nhiệm vụ phát triển vào Tây Nguyên phải được coi là nhiệm vụ quan trọng thứ nhất, nhiệm vụ củng cố vùng tự do là quan trọng thứ hai. Bí thư Tổng Quân ủy khẳng định:

1- Có phát triển vào Tây Nguyên mới giành được khu chiến lược quan trọng nhất ở miền Nam. Nếu khu chiến lược này còn ở trong tay địch thì cục diện miền Nam rất khó cải thiện.

2- Chỉ có phát triển vào Tây Nguyên, mở rộng vùng tự do về hướng tây, mới giữ vững được vùng tự do hiện nay.

3- Nhiệm vụ củng cố vùng tự do hiện nay vẫn quan trọng, vì có giữ được vùng tự do mới có nhiều điều kiện để phát triển vào Tây Nguyên. Từ nhận định trên đây, Tổng Quân ủy đề nghị: Tranh thủ thời gian, tích cực tăng cường lực lượng vũ trang của Liên khu 5 về số lượng và chất lượng; phát triển mạnh về hướng Tây Nguyên và Hạ Lào, chủ yếu hiện nay là về phía bắc Tây

Nguyên, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa về phía tây, củng cố vùng hành lang bắc Tây Nguyên nối liền Liên khu 5 với Hạ Lào và phát triển rộng ra, phá âm mưu của địch củng cố Tây Nguyên và chiếm rộng ra vùng ven biển.

Chủ trương chiến lược và kế hoạch tác chiến trên đây được Bộ Chính trị phê duyệt. Thực tế sau này chứng tỏ, đây là một trong những bất ngờ chiến lược đối với Tướng Nava. Ngay từ khi chưa chính thức bước vào chiến cuộc đông - xuân, chủ động chuẩn bị cho những nước cờ chiến lược đầu tiên, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã đi trước một bước và là bước quan trọng có ý nghĩa quyết định số phận của cuộc tiến công quy mô lớn mang tên Atlante của Nava, đó là kế hoạch "thanh toán" vùng tự do đồng bằng Liên khu 5.

Ngay sau khi nhậm chức, Tướng Nava nhiều lần tuyên bố sẽ chủ động tiến công. Theo Đài Phát thanh Con nhạn của quân viễn chinh Pháp thì trong bức thư ra mắt ba quân ngày 22-6-1953, ông ta viết: Trong chiến tranh, thật là sai lầm lớn nếu đánh giá thấp đối phương, nhưng cũng là một sự đần độn nếu đánh giá quá cao địch thủ của mình. Chiến thắng chỉ đến với những ai biết nắm lấy nó. Người ta chỉ có thể giành chiến thắng bằng tiến công.

Và trên thực tế, Tướng Nava đã "ra tay trước".

Lần xuất quân đầu tiên là cuộc hành binh Chim én (Hirondelle) do Cônhi đích thân điều hành, tập kích một chân hàng của ta ở bắc thị xã Lạng Sơn, ngày 17-7. Việc chuẩn bị ra quân được ngụy trang bằng cuộc duyệt binh ở Hà Nội nhân ngày 14-7 (Quốc khánh Pháp) để tập trung máy bay và quân dù. Cấp chỉ huy đại đội chỉ được phổ biến kế hoạch và nhiệm vụ một giờ trước khi cất cánh. Tóm lại là giữ bí mật đến cùng. Hồi đó, các báo *Lơ Phigarô, Nước Pháp - người quan sát* cũng như sau này Rôcôn (tác giả cuốn *Tại sao Điện Biên Phủ*) và Mécglen (tác giả cuốn *Cuộc chiến tranh bất thình lình)* đều nói đến kết quả cuộc tập kích này, trái hẳn với những gì được thông báo trên Đài Phát thanh Con nhạn của quân viễn chinh. Đại ý sách, báo Pháp viết: Vì sợ bị phục kích, không dám tiến sâu vào phía trong hang nên hai tiểu đoàn dù chỉ phá hủy được một số lương thực và vài chiếc ôtô vận tải đỗ bên đường. Sợ ở lâu bất lợi nên 13 giờ hôm đó (17-7) quân dù vội vã rút. Rõ ràng do lúng túng trong việc điều tra lực lượng và sự vận chuyển của đối phương nên quân dù đã vồ hụt. Các thông báo chính thức trong chiến tranh về thành tích, kết quả, bao giờ cũng chứa đựng những vấn đề tế nhị, đòi hỏi hết sức thận trọng.

Đòn ra tay thứ hai của Tướng Nava là cuộc hành binh Camargue[4] ở vùng Hải Lăng - Phong Điền (Thừa Thiên - Huế) nhằm "cắt vó" Trung đoàn 95, khai thông trục đường Quảng Trị - Đà Nẵng. Binh lực khá lớn đến nỗi báo chí Pháp gọi đây là một trong những chiến dịch lớn nhất Đông Dương. Nhưng rồi, như tác giả Bécna Phôn viết trong cuốn *Con đường không vui*: Đứng trước một binh lực như vậy, lại bị ép giữa xe bọc thép ở phía tây, quân đổ bộ và xe lội nước ở phía đông, rõ ràng Trung đoàn 95 hình như ít có hy vọng thoát khỏi vòng vây. Nhưng rồi các đoàn xe luôn luôn rơi vào những trận địa phục kích của những người lính bận đồ đen của Trung đoàn thiện chiến 95 từ 2 năm nay đã lọt vào hoạt động ở phía sau quân Pháp. Gió biển như những quả đấm vô hình trên không trung đánh vào quân dù khiến cho đội hình phân tán... ở dưới đất thì thỉnh thoảng một tên lính bộ binh đang lội trên đầm lầy bỗng rú lên một tiếng rùng rợn rồi lăn ra. Người ta xúm lại vực hắn thoát ra khỏi bùn và nước, chân hắn vẫn lủng lẳng một bàn chông. Đến khi có lệnh xiết chặt vòng vây thì đối phương đã lợi dụng những ngòi lạch để phản kích và dồn ép quân Pháp sát kênh Vân Trình, trên cả một đoạn dài hơn 10 km. Cuối cùng, đàn cá đã lợi dụng những mảng lưới rách (ý nói những khoảng cách do kênh rạch tạo ra ở phía tây nam) để vượt ra ngoài... Sau 36 giờ, cuộc hành binh Camargue đã lộ rõ chiều hướng thất bại, buộc phải

kết thúc. Và cuối cùng là lời bàn của Bécna Phôn: Với một sự châm biếm đúng với nghĩa đen của nó, quãng đường này (dọc kênh Vân Trình) đã được mang một cái tên rất sát: Con đường không vui[5].

Hơn hai tháng sau, trung tuần tháng 10, đến đòn ra tay thứ ba ở tây nam Ninh Bình - cuộc hành binh Hải âu (Mouette), với binh lực 32 tiểu đoàn các loại, nhằm "tìm và đánh què Sư đoàn 320", đồng thời một bộ phận được tách ra hình thành cuộc hành binh khác mang tên Con bồ nông (Le pélican), có hải quân hỗ trợ đổ bộ vào bờ biển Thanh Hoá nhằm "giam chân không cho Sư đoàn 304 thâm nhập vào phía nam đồng bằng". Giữa lúc ở Pari có dư luận nói rằng Tướng Nava đã giành quyền đánh trước, với sự chứng giám của Phó Tổng thống Mỹ Níchxơn (Richard Nixon - đang có mặt ở Bắc Bộ) thì tờ báo cánh hữu *Thế giới* (*Le Monde*) số ra ngày 27-10-1953 bỗng đưa ra những lời bình luận tai hại: "Nhiều người trong Chính phủ biết rõ rằng, những tin tức tung ra mấy tuần nay về tình hình chiến sự ở Việt Nam là không đúng sự thật. Những lời lẽ tuyên truyền quá đáng đó chỉ nhằm gây một không khí thuận lợi cho việc vay tiền Mỹ. Bởi vì, về binh lực, chỉ trong khoảng 20 ngày qua quân đội Pháp đã bị thiệt hại nặng. Cứ theo đà này thì quân tăng viện chỉ đủ bù vào số quân bị tổn thất".

Trong thư khen đề ngày 7-11-1953 gửi Đại đoàn 320 về chiến thắng tây nam Ninh Bình, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết: Mặc dầu quân địch tập trung nhiều lực lượng tinh nhuệ, huy động nhiều pháo binh, cơ giới, không quân, các đồng chí đã chiến đấu anh dũng, ra sức khắc phục khó khăn, nắm lấy những cơ hội tốt, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch và buộc chúng phải rút quân khỏi vùng tự do của ta. Thắng lợi này là một thắng lợi lớn đầu tiên của quân ta trên chiến trường Bắc Bộ trong khi mùa tác chiến thu - đông mới bắt đầu. Thắng lợi này cũng chứng tỏ các đồng chí đã tiến bộ thêm một bước sau cuộc chỉnh quân chính trị. Bộ đã quyết định tặng thưởng Huân chương Quân công cho toàn đơn vị.

Trong những hành động đầu tay của viên Tổng Chỉ huy mới, cũng không khỏi có việc gây bất ngờ đối với cơ quan tham mưu Tổng hành dinh của ta. Trung tuần tháng 8, Tướng Nava cho rút toàn bộ 6 tiểu đoàn ở tập đoàn cứ điểm Nà Sản về vùng châu thổ sông Hồng. Tây Bắc là hướng chiến lược dự kiến, Nà Sản là một trong những mục tiêu tiến công trong mùa khô này. Nava rút quân khỏi Nà Sản, điều đáng quan tâm không chỉ là Pháp có thêm được 2 GM bổ sung cho khối cơ động chiến lược, mà điều quan trọng là hành động bất thần này của địch không khỏi ảnh hưởng đến kế hoạch mùa khô của Tổng hành dinh vì mục tiêu tiến công dự kiến (tập đoàn cứ điểm Nà Sản) không còn. Sau khi địch rút khỏi Nà Sản, trên chiến trường rừng núi Bắc Bộ, chỉ còn hai vị trí không lớn là Lai Châu và Hải Ninh. Đó không phải là những mục tiêu chứa đựng một bộ phận quan trọng sinh lực địch mà, nếu bị ta tiêu diệt, có thể tạo nên một chuyển biến lớn mang tính toàn cục. Vấn đề đặt ra là chọn hướng nào là hướng tiến công chiến lược sắp tới cho các đại đoàn chủ lực mùa khô này.

Trong dự kiến phương hướng tác chiến chiến lược (chuẩn bị từ cuối tháng 8 sau khi địch rút khỏi Nà Sản), Tổng Quân ủy nhận định: Âm mưu của địch hiện nay là tăng cường binh lực, tập trung thêm bộ đội cơ động, để bình định và giữ vững đồng bằng, tiến tới giành lại chủ động. Đó là một trong những hoạt động nổi bật hiện nay của Nava. Trên toàn chiến trường, ta chưa có ưu thế binh lực. Ta cũng chưa thực hiện được ưu thế binh lực tuyệt đối trên hướng chính trong một chiến dịch ở đồng bằng. Vậy cần làm gì để phá âm mưu của địch, tạo điều kiện để đánh lớn ở đồng bằng? Đáp số của cơ quan tham mưu đề đạt với Tổng Quân ủy là:

1- Cần đẩy mạnh cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch.

2- Bộ đội chủ lực phải chọn phương thức hoạt động thích hợp để tiêu diệt từng bộ phận nhỏ sinh lực địch ở đồng bằng và hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của quân và dân địch hậu.

3- Tăng cường lực lượng vũ trang và có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu tiêu diệt địch bảo vệ vùng tự do nếu chúng đánh ra.

4- Tăng cường hoạt động ở Tây Bắc (Lai Châu), Thượng Lào và các chiến trường khác để phân tán chủ lực của địch. Về sử dụng lực lượng, trong dự thảo kế hoạch tác chiến đông - xuân 1953 - 1954, cơ quan tham mưu dự kiến:

- Đưa Đại đoàn 316 lên hướng Tây Bắc và Thượng Lào.

- Hướng trung du, ngoài bộ đội địa phương, sẽ sử dụng từ 2 đến 3 đại đoàn chủ lực.

- Hướng đồng bằng, 2 đại đoàn (kể cả lực lượng vào địch hậu Hữu Ngạn - Liên khu 3).

- Mặt trận Tây Nguyên: 2 trung đoàn chủ lực của Liên khu 5.

Đề án này được Tổng Quân ủy nhất trí và sẽ đưa ra Hội nghị Bộ Chính trị, dự kiến họp vào khoảng tháng 10. Trước mắt, trong mật điện gửi các địa phương và đơn vị sau khi địch rút khỏi Nà Sản, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh âm mưu địch tập trung binh lực lớn ở đồng bằng, nhắc nhở các địa phương tăng cường chỉ đạo cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch, đặc biệt là đẩy mạnh chiến tranh du kích đánh địch rộng khắp, sẵn sàng chống càn quét và chống âm mưu tuyên truyền lừa gạt chiêu an bình định của địch, đồng thời cũng sẵn sàng đánh địch bảo vệ vùng tự do.

34- Những nước cờ chiến lược đầu tiên khi mùa khô tới

Đầu tháng 10-1953, Tổng Tư lệnh đi dự cuộc họp của Bộ Chính trị bàn về kế hoạch tác chiến đông - xuân 1953 - 1954. Cuộc họp diễn ra ở Tỉn Keo, dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày nay, bản Tỉn Keo (thuộc thôn Lục Giã, Chợ Chu - Thái Nguyên) đã cùng nhiều địa danh của căn cứ địa Việt Bắc đi vào lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhưng ngay từ hồi đó, mấy ai biết rằng những gì được quyết định ở cái bản người Dao hẻo lánh dưới chân Núi Hồng này lại có ý nghĩa quyết định số phận kế hoạch chiến lược mà Hội đồng Quốc phòng Pháp vừa thông qua ở điện Matinhông ba tháng trước đó, dẫn đến bước đường cùng cuộc đời binh nghiệp của Tướng Nava, đồng thời cũng quyết định kết cục giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ trên bán đảo Đông Dương.

Bước vào hội nghị, Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp báo cáo cục diện chiến trường sau Chiến dịch Sầm Nưa, sự xuất hiện của viên Tổng Chỉ huy mới và nội dung chủ yếu của kế hoạch chiến lược sắp tới của Bộ Chỉ huy quân viễn chinh cũng như những hoạt động đầu tay của Tướng Nava, trong đó có việc rút quân khỏi Nà Sản và đặc biệt đáng chú ý là một khối cơ động chiến lược lớn đang được Pháp xây dựng gấp rút và tập trung trong vùng đồng bằng sông Hồng.

Như thông cảm với điều suy nghĩ của người cầm quân trước một đối thủ có trong tay một lực lượng cơ động chưa từng có suốt 9 năm chiến tranh, Cụ Hồ giơ bàn tay vừa nắm lại và nói:

- Địch xây dựng và tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... Không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn.

Bàn tay Cụ mở ra, mỗi ngón trỏ về một hướng. Bàn tay và cách diễn đạt của Cụ gợi lại một hình ảnh 6 - 7 năm trước. Mùa khô năm 1947, hàng vạn quân Pháp, hình thành hai gọng kìm lớn dài

hàng mấy trăm kilômét, hùng hổ bao vây tiến công căn cứ địa Việt Bắc. Hồi đó, nói chuyện với một số cán bộ trong Tổng hành dinh, diễn đạt bằng hình tượng dễ hiểu của mình, Cụ Hồ phân tích ý định của địch là sẽ khép chặt gọng kìm lại, thực hiện hội quân ở vùng Chợ Đồn - Đài Thị, hòng tạo thành một cái ô bọc lấy trung tâm An toàn khu, rồi chúng cụp ô lại, trên đánh xuống, dưới đánh lên, hòng bắt gọn cơ quan lãnh đạo kháng chiến. Cụ khẳng định: Chúng chỉ mạnh ở hai gọng kìm, nếu chúng ta bẻ gãy gọng kìm thì cái ô cụp xuống sẽ trở thành cái ô rách. Quả nhiên, khi quân ta tập trung đánh mạnh trên hướng sông Lô - đường số 2, đập tan gọng kìm phía tây là hướng yếu nhất, địch buộc phải lui quân. Mùa khô này, bàn tay xòe rộng của Cụ chỉ rõ phương hướng hành động của toàn quân là phải vô hiệu hoá bằng được khối cơ động chiến lược mà Bộ Chỉ huy Pháp coi là công cụ chủ yếu quyết định thắng lợi của kế hoạch Nava. Cụ Hồ đã gợi cho Tổng hành dinh hướng đi của một nước cờ chiến lược có ý nghĩa quyết định số phận của kế hoạch Nava.

Báo cáo dự kiến phương hướng chiến lược sắp tới của Tổng Quân ủy, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nói: Để giữ vững và phát huy quyền chủ động, Tổng Quân uỷ đề nghị dùng một bộ phận quân chủ lực, kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương, mở cuộc tiến công vào những hướng chiến lược hiểm yếu mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải phân tán quân cơ động để đối phó. Do hoạt động liên tục và rộng khắp, ta sẽ vừa tiếp tục khoét sâu mâu thuẫn cơ bản giữa tập trung và phân tán binh lực của địch, vừa từng bước tạo nên thế trận mới, thời cơ thuận lợi mới. Và khi thời cơ xuất hiện, ta sẽ nhanh chóng tập trung lực lượng, đặc biệt là bộ đội chủ lực, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, làm chuyển biến cục diện chiến tranh.

Cụ thể là:

- Trên hướng chính Tây Bắc, trong bước 1, Đại đoàn 316 tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng toàn khu Tây Bắc, sau đó sẽ cùng chủ lực của khu Tây Bắc là Trung đoàn 148, bộ đội tình nguyện và Quân giải phóng Lào giải phóng tỉnh Phongxalỳ (Thượng Lào).

- Trên hướng Trung Lào và Hạ Lào, hai trung đoàn 66 (của 304) và 101 (của 325) phối hợp với bạn mở rộng vùng giải phóng, bẻ gãy "tuyến cấm" Viên Chăn - Đèo Ngang, đánh thông hành lang tiến sâu xuống phía nam Lào.

- Đưa hai trung đoàn chủ lực của Liên khu 5 lên mở rộng vùng giải phóng ở bắc Tây Nguyên, phá âm mưu địch uy hiếp và đánh chiếm vùng tự do của Liên khu 5.

- Phối hợp giữa lực lượng vũ trang địa phương với Đại đoàn 320 và các trung đoàn chủ lực của Liên khu 3, đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiêu hao tiêu diệt địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là đánh giao thông, phá hủy các phương tiện vận chuyển, cùng các chiến trường sau lưng địch ở khắp Bắc, Trung, Nam kìm chân địch, hạn chế khả năng chi viện của địch lên các hướng rừng núi đang bị chủ lực ta tiến công, phối hợp kịp thời với các đại đoàn chủ lực ở mặt trận phía trước.

- Các đại đoàn chủ lực còn lại (kể cả Đại đoàn công pháo 351) bí mật trú quân trên các địa bàn cơ động ở trung du, sẵn sàng đánh địch nếu chúng tiến công ra vùng tự do của ta và cũng sẵn sàng cơ động đi tác chiến ở các chiến trường khác.

Phương hướng và kế hoạch tác chiến chiến lược trên đây thể hiện sự quán triệt sâu sắc phương châm tạm thời tránh chỗ mạnh - đánh chỗ yếu đã nêu lên trong Hội nghị Trung ương hồi đầu

năm. Tinh thần cơ bản và mục tiêu của phương hướng chiến lược và kế hoạch tác chiến mùa khô này không chỉ nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch mà còn buộc chúng phải phân tán khối cơ động chiến lược, tạo điều kiện và thời cơ giành một thắng lợi làm chuyển biến cục diện chiến tranh. Muốn vậy, trong quá trình triển khai kế hoạch, phải luôn quán triệt phương châm được Bộ Chính trị nhấn mạnh trong hội nghị lần này là tích cực - chủ động - cơ động - linh hoạt.

Trả lời câu hỏi của Cụ Hồ về phản ứng của địch trên hướng Tây Bắc và khả năng thu hút địch của các hướng phối hợp sẽ như thế nào, Tổng Tư lệnh nêu lên mấy khả năng: Trên *hướng chính*, địch có thể rút khỏi Lai Châu và như vậy toàn khu Tây Bắc sẽ được hoàn toàn giải phóng; chúng cũng có thể tăng cường lực lượng lên giữ Tây Bắc và cũng có thể đánh ra vùng tự do như trong các Chiến dịch Biên giới năm 1950 hay Chiến dịch Tây Bắc năm 1952 hòng thu hút quân ta về. Các *hướng khác*, *hướng phối hợp*, không chỉ Tây Nguyên, vốn là một địa bàn chiến lược quan trọng, mà cả ba miền Thượng, Trung và Hạ Lào đều là những chiến trường địch sơ hở nhưng lại là hướng chiến lược xung yếu, quan trọng, nhất định địch không thể bỏ, nhất là mới đây có tin Pháp cùng chính quyền Lào sắp ký hiệp định liên kết. Vấn đề "bảo vệ Lào" có thể sẽ được Nava đặt ra.

Kết thúc hội nghị, Cụ Hồ chỉ thị: Tổng Quân ủy phải có kế hoạch lâu dài về mọi mặt để đối phó với địch trên chiến trường toàn quốc, lại phải có kế hoạch đẩy mạnh chiến tranh du kích tại đồng bằng Bắc Bộ. Về hướng hoạt động trong mùa khô này, lấy Tây Bắc làm hướng chính, các hướng khác là phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hoạt động có thể thay đổi. Phép dùng binh là phải thiên biến vạn hoá.

Phương hướng chiến lược đã được xác định, mọi công tác chuẩn bị chiến trường được triển khai hết sức khẩn trương. Trên hướng chính Tây Bắc, các cơ quan Tổng hành dinh chỉ đạo ba mặt công tác xen kẽ nhau: tiễu phỉ, sửa chữa cầu, đường và lót kho, trạm hậu cần, trong đó vấn đề đường giao thông đã được Tổng Tư lệnh đề nghị với Chính phủ cho triển khai ngay từ sau chiến thắng Sầm Nưa. Không có đường, không thể có đánh lớn, cơ quan tham mưu và hậu cần từ lâu đã quán triệt tư tưởng chỉ đạo đó của Tổng Tư lệnh.

Ngày 14-11, Đại đoàn 316 nhận lệnh xuất quân với nhiệm vụ trước mắt là giải phóng Lai Châu và phối hợp với bạn giải phóng Phongxalỳ. Trong mệnh lệnh gửi 316, Tổng Tư lệnh lưu ý đơn vị đề phòng thổ phỉ dọc đường hành quân và nhấn mạnh phải đặc biệt chú ý tình hình địch có thể chuyển biến nhanh, cần phải bám sát. Nếu địch chạy phải truy kích kịp thời, phải mạnh bạo và nhanh chóng phát triển.

Giữa lúc đại đoàn chủ lực đầu tiên đang trên đường ra trận thì tại căn cứ địa, Hội nghị phổ biến kế hoạch đông - xuân diễn ra từ ngày 19-11, ngay gần địa điểm trú quân của Bộ Tổng tham mưu. Với nhiều cán bộ chiến trường, mỗi lần trở về cơ quan Tổng hành dinh ở vùng Chợ Chu thường có cảm giác như về nhà. Vẫn những gương mặt quen thuộc lâu ngày gặp nhau, nên các anh thường rỉ tai nhau hỏi nhỏ: vì sao năm nay hội nghị phổ biến kế hoạch tác chiến chiến lược cũng như ngày ra quân của các đại đoàn chủ lực đều chậm so với mọi năm. Mọi người chào mừng Tổng Tham mưu trưởng mới Văn Tiến Dũng, người đến hội nghị với dư âm chiến thắng tây nam Ninh Bình, đánh bại cuộc hành binh Mouette của Nava. Và như đã thành thói quen, các cục, các phòng của cơ quan Tổng hành dinh lại tranh thủ hỏi các đại biểu đủ điều để sáng tỏ những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của mình trong đông - xuân này. "Khách" - nhất là cấp chỉ huy các chiến

trường xa - lúc nào cũng luôn sẵn sàng nói rõ những vấn đề được các cơ quan nêu lên, những mong cùng nhau tìm ra giải pháp sát đúng nhất có lợi cho nhiệm vụ chung.

Mới sau một ngày họp, chiều hôm sau, 20-11, Hội nghị bỗng sôi nổi hẳn lên khi có tin quân Pháp nhảy dù xuống chiếm cánh đồng Mường Thanh - Điện Biên Phủ. Một tình huống hoàn toàn mới, nhưng không ngoài dự kiến của Tổng hành dinh. Nhớ lại mấy tuần trước, trong cuộc họp của Bộ Chính trị ở Tỉn Keo, khi Cụ Hồ hỏi về phản ứng của địch sẽ như thế nào khi ta xuất quân, Tổng Tư lệnh đã báo cáo: địch tăng quân lên hướng Tây Bắc là một trong những khả năng ta dự kiến. Đến nay, chỉ mới một Đại đoàn 316 xuất quân, tình huống đó đã diễn ra. Cơ quan tham mưu điện bổ sung mệnh lệnh của Tổng Tư lệnh gửi 316 đang trên đường hành quân. Ngoài nhiệm vụ giải phóng Lai Châu đã nêu trong mệnh lệnh tác chiến số 1, Tổng Tư lệnh xác định nhiệm vụ trước mắt của Đại đoàn và Trung đoàn 148 phối thuộc là:

1- Điều tra, nắm vững tình hình địch ở cả Lai Châu và Điện Biên Phủ, kịp thời báo cáo về bộ.

2- Phá kế hoạch của địch củng cố Điện Biên Phủ, cắt đứt liên lạc giữa Điện Biên Phủ và Lai Châu, giữa Điện Biên Phủ và Thượng Lào.

3- Trường hợp địch rút từ Điện Biên Phủ sang Lào thì lập tức truy kích tiêu diệt.

Chính ủy Đại đoàn 316 Chu Huy Mân đã rời hội nghị sớm để đuổi theo bộ đội. Trước khi đi, ông Giáp dặn ông Mân đôn đốc bộ đội hành quân gấp để kịp bao vây tiêu diệt địch, giải phóng Lai Châu. Phải chú ý chặn ngay con đường Lai Châu - Điện Biên Phủ. Tổng Tư lệnh nhấn mạnh một dự kiến: Có thể sẽ đánh lớn ở Điện Biên Phủ.

Sáng 23, trong buổi làm việc với các ông Hoàng Sâm, Lê Quảng Ba, Bằng Giang - những cấp chỉ huy đang có nhiệm vụ trực tiếp với Tây Bắc và cả Thượng, Trung, Hạ Lào, ông Giáp, ông Dũng, ông Thái tranh thủ cùng ba tư lệnh chiến trường trao đổi ý kiến, thống nhất đánh giá tình hình và phương hướng hoạt động sắp tới. Chiều hôm đó, 23-11, Hội nghị phổ biến kế hoạch đông -xuân kết thúc để cán bộ kịp về chỉ đạo chuẩn bị bước vào mùa khô. Trong báo cáo kết luận hội nghị, sau khi xác định phương hướng chiến lược chung và nhiệm vụ của các đơn vị và chiến trường trong cả nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận định tình hình trên hướng chính Tây Bắc như sau: Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mặc dầu ta không phán đoán được cụ thể về địa điểm và thời gian, nhưng cũng nằm trong phạm vi phán đoán trước của ta là: nếu Tây Bắc bị uy hiếp, địch sẽ tăng viện lên hướng đó. Như vậy là trước sự uy hiếp của ta, địch đã phải bị động đối phó, phải phân tán một bộ phận lực lượng cơ động lên Điện Biên Phủ để yểm hộ cho Tây Bắc, để che chở cho Thượng Lào và để phá kế hoạch tiến công của ta. Rồi đây, chúng có thể vừa giữ Điện Biên Phủ vừa giữ Lai Châu, một nơi chính, một nơi phụ, có thể lấy Điện Biên làm chính. Nếu bị ta uy hiếp, chúng có thể co về một nơi, khả năng co về Điện Biên nhiều hơn. Nếu bị ta uy hiếp mạnh hơn, chúng có thể tăng viện nhiều và biến thành một tập đoàn cứ điểm (trong trường hợp này chúng có thể lấy Điện Biên làm nơi thiết lập trận địa) nhưng chúng cũng có thể rút.

Vô luận rồi đây địch tình thay đổi thế nào, địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ căn bản là có lợi cho ta. Nó bộc lộ mâu thuẫn của địch giữa chiếm đóng đất đai với tập trung lực lượng, giữa chiếm đóng chiến trường rừng núi với củng cố chiến trường đồng bằng.

Ngày 25-11, Tổng Tư lệnh thông qua và ký bản chỉ thị gửi các liên khu, nhan đề *Tích cực chuẩn bị sẵn sàng đánh địch bảo vệ vùng tự do.*Bản chỉ thị nhắc lại âm mưu của địch tập trung trên 40

tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ và dự kiến: Trường hợp chủ lực ta hoạt động ở một hướng, ngoài việc tập trung một bộ phận cơ động để đối phó với ta ở hướng chính, địch còn có khả năng tập trung từ 15 đến 18 tiểu đoàn, có binh chủng phối hợp, thọc sâu ra vùng tự do ở một hướng ta sơ hở, nhằm mục đích trực tiếp phá hoại kế hoạch chiến dịch, phá hoại nhân, vật lực, hoặc phá hoại cuộc vận động quần chúng của ta. Bản chỉ thị hướng dẫn công tác chuẩn bị và phương hướng hoạt động của cả bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc vùng tự do.

Ngày 26-11, bộ phận tiền phương của bộ lên đường đi Tây Bắc. Đoàn gồm các ông Hoàng Văn Thái - Phó Tổng Tham mưu trưởng[6], Lê Liêm - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Đặng Kim Giang - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, Đỗ Đức Kiên - Phó cục trưởng Cục Tác chiến. Cùng đi còn có ông Mai Gia Sinh - Cố vấn tham mưu. Ông Giáp dặn ông Thái: ngoài nhiệm vụ chỉ đạo 316 giải phóng Lai Châu, phối hợp với 148 và lực lượng vũ trang bạn giải phóng Phongxalỳ, cần chú ý đề phòng địch ở Điện Biên Phủ rút chạy sang Thượng Lào qua hướng Tây Trang. Đoàn phải kịp thời nghiên cứu chiến trường, chuẩn bị phương án tiến công địch ở Điện Biên Phủ.

Lúc này, cán bộ chỉ huy các chiến trường cũng đã nhận nhiệm vụ và vội vã lên đường. Riêng với Liên khu 5, Tổng Tư lệnh thấy cần trao đổi thêm với ông Nguyễn Chánh, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu. Từ tháng 10, Liên khu ủy 5 đã được Bộ Tổng tư lệnh thông báo về khả năng địch sẽ tiến công mấy tỉnh tự do vùng duyên hải, đồng thời Liên khu ủy cũng đã biết chủ trương của Trung ương đưa hai trung đoàn chủ lực của liên khu lên mở rộng vùng giải phóng ở bắc Tây Nguyên, chỉ để một bộ phận nhỏ chủ lực cùng với lực lượng vũ trang tại chỗ chiến đấu bảo vệ vùng tự do. Ông Giáp và ông Chánh đều nhận thấy cần trao đổi, thuyết phục nhằm đạt sự nhất trí cao trong Liên khu ủy về phương hướng chiến lược của Trung ương, trên cơ sở khẳng định chủ trương đưa chủ lực lên hoạt động ở Tây nguyên là biện pháp chiến lược tốt nhất để phá âm mưu của địch muốn "thanh toán" Nam - Ngãi -Bình – Phú[7], cũng tức là biện pháp tốt nhất để bảo vệ vùng tự do. Tổng Tư lệnh trao cho Tư lệnh Nguyễn Chánh bản đề án *Tình hình địch, ta ở Liên khu 5, chủ trương tác chiến và kế hoạch công tác quân sự của ta sắp tới ở Liên khu 5* mà Tổng Quân ủy vừa đệ trình và được Bộ Chính trị thông qua ngày 27-11. Bản đề án khẳng định phương châm chiến lược của Liên khu 5 là: Tích cực và mạnh bạo phát triển vào Tây Nguyên, trước hết là ở phía bắc; tiếp tục củng cố vùng tự do hiện nay.

Thực tế từng nước cờ chiến lược lúc này cho thấy, đối với cả hai bộ thống soái của ta và của địch, những ngày đầu tháng 12-1953 này là những ngày thật khó quên. Đó là thời điểm hai bên "ngày càng xích lại gần nhau" trong chủ trương chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược.

Về phía địch, tin tức trinh sát từ Điện Biên Phủ báo về hằng ngày cho biết: Bộ Chỉ huy Pháp tiếp tục thả dù người, vũ khí và phương tiện vật chất xuống cánh đồng Mường Thanh. Sân bay chính đã được sửa chữa và sử dụng. Làng bản sát kề cánh đồng bị san phẳng. Chúng phá nhà dân lấy gỗ đem về xây dựng công sự. Đã có những dấu hiệu một tập đoàn cứ điểm lớn hơn nhiều so với Nà Sản đang hình thành trên cánh đồng Mường Thanh. Sau này chúng ta được biết ngày 3-12, Tổng Chỉ huy Pháp Nava hạ quyết tâm xây dựng một tập đoàn cứ điểm mạnh ở Điện Biên Phủ. Vì sao? Trong cuốn sách *Thời điểm của những sự thật* viết một phần tư thế kỷ sau về "sự kiện Điện Biên Phủ", Tướng Nava viện nhiều lý do chính trị, quân sự, kinh tế khiến ông ta chọn cánh đồng Mường Thanh. Trong các lý do đó, cánh đồng 144 km^2 này (16 km x 9 km) là địa bàn lý tưởng đối với nhiệm vụ bảo vệ Thượng Lào. Dù Lai Châu, Viên Chăn hay Luông Phabang

không nơi nào bằng. Cùng với quyết định chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược, Nava đặt tên cho quân chiếm đóng ở đây là Binh đoàn tác chiến vùng Tây Bắc[8], chỉ định Đại tá Caxtơri (De Castries) thay Tướng Gin (Gilles) chỉ huy GONO, và ra lệnh cho Tướng Cônhi chỉ huy Bắc Đông Dương dồn binh lực và phương tiện lên để "giữ vững Điện Biên Phủ bằng mọi giá". Cũng trong ngày 3-12, Tổng Chỉ huy Nava quyết định rút toàn bộ quân đồn trú ở Lai Châu về tăng cường cho Điện Biên Phủ (cuộc hành binh mang tên Pollux) và tổ chức đồng thời hai cuộc hành binh khác (Régate và Ardèche) từ Điện Biên Phủ xuống và từ Luông Phabang lên, hội quân ở Sốp Nao, tạo thành một hành lang gồm nhiều cứ điểm được "cấy" dọc sông Nậm Hu, để tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ khỏi bị cô lập và cũng để tạo một hành lang an toàn để rút quân từ Điện Biên Phủ sang Thượng Lào khi cần.

Về phía ta, sau khi Tướng Nava ném quân xuống Điện Biên Phủ, hướng Tây Bắc càng được khẳng định là hướng chiến lược chính như đã xác định trong kế hoạch đông - xuân. Tổng Tư lệnh chỉ đạo cơ quan tham mưu điều chỉnh kế hoạch theo tình huống địch củng cố Điện Biên Phủ và ta chuẩn bị tiến công tập đoàn cứ điểm địch trên cánh đồng Mường Thanh. Ngày 6-12-1953, trong tờ trình về *Phương án tác chiến mùa xuân* gửi lên Bộ Chính trị, sau khi phân tích khả năng địch có thể tăng cường đến khoảng trên dưới 10 tiểu đoàn, biến Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm lớn và cũng có thể rút, Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp đề nghị: Lúc này chưa thể phán đoán khẳng định địch nhất định rút hay nhất định tăng (quân ở Điện Biên Phủ), vì hiện nay địch có triệu chứng củng cố, nhưng rồi đây chủ lực ta tập trung lên nhiều, địch bị đánh ở Trung và Hạ Lào, khi đó chúng sẽ phải cân nhắc. Tuy hiện nay chưa thể khẳng định nhưng muốn bảo đảm thực hiện được quyết tâm của Trung ương là tiêu diệt địch và giải phóng vùng Lai Châu - Phongxalỳ cho đến Luông Phabang trong đông - xuân thì phải nhằm trường hợp địch tăng cường thành tập đoàn cứ điểm mà chuẩn bị.

Đề án đánh Điện Biên Phủ đệ trình Bộ Chính trị được chuẩn bị theo tinh thần đánh chắc tiến chắc. Tổng Quân ủy dự kiến, trận Điện Biên Phủ sẽ là một trận công kiên lớn nhất từ trước đến nay, không kém Nà Sản và đường sá còn xa hơn. Công tác chuẩn bị (nhất là việc sửa đường vận tải và bảo đảm tiếp tế hậu cần)[9] sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng nếu kiên quyết khắc phục, hoàn thành được chiến dịch thì thắng lợi sẽ là một thắng lợi rất lớn. Dự kiến thời gian tác chiến ở Điện Biên Phủ ước độ 45 ngày, quân số tổng quát của chiến dịch là 42.570 người, chưa kể dân công.

Đúng vào dịp đề án Chiến dịch Điện Biên Phủ được Bộ Chính trị phê duyệt thì cục diện chiến trường, đặc biệt là trên hướng chính Tây Bắc chuyển biến hết sức khẩn trương. Theo tin kỹ thuật, địch bắt đầu triển khai cuộc hành binh Pollux, rút toàn bộ binh lực ở Lai Châu về Điện Biên Phủ. Lực lượng này gồm 3 tiểu đoàn quân chính quy được đưa về bằng máy bay (nâng quân số địch trên cánh đồng Mường Thanh lên 10 tiểu đoàn). Còn chừng 20 đại đội biệt kích tản mát trong rừng quanh vùng Lai Châu được lệnh rút bằng đường bộ theo con đường mòn Pavie nối Lai Châu với châu lỵ Điện Biên. Cơ quan tham mưu thông báo gấp cho bộ phận Sở Chỉ huy tiền phương, đồng thời ra lệnh cho Đại đoàn 316 hành quân cấp tốc lên bao vây tiêu diệt địch, giải phóng Lai Châu theo kế hoạch cũ, đồng thời cử ngay một bộ phận tiến vào hoạt động ở khu vực bắc Mường Thanh, chặn đường và tiêu diệt địch rút chạy từ Lai Châu về Điện Biên.

Tối 10-12-1954, một tiểu đoàn của 316 tiến quân dọc đường số 41, tiêu diệt đồn Pa Ham ở phía nam Lai Châu chừng 30 km rồi tiến lên giải phóng Lai Châu. Trên hướng đường mòn Pavie (tức đường Lai Châu - Điện Biên), quân ta kịp thời chặn và tiêu diệt địch rút chạy từ hướng Lai Châu về và cánh quân từ dưới Mường Thanh lên đón đồng bọn. Các trận đánh diễn ra ở vùng núi Phu San, đặc biệt là ở khu vực Mường Pồn và ngay ở Bản Tấu, cửa ngõ Điện Biên Phủ. Một bộ phận

quan trọng trong tổng số hơn 2.000 lính ngụy người Thái xuyên rừng rút chạy cùng với hơn 20 sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp lần lượt bị tiêu diệt. Lai Châu được giải phóng và vòng vây trên cánh đồng Mường Thanh cũng dần dần hình thành.

Trước tình hình ngày càng khẳng định địch tăng quân chiếm đóng Điện Biên Phủ, Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho Đại đoàn 312 (đang trú quân ở vùng Yên Bái - Phú Thọ) và Đại đoàn công pháo 351 (đang ở phía bắc thị xã Tuyên Quang) chuẩn bị sẵn sàng lên đường đi Tây Bắc. Riêng Đại đoàn 308, sau khi nhận lệnh xuất quân trước đó ít ngày, đã vượt sông Hồng với nhiệm vụ nhanh chóng bao vây bám sát mọi hoạt động của địch trên cánh đồng Mường Thanh, đặc biệt là cho ngay Trung đoàn 36 tách khỏi đội hình đại đoàn, theo đường tắt băng lên trước chốt chặt ở Pom Lót, sẵn sàng ngăn chặn địch từ Điện Biên Phủ rút chạy về Thượng Lào qua hướng đèo Tây Trang. Điều đáng nói ở đây là, lúc này cơ quan Tổng hành dinh của ta chưa biết gì nhiều về cái mà Tổng Chỉ huy Pháp gọi là hành lang chiến lược (couloir stratégique) dọc sông Nậm Hu, nối liền Điện Biên Phủ với Luông Phabang, cũng chưa biết gì về kế hoạch mà Tướng Nava đã chuẩn bị cho quân tháo chạy dọc hành lang này khi cần. Sở dĩ Tổng Tư lệnh chỉ thị cho Phó Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái ở phía trước và Đại đoàn trưởng 308 Vương Thừa Vũ chốt chặt ở Pom Lót bởi vì - như cách nói của báo chí phương Tây sau này - đã một lần tập đoàn cứ điểm (Sầm Nưa) "buột khỏi vòng ngắm của Tướng Giáp". Lần này ông không muốn lại mất mục tiêu tiến công. Mấy binh đoàn chủ lực đã lên đường, nếu địch ở Điện Biên Phủ tháo chạy, chiến trường nào sẽ là hướng tiến công chiến lược khi mà mùa khô qua đi, mùa mưa tới. Tướng Nava đâu có biết rằng từ ngày 21-12, cái chốt của Trung đoàn 36 ở Pom Lót, tuy chỉ là một nước cờ nhỏ, cụ thể, nhưng tác dụng rất lớn: ta đã kịp thời "trói" địch trên cánh đồng Mường Thanh. Cái chốt đó là một trong những nguyên nhân khiến cho kế hoạch tháo chạy mang mật danh Xênôphôn[10] (từ cánh đồng Mường Thanh - Điện Biên Phủ - qua hướng Tây Trang về Thượng Lào) chỉ còn là một kế hoạch trên giấy.

Khoảng từ hạ tuần tháng 12, tin tức từ chiến trường Lào (bí danh Mặt trận D) do các ông Hoàng Sâm và Trần Quý Hai báo cáo về cho biết, Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304 và hai trung đoàn 18 và 101 của Đại đoàn 325 đã kịp thời phối hợp với hướng chính Tây Bắc, đánh mạnh ở Trung và Hạ Lào, những hướng chiến lược được đánh giá là sơ hở nhưng xung yếu, địch không thể bỏ.

Tại Trung Lào, trong những ngày 21 và 22-12, sau khi thắng liên tiếp hai trận ở Khăm He và Banaphào, quân ta tiến nhanh về hướng sông Mê Kông, giải phóng Thà Khẹt đồng thời tiêu diệt một số vị trí địch trên đường số 9. Trước nguy cơ "Đông Dương bị cắt làm đôi" như báo chí cánh hữu ở Pari la lối, Tướng Nava vội điều 4 tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ và 1 tiểu đoàn chiếm đóng ở Nam Bộ ra, cùng với lực lượng ở Trung Lào tổ chức ở Sênô một tập đoàn cứ điểm 10 tiểu đoàn.

Lúc này, Tổng hành dinh chưa nhận được tin tức về hoạt động của ta trên hướng Hạ Lào. Nhưng cơ quan tham mưu báo cáo tin kỹ thuật cho biết bọn địch ở Hạ Lào điện cho Bộ Chỉ huy quân viễn chinh ở Sài Gòn rằng họ phát hiện "những dấu hiệu không bình thường" ở Hạ Lào. Chúng ta biết đó là đòn hiểm của đại đoàn 325, thực hiện chủ trương của Bộ Tổng tư lệnh cho một tiểu đoàn thọc sâu một mũi xuống phía Nam Lào, nhằm phối hợp với các chiến trường toàn quốc mà trực tiếp là với cuộc tiến công của Liên khu 5 vào bắc Tây Nguyên. Bộ Tư lệnh đại đoàn 325 chọn Tiểu đoàn 436, một tiểu đoàn đánh phục kích, tập kích, vận động đều tốt[11]. Sau khi cử Trung đoàn phó Lê Kích của 101 xuống trực tiếp làm Tiểu đoàn trưởng, Phó Chính ủy Trung đoàn Nguyễn Minh Đức xuống làm Chính trị viên tiểu đoàn, việc chuẩn bị cho 436 được Bộ Tư lệnh đại đoàn chỉ đạo rất công phu, từ bổ sung quân số, tăng cường trang bị, bổ sung phương tiện

thông tin, đặc biệt là cử tiền trạm đi đề nghị chính quyền và nhân dân vùng biên giới hai nước Việt - Lào giúp đỡ, bảo đảm việc cung cấp lương thực suốt cuộc hành quân từ Nghệ An vào phía nam. Phải trải qua hai tháng hành quân liên tục dọc dãy Trường Sơn, tiểu đoàn đến biên giới Việt - Lào thuộc địa bàn Quảng Nam và vượt sông sang hướng Atôpơ. Đêm 29 rạng sáng ngày 30-1-1954, tiểu đoàn đánh trận đầu tiên trên đất bạn, tiến công cứ điểm Pui, diệt gọn "đại đội xung kích" của địch ở Bản Pui, giải phóng thị xã Atôpơ rồi tiếp tục truy kích địch, giết và bắt sống trên 50 tên trong đó có tên đại úy Phòng Nhì của Phân khu Atôpơ - Xaravan. Sau đó, lợi dụng thế sơ hở của địch, tiểu đoàn đã phối hợp với lực lượng vũ trang của bạn ở Hạ Lào phát động chiến tranh du kích trên nhiều vùng thuộc cao nguyên Bôlôven. Mũi thọc sâu của Tiểu đoàn 436 là một đòn bất ngờ khiến Tướng Nava lại phải vội vã điều ba tiểu đoàn cơ động thuộc Trung đoàn 51 vừa mới xây dựng ở Campuchia sang cùng với một tiểu đoàn dù từ Bắc Bộ vào tăng cường cho Pắcxế. Sau đồng bằng Bắc Bộ và Điện Biên Phủ, Trung và Hạ Lào trở thành nơi tập trung quân thứ ba của Nava.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ bảy ngày Toàn quốc kháng chiến và lần thứ chín ngày khai sinh quân đội, từ Tổng hành dinh ở Việt Bắc Tổng Tư lệnh gửi *Nhật lệnh* động viên toàn quân bước vào mùa chiến dịch. Vừa tròn 9 tuổi đời, chưa bao giờ quân đội ta cùng nhân dân có được khí thế cả nước ra trận như mùa khô này. Cũng chưa bao giờ vừa bước vào mùa chiến dịch, đúng vào tháng 12 đầy những ngày kỷ niệm khó quên, quân và dân ta đã sớm giành được những thắng lợi liên tiếp rất quan trọng trên nhiều hướng chiến lược như mùa khô này. *Nhật lệnh* của Tổng Tư lệnh càng khích lệ toàn quân mau biến quyết tâm phá tan kế hoạch Nava thành hiện thực, cả trên các chiến trường phối hợp như Tây Nguyên hay đồng bằng sông Hồng và chủ yếu là trên hướng chiến lược đã trở thành trọng điểm: chiến trường Điện Biên Phủ.

Vào những ngày đầu năm mới, trên Mặt trận Tây Nguyên, cái mà báo chí Pháp sau này gọi là "giấc mộng átlăng"[12], được ghi trong kế hoạch của Nava ngay từ đầu, đang được Tổng Chỉ huy Pháp thể hiện trên chiến trường. Bước 1 (Aréthuse) bắt đầu ngày 20-1-1954. Giữa lúc 22 tiểu đoàn bộ binh và dù cùng một số đơn vị pháo binh, cơ giới, công binh, vận tải đổ bộ lên Tuy Hoà, Phú Yên, thì Tướng Blăng được tin nhiều vị trí Pháp - ngụy trên đường số 14 bị tiêu diệt, rồi tin thị xã Công Tum "bị tràn ngập", Plâyku bị tập kích, đường số 19 bị uy hiếp mạnh. Cục trưởng Tác chiến báo cáo với Tổng Tư lệnh rằng ông Nguyễn Chánh và tập thể lãnh đạo Liên khu 5 đã chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Trung ương đưa chủ lực lên mở chiến dịch tiến công ở bắc Tây Nguyên. Ông Giáp rất phấn khởi khi nghe tin đã có tiếng súng của Tây Nguyên (26-1-1954) và sau đó là của Hạ Lào (31-1-1954), phối hợp với chiến trường chính theo đúng kế hoạch[13].

Ít ngày sau khi quân ta nổ súng ở bắc Tây Nguyên, Tướng Nava mới thấy đứng trước nguy cơ mất cả một địa bàn rộng lớn từ vùng biển Quảng Nam - Quảng Ngãi đến biên giới Việt - Lào và xuống cao nguyên Bôlôven. Trong tình thế không thể tiếp tục theo đuổi Atlante, Nava vội hạ lệnh cho Tướng Blăng rút GM100 và hai tiểu đoàn dù khỏi cuộc hành binh đang diễn ra ở đồng bằng Liên khu 5 và điều thêm hai binh đoàn cơ động chiến lược (GM 21 và 11) lên cứu nguy cho Tướng Đờ Bôpho ở Tây Nguyên. Thêm hai tập đoàn cứ điểm hình thành ở Plâyku và An Khê. Thế là không những Aréthuse - mà báo chí Pháp châm biếm gọi là đứa con đầu lòng của Atlante - bị chết yểu mà cái "túi cơ động chiến lược" của Tướng Nava lại bị vợi thêm hàng chục tiểu đoàn. Với gần 30 tiểu đoàn Pháp - ngụy bị chôn chân ở nam Tây Nguyên, chiến trường rừng núi này trở thành nơi tập trung quân thứ tư của Nava.

Về chiến trường sau lưng địch, báo cáo tổng hợp của cơ quan tham mưu cho thấy: Nghị quyết Hội nghị cán bộ địch hậu họp đầu tháng 10-1953 đã từng bước phát huy hiệu lực ngay từ những ngày đầu mùa khô, nhất là trên chiến trường đồng bằng Bắc Bộ. Tại đây, từ trung tuần tháng 12, lực lượng vũ trang của ta (kể cả những đơn vị đã bị Bộ Tham mưu Pháp liệt vào danh sách "đã bị tiêu diệt") đã đẩy mạnh hoạt động, kịp thời phối hợp với các chiến trường phía trước. Tin Đại đoàn 320 tiến sâu vào địch hậu và đánh mạnh trên phòng tuyến sông Đáy như một nguồn động viên các trung đoàn 42, 46, 50... hoạt động rộ lên khắp nơi, từ vùng trung du Sơn Tây đến vùng biển Thái Bình và ngay cả xung quanh Hà Đông, sát kề trung tâm Hà Nội. Đường số 5 - con đường huyết mạch nuôi sống hàng chục vạn quân viễn chinh cả miền Bắc - thường xuyên bị uy hiếp, khiến cho kế hoạch vận chuyển tăng viện cho các chiến trường lắm phen bị ngưng trệ. Tại vùng địch hậu Trung Bộ, trong mấy tháng cuối năm 1953, bên cạnh thành tích nổi bật về đánh giao thông (lật nhào hàng chục đoàn tàu với hàng trăm toa) là thành tích tiêu diệt, bức hàng, bức rút gần 200 đồn và tháp canh. Sau này, chính Tướng Nava cũng phải thú nhận rằng sức mạnh của chiến tranh du kích đã buộc phía Pháp phải bỏ nhiều cuộc hành binh càn quét dự định tiến hành ở vùng duyên hải Trung Bộ. Trên chiến trường Nam Bộ, sau khi GM11 lực lượng cơ động duy nhất bị điều lên Tây Nguyên, địch phải co lại bảo vệ những vùng xung yếu. Đó là cơ hội tốt để chiến tranh du kích phát triển, buộc Pháp - ngụy phải bỏ hàng ngàn vị trí, tháp canh. Nava thú nhận rằng sự "ruỗng nát" tăng nhanh tới mức ông ta không còn nghĩ đến việc đánh chiếm vùng tự do Khu 9 như đã định trong kế hoạch chiến lược.

Đến khoảng thượng tuần tháng 1-1954, về cơ bản đợt 1 của chiến cuộc đông - xuân 1953-1954 đã kết thúc thắng lợi. Bằng những đòn tiến công xen kẽ hoặc đồng thời đánh vào những hướng chiến lược địch sơ hở, ta đã tiêu diệt hàng vạn tên địch, giải phóng nhiều địa bàn chiến lược quan trọng và đặc biệt là đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra cho toàn quân là buộc Tướng Nava phải phân tán khối cơ động chiến lược, công cụ chủ yếu để thực hiện kế hoạch chiến lược 18 tháng. Quá nửa lực lượng cơ động chiến lược (23/44 tiểu đoàn) mà Nava tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ đã bị chia năm xẻ bảy trên các chiến trường rừng núi Bắc và Trung Bộ, Trung và Hạ Lào. Chừng 20 tiểu đoàn còn lại không còn phát huy được khả năng cơ động vì phải rải ra khắp đồng bằng Bắc Bộ để bảo vệ các đường giao thông chiến lược, hải cảng, quân cảng và các trung tâm quân sự, chính trị, kinh tế.

Riêng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thấy còn một nhiệm vụ chiến lược chưa có điều kiện hoàn thành trong đợt 1. Lúc này, toàn quân đang tập trung chuẩn bị tiêu diệt "con nhím đang xù lông" trên cánh đồng Mường Thanh, nên chưa có thời cơ và điều kiện phối hợp với bạn giải phóng Phongxalỳ và cả vùng cực bắc nước Lào. Tại đó vừa mới xuất hiện một "hành lang chiến lược" chừng 6 tiểu đoàn được rải ra dọc sông Nậm Hu. Cái gọi là "phòng tuyến" đó lúc này còn chưa nằm trong vòng ngắm của quân ta.

Quá trình theo dõi và chỉ đạo hoạt động của toàn quân trong đợt 1 cũng là quá trình cơ quan tham mưu Tổng hành dinh giúp Tổng Tư lệnh chuẩn bị triển khai phương án tác chiến bước tiếp theo, trong đó chiến trường trọng điểm là Điện Biên Phủ. Đề án quân sự đông - xuân 1953 - 1954 và đông - xuân 1954 - 1955 Tổng Quân ủy trình Bộ Chính trị ngày 20-12-1953 là một kế hoạch toàn diện, cả miền Bắc, miền Nam và nhiệm vụ giúp hai nước bạn Lào, Campuchia, cả tác chiến, xây dựng lực lượng và thiết bị chiến trường (trọng tâm là đường sá trên hướng chính Tây Bắc), chấn chỉnh và tăng cường cơ quan chỉ đạo. Sau khi phân tích âm mưu và kế hoạch chiến lược của Tướng Nava, bản *Đề án quân sự* do Tổng Tư lệnh trình bày, nêu rõ: Địch làm được kế hoạch đó hay không là một vấn đề khác. Hiện nay chúng đã vấp những thất bại đầu tiên ở địch hậu Bắc Bộ, ở tây nam Ninh Bình, ở Lai Châu và bắt đầu phải bị động phân tán lực lượng lên Tây Bắc và

vào Trung Lào. Tuy nhiên, chúng ta cần hết sức tỉnh táo và hết sức cố gắng thì mới phá được âm mưu của địch.

Riêng về chủ trương chiến lược và kế hoạch tác chiến trong đông - xuân 1953-1954, Tổng Quân ủy đề nghị: Căn cứ vào tình hình địch, ta nói trên, để đi tới mục đích giải phóng đồng bằng Bắc Bộ, trước hết chúng ta cần:

- Tăng cường chiến tranh du kích ở địch hậu, tăng cường hoạt động ở các chiến trường miền Nam và Lào, Campuchia, buộc địch phải phân tán lực lượng hơn nữa và do đó lâm vào bị động.

- Tích cực và chủ động tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, làm cho địch ngày càng suy yếu.

- Tích cực củng cố và phát triển bộ đội ta, đồng thời rút hẹp nguồn ngụy binh và nguồn tài lực của địch ở địch hậu.

- Phương hướng chiến lược là trước hết giải phóng Tây Bắc và Tây Nguyên, uy hiếp Nam Bộ, tạo điều kiện để giải phóng Bắc Bộ.

Dự án kế hoạch quân sự 1954 - 1955 được phê duyệt đồng thời với chủ trương mở chiến dịch trên chiến trường trọng điểm Điện Biên Phủ. Ngày 20-12, Đảng ủy Chiến dịch Điện Biên Phủ được thành lập[14], Đại đoàn 312 và Đại đoàn 351 (gồm Trung đoàn lựu pháo 105 mm và Trung đoàn cao xạ pháo 37 mm lần đầu ra trận) nhận lệnh xuất quân. Cuối tháng 12-1953, trước khi lên đường ra mặt trận, Tổng Tư lệnh gửi thư thăm hỏi và động viên lớp huấn luyện dân công chiến dịch Điện Biên Phủ, ban hành *Năm điều kỷ luật chiến trường* và gửi điện động viên cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 320 đang tiếp tục tiến sâu vào địch hậu, hoạt động phối hợp với chiến trường chính.

Nhân ngày đầu năm 1954, trong thư hiệu triệu các đảng viên tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ, sau khi nêu lên ý nghĩa và mục đích to lớn của chiến dịch, Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp viết: Tổng Quân ủy kêu gọi toàn thể các đồng chí hãy phát huy đến cùng tác dụng lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là của chi bộ đại đội, hãy phát huy đến cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, dũng cảm và kiên quyết đến cùng dẫn đầu quần chúng binh sĩ đông đảo của chúng ta trong chiến dịch to lớn và vẻ vang này để giành lấy thắng lợi hoàn toàn cho chiến dịch. Tổng Quân ủy mong rằng toàn thể các đồng chí hãy hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang do Đảng giao cho, hoàn thành cho bằng được chỉ thị của Hồ Chủ tịch trong đông xuân năm nay là: Làm cho mùa xuân năm nay là một mùa xuân đại thắng lợi.

35- Cùng cả nước ra trận

Ngày 5-1-1954, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp lên đường ra mặt trận, mang theo quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân: Tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, phá tan kế hoạch Nava. Ngay lúc đó, việc lên đường của ông Giáp ngoài tầm suy nghĩ của những người đại diện cao nhất của Pari ở Đông Dương, trong đó có Cao ủy Môrít Đờgiăng (Maurice Dejean). Sau này được biết, đúng ngày hôm đó, ngài Cao ủy đánh điện về Pari báo cáo rằng: theo nhận định của người cầm đầu quân viễn chinh, có thể Bộ Tư lệnh Việt Minh không dám chấp nhận giao chiến ở Điện Biên Phủ. Chừng 10 năm sau, chi tiết này được sử gia Giuyn Roa (Jules Roy) tiết lộ trong cuốn sách của mình[15]. Phía Pháp đánh giá rằng cho đến nay, quân đội của Tướng Giáp chưa bao giờ đứng trước một nhiệm vụ đáng sợ như nhiệm vụ tiến công Điện Biên Phủ. Nếu Việt Minh tiến công vào thung lũng Mường Thanh thì đó sẽ là trận đánh rất gay go, nhưng phía Pháp có nhiều cơ may giành thắng lợi chắc chắn.

Đúng Điện Biên Phủ là trận đánh lớn nhất trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, nhưng không phải là "một nhiệm vụ đáng sợ" như Đờgiăng nói. Lãnh đạo của ta cũng biết đây là một thử thách lớn chưa từng có đối với quân và dân ta trong cuộc đấu trí, đấu lực với tướng lĩnh quân viễn chinh Pháp. Chẳng thế mà hôm Tổng Tư lệnh lên báo cáo Cụ Hồ để ra mặt trận, Cụ dặn rõ ràng: Đây là trận đánh rất quan trọng, chỉ được đánh thắng, chắc thắng thì đánh, không chắc thắng thì không đánh. Lời dặn của Cụ Hồ nói lên tư tưởng chỉ đạo tác chiến mà Hội nghị Trung ương đầu năm 1953 đã xác định: Phương châm chung của cuộc chiến tranh giải phóng của ta là trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh. Ta không chủ quan khinh địch, không nóng vội, không mạo hiểm. Đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì kiên quyết đánh cho kỳ thắng, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh. Nếu chủ quan, mạo hiểm một lần mà thua nặng, thì sẽ tai hại lớn. Chiến trường ta hẹp, người của ta không nhiều, nên nói chung ta chỉ có thắng chứ không được bại, vì bại thì hết vốn.

Tổng Tư lệnh lên đường, tâm niệm lời dặn của Cụ Hồ và tư tưởng chỉ đạo của Trung ương.

Cùng đi có các Cục trưởng Tác chiến Trần Văn Quang, Cục trưởng Tình báo Lê Trọng Nghĩa, Cục trưởng Thông tin Hoàng Đạo Thúy, Phó Cục trưởng Bảo vệ Phạm Kiệt... và Trưởng đoàn Cố vấn Trung Quốc Vi Quốc Thanh. Sau này ông Phạm Kiệt kể lại, khi sắp xuất phát, ông Giáp vui vẻ nói với mọi người: Lần này ta đi thần tiên nhất. Dù sao cũng có chiếc xe ọc ạch mà đi, không vất vả như các chiến dịch trước.

Sau này được biết, suốt dọc đường ra trận, mấy vấn đề luôn được nêu lên để trao đổi ý kiến giữa những người cùng đi: một là, yêu cầu khách quan đối với quân đội ta là phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mới đẩy cuộc kháng chiến tiến tới; hai là, ta phải làm gì và làm thế nào nếu quân Pháp rút chạy khỏi Điện Biên Phủ, ta lại một lần nữa mất mục tiêu tiến công chiến lược; ba là, vận dụng cách đánh thế nào để tiêu diệt được một tập đoàn cứ điểm như Điện Biên Phủ?

Trên chiến trường Đông Dương, tập đoàn cứ điểm là hình thức phòng ngự mới nhất của địch, đã từng xuất hiện ở trình độ thấp trong Chiến dịch Hoà Bình năm 1951, rồi ở Cánh Đồng Chum và Nà Sản vào năm 1952 và đầu năm 1953. Hồi đó, khả năng chiến đấu của ta còn có hạn nên cuối năm 1951, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không cho bộ đội tiến công vào tập đoàn cứ điểm trong thị xã Hoà Bình, mà đánh địch cơ động trên đường số 6, trên sông Đà và mở cuộc tiến công vào địch hậu Bắc Bộ. Trong đợt cuối của Chiến dịch Tây Bắc, khi địch cụm lại trong tập đoàn cứ điểm Nà Sản, sau mấy trận tiến công ngoại vi tập đoàn cứ điểm, tuy có diệt được một bộ phận sinh lực địch nhưng lực lượng của ta cũng bị tiêu hao, ông ra lệnh ngừng cuộc tiến công. Trên bước đường phát triển của cuộc chiến tranh cách mạng, làm phá sản hình thức phòng ngự mới nhất của địch là một yêu cầu chiến lược tất yếu đối với quân đội ta trong những năm cuối của cuộc kháng chiến, nhằm tạo thêm một bước ngoặt cơ bản cho sự nghiệp đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc. Thế nhưng, mùa hè năm 1953, quân ta vẫn chưa có cơ hội tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa vì trước khi quân ta đến, địch rút chạy, bộ đội chuyển sang truy kích diệt địch cũng tức là vẫn chưa có cơ hội tiến công tập đoàn cứ điểm. Sau Chiến dịch Sầm Nưa, các cuộc chỉnh huấn quân sự và chỉnh quân chính trị đều hướng vào chuẩn bị để bộ đội chủ lực có đủ sức mạnh về tinh thần và tư tưởng, kỹ thuật và chiến thuật để đánh công kiên quy mô lớn. Bước vào đông - xuân 1953 - 1954, các đại đoàn chủ lực đã sẵn sàng thực hiện chủ trương của Tổng hành dinh không bỏ lỡ cơ hội đối mặt với tập đoàn cứ điểm. Sau này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: Chính vì vậy mà khi phát hiện địch có khả năng tăng cường lực lượng lên Điện Biên Phủ và biến Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm thì Trung ương Đảng ta đã nhanh chóng hạ quyết tâm tranh thủ thời cơ tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Một vấn đề mà Tổng Tư lệnh đặc biệt chú ý theo dõi suốt dọc đường ra trận là liệu địch có rút chạy khỏi Điện Biên Phủ hay không? Mỗi lần dừng chân dọc đường, dây trời căng lên để hỏi tình hình ở Điện Biên Phủ, ông thường lưu ý bộ phận quân báo ở phía trước phải theo dõi chặt chẽ những hiện tượng không bình thường của địch, đặc biệt là những triệu chứng chúng chuẩn bị rút chạy. Dù quân số địch đã lên tới 9-10 tiểu đoàn, nhưng kinh nghiệm ở Hoà Bình, Nà Sản và mới đây là Lai Châu cho thấy quân Pháp có phương tiện và kinh nghiệm tổ chức những cuộc rút lui quy mô lớn. Chúng có thể nhanh chóng tháo chạy bằng một cuộc hành binh không vận. Chỉ bằng 150 lần/chuyến Dakota trong vòng 5 ngày chúng có thể "bốc" cả 6 tiểu đoàn từ Nà Sản về đồng bằng. Cùng lắm, chúng cũng có thể mở một đường máu, vượt qua cái chốt của Trung đoàn 36 ở Pom Lót để vượt sang Lào. Địch rút chạy khỏi Điện Biên Phủ, toàn quân mất mục tiêu tiến công chiến lược chủ yếu của mùa khô này thì kế hoạch đông xuân của ta sẽ bị ảnh hưởng không nhỏ.

Bộ đội chủ lực, sau gần 9 năm chiến đấu và xây dựng mới chỉ có 6 đại đoàn bộ binh và một đại đoàn công binh - pháo binh, với một trung đoàn lựu pháo 105 mm và một trung đoàn cao xạ pháo 37 mm lần đầu xuất trận. Thực hiện quyết tâm của Trung ương tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Bộ Tổng tư lệnh đã tập trung phần lớn bộ đội chủ lực lên Tây Bắc. Đó là một bộ phận quan trọng của lực lượng vũ trang cả nước tích lũy được trải qua bao thử thách trong suốt 8 - 9 năm kháng chiến, nay được tung vào một trận đánh có ý nghĩa quyết định. Đó là một trận đánh mà, như sau này Tổng Tư lệnh diễn đạt lời của Cụ Hồ, một trận đánh ta không được phép thua.

Lần đầu tiên quân ta mở cuộc tiến công quy mô lớn vào tập đoàn cứ điểm lại là một tập đoàn cứ điểm mạnh, có quân số và trang bị mạnh hơn gấp nhiều lần so với Nà Sản (ấy là chưa kể địch còn khả năng tăng viện trong quá trình chiến đấu). Quân ta phải đối mặt với hàng vạn tên địch trên một cánh đồng bằng phẳng, rộng hơn 100 km^2, một chiến trường do địch lựa chọn để chấp nhận giao chiến với ta, một chiến trường cho phép chúng phát huy sức mạnh tối đa của máy bay, xe tăng, đại bác và lực lượng phản kích, ứng cứu. Rõ ràng là dễ hiểu vì sao vấn đề cách đánh chiến dịch luôn "bám chặt" dòng suy nghĩ của người chịu trách nhiệm cao nhất trước toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về kết quả trận đánh có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng này. Chọn cách đánh đúng cũng tức là tìm được lời giải của một bài toán: Đánh thắng, không những tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực tinh nhuệ của địch mà còn bảo tồn được vốn quý là các đại đoàn chủ lực - "ngọn mác xung kích" của cuộc kháng chiến.

Trên đường ra trận, hằng ngày Tổng Tư lệnh thường xuyên nghe báo cáo tình hình hành quân của các đại đoàn chủ lực và tình hình chuẩn bị hoạt động của các chiến trường phối hợp.

Đại đoàn 320 là đơn vị đầu tiên được may mắn đối mặt với Đờ Caxtơri từ mấy tháng trước, khi viên đại tá này theo Chim Hải âu (cuộc hành binh Mouette) "bay" ra tây nam Ninh Bình. Ngay trước con mắt của Phó Tổng thống Mỹ Níchxơn đang có mặt ở Ghềnh để quan sát chiến trường, 320 đã bẻ gãy cánh Hải âu cùng với viên đại tá có chiếc mũ màu tiết dê và chiếc gậy chỉ huy ra dáng quý tộc. Trong lúc số đông các đại đoàn bạn tiến quân lên Tây Bắc để "nói chuyện" với Đờ Caxtơri và hơn mười ngàn quân trong tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thì Đại đoàn Đồng bằng tiếp tục đi sâu vào vùng đồng chiêm trũng, tiếp tục đánh vào phòng tuyến sông Đáy, tức là làm cái việc mà sau này Tướng Nava gọi là "làm ruỗng nát vùng đồng bằng có ích". Chính do nhiệm vụ đặc biệt đó mà 320 là đại đoàn đầu tiên nhận được điện động viên của Tổng Tư lệnh trước khi toàn quân bước vào đợt 2 của chiến cuộc đông xuân. Bức điện viết: Nhiệm vụ các đồng chí rất

nặng. Hoàn thành được nhiệm vụ đó tức là góp phần công lao xứng đáng vào thắng lợi chung, tạo điều kiện để giành thắng lợi mới trong thời gian sắp tới.

Ở chiến trường miền Trung, Đại đoàn 325 không có điều kiện hoạt động tập trung trong mùa chiến dịch này. Ngay từ hội nghị phổ biến kế hoạch trung tuần tháng 11, Đại đoàn trưởng Trần Quý Hai đã được giao nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo Mặt trận D (Trung và Hạ Lào), hướng chiến lược quan trọng nhưng địch sơ hở ở miền Trung Đông Dương. Trong khi Trung đoàn 101 (thiếu) của 325 cùng Trung đoàn 66 của 304 tiến công địch ở Trung Lào thì Tiểu đoàn 436 của Trung đoàn 101 do Trung đoàn phó Lê Kích trực tiếp chỉ huy, thọc sâu xuống đánh một đòn hiểm ở cực nam Lào. Để kìm chân địch, phối hợp trực tiếp với Mặt trận D, Trung đoàn 18 phân tán thành những phân đội luồn vào địch hậu, phát động phong trào du kích, lấy hoạt động chủ yếu là đánh giao thông suốt chiều dài đường số 1 trên địa bàn Bình - Trị - Thiên. Riêng Trung đoàn 95 - đơn vị vừa làm thất bại cuộc hành binh Camacgơ của địch ở vùng Hải Lăng - Phong Điền (Thừa Thiên) - được điều về Nghệ An, vừa làm lực lượng dự bị của bộ, vừa bảo vệ vùng tự do Liên khu 4.

Trên đường ra trận, qua Phú Thọ, Tổng Tư lệnh vào thăm Đại đoàn 304. Có thể Đại tướng không biết rằng lúc này trong cán bộ, chiến sĩ đại đoàn vẫn râm ran những giai thoại về chuyến hành quân đường dài hai tháng trước. Chẳng là giữa lúc anh em đang trú quân ở Thanh Hoá, sốt ruột vì năm nay ra quân muộn, thì Trung đoàn 66 được lệnh sang phối hợp với một trung đoàn bạn hoạt động ở Trung Lào. Tiếp đó, hai trung đoàn 9 và 57 cũng nhận lệnh hành quân lên Tây Bắc đúng vào lúc có tin Nava ném quân xuống Mường Thanh. Anh em náo nức lên đường. Nào ngờ, cách Mộc Châu chừng 15 km, bất thình lình có lệnh rẽ phải ở ngã ba Xồm Lồm, theo đường Quang Huy - Thu Cúc - Lai Đồng lên Phú Thọ. Mãi đến ngày 25-12, qua bến đò Chí Chủ, Tham mưu trưởng Nam Long mới cho biết cuộc hành quân hơn một tháng vừa qua là một cuộc "diễu hành nghi binh chiến lược" đánh lạc hướng địch. Tối ngày 5-1-1954, nhân đến thăm đơn vị, Đại tướng mới lệnh cho đại đoàn đưa ngay Trung đoàn 57 lên Tây Bắc, còn Trung đoàn 9 tiếp tục ở lại trung du bảo vệ căn cứ địa, nhưng cũng sẵn sàng lên đường khi có lệnh. Thế là, cũng như Đại đoàn 325, mấy trung đoàn của Đại đoàn 304 hoạt động trên các địa bàn rất xa nhau.

Khi đi qua vùng Yên Bái - Phú Thọ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã biết Đại đoàn 312 cũng vừa rời khỏi đất trung du lên đường đi Tây Bắc, nên ông không có dịp được nghe nỗi lòng cán bộ, chiến sĩ trong những ngày sốt ruột chờ đợi ra quân - một mùa chiến dịch ra quân chậm. Nỗi lòng ấy mãi sau này mới được anh em giãi bày trên những trang ký sự lịch sử của đại đoàn: Nhiều người đoán bộ đội ta đã hành quân về đồng bằng. Trong khi đó, ở các vùng Đại Phạm, Quang Nhiễu, Lương Bằng phía bắc tỉnh Phú Thọ này, đại đoàn vẫn nấp kín trong rừng sâu. Bộ đội đã ráo riết chuẩn bị xong súng đạn, balô, mua kim chỉ, dầu con hổ, mua cá khô, mắm khô và đang chờ nhiệm vụ. Đợi mãi, cuối cùng, đến ngày 20-12-1953, lệnh hành quân chiến đấu được truyền xuống các đơn vị như ánh mặt trời mới mọc, xua tan nhanh chóng những đám mây mù mong ngóng, sốt ruột. Các đơn vị tràn ngập không khí phấn khởi, hăm hở lên đường.

Hai đại đoàn 316 và 308 được đối mặt với tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sớm hơn cả. Khi 316 giải phóng Lai Châu, thì 308 cũng xuất quân rồi cùng 316 từng bước hình thành vòng vây quanh cánh đồng Mường Thanh, chứng kiến ngay từ những ngày đầu quá trình hình thành tập đoàn cứ điểm của địch, với mệnh lệnh nghiêm ngặt: không được để mất mục tiêu. Điều đó giải thích vì sao 308 đã sớm hình thành một cái chốt đón lõng ở phía biên giới Việt - Lào. Nếu 308 xuất quân từ căn cứ địa thành một khối thống nhất đi một mạch lên Điện Biên thì "Đại đoàn sơn cước" 316 không có điều kiện thuận lợi như vậy. Khi Chính ủy Chu Huy Mân rời Hội nghị phổ biến kế

hoạch chiến lược ở Việt Bắc lên đường thì ba trung đoàn của 316 còn ở ba hướng. Chẳng là, sau Chiến dịch Thượng Lào (Sầm Nưa), Trung đoàn 98 ở lại giúp bạn củng cố vùng giải phóng rồi trở lên Sơn La trước khi bước vào thu - đông. Trung đoàn 176 cũng ở lại Tây Bắc nhưng phân tán tiễu phỉ dọc sông Đà, bảo đảm cho kế hoạch sửa chữa cầu đường, cho đến khi nhận lệnh đi tham gia chiến dịch giải phóng Lai Châu. Có thể nói, hai trung đoàn 98 và 176 đứng chân trên chiến trường miền Tây suốt chiều dài bốn chiến dịch liên tiếp: Tây Bắc, Sầm Nưa, Lai Châu rồi Điện Biên Phủ. Trung đoàn 174 có phần may mắn hơn là được cùng Đại đoàn bộ trở về Thanh Hoá chỉnh huấn sau Chiến dịch Sầm Nưa, nhưng đến hạ tuần tháng 11-1953 lại là đơn vị phải bôn tập xa nhất khi nhận lệnh trở về đội hình đại đoàn đi giải phóng Lai Châu.

So với các đại đoàn bộ binh đã quen dày dạn chiến trận qua nhiều mùa chiến dịch thì hai trung đoàn cao xạ pháo và lựu pháo của Đại đoàn 351 được xem là "tân binh", mới cả về binh chủng lại mới cả về cách làm ăn, nhất là quan hệ hiệp đồng đánh lớn. Nhiệm vụ của Trung đoàn 367 pháo cao xạ lần đầu ra trận là tiêu diệt máy bay Pháp, yểm trợ cho hoạt động của đồng đội ở mặt đất. Vậy mà các khẩu đội 37 mm dưới quyền chỉ huy của Trung đoàn phó Nguyễn Quang Bích chỉ mới được tập ngắm bắn máy bay là những quả bóng thả trên không trung. Chỉ khi lên tới chiến trường Điện Biên Phủ, các chiến sĩ cao xạ mới được nhận dạng và nghe giới thiệu tính năng kỹ thuật của từng loại máy bay của Pháp qua ống nhòm nhìn xuống sân bay Mường Thanh hoặc quan sát trực tiếp những máy bay đang lồng lộn trên bầu trời Điện Biên Phủ. Vì lý do giữ bí mật, các khẩu đội cao xạ chỉ được phát hỏa khi có lệnh ít ngày trước khi mở màn chiến dịch. Tất cả những điều đó không chỉ là bất ngờ đối với quân Pháp trong lòng chảo Điện Biên hồi đó, mà cũng là những điều mới lạ đối với các đại biểu Pháp trong cuộc hội thảo nhân kỷ niệm 50 chiến thắng Điện Biên Phủ trung tuần tháng 4-2004 tại Hà Nội. Mọi người không khỏi ngạc nhiên khi được biết Trung đoàn lựu pháo 45 Tất Thắng chuẩn bị bước vào mùa khô cũng trong hoàn cảnh tương tự như vậy. Đợt tập huấn của các đơn vị lựu pháo 105 mm hồi mùa hè năm 1953, tuy có nội dung "Pháo binh trong tác chiến hiệp đồng, đánh địch trong công sự vững chắc, đánh vận động tiêu diệt binh đoàn chủ lực lớn của địch" và cũng đã kết thúc bằng bắn đạn thật[16] nhưng vì lý do giữ bí mật nên chưa có "đối tượng" để diễn tập hiệp đồng. Trước khi bước vào mùa khô, như thấu hiểu tâm tư chiến sĩ, Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp tặng trung đoàn bức trướng với tám chữ vàng *ẩn lặng như tờ - Đánh mạnh như sét.* Thế nhưng, chỉnh huấn quân sự rồi, chỉnh quân chính trị rồi, mùa khô đã tới, vậy mà ngày lại ngày, quân ta vẫn cứ "ẩn lặng như tờ" dưới tàn lá của khu rừng già Bắc Mục, cạnh đường số 2 Tuyên Quang - Hà Giang. Anh em bắt đầu sốt ruột, nhất là khi được nghe tin chiến thắng ở Trung Lào, ở tây nam Ninh Bình. Trên tờ báo tường của Trung đoàn 45 lựu pháo xuất hiện bài thơ nói rõ nỗi lòng lính pháo mong ngày lên đường lập công. Thơ rằng:

Chiến dịch thu - đông đã đến rồi,

Trung đoàn Tất Thắng vẫn nằm chơi!

Sao không cơ động linh hoạt nhỉ?

Chiến dịch thu - đông đã đến rồi[17].

Biết tin đó, trong một lần gặp Chính ủy Đại đoàn 351 Phạm Ngọc Mậu, Tổng Tư lệnh đã hoan nghênh cái thắc mắc chính đáng của anh em, nhưng nhắc Đại đoàn ủy phải làm cho mọi người quán triệt tinh thần chỉ đạo của bộ là: "Có giữ được bí mật về hỏa lực lớn mới giành được bất ngờ. Sử dụng lựu pháo vào lúc nào, ở đâu, phải có thời cơ và phải thu được thắng lợi đích đáng".

Trong Hội nghị phổ biến kế hoạch trung tuần tháng 11-1953 ở Tổng hành dinh, Tổng Tư lệnh chưa nói gì đến nhiệm vụ của Trung đoàn 45. Chính ủy đại đoàn Phạm Ngọc Mậu, Trung đoàn trưởng Hữu Mỹ và Chính ủy trung đoàn Nam Thắng được mời làm việc riêng với Bí thư Tổng Quân ủy. Cuộc họp đó dẫn đến Nghị quyết ngày 11-12 của Đại đoàn ủy 351: "Trung đoàn 45 phải tuyệt đối giữ bí mật. Triệt để tin tưởng cấp trên. Sẵn sàng đánh địch bảo vệ vùng tự do, nhưng cũng sẵn sàng lên hướng Tây Bắc hay xuống đồng bằng. Tranh thủ thời gian vừa tiếp tục rèn luyện kỹ thuật, vừa sẵn sàng chiến đấu". Cán bộ, chiến sĩ thông suốt, tiếp tục "ẩn lặng như tờ". Nếu có gì mới thì đó là tham gia hoạt động nghi binh, dùng mấy khẩu pháo giả làm bằng tre, sơn đen, hành quân qua lại mấy thị xã, khi thì Thái Nguyên, khi thì Tuyên Quang, Phú Thọ.

Cuối cùng, ngày ra quân đã đến. Ngày 21-12 "đàn voi" chia tay với mảnh đất căn cứ địa Tuyên Quang lên đường đi Tây Bắc. Tổng Tư lệnh trực tiếp dặn dò Bộ Tư lệnh đại đoàn và các trung đoàn trưởng 45 và 367 khi giao nhiệm vụ: Trọng pháo ra trận lần đầu sẽ gặp nhiều khó khăn lớn. Trước mắt, phải bảo đảm an toàn và tuyệt đối bí mật trong hành quân. Đưa được người và xe, pháo tới đích an toàn, coi như đạt 60% thắng lợi.

Nói đến giữ bí mật cho "đàn voi" là quá cần thiết vì cho đến trước ngày nổ súng, lựu pháo 105 mm và cao pháo 37 mm của ta vẫn là một ẩn số lớn đối với tướng lĩnh Pháp. Và thực tế kết quả chiến dịch cho thấy, một trong những nguyên nhân cụ thể dẫn đến thất bại của địch cũng chính vì chúng không tìm ra đáp số đúng về pháo binh Việt Nam. Nói bí mật là đối với địch, còn với bộ đội và dân công trên đường cùng hành quân ra trận thì sự xuất hiện của "đàn voi" trên đường đúng là một sự kiện đặc biệt, đồng thời cũng là một nguồn động viên đối với mọi người. Người ta hò reo chào mừng khi gặp những con "voi" hành quân cùng chiều. Người ta sẵn sàng nhường đường cho "voi" vượt lên và mỗi khi gặp "voi" dừng chân nghỉ giữa đường, người ta tranh thủ sờ vòi, sờ tai "voi" và cả những lời nhắn nhủ "voi" làm tròn nhiệm vụ dội lửa trúng đồn địch. Bộ Tổng tư lệnh đã lo sửa đường và mở đường, cho cả bộ đội và dân công nói chung nhưng trước hết là cho "đàn voi". Bộ binh, dù có cả pháo nhỏ vác vai, len lỏi đâu cũng được, còn đối với đoàn "xe có đuôi" thì đường sá phải đàng hoàng, đủ chiều rộng (8-12 m), độ dốc vừa phải. Vậy mà vẫn không khỏi có những khúc cua, pháo thủ phải cắt pháo khỏi xe, dùng sức người đẩy vì cua hẹp không đủ vòng.

Đi trên con đường ra tiền tuyến mùa khô này, Tổng Tư lệnh hài lòng vì thành tích của bộ đội, thanh niên xung phong, dân công, mà nòng cốt là Trung đoàn công binh 151, lực lượng xung kích xây dựng và phát huy truyền thống "mở đường thắng lợi". Trung đoàn lên đường từ ngày 7-11, bắt đầu từ nhiệm vụ sửa chữa và mở rộng đường từ Tạ Khoa đến Cò Nòi rồi Cò Nòi - Tuần Giáo và tiếp đến, trong tháng 12, khai thông đoạn đường 86 km Tuần Giáo - Điện Biên. Cuối cùng là nhiệm vụ tu bổ và mở rộng thêm mặt đường Tạ Khoa - Điện Biên Phủ, với 76 đoạn đường vòng hẹp. Một nhiệm vụ đặc biệt khẩn trương nói lên quan hệ nội bộ hợp đồng công - pháo là công binh đã kịp thời mở rộng đường bảo đảm cho hai trung đoàn lựu pháo và cao pháo vào vị trí tập kết an toàn ở khu vực Tuần Giáo đầu tháng 1-1954. Tiếp đó, chặng đường còn lại, 86 km Tuần Giáo - Điện Biên cần được củng cố và mở rộng đảm bảo cho xe pháo từ vị trí tập kết vào được trận địa, đó là khối công việc không những quan trọng mà còn hết sức khẩn trương, vẫn đang còn ở phía trước.

Mấy tháng liên tục trên mặt đường là cả quá trình Trung đoàn công binh 151 phải thường xuyên đấu tranh với thời tiết khắc nghiệt, giá rét, mưa to lũ lớn và nhất là từng ngày từng giờ vật lộn với bom đạn của không quân địch. Cơ quan tham mưu Pháp biết rất rõ một trong những khó khăn lớn của ta trong chiến dịch này là vấn đề vận tải tiếp tế đường dài và chúng đã tập trung

bom đạn khoét sâu khó khăn đó của ta. Các đèo Pha Đin, Lũng Lô, ngã ba Cò Nòi, bến phà Tạ Khoa... đều là những mục tiêu đánh phá hàng đầu của máy bay địch. Ngoài việc dùng bom đánh phá, gồm cả bom nổ ngay và bom nổ chậm, địch còn thả mìn nhảy, bom bướm, chông sắt hòng cản trở bước chân của dân công và gây khó khăn cho các đoàn xe cơ giới. Tới ngã ba Cò Nòi - nơi gặp nhau giữa hai trục đường số 13 và đường số 41 - Tổng Tư lệnh "có cảm giác như đã ở mặt trận". Sau này nhớ lại, ông viết: Các con đường tới đây đã biến đi dưới những hố bom... Kể cả những đồi núi chung quanh cũng chỉ còn là một màu đất đỏ... Ngã ba Cò Nòi đúng là một cửa ải mà tất cả những người ra trận đều phải vượt qua.

Khi xe đi qua đây, Đại tướng được anh em báo cáo: địa hình khu vực ngã ba thay đổi hàng ngày. Tổ quan sát đã phải vẽ đi vẽ lại sơ đồ khu vực này chừng 10 lần.

"Không có con đường ấy, không có chiến dịch này", câu nói đó của Đại tướng Võ Nguyên Giáp sau ngày chiến thắng là một lời đánh giá mang tính khái quát cao thành tích của Trung đoàn công binh 151 cùng các lực lượng làm đường trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Và trên những con đường ấy, bên cạnh bộ đội và thanh niên xung phong là từng đoàn, từng đoàn dân công - mà báo chí Pháp gọi là "những đàn kiến vô tận". Đó chính là một trong những nét đặc sắc nhất của bức tranh toàn cảnh *cả nước ra trận.* Bức tranh đó, sau này được Tổng Tư lệnh nhớ lại: Người đi như trảy hội. Những đoàn dân công Việt Bắc, Tây Bắc, Khu 3, Khu 4. Bộ binh, pháo binh, công binh, vận tải, văn công, đơn vị này nối tiếp đơn vị khác. Trên những chiếc cầu tre mảnh khảnh hoặc những cầu gỗ ghép bằng thân cây của công binh mới bắc qua suối, những chị dân công đòn gánh cong vút vì gạo, đạn, cười nói vui vẻ vượt qua. Những anh dân công xe thồ lầm lũi điều khiển các chú "voi con" đi thoăn thoắt trên đường. Những đoàn ngựa thồ của đồng bào Mông từ rẻo cao xuống, những chị dân công người Tày, người Nùng gánh, người Thái, người Dao gùi, chấm phá thêm màu sắc cho bức tranh liên hoàn dài vô tận. Từ hàng ngũ các đoàn dân công bỗng chốc lại vang lên một giọng hò, khi thì trong vắt của một cô gái đồng bằng Bắc Bộ, khi thì trầm ấm của một chàng trai Khu Tư. Tiếng hát, câu hò như trả lời, như vượt lên những thách thức của bom đạn mỗi lúc càng nhiều ở phía trước.

Hạt gạo đưa ra tiền tuyến hôm nay không chỉ là kết quả hai sương một nắng của người nông dân đang vùng lên trong cuộc phát động quần chúng ở hậu phương kháng chiến mà còn là kết quả những ngày đấu tranh kiên trì bền bỉ của bà con nông dân vùng tạm bị chiếm nhằm bảo vệ mùa màng, bảo vệ trâu bò và nông cụ để sản xuất và để đưa được hạt gạo len lỏi qua đồn bốt địch, vượt qua "vành đai trắng" ra vùng tự do. Quá trình vận chuyển từ hậu phương ra tiền tuyến, những hạt gạo nghĩa tình ấy không chỉ một lần thấm máu anh chị em dân công trên mỗi chặng đường dưới bom đạn địch.

Sau một tuần lễ, ngày 12-1-1954 Đại tướng Võ Nguyên Giáp và đoàn tùy tùng đến Tuần Giáo. Vừa gặp Tham mưu trưởng Chiến dịch Hoàng Văn Thái, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đã hỏi ngay:

- Liệu địch có rút Điện Biên Phủ không?

Rõ ràng đây là một vấn đề không hề dứt khỏi dòng suy nghĩ của Tổng Tư lệnh suốt tuần qua trên từng chặng đường ra mặt trận. Ông Thái đáp:

- Chắc là không. Chúng vẫn tăng quân và tiếp tục củng cố công sự.

Nghe câu trả lời, ông Giáp "cảm thấy mừng", nhất là khi được báo cáo rằng hai trung đoàn pháo lớn đã hành quân an toàn, đến vị trí trú quân ở Tuần Giáo. Ông Giáp dặn ông Thái: Cần phải đưa nhanh toàn bộ Đại đoàn 312 vào đội hình bao vây địch. Cần giữ chúng ở Điện Biên, không để tái diễn trường hợp mất mục tiêu như Nà Sản. Ngay sau đó, ông Giáp tranh thủ nghe ông Thái báo cáo.

Trước tấm sơ đồ tập đoàn cứ điểm mở rộng, lần đầu Chỉ huy trưởng chiến dịch hình dung cụ thể hơn địa hình lòng chảo Mường Thanh và cũng lần đầu ông thấy vị trí địch ken dày như thế. Mặc dù ở phía đông có những điểm cao nằm tiếp giáp nhau, nhưng từ bốn phía, nhất là phía tây, muốn tiếp cận khu trung tâm đều phải vượt qua cánh đồng rộng. Theo báo cáo của Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, vấn đề khó khăn lớn nhất hiện nay là hoàn thành việc mở rộng đường Tuần Giáo - Điện Biên, đưa pháo vào trận địa là có thể mở màn chiến dịch. Ông Thái cho biết: bộ phận tiền trạm Sở Chỉ huy của bộ cũng như cán bộ các đại đoàn đều thấy nhân lúc địch đứng chân chưa vững, ta nên tranh thủ đánh sớm, nếu không, địch tiếp tục tăng cường công sự, tập đoàn cứ điểm trở nên quá mạnh. Mặt khác, mọi người cũng lo chiến dịch kéo dài, sẽ phải giải quyết hàng loạt vấn đề về quân số, thương vong, đặc biệt là về tiếp tế.

Buổi chiều, Chỉ huy trưởng đi tiếp đến Km 15 đường Tuần Giáo - Điện Biên. Ngồi trên xe, ngắm cảnh núi rừng hùng vĩ của mảnh đất miền Tây nhưng trong đầu Đại tướng biết bao câu hỏi mới xuất hiện, chưa có lời giải. Nói đánh ngay, đánh sớm nhưng phải có đường cho pháo vào. Địch tiếp tục tăng cường phòng thủ trong khi ta còn cần thêm thời gian để tu sửa cầu đủ trọng tải và mở rộng tuyến đường hơn 80 km từ vị trí trú quân của pháo hiện nay đến khu vực trận địa. Thời gian đó là bao nhiêu? Cơ quan tham mưu dự tính 5 ngày. Dù tính toán đó là sát đúng thì trong khoảng thời gian gần một tuần đó địch làm được những gì để củng cố thế phòng ngự của chúng? Khả năng tăng viện của địch thế nào? Lúc này vẫn chưa có tiếng súng phối hợp của các chiến trường Hạ Lào và nhất là Tây Nguyên để căng kéo thêm địch[18].

Xe dừng ở Thẩm Púa, vị trí lâm thời của Sở Chỉ huy tiền phương. Anh em cán bộ Tổng hành dinh đã có mặt trước đây một tháng và đang bận rộn với công việc chuẩn bị chiến đấu.

Thời gian khẩn trương, Bí thư Võ Nguyên Giáp tranh thủ hội ý Đảng ủy chiến dịch ngay về phương án tác chiến. Phương án do bộ phận tham mưu và một số cố vấn đi trước chuẩn bị. Các thành viên Đảng ủy Hoàng Văn Thái, Lê Liêm và Đặng Kim Giang đều có mặt trong cuộc hội ý đầu tiên này. Đúng như báo cáo của Tham mưu trưởng buổi sáng, ai nấy đều thấy trong điều kiện địch đang trong thế phòng ngự dã chiến, công sự chưa củng cố, ta cần đánh ngay và có khả năng giành thắng lợi trong vòng vài ba ngày đêm. Về cách đánh, theo phương châm đánh nhanh, giải quyết nhanh, ta sẽ dùng toàn bộ lực lượng, chia làm nhiều hướng đánh cùng một lúc, có sự chi viện và hợp đồng chặt chẽ của lựu pháo và cao xạ pháo. Chiến dịch tiến công tập đoàn cứ điểm sẽ bắt đầu bằng một trận pháo cấp tập dữ dội gây tổn thất nặng cho pháo binh và máy bay địch thường trực trên sân bay ngay từ đầu. Tiếp đó, các mũi đột kích của bộ binh thọc sâu vào chia cắt tập đoàn cứ điểm, mũi đột kích chủ yếu từ phía tây và tây nam đánh thẳng vào Sở Chỉ huy và trung tâm thông tin của địch, tạo nên sự rối loạn trong tung thâm phòng ngự của chúng, rồi từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào, tiêu diệt toàn bộ quân địch trong vòng ba đêm, hai ngày. Như vậy, các trận đánh ban ngày sẽ diễn ra trong trạng thái địch, ta xen kẽ, máy bay và pháo binh địch không dễ dàng đánh trúng đội hình của ta mà không gây thương vong cho quân của chúng.

Nghe xong báo cáo, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp tự hỏi: Đánh như thế có mạo hiểm không, có chắc thắng không? Ông không tin rằng, với so sánh lực lượng giữa ta và địch hiện nay trên

chiến trường Điện Biên Phủ, ta có thể huy động toàn bộ lực lượng để tiêu diệt hàng vạn tên địch trong tập đoàn cứ điểm trong vài ba ngày? Chỉ huy trưởng tranh thủ sang bàn với Trưởng đoàn Cố vấn. Ông Vi Quốc Thanh mới cùng lên nhưng đã nghe Cố vấn tham mưu Mai Gia Sinh báo cáo và đã cùng nhau nhất trí cần đánh sớm và tin rằng có nhiều khả năng giành thắng lợi. Sau khi nghe ông Giáp trình bày những suy nghĩ của mình, Cố vấn Vi suy nghĩ một lúc, cuối cùng nói: Nên đánh sớm, khi địch còn đứng chân chưa vững. Để lâu, chúng tiếp tục tăng thêm quân và củng cố công sự, ta sẽ không đánh được và như vậy không còn cơ hội tiêu diệt địch.

Mặc dù không tin rằng đánh nhanh có thể giành được thắng lợi, nhưng ông Giáp thấy mình là người vừa mới lên tới đây, chưa có cơ sở để bác bỏ phương án mà đa số Đảng ủy viên lên trước hàng tháng đã lựa chọn và phương án lại được tất cả các đồng chí cố vấn đồng tình. Không thể dùng điện đài để xin ý kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị về một vấn đề tuyệt mật như thế này mà biên thư về thì không kịp. Để tránh lãng phí thời gian, Bí thư Võ Nguyên Giáp đồng ý với tập thể Đảng ủy triệu tập Hội nghị phổ biến kế hoạch chiến đấu để các đơn vị kịp triển khai theo phương án đánh nhanh.

Sau này, qua sách báo của phương Tây và đặc biệt là hai cuốn hồi ký của Tướng Nava, các nhà nghiên cứu có thêm cứ liệu để hiểu rõ hơn về việc chuẩn bị bước vào bàn cờ chiến lược Điện Biên Phủ của hai vị đại tướng.

Nava không hề nghĩ rằng đúng vào cái ngày ông ta ném quân xuống cánh đồng Mường Thanh, Pari cử phái viên là Chuẩn đô đốc Cabaniê (Cabanier) sang Sài Gòn nói thẳng với Tổng Chỉ huy Pháp rằng những cuộc ra quân trong mấy tháng vừa qua không phù hợp với khả năng quá hạn hẹp của nước Pháp. Hãy điều chỉnh lại kế hoạch, "liệu cơm gắp mắm", cốt sao chỉ đủ cho Việt Minh thấy rằng Pháp không đủ sức đánh bại họ nhưng họ cũng đừng mong đuổi được quân viễn chinh về nước, hai bên nên ngồi vào bàn thương lượng. Về phần tướng quân, đừng trông chờ gì tăng viện của "chính quốc", bởi vậy nếu cứ mạnh tay ra quân như vừa qua thì sẽ hối bất cập.

Khách quan mà xét, Nava là một viên tướng có lòng tự tin của người cầm quân. Dù phải tiếp nhận một "gia tài bị nhiễm độc" - như ông ta nói - do Xalăng bàn giao lại, nhưng Nava không nghĩ đến chuyện từ chức. Một trong những lý do là từ hồi tháng 7, khi Hội đồng Quốc phòng thông qua kế hoạch chiến lược 18 tháng, báo chí Pari và Sài Gòn đã đưa ông ta lên chín tầng mây xanh, "hạ xuống" khó lắm. Dư luận cho rằng đó là vì lòng tự tôn của một viên tướng được thiên hạ coi là "có nhãn quan chiến lược sắc bén, có thể thay đổi cục diện chiến trường", v.v. và v.v..

Từ ngày 3-12, hạ quyết tâm xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm để quyết chiến với đối phương, dù không được Pari công khai ủng hộ, nhưng được ông bạn Hoa Kỳ đổ tiền và súng vào, Nava có đủ yếu tố tinh thần và vật chất để thực hiện quyết tâm của mình. Trong quá trình dốc sức xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Nava trù tính ba điều lợi:

Một là: Các binh đoàn chủ lực của Việt Minh đã lên Tây Bắc. Như vậy đồng bằng đã đỡ bị sức ép, một sức ép đè nặng lên tâm trí của Tổng Chỉ huy Pháp từ trước khi bước vào mùa khô. Từ lâu, ông ta vốn lo Việt Minh tiến quân về đồng bằng.

Hai là: Một khi đã lên đây, đứng trước "sức mạnh không thể công phá nổi" của tập đoàn cứ điểm, nếu Việt Minh không dám tiến công Điện Biên Phủ mà lui quân thì thời gian đã ủng hộ phía Pháp, mùa khô qua đi, mùa mưa vừa tới, thời cơ tiến công chiến lược của đối phương không còn, đó chính là điều kiện để Bộ Chỉ huy Pháp ung dung thực hiện chủ trương "thanh toán" bốn tỉnh tự do của Liên khu 5 và chuẩn bị tiếp bước hai của kế hoạch Nava.

Ba là: Nếu Việt Minh to gan, dám húc vào (Nava dùng từ cogner) những cái bát úp (pillbox) sắt thép của tập đoàn cứ điểm thì, lạy Chúa, đó là điều mà tướng lĩnh thuộc quyền của Nava (từ Cônhi đến Đờ Caxtơri) đều mong đợi. Họ rất tin là quân Pháp sẽ nghiền nát Việt Minh (broyer les Viet).

Theo cuốn sách *Trận Điện Biên Phủ* của Giuyn Roa thì, đúng vào những ngày mà Chỉ huy trưởng chiến dịch của ta còn đang cân nhắc phương châm tác chiến chiến dịch, thì tại Sài Gòn, Tướng Nava cũng rà soát lại bản kế hoạch phòng thủ mà ông ta đã phê duyệt từ đầu tháng 12, chỉ đường cho ba quân sẵn sàng bảo vệ tập đoàn cứ điểm bằng mọi giá. Đó là kế hoạch tác chiến gồm bốn bước:

Bước 1: Đẩy mạnh mọi hoạt động dưới đất và trên không nhằm cản trở và làm chậm tốc độ chuyển quân của đối phương lên Tây Bắc bằng những trận đánh phá các đường giao thông chính từ Yên Bái sang và từ Thanh Hoá lên Tây Bắc, tích cực ngăn chặn hệ thống hậu cần tiếp tế.

Bước 2: Quá trình đối phương trực tiếp tiếp xúc với tập đoàn cứ điểm (dự kiến từ 6 đến 10 ngày), dùng máy bay và pháo binh đánh bật đối phương ra khỏi vị trí tiếp cận.

Bước 3: Nếu đối phương thực hành tiến công (dự kiến trận đánh có thể kéo dài vài ba ngày), sẽ dùng hành động phản kích liên tục bằng cả hỏa lực và xung lực, buộc họ phải trả một giá rất đắt và phải đình chỉ trận đánh.

Bước 4: Ngay khi đối phương buộc phải rút lui, phải kịp thời khuếch trương thắng lợi, dùng không quân gây thêm cho họ nhiều tổn thất ngay trong quá trình rút chạy.

Để quân đồn trú có điều kiện biến bốn bước trên đây của kế hoạch tác chiến thành hiện thực, Tướng Nava thường xuyên đôn đốc Cônhi (Tư lệnh quân viễn chinh ở miền Bắc Đông Dương) cho vận chuyển khẩn trương mọi phương tiện vật chất theo yêu cầu của Đờ Caxtơri để nhanh chóng hoàn chỉnh công việc bố phòng của tập đoàn cứ điểm.

Dựa vào cầu hàng không nối liền Hà Nội và Hải Phòng với Điện Biên Phủ, hằng ngày rất nhiều máy bay vận tải Mỹ DC3 hạ cánh xuống sân bay Mường Thanh, mang theo một khối lượng từ 200 đến 300 tấn phương tiện vật chất để xây dựng công sự, củng cố hệ thống phòng thủ. Ngoài ra chừng 30 lần/chiếc máy bay vận tải hạng lớn C119 do phi công Mỹ lái, mỗi buổi sáng thả dù tiếp tế thêm từ 100 đến 150 tấn hàng quân sự các loại. Qua kinh nghiệm phòng thủ Nà Sản, các tướng lĩnh Pháp dự tính, từ khi bắt đầu cuộc chiến, để duy trì được sức chiến đấu ở Điện Biên Phủ, mức tiếp tế mỗi ngày đòi hỏi khoảng 70 tấn trong điều kiện chiến đấu thông thường và khoảng 90 tấn trong điều kiện chiến đấu ác liệt.

Trên cơ sở phán đoán đối phương không thể kéo dài trận đánh, nên cơ số vật chất dự trữ bảo đảm chiến đấu thường xuyên không lớn: chừng 10 ngày lương thực, thực phẩm, 8 ngày nhiên liệu, từ 6 đến 9 cơ số đạn các loại.

Tướng Nava tin rằng với những lời khích lệ ba quân khi dự lễ Nôen trong hầm chỉ huy của Đờ Caxtơri cuối năm ngoái, với cái đà phương tiện vật chất dồn lên Điện Biên Phủ nhiều vô kể như trong tháng 1-1954 này, với kế hoạch phòng thủ đầy triển vọng đã được thông qua, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ chắc chắn có thể đứng vững. Nhìn lại cục diện chiến trường bất lợi suốt mấy tháng cuối năm 1953 và nhờ những nỗ lực tối đa trong những ngày cuối tháng 1 vừa qua, Nava hy vọng và tin tưởng giành phần thắng ở Điện Biên Phủ để kết thúc cuộc chiến "với tỷ số hoà" như ông ta thổ lộ trong cuốn *Thời điểm của những sự thật* viết 25 năm sau[19]. Điều đó giải

thích vì sao sau khi giao cho Cônhi "theo dõi" Điện Biên Phủ, mặc dù trong đầu Tổng Chỉ huy Nava còn nặng trĩu những câu hỏi chưa có lời giải về khả năng của đối phương trước tập đoàn cứ điểm trên cánh đồng Mường Thanh, ông ta vẫn dồn tâm trí vào kế hoạch Atlante, đánh chiếm vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú của Liên khu 5.

Từ những ngày tháng 1-1954, bắt đầu diễn ra cuộc đấu trí thầm lặng giữa hai vị đại tướng ở hai trận tuyến trong quá trình tiến từng bước đến trước bàn cờ chiến lược có ý nghĩa quyết định: bàn cờ Điện Biên Phủ. Trên bàn cờ ấy, về phía bên kia, các sĩ quan có trách nhiệm trực tiếp đối với vận mệnh tập đoàn cứ điểm, từ Cônhi, Đờ Caxtơri, đến Pirốt, Gôsê... đã nhiều lần cam đoan với các phái đoàn khách từ Sài Gòn, Pari, Oasinhtơn lên thăm Điện Biên Phủ rằng: họ và Tổng Chỉ huy của họ nắm chắc phần thắng, vì vũ khí và các phương tiện vật chất trên cánh đồng Mường Thanh đã quá thừa để nghiền nát đối phương.

Riêng về phần Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, trước một đối thủ quá tin vào sức mạnh sắt thép của đồng minh Hoa Kỳ để quyết giữ vững Điện Biên Phủ bằng mọi giá, ông có lý do để thận trọng chọn những nước cờ "chắc tay" nhất, đảm bảo giành phần thắng. Cho nên thật dễ hiểu vì sao trong suốt nửa cuối tháng 1-1954, tại Sở Chỉ huy đặt trong khu rừng Nà Tấu, ông đã phải trải qua những đêm thao thức, đăn đo, cân nhắc từng bước đi. Trách nhiệm của người Tổng Tư lệnh trước toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đòi hỏi ông tìm cho ra đáp số đúng của bài toán: Làm thế nào để thắng trong trận quyết chiến chiến lược này.

Đâu là nước cờ hay nhất?

Lúc này, kết cục thắng thua giữa hai người cầm quân hai bên đối kháng trong ván cờ chiến lược trên cánh đồng Mường Thanh vẫn còn là một ẩn số.

36- Mười hai ngày khó quên

Các ký giả Pháp và phương Tây, nhất là những phóng viên chiến trường đã từng đôi lần theo Tướng Nava lên Điện Biên Phủ đều có chung một suy nghĩ rằng, vào những ngày cuối năm 1953 - đầu năm 1954, tâm trạng của Tướng Nava có lúc như cái hàn thử biểu, khi lên khi xuống "dùng dằng nửa ở nửa về" trên cánh đồng Mường Thanh.

Ngày 3-12, bỏ ngoài tai lời khuyên can của Pari, ông ta hạ quyết tâm xây dựng tập đoàn cứ điểm để chấp nhận giao chiến với đối phương ở Tây Bắc, quyết tâm "giữ vững Điện Biên Phủ bằng mọi giá". Một sĩ quan cao cấp thuộc dòng dõi quý tộc, rất đáng tin cậy, được điều từ đồng bằng lên để chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Đó là Đại tá Đờ Caxtơri đã từng ba lần có mặt trên chiến trường Đông Dương, dưới thời Lơcle rồi Đờlát và nay là Nava. Chính viên đại tá này, với cái mũ calô màu tiết dê, chiếc khăn quàng đỏ và chiếc gậy chỉ huy đã hết sức năng nổ, xông xáo và đã lọt qua mắt xanh của Phó Tổng thống Níchxơn trong cuộc hành binh Hải âu ở tây nam Ninh Bình hồi tháng 10 vừa qua. Cùng được điều lên với Đờ Caxtơri là một loạt trung tá được đánh giá là tài ba. Chỉ trong ít ngày trung tuần tháng 12, một số cứ điểm đã nhanh chóng mọc lên, binh lực của tập đoàn cứ điểm từ 6 tiểu đoàn lúc đầu đã dần dần lên tới 10 tiểu đoàn bộ binh, cùng với 4 đại đội pháo 105 mm 16 khẩu. Ngày 18-12, những chiếc xe tăng đầu tiên tháo rời được máy bay đưa từ đồng bằng lên đã lắp xong và bắt đầu lồng lộn trên cánh đồng Mường Thanh. Người ta báo cáo với Tướng Nava rằng trong cuộc họp tại chỗ bàn chuyên đề về pháo binh, gồm các Tướng Pennáckiôni - Thanh tra pháo binh quân viễn chinh, Tướng Cônhi - Tư lệnh miền Bắc, cũng xuất thân từ pháo binh, Tướng Bôđê - Phó tướng của Nava, Đại tá Đờ Caxtơri - Chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm, Đại tá Pirốt - Chỉ huy pháo binh tập đoàn cứ điểm, v.v., sau khi phân

tích mọi nhẽ về cả hai phía, mọi người đã thống nhất đi đến kết luận: "Pháp không có lý do gì để sợ pháo Việt Minh". Quá trình "con nhím Điện Biên Phủ xù lông" cũng là những ngày Tổng Chỉ huy Nava nhận thấy từ Cônhi đến Đờ Caxtơri và cấp chỉ huy các phân khu, ai cũng chờ đối phương tiến công. Tờ *Caravelle* của quân viễn chinh, ngày 17-12 đưa tin "Cuộc chiến lớn sắp bắt đầu".

Nhưng rồi, từ ngày 15-12 có tin Đại đoàn thép 308 đã qua bến Tạ Khoa, 9 ngày sau đã có mặt ở Điện Biên Phủ. Lại có tin Đại đoàn 312 và cả Đại đoàn nặng 351 cũng đã lên đường. Thì ra trên cái mảnh đất Tây Bắc trùng điệp này, không chỉ có Đại đoàn sơn cước 316, mà ít nhất đã có 4 đại đoàn đối phương đã và sắp hội tụ quanh lòng chảo Mường Thanh. Như cách nói của ký giả phương Tây thạo săn tin thì chỉ ít ngày sau khi hạ quyết tâm chấp nhận giao chiến, "cái hàn thử biểu thần kinh" của Tướng Nava đã có lúc xuống rất thấp. Điều đó lý giải vì sao vào khoảng cuối tháng 12, ông ta hạ lệnh cho Crevơcơ (Chỉ huy quân Pháp ở Thượng Lào) dựa vào kết quả "cuộc hành binh sinh đôi"[20] để "cấy" chừng 6 tiểu đoàn dọc sông Nậm Hu, hình thành một hành lang sẵn sàng hỗ trợ cho quân Pháp rút chạy từ Điện Biên Phủ sang Thượng Lào khi cần theo kế hoạch mang mật danh Xênôphôn. Lúc đầu, biết Nava có ý định sẵn sàng rút quân khỏi Mường Thanh khi tình thế đòi hỏi, Tướng Cônhi kịch liệt phản đối. Lý do công khai của viên chỉ huy miền Bắc này là muốn "quyết chiến" với các đại đoàn chủ lực đối phương, nhưng trong thâm tâm viên tướng này toan tính điều khác. Điện Biên Phủ đã đóng vai trò "cái nhọt hút máu độc", kéo được các "ngọn giáo kháng chiến"[21] lên đây, đồng bằng sông Hồng không còn bị sức ép, thì cứ để sức mạnh sắt thép của tập đoàn cứ điểm hoàn thành chức năng là "bẻ gãy ngọn giáo kháng chiến" - tiêu diệt các đại đoàn chủ lực của Việt Minh. Để họ rút khỏi Điện Biên Phủ, chủ lực đối phương sẽ trở về xuôi thì thật đáng lo cho "cái vùng đồng bằng có ích của tôi". Việc Cônhi phản đối rút quân và thái độ "sẵn sàng quyết chiến" của cả Cônhi và Đờ Caxtơri đã đẩy Tổng Chỉ huy Nava vào tình thế "tiến thoái bất phân". Thái độ dùng dằng nửa ở nửa về đó biểu hiện rất rõ trong tuần lễ cuối tháng 12-1953. Đêm 24-12, dự lễ Nôen với các sĩ quan ở hầm chỉ huy của Đờ Catxtơri, Tổng Chỉ huy còn lớn tiếng động viên ba quân "quyết chiến", vì không những Việt Minh không có pháo mà chỉ riêng chuyện gạo ăn, họ cũng không đủ để kéo dài trận đánh. Vậy mà chỉ một tuần sau, ngày 31-12, Tổng Chỉ huy lại ký mật lệnh cho Cônhi và Crevơcơ chuẩn bị để có thể sẵn sàng rút quân khỏi Điện Biên Phủ khi có lệnh. Cho nên thật dễ hiểu, về phía ta, với tầm nhìn chiến lược của mình, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp có lý do để lo ngại trường hợp địch rút chạy sang Thượng Lào, ta lại mất mục tiêu một lần nữa. Nhưng, theo nhận xét sau này của các ký giả và sử gia Pháp và phương Tây, Tướng Nava đâu có biết rằng, đã đến lúc thời cơ rút chạy không còn. Khi được biết Nava có ý định rút quân theo kế hoạch Xênôphôn, họ đã nêu lên một hình ảnh: Vào những ngày cuối tháng 12 - đầu tháng 1 này, cục sáp đã khô, Nava không còn tự do nhào nặn được nữa rồi[22]. Thế là, dù Tổng Chỉ huy Pháp muốn hay không, trong cuộc đấu trí giữa hai đối thủ trước bàn cờ chiến lược Điện Biên Phủ, Tướng Giáp đã buộc Tướng Nava phải dừng lại ở *điểm hẹn lịch sử*. Vòng vây của đối phương đã hình thành quanh cánh đồng Mường Thanh, từ xa đến gần.

Theo phương châm tác chiến chiến dịch đánh nhanh giải quyết nhanh mà tập thể Đảng ủy đã quyết định, sáng 14-1-1954, tại Sở Chỉ huy đặt tại hang Thẩm Púa, Chỉ huy trưởng chiến dịch, Đại tướng Võ Nguyên Giáp phổ biến kế hoạch tác chiến và giao nhiệm vụ chiến đấu cho các đơn vị. Các cán bộ đại đoàn, nhiều cán bộ trung đoàn và cả một số cán bộ tiểu đoàn hướng chủ công đều có mặt nhận nhiệm vụ chiến đấu trước một sa bàn lớn. Nội dung cơ bản của kế hoạch tác chiến theo phương châm đánh nhanh là: Tập trung tuyệt đối ưu thế binh hỏa lực từ phía tây đột phá, đánh nhanh vào tung thâm Mường Thanh, đồng thời từ phía bắc và phía đông giáp công.

Trong bước đầu, nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ quân địch ở tung thâm Mường Thanh và những cứ điểm ở phía tây và tây bắc. Sang bước thứ hai, giải quyết bộ phận địch còn lại ở phía đông - đông bắc và phía nam (hoặc đồng thời hoặc chia làm hai bước)[23]. Thời gian tác chiến dự kiến ba đêm, hai ngày. Thời gian hoàn thành việc kéo pháo vào trận địa là chiều ngày 19 để có thể nổ súng vào 5 giờ chiều ngày 20-1-1954.

Trong báo cáo kết luận hội nghị, sau khi nhấn mạnh chiến dịch này là chiến dịch lớn nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam từ trước đến nay, có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt, Chỉ huy trưởng chiến dịch Võ Nguyên Giáp nhắc lại nhiệm vụ chiến đấu của các đại đoàn trên các hướng[24], nêu lên điều kiện thuận lợi của ta (sức mạnh bộ đội, kết quả chuẩn bị chiến dịch, đặc biệt là về đường sá vận tải, cung cấp) và nhấn mạnh yêu cầu đề cao hơn nữa quyết tâm của cán bộ và chiến sĩ, nhất là trong tình huống địch tình thay đổi. Phải đánh giá đúng những cố gắng và cách đối phó của địch, thấy hết những khó khăn của ta và có biện pháp khắc phục, tránh chủ quan giản đơn. Ông chỉ rõ: Trong một chiến dịch quy mô lớn nhất của quân đội ta từ trước đến nay, chúng ta chưa có kinh nghiệm phối hợp nhiều binh chủng, nên không tránh khỏi những khó khăn về chiến thuật (chiếm lĩnh trận địa, hợp đồng động tác, chiến đấu liên tục, phòng không, phòng pháo, phòng cơ giới, đảm bảo chỉ huy kịp thời thông suốt và ăn khớp trong những tình huống diễn biến nhanh chóng và phức tạp, nhất là trong tung thâm). Nhiệm vụ trước mắt là tập trung lực lượng hoàn thành gấp đường kéo pháo vào trận địa dã chiến. Chỉ huy trưởng giải thích: Không phải ta không có xe kéo pháo, nhưng pháo lớn lần đầu xuất trận, ta chủ trương dùng sức người kéo pháo để giữ bí mật hoàn toàn đến trước giờ phát hỏa.

Hội nghị toát lên một không khí phấn khởi, nhất là khi được biết có lựu pháo 105 mm và cao pháo 37 mm tham gia chiến dịch, mọi người đều trầm trồ, tỏ rõ sự tin tưởng ở pháo lớn lần đầu ra trận. Các đơn vị đều hăng hái thể hiện quyết tâm hoàn thành cả nhiệm vụ tác chiến, làm đường và kéo pháo. Không một ý kiến đề nghị thay đổi nhiệm vụ, càng không một lời "bàn ngang". Tuy vậy, để chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, trong báo cáo kết luận hội nghị, Chỉ huy trưởng chiến dịch nói: Hiện nay, tình hình địch chưa có gì thay đổi lớn, nhưng không phải hoàn toàn không có khả năng thay đổi. Chúng ta cần ra sức nắm vững địch tình, để một khi tình hình địch biến hoá thì kịp thời nắm vững và kịp thời xử trí.

Một thói quen trong phong cách cầm quân của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là, mỗi khi giao nhiệm vụ chiến đấu cho cán bộ, ông thường gợi ý để cấp dưới nói lên những khó khăn có thể gặp phải và đề xuất phương hướng và biện pháp khắc phục. Có một điều đáng chú ý trong hội nghị phổ biến kế hoạch và giao nhiệm vụ lần này, đó là trong không khí chung hồ hởi và phấn khởi, không một ý kiến đề xuất về khó khăn, kể cả các đơn vị chủ công đảm nhiệm hướng đột kích chủ yếu. Chỉ có những ý kiến hỏi để rõ hơn nhiệm vụ. Các đại đoàn trưởng, kể cả Đại đoàn trưởng 308 Vương Thừa Vũ đảm nhiệm mũi thọc sâu vào Sở Chỉ huy địch trong tung thâm Mường Thanh, cũng không có ý kiến gì đề đạt với trên. Ông Giáp cảm thấy đây là một hiện tượng không bình thường. Sau này, trong hồi ức của mình, Đại tướng viết: "Chỉ mười năm sau, nhân dịp kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, một số đồng chí phụ trách các đại đoàn mới nói thực với tôi ý nghĩ của mình. Đến khi đó tôi mới biết có những đồng chí chỉ huy cảm thấy nhiệm vụ quá nặng, lo phải đột phá liên tiếp, trận đánh kéo dài, không giải quyết được thương binh và tiếp tế đạn dược. Thế nhưng hồi đó, trong không khí hào hứng chung của cuộc họp trao nhiệm vụ, không ai dám nói những băn khoăn của mình. Thật là một bài học sâu sắc về dân chủ nội bộ".

Riêng về phần mình, tuy đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị nhưng Chỉ huy trưởng vẫn thấy chưa có đủ yếu tố để giành thắng lợi bằng cách đánh nhanh. Ông dặn Phó ban Trinh sát mặt trận Cao

Pha bám sát sự biến chuyển của tình hình địch, đặc biệt là tình hình chúng tăng quân, củng cố công sự và báo cáo cụ thể với ông ngày hai lần. Chú ý khu vực phía tây Mường Thanh, hướng đột kích chủ yếu vào tung thâm tập đoàn cứ điểm. Ông nói với Chánh văn phòng Nguyễn Văn Hiếu về suy nghĩ của mình và dặn theo dõi tình hình, cân nhắc thêm và có ý kiến gì thì trao đổi riêng với ông.

Sau khi Sở Chỉ huy từ Km 15 đã chuyển sâu vào trong, ngang Km 62 trong một khu rừng già thuộc bản Nà Tấu, cán bộ Bộ Chỉ huy phân nhau đi theo dõi các đơn vị chuẩn bị chiến đấu, đặc biệt là theo dõi và giúp đỡ việc kéo pháo. Chỉ huy trưởng dành nhiều thời gian lên điểm cao phía sau Sở Chỉ huy dùng ống nhòm quan sát theo dõi tình hình địch trên cánh đồng Mường Thanh. Với quyết định đánh nhanh, vấn đề là thời gian. Thêm một ngày là một ngày các cứ điểm của địch thêm rắn. Phải chạy đua với địch, hạn chế khả năng chúng tăng viện và củng cố phòng ngự. Vậy liệu thời gian kéo pháo có "ủng hộ" phương châm đánh nhanh? Ông đi xem con đường kéo pháo dài 15 km, rộng 3 m mà Đại đoàn 308 mới hoàn thành vượt mức thời gian dự kiến[25]. Con đường nằm trên địa hình hiểm trở, nhiều dốc cao vực sâu, liệu quân ta có kịp hoàn thành nhiệm vụ kéo pháo an toàn vào trận địa trong ba đêm theo kế hoạch?

Theo dõi và nghe phản ảnh hàng ngày về việc kéo pháo, Chỉ huy trưởng ngày càng thấy rõ bộ đội gặp nhiều khó khăn và thời gian kéo pháo có thể dài hơn so với dự kiến. Do cơ quan tham mưu của ta chưa có kinh nghiệm cho nên đường kéo pháo ở thực địa khác xa đường vạch trên bản đồ, cả về chiều dài và nhất là độ dốc. Dự kiến độ dốc cao nhất cũng chỉ 30^0, 40^0, nhưng trên thực địa có đoạn đường dốc tới 60^0. Lúc đầu, xe chỉ kéo pháo đến cửa rừng Na Nham rồi dùng sức người kéo tiếp vào khu trận địa, vì sợ xe kéo vào gần hơn, địch phát hiện tiếng động cơ. Nhưng do thấy thời gian kéo dài (ngày 19 pháo không thể vào trận địa như kế hoạch), Chỉ huy trưởng trao đổi với Trưởng đoàn Cố vấn Vi Quốc Thanh về tình hình địch thay đổi và những khó khăn của kéo pháo và hai ông nhất trí quyết định lui ngày nổ súng đến chiều ngày 25, đồng thời cho phép dùng xe kéo sâu vào tới Nà Ten, tính ra có thể rút ngắn thời gian kéo bằng tay được chừng ba ngày. Ngay sau đó ông Vi điện về Bắc Kinh báo cáo vì sao đã nhất trí với các đồng chí Việt Nam lui thời gian nổ súng 5 ngày[26]. Ngày 21, Quân ủy Trung ương Trung Quốc trả lời ông Vi: Nhất trí hoãn ngày nổ súng và dặn thêm ông Vi: "Không nên sử dụng lực lượng đồng đều trên bốn mặt, mà phải sử dụng biện pháp bao vây chia cắt, tiêu diệt địch từng phần, từng phần một". Thời gian trôi nhanh, sắp đến ngày nổ súng, vậy mà theo báo cáo của Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, mặc dù hết sức tích cực, cố gắng, anh em cũng không sao thực hiện được kế hoạch. Sau này, Đại tướng Hoàng Văn Thái kể lại: Ngày 23, tôi xuống kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của các đại đoàn 351 và 312, trước hết là nắm lại tình hình kéo pháo... Chỉ còn hai ngày nữa là chiến dịch mở màn. Vậy mà pháo chưa vào hết, mặc dù suốt tuần qua, ngay trong tầm pháo địch, các đơn vị bộ binh, pháo binh và công binh đều dốc sức làm đường, ngụy trang đường và kéo pháo, bảo đảm an toàn cho người, cho pháo. Dự kiến đưa vào hướng bắc 12 khẩu, nhưng đến nay mới 6 khẩu đến khu vực trận địa, 6 khẩu còn đang trên đường vào. Dân công chuyển đạn chưa được bao nhiêu. Đạn nặng, đường dốc.

Trong cuộc hội ý chiều ngày 23, ông Thái không chỉ báo cáo tình hình kéo pháo mà còn tổng hợp tình hình thay đổi của địch trên cánh đồng Mường Thanh. Theo báo cáo của trinh sát mặt trận và của các tổ quân báo các đại đoàn đang bám sát mục tiêu thì địch đã tăng cường lực lượng từ 8 - 9 tiểu đoàn lên hơn 10 tiểu đoàn và không ngừng củng cố hệ thống phòng ngự ngày càng vững chắc hơn. Về hỏa lực, ngoài 24 khẩu lựu pháo 105 mm, 4 khẩu 155 mm và 20 khẩu súng cối 120 mm, đã thấy xuất hiện một số xe tăng mới được đem lên và đã lắp xong. Hàng rào dây

thép gai và bãi mìn triển khai rất rộng, có nơi rộng hàng trăm mét. Trên hướng bắc, điểm cao Độc Lập không còn là vị trí tiền tiêu mà đã trở thành một cụm cứ điểm, do một tiểu đoàn Âu - Phi đóng giữ. Trên hướng tây bắc cánh đồng Mường Thanh, hồi đầu tháng 1 còn rất sơ hở, nay địch đã xây dựng một loạt cứ điểm ở phía tây sân bay. Cứ điểm Căng Na đã được gia cố vững chắc. Theo lời khai của tù binh, mấy cụm cứ điểm phía bắc này có tầm quan trọng đặc biệt đối với tập đoàn cứ điểm vì không những là bình phong chắn giữ trên các trục đường từ phía bắc xuống mà còn bảo đảm độ dài và độ cao an toàn cho đường bay theo trục duy nhất trên không phận cánh đồng Mường Thanh - trục bay tây bắc - đông nam. Lui xuống phía nam, cứ điểm Hồng Cúm cũng đã mở rộng thành một cụm cứ điểm, có sân bay dự bị và trận địa pháo riêng có thể yểm trợ cho Phân khu Trung tâm. Phía đông vẫn là hướng địch mạnh hơn cả. Chúng có thể dựa vào các điểm cao trên hướng này để kéo dài cuộc chiến đấu phòng ngự trước các trận tiến công của Đại đoàn 316...

Ông Giáp cũng cho biết hôm nay, 23-1, Cục phó Cục Bảo vệ Phạm Kiệt từ ngoài vị trí kéo pháo gọi điện về, không những báo cáo tình hình pháo chưa vào hết trận địa mà còn lưu ý Bộ Chỉ huy chiến dịch về việc những khẩu pháo lớn chỉ chiếm lĩnh trận địa dã chiến, "phơi mình trên bãi trống", rất dễ bị pháo binh và không quân địch phá hủy, vì khi bị địch oanh tạc hoặc phản pháo, không thể dùng tay để kịp kéo pháo ra khu vực an toàn. Anh em cán bộ pháo binh cũng chưa biết khi các mũi bộ binh phát triển chiến đấu tung thâm thì pháo sẽ cơ động bằng cách nào để chi viện cho bộ binh. Về phía các đơn vị bộ binh, nhân dùng điện thoại nói chuyện với Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn, kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của Đại đoàn 312, ông Giáp được ông Tấn cho biết đang nghiên cứu tổ chức chiến đấu thế nào để đột phá liên tục ba phòng tuyến địch từ phía bắc xuống, qua đồi Độc Lập, Bản Kéo, Căng Na, để vào khu sân bay và tiếp tục phát triển vào tung thâm địch. Tuy phản ánh một thực tế như vậy, nhưng với ý thức của một tư lệnh đại đoàn, ông Tấn nói với Tổng Tư lệnh: "Tình hình tuy khó khăn nhưng xin hứa quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ". Rõ ràng là 312 cần sự giúp đỡ của cấp trên. Chỉ huy trưởng cử Phó ban Quân báo mặt trận Cao Pha xuống ngay Đại đoàn 312 với lời căn dặn: Vì ta chưa nắm chắc tung thâm địch nên cậu xuống bám sát bộ binh, các mũi phát triển đến đâu, bắt tù binh khai thác đến đấy để giúp anh Tấn đánh sâu vào phía trong. Cơ quan tác chiến nghiên cứu tình hình trên hướng tây - hướng đột kích chủ yếu của chiến dịch - báo cáo rằng Đại đoàn 308 tuy không gặp những cứ điểm trên các điểm cao như 316 ở hướng đông hay 312 ở hướng bắc, nhưng bộ đội không có địa hình ẩn náu, không những sẽ phải tiến công tiêu diệt các cứ điểm mới hình thành trên cánh đồng rộng có hàng rào dây thép gai và bãi mìn bao bọc, mà còn phải đối mặt với những trận phản kích của bộ binh địch trên một địa hình bằng phẳng, có xe tăng, pháo binh, máy bay yểm trợ. Chánh văn phòng Nguyễn Văn Hiếu cho biết, cho đến lúc này công tác chính trị - tư tưởng chỉ mới nhắc nhiều đến việc củng cố quyết tâm mà chưa đi vào giải quyết những vướng mắc cụ thể trong tổ chức, chỉ huy và thực hành chiến đấu như thế nào. Một ví dụ điển hình là trường hợp một trung đoàn trưởng bộ binh đề nghị với đại đoàn cho trả bớt pháo vì được tăng cường nhiều pháo quá, không biết tổ chức hiệp đồng ra sao.

Tất cả tình hình thực tế trên đây, cơ quan tham mưu chiến dịch đều thông báo với Đoàn Cố vấn. Qua bức điện của Bắc Kinh ngày 21, rõ ràng là ông Vi dần dần cũng thấy không thể tiêu diệt tập đoàn cứ điểm bằng cách đánh nhanh được. Điều đó càng được khẳng định ngày 24, sau khi được tham mưu thông báo tình hình mới nhất về địch và việc kéo pháo vẫn chưa hoàn thành theo quy định kế hoạch. Hôm sau đã là ngày nổ súng, ông Vi lại điện về Bắc Kinh (trong ngày 24-1-1954), đề nghị nên xem lại phương châm tác chiến. Điện nói rõ: "Toàn bộ Sư đoàn 312 giúp kéo

pháo mà 6 đêm chỉ tiến được 12 km, quân đội đã mệt mỏi mà vẫn chưa đưa được toàn bộ pháo vào trận địa như đã dự định".

Ba ngày (24 - 26-1-1954) chưa có hồi âm của Bắc Kinh, nhưng vì là một vấn đề hệ trọng nên ông Vi phải đợi và tiếp tục suy nghĩ, chưa dám phát biểu với Bộ Chỉ huy chiến dịch. Nhưng với Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp, sau 11 ngày đêm trăn trở, tiếp đến là sau đêm 25 hầu như thức trắng, ông đã đi đến một quyết định mà sau này ông gọi là quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời cầm quân của mình.

Ngay từ Hội nghị phổ biến kế hoạch ngày 14-1 ở Thẩm Púa, Chỉ huy trưởng đã thấy đánh nhanh là mạo hiểm, là không bảo đảm thắng lợi, vì lúc này quân ta chưa đủ trình độ dứt điểm tập đoàn cứ điểm trong ba đêm, hai ngày bằng cách tiến công ồ ạt. Hơn 10 ngày đã trôi qua là mười ngày Chỉ huy trưởng suy nghĩ về lời căn dặn của Cụ Hồ trước khi lên đường, là nhớ lại lời Tổng Bí thư Trường Chinh trong Hội nghị Trung ương cuối tháng 1 năm trước, nói rằng không chắc thắng thì kiên quyết không đánh. Thực tế những gì diễn ra hằng ngày trên cánh đồng Mường Thanh, nhất là những ý kiến của các ông Lê Trọng Tấn, Phạm Kiệt và Nguyễn Văn Hiếu... tất cả đều góp phần củng cố những điều nung nấu của Bí thư Quân ủy: đánh nhanh không thể thắng được. Đến ngày 24, một tình huống ngoài dự kiến đã xảy ra: một chiến sĩ của 312 bị địch bắt, đồng thời đài trinh sát kỹ thuật thu được tin địch báo cho nhau: Việt Minh sẽ tiến công vào 5 giờ chiều ngày 25. Lúc đầu có ý kiến cho rằng do không chịu nổi tra tấn nên chiến sĩ kia khai ra. Sau mới xác minh: lộ là do đài vô tuyến của hậu cần tiền phương. Nhân giờ nổ súng bị lộ, Chỉ huy trưởng quyết định hoãn thêm một ngày (đến chiều ngày 26) để đánh lạc hướng phán đoán của địch đồng thời cũng chính là để thêm thời gian cho suy nghĩ được chín hơn trước khi đi đến quyết định cuối cùng, đó là quyết định thay đổi cách đánh chiến dịch, từ *đánh nhanh giải quyết nhanh* đổi thành *đánh chắc tiến chắc.*

Sáng ngày 26-1, anh em trong Sở Chỉ huy thấy trên đầu Chỉ huy trưởng buộc một nắm ngải cứu. Đó là sáng kiến của bác sĩ Trịnh Văn Khiêm gợi ý cho y sĩ Thùy thực hiện, sau khi biết anh Văn vừa qua một đêm không ngủ. Ngải cứu - một cây thuốc dân gian - mọc bạt ngàn quanh Sở Chỉ huy.

Sáng hôm đó, với nắm ngải cứu buộc trên đầu, Chỉ huy trưởng cùng trợ lý Hoàng Minh Phương sang gặp ông Vi Quốc Thanh. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thẳng thắn nói lên những suy nghĩ của mình hơn 10 ngày qua, nêu lên những khó khăn về chiến thuật mà bộ đội ta chưa có điều kiện khắc phục, khẳng định đánh nhanh không bảo đảm thắng lợi, cuối cùng nói rõ ý định tạm hoãn cuộc tiến công, cho kéo pháo ra, thu quân về vị trí tập kết, chuẩn bị lại để đánh theo phương châm đánh chắc tiến chắc.

Vì sao ông Vi có thể dễ dàng nhất trí với ông Giáp chỉ sau trong nửa giờ trao đổi ý kiến? Cũng như Võ Nguyên Giáp, Vi Quốc Thanh đã trải qua nhiều ngày trăn trở trước tình hình địch đã thay đổi và đã thấy không thể đánh nhanh được, nhưng vì ý thức tổ chức nên ông lặng lẽ chờ đợi ý kiến của Bắc Kinh. Nay thấy người chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chiến dịch chủ động đưa ra quyết định thay đổi cách đánh - một quyết định rất phù hợp với suy nghĩ đắn đo của mình mấy ngày qua, nên hai bộ não của hai người đồng chí nhanh chóng gặp nhau trên một điểm: phải thay đổi cách đánh vì đánh nhanh là mạo hiểm, không bảo đảm thắng lợi. Ông Vi hứa sẽ làm việc, thuyết phục các thành viên trong Đoàn Cố vấn về quyết định thay đổi này.

Vấn đề còn lại với Chỉ huy trưởng là thuyết phục tập thể Đảng ủy để cùng nhau đi đến nhất trí cao, bảo đảm chiến dịch giành thắng lợi trọn vẹn. Cuộc họp Đảng ủy chiến dịch được triệu tập ngay sáng hôm đó, 26-1.

Ngồi trước Bí thư Võ Nguyên Giáp lúc này là những người đồng chí đã cùng ông gắn bó nhiều năm, từ những ngày trứng nước của Đội Quân giải phóng hoặc chí ít cũng từ những ngày đầy thử thách của buổi đầu kháng chiến. Ông tin rằng, với tinh thần dĩ công vi thượng[27], việc cùng nhau bàn bạc tìm biện pháp chấp hành nghiêm chỉnh lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chọn phương án tốt nhất để giành thắng lợi cho chiến dịch, hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất xương máu của chiến sĩ, là chuyện không thể khác được.

Vào hội nghị, Bí thư Đảng ủy Võ Nguyên Giáp nhắc lại quyết tâm không thay đổi của Trung ương là tiêu diệt bằng được tập đoàn cứ điểm nhằm tạo nên một bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến, đồng thời nói lên những suy nghĩ 12 ngày qua về tình hình đã thay đổi của địch, những khó khăn về chiến thuật của bộ đội, cuối cùng khẳng định: muốn chiến dịch giành thắng lợi chắc chắn, nhất thiết phải thay đổi cách đánh.

Các Đảng ủy viên mặt trận đồng thời cũng là các cán bộ đầu ngành Tham mưu, Chính trị, Cung cấp chiến dịch lần lượt nêu lên ý kiến của mình, bắt đầu bằng những ý kiến không thuận. Mười hai ngày qua, cán bộ các ngành đều đi sâu chỉ đạo triển khai các mặt công tác theo phương châm đã được phổ biến trong hội nghị ngày 14-1. Mọi việc căn bản đã hoàn tất cả về tư tưởng và tổ chức. Về phía bộ đội, có đơn vị như 312, Chính ủy đại đoàn Trần Độ đã trịnh trọng làm lễ trao lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* cho đơn vị mũi nhọn. Khí thế bộ đội rất mạnh. Tạm ngừng tiến công, thu quân về vị trí tập kết liệu có tạo nên một sự "hẫng hụt" về tư tưởng?

Cứ như thế, Hội nghị Đảng ủy phải trải qua ý kiến trao đổi khá lâu, nhưng trước câu hỏi do Bí thư Đảng ủy nêu lên là: Đánh nhanh có 100% bảo đảm chắc thắng không? Không một đồng chí nào tìm ra lời giải. Ông Giáp nhắc lại lời Cụ Hồ dặn, nhắc lại tinh thần Hội nghị Trung ương 4, nhấn mạnh trách nhiệm trước kết quả của một chiến dịch quan trọng về nhiều mặt để mọi người cùng trao đổi. Cuối cùng, tập thể nhất trí nhận định rằng không thể vì những khó khăn trở ngại về nhiều mặt do thay đổi phương châm tác chiến và do chiến dịch kéo dài gây nên mà lại chọn một cách đánh không bảo đảm thắng lợi. Và một khi chiến dịch đã "sượng" thì còn phải đối mặt với biết bao vấn đề khó khăn phức tạp mà lúc này chưa lường hết được. Đảng ủy nhất trí cho rằng thay đổi phương châm tác chiến chiến dịch là một quyết tâm rất lớn, là thể hiện cụ thể sự quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương: chỉ được đánh thắng.

Kết thúc cuộc họp, Bí thư Đảng ủy kết luận: Quyết tâm thay đổi cách đánh đòi hỏi các ngành, các cấp ở tiền tuyến phải thay đổi cách suy nghĩ và hành động cho phù hợp với tình hình mới; Đảng ủy sẽ báo cáo và đề nghị với Trung ương động viên hậu phương dốc toàn lực cùng bộ đội ở tiền tuyến khắc phục mọi khó khăn để giành thắng lợi.

Chỉ trong những giờ phút thử thách có ý nghĩa quyết định như buổi trưa ngày 26-1-1954 khó quên này trên chiến trường Điện Biên Phủ mới thấy hết phẩm chất cách mạng và ý thức tổ chức kỷ luật của người cán bộ quân đội nhân dân được Đảng giáo dục và rèn luyện. Việc dùng sức người kéo mấy chục khẩu pháo trở lại vị trí xuất phát và chuyển về phía sau hàng mấy vạn cán bộ và chiến sĩ đang hừng hực khí thế chiến đấu, đang sẵn sàng nhận lệnh xông lên giết giặc lập công là một việc không giản đơn. Trong những giờ phút thử thách đó, bên cạnh mệnh lệnh và cùng với mệnh lệnh, công tác chính trị - tư tưởng đã đi sâu xuống hoàn thành chức năng của

mình ở từng tiểu đội, từng tổ ba người. Đó cũng là một kỳ công của công tác chi bộ trong một thời điểm, một tình huống đặc biệt của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sau cuộc họp Đảng ủy Mặt trận, đồng chí Võ Nguyên Giáp biên thư hỏa tốc cho một cán bộ đi xe jeep về hậu phương báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị về thay đổi phương châm tác chiến chiến dịch[28].

Hôm sau, 27-1, khi Cố vấn Vi Quốc Thanh nhận được điện của Bắc Kinh đồng ý thay đổi cách đánh cũng là lúc bộ đội ta đang kéo pháo trở lại vị trí tập kết và Đại đoàn 308 đang trên đường hành quân thần tốc ngay sau khi nhận lệnh lật cánh sang hướng Thượng Lào.

Còn về phía địch, qua những tài liệu sau này do phía bên kia tiết lộ, ta được biết rõ thêm trong 12 ngày đó, cả bộ máy chiến tranh ở Pari, Sài Gòn và Hà Nội đã cùng nhau dốc sức tìm những biện pháp hữu hiệu nhất để cho tập đoàn cứ điểm "đứng vững".

Cônhi có lúc tỏ ra lo ngại mỗi khi có thêm tin tức thu lượm được về tình hình chuẩn bị chiến đấu của ta. Ngày 15-1, khi lên kiểm tra tình hình tập đoàn cứ điểm, viên tướng này thông báo cho Đờ Caxtơri khá nhiều tin tức mới. Nào là pháo của Việt Minh đã đến Tuần Giáo (kèm theo lời phàn nàn chê trách vì sự bất lực của không quân không ngăn cản nổi hành trình của đoàn xe kéo pháo trên cả tuyến đường dài mấy trăm kilômét). Nào là Việt Minh đã đưa lên đây chừng 21 - 25 tiểu đoàn bộ binh, có cả pháo phòng không cỡ 37/40 mm, có tầm bắn 1.800/3.000 m. Trung đoàn 57 của 304 cũng đã lên đường, sẽ nâng binh lực đối phương lên 28 tiểu đoàn. Cônhi cho Đờ Caxtơri biết rằng ông ta đã khẳng định với Nava là không còn thời cơ triển khai kế hoạch Xênôphôn nữa rồi, đã đến lúc không nên để cho 13.500 quân đồn trú ở Điện Biên Phủ phải bỏ mạng vì phải mở đường máu phá vòng vây để rút chạy sang Thượng Lào. Tóm lại: hãy ở lại và sẵn sàng quyết chiến.

Đúng vào những ngày này, Pari phái Thứ trưởng Bộ Các quốc gia liên kết Giắckê sang kiểm tra tình hình và chỉ trong vòng một tuần lễ ở Việt Nam, phái viên của Pari đã cùng các tướng Nava và Cônhi lên Điện Biên Phủ hai lần. Những người có trách nhiệm về trận đánh, từ Nava đến Cônhi và Đờ Caxtơri cố làm yên lòng đại diện Chính phủ về tính bền vững của tập đoàn cứ điểm. Cônhi báo cáo rằng trong lần lên Điện Biên Phủ ngày 15 vừa qua, ông ta đã giao nhiệm vụ cho Trung tá Lăngglle huấn luyện và diễn tập bắn đạn thật tại thực địa để hai tiểu đoàn dù thuộc lực lượng dự bị thông thạo hành động phản kích chiếm lại bất kỳ mục tiêu nào bị đối phương đánh chiếm. Hà Nội đã gửi lên 10 xe tăng dùng vào hoạt động này. E ngại hướng tây và tây nam sân bay và Sở Chỉ huy bị sơ hở, Cônhi đã chỉ thị Đờ Caxtơri cho ken dày thêm những hàng rào dây thép gai thành từng vạt rộng, đâm xiên và chồng lên nhau như kè chắn sóng, với chiều rộng hàng trăm mét.

Ngày 22, sau khi nghe tin đối phương có thể bắt đầu tiến công vào khoảng đêm 25 rạng ngày 26, Thứ trưởng Giắckê cùng các tướng Nava và Cônhi bay lên Điện Biên Phủ. Ngài Thứ trưởng không quan tâm lắm đến những nghi thức chào đón theo kiểu nhà binh hay bữa tiệc có rượu sâm banh, bíp tết và rau xàlát do vợ Đờ Caxtơri từ Hà Nội gửi lên cho chồng thết khách. Ông ta bảo đánh xe lên hai vị trí xa nhất về phía bắc và đông bắc Gabrielle và Béatrice (tức đồi Độc Lập và Him Lam). Giắckê hỏi khả năng phòng thủ của từng vị trí, kế hoạch phản kích và sức chịu đựng của hầm chiến đấu trước sức công phá của pháo đối phương. Vốn là sĩ quan không quân dự bị, Giắckê biết rằng hai vị trí phía bắc mà mất thì cả sân bay Mường Thanh và không phận của cả khu vực đều bị uy hiếp. Tại Him Lam, Trung tá Gôsê cố làm cho vị khách tin rằng với độ dày 5 m đất và gỗ tròn, nắp hầm đủ sức chịu đựng được sức công phá của pháo binh Việt Minh. Còn về

binh lực, "xin ngài Thứ trưởng đừng lo, một tiểu đoàn thiện chiến của bán Lữ đoàn lê dương 13 bám ba mỏm đồi". Đến hầm chỉ huy của Trung tá Pirốt - chỉ huy pháo binh tập đoàn cứ điểm, người ta giới thiệu rằng: chỉ cần một cái vẫy tay, ông ta đủ sức khiến cho các khẩu đại bác của tập đoàn cứ điểm phun đạn đến bất cứ nơi nào ông ta muốn và dàn pháo 155 mm có thể tiêu diệt cả những trận địa pháo địch đặt ở phía sau các đỉnh núi. Không chỉ một lần người ta nhắc lại rằng pháo của Việt Minh không thể nào đứng vững trước hỏa lực pháo binh của tập đoàn cứ điểm dưới quyền điều hành của Pirốt. Từ ngày 20 khi có tin đối phương sắp hành động, mỗi buổi sáng, sau khi sương tan trên các triền núi, Trung tá chỉ huy pháo binh thường lên máy bay trinh sát bay lượn nhiều vòng trên bầu trời Mường Thanh, chụp ảnh những vị trí nghi ngờ có trận địa pháo hay bộ binh đối phương. Tại cả ba phân khu của tập đoàn cứ điểm, sinh hoạt của binh lính đã được chuyển sang trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

Trong bữa chiêu đãi trưa ngày 25-1, Giắckê gạn hỏi Tướng Nava về trận đánh sắp tới. Viên Tổng Chỉ huy khẳng định một điều với khách: việc quân Pháp chiếm đóng Điện Biên Phủ đã chặn đứng đối phương trên con đường độc đạo sang Lào. Sắp tới, nếu đối phương dám tiến công thì có thể diễn ra hai tình huống: Hoặc là họ sẽ dùng toàn bộ lực lượng lao vào tập đoàn cứ điểm, hoặc là họ chỉ dùng một phần binh lực cần thiết để vô hiệu hoá tập đoàn cứ điểm, còn chừng hơn 10 tiểu đoàn sẽ hướng vào mục tiêu khác, cụ thể là Thượng Lào. Trong cả hai trường hợp, sức mạnh sắt thép của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sẽ tiêu diệt toàn bộ lực lượng tiến công và các dàn pháo của họ, trong khi đó thì phòng tuyến sông Nậm Hu sẽ làm nhiệm vụ chặn đứng đối phương ngay khi vừa đặt chân sang bên kia biên giới Việt - Lào. Tướng Nava nhắc lại kết luận rút ra từ hội nghị chuyên đề pháo binh rằng: Tướng Giáp không thể đặt pháo ở phía sau núi, vì tầm bắn quá xa, lại càng không thể đặt pháo ở sườn núi trông xuống cánh đồng, vì như vậy, chỉ sau đợt phát hỏa đầu tiên sẽ bị pháo của Pirốt tiêu diệt. Hỏa lực tầm ngắn còn lại, cụ thể là súng cối, không đủ sức yểm trợ cho bộ binh.

Vào những ngày này, qua các lần tiếp xúc, các phóng viên chiến tranh cảm thấy các sĩ quan cao cấp của Pháp tỏ rõ niềm tin (có vẻ như hơi quá mức) vào kết quả trận đánh sắp tới.

Ngày 15-1, sau khi từ Điện Biên Phủ về đến Hà Nội, Tướng Cônhi tuyên bố với phóng viên hãng thông tấn *United Press* rằng phía Pháp mong cuộc đụng độ chóng diễn ra ở Điện Biên Phủ: Tất nhiên, pháo của Việt Minh sẽ gây phiền hà cho chúng tôi một thời gian, nhưng rồi chúng tôi sẽ làm cho những khẩu pháo của họ câm họng. Ông Giáp muốn đưa binh lực lớn sang Lào mà không gặp phải trở ngại lớn ở phía sau thì ông ta buộc phải tiến công Điện Biên Phủ. Và chúng tôi sẽ quyết đánh bại Tướng Giáp để cho ông ta bớt những toan tính phiêu lưu trên bình diện chiến lược.

Về phần Tổng Chỉ huy Pháp, tuy vẫn còn có lúc thất thường trong đánh giá tình hình nhưng ngày 22-1, khi cùng lên thăm Điện Biên Phủ, trả lời ông Giắckê, phái viên của Pari, Tướng Nava nói rằng không những ông ta sẽ thắng ở Điện Biên Phủ mà còn dự kiến: nếu so sánh binh lực cho phép, từ căn cứ Mường Thanh này, ông ta không loại trừ khả năng tiến quân ra Tuần Giáo. Đỉnh cao lòng tin của Tướng Nava là, đúng vào ngày 20, khi có tin Việt Minh sẽ tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, ông ta đã lập tức ra lệnh cho các Tướng Đờ Bôpho và Blăng bắt đầu đợt 1 cuộc hành binh átlăng, đánh chiếm Tuy Hoà - Phú Yên. Còn Đại tá Đờ Caxtơri, chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, cho máy bay rải truyền đơn xuống các ngả đường và cho phát trên sóng phát thanh của tập đoàn cứ điểm những lời thách thức đối phương, đại loại như: "Đã lên đến đây, các anh còn chờ gì nữa mà không tiến công, nếu các anh không phải là những kẻ hèn nhát"?,

hoặc "Chúng tôi đã sẵn sàng. Nếu các anh thấy mình là những kẻ mạnh hơn thì hãy dẫn xác vào đây".

Theo Giuyn Roa, tất cả những tin tức trên đây, kể cả những tờ bươm bướm "thách đấu" hằng ngày, đều được đặt trên bàn làm việc của Tướng Giáp, nhưng không kích động được ông. Trong khi các chiến sĩ rất đỗi hiền lành nhưng vô cùng dũng cảm của ông lặng lẽ trả lời Đờ Caxtơri: Hãy đợi đấy! thì sau nhiều đêm thao thức, ông đã đi đến một quyết định không bao giờ quên trong cuộc đời cầm quân của mình. Đó là khước từ "chiến thuật biển người" không phù hợp với điều kiện chiến trường Việt Nam và họp Đảng ủy thảo luận chọn cách đánh bảo đảm chắc thắng.

Việc ta mấy lần hoãn nổ súng tiến công là một điều "khó hiểu" đối với địch. Sau này được biết hôm đó (26-1-1954), phái đoàn quan chức dân sự - quân sự Pháp do Thứ trưởng Bộ Các quốc gia liên kết Giắckê dẫn đầu, đang có mặt ở tập đoàn cứ điểm. Khoảng 4 giờ chiều, Nava đến nói nhỏ với Giắckê:

- Chúng tôi có linh tính là bọn họ không nổ súng đêm qua thì sẽ tiến công đêm nay. Tôi có nhiệm vụ bảo vệ phái đoàn. Tôi không muốn Thứ trưởng gặp nguy hiểm.

16 giờ 45 phút, máy bay cất cánh bay về xuôi, để lại trên cánh đồng Mường Thanh hàng vạn tên lính đã được báo động sẵn sàng chiến đấu. Trong hầm chỉ huy, cả Ban Tham mưu, Đại tá Đờ Caxtơri và cả cô thư ký 28 tuổi Pôn Buốcgiát nơm nớp chờ đợi tiếng pháo mở màn chiến dịch. Khói thuốc lá nồng đặc trong hầm. Nhưng rồi một đêm yên lặng trôi qua. Việt Minh thật là một đối thủ khó hiểu.

Sáng sớm hôm sau, tại Hà Nội, từ khách sạn Mêtrôpôn, ngài Thứ trưởng Giắckê gọi điện thoại vào trong thành, được Tướng Nava - khi đó còn ở Hà Nội để chờ tin tức - trả lời: Rạng sáng chúng tôi nhận được điện báo cáo ngắn gọn của Đại tá: "R.A.S.[29] Bọn họ chưa tiến công".

Ngay từ hồi đó, các ký giả nước ngoài theo dõi chiến sự Điện Biên Phủ đã tốn khá nhiều giấy mực bàn về nguyên nhân nhiều lần ta hoãn tiến công, nhất là chiều ngày 26-1. Có người nói đúng, có người cố tình nói sai với động cơ thiếu thiện chí. Trong số những người biết thực chất của sự việc, có hai ký giả sau này trở thành sử gia người Pháp, là Buđaren và Cavigliôli (Boudarel và Caviglioli). Gần 30 năm sau sự kiện Điện Biên Phủ, trên tờ báo Pháp *Người quan sát mới* số ra ngày 8-4-1983, hai ông đã nói lại sự kiện này với một đầu đề khá giật gân: *Tướng Giáp đã suýt thua trong trận Điện Biên Phủ như thế nào?* Sau khi nhận xét: Kế hoạch tác chiến đã được quyết định trong cái ngày 14 tháng Giêng là một sự liều lĩnh điên rồ. Đó là kế hoạch đã đem lại thất bại ở Nà Sản nhưng lần này là một kế hoạch quy mô to lớn hơn nhiều. Hai tác giả viết: Chính ông Giáp đã từ bỏ cuộc công kích hấp tấp này vì ông đã rút ra những bài học của trận đánh không thành công tháng Chạp năm 1952 ở Nà Sản, một Điện Biên Phủ cỡ nhỏ. Đó là ảnh hưởng của phương pháp tác chiến "biển người" mà quân đội Trung Quốc dùng ở Triều Tiên. Phải có sự khiêm tốn của một người chỉ huy vĩ đại mới dám nhận ra rằng Điện Biên Phủ là một pháo đài rất mạnh, không thể xem thường. Phải là một vị tướng vĩ đại mới dám thừa nhận sai lầm của mình, mới không bám khư khư lấy một luận thuyết. Phải là một nhà chính trị vĩ đại mới dám không tuân theo và dám làm mếch lòng người bạn Trung Quốc hùng mạnh.

Đó là cách dùng ngôn từ của người nước ngoài. Dù sao từ "suýt" mà Buđaren dùng cũng rất sát, rất đắt. Từ "suýt" đó chính là ranh giới giữa sự lựa chọn chấp nhận hay khước từ một cách đánh không phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam, thực tế Điện Biên Phủ. Ông Giáp đã khước từ vì cách đánh đó không phản ánh tư tưởng chỉ đạo của Cụ Hồ, tức là không bảo đảm chắc thắng. Đối

với Võ Nguyên Giáp, cách đánh tối ưu là cách đánh phù hợp với tình hình thực tế về địch, về ta, phù hợp với tương quan lực lượng trên cánh đồng Mường Thanh, cũng tức là cách đánh hạn chế đến mức thấp nhất xương máu của người chiến sĩ nhưng lại đảm bảo chắc thắng.

Tất nhiên, như diễn biến và kết quả trận đánh đã chứng minh, từ chỗ chọn được phương châm tác chiến tối ưu cho đến khi cắm được lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* lên hầm chỉ huy của địch, là cả một chặng đường chông gai thử thách mà lúc đầu mấy ai đã lường hết được.

Chú thích:

1. Trong suốt quá trình phía Pháp triển khai kế hoạch Nava, Mỹ ồ ạt đổ viện trợ quân sự vào Việt Nam. Viện trợ của Mỹ năm 1953 tăng gấp 3 lần năm 1952, năm 1954 tăng gấp đôi so với năm 1953 (năm 1953 chiếm 43,8% chiến phí của Pháp ở Đông Dương, đầu năm 1954 chiếm 73,9% và cuối cùng, trong những ngày tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đứng trước nguy cơ sụp đổ, viện trợ Mỹ chiếm tới gần 80% chiến phí của Pháp).

2. Hai tập hồi ký *L'Agonie de l'Indochine,* Plon, Paris, 1956 và *Le temps des vérités,* Plon, Paris, 1979 của Henri Navarre.

3. Từ Viên Chăn đến Đèo Ngang.

4. Camargue là tên một vùng đầm lầy hạ lưu sông Rôn của nước Pháp. Cuộc hành binh Camargue của Nava do một tướng, 2 đại tá, 4 trung tá chỉ huy, binh lực gồm 4 GM bộ binh, 2 tiểu đoàn dù, 3 thiết đoàn, 1 thủy đội xung kích (dinassaut), 2 trung đoàn pháo, 12 tàu chiến, 160 xe lội nước, 60 máy bay các loại, rải ra trên một một đoạn đường sình lầy dài 15 km rộng 3 km dọc kênh Vân Trình. Phía đông là bờ biển Tân An - Mỹ Thủy.

5. *Street without joy,* Bécna Phôn đã lấy cụm từ này để đặt tên cuốn sách của mình.

6. Tháng 11-1953, ông Văn Tiến Dũng, Tư lệnh kiêm Chính uỷ Đại đoàn 320 được điều về làm Tổng Tham mưu trưởng.

7. Một cách gọi tắt tên Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, bốn tỉnh vùng tự do Liên khu 5 trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Kế hoạch tiến công Atlante của Tướng Nava là nhằm đánh chiếm bốn tỉnh này. Xin lưu ý là có sách nói sai, chỉ nói ba tỉnh.

8. Groupement opérationnel du Nord Ouest (viết tắt là *GONO).*

9. Dự kiến huy động 4.200 tấn gạo (chưa kể gạo cho 14.500 dân công), 100 tấn rau, 100 tấn thịt, 80 tấn muối, 12 tấn đường, vận chuyển trên chặng đường 500 km phần lớn là đường rừng núi luôn bị máy bay địch đánh phá. Đây là dự kiến ban đầu, khác xa so với thực tế nhu cầu của Chiến dịch Điện Biên Phủ sau này.

10. Xênôphôn (430 - 355 trước Công nguyên), một vị tướng nổi danh vì nghệ thuật lui quân ở thành Aten thời cổ Hy Lạp. Kế hoạch Xênôphôn ra đời vào lúc Đại đoàn 308 đang trên đường hành quân lên Tây Bắc, chốt của Trung đoàn 36 ở Pom Lót chưa hình thành.

11. Khi chuẩn bị xuất quân, tiểu đoàn được tăng cường một đại đội, tới Nam Lào nhận thêm một đại đội quân tình nguyện của Liên khu 5 và một đội đặc công phối thuộc.

12. Sau này được biết cụ thể: Atlante, kế hoạch đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5 gồm ba bước: bước 1 mang tên Aréthuse: chiếm Tuy Hoà, Phú Yên, bước 2 mang tên Axelle: chiếm Quy Nhơn, Bồng Sơn, bước 3 mang tên Attilat: nối liền Bồng Sơn với Quảng Nam, hoàn chỉnh cuộc hành binh. Khi ý đồ đánh chiếm Nam - Ngãi - Bình - Phú đã bị phá sản, báo chí phương Tây châm biếm rằng Atlante thất bại vì là một giấc mộng quá lớn, quá nặng nề, với 4 A (1 A mẹ, 3 A con).

13. Theo kế hoạch ban đầu, Mặt trận Điện Biên Phủ sẽ nổ súng vào chiều ngày 20 rồi chuyển sang ngày 25, cuối cùng lui thêm 24 giờ, vào chiều ngày 26-1-1954.

14. Bí thư Đảng ủy: Võ Nguyên Giáp; các ủy viên: Hoàng Văn Thái, Lê Liêm, Đặng Kim Giang.

15. *La bataille de Dienbienphu* (Trận Điện Biên Phủ), Nxb. Julliard, Paris, 1963.

16. Thực ra, đây chỉ là đợt bắn thử mấy viên nhằm kiểm tra có trọng điểm kết quả huấn luyện xạ kích, đồng thời kiểm tra chất lượng kỹ thuật đạn chiến lợi phẩm thu được từ hồi Chiến dịch Biên giới cuối năm 1950.

17. *Tất Thắng* là danh hiệu Cụ Hồ tặng cho Trung đoàn 45 (phiên hiệu cũ là Trung đoàn 50) do thành tích chiến đấu ở thành phố Nam Định những ngày đầu kháng chiến toàn quốc. *Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt* là phương châm chiến lược Bộ Chính trị vạch ra cho toàn quân khi bước vào mùa khô 1953 - 1954. Bộ đội được quán triệt phương châm này trước khi bước vào mùa chiến dịch. Tác giả bài thơ cố nhại lại mấy từ *cơ động, linh hoạt*

18. Chiến trường Tây Nguyên nổ súng ngày 26-1, Hạ Lào ngày 31-1.

19. Tỷ số hoà 1-1, theo Nava có nghĩa là Pháp đã thua trong đợt 1 của chiến cuộc Đông Xuân (mấy tháng cuối năm 1953 và tháng 1-1954) do các đòn liên tiếp của ông Giáp. Sang đợt 2 chiến cuộc (tức Chiến dịch Điện Biên Phủ) Nava quyết giành lại phần thắng cả ở Điện Biên Phủ, cả ở Liên khu 5 để đạt tỷ số 1-1.

20. Đó là hai cuộc hành binh Régate và Ardèche hồi đầu tháng 12 - do Lăngglle chỉ huy từ Điện Biên Phủ xuống và Vôđorây từ Luông Phabang lên, hợp điểm ở Sốp Nao, nhằm thăm dò khả năng lập một đường liên lạc giữa Tây Bắc với Thượng Lào. Cuối cùng, kết quả cuộc hành binh thăm dò dẫn đến một "hành lang chiến lược" đã hình thành, nối liền Điện Biên Phủ với Luông Phabang.

21. Ý nói các đại đoàn chủ lực của ta (nguyên văn là fers de lance).

22. Ý nói vòng vây của đối phương đã quá chặt, quá gần, không còn điều kiện để tháo chạy sang Lào được nữa.

23. Xem *Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn,* Bộ Tổng tham mưu xuất bản, 1964, t.3, tr.35-36.

24. Đại đoàn 308 làm nhiệm vụ chủ yếu đột phá vào tung thâm Mường Thanh ở phía tây và tây nam (gồm khu vực Mường Thanh và Nà Noọng); Đại đoàn 312 có nhiệm vụ nhanh chóng tiêu diệt đồi Độc Lập, Bản Kéo, Căng Na rồi đột nhập tiêu diệt toàn bộ quân địch trong khu vực sân bay gồm các cứ điểm 105, 106, 203, 204, 205, 206, 207, 303, 309; Đại đoàn 316 (thiếu một trung đoàn), có nhiệm vụ từ phía đông nhanh chóng tiêu diệt địch ở khu A để phối hợp với hướng

chính tiêu diệt quân địch ở khu tung thâm Mường Thanh; các trung đoàn pháo binh 45 và 367 yểm hộ cho bộ binh hoàn thành nhiệm vụ.

25. Đường kéo pháo từ cửa rừng Na Nham, qua núi Pha Song, xuống Bản Tố (đường Điện Biên Phủ - Lai Châu) tới Bản Nghịu. Thời gian quy định một ngày đêm sửa xong. Bộ đội 308 hoàn thành vượt thời gian 4 tiếng.

26. Tất cả những nội dung liên quan đến cố vấn Trung Quốc về vấn đề thay đổi cách đánh ở Điện Biên Phủ, tác giả dựa theo tham luận của các ông Hoàng Minh Phương và Phan Huy Lê trong hội thảo tại Bắc Kinh nhân kỷ niệm 50 năm Điện Biên Phủ và sách *Cuộc chinh chiến bí mật, ghi chép về Đoàn Cố vấn quân sự Trung Quốc giúp Việt chống Pháp* của Tiền Giang, Nxb. Tứ Xuyên 1999, tr. 462-465; sách *Sự thật về đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc giúp Việt chống Pháp,* Nxb. Quân giải phóng, Bắc Kinh, 1990, tr.98. Có sách nói ông Vi điện về Trung ương Trung cộng, có sách nói điện về Quân ủy Trung ương Trung Quốc. Do không có điều kiện xác minh, ở đây tác giả dùng chung là: điện về Bắc Kinh.

27. Đặt cái chung (lợi ích chung) lên trên.

28. Rất tiếc là trong dịp chuẩn bị hội thảo nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, chúng tôi chưa tìm được bức thư viết vắn tắt ngày 26-1, mà chỉ tìm thấy một bức thư dài đánh máy của Chỉ huy trưởng gửi về báo cáo Cụ Hồ và Trung ương về thay đổi cách đánh chiến dịch và đề nghị hậu phương tăng cường chi viện vì dự kiến chiến dịch sẽ dài ngày.

29. Đại tá: chỉ Đờ Caxtơri; *R.A.S.* là chữ tắt của *Rien à signaler* (Tình hình không có gì để báo cáo).

Chương IX

Đòn chiến lược cuối cùng

37- Chuẩn bị quyết chiến

Cuộc họp Đảng ủy vừa kết thúc, trong khi Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái chuyển đạt mệnh lệnh cho các đại đoàn bộ binh thì Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp trực tiếp cầm máy ra lệnh cho pháo binh. Chính ủy Đại đoàn công - pháo 351 Phạm Ngọc Mậu nghe rành rọt từng lời, trong tâm trạng - như sau này ông thổ lộ - "được lời như cởi tấm lòng":

- Quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm không thay đổi, nhưng thay đổi cách đánh, nên phải chuẩn bị lại. Ngay chiều nay kéo pháo ra khỏi trận địa, lui về vị trí tập kết. Nhiệm vụ kéo pháo ra coi như nhiệm vụ chiến đấu.

Không một lời giải thích qua máy điện thoại. Tổng Tư lệnh tin rằng dù có thắc mắc, nhưng mệnh lệnh sẽ được cấp dưới chấp hành triệt để.

Ngay sau đó là nhiệm vụ giao cho Đại đoàn 308 - một nhiệm vụ thật đặc biệt nhưng do thời gian khẩn trương nên Đại tướng cũng chỉ nói qua điện thoại. Trực tiếp cầm máy chính là Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ, người đã "đón" được dự kiến chiến lược của Tổng Tư lệnh từ hồi tháng 11 năm trước, trong hội nghị phổ biến kế hoạch đông - xuân. Giờ đây ông Vũ nhanh chóng nắm vững mệnh lệnh ngắn gọn của cấp trên:

- Đúng 4 giờ chiều nay, đại đoàn lật cánh sang hướng Luông Phabang, tiêu diệt địch mở rộng vùng giải phóng trên đất bạn. Giữ vững liên lạc vô tuyến điện, có lệnh trở về ngay. Quy mô sử dụng binh lực do đại đoàn toàn quyền quyết định. Dựa vào nhân dân nước bạn để tự giải quyết vấn đề cung cấp.

Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ quyết định đưa cả đại đoàn lên đường.

Hàng vạn con người ngay chiều hôm đó xuất quân chỉ hơn một giờ sau khi nhận lệnh, với một ít gạo rang và một lượng gạo dự trữ không đầy nửa kilôgam mỗi người. Địa hình chưa biết, chiến trường chưa chuẩn bị, tình hình địch chưa nắm được, giao tiếp với nhân dân nước bạn cũng trong điều kiện ngôn ngữ bất đồng. Tất cả những thực tế đó, Tổng Tư lệnh đều biết, nhưng ông tin vào ông Vũ, một cán bộ luôn sống và chiến đấu theo nguyên tắc bất di bất dịch: quân lệnh như sơn. Tuy vậy, ngay chiều hôm đó, ông vẫn cho mời Phó Chủ nhiệm Cung cấp mặt trận Nguyễn Thanh Bình đến giao nhiệm vụ tổ chức một số cán bộ hậu cần đuổi theo 308, giúp đại đoàn huy động lương thực tại chỗ. Trong cơ quan Bộ Tổng tư lệnh, chưa ai quên "hận Khâu Vác" trong chiến dịch Tây Bắc năm trước, chưa ai quên câu nói nổi tiếng của Tổng Bí thư Trường chinh: vắng "tướng gạo" thì tướng chỉ huy cũng bó tay.

Đối tượng tác chiến của 308 trong cuộc hành quân thần tốc này là chừng 20 đại đội địch dọc sông Nậm Hu - Thượng Lào. Sau khi ném quân xuống Điện Biên Phủ và sau khi hạ quyết tâm chấp nhận giao chiến, đầu tháng 12-1953, Tướng Nava đã chỉ thị cho Crevơcơ, Chỉ huy quân Pháp ở Lào, phối hợp với đồng bọn ở cánh đồng Mường Thanh tổ chức một cuộc hành quân "sinh đôi" (Rêgát và ácđét), từ Luông Phabang lên, từ Điện Biên xuống, hợp điểm ở Sốp Nao, hình thành một "phòng tuyến" gồm 6 tiểu đoàn "cấy" từ Mường Khoa về Luông Phabang. Rêgát và ácđét chính là nhằm phục vụ cho kế hoạch Xênôphôn, tạo nên một hành lang chiến lược, để

quân Pháp từ Điện Biên Phủ có thể an toàn rút sang Thượng Lào khi tình thế bắt buộc. Đưa Đại đoàn 308 sang Thượng Lào, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã bắn một mũi tên nhằm mấy đích:

1- "Làm nốt" một nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch đông - xuân là giúp bạn mở rộng vùng giải phóng từ Phongxalỳ đến Luông Phabang.

2- Đáp ứng yêu cầu chiến lược - chiến dịch là đánh sập chiếc cầu nối Điện Biên Phủ với Luông Phabang, làm cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở nên hoàn toàn bị cô lập, ngăn chặn mọi ý đồ rút chạy của địch.

3- Tương kế tựu kế thu hút máy bay địch sang đối phó ở hướng tây, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho bộ đội ta ở Điện Biên Phủ kéo pháo ra và tiến hành mọi công tác chuẩn bị theo phương châm tác chiến mới.

Sau khi Sở Chỉ huy chiến dịch chuyển từ Nà Tấu về Mường Phăng, suốt một tuần sát Tết Giáp Ngọ, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp vừa chỉ đạo chuẩn bị hội nghị cán bộ chiến dịch, vừa dành nhiều thời gian theo dõi việc kéo pháo. Ông biết rằng việc kéo pháo ra còn vất vả hơn nhiều so với khi kéo vào, nhưng dù sao cán bộ và bộ đội cũng đã có kinh nghiệm. Thêm một thuận lợi cho việc kéo pháo ra là sự có mặt của 308 bên hướng Thượng Lào đã kéo không quân địch sang phía tây, mấy ngày này vắng hẳn tiếng máy bay địch trên bầu trời Điện Biên. Gần sáng mồng 1 Tết (3-2-1954), pháo đã ra tới cửa rừng, Km 62 đường số 41, để kéo tiếp đến vị trí tập kết. Cũng như toàn thể cán bộ trong Sở Chỉ huy chiến dịch, Tổng Tư lệnh thở phào nhẹ nhõm. Trong vòng một tuần lễ, bộ đội đã lập được một kỳ công giữa những ngày Xuân sang.

Ngay sau đó là một tin vui đặc biệt đến đúng vào dịp Tết: Tiếp theo điện, nay lại có thư hỏa tốc - đề ngày 3-2 - từ hậu phương gửi ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị nhất trí nhận định rằng việc Đảng ủy Mặt trận quyết định thay đổi cách đánh là hoàn toàn chính xác. Trung ương sẽ động viên nhân dân hậu phương dốc sức chi viện để tiền tuyến giành toàn thắng trong chiến dịch quan trọng này.

Những ngày căng thẳng theo dõi việc kéo pháo đã qua đi, thêm những tin tức dồn dập đến Sở Chỉ huy khiến cho ông Giáp rất vui. Ông sang lán Cố vấn Vi Quốc Thanh, vừa chúc Tết vừa chia vui về tin Bác Hồ và Trung ương "ở nhà" tán thành chủ trương tác chiến mới, tin chiến thắng của 308 đang truy kích địch bên kia biên giới Việt - Lào.

Ngày mồng 5 Tết, ở vị trí tập kết, anh em lựu pháo 45 và cao pháo 367 hân hoan đón Tổng Tư lệnh đến thăm. Ông báo cho anh em một tin vui: đúng sáng mồng 1 Tết, Đại đội sơn pháo 757 đã "khai nòng" lập chiến công đầu Xuân bắn cháy chiếc Moran và bắn bị thương một số máy bay khác đậu trên sân bay Mường Thanh. Ông khen ngợi cán bộ, chiến sĩ cả hai trung đoàn lựu pháo và cao pháo đã làm tròn nhiệm vụ chuyển pháo vào trận địa rồi lại chuyển pháo trở về vị trí tập kết. Để pháo binh hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu sắp tới, ông căn dặn phải anh dũng chiến đấu, tích cực diệt địch, triệt để chấp hành mệnh lệnh cấp trên, hợp đồng chặt chẽ với bộ binh, ra sức học tập kỹ thuật, bắn thật trúng đích, phải bảo vệ vũ khí, tiết kiệm đạn dược và nhấn mạnh cán bộ phải luôn luôn đi sát chiến sĩ, đồng cam cộng khổ với chiến sĩ, làm gương mẫu cho chiến sĩ. Ông căn dặn mọi người: nhiệm vụ quan trọng trước mắt là chuẩn bị tốt phần tử bắn, thiết bị trận địa và chiếm lĩnh trận địa phải bảo đảm an toàn cho người cho pháo.

Sau này, qua tài liệu nước ngoài, được biết công việc chuẩn bị chiến đấu và hiệu quả chiến đấu của lựu pháo và cao pháo của ta lần đầu xuất trận cũng là điều ngoài tầm phán đoán không chỉ

của Tướng Nava mà của cả các chuyên gia pháo binh Pháp, từ thanh tra pháo binh, Tướng Pênáckiôni đến Tướng Cônhi và Trung tá Pirốt, Chỉ huy trưởng pháo binh tập đoàn cứ điểm. Không chỉ một lần họ khẳng định rằng pháo của ta không thể đưa vào vị trí bắn có hiệu lực bên này sườn núi, rằng chỉ cần phát thứ nhất ra khỏi đầu nòng, lập tức bị pháo của Pháp "khoá mõm", rằng ta lấy đâu ra đạn để kéo dài trận đánh, v.v.. Điều đó lý giải vì sao sau khi trận đánh bắt đầu, quân Pháp đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, không chỉ trong mấy trận đầu mà trong suốt chiều dài chiến dịch.

Hội nghị cán bộ chiến dịch được triệu tập sáng mồng 5 Tết, ngày 7-2 dương lịch. Nội dung chủ yếu của hội nghị là thống nhất tư tưởng và nhận thức về cách đánh và công tác chuẩn bị chiến dịch. Lúc này, các chiến trường toàn quốc, từ mặt trận phía trước cũng như vùng sau lưng địch, đã và đang ra sức chia lửa với chiến trường trọng điểm. Trên cánh đồng Mường Thanh, đối mặt với tập đoàn cứ điểm đang được củng cố rất mạnh, thế trận bao vây của quân ta cũng đã hình thành, ngày càng thêm vững chắc.

Mở đầu bản báo cáo đọc tại hội nghị, Chỉ huy trưởng chiến dịch đã đem lại cho mọi người một niềm vui, Đại tướng nói:

- Hôm nay, hội nghị của chúng ta khai mạc giữa bầu không khí của mùa Xuân chiến thắng trên các chiến trường toàn quốc. Thay mặt Tổng Quân ủy, tôi gửi lời chúc tất cả các cán bộ và chiến sĩ được mạnh khỏe và sang năm mới sẽ thu được nhiều thắng lợi mới.

Sau khi lược lại thắng lợi của quân ta trong đợt 1 chiến cuộc đông - xuân trên các chiến trường Tây Bắc, Thượng, Trung và Hạ Lào, Liên khu 5, Bình - Trị - Thiên, Nam Bộ, Campuchia và vùng sau lưng địch mà nổi lên là đồng bằng Bắc Bộ, nói rõ chủ trương quân sự của Trung ương nhằm củng cố và mở rộng thắng lợi đông - xuân, bản báo cáo của Tổng Quân ủy đi sâu phân tích chủ trương tác chiến ở Mặt trận Điện Biên Phủ: Trước đây phương châm tác chiến của ta là đánh nhanh giải quyết nhanh. Nhưng vì trong thời gian chuẩn bị, địch tình có phần thay đổi nên Tổng Quân ủy đã quyết định thay đổi phương châm và kế hoạch tác chiến, thay đổi trận địa pháo binh. Thay đổi cách đánh như vậy, Tổng Quân ủy đã đứng trên nguyên tắc "đánh chắc thắng", đã nắm vững nguyên tắc đó.

Sau khi nêu dự kiến chiến dịch có thể chia làm ba thời kỳ[1] và nêu lên những khó khăn và những điều có lợi của cách đánh mới[2], Bí thư Đảng ủy chiến dịch phân tích cần tiếp tục công tác chuẩn bị chiến dịch như thế nào? Đó là chuẩn bị cho pháo binh (đường cơ động, trận địa kiên cố cho lựu pháo, chuẩn bị kế hoạch xạ kích pháo binh), xây dựng trận địa tiến công và bao vây của bộ binh, chuẩn bị bộ đội (sức khỏe và quân số, chiến thuật và kỹ thuật, động viên chính trị, giữ vững quyết tâm), chuẩn bị về cung cấp, theo dõi tình hình địch.

Hội nghị kết thúc bằng tối liên hoan vui Xuân với Đoàn văn công Tổng cục Chính trị và Đoàn văn công vừa đi dự Đại hội liên hoan thanh niên, sinh viên ở Bucarét về.

Ngay sau hội nghị, quán triệt phương châm chuẩn bị đầy đủ nhưng phải tranh thủ thời gian, mọi công tác chuẩn bị tiếp tục diễn ra hết sức khẩn trương. Chủ nhiệm Cung cấp Đặng Kim Giang vừa đôn đốc tuyến hậu cần chiến dịch đẩy nhanh tốc độ vận chuyển từ trung tuyến ra, vừa chỉ đạo động viên tại chỗ và phát động phong trào tự cải thiện của từng đơn vị, nhất là những ngày tiếp tế bị lỡ, sinh hoạt bộ đội gặp khó khăn. Chủ nhiệm Chính trị Mặt trận Lê Liêm hằng ngày xuống các đơn vị kiểm tra, theo dõi việc động viên chính trị - tư tưởng nhằm quán triệt phương châm tác chiến mới. Trưởng ban Tác chiến Trần Văn Quang chỉ đạo việc huấn luyện bổ sung về

kỹ thuật, chiến thuật, trọng tâm là hợp đồng bộ - pháo. Dựa theo kinh nghiệm do cố vấn Trung Quốc giới thiệu, cơ quan tác chiến mặt trận tổ chức tập huấn cho cán bộ về cách xây dựng trận địa tiến công và bao vây. Tham mưu trưởng chiến dịch Hoàng Văn Thái trực tiếp chỉ đạo một công việc còn mới mẻ đối với bộ đội ta, đó là chuẩn bị đường kéo pháo và xây dựng trận địa pháo. Một thuận lợi đối với công tác chuẩn bị chiến đấu trên toàn mặt trận lúc này - nhất là đối với pháo binh - là ta đã có được tấm bản đồ khá chi tiết khu vực Điện Biên Phủ. Sau khi các chiến sĩ Đại đội 62, Tiểu đoàn trinh sát 426 của bộ đoạt được kiện hàng do địch thả dù xuống, trong có tấm bản đồ tỷ lệ 1/25.000, cơ quan tham mưu chiến dịch cử người cấp tốc mang về hậu phương sao thành 300 bản trên giấy tốt kịp đưa ra phục vụ các đơn vị chuẩn bị chiến đấu theo phương châm tác chiến mới.

Từ đầu trung tuần tháng 2, một công trường khổng lồ đã hình thành quanh lòng chảo Điện Biên, từ phía tây sang phía đông nam. Đó là công trường làm cầu, làm đường cơ động cho xe kéo pháo, xây dựng trận địa pháo, xây dựng trận địa tiến công và bao vây. Hàng vạn chiến sĩ, trải qua những ngày đổ mồ hôi và đổ cả máu, đã làm nên một công trình vĩ đại, gồm 6 trục đường lớn với chiều dài hơn 70 km, những trận địa pháo kiên cố và cả một hệ thống chiến hào từng bước vây quanh tập đoàn cứ điểm địch, hướng xuống phía cánh đồng. Quá trình xây dựng hệ thống đường cơ động và hệ thống trận địa của bộ binh và pháo binh, do bộ đội có ý thức giữ bí mật cao nên hầu như quân địch không biết những gì đang diễn ra quanh tập đoàn cứ điểm. Điều đó giải thích vì sao hàng vạn tên địch hoàn toàn bị bất ngờ cho đến ngày trọng pháo của ta nổ súng mở màn chiến dịch.

Ngày 20-2, sau hơn hai tuần chỉ đạo khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị, Bộ Chỉ huy triệu tập hội nghị cán bộ chiến dịch nhằm giải quyết một số vấn đề còn lại, nhất là quán triệt phương châm tác chiến chiến dịch và về chiến thuật, kỹ thuật. Hội nghị đã thảo luận cách đánh cụ thể trong các đợt chiến đấu sắp tới, nhằm thực hiện chủ trương bao vây và khống chế sân bay, hạn chế và triệt tiếp tế đường không của địch, tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực của chúng, khoét sâu nhược điểm và khó khăn của địch, từng bước tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích. Đảng ủy Mặt trận đã hướng hội nghị thảo luận sâu về phương hướng khắc phục những vướng mắc trong tư tưởng cán bộ về khả năng tăng cường binh lực của địch và các biện pháp khắc phục tiêu hao mệt mỏi của bộ đội do chiến dịch kéo dài.

Trong báo cáo kết luận đọc ngày 22, Bí thư Đảng ủy Mặt trận khẳng định một lần nữa tính đúng đắn của phương châm đánh chắc tiến chắc, giải đáp những tồn tại về tư tưởng chiến thuật, kỹ thuật, về tổ chức chỉ huy và nêu lên phương hướng và biện pháp hoạt động cụ thể phù hợp với phương châm tác chiến nói trên[3]. Ông yêu cầu cán bộ phải có quyết tâm cao, phải bảo đảm giữ vững lực lượng để chiến đấu liên tục, thực hiện cho được hợp đồng chặt chẽ giữa bộ binh với pháo binh, giữa các đơn vị bộ binh với nhau, phải bảo đảm xây dựng trận địa đúng yêu cầu. Cuối cùng, do đặc điểm của chiến dịch lớn, công việc nhiều, thời gian có hạn, Chỉ huy trưởng nhắc cán bộ phải nắm những khâu công tác chính, phân biệt công việc khẩn cấp và không khẩn cấp, có phân công rõ ràng và phải kiểm tra đôn đốc, nhất là những công việc trọng tâm.

Đầu tháng 3, khi mọi công tác chuẩn bị chiến dịch đã đi vào giai đoạn chót, cũng là lúc Đại đoàn 308 đã trở lại Điện Biên Phủ. Ba cơ quan Tham mưu, Chính trị, Cung cấp cử người xuống nắm tình hình và giúp đỡ đơn vị nhanh chóng bắt tay vào chuẩn bị chiến đấu cho kịp với toàn quân. Qua báo cáo của Bộ Tư lệnh đại đoàn, Bộ Chỉ huy chiến dịch đã nắm được cụ thể kết quả hoạt động của đại đoàn hơn một tháng qua trên chiến trường nước bạn.

Rời Điện Biên Phủ, đại đoàn hình thành hai cánh quân, tiến theo hai hướng Mường Khoa và Luông Phabang. Ngày 29-1-1954, một cánh quân tới Sốp Nao thì được Bộ Tổng tư lệnh cho biết địch đã phát hiện 308 lật cánh sang hướng tây, quân địch ở khu vực Mường Khoa bắt đầu rút chạy về phía nam. Lập tức đại đoàn chuyển sang truy kích địch trên suốt chặng đường hơn 200 km. Ngày 13-2, khi nhận được báo cáo có đơn vị chỉ còn cách Luông Phabang chừng 20 km, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho đại đoàn dừng lại, nhanh chóng giúp bạn củng cố vùng mới giải phóng rồi cấp tốc trở về Điện Biên Phủ. Sau nửa tháng hành quân thần tốc, với chừng một tuần lễ liên tục đánh địch trong hành tiến, đại đoàn đã tiêu diệt gần 20 đại đội địch dọc tuyến Mường May - Mường Khoa - Mường La và Nậm Bạc - Pác U. Một vùng giải phóng rộng lớn mở ra trên đất bạn, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho Trung đoàn 148 giải phóng Phongxalỳ. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ hoàn toàn bị cô lập trên vùng Tây Bắc trùng điệp. Trước nguy cơ cố đô Luông Phabang bị uy hiếp, Bộ Chỉ huy Pháp vội dành ưu tiên không quân cho Thượng Lào, tập trung máy bay chở GM7 và một số đơn vị lẻ ở đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường cho tập đoàn cứ điểm ở Luông Phabang và xây dựng thêm một tập đoàn cứ điểm ở Mường Sài. Một lần nữa khối cơ động chiến lược của Tướng Nava lại bị vơi đi một cách nghiêm trọng trước khi quân ta nổ súng trên chiến trường trọng điểm Điện Biên Phủ. Việc Đại đoàn 308 lật cánh sang hướng tây, đập tan "hành lang chiến lược" nối liền Thượng Lào với Tây Bắc rồi lại nhanh chóng trở lại chiến trường Điện Biên Phủ là một sự kiện ngoài tầm nhìn của Tướng Nava. Sau này, Giuyn Roa tác giả cuốn *Trận Điện Biên Phủ* viết: "Đại đoàn 308 đột ngột tiến về phía Lào, làm cho các nhà chiến lược (Pháp) hết sức ngạc nhiên. Không ai ngăn cản được đại đoàn này, trừ khi người ta cử những đơn vị đón đường mà đánh. Thế nhưng phải đuổi theo như thế nào đây và bằng những phương tiện nào?".

Mãi đến đầu tháng 3, Tướng Nava mới nhận ra đôi điều hơi muộn là:

1- Đường từ Tây Bắc sang Thượng Lào trước sau vẫn là con đường bỏ ngỏ, không chỉ những đơn vị lẻ mà cả binh đoàn đối phương vẫn có thể qua lại dễ dàng.

2- Việc "Đại đoàn thép" trở lại chiến trường khẳng định Việt Minh không hề từ bỏ ý định tiến công tập đoàn cứ điểm như Cônhi và Đờ Caxtơri suy nghĩ. Trong cuộc đấu trí, đấu lực, một lần nữa các tướng lĩnh Pháp lại gặp thêm những chuyện bất ngờ.

Trong thư khen đề ngày 10-3-1954 khi Đại đoàn 308 về tới vị trí đứng chân phía tây cánh đồng Mường Thanh và đang khẩn trương chuẩn bị bước vào trận chiến đấu mới, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: Trong trận vận động chiến vừa qua, các đồng chí đã biểu thị quyết tâm diệt địch. Trong trận công kiên chiến lần này, các đồng chí cần bồi dưỡng và nâng cao quyết tâm hơn nữa để chiến thắng quân địch. Thời gian vừa qua, các đồng chí đã đánh thắng một trận lớn, bộ đội thương vong ít, lực lượng còn nguyên vẹn, cán bộ và chiến sĩ lại được rèn luyện thêm trong thực tế chiến đấu. Lần này, mong các đồng chí giữ vững và nâng cao quyết tâm diệt địch, quán triệt phương châm đánh chắc tiến chắc của Trung ương, giữ vững và nâng cao tinh thần chiến đấu liên tục, dẻo dai, chiến đấu thật dũng cảm, tiêu diệt thật nhiều địch.

Vào những ngày công tác chuẩn bị chiến đấu ở Điện Biên Phủ đang trong thời kỳ nước rút, thì tin chiến thắng của các chiến trường phối hợp dồn dập bay về, động viên kịp thời chiến trường trọng điểm. Sau "sự kiện Thượng Lào", Nava vừa "trả ưu tiên không quân" về cho Điện Biên Phủ, bầu trời Tây Bắc vừa vang trở lại tiếng máy bay địch thì quân, dân Hải Phòng và Hà Nội đã kịp thời tập kích hai sân bay Cát Bi và Gia Lâm, phá hủy nhiều máy bay vận tải và chiến đấu, trong đó có cả máy bay vận tải cỡ lớn và máy bay phóng pháo B.26 mà Mỹ mới viện trợ bổ sung.

Như thư khen của Tổng Tư lệnh đã nói, hai trận tập kích này đã làm ảnh hưởng lớn đến sự hoạt động và tiếp tế của không quân địch, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều chiến thắng sắp tới trên chiến trường toàn quốc. ít ngày sau, Tổng Tư lệnh lại nhận được tin về hai trận tập kích căn cứ không quân Nha Trang và phi trường Tân Sơn Nhất, phá hủy hàng triệu lít xăng và hàng trăm tấn bom của địch. Cả nước đã và đang chia lửa với Điện Biên.

Tất cả những hoạt động của quân và dân ta, từ các chiến trường phối hợp đến chiến trường trọng điểm Điện Biên Phủ đã khiến các tướng lĩnh Pháp phải đối mặt với những vấn đề mới về chiến lược. Theo sách *Trận Điện Biên Phủ* của Giuyn Roa thì đến lúc này, họ vẫn chưa thống nhất trong việc đánh giá khả năng đối phương trước sức mạnh của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Trong khi Đờ Caxtơri và Cônhi mong trận đánh diễn ra và họ tin rằng sẽ giành phần thắng thì Tướng Nava lại vẫn chưa hết ngờ vực về khả năng chống đỡ của quân Pháp. Ông ta vẫn ngờ vực hiệu lực phản pháo của Trung tá Pirốt. Cho đến nay lựu pháo 155 mm chưa diệt được một khẩu pháo nào trong số những khẩu pháo đối phương đã bắt đầu bắn vào tập đoàn cứ điểm. Ông ta cũng nghi ngờ cả không quân, vì không quân chưa phát hiện được vị trí trận địa pháo nào của đối phương một cách chắc chắn. Trong khi đó thì ông Giáp đã thắng trong cuộc chiến đấu hậu cần. Bằng những đoàn dân công, ông Giáp ráng sức vượt qua những khó khăn về tiếp tế.

Ngày 12-3, Tướng Cônhi bay lên Điện Biên Phủ. Nghe tin Béatrice (Him Lam) bị bao vây, ông ta muốn kiểm tra lại khả năng "đứng vững" của cụm cứ điểm này. Nếu Him Lam bị tiến công đầu tiên thì cuộc phản kích sẽ tiến hành thế nào? Cônhi dành nhiều thời gian trực tiếp kiểm tra hai tiểu đoàn dù, yêu cầu Lăngglе trình bày chi tiết về cuộc phản kích dự kiến giành lại Him Lam. Sau mấy giờ cùng Đờ Caxtơri theo dõi cuộc diễn tập bằng thực binh do Lăngglе trực tiếp chỉ huy, Cônhi yên tâm về khả năng hành động ứng cứu của lực lượng dù dự bị. Chiều xuống, viên tướng xiết chặt tay mọi người, lên máy bay. Bỗng đạn pháo từ đâu bay đến, nổ tung trên sân bay. Chiếc máy bay của Cônhi rồ máy và cất cánh, trong khi một chiếc Moran đỗ gần đó bốc cháy, một chiếc khác bị trúng sườn trái, gẫy làm đôi. Thời điểm khó quên đó cũng là một mốc cụ thể: Cônhi là viên chức cao cấp cuối cùng đến Điện Biên Phủ cho đến ngày tập đoàn cứ điểm bị xoá sổ.

Sau cuộc kiểm tra, cả Cônhi và Đờ Caxtơri càng yên tâm về sức mạnh của tập đoàn cứ điểm và họ có lý do để tin tưởng như vậy. Đến trung tuần tháng 3, trước ngày diễn ra trận đánh, địch đã có chừng hơn 100 ngày xây dựng và củng cố hệ thống phòng ngự của chúng trong lòng chảo Mường Thanh. Binh lực của địch trong tập đoàn cứ điểm đã lên tới khoảng 12.000 tên, gồm 12 tiểu đoàn và 7 đại đội bộ binh, phần lớn là lực lượng tinh nhuệ của quân viễn chinh. So với Nà Sản, không những binh lực gấp đôi mà hỏa lực cũng mạnh hơn nhiều. Ngoài 1 đại đội lựu pháo 155 mm, 2 tiểu đoàn lựu pháo 105 mm, 2 tiểu đoàn súng cối 120 mm, địch còn dựa vào hỏa lực yểm trợ gồm 10 xe tăng 18 tấn, 7 máy bay khu trục thường trực trên sân bay Mường Thanh[4]. Theo kế hoạch phòng thủ, trường hợp Điện Biên Phủ bị tiến công, Bộ Chỉ huy Pháp dành cho tập đoàn cứ điểm 2/3 máy bay chiến đấu và 100% máy bay vận tải toàn Đông Dương.

Tập đoàn cứ điểm được tổ chức thành ba phân khu có thể yểm trợ lẫn nhau, gồm 9 cụm cứ điểm (địch gọi là Trung tâm đề kháng - centre de résistance). Binh lực ở mỗi trung tâm đề kháng thường là một tiểu đoàn địch. Phân khu Bắc gồm 2 trung tâm đề kháng đồi Độc Lập (địch gọi là Gabrielle - chặn đường Lai Châu - Mường Thanh) và Him Lam (địch gọi là Béatrice - chặn đường Tuần Giáo - Mường Thanh). Phía tây bắc tập đoàn cứ điểm có trung tâm đề kháng Bản Kéo (địch gọi là Anne Marie) tuy không thuộc Phân khu Bắc nhưng cùng với hai cụm cứ điểm

đồi Độc Lập và Him Lam tạo thành lá chắn che chở cho Phân khu Trung tâm từ đông bắc sang tây bắc. Phân khu Trung tâm - phân khu quan trọng nhất - gồm 6 trung tâm đề kháng yểm trợ lẫn nhau, với 5 tiểu đoàn chiếm đóng và 3 tiểu đoàn cơ động ứng chiến, là nơi đặt cơ quan chỉ huy, trung tâm thông tin, sân bay chính và các căn cứ hỏa lực, hậu cần. Dãy điểm cao phía đông, nhất là A1, C1, D1, E1 được địch tổ chức thành một dãy cứ điểm như bức bình phong che chở cho Phân khu Trung tâm. Phân khu Nam - Hồng Cúm, địch gọi là Isabelle - với sân bay dự bị và trận địa pháo riêng, có nhiệm vụ bảo vệ tập đoàn cứ điểm từ phía nam và chốt chặn đường Điện Biên Phủ sang Thượng Lào. Trong từng phân khu, mỗi trung tâm đề kháng đều có súng cối các cỡ, súng phun lửa và các loại súng bắn thẳng, bố trí thành một hệ thống hỏa lực riêng có thể vừa tự bảo vệ, vừa yểm trợ cho các cứ điểm xung quanh. Ngoài hỏa lực bố trí trực tiếp trong từng trung tâm đề kháng, từ hai căn cứ hỏa lực đặt ở hai Phân khu Trung tâm và Hồng Cúm, pháo binh địch có thể yểm trợ lẫn nhau và chi viện hoả lực cho các cứ điểm bị tiến công.

Tập đoàn cứ điểm, với hai sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm, được nối liền với Hà Nội và Hải Phòng bằng một cầu hàng không. Đó là đường liên lạc và tăng viện duy nhất, là ống thực quản nối cái "dạ dày" Điện Biên Phủ với nguồn tiếp tế từ đồng bằng lên.

Nhìn tổng quát so sánh lực lượng giữa ta và địch trên cánh đồng Mường Thanh[5], ta hơn địch về số tiểu đoàn bộ binh (27/12), nhưng quân số mỗi tiểu đoàn của ta chỉ bằng 2/3 quân số tiểu đoàn địch và trang bị yếu hơn nhiều. Về lực lượng pháo yểm hộ trực tiếp cho bộ binh, ta hơn địch về số khẩu đội (64/48 khẩu), nhưng lực lượng đạn pháo dự trữ của ta rất hạn chế. Ta hoàn toàn không có xe tăng và máy bay, chỉ có 1 trung đoàn pháo cao xạ 37 mm để đối phó với toàn bộ không quân địch cả ở Điện Biên Phủ và cả trên các tuyến đường vận chuyển ra mặt trận. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá: ở Điện Biên Phủ, chúng ta vẫn ở vào thế yếu đánh mạnh.

Nhưng trong thế yếu đánh mạnh đó, ta là lực lượng bao vây và chủ động chọn mục tiêu và thời cơ tiến công, địch ở vào thế bị bao vây, bị động phòng ngự. Trong khi ta đánh giá đúng chỗ mạnh của địch, nhất là về binh khí, kỹ thuật, ta còn nhìn thấy những điểm yếu rất cơ bản của chúng mà ta có thể khai thác để hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu và triệt để khai thác chỗ yếu của chúng, từng bước làm chuyển hoá tương quan lực lượng và tạo thế trận có lợi cho ta.

Điểm yếu thứ nhất của địch là binh lực địch đông nhưng rải ra trên một diện tích chừng 70 km^2 (khoảng 11 km x 6 km), với một số trung tâm đề kháng tách rời khỏi quần thể, rất dễ bị chia cắt, đặc biệt là Gabrielle ở phía bắc, Isabelle ở phía nam, trong khi lực lượng chi viện ứng cứu mặt đất không nhiều, phải cơ động xa, dễ bị hỏa lực đối phương ngăn chặn. Ngay trong từng phân khu, mỗi cứ điểm cũng là một vị trí cắt rời, phải dựa vào hỏa lực các vị trí xung quanh và lực lượng ứng cứu từ xa đến. Ta có thể khai thác thế bố trí đó để vận dụng phương châm đánh chắc, tập trung binh hỏa lực diệt từng mục tiêu do ta lựa chọn.

Điểm yếu thứ hai và là điểm yếu cơ bản nhất của địch là tập đoàn cứ điểm hoàn toàn cô lập giữa một địa bàn rừng núi bao la trong vùng tự do của ta, xa căn cứ đồng bằng hàng mấy trăm kilômét đường chim bay, mọi nhu cầu tiếp tế và tăng viện đều dựa vào một phương tiện duy nhất là đường hàng không. Một khi sân bay bị vô hiệu hoá, pháo phòng không của ta hoạt động có hiệu quả, dẫn đến vùng trời và phạm vi kiểm soát của tập đoàn cứ điểm bị thu hẹp, thì nguồn tiếp tế và tăng viện đứng trước nguy cơ bị hạn chế và cắt đứt, tập đoàn cứ điểm sẽ lâm vào tình thế thiếu thốn về vật chất, hao hụt về binh lực và suy sụp về tinh thần.

Phương châm đánh chắc tiến chắc cho phép ta từng bước hình thành và phát triển hệ thống trận địa bao vây chia cắt và tiến công địch, tập trung ưu thế binh, hỏa lực đánh từng trận công kiên

tiêu diệt từng cụm cứ điểm - trước hết là trên hướng bắc, mở cửa cho quân ta tiến xuống cánh đồng Mường Thanh - khống chế, tiến tới cắt đứt sân bay, hạn chế, tiến tới triệt nguồn tiếp tế và tăng viện của địch, tạo thế và lực ngày càng có lợi tiến tới tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch. Đó là cách đánh phù hợp với trình độ bộ đội ta và đó cũng là tính ưu việt của phương châm đánh chắc tiến chắc.

38- Bóc vỏ

Trong cuộc hội thảo khoa học hồi tháng 4-2004 tại Hà Nội nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, có đại biểu đã ví ba cụm cứ điểm vành ngoài phía bắc là một hình chóp, là cái mũ bảo hiểm của tập đoàn cứ điểm. Trong đợt 1, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ cho bộ đội diệt 3 mục tiêu Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo, tức là tước bỏ cái mũ bảo hiểm, tạo điều kiện đánh thẳng vào đầu não địch trong tập đoàn cứ điểm. Nhiệm vụ đánh cụm cứ điểm Him Lam giao cho hai trung đoàn 141 và 209 của Đại đoàn 312, đồi Độc Lập giao cho Trung đoàn 88 của Đại đoàn 308 và 165 của Đại đoàn 312, Bản Kéo giao cho Trung đoàn 36 của Đại đoàn 308. Như vậy là trong đợt 1, toàn Đại đoàn 312 xuất quân. Ngoài nhiệm vụ chi viện hỏa lực trực tiếp cho bộ binh chiến đấu, lựu pháo 105 mm có nhiệm vụ kiềm chế pháo binh địch, tập kích hỏa lực vào hai sân bay và Sở Chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Đại đoàn 316 dùng lực lượng nhỏ hoạt động nghi binh thu hút địch ở phía đông, Trung đoàn 57 (Đại đoàn bộ binh 304) có nhiệm vụ kiềm chế pháo địch ở Hồng Cúm. Trung đoàn 367 sẵn sàng đánh máy bay địch, bảo vệ bầu trời.

Ngày 12-3, sau khi nghe Trung đoàn phó Nguyễn Quang Bích và các Tiểu đoàn trưởng cao xạ Trịnh Duy Hậu và Vũ Thanh Giang báo cáo, Chỉ huy trưởng chiến dịch trực tiếp giao nhiệm vụ chiến đấu cho pháo cao xạ: "Trung đoàn 367 đặc trách chiến đấu với không quân địch. Nhiệm vụ cụ thể là:

1- Yểm hộ Đại đoàn 312 đảm nhiệm hướng chủ yếu được an toàn, từ vị trí xuất phát tiến công đến vị trí xuất phát xung phong.

2- Bảo vệ trận địa pháo binh mặt đất từ Nà Lời đến Hồng Cúm.

3- Chuẩn bị phát triển lực lượng vào phía đông và tây bắc Mường Thanh. Riêng đại đội súng máy phòng không 818 (Tiểu đoàn 383) bố trí hai cụm ở phía đông Mường Thanh và đông bắc Hồng Cúm, tham gia bảo vệ đội hình chiến đấu của Đại đoàn 316 và Trung đoàn 57 (Đại đoàn 304). Phải làm cho không quân địch khiếp sợ pháo cao xạ Việt Nam".

Sáng hôm sau, Đại tướng gọi riêng Trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu Mỹ ra máy và động viên: Tập kích hỏa lực chiều nay phải mãnh liệt, bất ngờ, chính xác.

Và ông chấp nhận lời đề nghị của trung đoàn, cho lựu pháo bắn thử trước vào Him Lam để hiệu chỉnh pháo, khi có lệnh.

Cao pháo và lựu pháo lần đầu ra quân, được sự quan tâm đặc biệt của Bộ Chỉ huy chiến dịch.

Lúc đầu, có ý kiến trận đầu nên tiến công cả hai mục tiêu Him Lam và đồi Độc Lập trong một đêm sau đó sẽ đánh tiếp Bản Kéo. Nhưng sau khi cân nhắc, Bộ Chỉ huy thấy cần tập trung hỏa lực bảo đảm trận đầu chắc thắng, nên quyết định lần lượt đánh từng mục tiêu. Chiến dịch sẽ mở màn bằng trận tiến công tiêu diệt trung tâm đề kháng Him Lam, sau đó sẽ tiến công đồi Độc Lập và Bản Kéo. Nhiệm vụ đề ra cho đợt 1 là tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng, tạo điều kiện cho quân ta phát triển xuống cánh đồng, tiếp tục thắt chặt

vòng vây quanh Phân khu Trung tâm. Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo cơ quan tham mưu chiến dịch theo dõi chặt công tác chuẩn bị, nhất là trận mở màn.

Qua kết quả trinh sát và lời khai của tù binh, rõ ràng là ngay trong trận mở màn bộ đội 312 đã phải đối mặt với một mục tiêu mạnh. Him Lam là một trung tâm đề kháng gồm 3 cứ điểm công sự vững chắc, có hỏa lực nhiều tầng có thể yểm trợ lẫn cho nhau. Giữa các cứ điểm có hàng rào và bãi mìn ngăn cách rộng từ 100 đến 200 m. Cứ điểm nào cũng có hầm ngầm và lực lượng phản kích tại chỗ. Lực lượng bảo vệ cụm cứ điểm là một tiểu đoàn lê dương thuộc bán Lữ đoàn 13, một đơn vị nổi tiếng trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Ngoài hỏa lực của cụm cứ điểm (gồm cả súng có kính ngắm phát hiện mục tiêu ban đêm), khi chiến đấu Him Lam còn được pháo từ Mường Thanh và Hồng Cúm yểm trợ và lực lượng phản kích từ hướng Mường Thanh lên. Him Lam gợi lại trong trí nhớ của Tổng Tư lệnh dáng dấp cứ điểm Pheo trong Chiến dịch Hoà Bình cuối năm 1951. Cũng điểm tựa hình tròn, ba mỏm hình thành ba cứ điểm vừa có thể yểm trợ cho nhau vừa có thể độc lập tác chiến, binh lực cũng là một tiểu đoàn lê dương, cũng được pháo chi viện từ xa. Nhưng so với Pheo, Him Lam mạnh hơn nhiều, nhất là ở trong một quần thể gần 10 cụm cứ điểm có thể yểm trợ nhau bằng hỏa lực. Điểm yếu cơ bản của Him Lam là một trung tâm đề kháng tương đối biệt lập trên hướng đông bắc, tuy đường cơ động đã được mở rộng nhưng lực lượng bộ binh và xe tăng từ Mường Thanh lên phản kích ứng cứu phải qua một khoảng cách chừng 2,5 km.

Viên thiếu úy tù binh cho biết các quan chức quân sự Mỹ - Pháp đến thăm đều đánh giá Him Lam là một công trình phòng ngự được xây dựng hoàn hảo. Theo y, đây không phải là một vị trí thông thường, mà là một pháo đài thực sự và y thành thật khuyên ta "không nên đụng vào Béatrice".

Quân địch có lý do để tin tưởng vào khả năng đứng vững của Him Lam. Chúng đã trải qua hàng trăm ngày chuẩn bị và củng cố trận địa, sẵn sàng đón đợi cuộc tiến công của ta mà chúng biết sắp xảy ra. Bởi vậy, trong quá trình chỉ đạo chuẩn bị chiến đấu, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp thường nhắc Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn phải kiểm tra thật chu đáo, đặc biệt là Trung đoàn 141 ở hướng chủ yếu phải vượt qua sông Nậm Rốm để tiếp cận hai cứ điểm 1 và 2. Cần đặc biệt quan tâm chỉ đạo chuẩn bị tốt cho giai đoạn mở cửa. Phải thực hiện mở cửa nhanh, đúng hướng mới hạn chế được thương vong. Theo kế hoạch, việc bảo vệ trận địa xuất phát xung phong và kiềm chế pháo địch sẽ do pháo cấp chiến dịch đảm nhiệm, đại đoàn phải tổ chức tốt trận địa hỏa lực tiểu đoàn và trung đoàn. Để bảo đảm chiến đấu trong tung thâm, phải lựa chọn những cán bộ, chiến sĩ có kinh nghiệm được tăng cường lựu đạn và thủ pháo, đánh thẳng vào Sở Chỉ huy, khu thông tin, nhanh chóng thực hiện chia cắt, tiêu diệt từng mục tiêu. Đặc biệt chú ý kế hoạch đánh bộ binh và xe tăng từ hướng Mường Thanh lên phản kích, ứng cứu.

Sau này, qua sách báo của Pháp và phương Tây được biết, nếu ngày 4-3, Nava và Cônhi lên kiểm tra tình hình tập đoàn cứ điểm, họ chưa được biết cụ thể về tình hình chuẩn bị chiến đấu của ta thì một tuần sau, trong cuộc kiểm tra ngày 12-3, Cônhi đã biết mục tiêu tiến công sắp tới của đối phương là Him Lam. Địch bắt đầu đối phó quyết liệt. Phát hiện giao thông hào từ vị trí xuất phát tiến công trong bìa rừng đã đổ xuống cánh đồng, chĩa thẳng vào cứ điểm của chúng, địch huy động bộ binh và xe ủi đất, có xe tăng yểm trợ, ra lấp và cài mìn trên các đoạn hào của ta rồi cho xe ủi lấp lại. Các tuyến xuất phát xung phong của các mũi đều bị lấp. Sau đó, địch cho pháo bắn, máy bay ném bom từ tuyến xuất phát xung phong đến cửa rừng. Ban đêm địch dùng đèn pha chiếu sáng kết hợp với các đội tuần tiễu và các vọng gác đặt ngoài hàng rào hòng ngăn

chặn trinh sát của ta xâm nhập. Đã có thương vong trong cuộc chiến đấu bảo vệ chiến hào và trong công tác điều tra nắm địch bên trong cứ điểm.

Ta chủ trương giữ bí mật trọng pháo đến gần giờ nổ súng chiều ngày 13-3, nhưng trước giờ mở màn chiến dịch, tình hình đòi hỏi một sự xử trí linh hoạt. Chừng 11 giờ, các đài quan sát báo cáo: có 2 xe tăng dẫn một đại đội bộ binh từ Mường Thanh ra đánh chiếm tuyến xuất phát xung phong của 312. Gần như đồng thời, Chỉ huy trưởng nhận được điện yêu cầu của các Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn và Đào Văn Trường cho lựu pháo bắn chặn quân địch, bảo vệ tuyến xuất phát xung phong. Tương kế tựu kế, Chỉ huy trưởng cho phát hỏa sớm, vừa bảo vệ trận địa của 312 vừa kết hợp bắn thử để hiệu chỉnh phần tử hỏa lực. Đại đoàn trưởng pháo binh Đào Văn Trường phấn khởi báo cáo kết quả xạ kích của đại đội lựu pháo 806: Trừ 2 phát bắn thử, 18 phát sau đều rơi trúng mục tiêu, phá hoại nhiều công sự và hầm hào. Một viên đạn trúng hầm chỉ huy, phá tan chiếc lô cốt nửa chìm nửa nổi. Bọn địch từ Mường Thanh ra phá chiến hào cùng với 2 chiếc xe tăng tháo chạy. Loạt đạn đại bác đầu tiên đã làm cho bộ binh thật sự tin tưởng lựu pháo lần đầu xuất trận.

Điều bất ngờ đối với địch không chỉ là sự xuất hiện trọng pháo của ta mà một thực tế ngoài tầm suy nghĩ của chúng là ta đã bố trí được các khẩu lựu pháo ở những vị trí mà qua các hội nghị chuyên đề bàn về pháo binh đối phương, địch không thể ngờ tới. Nhận định về thế bố trí của trọng pháo lần đầu xuất trận, theo phương châm *hỏa khí phân tán, hỏa lực tập trung*, sau này Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: Pháo của ta nằm trên sườn núi đối diện với Mường Thanh nhưng ngụy trang kín đáo lại có những trận địa giả đánh lạc hướng quân địch, nên chúng rất khó phản pháo hoặc dùng máy bay oanh tạc hiệu quả. Các khẩu pháo của ta tuy bố trí phân tán, nhưng khi tác chiến vẫn bắn tập trung vào những mục tiêu chỉ định.

Sử dụng trọng pháo và hợp đồng bộ - pháo quy mô lớn đối với cán bộ cấp đại đoàn trở xuống đều là một điều mới lạ nhưng các ông rất tin vào bộ đội pháo binh trẻ tuổi. Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn cho biết: Đây cũng là lần đầu tôi làm quen với chiến thuật của pháo. Anh em cho biết với thế trận hiểm hóc của pháo, từ trên bắn xuống thì chỉ cần mỗi đại đội bắn thử một viên, quan sát kết quả, hiệu chỉnh bắn tạt ngang một loạt rồi chuyển sang bắn hiệu lực ngay. Vẫn tôn trọng những nguyên tắc chiến thuật, kỹ thuật của pháo binh nhưng không để mình bị ràng buộc vào sách vở.

Trọng pháo xuất hiện sớm, bí mật không còn nhưng đã thực sự đánh một đòn mạnh vào tinh thần quân địch. Từ chỗ không tin là pháo đối phương có thể kéo lên đặt ở vị trí an toàn, đến chỗ chỉ mới vài chục viên đạn pháo đầu tiên chúng đã phải thốt lên là "trình độ xạ kích bậc thầy"[6]. Trận địa xuất phát xung phong được bảo vệ. 15 giờ, bộ đội 312 ra chiếm lĩnh, chuẩn bị bước vào trận đánh mở màn chiến dịch.

Đúng như Bộ Chỉ huy dự kiến, 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 141 hướng chủ công vượt sông gặp khó khăn. Pháo địch bắn hỏng cầu ngầm. Dù có thương vong nhưng quân ta đã vượt lên chiếm lĩnh vị trí xuất phát xung phong đúng thời gian. Trời về chiều, sương mù mỗi lúc một dày đặc. Để bảo đảm hiệu chỉnh pháo, Chỉ huy trưởng đồng ý cho phát hỏa sớm. Khoảng 17 giờ, 40 khẩu pháo và cối lớn nhỏ đồng loạt nhả đạn xuống cứ điểm Him Lam, toàn Phân khu Trung tâm, hai sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm, các trận địa pháo địch. Mọi thành viên trong Sở Chỉ huy đều tập trung theo dõi sát tình hình ngay từ đầu trận đánh. Ông Giáp có đường dây liên lạc trực tiếp với ông Tấn.

Trên hướng cứ điểm số 3, cuộc tiến công của Tiểu đoàn 130 phát triển thuận lợi. Bộ đội nhanh chóng thọc sâu chia cắt, làm rối loạn đội hình phòng ngự của địch, trong khi tiểu đội mũi nhọn thọc thẳng lên trên đồi, tiêu diệt bộ phận chỉ huy cứ điểm. Trận đánh kết thúc sau một giờ chiến đấu. Trong khi đó trên hướng cứ điểm 2, Tiểu đoàn 428 gặp khó khăn ngay từ ngoài tiền duyên. Tuy nhiên, quân ta bình tĩnh phát huy hỏa lực bắn thẳng kiềm chế các hỏa điểm lợi hại của địch, kiên quyết xông lên mở cửa đột phá, từng bước tiến sâu vào bên trong cứ điểm. Trận đánh giáp lá cà diễn ra rất ác liệt. Cuối cùng quân ta tiêu diệt nốt bọn địch đang ngoan cố bám lấy mỏm tây bắc cứ điểm để chống lại và chờ quân ứng cứu. Sau hai giờ chiến đấu, Tiểu đoàn 428 đã làm chủ cứ điểm số 2. Tuy vậy, cứ điểm số 1 mới là nơi chứng minh dự kiến của đại đoàn về tính chất ác liệt trong giai đoạn mở cửa. Mỏm 1 là mỏm cao nhất, là nơi đặt Sở Chỉ huy cụm cứ điểm, nên địch bố trí công sự, vật cản và hỏa lực dày đặc. Cuộc chiến đấu mở cửa đột phá của Tiểu đoàn 11 Phủ Thông diễn ra rất gay go quyết liệt ngay từ đầu. Trận đánh dần dần chuyển biến thuận lợi khi cán bộ phát hiện những ụ súng ngầm và những hỏa điểm mai phục di động của địch, nhanh chóng điều chỉnh kế hoạch hỏa lực, củng cố lực lượng đột phá. Đường vào cứ điểm mở thông, xung kích ào ạt xông lên chia cắt quân địch, vừa chiến đấu vừa gọi hàng. Trên đà thắng lợi, cuộc chiến đấu trong tung thâm chỉ kéo dài thêm 15 phút, Tiểu đoàn Phủ Thông đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm 1.

Khoảng 23 giờ, đại đoàn trưởng báo cáo với Bộ Chỉ huy chiến dịch: Bộ đội đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam. Chỉ huy trưởng đồng ý với đề nghị của đại đoàn cho một sĩ quan địch bị thương trở về Mường Thanh thông báo cho Đờ Caxtơri được phép cho xe hồng thập tự đến Him Lam lấy xác và nhận thương binh. Ông Giáp nhắc ông Tấn: "Cứ chỉ nhân đạo" phải đi đôi với tinh thần cảnh giác, tổ chức ngay bộ đội, sẵn sàng đánh địch phản kích.

Cứ chỉ nhân đạo của ta đã bị các quan chức Pháp ở Hà Nội, Sài Gòn và Pari xuyên tạc với báo chí là "Việt Minh xin hưu chiến và Bộ Chỉ huy Pháp đã chấp thuận". Giuyn Roa không tin điều đó. Sau này, ông ta đã hỏi lại Tổng Tư lệnh. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từ tốn trả lời:

- "Thật ra không có hưu chiến tại chỗ ngày 14-3, sau khi Him Lam thất thủ. Vì lý do nhân đạo, ngày hôm đó, chúng tôi đã đơn phương cho phép Bộ Chỉ huy tập đoàn cứ điểm mang thương binh của họ về".

Qua hai cuốn *Trận Điện Biên Phủ* và *Tại sao Điện Biên Phủ*[7], Giuyn Roa và Rôcôn còn cho chúng ta biết những gì diễn ra ở Sở Chỉ huy trong Phân khu Trung tâm ngay từ đêm đầu chiến dịch. Tuy địch mong đợi và phán đoán ta sắp tiến công, nhưng cuối cùng trận đánh diễn ra đối với địch vẫn là chuyện bất ngờ, bất ngờ về khả năng của quân ta có thể tiêu diệt được một cứ điểm mạnh như Béatrice, nhất là bất ngờ về hỏa lực pháo binh. Ngay từ giờ phút đầu, Trung tá Lăngglle chứng kiến "một đêm đen rung lên dưới cơn bão lửa khổng lồ đánh thẳng vào tim tập đoàn cứ điểm". Ngay từ loạt đầu pháo hỏa chuẩn bị, 2 thiếu tá chỉ huy trưởng và phó cụm cứ điểm Him Lam đều bỏ mạng, sau đó là Trung tá Gôsê, chỉ huy Phân khu Trung tâm. Bọn chỉ huy Pháp không giải đáp nổi "những cú sét đánh làm loá mắt và thép lửa gầm rú điên cuồng xuất phát từ đâu?". Sau khi được chỉ định thay Gôsê chỉ huy Phân khu Trung tâm, Lăngglle yêu cầu tăng cường hỏa lực chi viện cho Him Lam nhưng "các dàn pháo của Pirốt bị pháo đối phương tiến công đã bị tổn thất kinh khủng". ở trạm phẫu thuật, "thương binh đột ngột tràn ngập phòng bệnh, đến khoảng 150 người trong khi nhà xác đã chồng chất xác chết do pháo đối phương nã vào Phân khu Trung tâm". Kết luận đầu tiên của Đờ Caxtơri là: "Lực lượng chuyên trách phản kích chỉ có hai tiểu đoàn dự bị là không đủ để đáp ứng yêu cầu ứng cứu Béatrice. 24 khẩu đại bác 105 rõ ràng là quá ít". Kết luận này hoàn toàn trái ngược với lời từ chối cách đó chừng 10 ngày, khi

Tướng Nava lên thăm và hỏi có cần thêm binh lực, hỏa lực không? Cả Cônhi và Đờ Caxtơri đều từ chối vì "không nên để Tướng Giáp thấy binh lực tập đoàn cứ điểm quá nhiều, quá mạnh khiến đối phương không dám tiến công"(!).

Tin kỹ thuật cho biết, chỉ sau đòn đầu tiên, sáng ngày 14, Tướng Nava đã cùng bộ sậu bay ra Hà Nội, trong khi Cônhi vừa phải vội vã ném xuống cho Đờ Caxtơri một tiểu đoàn dù. Đây là Tiểu đoàn dù ngụy số 5, lần thứ hai có mặt ở Mường Thanh. Do cao xạ của ta xuất hiện, địch phải thả dù ở độ cao, quân dù rơi xuống bị phân tán trên một diện rộng, mãi khuya mới thu quân xong. Tiểu đoàn mới bị tiêu diệt đêm trước đã được thay thế. Binh lực địch trở lại con số 12 tiểu đoàn.

Theo kế hoạch, đêm 14 quân ta tiêu diệt địch trên đồi Độc Lập. Vị trí Gabrielle mới được xây dựng từ giữa tháng 12-1953, nhằm chốt chặn con đường Điện Biên - Lai Châu và bảo vệ không phận phía bắc của sân bay Mường Thanh. Vì ở biệt lập trên hướng bắc xa Phân khu Trung tâm 4 km, cụm cứ điểm này được xây dựng thành hai tuyến đề kháng, đơn vị chiếm đóng mới được thay đổi toàn bộ trang bị và bổ sung một đại đội súng cối 120 mm. Tiểu đoàn 5 Angiêri (4 đại đội) là một đơn vị thiện chiến, được tin cậy giao nhiệm vụ đứng chân nơi đầu sóng ngọn gió này. Trung tá Pirốt chỉ huy pháo binh tập đoàn cứ điểm đã hứa sẽ chi viện hỏa lực "hết mình" để Gabrielle đứng vững. Bộ Chỉ huy chiến dịch có lý do để đánh giá đây cũng là một cụm cứ điểm mạnh của địch.

Bộ Tư lệnh Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ chỉ huy cuộc tiến công cụm cứ điểm đồi Độc Lập. Trung đoàn 165 (312) đảm nhiệm hướng chủ yếu, đột phá từ hướng đông nam, Trung đoàn 88 (308) đột phá từ hướng đông bắc.

Sau trận đánh đêm trước, sơn pháo và súng cối phải chuyển từ hướng Him Lam lên để tăng cường hỏa lực đánh đồi Độc Lập, nhưng vì trời mưa to, pháo và súng cối đến chậm nên phải lùi thời gian nổ súng để có đủ hỏa lực tăng cường. Trong khi chờ đợi, Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ đã yêu cầu lựu pháo bắn vào cứ điểm, phá hủy công sự và uy hiếp tinh thần quân địch. Mỗi đợt lựu pháo bắn xong, pháo từ Mường Thanh lại bắn chặn các đường hào xuất kích của ta. Nhưng quá nửa đêm vẫn không thấy quân ta tiến công, địch "không còn tin là trận đánh sẽ diễn ra, vì quân tiến công có thể đã bị pháo băm nát"[8]. Mãi 3 giờ sáng ngày 15 trận đánh mới bắt đầu, khi sơn pháo và súng cối đã triển khai xong trận địa. Và địch lại bị bất ngờ khi pháo cối các cỡ đồng loạt lên tiếng. "Chỉ ba phút sau, hầm chỉ huy của Gabrielle, được coi là vị trí vững chắc nhất đáng làm khuôn mẫu cho toàn cứ điểm, bị pháo Việt Minh bắn sập"[9]. Pháo vừa chuyển làn, đơn vị mũi nhọn của Trung đoàn 165 thọc thẳng vào bên trong cứ điểm, diệt trận địa súng cối rồi tiến thẳng vào Sở Chỉ huy địch. Trong khi đó, các mũi xung phong vào cứ điểm chia cắt địch và hỗ trợ cho phân đội mũi nhọn tiêu diệt toàn bộ quân địch quanh khu vực Sở Chỉ huy. Trên hướng đông bắc, sau khi phát hiện mở cửa không đúng hướng, anh em đã kịp thời chỉnh lại. Mũi xung kích lao thẳng tới Sở Chỉ huy, phối hợp với các phân đội đi đầu của 165 diệt bọn chỉ huy dưới hầm ngầm, trong khi bộ đội phía sau chia cắt địch, giành giật với chúng từng đoạn chiến hào. Trời vừa sáng, trận đánh kết thúc sau 3 giờ chiến đấu. Tiểu đoàn 5/7 RTA Angiêri bị xoá sổ.

Theo Pugiê, kế hoạch phản kích cứu cụm cứ điểm đồi Độc Lập đã được Lăngglle nghiên cứu từ trước và chỉ đạo 2 tiểu đoàn dù lê dương diễn tập từ hồi đầu tháng 3. Vậy mà, khi ba chiếc xe tăng dẫn đầu đoàn quân phản kích tiến ngang qua cứ điểm Anne Marie (Bản Kéo) thì đã 6 giờ sáng. Quân Việt đóng giữ bản Khe Phai và điểm cao 477 như đóng nút cổ chai. Quân phản kích tiến còn cách Gabrielle khoảng 400 m thì bị chặn lại. Khi trung tâm đề kháng (tức đồi Độc Lập) bị tràn ngập thì đoàn quân phản kích cũng "chấm dứt nhiệm vụ", không giành lại được cứ điểm,

cũng không yểm trợ được cho lực lượng còn lại. Đến 11 giờ, chiếc xe tăng cuối cùng trong đoàn quân cứu viện không thành mới quay trở về được khu trung tâm... đúng vào lúc bầu không khí tang tóc nặng trĩu trong Sở Chỉ huy trung tâm. Trung tá Pirốt, chỉ huy pháo binh vừa tự sát bằng lựu đạn trong hầm.

Khác với những lời tuyên bố trước đó, Pirốt không những không thực hiện được kế hoạch phản pháo mà - theo Giuyn Roa - ngay từ trận đầu, anh ta đã cảm thấy bất lực và những khẩu pháo bị đối phương phá hủy càng làm cho anh ta không tin tưởng ở chính mình nữa. Béatrice bị xoá sổ, Pirốt khóc trước mặt Lăngle. Sau Gabrielle, Pirốt bỏ ăn rồi tự sát. Hắn đã phải trả giá về những lời huênh hoang dọa "khoá mõm" pháo binh đối phương ngay sau khi loạt đạn đầu tiên ra khỏi đầu nòng.

Mất hai cứ điểm phía bắc và đông bắc, vị trí Anne Marie - Bản Kéo, nhất là hai cứ điểm Anne Marie 1 và 2 trên đỉnh đồi tây bắc đồi Bản Kéo, trở thành vị trí đột xuất. Hai cụm cứ điểm mạnh như Béatrice và Gabrielle lần lượt bị tiêu diệt trong hai đêm liền, sau đó là cuộc phản kích của xe tăng bị đẩy lùi, tất cả đều là những điều quá mức chịu đựng đối với bọn lính Thái thuộc Tiểu đoàn BT3 đóng ở Bản Kéo. Họ biết sắp đến lượt họ phải đương đầu với đối phương "trong bối cảnh vô cùng hoang mang dao động vì cảm thấy những làn sóng tuyệt vọng đang tràn ngập Điện Biên Phủ trước sức tiến công của Việt Minh. Họ nơm nớp chờ đợi một trận tập kích hỏa lực và sau đó là những đợt xung phong", như sau này Thiếu tá Timoniê (Thimonnier) chỉ huy BT3 thú nhận.

Sau trận đồi Độc Lập, theo gợi ý của Bộ Chỉ huy chiến dịch, Chính ủy Đại đoàn 308 Lê Quang Đạo[10] bàn với Ban Chỉ huy Trung đoàn 36 dùng địch vận để hạ đồn Bản Kéo, còn bọn lính Thái thì ngạc nhiên không hiểu vì sao ngày 16 không thấy đối phương tiếp tục đà tiến công, mặc dù vẫn có những loạt pháo cối rót vào cứ điểm. Thay vì các đợt xung phong của bộ binh, họ chỉ thấy những tờ rơi rải khắp ngả đường, tiếng loa gọi hàng bằng cả tiếng Kinh, tiếng Thái, tiếng Pháp và một bức tranh lớn xuất hiện ngay dưới chân đồi Bản Kéo - bức tranh kêu gọi lính Thái hãy trở về với bản làng. Binh lính người Thái ở hai vị trí Bản Kéo 1 và 2, thấy những lời kêu gọi của Việt Minh phù hợp với suy nghĩ của họ và thấy phải làm gì để khỏi chịu chung số phận như những tên lính lê dương mấy đêm trước.

Sáng ngày 17, nhiều tốp lính Thái tập trung trước Sở Chỉ huy đòi phát đủ lương thực và để họ trở về quê hương. Trước thái độ dữ tợn của binh lính, Thiếu tá Timoniê phải đầu dịu, rồi gọi báo cáo với trung tâm xin cho rút quân về sân bay. Lệnh phát ra, thời cơ "tháo cũi xổ lồng" đã đến, binh lính người Thái không còn theo lệnh chỉ huy, ào ào chạy về hướng có tiếng loa gọi hàng, nơi có bộ đội của Trung đoàn 36 và cán bộ địa phương chờ đón họ. Pháo Mường Thanh bắn chặn. Pháo của ta kịp thời bắn cấp tập vào trận địa pháo địch, hỗ trợ cho lính Thái rút chạy an toàn. Quân ta làm chủ hai vị trí trên cao của vị trí Bản Kéo và nhanh chóng biến thành đài quan sát và trận địa súng cối trực tiếp hướng xuống sân bay và trung tâm Mường Thanh.

Sáng ngày 17, tin quân ta gọi hàng vị trí Bản Kéo bay đến Sở Chỉ huy Mường Phăng khi đang diễn ra cuộc họp sơ kết đợt 1 chiến dịch. Trong không khí phấn khởi bao trùm hội nghị, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp tuyên bố cuộc họp nghỉ giải lao rồi ông đến bắt tay khen ngợi Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ:

- Hoan nghênh Quân Tiên phong mới từ chiến trường miền tây về mà đã thực hiện tốt nhiệm vụ cả ở đồi Độc Lập, cả ở Bản Kéo.

Thế là chỉ qua năm ngày, bộ đội đã chiến thắng giòn giã, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mở toang cánh cửa phía bắc tập đoàn cứ điểm, tạo điều kiện tiến xuống cánh đồng, tiếp tục áp sát địch, chuẩn bị cho những trận đánh tiếp theo.

Trong báo cáo kết luận tại Hội nghị sơ kết đợt 1, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đánh giá: "Đánh thắng hai trận Him Lam và đồi Độc Lập, chúng ta đã tiêu diệt 2 tiểu đoàn tinh nhuệ nhất của địch, tiêu diệt 2 vị trí kiên cố nhất trong hệ thống phòng ngự của chúng ở Điện Biên Phủ, phá vỡ phòng tuyến ngoại vi, làm cho tung thâm của địch bị bộc lộ về phía bắc và đông bắc. Quân địch đã bị thiệt hại nặng vì bộ phận chủ yếu của phòng tuyến ngoại vi bị phá vỡ, vì Phân khu Bắc và một bộ phận của Phân khu Trung tâm bị tiêu diệt, vì sân bay là quả tim của địch bị khống chế.

Đánh thắng hai trận đó, chúng ta đã thu được thắng lợi lớn, quân địch đã bị thất bại nặng, nhưng hiện lực lượng của chúng còn mạnh và chúng còn ra sức đối phó. Chúng ta cần có một nhận thức đúng với tương quan lực lượng giữa địch và ta để tránh chủ quan khinh địch và giữ vững quyết tâm trong những cuộc chiến đấu gay go sắp tới".

Sau khi phân tích một số hiện tượng chứng tỏ có cán bộ chưa nắm thật chắc phương châm *đánh chắc tiến chắc,* bản báo cáo đề ra nhiệm vụ trước mắt là phải nhanh chóng tiếp cận bao vây quân địch, đồng thời tiếp tục khống chế sân bay, tích cực tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, tiến tới giành ưu thế tuyệt đối về binh, hỏa lực, tạo điều kiện chuyển sang giai đoạn thứ 3. Cụ thể là:

a- Phải tiếp tục xây dựng trận địa nhằm mục đích nhanh chóng bao vây quân địch trong cự ly tất cả các pháo lớn, nhỏ của ta đều có thể phát huy hỏa lực, đồng thời chia cắt Phân khu Nam với Phân khu Trung tâm của địch.

b- Đánh những cứ điểm ngoại vi.

c- Đánh địch phản kích.

d- Không chế sân bay có hiệu quả hơn và phải tiết kiệm đạn dược.

e- Tăng cường những hoạt động nhỏ.

Trong năm nhiệm vụ trên, nhiệm vụ trước mắt quan trọng hơn hết là xây dựng trận địa vững chắc.

Sau khi nêu lên những khuyết điểm về xây dựng trận địa trong đợt chiến đấu vừa qua, bản báo cáo của Chỉ huy trưởng nhấn mạnh: "Xây dựng trận địa là một vấn đề rất quan trọng. Có xây dựng trận địa vững chắc, đúng kích thước, đúng yêu cầu, mới bảo đảm thực hiện phương châm đánh chắc tiến chắc, mới bảo đảm thực hiện quyết tâm".

Để bộ đội hoàn thành nhiệm vụ trong đợt chiến đấu sắp tới, Chỉ huy trưởng đề ra những yêu cầu cụ thể đối với các đơn vị[11], trong đó yêu cầu chính là giữ vững và nâng cao quyết tâm thêm một bước. Để nâng cao và giữ vững quyết tâm phải đề phòng ba trở ngại: không thấm nhuần phương châm đánh chắc tiến chắc, thiếu tinh thần chiến đấu liên tục và tư tưởng chủ quan khinh địch, tác phong quan liêu đại khái.

Kết thúc bản báo cáo, sau khi thay mặt Tổng Quân ủy khen ngợi tất cả các đơn vị đã góp một phần công lao xứng đáng vào thắng lợi đầu của chiến dịch, Chỉ huy trưởng vui mừng nói: "Một vinh dự lớn cho chúng ta là Hồ Chủ tịch mới tặng cho Mặt trận Điện Biên Phủ một lá cờ*Quyết chiến quyết thắng* để luân lưu trong các đại đoàn trong suốt thời gian chiến dịch. Căn cứ vào

thành tích của các đại đoàn trong thời gian vừa qua, Tổng Quân ủy quyết định trao lá cờ cho Đại đoàn 351. Các đại đoàn bộ binh hoan nghênh thành tích của Đại đoàn 351 càng phải ra sức thi đua, càng không được ỷ lại vào pháo binh, phải ra sức phát huy chiến thuật và kỹ thuật của bộ binh để hoàn thành nhiệm vụ, giật lá cờ của Hồ Chủ tịch. Tất cả các đơn vị, tất cả các binh chủng phải ra sức thi đua giết giặc lập công, nâng cao và giữ vững ngọn cờ của Hồ Chủ tịch, giành toàn thắng cho chiến dịch lịch sử này".

Cùng với quyết định trao lá cờ thưởng của Bác, Đại tướng gửi thư khen bộ đội pháo binh. Thư viết: "Trong đợt chiến đấu vừa qua, pháo binh đã hoàn thành nhiệm vụ phối hợp với bộ binh một cách vẻ vang, đã làm cho địch kinh hoàng. Pháo binh lần đầu ra quân đã trở nên có kinh nghiệm. Các đồng chí cần cố gắng hơn nữa. Chúc các đồng chí thu được nhiều thắng lợi mới.

Chiều hôm sau, Chủ nhiệm Chính trị Lê Liêm báo cáo với Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp: Lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* đã được Đại đoàn ủy 351 trao cho Đại đội lựu pháo 806, đại đội đã bắn những phát pháo đầu tiên vào cứ điểm Him Lam, mở màn chiến dịch lịch sử.

Qua sách báo của phía bên kia, sau này chúng ta mới biết rõ hơn quân Pháp trong tập đoàn cứ điểm bị bất ngờ và gặp khó khăn lúng túng như thế nào do hậu quả của đợt tiến công đầu tiên của quân ta. Thủ tướng Pháp Lanien đã nói một câu khái quát tâm trạng của tướng lĩnh viễn chinh Pháp trong những ngày giữa tháng 3 này, đó là cảnh tượng từ chỗ chủ quan khinh thường đối phương đến chỗ hoảng loạn và bi quan cao độ.

Ngay sau hai trận đầu tiên, Đờ Caxtơri đã điện cho Cônhi thể hiện nỗi lo có thể bị đánh tan trong cuộc tiến công sắp tới. Viên chỉ huy tập đoàn cứ điểm đặc biệt lo cho số phận của sân bay khi mà hai cứ điểm bảo vệ không phận phía bắc không còn, pháo đối phương từ hai mỏm bắc Bản Kéo chĩa thẳng xuống sân bay. Và Đờ Caxtơri đặt vấn đề liệu lực lượng còn lại có thể cố thủ liều chết trong vinh dự hay mở đường máu chọc thủng vòng vây rút chạy? Được tăng viện hai tiểu đoàn dù, nhất là khi Tiểu đoàn dù số 6 của Bigia (Bigeard) nhảy xuống và được đưa ngay lên các điểm cao phía đông, Đờ Caxtơri báo cho Cônhi rằng hai tiểu đoàn tăng viện đã làm cho mọi người lên tinh thần.

Sáng 14, nhận được tin Béatrice thất thủ, Cônhi ngạc nhiên không hiểu vì sao một vị trí kiên cố như thế do một tiểu đoàn lê dương cự phách đóng giữ mà lại bị sụp đổ nhanh như vậy. Đến lượt Gabrielle bị tiêu diệt thì Cônhi không còn ngạc nhiên nữa nhưng vẫn không hiểu vì sao pháo không bắn trả có hiệu quả dù trong tay Pirốt có cả một đại đội 155 mm? Một ý tưởng nảy sinh trong đầu óc Cônhi trưa ngày 17 khi ông ta bay trên bầu trời Điện Biên. Đó là liệu có nên nhảy xuống cánh đồng Mường Thanh để giúp tập đoàn cứ điểm lên tinh thần, sửa chữa những sai lầm đã mắc và buộc Đờ Caxtơri phải nhúc nhích? Nhưng rồi nghĩ lại, đúng là người ta đang lo ngại Điện Biên Phủ có thể sắp thất thủ, nhưng liệu có nên để cho đối phương có dịp bắt sống viên chỉ huy toàn Bắc Kỳ hay không? Cuối cùng Cônhi tự thuyết phục mình rằng vị trí của ông ta không phải ở Điện Biên Phủ, Điện Biên Phủ không phải sự nghiệp của ông ta mà của Nava.

Trong khi đó thì Tổng Chỉ huy Nava ở vào tình thế khá đặc biệt. Ngày 12 không thấy Việt Minh nổ súng ở Điện Biên Phủ, Tổng Chỉ huy Pháp cho rằng ngọn trào tiến công của Việt Nam đã đạt tới đỉnh điểm, họ đã hết hơi, thời cơ đã đến để ông ta đốc quân đi tiếp bước 2 của kế hoạch Atlante, giành lại chủ động bằng cuộc đánh chiếm vùng tự do duyên hải Liên khu 5. Nào ngờ ngay chiều hôm sau đối phương trả lời bằng trận đánh mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ. Sáng ngày 14, Nava vội bay ra Hà Nội, nhưng rồi vô kế khả thi, ngoài lời trách không quân bất lực không chi viện được cho tập đoàn cứ điểm. Đại tá Nicô (Tư lệnh Không quân vận tải) phản ứng,

nói rằng không thể chê trách không quân được khi mà họ đang nghiên cứu phương án "liều" hạ cánh ban đêm xuống sân bay Mường Thanh để mang thương binh về Hà Nội, rằng không quân Pháp đang gặp khó khăn do người Mỹ dọa rút nhân viên kỹ thuật của họ về nước vì (sau vụ quân Việt đánh phá các sân bay Cát Bi và Gia Lâm), họ ngày càng cảm thấy không an toàn. Trong cảnh khó khăn trăm bề, Tổng Chỉ huy chỉ còn biết điện về Pari báo tin Điện Biên Phủ đang trong tình trạng nguy kịch, vòng vây của Việt Minh đang tiếp tục siết chặt quanh các trung tâm đề kháng. Rồi Tổng Chỉ huy điện vào cho cơ quan tham mưu ở Sài Gòn giục xúc tiến gấp việc làm mưa nhân tạo hòng cản trở hoạt động của đối phương và cuối cùng là "dứt ruột" điều 1 tiểu đoàn pháo (đang tham gia bước 2 cuộc hành binh Atlante ở Nam Trung Bộ) đưa lên cứu nguy cho Điện Biên Phủ.

Với hàng vạn tên lính còn lại trong tập đoàn cứ điểm, nỗi bàng hoàng mấy ngày chưa nguôi thì nỗi lo mới đã ập đến, một nỗi lo thường trực, đó là chiến hào của lực lượng tiến công bắt đầu gặm nhấm dần tập đoàn cứ điểm từng mét một như cách viết của Giuyn Roa, bởi vì kẻ thù biết là chiến thắng ở đầu nhát cuốc và lưỡi xẻng của họ.

Thực tế trên đây phù hợp với đánh giá của Đại tướng Võ Nguyên Giáp về tình hình quân địch ở Điện Biên Phủ sau đợt 1. Trong thư đề ngày 19-3 gửi về hậu phương báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh và Bộ Chính trị, ông viết: Địch thất bại rất nặng, mất cả binh lực và phạm vi kiểm soát ở Phân khu Bắc, trường bay bị khống chế đến nay thì gần như hoàn toàn, thương vong nhiều, thiệt hại về không quân nặng, đối phó cho đến nay vẫn thường... Bắt đầu từ hai hôm nay, phản ứng của địch về không quân mạnh hơn trước. Mặc dầu bề ngoài thì chúng che giấu thất bại, nhưng chúng hết sức lo ngại cho số phận Điện Biên Phủ. Chiến dịch này có quan hệ nhiều đến cả thời cục ở Đông Dương và cuộc đấu tranh ngoại giao sắp tới. Vì vậy, chúng tôi đều nhận định địch sẽ trút tất cả khả năng của chúng, đế quốc Mỹ sẽ ra sức giúp đỡ tích cực, nên thời kỳ chiến đấu sắp tới sẽ rất gay go, ác liệt.

Sở Chỉ huy phân tích và thấy rõ ràng là thất bại của địch trong đợt 1 đã làm bộc lộ một trong những chỗ yếu cơ bản nhất của tập đoàn cứ điểm. Chúng đứng trước nguy cơ bị mất hoàn toàn chỗ dựa hết sức quan trọng là sân bay, cửa ngõ duy nhất liên hệ giữa tập đoàn cứ điểm với căn cứ ở đồng bằng. Lực lượng không quân tại chỗ bị tê liệt, tiếp tế tăng viện bắt đầu bị hạn chế, thương binh ùn lại trong các trạm cấp cứu, tất cả thực tế đó tác động rất mạnh đến tinh thần quân địch trong tập đoàn cứ điểm. Nhưng mặt khác, Tổng Tư lệnh có đủ cơ sở để khẳng định rằng lực lượng của địch còn mạnh, ưu thế của ta đã tăng lên nhưng chưa phải là tuyệt đối. Mấy ngày qua, địch đã nhanh chóng bù đắp những thiệt hại về người và vũ khí. Trong đợt 2, quân ta vẫn ở vào thế lấy yếu đánh mạnh. Chúng ta cần có một nhận thức đúng với tương quan lực lượng giữa địch và ta để tránh chủ quan khinh địch và giữ vững quyết tâm trong những cuộc chiến đấu gay go sắp tới.

Thực tế sau đợt 1 cho thấy, trước mắt địch còn có khả năng tăng viện cả người và vũ khí, chúng sẽ ra sức củng cố hệ thống cứ điểm còn lại, ra sức bảo vệ sân bay và tăng cường hoạt động của thổ phỉ quấy phá hậu phương trực tiếp của chiến dịch. Chuyến đi cầu cứu của Tổng Tham mưu trưởng Pháp Ê1y (Paul Ely) sang Oasinhtơn cho thấy khả năng đế quốc Mỹ sẽ đẩy mạnh viện trợ hòng cứu nguy cho Điện Biên Phủ. Thực tế trên đây đòi hỏi quân ta phải khắc phục những thiếu sót trong đợt chiến đấu vừa qua, củng cố thắng lợi đã đạt được, đồng thời chọn cách đánh thích hợp, từng bước tạo ưu thế về binh lực, hỏa lực để giành thắng lợi cho chiến dịch.

Ông Giáp nhớ lại cuộc trao đổi ý kiến mới đây với các ông Lê Trọng Tấn và Trần Độ. Trong đợt vừa qua, Đại đoàn 312 ra quân cả ba trung đoàn. Bộ Chỉ huy chiến dịch đánh giá đại đoàn tiến bộ rõ rệt về đánh công sự vững chắc, lập thành tích trong cả hai trận, nhưng đồng thời cũng bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm. Sau cuộc gặp riêng, ngày 21-3, Chỉ huy trưởng viết thư gửi Bộ Chỉ huy đại đoàn, khẳng định thành tích của 312 đồng thời nêu lên hai khuyết điểm chính cần được nhanh chóng khắc phục:

1- Công tác kiểm tra chuẩn bị chiến đấu không chu đáo để đến nỗi không một vị trí xuất phát xung phong nào đúng tiêu chuẩn, do đó đã tăng thêm thương vong của ta.

2- Sau chiến đấu, nắm bộ đội chậm, lãnh đạo tư tưởng cũng không kịp thời, vì vậy báo cáo chiến đấu chậm.

Cũng trong dịp này, nhân danh Bí thư Tổng Quân ủy, ông đề ra kế hoạch công tác, định hướng cho các cơ quan Tham mưu, Chính trị, Hậu cần mặt trận củng cố và khuếch trương thắng lợi trên cơ sở quán triệt chủ trương của Tổng Quân ủy để ba cơ quan phát huy vai trò chỉ đạo các đơn vị giành toàn thắng cho chiến dịch.

39- Tháng tư - đá thử vàng

Khác với đợt trước, bước vào đợt 2, trước mặt quân ta không phải là từng cụm cứ điểm biệt lập như Him Lam, đồi Độc Lập mà là cả Phân khu Trung tâm, một quần thể gồm gần 40 cứ điểm chia thành bốn trung tâm đề kháng liên kết với nhau do hàng vạn quân đóng giữ. Bên hữu ngạn sông Nậm Rốm, trên cánh đồng bằng phẳng là hai trung tâm đề kháng Huyghét và Clôđin, gồm khoảng 20 cứ điểm bao quanh sân bay, từ tây bắc xuống phía nam khu Sở Chỉ huy. Bên tả ngạn trên cả hệ thống điểm cao phía đông, là hai trung tâm đề kháng Êlian và Đôminích, cũng gồm khoảng 20 cứ điểm kiểm soát toàn bộ Phân khu Trung tâm, trong đó đặc biệt có cứ điểm đồi A1 (địch gọi làEliane 2) rất lợi hại vì có thể khống chế một vùng rất rộng dọc đường số 41 và dọc sông Nậm Rốm, từ phía nam lên phía đông Phân khu Trung tâm. Nếu Huyghét đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại của sân bay thì cụm cứ điểm Êlian là tấm lá chắn quyết định số phận của Phân khu Trung tâm, đặc biệt là của khu Sở Chỉ huy tập đoàn cứ điểm.

Như báo cáo ngày 17-3 của Bộ Chỉ huy đã nêu lên, nhiệm vụ trọng tâm số 1 chuẩn bị bước vào đợt chiến đấu mới là xây dựng trận địa tiến công và bao vây. Theo kế hoạch tác chiến đợt 2 và theo yêu cầu chiến thuật, hệ thống trận địa bao vây và tiến công trên toàn chiến trường sẽ gồm hai loại đường hào: Đường hào trục hình thành một đường vòng rộng bao quanh toàn bộ Phân khu Trung tâm của địch[12]. Đường hào bộ binh xuất phát từ các vị trí trú quân của các đơn vị từ trong các cửa rừng đổ ra cánh đồng, cắt ngang đường hào trục và hướng thẳng vào các mục tiêu sẽ công kích trong đợt 2[13].

Trong thư đề ngày 20-3 gửi bộ đội Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã phân tích mục đích của việc xây dựng trận địa tiến công và bao vây là nhằm hạn chế ba điểm mạnh hiện nay của địch[14], tạo điều kiện áp sát và khống chế tung thâm địch bằng mọi loại hỏa lực, cho phép bộ đội hoạt động trên một phạm vi rất rộng, một chiều sâu rất dài mà vẫn không bị hỏa lực bắn thẳng của địch uy hiếp. Bức thư chỉ rõ yêu cầu kỹ thuật, chiến thuật của trận địa, yêu cầu kiên quyết chiến đấu đánh bại các cuộc phản kích của địch, bảo vệ trận địa. Riêng với cán bộ các cấp, bức thư chỉ rõ phải có kế hoạch xây dựng trận địa và phân phối lực lượng chu đáo, có thời gian biểu thích hợp, bảo đảm mọi hoạt động của bộ đội từ lao động, chiến đấu đến nghỉ ngơi. Bức thư nhấn mạnh: cán bộ phải tự mình đi xuống kiểm tra trận địa.

Sau chừng 10 ngày lao động khẩn trương và kiên quyết đẩy lui các cuộc phản kích hết sức quyết liệt của địch hòng phá hoại trận địa của ta, quân ta đã tạo nên một trận địa dài trên 100 km đường hào, với hàng vạn hầm hố bao quanh Phân khu Trung tâm của địch. Các vị trí địch, kể cả sân bay Mường Thanh và khu vực Sở Chỉ huy của Đờ Caxtơri đều trong tầm hỏa lực súng cối của các phân đội ta. Trận địa tiến công và bao vây của ta đã phá vỡ cấu trúc hoàn chỉnh ban đầu của tập đoàn cứ điểm, ngăn cách Phân khu Nam (Hồng Cúm) với Phân khu Trung tâm. Thế trận mới hình thành là chỗ dựa cho phép quân ta - dù trong thế lấy yếu đánh mạnh, vẫn có thể mặt đối mặt với hàng vạn tên địch trong một hình thái mới, hình thái chiến tranh trận địa trên địa hình bằng phẳng của thung lũng Mường Thanh.

Sau này, khi nói đến chiến tranh chiến hào xuất hiện ở Điện Biên Phủ, các tướng lĩnh và sử gia Pháp và phương Tây thường so sánh hệ thống chiến hào của ta với chiến hào cổ điển trong sách giáo khoa bộ binh Pháp từ hồi đầu thế kỷ XX. Họ thấy điểm giống nhau là ở chỗ hệ thống chiến hào tạo điều kiện lấn dần trận địa đối phương, làm cho bên phòng ngự mất dần khả năng tăng viện người và phương tiện chiến đấu và sau khi đã hình thành trận địa tiến công sẽ chuyển sang giai đoạn xung phong tiêu diệt đối phương. Nhưng họ không thấy hết những điểm khác biệt cơ bản về nguyên nhân, mục đích và tính chất hệ thống trận địa của hai bên tham chiến ở Điện Biên Phủ, mà đặc điểm nổi bật là thế lấy yếu đánh mạnh của phía tiến công. Đây không chỉ là sự thể hiện hình thái chiến tranh chiến hào cổ điển trong điều kiện mới mà còn là sự vận dụng sáng tạo kinh nghiệm Thượng Cam Lĩnh của liên quân Trung - Triều vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, của Điện Biên Phủ. Đối mặt với quân địch trong điều kiện lực lượng so sánh chênh lệch, chỉ có bằng hệ thống chiến hào thiên la địa võng không ngừng phát triển này, bộ đội mới bảo toàn được lực lượng trước ưu thế rõ rệt về hỏa lực của địch, mới chôn chân quân địch trong các vị trí cố định, làm thất bại mọi kế hoạch rút chạy của chúng, mới khoét sâu điểm yếu cơ bản của tập đoàn cứ điểm là hoàn toàn bị cô lập trên chiến trường Tây Bắc bao la, mới đánh thẳng vào cái dạ dày của tập đoàn cứ điểm - như cách nói của cán bộ và chiến sĩ 308 - và cuối cùng, sau khi tiếp tục diệt thêm một số cứ điểm, làm chuyển hoá thế và lực ngày càng có lợi cho ta, mới tạo được điều kiện tiến lên tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch. Như sau này Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nói: vòng dây khổng lồ sinh sôi nhanh chóng này chính là cái sẽ quyết định số phận con nhím thép Điện Biên Phủ.

Trước khi bước vào đợt 2, Tổng Tư lệnh chỉ thị cho tham mưu tách Trung đoàn 9 ra khỏi đội hình tham gia chiến dịch và điều thêm lực lượng từ trung du lên Lai Châu và Sơn La đẩy mạnh hoạt động tiễu phỉ, bảo vệ và ổn định hậu phương trực tiếp của chiến dịch, đồng thời sửa chữa đường vận tải tiếp tế trước mùa mưa lũ. Ông cũng không quên gửi thư khen ngợi các lực lượng vũ trang đường số 5 đã đánh mạnh trên đường giao thông huyết mạch, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, thu hút bộ đội cơ động của chúng, nhất là làm gián đoạn sự vận chuyển bom đạn từ Hải Phòng lên Hà Nội và đi các mặt trận. Ông đánh giá, việc đó đã có tác dụng phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến đấu của quân ta ở Điện Biên Phủ và ở các chiến trường khác.

Thời cơ bước vào đợt 2 là khoảng cuối tháng 3, khi quân ta đã chấn chỉnh xong lực lượng, đã căn bản hoàn thành việc xây dựng trận địa tiến công và bao vây. Ngày 27-3, Bộ Chỉ huy triệu tập Hội nghị cán bộ chiến dịch, phổ biến kế hoạch tác chiến đợt 2. Trong báo cáo tại hội nghị, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đánh giá kết quả 10 ngày lao động và chiến đấu vừa qua: Một thành công của việc xây dựng trận địa là đã làm cho các cuộc oanh tạc dữ dội của địch gần như vô hiệu quả. Nhưng thành công lớn hơn nữa là trận địa đó đã thực hiện được việc thắt chặt vòng vây và tạo điều kiện để tiếp cận và tiến công địch.

Chủ trương của Tổng Quân ủy trong đợt 2 của chiến dịch là: Tập trung ưu thế tuyệt đối binh, hỏa lực, tiêu diệt toàn bộ khu vực phía đông của Điện Biên Phủ, nhằm mục đích:

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, trong đó có một số đơn vị cơ động.

- Chiếm lĩnh một bộ phận trận địa pháo binh của địch.

- Chiếm lĩnh toàn bộ các điểm cao phía đông, biến những điểm cao đó thành trận địa của ta để uy hiếp khu vực Mường Thanh.

Chỉ huy trưởng phân tích: Khác với đợt trước (đánh từng trung tâm đề kháng, diệt từng tiểu đoàn lẻ), đợt tiến công thứ 2 này là một trận công kiên quy mô lớn nhất từ trước đến nay của quân đội ta, đánh vào một hệ thống điểm cao gồm nhiều trung tâm đề kháng do nhiều tiểu đoàn Âu - Phi đóng giữ. Cuộc chiến đấu này là một cuộc chiến đấu có tính chất quyết định để tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích, giành toàn thắng cho chiến dịch. Do cuộc chiến đấu không đơn giản như trước, cho nên đòi hỏi một sự tổ chức chiến đấu chu đáo, tổ chức chỉ huy tỉ mỉ và khoa học, đòi hỏi cán bộ chỉ huy các cấp phải nghiên cứu và kiểm tra việc tổ chức chiến đấu và tổ chức chỉ huy.

Sau khi giao nhiệm vụ chiến đấu trong đợt 2 cho các đơn vị[15], Chỉ huy trưởng nêu rõ: Cuộc chiến đấu này thắng lợi sẽ làm cho quân ta tiến bộ một bước vượt bậc, từ chỗ tiêu diệt từng tiểu đoàn địch trong một trận đánh công kiên, đến chỗ tiêu diệt mấy tiểu đoàn địch trong một trận. Cuối cùng ông yêu cầu các cấp chỉ huy phải kiên quyết, dũng mãnh, nhanh chóng, không để mất một thời cơ nào, tích cực tiêu diệt địch.

Sau cuộc họp, Chỉ huy trưởng trực tiếp gặp hai trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An (174 - đánh A1) và Vũ Lăng (98 - đánh C1) hai đơn vị đảm nhiệm hai mục tiêu quan trọng nhất. Ông hỏi về khó khăn trong trận đánh sắp tới, về thời gian dự kiến hoàn thành nhiệm vụ và cuối cùng ông trực tiếp cùng nghiên cứu giải quyết những vấn đề do trận đánh đề ra, trong đó có vấn đề hỏa lực tăng cường thể theo yêu cầu của Trung đoàn trưởng 98.

Trước ngày bộ đội nổ súng đợt 2, Bí thư Đảng ủy gửi thư động viên toàn thể đảng viên tham gia chiến dịch. Ông kêu gọi mọi người hãy nêu cao hơn nữa tinh thần gương mẫu dũng cảm chiến đấu của những người đảng viên Đảng Lao động, nhất là trong những giờ phút gay go quyết liệt. Trong thư cùng ngày gửi cán bộ, chiến sĩ toàn mặt trận, ông nhắc lại mục đích của đợt tiến công vào các điểm cao phía đông, khẳng định điều kiện thắng lợi và chỉ rõ những khó khăn cần khắc phục và động viên mọi người quyết tâm chiến đấu, làm cho địch tổn thất rất nặng, tạo điều kiện đầy đủ để tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Đợt tiến công thứ 2 bắt đầu lúc 18 giờ 30 phút ngày 30-3. Nếu ngay từ đầu trận đánh, có đơn vị hoàn thành nhiệm vụ tương đối dễ dàng trong khoảng thời gian tương đối ngắn[16] thì cũng có đơn vị gặp khó khăn ngay từ đầu, đặc biệt là trận tiến công cứ điểm A1. Do điện thoại bị đạn pháo cắt đứt, mất liên lạc và không nhận được lệnh tiến công, Trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An đã linh hoạt hạ lệnh nổ súng. Nhưng vì trung đoàn bắt đầu trận đánh chậm nửa giờ so với toàn mặt trận, vào lúc pháo địch đã hồi sức, chúng dồn hỏa lực chặn quân ta từ tiền duyên, nên đã gây cho ta nhiều tổn thất ngay trong quá trình mở cửa. Khi tiểu đoàn dự bị của 174 vào chiến đấu cũng là lúc các trung đoàn bạn đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt mục tiêu, địch càng có điều kiện tập trung hỏa lực pháo cối cứu nguy cho A1. Trận đánh kéo dài đến nửa đêm, ta chỉ mới chiếm

được nửa đồi phía đông điểm cao, địch cố dựa vào hỏa lực chi viện và nhất là hỏa điểm từ sau ụ đất trên đỉnh đồi để kéo dài trận đánh đến sáng hòng phản kích giành lại phần đất đã mất.

Sau những thuận lợi khi bắt đầu trận đánh, tình hình trên một số cứ điểm cũng dần dần diễn biến phức tạp hơn lúc ban đầu. Sau khi đánh chiếm được C1, Tiểu đoàn 215 của 98 thay quân, không những bỏ lỡ cơ hội phát triển xuống C2 mà còn do lực lượng tập trung khi điều chỉnh lực lượng đúng vào lúc địch pháo kích, địa hình hẹp, hầm hào không đủ, bộ đội ùn lại nên thương vong lên cao. Việc tổ chức tiến công C2 cũng do đó không những bị chậm mà còn vấp phải lưới hỏa lực rất mạnh của pháo binh địch bắn chặn, đơn vị phải lui trở lại C1. Phía D1, Tiểu đoàn 130 của 209 cũng không thực hiện được ý định phát triển xuống D2. Càng về khuya, pháo binh địch hoạt động càng mạnh. Rõ ràng là chiến đấu trong tung thâm, địch đối phó quyết liệt hơn hẳn các trận đánh trong đợt 1 khi cuộc chiến đấu diễn ra ở ngoại vi tập đoàn cứ điểm.

Nhìn chung, sau một đêm chiến đấu, các đơn vị đã hoàn thành một phần quan trọng nhiệm vụ đề ra cho đợt 2. Riêng Trung đoàn 174, dù đã đưa tiểu đoàn dự bị vào nhưng cũng không đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận thấy cần điều đơn vị khác vào thay thế 174, tiếp tục đánh chiếm cao điểm phòng ngự then chốt của địch là A1. Cơ quan tham mưu đề nghị giao cho Trung đoàn 102 của Đại đoàn 308 hiện là lực lượng dự bị chiến dịch. Các đơn vị khác đang làm chủ trên đồi E, D1 và C1 nhận lệnh khẩn trương củng cố trận địa phòng ngự, sẵn sàng đánh địch phản kích khi trời sáng. Cơ quan tham mưu chiến dịch chuyển lệnh của Chỉ huy trưởng cho các đơn vị hướng tây đẩy mạnh hoạt động chia lửa để hướng đông hoàn thành nhiệm vụ. Cụ thể là: hai trung đoàn 88 và 36 (của 308) chuyển từ nhiệm vụ dương công sang nhiệm vụ tiêu diệt các cứ điểm 106 và 311 ở phía tây Mường Thanh, Trung đoàn 165 (của 312) tiêu diệt cứ điểm 105, pháo binh uy hiếp mạnh sân bay, chế áp các trận địa pháo binh địch.

Các trận đánh địch phản kích diễn ra quyết liệt ngay từ mờ sáng ngày 31-3. Một tiểu đoàn lê dương theo xe tăng từ phía Hồng Cúm lên tham gia phản kích bị Trung đoàn 57 đẩy lùi. Trên cứ điểm D1, dù chiến đấu trong điều kiện rất không cân sức, bộ đội 209 đã đẩy lùi được nhiều đợt xung phong của địch. D1 đứng vững khiến địch phải rút cả đại đội lính Thái đang giữ D3 (Đôminích 5) và trận địa pháo ở 210 gần đó. Trên cứ điểm C1, bộ đội 98 đã đánh lui 7 đợt phản kích của gần 2 tiểu đoàn dù địch, trong đó có Tiểu đoàn dù thuộc địa thứ 6 của Bigia.

ác liệt hơn cả vẫn là cuộc chiến đấu trên cứ điểm A1. Việc bàn giao tình hình và nhiệm vụ chiến đấu giữa hai trung đoàn 174 và 102 diễn ra khẩn trương buổi trưa ngày 31-3, nhưng do trời mưa, bộ đội phải lần theo đường hào trục ngập nước từ phía tây sang phía đông cánh đồng, cho nên chập tối trận đánh mới bắt đầu. Bộ đội 102 lại gặp những tình huống khó khăn do hỏa lực rất mạnh từ ụ đất trên đỉnh đồi chặn lại, như 174 hôm trước. Trận đánh kéo dài suốt đêm nhưng quân ta vẫn không sao tiếp cận được hầm ngầm cố thủ. Hôm sau, trước tình hình hết sức khẩn trương sau khi đơn vị vừa đánh lui ba đợt phản kích của địch, Trung đoàn trưởng Hùng Sinh trực tiếp vào chỉ huy chiến đấu và đưa cả tiểu đoàn cuối cùng vào trận. Nhưng trước hỏa lực rất mạnh của địch trên đỉnh đồi, các đợt xung phong đều bị chặn lại, quân ta phải lui về giữ sườn phía đông cao điểm. Sau 4 ngày đêm chiến đấu liên tục, binh lực của ta ở A1 chỉ còn lại chừng năm chục tay súng, trong khi cái ụ đất trên đỉnh đồi vẫn là một ẩn số.

Trong khi đó bên hướng tây, Chỉ huy trưởng được báo cáo: quân ta đã bức hàng 311 (Nà Noọng - địch gọi là Francoise), đặc biệt là Trung đoàn 36 đã dùng hình thức bao vây đánh lấn nhổ gọn vị trí 106 (Huyghét 7) tây bắc sân bay Mường Thanh. Từ phía đồi E Đại đội dũng sĩ 243 (Tiểu đoàn 11 Phủ Thông - Đại đoàn 312) do Đại đội trưởng Hà Văn Nọa chỉ huy đã hoàn thành vượt

mức nhiệm vụ trên giao. Anh em đã lợi dụng khoảng trống giữa các cứ điểm đồi E và đồi D, đột nhập tung thâm địch rồi chia thành nhiều mũi tiến công các đơn vị lính dù địch và trận địa pháo của chúng ở khu vực 210 giữa đường số 41 và sông Nậm Rốm rồi tiếp tục tiến ra phía sông. Đơn vị đã đánh lui nhiều đợt phản kích của địch với số quân đông hơn ta gấp nhiều lần. Tuy bị tổn thất nặng nhưng anh em đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao địch, quấy rối tung thâm phòng ngự của chúng, buộc địch phải phân tán binh lực đối phó, hỗ trợ kịp thời cho các trận tiến công trên các điểm cao phía đông. Nét nổi bật ở khu vực Hồng Cúm là, trước nhiệm vụ nặng nề của pháo binh vượt quá khả năng đạn có trong tay, Tham mưu trưởng Đại đoàn 304 Nam Long đã cùng Ban Chỉ huy Trung đoàn 57 chủ động phát động phong trào đoạt dù tiếp tế của địch để lấy đạn pháo, khắc phục kịp thời nạn "đói đạn" của các trận địa pháo và cối. Số đạn đoạt dù cướp được của địch hằng ngày lên tới hàng trăm viên, có ngày cao nhất 400 viên đại bác 105 mm và đạn súng cối các loại. Do đó việc chế áp trận địa pháo địch yểm trợ cho bộ binh chiến đấu trên hướng đông thêm phần thuận lợi.

Trước khi hội ý đánh giá kết quả tác chiến đợt 2, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp nhắc Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái chỉ thị cho các đơn vị mấy việc cần làm ngay:

1- Bộ Tư lệnh Đại đoàn 308 chỉ đạo Trung đoàn 36 rút kinh nghiệm ngay về trận tiêu diệt vị trí 106, vì bao vây đánh lấn là hình thức chiến thuật mới xuất hiện do trí thông minh sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ, một cách đánh rất phù hợp với phương châm đánh chắc tiến chắc. Đây là cách thu hẹp có hiệu quả phạm vi chiếm đóng của địch mà ta lại ít tổn thất về xương máu. Cần phổ biến rộng cho các đơn vị.

2- Thưởng cho Đại đội dũng sĩ 243 Huân chương Quân công hạng hai và chỉ thị cho Tiểu đoàn 11 cố giữ liên lạc và tìm mọi cách hỗ trợ anh em.

3- Biểu dương 304 về phong trào đoạt dù tiếp tế, đồng thời nhắc Tham mưu trưởng Nam Long liên lạc với Bộ Tư lệnh 351 để chuyển đạn chiến lợi phẩm cho các trận địa pháo sao cho phù hợp với nhiệm vụ và kế hoạch hỏa lực của các đơn vị pháo.

Phân tích tình hình đợt chiến đấu vừa qua, Bộ Chỉ huy nhận định rằng cán bộ chỉ huy đánh A1 có thể không nắm vững tình hình địch, không nắm vững bộ đội hoặc gặp một khó khăn nào đó nên chưa có khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Chỉ huy trưởng thấy trước khi sơ kết đợt 2 cần gặp các Trung đoàn trưởng 174 và 102 và một vài tiểu đoàn trưởng chủ công để tìm hiểu thêm tình hình thực tế và trực tiếp cùng anh em nghiên cứu cách đánh. Trước mắt, nên ra lệnh tạm ngừng cuộc tiến công, củng cố công sự, giữ vững phần sườn phía đông đồi A1 ta đang làm chủ, rút phần lớn bộ đội ra ngoài củng cố, chuẩn bị cho trận đánh sau.

Một lần nữa vấn đề tiếp tục đánh địch như thế nào lại không dứt khỏi dòng suy nghĩ của Chỉ huy trưởng. Ông Giáp nêu lên để mọi người trong Sở Chỉ huy cùng nghiên cứu, suy nghĩ. Phải làm sao tìm được một cách đánh thích hợp với tình hình hiện tại, thích hợp với sức khỏe và trình độ bộ đội, phải làm sao khoét sâu hơn nữa điểm yếu của địch, hạn chế chỗ mạnh của chúng, giảm nhẹ thương vong của bộ đội, đẩy dần địch đến chỗ nhất định bị tiêu diệt.

Sáng ngày 5-4, các Trung đoàn trưởng Hùng Sinh và Nguyễn Hữu An đã có mặt ở Sở Chỉ huy mặt trận. Thấy hai người mắt sâu trũng, dáng mệt mỏi nhưng ai cũng muốn được báo cáo ngay, Chỉ huy trưởng khuyên hai người tắm rửa, nghỉ ngơi, ăn uống cho lại sức, chiều sẽ làm việc. Qua cuộc trao đổi chiều hôm đó, hai trung đoàn trưởng mới biết rằng qua tin tức kỹ thuật cơ quan tham mưu chiến dịch nắm được thì địch gặp những khó khăn rất lớn về binh lực trong mấy ngày

đối phó với các trận tiến công của ta trên khu điểm cao phía đông. Vấn đề đặt ra là vì sao ta không dứt điểm được A1? Hùng Sinh và Hữu An báo cáo về cái hầm ngầm trên đỉnh đồi. Bộ đội không tiếp cận được cửa hầm vì pháo địch bắn chặn, chúng bắn cả lên nóc hầm. Mặt khác, bộ binh và xe tăng từ phía nam lên phản kích cộng với quân dù ở ngay khu phía đông cơ động lên tăng viện trong khi ta vừa tiến công ở A1 đồng thời phải đối phó với toàn bộ viện binh địch khiến chúng luôn ưu thế về binh lực và hỏa lực.

Như vậy, vấn đề A1 gặp khó khăn vì nhiều nguyên nhân. Quân ta nổ súng chậm nửa giờ khi pháo địch đã hoàn hồn, chúng dồn hỏa lực chặn quân ta từ ngoài tiền duyên khiến lực lượng ta bị tiêu hao ngay trên đường tiếp cận mục tiêu. Sau đó, trong quá trình xung phong, quân ta vấp phải hỏa điểm trong hầm ngầm. Khi trinh sát mục tiêu và đặt kế hoạch tác chiến, ta chưa nắm được cái hầm ngầm này. Cuối cùng là vấn đề chặn viện không có hiệu quả để hỗ trợ cho bộ đội tiến công. Chỉ huy trưởng chỉ thị cho Tham mưu trưởng chiến dịch thu thập thêm ý kiến anh em về dự hội nghị sơ kết để có cơ sở suy nghĩ về cách đánh sắp tới.

Một vấn đề Chỉ huy trưởng đặc biệt quan tâm là tình hình quân số và sức khoẻ bộ đội sau đợt 2. Những cơn mưa đầu mùa đã đến, sau những trận mưa nguồn là những ngày nắng dữ dội, không khí chiến trường oi ả, ngột ngạt. Sức khỏe bộ đội và quân số tham gia chiến đấu có chiều hướng giảm sút, đòi hỏi phải chỉ đạo chặt chẽ việc cải thiện sinh hoạt của bộ đội trong mùa mưa, nhất là đơn vị phía tây sống trong trận địa chiến hào giữa cánh đồng Mường Thanh. Vẫn còn có cán bộ quản lý bộ đội một cách tạm bợ, chưa chấm dứt tình trạng được anh em khái quát là khoét núi - ngủ hầm - mưa dầm - cơm vắt. Ông Giáp nhắc ông Lê Quang Đạo nghiên cứu biện pháp khẩn trương bình thường hoá sinh hoạt bộ đội 308 để rút kinh nghiệm cho toàn mặt trận. Đây thực sự là một cuộc đấu tranh về nhận thức và tư tưởng nhằm đề cao trách nhiệm đối với đời sống chiến sĩ. Còn có ý kiến cho rằng chiến đấu vốn đã là một hoạt động không bình thường, cho nên không thể có sinh hoạt bình thường ở trong chiến hào. Cần khẳng định: bộ đội chiến đấu liên tục gần nửa năm, chuyện không bình thường đã trở thành bình thường. Cho nên cần bình thường hoá sinh hoạt cho phù hợp với điều kiện chiến đấu kéo dài. Chỉ huy trưởng còn gợi ý Chủ nhiệm Hậu cần Đặng Kim Giang cho anh em quân y mặt trận đi tìm hiểu người già địa phương để biết về thời tiết Mường Thanh và dự kiến những biện pháp phòng bệnh trong mùa hè. Nói chuyện qua điện thoại với các bác sĩ Tôn Thất Tùng và Vũ Văn Cẩn, ông Giáp được biết chừng 67% số thương binh trong đợt vừa qua là thương binh nhẹ. Dự kiến khoảng từ nay đến cuối tháng 4, các trạm có thể trả dần về đơn vị chừng 5.000 bệnh binh và thương binh nhẹ. Ông Tùng cho biết thêm, anh chị em quân y, nhất là ở các trạm phẫu thuật đã vượt qua mọi khó khăn và làm những công việc vượt xa sức của mình để cứu chữa thương binh. Một ví dụ như trạm cấp cứu ở vùng Tuần Giáo, số thương binh lên tới 700 mà chỉ có 6 y sĩ, 20 hộ lý. Do thiếu người, không thể chia ca kíp, nên anh chị em - nhất là ở phòng mổ - rất mệt vì phải làm việc liên tục, nhưng tinh thần phục vụ thương binh thật tuyệt vời.

Mưa lũ ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch tiếp tế gạo, đạn. Theo dõi biểu đồ tiếp tế, Chỉ huy trưởng thấy có đêm gạo nhập kho không đầy một tấn. Ông Giáp đã dành mấy ngày liền họp với ông Đặng Kim Giang và các cán bộ cung cấp chủ chốt của mặt trận bàn cách đưa một số cán bộ xuống các tuyến dưới đôn đốc việc vận tải tiếp tế. Cũng trong dịp này, Chỉ huy trưởng biên thư động viên mọi tổ chức phục vụ chiến dịch, từ dân công sửa đường, cán bộ, nhân viên quân y, hộ lý, cấp dưỡng phục vụ thương binh, đến anh chị em thanh niên xung phong, thăm hỏi và động viên mọi người dốc sức hoàn thành nhiệm vụ, cùng bộ đội vượt qua mọi khó khăn thử thách, giành toàn thắng cho chiến dịch.

Hội nghị sơ kết đợt 2 chiến dịch diễn ra trong ba ngày từ ngày 6 đến ngày 8-4-1954. Trong báo cáo kết luận, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đánh giá: Quân ta đã tiêu diệt trên hai ngàn tên địch, trong đó có 1 tiểu đoàn và 9 đại đội tương đối nguyên vẹn bị tiêu diệt, đã chiếm được 4 trong 5 điểm cao ở phía đông là khu địa hình rất quan trọng, trực tiếp bảo vệ khu Sở Chỉ huy của địch, đã kiểm soát thêm một bộ phận cánh đồng Mường Thanh ở phía tây và phía bắc, tới sát sân bay của địch. "Nhìn chung thì chúng ta đã thực hiện được một phần lớn nhiệm vụ của đợt 2, nhưng vì có một số đơn vị không thành công cho nên nhiệm vụ chung thực hiện không đầy đủ".

Sau khi biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của cán bộ và chiến sĩ, phân tích bước tiến bộ về chiến thuật, kỹ thuật, bản báo cáo nêu lên những khuyết điểm và kinh nghiệm về xây dựng trận địa xuất phát xung phong, về đột phá và nhất là về chiến đấu trong tung thâm địch và đánh địch phản kích. Bản báo cáo đã nêu lên dẫn chứng cụ thể về những thiếu sót của cán bộ trong tổ chức chỉ huy, như điều tra tình hình địch, vấn đề nắm nguyên tắc tập trung ưu thế binh lực, nguyên tắc chuẩn bị đầy đủ trong đánh công kiên. Về nguyên nhân những khuyết điểm trên, báo cáo chỉ rõ: "Nguyên nhân chính là do cán bộ không chấp hành mệnh lệnh, có mệnh lệnh và chỉ thị cụ thể nhưng không triệt để chấp hành; do cán bộ nhiều khi chấp hành mệnh lệnh một cách quan liêu, không tự thân đi sát đơn vị để kiểm tra đôn đốc. Không những thế, nhiều đồng chí lại báo cáo sai sự thực, lại nói dối cấp trên, làm cho cấp trên không rõ tình hình và thiếu căn cứ xác thực để hạ quyết tâm. Truy nguyên đến cùng thì rõ ràng là do cán bộ chúng ta không nhận rõ trách nhiệm của mình đối với Đảng, với quân đội, với nhân dân. Thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu quyết tâm, tư tưởng lập trường không vững, đó là nguồn gốc của những khuyết điểm vừa qua".

Trước khi trình bày chủ trương tác chiến sắp tới, Chỉ huy trưởng phân tích thực tế chiến trường hiện nay đòi hỏi ta phải làm gì để hạn chế hơn nữa chỗ mạnh của địch, khoét sâu hơn nữa điểm yếu của chúng, tạo thế mới và lực mới để chuyển sang tổng công kích? Vấn đề mấu chốt là phải tiếp tục củng cố và phát triển trận địa tiến công và bao vây thật vững chắc, siết chặt hơn nữa vòng vây xung quanh tập đoàn cứ điểm, tạo điều kiện để áp sát các cứ điểm, từng bước tiêu diệt thêm một số vị trí của địch, phát huy mọi thứ hỏa lực hiện có để tiêu hao sinh lực địch rộng khắp, không ngừng thu hẹp vùng trời, tiến tới đánh chiếm sân bay, khống chế máy bay cả ngày và đêm, tranh đoạt dù tiếp tế, hạn chế tiến tới triệt hẳn tiếp tế và tăng viện của địch, hạn chế uy lực của không quân và pháo binh của chúng hơn nữa. Riêng với khu điểm cao phía đông, phải nghiên cứu cách đánh và chuẩn bị thật chu đáo mọi điều kiện để tiêu diệt nốt A1 và C1, làm chủ hoàn toàn khu phòng ngự then chốt này.

Sau đó Chỉ huy trưởng nói rõ quyết tâm không thay đổi của Đảng ủy là tiêu diệt bằng được tập đoàn cứ điểm, phổ biến chủ trương tác chiến sắp tới, nêu lên những điều kiện tất thắng, những khó khăn cần khắc phục[18] và chỉ ra những công tác cụ thể cần làm để bước vào đợt chiến đấu mới:

a- Tiếp tục xây dựng trận địa tiến công và bao vây, cải tạo địa hình để tiến thêm một bước thắt chặt vòng vây, nhằm triệt tiếp tế và tăng viện của địch, uy hiếp mạnh tung thâm hơn nữa, cắt đứt liên lạc giữa Mường Thanh và Hồng Cúm.

b- Về tác chiến, cần quan niệm rõ quá trình xây dựng trận địa tiến công và bao vây là quá trình chiến đấu với địch, bởi vậy phải sẵn sàng và kiên quyết đánh địch phản kích, giữ vững trận địa, đồng thời đẩy mạnh các hình thức hoạt động khác: bắn máy bay, khống chế không phận Điện Biên Phủ ngày và đêm; khống chế tiến tới phá hoại hoàn toàn sân bay; tranh đoạt dù tiếp tế, hạn

chế đi đến triệt hẳn nguồn tiếp tế và tăng viện của địch, làm cho chúng không có lương ăn, nước uống, không còn đạn dược, không được bổ sung quân số; tổ chức các đơn vị nhỏ bằng các loại hỏa lực, đánh tỉa tiêu hao địch rộng khắp; tiếp tục diệt một số vị trí địch (cần nghiên cứu kinh nghiệm đánh lấn của 308 ở vị trí 106).

c- Chấn chỉnh lực lượng, đề cao sức chiến đấu của bộ đội (bổ sung quân số, sắp xếp cán bộ, nhất là củng cố quyết tâm, nâng cao tinh thần chiến đấu của bộ đội).

d- Sơ kết và học tập kinh nghiệm kết hợp với việc kiểm điểm ưu, khuyết điểm.

đ- Cải tiến cấp dưỡng, cải thiện điều kiện sinh hoạt của bộ đội trong hầm hào, giữ vững quân số và sức khỏe của bộ đội để chiến đấu liên tục.

Từ thực tế hai đợt trước, để tạo điều kiện đầy đủ chuyển sang tổng công kích giành toàn thắng cho chiến dịch, bản báo cáo của Bộ Chỉ huy chiến dịch nhấn mạnh: "Một vấn đề mấu chốt là phải nâng cao và giữ vững quyết tâm, triệt để chấp hành mệnh lệnh, ra sức học tập kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, nâng cao tinh thần trách nhiệm, cán bộ phải tự thân đi xuống đơn vị để kiểm tra đôn đốc".

Ba ngày hội nghị đã mở ra một hướng đi mới. Nếu toàn bộ chủ trương tác chiến vừa phổ biến được coi như "một thang thuốc" mà Bộ Chỉ huy chiến dịch đã bốc trúng (như có cán bộ nói trong hội nghị), thì một trong mấy "vị thuốc" chủ yếu trong "thang thuốc" đó là vô hiệu hoá sân bay Mường Thanh. Tuy không còn máy bay hạ cánh, nhưng sân bay vẫn là một bãi thả dù được bảo vệ, là nơi hằng ngày tiếp nhận phần lớn đồ tiếp tế và quân tăng viện. Chỉ huy trưởng đã phân tích cho mọi người thấy phải kiên quyết cắt vĩnh viễn cái dạ dày của tập đoàn cứ điểm, đánh thẳng vào chỗ yếu cơ bản nhất của địch.

Ngày 16-4, ông giao cho Bộ Tư lệnh Đại đoàn 308 bản mệnh lệnh cụ thể về việc này. Mệnh lệnh xác định rõ: Tập trung lực lượng tiêu diệt cứ điểm 105 (bắc sân bay), giữ cứ điểm đó làm bàn đạp kiểm soát và phá hoại phần bắc của sân bay địch, đồng thời dùng lực lượng nhỏ, đánh lấn các cứ điểm 206 và 311A (tây và tây nam sân bay), tiến tới tiêu diệt hai cứ điểm này. Mệnh lệnh nhấn mạnh: Trận này rất quan trọng đối với sự phát triển của chiến dịch, vì vậy đại đoàn phải nhận rõ trách nhiệm, nhất định phải đánh cho thắng.

Ngày 18 cứ điểm 105 bị xoá sổ, 4 ngày sau đến lượt 206. Cả hai vị trí đều bị diệt bằng phương pháp đánh lấn. Đêm 22 vị trí 206 bị một đơn vị của Trung đoàn 36 diệt nhanh gọn tới mức (sau khi bị bắt làm tù binh), Đờ Caxtori vẫn cho rằng đây là một trận đánh kỳ lạ, hắn không biết 206 mất lúc nào và mất như thế nào. Sáng ngày 23 địch ở Mường Thanh còn mang lương thực, đạn dược ra tiếp tế cho 206 thì bị quân ta từ cứ điểm này chặn lại mới biết là vị trí đã mất. Trận tiêu diệt cứ điểm 206 được coi là trận đánh lấn điển hình trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Mất 105, 106 và 206, toàn bộ phần bắc và tây bắc sân bay bị uy hiếp, trong khi hai mũi đường hào của ta từ hai hướng đông và tây tiếp tục thọc thẳng vào sân bay. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch để làm chủ sân bay diễn ra vô cùng quyết liệt. Cuối cùng, ngày 22-4, sân bay bị cắt làm đôi, tạo nên một bước ngoặt mà báo chí Pháp và phương Tây coi là tồi tệ nhất trong trận chiến Điện Biên Phủ.

Suốt nửa cuối tháng 4, cục diện chiến trường Điện Biên Phủ mang một hình thái mới. Tuy không có những trận tiến công quy mô lớn nhưng cuộc đối mặt giữa ta và địch diễn ra không kém phần quyết liệt. Từng giờ, từng ngày, trên các hướng, các chiến hào của ta như những mũi khoan không ngừng nhích gần đến các vị trí còn lại của địch. Ngày càng thấy rõ nguy cơ bị bóp nghẹt,

địch điên cuồng phản ứng. Dây thép gai, bãi mìn được ken dày thêm. Những cuộc phản kích quyết liệt của địch diễn ra hằng ngày hòng lấp chiến hào và đẩy lui các đơn vị bộ đội ra xa các vị trí của chúng. Quân ta không những vừa tiếp tục phát triển trận địa bao vây, kiên quyết đẩy lùi các đợt phản kích của địch, mà còn đẩy mạnh phong trào bắn tỉa. Thư động viên của Chỉ huy trưởng chiến dịch gửi chiến sĩ toàn mặt trận đã làm dấy lên cuộc thi đua bắn tỉa săn Tây giữa các xạ thủ súng trường, súng máy, súng cối, sơn pháo, DKZ. Trong quá trình này, hình thành một cách tự nhiên sự phối hợp giữa một bên là các khẩu đội cao xạ kiên quyết diệt máy bay địch buộc chúng phải bay cao để thả dù tiếp tế với một bên là các phân đội bộ binh được phân công chuyên trách chiến đấu với địch để đoạt dù tiếp tế. Do ném ở độ cao lớn nên số dù hàng rơi vào trận địa của ta ngày càng nhiều[19]. Sau này, trong hồi ức, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: Hằng ngày, ở Sở Chỉ huy, khi nghe báo cáo số địch chết vì bị bắn tỉa, số lương thực, đạn dược của địch thả dù mà bộ đội ta đã đoạt được, tôi lại nghĩ, chúng ta đang cho kẻ địch nếm những đòn cay đắng nhất. Quả như vậy, với cách đánh này, ta đang giành thắng lợi mà không phí tổn nhiều xương máu của chiến sĩ, không phải tiêu thụ nhiều đạn dược. Mỗi thứ chiến lợi phẩm này đều có những tác động khác nhau, vừa khiến cho kẻ địch đã khốn khó càng khốn khó thêm, vừa mang lại những cái ta đang cần, sẽ biến thành sức mạnh của ta để tiếp tục giáng xuống đầu quân địch, lại đỡ công chuyên chở nhiều ngày trên những chặng đường lửa".

Cái mà Tổng Tư lệnh gọi là những "đòn cay đắng" ấy, sau này được tướng Pháp Yvơ Gra viết trong cuốn *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương* như sau: "Tập đoàn cứ điểm bị bóp nghẹt không phải chỉ vì tác động của lực lượng phòng không đối phương mà chủ yếu vì hoạt động của các đại đoàn Việt Minh dưới mặt đất, ngay sát vị trí Pháp. Các đại đoàn này không dùng phương pháp công kích ồ ạt mà dành ba tuần lễ để vây lấn liên tục nhằm siết chặt quân đồn trú trên một khoảng đất vuông mỗi chiều chừng 1 km. Từng điểm tựa bị quấn chặt bằng một hệ thống chiến hào, giống như một con côn trùng lọt giữa mạng nhện. Vị trí trở nên bị cô lập, phong tỏa và nhanh chóng bị bóp nghẹt vì thiếu đạn dược, thực phẩm và nhất là thiếu nước".

Bằng những hoạt động phong phú và rất sáng tạo trong suốt mấy tuần cuối tháng 4, quân ta đã tiếp tục hoàn tất nhiệm vụ đề ra cho đợt 2, tạo được thế trận hết sức có lợi để bước vào đợt chiến đấu mới. Địch phản ứng quyết liệt nhằm giành giật lại sân bay, nhưng - như cách diễn đạt của một số sử gia Pháp và phương Tây - những trận phản kích hòng chiếm lại Trung tâm đề kháng Huyghét đã cướp đi của Pháp những đơn vị ứng chiến cuối cùng.

Đúng vào những ngày này, Đảng ủy Mặt trận nhận được Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị họp ngày 19-4, nhan đề: *Tiếp tục thấu triệt phương châm đánh chắc tiến chắc, đề cao quyết tâm, tích cực giành toàn thắng cho Chiến dịch Điện Biên Phủ.* Sau khi biểu dương những thắng lợi của ta trong hai đợt tiến công vừa qua, phân tích nguyên nhân và những hạn chế thắng lợi đó, nhắc lại ý nghĩa rất quan trọng của Chiến dịch Điện Biên Phủ, nghị quyết chỉ rõ: Các cấp ủy, các đảng viên và toàn thể cán bộ phải:

a- Nhận rõ những thắng lợi của hai đợt tấn công của quân ta vừa qua, nhận rõ những khả năng của quân đội và nhân dân ta hiện nay có đủ điều kiện tiêu diệt toàn bộ quân địch, đồng thời nhận rõ những khó khăn của ta về tư tưởng, về tác chiến, về cung cấp.

Những khó khăn đó một phần do địch gây nên vì địch cũng nhận rõ chiến dịch này có quan hệ đối với toàn bộ cục diện chiến tranh xâm lược của chúng, và được Mỹ giúp đỡ, chúng còn cố sống, cố chết chống giữ. Nhưng đó là những khó khăn ta hoàn toàn có khả năng khắc phục được.

b- Ra sức khắc phục tư tưởng hữu khuynh, củng cố và đề cao quyết tâm, đề cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, quân đội và Đảng, kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm vừa qua, tiếp tục thấu triệt phương châm đánh chắc, tiến chắc, đồng thời tích cực tranh thủ thời gian, triệt để chấp hành mệnh lệnh, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ, giành toàn thắng cho chiến dịch này.

3- Toàn dân, toàn Đảng và Chính phủ nhất định đem toàn lực chi viện Chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch này"[20].

Cùng ngày, Bí thư Đảng ủy Võ Nguyên Giáp nhận được thư của Tổng Bí thư Trường Chinh, cho biết Bộ Chính trị nhất trí với sự đánh giá tình hình và chủ trương tác chiến sắp tới của Đảng ủy Mặt trận. Bức thư phân tích thêm về âm mưu hiện nay của đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ và cho biết Bộ Chính trị đang đôn đốc Hội đồng Cung cấp và các địa phương tiếp tục động viên nhân lực, vật lực đáp ứng yêu cầu của tiền tuyến để quân ta giành toàn thắng cho chiến dịch.

Hồi tưởng lại sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng đối với bộ đội ngoài tiền tuyến trong đông - xuân 1953-1954 và riêng Chiến dịch Điện Biên Phủ, sau này Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Từ đầu chiến dịch, Trung ương và Chính phủ đã tập trung lãnh đạo quân đội và nhân dân thực hiện kế hoạch tiến công đông - xuân. Trung ương chưa hề bỏ qua bất cứ một yêu cầu nào dù là hết sức khó khăn của tiền tuyến. Sự chăm lo đặc biệt của Trung ương, của toàn Đảng, toàn dân đối với Điện Biên Phủ khiến cho chúng tôi càng nghĩ đến trách nhiệm của mình".

Nghị quyết của Bộ Chính trị và bức thư của Tổng Bí thư Trường Chinh không những chỉ ra hướng đi cho toàn quân mà còn thực sự tiếp sức cho tướng lĩnh ta trên toàn mặt trận bước vào đợt chiến đấu quyết định cuối cùng.

40- Chọn thời cơ dứt điểm

Sau này, qua sách báo của Pháp và phương Tây, ta mới biết vào những ngày cuối tháng 4 này, do bị quân ta dồn ép quá chặt trên một diện tích chỉ khoảng 1 km^2, nên quân Pháp đã ở vào tình thế mà tướng Pháp Đờ Caxtori[21] thú nhận là "không còn chịu đựng nổi".

Sân bay bị mất, pháo cao xạ của ta kiểm soát bầu trời, việc tăng viện tiếp tế trở nên hết sức khó khăn. Toàn tập đoàn cứ điểm chỉ còn một tiểu đoàn duy nhất được coi là "nguyên vẹn" đang giữ khu đồi C, đó là Tiểu đoàn dù lê dương 2BEP với quân số chừng 400. Theo Giuyn Roa, "tất cả các tiểu đoàn đều đã gục, mỗi tiểu đoàn chỉ còn 1/4 quân số" cho nên không những việc phản kích chiếm lại các điểm cao đã mất (kể cả cứ điểm 206 xung yếu sát sân bay) không còn được đặt ra mà sự tồn tại của tập đoàn cứ điểm cũng "không thể tính bằng tuần nữa mà phải tính bằng ngày". Tướng Cônhi đã trả lời Tướng Nava rằng ông ta không thể tiếp tục đưa thêm những đơn vị quân dù "đi vào chỗ chết". Ngày 1-5, trong toàn tập đoàn cứ điểm chỉ còn ba ngày lương thực, 275 viên đạn pháo 155 mm, 14.000 viên pháo 105 mm và 5.000 viên đạn súng cối 120mm. Lăngle và Bigia được lệnh của Đờ Caxtori củng cố thế phòng ngự, ráng sức chờ các kế hoạch ứng cứu từ bên ngoài. Trong cuốn *Trận Điện Biên Phủ,* Giuyn Roa trích lời Đại tá Lăngle động viên đồng bọn: "Phải giữ vững. Bên kia họ cũng kiệt quệ như chúng ta rồi".

Quân Pháp ở Điện Biên Phủ không hề biết rằng, do nhiều lý do, mọi kế hoạch ứng cứu và giải vây đều không có khả năng biến thành hiện thực[22]. Trong khi đó thì, về phía ta, mọi mặt hoạt động đều nhằm khẩn trương chuẩn bị cho đợt tiến công cuối cùng.

Trong quá trình chỉ đạo chuẩn bị đợt tiến công thứ 3, điều quan tâm của Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp là hiện tượng mới, không bình thường, xuất hiện trong một số cán bộ trong đợt tiến công khu các điểm cao phía đông. Đó là những biểu hiện tiêu cực, như ngại hy sinh, gian khổ, chấp hành mệnh lệnh không nghiêm, cá biệt có cán bộ bỏ nhiệm vụ giữa trận đánh. Trong thư gửi phái viên Hoàng Tùng mang về hậu phương báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Mặt trận Võ Nguyên Giáp đã phản ánh hiện tượng không bình thường đó. Hội nghị ngày 19-4 của Bộ Chính trị đã ra nghị quyết chỉ rõ bộ đội Điện Biên Phủ phải ra sức khắc phục tư tưởng hữu khuynh, củng cố và đề cao quyết tâm, đề cao tinh thần trách nhiệm, triệt để chấp hành mệnh lệnh, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, giành toàn thắng cho chiến dịch.

Sau khi nhận được Nghị quyết của Bộ Chính trị, Bí thư Tổng Quân ủy kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận Võ Nguyên Giáp triệu tập Hội nghị các bí thư đại đoàn ủy, các đồng chí phụ trách ba cơ quan Tham mưu, Chính trị và Cung cấp mặt trận, triển khai đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt trong ba ngày, từ ngày 27 đến ngày 29-4. Đây không phải là cuộc hội nghị thông thường mà là một cuộc đấu tranh phê bình, tự phê bình nhằm kiểm điểm và chấn chỉnh tư tưởng chỉ đạo, chủ yếu là khắc phục tư tưởng hữu khuynh, tiêu cực, tồn tại ngay trong những người chịu trách nhiệm nặng nhất về kết quả cuối cùng của cuộc đấu trí, đấu lực với kẻ thù trên chiến trường Điện Biên Phủ.

Phần lớn các đồng chí có mặt trong cuộc họp tại Sở Chỉ huy Mường Phăng sáng ngày 27-4 là những người đã cùng ông Võ Nguyên Giáp nằm gai nếm mật từ những ngày cách mạng còn trong bóng tối, những ngày lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam còn là "đội quân thơ ấu". Hôm nay, chịu trách nhiệm cao nhất trước Đảng, trước nhân dân và quân đội về kết quả chiến dịch quan trọng này, ông đã chân thành nói với những người bạn chiến đấu của mình những điều cần nói, với tinh thần dĩ công vi thượng như Cụ Hồ đã dạy 10 năm trước khi Cụ chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Sau hai ngày, từng người tự kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Bộ Chính trị và thư của Tổng Bí thư Trường Chinh, ngày 29 Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp đọc bản báo cáo kết luận đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt của cán bộ chủ chốt của mặt trận. Bản báo cáo không chỉ tổng hợp nội dung kiểm điểm của từng người tham gia hội nghị mà còn gắn với thực tế tình hình tư tưởng tồn tại nghiêm trọng trong hàng ngũ cán bộ đang cản trở toàn quân trên bước đường tiến lên giành toàn thắng cho chiến dịch, đồng thời vạch ra cho mọi người thấy phương hướng và biện pháp khắc phục để tạo nên một chuyển biến mới về chính trị - tư tưởng trước khi bước vào đợt chiến đấu cuối cùng tại Mặt trận Điện Biên Phủ.

Bản báo cáo khẳng định thắng lợi của quân ta trong hai đợt tiến công vừa qua là rất to lớn, quân địch đang lâm vào tình thế hết sức khó khăn. Thắng lợi đó chứng minh sự chỉ đạo của Trung ương và Tổng Quân ủy là chính xác, đồng thời cũng chứng minh bước trưởng thành rõ rệt của bộ đội. Nhưng Điện Biên Phủ là một chiến dịch rất quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến cục diện chiến tranh Đông Dương và đến âm mưu lâu dài của đế quốc Pháp - Mỹ, nên quân địch còn dốc sức đối phó quyết liệt. Chúng sẽ cố gắng duy trì tiếp tế và tăng viện, đẩy mạnh hoạt động của không quân và pháo binh, tăng cường lực lượng phản kích, tranh đoạt từng thước đất trong các cuộc tiến công của ta. Tin tức thu lượm được cho thấy cũng không loại trừ khả năng chúng mạo hiểm lần cuối cùng, điều động lực lượng từ nơi khác đến, đột phá vòng vây hòng giải tỏa cho đồng bọn đang bị trói chặt trong lòng chảo Mường Thanh. Trung ương đã lường trước mọi thủ đoạn của địch và khẳng định quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Bộ Chính trị kêu gọi toàn thể cán bộ và đảng viên ở các đơn vị và cơ quan phải nhận rõ vinh dự và trách nhiệm nặng nề trong chiến dịch lịch sử này, tích cực phát huy tinh thần chiến đấu anh dũng và chịu đựng gian khổ giành toàn thắng cho chiến dịch.

Sau khi phân tích vì sao phải tiếp tục quán triệt phương châm *đánh chắc tiến chắc* và nhận định: Chúng ta đã tạo được điều kiện căn bản để giành thắng lợi cho chiến dịch, Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp nói: Nhiệm vụ trước mắt của quân ta là tích cực tranh thủ thời gian, giành lấy một thắng lợi quyết định để chuyển sang tổng công kích và trên cơ sở thắng lợi đó, giành toàn thắng cho chiến dịch.

Chúng ta có đầy đủ điều kiện để làm tròn nhiệm vụ đó hay không ? Trả lời: Tất cả mọi điều kiện đều đầy đủ, nhưng hiện còn có một trở ngại rất lớn, rất nguy hiểm ngăn cản chúng ta thực hiện nhiệm vụ. Trở ngại đó là tư tưởng hữu khuynh tiêu cực nghiêm trọng hiện đang hoành hành trong các cấp ủy và cán bộ chúng ta. Nếu chúng ta không đập tan tư tưởng hữu khuynh tiêu cực đó thì sự hoàn thành nhiệm vụ vinh quang của chúng ta sẽ rất khó khăn.

Bí thư Tổng Quân ủy Võ Nguyên Giáp lý giải tư tưởng hữu khuynh tiêu cực là gì, nó biểu hiện trong quân đội như thế nào?

Tư tưởng hữu khuynh tiêu cực là tư tưởng thù địch, chống lại tư tưởng cách mạng của Đảng, ngăn cản quân đội hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Trong quân đội, tư tưởng đó biểu hiện dưới nhiều hình thức: Một là, dao động, sợ khổ, sợ khó, sợ chết, sợ thương vong, sợ tiêu hao mệt mỏi, thiếu tinh thần khắc phục khó khăn, tinh thần tích cực tiêu diệt địch, tinh thần đấu tranh với những sai lầm của bản thân và của đồng chí, đồng đội. Hai là, chủ quan khinh địch, chủ quan tự mãn, quan liêu đại khái, biểu hiện trong việc chấp hành nhiệm vụ chiến đấu, thiếu tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh, không tôn trọng và kiên trì thực hiện mệnh lệnh cấp trên. Kết quả là không một nhiệm vụ nào[23] thực hiện được đầy đủ và đúng thời gian như trong mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Ba là, không nắm vững chính sách cán bộ, chấp hành kỷ luật không nghiêm minh, không chú trọng phát triển đảng và dựa vào cơ sở đảng để động viên và lãnh đạo bộ đội chiến đấu.

Báo cáo của Tổng Quân ủy khẳng định: Tư tưởng hữu khuynh tiêu cực hiện đang phổ biến trong các đơn vị tham gia chiến dịch nhưng nghiêm trọng nhất là ở cấp đại đoàn, trung và tiểu đoàn. Trách nhiệm của cấp ủy đại đoàn, trung và tiểu đoàn rất nặng. Hiện nay trong các cấp ủy đó vẫn tồn tại tư tưởng hữu khuynh tiêu cực cho nên phải coi tư tưởng hữu khuynh tiêu cực của các cấp ủy đó là đối tượng đấu tranh chủ yếu trong lúc này. Cấp ủy đại đoàn có nhiệm vụ lãnh đạo hàng vạn quân, cấp ủy trung đoàn có nhiệm vụ lãnh đạo hàng mấy ngàn quân, liên chi ủy tiểu đoàn có nhiệm vụ lãnh đạo hàng mấy trăm quân. Nếu chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên bị tư tưởng hữu khuynh tiêu cực ở cấp đại đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn cản trở, không quán triệt được xuống dưới thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự hoàn thành nhiệm vụ của tất cả các đơn vị. Bằng một giọng chân thành thẳng thắn, Bí thư Tổng Quân ủy nói với các bí thư đại đoàn ủy có mặt trong hội nghị: Các đồng chí có trách nhiệm rất lớn, nhưng các đồng chí lại không nhận rõ trách nhiệm của mình, không phân biệt trách nhiệm của từng cấp nặng nhẹ khác nhau như thế nào. Cho nên trong bản tự phê bình của các đảng ủy, tuy các đồng chí đã tự kiểm điểm tương đối thành khẩn và vạch ra những hiện tượng hữu khuynh tiêu cực, nhưng các đồng chí còn nói nhiều đến tư tưởng hữu khuynh tiêu cực trong toàn đơn vị mà không đi sâu vào tư tưởng hữu khuynh tiêu cực trong đảng ủy đại đoàn và ngay bản thân các đồng chí bí thư đảng ủy. Như vậy chứng tỏ rằng tinh thần tự phê bình bônsêvích, tinh thần đấu tranh với những sai lầm của mình còn thiếu ở ngay đảng ủy đại đoàn. Đó là một biểu hiện nữa của tư tưởng hữu khuynh. Đặc biệt đối với vấn đề chấp hành mệnh lệnh không triệt để, không nghiêm túc, không đúng thời gian, nghĩa là đối với những biểu hiện thực tế nhất, cụ thể nhất và nghiêm trọng nhất của tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, thì bản

kiểm thảo của các đồng chí lại không vạch ra, không phân rõ trách nhiệm, chỉ phê phán một cách qua loa xong chuyện, nhận lỗi của mình nhưng lại biện bạch và đổ lỗi cho cấp trên.

Sau khi phân tích nguyên nhân chủ yếu làm cho tư tưởng hữu khuynh tiêu cực hiện tồn tại nghiêm trọng trong Đảng và trong quân đội là do thiếu sót của chúng ta về mặt giáo dục và đấu tranh nội bộ, bản báo cáo của Tổng Quân ủy khẳng định phải kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, phát huy tinh thần tích cực cách mạng và nâng cao quyết tâm tiêu diệt địch. Thái độ chiến đấu của chúng ta đối với quân địch ở Điện Biên Phủ như thế nào thì thái độ đấu tranh của chúng ta đối với tư tưởng hữu khuynh tiêu cực cũng phải kiên quyết như thế, đấu tranh đến cùng, tìm nó ở tất cả những nơi nào nó có thể ẩn náu, bài xích đến cùng, không nhân nhượng, không thỏa hiệp, không dung túng, không dĩ hòa vi quý. Dĩ hòa vi quý là tự do chủ nghĩa, không tha thiết với thắng lợi của quân đội, với lợi ích của Đảng.

Để đợt sinh hoạt chính trị đột xuất và đặc biệt quan trọng này đạt kết quả mong muốn ở tất cả các cấp, nhất là trong hàng ngũ cán bộ trung, cao cấp, bản báo cáo của Tổng Quân ủy chỉ ra phương hướng lãnh đạo chung của đảng ủy các đại đoàn trong đợt sinh hoạt là: Công tác động viên giáo dục, việc chấp hành chính sách cán bộ, chấp hành chính sách kỷ luật, công tác chi bộ trong lúc này đều có nhiệm vụ bảo đảm cho cuộc đấu tranh chống hữu khuynh tiêu cực thành công.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kết thúc bản báo cáo trước những người bạn chiến đấu của mình bằng những lời tâm huyết: "Trong hội nghị này, chúng ta là những đồng chí phụ trách của Đảng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta càng phải làm gương mẫu tự phê bình và phê bình thành khẩn và nghiêm chỉnh đối với những tư tưởng sai lầm. Chúng ta cần phải tiến hành cuộc đấu tranh nội bộ để đi tới thực hiện sự đoàn kết nhất trí giữa các cấp ủy phụ trách, làm cơ sở để mở rộng cuộc phê bình và tự phê bình, để tăng cường niềm tin tưởng và phấn khởi, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong toàn quân, đoàn kết trên mục đích tối cao trong chiến dịch này là tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Vì vậy, thắng lợi của cuộc hội nghị này là một thắng lợi lớn đặt cơ sở cho những thắng lợi sắp tới trong cuộc chiến đấu với quân địch.

Tổng Quân ủy tha thiết mong rằng cuộc hội nghị này sẽ đánh dấu một bước tiến bộ quan trọng trong quá trình khắc phục tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, những tư tưởng không vô sản trong hàng ngũ của Đảng và của quân đội, sẽ gây một không khí phấn khởi và hăng hái sâu rộng trong Quân đội nhân dân chúng ta. Nêu cao tinh thần tích cực cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng liên tục chiến đấu, nêu cao tinh thần trách nhiệm và triệt để chấp hành mệnh lệnh, nêu cao quyết tâm tiêu diệt địch, đó là một nhân tố quan trọng để bảo đảm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ, giành toàn thắng cho chiến dịch, bảo đảm cho việc hoàn thành nhiệm vụ vinh quang do Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch giao phó cho chúng ta.

Tổng Quân ủy mong toàn thể cán bộ và đảng viên chúng ta kiên quyết vượt mọi khó khăn gian khổ, chấp hành đúng chỉ thị của Bộ Chính trị và Hồ Chủ tịch, tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Hội nghị kết thúc, Bí thư Tổng Quân ủy nhận thấy một không khí khác hẳn, ai nấy đều tỏ ra lạc quan và tin tưởng. Đêm đó ông giữ các bí thư đại đoàn ủy ở lại Sở Chỉ huy, gặp và hướng dẫn việc triển khai đợt sinh hoạt chính trị, trao đổi về nhiệm vụ sắp tới và phương hướng khắc phục những khó khăn của đơn vị trước khi bước vào đợt chiến đấu cuối cùng. Ông nhấn mạnh: Chúng ta đang chiến đấu với giặc ở tiền tuyến, vì vậy việc chỉ đạo triển khai cuộc sinh hoạt chính trị này phải biết tranh thủ thời gian và kết hợp rất chặt chẽ với nhiệm vụ tác chiến, phục vụ ngay cho nhiệm vụ tác chiến. Các đại biểu dự Hội nghị Giơnevơ đã tề tựu ở Thụy Sĩ. Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương có thể bắt đầu ngày một ngày hai. Thời gian rất gấp. Chỉ còn vài ngày nữa, đợt

chiến đấu mới sẽ bắt đầu. Chiến trường phải giành thắng lợi quyết định, làm hậu thuẫn cho phái đoàn ta ở hội nghị.

Đêm đó, Chánh Văn phòng Tổng Quân ủy Nguyễn Văn Hiếu chong đèn ghi lại bản báo cáo kết luận. Viết được từng phần, ông lại đánh thức ông Giáp dậy thông qua, sửa chữa rồi cho đánh máy[24]. Sáng hôm sau, khi cán bộ các đại đoàn trở về đơn vị cùng với bản tài liệu, một số phái viên chính trị được Chủ nhiệm Lê Liêm phái xuống giúp các đơn vị triển khai đợt sinh hoạt chính trị cấp tốc. Do "bốc đúng thuốc", đợt học tập chính trị diễn ra ngắn gọn nhưng đã sớm tạo nên một khí thế mới trong tất cả các đơn vị và thực tế đã cho thấy, khí thế đó là một trong những yếu tố quyết định số phận của chừng một vạn tên địch còn lại trong lòng chảo Mường Thanh.

Sau này nhớ lại, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá: Đợt học tập chính trị đã mang lại cho mọi người niềm tin vững chắc ở thắng lợi. Đây là một thành công rất lớn của công tác chính trị trên Mặt trận Điện Biên Phủ, một trong những thành công của công tác chính trị trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta.

Ba cơ quan chiến dịch chỉ đạo công tác chuẩn bị đợt 3 rất chu đáo. Cuộc giao ban cuối cùng trước ngày nổ súng cho thấy: chưa lúc nào kho cung cấp lương thực, thực phẩm của mặt trận "giàu" như lúc này. Qua mấy ngày "đói đạn" hồi cuối đợt 2, giờ đây lượng đạn pháo do máy bay địch "tiếp tế" cho ta khá dồi dào. Chúng vẫn tiếp tục thả dù và cuộc tranh đoạt dù vẫn là công việc hằng ngày rất hấp dẫn đối với Trung đoàn 57. Một tiểu đoàn DKZ 75 và một tiểu đoàn hỏa tiễn 6 nòng (H6) vừa xây dựng xong sẽ được tung vào đợt chiến đấu quyết định này. Về phía bộ đội, tổ chức biên chế các đơn vị đã củng cố và bổ sung đầy đủ quân số. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tiễu phỉ, Trung đoàn 9 đã trở lại Điện Biên Phủ trong đội hình chiến đấu của Đại đoàn 304. Các chiến trường phối hợp tiếp tục hoạt động rộng khắp. Lực lượng vũ trang đồng bằng sông Hồng vẫn nhằm vào hai con đường chiến lược số 5 và số 1 mà hoạt động rất mạnh và có hiệu quả. Binh lực địch không ngừng bị căng kéo, trong khi Nava chỉ còn một tiểu đoàn lính dù cuối cùng. Khả năng tăng viện cho Điện Biên Phủ đã hạn chế đến mức thấp nhất kể từ đầu chiến dịch.

Cùng với việc giao nhiệm vụ cho các Đại đoàn 312 và 308 đánh chiếm thêm một số cứ điểm ở phía tây và phía đông, tiêu diệt thêm sinh lực địch, thu hẹp hơn nữa phạm vi chiếm đóng của chúng, tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích[25], Chỉ huy trưởng chiến dịch nhấn mạnh nhiệm vụ chưa hoàn thành của 316 trong đợt 2 là phải tiêu diệt các điểm cao A1, C1 và C2. Đại đoàn trưởng Lê Quảng Ba rất phấn khởi khi nhiệm vụ quan trọng này lại được Bộ Chỉ huy chiến dịch giao cho Đại đoàn 316. Ông có dịp "thổ lộ" với Đại tướng Chỉ huy trưởng:

- Báo cáo anh, từ sau trận đánh bất thành của 174 (và của cả 102), A1 đã trở thành điều nhức nhối đối với chúng tôi suốt một tháng qua.

Được biết, Lê Quảng Ba đã tìm gặp đồng bào địa phương hỏi về cái gọi là "hầm ngầm" trên đồi A1. Có thể đó chỉ là căn hầm trước đây quân Nhật xây để tránh máy bay Đồng minh, được quân Pháp cải tạo lại thành hầm ngầm với lớp đất rất dày bên trên nên tương đối kiên cố. Đại đoàn trưởng lại được nghe câu chuyện "đánh độn thổ" của một tân binh Bắc Ninh. Ông cùng Chính ủy Chu Huy Mân trao đổi và thống nhất ý kiến đề đạt với trên về cách đánh A1. Từ giữa tháng 4, trên cơ sở dự kiến nhiệm vụ của các đại đoàn, ông Văn và ông Thái đã dành thời gian nghe Đại đoàn trưởng 316 nói về "chiếc hầm kiên cố" trên đỉnh A1 và đề đạt phương án đào hầm vào thẳng "ruột" điểm cao A1 để đưa một lượng bộc phá lớn vào. Dự kiến phải mất nửa tháng. Trung đoàn trưởng công binh Phạm Hoàng đã hứa với Bộ Chỉ huy sẽ cử cán bộ xuống hỗ trợ về kỹ

thuật đào hầm sao cho đúng hướng, đặc biệt là sẽ kiếm đủ lượng thuốc nổ cho 316. Công binh có một "kho dự trữ" ở chiếc máy bay ném bom mới bị bắn rơi. Mấy quả bom còn nguyên vẹn, công binh chưa kịp tháo để lấy thuốc nổ. Khi thông qua kế hoạch đánh A1, Chỉ huy trưởng nhắc Đại đoàn trưởng 316 chú ý cho đào một đường hào men theo đường số 41, giữa A1 và A3, cắt đứt đường tăng viện và phản kích của địch. Ông nhấn mạnh: 174 chỉ bắt đầu tiến công khi việc chuẩn bị đường hầm xuyên vào ruột A1 cũng như đường hào cắt rời A1 và A3 đã đào xong.

Do những khó khăn không lường trước nên đến ngày 1-5, đường hào A1 vẫn chưa hoàn thành, Chỉ huy trưởng quyết định cứ ra lệnh bắt đầu đợt 3.

18 giờ, trận pháo hỏa chuẩn bị kéo dài gần một giờ vừa chấm dứt, các đơn vị đồng loạt nổ súng. Chỉ huy trưởng và Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái có mặt trong hầm trực ban tác chiến trực tiếp theo dõi diễn biến hoạt động của các đơn vị. Do chuẩn bị trước, vận dụng kinh nghiệm đánh lấn của Trung đoàn 36, Trung đoàn 88 diệt gọn cứ điểm 311A trong vòng nửa giờ. Bên hướng đông, đến khoảng nửa đêm, Trung đoàn 98 dứt điểm vị trí C1 rồi nhanh chóng củng cố trận địa sẵn sàng đánh địch phản kích. Thế là cuối cùng quân ta đã giành thắng lợi sau hơn một tháng giành giật quyết liệt với địch trên điểm cao này. Nhưng lần này mất C1, địch không còn sức phản kích, mặc dù đồng bọn trên điểm cao C2 phải đối mặt trực tiếp với nòng pháo không giật của ta vừa xuất hiện ngay sát sườn đông bắc, ngay trên vị trí vừa bị tiêu diệt. Sát phía sông Nậm Rốm, Trung đoàn 209 dứt điểm hai vị trí 505 và 505A trước khi trời sáng. Trung tâm đề kháng Đôminích bị xóa sổ. Dưới phía nam, do sức ép của Trung đoàn 57, quân địch ở khu C trung tâm đề kháng Hồng Cúm phải rút chạy. Ngay trong đêm đầu của đợt 3, phạm vi chiếm đóng của địch đã bị thu hẹp thêm một bước quan trọng. Ngoài hỏa lực của khẩu Bôpho bốn nòng ở bên kia sông Nậm Rốm bắn như vãi đạn lên yểm trợ một cách tuyệt vọng cho đồng bọn ở khu điểm cao phía đông, không một hướng nào có tiếng súng địch phản kích.

Sau này được biết, ngay sáng hôm sau, 2-5, Tướng Nava bay ra Hà Nội. Tổng Chỉ huy Pháp không đồng tình với đề nghị của Cônhi mở cuộc hành binh ra hậu phương của ta hòng đỡ đòn cho Điện Biên Phủ. Không chỉ vì thiếu binh lực mà chính vì không còn triển vọng cứu vãn được tình hình ở Mường Thanh. Thấy tập đoàn cứ điểm không đủ sức tồn tại đến ngày Hội nghị Giơnevơ bắt đầu bàn về vấn đề Đông Dương, Nava quyết định cho phép bỏ lại bọn lính bị thương, số sống sót tự lực phá vây "mở một đường máu" chạy sang Thượng Lào. Đờ Caxtơri được quyền quyết định thời gian và phương thức hành động. Kế hoạch tháo chạy cuối cùng mang mật danh Chim biển (Opération Albatros). Theo kế hoạch này, một tiểu đoàn được thả xuống Mường Thanh hỗ trợ cho quân đồn trú giải vây và dựa vào hành lang chừng hai tiểu đoàn (sẽ được rải ra trong khu vực Nậm Nưa, Mường Nhạ, Nậm Hợp) để cố nhích dần về hướng tây. Sau khi kế hoạch này được thông báo cho Tướng Đờ Caxtơri (ngày 4-5), bọn chỉ huy tập đoàn cứ điểm họp quyết định dùng số quân sẽ được tăng viện để thay quân và củng cố thế bố trí trên điểm cao A1 - chỗ dựa cuối cùng để tồn tại, đồng thời quyết định nhanh chóng "xốc" lại lực lượng còn chiến đấu được để phá vòng vây vào đêm 7-5. Trong cuộc họp, mặc dù nhiều viên chỉ huy cho rằng chỉ chừng 10% trong số hơn 5.000 quân còn lại được coi là "còn chiến đấu được" có thể thoát chết khi phá vây nhưng cuối cùng cũng không còn đủ sức chạy được quá 10 km. Triển vọng sống sót của bọn phá vây rất mong manh, nhưng bàn đi tính lại không còn lối thoát nào khác. Theo đánh giá của các ký giả và sử gia Pháp và phương Tây, khi kế hoạch Chim biển được phổ biến cho Đờ Caxtơri và một tiểu đoàn dù được ném nhỏ giọt xuống Mường Thanh thì tập đoàn cứ điểm như một miếng da lừa phơi khô, đã teo lại mỗi chiều ngót 1 km, một không gian "đầy thử thách đối với mọi phi công dù tài ba nhất" trong nhiệm vụ thả dù tiếp tế và tăng viện. Tập đoàn cứ điểm đang "đứng trước giờ báo tử".

Ngày 6-5, cơ quan tham mưu báo cáo với Chỉ huy trưởng: hầm đào xuyên vào lòng đất A1 đã hoàn thành, thuốc nổ đang được chuyển vào. Trải qua hơn nửa tháng, gần 30 cán bộ, chiến sĩ công binh đã triển khai công trình này ngay trong tầm súng và lựu đạn của địch. Anh em đã phải vượt qua những khó khăn tưởng chừng như không vượt nổi để có ánh sáng và dưỡng khí, để đào đúng hướng, vì càng vào sâu từ trường bị nhiễu, không dùng được địa bàn, nhất là để giữ bí mật ý định tác chiến và phải sẵn sàng chiến đấu chặn địch từ trên đỉnh đổ tràn xuống cửa hầm.

Trưa hôm đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên núi phía sau Sở Chỉ huy Mường Phăng, dùng ống nhòm quan sát chiến trường lần cuối trước khi quyết định chuyển sang tổng công kích. Thế trận hai bên sát nhau tới mức dù dùng ống nhòm bội số lớn cũng khó phân biệt ranh giới giữa ta và địch. Trưởng ban Trinh sát mặt trận Cao Pha cố giúp Chỉ huy trưởng trong việc này. Từ nhiều hướng trên cánh đồng, các chiến hào của quân ta đã tiến vào chỉ còn cách Sở Chỉ huy của Tướng Đờ Caxtơri chừng 500 m. Từ hướng đông có tin báo cáo về: công việc chuẩn bị chiến đấu trên A1 - cái đinh của tập đoàn cứ điểm - đã hoàn tất. Ông Giáp nhận thấy lúc này quân ta đã có đầy đủ điều kiện để dứt điểm trước ngày Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc[26].

20 giờ ngày 6-5, đợt pháo hỏa chuẩn bị kéo dài gần một giờ có sự tham gia của Tiểu đoàn hỏa tiễn H6, nhằm chủ yếu vào hai điểm cao A1, C2 và cứ điểm 310 - được coi là con mắt của Phân khu Trung tâm. Trước đó, cơ quan tham mưu báo cáo với Chỉ huy trưởng rằng khối bộc phá chừng 1.000 kg sẽ gây nên một tiếng nổ lớn, làm hiệu lệnh cho toàn mặt trận đêm đó. Bộ đội trên các vị trí xuất phát xung phong đều được lệnh đề phòng sóng xung kích và ánh chớp từ A1 phát ra. Nhưng vào khoảng 20 giờ 30 phút, khối bộc phá chỉ phát ra một tiếng nổ nặng trịch, khói phụt lên cao và tạo nên một cảm giác như động đất nhẹ trong vài giây. Một sĩ quan Pháp - người trong cuộc - sau này kể lại: "Mọi người nghe thấy một tiếng gì đó như sấm dưới chân, làm rung chuyển đất ở trong lòng đỉnh đồi. Tiếng sấm rền lan rộng. Mặt đất trồi lên đột ngột như nắp vung chiếc nồi hơi. Một thứ hơi nóng lan ra, những tảng đất nặng hàng tấn, quyện trong những dòng thác lũ lửa bị hất tung lên cao. Đỉnh đồi Eliane 2 vụt biến đi như bị núi lửa phá. Những tảng đất, những mảnh xác người, những mảnh kim loại, đá sỏi, bêtông rơi xuống tới tấp"[27].

Lợi dụng thời cơ địch choáng váng, sau đợt chế áp ngắn của pháo trung đoàn, bộ đội 174 từ hai hướng tây nam và đông nam xung phong lên cứ điểm. Bị dồn ép giữa hai gọng kìm, bọn địch sống sót ở A1 cố dựa vào công sự còn lại để chống trả quyết liệt, với hy vọng có quân tăng viện. Tin kỹ thuật cho biết, khu trung tâm vét được chừng gần 100 tên để tung ra phản kích nhưng không vượt qua được đoạn hào chắn giữa A1 và A3. Cái chiến hào - rất bình thường - cắt ngang hai cứ điểm này mà Chỉ huy trưởng lệnh cho 316 đào trước khi 174 bước vào đợt 3 đã tỏ rõ tác dụng vô giá của nó. Không có tăng viện, sức kháng cự của địch trên A1 yếu dần, nhưng cũng phải 5 giờ sau khi đại đội dự bị của 174 được tung vào, trận đánh mới kết thúc trước khi trời sáng. Thế nhưng lúc này tiếng súng trên khu điểm cao phía đông vẫn chưa dứt vì địch trên C2 vẫn chống trả quyết liệt. Trận đánh của Trung đoàn 98 chỉ kết thúc 9 giờ 30 phút sáng ngày 7-5 sau khi Chỉ huy trưởng lệnh cho Đại đoàn 316 điều hỏa lực bắn thẳng lên A1 chi viện trực tiếp cho 98 và lệnh cho lựu pháo cấp tập 200 viên vào C2. Sau gần 40 ngày giành giật A1 và C2, quân ta đã tiêu diệt hai điểm cao cuối cùng, hoàn thành nốt nhiệm vụ còn lại từ đợt tiến công thứ 2. Làm chủ khu lá chắn phía đông, quân ta đã tạo nên một cục diện hoàn toàn mới: cả Phân khu Trung tâm, kể cả Sở Chỉ huy của Đờ Caxtơri, đã bị đặt dưới tầm hỏa lực bắn thẳng của ta. Giờ cáo chung của tập đoàn cứ điểm đã đến gần.

Về nguyên nhân khiến địch không thực hiện được ý định "mở con đường máu" chạy sang Thượng Lào, sau này tác giả cuốn *170 ngày của Điện Biên Phủ* dẫn một ví dụ điển hình về

Bigia, một sĩ quan năng nổ nhất trong hàng ngũ chỉ huy Pháp ở Điện Biên Phủ, vừa được thăng trung tá[28]: "Buổi sáng nay, ông đã phải từ chối rời bỏ Điện Biên Phủ để dẫn đầu lính dù chiến đấu đánh thông con đường sang Lào. Ông không còn người nào để sử dụng vào ý đồ đẫm máu này. Các tiểu đoàn đều đã lần lượt bị nuốt ngấu nghiến, hết đơn vị này đến đơn vị khác. Như một chiếc tàu chiến bị trúng một quả thủy lôi đang chìm dần, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ cũng đang bị những đợt sóng không ngừng của Việt Minh tiến đánh khắp mọi nơi. Những mũi thọc sâu mỗi lúc một mở rộng và Điện Biên Phủ đã chìm nghỉm trong vòng hai tiếng đồng hồ".

Tướng lĩnh Pháp ở Hà Nội cố hỗ trợ cho đồng bọn trên cánh đồng Mường Thanh kéo dài hơi thở cuối cùng. Họ cho máy bay trút bom xuống các khu vực trận địa của ta. Khẩu Bôpho 4 nòng ở khu trung tâm vẫn dội đạn sang phía cầu Mường Thanh, yểm trợ cho đồng bọn ở khu vực các cứ điểm 507, 508 và 509. Nhưng đã có nhiều triệu chứng biến động trong khu trung tâm. Một số tên địch tháo chạy khỏi công sự ra hàng, có dấu hiệu địch ném vũ khí xuống dòng sông Nậm Rốm. Điện đài của bộ phận trinh sát mặt trận nghe được tin Côngi trực tiếp hạ lệnh cho Lăngla ở Hồng Cúm cố gắng "thực hiện một phần" kế hoạch Chim biển ở Phân khu Nam, đồng thời nghe tin Mường Thanh yêu cầu Hà Nội chỉ tiếp tế lương thực, chấm dứt thả dù vũ khí.

Tham mưu truyền lệnh cho các ông Vương Thừa Vũ ở phía tây, Lê Chưởng và Nam Long ở phía nam siết chặt hơn nữa vòng vây, đề phòng địch liều chết mở đường máu tháo chạy, nhất là hơn một ngàn tên địch ở Hồng Cúm. Đại đoàn pháo binh được lệnh tập trung hỏa lực chi viện cho 209 nhanh chóng dứt điểm mấy cứ điểm gần bờ sông Nậm Rốm, mở đường cho quân ta vượt qua cầu sang khu vực Sở Chỉ huy địch.

15 giờ, quân ta làm chủ hai vị trí 507, 508 và đang tiến đánh 509 - vị trí cuối cùng bảo vệ cầu Mường Thanh - cũng là lúc có nhiều triệu chứng rối loạn trong các cứ điểm còn lại của địch. Những lá cờ trắng bắt đầu xuất hiện, lúc đầu lác đác, rồi càng lúc càng nhiều, cả ngay ở các vị trí do quân Âu - Phi đóng giữ. Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định: địch đang tan rã, thời cơ đã đến. Tham mưu truyền lệnh của Chỉ huy trưởng: Tranh thủ thời cơ địch hoảng loạn, toàn mặt trận chuyển ngay sang tổng công kích vào khu Trung tâm Mường Thanh, không cần đợi đến tối: "Bộ đội 312 từ phía đông đánh thẳng vào khu vực trung tâm, 308 từ phía tây giáp công sang, cùng tiến vào Sở Chỉ huy địch. Phải đánh thật mạnh, bao vây thật chặt, không để cho Đờ Caxtori hoặc bất cứ tên địch nào chạy thoát".

Chỉ huy trưởng không rời Phòng trực ban Tác chiến mặt trận. Một không khí khẩn trương căng thẳng nhưng rất đỗi phấn khởi bao trùm Sở Chỉ huy. Cứ ít phút lại có tin từ các đài trinh sát phía trước báo về và bước chân của các chiến binh tiến mỗi lúc một gần đến mục tiêu cuối cùng lại được ghi lên bản đồ chiến sự: Đơn vị đầu tiên của 312 đã vượt qua cầu Mường Thanh trong khi một bộ phận của 308 đã băng qua sân bay cùng tiến thẳng vào khu Sở Chỉ huy địch. Khoảng hơn 3 giờ chiều, có tin địch từ các vị trí đã ngừng chiến đấu, lũ lượt kéo ra hàng. Đáng chú ý nhất là báo cáo của 312: toàn bộ sĩ quan địch trong sở chỉ huy Êpécviê (Epervier), kể cả Tướng Đờ Caxtori và Ban Tham mưu của y, đã đầu hàng. Lập tức Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp cầm máy nói chuyện trực tiếp với Đại đoàn trưởng 312 hỏi về tình hình bắt sống Bộ Chỉ huy địch. Ông nhắc ông Tấn đề phòng địch đánh tráo viên tướng chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Sau khi biết ông Tấn không có ảnh của Đờ Caxtori, Chỉ huy trưởng chỉ thị tham mưu cử một cán bộ dùng xe jeep mang ngay ảnh xuống 312.

Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái tiếp tục bám sát tình hình diễn biến trên các hướng. Ông luôn nhắc các đơn vị phải tiếp tục đứng trên vị trí chiến đấu, không được lơ là mất cảnh giác,

phải tổ chức cẩn thận việc hướng dẫn cho tù binh về khu vực tập trung, đồng thời nhắc 304 siết chặt vòng vây trước khi trời tối. Giữa lúc không khí Sở Chỉ huy náo động về tin địch đầu hàng thì các ông Lê Liêm và Đặng Kim Giang phái cán bộ đi lo đôn đốc giải quyết hàng loạt công việc trước mắt do chiến thắng đem lại, trước hết là công tác thương binh, tử sĩ, tập trung chiến lợi phẩm, thu dọn chiến trường. Tiếp nhận một lúc hàng vạn hàng binh là một việc đã từng dự kiến nhưng vẫn là một chuyện mới mẻ, ngay từ hôm qua đã mấy ai nghĩ đến một cách cụ thể. Trước mắt phải lo ngay bữa ăn chiều và chỗ nghỉ tối nay cho họ. Phải sơ cứu những tên bị thương trong điều kiện thuốc của quân y dường như đã cạn kiệt. Đúng là chiến thắng cũng đem lại lắm điều bất ngờ cùng với những lo toan thú vị.

Sau những phút chờ đợi kéo dài, điện thoại đổ chuông và Chỉ huy trưởng trực tiếp nghe Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn báo cáo. Ông Giáp thở phào nhẹ nhõm khi được ông Tấn khẳng định là quân ta đã bắt được Tướng Đờ Caxtơri cùng với cơ quan chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Tất cả đang đứng trước mặt ông Tấn. Viên tướng còn mang theo cả gậy chỉ huy và chiếc mũ đỏ.

Bức điện vừa thảo, đến bây giờ Chánh văn phòng Nguyễn Văn Hiếu mới được lệnh trao cho mật mã chuyển ngay về hậu phương báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương và Chính phủ, kèm theo bản tin sốt dẻo cho đài phát thanh. Chắc giờ phút này, Cụ Hồ đang nóng lòng chờ tin.

Rời máy với 312, Chỉ huy trưởng gọi Tham mưu trưởng 304 Nam Long. Ông nhắc lại mệnh lệnh siết chặt vòng vây, cách thức gọi hàng kết hợp với dùng hoả lực pháo uy hiếp, nhắc nhở củng cố điểm chốt ở phía Tây Trang. Ông đặc biệt nhấn mạnh: đề phòng địch chờ đêm tối để phá vây tháo chạy.

Chỉ huy trưởng sang chính thức báo tin và chia vui với Trưởng đoàn Vi Quốc Thanh và các cố vấn Trung Quốc rồi trở về căn lán riêng. Lại thêm một đêm ông Giáp mất ngủ, không phải với nỗi lo về cách đánh như đêm 25-1, hơn ba tháng trước, mà không ngủ được vì suy nghĩ về những gì vừa diễn ra 56 ngày qua. Biết bao đồng chí đồng đội đã ngã xuống để có giờ phút lịch sử này, để tạo được tư thế chiến thắng cho ông Phạm Văn Đồng và Đoàn ta bước vào Hội nghị Giơnevơ ngày mai. Âm mưu của bè lũ đế quốc và bọn phản động quốc tế - nhất là của đế quốc Mỹ - còn rất thâm độc, thua keo này, chúng sẽ bày keo khác. Sau Điện Biên Phủ, hướng tiến công sắp tới sẽ là chiến trường nào, Thượng Lào hay đồng bằng sông Hồng? Quân thù đã cầy xới cánh đồng Mường Thanh hàng nửa năm nay, phải nhanh chóng thu dọn và tẩy uế chiến trường, trả lại màu xanh cho đồng ruộng.

Nửa đêm, ông Thái sang lán ông Giáp. Từ Phân khu Nam, ông Lê Chưởng vừa báo cáo: Toàn bộ hơn một ngàn tên địch ở Hồng Cúm đã bị bắt, kể cả Lalăng. Thế là viên đại tá này không thực hiện được ý đồ tháo chạy mà Tướng Cônhi đã "giao phó riêng" cho hắn. Tham mưu trưởng đề nghị Chỉ huy trưởng thông qua bản mệnh lệnh vừa thảo gửi các đại đoàn, quy định phạm vi phụ trách của các đơn vị trong khu vực địch đã đầu hàng, xác định nhiệm vụ của các đơn vị trước khi rời khỏi chiến trường, trước mắt là tổ chức tuần tra, phong tỏa không phận, đề phòng địch oanh tạc, đặc biệt là giải quyết chu đáo vấn đề thương binh, tử sĩ, vấn đề tù binh, hàng binh... Cũng ngay trong đêm 7-5, bản thông báo đặc biệt được thảo xong và thông qua, báo cáo với đồng bào cả nước: Đúng 22 giờ ngày 7-5, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại đã thu được toàn thắng.

Ta đã báo cho phía Pháp được đưa máy bay đến nhận thương binh nặng, nên lần đầu tiên vắng bóng máy bay chiến đấu bay trên không phận Điện Biên. Sau những ngày mưa kéo dài, sáng ngày 9 bầu trời Mường Thanh trong vắt, thanh bình. Đại tướng Võ Nguyên Giáp tranh thủ đi thị

sát chiến trường. Ông đặc biệt quan tâm đến cách bố trí khác nhau của địch trong các cứ điểm và rút ra những nhận xét về cách đánh của các đơn vị, nhất là những nguyên nhân dẫn đến thương vong của bộ đội. Đến xem vị trí Him Lam, cửa ngõ đông bắc tập đoàn cứ điểm, Đại tướng nhớ lại cứ điểm Pheo trong Chiến dịch Hòa Bình năm xưa. Nhớ lại lời viên sĩ quan tù binh Giắccơ trước ngày mở màn chiến dịch. Không phải y hoàn toàn không có lý khi coi Him Lam là một mục tiêu bất khả xâm phạm và khuyên ta "đừng đụng đến Béatrice". Địch đã chọn một địa thế rất lợi hại gồm ba quả đồi, tạo thành thế kiềng ba chân để tổ chức phòng ngự. Đại tướng trực tiếp xem một ụ súng. Khẩu trọng liên có lắp kính hồng ngoại để phát hiện đối phương ban đêm, có thể kiểm soát được cả một vùng rất rộng, đúng là một hỏa điểm lợi hại. Ông sớm nhận thấy các chiến hào ở trận địa xuất phát xung phong của ta đều nông, không đủ tiêu chuẩn quy định. Đó cũng chính là một nguyên nhân khiến bộ đội 209 thêm thương vong. Đứng bên chiến hào nơi trận đánh đầu tiên diễn ra đã gần hai tháng, Chỉ huy trưởng bỗng nhớ lại bức thư đề ngày 21-3 gửi Bộ Chỉ huy Đại đoàn 312, chỉ rõ khuyết điểm của cán bộ không trực tiếp kiểm tra việc xây dựng trận địa xuất phát xung phong.

Từ Him Lam, xe đưa Đại tướng cùng mấy cán bộ tùy tùng theo đường số 41 tiến xuống Mường Thanh, cánh đồng phẳng lặng trải dài đến chân dãy núi phía nam. Không còn màu xanh của lúa mà thay vào đó, trên một vùng đất rộng bao la đất đỏ quạch, là những xác xe cộ, máy bay, giữa vô vàn những chiếc dù loang lổ, những đường hào, lô cốt lọt trong tầng tầng lớp lớp dây thép gai. Có thể thấy trước việc thu dọn chiến trường, san lấp hàng trăm kilômét đường hào, gỡ bỏ một khối lượng nhiều vô kể dây thép gai và mìn chưa nổ, trả lại bình yên cho đồng ruộng, sẽ là cả một công trình lao động rất lớn của bộ đội.

Xe rời đường số 41 về phía bờ sông Nậm Rốm. Chỉ huy trưởng cho dừng xe. Bờ sông này là nơi Đại đội dũng sĩ 243 của Hà Văn Nọa đã từ hướng đông, như một mũi khoan xoáy vào tung thâm tập đoàn cứ điểm, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm rối loạn khu vực phòng ngự của chúng giữa đường số 41 và tả ngạn sông Nậm Rốm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Khi binh lực chỉ còn chừng hơn một tiểu đội, anh em vẫn đánh lui mấy đợt phản kích của địch với binh lực đông hơn gấp nhiều lần. Hà Văn Nọa và gần như cả đại đội đã hy sinh anh dũng sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng.

Qua cầu Mường Thanh, theo sự hướng dẫn của Đại đoàn phó 308 Cao Văn Khánh, Đại tướng cùng đoàn cán bộ vào xem hầm chỉ huy của Tướng Đờ Caxtơri nằm giữa cánh đồng, nổi bật lên bởi những thanh sắt uốn cong và rất nhiều bao tải cát. Chính nơi đây, Đờ Caxtơri đã nhận được những lời khen ngợi khá ồn ào của nhiều nhân vật cỡ chóp bu Pháp - Mỹ về tính bền vững của tập đoàn cứ điểm. Và cũng chính nơi đây (như sau này ký giả nước ngoài tiết lộ), viên tướng chỉ huy tập đoàn cứ điểm còn đủ thời gian "chỉnh đốn trang phục" khá tươm tất để ra nói với những chiến sĩ đầu tiên của Đại đoàn 312 khi các anh tiến vào cửa hầm: Xin đừng bắn tôi!

Chỉ huy trưởng và đoàn tùy tùng phải chờ bộ đội dọn một lối đi an toàn giữa những bãi mìn mới lên được đồi A1. Trên đường lên đồi, một cán bộ chỉ cho ông biết đâu là đường hào tiếp viện của địch đã gây tổn thất cho 102 khi vào thay phiên 174 và ông Giáp cũng dễ dàng nhận ra đường hào cắt rời A1 với A3 mà ông chỉ thị phải vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành trước khi 174 nổ súng đợt 3. Trèo lên đỉnh A1, phóng tầm mắt về hướng tây, Chỉ huy trưởng thấy hiện ra bức tranh toàn cảnh của một chiến trường ác liệt vừa im tiếng súng. Từ đây, có thể xác định được từng lô cốt, từng ụ súng trong Phân khu Trung tâm. Kẻ địch đã có lý khi coi A1 là "chìa khóa", là "lá chắn" của tập đoàn cứ điểm.

Anh em hướng dẫn Chỉ huy trưởng lên phía cái hầm ngầm dưới ụ đất cao, "thần hộ mệnh" của A1. Khối thuốc nổ đã để lại một cái hố hình phễu trên mặt đồi, mở ra một đường để bộ đội tiến lên dứt điểm mục tiêu lợi hại cuối cùng này. Đúng như bà con địa phương cho biết, đây vốn là một cái hầm rượu cũ được cải tiến thành một hầm trú ẩn vững chắc, với một hỏa điểm rất lợi hại, được che chở bởi một khối gạch đá và ximăng kiên cố, với một lớp đất rất dày có thể chịu đựng được hỏa lực lựu pháo và súng cối. Điều đó lý giải vì sao khi quân ta xung phong lên, địch lại "biến mất" xuống các đường hào sâu chạy về phía sau, để cho pháo của chúng bắn thẳng lên đỉnh hầm, chặn bước tiến của quân ta. Mỗi một thước đất nơi đây đều mang dấu ấn của những trận chiến đấu vô cùng ác liệt. Hàng ngàn chiến sĩ và cán bộ ưu tú đã ngã xuống trên ngọn đồi đã đi vào lịch sử này.

Xe của Đại tướng quay trở về hầm Đờ Caxtơri sau khi ông cùng đoàn cán bộ đến chứng kiến cảnh tan hoang xơ xác của bản Long Nhai sau trận máy bay địch ném bom tàn sát hơn 400 đồng bào ta. Trời tối, ông Cao Văn Khánh đề nghị ông Giáp qua đêm ở trụ sở của Ban tiếp quản Điện Biên được đặt ngay trong hầm này. Đêm đó, Tổng Tư lệnh tự tay viết Thư gửi các anh em thương bệnh binh Điện Biên Phủ, Thư gửi đồng bào Khu Tây Bắc rồi nghe Ban Tổ chức báo cáo về công việc chuẩn bị lễ mừng chiến thắng. Mọi nỗi mệt nhọc sau một ngày thị sát chiến trường dường như tan biến khi Văn phòng báo cáo vừa nhận được thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cụ khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang ở Điện Biên Phủ và nhắc nhở toàn quân, toàn dân: Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu. Cuối thư Cụ hứa sẽ khen thưởng những cán bộ, chiến sĩ, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào địa phương có công trạng đặc biệt.

Ngả lưng trên chiếc giường kê tạm trong hầm chỉ huy cũ của địch, ông Giáp suy nghĩ nhiều về câu Cụ Hồ viết trong thư: *Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu.* Ông Cụ đã thấy trước và đã khẳng định: chặng đường đấu tranh trước mắt còn dài. Mấy chục năm sau, nhớ lại, Võ Nguyên Giáp viết: Những lời như vậy chỉ có được ở Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 13-5, lễ mừng chiến thắng Điện Biên Phủ được tổ chức trọng thể trên bãi đất rộng phía đông Sở Chỉ huy Mường Phăng. Đại diện chính quyền và nhân dân địa phương, đại diện các đơn vị tham gia chiến dịch đều có mặt. Đó là đơn vị công binh đi đầu "mở đường thắng lợi", đơn vị pháo binh được vinh dự bắn những loạt đại bác đầu tiên mở màn chiến dịch, đơn vị bộ binh giành chiến thắng Him Lam, mở toang cánh cửa đông bắc tập đoàn cứ điểm, đơn vị gan dạ đào cắt đứt ngang sân bay rồi kiên trì bám trụ giành giật với địch từng tấc đất, đơn vị đối mặt với địch hàng tháng trên khu điểm cao phía đông, đơn vị bắn rơi nhiều máy bay nhất trên bầu trời Mường Thanh, đơn vị đánh thẳng vào hầm chỉ huy bắt sống viên tướng cầm đầu tập đoàn cứ điểm và toàn Ban Tham mưu của hắn... Mỗi đơn vị một vẻ nhưng đều tự hào về chiến công của mình trong chiến công chung của toàn quân, toàn dân trong chiến dịch lịch sử này.

Hai đại đội trưởng tiêu biểu, một bộ binh, một cao xạ, được vinh dự thay mặt toàn quân kéo lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* lên đỉnh cột cờ dựng trước lễ đài. Phút mặc niệm thật vô cùng xúc động, nhiều người không cầm được nước mắt tưởng nhớ tới biết bao đồng chí, đồng đội vắng mặt trong buổi lễ mừng công hôm nay.

Thay mặt Bộ Chỉ huy chiến dịch, Chủ nhiệm Chính trị Lê Liêm đọc thư khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Toàn quân im phăng phắc, lắng nghe từng lời của Người. Suốt mấy tháng qua, Cụ theo dõi chặt chẽ từng bước chân của toàn quân trên chiến trường cả nước. Riêng trên mảnh đất

Điện Biên lịch sử này, từng người, từng đơn vị đã góp phần xứng đáng, kịp thời đem lại chiến thắng trọn vẹn mừng ngày sinh nhật của Người.

Mở đầu bản *Nhật lệnh* đọc trong buổi lễ mừng công, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nói: "Theo lệnh Chính phủ và Hồ Chủ tịch, tôi trân trọng tuyên dương công trạng trong toàn thể Quân đội nhân dân Việt Nam, chiến công to lớn của các cán bộ và chiến sĩ các đơn vị bộ binh, công binh, pháo binh, cao xạ pháo, đã đại thắng quân địch tại Điện Biên Phủ. Tôi kính cẩn nghiêng mình trước anh linh các liệt sĩ Điện Biên Phủ đã hy sinh oanh liệt cho chiến thắng lịch sử này".

Đại tướng phân tích tầm vóc và ý nghĩa chiến lược to lớn của chiến thắng Điện Biên Phủ và bước trưởng thành vượt bậc của quân đội. Sự trưởng thành đó là một cơ sở vững chắc để quân ta tiến tới thắng địch hơn nữa, để cuộc kháng chiến của ta giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Về nguyên nhân thắng lợi, Đại tướng chỉ rõ: Đó là nhờ ở sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhờ ở tinh thần chiến đấu anh dũng, gan dạ, bền bỉ, ở tinh thần chịu đựng gian khổ khắc phục khó khăn của toàn thể cán bộ, chiến sĩ Điện Biên Phủ, nhờ ở tinh thần tích cực phục vụ tiền tuyến của anh chị em dân công và thanh niên xung phong, của đồng bào Tây Bắc và đồng bào hậu phương, nhờ ở sự phối hợp rất đắc lực của các chiến trường toàn quốc và quân đội hai nước anh em Khơme và Lào.

Nhân danh Tổng Tư lệnh, Đại tướng hạ lệnh cho toàn quân: Phải nhận rõ ý nghĩa to lớn của chiến thắng Điện Biên Phủ, đồng thời phải nhận rõ âm mưu thâm độc của bọn hiếu chiến Pháp, bọn can thiệp Mỹ, tuyệt đối không chủ quan tự mãn, khinh địch, phải tỉnh táo đề phòng, phải kiên quyết chiến đấu chống mọi âm mưu mới của địch; phải nỗ lực học tập kinh nghiệm quý báu của Chiến dịch Điện Biên Phủ; phải tích cực chiến đấu để củng cố và khuếch trương thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ, củng cố và khuếch trương thắng lợi của chiến dịch đông - xuân, tiến tới những thắng lợi mới rực rỡ hơn nữa.

Sau khi lần lượt đi duyệt các đơn vị, Đại tướng trở lại trước lễ đài, tuyên bố: "Tôi trân trọng trao cho toàn thể các đơn vị chiến thắng lá cờ*Quyết chiến quyết thắng* của Hồ Chủ tịch tặng cán bộ, chiến sĩ Mặt trận Điện Biên Phủ".

Ông Đàm Quang Trung, Phó Tư lệnh Đại đoàn 312 - đơn vị đánh trận mở màn chiến dịch - thay mặt toàn quân, cùng 6 chiến sĩ có công bước lên nhận lá cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tiếng hò reo vang dậy khắp khu rừng Mường Thanh. Khi trao lá cờ, Đại tướng nói: "Dưới ngọn cờ *Quyết chiến quyết thắng* của Hồ Chủ tịch, vì độc lập của Tổ quốc, vì ruộng đất của nông dân, vì hòa bình của Đông Dương và thế giới, toàn thể cán bộ và chiến sĩ hãy dũng cảm tiến lên!".

Tối hôm đó, trong cuộc họp với thủ trưởng ba cơ quan Bộ Quốc phòng và các đại đoàn, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trực tiếp giao nhiệm vụ cho các đơn vị chuẩn bị chuyển quân rời khỏi chiến trường[29]. Sau 9 năm kháng chiến, lần đầu tiên vấn đề giải phóng đồng bằng Bắc Bộ được Đại tướng đặt ra với toàn quân.

Hạ tuần tháng 5, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp về tới căn cứ địa. Bắt tay chúc mừng "tướng quân tại ngoại" trở về sau chiến thắng, Cụ Hồ nhắc lại với người đồng chí tâm huyết của mình câu nói mà tinh thần chủ yếu đã thể hiện trong thư gửi ra mặt trận mấy tuần trước: "Nhân dân ta còn phải tiếp tục chống Mỹ".

Ông Giáp báo cáo tiếp với Cụ Hồ tình hình chuyển quân của các đại đoàn về các địa bàn quy định và những hoạt động đầu tiên của bộ đội sau Điện Biên Phủ đã bắt đầu trên hướng trung du và đồng bằng. Cụ cho biết tình hình đang diễn biến rất nhanh, rất phức tạp. Phải bám sát âm mưu của đế quốc Mỹ trong quá trình diễn biến của cuộc hòa đàm Giơnevơ để đánh giá tình hình và xác định nhiệm vụ trong hoàn cảnh mới. Dự kiến tháng sau Trung ương sẽ họp.

Hạ tuần tháng 6 có tin Ngô Đình Diệm đã được đế quốc Mỹ đưa về Sài Gòn. Một đài phát thanh nước ngoài khinh rẻ nói rằng "chiến mã họ Ngô" đã được Tổng thống Mỹ thắng yên đóng móng. Điều đó lý giải một phần vì sao cuộc đàm phán Giơnevơ giậm chân tại chỗ. Tin điện cho biết, Ngoại trưởng Trung Quốc, ông Chu Ân Lai sẽ từ Giơnevơ trở về nước và đề nghị gặp lãnh đạo Việt Nam. Bộ Chính trị cử ông Giáp cùng đi với Cụ Hồ sang Liễu Châu (Nam Ninh - Trung Quốc) gặp Chu Ân Lai.

Trong ba ngày, từ ngày 3 đến ngày 5-7, ta và bạn trao đổi, nhận định và bàn phương án tiếp tục cuộc đấu tranh tại Hội nghị Giơnevơ. Tới Liễu Châu và gặp Chu Ân Lai, ông Giáp mới hiểu vì sao cả Liên Xô và Trung Quốc đều khuyên ta không nên tiếp tục đẩy mạnh nhịp độ hoạt động quân sự ở cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Mọi người mong đợi "một không khí lắng dịu" sẽ góp phần đi đến một thỏa hiệp ở Giơnevơ. Ông Chu trình bày diễn biến của Hội nghị Giơnevơ, về thái độ lỳ lợm của Chính phủ Lanien trước đây và lập trường ngoan cố của Mỹ. Theo ông Chu, tình hình quốc tế hiện nay yêu cầu có hòa bình, ta nên châm chước về việc phân chia ranh giới tạm thời để tranh thủ cơ sở pháp lý cho một cuộc tổng tuyển cử nhằm hòa bình thống nhất hai miền. Trước đây phía Pháp đòi lấy vĩ tuyến 18 làm ranh giới tạm thời, "nhưng trước sự đấu tranh kiên quyết của ta, cả Pháp, Anh và Mỹ đều đã đồng ý rút xuống vĩ tuyến 17". Sau này, nhớ lại, ông Giáp viết: "Bác và chúng tôi đều ngỡ ngàng. Phải chăm chú tìm trên bản đồ mới thấy dòng sông nhỏ Bến Hải ở phía bắc tỉnh Quảng Trị.

Bác nói: với so sánh lực lượng trên thực tế chiến trường hiện nay, ta đề ra vĩ tuyến 13 là hợp lý, vĩ tuyến 17 đối với ta là không thể chấp nhận, chí ít cũng phải giành được vĩ tuyến 16.

Ông Giáp được Cụ Hồ giao chuẩn bị đánh giá về triển vọng Hội nghị Giơnevơ để trình bày trong Hội nghị Trung ương sắp tới.

Ngồi trên xe lửa từ Nam Ninh về nước, ông Giáp nói với Cụ Hồ: "Pháp còn 50 vạn quân, lại thêm Mỹ giúp thì rất ít có khả năng hòa bình thống nhất Việt Nam".

Hội nghị lần thứ sáu mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp trong 4 ngày (15 - 18-7-1954). Sau khi nghe và thảo luận báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Tổng Bí thư Trường chinh và của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp[30], phân tích tình hình mọi mặt, Hội nghị Trung ương quyết định chủ trương kết thúc chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 20-7-1954, *Hiệp định Giơnevơ* được ký kết. Hai ngày sau, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra lệnh ngừng bắn trên toàn cõi Việt Nam. Trong báo cáo kết luận tại Hội nghị tổng kết chiến dịch Điện Biên Phủ, ngày 28-7, Đại tướng nói: Rồi đây, nhiệm vụ của quân đội ta ngày càng nặng. Ngừng bắn mới chỉ là bước đầu để lập lại hòa bình. Hòa bình hiện chưa được củng cố, nước ta hiện chưa được hoàn toàn thống nhất và độc lập. Nhiệm vụ của chúng ta là phải ra sức tăng cường lực lượng, nâng cao ý chí chiến đấu, tiếp tục chỉnh huấn chính trị, tiếp tục học tập chiến thuật và kỹ thuật, làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh chính trị của toàn dân để giữ vững hòa bình, hoàn thành thống nhất, độc lập dân chủ cho Tổ quốc.

Công việc tiếp quản Thủ đô Hà Nội được giao cho Đại đoàn 308. Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ - người có công đầu trong 60 ngày khói lửa năm xưa - được giao nhiệm vụ Chủ tịch ủy ban Quân quản thành phố.

Đúng một tháng sau khi tiếp quản Hà Nội, ngày 10-11-1954, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trở lại Thủ đô. Tính chi li ra, ông xa Hà Nội đã 2.882 ngày. Ngày về, việc quân vẫn còn đè nặng hai vai, khi mà đường giải phóng mới đi một nửa.

Chú thích:

1. 1- Thời kỳ tích cực hoàn thành mọi công tác chuẩn bị; 2- Thời kỳ bao vây và khống chế sân bay, tiêu hao và tiêu diệt từng bộ phận sinh lực của địch; 3- Thời kỳ tổng công kích, tiêu diệt toàn bộ quân địch.

2. Khó khăn: Địch có thể tăng cường; chiến dịch kéo dài, bộ đội có thể tiêu hao mệt mỏi; cung cấp có thể thiếu thốn. Những điều có lợi:Đánh chắc tiến chắc hợp với nguyên tắc tác chiến và hợp với trình độ bộ đội; Ta có điều kiện nhằm vào nhược điểm lớn nhất của địch để khoét sâu những khó khăn về tiếp tế của chúng; ta có thể chủ động về thời gian chuẩn bị, chọn thời cơ và mục tiêu tiến công; hoạt động của chiến trường chính có thể tạo điều kiện cho các chiến trường khác hoạt động phối hợp tiêu diệt thêm nhiều sinh lực địch.

3. 1- Khống chế sân bay để hạn chế và tiến tới triệt tiếp tế đường không của địch; 2- Phát triển những hoạt động nhỏ và thường xuyên của bộ binh và pháo binh (tập kích sân bay, trận địa pháo, Sở Chỉ huy, kho tàng, sát thương sinh lực địch); 3- Tích cực tiêu hao tiêu diệt quân địch khi chúng đánh vào trận địa ta; 4- Tiêu diệt một số cứ điểm ngoại vi của địch; 5- Xây dựng trận địa tiến công thật vững chắc.

4. Trong lực lượng không quân thường trực tại sân bay Mường Thanh, ngoài 7 máy bay khu trục, còn có 5 máy bay trinh sát, 4 máy bay vận tải và 1 trực thăng.

5. Binh lực của ta trước ngày mở màn chiến dịch gồm 9 trung đoàn bộ binh (27 tiểu đoàn), 1 trung đoàn sơn pháo 75 mm (24 khẩu), 2 tiểu đoàn lựu pháo 105 mm (24 khẩu), 4 đại đội súng cối 120 mm (16 khẩu), 1 trung đoàn cao xạ pháo 37 mm (24 khẩu), 2 tiểu đoàn công binh.

6. Xem *Tôi đã là thầy thuốc ở Điện Biên Phủ* (J'étais médecin à Dien Bien Phu) của P. Grawin, France Empire, Paris, 1955.

7. *La bataille de Dienbienphu* của Jules Roy, Nxb. Julliard, Paris, 1963 và *Pourquoi Dienbienphu?* của Pierre Rocolle, Nxb. Flammarion, Paris, 1968.

8. Như lời khai của tù binh sau trận đánh.

9.. Lời kể của Pugiê (Jean Pouget) trong cuốn *Chúng tôi đã từng ở Điện Biên Phủ* (Nous étions à Dien Bien Phu, Presses de la Cité, Paris, 1964).

10. Do Chính ủy Song Hào ốm, không tham gia chiến dịch, Cục trưởng Tuyên huấn Lê Quang Đạo tạm thay.

11. Giữ vững và nâng cao quyết tâm.

2- Xây dựng trận địa vững chắc, đúng yêu cầu, đúng tiêu chuẩn.

3- Bộ pháo hợp đồng phải chặt chẽ.

4- Giữ vững lực lượng để chiến đấu liên tục.

12. Từ nam vị trí đồi Độc Lập qua Bản Kéo, Pe Nọi, Nậm Bó, Bản Mé, Bản Cò Mỵ qua sông Nậm Rốm sang Bản Ten, Bản Bánh, Him Lam, lên nối với đường trục nam đồi Độc Lập.

13. Đại đoàn 308: cứ điểm 106 tây bắc sân bay, Đại đoàn 312: cụm cứ điểm đồi D, E1 và 105, Đại đoàn 316: cụm cứ điểm Êlian.

14. Mạnh về khả năng tiếp tế và tăng viện, về hỏa lực pháo binh và không quân.

15. *Đại đoàn 312*: tiêu diệt các cao điểm đồi E (Đôminích 1), D1 (Đôminích 2), D2 (Đôminích 3) vị trí pháo binh ở 210 và quân cơ động thuộc Tiểu đoàn dù ngụy thứ 5 đóng ở đây.

Đại đoàn 316 (thiếu 1 trung đoàn): tiêu diệt các điểm cao A1 (Eliane 2), C1 (Eliane 1), C2 (Eliane 4) và phối hợp với bạn tiêu diệt Tiểu đoàn dù thuộc địa thứ 6.

Đại đoàn 308: Tiêu diệt khu tung thâm phía đông gồm Tiểu đoàn Thái thứ 2, vị trí pháo ở đó và phối hợp với 316 diệt Tiểu đoàn dù thuộc địa thứ 6; dùng hỏa lực kiềm chế địch ở phía tây Mường Thanh và dùng bộ đội nhỏ dương công tích cực các cứ điểm 106 và 311 (Francoise); đánh quân dù nhảy xuống phía tây và chặn viện từ Hồng Cúm lên.

Trung đoàn 57 (304): Kiềm chế pháo Hồng Cúm, chặn viện từ Hồng Cúm lên, đánh quân dù nhảy xuống quanh Hồng Cúm.

Đại đoàn 351 - Trung đoàn 45 lựu pháo: Chi viện bộ binh tiến công E, D1, D2, C1, C2, A1; chế áp và kiềm chế pháo địch ở Mường Thanh và Hồng Cúm; Trung đoàn 367 cao pháo: Yểm hộ bộ binh và lựu pháo chiến đấu.

16. Trung đoàn 98 (316) tiêu diệt cứ điểm C1 (Eliane 1) trong vòng 45 phút, với số thương vong rất ít, chuẩn bị chuyển sang tiến công C2 (Eliane 4). Đồi E1 (Đôminích 1) cũng chịu chung số phận sau hơn một giờ chống cự. Trung đoàn 209 (312) sau khi hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt vị trí D1 (Đôminích 2), nhận lệnh phát triển xuống D2 (Đôminích 6).

17.. Có ba tình huống sau này chúng ta mới biết rõ thêm về tình hình địch ở khu cao điểm phía đông: 1- Trước ngày ta mở đợt tiến công thứ 2, địch đã đưa quân Âu - Phi lên thay thế quân Thái ở Đôminích 1 (tức E1); 2- Địch tăng cường cho Elian 2 *(*tức A1) một đại đội dù lê dương. Tại đây, địch lợi dụng hầm ngầm có sẵn trong lòng điểm cao, cải tiến thành một hỏa điểm hết sức lợi hại, từ trên đỉnh đồi khống chế cả một vùng rộng; 3- Phần lớn lực lượng cơ động phản kích của tập đoàn cứ điểm (trên 3 tiểu đoàn, kể cả Tiểu đoàn dù thuộc địa thứ 6 do Bigia chỉ huy mới được ném xuống) đều tập trung vào nhiệm vụ hàng đầu là phản kích, ứng cứu khu điểm cao phía đông, đặc biệt là A1.

18. Điều kiện tất thắng: Ưu thế về binh hỏa lực; thế trận có lợi sau hai đợt vừa qua; quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Khó khăn: Tư tưởng cán bộ và chiến sĩ không thật vững vàng; sức khỏe bộ đội giảm sút nhất là khi mùa mưa tới; mấy vấn đề về chiến đấu trong tung thâm.

19. Sơ kết một đợt hoạt nhỏ trong tháng 4, Trung đoàn 57 (304) đã diệt trên 200 tên địch, đoạt dù thu được khoảng 600 viên đạn pháo 105 mm, 3.000 viên đạn súng cối 81 mm và 120 mm, hàng tấn các loại đạn khác, hàng chục tấn lương thực, thuốc men, kể cả máu khô.

20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.15, tr.88.

21. Cuối tháng 4, viên đại tá chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được thăng cấp thiếu tướng, tiếp đến Lăngle, Lalăng được thăng cấp đại tá, Bigia cấp trung tá.

22. Tiếp theo kế hoạch bất thành mang tên Xênôphôn là ba kế hoạch giải vây và tháo chạy được liên tiếp vạch ra: 1- Kế hoạch hành binh Diều hâu (Opération Vautour) do Mỹ đề xướng theo yêu cầu cứu viện của Tổng Tham mưu trưởng Pháp Êly cuối tháng 3-1954. Theo kế hoạch này, Mỹ sẽ dùng máy bay ném bom cỡ lớn (B.29), xuất phát từ các căn cứ ở Philippin ném bom rải thảm quanh Điện Biên Phủ. Kế hoạch không thành, không những vì Thủ tướng Anh không đồng tình (Anh chờ đợi kết quả hòa đàm Giơnevơ) mà còn vì quân ta áp sát các cứ điểm địch, bom ném xuống sẽ gây thương vong cho cả hai bên tham chiến. 2- Kế hoạch Chim ưng (Opération Condor, thông báo cho Đờ Caxtơri ngày 14-4). Theo kế hoạch này, chừng 6 tiểu đoàn do Crevơcơ chỉ huy, từ phía Nậm Bạc (Thượng Lào) sẽ vượt qua biên giới, phối hợp với một binh đoàn không vận (3-4 tiểu đoàn) thả xuống Mường Nhạ tiến lên đánh chiếm Tây Trang (dự tính vào ngày 27-4) rồi tràn vào cánh đồng Mường Thanh, hỗ trợ cho quân trong tập đoàn cứ điểm phá vây rút sang Thượng Lào. Kế hoạch không được thực thi vì khi đến cách Điện Biên Phủ chừng 50 km, Crevơcơ được tin đồng bọn ở Mường Thanh đã ở vào thế "nội bất xuất, ngoại bất nhập". Viên đại tá lui quân và do đó việc ném quân xuống Mường Nhạ cũng không diễn ra. 3- Vào những ngày cuối, kế hoạch mang tên Chim biển (Opération Albatros) cũng chịu chung số phận như các kế hoạch trước.

23. Ví dụ xây dựng trận địa xuất phát xung phong, kế hoạch phòng mưa trong trận địa, vấn đề đánh lấn và bắn tỉa.

24. Tài liệu nhan đề *Kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, xây dựng tinh thần cách mạng và tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh, bảo đảm toàn thắng cho chiến dịch.* Nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tài liệu được in lại trong tuyển tập*Văn kiện chỉ đạo Đông Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ* của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

25. Đại đoàn 312 tiêu diệt các mục tiêu 505, 505A, 506, 507, 508 ở phía đông, tiến sát sông Nậm Rốm; Đại đoàn 308 diệt các mục tiêu 311A, 311B ở phía tây; Đại đoàn 304 siết chặt vòng vây quanh Hồng Cúm và chốt chặt đường Hồng Cúm đi Tây Trang (biên giới Lào - Việt), tiêu diệt khu C Hồng Cúm và tập kích trận địa pháo binh; Đại đoàn 351 chi viện bộ binh tiến công và đánh địch phản kích.

26. 50 năm sau, trong hội thảo về chiến thắng Điện Biên Phủ, khi nói đến nghệ thuật chọn thời cơ chuyển sang đánh đòn quyết định cuối cùng, các nhà khoa học cùng nhất trí một điểm: Trong mọi tình huống, tư duy quân sự Võ Nguyên Giáp luôn là tư duy về thời cơ chiến lược.

27. Erwan Bergot: *170 jours de Dienbienphu* (*170 ngày của Điện Biên Phủ*), Presses de la Cité, Paris, 1979.

28. Sau này là thứ trưởng quốc phòng Pháp.

29. Các đơn vị sơn pháo theo các đại đoàn về trung du và đồng bằng. Trung đoàn lựu pháo trở về củng cố và phát triển binh chủng trong vùng Tuyên Quang, Phú Thọ. Bộ đội cao xạ triển khai lực lượng bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc, Đại đoàn 308 về Thái Nguyên và Bắc Giang, Đại đoàn 312 về Vĩnh Yên và Phúc Yên, Đại đoàn 304 (thiếu Trung đoàn 66 còn tiếp tục hoạt động ở Trung Lào) đưa Trung đoàn 57 về Sơn Tây và Hà Đông, Trung đoàn 9 về Nam Định và Ninh Bình, Đại đoàn 316 ở lại thu dọn chiến trường, rồi chuyển quân về Thanh Hóa, trừ một trung đoàn ở lại giúp địa phương củng cố vùng mới giải phóng.

30. Báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhan đề *Tình hình mới, nhiệm vụ mới,* của ông Trường Chinh nhan đề *Để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt,* của ông Võ Nguyên Giáp nhan đề *Sự tiến triển của Hội nghị Giơnevơ.*

Chương kết

Chân dung một danh tướng

Khi những trang sách này còn là bản thảo, đọc *Chương kết* có người hỏi tôi: tại sao sưu tầm nhiều tài liệu của các nhà nghiên cứu người nước ngoài mà không tận dụng những lời đánh giá của họ về Đại tướng Võ Nguyên Giáp? Đúng là các tác giả nước ngoài, từ ký giả, sử gia đến tướng lĩnh, chính khách đã tỏ rõ sự trọng thị và khâm phục khi nói về Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp của chúng ta, ví như: Con người góp phần làm thay đổi dòng chảy của lịch sử, Vị tướng huyền thoại, Người đánh ngã những gã khổng lồ, v.v.. Tất cả đều đúng, đều thể hiện sự mến mộ của các nhà nghiên cứu người nước ngoài đối với dân tộc Việt Nam nói chung, đối với cá nhân Võ Nguyên Giáp nói riêng thông qua hai cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta. Nhưng vấn đề đặt ra là liệu có nên theo cách nhìn của các nhà nghiên cứu phương Tây, chỉ đánh giá Võ Nguyên Giáp thông qua tài thao lược của một vị Tổng Tư lệnh. Tài năng và đức độ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước hết là kết quả thấm nhuần và triệt để tuân theo lời dạy ban đầu của Cụ Hồ (đạo lý dĩ công vi thượng - đặt lợi ích của dân, của nước lên trên) và tiếp đó là những nội dung cụ thể về tư cách của người làm tướng[1]. Đạo lý dĩ công vi thượng cũng như sáu điểm cụ thể trong lời dạy năm 1948 của Cụ Hồ không chỉ có giá trị đối với người làm tướng mà có tác dụng giáo dục đối với bất kỳ cán bộ cách mạng nào. Và trên thực tế, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã vận dụng những lời dạy đó không chỉ vào việc cầm quân mà với ông, đó là định hướng nhiều mặt trong cả cuộc đời cách mạng, ngay cả khi đã rời quân ngũ trở về với đời thường. Vậy điều thiết thực đáng quan tâm lúc này là đất nước ta, quân đội ta, cán bộ các ngành, các cấp thuộc thế hệ hôm nay và mai sau cần rút ra những điều gì ở con người Võ Nguyên Giáp, cần học tập những gì ở người chiến sĩ cộng sản lão thành kiên trung mẫu mực Võ Nguyên Giáp để suy ngẫm, liên hệ và vận dụng vào việc xây dựng quân đội nói riêng và vào công cuộc đổi mới và chấn hưng đất nước nói chung?

Chính vì suy nghĩ như vậy cho nên, từ mấy trăm trang sách trên đây, phản ánh những hiểu biết trong nhiều năm công tác tại cơ quan tham mưu Tổng hành dinh và kết quả nghiên cứu một số tư liệu trong và ngoài nước, bước đầu tôi xin rút ra đôi điều, ở tầm vĩ mô cũng như một số điểm rất cụ thể thu hoạch được về tài năng và đức độ của Đại tướng, mong góp phần nhỏ bé vào những công trình nghiên cứu đầy đủ hơn về Võ Nguyên Giáp sau này.

Chúng ta đều biết ông Võ Nguyên Giáp nhận sứ mệnh cầm quân vào thời điểm mà đất nước đang ở vào "đêm trước" của cuộc đổi đời. Sự phát triển như vũ bão của phong trào chính trị trong những ngày tiền khởi nghĩa và tiếp đó là khí thế nổi dậy của toàn dân trong cuộc Cách mạng Tháng Tám, là điều kiện chính trị và tinh thần vô cùng thuận lợi để ông phát huy bản lĩnh cầm quân của mình khi đất nước chuyển từ vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền sang chiến tranh cách mạng bảo vệ chính quyền.

Khi giao nhiệm vụ tổ chức Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Hồ Chí Minh chỉ dặn Võ Nguyên Giáp những điều ngắn gọn nhưng cơ bản nhất về phương hướng hành động, nhất là về đạo lý người làm tướng. Sau đó, với hai bàn tay trắng - thiếu hẳn kiến thức và kinh nghiệm cần thiết về tổ chức và chỉ huy hoạt động quân sự cũng như về cơ sở vật chất, kỹ thuật - ông đã cùng đội quân thơ ấu lao vào vòng xoáy cách mạng, bắt đầu bằng những trận đánh vỡ lòng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, người được giao trọng trách cả về an ninh và quốc phòng (với cương vị là Chủ tịch Quân sự ủy viên hội và Bộ trưởng Bộ Nội vụ) mới chỉ có những kinh nghiệm ban đầu của vài trận đánh du kích và kinh nghiệm đào tạo cán bộ quân sự sơ cấp của

Trường Quân chính kháng Nhật. Sau khi đất nước đã giành được chính quyền, trước yêu cầu cấp bách của sự nghiệp giữ nước, nhiều đội viên và cán bộ thuộc quyền ông trong Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân năm trước đã phải vươn lên để hoặc đảm nhiệm chỉ huy các Chi đội Nam tiến hoặc đứng đầu các chiến khu từ bắc vĩ tuyến 16 trở ra. Trải qua 16 tháng vừa theo dõi và tham gia chỉ đạo cuộc kháng chiến cục bộ ở trong Nam, vừa chuẩn bị đối mặt với quân viễn chinh Pháp trước khả năng chiến tranh mở rộng ra cả nước, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc với những kinh nghiệm mới của Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, của Tây Bắc, Lạng Sơn và sốt dẻo nhất là kinh nghiệm Hải Phòng. Lúc này, dưới quyền chỉ huy của ông thực chất vẫn chỉ là những đội quân du kích, mà thành phần chủ yếu là những thanh niên đầy nhiệt huyết mới bước vào cuộc đời quân ngũ, khí thế chính trị rất cao, được biên chế thành tiểu đoàn, trung đoàn, quân số đã lên tới chừng 8 vạn, nhưng trang bị còn rất đỗi thô sơ, cán bộ các cấp và chiến sĩ đều chưa có kinh nghiệm chiến đấu.

Nghiên cứu hai cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam - mà trước hết và chủ yếu là cuộc kháng chiến thứ nhất 1945 - 1954, một cuộc đọ sức mà đội quân cách mạng Việt Nam dường như khởi đầu bằng con số 0 - là một ẩn số lớn đối với các ký giả, sử gia, chính khách và tướng lĩnh nước ngoài. Vấn đề đặt ra là: vì sao trong bối cảnh như vậy, một đội vũ trang cách mạng chưa đầy "tuổi tôi" dưới quyền chỉ huy của một giáo sư sử học chưa qua một lớp đào tạo về quân sự, lại có thể đứng vững trước một đội quân viễn chinh nhà nghề trang bị hiện đại, để rồi từ yếu đến mạnh, từ nhỏ đến lớn, từ tác chiến du kích đến tác chiến tập trung và cuối cùng kết thúc bằng một "Điện Biên chấn động địa cầu".

Tóm lại, với nhiều động cơ khác nhau, một mặt người nước ngoài đánh giá rất cao tài thao lược của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp của chúng ta, nhưng đồng thời người ta cũng muốn tìm đáp số của cái gọi là bí quyết Võ Nguyên Giáp, trước hết là trên chặng đường đầu tiên, chặng đường "chín năm làm một Điện Biên".

Như Thượng tướng Trần Văn Trà đã từng nói, "giải mã" được bản lĩnh cầm quân của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đòi hỏi nhiều công trình nghiên cứu "thật công khai, thật công phu, thật công bằng và thật công tâm". Càng khó hơn khi nghiên cứu chặng đường Tổng Chỉ huy - Tổng Tư lệnh điều hành quân đội đi từng bước trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất, cụ thể là, dẫn dắt cán bộ trong từng việc cụ thể từ A đến Z, khác với thời điểm đất nước bước vào cuộc kháng chiến lần thứ hai, tướng lĩnh cùng với toàn quân dưới quyền chỉ huy của ông đều đã trưởng thành.

Riêng tác giả cuốn sách này cũng thấy, viết *Chương kết* mang tính khái quát khó khăn hơn nhiều so với mấy trăm trang sách viết về diễn biến thực tế lịch sử trên kia. Đó cũng là điều dễ hiểu.

I- Nhà chính trị đi trước nhà quân sự

Đó là cách định nghĩa của *Đại bách khoa toàn thư Pháp* (1987) về Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Người Việt Nam có thể hiểu đó là một cách nói lên sự thấm nhuần của Võ Nguyên Giáp về một điểm cơ bản của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh ngay từ những năm đầu thập kỷ 40 của thế kỷ XX, cụ thể là về mối quan hệ giữa chính trị và quân sự, nhân dân và quân đội, người và súng, tinh thần chiến đấu và trang bị kỹ thuật. *Người trước - súng sau* là quan điểm Cụ Hồ đã nhấn mạnh ngay từ những ngày đầu Võ Nguyên Giáp gặp Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Hầu hết cán bộ quân sự Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp đều bắt đầu cuộc đời cách mạng bằng những hoạt động chính trị và khi chuyển sang lĩnh vực quân sự thì một số khá đông đã là đảng viên cộng sản, những cán bộ chính trị mặc áo lính, hoạt động quân sự nhằm mục tiêu chính

trị của Đảng, mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Ông Giáp là một trường hợp điển hình. Ông đã từng là đảng viên cộng sản, một nhà chính trị nhiều năm trước khi lãnh sứ mệnh cầm quân.

Trong quá trình vận động chính trị quần chúng mà Cụ Hồ gọi là "nhóm lửa", suốt mấy năm trèo đèo lội suối đem ánh sáng cách mạng đến với đồng bào vùng cao trong liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, là quãng thời gian ông Giáp nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò cách mạng của quần chúng. Trong đông đảo nhân dân các dân tộc được ông giác ngộ không ít người đã trở thành cán bộ lãnh đạo ở địa phương hoặc trở thành chiến sĩ Quân giải phóng sau khi nhận thức được mục đích chính trị của việc cầm súng. Từ đó, yếu tố *nhân dân* càng "bám rễ" sâu vào tư duy quân sự cách mạng của Võ Nguyên Giáp.

Trải qua nhiều năm kiên trì đến với dân, đến khi cách mạng đã có chỗ đứng chân trong nhân dân rồi, Hồ Chí Minh mới giao cho Võ Nguyên Giáp nhiệm vụ tổ chức Đội Quân giải phóng. Buổi đó Cụ dặn: Dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì không kẻ thù nào có thể tiêu diệt được.Cho nên thật dễ hiểu vì sao bản lĩnh của nhà quân sự Võ Nguyên Giáp trước hết là bản lĩnh của nhà chính trị Võ Nguyên Giáp, người nhận thức đúng đắn về vai trò của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, nhận thức về mối quan hệ giữa hoạt động quân sự với mục đích chính trị của Đảng, nhận thức về quan hệ cá - nước giữa lực lượng vũ trang với quần chúng nhân dân. Ngay từ những ngày đầu nhận nhiệm vụ tổ chức quân đội, ông đã dạy cho Đội vũ trang tuyên truyền nhỏ bé mới lọt lòng biết rằng mọi hoạt động quân sự đều phải nhằm mục đích phát triển phong trào chính trị quần chúng và không được làm tổn hại đến phong trào chính trị quần chúng. Ngay từ buổi đầu, trong *Mười lời thề*, ông đã dạy cho các chiến sĩ du kích những điều cần làm và những điều cần tránh để duy trì mối quan hệ quân - dân cá - nước. Trong quá trình chuẩn bị tiến lên khởi nghĩa vũ trang, mọi hoạt động của Đội vũ trang tuyên truyền đều hướng vào mục tiêu chính trị là động viên toàn dân đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật, giải phóng dân tộc. Tuy thời kỳ tiền khởi nghĩa chỉ diễn ra trong vòng gần nửa năm, nhưng khẩu hiệu *Khơi thêm nước cho cá vẫy vùng* do Tổng bộ Việt Minh đề xướng đã giúp cho Đội Quân giải phóng hiểu môi trường chính trị quần chúng quan trọng như thế nào đối với sự tồn tại, phát triển và hoạt động của đội vũ trang. Qua các trang viết của Võ Nguyên Giáp về những năm 1940 - 1945, cụ thể là các tác phẩm *Khu Giải phóng, Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc,* người ta thấy nổi lên một điều, đó là yếu tố chính trị quần chúng luôn được ông hết sức coi trọng trong suốt quá trình vận động chính trị quần chúng tiến lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền.

Sau Tổng khởi nghĩa, việc xây dựng cơ sở chính trị quần chúng làm chỗ đứng chân cho cách mạng, nơi nương tựa để hoạt động của các tổ chức vũ trang, lại được ông tiếp tục coi trọng trong điều kiện mới, điều kiện đất nước đã giành được chính quyền nhưng ngay sau đó chính quyền non trẻ ở nhiều địa phương không tồn tại trước sức ép từ nhiều phía của các loại kẻ thù. Kiên trì cử các đội vũ trang tuyên truyền lên Tây Bắc ngay từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng để gây dựng cơ sở chính trị quần chúng; gợi ý cho cấp chỉ huy chiến trường Khu 5 phân tán một số đơn vị vũ trang đi vào vùng địch kiểm soát ở Nam Trung Bộ để vũ trang tuyên truyền, tranh thủ nhân dân, duy trì cho được thế *mất đất không mất dân*; đặc biệt quan tâm chỉ đạo cuộc đấu tranh để duy trì và phát triển cơ sở chính trị và vũ trang trong vùng sau lưng địch trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là ở các vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên, Đông Bắc và Tây Bắc Bắc Bộ, ở Thượng Lào, ở vùng đồng bào công giáo đồng bằng nam sông Hồng, tất cả những biện pháp chiến lược đó đều chứng minh sự quan tâm của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đến cơ sở chính trị quần chúng trước và trong chiến tranh. Khi quân ta chuyển lên đánh lớn, nhất là khi mở những chiến dịch trong hoặc gần vùng đông dân, bao giờ mục đích chiến dịch cũng có

một nội dung quan trọng là*tranh thủ nhân dân*. Chiến dịch mở ra trong những vùng dân cư đặc biệt, như Tây Bắc, Thượng Lào, Hà - Nam - Ninh, bên cạnh mệnh lệnh quân sự bao giờ cũng kèm theo những điều quy định về kỷ luật dân vận. Điều đó giải thích vì sao khi quân ta về chiến đấu trong vùng như Phát Diệm, đồng bào giáo dân sớm nhận thấy bản chất anh bộ đội Cụ Hồ khác hẳn những điều mà bà con bị chính quyền tay sai tuyên truyền xuyên tạc và các tầng lớp giáo dân sớm tỏ thái độ đồng tình và ủng hộ kháng chiến. Sau mỗi chiến dịch, trong chỉ thị của Tổng Tư lệnh về củng cố vùng mới giải phóng, bao giờ cũng đề cập đến nhiệm vụ bảo vệ nhân dân, đề phòng địch trở lại khủng bố càn quét, đồng thời với nhiệm vụ nhanh chóng ổn định đời sống chính trị - xã hội của địa phương, cải thiện đời sống nhân dân.

Nhìn trên phạm vi toàn cục, quan hệ quân - dân - cá nước đã trở thành truyền thống của quân đội và nhân dân ta, trong thời chiến cũng như trong thời bình. Đạt được kết quả đó, ngoài yếu tố có tính quyết định là sự lãnh đạo và giáo dục chung của Đảng và của các tổ chức chính trị trong Mặt trận, việc Tổng Tư lệnh kiêm Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp quan tâm chỉ đạo các tổ chức đảng và hệ thống công tác chính trị trong quân đội để giữ vững kỷ luật dân vận có ý nghĩa rất quan trọng để duy trì và củng cố mối quan hệ quân dân đoàn kết giết giặc cứu nước. Điều đó giải thích vì sao, ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương, trong tác chiến cũng như trong xây dựng, bộ đội Cụ Hồ dưới quyền chỉ huy của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp luôn được nhân dân ủng hộ. Ông đã giáo dục cho quân đội thấm nhuần một chân lý mà Cụ Hồ đã dạy: yếu tố chính trị quần chúng là chỗ dựa không thể thiếu trong bất kỳ hoạt động quân sự nào của quân đội cách mạng, quân đội của nhân dân.

Trong quan hệ với các nước bạn (Lào, Campuchia, Trung Quốc) có liên quan đến lĩnh vực quân sự trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, bao giờ Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cũng quan tâm đến yếu tố chính trị đối ngoại bình đẳng, hữu nghị, coi trọng tinh thần quốc tế cao cả. Trước những ý kiến khác biệt về chủ trương tác chiến giữa Bộ Tổng tư lệnh với cố vấn Trung Quốc (như đánh Đông Khê hay Cao Bằng khi mở màn Chiến dịch Biên giới, chủ trương mở các chiến dịch Hòa Bình và Sầm Nưa, cách đánh trong Chiến dịch Điện Biên Phủ...), Tổng Tư lệnh đều dùng phương pháp thảo luận, thuyết phục, nhằm tranh thủ được sự đồng tình của bạn, không làm mất lòng bạn nhưng vẫn bảo vệ được tính độc lập tự chủ của ta. Nhà sử học Pháp Giooócgiơ Buđaren coi đó là tầm cỡ nhà chính trị vĩ đại Võ Nguyên Giáp bên cạnh nhà quân sự lỗi lạc Võ Nguyên Giáp. Đối với các đơn vị quân tình nguyện hoạt động trên đất Lào cũng như với Ban Cán sự Đảng ta ở Lào, Tổng Tư lệnh luôn nhắc nhở tinh thần quốc tế trong sáng, giúp bạn như giúp mình, đồng thời phê bình tác phong bao biện làm thay, không tin tưởng và quan tâm giúp đỡ đào tạo cán bộ của bạn để anh em đủ trình độ gánh vác công việc của cách mạng Lào, giúp nhân dân nước bạn đánh giặc nhưng không quan tâm đầy đủ việc cải thiện đời sống của bà con.

Từ bài học thắng lợi của hai cuộc kháng chiến, trong *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng*, khi nói về địa vị và tác dụng của lực lượng chính trị quần chúng, ông Giáp nói: "Lực lượng chính trị quần chúng là cơ sở để xây dựng và phát triển lực lượng mọi mặt của cách mạng, của khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, là cơ sở để xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang cách mạng. Nó là chỗ dựa vững chắc cho lực lượng vũ trang nhân dân tác chiến".

Thành công của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong hơn 30 năm cầm quân trước hết là thành công của một nhà chính trị, thành công của sự khẳng định hoạt động quân sự phải phục vụ cho mục tiêu giải phóng dân tộc của Đảng, thành công của quan điểm luôn khẳng định sức mạnh của toàn dân là yếu tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng; đó đồng thời cũng là thành công của một nhà quân sự thường xuyên quan tâm giáo dục cho toàn quân truyền thống cội

nguồn từ nhân dân mà ra và mục tiêu vì nhân dân mà chiến đấu, thường xuyên quan tâm duy trì, củng cố và phát triển quan hệ quân - dân - cá nước, để quân đội luôn sống trong lòng dân, được nhân dân tin yêu, đùm bọc, giúp đỡ, dù ở tiền tuyến hay hậu phương, thời chiến hay thời bình.

Cụ luật gia Vũ Đình Hòe, một nhân sĩ trí thức tham gia chính quyền cách mạng ngay từ những ngày đầu, đã nói về một khía cạnh chính trị khác trong con người nhà quân sự Võ Nguyên Giáp. Vũ Đình Hòe kém Võ Nguyên Giáp một vài tuổi (1913/1911). Cả hai ông đều là những thành viên của Quốc hội đầu tiên và *đến nay còn sống*. Trong Chính phủ đầu tiên, Cụ Hòe là Bộ trưởng Bộ Giáo dục, sau đó là Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Trong một lần trả lời phỏng vấn của báo *Văn nghệ* về Võ Nguyên Giáp cuối năm 2005, Cụ nói: "Chính tư duy chiến lược quân sự - chính trị cùng với lòng nhân ái bao la của Bác Hồ đã thấm vào trí não, tâm can của vị Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp, người học trò gần gũi và "ngoan ngoãn" nhất của Bác.

Nhờ hiểu được và nhờ vận dụng phương pháp duy vật biện chứng Mác - Lênin mà anh Giáp học được ở Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh, cho nên Võ Nguyên Giáp không sa vào những mớ lý luận suông, chung chung, không sa vào giáo điều, tả khuynh.

Theo tôi, điều căn bản nữa cần phải nêu, là Võ Nguyên Giáp đã luôn luôn cố gắng noi theo tinh thần đại đoàn kết toàn dân của Hồ Chí Minh, đại đoàn kết vì đại nghĩa, vì chí nhân, cho nên anh Văn được toàn quân tin yêu và nhờ cậy. Cho đến nay, anh Văn vẫn được những người trí thức và toàn dân quý mến, kính trọng, được cả thế giới hâm mộ".

Sử gia nước ngoài khi viết về hai cuộc kháng chiến của Việt Nam và về Quân đội nhân dân Việt Nam, cũng thường đặc biệt quan tâm đến "chất chính trị trong nhà quân sự Võ Nguyên Giáp". Điển hình là trường hợp J.Lacutuya (Jean Lacouture). Ông là nhà văn, nhà báo, phóng viên chiến trường, có mặt ở Việt Nam ngay từ những ngày đầu chính quyền cách mạng và là một trong những người được ông Giáp tiếp rất sớm, chỉ ít ngày sau Tổng khởi nghĩa. Khi đó cuộc thương lượng Việt - Pháp đã bắt đầu nhưng vẫn còn diễn ra bí mật. J. Lacutuya sớm có những công trình viết riêng về Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, ví như *Điều tra về một tác giả,* hoặc *Võ Nguyên Giáp - Một bức chân dung*.

Viết về cuộc gặp đầu tiên đầu tháng 2-1946, sau khi nghe Võ Nguyên Giáp nói về quyết tâm chiến đấu vì mục tiêu chính trị của chiến tranh là độc lập dân tộc, J. Lacutuya nhận xét rằng: Ông Giáp nói về "độc lập" như một yêu cầu tối hậu. Ông cho hay, nếu không đạt được, Việt Minh sẽ phát động chiến tranh. "Chúng tôi không cho phép mình dừng bước bởi một hy sinh, bạo lực hay tàn phá". Ông nhấn mạnh điều này nên gây một ấn tượng mạnh đối với tôi. Con người này đâu chỉ là một nhà chính trị, càng không phải là một kẻ cơ hội. Ông là một chiến sĩ của một trào lưu hùng hậu.

Tháng 3-1946, khi tiếp xúc với đối thủ đầu tiên, Đại tướng Pháp Philíp Lơcle, ông Giáp lại nói đến mục tiêu chính trị của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Ông nói: "Tôi là một người cộng sản, chiến đấu cho độc lập của đất nước chúng tôi". Tất nhiên ngay lúc đó, Tướng Lơcle - một viên tướng chuyên nghiệp cầm đầu đội quân viễn chinh xâm lược Pháp - không thể hiểu hết chiều sâu câu nói thốt ra từ một nhà chính trị đảm nhiệm công tác quân sự của chính quyền cách mạng Việt Nam. ý chí, quyết tâm và tinh thần dân tộc gói gọn trong câu nói đó.

Tại Hội nghị Đà Lạt, J. Lacutuya lại có dịp "tìm hiểu về nhà chính trị Võ Nguyên Giáp". Sau này, J. Lacutuya viết: "Tại đây, ông lại thể hiện tài hùng biện cao cường của mình trong việc kịch liệt lên án cuộc chiến mà các đơn vị viễn chinh Pháp đang tiến hành ở Nam Bộ. Các cuộc

tranh luận của ông với đối thủ của mình là P. Messmer (người sau này trở thành Bộ trưởng Bộ Quốc phòng của Đờ Gôn) đã diễn ra cực kỳ gay gắt. Nhưng ông biết tiết chế lời lẽ của mình và trong suốt quá trình đàm phán, ông luôn tìm kiếm sự hiểu biết lẫn nhau từ phía Pháp".

Tiếc rằng hồi đó (như bức thư đề ngày 8-2-1966 của cựu Tổng thống Đờ Gôn viết cho Chủ tịch Hồ Chí Minh)[2] phía Pháp đã cố tình không nhận thức được điều đó nên đã không tạo điều kiện để có được sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai phía Pháp - Việt. J. Lacutuya viết tiếp: "Buổi tối ngày hội nghị kết thúc, ông Giáp dành cho tôi một cuộc phỏng vấn dài. Sau đó ông khăng khăng đòi đọc lại bản ghi chép của tôi, cố hiệu đính bài viết một cách cẩn trọng của một người yêu tiếng Pháp là thứ tiếng mà ông biết một cách hoàn hảo".

Một chi tiết mà J. Lacutuya tiết lộ như một khám phá về thiện chí thương lượng của ông Giáp. Mặc dù Hội nghị Đà Lạt đã thất bại, vậy mà - như J. Lacutuya tiết lộ - khi hiệu đính bài viết của mình, chính ông Giáp là người gợi ý cho tôi dùng cụm từ "sự bất đồng ý kiến trong hữu nghị" (Le désaccord cordial) để mô tả Hội nghị Đà Lạt. Năng lực chính khách cũng như chính kiến không khoan nhượng của ông thấm nhuần trong từng câu. Giải thích vì sao hồi đó người ta gọi Võ Nguyên Giáp là "ngọn núi lửa phủ tuyết", J. Lacutuya viết: "Đó là hình tượng thể hiện sự pha trộn giữa nhiệt tâm cháy rực với những phán quyết lạnh lùng tạo nên sức mạnh của con người này. Với Giáp, chúng ta cần mô tả thiên tài và niềm say mê của ông. Trong bộ quân phục là một con người nhỏ bé với cái đầu của một con sư tử và vầng trán của một nhà tư tưởng, một con người đã sử dụng bạo lực như nguyên liệu để xây dựng một dân tộc".

Với bạn bè, nhất là với các nước châu Phi vốn cùng cảnh ngộ thì "con sư tử Võ Nguyên Giáp" lại có những tình cảm chính trị hết sức ưu ái. Chính phủ và nhân dân nhiều nước châu Phi có lòng mến mộ đặc biệt đối với cá nhân ông Võ Nguyên Giáp, không chỉ vì tài thao lược của một vị tướng với những bài học chiến lược về chiến tranh giải phóng trong quá khứ, mà còn vì sự quan tâm của nhà chính trị Võ Nguyên Giáp về những vấn đề liên quan đến mối quan hệ hợp tác giữa châu Phi với Việt Nam. Báo chí các nước bạn nói nhiều đến cuộc gặp gỡ giữa đại biểu 23 nước với Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhân dịp các bạn sang Hà Nội dự hội thảo Việt Nam - châu Phi, tháng 5-2003. Trong cuộc tiếp, khi đề cập đến vấn đề hợp tác Việt Nam - châu Phi, ông Giáp nói: Sự hợp tác đó đã phát triển, nhưng còn chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của hai bên, vì thế hai bên phải làm nhiều hơn nữa để thúc đẩy mối quan hệ đó. Mong rằng không chỉ hợp tác về nông nghiệp mà còn phải tiến xa hơn nữa trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Khối đoàn kết Việt Nam - châu Phi trên cơ sở hợp tác với các nước phát triển tiến bộ sẽ từng bước tiến kịp các nước phát triển khác trên thế giới.

Ông giới thiệu với các đại biểu châu Phi một kinh nghiệm về nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Việt Nam bằng cách nhắc lại khẩu hiệu hành động mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra cho toàn dân Việt Nam: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Những chuyến thăm hữu nghị châu Phi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã để lại những ấn tượng hết sức sâu sắc trong lòng nhân dân các nước bạn. Nhân dân Angiêri - nhất là lớp trẻ - thường nhắc đến câu nói của ông nhân cuộc míttinh chào mừng nhân dịp ông sang thăm. Câu nói của Võ Nguyên Giáp đã trở thành giai thoại trong nhân dân nước bạn: Những tên đế quốc đều là những học trò tồi, chúng không có khả năng tiếp thu những bài học của lịch sử. Người dân nước Bắc Phi này thích thú câu nói đó vì nó gợi lại sự kiện năm 1954, quân viễn chinh Pháp vừa thua trận

ở Điện Biên Phủ đã vội kéo sang gây lại cuộc chiến tranh xâm lược Bắc Phi để rồi 8 năm sau (1962) buộc phải ký *Hiệp định Evian* và rút quân khỏi Angiêri.

Cũng trong cuộc míttinh này ở thủ đô Angiê, ông đã nói đến một nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, đó là tinh thần dân tộc, là yếu tố nhân dân. Cũng với tinh thần đó, mấy năm sau, ông lại nói với phái đoàn quân sự cấp cao ấn Độ do Thống chế Mehra dẫn đầu sang thăm Việt Nam. Sau khi cám ơn nhân dân ấn Độ về sự ủng hộ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đáp lại những lời của Thống chế ca ngợi vị Tổng Chỉ huy Việt Nam, ông Võ Nguyên Giáp nói:

- Còn về các tướng lĩnh của chúng ta, dù có tài giỏi đến đâu, nhưng nếu không có một tập thể lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, không có một dân tộc anh hùng và một quân đội anh hùng thì cũng không làm nên được công lao thành tích nào.

Đó là nói với bạn bè quốc tế, những người cùng cảnh ngộ trong thế giới thứ ba. Ông Võ Nguyên Giáp cũng không bỏ lỡ dịp để lý giải cho các vị khách phương Tây - kể cả những người hôm qua còn là kẻ thù của Việt Nam - biết rằng: hàng chục thế kỷ nay, cả bạn lẫn thù đều không đánh giá đúng tinh thần dân tộc của nhân dân Việt Nam, không đánh giá đúng sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Ngày 23-6-1997, trong cuộc tiếp cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mắc Namara và một số quan chức quân sự cao cấp Mỹ, một thành viên trong đoàn khách hỏi ông Giáp một câu khiến mọi người chú ý: Trong 30 năm chiến tranh, vị tướng nào được ông đánh giá cao nhất? Đại tướng Võ Nguyên Giáp trả lời rằng chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mỹ, còn bất kỳ vị tướng nào dù có công lao đến đâu cũng chỉ là giọt nước trong biển cả. Vị tướng mà ông Giáp đánh giá cao nhất là *tướng nhân dân.* Cũng như Tướng Locle nửa thế kỷ trước, Ngài cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ và các vị khách Hoa Kỳ khó mà hiểu hết được chiều sâu câu nói của người đối thoại - nhà chính trị lão thành đồng thời cũng là nhà quân sự số 1 Việt Nam.

II- Cái "tôi" trong mối quan hệ với tập thể

Trên tờ *The Sunday Times* Magazine, số ra ngày 12-11-1972, tác giả James Fox viết: "*Sẽ là sai lầm nếu ta tìm cách tách ông* (Võ Nguyên Giáp) *ra khỏi khuôn khổ lãnh đạo tập thể".*

Trong suốt cuộc đời cầm quân của mình, ông Giáp luôn tôn trọng, đề cao và tuân thủ sự lãnh đạo của tập thể Thường vụ (sau là Bộ Chính trị), của Ban Chấp hành Trung ương, Chính phủ và Cụ Hồ. Cái "tôi" trong ông là cái "tôi" dĩ công vi thượng, mang hết tâm trí suy nghĩ và chủ động đề đạt với tập thể lãnh đạo từng chủ trương chiến lược và khi đã được sự đồng tình của tập thể, cái "tôi" đó lại đem hết trí tuệ và tài năng, tìm mọi biện pháp để cho chủ trương chiến lược được thực hiện với kết quả cao nhất. Mỗi lần phát biểu trước tướng lĩnh và toàn quân, khi nói đến nguyên nhân thành công của một chủ trương chiến lược, thắng lợi của một chiến dịch, bao giờ yếu tố lãnh đạo của Trung ương Đảng và của Cụ Hồ cũng được ông Giáp nêu lên hàng đầu, sau đó mới đến sự chỉ đạo chỉ huy của tập thể Quân ủy. Trong các báo cáo tổng kết định kỳ hay sau mỗi chiến dịch không hề thấy cái "tôi" xuất hiện khi nói về thành tích, kể cả những trường hợp cá nhân ông dường như là yếu tố quyết định đầu tiên đối với thắng lợi, ví như trường hợp thay đổi phương châm tác chiến Chiến dịch Biên giới hay Điện Biên Phủ.

Nhớ lại khi nhận nhiệm vụ tổ chức Đội Quân giải phóng, yếu tố thắng lợi đầu tiên mà Cụ Hồ nói với ông Giáp là có Đảng lãnh đạo (sau đó mới là dựa hẳn vào dân...). Ai cũng biết kiến thức quân

sự của mấy đảng viên trong Chi bộ của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân trong những ngày đầu còn rất hạn chế. Vậy mà khi chọn mục tiêu tiến công và quyết định cách đánh trong hai trận Phay Khắt và Nà Ngần, ông Giáp đều đem ra thảo luận trong tập thể chi bộ để cùng nhau quyết định.

Việc chỉ đạo chuẩn bị cho cả nước bước vào kháng chiến cuối năm 1946 là dựa theo Nghị quyết Hội nghị quân sự ngày 19-10 ở phố Nguyễn Du (Hà Nội) do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Nhưng trước đó, trên cơ sở thống nhất nhận định với ông Trường Chinh về "khả năng hòa hoãn ngày càng giảm, khả năng nổ ra xung đột toàn cục ngày càng tăng", nhất là sau cuộc đảo chính (bất thành) hồi tháng 7-1946 của quân Pháp và sau thất bại của cuộc đàm phán ở Phôngtenblô, được sự nhất trí của Thường vụ, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã căn cứ vào tình hình các chiến trường chỉ đạo phân chia các chiến khu, sắp xếp cán bộ, điều chỉnh lực lượng và chỉ đạo chuẩn bị kế hoạch sao cho phù hợp với từng địa bàn chiến lược. Và khi có Nghị quyết Hội nghị quân sự Nguyễn Du thì nhiều mặt chuẩn bị đã được triển khai từ Đà Nẵng trở ra. Điển hình là sự chỉ đạo chuẩn bị chiến đấu ở Thủ đô Hà Nội. Các ông Vương Thừa Vũ và Hoàng Văn Thái được ông Giáp chỉ đạo từng bước cụ thể, theo đúng tinh thần chỉ thị của Tổng Bí thư Trường Chinh: "Không để tái diễn sự kiện Hải Phòng trên đất Thủ đô". Giờ nổ súng ở Hà Nội và trên toàn quốc do ông Giáp đề nghị đã được Thường vụ chấp thuận trong cuộc hội ý cuối cùng ngày 18-12 ở Vạn Phúc. Và Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo chặt chẽ mọi công tác chuẩn bị cho giờ phút lịch sử tối 19-12 ở Hà Nội cũng như trên cả nước.

Việc thay đổi kế hoạch tác chiến mùa khô năm 1947 là một việc lớn, được quyết định khi cục diện chiến trường đang chuyển biến hết sức khẩn trương và ông Giáp đã sớm nhận thấy hành động tiến công của quân Pháp ở nhiều hướng trên toàn căn cứ địa Việt Bắc khác xa với nhận định ban đầu của ta. Từ thực tế cuộc hành binh của địch trên sáu tỉnh Việt Bắc, từ thực tế hiện tượng "vỡ mặt trận" hồi đầu năm 1947 và từ kinh nghiệm sốt dẻo hoạt động của một đơn vị vũ trang trong lòng địch ở nam phần Bắc Ninh, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã đề nghị với Cụ Hồ và tập thể Thường vụ cho triển khai ba mặt trận và thay đổi cách đánh chiến dịch. Do kịp thời thay đổi kế hoạch tác chiến mà ta đã lật ngược được thế cờ, chuyển từ bị động sang chủ động và cuối cùng phần thắng trong Chiến dịch Việt Bắc đã thuộc về quân và dân ta.

Phát động chiến tranh du kích là một chủ trương chiến lược xuyên suốt của Đảng trong cả cuộc chiến tranh giải phóng. Nhưng phải từ những thực tế khó khăn trong năm đầu kháng chiến toàn quốc và từ những câu hỏi dai dẳng "vì sao một thời gian dài chiến tranh du kích không phát động lên được", v.v. cho đến khi phương châm đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung ra đời là cả một thời gian dài suy nghĩ của Tổng Chỉ huy để tìm ra biện pháp nhằm thực hiện thắng lợi chủ trương chiến lược của Trung ương. Phương châm đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung là cách dùng binh của Việt Nam, mang dấu ấn sáng tạo riêng của Võ Nguyên Giáp, được sự chấp thuận của Cụ Hồ và Tổng Bí thư Trường Chinh. Mạnh dạn đề đạt phân tán 1/3 bộ đội chủ lực để thực hiện chủ trương phát động chiến tranh du kích là một biện pháp chiến lược táo bạo của Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp, một việc làm thể hiện trí thông minh, sự nhạy bén, tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ dám làm và quyết tâm thực hiện bằng được chủ trương chỉ đạo chiến lược do tập thể Trung ương đề ra đầu năm 1948.

Từ khi bộ đội chủ lực bắt đầu những chiến dịch quy mô ngày càng lớn, hướng mở chiến dịch mỗi mùa khô đều được sự chấp thuận của Cụ Hồ và tập thể Thường vụ, trên cơ sở chủ động nghiên cứu và đề đạt của Tổng Tư lệnh. Trong đề án chuẩn bị cho mỗi chiến dịch, ông Giáp luôn nêu lên thuận lợi, khó khăn và đề nghị Trung ương và Chính phủ chỉ đạo các cấp, các ngành góp phần

thực hiện về các mặt có liên quan đến quân sự, như đường sá, giao thông vận tải, việc huy động sức người, sức của ra tiền tuyến... Mọi khó khăn mà các ngành của Bộ Quốc phòng có thể khắc phục, Tổng Tư lệnh chỉ đạo ba cơ quan quân sự Tổng hành dinh nghiên cứu chủ động giải quyết, không ỷ lại vào các bộ khác.

Trong những ngày đi chiến dịch, ngoài việc bố trí hệ thống thông tin liên lạc đều đặn với hậu phương, ông Giáp thường biên thư hoặc cử cán bộ về báo cáo để Cụ Hồ và tập thể Thường vụ (Bộ Chính trị) "ở nhà" nắm được tình hình và cho chỉ thị những vấn đề tiền tuyến nêu lên xin ý kiến chỉ đạo và giúp đỡ. Có những vấn đề đặc biệt quan trọng (như thay đổi phương châm tác chiến trong Chiến dịch Điện Biên Phủ), tuy khi lên đường Tổng Tư lệnh đã được Cụ Hồ giao cho tướng quân tại ngoại được toàn quyền quyết định, nhưng ông Giáp vừa chủ động quyết định vừa kịp thời báo cáo về để tranh thủ được sự nhất trí cao của tập thể lãnh đạo.

Tóm lại, quan hệ giữa Tổng Tư lệnh với tập thể lãnh đạo của Trung ương hay Thường vụ (Bộ Chính trị) là quan hệ cá nhân phụ trách chủ động chuẩn bị đề xuất về chủ trương, xin ý kiến, thảo luận tập thể đi đến thống nhất và khi đã thành nghị quyết và quyết định thì đem hết trách nhiệm cá nhân triển khai thực hiện với tinh thần kiên quyết, triệt để, chủ động, sáng tạo, không chờ đợi, ỷ lại.

Đối với tập thể lãnh đạo đồng cấp, cụ thể là Tổng Quân ủy hay Đảng ủy Mặt trận mà ông Giáp là Bí thư, ông cũng có sự tôn trọng như vậy. Dù trong những tình huống đặc biệt khẩn trương, ông Giáp cũng cố tạo điều kiện trao đổi, thảo luận (có khi tranh luận, thuyết phục) nhằm đạt được sự nhất trí của tập thể Quân ủy (hay Đảng ủy) đối với dự kiến của mình. Ví dụ như việc thay đổi mục tiêu tiến công đầu tiên trong Chiến dịch Biên giới, việc lui quân khi ta gặp khó khăn trong đợt cuối của các chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám hay sau mấy trận đánh Nà Sản trong đợt 3 Chiến dịch Tây Bắc. Điển hình là việc thay đổi phương châm tác chiến Chiến dịch Điện Biên Phủ. Là Bí thư Tổng Quân ủy, Bí thư Đảng ủy Mặt trận kiêm Chỉ huy trưởng nhưng ông Giáp lại là người đến sau, khi mà tập thể (cả cố vấn Trung Quốc) đã thống nhất cách "đánh nhanh". Mặc dù ngay từ đầu, ông Giáp đã sớm phát hiện "đánh như thế liệu có mạo hiểm không?", nhưng phải trải qua 12 ngày đêm suy nghĩ gắn liền với theo dõi công tác chuẩn bị của ta do khó khăn nên phải kéo dài trong khi đó tình hình địch đã có nhiều thay đổi, ngày 26-1-1954 ông mới có đủ cơ sở để khẳng định đánh nhanh không đảm bảo thắng lợi. Với tinh thần "dĩ công vi thượng", với trách nhiệm về kết quả của chiến dịch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đồng thời với ý thức tôn trọng tập thể lãnh đạo, Bí thư Đảng ủy Võ Nguyên Giáp đã kết hợp đấu tranh về nguyên tắc "bảo đảm chắc thắng" với kiên trì thuyết phục về tinh thần trách nhiệm trước chiến dịch lịch sử, cuối cùng đã cùng tập thể Đảng ủy Mặt trận đi đến sự nhất trí về phương châm tác chiến mới, đảm bảo thắng lợi cho chiến dịch.

Trong bài trả lời phỏng vấn đăng trên tờ *Tiền phong* (Xuân Canh Thìn) Thượng tướng Trần Văn Trà khẳng định Võ Nguyên Giáp là con người bao dung và độ lượng. Ông nói: "Bí thư Quân ủy Trung ương kiêm Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp bao giờ cũng đứng trên quan điểm cốt tử là giành thắng lợi nhưng phải hạn chế cao nhất sự hy sinh xương máu của tướng sĩ.

Là một cán bộ cấp dưới của anh Văn, tôi luôn luôn thấy anh Văn nói về cái tốt, cái đúng của đồng đội, đồng thời chưa bao giờ thấy Võ Nguyên Giáp thanh minh một vấn đề nào thuộc về bản thân mình. Với Võ Nguyên Giáp, bất cứ công tác nào mà cách mạng trao phó cho anh, anh đều hoàn thành chu đáo".

Theo tướng Đoàn Huyên (viết trên *Đại đoàn kết* tháng 8-2001) thì: "Trong đấu tranh để giải quyết những vấn đề chưa thống nhất nảy sinh trong quá trình lãnh đạo cách mạng, ông luôn tự xác định một thái độ đúng đắn nhất, đấu tranh xây dựng để đoàn kết thống nhất, bình tĩnh và tự kiềm chế, ung dung tự tại, không hề để cá nhân chi phối, ảnh hưởng đến lợi ích cách mạng".

Quan điểm xuyên suốt của Võ Nguyên Giáp là mọi thành công của một chủ trương chiến lược, mọi thắng lợi của một chiến dịch đều là công lao của tập thể, của toàn quân, toàn dân. Có yếu tố lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, nhưng quan điểm của ông về quần chúng làm nên lịch sử là rất rõ ràng, minh bạch. Nói đến một chiến công, ông không quên các tướng lĩnh thuộc quyền, không quên những chiến sĩ trực tiếp đối mặt với kẻ thù ở phía trước, đặc biệt là những người lập công xuất sắc - những anh hùng La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Cù Chính Lan, Phan Đình Giót - nhưng đồng thời cũng không quên tập thể bộ đội công binh sửa đường, phá thác, tập thể dân công và thanh niên xung phong, những người đổ mồ hôi và đổ cả máu để phía trước có đủ lương thực, đạn dược chiến đấu, không quên những nghệ sĩ trong các đội văn công hỏa tuyến, nhưng bác sĩ, y tá, hộ lý thức thâu đêm để chăm sóc cứu chữa thương binh... Sau thắng lợi của mỗi chiến dịch, trong nhật lệnh đọc trong lễ mừng công, bao giờ ông cũng biểu dương thành tích của các chiến trường phối hợp, động viên và an ủi thương binh, bệnh binh, cám ơn nhân dân địa phương, cám ơn sự chi viện hết mình của nhân dân hậu phương xa gần, kể cả bà con nông dân trong vùng sau lưng địch đã vượt qua vành đai trắng, đối mặt với địch để đưa được hạt gạo ra vùng tự do phục vụ tiền tuyến. Không quên một ai khi nói, khi viết đến chiến công, đó là điều ông căn dặn những người cầm bút, vì mặc dù người trực tiếp lập công là người chiến sĩ cầm súng nhưng để giành được một thắng lợi, nhất là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, đó là công lao của toàn dân.

III- "Một thống soái quân sự cỡ lớn"

Đó là cách đánh giá của Đại tướng Mỹ Oétmolen, "đối thủ hôm qua" của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Bằng nhiều cách diễn đạt khác nhau, các tướng lĩnh và sử gia phương Tây đều có những nhận xét tương tự.

Đại tướng Anh P.M.Đônan thì coi Võ Nguyên Giáp là "một trong những thống soái lớn nhất của tất cả các thời đại". Tướng M.Bigia, một sĩ quan chỉ huy xông xáo nhất trên chiến trường Điện Biên Phủ năm xưa, sau là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp, chỉ nói gọn một câu khi kết thúc cuộc phỏng vấn của hãng thông tấn quốc tế Pháp *RFI* nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ: "Tôi xin ngả mũ chào bái phục Tướng Giáp". Một sử gia phương Tây rất quen biết Việt Nam là Bécna Phôn khẳng định trong cuốn *Võ Nguyên Giáp - con người và huyền thoại* rằng: "Trong một tương lai có thể thấy trước, phương Tây chưa thể đào tạo được một vị tướng nào có thể so sánh kịp với Tướng Giáp". Ducan Townson, tác giả cuốn *Những vị tướng lừng danh (Famous generals* - xuất bản ở Luân Đôn nhân dịp giải phóng miền Nam) thì coi Võ Nguyên Giáp là 1 trong 21 vị danh tướng trong vòng 25 thế kỷ qua, từ thời xa xưa với Alexandre Đại đế đến Hannibal rồi đến thời hiện đại, với Giucốp... Theo Ducan, mỗi vị danh tướng đó đều lập những chiến công "tạo nên bước ngoặt của nghệ thuật chiến tranh".

Chúng ta hiểu tất cả những lời đánh giá và khen ngợi đó theo quan điểm quân sự của Đảng ta - Võ Nguyên Giáp là vị thống soái quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam, của Quân đội nhân dân Việt Nam và là người đi đầu trong việc vận dụng tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh vào chiến tranh giải phóng dân tộc Việt Nam. Các nhân sĩ và tướng lĩnh Việt Nam đều có cách đánh giá riêng của mình. Cụ Vũ Đình Hòe nói: "Đến nay, tôi vẫn chưa thể thấy hết được sự nghiệp to

lớn của Võ Nguyên Giáp. Tôi chỉ thấy rất rõ: dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Bác Hồ trong các chiến dịch lớn, Võ Nguyên Giáp - với cương vị Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam - đã chỉ huy và chỉ đạo toàn quân lật ngược thế cờ trong hai cuộc chiến tranh nhân dân chống Pháp và chống Mỹ.

Tư duy của một giáo sư sử học và tư duy của một luật gia[3] cũng đều góp phần quan trọng vào tài phân tích địch - ta, phân tích chiến trường và phân tích các vấn đề đối ngoại của vị Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp.

Tư duy của Võ Nguyên Giáp do được phát huy trên cái nền tư tưởng Hồ Chí Minh cho nên đã đạt tới một tầm cao đặc biệt, một tầm cao hiếm có trong chỉ huy và chỉ đạo các chiến dịch dù nhỏ hay lớn (của vị Tổng Chỉ huy) và trong chỉ đạo toàn quân về chính trị (của vị Bí thư Quân ủy Trung ương).

Tư duy của Võ Nguyên Giáp tập trung phân tích toàn cục nhưng đồng thời cũng xoáy vào phân tích cái phần tiêu biểu nhất trong toàn cục để tìm ra giải pháp tốt nhất, để tìm ra cách đánh tốt nhất (như đánh chắc - thắng chắc ở Điện Biên Phủ), tìm ra cách đánh tốt nhất tức là rút ngắn thời gian đi tới đại thắng lợi Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu nói riêng và đi tới thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến nói chung, giảm bớt thương vong cho tướng sĩ, vươn lên tầm cao của chủ nghĩa nhân văn.

Tóm lại, qua hai cuộc kháng chiến, tôi thấy: bản lĩnh Võ Nguyên Giáp hơn hẳn các đối thủ lớn Pháp - Mỹ về tư duy quân sự - chính trị".

Từ thực tế cuộc đời làm tướng của mình dưới sự dìu dắt của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong 30 năm chiến tranh giải phóng, các tướng lĩnh đều rút ra những nhận xét riêng mang tính thu hoạch về người thủ trưởng cao nhất của mình. Dù là tướng lĩnh trong Tổng hành dinh hay trực tiếp cầm quân ngoài chiến trường, dù diễn đạt dưới nhiều góc cạnh khác nhau, nhưng tựu trung các ông đều nói lên một vấn đề, đó là tài thao lược Võ Nguyên Giáp.

Theo Thượng tướng Trần Văn Trà thì: "Nhiều ý kiến có tầm nhìn xa trông rộng sắc sảo và độc đáo của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ về chiến lược quân sự và về chiến thuật quân sự cần được giới sử học nghiên cứu thật công khai, thật công phu, thật công bằng và thật công tâm. Về phần mình, suốt hai cuộc kháng chiến, tôi chưa hề thấy Bí thư Quân ủy Trung ương kiêm Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp mắc một sai lầm nào về chiến lược và chiến thuật quân sự; tôi chỉ thấy anh Văn đi những nước cờ bậc thầy vây hãm và tiến công quân địch".

Trao đổi với phóng viên tờ *Quốc tế* (8-2001), Thượng tướng Hoàng Minh Thảo nói: "Võ Nguyên Giáp là bậc thầy về cách đánh. Anh Văn luôn tìm ra cách đánh độc đáo và sáng tạo, vừa đảm bảo thắng lợi cao nhất cho chiến dịch, vừa hạn chế cao nhất thương vong của tướng sĩ. Võ Nguyên Giáp là một vị thống soái có tài thao lược kiệt xuất. Suốt hai cuộc kháng chiến, đồng chí Võ Nguyên Giáp luôn nhấn mạnh tinh thần dám đánh, quyết thắng, chỉ được thắng, liên tiếp nhấn mạnh vấn đề cách đánh sáng tạo. Đồng chí luôn luôn làm cho tư tưởng quyết thắng của dân tộc và của Đảng thấm sâu vào tim óc tướng sĩ, để từ đó, các tướng sĩ biến tư tưởng quyết thắng thành hành động quyết thắng trên chiến trường".

Nhiều tướng lĩnh làm việc trong cơ quan tham mưu Tổng hành dinh từ thời ở Việt Bắc, những người được trực tiếp giúp Đại tướng Võ Nguyên Giáp xây dựng và triển khai kế hoạch tác chiến, thường nói với nhau về vị Tổng Tư lệnh toàn năng của mình. Mọi người đều cho rằng sự chỉ đạo tác chiến của Tổng Tư lệnh luôn theo sát thực tiễn chiến trường. Ông hiểu sâu lý luận về cách dùng binh, nhưng người ta không hề thấy Đại tướng áp dụng máy móc lý luận vào việc điều hành chiến trận. Từ thực tiễn chiến trường, ông rất coi trọng việc cùng tập thể tướng lĩnh trong cơ quan Tổng hành dinh và Bộ Chỉ huy chiến dịch bàn bạc và tìm ra cách đánh thích hợp nhất để giành thắng lợi. Trong không ít trường hợp, đặc biệt là trong một số chiến dịch có ý nghĩa chiến lược quan trọng, chính ông là người đề xuất ra cách đánh mới, khác với ý kiến số đông. Ông luôn bám sát thực tế tình hình địch, ta ở phía trước để có sự quyết đoán sáng suốt, thận trọng và kịp thời. Ông vừa là nhà chỉ huy nổi danh về đánh du kích, vừa là nhà chỉ huy kiệt xuất về đánh chính quy hợp đồng nhiều binh chủng và đặc biệt là chỉ đạo kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa chiến tranh du kích trong vùng địch hậu với chiến tranh chính quy của các đại đoàn chủ lực.

Tướng Đoàn Huyên chú ý một góc cạnh khác - lý luận quân sự Võ Nguyên Giáp: "Ông không chỉ là một vị tướng cầm quân tài giỏi mà còn là một nhà lý luận quân sự hàng đầu của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Đó là nét nổi bật đặc sắc của nhân vật quân sự Võ Nguyên Giáp.

Gắn liền với chiến tích và các bài học đúc kết từ thực tiễn chiến tranh cách mạng, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở kế thừa truyền thống quân sự của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo tinh hoa quân sự cổ kim Đông Tây, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã góp phần xuất sắc phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời đại mới, để lại cho thế hệ chúng ta và hậu thế một di sản lý luận quân sự quý báu, rất đáng trân trọng".

Từ kết quả nghiên cứu của mình, tôi xin nêu lên một số vấn đề nhằm làm sáng tỏ thêm các nhận định trên đây về bản lĩnh cầm quân của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất:

1. Quán triệt sâu sắc tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân

a- Triển khai thế trận toàn dân đánh giặc

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối quân sự của Đảng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp luôn tạo điều kiện và tranh thủ mọi thời cơ triển khai thế chiến lược chiến tranh nhân dân có lợi cho ta và hãm địch vào thế chiến lược không lợi cho chúng. Điều đó không chỉ được vận dụng đầu những năm 50 của thế kỷ XX khi lực lượng so sánh ở tầm chiến lược đã chuyển hóa có lợi cho ta mà ngay từ những ngày đầu Pháp trở lại xâm lược. Động viên lực lượng vũ trang Nam Bộ phát huy thế nhân sơn nhân hải, dựa vào dân mà chiến đấu ngay khi quân Pháp mới trở lại; chỉ đạo Khu 5 phát động nhân dân vũ trang chống địch ngay từ hồi đầu năm 1946; sớm đưa lực lượng lên Tây Bắc, chuẩn bị cơ sở chính trị trong nhân dân các dân tộc Tây Bắc ngay khi tàn quân Pháp ở Vân Nam tràn về; kiên trì xây dựng lực lượng Vệ quốc đoàn đi đôi với tổ chức và huấn luyện hàng triệu dân quân tự vệ suốt 16 tháng từ sau Tổng khởi nghĩa đến trước ngày toàn quốc kháng chiến; kiên trì tìm biện pháp hữu hiệu triển khai bằng được thế toàn dân đánh giặc suốt những năm 1947 - 1949, v.v. tất cả những thực tế đó chứng tỏ: với tầm nhìn chiến lược về chiến tranh nhân dân, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã quán triệt và kiên trì vận dụng có hiệu quả đường lối quân sự của Đảng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh ngay từ đầu cuộc kháng chiến. Như cách nói của *Đại bách khoa toàn thư Pháp*: "Tư tưởng và hành động của ông không chỉ thu hẹp trong phạm vi nguyên tắc thuần túy quân sự mà dựa vững

chắc vào tiền đề chính trị là sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân vào nỗ lực kháng chiến, một điều không thể thiếu trong chiến tranh giải phóng".

Nói về tư tưởng chỉ đạo nghệ thuật của chiến tranh nhân dân, trong *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng,* Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Xuất phát từ đường lối chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự của ta trước hết là nghệ thuật quân sự của toàn dân đánh giặc. Đó cũng là sự kế thừa và phát huy lên một trình độ mới nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc. Nghệ thuật quân sự của toàn dân đánh giặc của ta là nghệ thuật chỉ đạo hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang, đồng thời chỉ đạo hoạt động quân sự của nhân dân cầm vũ khí đứng lên đánh địch, kết hợp chặt chẽ quân sự với chính trị, tác chiến với binh vận, kết hợp tiêu diệt địch với phát động quần chúng nhân dân giành quyền làm chủ".

Một trong những nét nổi bật trong tư duy quân sự Võ Nguyên Giáp là quán triệt tư tưởng tiến công của khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, là khẳng định: nghệ thuật quân sự của ta chủ trương có tiến công, có phòng ngự, nhưng tiến công là chủ yếu.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp rất quan tâm vấn đề bảo tồn lực lượng để kháng chiến lâu dài và ông cũng là người mẫu mực trong việc giải quyết mối quan hệ giữa diệt địch và giữ mình. Theo ông, trong hai mặt đó, tiêu diệt địch là chủ yếu. Tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch trong từng chiến dịch, trong từng trận đánh, là cách chắc chắn nhất để bảo tồn lực lượng của ta. Tiến công là biện pháp trực tiếp tiêu diệt địch, đồng thời cũng là biện pháp hạn chế khả năng tiến công của địch hòng tiêu diệt lực lượng của ta. Nhìn lại cả 43 chiến dịch lớn, nhỏ trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chỉ thấy ba chiến dịch phản công (Việt Bắc tháng 10-1947, sông Lô tháng 5-1949 và tây nam Ninh Bình tháng 11-1953), còn lại đều là chiến dịch tiến công. Chiến dịch truy kích ở Thượng Lào (Sầm Nưa tháng 4-1953) thực chất cũng là chiến dịch tiến công chuyển sang truy kích.

Do một trong những đặc điểm của cuộc kháng chiến của ta là lực lượng so sánh giữa quân đội ta và quân đội viễn chinh Pháp rất chênh lệch, cho nên ông Giáp luôn triển khai các chiến dịch tiến công phù hợp với trình độ trang bị và khả năng tác chiến của bộ đội ta, từ thấp đến cao, vừa đánh vừa học, càng đánh càng mạnh. Trong mấy năm đầu chiến đấu trong vòng vây, không kể trận tổng giao chiến đầu tiên trong các thành phố, thị xã và tiếp đó là chiến dịch phản công mùa khô năm 1947, suốt hơn 2 năm tiếp theo (xuân năm 1948 - hè năm 1950), dù khả năng trang bị và trình độ mọi mặt của bộ đội chủ lực còn rất hạn chế nhưng mỗi năm quân ta mở từ 5 đến 10 chiến dịch tiến công trên khắp ba chiến trường Trung - Nam - Bắc[4], quy mô từ 1 trung đoàn đến 4 trung đoàn trên nhiều hướng. Thực tế đó không chỉ nói lên một biện pháp hữu hiệu trong việc luyện quân là rèn luyện cho bộ đội chủ lực trưởng thành ngay trong các chiến dịch từ nhỏ đến vừa để tiến lên đánh lớn, mà mặt khác về tư tưởng chỉ đạo, đó là biểu hiện cụ thể của tư tưởng tích cực tiến công địch. Điều cần nói rõ là, trong khoảng thời gian đó, bên cạnh hơn 20 chiến dịch nhỏ và vừa của bộ đội chủ lực, Tổng Tư lệnh đã sáng tạo ra một cách đánh rất riêng, đó là cuộc phản công chiến lược mềm, diễn ra kiên trì, bền bỉ trong vùng sau lưng địch. Đó thực chất là loại hình tiến công bằng các lực lượng vừa chính trị, vừa vũ trang, từ ban xung phong công tác, đội vũ trang tuyên truyền đến đại đội độc lập. Đối tượng tiến công của các lực lượng này là các loại lực lượng quân sự, kinh tế và chính trị (tề ngụy) của địch. Mục đích hoạt động của các lực lượng này không chỉ là tiêu hao, tiêu diệt địch mà chủ yếu là gây dựng cơ sở tạo nên "những chấm đỏ", những cơ sở chính trị hay vũ trang, công khai hoặc bí mật tồn tại trong địch hậu để duy trì cuộc đấu tranh lâu dài ngay trong "ruột địch" (như cách nói của Tổng Bí thư Trường

Chinh), tạo điều kiện cho chiến tranh du kích sinh sôi nảy nở nhằm thực hiện chủ trương phát động chiến tranh du kích do Trung ương đề ra đầu năm 1948.

Rõ ràng là tư tưởng tiến công trong nghệ thuật quân sự của Đảng thể hiện trong tư duy quân sự Võ Nguyên Giáp mang đầy đủ đặc thù Việt Nam: lực lượng chính trị và vũ trang đều tiến công, quy mô lớn nhỏ cũng tiến công, dân quân du kích, bộ đội địa phương và chủ lực đều tiến công, tiến công cả ở mặt trận phía trước, cả ở trong lòng địch.

Một vấn đề liên quan trực tiếp đến tư tưởng tiến công là tư tưởng tích cực tiêu diệt sinh lực địch. Mục đích hoạt động của lực lượng vũ trang trên chiến trường là tiêu diệt lực lượng địch, làm chủ chiến trường, thu vũ khí. Muốn vậy, phải đánh tiêu diệt. Do tương quan lực lượng và do trình độ tác chiến của bộ đội chủ lực trưởng thành từng bước, cho nên Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã dẫn dắt bộ đội chủ lực quán triệt dần dần tư tưởng tích cực tiêu diệt địch từ thấp đến cao cho phù hợp với từng bước trưởng thành của bộ đội chủ lực và đáp ứng yêu cầu ngày càng nâng lên của từng giai đoạn chiến lược.

Trong cuộc tổng giao chiến cuối năm 1946 - đầu năm 1947 yêu cầu đặt ra trước hết là tiêu hao và kìm chân địch trong các thành phố và thị xã, tạo không gian và thời gian cho cả nước chuyển từ thời bình sang thời chiến một cách vững chắc. Yêu cầu đề ra trong xuân - hè năm 1947 là tiêu hao địch, đồng thời phải giữ gìn được lực lượng ta, không để tan rã, khắc phục hiện tượng "vỡ mặt trận" khi địch đánh rộng ra. Đến tháng 6-1947, trong 11 nguyên tắc chỉ đạo tác chiến lần đầu tiên đề ra trong Hội nghị quân sự lần thứ ba, Tổng Tư lệnh nhấn mạnh nguyên tắc đánh tiêu diệt. Tuy nhiên, trước sức mạnh tiến công của địch mùa khô năm 1947 lên căn cứ địa, yêu cầu đặt ra trước hết là tiêu hao địch, bảo toàn được khối chủ lực, bảo vệ được căn cứ địa và cơ quan lãnh đạo kháng chiến. Sau cuộc thử thách trong Chiến dịch Việt Bắc, tiếp đó là sau mấy đợt luyện quân lập công xuân - hè năm 1948, đến tháng 8 năm đó, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra *Huấn lệnhchuyển từ tiêu hao chiến sang tiêu diệt chiến.* Huấn lệnh phân tích vì sao phải chuyển sang đánh tiêu diệt và chỉ ra những biện pháp xây dựng về tinh thần tư tưởng, tổ chức lực lượng, tập trung trang bị và về cách đánh phù hợp để đạt yêu cầu tiêu diệt (chú trọng đánh địch ngoài vị trí, đang vận chuyển tiếp tế tăng viện, hình thức chủ yếu là phục kích và vận động phục kích). Riêng đối với cán bộ, huấn lệnh nhấn mạnh: muốn đánh được tiêu diệt phải có kế hoạch linh hoạt đi đôi với tinh thần tích cực quyết tâm.

Hơn hai năm rèn luyện bộ đội chủ lực bằng tiến hành các chiến dịch nhỏ là cả quá trình Tổng Tư lệnh chỉ đạo cuộc đấu tranh cả về tư tưởng, tinh thần và tác phong chiến đấu nhằm hướng vào yêu cầu tiêu diệt địch, nhất là tiêu diệt gọn trong từng trận đánh. Từ cuối năm 1950, chuyển sang đánh lớn, yêu cầu đó càng được nhấn mạnh trong chuẩn bị chiến dịch. Kết thúc mỗi chiến dịch, một trong những vấn đề được Tổng Tư lệnh nêu lên (biểu dương hoặc phê bình) cũng là có thực hiện được đánh tiêu diệt hay không. Mọi trường hợp không tiêu diệt gọn hoặc bỏ lỡ thời cơ diệt địch đều bị phê phán nghiêm khắc. Trải qua hơn 10 chiến dịch lớn (thu - đông năm 1950, xuân - hè năm 1954) điển hình đầu tiên về đánh tiêu diệt quy mô lớn trong một chiến dịch có ý nghĩa quan trọng tạo nên bước ngoặt chiến lược là Chiến dịch Lê Hồng Phong 2 (tức Chiến dịch Biên giới - diệt 8 tiểu đoàn địch); đỉnh cao của một chiến dịch đánh tiêu diệt quy mô lớn nhất trong cả cuộc kháng chiến chống Pháp dẫn đến kết thúc cuộc kháng chiến lần thứ nhất là Chiến dịch Điện Biên Phủ (diệt 17 tiểu đoàn).

b- Thường xuyên nắm vững và phát huy vai trò chiến lược của ba thứ quân và của hai hình thức chiến tranh: du kích và chính quy

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp luôn đánh giá đúng tầm vóc và coi trọng vai trò chiến lược của cả hai hình thức chiến tranh: chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy và thường xuyên chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa hai hình thức đó trên nền tảng chính trị của toàn dân đánh giặc. Như Đại tướng Anh P.Mắc Đônan nhận xét: "Trong mọi lĩnh vực chiến tranh, khó có một tướng soái nào có thể so sánh với ông trong việc kết hợp giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy ở một trình độ cao. Sự kết hợp này xưa nay chưa từng có".

Trong điều kiện Việt Nam, để kết hợp được hai hình thức chiến tranh du kích và chính quy, Tổng Tư lệnh đã chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Trong chỉ thị về việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cụ Hồ đã đề cập một vấn đề rất cơ bản, là lực lượng vũ trang cách mạng phải bao gồm đội quân chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương. Ông Giáp đã vận dụng sáng tạo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng không chỉ trong những ngày khởi nghĩa vũ trang mà nhất là trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng.

Sau Cách mạng Tháng Tám, trải qua 16 tháng khẩn trương xây dựng, bộ đội chủ lực bước vào kháng chiến toàn quốc với hai tuổi đời. Dù lúc này quân số đã lên đến 8 vạn và đã trở thành Quân đội quốc gia, nhưng Vệ quốc đoàn thực chất vẫn chỉ là một đội du kích, được tổ chức quy mô tiểu đoàn và trung đoàn. Qua Chiến dịch Việt Bắc, dù bộ đội chủ lực đã lớn lên một bước rất quan trọng theo quy luật phát triển mà Cụ Hồ đánh giá là "như suối mới chảy, như lửa mới nhen", nhưng về nhiều mặt, Vệ quốc đoàn thực chất vẫn còn là một đội quân du kích.

Nếu mùa khô năm 1947 từ thực tế yêu cầu của chiến trường, Tổng Chỉ huy sáng tạo ra phương thức tổ chức và cũng là phương thức hoạt động của đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung để vừa phát động chiến tranh du kích, vừa rèn luyện bộ đội chủ lực tập đánh tập trung, thì đầu năm 1949, Tổng Chỉ huy lại đứng trước một yêu cầu mới: làm thế nào để đẩy mạnh hơn nữa vận động chiến? Quá trình chỉ đạo đẩy mạnh vận động chiến phải là quá trình tập trung dần các đại đội độc lập trở về tổ chức biên chế của các tiểu đoàn, trung đoàn, để có bộ đội tập trung quy mô lớn hơn, mở những chiến dịch quy mô lớn hơn. Nhưng làm thế nào "gọi" các đại đội độc lập về với bộ đội chủ lực mà không phương hại đến phong trào du kích địa phương? Làm thế nào để khắc phục hiện tượng một số địa phương và đơn vị vội rút đại đội độc lập về với chủ lực trong khi phong trào du kích chiến tranh chưa phát triển đủ mạnh, chưa đủ sức đảm nhiệm nhiệm vụ bảo vệ địa phương? Trong chỉ đạo xây dựng và tác chiến trong lúc này, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã chú trọng "điều hòa" giữa yêu cầu tập trung đánh lớn với yêu cầu có lực lượng đủ sức duy trì chiến tranh du kích ở địa phương. Các địa phương được lệnh chọn lọc trong hàng ngũ du kích những cán bộ và chiến sĩ đủ điều kiện tổ chức ra một lực lượng thoát ly sản xuất, chiến đấu tại chỗ ở địa phương và do địa phương đài thọ. Quy mô phổ biến là đại đội ở cấp huyện, tiểu đoàn ở cấp tỉnh. Trên cơ sở đó, tháng 4-1949, theo sắc lệnh của Chính phủ, bộ đội địa phương chính thức ra đời và từ đấy, lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam bao gồm ba thứ quân là bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, với vị trí chiến lược, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp được xác định cụ thể cho từng thứ quân.

Tại Hội nghị dân quân, tháng 5-1949, trả lời phỏng vấn của báo *Quân du kích*: Thế nào là bộ đội địa phương, bộ đội địa phương và dân quân, du kích khác nhau như thế nào, Đại tướng Tổng Tư lệnh nói[5]: "Dân quân có tính địa phương nhưng không có tính chất bộ đội. Có nhiều khi những

bộ phận quân đội đi làm nhiệm vụ của bộ đội địa phương nhưng vẫn là đơn vị quân đội chính quy. Cũng có khi bộ đội vẫn còn nhiều tính địa phương, như ở Nam Bộ.

Bộ đội địa phương đã thoát ly sản xuất (khi đó ông dùng từ "sinh sản") ở xã, có kỷ luật hẳn hoi, sinh hoạt tập thể, có tính chất của một bộ đội (nhưng không phải không có kế hoạch tăng gia sản xuất). Đồng thời nó lại chưa phải làm nhiệm vụ chung của bộ đội chính quy. Trình độ phát triển của nó, nói chung còn kém bộ đội chính quy và có tính địa phương, tức là bảo vệ địa phương, đồng thời nhiệm vụ của nó đối với dân quân xã rất nặng. Bộ đội địa phương còn có tính địa phương nữa, là về mặt trang bị cấp dưỡng do địa phương phụ trách".

Như vậy là, từ chỉ thị chung của Cụ Hồ về hai lực lượng chủ lực và địa phương hồi thành lập Đội Quân giải phóng cuối năm 1944, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng vào điều kiện thời chiến, từng bước đáp ứng yêu cầu của chiến trường và cuối cùng đã tìm ra phương thức tốt nhất, độc đáo của Việt Nam, đó là ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Về định nghĩa từng thứ quân, trong *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng,* Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết:

Dân quân tự vệ là lực lượng đông đảo quần chúng vũ trang thường xuyên và có tổ chức ở cơ sở, không thoát ly sản xuất. Nó là công cụ bạo lực của Đảng và chính quyền nhân dân ở cơ sở, do đảng ủy cơ sở trực tiếp lãnh đạo, do cơ quan quân sự ở cơ sở trực tiếp chỉ huy, dưới sự lãnh đạo của cơ quan quân sự cấp trên. Nó được tổ chức theo thôn, xã, xí nghiệp, đường phố phù hợp với nhiệm vụ chiến đấu, điều kiện và đặc điểm của từng địa phương, hình thành một lực lượng vững mạnh và rộng khắp trên cả nước, sẵn sàng đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí thích hợp, từ thô sơ đến hiện đại.

Bộ đội địa phương là một bộ phận quân đội thường trực ở tại địa phương, do cấp ủy đảng địa phương trực tiếp lãnh đạo, do cơ quan quân sự địa phương trực tiếp chỉ huy dưới sự lãnh đạo của cơ quan quân sự cấp trên. Nó là lực lượng tập trung cơ động của địa phương, cùng dân quân, tự vệ làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương, làm công cụ của chính quyền cách mạng ở địa phương. Nó được xây dựng thích hợp với nhiệm vụ và điều kiện thực tế của từng chiến trường và từng địa phương, tổ chức thành những đơn vị mạnh có chất lượng cao, có các binh chủng cần thiết, có khả năng tác chiến tập trung trong địa phương.

Bộ đội chủ lực là bộ phận quan trọng nhất của quân đội thường trực, là lực lượng cơ động, lực lượng nòng cốt để hoàn thành các nhiệm vụ chiến lược trên chiến trường toàn quốc và các chiến trường khác. Bộ đội chủ lực cần giúp đỡ và đoàn kết hiệp đồng với bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ. Bộ đội chủ lực do Trung ương Đảng (thông qua Quân ủy Trung ương) trực tiếp lãnh đạo, do Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy.

Với ba lực lượng chiến lược hình thành hoàn chỉnh trong hệ thống lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam và phối hợp chặt chẽ với nhau trên quy mô chiến lược, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp có đầy đủ điều kiện để tiến hành hai hình thức chiến tranh, hai hình thức tác chiến: du kích và chính quy.

1. Về chiến tranh du kích

Nói về tác dụng và địa vị chiến lược của chiến tranh du kích, trong *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Chiến tranh du kích phát huy tác dụng chiến

lược rất to lớn trong việc tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận nhỏ quân địch, góp gió thành bão, gây cho địch những tổn thất và khó khăn nghiêm trọng. Chiến tranh du kích còn có tác dụng kiềm chế và phân tán cao độ lực lượng địch, khiến chúng ngày càng bị sa lầy, bị cột chặt vào mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung; bao vây chia cắt địch khắp nơi, làm rối loạn thế bố trí chiến lược của chúng, tạo nên thế chiến lược có lợi cho ta, tạo điều kiện thuận lợi cho tác chiến tập trung của bộ đội chủ lực".

ở trong vùng sau lưng địch: "bám đất giữ dân, bảo vệ cơ sở của mọi lực lượng chiến tranh nhân dân ở nước ta là một vấn đề sinh tử. Muốn vậy, cần phải có chiến tranh du kích mạnh mẽ ở cơ sở, phải vũ trang quần chúng đánh địch tại chỗ, thực hiện "một tấc không đi, một ly không rời" mới bảo vệ và rèn luyện được quần chúng cách mạng, bảo vệ nguồn sức người sức của của ta".

Qua thực tế diễn biến của cuộc kháng chiến chống Pháp, chúng ta đã thấy Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp luôn quan tâm đến việc vũ trang toàn dân, kiên trì triển khai thế toàn dân đánh giặc bằng phương thức phát động rộng rãi chiến tranh du kích. Đây chính là một trong những biện pháp chiến lược hữu hiệu nhất để hạn chế sức mạnh quân sự của địch, dù là khi chúng tập trung để tiến công hay dàn ra để khống chế kìm kẹp vùng tạm chiếm.

Ngay từ khi Pháp mới trở lại gây hấn, ta gặp khó khăn do tương quan lực lượng rất chênh lệch, ông Giáp đã chỉ ra phương hướng hành động cho quân, dân Nam Bộ: ở những nơi không có rừng có núi thì lực lượng vũ trang dựa vào nhân sơn nhân hải (nói nôm na là hòa vào trong dân) mà duy trì cuộc chiến đấu. Tiếp đến mấy tháng đầu năm 1946 khi việc giải giáp quân Nhật ở miền Nam đã xong, quân Nhật đã hồi hương, quân Anh đã rút về nước, phạm vi chiếm đóng mà quân Anh "bàn giao lại" rất rộng, sau đó Pháp lại phải đưa một bộ phận quan trọng quân viễn chinh ra Bắc sau *Hiệp định sơ bộ*, nên quân Pháp ngày càng lâm vào khủng hoảng quân số nghiêm trọng. Pháp đã bắt đầu tuyển mộ quân đội tay sai, nhưng không những đà tiến công mở rộng phạm vi chiếm đóng đã bị chững lại mà rất nhiều nơi, kể cả nhiều vùng ven đô và đường giao thông chiến lược, thế chiếm đóng của quân Pháp bị căng mỏng, rất sơ hở. Đó là thời cơ mà Chủ tịch Quân sự ủy viên hội Võ Nguyên Giáp động viên khuyến khích quân và dân miền Nam thực hiện chủ trương "khởi nghĩa lại", khôi phục quyền làm chủ nhiều vùng, tạo nên một cục diện ngày càng có lợi cho ta từ mùa hè năm 1946. Do thiếu binh lực nên địch phải bó tay không cưỡng nổi một thực tế là chiến tranh du kích đã xuất hiện ở nhiều vùng nông thôn miền Nam. Cho đến khi Nam Bộ cùng với toàn dân bước vào cuộc kháng chiến trên quy mô cả nước thì, với một thế mới, lực mới, cục diện miền Nam đã được cải thiện rất nhiều so với hồi Pháp mới gây hấn. Cũng khoảng đầu năm 1946, ông lại chỉ cho các cấp chỉ huy ở Nam Trung Bộ đưa binh lực luồn vào vùng sau lưng địch, phát động nhân dân, bám lấy dân để đánh địch, từng bước gây dựng cơ sở chính trị và vũ trang trong vùng tạm bị chiếm, tiến lên phát động chiến tranh du kích, trước hết là trên địa bàn rừng núi miền tây. Ngay từ những ngày đầu của kháng chiến toàn quốc, vấn đề triển khai thế toàn dân đánh giặc, từng bước chuyển sang du kích vận động chiến, tiêu hao địch rộng rãi và buộc quân Pháp phải căng kéo binh lực đối phó khắp nơi, luôn là một trong những việc được Tổng Chỉ huy đặt lên hàng đầu. Qua thực tế chỉ đạo của Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp trong mùa khô năm 1947, chúng ta thấy ông sớm quan tâm đặc biệt đến phong trào du kích.

Trung tuần tháng 11-1947, khi cuộc tiến công của địch đang diễn ra trên nhiều địa phương trong căn cứ Việt Bắc, trong huấn lệnh *Phát động du kích chiến tranh - nhiệm vụ quân sự căn bản trong giai đoạn này,* Tổng Chỉ huy đã khẳng định cần phải có một nhận định vững chắc "du kích chiến tranh là căn bản". Ông phân tích tính bức thiết phải phát động chiến tranh du kích để đối

phó với chiến tranh lan rộng và đối phó với chiến thuật mới của địch. Chỉ có phát động được chiến tranh du kích rộng rãi thì lực lượng vũ trang địa phương mới thực hiện được hai nhiệm vụ:

- *Về chính trị*: giữ vững cơ sở nhân dân. Do vũ trang tuyên truyền, trừ gian diệt địch, giúp dân mà làm cho tinh thần kháng chiến của nhân dân càng cao, giữ và củng cố được cơ sở chính trị của cuộc kháng chiến toàn dân.

- *Về quân sự:* du kích không những tiêu hao được địch, góp những thắng lợi nhỏ thành một thắng lợi lớn mà còn cướp được súng đạn của địch để tự vũ trang cho mình. Đấy là điều kiện tất yếu, làm cho du kích càng đánh càng mạnh. Vũ khí của quân du kích là ở trong tay địch. Đó là phương pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề trang bị cho du kích của tất cả các nước nhược tiểu.

Tổng Chỉ huy kiểm điểm lại kết quả và những thiếu sót trong việc thực hiện chủ trương phát động chiến tranh du kích trong thời gian qua đồng thời chỉ ra những việc cần làm ngay để đẩy mạnh chiến tranh du kích, bao gồm cả sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương, việc kiện toàn tổ chức và xác định đúng phương thức hoạt động. Tổng Chỉ huy nhấn mạnh: "Về chiến thuật, đã là du kích thì phải đánh du kích thì mới có thể tiến mạnh lên được. Nên sửa chữa cái lối đánh chính quy, ham đánh trận lớn, lấy cớ tập trung hỏa lực để tiêu phí đạn dược".

Huấn lệnh chỉ ra các hình thức hoạt động như quấy rối, phá hoại, trừ gian - phòng gian, tìm mọi cách tiêu diệt từng bộ phận nhỏ của địch và phối hợp tác chiến với bộ đội. Hoạt động của du kích phải quán triệt tinh thần tích cực, bí mật, nhanh chóng, tránh mạo hiểm, thực hiện càng đánh càng mạnh.

Nhưng vì sao tất cả sự quan tâm của Tổng Chỉ huy chưa đem lại kết quả trong mùa khô năm 1947? Trong báo cáo tổng kết Chiến dịch Việt Bắc, khi đánh giá phong trào chiến tranh du kích, Tổng Chỉ huy nhận xét rằng trong mệnh lệnh tác chiến ngày 4-10 phương châm đề ra thì đúng nhưng không cụ thể[6]. Do đó, chiến tranh du kích không phát động được. Du kích khá đến đâu nhưng khi địch tới mà không có bộ đội là mất tinh thần, không chiến đấu được. Vì vậy phải có một bộ phận bộ đội phân tán cùng đánh du kích để dìu dắt dân quân. Phải bằng chỉ thị bổ cứu ngày 27-10, Tổng Chỉ huy mới xác định được cụ thể phương thức tổ chức, nhiệm vụ và hình thức hoạt động của đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung[7]. Đại đội độc lập ra đời và phát huy tác dụng "bà đỡ" đối với phong trào du kích chiến tranh, chính là bắt nguồn từ yêu cầu thực tế của chiến trường được Tổng Chỉ huy nhạy bén nắm bắt và nâng lên thành phương châm tổ chức và hoạt động của hai lực lượng chủ lực và địa phương trong Chiến dịch Việt Bắc: đại đội độc lập - tiểu đoàn tập trung.

Và từ năm 1948, khi đã tìm được biện pháp hữu hiệu là phái các đại đội độc lập đi sâu vào vùng tạm bị chiếm để phát động chiến tranh du kích, cũng tức là thời điểm Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã đạt được chủ định chiến lược của mình là tạo điều kiện cụ thể cho lực lượng vũ trang địa phương phát huy tác dụng diệt địch trên cơ sở chính trị vững chắc của thế toàn dân đánh giặc, thế chiến lược chiến tranh nhân dân đã buộc địch phải không ngừng căng kéo lực lượng và ngày càng lún sâu vào mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán binh lực. Tất nhiên không phải là hoạt động những ngày đầu của các đại đội độc lập trong các vùng tạm chiếm đều thuận lợi như nhau. Có những địa bàn khó khăn đặc biệt như Tây Bắc, ngoài việc phái những đơn vị Tây tiến lên, Tổng Chỉ huy còn chỉ đạo Liên khu 10 phối hợp với lực lượng chính trị và vũ trang kháng chiến Lào tìm nhiều biện pháp hết sức tích cực, sáng tạo và phải trải qua một thời gian dài kiên trì chỉ đạo mới thực hiện được chủ trương phát động chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa Tây Bắc.

Từ khoảng mùa hè năm 1948, chiến tranh du kích phát triển từng bước trong cuộc phản công chiến lược mềm vào vùng sau lưng địch đã dần dần phát huy tác dụng phối hợp với các chiến dịch của bộ đội chủ lực.

2. Về chiến tranh chính quy

Do lực lượng so sánh giữa ta và địch trong thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh giải phóng, với những đội vũ trang nhỏ bé, trang bị kém, chúng ta chỉ có thể bắt đầu bằng chiến tranh du kích. Nhưng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không dừng lại ở chiến tranh du kích mà đã dẫn dắt toàn quân từng bước tiến lên chiến tranh chính quy vì, như sau này Đại tướng viết trong *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng*: "Chỉ có chiến tranh chính quy, trong đó bộ đội chủ lực tác chiến tập trung, hiệp đồng binh chủng, cùng phối hợp với bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và lực lượng chính trị của toàn dân, mới tiêu diệt được những lực lượng quan trọng của địch, mới giải phóng được những vùng đất đai rộng lớn, giành được thắng lợi ngày càng lớn".

Nhất thiết bộ đội chủ lực phải tiến lên tác chiến chính quy, nhưng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không nóng vội, ông khẳng định phải đi từng bước vững chắc.

Thắng lợi của năm đầu kháng chiến toàn quốc (ở các thành phố và thị xã lúc đầu cũng như sau đó trong Chiến dịch Việt Bắc) được coi là thắng lợi của bộ đội chủ lực (Vệ quốc đoàn), nhưng còn mang nặng tính du kích. Thực tế đó đã được Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp phân tích rất rõ trong báo cáo tổng kết Chiến dịch Việt Bắc. Sau đó trải qua một thời gian khá dài, tính du kích được Vệ quốc đoàn "mang vào" các chiến dịch nhỏ. Nhờ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng Quân ủy và Tổng Chỉ huy luôn bám sát thực tế và đặc biệt coi trọng việc chỉ đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm từng chiến dịch nhỏ, cho nên quá trình phát triển của các chiến dịch nhỏ cũng là quá trình "tính tập trung, chính quy tăng dần, tính du kích, phân tán giảm dần", nhằm từng bước thực hiện bằng được chủ trương chiến lược chuyển sang du kích vận động chiến đề ra từ đầu năm 1947.

Về mặt học thuật, khái niệm du kích vận động chiến là một khái niệm mang tính quá độ trong quá trình phát triển từ tác chiến du kích với binh lực nhỏ tiến lên tác chiến chính quy với những lực lượng ngày càng lớn[8]. Du kích vận động chiến là một sáng tạo của Việt Nam được Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp vận dụng từng bước ngay từ những ngày đầu kháng chiến toàn quốc và trong suốt quá trình đưa bộ đội tiến từ tác chiến du kích lên tác chiến chính quy. Cùng với sự ra đời của đại đội độc lập trong Chiến dịch Việt Bắc, tiểu đoàn tập trung xuất hiện mùa khô năm 1947[9] với cách đánh tập trung quy mô nhỏ đã đóng vai trò chủ yếu trong Chiến dịch Việt Bắc. Sau mùa khô năm 1947 là cả một quá trình kiên trì rèn luyện bộ đội chủ lực từng bước qua mấy chục chiến dịch nhỏ và vừa trong suốt 3 năm (1948 - 1950). Trong quá trình đó, Tổng Chỉ huy quan tâm chỉ đạo và động viên ngành quân giới "thi đua cải tiến kỹ thuật", sản xuất những vũ khí có sức công phá mạnh, khả năng tiêu diệt lớn (hồi đó gọi là vũ khí công đồn) nhằm từng bước cải tiến trang bị cho bộ đội chủ lực theo yêu cầu quy mô tác chiến ngày càng lớn. Mở đầu đánh lớn từ mùa khô năm 1950, tiếp đó trải qua các mùa chiến dịch, các đại đoàn đã thực hiện xuất sắc chỉ thị của Tổng Tư lệnh là "đánh đâu thắng đấy - quyết định chiến trường". Được như vậy, một yếu tố quan trọng là có sự phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa các chiến dịch của chủ lực ở phía trước với chiến tranh du kích trong vùng sau lưng địch.

3. Kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy

Thực tế 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp cho thấy chiến tranh du kích là cơ sở hình thành và phát triển của chiến tranh chính quy. Chiến tranh du kích sinh sôi nảy nở là điều kiện thuận lợi để chiến tranh chính quy phát huy tác dụng và không ngừng phát triển. Ngược lại, chiến tranh chính quy phát triển, giành thắng lợi ngày càng lớn trong các chiến dịch tiến công và phản công địch, mới tạo điều kiện cho chiến tranh du kích tồn tại vững chắc và không ngừng mở rộng. Ba thứ quân kết hợp chặt chẽ với nhau, hai hình thức chiến tranh hỗ trợ thúc đẩy lẫn nhau và cùng kết hợp với các hình thức đấu tranh khác của toàn dân mới tạo được sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân.

Trong *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng,* Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Trong chiến tranh giải phóng lâu dài, chiến tranh du kích phải tiến lên chiến tranh chính quy. Chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích phải kết hợp chặt chẽ với nhau. Đó là quy luật giành thắng lợi của đấu tranh vũ trang trong chiến tranh nhân dân ở nước ta".

Không những Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp coi trọng cả hai hình thức chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy mà ông còn nắm vững quy luật phát triển và mối quan hệ tất yếu giữa hai hình thức chiến tranh đó trong chiến tranh cách mạng Việt Nam. Thực tế chỉ rõ, khi chiến tranh du kích đã tiến lên chính quy và phát triển trong các chiến dịch tiến công quy mô ngày càng lớn rồi, Tổng Tư lệnh vẫn không hề xem nhẹ chiến tranh du kích. Trái lại, ngay trong những năm 1953 - 1954, khi chiến tranh chính quy đã phát triển tới trình độ cao nhất trong kháng chiến chống Pháp, vai trò của chiến tranh du kích (nhất là trong vùng trọng điểm là đồng bằng Bắc Bộ) càng được coi trọng, nhờ đó chiến tranh du kích đã phát huy tác dụng phối hợp rất có hiệu quả, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho các chiến dịch tiến công của bộ đội chủ lực giành thắng lợi ngày càng lớn.

Để đưa chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy và tạo điều kiện cho chiến tranh du kích có thể kết hợp chặt chẽ với chiến tranh chính quy, ngay từ đầu Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã chọn thời cơ và phương thức thích hợp, đó là vào thời điểm chiến tranh du kích đã trải qua nhiều năm được kiên trì phát động, nhất là sau khi bộ đội địa phương đã chính thức được thành lập và đã đứng vững trên vị trí nòng cốt cho chiến tranh du kích trên nhiều địa bàn chiến lược, đồng thời là thời điểm bộ đội chủ lực đã trải qua những bước rèn luyện và trưởng thành trong tác chiến tập trung quy mô trung đoàn và nhiều trung đoàn trong các chiến dịch tiến công. Thực tế cho thấy, chỉ có trải qua những năm kiên trì phát động chiến tranh du kích cả về chiều rộng lẫn chiều sâu trên các địa bàn chiến lược trong toàn quốc, nhất là trên những địa bàn chiến lược quan trọng trên chiến trường chính Bắc Bộ, đi đôi với việc rèn luyện cho bộ đội chủ lực trưởng thành từng bước trong tác chiến tập trung quy mô nhỏ và vừa, mới tạo được điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp có hiệu quả giữa hai hình thức tác chiến chính quy và du kích, cũng tức là mới kết hợp được giữa bộ đội chủ lực trên các hướng mở chiến dịch với hoạt động phối hợp rộng khắp của lực lượng vũ trang địa phương trong vùng sau lưng địch trên toàn quốc, buộc địch phải đối phó trên nhiều hướng. Thực tế cũng chỉ rõ, trong một chiến dịch nào đó (ví dụ Chiến dịch Trung du), do chiến dịch không phát triển thuận lợi, nên việc thúc đẩy chiến tranh du kích trên các vùng tạm bị chiếm và ngay cả trên địa bàn chủ lực mở chiến dịch (Vĩnh Yên) cũng gặp khó khăn. Ngược lại, trên một chiến trường nào đó (ví dụ Đông Bắc trước năm 1949), chiến tranh du kích chưa được mở rộng, lực lượng vũ trang địa phương đứng chân chưa vững thì bộ đội chủ lực phải trải qua những bước chuẩn bị rất công phu mới tạo được chỗ đứng chân để mở chiến dịch.

2. Xuất phát từ thực tế, kịp thời phát hiện chỗ mạnh, chỗ yếu của địch để quyết định phương thức hành động đúng, bảo đảm giành thắng lợi

Một yêu cầu quan trọng đối với người cầm quân mà Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp luôn đòi hỏi ở cán bộ chỉ huy cấp dưới là phải đánh giá đúng tình hình, đánh giá đúng so sánh lực lượng địch - ta một cách khách quan, toàn diện, theo quan điểm thực tiễn và biện chứng. Quân viễn chinh xâm lược thường mạnh hơn ta về quân số và trang bị kỹ thuật nhưng do cuộc chiến tranh của chúng là xâm lược phi nghĩa nên chúng thua kém ta về chính trị tinh thần. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của ta là chính nghĩa, cho nên ta phát huy được tinh thần dũng cảm và mưu trí sáng tạo của toàn dân, toàn quân, phát huy mọi thứ trang bị có trong tay, từ thô sơ đến hiện đại, không những chúng ta ưu thế tuyệt đối về chính trị tinh thần mà còn ưu thế về sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Chính nhờ ưu thế của chiến tranh nhân dân, ưu thế của thế chiến lược ba thứ quân mà quân và dân ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng, dù trong điều kiện ta luôn ở vào thế lấy yếu đánh mạnh về chiến lược trong cả cuộc kháng chiến chống Pháp.

Vấn đề đặt ra là đánh giá đúng chỗ mạnh, chỗ yếu và cách đánh sở trường của ta, chỗ mạnh, chỗ yếu và cách đánh sở trường của địch như thế nào, để có thể lấy cái mạnh của ta đánh thắng cái yếu của chúng, làm thất bại mọi âm mưu cả về chiến lược và chiến dịch của Bộ Chỉ huy quân viễn chinh. Điều này đòi hỏi trí thông minh, sự nhạy bén, sắc sảo, nhất là trong những tình huống khẩn trương, để xác định phương thức chiến tranh, phương thức tác chiến đúng đắn, thích hợp, để giành thắng lợi. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã nêu một tấm gương cho cán bộ chỉ huy các cấp về việc điều tra nắm vững tình hình mọi mặt của ta và của địch. Chính các đối thủ trước đây của ông - như Đại tướng Mỹ Oétmolen - cũng đã tìm thấy ở Võ Nguyên Giáp "những đức tính của một thống soái quân sự cỡ lớn, đó là trí thông minh, khả năng suy nghĩ và hành động". Nét đặc sắc về tầm nhìn chiến lược (và cả chiến dịch) của ông Giáp về đánh giá tình hình luôn mang tính biện chứng, mang dấu ấn một tư duy thực tiễn, lôgích. Với tầm nhìn đó, trong cái mạnh thậm chí rất mạnh của địch, ông vẫn tìm thấy điểm yếu rất cơ bản của chúng; trong cái yếu của địch, ông tìm ra điều kiện khiến chúng có thể dựa vào để hạn chế và khắc phục chỗ yếu của chúng, để có khi trở thành mạnh. Dưới con mắt của ông, cái yếu, cái mạnh của địch (và của ta) không cố định, không bất biến.

a- Về chỉ đạo chiến lược

Nét đặc sắc nhất mà qua nghiên cứu bản lĩnh cầm quân của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp người ta dễ nhận thấy, là ông luôn phát hiện rất sớm những mâu thuẫn cơ bản về chiến lược (và chiến dịch) của địch và kiên quyết dùng mọi biện pháp thích hợp khoét sâu những mâu thuẫn ấy để giành thắng lợi.

Tổng Chỉ huy Pháp đầu tiên, Đại tướng Lơcle sang tái chiếm Đông Dương với phương hướng chiến lược rút ra từ cuộc chiến tranh xâm lược cuối thế kỷ XIX của Lyôtây (Louis Lyautey): chia cuộc chiến thành hai bước rõ rệt: đánh chiếm (occupation) và bình định (pacification). Riêng Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Lơcle dự kiến đánh chiếm nhanh rồi chuyển sang bình định chỉ trong vòng mấy tuần. Nhưng rồi thực tế cho thấy đó chỉ là ảo tưởng. Tình hình đất nước Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám đã thay đổi, nên ông ta buộc phải điều chỉnh và cụ thể hóa kế hoạch thêm một bước: Đánh chiếm và bình định miền Nam trước, miền Bắc sau; Miên, Lào trước, Việt Nam sau.

Ngay từ hồi đó, nói chuyện ở Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn (6-1946) và Trường Bổ túc quân sự Tông (8-1946), ông Giáp đã căn cứ vào thực tế chiến trường miền Nam nêu lên nhận xét rằng Lơcle đã dựa vào đặc điểm địa lý và dân cư của ta và khả năng hạn chế của nước Pháp mà đề ra kế hoạch như vậy. Tuy Pháp là một nước mạnh, nhưng mạnh trong thế yếu sau Thế chiến 2, còn

đất nước ta ngày nay không còn là đất nước Việt Nam hồi cuối thế kỷ XIX. Cuộc kháng chiến lâu dài của ta sẽ đẩy quân Pháp vào mâu thuẫn không tránh khỏi giữa tập trung quân để đánh chiếm với rải quân ra để phòng ngự giữ đất. Thực tế sau này đã chứng minh điều tiên đoán đó của ông Giáp là đúng cũng như chứng minh hiệu quả các biện pháp chiến lược của ông nhằm khoét sâu các mâu thuẫn chiến lược của địch.

Cục diện chiến trường suốt 9 năm cho thấy: Cuộc chiến tranh nhân dân của ta ngày càng phát triển không cho phép quân Pháp tập trung binh lực giải quyết xong vấn đề đánh chiếm rồi thảnh thơi dàn binh lực ra để bình định, kìm kẹp. Trái lại, ngay trong quá trình đánh chiếm, địch đã bị đánh trả ở các quy mô khác nhau, dưới nhiều hình thức khác nhau, bởi nhiều lực lượng kháng chiến khác nhau, buộc chúng phải căng kéo lực lượng ra đối phó làm cho sức mạnh của các lực lượng tiến công của địch không còn nguyên vẹn. Sau mỗi cuộc hành binh đánh chiếm, dù quân Pháp chiếm đóng và kiểm soát một địa bàn nào đó chúng cũng không hoàn toàn làm chủ nếu không rải quân ra hàng loạt đồn bốt để khống chế, kìm kẹp nhân dân. Ngay hệ thống tháp canh mà Tướng Đờ La Tua ken dày ở Nam Bộ những năm 1948 - 1950 cũng không giúp chúng hoàn toàn kiểm soát được tình hình, nhất là về ban đêm. Mặt khác, càng rải quân ra thì nạn khủng hoảng quân số càng thêm trầm trọng, vừa không đủ quân để bảo vệ có hiệu quả vùng tạm chiếm, càng không còn binh lực để tiếp tục các cuộc hành quân đánh chiếm. Trên thực tế, trong suốt 9 năm, địch không hoàn toàn làm chủ được địa bàn nào do chúng tạm chiếm. Khác với vùng sau lưng địch trên đất Trung Hoa trong kháng chiến chống Nhật cũng như trong nội chiến, vùng sau lưng địch của ta không phải là "vùng trắng", vì sự xuất hiện và tồn tại rất sớm những cơ sở chính trị hay vũ trang bí mật. Sớm muộn những "lõm" chính trị và vũ trang đó sẽ trở thành những khu du kích rồi căn cứ du kích trong lòng địch. Chính vì sớm khẳng định điều này nên ngay từ hồi tháng 5-1946, tại Hội nghị Đà Lạt, ông Giáp đã vạch trần trước Phái đoàn Pháp rằng lời tuyên bố của Tướng Lơcle hồi tháng 3-1946 nói rằng "miền Nam Việt Nam đã bình định xong" chỉ là một lời lừa bịp.

Mâu thuẫn giữa tập trung quân để đánh chiếm với rải quân ra phòng ngự giữ đất đã bộc lộ từ đầu năm 1946 ở Nam Bộ, khi quân Nhật đã hồi hương, quân Anh đã rút về nước, diện chiếm đóng của quân Pháp ở miền Nam đã rộng, Bộ Chỉ huy Pháp lại phải đưa một bộ phận quan trọng của Sư đoàn 9 (9è RIC) ra Bắc sau *Hiệp định sơ bộ*, do đó nạn khủng hoảng quân số đã bắt đầu trầm trọng, khiến địch không còn tiếp tục mở các cuộc tiến công lớn, sau cố gắng cuối cùng là cuộc hành quân Gô (Gaur) ra Nam Trung Bộ.

Mâu thuẫn của địch giữa tập trung và phân tán binh lực lại tái diễn vào khoảng mùa hè năm 1947, sau khi Pháp phải rải quân ra chiếm đóng các thành phố, thị xã, thị trấn và các trục giao thông chiến lược từ Đà Nẵng trở ra. Cái mà báo chí Pháp hồi đó gọi là mùa hè yên tĩnh nói lên một thực tế là Pháp không còn đủ binh lực nên sức tiến công bị chững lại. Phải qua mấy đợt tăng viện, kể cả số quân "tạm vay" của Pari, đến mùa khô năm 1947 Pháp mới tập hợp được chừng 2 vạn quân mở cuộc tiến công lên Việt Bắc. Từ đầu năm 1948 đến cuối năm 1950 là thời kỳ mà mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán binh lực của địch đã tiến dần tới mức sâu sắc nhất. Đó chính là kết quả các chiến dịch nhỏ đã từng bước buộc địch phải căng kéo lực lượng ra trên một diện rộng, đồng thời chúng lại phải thường xuyên đối phó với chiến tranh du kích đã ngày càng phát triển của ta, khiến cho khối cơ động chiến lược của địch xuống tới mức thấp nhất[10]. Không những các cuộc hành quân đánh chiếm của địch đã chững hẳn lại, mà địch còn ngày càng lún sâu vào thế phòng ngự chiến lược giữ đất, luôn ở vào thế bị động đối phó với chủ lực của ta ở mặt trận phía trước và với chiến tranh du kích trong vùng địch hậu. Đúng vào thời điểm mà lực lượng cơ động chiến lược của địch mỏng nhất (10% tổng số binh lực), Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp

chớp thời cơ ra quân đánh lớn trên chiến trường Biên giới mùa khô năm 1950, Bộ Chỉ huy Pháp không còn lực lượng để ứng cứu kịp thời và có hiệu quả nên buộc phải chấp nhận cái mà họ gọi là "thảm họa đường số 4".

Từ đầu năm 1951, việc Đờlát phát triển quân đội ngụy quy mô lớn cũng chỉ cho phép phía Pháp một năm sau mới mở được cuộc tiến công ra Hòa Bình. Nếu không kể cuộc hành binh Caxto của Nava tháng 11-1953 xuống Điện Biên Phủ nhằm mục đích phòng ngự chiến lược (bảo vệ Thượng Lào), thì cuộc hành binh Hoa sen của Đờlát ra Hòa Bình cuối năm 1951 được coi là cuộc hành binh cuối cùng mang ý nghĩa tiến công. Còn về ý đồ bình định thì, do hàng trăm cuộc càn quét lớn nhỏ cũng không sao xóa được các căn cứ du kích và khu du kích ngày càng phát triển trong vùng địch hậu, cho nên, như Tướng Mácsăng sau này nhận xét, do quân viễn chinh Pháp bị Tướng Giáp căng ra cho nên mãi đến những năm cuối của cuộc chiến tranh, công cuộc bình định vẫn còn nguyên vẹn.

Rõ ràng là thành công của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là đã sớm phát hiện tính quy luật của những mâu thuẫn ở tầm chiến lược của địch và dự kiến quy luật đó sẽ chi phối suốt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp; mọi hoạt động của ông đều nhằm khoét sâu những mâu thuẫn trên đây, cũng tức là thúc đẩy cho những mâu thuẫn chiến lược đó tác động thường xuyên hơn và ngày càng gay gắt hơn đối với quân viễn chinh Pháp.

Nhìn toàn cục, ông sớm nhận thấy quân số địch đông, trang bị mạnh, nhưng đó là sức mạnh quân sự của một nước đế quốc mới bại trận, không có tiềm lực cần thiết để chi viện cho một cuộc chiến tranh kéo dài trên một chiến trường xa hàng vạn kilômét[11]. Mặt khác, quân viễn chinh Pháp lại đứng trước một đối tượng tác chiến không ngừng lớn mạnh và khả năng chiến đấu không ngừng được nâng cao, cho nên những mâu thuẫn đó không những sớm bộc lộ ngay từ những ngày đầu mà chiến tranh càng kéo dài thì những mâu thuẫn về chiến lược của địch càng trở nên sâu sắc. Thực tế cho thấy, quá trình quân đội ta càng trưởng thành và lớn mạnh thì Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp càng có điều kiện vận dụng những biện pháp chiến lược hữu hiệu để không ngừng dồn địch ngày càng lún sâu và không tìm được lối thoát ra khỏi những mâu thuẫn đã mang tính quy luật của các cuộc chiến tranh xâm lược. Có thể nói, biện pháp chiến lược khoét sâu mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán binh lực của địch và mâu thuẫn giữa yêu cầu chiến lược làm chủ chiến trường đồng bằng với bảo vệ chiến trường rừng núi của địch là cuộc đấu trí mà ông Giáp kiên trì từng bước trong suốt 9 năm đọ sức với Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp.

Để khoét sâu mâu thuẫn thứ nhất của địch, mâu thuẫn giữa tập trung binh lực để tiến công và phân tán binh lực để phòng ngự giữ đất, trong mỗi mùa khô, các chiến dịch tiến công của các đại đoàn chủ lực đều được ông Giáp chỉ đạo triển khai trên nhiều hướng, có hướng chính, hướng phối hợp cộng với sự phối hợp chung của các chiến trường trong cả nước với chiến trường chính Bắc Bộ, đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh chiến tranh du kích trong địch hậu, dồn địch vào tình thế phải phân tán binh lực đối phó trên nhiều hướng. Sự kết hợp giữa hai hình thức chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy của ta càng chặt chẽ thì thời gian và không gian uy hiếp và căng kéo địch càng lớn, càng khiến cho chúng luôn luôn ở vào thế quân đông mà hóa ít, trang bị mạnh mà bị phân tán, không thể đáp ứng đồng thời hai nhiệm vụ tiến công để mở rộng phạm vi chiếm đóng và bảo vệ có hiệu quả vùng tạm chiếm.

Mâu thuẫn chiến lược thứ hai của địch là giữa yêu cầu đồng thời đứng chân được trên cả hai chiến trường đồng bằng và rừng núi. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo vệ vùng tạm chiếm ở đồng bằng đông người nhiều của nhằm phục vụ cho mục đích của cuộc chiến tranh xâm lược với

yêu cầu duy trì thế đứng trên chiến trường rừng núi - những địa bàn chiến lược rất quan trọng đối với địch. Càng về cuối cuộc chiến tranh (như thời Xalăng rồi Nava), do bộ đội chủ lực của ta đã trưởng thành, có khả năng đánh tiêu diệt lớn, trong khi trong vùng sau lưng địch chiến tranh du kích đã phát triển lên trình độ cao, các chiến dịch tiến công của bộ đội chủ lực đã hướng lên chiến trường rừng núi từ Tây Bắc đến Thượng - Trung - Hạ Lào và Tây Nguyên thì sự giằng xé về binh lực của địch giữa trung du, đồng bằng và rừng núi càng bộc lộ rõ. Những năm 1952 - 1954 là bước phát triển đến đỉnh cao mâu thuẫn giữa hai yêu cầu chiến lược bảo vệ đồng bằng sông Hồng với yêu cầu không thể bỏ các chiến trường rừng núi khác trên toàn bán đảo Đông Dương.

Vào năm cuối, khi cuộc chiến tranh đã phát triển đến mức cao nhất thì mấy đòn tiến công liên tiếp và gối đầu mà Tổng Tư lệnh triển khai trong đợt 1 của chiến cuộc đông - xuân 1953 - 1954 là những đòn rất hiểm, hiểm tới mức đã sớm mang tính chất quyết định số phận của kế hoạch Nava. Những đòn tiến công đó đã khoét sâu đồng thời ba mâu thuẫn của Nava:

1- Mâu thuẫn giữa chủ trương tập trung nhưng buộc phải phân tán khối cơ động chiến lược trên 40 tiểu đoàn.

2- Mâu thuẫn giữa ý đồ chuẩn bị tiến công lớn vào bước 2 của kế hoạch Nava nhưng buộc phải điều đi chống đỡ trước các đòn tiến công dồn dập trên nhiều hướng của chủ lực ta.

3- Mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo vệ vùng tạm chiếm ở đồng bằng trước sự uy hiếp của cả ba thứ quân đối phương với yêu cầu không thể để mất các địa bàn chiến lược quan trọng trên các chiến trường rừng núi.

Từ thực tế 30 năm chiến tranh giải phóng, sau này trong *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Trước sức mạnh to lớn của nhân dân ta, kẻ địch muốn đánh nhanh mà phải đánh lâu dài; muốn tạo nên một hình thái chiến tranh có chiến tuyến mà bị buộc phải tác chiến trong một hình thái chiến tranh xen kẽ, cài răng lược; muốn tập trung lực lượng mà phải phân tán lực lượng; muốn chủ động phát huy sức mạnh và cách đánh sở trường của chúng mà phải bị động đối phó với sức mạnh và cách đánh sở trường của ta; muốn tiến công mà phải phòng ngự; muốn tiêu diệt lực lượng của ta, nhưng lại bị ta tiêu diệt; muốn dùng sức mạnh để phá hủy tiềm lực của ta nhưng kết quả là chính tiềm lực của chúng bị tiêu mòn nghiêm trọng".

b- Về chỉ đạo, chỉ huy chiến dịch

Việc chỉ đạo, chỉ huy chiến dịch của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong cuộc kháng chiến chống Pháp có thể chia làm hai thời kỳ. Sau chiến dịch phản công địch trên chiến trường Việt Bắc[12], từ đầu năm 1948 đến trước mùa khô năm 1950 (tạm gọi là thời kỳ thứ nhất), quân ta triển khai các chiến dịch tiến công quy mô nhỏ và vừa, lực lượng tham gia các chiến dịch này gồm các trung đoàn chủ lực của bộ và của khu và thường do Bộ Tư lệnh khu (liên khu) trực tiếp tổ chức theo phương hướng chiến lược chung của Bộ Tổng chỉ huy. Từ Chiến dịch Biên giới đến khi chiến tranh kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ (tạm gọi là thời kỳ thứ hai) quân ta chuyển lên đánh lớn và các chiến dịch đều do các đại đoàn dự bị chiến lược của bộ tiến hành, dưới sự điều hành trực tiếp của Bộ Chỉ huy chiến dịch do Thường vụ Trung ương chỉ định. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp luôn được chỉ định là Bí thư Đảng ủy kiêm Chỉ huy trưởng chiến dịch. Trong thời kỳ thứ hai này, xen kẽ với các chiến dịch lớn do bộ trực tiếp chỉ huy, cũng còn một số chiến

dịch do Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo về phương hướng và tổ chức phối hợp về chiến lược, cấp khu hoặc đại đoàn trực tiếp chỉ huy[13].

Trong thời kỳ thứ nhất

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận thức đúng đắn về quy luật chiến tranh du kích nhất thiết phải tiến lên chiến tranh chính quy và kết hợp chặt chẽ với chiến tranh chính quy để giành thắng lợi trong chiến tranh giải phóng, nhưng ông không nóng vội mà đi từng bước vững chắc nhằm nâng dần trình độ bộ đội chủ lực từ thấp đến cao. Việc rèn luyện cho các tiểu đoàn tập trung và các trung đoàn của khu và của bộ trong các chiến dịch nhỏ nhằm chuẩn bị điều kiện tiến lên đánh tập trung quy mô lớn hơn, là theo phương hướng chiến lược của Tổng Quân ủy "đẩy mạnh vận động chiến tiến tới" trong những năm 1948 - 1950.

Như ta đã biết, sau năm đầu kháng chiến toàn quốc, việc tổ chức một chiến dịch - dù chỉ là chiến dịch nhỏ - đối với cấp khu và trung đoàn còn là vấn đề rất mới mẻ. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đặc biệt quan tâm hướng dẫn, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi ở tầm chiến lược để các khu và trung đoàn quen dần với việc tổ chức chỉ đạo, chỉ huy một chiến dịch.

Việc cấp chiến lược chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động của các ban xung phong công tác, đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, nhằm phát động chiến tranh du kích ngày càng sâu rộng, động viên, tổ chức nhân dân vùng sau lưng địch tham gia kháng chiến dưới nhiều hình thức như diệt tề trừ gian, đánh du kích, binh địch vận đã tạo thế chiến lược toàn dân đánh giặc, một thế cài răng lược giữa ta và địch làm cho quân Pháp và chính quyền tay sai ở cơ sở phải đối phó thường xuyên từ nhiều phía, tạo điều kiện thuận lợi cho các tiểu đoàn tập trung và các trung đoàn chuẩn bị và thực hành các chiến dịch nhỏ.

Trong các chỉ lệnh về mở chiến dịch nhỏ, nhất là trên chiến trường chính Bắc Bộ, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thường hướng dẫn việc chọn hướng chiến dịch thích hợp, tạo điều kiện cho các chiến dịch phát triển thuận lợi. Hướng chiến dịch do Tổng Tư lệnh chỉ định thường là trên chiến trường rừng núi, như Đông Bắc, Tây Bắc, nơi địch phân tán, yếu và sơ hở, lực lượng ứng chiến hạn chế, địch không có điều kiện phát huy hết tính năng, tác dụng của các binh khí, kỹ thuật, như không quân, pháo binh. Mỗi lần giao cho khu (hay đại đoàn hoặc các trung đoàn độc lập) mở chiến dịch trên một hướng nào đó, Tổng Tư lệnh thường ra chỉ lệnh cho nhiều hướng khác - cả trên chiến trường chính Bắc Bộ và các chiến trường toàn quốc - hoạt động phối hợp, buộc địch phân tán binh lực đối phó trên nhiều hướng, tạo thêm điều kiện cho hướng mở chiến dịch giành thắng lợi.

Trong những năm 1948 - 1950, do trình độ trang bị và kinh nghiệm chiến đấu của các tiểu đoàn, trung đoàn còn hạn chế, nên quy mô chiến dịch thường từ vài ba tiểu đoàn đến vài ba trung đoàn, phương thức tác chiến lúc đầu còn mang nặng tính du kích. Mục đích chiến dịch do cấp chiến lược nêu lên trong mấy năm đầu chưa phải lấy việc giải phóng đất đai làm chính, mà thường nhấn mạnh việc tiêu diệt địch, vừa đánh vừa rút kinh nghiệm, để trưởng thành từng bước. Khi trao nhiệm vụ mở chiến dịch, Tổng Tư lệnh thường nhấn mạnh tư tưởng chỉ đạo, nhất là tư tưởng tích cực, chủ động, bí mật, bất ngờ và chắc thắng. Ông luôn nhắc nhở cán bộ chỉ huy khắc phục tư tưởng tham ăn to đánh lớn, vượt sức của bộ đội. Quá trình trưởng thành từng bước của bộ đội chủ lực thông qua các chiến dịch nhỏ cũng là quá trình trang bị bước đầu được cải tiến[14]. Đó chính là điều kiện để tăng dần về quy mô binh lực trong từng chiến dịch và mục đích chiến dịch cũng từng bước cao hơn: bên cạnh mục đích tiêu diệt địch là chính, dần dần các chiến dịch nhỏ còn nhằm mục đích giải phóng đất đai, phá chiến thuật "vết dầu loang" của địch, thu hẹp phạm vi

chiếm đóng của chúng. Đó cũng chính là quá trình hình thành nghệ thuật chiến dịch Việt Nam (chủ yếu là nghệ thuật chiến dịch tiến công) từ chỗ manh nha lúc đầu, tiến lên dần dần hoàn chỉnh, chuẩn bị kiến thức cần thiết để bộ đội chủ lực chuyển lên đánh lớn.

Quá trình tiến bộ từng bước về khả năng tác chiến của các tiểu đoàn và trung đoàn chủ lực thông qua các chiến dịch nhỏ cũng là quá trình phát triển về biện pháp đối phó của địch, từ các cứ điểm nhỏ với các đội ứng chiến nhỏ tiến lên các cứ điểm lớn hơn rồi cụm cứ điểm với các đội ứng chiến lớn dần và quân ứng chiến bằng nhảy dù cũng bắt đầu xuất hiện. Riêng về công sự phòng ngự của địch, đó cũng là quá trình phát triển từ thô sơ, dã chiến, bằng gỗ đất và hàng cọc "lông nhím" (như Phủ Thông, Đại Bục, Đại Phác, Róm) tiến lên công sự vững chắc hơn (như Phố Lu, Nghĩa Đô). Binh lực trong cứ điểm của địch cũng tăng dần, từ một vài tiểu đội, trung đội lúc đầu, tiến lên vài trung đội, đại đội rồi đại đội tăng cường (như Đông Khê đầu năm 1950). Hỏa lực của địch cũng từ hỏa lực bộ binh chiến đấu phòng ngự tại chỗ là chủ yếu, tiến lên có hỏa lực pháo binh trong từng cụm cứ điểm rồi pháo binh yểm trợ từ xa cùng với hỏa lực máy bay.

Tùy quy mô chiến dịch, tình hình trang bị của đơn vị tham chiến của ta và điều kiện chiến trường (xa, gần, khả năng hậu cần tại chỗ, tình hình cơ sở chính trị quần chúng tại chỗ, tình hình địch), Tổng Tư lệnh thường chỉ đạo các cơ quan Tổng hành dinh tăng cường lực lượng quân báo, hỗ trợ về hậu cần, lương thực và vũ khí nặng phối thuộc (nhất là trên hướng chủ yếu) để tạo thêm điều kiện thuận lợi và bảo đảm giành thắng lợi cho chiến dịch. Cũng có trường hợp (như trong Chiến dịch Đông Bắc) do lực lượng phỉ tại chỗ rất đông, Tổng Tư lệnh dự kiến thời gian chuẩn bị lâu hơn, thận trọng hơn, nên ông đã chỉ đạo việc tiễu phỉ và chuẩn bị cơ sở chính trị làm địa bàn đứng chân cho chủ lực của khu vào mở chiến dịch. Một ví dụ khác là vào đầu năm 1954, sau khi quyết định thay đổi cách đánh ở Điện Biên Phủ, Tổng Tư lệnh đã trực tiếp giao nhiệm vụ và cử đoàn cán bộ quân nhu đuổi theo 308 khi đại đoàn được lệnh cấp tốc lật cánh sang chiến trường Lào, nhằm giúp đại đoàn giải quyết vấn đề hậu cần tiếp tế, trong điều kiện hành quân cấp tốc, chiến trường xa, ngôn ngữ bất đồng, dân cư nước bạn thưa thớt trên vùng cao. Việc đó đã thiết thực tạo thêm điều kiện thuận lợi cho đại đoàn nhanh chóng đánh sập hành lang chiến lược dọc sông Nậm Hu rồi lại nhanh chóng trở về với đội hình của toàn quân trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngoài việc theo sát quá trình diễn biến của các chiến dịch của các khu và trung đoàn để kịp thời góp ý kiến chỉ đạo (thường qua hệ thống phái viên đốc chiến của bộ phái xuống), một vấn đề mà Tổng Tư lệnh đặc biệt quan tâm là chỉ đạo việc tổng kết rút kinh nghiệm sau mỗi chiến dịch, coi đó là một bước rất cần thiết cho bước trưởng thành của cán bộ và bộ đội cũng như các cơ quan quân sự Tổng hành dinh. Trong chỉ đạo rút kinh nghiệm, Tổng Tư lệnh thường hướng dẫn việc biểu dương những trận đánh hiệu suất cao, những sáng tạo trong tổ chức, chỉ huy của cán bộ, đồng thời ông cũng rất nghiêm khắc đối với những trận đánh mạo hiểm, kết quả "được không bù mất", như các trận Phủ Thông (1948), sông Lô (1949), Nghĩa Đô, Phố Lu (1950).

Thực tế đã chứng minh, các chiến dịch nhỏ trong những năm 1948-1950, với sự chỉ đạo chặt chẽ của Tổng Quân ủy và của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp từ khâu chuẩn bị cho đến khi chiến dịch kết thúc, có tầm quan trọng đặc biệt đối với từng bước tiến vững chắc, càng đánh càng mạnh, càng trưởng thành của bộ đội chủ lực của bộ và của khu trên bước đường từ du kích tiến lên chính quy.

Trong thời kỳ thứ hai

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp bắt đầu ra quân và trực tiếp chỉ huy các chiến dịch đánh lớn khi thế trận chiến tranh nhân dân đã được củng cố và phát triển, chiến tranh du kích được mở rộng đã có khả năng phối hợp ngày càng đắc lực với các chiến dịch đánh tập trung của bộ đội chủ lực. Các trung đoàn chủ lực của bộ đã trưởng thành một bước quan trọng sau hơn 2 năm rèn luyện trong các chiến dịch nhỏ và vừa. Trên cơ sở đó, các đại đoàn chủ lực đã lần lượt ra đời[15], cơ quan quân sự Tổng hành dinh đã được củng cố, cơ quan chính trị và hậu cần của Bộ Tổng tư lệnh đã được tổ chức thành hai tổng cục cùng Bộ Tổng tham mưu trực tiếp điều hành ba ngành công tác mỗi khi Bộ Tổng tư lệnh mở chiến dịch. Trong khi đó về phía địch, lực lượng của Pháp và tay sai đã lên tới 24 vạn tên (50% là quân ngụy), nhưng lực lượng cơ động chiến lược của địch đã rất hạn chế sau khi mở rộng phạm vi chiếm đóng ra vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ, sức tiến công của địch đã bị chững lại. Từ tháng 6-1950, Mỹ đã bắt đầu viện trợ quân sự cho Pháp và năm đó Mỹ đã gánh vác chừng 20% chiến phí của Pháp ở Đông Dương. Trên chiến trường chính Bắc Bộ, tổ chức phòng ngự của địch đã hình thành các cụm cứ điểm liên hoàn hỗ trợ được cho nhau, nhất là về hỏa lực. Trên những địa bàn chiến lược quan trọng (như phòng tuyến đường số 4) hệ thống phòng ngự của địch đã được củng cố và tăng cường cả về công sự (thường có hầm ngầm), hỏa lực pháo binh yểm trợ và lực lượng ứng cứu bằng cả bộ binh và quân dù.

Trước mỗi mùa chiến dịch, Tổng Tư lệnh thường trao đổi và cùng tập thể Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy sớm dự kiến hướng chiến dịch, kịp để cho các cơ quan quân sự Tổng hành dinh cũng như các đại đoàn tranh thủ thời gian triển khai mọi công tác chuẩn bị chiến trường.Xác định hướng chiến lược là nội dung quan trọng bậc nhất của việc chỉ đạo chiến lược. Cấp chiến lược chọn đúng hướng thì chiến dịch tiến triển thuận lợi, đạt yêu cầu chiến lược đề ra cả về tiêu diệt sinh lực địch và giải phóng đất đai, chọn không đúng hướng thì chiến dịch bị "sượng", không những các đại đoàn, trung đoàn không hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ mà còn ảnh hưởng xấu đến sức mạnh chiến đấu của bộ đội và tác động không thuận lợi đối với phong trào chiến tranh du kích. Nhìn chung, từ khi quân ta bắt đầu đánh lớn cho đến khi chiến tranh kết thúc, trừ ba chiến dịch xuân - hè năm 1951 ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ, các chiến dịch khác đều đạt mục đích và yêu cầu chiến lược đề ra, tạo nên cục diện mới thuận lợi cho ta, đặc biệt là các chiến dịch quan trọng mang ý nghĩa quyết định bước ngoặt chiến lược, như các chiến dịch Biên giới và Điện Biên Phủ.

Do tương quan lực lượng, nhất là từ năm 1951 viện trợ quân sự của Mỹ ngày càng tăng, địch luôn ưu thế về trang bị kỹ thuật, cho nên phương hướng chọn địa bàn tiến công của các đại đoàn chủ lực cho đến trước Chiến dịch Điện Biên Phủ vẫn theo phương châm "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu". Chỗ yếu về thế chiến lược của địch là trên địa bàn rừng núi, nơi binh lực địch phân tán, sơ hở, địa hình không những không cho phép chúng phát huy đầy đủ tính năng chiến, kỹ thuật của các loại binh khí lớn (phi cơ, pháo binh) mà còn hạn chế khả năng cơ động lực lượng tăng viện quy mô lớn của địch. Chiến trường rừng núi lại là nơi bộ đội chủ lực của ta có thể dựa vào thế "rừng che bộ đội, rừng vây quân thù" để phát huy đầy đủ cách đánh sở trường của mình, thường là đánh đêm, kết thúc trận đánh và lui quân trước khi trời sáng.

Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp ta đều đánh giá đúng tương quan lực lượng, đều nắm vững phương châm "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu" khi chọn hướng tiến công chiến lược. Đó là vào xuân - hè năm 1951.

Sau thắng lợi vượt mức kế hoạch của Chiến dịch Biên giới, trong chỉ đạo chiến lược đã bộc lộ tư tưởng chủ quan nóng vội, đánh giá thấp địch, cho rằng thắng lợi đã đến gần nên đã mở liền ba chiến dịch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ[16]. Cả ba chiến dịch đều không đạt yêu cầu chiến lược

đề ra. Điều đáng chú ý là sau chiến dịch đầu tiên (Chiến dịch Trần Hưng Đạo trên địa bàn Vĩnh Yên cuối tháng 12-1950 đầu tháng 1-1951) ta chậm phát hiện đầy đủ và sâu sắc đặc điểm địa hình trung du, chậm thấy tình hình địch đã có nhiều thay đổi, không còn như kẻ địch trong chiến dịch trước. Chiến trường trung du địa hình tương đối bằng phẳng, với những đồi thấp, cây lúp xúp, là chiến trường mà địch không gặp trở ngại trong việc phát huy cao độ tính năng, tác dụng và uy lực của máy bay, pháo binh, cơ giới và khả năng điều động rất nhanh lực lượng ứng chiến quy mô lớn, khác hẳn chiến trường rừng núi. Về phía ta, chiến thắng Biên giới nói lên một thực tế là bộ đội ta đã trưởng thành cả về đánh công kiên và vận động, trang bị đã được cải tiến, nhưng sức mạnh của chủ lực ta là sức mạnh có điều kiện. Sức mạnh đó chỉ có thể phát huy đầy đủ trong cách đánh sở trường là đánh đêm, trên chiến trường thuận lợi và quen thuộc là chiến trường rừng núi. Do chậm phát hiện thực tế đó, sau Chiến dịch Trung du, Tổng Quân ủy và Tổng Tư lệnh mở tiếp hai chiến dịch trên hướng vùng mỏ Đông Bắc và vùng chiêm trũng Hà - Nam - Ninh, chiến trường rất xa, thời tiết và nhất là địa hình không thuận lợi. Như vậy là chỉ trong vòng sáu tháng (12-1950 - 6-1951) Tổng Quân ủy mở liên tiếp ba chiến dịch trong điều kiện không thuận lợi, cường độ hành quân chiến đấu rất cao, lại thêm thương vong, khiến sức chiến đấu của bộ đội giảm.

Bước vào mùa khô năm 1951, giữa lúc ta đang lúng túng trong việc chọn phương hướng mở chiến dịch thì Tổng Chỉ huy Đờlát mang binh lực lớn ra bên ngoài phòng tuyến boongke, đánh chiếm vùng Hòa Bình - sông Đà - đường số 6. Địch đã tạo cho ta một cơ hội bằng vàng - như cách nói của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Kịp thời và triệt để lợi dụng sai lầm của địch, ta đã giành thắng lợi lớn trong đông - xuân 1951 - 1952. Và chỉ sau thắng lợi to lớn của Chiến dịch Hòa Bình, hướng mở chiến dịch tiến công của các đại đoàn chủ lực mới được khẳng định và chuyển lên vùng rừng núi Tây Bắc, Thượng - Trung - Hạ Lào và Tây Nguyên và cũng từ đó cho đến khi kết thúc chiến tranh quân ta đã liên tiếp giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quan trọng.

Chuẩn bị chiến trường cho các chiến dịch lớn trong điều kiện thực tế của ta hồi đó (chủ yếu dựa vào sức mạnh của cơ bắp) đòi hỏi rất nhiều công sức và thời gian. Điều đó giải thích vì sao Tổng Tư lệnh luôn quan tâm tạo điều kiện cho các cơ quan quân sự Tổng hành dinh và các đại đoàn có đủ thời gian chuẩn bị chiến trường. Thực tế các chiến dịch Tây Bắc, Thượng Lào (Chiến dịch Sầm Nưa) và Điện Biên Phủ cho thấy, mỗi khi chọn địa bàn mở chiến dịch trên chiến trường rừng núi xa căn cứ, giao thông không thuận tiện, việc làm đường và sửa đường thường được Tổng Tư lệnh chỉ đạo các cơ quan tham mưu và hậu cần phối hợp với các ngành có liên quan của Chính phủ triển khai rất sớm. Quy mô đánh lớn, đường hành quân xa, lượng tiêu thụ vật chất đòi hỏi nhiều, nên một trong những điều quan tâm hàng đầu của các cơ quan quân sự Tổng hành dinh sau khi hướng chiến dịch được xác định là việc mở đường hành quân cho bộ đội và cho dân công hỏa tuyến. Càng về cuối cuộc kháng chiến, khi lực lượng vận tải cơ giới của ta bắt đầu hình thành, việc mở đường càng được Tổng Tư lệnh dự kiến từ rất sớm. Thực tế cho phép khẳng định: giành được chiến thắng trong các chiến dịch Tây Bắc, Sầm Nưa và nhất là Điện Biên Phủ, một nguyên nhân đầu tiên là Tổng hành dinh đã nhìn xa, thấy trước và kịp thời mở thêm đường và sửa chữa cầu đường quy mô lớn, đồng thời với chỉ đạo đẩy mạnh việc tiễu phỉ. Không có đường cơ động, không thể đánh lớn. Hồi đó, cán bộ tham mưu Tổng hành dinh thường nói: Câu đó của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ở vị trí chỉ đạo chiến lược đã tạo thêm điều kiện thuận lợi cho Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp ở vị trí chỉ huy trưởng giành thắng lợi trong các chiến dịch.

Một khâu quan trọng trong chuẩn bị chiến dịch là về hậu cần, trong điều kiện cụ thể lúc đó nổi lên là vấn đề lương thực. Hồi đó Chính phủ đã ban hành chính sách kinh tế mới (thuế nông

nghiệp), phong trào thi đua đóng góp cho kháng chiến của nhân dân vùng tự do cũng như vùng sau lưng địch rất cao, chúng ta lại được sự giúp đỡ của nhân dân Trung Quốc. Đó là những thuận lợi rất lớn đối với công tác hậu cần chiến dịch, mặc dù quy mô các chiến dịch những năm 1950 - 1954 ngày càng lớn và khả năng huy động tại chỗ trên các chiến trường rừng núi còn rất hạn chế. Điều quan tâm chỉ đạo của Tổng Tư lệnh đối với ngành hậu cần sau khi hướng chiến dịch đã được xác định là làm sao tổ chức huy động từ phía sau để kịp thời đáp ứng yêu cầu từng đợt của chiến dịch. Thế nhưng cũng không tránh khỏi đôi lần, do kế hoạch của hậu cần không sát hoặc vì khó khăn do địch và thời tiết gây nên, đã từng có trường hợp vấn đề cung cấp lương thực trở nên nóng bỏng như trong Chiến dịch Hà - Nam - Ninh hay một số ngày trong Chiến dịch Điện Biên Phủ và đặc biệt là hàng tuần lễ căng thẳng do tắc đường vận chuyển ở Khâu Vác trong Chiến dịch Tây Bắc.

Để giành thắng lợi trong mỗi mùa khô, nếu với cấp chiến lược là vấn đề chọn đúng hướng tiến công thì với cấp chiến dịch, vấn đề hàng đầu là chọn đúng cách đánh.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã thành công trong chỉ đạo, chỉ huy các chiến dịch lớn không những nhờ xác định đúng cách đánh ngay từ đầu mà trong rất nhiều trường hợp ông còn nhạy bén phát hiện phương châm và kế hoạch tác chiến không phù hợp và đã kịp thời thay đổi cách đánh để dẫn dắt toàn quân đi đến thắng lợi vào những thời điểm đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống Pháp, như các chiến dịch Việt Bắc, Biên giới và Điện Biên Phủ. Thắng lợi của ba chiến dịch đó thể hiện sự sáng suốt, nhạy bén, tinh thần thực sự cầu thị đánh giá đúng tình hình thực tế, biết xuất phát từ thực tế để hành động theo đúng quy luật, đồng thời không chủ quan bảo thủ, có dũng khí dám sửa chữa sai lầm kể cả trong những hoàn cảnh gay cấn nhất. Theo cách nói của tướng lĩnh và sử gia nước ngoài, đó là dũng khí của một thống soái quân sự cỡ lớn.

Nếu ở tầm vĩ mô, chiến lược, ta đã thấy một nét đặc sắc trong bản lĩnh cầm quân của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là khả năng phát hiện những chỗ yếu cơ bản đằng sau cái mạnh thực sự của địch để tìm biện pháp hữu hiệu nhằm khoét sâu chỗ yếu, hạn chế đi đến vô hiệu hóa chỗ mạnh của chúng để giành thắng lợi, thì ở tầm chiến dịch ta cũng thấy bản lĩnh đó của ông.

Trong mùa khô đầu tiên, ông đã nhằm vào chỗ yếu chí tử của địch là cuộc hành binh của hàng vạn quân cách xa căn cứ mấy trăm kilômét, quân đông nhưng dàn mỏng trên một diện rất rộng của chiến trường rừng núi, hoàn toàn phụ thuộc vào các đoàn vận tải trên bộ và trên sông để giải quyết vấn đề tăng viện tiếp tế, nhất là điểm yếu của gọng kìm phía tây. Ông chỉ ra cách đánh thích hợp với trình độ bộ đội ta hồi đó là phục kích quân địch vận động cả trên bộ và trên sông, từng bước hạn chế đi đến bẻ gãy gọng kìm của địch, buộc địch phải lui quân.

Điểm mạnh của địch trên tuyến phòng thủ đường số 4 là quân đông, công sự đã được củng cố vững chắc sau trận Đông Khê cuối tháng 5-1950. Nhưng chỗ yếu của địch là rải quân ra chiếm đóng suốt chiều dài của con đường bằng những cụm cứ điểm cô lập, mỗi vị trí rất cách xa nhau, chỉ có thể ứng cứu bằng viện binh, nhất là quân dù. Chặt đứt phòng tuyến bằng trận mở màn, buộc địch hoặc phải rút chạy khỏi Cao Bằng, hoặc phải đưa quân theo đường bộ lên chiếm lại Đông Khê, trong cả hai trường hợp quân ta đều có cơ hội tiêu diệt viện binh địch.

Tướng Đờlát đem quân đánh ra Hòa Bình, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp phát hiện điểm mạnh của địch là quân đông, trang bị mạnh, trong đó có tập đoàn cứ điểm vừa hình thành trong thị xã; chỗ yếu cơ bản của chúng là giao thông tiếp tế cho hàng vạn quân thoát ly vành đai boongke ra một chiến trường rừng núi xa căn cứ đồng bằng. Mặt khác, ông cũng lường trước bộ đội ta chưa

đủ sức đánh bại một hình thức phòng ngự mới là tập đoàn cứ điểm, nên ông tập trung lực lượng khoét sâu khó khăn của địch là tiếp tế tăng viện trên đường số 6 và sông Đà. Điểm mới trong cách đánh trong chiến dịch này là nhân thời cơ địch sơ hở trong vùng địch hậu, ông lệnh đưa hai đại đoàn chủ lực vào hoạt động ở trung du và đồng bằng, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của nhân dân đang gặp khó khăn trong vùng tạm bị chiếm, căng kéo lực lượng địch giữa hai mặt trận phía trước và vùng địch hậu. Đây là một sáng tạo mới trong chỉ đạo chiến dịch có tầm chiến lược, là một đòn chiến lược hiểm, góp phần quan trọng vào cải thiện tình hình vùng sau lưng địch có lợi cho ta, đồng thời phối hợp đắc lực với chiến dịch ở phía trước, buộc địch không thể kéo dài tình trạng lực lượng bị căng kéo, cuối cùng phải lui quân khỏi Mặt trận Hòa Bình.

Mỗi chiến dịch có những đặc điểm và điều kiện riêng, nên Tổng Tư lệnh luôn nhấn mạnh yêu cầu cán bộ phải nắm vững về tình hình địch, ta, quán triệt mục đích yêu cầu, phương châm tác chiến và tư tưởng chỉ đạo tác chiến chiến dịch. Bên cạnh những chỉ lệnh hướng dẫn và những mệnh lệnh tác chiến bằng văn bản, thói quen của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là mở hội nghị cán bộ chiến dịch, từ hội nghị trao nhiệm vụ sơ bộ đến hội nghị kiểm tra công tác chuẩn bị lần cuối trước ngày nổ súng và cuối cùng là hội nghị tổng kết chiến dịch. Đó thực chất cũng là những lớp tập huấn ngắn ngày thực hiện dưới hình thức dân chủ quân sự, nhất là trước ngày nổ súng. Khi giao nhiệm vụ, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thường động viên cán bộ trực tiếp đi nghiên cứu chiến trường, nắm thật vững tình hình bố trí của địch để củng cố lòng tin vào chủ trương và kế hoạch tác chiến, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, chỉ huy tác chiến của đơn vị. Trong chiến dịch đánh lớn đầu tiên, việc Tổng Tư lệnh đích thân đi trinh sát thực địa để có cơ sở thực tế hạ quyết tâm đúng đắn về chọn mục tiêu mở màn Chiến dịch Biên giới. Đây là một tấm gương đối với cán bộ trung đoàn, đại đoàn và cơ quan chiến dịch, được cán bộ đánh giá cao và noi theo. Trong hội nghị chuẩn bị chiến dịch, Tổng Tư lệnh đặc biệt quan tâm động viên giáo dục cán bộ xử trí tình huống cho chính xác, kịp thời; phát huy tính linh hoạt, sáng tạo trong cách đánh, không bỏ lỡ thời cơ diệt địch và dù trong mọi trường hợp thuận lợi hoặc thắng lợi đều không được chủ quan khinh địch. Khi giao nhiệm vụ, ông thường khuyến khích cán bộ nói hết những điều khó khăn, vướng mắc, không những nhằm đánh giá trình độ cán bộ quán triệt nhiệm vụ như thế nào mà còn giúp tìm biện pháp giải quyết thỏa đáng những vấn đề tồn tại để đảm bảo thắng lợi cho chiến dịch. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp ông đều động viên được cán bộ nói hết những điều chưa "thông" của mình. Khi nghe và thảo luận kế hoạch tác chiến trong Hội nghị Thẩm Púa (Chiến dịch Điện Biên Phủ), có những cán bộ không tin rằng chiến dịch có thể giành thắng lợi bằng cách "đánh nhanh giải quyết nhanh", nhưng vì nhiều lý do khác nhau nên cán bộ chưa nói hết những điều muốn nói.

Trong việc giao nhiệm vụ trước khi bước vào chiến dịch (hoặc trong quá trình diễn biến của chiến dịch), Tổng Tư lệnh thường căn cứ vào điều kiện và sở trường của từng đại đoàn, từng trung đoàn. Đánh cụm cứ điểm Đông Khê (trong Chiến dịch Biên giới), ngoài Trung đoàn 209, ông chỉ định đơn vị đã từng tiêu diệt Đông Khê lần 1, đó là Trung đoàn 174; đánh địch vận động ở Xuân Trạch (trong Chiến dịch Trần Hưng Đạo) hay đánh viện binh địch trên hướng Ba Vì (trong Chiến dịch Hoà Bình), ông giao cho Đại đoàn 312; cơ động về đánh địch ở Phú Thọ (trong Chiến dịch Tây Bắc) hoặc bôn tập đến cắm chốt ở Tây Trang (đề phòng địch rút chạy sang Thượng Lào trước khi ta nổ súng ở Điện Biên Phủ), ông giao cho Trung đoàn 36 là trung đoàn có sở trường về cơ động nhanh; chuyển hướng sang Thượng Lào (dọc sông Nậm Hu - sau khi thay đổi phương châm trong Chiến dịch Điện Biên Phủ) ông giao cho Đại đoàn 308, không chỉ vì đại đoàn này đang đứng chân ở hướng tây cánh đồng Mường Thanh, tiện lật cánh, mà còn vì khả

năng chiến đấu của Đại đoàn Quân Tiên phong và tác phong chỉ huy "quân lệnh như sơn" của Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ, v.v..

Khi tiến hành một chiến dịch do bộ trực tiếp điều hành, Tổng Tư lệnh rất quan tâm theo dõi và giúp đỡ ba cơ quan trong sở chỉ huy chiến dịch, từ khâu xây dựng kế hoạch và triển khai công tác chuẩn bị chiến trường cũng như trong quá trình diễn biến chiến dịch. Ngay từ Chiến dịch Việt Bắc, khi tổ chức và trình độ nghiệp vụ công tác chính trị của các đơn vị còn hạn chế, ông luôn chỉ thị và hướng dẫn cho Cục Chính trị và cán bộ chỉ huy các hướng phải làm sao cho công tác chính trị đuổi kịp yêu cầu tác chiến của bộ đội. Khi bộ đội chớm xuất hiện hiện tượng mệt mỏi trong quá trình đánh địch ở khu vực Cốc Xá - 477 (trong Chiến dịch Biên giới), ông trao đổi với Chủ nhiệm Chính trị Lê Liêm về việc chỉ đạo động viên bộ đội vượt mọi khó khăn thử thách, thực hiện bằng được chỉ thị của Cụ Hồ và quyết tâm của Đảng ủy chiến dịch là tiêu diệt gọn hai binh đoàn địch. Gặp khó khăn về vấn đề gạo trong Chiến dịch Tây Bắc và Chiến dịch Điện Biên Phủ, Chỉ huy trưởng dành nhiều thời gian cùng cơ quan hậu cần họp bàn biện pháp khắc phục và ông đã tạo mọi điều kiện cho anh em cơ quan hoàn thành nhiệm vụ, kể cả những việc đòi hỏi huy động lực lượng và tổ chức rất công phu như điều công binh lên phá thác dọc sông Nậm Na để có thể chở gạo từ bản Nậm Cúm về Lai Châu rồi chuyển tiếp về Điện Biên. Riêng với cơ quan tham mưu, ngoài việc theo dõi và chỉ đạo công tác xây dựng kế hoạch tác chiến sao cho sát đúng và bám sát tình hình thay đổi của địch trước ngày nổ súng, trong quá trình diễn biến chiến dịch ông thường theo sát công việc của bộ phận trinh sát - nhất là tổ trinh sát kỹ thuật - để kịp thời khai thác tin tức thu được của địch bằng đài vô tuyến, nhằm phục vụ cho việc xử trí các tình huống, đáng kể nhất là trong những ngày hết sức khẩn trương trong chiến dịch giải phóng Sầm Nưa và đặc biệt là trong 12 ngày đêm bám sát những thay đổi của địch trên cánh đồng Mường Thanh để đi đến quyết định thay đổi phương châm tác chiến ở Điện Biên Phủ.

Mỗi mùa khô đến, trong khi một bộ phận cơ quan Tham mưu, Chính trị, Hậu cần ra phía trước hình thành sở chỉ huy tiền phương giúp Tổng Tư lệnh điều hành chiến dịch thì bộ phận "ở nhà" quán xuyến mọi việc, từ theo dõi và chỉ đạo hoạt động của các chiến trường trong cả nước, tổng hợp tình hình chiến sự báo cáo định kỳ lên Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đến chỉ đạo việc sẵn sàng chiến đấu bảo vệ hậu phương và đặc biệt là vượt mọi khó khăn đáp ứng yêu cầu của phía trước. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, trong khi các ông Hoàng Văn Thái, Lê Liêm, Đặng Kim Giang ra mặt trận thì các ông Văn Tiến Dũng, Nguyễn Chí Thanh, Trần Đăng Ninh ở hậu phương chỉ đạo các chiến trường phối hợp mà quan trọng nhất là chiến trường địch hậu đồng bằng sông Hồng. Trước khi chiến dịch bắt đầu và nhất là sau khi có nghị quyết ngày 19-4-1954 của Bộ Chính trị, các ông đã từng thay nhau xuống các địa phương, nhất là Thanh Hóa, họp cán bộ bàn việc huy động lương thực cho tiền tuyến. Các cục, phòng được lệnh đáp ứng mọi yêu cầu của phía trước, trong đó có những việc đặc biệt khẩn trương như sao chép và in lại mấy trăm tấm bản đồ Điện Biên Phủ (thu được của địch) để kịp gửi ra mặt trận trước ngày nổ súng. Hồi đó, anh em tham mưu nói với nhau rằng chiếc máy điện thoại dự trữ cuối cùng trong kho cũng đã ra tiền tuyến. Khi số lượng tù binh ở Điện Biên Phủ lên tới mức ngoài dự kiến, đã từng xảy ra chuyện "xáo trộn" trong một số phòng, cục trong các cơ quan quân sự Tổng hành dinh ở hậu phương. Chẳng là từ phía trước có lệnh báo về: tất cả cán bộ nào biết tiếng Pháp, nếu có người có thể thay thế đảm nhiệm công việc thì lên ngay Điện Biên Phủ. Ngoài mặt trận đang thiếu rất nhiều cán bộ để quản lý tù binh. Những đồng chí đó sẽ sung vào đội ngũ cán bộ địch vận cho đến khi trao trả xong, có thể đến khoảng tháng 7, tháng 8 hoặc lâu hơn nữa. Thực tế, phải đến tháng 10, khi việc trao trả tù binh ở Việt Trì và Thanh Hóa đã hoàn tất, số cán bộ "địch vận bán chuyên nghiệp" đó mới trở về cơ quan. Khi phân tích nguyên nhân giành thắng lợi của mỗi chiến dịch, Tổng Tư

lệnh Võ Nguyên Giáp luôn nêu ý kiến nhận xét và biểu dương thành tích của các cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần trong sở chỉ huy chiến dịch, đồng thời ông cũng không quên bộ phận "ở nhà", những người đã góp phần vào thắng lợi chung trên từng cương vị công tác riêng của mình.

Sau mỗi chiến dịch, Tổng Tư lệnh thường dành thời gian đi thị sát chiến trường, để có cơ sở rút ra được những kết luận chính xác, nhất là về địch. Chính qua các vị trí như Đông Khê, Đồng Đăng, Pheo, đồi A1, v.v. mà ông có cơ sở thực tế để suy nghĩ về cách đánh giá sao cho thật đúng tinh thần quân địch, đánh giá đúng trình độ, khả năng và kinh nghiệm tổ chức phòng ngự của quân Pháp và tính ngoan cố của binh lính địch dựa vào ưu thế của công sự và hỏa lực để chống trả quyết liệt khi bị tiến công.

Đòi hỏi cán bộ phải đi sâu, đi sát để nắm vững tình hình và không bỏ lỡ thời cơ diệt địch cũng chính là những nội dung ông thường đi sâu phân tích trong các báo cáo tổng kết chiến dịch. Ông rất nghiêm khắc với tác phong chỉ huy quan liêu đại khái không nắm vững tình hình địch và cũng không nắm chắc bộ đội, báo cáo sai sự thật, những trận đánh "được không bù mất" và những trường hợp để lỡ thời cơ tiêu diệt địch. Tuy nhiên, ông tỏ ra rất khoan dung khi phân tích bối cảnh nảy sinh khuyết điểm - thậm chí khuyết điểm lớn trong chỉ huy của cán bộ. Ví dụ như trường hợp Đại đoàn 308 để Binh đoàn Lơpagiơ đi qua trận địa phục kích mà không đánh được. Ông hiểu rằng trải qua gần 10 ngày nóng lòng kiên trì chờ viện, khi có lệnh đi chuẩn bị tiến công Thất Khê thì thật dễ hiểu nếu không chỉ đạo chặt chẽ, cán bộ rất dễ "quên" nhiệm vụ phục kích đón viện binh địch từ Thất Khê lên.

Đánh giá tình hình địch và tình hình bộ đội cho thật đúng thực chất sau một thắng lợi lớn của ta, thất bại lớn của địch, là một điều Tổng Tư lệnh hết sức coi trọng. Ông vẫn thường nhắc nhở cán bộ đánh giá đúng điều kiện thắng của ta cùng với những nguyên nhân hạn chế thắng lợi đó, nguyên nhân vì sao địch thất bại và đặc biệt là trong nhiều chiến dịch thắng lợi, thậm chí thắng lợi rất lớn, ông thường nhấn mạnh với cán bộ: chớ vội chủ quan khinh địch.

Ngay từ chiến thắng Việt Bắc, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã kịp thời chỉ cho cán bộ thấy những yếu kém của một đội quân thơ ấu, lần đầu tiên đối mặt quy mô lớn với địch, nguyên nhân của những yếu kém đó và cuối cùng ông chỉ ra phương hướng khắc phục. Chiến thắng Biên giới đánh dấu một bước trưởng thành vượt bậc của bộ đội trong một chiến dịch đầu tiên đánh công kiên và vận động quy mô lớn. Nhưng với tầm nhìn chiến lược của người cầm quân, ngoài những yếu tố chủ quan của ta, ông đã thấy và chỉ ra cho cán bộ thấy những khuyết điểm và nhược điểm về phía địch đã "góp phần" làm nên chiến thắng đó. Sai lầm đầu tiên của địch là thời cơ và phương thức tháo chạy khỏi Cao Bằng. Tiếp đến, như nhận định sau này của ông, nếu không vì hoảng loạn của cấp dưới và vì sai lầm trong chỉ đạo, chỉ huy của tướng lĩnh, địch cố thủ ở Đồng Đăng, Lạng Sơn thì bộ đội ta sẽ còn gặp không ít khó khăn và phải thêm một chiến dịch nữa mới đẩy được chúng ra khỏi đường số 4. Bởi vậy, với con mắt khách quan toàn diện và với tinh thần dám nhìn thẳng vào sự thật, trong Hội nghị Đảng ủy mở rộng sau chiến thắng Biên giới, ông nói: "Chiến dịch này chúng ta đã hoàn toàn thắng, nhưng cần chú trọng một điều là kỳ này ta đánh với một kẻ thù không có tinh thần tiến công, tránh giáp chiến (Binh đoàn Lơpagiơ), với một kẻ địch rút lui (Binh đoàn Sáctông) và trong điều kiện thiên thời, địa lợi có lợi cho ta. Do đó, chúng ta cần tránh tư tưởng chủ quan khinh địch". Và ông còn thấy trước, do bị thất bại ở biên giới, "địch bị kích động, sẽ đánh giá ta hơi cao, đồng thời cũng sẽ chuẩn bị đối phó với một trình độ cao hơn".

Dự kiến đó không những chỉ được chứng minh trong các chiến dịch xuân - hè năm 1951 mà cả trong Chiến dịch Hòa Bình. Cụ thể là, đi thị sát chiến trường Hòa Bình sau chiến thắng, ông thấy rất nhiều điểm mới về phía địch: Về bố phòng, trước mắt ông hiện ra một hình thái phòng ngự mới của quân Pháp hoàn toàn khác với các cứ điểm trước đây; thực tế chỉ rõ quân Pháp đặc biệt giỏi trong bố trí phòng ngự; về yếu tố tinh thần của địch, ông nói ta thường hiểu chỗ yếu của địch là tinh thần; gần đây ta hay nói về tinh thần bạc nhược của binh lính Pháp trong Chiến dịch Biên giới. Nay ta đã thấy rõ thêm cái mạnh của quân đội nhà nghề, ta không thể không nghĩ tới sự chống trả quyết liệt của quân Pháp trong những trận đánh cứ điểm, một số nơi những tên lính cuối cùng chỉ chịu hạ vũ khí sau khi đã bắn hết đạn. Về tổ chức rút lui, ông nhận thấy "cũng trên địa hình rừng núi nhưng cuộc rút lui của quân Pháp ở Cao Bằng và ở Hòa Bình hoàn toàn khác nhau. Rõ ràng là quân Pháp biết rút kinh nghiệm kịp thời những trận đánh thất bại".

Một ví dụ khác là, cũng với tinh thần dám nhìn thẳng vào những thiếu sót của ta trong Chiến dịch Hòa Bình (một chiến dịch thắng lớn nhưng quân ta bỏ nhiều cơ hội diệt GM 4 ở Ba Vì, 2 tiểu đoàn dù ở Ba Trại, GM 1 khi chúng lên mỏm 600, diệt địch khi chúng rút lui), tại hội nghị hướng dẫn tổng kết, ông nói với cán bộ: "Chúng ta không thể nói được rằng "chúng tôi đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch và đã làm tròn nhiệm vụ". Nói như vậy là tự mãn. Với tinh thần của người quân nhân cách mạng, chúng ta phải nhận rằng đáng lẽ chúng ta thu được thắng lợi lớn hơn, nhưng vì chúng ta phạm nhiều khuyết điểm nên thắng lợi đó đã bị hạn chế một phần. Cần nhận rõ ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch nhưng cũng cần nhìn rõ khuyết điểm của ta để sửa chữa; cần tránh bi quan, đồng thời phải tránh chủ quan tự mãn".

Nghiên cứu về quân đội ta, khi nói về sự giáo dục của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đối với cấp dưới sau mỗi chiến dịch, Tướng Pháp Raun Xalăng đã có lý khi nhận xét trong hồi ký rằng: "Mỗi lời phê bình của thủ trưởng đều thấm xuống dưới và các bài học vừa rút ra đều được vận dụng vào nhiệm vụ chiến đấu tiếp theo. Một quân đội như vậy là một công cụ chiến đấu không gì có thể so sánh được".

IV- Cây đại thụ rợp bóng nhân văn

Với những tình cảm và lòng mến phục đặc biệt, anh em cựu chiến binh lớn tuổi công tác ở cơ quan Tổng hành dinh trước đây thường nói với nhau về niềm tin yêu và ngưỡng mộ của toàn dân, toàn quân đối với Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Tình cảm đó bắt nguồn từ đâu? Từ thực tế cuộc sống và chiến đấu của ông trong hơn 30 năm cầm quân, dưới con mắt của bạn bè trong và ngoài nước, của cán bộ cấp dưới ở đơn vị cũng như trong cơ quan Tổng hành dinh, của các tầng lớp nhân dân từ Bắc vào Nam và xa hơn nữa, còn từ những kỷ niệm cũ nặng tình thầy trò vẫn lắng đọng trong lòng học sinh Thăng Long những năm 30 của thế kỷ trước.

Người ta nói về tài thao lược của ông một phần - tất nhiên là phần chủ yếu - nhưng cũng có những việc chỉ có thể thấy ở Võ Nguyên Giáp, những việc cụ thể *rất Võ Nguyên Giáp*. Ví như mấy dòng, chỉ mấy dòng thôi, tỏ lòng thương tiếc Văn Cao khi người nhạc sĩ (mà ông gọi là "tài ba xuất chúng") này qua đời. Hay ví như bức thư gửi nhân dân một xã vùng cao Nguyên Bình, Cao Bằng, cám ơn đồng bào cưu mang đùm bọc, dù chỉ bằng cháo bẹ, chăn sui, những ngày trứng nước của cách mạng. Bức thư viết trên trang giấy bình thường nhưng nó toát lên một tình cảm ấm cúng của ông đối với bà con dân bản. Bức thư được đặt trong khung kính, treo trang trọng giữa Văn phòng ủy ban. Anh em cán bộ Tổng hành dinh chưa quên sự quan tâm động viên của Tổng Tư lệnh đối với nhân viên quân y ngoài mặt trận, từ bức thư ngắn gửi bác sĩ Nguyễn Thúc Mậu ở mặt trận Lạng Sơn tháng 4-1947 đến cú điện thoại trao đổi với giáo sư, bác sĩ Tôn

Thất Tùng ở mặt trận Điện Biên tháng 4-1954, tất cả đều nhằm động viên anh chị em từ bác sĩ đến hộ lý vượt mọi khó khăn thử thách cứu chữa thương binh. Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, vậy mà ông vẫn nhớ tường tận những chiến sĩ lập công xuất sắc trong kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Quốc Trị là một trong mấy Anh hùng quân đội được tuyên dương ngay từ Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua lần thứ nhất. Năm trước, khi gia đình ông Nguyễn Quốc Trị lập nhà tưởng niệm, có ngỏ lời "xin Đại tướng mấy chữ". Ông đã tự tay viết và chỉ mấy dòng ngắn gọn, ông nhắc đến người cán bộ đại đội mà năm xưa ông đã tặng cho danh hiệu *Nhanh như sóc - Mạnh như hổ* do tác phong chiến đấu dũng mãnh của Nguyễn Quốc Trị trong trận Tu Vũ - Chiến dịch Hòa Bình. Trang viết có chữ ký của ông được phóng to, lồng kính treo trang trọng trong nhà lưu niệm, khiến cả dòng họ càng tăng thêm niềm tự hào vì sự quan tâm của ông đối với người thân của gia đình. Trong không khí hữu nghị, thân tình, đầm ấm khi tiếp tổng thống một nước bạn châu Phi, theo đề nghị của khách, ông nhờ chuyển một thông điệp đến nhân dân nước bạn khẩu hiệu của Cụ Hồ: *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công,* đồng thời gửi riêng cho thanh niên nước bạn một lời nhắn: lớp trẻ muốn tiến bộ phải học tập. Nhiều, rất nhiều những việc cụ thể, người thật và việc thật được anh em nhắc đến mỗi khi có dịp nói về ông. Anh em phân tích chủ nghĩa nhân văn trong con người Võ Nguyên Giáp, ví ông như cây đại thụ rợp mát tình người, nổi lên là tình thương yêu đồng đội.

Người ta thường biểu lộ tình cảm và sự mến phục Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp bằng cách nhìn, cách nhận xét và biểu lộ tình cảm kính yêu, mến phục từ nhiều góc cạnh khác nhau. Có vị tướng chỉ muốn gọi Võ Nguyên Giáp bằng cái tên gần gụi sao cho thể hiện tình cảm yêu mến của toàn quân, cái tên *người Anh cả của quân đội* mà Cụ Hồ đã gọi. Có người nước ngoài thể hiện sự ngưỡng mộ ngay từ đầu, chỉ bằng quan sát khuôn mặt của ông, như trường hợp sử gia Pháp J. Lacutuya. Khi còn là một nhà báo trẻ, lần đầu sang Đông Dương và gặp vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ (mà ông ta gọi là Bộ An ninh công cộng - Sécurité publique), khuôn mặt vị bộ trưởng 35 tuổi đã gây ấn tượng mạnh đối với người đối thoại. Trong cuốn *Võ Nguyên Giáp - Một chân dung,* J. Lacutuya viết: "Đặc biệt là sự sống động và sức cuốn hút của đôi mắt. Khuôn mặt khiến người mà nó chinh phục thêm bối rối: đây đâu phải là con người dễ bề chịu lấn lướt hoặc là kẻ có thể bị thuyết phục từ bỏ các mục tiêu của mình. Ông Giáp quả là một trong những hiện thân của cách mạng - vừa theo chủ nghĩa xã hội, vừa yêu nước, vừa lãng mạn, vừa khoa học. Cặp mắt sáng rực và cử chỉ sôi nổi, giọng nói lúc đầy xúc động, lúc hài hước. Không một người Việt Nam nào để lại một ấn tượng mạnh như thế đối với tôi".

Bạn bè ấn Độ, Cuba cũng như các nước châu Phi thường biểu lộ tình cảm đối với vị khách quý Võ Nguyên Giáp theo cách riêng của mình, nhưng rất giống nhau trên một điểm. Đó là, nếu nhân dân đông đảo có thái độ hết sức sôi nổi, hồ hởi trên đường phố khi đón tiếp Võ Nguyên Giáp sang thăm (thường vang lên những tiếng hô *Việt Nam - Hồ Chí Minh! Giáp! Giáp!),* thì trong phòng khách, các vị lãnh đạo lại thể hiện những tình cảm rất đằm thắm, chân thành, tỏ rõ chiều sâu của lòng mến phục một người bạn lớn, đại diện cho một dân tộc rất thân thiết với thế giới thứ ba.

Ông K. ănggôla, Bộ trưởng người Namibia, đại diện cho 23 đoàn khách châu Phi đến thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhân dịp sang dự hội thảo Việt Nam - châu Phi, đã chân tình bộc lộ rằng: Trong suốt cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc, các nhà lãnh đạo Namibia luôn mang theo bên mình những cuốn sách của Tướng Giáp về đấu tranh cách mạng. Bản thân ông K. ănggôla đã dành nhiều thời gian để tìm hiểu và đánh giá những đóng góp to lớn của cách mạng Việt Nam đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước châu Phi, trong đó có chiến thắng Điện Biên Phủ, gắn liền với tên tuổi của Tướng Giáp.

Thống chế Mehra, Tư lệnh các lực lượng phòng không - không quân ấn Độ dẫn đầu đoàn cán bộ quân sự cao cấp sang thăm Việt Nam tháng 2-1989. Ông không giấu giếm nói rằng trong chuyến đi này ông chỉ mong được gặp Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Các phóng viên tường thuật rằng, tại Nhà khách Chính phủ chiều ngày 22-2, sau khi ra tận xe đón chào và ôm hôn vị đại diện Chính phủ đến tiếp đoàn, câu nói đầu tiên của Thống chế Mehra đã phản ánh điều mong ước đó: Thưa Ngài Tổng Tư lệnh kính mến[17]! Mấy hôm nay tôi có linh tính là được gặp Ngài. Và giờ đây được gặp Ngài là một vinh dự lớn cho đoàn và cho riêng vợ chồng tôi. Không có gì phải giấu giếm và rất chân thật nói với Ngài rằng, lòng mong muốn được gặp Ngài là một nguyện vọng chính của tôi trong chuyến đi này".

Sau khi nói rằng cuốn *Điện Biên Phủ* đã trở thành cuốn sách gối đầu giường của nhiều tướng lĩnh ấn Độ, rằng trong dư luận rộng lớn ở ấn Độ, nhất là trong quân đội, ở đâu cũng nhắc đến Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên - Võ Nguyên Giáp, Thống chế Mehra nói: Khi Việt Nam đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng không quân, bắn rơi nhiều chục pháo đài bay B.52, bắt sống nhiều phi công của đối phương, làm nên một "Điện Biên Phủ trên không" trên bầu trời Thủ đô của Ngài, tôi thực sự kinh ngạc và vô cùng khâm phục. Tôi cho đây là một kỳ tích có một không hai của những cuộc chiến tranh trên không trong thế kỷ XX.

Thống chế khẳng định thắng lợi của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chắc chắn sẽ được thế giới ca ngợi như một cuộc chiến đấu giành độc lập tự do vĩ đại nhất của nhân loại. "Vì vậy, tôi nghĩ rằng ở châu á chúng ta, Ngài không chỉ là một nhà chỉ huy chiến thuật xuất sắc nhất, mà còn là một nhà chỉ huy chiến lược tài ba lỗi lạc nhất. Ngài là một vị tướng của huyền thoại".

Buổi tiếp khách dài hơn thời gian dự kiến. Trong phút chia tay tràn đầy lưu luyến, Thống chế Mehra nắm chặt hai tay người đại diện Chính phủ Việt Nam hồi lâu, rất chân tình nhắc lại lời nói tự đáy lòng:

- Giờ đây đã được gặp Ngài rồi, tôi vẫn giữ nguyên trong ý niệm của mình rằng Ngài sẽ mãi mãi là một vị tướng của huyền thoại.

Cách xưng hô của Thống chế Mehra trùng hợp với cách suy nghĩ của Thượng tướng Trần Văn Trà. Ông Trà lập luận: "Tôi nghĩ rằng không nên gọi Võ Nguyên Giáp là Đại tướng. Gọi "Đại tướng" không sai nhưng không biểu hiện được vai trò đứng đầu toàn quân của Võ Nguyên Giáp và mối quan hệ của Võ Nguyên Giáp với toàn quân. Nên gọi là Tổng Tư lệnh hoặc anh Văn.

Gọi "Tổng Tư lệnh" là gọi một cách trang trọng. Từ đầu kháng chiến anh Văn đứng vững ở cương vị Bí thư Quân ủy Trung ương và cương vị Tổng Tư lệnh để chỉ huy tất cả các chính ủy, các tư lệnh và các tướng, suốt hai cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị. Vậy muốn gọi Võ Nguyên Giáp một cách trang trọng theo chức vị, tôi cho rằng gọi Tổng Tư lệnh là đúng hơn cả. Bác Hồ là Tổng Tư lệnh cao nhất của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Võ Nguyên Giáp là Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam.

Còn gọi "anh Văn" là gọi cách thân mật. Hai chữ "anh Văn" vừa nói lên vai trò của Võ Nguyên Giáp trong quân đội, vừa nói lên quan hệ vô cùng mật thiết của Võ Nguyên Giáp đối với toàn quân và giới trí thức cũng như giới văn nghệ sĩ.

Phải công nhận một thực tế: anh Văn có hạnh phúc lớn là được hưởng niềm yêu mến gần như tuyệt đối của toàn quân. Nói một cách khác, trong toàn quân, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là

người giữ được uy tín gần như tuyệt đối từ ngày thành lập quân đội đến suốt hai cuộc kháng chiến vừa qua và kể cả cho tới hôm nay.

Tôi còn biết nhiều anh em trí thức và văn nghệ sĩ danh tiếng cũng hết sức quý trọng Võ Nguyên Giáp. Giáo sư Tôn Thất Tùng, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước chẳng hạn".

Nhiều tướng lĩnh nói rằng "tính nhân văn" trong phong cách cầm quân của Võ Nguyên Giáp là một trong những nguyên nhân quan trọng hàng đầu khiến ông được toàn quân quý mến. Theo Tướng Hoàng Minh Thảo thì "Tổng Tư lệnh không bao giờ chấp nhận một chiến thắng phải trả bằng bất kỳ giá nào về xương máu chiến sĩ do những quyết định tùy tiện hoặc thiếu thận trọng gây ra. Không bao giờ, không bao giờ Tổng Tư lệnh chấp nhận như vậy. Tất cả xuất phát từ trái tim của Anh. Đó là cách đánh, cách tiến công nhân văn chủ nghĩa của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp".

Cán bộ tham mưu tác chiến có mặt tại Sở Chỉ huy trong một số chiến dịch phát triển không thuận lợi đã từng chứng kiến Tổng Tư lệnh nhiều đêm mất ngủ hoặc nhiều lần chảy nước mắt khi nghe báo cáo số lượng cán bộ và chiến sĩ bị thương vong quá cao trong một trận đánh. Anh em nhận thấy, chính những thời điểm khẩn trương ác liệt đó đã góp phần quan trọng vào việc giúp Tổng Tư lệnh tìm ra đáp số của những bài toán hắc búa, bình tĩnh xử lý tình huống chiến dịch một cách khôn ngoan nhất để vừa đạt được yêu cầu chiến dịch, vừa giảm thương vong cho cán bộ và chiến sĩ. Rõ ràng là chủ nghĩa nhân văn đã thấm sâu vào tâm hồn vị Tổng Tư lệnh ngay trong những giờ phút thử thách quyết liệt của cuộc đấu trí, đấu lực với kẻ thù trong nhiều tình huống cụ thể của chiến dịch.

Tướng Đồng Sĩ Nguyên, Tư lệnh bộ đội Trường Sơn, kể rằng đầu năm 1973, ông hướng dẫn Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đi thăm cụm trọng điểm ATP trên đường chiến lược Hồ Chí Minh[18]. Ông hỏi tường tận về tình hình vận chuyển trên đường, tình hình hoạt động của không quân địch, về thương vong của ta. Tối hôm đó, ông Nguyên về ghi lại trong hồi ký:

"Những giọt nước mắt dành cho những chiến sĩ vĩnh viễn nằm lại trên trọng điểm này của vị Tổng Tư lệnh giữa chiều Trường Sơn thật sự thấm đậm tình người, lắng sâu trong tâm khảm chúng tôi, không thể nào quên".

Cũng nói về chủ nghĩa nhân văn thể hiện trong tinh thần trách nhiệm của người cầm quân và tình thương yêu chiến sĩ của ông Giáp, Tướng Trần Văn Trà nhận xét: "Võ Nguyên Giáp là một Tổng Tư lệnh biết đau với từng vết thương của mỗi người lính, biết tiếc từng giọt máu của mỗi chiến binh. Trong cuộc đời Tổng Tư lệnh của mình, Võ Nguyên Giáp luôn thực hiện một trong những quan điểm cốt tử của chiến tranh chính nghĩa: dứt khoát phải giành bằng được chiến thắng với hiệu quả cao nhất nhưng phải đi đôi với hạn chế cao nhất sự hy sinh xương máu của tướng sĩ.

Anh Văn đã kiên nhẫn và kiên quyết đấu tranh cho quan điểm cốt tử đó. Chính tinh thần kiên nhẫn và kiên quyết bảo vệ quan điểm cốt tử này càng làm cho anh Văn xứng đáng là người Anh cả của toàn quân, càng làm cho anh trở thành cây đa rợp bóng mát tình yêu thương đồng đội".

Tình người ấy của thầy Võ Nguyên Giáp còn được học sinh Thăng Long ghi nhớ suốt đời. Mỗi dịp họp trường là học sinh Thăng Long có dịp nói đến Thầy Võ - Anh Văn. Học sinh Trần Văn Lan kém thầy Giáp 11 tuổi. Anh là học sinh khóa 1934 - 1938, tự nhận là lười học và hay nghịch, xa trường đã 63 năm. Năm 2002, nhân ngày Nhà giáo, cậu học sinh năm xưa của thầy Giáp viết trên báo kể rằng: "Thầy tôi hiền lắm, không bao giờ mắng gắt học sinh.

Khi phải tạm biệt mái trường Thăng Long, tạm biệt người thầy mà tôi hằng kính trọng, biết ơn, trong suốt chặng đường đời của tôi, mỗi lần nhớ về mái trường cũ, được nghe nhắc đến tên thầy tôi trên báo, trên đài, là tôi nghĩ ngay đến hình ảnh một trí thức có cặp mắt rất sáng, nước da trắng hồng, dáng đi khoan thai, nghiêm khắc mà bao dung, đức độ.

Thầy đã dạy tôi những bài học về lòng tự hào dân tộc, về lòng yêu nước thông qua bộ môn lịch sử. Nhưng cái quý nhất, đẹp nhất, là thầy đã dạy cho tôi cái đạo làm người, phải hết lòng thương yêu học sinh, phải có cái tâm, cái đức của nghề trồng người".

Trong 7 - 8 triệu cựu chiến binh, rất nhiều người chưa một lần được gặp Tổng Tư lệnh của mình. Vậy mà năm vừa qua, nhân kỷ niệm 30 năm ngày toàn thắng, ông nói một câu khiến cho cựu chiến binh trong Nam ngoài Bắc lòng đầy tự hào vì câu nói tình nghĩa, khó quên: *Gặp được nhau đây là quý lắm rồi.*

Có một câu chuyện về bài thơ mộc mạc nhưng nét đặc sắc là nó nói lên được tấm lòng tôn kính và mến yêu của cựu chiến binh đối với người thủ trưởng của mình.

Vì anh em tính theo "tuổi mụ" nên Tết năm 2005, một số cựu chiến binh và cán bộ, giáo viên huyện Mỹ Đức và thị xã Hà Đông (Hà Tây) đến chúc thọ Đại tướng 95 tuổi. Tính chân tình, mộc mạc trong lời nói của đồng chí Trưởng đoàn cũng như lời lẽ bài thơ thêu trên bức trướng gấm nói lên lòng mến yêu, kính trọng của những người chiến sĩ cũ dưới quyền chỉ huy của ông. Lần đầu tiên người ta nghe cựu chiến binh xưng "con" với Tổng Tư lệnh. Thay mặt anh em, Trưởng đoàn nói:

- Kính thưa Đại tướng,

Đầu tiên, con xin phép được bày tỏ với Đại tướng rằng: Ngày hôm qua được tin báo sáng hôm nay sẽ được về Thủ đô chúc thọ Đại tướng thì tất cả mọi người đều đã tắm gội sạch sẽ để cả thân và tâm đều được thanh khiết khi về đây quây quần bên Đại tướng.

Giờ phút mà anh em coi là cảm động nhất, sâu lắng nhất là lúc Đại tướng đứng lên nhận bức trướng gấm, thêu bài thơ nhan đề *Vẹn đầy,*mà tất cả những từ đầu mỗi câu ghép lại sẽ thành một câu hoàn chỉnh:

Đại trí, đại nhân, thật vẹn đầy,

Tướng tài kiệt xuất hiếm xưa nay.

Võ công hiển hách lừng vang dội,

Nguyên là nhà giáo đất rồng bay.

Giáp cốt dường như từ thiên tạo,

Người như đại thụ vút trời mây.

Anh minh trung nghĩa lòng bác ái,

Cả nước ghi ân đức cao dầy.

Của báu địa linh - Phong Nha động,

Quân tướng tình thâm: Sáng danh thầy.

Đội ngũ kiên cường theo chân Bác,

Ta về mừng thọ thỏa lòng thay!

Để khép lại những trang sách này, tôi xin mượn lời hai vị thượng tướng nói về thủ trưởng của mình.

Tướng Trần Văn Trà nêu lên một nhận xét tổng quát: Võ Nguyên Giáp đã trở thành nhân vật lịch sử lỗi lạc trên lĩnh vực quân sự trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc thế giới suốt thế kỷ XX chống chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới. Đồng thời, Võ Nguyên Giáp còn là một trong những gương mặt sáng ngời của nền văn hóa Việt Nam.

Tướng Hoàng Minh Thảo diễn đạt dưới một dạng khác, nói lên hình ảnh vị Tổng Tư lệnh hôm qua, hôm nay và mai sau: Hình ảnh Võ Nguyên Giáp với chiếc mũ phớt cũ, bộ complê nâu đã sờn, khẩu súng lục đeo bên hông, cho đến hôm nay vẫn sáng ngời bên những nòng pháo, các giàn tên lửa, các máy bay chiến đấu, các hạm đội, các chiến sĩ quân y, các cựu chiến binh, các chiến sĩ trẻ măng và hàng triệu thanh niên trên các mặt trận văn hóa, kinh tế khắp Tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

Chú thích:

1. Trong bài nói tại Hội nghị quân sự lần thứ năm (tháng 8-1948), khi đề cập vấn đề nhiệm vụ của người tướng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên sáu điểm: *Trí* là phải có óc sáng suốt để nhìn mọi việc, để suy xét địch cho đúng. *Tín* là phải làm cho người ta tin mình. Tín cũng còn nghĩa là tự tin ở sức mình nữa, nhưng không phải là tự mãn, tự cao. *Dũng* là không được nhút nhát, phải can đảm, dám làm những việc đáng làm, dám đánh những trận đáng đánh. *Nhân* là phải thương yêu cấp dưới, phải đồng cam cộng khổ với họ. Đối với địch hàng, ta phải khoan dung. *Liêm* là chớ tham của, chớ tham sắc, tham sắc thì hay bị mỹ nhân kế; chớ tham danh vọng, tham sống. *Trung* là trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng, với Đảng.

2. 12 năm sau thất bại của quân viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ, cựu Tổng thống Pháp Đờ Gôn gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng: "Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giá mà có sự hiểu biết tốt hơn giữa người Pháp và người Việt Nam thì có thể tránh được những sự biến tai hại đang giằng xé đất nước Ngài hôm nay".

3. Ý cụ Hòe muốn nói Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đỗ cử nhân luật.

4. Năm 1948: 5 chiến dịch, năm 1949: 10 chiến dịch (có 1 chiến dịch Thập vạn Đại sơn trên đất Trung Quốc), năm 1950: 7 chiến dịch.

5. Bài đăng trên báo *Quân du kích* ngày 31-5-1949.

6. Đó là phương châm: Du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ và bộ đội tập trung cần lấy đơn vị đại đội mà bố trí.

7. Xác định: Đại đội độc lập có nhiệm vụ bảo vệ địa phương (bảo vệ nhân dân, chống địch càn quét), phát động du kích chiến tranh, giúp đỡ du kích phát triển, chuẩn bị chiến trường cho bộ đội chủ lực, lấy tin tức, trị an, tiếp tế, giao thông, liên lạc, v.v..

8. Về *du kích vận động chiến*, xem định nghĩa của đồng chí Võ Nguyên Giáp ở mục 21, chương V.

9. Trong báo cáo tổng kết Chiến dịch Việt Bắc, Tổng Chỉ huy nhắc lại việc xác định vị trí tác dụng của tiểu đoàn tập trung trong mệnh lệnh bổ cứu (đề ngày 27-10-1947) như sau (lúc đầu gọi là tiểu đoàn độc lập lưu động): *Mỗi trung đoàn giữ một tiểu đoàn không phân tán để đánh từng tiểu đoàn. Vũ khí toàn nhẹ. Có thể có 4 đại đội để đủ sức hoạt động. Tiểu đoàn này không có địa phương nhất định, không lệ thuộc đến nhiệm vụ cố định ở một địa phương nào và mang tính chất độc lập nên đi dần đến chủ động và được nhân dân cùng đại đội độc lập rất hoan nghênh. Đơn vị đánh tập trung của ta hiện tại là tiểu đoàn.*

10. Cuối năm 1950, binh lực địch đã lên tới 24 vạn tên (tổ chức thành 124 tiểu đoàn), nhưng chỉ có 12 tiểu đoàn cơ động chiến lược (chừng 10%).

11. Trên thực tế, suốt 9 năm, viện binh từ Pháp sang ngày càng giảm (tính theo đơn vị tiểu đoàn): năm 1947: 25, năm 1949: 20, năm 1951: 10, năm 1953: 9, năm 1954: 4.

12. Chiến dịch đầu tiên phản công địch ở Việt Bắc mùa khô năm 1947, do Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ đạo.

13. Các chiến dịch Long Châu Hậu (10-1950), Cầu Ngang (10-1950), Bến Cát (11-1950), Lý Thường Kiệt (10-1951), Quảng Đà (8-1952), An Khê (1-1953), Quảng Nam (5-1953), tây nam Ninh Bình (11-1953), Lai Châu (12-1953), Trung Lào (12-1953 - 5-1954), Hạ Lào (1-4-1954), Thượng Lào (2-1954), Bắc Tây Nguyên (1-7-1954).

14. Tỷ lệ "mác búp đa" (mác xung kích) giảm dần, thay bằng vũ khí thu được của địch, phương tiện thông tin được tăng cường bằng máy thông tin chiến lợi phẩm, vũ khí trợ chiến và pháo đi cùng cũng từng bước được tăng thêm trước tình hình "cứng" dần của công sự địch.

15. Do điều kiện hạn hẹp mọi mặt của ta hồi đó cho nên mức tổ chức bộ đội chủ lực quy mô lớn nhất của ta trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp cũng chỉ dừng lại ở 6 đại đoàn bộ binh dự bị chiến lược. Trừ Đại đoàn 320 hoạt động chủ yếu ở phía nam vùng châu thổ sông Hồng và Đại đoàn 324 lấy chiến trường Khu 4 làm địa bàn hoạt động chủ yếu, còn 4 đại đoàn bộ binh chủ lực 304, 308, 312, 316 và Đại đoàn công binh - pháo binh 351 đều có mặt hầu như trong các chiến dịch của bộ từ năm 1951 đến năm 1954. Do vị trí quân sự - chính trị và do nỗ lực của cả ta và địch, cho nên suốt mấy năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, chiến trường chính Bắc Bộ luôn là nơi đọ sức có ý nghĩa quyết định giữa hai lực lượng vũ trang đối kháng chủ yếu, đó là các đại đoàn chủ lực của ta và các binh đoàn cơ động (GM) của địch, trong từng chiến dịch tiến công của ta cũng như trong các cuộc hành binh đối phó của địch, cho đến trận quyết chiến chiến lược cuối cùng quyết định số phận của kế hoạch Nava. Điều đó giải thích vì sao các chiến dịch do Tổng Tư lệnh trực tiếp chỉ huy đều mở trên miền Bắc Đông Dương (Bắc Bộ và Thượng Lào).

16. Sau này, qua hồi ức *Đường tới Điện Biên Phủ,* Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại rằng, sau Hội nghị tổng kết Chiến dịch Biên giới, ba ông Trần Canh, Vi Quốc Thanh và Võ Nguyên Giáp ngồi trước tấm bản đồ trải rộng, thấy quãng đường Cao Bằng - Hà Nội dài chừng 200 km, ông

Trần Canh cho rằng với đà này chỉ cần một năm, qua ba chiến dịch là có thể giải phóng Thủ đô. Rõ ràng là cả bạn và ta đều chủ quan, nóng vội.

17. Đáng chú ý là ông Mehra không gọi ông Giáp là Đại tướng hay Phó Thủ tướng mà dùng chức danh Tổng Tư lệnh (Dear Sir Commander in chief).

18. Cụm trọng điểm ATP trên đường Trường Sơn là tên bí mật, đồng thời là tên gọi tắt của ba vị trí: cua chữ A, ngầm Tà Lê và đèo Phu La Nhích là ba nơi không quân Mỹ thường tập trung đánh phá ác liệt dài ngày.

Sách, báo tham khảo

Sách, báo trong nước

Đại đoàn Đồng bằng, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1966.

Đại đoàn Chiến thắng, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1963.

Đại đoàn Quân Tiên phong, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1966.

Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn.

Báo *Quân đội nhân dân, Lao động, Văn nghệ* và một số báo khác.

Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

Bộ Chỉ huy quân sự Quảng Nam - Đà Nẵng: *Quảng Nam - Đà Nẵng - 30 năm chiến đấu và chiến thắng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Đà Nẵng, 1985.

Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.

Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam,* t.1, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.

Bộ Tư lệnh Công binh: *Lịch sử Công binh Quân đội nhân dân Việt Nam*, Bộ Tư lệnh Công binh xuất bản, Hà Nội, 1979.

Bộ Tư lệnh Pháo binh: *Pháo binh nhân dân Việt Nam - Những chặng đường chiến đấu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1982.

Bộ Tư lệnh Quân khu 1: *Việt Bắc - 30 năm chiến tranh cách mạng,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990.

Bộ Tư lệnh Quân khu 3: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990.

Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, t.1, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 xuất bản, Đà Nẵng, 1986.

Bộ Tổng tham mưu: *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp*, Bộ Tổng tham mưu xuất bản, Hà Nội, 1991.

Chỉ đạo chiến tranh du kích.

Võ Nguyên Giáp: *Đường tới Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.

Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.

Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ* (In lần thứ 6), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979.

Võ Nguyên Giáp: *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng,* Viện Khoa học quân sự xuất bản, Hà Nội, 1974.

Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb. Quân đội nhân dân và Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1995.

Võ Nguyên Giáp: *Chiến lược cầm cự và nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công,* Bộ Quốc phòng xuất bản, Hà Nội, 1949.

Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng - Chiến tranh giữ nước, t.1-2,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1974-1975.

Võ Nguyên Giáp: *Dân quân tự vệ - Một lực lượng chiến lược,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974.

Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1977.

Võ Nguyên Giáp: *Những kinh nghiệm lớn của Đảng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967.

Võ Nguyên Giáp: *Nhật lệnh, diễn từ, thư động viên* (1944-1962), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963.

Võ Nguyên Giáp: *Sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.

Võ Nguyên Giáp: *Vũ trang quần chúng cách mạng - Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam,* Tạp chí *Quân đội nhân dân*, loại phát hành đặc biệt, t.3, 1972.

Song Hào: *Tân Trào ký sự*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1997.

Trần Quý Hai: *Những ngày khói lửa*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1984.

Lê Văn Hiến: *Nhật ký của một bộ trưởng,* Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1995.

Nông Văn Lạc: *ánh sáng đây rồi,* Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995.

Hồ Chí Minh: *Chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980.

Hồ Chí Minh: *Tuyển tập,* t.1 - 2, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.

Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch, Bộ Tổng tham mưu xuất bản, Hà Nội, 1963-1964.

Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy, Bộ Tổng tham mưu xuất bản, Hà Nội, 1963-1964.

Sư đoàn 304, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980.

Sư đoàn 316, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1981.

Sư đoàn 325, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1981.

Tổng cục Chính trị (Ban Ký sự lịch sử): *Trận đánh 30 năm,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.

Tổng cục Hậu cần: *Lịch sử hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.

Lê Trọng Tấn: *Từ Đồng Quan đến Điện Biên*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.

Hoàng Văn Thái: *Điện Biên Phủ - chiến dịch lịch sử,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.

Thành ủy Hà Nội và Quân khu Thủ đô: *Tổng kết 60 ngày đêm chiến đấu (1946 - 1947),* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.

Thủ đô Hà Nội - Lịch sử kháng chiến chống Pháp, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1986.

Hoàng Tùng - Đức Vượng: *Đồng chí Trường Chinh,* t.1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.

Trần Trọng Trung: *Lịch sử một cuộc chiến tranh bẩn thỉu,* t.1 - 2, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979-1980.

Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử,* t. 2 - 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993-1996.

Việt Nam Thông tấn xã - *Một số bản tin tham khảo đặc biệt.*

Vương Thừa Vũ: *Hà Nội - 60 ngày khói lửa*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1996.

Vương Thừa Vũ: *Trưởng thành trong chiến đấu,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979.

Sách, báo nước ngoài

Erwan Bergot: *Les 170 jours de Dienbienphu (170 ngày của Điện Biên Phủ),* Presses de la Cité, Paris, 1979.

Lucien Bodard: *La guerre d'Indochine,* Tome 1 - 5 *(Cuộc chiến tranh Đông Dương),* Gallimard, Paris, 1963, 1965, 1967.

Cecil b. Currey: *Victory at any cost (Chiến thắng bằng mọi giá),* Brassley'S.Inc, New York, 1997.

Pierre Darcourt: *Delattre au Vietnam (Đờlát ở Việt Nam),* Table ronde, Paris, 1965.

Philippe Devillers: *Paris - Saigon - Hanoi,* Gallimard, Julliard, Paris, 1988.

Bernard fall: *Indochine 1946-1952 (Đông Dương từ 1946 đến 1952),* Laffont, Paris, 1962.

Street without joy (Con đường không vui), Stackpole Books, New York, 1967.

Un coin d'enfer (Một góc địa ngục), Laffont, Paris, 1968.

Jean ferrandi: *Les officiers francais face au Viet Minh (Những sĩ quan Pháp đối mặt với Việt Minh),* Fayard, Paris, 1966.

James fox: *Giap - Le vainqueur de Dienbienphu (Giáp - Người chiến thắng ở Điện Biên Phủ), The Sunday Times* magazine, Bản tin tham khảo đặc biệt Việt Nam Thông tấn xã, 2-3-1973.

Paul Grawin: *J'étais médecin à Dienbienphu: (Tôi đã từng là thầy thuốc ở Điện Biên Phủ),* France Empire, Paris, 1955.

Stanley Karnow: *Vietnam,* Presses de la Cité, Paris, 1984.

Peter Mac Donald: *Giap - Les deux guerres d'Indochine, (Giáp - Hai cuộc chiến tranh Đông Dương),* Perrin, Paris, 1991.

Jean Marchand: *Le drame Indochinois (Tấn thảm kịch Đông Dương),* Peronnet, Paris, 1953.

Henri Navarre: *Agonie de l'Indochine (Đông Dương hấp hối),* Plon, Paris, 1956.

Henri Navarre: *Le temps des vérités (Thời điểm của những sự thật),* Plon, Paris, 1979.

L. A. Patti: *Why Vietnam? (Tại sao Việt Nam?),* Bản dịch của Lê Trọng Nghĩa, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1995.

Jean Pouget: *Nous étions à Dienbienphu (Chúng tôi đã ở Dienbienphu),* Presses de la Cité, Paris, 1964.

Pierre Rocolle: *Pourquoi Dienbienphu? (Tại sao Điện Biên Phủ),* Flammarion, Paris, 1968.

Jules Roy: *La bataille de Dienbienphu (Trận Điện Biên Phủ),* Julliard, Paris, 1963.

Raoul Salan: *Mémoires (hồi ký),* Tome 1 - 2, Presses de la Cité, Paris, 1971.

Jean Sainteny: *Histoire d'une paix manquée (Lịch sử một nền hòa bình bị bỏ lỡ),* Fayard, Paris, 1967.

Jeff Stein & Mar Leepson: *Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993